LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 196

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

SỐ 2122
(QUYỂN 1 →33)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2122

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

TỰA

Triều nghị Đại phu, Lan đài Thị lang: Lý nghiễm, tự Trọng Tư, người Lũng Tây biên soạn.

Từ khi Lục hào chế tác, Bát quái thành hình, mới có văn tự, chiếu diệu Thi thư. Phụng chạm rồng tô, thẻ vàng chữ ngọc, Bách gia chi phái, vạn quyển phân ngành. Dù lý đạt tinh vi, lời mòn vật loại, nhưng gom tình góp tính, chưa siêu việt khỏi nhân gian, suy trước xét sau, há bao trùm ngoài vũ trụ? Cũng có Đạo đức kinh của Lão Đam, Nam hoa kinh của Trang Tử, quý báu mà viễn vông, gấm hoa mà quái đản, đều chạm trên tuyết không ra dáng dấp, vẽ giữa không chẳng được thật hình. So với bảo kệ nhiệm mầu, bối kinh vi diệu, Nhị thừa bác học, Bát tạng uyên thâm, cạnh tranh cạn sâu, đối chọi hơn kém, khác gì tổ kiến nhỏ nhoi muốn lớn hơn núi Tung núi Thái, vũng trâu cạn cợt mong dài hơn sông Hán sông Giang? Than ôi! Nghĩa lý rốt ráo của Hiển tông, phép tắc huyền vi của Mật giáo, pháp môn giải thoát, thần chú Tổng trì, bến trước bờ sau, đều khớp lý Chân như, niệm cuối niệm đầu, cùng về nơi Chánh giác. Chỉ bảo đám u mê trong trong biển dục, khiến tình phàm tâm tục đều tiêu, chăn dắt kẻ khốn khó giữa nhà lành, ngọc búi tóc, chéo y đem cho hết. Giáo hóa đã đầy dẫy trần sa bát ngát, công ơn còn bao phủ kiếp bụi mỏng manh. Vĩ đại thay! Chu đáo quá! Lấy lời nào ca tụng cho vừa!

Kịp đến nhà Châu, sao lạ hai lần ứng hiện, sang qua triều Hán, mặt nhựt sáng tỏa điềm lành. Sái Âm qua Tây quốc, Pháp Lan đến Đông độ. Lời vàng trên pháp hội, diệu chỉ ở bảo đài, tích lũy chan chứa lụa tre, loa truyền phổ biến Hoa Hạ. Song kinh điển bao la, tông phái sâu rộng, thật tướng chân nguyên khó lòng xem khắp. Từ ngày nhà Đường ta dựng nghiệp, trải đến khi Tánh thượng lên ngôi, Phật pháp lại được

xiển dương, tăng đồ càng thêm đông đảo. Truyền bá đèn pháp, ban bố sữa mầu, rực rỡ sáng tươi đất nước. Lời kinh tiếng kệ ngân nga vang dội khắp chốn quận triều. Sự nghiệp hoằng hóa xem rất hưng thịnh, phương tiện giáo hóa lại càng vô tận.

Nay có Pháp sư Đạo Thế, tự Huyền Uẩn, ở chùa Tây Minh, xứng đáng là bậc lãnh tụ nơi cửa Phật. Nhóm thiện duyên từ thời tấm bé, quyết dứt màu áo gấm giữa tuổi thanh xuân, nuôi từ tâm cứu độ sinh linh, tạo phước đức lên đàn thọ cụ túc giới. Đạo hạnh sáng ngời, giữ gìn nghiêm minh như ngan nuốt ngọc mà giữ giới, giới luật tinh thông, hoan hỷ tựa hành giả sửa mình trước kính. Hâm mộ Đại thừa, thấu triệt thật tướng. Bác học đa tài rất nổi tiếng, được triệu làm Tọa chủ Tây Minh. Thường khi tu tập thanh nhàn, để mắt xem suốt thông Tam Tạng. Suy nghĩ rằng xưa nay nhiều đời, lắm người chế tác . Tuy ý đẹp lời hay, việc trước thuật vẫn chưa viên mãn. Do đó, mới thâu tóm tinh hoa trong vườn pháp, chọn lọc tuyệt phẩm của Đại thừa, phân chia từng mục, biên soạn thành sách, nhan đề là Pháp Uyển Châu Lâm, gồm có một trăm thiên, đóng thành mười tập.

1. Duyệt trọn sách, nghĩa nhiều lời ít, nắm chặt lối toát yếu của họ Ngu, nối pháp đăng truyền bá đạo tâm, cố phò Thánh thượng phát huy minh đức. Ngôn từ hoa mỹ, nghĩa lý tinh tường. Chỗ ẩn áo nhiệm mầu, tuyên dương không thiếu sót, pháp môn vi diệu, bao quát tận ngọn nguồn. Thế nhưng, văn chương phồn tạp thì sướt mướt trữ tình, nghĩa lý đơn sơ thường hẹp hòi kiến thức. Nên Pháp sư không muốn hư cấu lời suông, giả dối khoa trương đầy trang đầy quyển. Trọng sách biên soạn, xem ra không thể chối từ, hiềm nỗi thư tịch bộn bề, sách đọc lâu ngày mới tỏ chỗ thiết yếu. Vì thế, đến niên hiệu Đại Đường Tổng chương nguyên niên, nhằm ngày ba mươi tháng ba năm Mậu Thìn, chi ứng Chấp từ, luật đúng Cô tẩy, công tác soạn thuật mới thật hoàn thành.

2. Ước mong sao kẻ sưu tập lời huyền, tìm trong sách, ngộ đạo vô thượng, người tu theo Chánh giáo, đọc văn chương, uống nước cam lồ. Nghiền ngẫm sách, hiểu thấu tinh vi, xem xét sách, thấy tới thâm diệu. Cùng thế gian, sách hằng soi sáng, với vũ trụ, sách mãi lưu truyền!

SỐ 2122

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

Sa-môn Thích Đạo Thế chùa Tây Minh biên soạn

QUYỂN 1

1. Kiếp lượng; 2. Tam giới; 3. Nhật nguyệt; 4. Lục đạo; 5. Thiên Phật; 6. Kính Phật; 7. Kính pháp; 8. Kính tăng; 9. Trí bái; 10. Phúc điền; 11. Quy tín; 12. Sĩ nữ; 13. Nhập đạo; 14. Tàm quý; 15. Tưởng đạo; 16. Thuyết thính; 17. Kiến giải; 18. Túc mệnh; 19. Chí thành; 20. Thần dị; 21. Cảm thông; 22. Trụ trì; 23. Tiềm độn; 24. Yêu quái; 25. Biến hóa; 26. Miên mộng; 27. Hưng phúc; 28. Nhiếp niệm; 29. Phát nguyện; 30. Pháp phục; 31. Nhiên đăng; 32. Huyền phan; 33. Hương hoa; 34. Bái tán; 35. Kính tháp; 36. Già lam; 37. Xá lợi; 38. Cúng dường; 39. Thọ thỉnh; 40. Luân vương; 41. Quân thân; 42. Nạp gián; 43. Thẩm sát; 44. Tư thận; 45. Kiệm ước; 46. Trừng quá; 47. Hòa thuận; 48. Giới úc; 49. Trung hiếu; 50. Bất hiếu; 51. Báo ân; 52. Bội ân; 53. Thiện hữu; 54. Ác hữu; 55. Trạch giao; 56. Quyến thuộc; 57. Giáo lượng; 58. Cơ biện; 59. Ngu chướng; 60. Trá ngụy; 61. Đọa mạn; 62. Phá tà; 63. Phú quý; 64. Bần tiện; 65. Trái phụ; 66. Tránh tụng; 67. Vu báng; 68. Chú thuật; 69. Tế tự ; 70. Chiêm tướng; 71. Kỳ vũ; 72. Viên quả; 73. Ngư liệp; 74. Từ bi; 75. Phóng sinh; 76. Cứu ách; 77. Oán khổ; 78. Nghiệp nhân; 79. Thọ báo; 80. Tội phúc; 81. Dục cái; 82. Tứ sinh; 83. Thập sử; 84. Thập ác; 85. Lục độ; 86. Sám hối; 87. Thọ giới; 88. Phá giới; 89. Thọ trai; 90. Phá trai; 91. Thưởng phạt; 92. Lợi hại; 93. Tửu nhục; 94. Uế trọc; 95. Bệnh khổ; 96. Xả thân; 97. Tống chung; 98. Pháp diệt; 99. Tạp yếu; 100. Truyện ký

Thiên thứ 1: KIẾP LƯỢNG:

Tai kiếp có hai loại: Một là Tiểu tam tai. Hai là Đại tam tai.

I. THUYẾT MINH TIỂU TAM TAI

Tiểu tam tai có sáu phần: Thuật ý, Dịch bệnh, Đao binh, Cơ cận, Tương sinh, Đối trừ.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Xét rằng kiếp vốn là danh từ ghi chép thời gian, cũng như niên hiệu. Nhưng thời gian không có định thể, tùy cách quy ước mà thành hình. Vì thế, trong sự nghiệp hoằng dương chính pháp, nhiều chỗ có ghi chép kiếp.

Dù không phải là quy tắc suông không của phép Quân lý, kiếp cũng mang ý chỉ sâu kín của lối khuyến trừng. Như vượt khỏi bờ mê đối với người sớm ngộ, kiếp vi trần dứt sạch dễ dàng. Trở lại đường chánh giác đối với kẻ phát sơ tâm, kiếp Tăng kỳ khó khăn mãn hạn. Đó là sự dị biệt giữa mê ngộ. Có khi đem so trong ngục vô giám với hết thành hạt cải, để định kỳ chịu khổ báo, sánh trên Trời tPhạm chúng hành với áo phẩy mòn bàn thạch, để nói kiếp hưởng lạc hình. Đó là sự khác nhau giữa thiện ác. Còn như ở Ta bà gọi khoảnh khắc làm trăm năm, cõi giải thoát lấy vĩnh hằng làm tuần lễ. Đó là sự phân biệt giữa nhiễm tịnh vậy.

Nói tóm lại, chẳng qua có kiếp lớn nhỏ. Lớn, nhỏ mỗi thứ có ba. Lớn thì nước, lửa, gió gây nên vạ tai. Nhỏ thì binh đao, đói kém, bệnh dịch làm thành họa hại. Thế mới biết, sáu năm xây nên Đạo viện, cuối cùng thiêu hủy thành tro, nghìn Thánh ngự giữa ngọc đài, rốt cuộc đắm chìm trong mưa bão! Hơn nữa, chực chầu không ứng hiện, cầu đảo chẳng hiển linh, lần lữa dao sương cắt tới, kiếm sao đâm vào, tàn hại sinh linh, tiêu vong sắp hết. Đáng sợ cho ba cõi vẫn còn mê, thương xót đến sáu đường biết mấy!

Thứ hai: PHẦN DỊCH BỆNH

Theo luận Trí độ nói: "Sao gọi là kiếp?". Đáp rằng: "Theo đúng Phạm âm, gọi là Kiếp bá bạt đà. Kiếp bá cũng gọi là Kiếp ba. Đời Tần dịch nghĩa là phân chia thời gian. Bạt đà, đời Tần dịch nghĩa là có nhiều, cũng dịch là hiền, vì có nhiều hiền nhân ra đời, nên cũng dịch là hiền kiếp". Lại nữa, luận Lập Thế A-tỳ-đàm nói rằng: "Phật bảo: "Một Tiểu kiếp gọi là một kiếp. Hai mươi Tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp.

Bốn mươi Tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp. sáu mươi Tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp. tám mươi Tiểu kiếp gọi là một đại kiếp. Vì sao một Tiểu kiếp gọi là một kiếp?”. Lúc bấy giờ, Tỳ-kheo Đề Bà Đạt Đa ở trong địa ngục, chịu quả báo Dị thục. Phật bảo: “Ở lâu một kiếp”. Vì sao hai mươi Tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp? Như Trời Phạm chúng, hai mươi Tiểu kiếp là thọ lượng của mình. Phật bảo: “Hưởng thọ một kiếp”. Vì sao bốn mươi Tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp? Như thọ lượng của Trời Phạm Phụ là bốn mươi Tiểu kiếp. Phật bảo: “Hưởng thọ một kiếp”. Vì sao sáu mươi Tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp? Như thọ lượng của Trời Đại phạm là sáu mươi Tiểu kiếp. Phật bảo: “Hưởng thọ một kiếp”. Vì sao tám mươi Tiểu kiếp gọi là một đại kiếp? Kinh Phật thuyết kiếp trung thế giới nói rằng: “hai mươi Tiểu kiếp hoại, sau đó trải qua hai mươi Tiểu kiếp khởi thành dĩ trụ. hai mươi Tiểu kiếp khởi thành dĩ trụ nầy, đã qua bao nhiêu? Chưa qua bao nhiêu?”. tám Tiểu kiếp đã qua, mười một Tiểu kiếp chưa qua. Kiếp hiện tại thứ chín chưa hết. Kiếp hiện tại thứ chín nầy, đã qua bao nhiêu? Chưa đến bao nhiêu? Số chưa đến chắc chắn còn lại sáu trăm chín mươi năm. (Đến năm Kỷ Mão, cuối đời Hậu Lương, khi phiên dịch kinh nầy mới hết kiếp).

Trong hai mươi Tiểu kiếp trung gian nầy, có ba Tiểu tam tai lần lượt xảy ra. Một là tai họa dịch bệnh, hai là tai họa binh đao, ba là tai họa đói kém. (Về ba Tiểu tam tai nầy, các kinh luận sắp xếp thứ tự trước sau không giống nhau. Như theo các kinh Trường A-hàm, Trung A-hàm và Khởi Thế thì đầu tiên là xếp binh đao, tiếp theo là đói kém, và sau cùng là dịch bệnh. Nếu theo các bộ luận Câu Xá, Tỳ-đàm, Bà-sa thì trước là xếp binh đao, tiếp theo là bệnh dịch, sau là đói kém. Nếu theo các bộ luận Du Già, Đối Pháp, thì trước là xếp đói kém, sau là binh đao. Nếu căn cứ năm tháng, thời gian ngắn dài, thứ tự sắp xếp trước sau, thì dựa vào các bộ luận Du Già, Đối Pháp là đúng). Nay lại theo luận Lập Thế A-tỳ-đàm nói rằng: “Bây giờ đang ở trong kiếp thứ chín, tức là đang chịu Tam tai thứ ba. Kiếp nầy do đói kém mà hết”. Phật bảo: “Trong hai mươi Tiểu kiếp thế giới khởi thành được trụ nầy, ở vào kiếp thứ nhất, lúc Tiểu tai nổi lên, có bệnh dịch lớn, lớp lớp các loại bệnh tật đều phát ra. Tất cả nhân dân các nước trong cõi Diêm-phù-đề đều mắc phải trận đại dịch. Tất cả quỷ thần đều nổi tâm sân xấu xa, tàn hại thế nhân. Tuổi thọ rút nhắn, chỉ còn mười năm. Thân hình bé nhỏ, chừng hai nắm tay, hoặc ba nắm tay. Nếu họ tự do, chừng tám nắm tay. Lương thực có thể ăn được, cao cấp nhất là bông cỏ, y phục làm bằng tóc người là cao cấp nhất, chỉ có dao gậy làm cho uy nghiêm. Bấy giờ, mọi người

không theo chính pháp, các nghiệp phi pháp, tham lam, tà kiến phát sinh suốt ngày đêm, quỷ thần xấu xa làm hại người khắp nơi. Bấy giờ, các vị quân vương lớn đều băng hà, lãnh thổ của các Ngài lần lượt hoang phế, chỉ còn sót lại các quận huyện nhỏ nằm rải rác cách xa nhau. Như thế, nhân dân bị bệnh tật khốn khổ, không có người bố thí thuốc men, cơm nước, vì thế tuổi thọ dù chưa hết, đã chết yểu vô số, trong một ngày đêm, có vô số chúng sinh chết vì bệnh dịch, do làm điều ác phải chịu quả báo nầy. Lúc ấy, sinh ra kiếp trược, sau khi mệnh chung, chúng sinh đọa vào ba ác đạo. Bấy giờ, mỗi một quận huyện lần lượt hoang tàn, chỉ còn lại vài nhà thưa thớt, nằm cách nhau xa hơn, kẻ chết vì bệnh dịch, không có người chôn cất, xương trắng phủ đầy mặt đất, đến nỗi nhà cửa lần lượt trống không, đấy là kiếp mạt kéo dài trong bảy ngày. Trong bảy ngày nầy, vô số chúng sinh mắc phải bệnh dịch chết hết, nếu còn ai sống sót, đều sơ tán chỗ khác. Khi ấy, có một người đứng ra tập hợp lại nam nữ trong cõi Diêm-phù-đề, chỉ còn một vạn người sống sót để nhân giống cho tương lai, vì vạn người nầy thường giữ thiện hạnh. Các quỷ thần thiện, vì muốn loài người không bị tuyệt chủng nên ra tay hộ, đem các món ăn ngon truyền vào lỗ chân lông của họ, bởi còn nghiệp lực, nên loài người chưa dứt. Qua hết bảy ngày, trận đại dịch nầy nhất thời dứt sạch, tất cả ác quỷ đều đã bỏ đi. Tùy theo nhu cầu ẩm thực, y phục mà chúng sinh vừa máy niệm trong tâm, Trời lập tức làm mưa rơi xuống, âm dương điều hòa, mỹ vị sinh sản, thân hình khả ái, an lạc vô bệnh. Thí dụ như thân ái lâu ngày không gặp nhau, bỗng được tụ hội, mọi người đều sinh lòng hoan hỷ vui mừng, vồn vã ấp yêu, không nỡ rời nhau. Thế là từ tiền kiếp có thọ mệnh mười tuổi, chúng sinh ra đời ở hậu kiếp có thọ mệnh rất dài, đến hai mươi ngàn tuổi. Như thế, công đức tự nhiên thành tựu, hợp theo đường thiện, thân, khẩu, ý đều thiện. Sau khi mệnh chung, sinh vào Thiên đạo, sau khi hết kiếp Trời, lại sinh vào nhân đạo, hiền thiện tự nhiên, giới phẩm đầy đủ. Sau khi mệnh chung, lại sinh vào Thiên đạo, mãi mãi như thế. Ở kiếp trung gian đệ nhất, bệnh dịch hết sạch, rồi đến kiếp thứ hai nối tiếp hai mươi ngàn năm. Trong kiếp trung gian đệ nhất thọ lượng nầy, người ở đây thọ hai mươi ngàn tuổi ở trước sinh ra, có thần lực tự tại, bẩm chất đầy đủ, thọ mệnh được bốn mươi ngàn tuổi. Khi chết, sinh vào Nhân đạo, Thiên đạo, lâu dài như thế, gọi là kiếp trung gian thứ hai thọ lượng thứ hai, được bốn mươi ngàn tuổi. Nhờ bẩm chất đầy đủ, thọ mệnh sáu mươi ngàn tuổi, lâu dài như thế, gọi là kiếp trung gian thứ ba thọ lượng thứ ba, được sáu mươi ngàn tuổi. Từ sáumươi ngàn tuổi lên đến tám mươi ngàn tuổi. Lúc

nầy người nữ đến năm trăm tuổi mới lấy chồng. Bấy giờ, mọi người chỉ có bảy loại bệnh là: bệnh đại tiểu tiện, bệnh hàn nhiệt, bệnh dâm dục, bệnh đói và bệnh già. Trong lúc nầy, tất cả nước đều giàu sang sung túc, không có oán thù, phản loạn, trộm cướp, làng xóm san sát liền kề, gà gáy cùng nghe, cày cấy tuy ít nhưng thu hoạch lại nhiều, y phục của cải, đầy đủ nhu cầu, yên hưởng hạnh phúc không cần bon chen. Khi thọ mệnh được tám mươi ngàn tuổi, hưởng vô số năm lâu dài, cho đến khi chúng sinh chưa mắc thập ác. Từ khi mắc thập ác, cứ một trăm năm lại giảm mười tuổi, tiếp tục một trăm năm lại giảm mười tuổi, lần lượt giảm xuống còn hơn mười tuổi. Cuối cùng, đến mười tuổi thì ngừng, không còn giảm nữa. Thọ mệnh dài nhất được tám vạn, ngắn nhất đến mười năm. Nếu Phật không ra đời thì lần lượt như thế. Nếu Phật ra đời thì cũng như có chính pháp trụ thế, thọ mệnh của chúng sinh tạm dừng, không còn giảm xuống. Tùy theo chính pháp giảm dần, thọ mệnh cũng giảm xuống".

Thứ ba: PHẦN ĐAO BINH

Theo luận Lập Thế A-tỳ-đàm nói: "Phật bảo một Tiểu kiếp là một kiếp, cũng giống như trước, cho đến tám mươi Tiểu kiếp gọi là một đại kiếp. Trong Đại kiếp, vào giữa hai mươi Tiểu kiếp khởi hành rồi trụ, nổi lên Tiểu tai thứ hai. Vì nạn binh đao lớn, thọ mệnh còn mười tuổi. Bấy giờ, tam độc, tà kiến phát sinh suốt ngày đêm. Cha mẹ, con cái, anh em, bà con cùng nhau tranh cãi, huống gì là người ngoài? Khi ấy, mọi người đã hết tranh cãi, bắt đầu động thủ, hoặc dùng gạch đá, gậy dao đe dọa lẫn nhau. Khắp bốn phương, các nước chinh phạt lẫn nhau, trong một đêm giết chết vô số, các tội lỗi tự nhiên phát sinh như thế do loài người làm điều bất thiện, phải chịu quả báo nầy, giữa lúc ấy, sinh ra kiếp trược. Bấy giờ, người ta đều chết hết, nếu còn sống sót, người người đều ly tán, thời mạt kiếp còn lại bảy ngày. Trong bảy ngày nầy, con người tay cầm cây cỏ, liền hóa thành gậy dao, lấy đó đâm chém lẫn nhau, khủng bố đến chết. Khi ấy mọi người cùng sợ hãi vũ khí, trốn vào rừng tậm hay vượt sông ngòi, ẩn núp vào đồi bãi, hoặc trốn vào hang hốc để tránh tai họa. Đôi lúc gặp nhau, cùng kinh hoàng chạy trốn, sợ hãi thất thần, đôi khi ngã quỵ, như hươu nai gặp phải thợ săn. Trong bảy ngày nầy, chết chóc vì nạn binh đao nhiều vô số, nếu có người sống sót, đều sơ tán đi nơi khác. Bấy giờ, có một người tập họp nam nữ lớn bé trong cõi Diêm-phù-đề, cộng lại một vạn người, tồn tại để nhân giống cho tương lai. Lúc ấy, mọi người đều làm điều phi pháp, chỉ có một vạn

người nầy luôn theo thiện pháp. Các quỷ thần thiện, vì muốn loài người không bị tuyệt chủng nên đã ra tay ủng hộ, đem các món ngon truyền vào lỗ chân lông của họ, vì còn nghiệp lực, trong kiếp trung gian, nên lưu lại giống người, y nhiên không bị tiêu diệt. Qua hết bảy ngày, trận đao binh lớn nhất tề yên ổn. Tất cả các ác quỷ đều bỏ đi hết, tùy theo nhu cầu ẩm thực, y phục mà chúng sinh vừa máy miệng trong tâm, làm Trời rơi mưa xuống, âm dương điều hòa, mỹ vị sinh sản, thân hình khả ái, tướng tốt phục hồi, tất cả điều thiện tự nhiên khơi dậy, mát mẻ thanh tịnh, bình yên vô bệnh, lòng từ bi phát sinh, không có ý gây phiền não. Mọi người gặp nhau, sinh lòng hoan hỷ, thí dụ như thân ái lâu ngày không gặp nhau, bỗng được tụ hội, sinh lòng hoan hỷ, vồn vã ấp yêu, không nỡ rời nhau. Từ mười tuổi thọ, lần lượt làm lành, sinh vào Nhân đạo, Thiên đạo, thọ lượng đến hai mươi ngàn tuổi, cho đến thọ lượng tám mươi ngàn tuổi, hưởng vô số năm lâu dài giống với trước đây không cần nói lại".

Thứ tư: PHẦN ĐÓI KÉM

Theo luận Lập Thế A-tỳ-đàm nói: "Từ một Tiểu kiếp đến tám mươi Tiểu kiếp, vào kiếp thứ ba trong Trụ kiếp, nổi lên Tiểu tai. Vì nạn đói kém lớn sắp nổi lên, trời hạn hán, tất cả nhân dân mắc phải trận đại dịch. Tất cả quỷ thần nổi tâm sân hận, làm hại loài người, thọ mệnh rút nhắn, chỉ còn sống được mười tuổi, thân hình nhỏ bé, chừng hai, ba vốc tay, ăn bằng bông cỏ, mặc bằng tóc người cho là cao cấp. Lấy binh khí làm oai nghiêm, không tôn trọng nhau. Nghèo nàn khốn khó, ngu si tà kiến, đêm ngày phát sinh. Lúa mắc, đói kém, lếch thếch lang thang, thấy được lương thực, xông vào giựt ăn, vì nguyên nhân nầy, chết đói vô số. Tất cả chúng sinh, sinh vào kiếp trược, tự dưng nổi lên tạo tác ác nghiệp, Trời không mưa xuống, trong bốn, năm năm. Bởi vì đại hạn, tìm kiếm rau cỏ còn không thể có được huống chi thóc gạo? Tất cả cầm thú đều bị bắt ăn sạch. Trong một ngày đêm, đói khát chết chóc không thể đếm được, quận huyện trống trơn, chỉ còn vài nhà, cách nhau càng xa. Không theo chính pháp, tam độc càng nhiều, bần cùng khốn khó, đêm ngày như nhau. Bấy giờ, trong sáu, bảy năm trời không đổ mưa. Bởi vì đại hạn, muốn tìm ra nước còn không thể được, huống gì đồ ăn? Kiếp trung gian nầy chỉ còn bảy ngày, trong một ngày đêm, chết đói vô số, nếu còn có người đều đi chỗ khác. Bấy giờ, có một người, tập hợp nam nữ lớn bé trong cõi Diêm-phù-đề, cộng một vạn người sống sót để nhân giống cho tương lai. Số người nầy thường làm việc thiện, các quỷ

thần thiện, vì muốn loài người không bị tiêu diệt, đã ra tay ủng hộ. Lấy các món ngon truyền vào lỗ chân lông của họ. Vì còn nghiệp lực, giống người không dứt. Qua hết bảy ngày, nạn đói khát nhất tề yên ổn. Tất cả ác quỷ đều bỏ đi hết. Nhu cầu ẩm thực, y phục, trời cho mưa xuống. Âm dương điều hòa, mỹ vị sản sinh. Thân hình khả ái, tướng tốt phục hồi. Tất cả điều thiện, tự nhiên khơi dậy. Mát mẻ thanh tịnh, yên vui vô bệnh. Lòng từ bi phát sinh, không có ý gây phiền não. Thí dụ như thân ái lâu ngày không gặp, bỗng được tụ hội, sinh lòng hoan hỷ, vồn vã ấp yêu, không nỡ rời nhau. Từ thọ mười tuổi, lần lượt hành thiện, sinh vào Nhân đạo, Thiên đạo. Thọ mệnh lâu dài, lên đến hai mươi ngàn tuổi, cho đến tám mươi ngàn tuổi, ra ngoài phép tắc, cũng như đã thuật ở trước".

(Theo trong luận Lập Thế, một Tiểu tam tai trải qua bảy ngày. Nếu theo các kinh luận khác nói, đói khát bảy năm bảy tháng bảy ngày. Bệnh dịch bảy tháng bảy ngày, binh đao nhiều nhất trải qua bảy ngày). Thế nên, luận Du Già nói: "Lúc con người chỉ còn thọ ba mươi tuổi, mới bắt đầu xảy ra". Vào lúc ấy, đồ ăn uống tinh mỹ không thể kiếm lại được, chỉ còn nấu nướng xương khô cùng nhau yến ẩm. Nếu gặp được một hạt thuộc bông cỏ, lúa gạo, quý trọng như ngọc Ma ni. Đem cất giấu vào hòm rương mà giữ gìn. Các chúng sinh ấy, phần đông không còn sức lực, nghiêng ngửa cứng đơ trên mặt đất, không ngồi dậy được. Vì nạn đói kém, chúng sinh chết chóc gần hết. Nạn đói kém như thế kéo dài bảy đêm, bảy ngày, bảy tháng, bảy năm mới qua khỏi. Các chúng sinh ấy lại bắt đầu tụ tập, phát tâm chán nản xa lìa thấp. Do nhân duyên nầy, thọ lượng không giảm xuống, nạn đói kém mới yên. Vả lại, nếu lúc con người chỉ còn thọ hai mươi tuổi, thì phải phát tâm chán nản lo âu, nay lại bỏ qua. Vì thế, bấy giờ có nhiều tai ương dịch lệ quái ác liên tiếp nổi lên. Các chúng sinh ấy mắc phải các dịch bệnh nầy, phần đông đều bị chết chóc. Bệnh dịch tai ương như thế xảy ra bảy đêm, bảy ngày, bảy tháng mới yên. Các chúng sinh lại cùng nhau tụ tập, phát tâm chán nản xa lìa lưng chừng. Do nhân duyên nầy, thọ lượng không giảm xuống, bệnh dịch tai ương mới yên. Vả lại, nếu lúc con người chỉ còn thọ mười tuổi, thì phải phát tâm chán nản lo âu, nay lại bỏ qua. Bấy giờ, chúng sinh lần lượt gặp nhau, mỗi người nổi tâm sát hại mãnh liệt. Do nhân duyên này, vừa cầm cây cỏ cho đến gạch đá, liền hóa thành dao kiếm hết sức bén nhọn, lại cùng tàn sát nhau đến khi chết sạch. Như thế, tai họa binh đao nhiều nhất trải qua bảy ngày mới yên.

Thứ năm: PHẦN TƯƠNG SINH

Theo kinh A-hàm nói: “Vào đời quá khứ, có Luân vương ra đời, tên là Đỉnh Sinh, giữ gìn trai giới, tu hành bố thí, đem của cải chu cấp cho người nghèo trong nước. Qua nhiều lúc sau, do trong nước có người nghèo khó, không thể hằng đem của cải chu cấp cho sự thiếu thốn của họ. Người dân hóa thành bần cùng. Nhân thế, đi ăn cắp của người khác. Chủ nhà rình bắt trói lại, giải đến triều, giao cho Thiên vương Đỉnh Sinh và tâu rằng: “Thưa Thiên vương, người nầy ăn cắp của cải của tôi, xin Thiên vương trị tội”. Thiên vương hỏi người ấy rằng:

“Nhà ngươi có thật sự ăn cắp không?”.

Thật sự có ăn cắp”.

Vì lý do gì?”.

Vì nghèo khó quá, nếu không ăn cắp thì không thể sống nổi”. Thiên vương liền đem của cải chu cấp cho người ấy và dạy rằng:

“Các người về đi, lần sau đừng tái phạm nữa!”. Vì cớ ấy, người dân có suy nghĩ nầy: Bọn ta cũng nên đi ăn cắp của người khác. Liền đó mỗi người tranh nhau đi ăn cắp. Như thế gọi là vì nghèo, không có của cải hằng đem chu cấp, nên người dân hóa thành bần cùng. Nhân trộm cắp sinh nhiều, nên tuổi thọ của người dân ấy giảm xuống, hình sắc hóa ác. Cha thọ tám vạn tuổi, con thọ bốn vạn tuổi. Lúc người còn thọ bốn vạn tuổi, lại có người đi ăn cắp, bị đem nộp cho Thiên vương. Nghe tâu qua, Thiên vương có suy nghĩ nầy: Nếu trong nước ta có người ăn cắp của cải kẻ khác, ta lại đem của cải chu cấp hết cho họ. Như thế, kho tàng sẽ cạn kiệt, nạn ăn cắp lại càng sinh ra nhiều hơn. Thà nay ta làm dao rất bén, nếu trong nước còn kẻ ăn cắp của người khác, liền cho bắt về làm tội, treo lên chặt đứt đầu. Suy nghĩ xong xuôi, liền ban bố thi hành. Về sau, người dân ấy bắt chước làm loại dao bén ấy, cầm đi ăn cướp, bắt lấy khổ chủ đem chặt đứt đầu. Nhân nghèo khó quá, trộm cướp càng nhiều, nạn dùng dao giết người càng tăng, nên tuổi thọ người dân ấy giảm xuống, hình sắc hóa ác. Cha thọ bốn vạn tuổi, con thọ hai vạn tuổi. Lúc người chỉ còn thọ hai vạn tuổi, kẻ trộm cắp có suy nghĩ nầy: Nếu Thiên vương biết được, hoặc sẽ sai trói đánh ta, hoặc phạt tiền đuổi đi, hoặc cho đem treo lên. Ta nên nói dối lừa gạt Thiên vương thì hơn chăng? Nghĩ xong, đến tâu với Thiên vương: “Tôi không trộm cướp”. Như thế gọi là vì nghèo, không có của cải hằng đem chu cấp, nạn cướp của giết người tăng thêm, lại còn nói dối hai lưỡi nữa, nên tuổi thọ người dân đó giảm xuống, hình sắc hóa ác. Cha thọ hai vạn tuổi, con thọ một vạn tuổi. Lúc người chỉ còn thọ một vạn tuổi, liền sinh lòng

ganh ghét, tăng thêm thói tà dâm, nên tuổi thọ của người dân ấy giảm xuống, hình sắc hóa ác. Cha thọ một vạn tuổi, con thọ năm ngàn tuổi. Lúc người chỉ còn thọ năm ngàn tuổi, ba pháp tăng thêm: phi pháp, dục ác pháp và tham tà pháp. Nên cha thọ năm ngàn tuổi, con thọ hai ngàn năm trăm tuổi. Lúc người dân ấy chỉ còn thọ hai ngàn năm trăm tuổi, ba pháp lại tăng thêm: Lời hai lưỡi, lời thô tục, lời thêu dệt, nên tuổi thọ giảm xuống, hình sắc hóa ác. Cha thọ hai ngàn năm trăm tuổi, con thọ một ngàn tuổi. Lúc người dân ấy chỉ còn thọ một ngàn tuổi, lại tăng thêm một pháp nữa là tà kiến. Bởi vì tăng thêm một pháp nữa, tuổi thọ người dân ấy giảm xuống, hình sắc hóa ác. Cha thọ một ngàn tuổi, con thọ năm trăm tuổi. Lúc người ta chỉ còn thọ năm trăm tuổi, người dân ấy bất hiếu với cha mẹ, không hằng tôn trọng Sa-môn, Phạm chí, không làm điều phải, không tạo phước đức, không thấy tội lỗi ở kiếp sau, nên cha thọ năm trăm tuổi, con thọ hai trăm năm mươi tuổi hoặc hai trăm tuổi. Đến nay, nếu được trường thọ, hoặc thọ một trăm tuổi hoặc không bằng được”.

Phật lại bảo Tỳ-kheo: “Trong tương lai xa, người thọ mười tuổi, phụ nữ sinh được năm tháng là đã lấy chồng. Lúc con người chỉ còn thọ mười tuổi, có giống lúa tên là lúa lép là món ăn ngon nhất, như hiện nay cho lúa gạo là đồ ăn cao cấp. Tất cả các thứ sữa, dầu, muối, mật, mía ngọt đều mất hết. Chỉ kẻ nào làm theo mười ác nghiệp đạo mới được tôn trọng. Tất cả đều chưa được thiện. Mẹ hết sức rắp tâm muốn hại con. Con cũng hết sức rắp tâm muốn hại mẹ. Cha con, anh em, chị em, thân thuộc lần lượt đều có lòng mưu hại lẫn nhau, giống như người thợ săn thấy được con nai, hết sức rắp tâm sát hại. Lúc con người chỉ còn thọ mười tuổi, liền có tai kiếp binh đao bảy ngày nổi lên khốc liệt. Nếu chộp được cọng cỏ, lập tức hóa thành dao. Nếu chộp được cành củi, cũng lập tức hóa thành dao. Người người dùng dao ấy chém giết lẫn nhau tai kiếp bảy ngày. Qua bảy ngày, tai kiếp mới lặng yên. Bấy giờ, cũng có người sinh lòng hỗ thẹn, xấu xa, chán ghét, không thích thú. Trong kiếp binh đao bảy ngày nầy, cũng có người bỏ trốn vào núi non hoang dã, ẩn nấp vào chỗ kín đáo. Qua hết bảy ngày ấy, từ chỗ ẩn nấp kín đáo trong núi hoang dã, liền trở về gặp lại mọi người, sinh lòng từ mẫn, hết sức thương nhớ, giống như bà mẹ hiền chỉ có được một đứa con, ly biệt lâu ngày ở chỗ xa xôi, nay lại trở về gặp mặt, hết dức thương yêu mong nhớ nhau. Liền nói thế nầy: “Hỡi các bạn hiền, chúng ta hôm nay gặp nhau, khiến cho ai nấy đều được an lành! Chúng ta vì xưa sinh lòng bất thiện, khiến cho thân tộc đã chết sạch. Chúng ta nên cùng nhau làm phép

thiện, xa lìa hẳn sát nghiệp”. Làm pháp thiện xong, tuổi thọ liền tăng lên, hình sắc hóa đẹp. Người thọ mười tuổi, sinh con thọ hai mươi tuổi. Người thọ hai mươi tuổi lại có suy nghĩ nầy: “Nếu cầu làm thiện thì tăng thọ và sắc hóa đẹp. Chúng ta càng nên làm thêm điều thiện, cùng bỏ thói trộm cắp. Làm điều thiện nầy xong, tuổi thọ liền tăng. Người ta sinh con thọ được bốn mươi tuổi. Lại xa lìa tà dâm, làm điều thiện nầy xong, tăng thọ và sắc hóa đẹp. Người ta sinh con thọ tám mươi tuổi. Lại bỏ nói dối, làm điều thiện nầy xong, sắc thọ hóa đẹp. Người ta sinh con thọ một trăm sáu mươi tuổi. Thọ được một trăm sáu mươi tuổi, lại bỏ lời hai lưỡi, làm điều thiện nầy xong, sắc thọ hóa đẹp. Người ta sinh con thọ ba trăm hai mươi tuổi. Lại bỏ lời thô tục, làm điều thiện nầy xong, sắc thọ hóa đẹp, người ta sinh con thọ sáu trăm bốn mươi tuổi. Lại bỏ lời thêu dệt, làm điều thiện nầy xong, sắc thọ hóa đẹp. Người ta sinh con thọ hai ngàn năm trăm tuổi. Lại bỏ tham lam, ganh ghét, làm điều thiện nầy xong, sắc thọ hóa đẹp. Người ta sinh con thọ năm ngàn tuổi. Lại bỏ sân hận, làm điều thiện nầy xong, tăng thọ và sắc hóa đẹp. Người ta sinh con thọ một vạn tuổi. Lại bỏ tà kiến, làm điều thiện nầy xong, tăng thọ và sắc hóa đẹp. Người ta sinh con thọ hai vạn tuổi. Lại bỏ phi pháp, dục ác pháp và tham hành tà pháp. Chúng ta có thể xa lìa ba pháp xấu ác không thiện nầy. Làm xong điều thiện nầy, sắc thọ hóa đẹp. Người ta sinh con thọ bốn vạn tuổi. Lúc thọ được bốn vạn tuổi, hiếu thuận với cha mẹ, tôn trọng cung kính Sa-môn, Phạm chí, làm theo việc phải, tu tập phước nghiệp, thấy được tội lỗi kiếp sau, làm điều thiện nầy xong, người ta sinh con thọ tám vạn tuổi. Lúc người ta thọ được tám vạn tuổi, cõi Diêm-phù-đề nầy giàu có, an lạc tột đỉnh, có nhiều nhân dân, làng xóm liền kề, như gà bay là sang. Phụ nữ đến năm trăm tuổi mới lấy chồng. Chỉ có bảy bệnh tật là hàn nhiệt, đại tiểu tiện, dâm dục, đói khát và già. Ngoài ra, không có hoạn nạn gì nữa. Lúc bấy giờ sẽ có Thiên vương tên Loa làm Chuyển luân vương, thông minh, trí tuệ, có bốn quân chủng chỉnh đốn cai trị bốn phương thiên hạ. Có ngàn món thất bảo đầy đủ, đoan chính, dũng mãnh, vô úy, hàng phục kẻ khác. Thống lãnh đại địa, cho đến đại hải. Không dùng vũ lực, chỉ dùng chính pháp giáo hóa hiệu lệnh, khiến cho mọi người đều được an vui. (Riêng phần bệnh tật đói kém còn lại, xảy ra dài nhắn đều giống như ở trước).

Thứ sáu: PHẦN ĐỐI TRỪ

Theo luận Tân Bà-sa nói: “Tuy nhiên, có Thánh ngôn nói về cách đối phó Tiểu tam tai, bảo rằng: “Nếu có kẻ thường giữ gìn giới bất sát

suốt một ngày đêm, trong kiếp mai sau, chắc chắn sẽ không gặp nạn binh đao nổi dậy. Nếu có kẻ thường đem một quả Ha lê đát kê, phát tâm thanh tịnh, cung kính bố thí tăng chúng, trong kiếp mai sau, chắc chắn sẽ không gặp nạn bệnh dịch hoành hành. Nếu có kẻ thường cầm một vắt cơm bố thí cho chúng sinh, trong kiếp mai sau, chắc chắn không gặp nạn đói kém hành hạ".

Hỏi rằng: "Như ba Tiểu tam tai nầy, liệu các châu khác có xảy ra không?" Đáp: "Căn bản không giống, nhưng có vẻ tương tự". Nghĩa là lửa sân tăng mạnh, thể lực gầy yếu, thường hay đói khát. Đó là nói về hai châu. Còn châu Câu Lô, tuy không mắc phải tội tình gì, cũng phát sinh ra nạn ấy, dù châu nầy không hề có lửa sân tăng mạnh.

Thuật rằng: "Chúng sinh bản tính cố chấp, không nghĩ cách chừa bỏ, đổi thay, cứ keo kiệt, tham lam, ganh ghét, làm cho ác nghiệp ngày mỗi chất đầy. Vì vậy, nhân tình trở thành hiểm hóc, thói độc tràn đầy, mau đưa vào đời Mạt pháp. Con người, vạn vật đều ác, khiến cho bẩm thụ y báo, chánh báo mòn mõi, tiêu hao. Thế nên kinh Phó Pháp Tạng nói rằng: "Vua A Thứ Già thân hành đem ban đồ ăn cho chư Tăng. Lúc ấy, tôn giả Tân Đầu Lô lấy sữa tưới lên cơm. Vua A Thứ Già bạch rằng: "Thưa đại Thánh, tính sữa khó tiêu, sợ sinh bệnh chăng?". Tôn giả đáp rằng "Chẳng đáng lo đâu! Vì sao thế? Lúc Phật còn tại thế, nước và sữa hôm nay đều giống như nhau. Cho nên dùng sữa cuối cùng cũng chẳng sinh bệnh". Bấy giờ, tôn giả muốn chứng nghiệm điều nầy, liền thò tay đút vào đất, sâu đến bốn vạn ba ngàn dặm, rút lấy chất béo bở đưa cho vua xem: "Nhà vua nên biết rằng hiện nay chúng sinh bạc phước, chất đất màu mỡ đều thấm thấu hết vào lòng đất. Do đó, phước đức của thế gian dần dần suy diệt". Nhà vua cúng dường xong, hoan hỷ ra về. Vốn dĩ đức Thế-tôn tịch diệt chưa đầy một trăm năm mà xảy ra điềm nầy. Huống chi nay đã gần đủ hai ngàn năm, há còn mỹ vị? Thế nên, luận Du Già nói: "Lúc Tam tai nổi lên, bấy giờ có ba thứ suy giảm đến cùng cực: Tuổi thọ suy giảm, chỗ nương tựa suy giảm, vật thực suy giảm. Tuổi thọ suy giảm là nói tuổi thọ rút ngắn còn mười tuổi. Chỗ nương tựa suy giảm là nói thân hình nhỏ còn một vốc tay hoặc còn lại một nắm tay. Vật thực suy giảm là nói vào lúc ấy, chúng sinh chỉ còn lấy một hạt bông cỏ làm đầu trong các món ăn. Lấy tóc làm đầu trong các loại y phục, lấy sắt làm đầu trong các đồ trang sức. Năm loại mỹ vị cao cấp đều mất hẳn. Đó là các loại sữa, mật, dầu, muối và mía biến vị đường".

II. ĐẠI TAM TAI

Đại tam tai có bốn phần: Thời lượng, Thời tiết, Hoại kiếp, Thành kiếp.

Thứ nhất: PHẦN THỜI LƯỢNG

Theo luận Tân Bà-sa nói rằng: "Kiếp có ba loại: Một là Kiếp trung gian, hai là Kiếp thành hoại, ba là Đại kiếp.

Kiếp trung gian có ba loại: Một là kiếp giảm, hai là kiếp tăng, ba là kiếp tăng giảm.

Kiếp giảm là từ người thọ vô lượng tuổi giảm xuống còn mười tuổi. Kiếp tăng là từ người thọ mười tuổi tăng lên tám vạn tuổi. Kiếp tăng giảm là từ người thọ từ mười tuổi tăng lên tám vạn tuổi, rồi trả lại từ tám vạn tuổi giảm xuống còn mười tuổi. Trong đó có một kiếp giảm, một kiếp tăng và một tám kiếp tăng giảm. Gộp hai mươi trung kiếp thế gian thành với hai mươi trung kiếp thành rồi trụ, gọi là kiếp thành. Trải qua hai mươi trung kiếp thế gian hoại với hai mươi trung kiếp hoại dĩ không, gọi đấy là kiếp hoại. Gộp tám mươi trung kiếp lại gọi là đại kiếp. Trong hai mươi trung kiếp thành rồi trụ, kiếp đầu là kiếp giảm, kiếp cuối là kiếp tăng, giữa là mười tám kiếp vừa tăng vừa giảm". Cho nên luận Đối Pháp nói rằng: "Do số kiếp nầy mà biểu hiện được tuổi thọ của chư Thiên các cõi sắc giới và vô sắc giới".

Thứ hai: PHẦN THỜI TIẾT

Theo sách Tây Quốc truyện của Pháp sư Huyền Trang nói: "Âm dương luân chuyển, nhật nguyệt xoay vần. Tên gọi tuy khác, nhưng thời gian giống nhau. Theo chuôi sao chỉ mà đạt tên tháng. Thời gian ngắn nhất gọi là sát na". Như luận Tân Bà-sa nói: "Lượng sát na ấy, làm sao biết được?" Có người bảo theo như luận Thi Thiết nói: "Như người thiếu phụ lúc se lông thú, nhanh nhẹn phấn chấn, lựa từng sợi nhỏ, không ngắn không dài, sao cho bằng nhau, gọi là lượng đát sát na". Luận ấy không muốn nói sợi lông ngắn dài, chỉ nói sợi lông thú theo ngón tay lựa ra, tùy theo số lượng lựa ra bao nhiêu, gọi là đát sát na.

Hỏi: Trước đây hỏi về sát na, tại sao lại dẫn chứng luận Thi Thuyết nói về đát sát na?

Đáp: "Trong luận nầy đưa ra cái lớn lao để làm hiển hiện cái vi tế. Vì cái vi tế rất khó nhận thức, không thể hiển hiện ra được". Gọi một trăm hai mươi sát na thành một đát sát na. Sáu mươi đát sát na thành một liệp phược. Liệp phược nầy có bảy hai trăm sát na, ba mươi liệp

phược thành một mâu hô lật đa. Mâu hô lật đa nầy có hai trăm mười sáu ngàn sát na. Ba mươi mâu hô lật đa thành một ngày đêm. Một ngày đêm còn thiếu hai mươi sát na mới đủ sáu mươi lăm ức sát na. Thân ngũ uẩn nầy, trong một ngày đêm trải qua ngần ấy sát na mà sinh diệt vô thường.

Có người bảo: "Điều nầy còn lớn lao, không phải là lượng sát na. Theo nghĩa của ta, như trong khoảnh khắc tráng sĩ búng ngón tay, đã trải qua sáu mươi bốn sát na". Có người bảo: "Không phải thế, theo nghĩa của ta, như có hai tráng sĩ bứt đứt hết rất nhiều sợi tơ Ca thy cực mảnh, tùy theo số sợi tơ đứt hết bao nhiêu thì lượng Sát na đã trải qua đến bấy nhiêu".

Có người bảo: "Không phải thế, theo nghĩa của ta, như hai lực sĩ nắm chắc nhiều sợi tơ Ca thy cực mảnh. Có một lực sĩ lấy cây dao bằng thép cứng trăm lần tinh luyện tốt nhất của cả nước, chặt nhanh. Tùy theo số tơ đứt bao nhiêu thì lượng sát na đã trải qua đến bấy nhiêu.

Có người bảo: Còn lớn lao, không phải là lượng sát na. Lượng sát na thật, Thế-tôn không nói". Như Thế-tôn nói: "Có bốn nhà thiện xạ, cầm sẵn cung tên cùng đứng dựa lưng chụm sát vào nhau, sắp bắn đi khắp bốn phương. Có một người nổi tiếng nhanh nhẹn, đến nói với bọn họ: Bây giờ, các ông có thể cùng bắn tên ra một lượt, tôi có thể chụp lấy từ khắp bốn phía không cho rơi xuống. Thế nào? Người nầy có nhanh nhẹn không?" Tỳ-kheo bạch Phật: "Rất nhanh nhẹn thưa Thế-tôn". Phật nói: "Người ấy không nhanh nhẹn bằng Địa hành Dược Xoa. Địa hành Dược Xoa không nhanh nhẹn bằng Không hành Dược Xoa. Không hành Dược Xoa không nhanh nhẹn bằng Tứ đại thiên vương. Tứ đại thiên vương không nhanh nhẹn bằng hai vầng nhật nguyệt. Hai vầng nhật nguyệt không nhanh nhẹn bằng Kiên hành thiên tử. Kiên hành thiên tử nầy nhanh nhẹn hơn hai vầng nhật nguyệt". Chư Thiên nầy lần lượt nhanh nhẹn. Thọ, hành của chư Thiên sinh diệt nhanh nhẹn hơn cả chư Thiên nầy. Sát na lưu chuyển không hề ngừng. Do đó mới biết Thế-tôn không nói lượng sát na thật.

Hỏi: Tại sao Thế-tôn không nói lượng sát na thật giúp Tỳ-kheo kia?

Đáp: "Vì không có chúng sinh nào có thể biết được". Lại nữa, theo kinh An Bát nói: "Trong khoảnh khắc một cái búng tay, tâm có chín trăm sáu mươi chuyển biến". Lại kinh Nhân vương nói: "Trong một niệm có chín mươi sáu sát na. trong mỗi một sát na lại có chín trăm sự sinh diệt. Lại nữa, kinh Bồ tát Xử Thai nói: "Trong khoảnh khắc một cái búng tay,

có ba mươi hai ức ức niệm. Niệm niệm thành hình. Hình hình đều có thức. Uy lực của Phật thâm nhập vào các thức vi tế nầy giúp chúng sinh đều được độ". Lại nữa, luận Tỳ-đàm gộp lại thành mười hai lớp: Một lớp gọi là sát na, hai gọi là đát sát na, ba gọi là la bà, bốn gọi là ma hầu la, năm gọi là ngày đêm, sáu gọi là nữa tháng, bảy gọi là tháng, tám gọi là mùa, chín gọi là hành, mười gọi là năm, mười một gọi là song, mười hai gọi là kiếp. Một sát na chuyển thành một niệm. một trăm hai mươi sát na là một đát sát na, chuyển thành một nháy mắt. sáu mươi đát sát na là một hơi thở. Một hơi thở là một la bà. Ba mươi la bà là một ma hầu la, chuyển thành một giây lát. ba mươi ma hầu la là 1 ngày đêm, gồm có sáu trăm ba mươi tám vạn sát na. Luật Tăng Chi nói: "hai mươi niệm là một nháy mắt, hai mươi nháy mắt lá búng tay. Hai mươi búng tay là 1 La dự. Hai mươi La dự là một giây lát. Một ngày đêm có ba mươi giây lát. Lúc ngày dài nhất có mười tám giây lát, đêm có 12. Lúc ngày ngắn nhất có mười hai giây lát, đêm có mười tám. Lúc xuân phân, thu phân, ngày đêm có giây lát bằng nhau". Lại nữa, luận Trí Độ nói: "Ngày đêm chia làm 6, có ba mươi thì. Lúc Xuân phân, Thu phân, ngày đêm mỗi nữa có mười lăm thì. Thời gian còn lại tăng giảm khác nhau: Vào tháng năm, ngày có mười tám thì, đêm còn mười hai thì. Vào tháng mười, đêm có mười tám thời, ngày còn mười hai thì". Theo sách Tây Quốc truyện của Pháp sư Huyền Trang nói: "Ở ngoài đời, ngày đêm chia làm tám thì (ngày bốn thì, đêm bốn thì, mỗi một thì có bốn phân). Từ khi trăng đầy đến trăng tròn gọi là bạch phân. Từ khi trăng khuyết đến không trăng gọi là hắc phân, nên vào ngày mười bốn hoặc vào ngày rằm, trăng có lớn nhỏ. Bạch phân trước, hắc phân sau, hợp làm một tháng. Sáu tháng là một hành. Mặt trời đi ở trong gọi là bắc hành. Mặt trời đi ở ngoài gọi là nam hành. Gộp hai hành nầy thành một năm. Lại chia một năm thành sáu mùa. Từ rằm tháng giêng đến rằm tháng ba là mùa nóng dần. Từ mười sáu tháng ba đến rằm tháng năm là mùa nóng nhiều. Từ mười sáu tháng năm đến rằm tháng bảy là mùa mưa. Từ mười sáu tháng bảy đến rằm tháng chín là mùa tươi tốt. Từ mười sáu tháng chín đến rằm tháng mười một là mùa lạnh dần. Từ mười sáu tháng mười một đến rằm tháng giêng là mùa lạnh nhiều". Theo Phật giáo, năm có ba mùa. Từ mười sáu tháng giêng đến rằm tháng năm là mùa nóng. Từ mười sáu tháng năm đến rằm tháng chín là mùa mưa. Từ mười sáu tháng chín đến rằm tháng giêng là mùa lạnh. Hoặc năm có bốn mùa: Xuân, hạ, thu, đông. Theo luận trên mà tính, mười lăm đêm là nữa tháng, hai lần nữa tháng là một tháng. Ba tháng là một mùa. Hai mùa là một hành. Một hành tức

là sáu tháng, là nữa năm. Hai hành là một năm. Hai năm rưởi là một song. Song do nhuận mà ra. Lấy tháng nhuận gộp với tháng gốc, gọi là tháng song. Chứ không phải là nhuận song. Nếu xét hai nhuận song trong năm năm, cứ hai năm rưỡi mới có một lần nhuận, làm sao chia đứng lẻ ra?

Gộp hết số thời gian nầy, rõ ràng kiếp có bốn loại: Một là biệt kiếp, hai là kiếp thành, ba là kiếp hoại, bốn là đại kiếp. Từ người thọ mười tuổi, tăng dần đến tám vạn tuổi. Trải qua nhiều thời gian tám vạn tuổi, rồi lại giảm dần xuống còn mười tuổi là một biệt kiếp. Vì khác với tất cả kiếp kia nên gọi là biệt. Nếu lấy sự tướng để xét kỹ hạn lượng thì theo kinh Tạp A-hàm nói: “Có một thành trì chu vi một do tuần, từ trên xuống dưới cũng thế, đều chất đầy hạt cải. Cứ một trăm năm lấy bớt một hạt, đến khi hạt cải hết sạch mà kiếp vẫn còn”. Xét ra, đây cũng là kiếp biệt. Nếu căn cứ vào đại kiết thì lấy thành trì chu vi tám mươi do tuần làm hạn lượng. Kinh Lâu Thán nói: “Lấy hai sự tướng nầy để luận về kiếp: Một là có một thành trì lớn, từ Đông sang Tây dài một ngàn dặm, từ Nam đến Bắc dài bốn ngàn dặm, chất đầy hạt cải. Cứ một trăm năm chư Thiên xuống một lần, lây bớt một hạt, đến khi hạt cải hết sạch mà kiếp vẫn còn. Hai là có một tảng đá lớn, chu vi bốn mươi dặm vuông. Cứ một trăm năm, chư Thiên xuống một lần, lấy áo sa mỏng phủi qua một lượt, đến khi tảng đá mòn hết mà kiếp vẫn còn”. Đấy cũng nên xem là kiếp biệt. Thứ hai là kiếp thành có bốn mươi kiếp biệt, kiếp hoại cũng thế. Sở dĩ như thế là vì thời gian thế gian thành là hai mươi biệt kiếp. Thời gian trụ là hai mươi biệt kiếp. Thời gian hoại là hai mươi biệt kiếp. Thời gian không là hai mươi biệt kiếp. Trong đó, đem trụ hợp với thành, đem không hợp với hoại, nên mỗi kiếp nầy có bốn mươi biệt kiếp. Gộp cả hai kiếp thành, hoại nầy lại gồm có tám mươi biệt kiếp, là một đại kiếp. Nếu triển khai ra, đặc biệt có sáu kiếp: Một là biệt kiếp, hai là kiếp thành, ba là kiếp trụ, bốn là kiếp hoại, năm là kiếp không, sáu là đại kiếp. Nếu tóm tắt lại thì có ba kiếp: Một là tiểu kiếp, hai là trung kiếp, ba là đại kiếp. Tiểu kiếp là biệt kiếp. Trung kiếp là kiếp thành hoại. Đại kiếp tiếp theo là gộp kiếp thành và kiếp hoại lại. Trong cõi dục giới, thọ một kiếp là tiểu kiếp. Trong ba cõi Trời Sơ Thiền, thọ một kiếp là trung kiếp. Từ cõi Trời Nhị Thiền trở đi, thọ một kiếp là đại kiếp.

Theo tục ngoại quốc, phép toán có sáu mươi số. Vượt ngoài số sáu mươi nầy thì không thể tính đếm được, nên gọi là A Tăng Kỳ. Đấy là tính số năm làm kiếp lượng. Từ số một đến số sáu mươi, gọi là kiếp

A Tăng Kỳ. Đấy là kiếp lượng của đại kiếp. Thế nên luận Trí Độ nói: "Lấy thành trì một trăm do tuần làm kiếp lượng, mỗi trăm năm lượm một hạt cải nên mới thí dụ lấy áo trời Ca thi la, mỗi trăm năm phẩy qua một lượt. Lấy bàn thạch một trăm do tuần làm kiếp lượng, ấy đều là tính toán kiếp lượng của đại kiếp. Khi xét về một ngàn đức Phật ra đời trong một đại kiếp của thế giới Tát Ha (xưa gọi là thế giới Ta Bà) đến tên Kiếp ba thì không thể lấy thời gian mà tính nổi, nên phải mượn các thứ bàn thạch, thành trì hạt cải chấp nhận làm một kỳ hạn thời gian, tức là trong đại kiếp ấy đã bao hàm đủ cả bốn kiếp thành, trụ, hoại, không vậy. Cũng như trên, từ mười tuổi tăng đến tám vạn tuổi, lại từ tám vạn tuổi xuống còn mười tuổi, trải qua hai mươi biệt kiếp trở lại một tiểu kiếp, hai mươi Tiểu kiếp là một kiếp thành. Lấy năm mà tính, thì trải qua tám ngàn vạn vạn ức tám trăm vạn năm, cũng chỉ là một tiểu kiếp thôi. Nay kiếp thành đã qua, bắt đầu vào kiếp trụ, lại trải qua tám Tiểu kiếp, đức Phật Thích Ca Mâu Ni sẽ là vị Phật thứ tư xuất thế trong kiếp tụ nầy. Chín mươi sáu đức Phật còn lại sẽ lần lượt xuất thế về sau".

Theo Tây Quốc truyện của Pháp sư Huyền Trang nói: "Đo về số lượng là du thiện na (xưa gọi là do tuần, còn gọi là du xà na hay do diên, đều hơi sai). Du thiện na là quãng đường nhà vua đi trong một ngày vào thưở trước. Xưa truyền một du thiện na là bốn mươi dặm. Tục của nước Ấn Độ là ba mươi dặm. Phật giáo quy định chỉ ba mươi dặm. Cho nên luận Tỳ-đàm nói: "Bốn cánh tay là một cung, năm cung là một câu lô xá, tám câu lô xá là một do tuần. Một cung dài tám thước, năm trăm cung dài bốn trăm trượng. bốn trăm trượng là một câu lô xá. Một dặm có basáu mươi bước. Một bước có sáu tấc. Gộp hai trăm mười sáu trượng là một dặm. Hai dặm có bốn trăm ba mươi hai trượng. Tính năm trăm cung có bốn trăm trượng là một câu lô xá, còn thiếu ba mươi hai trượng trên mới đầy hai dặm. Cứ tính một câu lô xá non hai dặm, tám câu lô xá non mười sáu dặm là một do tuần". Nếu tính theo kinh Tạp Bảo, một câu lô xá có năm dặm. Tính theo luận Tỳ-đàm, tám câu lô xá là một do tuần, có bốn mươi dặm.

Thứ ba: PHẦN KIẾP HOẠI

Theo kinh Trường A-hàm nói: "Thế nào là giới hạn của Tam tai? Nếu khi hỏa tai xảy ra, đến Trời Quang Âm là giới hạn. Nếu khi thủy tai xảy ra, đến Trời Biến Tịnh là giới hạn. Nếu phong tai xảy ra, đến Trời Quả Phật là giới hạn. Khi Tam tai sắp xảy ra, người thế gian đều theo Chánh pháp, Chánh kiến đều không bị đảo lộn, mọi người đều tu

hạnh Thập thiện. Khi thật hành pháp này, có người chứng được quả Nhị Thiền, liền phóng thân lên giữa không trung trụ ở Thánh nhân đạo, Thiên đạo, Phạm đạo, lớn tiếng tuyên bố: “Nào! Chư hiền nên biết rằng thứ hai Thiền không giác không quán làm cho người an lạc”. Nghe xong lời nầy mọi người liền tu pháp không giác không quán. Khi thân hoại, mệnh chung sinh lên Trời Quang Âm. Lúc ấy chúng sinh ở địa ngục sạch tội, mệnh chung sinh vào nhân gian. Lại tu pháp không giác không quán, sinh vào Trời Quang Âm. Giới súc sinh, ngạ quỷ, a tu luân, thậm chí lục dục đều sinh vào Trời Quang Âm. Bấy giờ, Trước là địa ngục hết, sau là súc sinh hết, kế là ngạ quỷ, a tu luân, cho đến Trời Tha hóa tự tại đều hết sạch. Sau đó, người hết sạch chẳng còn ai. Thế gian nầy hủy hoại mà thành tai họa”.

Hơn nữa, luận Thuận Chánh Lý nói: “Cho đến địa ngục chẳng còn một chúng sinh. Bấy giờ, gọi là địa ngục đã hủy hoại, các chúng sinh ở địa ngục sắp thọ nghiệp báo, thì nghiệp lực đưa họ vào địa ngục ở phương khác. Theo chuẩn này biết súc sinh, ngạ quỷ cũng vậy. Người lúc ấy trong mình không có ký sinh trùng, giống thân của Phật. Nếu người ấy vào châu nầy thì có một người học pháp không có thầy dạy (vô sư pháp), nhưng đắc quả Sơ Thiền. Từ quả Sơ Thiền tuyên bố thế nầy: “Lìa dục sinh an vui, rất an vui, rất thanh tịnh”. Các người khác nghe xong đều vào Sơ Thiền. Khi mệnh chung được sinh vào Phạm Thế, cho đến chúng sinh trong châu này đều hết. Như thế gọi là đã hủy hoại người ở châu Thiệm Bộ. Hai châu Đông, Tây đều bắt chước nói thế. Chúng sinh ở Bắc châu mệnh chung đều sinh vào Trời Dục giới nhờ thiền định (tĩnh lự) hiện tiền tại cần chuyển được Thắng y, mới có thể lìa dục. Thậm chí Nhân đạo không còn một chúng sinh. Bấy giờ gọi là Nhân đạo đã hủy hoại. Nếu chư Thiên sinh vào sáu cõi Trời Dục giới, tu theo một pháp thì chứng được quả Sơ Thiền, thậm chí đều được sinh vào Phạm Thế. Bấy giờ gọi là Dục thiên đã hủy hoại. Như thế trong dục giới chẳng còn một chúng sinh nào cả. Gọi là trong dục giới, chúng sinh đã hủy hoại.

Bấy giờ trong Phạm Thế có một chúng sinh, học pháp không có Thầy dạy, nhưng chứng được quả Nhị Thiền. Từ định ấy, tuyên bố thế nầy: “Định sinh hỷ lạc, rất an vui, rất an tĩnh”. Các cõi Trời còn lại nghe xong, đều chứng được quả Nhị Thiền ấy. Khi mệnh chung, đều được sinh về cõi Cực Quang Tịnh, thậm chí chúng sinh trong cõi Phạm Thế đều hết. Như thế gọi là thế gian đã hủy hoại chúng sinh, chỉ còn khí thế gian trống không trụ lại. Tất cả chúng sinh trong thế giới của phương

còn lại đều chịu tận nghiệp của ba ngàn thế giới nầy. Liền đó, dần dần có bảy vầng mặt trời xuất hiện. Các biển cạn kiệt, núi non trống trơn, đồi bãi của thế gian nầy đều bị thiêu đốt. Gió lùa lửa dậy, đốt cháy lên đến Thiên cung, cho đến Phạm cung, không còn một chút tro tàn. Chính lửa ở đây thiêu đốt cung điện ở đây, không phải hỏa tai ở chỗ khác đến đây hủy hoại. Vì tướng dẫn khởi nên nói thế này. Lửa từ phía dưới, theo gió bay lên, đốt cháy mặt đất. Nghĩa là lửa từ dục giới mãnh liệt cháy lên, vì duyên đẩy đưa, lửa rực sắc giới. Các tai họa khác cũng đều như vậy. Phải biết rằng từ khi địa ngục mới bắt đầu giảm dần cho đến khí thế gian hết thì gọi chung là kiếp hoại".

Lại nữa, kinh Quán Phật Tam Muội nói: "Từ khi trời đất bắt đầu cho đến khi kết thúc là gọi là một kiếp. Khi kiếp hủy hoại hết, hỏa tai sẽ nổi lên. Tất cả mọi người đều bỏ chánh theo tà, tranh làm thập ác. Tời lâu không mưa, cây cỏ không mọc. Từ suối nguồn sinh nước cho đến bốn con sông chảy tràn tất cả đều cạn kiệt. Sau đó rất lâu, gió thổi lùa vào đáy biển, đem thành quách lớn trên mặt đất đặt vào nhật quỹ bên núi Tu-di. (Kinh Trường A-hàm nói: "Lâu lắm về sau, có cơn gió đen to lớn mãnh liệt nổi lên, thổi vào đáy biển sâu đến tám vạn bốn ngàn do tuần, phân đôi nước biển, bốc các cung điện của mặt nhật đặt gió vào nhật quỹ giữa núi Tu-di cách xa mặt đất bốn vạn hai ngàn do tuần, cho đến cả bảy mặt trời đều làm lần lượt như thế". Luận Tạp Tâm nói: "Vào thời kiếp diệt, có bảy mặt trời trụ ở núi Du Càn Đà rồi từ núi nầy mà di chuyển". Lại nói: "Phân chia một mặt trời thành bảy". Lại nói: "Mặt trời mọc từ dưới địa ngục A tỳ, do nghiệp lực của chúng sinh gây lên").

Khi một mặt trời xuất hiện, cây cối trăm hoa đồng loạt khô héo. Khi 2 mặt trời xuất hiện, nước trong bốn biển khô cạn xuống từ một trăm do tuần cho đến bảy trăm do tuần. Khi ba mặt trời xuất hiện, nước trong bốn biển lớn khô cạn từ một ngàn do tuần cho đến bảy ngàn do tuần. Khi bốn mặt trời xuất hiện, nước trong bốn biển lớn còn sâu bốn ngàn do tuần. Khi năm mặt trời xuất hiện, nước trong bốn biển lớn chu vi ngang dọc còn bảy ngàn ngàn do tuần cho đến cạn sạch. (Kinh Trường A-hàm nói: "Sau khi năm mặt trời đã xuất hiện, nước biển hóa cạn giống như sau cơn mưa xuân, hay tựa vũng nước trâu dẫm, dần dần khô cạn, không thấm ướt người"). Khi sáu mặt trời xuất hiện, bấy giờ mặt đất chia dày sáu vạn tám ngàn do tuần đều khói dậy. Từ núi Tu-di cho đến ba ngàn đại thiên thế giới, luôn cả tám địa ngục lớn, không quốc độ nào không bị thiêu đốt thành mây khói chẳng còn gì. Người

ta mệnh chung theo chư Thiên của núi Tu-di và của sáu cõi Trời Dục. Tất cả đều mệnh chung. Cung điện đều trống trơn. Hết thảy các pháp vô thường đều không trụ lâu được nữa. Khi bảy mặt trời xuất hiện, cõi núi Tu-di từ từ băng hoại cả trăm ngàn do tuần, tuyệt không còn gì. Các ngọn núi đều trống không, các của báu đều nổ tung, khói lửa chấn động đến tận Phạm Thiên. Tất cả ác đạo thảy đều sạch đẹp. Tội hết phước đến, tất cả đều tụ họp ở cõi Trời thứ mười lăm. Từ cõi Trời thứ mười bốn trở xuống đều hóa thành tro đen. Thiên tử xa xưa đều đến ủy lạo: "Chớ sinh lòng lo sợ, cuối cùng cùng chẳng xảy ra đến đây!". Người ta mệnh chung, sinh vào trời Quang Âm, lấy ý niệm làm đồ ăn, sáng láng tự chiếu, có chân phi hành kỳ diệu. Hoặc sinh vào các quốc độ khác, hoặc đọa vào địa ngục để chịu hết tội lỗi, lại lên các cõi Trời. Nếu chưa hết tội, lại dời đến phương khác. Không có mặt trời mặt trăng, không có tinh tú, cũng không có ngày đêm, chỉ toàn bóng tối mênh mông gọi là kiếp hỏa. Quả báo hỏa tai đưa đến sự hủy hoại này. Khi kiếp mới sắp thành, lửa mới tự tắt. Lại nổi lên mây lớn, mưa lớn đổ dần, giọt nước như trục xe. Bấy giờ các quốc độ của ba ngàn thế giới đại thiên đều ngập nước, cho đến Phạm Thiên". Bởi thế, luận Du Già nói: "Hơn nữa, vì các chúng sinh có thể tiêu trừ hoại nghiệp, tăng thêm thượng lực và vì y theo sáu việc bị hỏa thiêu, nên lại có sáu mặt trời lần lượt xuất hiện. Các mặt trời ấy đối diện với mặt trời cũ, nhiệt lượng tăng lên gấp tư. Khi đã thành đủ bảy mặt trời, nhiệt lượng tăng lên gấp bảy. Thế nào là sáu việc bị hỏa thiêu?

+ Một là các ao ngòi lớn nhỏ, do mặt trời thứ hai làm khô kiệt.

+ Hai là sông nhỏ sông lớn, do mặt trời thứ ba làm khô kiệt.

+ Ba là ao lớn vô nhiệt, do mặt trời thứ tư làm khô kiệt.

+ Bốn là biển lớn do mặt trời thứ năm và một phần mặt trời thứ sáu làm khô kiệt.

+ Năm là do núi Tô Mê Lô và toàn cõi đất quá kiên chắc nên bị một phần mặt trời thứ sáu và mặt trời thứ bảy thiêu đốt. Khi ngọn lửa mạnh này bị gió thôi thúc, lần lượt cháy hết sức dữ dội, lan đến tận Phạm cung. Như vậy toàn thế thế giới bị thiêu hủy sạch, đến nỗi tro than và dư ảnh cũng không còn. Từ đây gọi là khí thế gian đã hủy hoại. Đầy đủ hai mươi trung kiếp hoại dĩ như thế, lại trải qua hai mươi trung kiếp trụ.

Thế nào là thủy tai? Nghĩa là qua khỏi bảy hỏa tai, rồi từ cõi thứ hai Thiền, các pháp đều sinh ra. Thủy giới nổi lên hủy diệt khí thế gian, như nước mất vị muối mặn. Thủy giới và khí thế gian này đều mất đi

cùng một lúc. Mất xong như thế, lại trải qua hai mươi trung kiếp trụ.

Thế nào là phong tai? Nghĩa là qua bảy thủy tai rồi lại trải qua trải qua bảy hỏa tai. Từ thời kỳ không gián đoạn này, trong cõi thứ ba Thiền, các pháp đều sinh ra. Phong giới nổi lên hủy diệt khí thế gian. Như khi gió cạn, mọi ngọn ngành đều tiêu tan hết. Phong giới và khí thế gian mất đi một lượt. Từ sự đã hủy diệt này, lại trải qua hai mươi trung kiếp trụ. Như thế là nói gọn về thế gian đã hủy diệt. Hơn nữa, theo luận Thuận Chánh Lý nói rằng: "Ba Tam tai lớn là nước, lửa, gió nổi lên, bức bách chúng sinh phải bỏ dưới đất thấp, lên tụ họp trên trời. Trước tiên là hỏa tai nổi dậy, do bảy mặt trời xuất hiện. Có người nói thế này: "Bảy mặt trời di chuyển như chim nhạn bay, chia đường mà vận chuyển". Có người lại nói: "Bảy mặt trời di chuyển như chim nhạn bay thành hàng cao thấp, chia đường mà vận chuyển. Mỗi hàng cách nhau năm ngàn du thiện na". Kế tiếp là thủy tai nổi lên do đổ mưa lớn. Có người nói rằng: "Từ giữa không trung, bên cõi thứ ba Thiền hốt nhiên đổ xuống cơn mưa tro nóng". Có người lại nói: "Từ dưới thấp, thủy giới vụt dậy bốc lên cao, nước bay tung tóe". Ý nghĩa đúng đắn là người nói thủy tai phát sinh bên cõi thứ ba Thiền. Sau đó là phong tai nổi dậy do gió chướng va nhau. Có người nói thế nầy: "Từ bên cõi đệ tứ Thiền giữa không trung, hốt nhiên nổi lên cơn gió lốc thổi xoáy vào". Có người khác lại nói: Từ phía dưới nổi dậy cơn gió lốc bay vù vù lên cao". Ý nghĩa đúng đắn ở đây phải là lời trước tiên. Khi Tam tai nổi lên, thứ tự thế nào? Trước tiên, phải có một thời kỳ gián đoạn mới nổi lên bảy hỏa tai. Tiếp theo, nhất định là một thủy tai. Sau đó, không có thời kỳ gián đoạn, lại nổi lên bảy hỏa tai. Qua khỏi bảy hỏa tai này, còn có một thủy tai xảy ra. Như thế, cho đến khi đủ bảy thủy tai, lại có bảy hỏa tai. Sau đó, lại nổi lên một phong tai. Như thế, tổng cộng có tám lần: bảy lần hỏa tai và một lần thủy tai, một phong tai nổi dậy, thủy tai, phong tai đều nổi lên sau hỏa tai. Tất nhiên, hỏa tai nổi lên trước thủy tai, phong tai. Vì vậy, thứ tự của đại Tam tai đương nhiên như thế.

Vì nhân duyên nào xảy ra bảy hỏa tai mới có một thủy tai? Vì tình hình thọ lượng của Trời Cực Quang Tịnh, nghĩa là thọ lượng của Trời ấy lớn đến tám đại kiếp, nên đến đại kiếp thứ tám mới có một thủy tai. Do đó, cần biết rằng phải qua một lượt bảy thủy tai, tám lượt bảy hỏa tai. Sau đó, mới có một phong tai. Vì tình hình thọ lượng của Trời Biến tịnh, nghĩa là Trời ấy có thọ lương sáu mươi bốn kiếp, nên đến kiếp thứ sáu mươi bốn mới có một phong tai. Nếu các chúng sinh tu Thiền định có tiến bộ, thọ được quả Dị thục, thọ lượng dần dần dài hơn. Do đó, chỗ

ở cũng dần dần trụ lâu hơn. Bởi vậy luận Tỳ-đàm có kệ rằng:

"Bảy hỏa lần lượt qua,
Sau đó mới một thủy.
Bảy bảy hỏa, bảy thủy,
Lại bảy hỏa, mới phong".

Vả lại, luận Đối Pháp nói: "Như thế, phương Đông vô gián, vô đoạn, vô lượng thế giới, hoặc sắp hủy hoại, hoặc sắp thành, hoặc đang hủy hoại, hoặc hủy hoại rồi trụ, hoặc đang thành, hoặc thành rồi trụ. Như từ phương Đông cho đến cả mười phương cũng đều như vậy cả. Như thế, hoặc thế gian hữu tình, hoặc khí thế gian, do nghiệp lực phiền não mà sinh ra, do nghiệp lực phiền não tăng lên mà dựng nên, đều gọi chung là Khổ đế".

Hơn nữa, luận Tạp Tâm có câu hỏi: "Vì sao kiếp hoại không xảy đến cõi đệ tứ Thiền?"

Đáp: "Vì Trời Tĩnh cư. Sinh vào Trời ấy là vô thượng địa, tức nhập Niết bàn ở Trời ấy. Cũng không hạ sinh xuống cõi Dưới, nên không bị số kiếp hủy diệt. Nếu trụ ở đấy, dù trải qua kiếp hoại, cũng không bị như thế. Vì phước lực tăng lên mà sinh ở cõi ấy, nên không có nhiễu loạn ở bên trong. Nếu trong cõi ấy có nhiễu loạn thì bên ngoài bị tai họa. Trong cõi Sơ Thiền ấy có lửa giác quán, nhiễu loạn, nên bên ngoài bị hỏa tai thiêu đốt. Trong cõi thứ hai Thiền có nước Hỷ nhiễu loạn, nên bên ngoài bị thủy tai cuốn trôi đi. Trong cõi thứ ba Thiền có gió hơi thơi ra, vào nhiễu loạn, nên bên ngoài bị phong tai hủy hoại". Hỏi: "Cõi đệ tứ Thiền chưa từng có nhiễu loạn, vì sao lại chịu vô thường?". Đáp: " Vì bị vô thường hủy hoại trong từng sát na, nên cõi đệ tứ Thiền nhất định không hằng hữu. Khi Trời ấy sinh ra, cung điện đều dựng lên. Nếu Trời ấy mệnh chung, cung điện sẽ cùng biến mất mà thôi!".

Thứ tư: PHẦN KIẾP THÀNH

Theo kinh Khởi Thế nói: "Bấy giờ, lại trải qua vô lượng kiếp lâu dài không thể tinh đếm ngày tháng thì nổi lên một vầng mây lớn, đến nỗi che khắp thế giới Phạm Thiên. Sau khi che khắp xong, liền đổ xuống cơn mưa lớn. Giọt nước rất thô, có giọt bằng trục bánh xe, có giọt như chày vồ. Cơn mưa trải qua hằng trăm ngàn vạn năm. Vũng nước đọng càng lớn dần, đến nỗi ngập đầy các thế giới Trời đang trụ. Nhưng vũng nước ấy được bốn ngọn gió cầm chân lại. Bốn ngọn gió nào? Một là Trụ, hai là An trụ, ba là Bất đọa, bốn là Lao chủ. Khi cơn mưa ấy dứt rồi, vũng nước đọng lại rút xuống vô lượng trăm ngàn vạn ức do tuần.

Vào lúc bấy giờ, khắp bốn phương nhất tề có gió lớn, gọi là A-na-tỳ-la, nổi dậy thổi làm vũng nước ấy hỗn loạn không ngừng. Trong nước tự nhiên sinh ra lớp bọt lớn. Gió thổi tung lớp bọt lên giữa không trung. Trên mặt tạo thành cung điện Phạm Thiên bằng bảy loại báu vật xen kẽ thật vi diệu khả ái, ấy là vàng, bạc, pha lê, lưu ly, châu đỏ, xa cừ, mã não. Có Phạm Thiên ấy từ thế gian xuất sinh. Vũng nước lớn nầy lại rút xuống vô lượng trăm ngàn vạn ức do tuần. Cũng như trước, khắp bốn phương nổi cơn gió gọi là A-na-tỳ-la. Do cơn gió nầy thổi tung lớp bọt, biến thành cung điện. Tường vách của Trời Ma thân giống như của Trời Phạm thân, không khác. Chỉ có màu sắc tinh thô của bảo vật thì khác mà thôi. Như vậy, kế tiếp tạo thành Trời Tha hóa tự tại, lần lượt đến Trời Dạ ma. Tất cả sáu Trời theo thứ tự tạo thành đầy đủ như Trời Phạm Thiên, không khác. Chỉ khác nhau về màu sắc tinh thô của bảo vật. Vũng nước đọng bây giờ lại tiếp tục rút xuống vô lượng trăm ngàn vạn ức do tuần, rồi ngừng lại trong vắt. Trong vũng nước ấy, từ khắp bốn phương trên mặt nước, nổi lên lớp bọt dày sáu mươi tám ức do tuần, chu vi rộng lớn vô lượng. Cơn gió lớn thổi lớp bọt lại tạo thành núi Tu-di bằng bốn loại bảo vật. Cơn gió lại thổi lớp bọt trên mặt nước, tạo thành Trời Tam thập tam bằng bảy loại bảo vật. Cơn gió lại thổi lớp bọt trên mặt nước, tạo thành cung điện của thiên tử Nhật nguyệt đều bằng bảy loại bảo vật, nằm ở khoảng lưng chừng núi Tu-di, cao bốn vạn hai ngàn do tuần. Do nhân duyên nầy, thế gian mới có cung điện của bảy vầng mặt nhật an trụ hiện nay. Cơn gió lại thổi lớp bọt nước lên trên mặt biển, cao vạn do tuần, giúp cho Không cư Dạ-xoa tạo thành cung điện bằng pha lê. Thành quách cũng như thế. Cơn gió lớn lại thổi lớp bọt biển đến khắp bốn phía núi Tu-di, mỗi phía cách một ngàn do tuần, ở dưới biển lớn, tạo nên thành trì A-tu-la ở khắp bốn phía, trang hoàng bằng bảy loại báu vật. Cơn gió lớn lại thổi lớp bọt trên vũng nước, tạo thành các núi báu to lớn khác. Lần lượt như thế, cơn gió lớn thổi lớp bọt nước qua khỏi bốn châu lớn, tám vạn châu nhỏ, núi chúa Tu-di và tất cả các núi lớn khác ở ngoài, tạo thành vòng núi bao quanh, gọi là núi Đại luân vi, cao rộng tới mức sáu trăm tám mươi vạn ức do tuần, kiên cố, chắc chắn, làm bằng kim cương, khó phá hoại nổi. Cứ thế, cơn gió lớn thổi quật tung mặt đất, dần đào xuống sâu, đặt vũng nước đọng lớn vào giữa, trong trẻo, im lìm. Do nhân duyên nầy mới có biển cả".

Vả lại, kinh Khởi Thế nói: "Nước của biển cả nầy, vì nhân duyên nào, mặn chát như thế, không thể ăn uống được? Điều ấy có ba nhân duyên. Ba nhân duyên nào?

+ Một là sau trận hỏa tai, trải qua vô lượng thời gian, nổi lên một vầng mây lớn ngừng lại che khắp. Sau đó, đổ xuống cơn mưa ngập cả thế gian. Nước cơn mưa lớn ấy tẩy rửa tất cả cung điện của Phạm Thiên. Kế tiếp, tẩy rửa các cung điện của Trời Tha hóa tự tại, của Trời Hóa lạc, của Trời Đâu suất, của Trời Dạ ma đâu đó xong xuôi. Trong khi tẩy rửa các cung điện ấy, các chất mặn chát đều chảy xuống. Kế tiếp, lại tẩy rửa núi Tu-di, bốn châu lớn và tám vạn châu nhỏ, các núi non to lớn khác. Trong khi tẩy rửa như thế, nước mặn róc rách chảy xuống biển cả. Vì nhân duyên nầy, khiến nước của biển cả mặn chát, không thể ăn uống được.

+ Hai là các chúng sinh đại thủy thần có thân lớn sinh sống trong biển cả này, bài tiết chất đại tiểu tiện vào trong biển cả. Vì nhân duyên nầy, khiến nước của biển cả mặn chát, không thể ăn uống được.

+ Ba là nước của biển cả nầy, ngày xưa từng bị chư Tiên niệm chú, cầu cho biển cả trở thành mặn, không thể ăn uống được. Vì nhân duyên nầy, khiến nước của biển cả mặn chát, không thể ăn uống được".

Lại nữa, luận Thuận Chánh Lý nói: "Cái gọi là kiếp thành, nghĩa là từ khi gió nổi lên cho đến khi chúng sinh mới sinh vào địa ngục. Nghĩa là thế gian này bị Tam tai hủy hoại rồi đến hai mươi kiếp trung gian chỉ có hư không. Qua khỏi thời gian lâu dài nầy, sau đó phải có các kiếp trụ, rồi mới đến kiếp thành. Tất cả chúng sinh tăng thêm nghiệp lực. Trong không trung liền có làn gió nhẹ sinh ra. Đó là tướng báo trước khí thế gian sắp thành. Gió dần tăng mạnh, thành lập các loài phong luân, thủy luân, kim luân như đã nói trước đây. Nhưng khi mới thành lập thiên cung của Đại phạm, cho đến thiên cung Dạ ma, lại nổi lên các cơn gió. Đây gọi là thành lập ngoại khí thế gian. Do nghiệp lực của chúng sinh, nghĩa là thanh tịnh trong sáng, nên lâu nay đã tụ họp chúng sinh, chư Thiên cũng nhiều. Vì cư xử xốc nổi, các phước báo giảm dần, cần phải phân tán xuống các cõi thấp. Đấy là chúng sinh đầu tiên của khí thế gian, rất thanh tịnh trong sáng, mạng chung, sinh vào cõi Đại phạm trong cung điện giữa không trung. Sau đó, các chúng sinh cũng theo kẻ ấy mạng chung, có người sinh vào thiên cung của Phạm phụ, có người sinh vào thiên cung của Phạm Thiên. Có người sinh vào thiên cung của Trời Tha hóa tự tại. Dần dần, hạ sinh xuống cho đến Nhân đạo, sau xuống đến ngạ quỷ, súc sinh, địa ngục. Chiếu theo các kiếp sau, kiếp thành, kiếp hoại có sớm nhất. Nếu khi có chúng sinh đầu tiên sinh vào địa ngục vô gián thì hai mươi kiếp thành trung gian xem như đã mãn hạn. Sau nầy lại có hai mươi kiếp trung gian, gọi là Thành rồi trụ lần lượt bắt đầu".

Luận Lập Thế A Tỳ Đàm nói: "Khi tất cả khí thế gian bắt đầu thành rồi, có hai loại giới trở nên trường cửu đó là địa và hỏa giới. Khi phong giới bắt đầu thổi, thì hỏa giới nung nấu địa giới. Phong giới thường nổi lên, thổi tất cả mọi vật, khiến thành kiên cố. Đã kiên cố rồi, tất cả bảo vật đều hiển hiện. Với thời gian lâu dài như thế, sáu mươi Tiểu kiếp, rốt cuộc cũng đã trải qua".

Hơn nữa, kinh Trường A-hàm nói: "Ba giới địa này và Địa giới làm thành Tứ tai Tứ kiếp. Trừ Địa giới, nói ba là đại kiếp. Chỉ do chưa nói đến cõi đệ tứ Thiền. Vì là Trời tĩnh cư, nên có thể sinh vào vô thượng địa, liền nhập Niết bàn ở cõi ấy. Cũng không hạ sinh xuống cõi thấp, không bị kiếp số hủy diệt, nên biến thành trời đất. Trời đất trở lại ban đầu. Thật chẳng có gì. Chẳng có mặt trời mặt trăng. Đất trào lên suối ngọt, mùi vị như sữa mật. Bấy giờ, chư Thiên Trời Quang Âm, có vị phước báo đã hết, đến sinh vào đấy, có vị ham thích đến chơi đất mới. Do tính nhiều nông nổi, chọc ngón tay nếm thử ba lần, được mùi vị ngon ngọt, liền ăn hoài không thôi. Dần dần sinh da thô, mất thiên chân đẹp đẽ. Thần túc sáng láng, hóa ra hôn ám tối tăm. Sau đó, có cơn gió đen thổi vào nước biển ấy, nổi lên hai vầng nhật nguyệt, rồi đem đặt vào nhật quỹ bên núi Tu-di. Cả hai nhiễu quanh núi Tu-di, chiếu sáng khắp bốn châu. Bấy giờ, mọi người thấy nhật nguyệt lên thì hoan hỷ, thấy lặn xuống thì lo sợ. Từ đấy về sau, ngày đêm, sáng tối, Xuân Thu, năm tháng xoay vần, hết rồi lại bắt đầu. Khi kiếp mới hành, chư Thiên giáng hạ, trở thành người thảy đều hóa sinh. Thân thể sáng láng tự tại, thần túc bay lượn. Chưa có nam, nữ, tôn ti, mọi người cùng nhau chung sống, nên mới gọi là chúng sinh. Có đất tự nhiên, mùi vị như bơ sữa, hay như sữa tươi, ngon ngọt như mật. Sau đó chúng sinh chọc tay nếm thử, liền sinh quen mùi vị, dần thành đoàn thực. Sáng láng bớt dần, chẳng còn thần thông. Kẻ ăn nhiều vị đất, nhan sắc khô héo. Kẻ nào ăn ít, nhan sắc tươi mát, liền sinh hơn thua. Vì nhân duyên hơn thua, liền sinh phải trái. Vị đất hết dần, mọi người đều buồn phiền, thở than, cho là tai họa. Vị đất không còn, lại sinh váng đất, giống như bánh mỏng. Váng đất đã hết, lại sinh da đất. Da đất hết nốt, theo kinh Tăng-nhất- A-hàm, lại sinh mỡ đất tự nhiên, vị ngọt giống như rượu nho".

Vả lại, kinh Lâu Thán nói: "Mỡ đất hết sinh, lại sinh hai dây nho, mùi vị cũng ngọt. Lâu lâu ăn nhiều, cùng ôm nhau cười. Hai dây nho hết sinh, lại sinh gạo có cám, không có trấu. Không thêm gia vị, vẫn đủ mùi ngon. Chúng sinh ăn vào, sinh ra hình thể nam nữ". Lại nữa, kinh Tăng-nhất- A-hàm nói: "Các thiên tử bây giờ có nhiều ước muốn

về tình dục, liền thành ra người nữ, nên mới có tên vợ chồng. Về sau chúng sinh dâm dục càng tăng, vợ chồng bèn ở chung. Các chúng còn lại, phước thọ sắp hết. Sau khi lìa Trời Quang Âm, đến sinh tại đây, ở trong bào thai của mẹ, nhân đó, thế gian mơi có sinh ở bào thai. Bấy giờ, xây dựng thành lớn Chiêm bà cho đến tất cả các thành quách khác. Gạo cám tự nhiên, sáng cắt chiều chín, chiều cắt sáng chín. Cắt xong liền sinh lại".

Còn nữa, theo kinh Trung A-hàm nói: "Hạt gạo dài bốn tấc, chưa có gié, có cọng. Bấy giờ, có chúng sinh cắt về để dành làm lương thực ăn đủ suốt ngày. Như thế, chúng sinh bắt chước nhau, đến nỗi lấy gạo về để dành làm lương thực ăn đủ năm ngày. Dần dần, sinh ra gạo có vỏ trấu. Cắt xong không mọc lại nữa, thành ra có cây khô. Bấy giờ, chúng sinh áo não, khóc lóc. Mỗi người rào ngăn nhà đất, lúa gạo để làm ranh giới. Bọn họ cất giấu lúa gạo của mình, rồi đi ăn cắp ruộng lúa của kẻ khác. Không tài nào giải quyết nổi tranh chấp, nên cùng nhau bàn bạc lập ra một người làm chủ, công bằng giúp đỡ người dân, thưởng thiện phạt ác. Do đó, mới có các loại dao gậy tra khảo giết chóc. Đây là nguyên nhân của sinh lão bệnh tử. Vì có ruộng đất dẫn đến tranh tụng, nên mỗi người đều cắt bớt phần mình, đem cung cấp cho người chủ. Bởi thế, mới tuyển chọn một người, hình dung uy nghi, có nhiều tài đức, mời lên làm chủ. Nhờ thế mới có danh hiệu dân chủ, danh từ điền trạch, nhà cửa. Từ đây, thiên hạ ấm no, an lạc không thể nói hết. Dân chủ kính tuân thập thiện, thương xót nhân dân như cha mẹ yêu con. Nhân dân tôn kính dân chủ như con kính cha. Thiên hạ tuổi thọ lâu dài, no ấm an lạc vô tận".

Lại nữa, theo luận Thuận Chánh Lý nói: "Vì bắt đầu ăn lối đoàn thực nên thân thể dần dần cứng cỏi nặng nề. Vẻ sáng láng biến mất, khí hắc ám phát sinh. Mặt trời, mặt trăng, tinh tú từ đấy xuất hiện. Bởi dần dà ham mê mùi vị nên vị đất lẫn trốn. Từ đấy, có bánh da đất sinh ra, mọi người tranh nhau ham mê ăn lấy. Bánh da đất lại lẫn trốn. Bấy giờ, lại có sắn rừng xuất hiện, mọi người tranh nhau ham mê ăn lấy. Sắn rừng lại lẫn trốn. Có loại lúa thơm không cấy mà tự mọc lên, mọi người tranh nhau cắt về làm thức ăn, thức ăn này thô tạp nên cơ thể đọng lại cặn bã. Vì muốn tẩy trừ cặn bã nên sinh ra hai đường bài tiết, nhân đó mới sinh ra bộ phận sinh dục nam nữ. Do hai bộ phận nầy khác nhau nên hình dáng cũng dị biệt. Do nghiệp lực thúc đẩy, nên nam nữ cùng thích nhìn ngắm nhau, nhân đó mới sinh ra điều xằng bậy. Thậm chí còn do trộm cướp gây tội lỗi nên mọi người cùng nhau tuyển chọn

một người có đạo đứng ra làm chủ. Mỗi người trích ra một phần sáu hoa lợi thu được mướn nhờ bảo vệ, phong làm Điền chủ. Nhân đó mới đặt ra tên Sát đế lợi. Đại chúng đều khâm phục. Sát đế lợi ban ơn dẫy đầy khắp đất nước, nên lại gọi tên là Đại vương. Bấy giờ, chưa có nhiều vị vương, so với các vị vương về sau, vị Đại vương này có trước tiên".

Hơn nữa, kinh Trường A-hàm nói: "Phật bảo Tỳ-kheo có bốn sự kiện lâu dài vô lượng vô hạn, không thể lấy số ngày, tháng, năm ra tính toán được. Đó là bốn sự kiện gì?

+ Một là khi Tam tai ở thế gian manh nha nổi lên, hủy diệt thế gian nầy, có thời kỳ trung gian lâu dài, không thể lấy ngày, tháng, năm ra tính toán được.

+ Hai là khi thế gian nầy hủy diệt xong, có thời kỳ trung gian trống không, không có thế gian lâu dài, xa xôi không thể lấy ngày, tháng, năm ra tính toán được.

+ Ba là trời đất mới bắt đầu sắp thành hình, có thời kỳ trung gian lâu dài, không thể lấy số ngày, tháng, năm ra tính toán được.

+ Bốn là khi trời đất thành rồi trụ, lâu dài không hủy diệt, không thể lấy số ngày, tháng, năm ra tính toán được.

Đấy là bốn sự kiện lâu dài, vô lượng vô hạn, không thể lấy số ngày, tháng, năm ra tính toán được". Tụng rằng:

"Trăm tuần hạt dễ hết,
Tam tai xét cũng qua.
Lửa đá không thường sáng,
Điện trời chẳng lóe hoài.
Đói quá cùng xâu xé,
Binh đao nổi rộn trời.
Bệnh dịch chữa không khỏi,
Rên la chỉ nhọc lời.
Thân thích không hề cứu,
Quyết hại chút tàn hơi.
Khuyến văn đầy giỏ phí,
Vui theo phú quý mồi.
Than thở vô thường chóng,
Buồn đau khổ nghiệp vùi.
Sinh diệt hằng thôi thúc,
Bức bách chẳng yên nơi".

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 2

Thiên thứ 2: TAM GIỚI

Tam giới có hai loại: Một là Tứ châu. Hai là chư Thiên.

I. THUYẾT MINH TỨ CHÂU

Tứ châu có mười phần: Thuật ý, Hội danh, Địa lượng, Sơn lượng, Giới lượng, Phương thổ, Thân lượng, Thọ lượng, Y lượng, Ưu liệt.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Xét rằng: Tam giới yên vị, lục đạo phân chia. Tinh thô khác vẻ, khổ lạc không đồng. Xem tận ngọn nguồn, không lìa hai chữ sắc tâm. Kiển nghiệm cứu cách, chẳng có gì ngoài sinh diệt. Sinh diệt luân hồi, chính thị vô thường. Sắc tâm ảnh huyễn, ấy là gốc khổ. Thế nên, kinh Niết Bàn thí dụ với Đại hà, kinh Pháp Hoa so sánh với Đại trạch. Thánh nhân mở đường giác ngộ, dừng bước lại để quay về. Mau mau vượt khỏi Tam giới, dần dần bước sang Thập địa. Tìm tòi bản thể của thế gian, gặp đúng thời tiết mới sinh ra. Vùi dập qua bao tai kiếp, cuối cùng trở lại hư không. Cái gọi là thọ ngắn, nghĩa là có thọ dài. Có dài mới hiện rõ nghĩa của ngắn.

Than ôi! Hư không chẳng thấy, nên giới hạn thật vô cùng. Thế giới bao la, nên có thiên hình vạn trạng. Ở đấy, Đại thiên do Pháp vương thống lãnh, Tiểu thiên được Phạm vương điều hành. Tu-di là chỗ Đế-thích cư trú. Thiết vi là thành trì của chư Thiên. Đại hải là vực lớn của tám phương, nhật nguyệt là đèn đuốc của bốn hướng. Đông đảo quần sanh, hân hoan xem đấy là nhà. Nhung nhúc vạn vật, chẳng nghĩ đến chỗ đày đọa! Đắm giữa tục mà xem, chỉ là lời viễn vông vu khoát. Lấy đại đạo để xét, chính là việc gần gũi tấc gang.

Thế gian sùng thượng Châu công, Khổng Tử có công san định điển phần, nhưng hai vị Thánh ấy luận bàn về vũ trụ, ức đoán không nổi! Dịch gọi Huyền thiên, vốn đặt tên cho cõi thâm u. Trang nói Thương

thiên, chỉ gần màu nhìn từ xa vậy. Do đó, kẻ dốt cả tin, bảo: "Trời xanh như ngọc". Nho sĩ dựa sách, nói: "Trời đen như sơn". Xanh, đen thật khác biệt, hiểu sai lạc cũng giống như nhau. Nho dốt dẫu chẳng đồng, không biết gì, đều chỉ là một! Mới hay, đời tôn kính tên Trời mà không rành chân tướng. Há biết được vẻ tráng lệ của cõi Lục dục, sự quang minh của chốn Thập phạm đến mức nào? Than ôi! Hiện trạng vủa Tam giới còn chẳng ai hay. Không nghĩ đến diệu lý, đương nhiên gác bỏ.

Thiết tưởng các kinh điển Đại thừa đã nói nhiều về "không" sâu xa: Tìm tòi các kinh Trường A-hàm, Lâu Thán, nói về thế giới, mà văn chương uyên bác, kệ tán rất nhiều, rốt lại, cũng khó nghiên cứu. Nay chỉ chọn lọc những điều thiết yếu, đại lược, cốt nêu cao chỗ thâm viễn mà thôi.

Thứ hai: PHẦN HỘI DANH

Theo các kinh Trường A-hàm và Khởi Thế nói: "Giữa trung tâm bốn châu là núi Tu-di, phía ngoài núi nầy có tám ngọn núi khác bao bọc chung quanh. Dưới chân núi Tu-di là biển lớn, sâu tám vạn bốn ngàn do tuần. Bên cạnh tám ngọn núi là biển lớn, phần trước rộng tám ngàn do tuần, trong có nước tám công đức. (Theo luận Thuận Chánh Lý nói: một là ngọt, hai là mát, ba là diệu, bốn là nhẹ, năm là trong, sáu là không hôi, bảy là không rát họng, tám là uống rồi không đau bụng). Cứ thế, biển hẹp dần. Đến dưới chân ngọn núi thứ bảy, biển còn rộng một ngàn hai trăm năm mươi do tuần. Phía ngoài rộng vô bờ bến. Ngoài biển này còn có ngọn núi khác, tức là núi Đại Thiết Vi bao bọc chung quanh và mặt trời mặt trăng ngày đêm luân phiên nhau soi sáng thiên hạ bốn phương, gọi là một quốc độ. Lấy một quốc độ nầy làm đơn vị, đủ một ngàn núi Thiết Vi bao quanh xong, gọi là một Tiểu thiên thế giới. Lại đủ một ngàn núi Thiết Vi bao quanh xong, gọi là một Trung thiên thế giới. Từ số Trung thiên này, lại đủ một ngàn núi Thiết Vi bao quanh xong, gọi là một đại thiên thế giới. Trong đó, trên núi Chúa của bốn châu đều có gắn mặt trời mặt trăng soi chiếu. Thậm chí số đỉnh núi của Đại thiên thế giới nhiều đến vạn ức". (Xưa nói trăm ức là tính sai).

Thành thì cùng hành, hoại thì cùng hoại, đều là cõi do một đức hóa Phật thống lãnh, gọi là Tam thiên đại thiên thế giới, hiệu là Ta Bà thế giới. Chính gốc tiếng Phạm gọi là Tát Ha thế giới. Theo kinh Tự Thệ Tam Muội nói: "Ta Ha thế giới (Tiếng Hán là Nhẫn giới, là do người ở đây bản tính cương cường, gặp chuyện khó nhẫn nhục nên gọi là nhẫn) có đức Phật tên Năng Nhân thống lãnh một cõi bao la gọi là

Tam giới gồm có: một là Dục giới, hai là Sắc giới, ba là Vô sắc giới. Trước tiên là Dục giới. Có bốn loại dục: một là tình dục, hai là sắc dục, ba là thực dục, bốn là dâm dục. Thứ hai là Sắc giới. Có hai loại Sắc giới: một là tình dục, hai là sắc dục. Thứ ba là Vô sắc giới thì chỉ có tình dục. Trong Dục giới có bốn loại vừa nói trên, vì dục mạnh, sắc yếu, nên gọi là Dục giới. Trong Sắc giới thứ hai, vì sắc mạnh, dục yếu, nên gọi là Sắc giới. Trong Vô sắc giới thứ ba, sắc hết, dục yếu, nên gọi là Vô sắc giới". (Theo kinh Hoa Nghiêm, biện luận về Tam thiên đại thiên thế giới vốn có nhiều loại. Ở đây không cần phải thuật lại rườm ra).

Thứ ba: PHẦN ĐỊA LƯỢNG

Theo kinh Hoa Nghiêm nói: "Tam thiên đại thiên thế giới, vì vô lượng nhân duyên mà thành. Hơn nữa, như thế giới nương tựa vào thủy luân, thủy luân dựa vào phong luân, phong luân lại nương tựa vào không luân. Không luân không nương tựa vào đâu. Còn chúng sinh chịu nghiệp lực nên thế giới an trụ". Bởi thế, luận Trí Độ nói: "Tam thiên đại thiên thế giới đều nương tựa vào phong luân để làm nền tảng". Hơn nữa, kinh Tân Phiên Bồ Tát Tạng nói: "Vì chư Phật thành tựu được trí tuệ bất khả tư nghị nên biết được các tướng của mưa gió. Biết được thế gian có cơn gió lớn tên Ô-lô-bác-ca, biết đến chúng sinh vì có giác quan nên đều bị cơn gió lớn nầy lay động, cơn gió nầy ước lượng cao đến ba câu lô xá. Ở trên cơn gió nầy, trong không trung lại có cơn gió gọi là Vân phong luân, nổi lên, cơn gió nầy ước lượng cao đến năm câu lô xá. Ở trên cơn gió nầy, trong không trung lại có cơn gió gọi là Chiêm bạc ca, nổi lên, cơn gió nầy ước lượng cao đến mười du thiện na. Ở trên cơn gió nầy, trong không trung lại có cơn gió nổi lên, gọi là Khuyển tác phược ca, cơn gió này ước lượng cao đến ba mươi du thiện na. Lại trên cơn gió này, giữa không trung còn có cơn gió nổi lên, gọi là Khứ lai, cơn gió này ước lượng cao đến bốn mươi du thiện na. Như thế, này Xá-lợi-tử, lần lượt xoay lên đến sáu vạn tám ngàn câu đê tướng của phong luân, Như Lai giác ngộ đạo vô thượng, dựa vào đại trí tuệ đều biết hết tất cả. Này, Xá-lợi-tử! Phong luân ở trên cùng tên là Châu biến. Trên đó là chỗ thủy luân nương tựa. Nước này ước lượng cao đến sáu mươi tám ức du thiện na, là chỗ thế giới ấy nương tựa. Đất của thế giới ấy cao đến sáu mươi tám ngàn du thiện na. Này, Xá-lợi-tử, trên đất ấy ước lượng có một Tam thiên đại thiên thế giới". Vả lại, kinh Lâu Thán nói: "Đất nầy sâu hai mươi ức vạn dặm. Dưới có kim túc cũng sâu hai mươi ức vạn dặm. Dưới có kim cương cũng sâu hai mươi ức vạn dặm. Dưới

có nước giới hạn sâu tám mươi ức vạn dặm. Dưới nước có gió lớn vô cùng, sâu đến năm trăm hai mươi ức vạn dặm. Trên đây có sáu tầng. Bốn tầng trước là địa luân, tầng thứ năm là thủy luân, tầng thứ sáu là phong luân". Kinh Kim Quang Minh nói: "Đất nây sâu một ngàn sáu vạn tám ngàn do tuần. Dưới có kim sa. Kim sa chính là kim túc. Dưới có kim cương địa. Giải thích rằng: "Phong luân trước kiên cố không thể hủy hoại. Có lực sĩ Đại lạc na dùng chày kim cương đánh vào làm cho chày vỡ mà phong luân không hề hư hao. Lực sĩ Đại lạc na ấy là đệ tứ Phạm vương có sức na la diên. Đấy cũng là sức của Phật thân, cũng gọi là phong luân na la diên. Trên phong luân nầy có thủy luân. Theo kinh Lập Thế thì thủy luân nầy sâu đến một trăm mười ba vạn do tuần, kém hơn phong luân ba mươi tám vạn do tuần. Vì nghiệp lực của chúng sinh nên nước nầy không chảy đi được. Giống như ăn không tiêu, không vào ruột được vậy. Lại giống như bồ chứa gạo bên trong, ngoài đem buột chặt. Thủy luân cũng thế, vì ngoài có gió giữ lại, không cho chảy đi. Như thế gian quậy bơ làm sữa, sức gió nầy thổi thuận chiều. Nước nầy biến thành kim thủy, sâu đến một trăm mười ba vạn do tuần. Khi đã êm thấm thành kim thủy chỉ còn sâu được tám mươi vạn do tuần. Số ba mươi ba vạn do tuần giảm bớt thuộc về kim địa. Kim địa nầy từ ít hóa thành nhiều, nên dày đến mười hai lạc na. Mỗi lạc na có mười vạn do tuần. Kim địa nầy có hai chiều ngang dọc đều bằng nhau".

Thứ tư: PHẦN SƠN LƯỢNG

Nay dựa vào trong một cõi Tam thiên đại thiên thế giới, đều có chư Phật hiện thân giáo hóa, hiện thân giáng sinh, hiện thân sinh diệt, chỉ đường tứ Thánh, mở lối lục phàm. Ước chừng trong một quốc độ bốn phương thiên hạ, tức là cõi được một vầng nhật nguyệt luân phiên soi chiếu, ở giữa có núi Tô Mê Lô ngự trị. (Đời Đường hiện nay dịch là núi Diệu cao xưa gọi là núi Tu-di, còn gọi là Mê lưu, cũng gọi là núi Di lâu. Đều hơi lầm cả). Núi nầy cao ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, do bốn loại bảo vật tạo thành. Mặt Đông bằng vàng, mặt Nam bằng lưu ly, mặt Tây bằng bạc trắng, mặt Bắc bằng pha lê. Giữa rốn biển cũng sâu ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, nương tựa trên kim luân, như kinh Khởi Thế nói: "Dưới chân núi Tu-di, có tám lớp núi khác. Lớp núi đầu tiên tên là Khư Đề La, cao bốn vạn hai ngàn do tuần, trên mặt cũng rộng như thế, do bảy loại bảo vật tạo thành. Giữa hai ngọn núi Tu-di và Khư Đề La là khoảng cách rộng tám vạn bốn ngàn do tuần, có chu vi rộng vô lượng. Ngoài núi Khư Đề La, còn có núi khác là Y Sa Đà La, cao hai vạn một

ngàn do tuần, trên mặt cũng rộng như thế, do bảy loại bảo vật tạo thành. Khoảng cách giữa hai núi nầy là bốn vạn hai ngàn do tuần, có chu vi rộng vô lượng. Ngoài núi Y Sa Đà La, còn có núi khác là Du Càn Đà La, cao một vạn hai ngàn do tuần, trên mặt cũng rộng như thế, do bảy loại bảo vật tạo thành. Khoảng cách giữa hai núi nầy là hai vạn một ngàn do tuần, có chu vi rộng vô lượng. Ngoài núi Du Càn Đà La, còn có núi khác là Thiện Kiến, cao sáu ngàn do tuần, trên mặt cũng rộng như thế, do bảy loại bảo vật tạo thành. Khoảng cách giữa hai núi nầy là một vạn hai ngàn do tuần, có chu vi rộng vô lượng. Ngoài núi Thiện Kiến, còn có núi khác là Mã Ngưu Đầu, cao ba ngàn do tuần, trên mặt cũng rộng như thế, do bảy loại bảo vật tạo thành. Khoảng cách giữa hai ngọn núi nầy là sáu ngàn do tuần, có chu vi rộng vô lượng. Ngoài núi Mã Ngưu Đầu, còn có núi khác là Ni Dân Đà La, cao một hai trăm do tuần, trên mặt cũng rộng như thế, do bảy loại bảo vật tạo thành. Khoảng cách giữa hai núi nầy là hai ngàn bốn trăm do tuần, có chu vi rộng vô lượng. Ngoài núi Ni Dân Đà La, còn có núi khác là Tỳ Na Da Ca, cao sáu trăm do tuần, trên mặt cũng rộng như thế, do bảy loại bảo vật tạo thành. Khoảng cách giữa hai núi nầy là một ngàn hai trăm do tuần, có chu vi rộng vô lượng. Ngoài núi Tỳ Na Da Ca, còn có núi khác là Chước Ca La (đời Tùy gọi là núi Luân Vi, tức là núi Thiết Vi), cao ba trăm do tuần, trên mặt cũng rộng như thế, do bảy loại bảo vật tạo thành. Khoảng cách giữa hai núi nầy là sáu trăm do tuần, có chu vi rộng vô lượng. Phía trên bày bố các núi khác, ở giữa là biển nước. Trên mặt biển có các loại hoa Ưu bát la, Bát đầu ma, Câu mâu đà, Bôn trà lợi ca và các loại hương thơm phủ đầy. Cách núi Chước Ca La một khoảng không xa, có một khoảng đất trống, phủ đầy cỏ xanh tức là biển nước. Phía Bắc biển nước này, có cây chúa tên Diêm-phù. Chu vi thân cây đến bảy mươi do tuần, rễ cây ăn sâu vào đất đến hai mươi mốt do tuần. Thân cây cao đến một trăm do tuần, đến nỗi cành là phủ kín bốn phía rộng đến năm mươi do tuần". Kinh Trường A-hàm nói: "Giữa chỗ đất trống của núi nầy có biển lớn tên là Uất Thiền Na. Dưới biển nầy là đường của Chuyển luân vương, rộng mười hai do tuần. Hai bên đường có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây bao bọc trang hoàng, do bảy loại bảo vật tạo thành. Khi Chuyển luân vương xuất hiện ở cõi Diêm-phù-đề, nước tự nhiên rút mất, con đường bằng phẳng hiện ra. Cách biển không xa, có núi tên Uất Thiền Na. Cách núi nầy không xa, lại có núi khác tên là Kim Bích. Qua khỏi núi nầy, lại có núi khác tên Tuyết Sơn, ngang dọc rộng năm trăm do tuần, cũng sâu năm trăm do tuần.

Giữa núi Tuyết Sơn là núi Bảo Sơn, cao hai mươi do tuần. Chóp núi Tuyết Sơn mọc cao một trăm do tuần, trên đỉnh có ao A nậu đạt, ngang dọc rộng năm mươi do tuần. Nước ao mát mẻ, trong trẻo, không dơ bẩn. Bờ ao do bảy loại bảo vật tạo thành. Dưới đáy ao đọng đầy cát vàng. Ao có loài hoa lớn như bánh xe, cuống hoa lớn như ổ xe, cuống hoa tiết nhựa trắng như sữa, ngọt như mật. Phía Đông của ao có sông Căng Già, từ miệng Trâu phát nguồn, theo năm trăm sông nhỏ đổ vào biển Đông. Phía Nam của ao có sông Tân Đầu, từ miệng sư tử phát nguồn, theo năm trăm sông nhỏ đổ vào biển Nam. Phía Tây của ao có sông Bác Xoa, từ miệng Ngựa phát nguồn, theo năm trăm sông nhỏ đổ vào biển Tây. Phía Bắc của ao có sông Tư Đà, từ miệng Voi phát nguồn, theo năm trăm sông nhỏ đổ vào biển Bắc". Theo sách Tây Quốc truyện của Pháp sư Huyền Trang nói: "Nằm giữa trung tâm của châu Thiệm Bộ là ao A na bà đáp đa (đời Đường ngày nay dịch là Vô nhiệt, xưa gọi là ao A nậu đạt là sai, nằm tại phía Nam Hương Sơn, phía Bắc Đại Tuyết Sơn, chu vi tám trăm dặm. Bờ sông được trang hoàng bằng vàng bạc, lưu ly, pha lê. Có cát vàng trải đầy, sóng xanh lấp lanh như gương soi. Do có nguyện lực vô biên, Bồ tát Thập Địa hóa thân làm Long vương, đến cư ngụ ở nơi nầy, đem dòng nước trong lành mát mẻ cung cấp cho châu Thiệm Bộ. Bởi thế, ở phía Đông của ao, từ miệng Trâu bạc phát nguyên sông Căng Già (xưa gọi là sông Hằng hà, còn gọi Hằng Già là sai), chảy một vòng quanh ao, rồi đổ vào biển Đông Nam. Ở phía Nam của ao, từ miệng Voi vàng phát nguyên sông Tín Độ (xưa gọi sông Tân Đầu là sai), chảy một vòng quanh ao, rồi đổ vào biển Tây Nam. Ở phía Tây của ao, từ miệng Ngựa lưu ly phát nguyên sông Phược Sô (xưa gọi sông Bác Xoa là sai), chảy một vòng quanh ao, rồi đổ vào biển Tây Bắc. Ở phía Bắc của ao , từ miệng Sư tử pha lê phát nguyên sông Tỷ Đa (xưa gọi sông Tư Đà là sai), chảy một vòng quanh ao, rồi đổ vào biển Đông Bắc. Có người bảo: "Chảy ngầm từ dưới mặt đất rồi đổ ra núi Tích Thạch, tức là sông Tỷ Đa. Đó là nguồn sông của Trung Quốc vậy". Bấy giờ chưa có Chuyển luân vương xuất thế, châu Thiệm Bộ chỉ có bốn cái chủ tể. Phương Nam lấy voi làm chủ, nên nắng ấm thích hợp cho loài voi. Phương Tây lấy bảo vật làm chủ, nên bờ biển đầy bảo vật. Phương Bắc lấy ngựa làm chủ, nên giá lạnh hợp với loài ngựa. Phương Đông lấy người làm chủ nên hòa hợp đông đúc. Thế nên nước lấy voi làm chủ thì nôn nóng, hiếu học, rành rẽ thuật lạ. Nơi ấy bảo vật làm chủ thì không có lễ nghĩa, coi trọng của cải. Cõi lấy ngựa làm chủ thì bản tính hung bạo, tàn nhẫn hiếu sát. Đất lấy người làm chủ thì phong tục thuần hậu,

nhân nghĩa sáng tỏ. Xét tập quán của bốn cái chủ tế, thì phương Đông cao hơn hết: Nhà ở mở cửa về hướng Đông. Ban ngày nhìn về hướng Đông cúng bái. Đất lấy người làm chủ thì tôn kính nhà vua. Thuần phong mỹ tục, đại khái như thế. Về mặt lễ nghĩa quân thần trên dưới, nghi thức pháp độ, văn chương, ở đất lấy người làm chủ, chẳng nước nào hơn. Về mặt giáo hóa cách tẩy tâm giải nghiệp, thoát ly sinh diệt luân hồi, ở nước lấy voi làm chủ, xem ra có chủ trương hơn. Tất cả điều nầy được viết thành kinh điển, ban bố khắp người thông kẻ dốt, tập tành học rộng chuyện xưa nay, khảo cứu tinh tường chuyện kiến thức. Thế thì, đức Phật xuất hiện ở phương Tây, chánh pháp truyền bá sang Đông độ. Phiên dịch sai âm, nói năng lầm tiếng. Sai âm thì mất nghĩa, lầm tiếng thì trái lý. Cho nên mới bảo rằng: "Cần nhất phải minh định danh từ. Chủ yếu tránh khỏi sai lầm vậy".

Hơn nữa, kinh Khởi Thế nói: "Trong cung A Nậu Đạt có ngôi đền năm cột. Long vương A Nậu Đạt thường xuyên cư trú ở đây. Phật bảo: "Vì sao lại gọi là A Nậu Đạt? Có nghĩa là gì?". Tất cả Long vương của cõi Diêm-phù-đề nầy đều có ba điều hoạn nạn. Chỉ có Long vương A Nậu Đạt không bị ba điều hoạn nạn nầy. Ba điều hoạn nạn gì?

+ Một là hết thảy các Long vương đều bị gió nóng, cát nóng thổi chạm vào mình, thiêu đốt da thịt, thiêu đốt đến tận xương tủy, gây nên khổ não. Chỉ có Long vương A Nậu Đạt không bị hoạn nạn như thế.

+ Hai là hết thảy Long cung đều bị gió dữ nổi lên, thổi mạnh vào cung, làm bay mất áo quý có gắn bảo vật, lộ ra mình rồng, gây nên khổ não. Chỉ có Long vương A Nậu Đạt không bị hoạn nạn như thế.

+ Ba là hết thảy Long vương, mỗi vị đều ở trong cung cùng vui thích. Bỗng chim Kim sí lớn bay vào mổ cắn, hoặc nảy cách muốn ăn thịt Long vương, khiến cho Long vương khiếp sợ, thường ôm khổ não. Chỉ có Long vương A Nậu Đạt không bị hoạn nạn như thế.

Nếu chim Kim sí chúa nào nảy ý muốn bay vào Long cung làm hại, sẽ bị chết liền. Vì thế, mới gọi là A Nậu Đạt. A Nậu Đạt nghĩa là không phiền não (đời Tần dịch). Phật bảo Tỳ-kheo: "Bên mặt Tuyết Sơn có thành tên là Kim Tỳ Ly. Phía Bắc thành có bảy ngọn núi Đen. Phía Bắc núi Đen có Hương Sơn. Trong núi thường có tiếng âm nhạc ca múa, hát xướng. Núi có hai hang động. Động thứ nhất tên là Hết, động thứ hai tên là Khéo Hết, do bảy loại bảo vật làm thành, mềm mại thơm tho tựa áo trời. Chúa thần âm nhạc Càn Thát Bà có năm trăm nhạc công tùy tùng, thường ở tại đây". Vả lại, luận Thuận Chánh Lý nói: "Trong bốn châu, chỉ riêng châu Thiệm Bộ có chiếc ghế kim cương, trên cao

đến đất, dưới tựa vào kim luân. Các vị Bồ tát chứng được tối hậu pháp thân, sắp bước lên quả vị Vô thượng Bồ đề, đều ngồi lên nó. Phát khởi kim cương định, dùng vô dư y và hữu dư y cũng như tất cả lực kiên cố khác để giữ chặt chiếc ghế nầy". Lại nữa, kinh A Trường Hàm nói: "Phật bảo Tỳ-kheo: "Có bốn vị thiên thần của Tứ đại. Là bốn vị nào? Một là Địa thần, hai là Thủy thần, ba là Phong thần, bốn là Hỏa thần. Trong Tứ đại nầy, mỗi đại đều có đầy đủ cả Tứ đại". Thế nên, Địa thần nảy ra ác kiến, nói: "Trong Địa không có Thủy, Hỏa, Phong!" Bấy giờ Ta biết được vong niệm của Địa thần nầy, liền đến bảo rằng: "Ông thường nảy sinh vọng niệm, bảo rằng trong Địa không có Thủy, Hỏa, Phong chăng?" Địa thần trả lời: "Thật sự trong Địa không có Thủy, Hỏa, Phong!" Bấy giờ, Ta liền bảo rằng: "Ông đừng nảy sinh vọng niệm mà nói thế này: Trong Địa không có Thủy, Hỏa, Phong! Tại sao như thế? Trong Địa vốn có Thủy, Hỏa, Phong. Chẳng qua, vì Địa nhiều hơn, nên được mang tên Đại Địa đấy thôi". Phật bảo Tỳ-kheo: "Ta giúp cho Địa thần ấy trừ bỏ ác kiến, chỉ giáo lợi lạc để chứng được pháp nhãn thanh tịnh. Trong Thủy có Địa, Hỏa, Phong. Trong Hỏa có Địa, Thủy, Phong. Trong Phong có Địa, Thủy, Hỏa. Song Đại đầu tiên nói trên có thành phần nhiều hơn, nên được mang tên đấy thôi!".

Thứ năm: PHẦN GIỚI LƯỢNG

Theo luận Lập Thế A-tỳ-đàm nói: "Ngoài biển rất mặn, có núi tên là Thiết Vi, ngập trong nước sâu ba trăm mười hai do tuần rưỡi, nổi lên khỏi mặt nước cũng cao như thế, bề mặt cũng rộng như thế, chu vi ba mươi sáu ức một vạn 3năm mươi do tuần. Từ ranh giới phía Nam Diêm-phù-đề đến núi Thiết Vi xa ba ức sáu vạn sáu trăm sáu mươi ba do tuần. Từ trung tâm Diêm-phù-đề đến trung tâm Đông Phất-vu-đãi xa ba ức sáu vạn sáu trăm do tuần. Từ trung tâm Diêm-phù-đề đến trung tâm Tây Cù-da-ni xa ba ức sáu vạn sáu trăm do tuần. Từ ranh giới phía Bắc Diêm-phù-đề đến Bắc Uất-đơn-việt xa bốn ức bảy vạn bảy ngàn năm trăm do tuần. Từ bờ biển ở chân núi Thiết Vi đên tận cùng hải phận phía Tây của núi Thiết Vi ước lượng xa khoảng hai mươi ức hai ngàn tám trăm hai mươi lăm do tuần. Chu vi hải phận của núi Thiết Vi là mười sáu ức tám ngàn bốn trăm bảy mươi lăm do tuần. Từ đỉnh núi Tu-di nầy đến đỉnh núi Tu-di kia xa mười hai ức ba ngàn bốn trăm năm mươi do tuần. Từ trung tâm núi Tu-di nầy đến trung tâm núi Tu-di kia xa mười hai ức tám vạn ba ngàn bốn trăm năm mươi do tuần. Từ chân núi Tu-di nầy đến chân núi Tu-di kia xa mười hai ức ba ngàn mười lăm

do tuần. Tất cả điều nầy là do đức Phật bảo. (Theo kinh Trường A-hàm nói: "Diêm-phù-đề có lãnh thổ ngang dọc rộng bảy ngàn do tuần. Tây Cù-da-ni có lãnh thổ ngang dọc rộng tám ngàn do tuần. Đông Phất-vu-đãi có lãnh thổ ngang dọc rộng chín ngàn do tuần. Bắc Uất-đơn-việt có lãnh thổ ngang dọc rộng mười ngàn do tuần).

Thứ sáu: PHẦN PHƯƠNG THỔ

Tìm tòi ở các sách Địa lý, con người vốn khác biệt, không giống nhau. Tổng quát có hai loại người: Một là phàm, hai là Thánh. Nếu theo địa phương mà nói, thì có bốn giống người, gọi là người của bốn cõi thế giới. Nếu theo chỗ ở mà nói, trong bốn cõi thế giới gồm có bốn ngàn lẻ tám chỗ, thì có bốn ngàn lẻ tám giống người. Nếu chỉ xét một cõi Diêm-phù-đề mà nói, thì như kinh Lâu Tán bảo: "Có ba mươi sáu nước lớn, giống người cũng cùng số nầy". Nếu xem các luận khác, thì có hai ngàn năm trăm nước nhỏ, giống người cũng như vậy. Hơn nữa, trong từng nước một, có ngần này giống người: Hồ, Hán, Khương, Lỗ, Man, Di, Sở, Việt. Mỗi giống người, tùy theo môi trường địa lý dị biết mà có hình dạng khác nhau, không thể nói hết ra đây. Do đó, kinh Lâu Thán có nói: "Chủng tộc của cõi Nam Diêm-phù-đề nầy sai biệt, gồm có sáu ngàn bốn trăm giống người". Nhưng chỉ nói gom tổng số, không kể riêng tên của mỗi giống người. Kinh Trường A-hàm nói: "Phật bảo Tỳ-kheo: "Bốn cõi thế giới nầy có tám ngàn thế giới bao quanh bên ngoài. Lại có biển lớn bao quanh tám ngàn thế giới ấy. Lại có núi Đại Kim Cương bao quanh biển lớn ấy. Ngoài núi Đại Kim Cương này, còn có núi Đại Kim Cương thứ hai. Khoảng cách giữa hai núi nầy sâu xa thâm thẳm. Dù thiên thần nhật nguyệt có uy lực vĩ đại, cũng không thể đem ánh sáng soi chiếu tận tám cõi địa ngục lớn ấy được!"

Thứ nhất là nói về nước Bắc Uất-đơn-việt. Theo kinh Trường A-hàm nói: "Thế giới phía Bắc núi Tu-di là nước Uất-đơn-việt, có lãnh thổ rất vuông, ngang dọc rộng một vạn do tuần. Mặt người cũng vuông vức giống như địa hình ở đấy. Có cây chúa lớn tên là Am Bà La, chu vi bảy do tuần, cao 1 trăm do tuần, cành lá che kín bốn phía năm mươi do tuần. Nước ấy có nhiều núi non, ao tắm, hoa quả tốt tươi, vô số chim chóc ca hót. Đất sinh cỏ mượt, ngả về phía hữu, màu xanh lục biếc như lông chim khổng tước, thơm tho ngào ngạt như mùi Bà sư, dịu dàng như tấm áo trời. Đất ở đấy mềm mại, co dãn được. Lấy chân dẫm xuống, lún sâu bốn tấc, giở chân lên, đất lại trồi lên như cũ. Mặt đất lại bằng phẳng, như lòng bàn tay, không còn chỗ cao thấp. Bốn phía của nước có

bốn ao A Nậu Đạt, ngang dọc rộng một trăm do tuần, bờ ao do bảy loại bảo vật tạo thành. Có bốn dòng sông xuất phát từ bốn ao nầy, rộng đến mười do tuần. Trên mặt sông chim chóc hòa ca. Đất ấy không có hang sâu khe hiểm, cây cối gai góc khổ sở, cũng không có muỗi mòng độc hại, trong đất thuần đầy các loại bảo vật. Âm dương điều hòa, bốn mùa thuận tiện, thảo mộc sinh sôi. Không có mùa đông rét buốc, mùa hạ oi nồng. Đất ấy luôn sinh ra giống lúa cho gạo có cám tự nhiên. Không trồng mà mọc, không có vỏ trấu, như chùm hoa trắng muốt. Trông giống như thức ăn trên Trời Đao lợi, có đủ hương vị ngon lành. Đất ấy cũng luôn có loại nồi tự nhiên. Có loại châu quý báu tên là Diệm quang. Đem châu đặt dưới nồi, khi cơm chín thì ánh sáng của châu tự tắt, không cần củi lửa, không phí sức người. Đất ấy có cây tên là Khúc cung, cành lá sắp lớp, trời mưa không thấm nước. Trai gái ở đấy thường nghỉ ngơi dưới tán cây này. Lại có cây Hương cao bảy mươi dặm, hoa quả tốt tươi. Đến khi quả chín, vỏ tự nhiên nứt, mùi hương bay ra. Hoặc có cây lớn cao sáu mươi dặm, hoặc có cây cao năm mươi dặm, cây nhỏ chỉ cao năm dặm. Đến khi quả chín, vỏ tự nhiên nứt, tuôn ra các loại áo quần, hoặc tuôn ra các loại trang sức, hoặc tuôn ra các loại đồ dùng, hoặc tuôn ra các loại thức ăn. Đôi khi đùa giỡn trên sông, có các loại thuyền bằng bảo vật. Khi người dân ở đấy muốn vào trong nước tắm rửa nô đùa, liền cởi y phục bỏ lại trên bờ. Chèo thuyền ra giữa dòng sông, rong chơi thỏa thích. Xong xuôi, rẽ nước lên bờ, gặp được áo quần, mặc lấy tự nhiên. Người lên trước mặt trước, kẻ lên sau mặt sau, không cần tìm đúng áo quần của mình. Sau đó, đến bên cây Hương, cây liền cong xuống, người ấy lấy tay chọn lựa nhạc khí, lên dây và cất tiếng hát du dương, hòa theo tiếng đàn mà đi vào vườn thưởng thúc vui thú. Đất ấy vào nữa đêm, Long vương A Nậu Đạt thường hay cho nổi lên các đám mây thanh tịnh bao quanh thế gian, rồi đổ xuống cơn mưa ngọt ngào, bằng khoảng thời gian vắt xong bầu sữa bò mẹ, đem nước tám công đức tưới thấm chan hòa. Nữa đêm về sáng, bầu trời trong suốt, không có mây che. Mặt biển nổi lên làn gió mát mẻ, thổi nhẹ vào người, khiến toàn thân khoan khoái. Đất ấy được mùa, nhân dân thịnh vượng. Nếu cần ăn uống, lấy gạo thiên nhiên cho vào nồi, đem châu Diệm quang đặt vào phía dưới. Khi cơm vừa chín, ánh sáng của châu tự tắt. Có người tìm thấy, tự nhiên lấy ăn. Chủ nhân nằm yên, cơm không bao giờ hết. Nếu chủ nhân ngồi dậy, cơm sẽ hết liền. Cơm ấy tinh khiết ngon lành, như chùm hoa trắng muốt, mùi vị thơm tho tựa thức ăn trên các cõi Trời, không sinh ra bệnh tật. Sức lực đầy đủ, nhan sắc vui tươi, không chút

héo mòn. Con người đất ấy, thân hình dung mạo giống nhau, không thể phân biệt. Nét mặt của người lớn, trông chừng như người Diêm-phù-đề vào tuổi hai mươi. Người ở đấy, răng mọc đều đặn, trắng tinh, không hở. Tóc xanh hoe đỏ, không dính bụi bặm, rủ xuống tám lóng tay, xòa ngang chân mày, không ngắn không dài. Người ở đấy, khi nổi lòng dục, nhìn say đắm người nữ, rồi lặng lẽ bỏ đi. Người nữ biết ý, đi theo đến chỗ vườn cây. Nếu người nữ thuộc hàng bà con ruột thịt với cha mẹ của người nam thì không thể hành dâm được, cây không uống cong đậy tàn lá lại. Mỗi người lặng lẽ bỏ đi. Nếu không thuộc hàng thân thích bà con, cây Khúc cung liền cong mình đậy tàn lá lại. Hai bên tự do hoan lạc trong một hai ngày, có khi lên đến bảy ngày, rồi hờ hững bỏ nhau ra đi. (Luận Lập Thế A-tỳ-đàm nói: "Người châu Bắc không hỏi vợ, không rước dâu, không mua bán. Khi người nam muốn lấy vợ, nhìn say người nữ. Khi người nữ muốn người nam, cũng phải nhìn say người nam. Nếu không thấy được người nam nhìn mình, các người nữ khác bảo giúp: "Người nầy nhìn bạn đấy!", thế là trở thành vợ chồng. Người nam không thấy được người nữ nhìn mình thì các người nam khác bảo giúp: "Người nữ này nhìn bạn đấy!", thế là trở thành vợ chồng. Nếu hai người cùng nhìn nhau, liền đi theo nhau đến chỗ vắng vẻ. Như người có nhiều dục vọng, trong một đời, lên đến năm lần. Hạng trung bình, hoặc bốn hoặc ba bận. Cũng có người tu hành, đến già không hề hành dục. Người nữ ở đấy, khi mang thai, chỉ dùng thức ăn dở). Người nữ ở đây mang thai chỉ có bảy, tám ngày thì sinh. Dù trai hay gái, đều đem bỏ ở ngã tư đường lớn rồi đi. Gặp các người bộ hành qua lại chỗ ấy, chìa ngón tay cho đứa trẻ bú. Sữa theo ngón tay trào ra, no nê đầy mình đứa trẻ. Bảy ngày sau, đứa trẻ trưởng thành, cao bằng người lớn ở đấy. Nam sống theo đám người nam, nữ sống theo đám người nữ. Người ở đấy khi chết không khóc thương nhau. Tẩm liệm thi thể xong, đem đặt ở ngã tư đường lớn rồi bỏ đi. Có loài chim tên là Ưu úy Thiền già mang thi thể ấy đi nơi khác. (Theo luận Lập Thế nói: "Chim ấy ngoạm lấy mạng thi thể ra ngoài chỗ núi non để ăn thịt). Vả lại, người ở đấy, khi đi đại tiểu tiện, đất liền nứt ra. Đi xong, đất tự khép mặt trở lại. Người ở đấy không có tình thương yêu lưu luyến, cũng không để dành của cải. Có tuổi thọ nhất định. Khi chết sinh lên cõi Trời. Tại sao người ở đây có tuổi thọ nhất định? Vì người ở đấy, kiếp trước tu hạnh Thập thiện. Khi mệnh chung được sinh vào nước Uất-đơn-việt, hưởng thọ một ngàn tuổi, không tăng không giảm. Thế nên người ở đấy có tuổi thọ bằng nhau. Nếu có người hay úng dường cho các Sa-môn, Bà-la-môn và bố thí cho các trẻ em

nghèo khổ đi ăn xin , các người bị bệnh tật hành hạ khổ sở, bằng cách giúp cho áo quần, thức ăn, xe cộ, tràng hoa, sáp thơm, giường sập, phòng ốc hay xây dựng tháp, chùa, cúng dường đèn đuốc. Khi mệnh chung, người ấy sinh vào nước Uất-đơn-việt, hưởng thọ một ngàn tuổi, không tăng không giảm. Đất ấy không thọ trì Thập thiện, nhưng cư xử tự nhiên, phù hợp với Thập thiện. Khi mệnh chung sinh lên các cõi Trời tốt lành. Thế nên người ở đấy được gọi là Thắng. So với ba cõi kia, nước Uất-đơn-việt này cao nhất, nên đời Tần dịch nghĩa Uất-đơn-việt là Tối thượng. Luận Lập Thế nói: "Người dân nước ấy, hết thảy đều có nước da trắng trẻo, trang sức bằng cách để búi tóc xanh đen mướt trên đầu. Chung quanh thường gọt sạch theo kiểu Châu La. Năm ngày sau, tóc tự nhiên mọc lại, rũ ngang xuống bảy lóng tay. Không mọc thêm hay giảm bớt nữa". Luận Thuận Chánh Lý nói: "Châu Bắc Câu Lô, hình dáng như tòa vuông, ước lượng bốn phía đều bằnh nhau, mỗi mặt hai ngàn". Đã nói cõi đất ấy vuông, mỗi mặt hai ngàn, thì cũng đủ nghĩa. Bên cõi ấy có hai châu trung gian: một là châu Đoản Bà, hai là châu Kiêu Để Bà. Cả hai châu này đều có người ở".

Thứ hai là Đông Phất-vu-đãi. Theo kinh Trường A-hàm nói: "Phía Đông núi Tu-di có cõi đất tên là Phất-vu-đãi, có lãnh thổ thật tròn, ngang dọc chín ngàn do tuần. Mặt người cũng tròn trịa giống như địa hình ở đấy. Có cây chúa tên là Già Lam Phù, chu vi bảy do tuần, cao một trăm do uần, cành lá che khắp bốn phía năm mươi do tuần". Kinh Tạo Thiên Địa nói: "Người ở phương Đông ấy hơn người ở Diêm-phù-đề. Người ở đấy dùng vải lụa mua bán với nhau". Theo kinh Trường A-hàm nói: "Người ở đấy thọ hai trăm tuổi, ít kẻ có tuổi tho tăng thêm, trái lại, nhiều người có tuổi thọ giảm xuống". (Kinh Lâu Thán nói: "Người ở đấy thọ ba trăm tuổi"). Họ sống bằng cá thịt. (Kinh Lập Thế nói: "Họ không sát sinh, không nhờ người khác sát sinh. Nếu có sinh vật chết thì đem ăn thịt"). Họ đem lúa gạo, tơ lụa, châu ngọc mua bán với nhau. Có lễ nghi cưới vợ gả chồng. (Kinh Lập Thế nói: "Người Đông Phất-bà-đề, có kẻ nhiều dục, suốt đời hành dâm bảy lần. Kẻ trung bình tới năm, sáu lần. Cũng có kẻ tu hành, đến chết không hành dâm. Duy ở hai châu Đông Tây, không có người da đen. Ở các châu khác, cũng giống ở Diêm-phù-đề, thân người có nhiều màu da khác nhau. Người ở đấy trang sức đầu tóc theo lối cắt bớt phía trước, để dài phía sau. Áo trên, áo dưới đều thả xuống. Riêng áo trên may quấn quanh thân mình"). Theo luận Thuận Chánh Lý nói: "Châu Đông Thắng Thân, phía Đông hẹp, phía Tây rộng, ba bên bằng nhau. Hình dáng như nữa vầng trăng.

Phía Đông đo được 353, ba bên còn lại, mỗi bên đo được hai ngàn. Phía Đông của châu ấy, vì rộng ở cực Nam của châu, nên có hình như nữa vầng trăng. Bên châu ấy có hai châu trung gian: một là châu Đề-ha, hai là châu Tỳ-đề-ha. Cà hai châu này đều có người ở".

Thứ ba là Câu-da-ni. Theo kinh Trường A-hàm nói: "Cõi đất phía Tây núi Tu-di tên là Câu-da-ni. Lãnh thổ ấy có hình dáng tròn như vầng trăng đầy, ngang dọc tám ngàn do tuần. Mặt người cũng tròn đầy giống địa hình ở đấy. Có cây chúa tên là Cân Đề, chu vi bảy do tuần, cao một trăm do tuần, cành lá che khắp bốn phía năm mươi do tuần". (Kinh Khởi Thế nói: "Dưới gốc cây chúa ấy, có con trâu đá lớn một do tuần. Vì nguyên nhân này nên gọi là Cù-đà-ni, nghĩa là dùng trâu làm hàng hóa trao đổi"). Người ở đấy thọ ba trăm tuổi, đem trâu ngựa, châu ngọc ra mua bán với nhau. Người ở đấy cũng hơn người ở Diêm-phù-đề. Luận Lập Thế nói: "Ở đấy, hoặc tự tay sát sinh, hoặc nhờ người khác sát sinh. Sống bằng thịt như người Diêm-phù-đề. Nếu có thân nhân chết, đưa xác vào núi thiêu, xong rồi bỏ về. Hoặc đổ tro vào sông, hoặc chôn dưới đất, hoặc để giữa đất trống. Sinh hoạt ở hai châu Đông Tây ấy đại khái cũng giống ở Diêm-phù-đề, hôn lễ cũng giống. Kẻ có nhiều dục, suốt đời hành dâm đến mười hai lần. Kẻ trung bình tới mười lần. Cũng có kẻ tu hành đến chết, không hành dâm. Người ở đấy trang sức theo lối búi tóc, trên dưới mặc áo". Theo luận Thuận Chánh Lý nói: "Châu Tây Ngưu hóa có hình tròn núc như vầng trăng đầy, đường kính hai ngàn năm trăm, chu vi bảy trăm năm trăm. Bên cạnh có hai châu trung gian: một là châu Hào, hai là châu Ốt Đát La Mạn Lý Noa. Cả hai châu này đều có người ở".

Thứ tư là Diêm-phù-đề. Theo kinh Trường A-hàm nói: "Cõi đất phía Nam núi Tu-di là Diêm-phù-đề. Lãnh thổ hẹp ở phía Nam, rộng ở phía Bắc, ngang dọc bảy ngàn do tuần. Mặt người cũng giống địa hình ở đấy. Có cây chúa tên là Diêm-phù-đề, chu vi bảy do tuần, cao một trăm do tuần, cành lá che khắp bốn phía năm mươi do tuần. (Kinh Khởi Thế nói: "Dưới gốc cây chúa này, có đống vàng Diêm-phù-na Đàn cao hai mươi do tuần. Vì có đống vàng tốt nổi lên dưới gốc cây, nên gọi là vàng của cây Diêm-phù-na). Lại có cây của chim chúa Kim Sí tên là Câu Lợi Thiểm Bà La, chu vi bảy do tuần, cao một trăm do tuần, cành lá che khắp bốn phía năm mươi do tuần. Chúa A-tu-la có cây tên là Thiện Tận, chu vi bảy do tuần, cao một trăm do tuần, cành lá che khắp bốn phía năm mươi do tuần. Trời Đao lợi có cây tên là Trú Độ, chu vi bảy do tuần, cao một trăm do tuần, cành lá che khắp bốn phía năm mươi do

tuần. Người Diêm-phù-đề thọ một trăm tuổi. Có nhiều người chết yểu nữa chừng. Lên mười tuổi chưa biết gì, lên hai mươi tuổi thì hơi biết một chút nhưng chưa sáng lắm. Lên ba mươi tuổi thì có nhiều dục vọng. Lên bốn mươi tuổi thì hành động tùy tiện. Lên năm mươi tuổi thì làm việc có nhiều kinh nghiệm. Lên sáu mươi tuổi thì sống hay nuối tiếc. Lên 70 tuổi thì tinh thần và thể chất chậm chạp. Lên tám mươi tuổi thì không chú trọng bề ngoài. Lên chín mươi tuổi thì đau ốm khổ sở. Lên một trăm tuổi thì nguyên khí suy tổn. Cũng có người không sống đủ ba trăm mùa Đông, Hạ, Thu. Không hưởng đủ ba vạn sáu ngàn ngày ăn uống no nê". Luận Lập Thế A-tỳ-đàm nói: "Người Diêm-phù-đề có nhiều loại y phục, trang sức không giống nhau. Có người để tóc dài, chia thành hai búi. Có người cạo sạch tóc râu. Có người chừa lại một búi trên đỉnh đầu, chung quanh cạo sạch, gọi là kiểu tóc Châu La. Có người nhổ trụi tóc râu. Có người cắt bớt tóc râu. Có người bện tóc đuôi sam. Có người hớt tóc ngăn gọn. Có người tỉa trước cắt sau cho tròn. Có người không mặc quần áo. Có người mặc quần áo, che trên lộ dưới, hoặc là che dưới lộ trên, hoặc trên dưới đều che, hoặc chỉ che phía trước, phía sau. Người ở châu này, ăn uống nhiều thứ, không thể kể hết. Về chuyện hôn nhân, mua bán, xem qua hiện trạng, có thể biết rõ". Nhưng luận ấy bảo rằng: "Người Diêm-phù-đề, chuyện dục suốt đời, nhiều đến vô lượng, không giống như người ở ba châu còn lại, chuyện dục ít oi. Cũng có người tu hành, suốt đời vô dục". Theo luận Thuận Chánh Lý nói: "Châu Nam Thiệm Bộ có hai châu trung gian: một là châu Già-mạt-la, hai là châu Phiệt-la-già-la. Cả hai châu nầy đều có người ở".

Thứ bảy: PHẦN THÂN LƯỢNG

Theo kinh Lập Thế nói: "Người Diêm-phù-đề có thân hình ngắn ngủn. Khi lên mười tuổi, thân hình thấp bé, hoặc cao từ hai đến ba vốc tay. Nếu đo thân trưởng thành của họ, thì cũng chỉ cao khoảng tám vốc tay". Luận Tỳ-đàm nói: "Khi người Diêm-phù-đề sống đến một trăm tuổi, thân mình cao ba tấc rưỡi hoặc bốn tấc". (Kinh Trường A-hàm nói: "Cao ba tấc hoặc không chắc chắn như thế, chỉ nói đại khái mà thôi"). Người Phất-bà-đề cao tám tấc. Người Cù-da-ni cao mười sáu tấc. Người Uất-đơn-việt cao ba mươi hai tấc.

Thứ tám: PHẦN THỌ MỆNH

Như luận Tỳ-đàm nói: "Người Diêm-phù-đề có tuổi thọ không ổn định, chia làm ba hạng: hạng thượng thọ sống một trăm hai mươi lăm

tuổi, hạng trung thọ sống một trăm tuổi, hạng hạ thọ sống sáu mươi tuổi. Trong đó, hạng chết yểu nữa chừng nhiều không kể xiết. Vả lại, dựa theo thời kiếp giảm, mới nói có ba hạng này. Nếu căn cứ theo thời Sơ kiếp thì tuổi thọ nhiều vô lượng, có khi lên đến tám vạn bốn ngàn tuổi". Theo kinh Trường A-hàm nói: "Người Diêm-phù-đề thọ một hai mươi tuổi, kẻ chết yểu nữa chừng cũng nhiều. Người Đông Phất-vu-đãi thọ hai trăm tuổi. (Kinh Lâu Thán nói thọ ba trăm tuổi). Người Tây Câu-da-ni thọ ba trăm tuổi. Người Bắc Uất-đơn-việt thọ một ngàn tuổi. (Người ba châu còn lại đều có kẻ chết yểu nữa chừng. Chỉ có người Bắc Uất-đơn-việt sống ổn định một ngàn tuổi mà thôi).

Thứ chín: PHẦN Y LƯỢNG

Theo kinh Khởi Thế nói: "Thân hình người Diêm-phù-đề cao ba tấc rưỡi, mặc áo dài bảy tấc, rộng ba tấc rưỡi. Người Cù-đà-ni, người Phất-bà-đề có thân mình và quần áo giống hệt của người Diêm-phù-đề. Người Uất-đơn-việt có thân hình cao bảy tấc, mặc áo dài mười bốn tấc, trên bảy tấc, dưới bảy tấc. A-tu-la có thân hình cao một do tuần, mặc áo dài hai do tuần, rộng một do tuần, nặng nữa khởi lợi sa". (Đời Tùy dịch là nữa lượng. Các kinh khác nói A-tu-la có thể trạng lớn nhỏ không nhất định, như A-tu-la Tỳ-bà-chất-đa cao gấp bốn núi Tu-di).

Thứ mười: PHẦN ƯU LIỆT

Kinh Trường A-hàm nói: "Phật bảo Tỳ-kheo: "Người Diêm-phù-đề có ba sự kiện hơn người Câu-da-ni. Là ba sự kiện nào? Một là dũng mãnh nhớ kỹ, thường tạo hạnh nghiệp. Hai là dũng mãnh nhớ kỹ, siêng tu phạm hạnh. Ba là dũng mãnh nhớ kỹ, Phật sinh ở đấy.

Người Câu-da-ni có ba sự kiện hơn người Diêm-phù-đề. Là ba sự kiện nào? Một là nhiều trâu, hai là nhiều dê, ba là nhiều châu ngọc.

Người Diêm-phù-đề có ba sự kiện hơn người Phất-vu-đãi. Là ba sự kiện nào? Một là dũng mãnh nhớ kỹ, thường tạo hạnh nghiệp. Hai là dũng mãnh nhớ kỹ, siêng tu phạm hạnh. Ba là dũng mãnh nhớ kỹ, Phật sinh ở đấy.

Người Phất-vu-đãi có ba sự kiện hơn người Diêm-phù-đề. Là ba sự kiện nào? Một là đất ấy rất rộng, hai là đất ấy rất lớn, ba là đất ấy rất đẹp. Người Diêm-phù-đề có ba sự kiện hơn người Uất-đơn-việt. Là ba sự kiện nào? Một là dũng mãnh nhớ kỹ, thường tạo hạnh nghiệp. Hai là dũnh mãnh nhớ kỹ, thường tu phạm hạnh. Ba là dũng mãnh nhớ kỹ, Phật sinh ở đấy. Người Uất-đơn-việt lại có ba sự kiện hơn người Diêm-

phù-đề. Là ba sự kiện nào? Một là không bị lệ thuộc, hai là không có tư hữu, ba là có tuổi thọ nhất định một ngàn tuổi. Người Diêm-phù-đề cũng lấy ba sự kiện nói trên để hơn loài ngạ quỷ. Loài ngạ quỷ cũng có ba sự kiện hơn người Diêm-phù-đề. Là ba sự kiện nào? Một là trường thọ, hai là thân lớn, ba là người làm mình chịu. Người Diêm-phù-đề cũng lấy ba sự kiện nói trên để hơn loài chim Kim sí. Loài chim Kim sí lại có ba sự kiện hơn người Diêm-phù-đề. Là ba sự kiện nào? Một là trường thọ, hai là mình lớn, ba là có cung điện.

Người Diêm-phù-đề lấy ba sự kiện nói trên để hơn loài A-tu-la. Loài A-tu-la lại có ba sự kiện hơn người Diêm-phù-đề. Là ba sự kiện nào? Một là cung điện cao rộng, hai là cung điện trang nghiêm, ba là cung điện thanh tĩnh.

Người Diêm-phù-đề lấy ba sự kiện nói trên để hơn Trời Tứ thiên vương. Trời Tứ thiên vương lại lấy ba sự kiện nói trên để hơn người Diêm-phù-đề. Là ba sự kiện nào? Một là trường thọ, hai là đoan chánh, ba là nhiều an vui.

Người Diêm-phù-đề cũng lấy ba sự kiện nói trên để hơn các Trời Đao lợi, Trời Diệm ma, Trời Đâu suất, Trời Hóa lạc, Trời Tha hóa tự tại. Chư Thiên này lại có ba sự kiện hơn người Diêm-phù-đề. Là ba sự kiện nào? Một là trường thọ, hai là đoan chánh, ba là nhiều an vui".

II. CHƯ THIÊN

Có hai mươi hai phần: Biện vị, Hội danh, Nghiệp nhân, Thọ sinh, Giới lượng, Thân lượng, Y lượng, Thọ lượng, Trụ xứ, Quảng hiệp, Trang sức, Tấu thỉnh, Thông lực, Thân quang, Thị dịch, Hôn lễ, Ẩm thực, Bộc thừa, Quyến thuộc, Quý tiện, Bần phú, Tống chung.

Thứ nhất: PHẦN BIỆN VỊ

Như trong luận Bà-sa nói: "Trời có ba mươi hai loại: dục giới có mười loại, sắc giới có mười tám loại, vô sắc giới có bốn loại. Gộp lại thành ba mươi hai loại Trời vậy.

+ Thứ nhất là mười loại Trời của dục giới: một là Trời Thiên thủ, hai là Trời Trì hoa man, ba là Trời Thường phóng dật, bốn là Trời Nhật nguyệt tinh tú, năm là Trời Tứ thiên vương, sáu là Trời Tam thập tam (gọi chung là Trời Đao lợi), bảy là Trời Viêm ma, tám là Trời Đâu suất đà, chín là Trời Hóa lạc, mười là Trời Tha hóa tự tại. (Trời Nhật nguyệt tinh tú ở đầu và bốn Trời ở sau, tất cả năm Trời này đều cư trú

giữa không trung. Các Trời Thiên thủ, Trì hoa man, Phóng dật, Tứ thiên vương, Đao lợi, tất cả năm Trời này đều cư trú trên núi. Tại phần thứ chín Trụ xứ, có nói đầy đủ).

+ Thứ hai là sắc giới có mười tám Trời. Trong cõi Sơ Thiền có ba Trời: một là Trời Phạm chúng, hai là Trời Phạm phụ, ba là Trời Đại phạm. (Trời Đại phạm này không có chỗ ở riêng, song Trời Phạm phụ có lâu đài, nguy nga hoành tráng, Thiên vương Đại phạm một mình ngự trên đó, để phân biệt với quần thần. Trong ba Trời nầy, Trời Phạm chúng là thứ dân, Trời Phạm phụ là quần thần, Trời Đại phạm là vua. Chỉ ở cõi Sơ thiền này mới có sự phân biệt quân thần. Từ đây trở lên hết thảy đều không có như thế). Trong cõi Nhị Thiền lại có ba Trời: Một là Trời Thiểu quang, hai là Trời Vô lượng quang, ba là Trời Quang Âm. Trong cõi Thứ ba Thiền, cũng có ba Trời: Một là Trời Thiểu tịnh, hai là Trời Vô lượng tịnh, ba là Trời Biến tịnh. Riêng trong cõi Đệ tứ Thiền cũng có 9 Trời: một là Trời Phước sinh, hai là Trời Phước ái, ba là Trời Quảng quả, bốn là Trời Vô tưởng (Trời Vô tưởng này không có chỗ ở riêng, chỉ ở cùng chỗ với Trời Quảng quả. Do đây là ngoại đạo cư trú, nên chia thành hai tên khác nhau), năm là Trời Vô phiền, sáu là Trời Vô nhiệt, bảy là Trời Thiện hiện, tám là Trời Thiện kiến, chín là Trời Sắc cứu cánh (cũng gọi là Trời A ca nị tra).

+ Thứ ba là vô sắc giới cũng có bốn Trời: một là Trời Không xứ, hai là Trời Thức xứ, ba là Trời Vo sở hữu xứ, bốn là Trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ (như thế gọi là Tam giới, gồm có ba mươi hai loại Trời).

Hỏi: "Chưa rõ trong ba mươi hai cõi Trời nầy, có bao nhiêu cõi phàm, bao nhiêu cõi Thánh?". Đáp: "Chỉ có hai cõi phàm, năm cõi Thánh. Trong hai mươi lăm cõi còn lại, phàm Thánh ở chung. Hai cõi được gọi chỉ có kẻ phàm ở là: một là Trời Đại phạm của Sơ Thiền, hai là Trời Vô tưởng trong Tứ Thiền, là chỗ cư trú chỉ dành cho kẻ ngoại đạo".

Hỏi: "Vì sao hai cõi nầy chỉ có kẻ phàm ở?".

Đáp: "Vì Thiên vương Đại phạm không thấu đạt nghiệp nhân, nên phát ngôn: "Ta có khả năng tạo dựng tất cả trời đất chúng sinh". Ỷ thị vào sự ngã mạn này mà khinh miệt tất cả Thánh nhân, nên chẳng ở chung với họ. Hơn nữa, trong Trời Vô tưởng, chỉ có kẻ ngoại đạo tu tập định vô tưởng, nên sinh vào đấy, hưởng thọ phước báo năm trăm kiếp vô tâm. Kẻ ngoại đạo ấy không thấu đạt, cho đây là Niết bàn. Đến khi phước báo đã hết, tất nhiên nảy sinh tà kiến, lại sinh vào địa ngục. Vì lý do này, tất cả Thánh nhân đều không sinh vào đấy. Năm cõi được gọi

chỉ có Thánh nhân cư trú là năm Trời Tĩnh cư, kể từ Trời Quảng quả trở lên các trời Vô phiền, Vô nhiệt, là chỗ cư trú của các bậc A-na-hàm, La hán. Nếu kẻ phàm muốn sinh vào đấy, phải nhắm đạt đến pháp thân A-na-hàm, chứng được Tứ Thiền, phát trí vô lậu, hun đúc Thiền nghiệp, tu luyện một phẩm cho đến năm phẩm, mới được sinh vào đấy. Kẻ phàm phu vì không huân tập Thiền nghiệp, nên không sinh vào đấy.

Nếu nói A-na-hàm sinh vào cõi ấy thì đúng lý, khỏi phải nghi ngờ". Vậy hỏi: "A-la-hán đã là bậc vô sinh, vì sao lại nói sinh vào cõi ấy?".

Đáp: "Điều này có nghĩa rằng từ dục giới, A-na-hàm nhờ sinh vào đấy mà chứng quả A-la-hán, chứ không có nghĩa rằng trước đã là A-la-hán mới sinh vào đấy. hai mươi lăm cõi Trời còn lại, Thánh phàm cùng ở chung, không nói cũng đã rõ". Nếu căn cứ hoàn toàn theo giáo lý Đại Tiểu thừa, thì gồm có bốn Trời, nên kinh Niết bàn nói: "Có bốn loại Trời: một là Thế gian thiên, hai là Sinh thiên, ba là Tịnh thiên, bốn là Nghĩa thiên. Thế gian thiên là như các quốc vương. Sinh thiên là từ Trời Tứ thiên vương đền Trời Phi tưởng vô tưởng. Tĩnh thiên là từ Tu đà hoàn đến Bích-chi Phật . Nghĩa thiên là Thập trụ Bồ tát ma ha tát. Vì sao Thập trụ Bồ tát gọi là Nghĩa thiên? Vì thường hiểu rõ nghĩa lý các pháp, thấy rõ tất cả các pháp đều có nghĩa không".

Thứ hai: PHẦN HỘI DANH

Thứ nhất là Tứ thiên vương. Theo kinh Trường A-hàm nói: "Thiên vương ở phương Đông tên là Đa la tra, nghĩa là Chúa trị nước (luận Trí Độ gọi là Đề Đầu Lại Tra), thống lãnh Càn thát bà và các thần tướng và Tỳ xá xà, hộ vệ nhân dân nước Phất-bà-đề khỏi bị xâm lăng. Thiên vương ở phương Nam tên là Tỳ lưu ly, nghĩa là Chúa sinh trưởng (luận Trí Độ gọi là Tỳ lâu lặc xoa), thống lãnh các thần Cưu bàn trà và Bệ lệ, hộ vệ nhân dân nước Diêm-phù-đề. Thiên vương ở phương Tây tên là Tỳ lưu bát xoa, nghĩa là chúa lời dữ (luận Trí Độ gọi là Tỳ lâu bát xoa), thống lãnh tất cả loài Rồng và Phú đơn na, hộ vệ nhân dân nước Cù-da-ni. Thiên vương ở phương Bắc tên là Tỳ-sa-môn, nghĩa là chúa kiến thức, thống lãnh các Dạ-xoa và La sát, hộ vệ nhân dân nước Uất-đơn-việt". Luận Trí Độ nói: "Thiên Đế-thích, đầy đủ theo Phạm âm, phải nói là Đề bà na nhân. Thích Ca là Năng (đời Tần dịch), Đề bà là Thiên, Nhân là chúa. Gộp lại mà nói, là Năng Thiên Chúa nghĩa là Thiên chúa tài năng. Tu dạ ma thiên là Diệu thiện (đời Tần dịch). Đâu suất đà là Diệu túc (đời Tần dịch). Tu niết mật đà là Hóa lạc (đời Tần

dịch). Bà xá bạt đề là Tha hóa tự tại thiên (đời Tần dịch). Phạm Thiên vương tên là Thi khí (đời Tần dịch là Đại đỉnh, các đời khác dịch là Đại khí). Thủ đà bà thiên là Tĩnh cư thiên". (Đời Tần dịch. Vả lại theo luận Trí độ chỉ giải thích các Trời chính, số trời ngoài đây ra thì các tên đều được nói đầy đủ trong luận Bà-sa hiềm vì văn từ phức tạp, nên không thể chép lại tất cả). Kinh Trung A-hàm nói: "Bấy giờ, có Tỳ-kheo xa lạ, tìm đến chỗ Phật, dập đầu lạy dưới chân Ngài, rồi lui ra đứng xa, bạch Phật rằng: "Thưa Thế-tôn, vì nguyên nhân nào, gọi là Thích-đề-hoàn Nhân?". Phật bảo Tỳ-kheo ấy: "Thích-đề-hoàn Nhân, khi còn làm người, vốn thường hay bố thí cho các Sa-môn, Bà-la-môn nghèo nàn khổ sở, các thứ đồ ăn uống, tiền của, đèn đuốc. Vì có khả năng nhẫn nhịn bố thí như thế, nên gọi tên là Thích-đề-hoàn Nhân". "Lại vì nhân duyên nào, gọi là Phú-lan-đà-la?". Phật bảo: "Người ấy, khi còn làm người, thường thường bố thí các thứ áo quần, chăn màn, đồ ăn thức uống, cho đến cả đèn đuốc, nên gọi tên là Phú-lan-đà-la". "Lại vì nhân duyên nào, gọi là Ma ha bà?". Phật bảo: "Người ấy, khi còn làm người, tên là Ma già bà, tức là lấy quê quán đặt tên". "Lại vì nhân duyên nào, gọi là Ta-bà-bà?". Phật bảo: "Người ấy, khi còn làm người, lấy áo Bà-săn của chính mình bố thí cúng dường, nên gọi là Ta-bà-bà". "Lại vì nhân duyên nào, gọi là Kiêu thi ca?". Phật bảo: "Vốn khi còn làm người, người ấy mang họ Kiêu thi ca, nên gọi tên như thế". "Lại vì nhân duyên nào, gọi là Xá-chi bát đê?". Phật bảo: "Vị Xá-chi ấy là hoàng hậu thứ nhất của Thiên Đế-thích". "Lại vì nhân duyên nào, gọi là Thiên nhãn?". Phật bảo: "Vốn khi còn làm người, người ấy thông minh, trí tuệ. Vừa đặt mình ngồi xuống, đã suy nghĩ ra ngàn ý nghĩa khác nhau, quan sát thấu đáo, ước lượng chính xác, nên gọi tên như thế". "Lại vì nhân duyên nào, gọi là Nhân đề lợi?". Phật bảo: "Vì Thiên Đế-thích là chúa tể của ba mươi hai chư Thiên". Phật lại bảo Tỳ-kheo ấy: "Nhưng Thích-đề-hoàn nhân ấy, khi còn làm người, đã thọ trì bảy điều, nên được trở thành Thiên Đế-thích. Là những điều gì? Ấy là từ cúng dường cha mẹ cho đến bố thí rộng rãi khắp chúng sinh, như kinh kệ nói, nên được làm Thiên Đế-thích".

Thứ ba: PHẦN NGHIỆP NHÂN

Hỏi: "Tạo nghiệp nào sinh ra báo ứng ở Lục đạo?". Trả lời rằng là theo luận Trí Độ nói: "Nghiệp báo của Lục đạo không ngoài phạm vi thiện ác. Mỗi thứ đều có ba phẩm là thượng, trung, hạ. Thượng phẩm sinh vào trời, trung phẩm inh vào người, hạ phẩm sinh vào bốn ác đạo".

Nếu y theo nghĩa này, chỉ cần thượng phẩm thiện cũng đủ sinh vào cõi Trời, không phân chia Tán, Định riêng biệt hay sao? Nếu y theo trong kinh Nghiệp Báo Sai Biệt, thấy có nói cụ thể làm Thập thiện được sinh vào Thiên đạo, và có phân chia riêng biệt Định, Tán ở Tam giới. Kinh ấy nói: "Lại có Thập thiện, khiến chúng sinh thọ báo ứng ở Trời dục giới, tụ tập đầy đủ tăng thượng pháp Thập thiện thì thọ báo ứng được sinh vào Trời dục giới. Đó là tán Thiện nghiệp ở dục giới tán. Lại có bốn nghiệp, thường khiến chúng sinh thọ báo ứng ở Trời Vô sắc giới. Một là nghĩa vượt qua hết thảy sắc tưởng, diệt hết thảy hữu đối tưởng, nhập vào không xứ định. Hai nghĩa là vượt qua hết thảy không xứ định, nhập vào thức xứ định. Ba nghĩa là vượt qua hết thảy thức xứ định, nhập vào vô sở hữu xứ định. Bốn nghĩa là vượt qua hết thảy vô sở hữu xứ định, nhập vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ định. Nhờ bốn nghiệp nầy, thọ được báo ứng của vô sắc giới. Nếu thế, ở cõi vô sắc này, tại sao không nói đến Thập thiện nghiệp? Phải nói rằng ở cõi này là vô sắc báo ứng tạp sắc để tu phép xa lìa hai nghiệp thân khẩu. Thế nên, căn cứ vào địa vị, chỉ nói bốn nghiệp mà không nói đến Thập thiện. Tuy nhiên, những điều nói trên, đều do Phật phân biệt nghiệp báo nhân quả tương đương, không sai biệt.

Nếu theo kinh Thiện Giới nói, thì tăng giữ hai trăm năm mươi giới, ni giữ ba trăm bảy mươi tám giới, cũng chính là Thiện nghiệp để sinh vào cõi Trời. Thế nên kệ trong luật Tứ Phần nói:

"Người sáng thường giữ giới,
Thường được ba điều vui,
Danh dự và lợi lạc,
Chết được sinh lên Trời".

Đó là căn cứ vào Trời Dục giới mà nói. Hơn nữa, theo kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Hoặc nhờ giữ giới, không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, do ba Thiện nghiệp này, cũng được sinh vào cõi Trời". Đó cũng là sinh vào cõi Trời Dục giới, Trời Sắc giới. Nói nhân ở thời khác nữa, nên không phải khư khư ôm vào ba Thiện nghiệp này liền được sinh vào cõi Trời. Như kinh Ôn Thất nói: "Có vị Tăng nát rượu, khi sạch nghiệp, cũng được sinh vào cõi Trời và hưởng phước báo ở Thượng giới". Đây cũng ý nói còn có nhân ở thời khác nữa, chứ không đưa ra các vị Tăng nát rượu nhờ tán thiện, đều được sinh vào Thượng giới. Nhưng chỉ là báo ứng của Trời Dục giới. Lại nữa, như kinh Niết Bàn nói: "Có bà mẹ hiền, vì muốn cứu đứa con chết đuối trên sông Hằng, nên cả hai mẹ con đều chết, đượcsinh vào cõi Phạm Thiên". Đấy cũng

chỉ là lòng nhân từ của tán tâm, chẳng có chút định nào hỗ trợ cả, làm sao được sinh vào cõi Trời? Đấy chỉ nên căn cứ ở nhân xa xưa, chẳng phải chỉ khư khư ở lòng nhân từ của tán tâm liền được sinh vào cõi Trời. Lại như một lần nghe qua kinh Niết Bàn mà không đọa vào bốn ác đạo, thì cũng có ý nghĩa như trên. Bởi vậy kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Nếu thân không sát sinh, trộm cắp, tà dâm, miệng không nói dối, thêu dệt, không nói hai lưỡi, không nói ác độc, giữ được bảy giới này, thì được sinh vào cõi Trời Tứ thiên vương. Nếu thường giữ được bảy giới thì được sinh vào Trời Hóa lạc. Sự báo ứng này có ba phẩm, đó là thượng, trung, hạ. Nếu giữ giới không sát sinh, thì được sinh vào Trời Tứ thiên vương. Nếu giữ giới không sát sinh, không trộm cắp, thì được sinh vào Trời Tam thập tam. Nếu giữ giới không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm thì được sinh vào Trời Dạ ma. Nếu giữ giới không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, thêu dệt, không nói hai lưỡi, không nói ác độc, thì được sinh vào Trời Đâu suất đà. Thọ trì giới thế gian, tin tưởng phụng trì giới Phật. Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, thêu dệt, không nói hai lưỡi, không nói ác độc, thì được sinh vào các Trời Hóa lạc, Trời Tha hóa tự tại". Lại nữa, kinh Trường A-hàm nói: "Từ trước ở nơi cửa Phật, thanh tịnh tu trì Phạm hạnh, ở đời này sau khi mệnh chung thì được sinh vào Trời Đao lợi, khiến cho các Trời ấy tăng thêm năm điều phước đức: một là Thiên thọ, hai là Thiên sắc, ba là Thiên danh xưng, bốn là Thiên lạc, năm là Thiên uy đức". Kinh Tạp A-hàm nói: "Bấy giờ, Phật bảo Tỳ-kheo: vào thời quá khứ, ở nước Câu Tát La có người chơi đàn tên là Lộc Ngưu du hành trong nước Câu Tát La ấy và nghỉ ngơi giữa chỗ hoang vắng. Có sáu thiên nữ ở Thiên cung vĩ đại hiện xuống chỗ người chơi đàn và bảo rằng: "Ông ơi! Ông ơi! Đàn lên cho chúng tôi nghe, chúng tôi sẽ ca múa cho mà xem!". Lộc Ngưu nói rằng: "Phải đấy, các tỉ muội! Tôi sẽ đàn cho các tỉ muội nghe, nhưng các tỉ muội phải nói tôi là ai, vì sao sinh xuống thế gian này". Các Thiên nữ đáp rằng: "Xin ông cứ đàn lên, chúng tôi sẽ ca múa. Trong lời ca, sẽ nói lên vì sao ông sinh xuống thế gian này". Người ấy liền chơi đàn. Sáu thiên nữ ấy lập tức ca múa theo tiếng đàn.

Thiên nữ thứ nhất ca bài kệ:

"Kẻ nam người nữ nào,
Bố thí áo rất đẹp.
Vì nhân duyên cho áo,
Được sinh chỗ rất tốt.

Bố thí vật yêu thích,
Sinh vào Trời theo ý.
Xem ta ở cung điện,
Cưỡi hư không rong chơi.
Thân Trời như vàng đúc,
Đứng đầu trăm Thiên nữ.
Xem kỹ phước đức này,
Đứng đầu mọi hồi hướng".

Thiên nữ thứ hai lại ca bài kệ tiếp theo:

"Kẻ nam người nữ nào,
Bố thí hương rất thơm.
Bố thí của yêu thích,
Sinh vào Trời theo ý.
Xem ta ở cung điện,
Cưỡi hư không rong chơi.
Thân Trời như vàng đúc,
Đứng đầu trăm Thiên nữ.
Xem kỹ phước đức này,
Đứng đầu mọi hồi hướng".

Thiên nữ thứ ba lại ca bài kệ tiếp theo:

"Kẻ nam người nữ nào,
Đem thức ăn bố thí.
Bố thí thứ yêu thích,
Sinh vào Trời tùy ý.
Xem ta ở cung điện,
Cưỡi hư không rong chơi.
Thân Trời như vàng đúc,
Đứng đầu trăm Thiên nữ.
Xem kỹ phước đức này,
Đứng đầu mọi hồi hướng".

Thiên nữ thứ tư lại ca bài kệ tiếp theo:

"Nhớ lại thuở tiền kiếp,
Từng làm tôi tớ người.
Không trộm cắp, tham lam,
Tu hành không lười biếng.
Nhịn ăn, tự dằn mình,
Chia cơm, cứu kẻ khó.
Nay được ở cung điện,

Cưỡi hư không rong chơi.
Thân Trời như vàng đúc,
Đứng đầu trăm Thiên nữ.
Xem kỹ phước đức này,
Đứng đầu mọi hồi hướng”.

Thiên nữ thứ năm lại ca bài kệ tiếp theo:

“Nhớ lại thuở tiền kiếp,
Sống làm vợ người ta.
Cha mẹ chồng tính ác,
Thường buông lời nặng nề.
Giữ trọn đạo làm vợ,
Khiêm cung ráng thuận hòa.
Nay được ở cung điện,
Cưỡi hư không rong chơi.
Thân Trời như vàng đúc,
Đứng đầu trăm Thiên nữ.
Xem kỹ phước đức này,
Đứng đầu mọi hồi hướng”.

Thiên nữ thứ sáu lại ca bài kệ tiếp theo:

“Nhớ xưa gặp bộ hành,
Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni.
Cận kề nghe thuyết pháp,
Trai giới một ngày đêm.
Nay được ở cung điện,
Cưỡi hư không rong chơi.
Thân Trời như vàng đúc,
Đứng đầu trăm Thiên nữ.
Xem kỹ phước đức này,
Đứng đầu mọi hồi hướng”.

Bấy giờ người chơi đàn Lộc Ngưu của nước Câu Tát La bèn hát bài kệ rằng:

“Tôi nay may đến đây,
Trong rừng Câu tát la.
Được gặp các Thiên nữ,
Hiện đủ thiên thân đẹp.
Đã gặp và đã nghe,
Phải tu thêm Thiện nghiệp.
Nhờ công tu từ nay,

Cũng được sinh cõi Trời".

Tiếng kệ vừa xong, các thiên nữ biến mất, không thấy được nữa".

Thứ tư: PHẦN THỌ SINH

Thứ nhất là Trời Tứ thiên vương thọ sinh: Theo các kinh Trường A-hàm và luận Trí Độ, Trời Tứ thiên vương đều có hôn nhân, hành dục như người thường, nhưng sinh ra theo lối hóa sinh. Từ trên đầu gối sinh ra, đã lớn như trẻ con hai tuổi. Theo luận Thuận Chánh Lý nói: "Như trẻ con năm tuổi". (Các kinh khác nói: "Nam sinh ngồi trên đầu gối phải của mẹ, nữ sinh trên đầu gối trái của mẹ"). Chẳng bao lâu, đã biết đói khát. Tự nhiên hiện ra các vật quý đựng đầy thức ăn, đủ mỹ vị. Nếu trời có nhiều phước đức, thức ăn toàn màu trắng tinh. Phước đức trung bình thì màu xanh. Phước đức kém thì màu đỏ. Nếu khát thì có vật quý đựng nước cam lồ. Cũng có ba màu khác nhau như của thức ăn. Uống vào miệng không lưu giữ như sữa mật ném vào lửa (tan ngay). Ăn uống xong , Trời trưởng thành như chư Thiên. Khi mới sinh ra, Trời nhớ lại được nghiệp tiền kiếp. Khi biết chơi đùa, khả năng này biến mất.

Thứ hai là Trời Đao lợi thọ sinh: Theo kinh Tỳ Da Bà Tiên Nhân Vấn Phật nói: "Các đại Tiên phải biết rằng Trời Tam thập tam đang đi rong chơi hưởng dục, bỗng gặp các thiên nam, thiên nữ trong rừng cây, cùng ngồi một chỗ, lòng thích lạc thú ái ân, liền sinh vào đấy. Như luồn dây xâu ngọc, rút dây thì ngọc chạy theo, Trời không sinh vào đường khác. Ngay khi thọ sinh, ở tay thiên nữ bỗng hiện ra đóa hoa. Thấy xong, thiên nữ biết mình đã có con, liền cầm đóa hoa đưa cho thiên nam và nói: "Nếu nay có con, thật đáng vui mừng!". Thiên nam thấy xong, vui mừng tăng lên, biết rằng vợ mình có được đồng tử nhà Trời. Cả hai đều rất vui mừng. Đủ một tuần, đồng tử tóc dài phất phơ, trong trắng không bợn, có cả áo trời. Trong tuần đầu ấy, đồng tử nhớ lại được từ chỗ nào ta giáng sinh xuống cõi Trời này, ai là cha mẹ của ta, ta đã làm nghiệp thiện. Lòng rất vui mừng! Vui mừng xong, liền nao nức muốn đến ngay chỗ ấy, như voi hăng đi. Tay tựa vòi voi, tròn lớn thon dài. Bụng thật bằng phẳng, tay ánh sắc vàng. Thân trên thân dưới lớn, thân giữa thon thả. Bước đi cẩn trọng, nội tâm dũng mãnh. Eo như chuôi cung, lưng thật ngay thẳng. Hai đùi hồng hào tròn trịa như thân vây chuối. Theo đúng cốt cách nhà Trời, râu ria gọn mảnh, tỏa hương rất thơm. Móng vảy hồng, mỏng. Thân thể thơm tho tinh khiết. Trời không có ý điểm tô trang sức, chỉ cốt giữ gìn thân thể không sinh bệnh tật. Từ trong cung điện của Trời ấy, các Thiên nữ độc thân, các đồng tử tuần tự bước ra, tất

cả đều đứng vây quanh Trời nầy và nói: “Đức Thánh đến thật là đúng lúc! Đây chính là cung điện của Ngài. Chúng tôi không có chồng, lâu nay xa lạ đường chồng. Ở đây chỉ toàn đồng tử. Chúng tôi nay còn thơ ngây, sắc đẹp đầy đủ, nguyên vẹn cúng dường. Ngực như bình vàng, mặt thắm tươi như hoa sen mới nở, sáng láng như tia chớp trong mây, đoan trang khả ái. Chúng tôi là Thiên nữ, xin dâng hiến cúng dường, vâng lời sai bảo ở chỗ vui chơi này”. Thế là các thiên nữ đều đến cận kề bên Trời ấy dâng hiến cúng dường. Cõi Trời Tam thập tam ấy có Thiện pháp đường làm nơi Thiên chúng tụ họp, gồm tám vạn bốn ngàn cây cột làm bằng các loại bảo vật. Người vào đó không bị tai hại do các loại muỗi mòng đốt phá, không gặp các tật xấu ngủ nghê trễ nãi, cau có khó khăn. Trái lại, ở đó có vô số trăm ngàn thiên nữ háo hức lòng dục cười đùa, không hề có các thói xấu ghen tuông, cãi vã. Các thiên nữ có đôi má trong sáng không bợn, như vầng gương trăng. Theo phép thiên nữ, dùng phấn hương nhiều màu tô điểm lên má để trang điểm mặt mày. Các thiên nữ cất tiếng ca hát, cùng nhau vui chơi”.

Kinh Khởi Thế nói: “Vị ấy ở trong cõi Trời, hoặc từ thiên nam, hoặc từ thiên nữ, hoặc từ chỗ ngồi, hoặc từ trong hai đầu gối, hoặc từ giữa hai đùi, bỗng nhiên sinh ra. Khi vừa lọt lòng, đã giống trẻ con ở nhân gian chừng 12 tuổi. Nếu là thiên nam, thì từ chỗ ngồi hay bên đầu gối của thiên tử, chọn một chỗ để sinh ra. Khi đã ra đời, vị thiên tử ấy liền gọi rằng: “Đây là con của ta!”. Từ lúc sơ sinh, nhờ ở nghiệp lực, vị ấy có được ba loại hoài niệm: một là biết được chỗ nào chết đi, hai là biết được nay sinh vào cõi Trời này, ba là do tiền kiếp ấy mà có nghiệp quả này, phước báo này. Nhớ lại như thế xong, liền muốn ăn uống. Lập tức, trước mặt có các vật quý tự nhiên đựng đầy mỹ vị Tu đà của trời với nhiều màu sắc khác nhau. Nếu phước báo nhiều, các vật quý đựng mỹ vị Tu đà có màu trắng tinh. Phước báo vừa, có màu hơi đỏ. Phước báo ít, có màu hơi đen. Vị thiên tử mới này lấy tay cầm mỹ vị Tu đà tự nhiên cho vào miệng, liền tiêu tan dần, như sữa bỏ vào lửa đỏ, thì sẽ tiêu tan mất, chẳng còn lại chút bóng dáng gì. Nếu có lúc khát, lập tức trước mặt hiện ra đồ đựng quý chứa đầy rượu Trời. Tùy theo ba phẩm phước báo thượng, trung, hạ mà có màu trắng, đỏ, đen khác nhau, nói gọn theo trên. Uống vào là tiêu mất, cũng như đã nói ở trên. Ăn uống xong xuôi, thân thể liền trưởng thành. Lớn, nhỏ, cao, thấp bằng các thiên nam, thiên nữ kỳ cựu, chẳng có gì khác biệt. Các thiên nam, thiên nữ mới này, thân thể đã sung mãn, mỗi người tùy theo sở thích, hoặc đến hoa viên xem cây cối. Tự nhiên, có nhiều loại y phục, chuỗi ngọc, tràng

hoa, thức ăn, nhạc khí hạ xuống, vừa tầm tay lựa chọn, nhiều không kể xiết. Các thiên nữ vào trong vườn này, chưa từng thấy được cảnh tượng như thế, nhờ nghiệp lực quen, rạch ròi phân minh, nhớ lại chuyện kiếp trước, rõ ràng như xem chỉ tay. Do thấy các thiên nữ mê đắm vật sắc, chánh niệm giác trí này liền biến mất. Đã mất khả năng nhớ lại tiền kiếp, lại còn tiêm nhiễm thị dục hiện tại, các thiên nữ chỉ còn buông lời: "Ở đây đều là thiên nữ ngọc ngà, thiên nữ ngọc ngà! Đấy gọi là bị ái dục trói buộc".

Luận Thuận Chánh Lý nói: "Chư Thiên khi mới ra đời, thân lượng ra sao? Thế này, chư Thiên cõi Lục dục, khi sơ sinh, lớn bằng trẻ con từ hai, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười tuổi. Sinh xong, thân lượng nhanh chóng tròn trịa đầy đặn. Thiên chúng ở Trời sắc giới, khi sơ sinh, thân lượng tròn trịa, đủ cả áo trời đẹp đẽ. Tất cả chư Thiên đều nói tiếng Thánh, vì tiếng ấy giống tiếng ở Trung Ấn, nhưng chư Thiên không cần học vẫn thông hiểu ngôn từ".

Thứ năm: PHẦN GIỚI LƯỢNG

Theo kinh Lập Thế nói: "Dưới chân núi Tu-di là chỗ ở của chư Thiên. Có ba cấp khác nhau: cấp thứ nhất, ngang dọc bằng nhau, rộng sáu mươi do tuần. Cấp thứ hai, ngang dọc bằng nhau, rộng bốn mươi do tuần. Cấp cao nhất, ngang dọc bằng nhau, rộng hai mươi do tuần. Mỗi cấp đều có bảy lớp tường rào chung quanh. Thậm chí có đủ các loại chim, mỗi loài đều cất tiếng hát tuyệt diệu, không thiếu âm hưởng nào. Trong ba cấp này đều có Dạ-xoa cư trú. Giữa chừng núi Tu-di, cao bốn vạn hai ngàn do tuần, có cung điện do Tứ thiên vương cư trú. Trên đỉnh núi Tu-di có cung điện của Trời Tam thập tam, do Đế-thích cư trú. Trên Trời Tam thập tam một đỗi (khoảng cách giữa chừng đến đỉnh núi Tu-di), có Trời Dạ ma. Lại thêm một đỗi nữa, có Trời Đâu suất. Lại thêm một đỗi nữa, có Trời Hóa lạc. Lại thêm một đỗi nữa, có Trời Tha hóa tự tại. Trên Trời Tha hóa tự tại, lại thêm một đỗi nữa có Trời Phạm thân. Trong khoảng phía dưới của Trời nầy, có cung điện của Ba tuần La ma. Trên Trời Phạm thân một đỗi, có Trời Quang Âm. Trên Trời Quang Âm một đỗi nữa thì có Trời Biến tịnh. Trên Trời Biến tịnh một đỗi thì có Trời Quảng quả. Trên Trời Quảng quả một đỗi thì có Trời Bất thô. Dưới khoảng Trời Bất thô này, đặc biệt có cung điện do chư Thiên cư trú, tên là chúng sinh vô tưởng. Trên Trời Bất thô một đỗi thì có Trời Bất phiền. Trên Trời Bất phiền một đỗi thì có Trời Thiện kiến. Trên Trời Thiện kiến một đỗi thì có Trời Thiện hiện. Trên Trời Thiện hiện một đỗi thì

có cung điện của Trời A ca nị tra. Trên Trời A ca nị tra, lại có các Trời khác tên là Vô biên không xứ, Vô biên thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Trên đây là đều nói tên chỗ cư trú của chư Thiên. Chứ Thiên cư trú trong giới phận này. Như đi lại, sinh diệt khắp mọi biên giới ở đấy. Tất cả chư Thiên đều sinh, già, bệnh, chết, đọa lạc vào trong đó, không vượt ra ngoài. Như thế, gọi là thế giới Ta bà. Vô lượng thế giới khắp mười phương cũng đều như thế".

Luận Lập Thế A-tỳ-đàm nói: "Từ Diêm-phù-đề xuống hai vạn do tuần là địa ngục Vô gián. Từ Diêm-phù-đề xuống một vạn do tuần là địa ngục của Trời Diệm ma. Giữa hai địa ngục này là các địa ngục khác (cũng có chỗ xa gần, nhưng luận này không nói đến). Từ Diêm-phù-đề trở lên bốn vạn do tuần là chỗ cư trú của Tứ thiên vương; trở lên tám vạn do tuần là chỗ cư trú của Trời Tam thập tam. Từ đây trở lên mười sáu vạn do tuần là chỗ cư trú của Trời Dạ ma. Từ đây trở lên ba ức hai vạn do tuần là chỗ cư trú của Trời Đâu suất đà. Từ đây trở lên sáu ức bốn vạn do tuần là chỗ cư trú của Trời Hóa lạc. Từ đây trở lên mười hai ức tám vạn do tuần là chỗ cư trú của Trời Tha hóa tự tại.

Có Tỳ-kheo hỏi Phật: "Bạch đức Thế-tôn, từ Diêm-phù-đề đến Phạm xứ, gần xa bao nhiêu?". Phật bảo: "Này, Tỳ-kheo, từ Diêm-phù-đề đến Phạm xứ rất xa, rất cao. Thí dụ như vào Rằm tháng chín, lúc trăng tròn, nếu có người tại Phạm xứ, phóng một khối đá vuông vức một trăm trượng xuống hạ giới, nữa chừng không bị cản trở, thì đến Rằm tháng chín trăng tròn năm sau, mới rơi xuống đụng Diêm-phù-đề. Từ Diêm-phù-đề đến Trời Vô lượng quang lại xa một đỗi như thế. Từ Trời Vô lượng quang đến Trời Biến thắng quang lại xa một đỗi như thế. Từ Trời Biến thắng quang đến Trời Thiểu tịnh lại xa một đỗi như thế. Từ Trời Thiểu tịnh đến Trời Vô lượng tịnh lại xa một đỗi như thế. Từ Trời Vô lượng tịnh đến Trời Biến tịnh lại xa một đỗi như thế. Từ Trời Biến tịnh đến Trời Vô vân lại xa một đỗi như thế. Từ Trời Vô vân đến Trời Phước sinh lại xa một đỗi như thế. Từ Trời Phước đến Trời Quảng quả lại xa một đỗi như thế. Từ Trời Quảng quả đến Trời Vô tưởng lại xa một đỗi như thế. Từ Trời Vô tưởng đến Trời Thiện hiện lại xa một đỗi như thế. Từ Trời Thiện hiện đến Trời Thiện kiến lại xa một đỗi như thế. Từ Trời Thiện kiến đến Trời Bất phiền lại xa một đỗi như thế. Từ Trời Bất phiền đến Trời Bất thiêu lại xa một đỗi như thế. Từ Trời Bất thiêu đến Trời A ca nị tra lại xa một đỗi như thế. Phật bèn nói kệ rằng:

"Từ A ca nị tra
Đến đất Diêm-phù-đề,

Buông tảng đá núi lớn.
Hết sáu vạn năm ngàn
Năm trăm ba mươi lăm năm,
Giữa đó không ngăn chận,
Mới đến Diêm-phù-đề".

Luận Trí Độ nói: "Thí dụ như từ ranh giới đầu tiên của sắc giới, buông một tảng đá vuông vức một trượng thì trải qua một vạn tám ngàn ba trăm tám mươi ba năm mới rơi xuống tới mặt đất".

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 3

Thiên thứ 2: TAM GIỚI

II. CHƯ THIÊN (Tiếp theo)

Thứ sáu: PHẦN THÂN LƯỢNG

Theo luận Tạp Tâm nói: "Bảy cực vi trần thành một A nậu trì thượng trần. Trần ấy nhỏ nhất, chỉ có Thiên nhãn, Bồ tát, Luân vương mới có thể thấy được. Bảy A-nậu trần là một Đồng thượng trần. Bảy Đồng thượng trần là một Thủy thượng trần. bảy thủy thượng trần là một Thố hào thượng trần. Bảy Thố hào thượng trần là một Dương mao thượng trần. Bảy Dương mao thượng trần là một Ngưu mao thượng trần. bảy Ngưu mao thượng trần thành một Hưởng du trần. Bảy hưởng du trần thành một con muỗi. Bảy con muỗi thành một con rận. Bảy con rận thành một hạt lúa lép. Bảy hạt lúa lép thành một chỉ. Hai mươi bốn chỉ thành một chửu. Bốn chửu là một cung. Cách làng năm trăm cung là một câu lũ xá. tám câu lũ xá là một do tuần. Nên kệ nói rằng:

"Bảy trần thành A nậu,
Bảy Nậu thành Đồng trần.
Thủy, thố, ngưu mao trần,
Đến từ bảy mà ra".

Bởi vậy, trong luận dùng Câu lũ xá này để ước lượng thân của chư Thiên, từ thân của Tứ thiên vương đến thân của A ca ni tra. Vì thế, luận Bà-sa nói: "Thân Tứ thiên vương cao một câu lưu xá một phần bốn. Nếu nói theo kinh Chánh Pháp Niệm thì thân của các Thiên vương cao thấp đều bằng nhau (luận Tỳ-đàm cũng nói giống như vậy). Còn thân của Trời Tam thập tam cao nữa câu lưu xá. Thân Đế-thích cao một câu lưu xá. Thân Trời Dạ ma cao một câu lưu xá ruỡi (nếu hỏi vì sao thân Đế-thích cao hơn thân của Trời Dạ ma, thì kinh nói vào thời quá khứ, Đế-thích chuyên tu hạnh cung kính, nên có thân cao lớn). Thân Trời Đâu suất cao một câu lưu xá, bằng thân Đế-thích. Thân Trời Hóa lạc

cao một câu lưu xá một phần bốn. Thân Trời Tha hóa tự tại cao một câu lưu xá rưỡi (chư Thiên Trời Dục giới đều cao như thế).

Thứ hai là Thân lượng chư Thiên cõi sắc giới: Theo luận Tỳ-đàm nói: "Trời Phạm chúng cao nữa do diên. Trời Phạm phước lâu cao một do diên. Trời Đại phạm cao một do diên rưỡi. Trời Quang thiên cao hai do diên. Trời Vô lượng quang cao bốn do diên. Trời Quang Âm cao tám do diên. Trời Thiếu tĩnh cao mười sáu do diên. Trời Vô lượng tịnh cao ba mươi hai do diên. Trời Biến tịnh cao sáu mươi bốn do diên. Trời Phước khánh cao một trăm hai mươi lăm do diên. Trời Phước sinh cao hai trăm năm mươi do diên. Trời Quảng quả cao năm trăm do diên. Trời Vô tưởng cũng cao như thế. Trời Thiện kiến cao bốn ngàn do diên. Trời Thiện hiện cao tám ngàn do diên. Trời Sắc cứu cánh cao mười sáu ngàn do diên.

Thứ ba là Thân lượng chư Thiên cõi vô sắc giới: vì cõi này thuộc về vô hình, nên không thể nói được (theo Đại thừa thì cũng có sắc vi tế, nhưng kinh luận bỏ qua không nói đến).

Thứ bảy: PHẦN Y LƯỢNG

Hỏi: "Y phục của chư Thiên thì thế nào?". Đáp: "Chư Thiên trong sáu Trời của cõi Lục dục đều không mặc áo trời, du hành tự tại. Xem ra như mặc lớp hào quang sống động, không thể đem vải vóc thế gian so sánh. Y phục của chư Thiên cõi sắc giới, tuy gọi là thiên y, nhưng thật ra cũng như là hào quang, càng biến chuyển, càng đẹp đẽ, không thể diễn tả nỗi. Còn kinh Khởi Thế nói: "Trời Tứ thiên vương thân cao nữa do tuần, áo dài một do tuần, rộng nữa do tuần, nặng nữa lượng. Trời Tam thập tam, thân cao một do tuần, áo dài hai do tuần, rộng một do tuần, nặng nữa lượng. Trời Dạ ma thân cao hai do tuần, áo dài bốn do tuần, rộng hai do tuần, nặng nữa lượng một phần bốn. Trời Đâu suất thân cao bốn do tuần, áo dài tám do tuần, rộng bốn do tuần, nặng nữa lượng một phần tám. Trời Hóa lạc thân cao tám do tuần, áo dài mười sáu do tuần, rộng tám do tuần, nặng nữa lượng một phần mười sáu. Trời Tha hóa tự tại thân cao mười sáu do tuần, áo dài ba mươi hai do tuần, rộng mười sáu do tuần, nặng nữa lượng một phần ba mươi hai. Chư Thiên Ma thân, thân cao ba mươi hai do tuần, áo dài sáu mươi bốn do tuần, rộng ba mươi hai do tuần, nặng nữa lượng một phần sáu mươi bốn. Từ đây trở lên, các Trời khác có thân lượng cao thấp và y phục dài ngắn đều bằng nhau, không khác biệt". Kinh Khởi Thế còn nói: "Chư Thiên cõi Dục giới có nhiều loại áo quần trang nghiêm, không thể nói hết. Riêng hai

Trời Hóa lạc và Tha hóa tự tại, áo quần ăn mặc đều tùy theo ý muốn mà thành lớn nhỏ, trọng lượng cũng thế. Chư Thiên cõi Sắc giới, không mặc y phục cũng như có mặc, chẳng có gì khác biệt. Trên đầu tuy không có tướng Đỉnh kế nhưng cũng giống như có đội mão Trời. Không phân biệt nam nữ, chỉ có một hình dáng giống nhau”. Kinh Trường A-hàm nói: “Trời Đao lợi áo nặng một thù rưỡi. Trời Hóa lạc áo nặng một thù. Trời Tha hóa tự tại áo nặng nữa thù”. Luận Thuận Chánh Lý nói: “Thiên chúng cõi Sắc giới, khi sơ sinh, thể hình tròn trịa, áo quần đầy đủ”.

Thứ tám: PHẦN THỌ LƯỢNG

Theo luận A-tỳ-đàm nói: “Thọ lượng của chư Thiên như sau: nếu nhân gian sống năm mươi năm, thì Trời Tứ thiên vương là một ngày đêm. Cứ dùng số ngày tháng năm này mà tính, thọ lượng của Trời Tứ thiên vương là năm trăm tuổi. Tính theo ngày tháng của nhân gian là chín trăm vạn năm, thì số bằng một ngày đêm ở địa ngục Đẳng hoạt. Cứ dùng số ngày tháng này mà tính, thọ lượng của địa ngục Đẳng hoạt là năm trăm tuổi. Kể nhân gian một trăm năm bằng một ngày đêm ở Trời Tam thập tam. Cứ dùng số ngày tháng năm này mà tính, thọ lượng của Trời Tam thập tam là một ngàn tuổi. Tính theo ngày tháng của nhân gian là ba ức sáu trăm vạn năm thì số này bằng một ngày đêm ở địa ngục Hắc thằng. Cứ dùng số ngày tháng năm này mà tính, thọ lượng của địa ngục Hắc thằng là một ngàn tuổi. Kể nhân gian hai trăm năm bằng một ngày đêm ở Trời Diệm ma. Cứ dùng số ngày tháng năm này mà tính, thọ lượng của Trời Diệm ma là hai ngàn tuổi. Tính theo ngày tháng của nhân gian là mười bốn ức bốn trăm vạn năm. Số này bằng một ngày đêm ở đại địa ngục Chúng hợp. Cứ dùng số ngày tháng năm này mà tính, thọ lượng của đại địa ngục Chúng hợp là hai ngàn tuổi. Kể nhân gian bốn trăm năm bằng một ngày đêm ở Trời Đâu suất đà. Cứ dùng số ngày tháng năm này mà tính, thọ lượng của Trời Đâu suất đà là bốn ngàn tuổi. Tính theo ngày tháng của nhân gian là năm mươi bảy ức sáu trăm vạn năm. Số này bằng một ngày đêm ở Hô địa ngục. Cứ dùng số ngày tháng năm này mà tính, thọ lượng của Hô địa ngục là bốn ngàn tuổi. Kể nhân gian tám trăm năm bằng một ngày đêm ở Trời Hóa lạc. Cứ dùng số ngày tháng năm này mà tính, thọ lượng của Trời Hóa lạc là tám ngàn tuổi. Tính theo ngày tháng của nhân gian là hai trăm ba mươi ức năm. Số này bằng một ngày đêm ở địa ngục Đại hô. Cứ dùng số ngày tháng năm này mà tính, thọ lượng của địa ngục Đại hô là tám ngàn tuổi. Kể nhân gian một ngàn sáu trăm năm bằng một ngày đêm ở

Trời Tha hóa tự tại. Cứ dùng số ngày tháng năm này mà tính, thọ lượng của Trời Tha hóa tự tại là mười sáu ngàn tuổi. Tính theo ngày tháng của nhân gian là chín trăm hai mươi mốt ức sáu trăm vạn năm. Số này bằng một ngày đêm ở Nhiệt đại địa ngục. Cứ dùng số ngày tháng năm này mà tính, thọ lượng một kiếp của Nhiệt đại địa ngục là mười sáu ngàn tuổi. Các Nhiệt đại địa ngục khác có thọ lượng nữa kiếp trên. Đại địa ngục Vô trạch có thọ lượng một kiếp nói trên. Súc sinh thọ lâu nhất, cũng một kiếp nói trên. Như luận nói các loài Rồng Địa trì, ngạ quỷ thọ lâu nhất được năm trăm tuổi".

Thứ hai là tính thọ lượng ở sắc giới thì dùng kiếp làm đơn vị. Trước tiên, thọ lượng của Trời Phạm chúng là nữa kiếp. Trời Phạm phước lâu một kiếp. Trời Đại phạm một kiếp rưỡi. Trời Thiểu quang bốn kiếp. Trời Quang Âm tám kiếp. Trời Thiểu tịnh 1sáu kiếp. Trời Vô lượng tịnh ba mươi hai kiếp. Trời Biến tịnh sáu mươi bốn kiếp. Trời Phước ái một trăm hai mươi lăm kiếp. Trời Phước quang hai trăm năm mươi kiếp. Trời Quảng quả năm trăm kiếp. Trời Vô tưởng cũng như thế. Trời Vô hy vọng một ngàn kiếp. Trời Vô nhiệt hai ngàn kiếp. Trời Thiện kiến bốn ngàn kiếp. Trời Sắc cứu cánh mười sáu ngàn kiếp.

Thứ ba là tính thọ lượng ở Vô sắc giới thì Trời Không xứ thọ hai vạn kiếp. Trời Thức xứ bốn vạn kiếp. Trời Vô sở hữu xứ sáu vạn kiếp. Trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ tám vạn kiếp. Tam giới đều có yểu nữa chừng, chỉ trừ Uất-đơn-việt, Bồ tát tối hậu thân ở Trời Đâu suất và Trời Vô tưởng đều có thọ lượng nhất định, không nói đến yểu nữa chừng. Các cõi còn lại đều có yểu nữa chừng. Luận Thuận Chánh Lý cũng nói như thế. Tuy vậy, người Bắc câu lô về đường Nhân đạo, vốn có phước lực mạnh nhất. Kẻ độn căn bạc trần quá ham thú khoái lạc, mang tội không biết nhiếp thọ, nhưng khi chết cũng được sinh vào thượng giới. Những người khác đều giống như đã nói trước đây. Hỏi: "Khi kiếp hỏa này nổi lên, đến cõi Sơ Thiền, tất cả đều bị thiêu rụi. Vì sao luận bảo rằng Thiên vương Đại phạm thọ được một kiếp rưỡi?". Đáp: "Ở đây nói một kiếp rưỡi là căn cứ vào chỗ gộp sáu mươi Tiểu kiếp thành một kiếp rưỡi, chứ không căn cứ vào đại kiếp. Nếu căn cứ vào Đại kiếp thủy hỏa phong mà nói thì cũng như một kiếp hợp thành từ tám mươi Tiểu kiếp, trong đó còn thiếu hai mươi Tiểu kiếp. Đem so với lượng một kiếp rưỡi, ý nghĩa chẳng có gì sai". "Làm thế nào biết được như thế?". Theo luận Câu Xá cũ gọi là Biệt kiếp, luận Lật Thế A-tỳ-đàm gọi là tiểu kiếp, luận Câu Xá mới, luận Bà-sa mới gọi là trung kiếp. Ba danh từ này tuy khác nhau, nhưng thực chất chỉ là một, thì lượng cũng bằng nhau. Như

kinh A-hàm nói rằng: “Từ người thọ tám vạn bốn ngàn tuổi, cứ một trăm năm giảm bớt một tuổi, đến khi chỉ còn thọ mười tuổi. Từ thọ mười tuổi lại tăng dần lên đến tám vạn bốn ngàn tuổi. Trải qua một kiếp tăng, một kiếp giảm. Ngần ấy thời gian gọi là thời lượng một trung kiếp (Biệt kiếp và Tiểu kiếp cũng y thế)”. Nếu theo luận Câu Xá thì lại nói: “Khi hết một đại vận Tam tai, bắt đầu từ khởi thủy đến chung cục của thế gian mới gọi là một đại kiếp. Theo một đại hạn Tam tai thủy hỏa phong như thế, phải trải qua tám mươi trung kiếp. Như phải trải qua một trung kiếp hoại, một trung kiếp thành, mười chín trung kiếp chúng sinh lần lượt trụ, hai mươi trung kiếp đang trụ, mười chín trung kiếp lần lượt hoại rồi không. Đấy là một trung kiếp. Vừa gặp một đại hạn Tam tai thủy hỏa phong hủy hoại khí thế gian mười chín trung kiếp, liền gặp một tiểu hạn Tam tai đói kém, bệnh dịch, binh đao hủy hoai thế giới chúng sinh”. Vì hiểu theo nghĩa nầy, nên luận Tỳ-đàm mới nói: “Cõi nào trụ sau cùng thì cõi ấy không trước tiên. Cõi chúng sinh trụ sau cùng là nói địa ngục A tỳ ở chỗ thấp nhất. Cõi nầy không sau cùng. Cõi chúng sinh trụ trước tiên không có quy tắc cố định. Nếu căn cứ vào kiếp hỏa, tức là cõi Sơ Thiền. Nếu căn cứ vào kiếp thủy, là cõi Nhị Thiền. Nếu căn cứ vào kiếp phong, là cõi Tam Thiền. Vì lập luận như thế, nên trong một đại kiếp có đủ sáu mươi trung kiếp ấy và hai mươi biệt kiếp trong không kiếp. Gộp đủ tám mươi Tiểu kiếp mới gọi là một đại kiếp. Biện luận về kiếp như thế, hiển nhiên không sai”.

Nay nói về Trời thứ nhất là Phạm chúng trong cõi Sơ Thiền có thọ lượng nữa kiếp thì phải biết dựa vào nữa kiếp gồm có hai mươi trung kiếp trong Biệt kiếp ấy mà bàn. Thứ hai là Trời Phạm phụ có thọ lượng một kiếp là điều căn cứ vào bốn mươi trung kiếp của Biệt kiếp ấy mà bàn. Theo đúng nghĩa này thì không sai được. Cõi Sơ Thiền đã như thế, từ cõi Nhị Thiền trở lên, phải biết đều căn cứ vào đại kiếp của Tam tai để minh định thọ lượng, chứ không dựa vào trung kiếp và Biệt kiếp nữa. Trong cõi Nhị Thiền thì thứ nhất là Trời Thiểu quang, có họ lượng hai kiếp. Thứ hai là Trời Vô lượng quang có thọ lượng tám kiếp. “Nếu nói thủy tai đã ngập đến cõi Nhị Thiền, chư Thiên Trời Quang Âm làm sao thọ được tám đại kiếp?”. “Nên biết rằng sau bảy trận hỏa tai ấy, mới có năm trận thủy tai nổi lên, ngập đến cõi Nhị Thiền. Vì thế, chư Thiên Trời Quang Âm thọ được tám đại kiếp”.

Trong cõi Tam Thiền thì thứ nhất là Trời Thiểu tịnh, có thọ lượng 1sáu kiếp. Thứ hai là Trời Vô lượng tịnh, có thọ lượng ba mươi hai kiếp. Thứ ba là Trời Biến tịnh, có thọ lượng sáu mươi bốn kiếp. “Nếu bảo

phong tai đã thổi đến cõi Tam Thiền, làm sao chư Thiên Trời Biến tịnh thọ được sáu mươi bốn kiếp?". "Đây cũng là điều nên biết rằng sau đại vận sáu mươi ba trận thủy hỏa tai ấy, mới có một trận phong tai nổi lên. Thế nên chư Thiên Trời Biến tịnh có thọ lượng sáu mươi bốn kiếp. Làm thế nào biết được như thế?". Điều này, trong luận Tỳ-đàm có nói: "Sau bảy hỏa kiếp dồn dập nổi lên, mới có năm trận thủy tai nổi dậy. Như thế thì bảy bảy bốn mươi chín lượt hỏa tai nổi lên, mới có bảy trận thủy tai nổi dậy. Nói gộp lại thì có năm mươi sáu kiếp. Lại nữa, sau khi trải qua năm mươi sáu kiếp này, còn có bảy trận hỏa tai xảy đến.. Và sau bảy trận hỏa tai này, mới có năm trận phong tai nổi lên, hủy hoại tận cõi Tam Thiền. Gộp chung các kiếp nói trên thành ra sáu mươi bốn kiếp". Theo ý nghĩa này, thì Trời Biến tịnh thọ được sáu mươi bốn kiếp. Thế nên luận Tỳ-đàm nói kệ rằng:

"Bảy hỏa lần lượt qua,
Sau đó mới một thủy.
Bốn chín hỏa, bảy thủy,
Lại bảy hỏa, sau phong".

Hỏi: "Trời Thức xứ, trong bốn cõi Trời ở vô sắc giới này, có thọ lượng gấp đôi Trời Không xứ. Chưa rõ vì sao thọ lượng của hai Trời ở sau không nhiều gấp đôi Trời Thức xứ ở trước?.

Đáp: Như trong luận Bà-sa nói có ba Luận sư đều cùng giải thích về điều này. Thuyết của vị thứ nhất nói: "Hai coi Không xứ, Thức xứ ấy, mỗi cõi đều có vô lượng hạnh và các hạnh khác đều là xả tất cả Nhập v.v... nên thọ lượng được gấp đôi. Không xứ, nhờ có vô lượng hạnh nên thọ được một vạn kiếp. Các hạnh khác được thọ thêm một vạn kiếp. Thế nên, gộp lại có thọ lượng hai vạn kiếp. Thức xứ, nhờ có vô lượng hạnh, nên thọ được hai vạn kiếp, các hạnh khác được thọ thêm hai vạn kiếp Nhờ số này nhiều gấp đôi lần số trước, nên thọ lượng bốn vạn kiếp. Rốt lại, hai Trời ở trên, vì không có vô lượng hạnh, nên thọ lượng không thể nhiều gấp đôi". Thuyết thứ nhất là như thế. Thuyết của Luận sư thứ hai nói: "Hai Trời Không xứ, Thức xứ, vì mỗi trời đều có hai loại huệ hạnh và định hạnh, nên thọ lượng gấp đôi. Huệ hạnh thọ được một vạn kiếp, định hạnh thọ được một vạn kiếp. Thế nên gộp lại, có thọ lượng hai vạn kiếp. Trời Thức xứ, nhờ định hạnh thọ được hai vạn kiếp, lại nhờ huệ hạnh thọ được thêm hai vạn kiếp. Do số này nhiều gấp một lần số trước, nên có thọ lượng bốn vạn kiếp. Hai cõi trên này, vì chỉ có định hạnh mà không có huệ hạnh, nên thọ lượng không thể nhiều gấp bội". Thuyết thứ hai là như thế. Thuyết của Luận sư thứ ba cũng nói:

"Bốn cõi Vô sắc định, phần phước báo của mỗi cõi chỉ có hai vạn kiếp. Vì cớ ly dục, không ly dục nên có thọ lượng gấp đôi và không gấp đôi. Trong cõi Không xứ định, vì chưa lìa được dục của chính mình, nên chỉ thọ hai vạn kiếp. Trong cõi Thức xứ, thọ được hai vạn kiếp, chính là thọ lượng của định. Do lìa được dục của Không xứ cho nên thọ thêm được hai vạn kiếp. Nhờ số này nhiều gấp đôi số trước, nên có thọ lượng bốn vạn kiếp. Vô sở hữu xứ thọ được hai vạn kiếp, chính là thọ lượng của định. Do lìa được dục của hai cõi Không xứ, Thức xứ, nên được thọ thêm bốn vạn kiếp. Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thọ được hai vạn kiếp, chính là thọ lượng của định. Nhờ lìa được dục của ba cõi dưới, nên có thọ lượng tám vạn kiếp". Thuyết thứ ba là như thế, nghĩa lý đã hiển hiện ở đấy rồi vậy.

Thứ chín: PHẦN TRỤ XỨ

Hỏi: Chỗ ở của chư Thiên có ý nghĩa như thế nào?".

- Đáp: Theo như luận Bà-sa nói: "Trời tuy có ba mươi hai, nhưng chỗ ở chỉ có hai mươi tám tầng. Vì bốn cõi Không xứ tuyệt đối xa lìa hình sắc, nên không có chỗ ở riêng mà ở khắp trong hai cõi Dục giới và Sắc giới. Chỉ tùy thuộc chúng sinh trong hai cõi Dục giới và Sắc giới thành tựu được quả Tứ không ở Vô sắc giới, theo chỗ mệnh chung mà thọ phước báo ở cõi Vô sắc ấy, nên không có chỗ ở riêng. Điều này không giống với quan điểm hữu sắc của Đại thừa.

Hai mươi tám tầng Trời ấy là kể từ mặt đất ở chân núi Tu-di đi lên, cách bốn ngàn do tuần, vòng quanh núi ngang dọc rộng một vạn do tuần, trong đó là chỗ cư trú của Trời Kiên thủ. Lại đi lên một lần như thế, vòng quanh núi rộng tám ngàn do tuần, trong đó là chỗ cư trú của Trời Trì hoa man ấy. Lại đi lên một lần như thế, vòng quanh núi rộng bốn ngàn do tuần, trong đó là chỗ cứ trú của Trời Thường phóng dật. Lại đi lên một lần như thế, vòng quanh núi rộng bốn ngàn do tuần, trong đó là chỗ cư trú của Trời Nhật nguyệt tinh tú. Lại đi lên một lần như thế, vòng quanh núi rộng bốn ngàn do tuần, trong đó là chỗ cư trú của Trời Tứ thiên vương (trong này, do có bảy loại núi vàng, có thành trì, làng mạc của Tứ thiên vương đều tọa lạc ở đó). Lại đi lên bốn vạn do tuần là đến đỉnh núi Tu-di, ngang dọc rộng bốn vạn do tuần, trong đó có thành Thiện kiến, ngang dọc rộng một vạn do tuần, đặc biệt có một ngàn cửa, trong đó là chỗ cư trú của Trời Tam thập tam. Từ đỉnh núi Tu-di, lại bay lên giữ không trung bốn vạn do tuần, có chỗ như mây, do bảy loại bảo vật tạo thành, nhưng lại giống đất bằng, trong đó là chỗ cư

trú của Trời Diệm ma. Lại bay lên một lần như thế, có chỗ như mây, do bảy loại bảo vật tạo thành, là Trời Đâu suất đà. Lại bay lên một lần như thế, có chỗ như mây, do bảy loại bảo vật tạo thành, là Trời Hóa lạc. Lại bay lên một lần như thế, có chỗ như mây, do bảy loại bảo vật tạo thành, là Trời Tha hóa tự tại. Cứ thế, bay lên đến Trời Sắc cứu cánh của sắc giới, đều có chỗ như mây, do bảy loại bảo vật tạo thành, cùng cách nhau một lần như thế, nên chẳng cần thuật đủ". Theo luận Thuận Chánh Lý nói: "Trời Tam thập tam ở đỉnh núi Tô Mê Lô. Bốn mặt trên đỉnh núi, mỗi mặt rộng chừng hai mươi ngàn do tuần, nếu đo chu vi thì lên đến tám vạn do tuần. Thuyết của các Luận sư khác nói mỗi mặt rộng tám mươi ngàn do tuần, so với bốn mặt ở dưới, số lượng không khác. Ở bốn góc trên mặt đỉnh núi, mỗi góc đều có một ngọn núi, mỗi ngọn cao rộng chừng năm trăm do tuần. Có thần Dạ-xoa gọi là Kim cương thủ ở trong núi này hộ vệ chư Thiên. Giữa đỉnh núi Tu-di có cung điện gọi là Thiện kiến, bề mặt rộng hai ngàn năm trăm du thiện na, chu vi một vạn du thiện na. Kim thành cao một du thiện na rưỡi. Mặt đất trong kim thành bằng phẳng, do vàng thật đúc nên, đều được trang trí bằng một trăm lẻ một loại bảo vật khác nhau. Chạm vào mặt đất, êm mềm như nệm bông Đố la. Mỗi lần dẫm lên, theo chân lún xuống rồi nhô lên. Đây là kinh thành của Trời Đế-thích, thành có một ngàn cửa, trang sức tráng lệ, mỗi cửa có năm mươi Dạ-xoa mặc áo xanh, dũng mãnh uy nghiêm, cao một du thiện na, trang bị đầy đủ áo giáp binh khí, lo việc phòng thủ cửa thành. Trong thành có điện Thù thắng, trang hoàng đầy đủ các loại bảo vật, ánh sáng chói lòa Thiên cung, nên mới gọi là Thù thắng. Điện rộng hai trăm năm mươi du thiện na, chu vi một ngàn du thiện na. Đây gọi là những sự kiện khả ái trong thành. Ngoài thành, có bốn vườn trang hoàng khắp bốn mặt, là chỗ chư Thiên ở đấy cùng đến du hí. Thứ nhất là vườn chúng xa (các xe), nghĩa là ở trong vườn này, tùy thọ phước lực của mình, có các loại xe hiện ra. Thứ hai là vườn Thô xấu, nghĩa là mỗi khi chư Thiên muốn chiến đấu, tùy theo nhu cầu của mình mà có các loại khí giới hiện ra. Thứ ba là vườn Tạp lâm (rừng tạp), có nghĩa là mỗi khi chư Thiên vào đó, các loại thưởng ngoạn đều có như nhau, sinh nhiều vui thích. Thứ tư là vườn Hỷ lâm (rừng vui), rất đẹp, phô bày đủ loại dục trần, xem hoài không chán. Cảnh tượng của bốn vườn này đều khác lạ. Mỗi một vườn có chu vi một ngàn du thiện na, trong mỗi vườn có một ao Như ý, diện tích rộng năm mươi du thiện na, chứa đầy nước tám công đức. Chiều theo ý muốn, các loài chim chóc, hương thơm trong bốn vườn hiện ra trang trí, khác nhau tùy theo nghiệp quả. Thật

khó nghĩ bàn phước báo của chư Thiên. Ở góc Đông Nam ngoài thành, có đại Thiện pháp đường, là nơi chư Thiên Trời Tam thập tam hội họp bàn kỹ các việc chế phục A tố lạc hợp pháp và không hợp pháp Trời".

Kinh Khởi Thế nói rằng Phật bảo Tỳ-kheo: "Vì nhân duyên nào, chỗ chư Thiên hội họp gọi là Thiện pháp đường?". "Vì khi chư Thiên Trời Tam thập tam cùng ngồi hội họp trong đó, chỉ bàn luận nghĩa lý sâu xa, cân nhắc xét xem những lời vi diệu tốt lành, vốn là chính lý chân thật của các pháp trọng yếu ở thế gian, nên chư Thiên mới gọi đây là Thiện pháp đường". "Lại vì nhân duyên nào, gọi là vườn Ba lâu sa ca?" (đời Tùy dịch là Thô nhám). "Vì chư Thiên Trời Tam thập tam vào trong đó xong, cùng ngồi trên hai phiến đá hiền và thiện hiền, chỉ bàn luận những lời đùa bỡn thô thiển nhám nhúa, không tốt lành ở thế gian, nên gọi là vườn Ba lâu sa ca". "Lại vì nhân duyên nào, gọi là vườn Xe tạp sắc?". "Vì chư Thiên Trời Tam thập tam vào trong đó xong, cùng ngồi trên hai phiến đá tạp sắc và thiện tạp sắc, chỉ bàn luận những lời nói đủ mọi sắc tướng hỗn tạp của thế gian, nên gọi là vườn Xe tạp sắc". "Lại vì nhân duyên nào, gọi là vườn Tạp loạn?". "Vì chư Thiên Trời Tam thập tam thường chọn ngày mồng tám, ngày rằm hàng tháng, thả tất cả thể nữ trong cung vào vườn này, để cùng chư Thiên Trời Tam thập tam cùng nhau trà trộn chơi đùa, không sinh lòng ngăn cách, mặc sức hoan lạc, rong chơi mua vui, hưởng thụ đầy đủ phước báo ngũ dục của Thiên giới, nên chư Thiên cùng gọi vườn này là vườn Tạp loạn". "Lại vì nhân duyên nào, Trời ấy có vườn gọi là Hoan hỷ?". "Vì chư Thiên Trời Tam thập tam vào trong đó xong, cùng ngồi trên hai phiến đá hoan hỷ và thiên hoan hỷ, lòng được vui vẻ và rất an lạc, nên cùng gọi vườn này là vườn Hoan hỷ". "Lại vì nhân duyên nào, gọi là cây Ba lợi dạ đát la câu tỳ đà la?". "Vì dưới cây ấy có vị Thiên tử đến ở, ngày đêm thường đem các loại phước báo ngũ dục đầy đủ, hòa hợp của cõi Trời ấy để đùa giỡn mua vui, nên chư Thiên bèn gọi cây ấy là cây Ba lợi dạ đát la câu tỳ đà la".

Thứ mười: PHẦN QUẢNG HIỆP

Hỏi: Hạn lượng rộng hẹp của các cõi Trời là như thế nào?.

Đáp: "Như luận Bà-sa nói: "Riêng trên mặt núi Tu-di, ngang dọc rộng tám do tuần, trong đó chỗ bằng phẳng có thể ở được chỉ rộng bốn vạn do tuần. Trời Viêm ma rộng hơn mặt núi Tu-di nói trên bốn vạn do tuần, có lãnh thổ ngang dọc rộng tám vạn do tuần. Cứ thế, lần lượt đến Trời Tha hóa tự tại, rộng gấp đôi Trời trước, có lãnh thổ ngang dọc rộng

sáu trăm bốn vạn do tuần. Lãnh thổ của cõi Tứ thiên rộng hẹp không cố định".

Có hai thuyết nói về điều này:

Thuyết thứ nhất cho rằng cõi Sơ Thiền rộng bằng một quốc độ. Cõi Nhị Thiền rộng bằng một Tiểu thiên thế giới. Cõi Tam Thiền rộng bằng một Trung thiên thế giới. Cõi Tứ Thiền rộng bằng một đại thiên thế giới.

Thuyết thứ hai cho là cõi Sơ Thiền rộng bằng một Tiểu thiên thế giới. Cõi Nhị Thiền rộng bằng một Trung thiên thế giới. Cõi Tam Thiền rộng bằng một đại thiên thế giới. Cõi Tứ Thiền rộng lớn vô biên, không thể nói được giới hạn (các Luận sư bình luận điều này cho rằng thuyết thứ hai là đúng).

Hỏi: "Từ cõi Sơ Thiền rộng bằng một Tiểu thiên thế giới cho đến cõi Tứ Thiền rộng lớn vô biên, chưa rõ trên Đại thiên thế giới của cõi Tứ Thiền ấy, phải có chung Trời Phạm Thiên của cõi Sơ Thiền, thậm chí phải có chung Trời Sắc cứu cánh. Hay là trên từng mỗi một quốc độ, phải có riêng Trời Phạm Thiên của cõi Sơ Thiền, thậm chí phải có riêng Trời Sắc cứu cánh? Trả lời rằng là theo kinh Lâu Thán nói: "Trên từng mỗi một quốc độ, phải có riêng, hết thảy đều không có chung". Bởi thế, kinh ấy nói: "Trong Tam thiên thế giới, có hằng trăm ức quốc độ, núi Tu-di, biển lớn, núi Thiết vi, Trời Tứ thiên vương. Thậm chí trên từng mỗi một quốc độ, còn nói có hằng trăm ức Trời Sắc cứu cánh". Kinh văn ấy đã hiển nhiên, khỏi nhọc công ngờ vực. Hơn nữa, như luận Thuận Chánh Lý có nói: "Nhỏ, nghĩa là dưới thấp, vì để đối lại với trên cao, cũng như trâu đất gãy sừng, do gom góp từ cục đất nhỏ bé mà thành lớn, nhưng cũng không ép đất vậy". Hỏi: "Đã hay trên mỗi một quốc độ, thậm chí mỗi một quốc độ đều có Trời Sắc cứu cánh. Như thế, các Trời Sắc cứu cánh ấy đều ở riêng, há không gây trở ngại với nhau?". Đáp: "Tuy mỗi một quốc độ đều có hàng trăm ức Trời Sắc cứu cánh, dù cùng ở chung một chỗ, cũng không hề gây trở ngại nhau. Điều ấy giống như ánh sáng cùng thấu nhập, cùng phổ biến khắp nhau, nên cũng không gây trở ngại với nhau. Các Trời Sắc cứu cánh ấy cũng như thế, vì nhờ vào sắc tướng vi diệu của mình. Thế nên, trong kinh mới nói: "Chư Thiên ở sắc giới hạ trần nghe thuyết pháp. Sáu chục vị Trời cùng ngồi trên đầu một mũi nhọn, không hề bị chật chội hay bị trở ngại đụng chạm gì". Đem kinh văn ấy ra suy nghiệm, thì còn nghi ngờ vào đâu nữa!" (Thế nên, luận Nghĩa Thí nói: "Cõi Sơ Thiền giống như làng. Cõi Nhị Thiền giống như huyện. Cõi Tam Thiền giống như nước").

Thứ mười một: PHẦN TRANG SỨC

Như luận Trí Độ nói: "Núi Tu-di cao ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, do bốn loại bảo vật tạo thành. Mặt Đông bằng vàng, mặt Tây bằng bạc trắng, mặt Nam bằng lưu ly, mặt Bắc bằng pha lê. Vòng quanh nữa chừng núi, bốn phía có bốn ngọn núi Du Càn Đà, mỗi ngọn cao bốn vạn hai ngàn do tuần. Bốn Thiên vương, mỗi vị ở một ngọn núi này". Kinh Trường A-hàm nói: "Mặt Bắc làm bằng vàng thật, soi sáng phương Bắc. Mặt Tây làm bằng thủy tinh, soi sáng phương Tây. Mặt Đông làm bằng bạc trời, soi sáng phương Đông. Mặt Nam làm bằng lưu ly, soi sáng phương Nam". Luận Trí Độ nói: "Bốn Thiên vương, mỗi vị ở trong thành của mình. Thành phương Đông gọi là Thượng hiền. Thành phương Nam gọi là Thiện kiến. Thành phương Tây gọi là Châu la. Thành phương Bắc có ba tên: một là Khả úy, hai là Thiên kính, ba là Chúng quy".

Lại nữa, kinh Trường A-hàm nói: "Bát già dực bạch đức Thế-tôn: "Một thuở nọ, chư Thiên Trời Đao lợi tụ họp ở Thiện pháp đường, có việc bàn luận. Bấy giờ, bốn Thiên vương, tùy theo địa vị của mình, mỗi vị đều an tọa. Thiên vương Đề Đầu Lại Tra ngồi tại phía Đông, mặt hướng về phương Tây, Đế-thích ngự phía trước. Thiên vương Tỳ Lâu Lặc Xoa ngồi tại phía Nam, mặt hướng về phương Bắc, Đế-thích ngự phía trước. Thiên vương Tỳ Lâu Ba Xoa ngồi tại phía Tây, mặt hướng về phương Đông, Đế-thích ngự phía trước. Thiên vương Tỳ-sa-môn ngồi tại phía Bắc, mặt hướng về phương Nam, Đế-thích ngự phía trước. Khi bốn Thiên vương đã an tọa xong, con mới ngồi vào chỗ của mình".

Hơn nữa, luận Lập Thế A-tỳ-đàm nói: "Như Đại thành Thiện kiến ở Trời Đao lợi có chu vi bốn vạn mười ngàn do tuần, thành được bao bọc bằng vàng ròng, cao mười do tuần, có tường ẩn nấp cao nữa do tuần, cửa thành cao hai do tuần, cửa đôi phía ngoài cao một do tuần rưỡi, cách chừng mười do tuần lại có một cửa. Ở bốn mặt thành là lầu Thiên môn. Các cửa thành này làm bằng nhiều loại bảo vật, được trang trí bằng các loại châu ngọc quý hiếm. Phần Kim thành ở trung tâm có diện tích bằng một phần tư của Đại thành, là chỗ cư trú của Đế-thích, cách mười hai do tuần thì có hai cửa, khắp bốn mặt Kim thành có bốn trăm chín mươi chín cửa, lại có thêm một cửa nhỏ, cả thảy là năm trăm cửa. Việc canh phòng thành này được giao phó cho bốn cánh quân. Mọi thứ hào lũy, ao hồ cây cảnh, tạp lâm, cung điện ca kỹ hát xướng, các trò vui xa lạ, các loại hình trang trí quý giá, nhiều không thể nói hết. Tòa Bảo lầu Bảo các nhiều tầng ở trung tâm của Kim thành này tên là lầu Bì Thiền Diên Đa, dài năm trăm do tuần, rộng hai trăm năm mươi do tuần. Bốn

phía tòa Bảo các của thành này đều có Bảo lầu lùi địch. Phía Đông có hai mươi sáu sở, ba phía còn lại mỗi phía có hai mươi lăm sở, tổng cộng có một trăm lẻ một sở. Mỗi một Bảo lầu lùi địch rộng vuông vức hai do tuần, chu vi tám do tuần. Trên Bảo lầu lùi địch lại có một Bảo lầu nhỏ, cao nữa do tuần để làm nơi quan sát. Mỗi một Bảo lầu lùi địch có bảy Thiên nữ, mỗi một Thiên nữ này có bảy thể nữ theo hầu. Trong tòa Bảo lầu nhiều tầng này, có một vạn bảy trăm gian phòng, trong mỗi một gian phòng lại có bảy Thiên nữ, mỗi một Thiên nữ lại có bảy thể nữ theo hầu. Tất cả các Thiên nữ này đều là Chánh phi của Đế-thích. Trong các Bảo lầu lùi địch phía ngoài và trong các gian phòng, có tất cả bốn ức chín vạn bốn ngàn chín trăm Chánh phi, ba mươi bốn ức sáu vạn bốn ngàn ba trăm thể nữ. Chánh phi và thể nữ gộp thì lại lên đến ba mươi chín ức năm vạn chín ngàn hai trăm vị. Trên tận cùng tòa Bảo lầu Bì Thiền Diên Đa, có Viên thất nằm chính giữa, rộng ba mươi do tuần, chu vi chín mươi do tuần, cao bốn mươi lăm do tuần, là chỗ cư trú của Đế-thích, tất cả đều làm bằng pha lê, có nhiều loại bảo vật trang trí xen đầy".

Lại nữa, kinh Tạp A-hàm nói: "Trong cung điện của Đế-thích, có nhà Tỳ xà diên, có hằng trăm lầu quán, có bảy lớp tầng lầu, có bảy lớp gian phòng, có bảy Thiên hậu. Mỗi vị có bảy thị nữ theo hầu. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên du hành khắp Tiểu thiên thế giới nhưng chưa thấy ở đâu có lầu quán trang nghiêm như nhà Tỳ xà diên này vậy".

Theo kinh Khởi Thế nói: "Vẻ chạm trổ trang trí, lối hưởng thụ hoan lạc ở Thiên cung trong Kim thành của Đế-thích, không thể nào nói hết. Mô tả như thế, cảnh trí như thế là nơi Thích-đề-hoàn Nhân và Nữ A-tu-la Xá-chi cùng ở, còn hóa thân của Đế-thích lại ở cùng với các Chánh phi khác. Tất cả các Chánh phi đều suy nghĩ như thế này: "Hóa thân của Đế-thích ở cùng chúng ta, còn chân thân ở cùng Xá-chi". Nhà cửa bốn phía trong thành này, đường xá chợ búa tất cả đều xây đắp ngay hàng thẳng lối. Thiên chúng trong thành này, tùy theo phước báo, có nhà cửa nhiều ít, đều làm bằng các loại bảo vật bằng phẳng, sắp xếp ngay ngắn chỉnh tề. Đường sá trong thành này lên đến năm trăm, bốn ngã thông nhau, hàng lối phân minh, rộng bằng đường chính, đổ ra bốn cửa, Đông Tây quang đãng, cùng nhìn thấy nhau, phố sá chợ búa chất đầy hàng hóa quý hiếm. Trên nữa tầng không có bảy khu chợ. Thứ nhất là chợ lúa gạo. Thứ hai là chợ y phục. Thứ ba là chợ hương phẩm. Thứ tư là chợ ăn uống. Thứ năm là chợ tràng hoa. Thứ sáu là chợ thủ công. Thứ bảy là chợ kỹ nữ. Các chợ đều có quan chợ trông coi. Trong các chợ

này, thiên nam, thiên nữ cùng tới lui mua bán, thương lượng mắc rẻ, trả giá thêm bớt, cân lường đo đạc, đủ các phép chợ, tuy rằng làm thế, cốt để vui đùa. Thật tâm Thiên chúng, không lấy không cho, không giành phần riêng. Thấy có nhu cầu, có thể cầm lấy mang về. Nếu thấy ưng ý, tùy thích lựa chọn mà lấy. Nếu không ưng ý, liền nói thế này: "Vật này quý hiếm không thuộc về nhu cầu của ta". Đường sá trong chợ, êm ái dễ đi, trang hoàng đầy bảo vật, treo đầy áo trời, dựng đầy cờ xí, đủ loại âm nhạc, ca hát không lúc nào ngừng. Lại có tiếng nói: "Đến đây, đến đây! Mọi thứ ăn uống, xin đem cúng dường!" Kinh thành Thiện kiến do Đế-thích cư trú này, còn có châu Trời, quận Trời, huyện Trời, thôn Trời bao bọc khắp chung quanh (ngoài ra, chỗ ở của chư Thiên này được trang hoàng bằng hương thơm, âm nhạc đầy đủ khắp nơi. Hưởng thụ phước báo hoan lạc đến mức không thể sách nào chép hết). Từ phía ngoài cửa Bắc của thành Thiện kiến, đi hết 20 dặm, có một vườn lớn tên là Hoan hỷ, chu vi một ngàn do tuần, trong đó có ao cũng tên là Hoan hỷ, vuông vức một trăm do tuần, sâu cũng một trăm do tuần, chứa đầy nước Trời. Các thứ gạch đá xây cất bờ ao và đáy ao làm bằng bốn loại bảo vật. Phía ngoài cửa Đông của thành này có vườn tên là Chúng xa, trong đó có ao tên là Chất đa la. Phía ngoài cửa Nam của thành có vườn tên là Tạp viên, trong đó có ao cùng tên. Các vườn và ao này lớn nhỏ cũng giống như đã nói ở trên. Trong bốn khu vườn này, có đủ loại hoa quả thơm tho, chim rừng bay lượn ca hót, điểm tô cảnh sắc thêm đẹp đẽ, không thể nào nói hết được".

Thứ mười hai: PHẦN TẤU THỈNH

Như luận Lập Thế A-tỳ-đàm nói: "Bấy giờ, Đế-thích dẫn các Thiên chúng vào dục viên chơi rồi đến Thiện pháp đường. Chư Thiên đứng chung quanh, cung nghinh Đế-thích vào vườn. Bên cạnh cột trong cùng của Thiện pháp đường có sư tử tọa. Đế-thích đến ngự trên bảo tọa ấy. Hai bên tả hữu, mỗi bên mười sáu Thiên vương xếp hàng ngồi xuống. Chư Thiên khác tùy theo địa vị cao thấp, xếp hàng cùng ngồi. Bấy giờ, Đế-thích có hai vị thái tử: vị thứ nhất tên là Chiên Đàn, vị thứ hai tên là Tu-tỳ-la, là hai đại tướng của Trời Đao lợi, cùng ngồi xuống hai bên tả hữu của Trời Tam thập tam. Bấy giờ, Thiên vương Đề Đầu Lại Tra đang ngồi theo cửa Đông, cùng các đại thần và quân lính, cung kính xin chư Thiên được vào ngồi phía trong. Bấy giờ, Thiên vương Tỳ Lưu Lặc Xoa đang ngồi theo cửa Nam, cùng các đại thần và quân lính, cung kính xin chư Thiên được vào ngồi phía trong. Bấy giờ, Thiên vương

Tỳ Lưu Bác Xoa đang ngồi theo cửa Tây, Thiên vương Tỳ-sa-môn đang ngồi theo cửa Bắc (đều hành lễ như thế, xin được ngồi phía trong).

Tại Thiện pháp đường, bốn Thiên vương này đem tâu lên các việc thiện ác của thế gian với Đế-thích và Trời Đao lợi. Khi ấy, đức Thế-tôn bảo thế này: "Vào ngày mồng tám hằng tháng bốn Thiên vương du hành khắp thế gian, lần lượt quan sát vào đúng ngày này, nhiều ngần nào, ít ngần nào, kẻ giữ gìn tám giới. Nhiều ngần nào, ít ngần nào, kẻ làm bố thí. Nhiều ngần nào, ít ngần nào, kẻ tu hạnh phước đức. Nhiều ngần nào, ít ngần nào, kẻ kính trọng cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, các vị tôn trưởng trong nhà. Vào ngày mười bốn và rằm hằng tháng, cũng làm như thế. Nếu không có kẻ gìn giữ tám giới, bố thí, tôn trọng, bấy giờ, bốn Thiên vương Thiện pháp đường, đem mọi việc ấy tâu lên cùng Đế-thích. Bấy giờ, Đế-thích và chư Thiên nghe xong, sinh lòng áo não, phán thế này: "Việc này không tốt, trong nhà lỗi đạo, các tôn trưởng của chư Thiên ắt phải hao tổn, bè bạn A-tu-la ắt ngày càng nhiều hơn". Nếu có kẻ giữ gìn tám giới, bố thí tu phước, kính lễ các vị Sa-môn, tôn trưởng. Bốn Thiên vương đem tâu lên xong, Đế-thích và chư Thiên nghe xong sẽ sinh lòng hoan hỷ, nói thế này: "Việc này rất tốt, quyến thuộc của chư Thiên theo chánh pháp ngày càng đông đảo, bạn bè A-tu-la dần dần giảm bớt". Thế nên, trùng tụng dẫn chứng lời kệ của Phật như sau:

"Bốn đại thần Thiên vương,
Mồng tám xét thiên hạ.
Thái tử của Thiên vương,
Mười bốn xem thế gian.
Ngày rằm là tốt nhất,
Nghe đồn danh Thiên vương,
Du hành khắp thế gian,
Xem xét việc thiện ác.
Cho hay ý thế gian,
Cùng hợp với Thiên đạo.
Tôn trưởng có nhiều vị,
Bố thí thành Bồ tát.
Trừ sân, thường tu đạo,
Nam nữ phước đức tăng.
Bấy giờ Trời Đao lợi,
Hay tin, rất hoan hỷ,
Thường đem lòng tán thán.

Thiên vương tâu việc tốt,
Quyến thuộc của chư Thiên,
Dần dần đông đúc hơn.
Cầu xin bạn tu la,
Ngày càng giảm bớt dần.
Thường tâm niệm chánh giác,
Phật bảo cùng Thánh chúng,
Được an lạc trên Trời.
Tâm thường sinh hoan hỷ,
Chứng thế, xuất thế quả,
Được sinh vào Nhân đạo.
Tốt với Phật, Pháp, Tăng,
Được ở cùng Tam bảo.
Ta nay vì các người,
Nói ba điều hiền thiện.
Nếu ai tìm chân thật,
Bỏ ác, tu hạnh thiện.
Có được của báu này,
Từ ít sẽ thành nhiều.
Các Trời Đao lợi kia,
Nhờ thiện nhỏ, sinh Thiên.
Các vị Trời Đế-thích,
Nhờ phước đức nổi danh,
Họp ở Thiện pháp đường,
Và ở các nơi khác.
Nam nữ nào làm thiện,
Được Thiên vương tâu lên,
Trời đem lòng yêu mến,
Huân tập khắp chư Thiên”.

Thứ mười ba: PHẦN THÔNG LỰC

Theo kinh Lâu Thán nói: “Trong khoảng giữa hai cõi Dục giới và Sắc giới, có riêng Ma cung. Ma ấy chất chứa lòng ganh tỵ như đá mài, mài tan công đức. Ma cung ngang dọc rộng sáu ngàn do tuần, có bảy lớp tường thành, đều rất nghiêm trang, như ở cõi Trời phía dưới. Bảy cõi Trời phía trên có đủ mười phép: Một là bay đi không hạn chế số lần. Hai là bay đến không hạn chế số lần. Ba là đi không trở ngại. Bốn là đến không trở ngại. Năm là thân Trời không có da dẻ, xương tủy, gân

cốt, huyết thịt. Sáu là thân không có đại tiện, tiểu tiện dơ uế. Bảy là thân không gầy gò quá mức. Tám là Thiên nữ không sinh sản. Chín là mắt Trời không biết nháy. Mười là thân tùy theo ý muốn, thích xanh thì hóa xanh, thích vàng thì hóa vàng. Thích các màu sắc khác, cũng đều được như thế. Lại có thêm mười sự kiện: Một là phi hành không cùng. Hai là đi về không cùng. Ba là Trời không trộm cắp. Bốn là không kể cho nhau chuyện tốt xấu của bản thân. Năm là không lấn chiếm nhau. Sáu là răng cửa chư Thiên đều đặn và suôn. Bảy là tóc màu hoe xanh, óng ả, dài tám thước. Tám là người Trời màu xanh, tóc cũng màu xanh. Chín là nếu muốn thành trắng, thân liền thành trắng. Mười là nếu muốn thành đen, thân liền thành đen".

Kinh Khởi Thế cũng nói: "Tất cả chư Thiên đều có mười phép riêng. Là mười phép gì? Một là khi chư Thiên đi, thì đi lại không cùng. Hai là khi chư Thiên đi, thì đi lại vô ngại. Ba là khi chư Thiên đi, thì không nhanh chậm. Bốn là khi chư Thiên đi, thì chân không có dấu. Năm là thể lực của chư Thiên không sợ mệt nhọc. Sáu là thân của chư Thiên có hình không có bóng. Bảy là chư Thiên không có đại tiện, tiểu tiện. Tám là tất cả chư Thiên không hỉ mũi, nhổ nước bọt. Chín là thân của chư Thiên thanh tịnh tốt đẹp, không có da thịt, gân mạch, khí huyết, cốt tủy. Mười là thân của chư Thiên muốn hiện thành cao thấp, xanh vàng, đỏ trắng, lớn nhỏ, tinh thô, tùy theo ý muốn liền được. Tất cả đều tuyệt đẹp, trang nghiêm lạ lùng, khiến người yêu thích. Tất cả chư Thiên đều có đủ mười loại phép riêng không thể nghĩ bàn này. Hơn nữa thân của chư Thiên sung mãn, đầy đặn. Răng trắng, vuông vức khít khao. Tóc xanh ngay ngắn, mềm mại, óng ả. Thân có hào quang và có thần lực. Cưỡi hư không ngao du. Mắt nhìn không chớp. Có chuỗi ngọc tự nhiên, y phục không cáu bẩn.

Như luận Thuận Chánh Lý nói: "Bốn Thiên vương bay lên Trời Tam thập tam, không thấy được Trời Tam thập tam ấy. Bay lên gặp chư Thiên Dạ ma, cũng thế. Nếu bốn Thiên vương ấy có được thần thông phát huy từ định lực, thì đã có thể bay lên gặp được tất cả chư Thiên trên các cõi ấy. Hoặc nhờ Tha lực, thì đã có thể bay lên gặp chư Thiên trên các cõi ấy. Nghĩa là có được thần thông và sự tiếp dẫn của Thiên chúng trên ấy, thì có thể bay lên được các cõi ấy, tùy theo ý muốn. Hoặc chư Thiên trên ấy giáng hạ, thì có thể thấy được. Nếu khi chư Thiên trên ấy giáng hạ, không có hóa thân của cõi dưới, thì mắt của kẻ dưới không thể thấy được, vì khác cảnh giới, nên không biết được xúc trần của cõi trên ấy. Khi cõi trên giáng hạ xuống cõi dưới, cần phải hóa thành thân cõi

dưới, khiến chúng sinh cõi dưới có thể thấy được Trời của cõi trên”.

Luận Lập Thế A-tỳ-đàm nói: “Người Diêm-phù-đề, nếu lìa thần thông và tha lực, thì không thể thấy được các sắc trần cản trở bên ngoài. Người ba châu còn lại, nếu lìa tha lực, thì không thể thấy được các sắc trần cản trở bên ngoài. Chư Thiên cõi Lục dục, nếu rời thần thông và tha lực, dù ngay ở cõi mình, không thể thấy rõ được các sắc trần cản trở bên ngoài. Nếu khi nhìn ra xa, chỉ thấy được phía trong núi Thiết Vi, không thể thấy được các sắc tướng phía ngoài núi ấy. Thiên vương Đại phạm, ở trong cung điện của mình, nếu lìa thần thông và tha lực, thì không thể thấy được các sắc trần cản trở bên ngoài. Nếu nhìn ra xa, chỉ thấy được trong phạm vi một ngàn thế giới”.

Thứ mười bốn: PHẦN THÂN QUANG

Theo luận Trí Độ nói: “Phước báo của chư Thiên làm thân sinh ra hào quang, nghĩa là thân của chư Thiên ở Dục giới thường phát hào quang, sánh kịp các loại đèn đuốc, minh châu. Nhờ các phép giữ giới, Thiền định được thanh tịnh, nên thân có hào quang, không cần mặt trời mặt trăng soi sáng. Chư Thiên ở Sắc giới hành Thiền lìa dục, tu tập được lửa Tam muội, nên thân thường phát hào quang vi diệu, hơn cả mặt trời mặt trăng và hơn cả chư Thiên lìa dục ở dục giới, được phước báo thân có hào quang. Nói tóm lại, chủ yếu, các hào quang này đều do tâm thanh tịnh mà có. Như các luận giải thích, trên mặt Phật thường có hào quang chiếu sáng, mỗi đạo dài hằng trượng. Hào quang ở thân chư Thiên rất lớn lao, dù đến vô lượng do tuần, nhưng để bên hào quang hằng trượng trên mặt Phật thì lại bị che mất, không thấy hiện ra”. Lại nữa, kinh Ưu-bà-di Tịnh hạnh nói rằng Phật bảo Tỳ-kheo: “Như Lai có sáu loại hào quang. Là sáu loại nào? Một là hào quang xanh. Hai là hào quang vàng. Ba là hào quang đỏ. Bốn là hào quang trắng. Năm là hào quang hồng. Sáu là hào quang tím. Tất cả đều chiếu sáng. Đấy gọi là hào quang của Như Lai”. Lại nữa, kinh Trường A-hàm nói: “Phật bảo các Tỳ-kheo: “Ánh sáng của đom đóm không bằng ánh sáng của đèn đuốc. Ánh sáng của đèn đuốc không bằng ánh sáng của đuốc lớn. Ánh sáng của đuốc lớn không bằng ánh sáng của đống lửa. Ánh sáng của đống lửa không bằng ánh sáng của bốn Thiên vương. Ánh sáng của cung điện, y phục, hào quang trên thân của bốn Thiên vương gộp lại không bằng ánh sáng của Trời Tam thập tam. Lần lượt cho đến ánh sáng của Trời Sắc cứu cánh không bằng ánh sáng của Trời Tha hóa tự tại. Ánh sáng của Trời Tha hóa tự tại không bằng ánh sáng của Phật.

Nếu đem gộp lại tất cả mọi chỗ ánh sáng ấy, từ ánh sáng của đom đóm đến ánh sáng của Phật, cũng không bằng được ánh sáng của Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế. Thế nên, các Tỳ-kheo muốn tìm ánh sáng, thì phải tìm ánh sáng của Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Vả lại, con người có bảy sắc. Là bảy sắc nào? Có người có sắc vàng của vàng, có người có sắc lửa, có người có sắc xanh, có người có sắc đỏ, có người có sắc đen. Đôi lúc chư Thiên và A-tu-la cũng có bảy sắc như thế". Hơn nữa, luận Lập Thế A-tỳ-đàm nói: "Màu sắc trên thân chúng sinh ở Nam Diêm-phù-đề có nhiều loại, không giống chúng sinh ở Đông Phất-bà-đề. Người Tây Cù-da-ni, trừ màu đen ra, các màu khác đều giống người Nam Diêm-phù-đề. Tất cả người Bắc Uất-đơn-việt chỉ có thuần một màu trắng. Bốn Thiên vương có bốn loại màu: Có xanh hoe, có đỏ, có vàng, có trắng. Tất cả chư Thiên ở dục giới cũng đều như thế". Tại sao bảo màu sắc của chư Thiên này có bốn loại? Bởi vì khi mới thọ sinh, nếu thấy màu xanh hoe rực rỡ thì có màu xanh hoe. Các màu còn lại cũng đều như thế".

Thứ mười lăm: PHẦN THỊ DỊCH

Theo kinh Khởi Thế nói: "Người Diêm-phù-đề có việc mua bán, hoặc dùng tiền bạc, bảo vật, hoặc dùng lúa gạo, vải lụa, hoặc dùng chúng sinh. Người Cù-da-ni có việc mua bán, hoặc dùng trâu dê, hoặc dùng châu ngọc quý hiếm. Người Phất-bà-đề có việc mua bán, hoặc dùng hàng hóa vải lụa, hoặc dùng ngũ cốc, hoặc dùng châu ngọc quý hiếm. Người Uất-đơn-việt không dùng đến việc mua bán, vì nhu cầu tự nhiên có sẵn".

Như kinh Khởi Thế nói: "Chư Thiên ở cõi Dục giới, như Trời Tứ thiên vương, Trời Tam thập tam đều có việc mua bán, đi tham quan, song chỉ cốt cho vui vẻ tinh thần. Thật sự khác hẳn với người thế gian, như trước đây đã nói".

Thứ mười sáu: PHẦN HÔN LỄ

Như kinh Khởi Thế nói: "Ba châu còn lại đều có phép tắc hôn lễ giữa nam nữ. Người Uất-đơn-việt không có chỗ riêng. Nếu cây cong xuống che kín, nam nữ liền giao hợp, không dùng đến hôn lễ. Các loại Rồng, chim Kim sí, A-tu-la đều có phép tắc hôn lễ giữa nam nữ, hơi giống người thế gian. Chư Thiên cõi Lục dục và Thiên ma đều có hôn lễ, như trên đã nói qua. Từ đây trở lên các Trời còn lại, đều không có chuyện hôn lễ, vì không có sự khác biệt về nam nữ. Người ở bốn châu,

nếu mỗi lần muốn hành dục, thì hai vật âm dương cùng đến, chất dơ tiết ra. Tất cả các loại Rồng, chim Kim sí, nếu mỗi lần muốn hành dục, thì hai vật âm dương cùng đến, chỉ có làn khí tỏa ra, liền được khoái lạc, không có chất dơ. Trời Tam thập tam, mỗi lần muốn hành dục, thì hai vật âm dương cùng đến, liền được khoái lạc, cũng tỏa ra làn khí, như các loài Rồng, chim Kim sí ở trước, không khác chút nào. Trời Dạ ma cùng nắm tay nhau thành ra hành dục. Trời Đâu suất đà cùng tưởng nhớ đến nhau thành ra hành dục. Trời Hóa lạc cùng nhìn nhau say đắm thành ra hành dục. Trời Tha hóa tự tại cùng tâm sự với nhau thành ra hành dục. Các Trời Ma thân cùng trông nhau thành ra hành dục. Tất cả đều được khoái lạc, thỏa nguyện chuyện dục".

Hơn nữa, luận Lập Thế nói: "Trời Tứ thiên vương nếu đi hỏi Thiên nữ, khi nhà Thiên nữ hứa gã xong xuôi, mới được rước dâu, hoặc bán chác, hoặc trao đổi. Chư Thiên cõi Dục giới cũng đều như thế. Người Diêm-phù-đề và ba châu còn lại, các Trời Tứ thiên vương, Trời Đao lợi đều phải cùng nhau hòa hợp mới thành dục. Trời Dạ ma cùng ôm ấp nhau thành ra hành dục. Trời Đâu suất cùng nắm tay nhau thành ra hành dục. Trời Hóa lạc cùng cười với nhau thành ra hành dục. Trời Tha hóa tự tại cùng nhìn nhau thành ra hành dục. Người Tây Cù-da-ni hưởng thụ khoái lạc nhiều gấp đôi người Diêm-phù-đề. Cứ thế, lần lượt lên đến Trời Tha hóa tự tại hưởng thụ khoái lạc nhiều gấp đôi Trời Hóa lạc. Người bốn châu còn lại đều có kẻ kén ăn, đều có kẻ mang thai, các Thiên nữ ở cõi Trời Tứ thiên vương không ăn rỡ, không mang thai, không sinh con, không ẳm con. Khi nam nữ sinh con, hoặc trên đầu gối, hoặc ở chỗ ngủ, đều có thể sinh được. Nếu sinh ở chỗ người nữ, Thiên nữ nghĩ rằng: "Đây là con ta". Thiên nam cũng nói là: "Đây là con ta". Thế là con của một cha một mẹ. Nếu sinh trên đầu gối, ở chỗ ngủ của người cha thì con chỉ có một cha, nhưng các thê thiếp khác đều được làm mẹ. Cũng có người tu hành đến chết, không hành dục. Chuyện sinh con, hành dục của Trời Tứ thiên vương nhiều vô số lượng, nhưng cũng có người tu hành đến chết, không hành dục. Tất cả chư Thiên ở cõi Dục giới cũng đều như thế. Hết thảy người nữ đều lấy sự đụng chạm làm khoái lạc. Tất cả người nam, khi tiết ra chất dơ, đều lấy làm khoái lạc. Chư Thiên ở dục giới lấy việc tỏa ra chất khí làm khoái lạc".

Lại nữa, luận Tân Bà-sa nói: "Dẫn chứng lời Khế kinh bảo: "Lúc kiếp mới bắt đầu, người không có vật âm dương, hình tướng không khác nhau. Sau khi ăn vị đất, liền sinh ra vật âm dương, do đó mới có hình tướng nam nữ khác nhau. Vì cõi Sắc giới xa lìa Đoạn thực, nên không

có hai vật âm dương". Có người bảo: "Hai vật âm dương, cõi Dục giới dùng đến, cõi Sắc giới không dùng. Thế nên, cõi Sắc giới ấy không có hai vật này. Hai căn mũi lưỡi, cõi Dục giới dùng đến, cõi Sắc giới không dùng. Thế nên, cõi Sắc giới ấy không có hai căn này". Hỏi: "Thiên chúng ở sắc giới là nữ hay nam?". Đáp: "Nên nói thế này: "Cõi ấy đều là nam. Tuy không có nam căn, nhưng tướng còn lại đều tướng trượng phu, lại thường xa lìa dục nhiễm, nên mới nói đều là nam".

Thứ mười bảy: PHẦN ẨM THỰC

Như kinh Khởi Thế nói: "Tất cả chúng sinh có bốn loại thức ăn để nuôi dưỡng các đại dược duy trì. Là bốn loại nào? Thứ nhất là Thô đoạn và vi tế thực, thứ hai là Xúc thực, thứ ba là Ý tứ thực, thứ tư là Thức thực. Loại chúng sinh nào cần ăn Thô đoạn vi tế thực? Như các người Diêm-phù-đề ăn các thứ bột ngũ cốc, đậu, thịt, gọi là Thô đoạn thực. Xoa bóp, tắm rửa, chùi sáp thơm gọi là Vi tế thực. Ngoài ra, người ba châu và chư Thiên cõi Lục dục đều dùng đến Thô đoạn và Vi tế thực. Từ đây trở lên các Trời Sắc giới, Vô sắc giới đều lấy Thiền duyệt, Pháp hỷ làm thức ăn, không dùng đến Thô đoạn và vi tế thực".

Hỏi: "Loại chúng sinh nào lấy Xúc làm thức ăn?".

Đáp: "Tất cả các loài noãn sinh, vì có thân nên đều lấy Xúc làm thức ăn".

Loại chúng sinh nào lấy Ý tứ làm thức ăn?. "Nếu có chúng sinh nào lấy ý tứ nuôi dưỡng các ăn tăng trưởng như các loài cá, ba ba, rắn, ểnh ương, Già la cù đà và các chúng sinh khác đều lấy ý tứ nuôi dưỡng mạng sống các căn, thì các chúng ấy đều dùng ý tứ làm thức ăn".

Loại chúng sinh nào lấy Thức làm thức ăn?. "Nghĩa là các loại chúng sinh ở địa ngục và các Trời Vô biên thức xứ đều lấy ý thức làm thức ăn. Trời Tứ thiên vương đều ăn vị Tu đà. Sáng ăn một nắm, chiều ăn một nắm. Ăn vào cơ thể xong liền biến đổi thành thân mạng. Vị Tu đà nầy ở vườn tược, ao hồ, vườn cảnh đều có mọc tự nhiên. Vị Tu đà nầy cũng có thể biến thành tám món ăn uống như Khư đà ni. Tất cả chư Thiên ở Dục giới cũng đều ăn như thế. Chư Thiên ở Sắc giới, từ cõi Sơ Thiền đến cõi Biến tịnh, đều lấy niềm vui làm thức ăn. Chư Thiên từ cõi Vô sắc giới trở lên, đều lấy ý thức làm thức ăn".

Hỏi: Chư Thiên ăn uống như thế nào?.

Đáp: Như kinh nói: "Chư Thiên ở Dục giới, tùy theo phẩm bậc sang hèn, có thức ăn tốt xấu không giống nhau. Kẻ phước dày, tùy theo ý nghĩ, đều được cung ứng đầy đủ, uống thì nước cam lồ đầy ly,

ăn thì trăm món cùng hiện đến. Kẻ phước mỏng, tuy có ăn uống nhưng thường không vừa ý lắm, vì không được no đủ, nên còn xuống các cõi dưới kiếm ăn". Bởi thế, kinh có nói: "Thí dụ như chư Thiên cùng thức ăn đựng trong đồ quý giá, tùy theo phước đức, thức ăn có màu sắc khác nhau, bậc thượng phẩm thì thấy màu trắng, bậc trung phẩm thì thấy màu vàng, bậc hạ phẩm thì thấy màu đỏ. Chư Thiên ở Sắc giới lấy Thiền duyệt làm thức ăn. Nếu luận theo Tứ thực chỉ có lối Xúc thực".

Thứ mười tám: PHẦN BỘC THỪA

Hỏi: "Chuyện tùy tùng xe ngựa của chư Thiên thì thế nào?". Đáp rằng như kinh nói: "Sáu Trời Dục giới đều có tùy tùng xe ngựa. Bộc là tùy tùng, thừa là cưỡi đi. Vì sáu Trời Dục giới đều có phép tắc tôn ti, thượng hạ của vua tôi, thê thiếp, nên kẻ hèn mọn phải phục tùng bậc tôn nghiêm, kẻ phận dưới phải phục tùng đấng bề trên. Cưỡi đi là vì sáu Trời Dục giới đều có nhiều loại súc vật. Chư Thiên muốn du hành, tùy ý cưỡi đi. Hoặc cưỡi voi ngựa, hoặc cưỡi khổng tước, hoặc cưỡi loài Rồng.

Nếu theo luận Bà-sa nói thì từ Trời Đao lợi trở xuống, có đủ các loài voi ngựa, le nhạn, uyên ương, khổng tước, rồng. Từ Trời Diệm ma trở lên, đều không còn các chúng sinh voi ngựa bốn chân, mà chỉ có loài chim Giáo phóng dật, Thật ngữ, Xích thủy trách mắng chư Thiên, dạy đừng phóng túng". Hỏi: "Nếu không có loài chúng sinh voi ngựa bốn chân, chư Thiên ở đấy muốn đi đâu, thì cưỡi cái gì?".

Đáp: "Theo như luận tự nói rồi tự giải thích, thì tuy không có voi ngựa, nhưng chư Thiên muốn đi đâu, nhờ vào phước lực, liền có voi ngựa, theo tâm hóa thành, tùy ý cỡi đi. Cưỡi xong liền hóa mất. Loài chim Giáo phóng dật này, khắp sáu Trời Dục giới đều có, thường làm thấy cho chư Thiên để trách mắng lỗi phóng túng, không riêng gì Trời Diệm ma trở lên mới có".

Hỏi: "Chim này vốn là loài vật, tại sao lại có thể làm thầy cho Chư Thiên?".

Đáp: Theo kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Khi chim nầy còn làm người, vốn là thầy dạy ở ba châu. Chư Thiên vốn là chúng sinh được giáo hóa. Do tín thọ giáo hóa, nên đã bố thí, giữ giới, nay được sinh lên Trời. Khi chim này còn làm thầy, vì danh lợi, đã phá giới, lòng lại không chân thật, nay được làm chim trên Trời, nhưng nhờ có chút thiện lực của giáo hóa nên nay được sinh lên Trời. Do gốc là thầy giáo hóa, nên được làm thầy cho chư Thiên. Nếu thấy chư Thiên phóng túng, lập

tức đến trách mắng. Chư Thiên nghe thấy xong đều sinh lòng hỗ thẹn, bèn đổi thay, không phóng túng nữa".

Thứ mười chín: PHẦN QUYẾN THUỘC

Hỏi: "Quyến thuộc của chư Thiên nhiều ít thế nào?".

Đáp: Theo luận nói: "Chư Thiên ở Sắc giới, không thể nói quyến thuộc, có số lượng rất đông đúc. Nghĩa là chư Thiên ở đấy không phải nam, cũng chẳng phải nữ, không phối hợp với nhau. Sinh thì hóa sinh ra, tử lại hóa diệt mất đi. Nhờ hai loại y báo, chánh báo, cung điện tự nhiên hiện ra theo. Lấy Thiền định làm nguồn vui, nên không thể nói quyến thuộc của chư Thiên ở đây có số lượng nhiều ít như thế nào được.

Chư Thiên ở Dục giới có nam nữ cùng phối hợp với nhau, nên kinh Đại Cát Nghĩa Chú nói: "Bốn Thiên vương hộ thế thống lãnh bốn phương. Thiên vương Đề Đầu Lại Tra thống lãnh đám Càn thát bà. Thiên vương Tỳ Lưu Bác Xoa thống lãnh đám Cứu bàn trà. Thiên vương Tỳ Lưu Lặc Xoa thống lãnh loài Rồng. Thiên vương Tỳ-sa-môn thống lãnh đám Dạ-xoa. Bốn Thiên vương này, mỗi vị có chín mươi mốt người con trai, dung mạo đoan trang, có uy lực lớn, đều gọi là Đế. Bốn Thiên vương này gồm có ba trăm sáu mươi bốn người con trai, thường hộ vệ khắp cả mười phương. Có Thích-đề-hoàn Nhân thống lãnh tất cả thế giới bốn phương. Thiên vương Đại phạm thống lãnh trên cõi Trời". Lại nữa, luận Trí Độ nói: "Tất cả sơn hà, thảo mộc, đất đai, thành quách, tất cả quỷ thần đều lệ thuộc vào sự thống lãnh của bốn Thiên vương. Thế nên, tất cả đều cùng nhau tháp tùng bốn Thiên vương mà đến. Trong đám quỷ thần này, có kẻ không có được quyển kinh Bát Nhã Ba la mật, nên kẻ ấy đi đến chỗ Bát nhã ba la mật, hành lễ, cúng dường, thì cũng được lợi ích". Từ Trời Đao lợi của Dục giới trở lên, quyến thuộc của chư Thiên trở thành đông đúc không thể xác định số lượng. Như Đế-thích có đủ chín mươi ức Na-do-tha Thiên nữ và có hàng ngàn người con cùng vô số quần thần họp thành quyến thuộc".

Thế nên, kinh ấy có kệ rằng:

"Đế-thích hiện khắp chư Thiên nữ,
Chín mươi hai ức Na-do-tha.
Thiên nữ người người đều tự bảo
Thiên vương chỉ cùng ta vui chơi!"

Thứ hai mươi: PHẦN QUÝ TIỆN

Hỏi: Sự sang hèn của chư Thiên thì thế nào?.

Đáp: Trước tiên, sáu Trời ở Dục giới có sự sang hèn khác nhau, vì có sự phân biệt giữa vua tôi, dân chúng và thê thiếp. Như trong Trời Đế-thích thì Đế-thích là vua, ba mươi hai Trời là quần thần. Các Thiên chúng còn lại là dân chúng. Phu nhân làm đẹp lòng trong hàng Thiên nữ là Thiên hậu. Các Thiên nữ còn lại là thứ thiếp. Năm Trời kia đều giống như thế. Trong Sắc giới, chỉ riêng ba cõi Sơ Thiền là có sang hèn, Đại phạm là vua, Phạm phụ là quần thần, Phạm chúng là dân chúng. Từ đây trở lên, chư Thiên hưởng phước báo như nhau, nên lại không còn phân biệt sang hèn nữa".

Thứ hai mươi mốt: PHẦN BẦN PHÚ

Hỏi: Sự giàu nghèo của chư Thiên là thế nào?.

Đáp: Như kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Từ Trời Diệm ma trở lên cho đến hết tất cả chư Thiên ở sắc giới, sự giàu nghèo đều giống nhau. Từ Trời Đao lợi trở xuống, tùy theo phước báo dày mỏng mà có sự phân biệt giàu nghèo. Vị có phước dày, tất cả đều đầy đủ, hưởng thụ dư thừa. Vị có phước mỏng, tuy có y phục, cung điện làm bằng bảy loại bảo vật, nhưng ăn uống thường không no đủ". Thế nên, kinh ấy có nói: "Đã từng có chư Thiên mỏng bề phước đức, vì bị nạn đói, phải hành hạ xuống cõi người Diêm-phù-đề, hái táo chua để ăn. Người ở đây thấy hình thù dị thường, sợ sệt xúm đến hỏi han. Vị ấy đáp rằng: "Ta thật không phải là người mà chính là Trời bạc phước. Tuy có cung điện, y phục tuyệt đẹp, nhưng ăn uống thường không no đủ, nên phải xuống đây hái táo để ăn. Các người chớ nên sợ sệt!". Kinh điển hay phổ biến chuyện này", (do kiếp trước tu hành giữ giới, nhẫn nhục, nhưng không làm bố thí).

Thứ hai mươi hai: PHẦN TỐNG CHUNG

Như từ Trời Tứ thiên vương đến Trời A-ca-ni-tra, nếu trong gia quyến có người chết thì không đưa tiễn, không hỏa thiêu, không vứt thây, không chôn cất. Vừa khi thân quang vụt tắt thì sẽ không còn hình hài, vì được hóa sinh ra. Trời Tứ thiên vương hoặc tự mình sát sinh, hoặc khiến vị khác sát sinh. Sinh vật đã chết không ăn thịt. Chư Thiên Trời Đao lợi cũng như thế. Từ Trời Dạ ma trở lên Trời A-ca-ni-tra, đều không tự mình sát sinh, cũng không khiến người khác sát sinh. Sinh vật đã chết không ăn thịt. Vì do hóa sinh ra, nên khi chết đi, không còn thi hài.

Tụng rằng:

"Tam giới rối loạn,

Lục đạo mênh mông.
Đi về không dứt,
Chịu khổ vô cùng.
Quả báo siết chặt,
Đau đớn giăng hàng.
Thật do nghiệp ác,
Đành phải nguy vong.
Đâu hay chết đuối!
Nào biết bè sang!
Chồng chất gánh nặng,
Chưa bay nhẹ nhàng.
Nguyện thoát cõi tục,
Về nghỉ tịnh bang.
Một niềm quy chánh,
Vạn thọ vô cương!”.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 4

Thiên thứ 3: NHẬT NGUYỆT

Thiên này gồm có mười ba phần: Đó là Thuật ý, Tinh tú, Nhật cung, Nguyệt cung, Hàn hử, Chiết dụng, Khuy doanh, Thăng vân, Chấn lôi, Kích điện, Giáng vũ, Thất hậu, Địa động.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Nếu xem trước khi thế giới chưa thành, thì đất trời vẫn còn mời mịt, sau khi chúng sinh trữ thực, tam quang mới bắt đầu thấp lên. Động mối từ tâm trong ý thức, mở mọi suy niệm tới phúc lành. Ngự dương khí để truyền quang, gạn bóng tối để phát sáng. Cưỡi giông gió để xoay vần, theo quy thình để hợp luật. Liệu mưa nắng trong Tam giới, treo sáng chiều ở bốn châu. Tuy sắp xếp tại Trời cao, cũng ứng điềm xuống hạ giới.

Đến như bậc đức sánh quân vương, vận hành theo vương đạo, kẻ bất nghĩa thần tử, quay hướng lại đường lành. Ba bước đắn đo, khen lời hay mà ban phúc, năm tầng xuất hiện, bày điềm xấu để răn gian. Ngửa trông tinh lượng, cúi sửa lương tâm.

Công năng của nhật nguyệt, to lớn biết dường nào!

Thứ hai: PHẦN TINH TÚ

Như kinh Đại Tập nói: "Bấy giờ, Long vương Ta Già La bạch Bồ tát Thù Trí La Bà rằng: "Thưa Đại sĩ, các tinh tú này vốn được ai nói đến? Ai làm sao lớn sao nhỏ? Ai làm mặt trời mặt trăng? Mặt trời sao lại ở giữa? Sao nào có trước, ở trong hư không? Lại do ai sắp đặt ba mươi ngày thành tháng, mười hai tháng thành năm? Sao gọi là thời? Sao lệ thuộc vào đâu? Sao có tên họ là gì? Sao nào tốt? Sao nào xấu? Cúng sao bằng gì? Thế nào là ngày, là đêm, là mặt trời, là mặt trăng, là tinh tú? Thế nào là di chuyển? Trong các vị Thánh, ngài là bậc chí tôn đệ nhất, xin thương xót thân phận rồng tôi mà giải thích giùm cho.

Chúng tôi nghe xong, liền giải tỏa mọi thắc mắc khổ não và xin kính cẩn phụng hành”.

Bấy giờ, Bồ tát Thù Trí La Bà bảo các Long vương rằng: “Vào thời quá khứ, ở đầu hiền kiếp này, có vị Thiên tử tên là Đại Tam Ma Đa, đoan chính bậc nhất, thông minh tài trí, đem lẽ phải dạy dân. Thường chuộng thanh tịnh, không ham luyến ái, luôn giữ mình trong sạch. Nhà vua có hoàng hậu ham mê sắc dục. Nhà vua lại không lui tới, nên hoàng hậu không được thỏa lòng. Từng có một lần, hoàng hậu thấy trong bầy lừa có một con ló ra dương vật, khiến lòng dục phát động, liền thoát y bước đến. Con lừa ấy thấy vậy, bèn cùng giao phối mà có thai. Đầy ngày tháng, hoàng hậu cũng sinh con. Đầu, tai, miệng, mắt đều giống lừa, chỉ có thân hình là giống người, nhưng da dẽ thô nhám, lông lá rằn ri phủ đầy, chẳng khác loài vật. Hoàng hậu thấy qua, kinh hoàng sợ hãi, liền sai đem liệng vào hầm xí. May nhờ phước đức, đứa bé treo lơ lững không bị rơi xuống. Bấy giờ, có bà La sát tên là Lô Thần, thấy đứa bé không bị ô nhiễm, nghĩ rằng đứa bé có phước lành, liền đứng giữa không trung đưa tay ẵm lấy. Tắm rửa sạch sẽ, mang về núi Tuyết Sơn, cho bú mớm ăn uống, xem như con ruột chẳng khác chút gì. Đến khi trưởng thành, dạy cho phép uống thuốc tiên và cùng các đồng tử nhà Trời đêm ngày chơi đùa. Lại có vị Trời lớn cũng đến thương yêu chăm sóc. Đứa bé này ăn uống các loại quả ngon thuốc tốt, nên thân thể đổi khác. Phước tướng trang nghiêm, hào quang chiếu diệu. Nhờ thế, Thiên chúng đều cùng khen ngợi, gọi là Khư lô sắt tra, tiếng Hán là Thánh nhân đại tiên Lô thần. Nhờ nhân duyên này, trong núi Tuyết Sơn và các chỗ khác, đều mọc lên các loài hoa đẹp, quả ngon, thuốc quý, hương thơm, có các nguồn suối trong lành, các loài chim xinh xắn. Tại nơi ở, nơi đi, các thứ ấy đều dồi dào đầy đủ. Nhờ nhân duyên quả ngon thuốc quý phong phú này, các hình tướng thô tháp còn lại của đại tiên đều biến đổi. Thân thể trở thành đoan chánh, chỉ còn môi miệng giống lừa, nên gọi là vị Tiên môi lừa. Vị tiên môi lừa này theo học phép Thánh, trải qua sáu vạn năm, đứng nhón trên một chân, ngày đêm không hề buông xuống, lòng không cảm thấy mệt mỏi. Chư Thiên thấy đại tiên chịu khổ như vậy, bấy giờ, các Phạm chúng và Trời Đế-thích cùng chư Thiên khác trên cõi Dục giới và Sắc giới, đều cùng nhau tụ họp lễ bái, cúng dường, cho đến hết thảy các loài Rồng, A-tu-la, Dạ-xoa đều tề tựu đông đúc, còn có các tiên Thánh, người tu Phạm hạnh, đều đến bên vị Thánh nhân Lô thần này, tất cả đều cúng dường, chắp tay hỏi rằng: “Thánh nhân đại tiên muốn cầu xin điều gì, vì chư Thiên chúng tôi, hãy nói ra đi. Nếu có thể được,

chúng tôi sẽ lập tức đáp ứng, không hề nuối tiếc".

Bấy giờ, đại tiên Lô thần nghe xong, trong lòng lấy làm phước đức may mắn, liền trả lời rằng: "Chắc hẳn đã xứng đáng với lòng mong ước của ta rồi, nay xin nói sơ qua. Ta nhớ lại từ thưở tiền kiếp xa xưa, thấy giữa hư không có mặt trời mặt trăng, Nhị thập bát tú và Ngũ tinh, ngày đêm vận hành đúng phép, chiếu sáng cho thiên hạ. Ta từng mong ước hiểu biết rõ ràng, chỉ hiềm trí thức tối tăm, nên đã không ngại ngùng chịu bao gian khổ. Nay vào đầu hiền kiếp, gặp được chuyện hi hữu này. Tất cả chư Thiên, long thần các ngài, vì thương xót ta mà đến nơi đây, xin hãy thuyết minh công năng của mặt trời mặt trăng và các tinh tú, cũng như từ thuở xa xưa đã được an bài, cách thức vận hành, tính chất lành dữ tốt xấu. Xin giải thích đầy đủ theo nguyện vọng của ta.

Tất cả chư Thiên đều trả lời: "Thưa đại tiên, điều này rất sâu xa, không thuộc lãnh vực của chúng tôi. Nếu vì thương xót tất cả chúng sinh, từ thời quá khứ, xin đại tiên mau mau phát biểu ý kiến của ngài". Bấy giờ, đại tiên Khu lô sắt tra mới bảo cùng tất cả chư Thiên: "Bắt đầu xếp đặt tinh tú, thì sao Mão trước tiên, rồi các sao khác tiếp theo mà vận hành giữa hư không. Thưa chư Thiên, nói sao Mão được xếp đặt trước tiên, điều ấy đúng chăng?". Bấy giờ, vua Mặt trời nói rằng: "Sao Mão này thường vận hành giữa hư không, trải qua khắp bốn châu, thường làm điều thiện, giúp ích chúng ta. Nên biết rằng sao ấy thuộc về Hỏa thiên". Lúc ấy, trong đại chúng có vị Thánh nhân tên là Đại Uy Đức, lại nói thế này: "Sao Mão ấy là con của em gái tôi. Sao ấy có bảy ngôi, hình như dao cạo tóc. Trong một ngày đêm, trải qua bốn châu, đi được ba mươi thời. Thuộc về Hỏa thiên, họ Tỳ da ni. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy cúng bằng bơ sữa đặc".

Kế tiếp, xếp đặt Tất làm sao thứ hai, thuộc về Thủy tiên, họ Phả la đọa. Sao ấy có năm ngôi, hình như chĩa dựng đứng. Một ngày đêm đi được ba mươi thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng thịt hươu.

Kế tiếp, xếp đặt Chủy làm sao thứ ba, thuộc về Nguyệt thiên, tức là con của vua Mặt trăng, họ Tỳ lê già da ni. Sao ấy có ba ngôi, hình như đầu hươu. Một ngày đêm đi được mười lăm thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng cuống quả và quả.

Kế tiếp, xếp đặt Sâm làm sao thứ tư, thuộc về vua Mặt trời, họ Bà tư thất hy. Tính rất ác, nhiều sân hận. Sao ấy chỉ có một ngôi, hình như nốt ruồi của phụ nữ. Một ngày đêm đi được ba mươi lăm thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng bơ sữa.

Kế tiếp xếp đặt Tỉnh làm sao thứ năm, thuộc về vua Mặt trời, họ Bà tư thất hy. Sao ấy có hai ngôi, hình như dấu chân. Một ngày đêm đi được mười lăm thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng lúa trộn với mật ong.

Kế tiếp, xếp đặt Quỷ làm sao thứ sáu, thuộc về Tuế tinh thiên, là con của Tuế tinh, họ Bào ba na tỳ. Tính ôn hòa, thích tu phép thiện. Sao ấy có ba ngôi, hình như tướng bụng tròn của chư Phật. Một ngày đêm đi được ba mươi thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng bông lúa trộn với mật ong.

Kế tiếp, xếp đặt Liễu làm sao thứ bảy, thuộc về Xà thiên, tức là họ Xà. Sao ấy chỉ có một ngôi, hình như nốt ruồi của phụ nữ. Một ngày đêm đi được mười lăm thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng cháo sữa.

Bảy sao trên đây chủ trì ở cửa Đông.

Kế tiếp, xếp đặt sao thứ nhất của phương Nam là Thất tinh, thuộc về Hỏa thiên, họ Tân già da ni. Có năm ngôi sao, hình như bờ sông. Một ngày đêm đi được ba mươi thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng cháo nấu từ gạo lức và mè đen.

Kế tiếp, xếp đặt Trương làm sao thứ hai, thuộc về Phước đức thiên, họ Cù đàm di. Sao ấy có hai ngôi, hình như dấu chân. Một ngày đêm đi được ba mươi thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng quả Tỳ la bà.

Kế tiếp, xếp đặt Dực làm sao thứ ba, thuộc về Lâm thiên, họ Kiêu trần như. Sao ấy có hai ngôi, hình như dấu chân. Một ngày đêm đi được mười lăm thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng đậu xanh đậu đen nấu chín.

Kế tiếp, xếp đặt Chẩn làm sao thứ tư, thuộc về Sa tỳ lê đế thiên, họ Ca giả diên, là con của Hiết tiên. Sao ấy có năm ngôi, hình như tay người. Một ngày đêm đi được ba mươi thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng cháo nấu từ hạt bông cỏ.

Kế tiếp, xếp đặt Giốc làm sao thứ năm, thuộc về Hỷ lạc thiên, họ Chất đa la diên ni, là con của Càn thát bà. Sao ấy chỉ có một ngôi, hình như nốt ruồi của phụ nữ. Một ngày đêm đi được mười lăm thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng cơm nấu từ các loại hoa.

Kế tiếp, xếp đặt Cang làm sao thứ sáu, thuộc về Ma đố la thiên, họ Cà chiên diên ni. Chỉ có một ngôi, hình như nốt ruồi của phụ nữ. Một ngày đêm đi được mười lăm thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng đậu xanh trộn với sữa và mật nấu chín.

Kế tiếp, xếp đặt Đê làm sao thứ bảy, thuộc về Hỏa thiên, họ Ta cát lợi đa da ni. Một ngày đêm đi được 35 thì. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng thức ăn nấu từ các loại hoa.

Bảy sao trên đây chủ trì cửa Nam.

Kế tiếp, lại xếp đặt sao thứ nhất của phương Tây là Phòng, thuộc về Từ thiên, họ A lam bà da ni. Sao ấy có bốn ngôi, hình như chuỗi ngọc. Một ngày đêm đi được ba mươi thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng rượu thịt.

Kế tiếp, xếp đặt Tâm làm sao thứ hai, thuộc về Đế-thích thiên, họ La diên na. Sao ấy có ba ngôi, hình như hạt đại mạch. Một ngày đêm đi được mười lăm thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng cháo gạo lức.

Kế tiếp, xếp đặt Vĩ làm sao thứ ba, thuộc về Liệp sư thiên, họ Ca già da ni. Sao ấy có bảy ngôi, hình như đuôi bò cạp. Một ngày đêm đi được ba mươi thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng thức ăn làm từ cuống quả.

Kế tiếp, xếp đặt Cơ làm sao thứ tư, thuộc về Thủy tiên, họ Mô xoa ca chiên diên ni. Sao ấy có bốn ngôi, hình như sừng trâu. Một ngày đêm đi được ba mươi thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng nước cốt của vỏ cây Ni câu đà.

Kế tiếp, xếp đặt Đẩu làm sao thứ năm, thuộc về Hỏa thiên, họ Mô già la ni. Sao ấy có bốn ngôi, hình như người mở đất. Một ngày đêm đi được bốn mươi lăm thì. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng bông lúa trộn với mật ong.

Kế tiếp, xếp đặt Ngưu làm sao thứ sáu, thuộc về Phạm Thiên, họ Phạm lam ma. Sao ấy có ba ngôi, hình như đầu trâu. Một ngày đêm đi được sáu thì. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng bơ sữa.

Kế tiếp, xếp đặt Nữ làm sao thứ bảy, thuộc về Tỳ nữu thiên, họ Đế lợi ca già da ni. Sao ấy có bốn ngôi, hình như hạt đại mạch. Một ngày đêm đi được ba mươi thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng thịt chim.

Bảy sao trên đây chủ trì ở cửa Tây.

Kế tiếp, lại xếp đặt sao thứ nhất của phương Bắc là Hư, thuộc về Đế-thích thiên, là con của Ta bà thiên, họ Kiều trần như. Sao ấy có bốn ngôi, hình như chim. Một ngày đêm đi được ba mươi thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng nước cốt đậu đen nấu chín.

Kế tiếp, xếp đặt Nguy làm sao thứ hai, thuộc về Đa la noa thiên, họ Đơn na ni. Một ngày đêm đi được mười lăm thời. Người chịu ảnh

hưởng của sao ấy thì cúng bằng cháo gạo lức.

Kế tiếp, xếp đặt Thất làm sao thứ ba, thuộc về Xà đầu thiên, là con của Hiết thiên, họ Xà đô ca ni câu. Sao ấy có hai ngôi, hình như dấu chân. Một ngày đêm đi được ba mươi thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng thịt và huyết.

Kế tiếp, xếp đặt Bích làm sao thứ tư, thuộc về Lâm thiên, là con của Bà lâu na, họ Đà nan xà. Sao ấy có hai ngôi, hình như dấu chân. Một ngày đêm đi được bốn mươi lăm thì. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng thịt.

Kế tiếp, xếp đặt Khuê làm sao thứ năm, thuộc về Phú sa thiên, họ A sắt tra bài ni. Sao ấy chỉ có một ngôi, hình như nốt ruồi của phụ nữ. Một ngày đêm đi được ba mươi thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng bơ sữa đặc.

Kế tiếp, xếp đặt Lâu làm sao thứ sáu, thuộc về Càn thát bà thiên, họ A-hàm bà. Sao ấy có ba ngôi, hình như đầu ngựa. Một ngày đêm đi được ba mươi thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng cơm đại mạch và thịt.

Kế tiếp, xếp đặt Vị làm sao thứ bảy, thuộc về Diêm ma la thiên, họ Bạt già tỳ. Sao ấy có ba ngôi, hình như chân đỉnh. Một ngày đêm đi được bốn mươi thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng gạo lức, mè đen và táo hoang.

Bảy sao trên đây chủ trì ở cửa Bắc.

Trong hai mươi tám sao này, có năm sao một ngày đêm đi được bốn mươi lăm thời, ấy là các sao Tất, Sâm, Đê, Đẩu và Bích. Danh từ và ý nghĩa của hai mươi tám sao thật rộng lớn bao la, khó đạt đến chỗ thâm diệu, nên không thể nêu ra đầy đủ. Hôm nay khi ta nói sơ lược về hai mươi tám sao này, mong chư Thiên cùng nghe, thảy đều hoan hỷ. Bấy giờ, đại tiên Khư lô sắt tra, đứng trước đại chúng, chắp tay nói rằng: "Như thế, là đã xếp đặt xong thì, ngày, tháng, năm và các sao lớn nhỏ". (Việc sắp đặt này, trước đây, có một quyển kinh nói đến, nhưng vì văn từ nhiều quá, nên không chép vào).

Sao gọi là có sáu thời? Xin thưa rằng tháng giêng, tháng hai gọi là thời nắng ấm. Tháng ba, tháng tư gọi là thời trồng trọt. Tháng năm, tháng sáu gọi là thời cầu mưa xuống. Tháng bảy, tháng tám gọi là thời thực vật sắp chín. Tháng chín, tháng mười gọi là thời lạnh cóng. Tháng mười một, tháng mười hai gộp lại thì tuyết nhiều của tháng mười hai này. Như thế, mười hai tháng chia làm sáu thì. Lại nữa, có tám sao lớn. Ấy là Tuế tinh, Huỳnh hoặc tinh, Trấn tinh, Thái bạch tinh, Thần tinh,

Nhật tinh, Nguyệt tinh và Hà la hầu tinh. Lại nữa, có hai mươi tám sao nhỏ. Ấy là các sao từ Mão đến Vị đã nói ở trước. Như thế, ta đã theo thứ tự sắp đặt xong xuôi. Chư Thiên đều được nghe qua, có suy nghĩ gì không?

Bấy giờ, tất cả các Trời, Tiên, A-tu-la, Rồng và Na la đều chắp tay đáp rằng: "Vào hôm nay, giữa đại chúng chư Thiên, đại tiên là bậc đáng tôn kính nhất, cho đến các loại rồng và A-tu-la cũng không thể nào hơn. Trí tuệ và từ tâm của ngài thật là bậc nhất. Từ vô lượng kiếp, ngài đã không quên thương xót tất cả chúng sinh, nên hưởng được phước báo. Trong tất cả Thiên chúng, không ai có được trí tuệ như thế, diễn giải như thế. Lại càng không có chúng sinh nào có thể làm được như thế. Tất cả đều hoan hỷ, an lạc. Tốt đẹp thay! Hôm nay Ngài đã ổn định tất cả mọi chúng sinh".

Bấy giờ, đại tiên Khư lô sắt tra lại nói thế này: "Trong một năm tròn mười hai tháng trước sau ấy, với công dụng ấy, và các tinh tú lớn nhỏ ấy, chỉ trong khoảnh khắc ngắn ngủi, ta đã diễn giải trọn mọi quy luật. Bấy giờ, lại xếp đặt bốn đại Thiên vương vào bốn phía núi Tu-di. Mỗi phía một Thiên vương, để từ đó mỗi vị chăm lo lợi ích cho chúng sinh". Tất cả đại chúng đều xưng tụng: "Tốt lành thay!" và đều hoan hỷ vô cùng. Bấy giờ, tất cả chư Thiên, rồng, Dạ-xoa, A-tu-la đều ngày đêm cúng dường đại tiên. Về sau, trải qua vô lượng kiếp, lại có đại tiên tên là Ca lực, xuất thế, diễn giải cách khác. Xếp đặt các tinh tú, tháng đủ thiếu, thời tiết căn bản (thấy kinh có nói). Nay cứ tạm thời xếp đặt hai mươi tám sao, theo chỗ lệ thuộc khác nhau, nên mỗi sao đều có linh nghiệm riêng. Bởi thế, kinh Đại Tập nói: "Bấy giờ, Phật bảo các chúa của thế giới Ta bà là Đại Phạm Thiên vương, Thích-đề-hoàn nhân và bốn Thiên vương rằng: "Đại tiên thời xưa làm cách nào xếp đặt các tinh tú lớn nhỏ để hộ trì quốc độ, nuôi dưỡng chúng sinh?". Các Đại Phạm Thiên vương bạch Phật rằng: "Đại tiên thưở xưa đã xếp đặt các tinh tú lớn nhỏ để hộ trì quốc độ, nuôi dưỡng chúng sinh như sau. Tại bốn phương, mỗi phương đều có chủ trì riêng. Phương Đông có bảy sao: Một là Giốc, chủ trì cho loài chim. Hai là Cang, chủ trì cho những người xuất gia cầu học Thánh đạo. Ba là Đê, chủ trì cho chúng sinh sống dưới nước. Bốn là Phòng, chủ trì cho những người đi xe kiếm lợi. Năm là Tâm, chủ trì cho nữ giới. Sáu là Vĩ, chủ trì cho chúng sinh sống ở doi bãi. Bảy là Cơ, chủ trì cho thợ làm đồ gốm. Phương Nam cũng có bảy sao: Một là Tỉnh, chủ trì cho thợ làm kim khí. Hai là Quỷ, chủ trì cho tất cả quân vương đại thần. Ba là Liễu, chủ trì cho loại rồng ở Tuyết Sơn. Bốn là

Tinh, chủ trì cho phú hộ. Năm là Trương, chủ trì cho kẻ trộm cắp. Sáu là Dực, chủ trì cho thương gia. Bảy là Chẩn, chủ trì cho nước Tu la tra. Phương Tây có bảy sao: Một là Khuê, chủ trì cho người đi ghe tàu. Hai là Lâu, chủ trì cho thương gia. Ba là Vị, chủ trì cho nước Bà Lâu Ca. Bốn là Ngang, chủ trì cho loài trâu. Năm là Tất, chủ trì cho tất cả chúng sinh. Sáu là Chủy, chủ trì cho nước Tỳ-đề-ha. Bảy là Sâm, chủ trì cho Sát lợi. Phương Bắc có bảy sao: Một là Đẩu, chủ trì cho nước Kiêu Bộ Sa. Hai là Ngưu, chủ trì cho Sát lợi và nước An đa bát kiệt na. Ba là nữ, chủ trì cho nước Ương già ma già đà. Bốn là Hư, chủ trì cho nước Na Già La. Năm là Nguy, chủ trì cho việc đội mũ đẹp. Sáu là Thất, chủ trì cho nước Càn đà la, Thâu lô na và các loài Rồng, rắn bò bằng bụng. Bảy là Bích, chủ trì cho các nhạc công lành nghề Càn thát bà. Đại đức Bà già bà, đại tiên thuở xưa, đã xếp đặt các tinh tú lớn nhỏ ở bốn phương để hộ trì quốc độ, nuôi dưỡng chúng sinh như thế". Bấy giờ, Phật bảo các Đại Phạm Thiên vương rằng: "Các ông hãy nghe kỹ: Đối với thế gian, Thiên tiên, ta có tất cả mọi kiến giải cao siêu nhất, cũng đã sai các tinh tú lớn nhỏ hộ trì quốc độ, nuôi dưỡng chúng sinh. Các ông tuyên bố cho các tinh tú ấy biết rằng ta đã phân chia quốc độ, chúng sinh như thế. Mỗi một tinh tú đều theo phận mình hộ trì, dưỡng dục chúng sinh. Các nước lớn nhỏ đều lệ thuộc vào hai mươi tám tinh tú ấy".

Hỏi: "Các sao này có hình dáng lớn nhỏ như thế nào?".

Đáp: Theo kinh Tăng-nhất- A-hàm nói: "Sao lớn thì một do tuần, sao nhỏ thì hai trăm bộ". Kinh Lâu Thán nói: "Sao lớn có chu vi bảy trăm dặmm, sao nhỏ hai trăm dặm. Sao là cung điện của chư Thiên". Luận Du Già nói: "Trong các tinh tú, sao lớn thì một tám câu lô xá, sao trung bình thì 10 câu lô xá, sao nhỏ nhất thì bốn câu lô xá".

Thuật rằng: "Nếu theo nội điển, các tinh tú này là cung điện của chư Thiên, trong đó, chư Thiên cư trú. Tùy theo sức phước báo, xuất hiện hào quang. Nếu theo sách thế gian thì bảo là đá. Thế nên, đời Tống có sao băng, mảnh rơi xuống như đá. Có người bảo không phải sao băng, chính là đá của thiên hà rơi xuống. Bởi vậy, sách thế gian nói rằng: "Sông trên trời và sông dưới đất cùng liền nhau, nên ở Hà Nội thường có đá rơi xuống". Như kinh Tu-di Tượng Đồ Sơn nói: "Trên trời có sông tên là Da ma la di chuyển giữa không trung. Lâu lâu, có đá cát lớn nhỏ rơi lọt xuống, được cho là sao". Đây không phải là chánh kinh, chẳng qua là do người đời ngụy tạo, đồn đại nhảm nhí, không đúng với lời Phật nói.

Vào niên hiệu Trinh Quan thứ 18 (644), sau ngày Bính Thân, tháng

mười, tại huyện Văn Thủy, giữa Phần Châu và Tinh Châu, trời nổi sấm sét lớn, trong mây, giữa không trung, rơi xuống một hòn đá, lớn bằng mỏ chim trĩ. Trên lưng gồ, dưới bụng phẳng. Huyện thừa đó là Trương Hiếu Tĩnh cùng quan viên ở Phần Châu đem tâu lên. Bấy giờ, Trưởng lão chùa Bồ Đề của nước Ma Già Đa bên Tây Vực đến Lạc Dương, nổi tiếng hiểu khắp trong ngoài. Nhà vua ban sắc hỏi. Trưởng lão tâu rằng: "Đó là thức ăn của rồng. Do hai con tranh cãi, nên rơi xuống như đá". Nhà vua chuẩn tấu và phán rằng: "Cứ gì từ trời rơi xuống, đều gọi là sao!" Than ôi! Vật thể của trời cao, phàm thế không ước lượng nổi, làm cho người ta khó hiểu, không gì bằng trời đất. Thế gian nói rằng: "Trời là tinh khí. Mặt trời là dương tinh. Tinh tú là tinh hoa của vạn vật". Đó là điều Nho giáo xếp đặt. Mỗi khi sao băng, liền hóa thành đá. Nếu tinh hoa là đá thì không thể phát ra hào quang. Đặc tính của đá lại nặng nề, liệu gắn mắc vào đâu? Đường kính của sao nhỏ có hằng trăm dặm, đầu đuôi của sao lớn cách nhau hằng mấy vạn dặm. Vật hàng trăm dặm có liên quan với vật mấy vạn dặm, rộng hẹp nghiêng lệch, thường không dư thiếu. Vả lại, sao cùng mặt trời mặt trăng có hào quang giống nhau, chỉ khác nhau về độ lớn nhỏ. Thế thì mặt trời mặt trăng cũng là đá chăng? Đá thì rắn chắc, quạ thỏ làm sao dung thân? Đá ở trong khí, liệu có thể vận chuyển một mình? Mặt trời mặt trăng và các tinh tú, nếu là khí, mà khí thì nhẹ nổi, mới hợp cùng trời. Đi lại, xoay vần không được sai chạy. Thỉnh thoảng nhanh chậm, đâu có như nhau? Vì sao mặt trời mặt trăng và các tinh tú lớn nhỏ có độ số, di chuyển khác nhau, lại cho là khí rơi xuống, bỗng nhiên thành đá? Đất là phần cặn, đáng lý phải chìm lắng sâu dày. Đào đất gặp suối phun vọt lên trên. Dưới lớp nước ấy, còn có vật gì? Sông ngòi, trăm suối phát sinh từ đâu? Đổ về biển Đông, sao không đầy tràn? Từ ao đến làng, rạch chảy về đâu? Hòn đá cháy sém, khí nào như thế? Thủy triều lên xuống, do ai điều khiển? Sông trời lơ lửng, sao không rơi xuống? Thế nước tụ chỗ thấp, sao lại vọt lên cao? Thuở trời đất mới tạo dựng, đã có tinh tú rồi, khi còn chưa phân chín châu, chưa chia các nước. Việc phân chia khu vực, theo độ số sao đi, có từ thời phong kiến trở lại, do ai cắt đặt? Số nước thì có tăng giảm, lượng sao lại không thay đổi. Chỉ điềm họa phước, không hề sai chạy. Thiên tượng bao la, tinh tú rất nhiều, tại sao chỉ phân dã ở Trung Quốc mà thôi? Mão làm đầu cờ, Hung Nô thứ hai, Tây là Hồ, Đông là Di, còn Giao Chỉ vẽ trán, tại sao lại bỏ đi? Theo đấy mà xét, thì người ta chẳng hiểu gì về sao. Há có thể lấy trí lự nhân thế tầm thường để ước thúc liệu định vũ trụ ngoại giới?

Cái mà người đời tin, chỉ là tai và mắt. Ngoài điều đó ra, đều làm cho người ta nghi ngờ. Nho giáo nói về trời chỉ có mấy nghĩa là hoặc mịt mờ, hoặc như cái lọng, vụt như cái vòm, vụt như lắng yên. Tính hết chu vi, đủ che vườn cảnh. Nếu có ai tận mắt nhìn xem, đều giống nhau không khác. Cứ ước lượng về trời như thế, há đủ dựa theo? Vì sao lại cả tin vào sự ức đoán của người phàm, đâm ra nghi ngờ diệu lý của bậc đại Thánh, để nhất quyết phủ nhận vô lượng thế giới, vô biên số kiếp? Vả lại, Trâu Diễn cũng có thiên nói về Cửu Châu rằng: "Người ở trên núi không tin có cá lớn như thân cây. Người ở dưới biển không tin có cây lớn như thân cá. Hán Vũ Đế không tin có keo dán dây đàn đứt. Người nước Ngụy không tin có vải chịu được lửa. Người Hồ thấy gấm, không tin có tằm ăn dâu, nhả tơ làm thành. Người Ngô sống ở Giang Nam, không tin có chăn mền đắp được trăm người. Đến khi sang Hà Bắc, không tin có chiếc thuyền chở nổi hai vạn thạch". Đấy đều là kinh nghiệm thực tế. Cũng giống trên đời có thầy pháp và các trò ảo thuật, như có thể dẫm chân trên lửa, đi trên đầu mũi nhọn, dời giếng, trồng dưa. Chỉ trong khoảnh khắc, biến hóa muôn vàn. Sức người còn có thể làm như thế, huống gì sức thần thông cảm ứng cao siêu không thể suy nghĩ đến kịp, khiến cho tràng phan bảo tọa, chỉ rộng một trăm do tuần, hóa thành cõi Tịnh độ, mọc lên tháp Phật một cách thần kỳ. Hơn nữa, truyện Tây Quốc Hành của Vương Huyền Sách kể lại: "Vào năm Hiển Khánh thứ tư, họ Vương đi sứ sang nước Bà Lật Xà. Ông giúp người Hán bày trò ngũ nữ hý, có năm cô gái múa từ ba cây dao tăng lên đến mười cây. Rồi lại bày trò thằng kỹ, đi trên dây treo giữa không trung. Vừa đi vừa mang giày rồi cởi liệng. Tay múa ba loại đồ binh: đao, thương, thuẫn. Chen vào các loại hình kỹ xảo ấy là các trò ảo thuật cắt lưỡi, rút ruột, nhiều không kể xiết.

Thứ ba: PHẦN NHẬT CUNG

Theo kinh Khởi Thế nói rằng Phật bảo các Tỳ-kheo: "Cung điện của vua Mặt trời, ngang dọc dài đúng sáu mươi mốt do tuần, trên dưới cũng như thế, do hai loại vật liệu tạo thành. Nhìn thẳng, vuông vắn như cái nhà, nhìn nghiêng, tựa như hình tròn. Hai loại vật liệu gì? Đó là vàng và pha lê. Một mặt có hai phần là vàng ròng, thanh tịnh sáng chói. Một mặt có một phần là pha lê thuần chất, thanh tịnh sáng chói. Có năm thứ gió hổi cho di chuyển. Là năm thứ gió gì? Một tên là Trì, hai tên là Trụ, ba tên là Tùy thuận chuyển, bốn tên là Ba la ha ca, năm tên là Tương hành. Phía trước cung điện mặt trời đặc biệt có vô số chư

Thiên đi đầu. Khi đi, mỗi vị thường hưởng thụ hoan lạc và đều tên là Lao hành (theo kinh Trường A-hàm nói rằng tường và đất của cung điện mặt trời mỏng manh như tinh hoa, được năm thứ gió giữ lại). Lại nữa, trong cung điện mặt trời có loại vàng thấm sắc Diêm-phù đàn kim đem làm xe quý, cao sáu mươi do tuần, vuông vức tám do tuần, được trang hoàng rất đẹp. Trong đó, vua Mặt trời và quyến thuộc hưởng thụ đầy đủ hoan lạc ngũ dục. Vua Mặt trời thọ năm trăm tuổi, con cháu kế thừa trị vì ở đấy. Cung điện tồn tại trọn vẹn một kiếp. Hào quang của thân vua Mặt trời chiếu diệu xe quý. Ánh sáng của xe quý lại chiếu diệu cung điện. Hào quang và ánh sáng cùng tụ hội, chiếu diệu khắp cả bốn châu lớn và các thế giới khác. Thân của vua Mặt trời, xe quý và cung điện có một ngàn tia hào quang và ánh sáng. Năm trăm tia phát ra chiếu diệu hai bên. Năm trăm tia phát ra chiếu diệu phía dưới. Cung điện mặt trời thường di chuyển không ngừng. Sáu tháng đi về phương Bắc. Trong ngày mồng một, dần dần rời khỏi hướng Bắc 6 câu lô xá (theo kinh Tạp Bảo Tạng nói năm dặm), nhưng không hề rời nhập quỹ. Sáu tháng đi về phương Nam, rồi cũng vào ngày mồng một, dần dần rời khỏi hướng Nam 6 câu lô xá, không hề đi sai nhật quỹ. Khi cung điện mặt trời đi trong sáu tháng ấy, cung điện của vua Mặt trăng, vào ngày rằm, cũng di chuyển như thế".

Thứ tư: PHẦN NGUYỆT CUNG

Như kinh Khởi Thế nói rằng Phật bảo Tỳ-kheo: "Cung điện của vua Mặt trăng ngang dọc dài đúng 49 do tuần, tường rào bốn phía do bảy loại bảo vật tạo thành. Cung điện mặt trăng thuần túy bằng bạc ròng và lưu ly xanh đen lẫn. Hai phần bằng bạc ròng trong sạch không bợn, ánh sáng rất xán lạn. Phần còn lại bằng lưu ly xanh cũng rất trong sạch, xuyên thấu suốt trong ngoài, ánh sáng chiếu xa. Cũng có năm thứ gió giúp đỡ để di chuyển (năm thứ gió như trước). Cung điện mặt trăng dựa vào hư không mà vận hành. Cũng có vô lượng cung điện của chư Thiện đi trước, thường hưởng thụ hoan lạc. Trong cung điện này, cũng có xe lớn, làm bằng lưu ly xanh, cao mười sáu do tuần, rộng tám do tuần. Trong đó, vua Mặt trăng và các Thiên nữ, dùng các loại công đức ngũ dục, cùng nhau hưởng thụ hoan lạc, tùy ý di chuyển. Vua Mặt trăng ấy thọ năm trăm tuổi, con cháu kế thừa trị vì ở đấy và cung điện này tồn tại một kiếp. Hào quang của thân vua Mặt trăng chiếu diệu xe bằng lưu ly xanh. Ánh sáng của xe ấy chiếu diệu cung điện mặt trăng. Ánh sáng của cung điện mặt trăng chiếu diệu khắp bốn châu lớn. Vua mặt

trăng ấy có năm trăm ánh hào quang chiếu diệu phía dưới, năm trăm ánh hào quang chiếu diệu hai bên. Thế nên, vua Mặt trăng tên là Nghìn hào quang, lại cũng là tên Hào quang mát lạnh".

Lại nữa, do nhân duyên nào, cung điện mặt trăng hiện ra dần dần? Phật đáp: "Cung điện mặt trăng hiện ra dần dần là do ba nguyên nhân sau: Một là mặt sau xoay lại. Hai là do thân của chư Thiên có màu xanh đeo chuỗi anh lạc, tất cả đều xanh. Vào giữa tháng, thường che lấp cung điện của mình. Do bị che lấp, nên cung điện mặt trăng hiện ra dần dần. Ba là do từ cung điện mặt trời, có sáu mươi tia sáng đồng thời phóng ra che kín vầng trăng ấy. Do nhân duyên này, nên cung điện mặt trăng hiện ra dần dần".

Lại do nhân duyên nào, cung điện mặt trăng này tròn trịa đầy đặn? Cũng do ba nhân duyên khiến trở nên như thế. Một là vào lúc bấy giờ, mặt trước xoay lại. Hai là do thân của chư Thiên có màu xanh, tất cả đều xanh. Vào khoảng nửa tháng, thường ẩn dấu mình. Do đó, vào ngày rằm, cung điện mặt trăng có hình dáng tròn trịa đầy đặn nhất. Ánh sáng xán lạn rực rỡ. Thí dụ như trong chỗ có nhiều dầu, lửa đuốc càng sáng rực. Các ngọn đèn nhỏ đều bị khuất lấp. Như thế, vào ngày rằm, cung điện mặt trăng thường che lấp ánh sáng của mình. Ba là, lại nữa, do sáu mươi tia sáng của cung điện mặt trăng này tròn trịa đầy đặn. Ở khắp mọi nơi đều bị che lấp. Lúc ấy, ánh sáng mặt trời không thể che lấp được nữa.

Lại do nhân duyên nào, cung điện mặt trăng, ở phần trăng tối vào ngày rằm, tất cả không hiện ra? Do cung điện mặt trăng này, ở phần trăng tối vào ngày rằm, nằm gần nhất với cung điện mặt trời. Vì bị ánh sáng mặt trời ấy che lấp, nên tất cả không hiện ra.

Lại do nhân duyên nào gọi tên là tháng? Do cung điện mặt trăng, ở phần trăng tối, từ ngày mồng một trở đi, cho đến ngày ba mươi, dần dần giảm bớt uy lực ánh sáng của mình. Vì thế, gọi khoảng thời gian này là tháng. (Ở phương Tây, một tháng chia làm trăng sáng, trăng tối. Vào đầu tháng, từ ngày mồng một đến ngày rằm, gọi là trăng sáng. Từ ngày mười sáu trở đi, đến ngày ba mươi, gọi là trăng tối. Ở đây gom chung trăng tối thành một tháng).

Lại do nhân duyên nào, trong cung điện mặt trăng có các ảnh hiện ra? Do trong châu lớn này có cây Diêm-phù. Vì có cây này, nên mới gọi là châu Diêm-phù. Cây ấy cao lớn, ảnh hiện lên trên mặt trăng. Hơn nữa, luận Du Già nói: "Do trong biển lớn có các loài cá và ba ba, ảnh của chúng hiện lên trên mặt trăng. Thế nên trong đó có các bóng tối

hiện ra”. (Theo Tây Quốc truyện nói: “Ngày xưa có con thỏ tu hạnh Bồ tát. Thiên đế thử nó, xin thịt để ăn. Nó liền nhảy vào trong lửa. Thiên đế thương tình, đem xác cháy sém của nó bỏ lên mặt trăng, khiến cho tất cả chúng sinh sau này đưa mắt lên nhìn thấy, biết đấy là nhục thân của vị Bồ tát thực hành hạnh nguyện từ bi”).

Thứ năm: PHẦN HÀN THỬ

Theo kinh Khởi Thế nói: “Lại do nhân duyên nào, mùa hạ sinh nóng nực? Phật bảo: “Cung điện mặt trời, vào khoảng tháng sáu, di chuyển về hướng Bắc. Lúc ấy, một ngày thường đi được sáu câu lô xá, không hề rời khỏi nhật quỹ. Tuy nhiên, trong đó có mười nhân duyên (sao không thấy có ghi mười nhân duyên nào): Tất cả ánh sáng của mặt trời chiếu rọi vào mười ngọn núi ở đấy, khiến cho mùa hè sinh ra nóng nực”. Lại do nhân duyên nào có các cơn lạnh rét? Cung điện mặt trời, sau tháng sáu, dần dần đi về hướng Nam.

Lại có mười hai nhân duyên thường sinh ra lạnh rét: Ở giữa hai ngọn núi Tu-di và núi Khư Đề La Ca, có biển Tu-di rộng tám vạn bốn ngàn do tuần, chu vi lớn vô lượng. Trong đó, mọc đầy các loại hoa có mùi hương rất thơm. Ánh sáng mặt trời chiếu rọi xuống biển ấy. Đó là nhân duyên thứ nhất sinh ra lạnh rét. Thứ hai là có núi Y Sa Đà La. Thứ ba là do núi Du Càn Đà. Thứ tư là do núi Thiện Hiện. Thứ năm là do núi Mã Phiến Đầu. Thứ sáu là do núi Ni Dân Đà La. Thứ bảy là do núi Tỳ Na Da Ca. Thứ tám là do núi lớn Luân Vi. Thứ chín là do trong châu Diêm-phù có các dòng sông chảy qua các chỗ bị mặt trời chiếu dọi xuống, nên sinh ra lạnh rét. Thứ mười là do các sông của châu Cù-da-ni nhiều quá. Thứ mười một là do các sông của châu Uất-đơn-việt nhiều quá. Dòng chảy của các sông ở nhân duyên thứ mười hai này được ánh sáng mặt trời chiếu dọi xuống, nên sinh ra lạnh rét”. (Trong mười nhân duyên sinh ra nóng nực trên đây, ngoại trừ tám nhân duyên do núi sinh ra, nhân duyên thứ chín là do cung điện Dạ-xoa ở trong không trung, cách mặt đất một vạn do tuần. Nhân duyên thứ mười là do núi của bốn châu lớn. Gộp lại đủ mười nhân duyên vậy).

Lại nữa, luận Lập Thế A-tỳ-đàm có câu hỏi rằng: “Vì sao mùa Đông lại lạnh? Vì sao mùa Xuân nóng? Vì sao mùa Hạ có lúc lạnh lúc nóng? Về mùa Đông, nước dâng lớn nhất, chưa rút bớt xuống. Thảo mộc do thấm nước, chưa khô héo đi. Đại đất lầy lội, đại hỏa lắng xuống. Đại thủy dâng lên. Tại sao biết được như thế? Vì nước sâu thì rất ấm, nước cạn thì lạnh. Tiết lạnh đã đến. Mặt trời đi trên nhật quỹ, chiếu rọi

nung đốt không lâu. Dương khí ẩn vào trong. Ăn hết thì về nhanh. Do nhân duyên này, mùa Đông lạnh. Vì sao mùa Xuân nóng? Vì lúc bấy giờ, nước lớn đã giảm xuống hết, thảo mộc khô héo, đất khô khan, nứt nẻ. Thủy khí lắng xuống, hỏa khí bốc lên. Tại sao biết được như thế? Vì nước sâu thì lạnh, nước cạn thì nóng. Mùa Đông đã qua, mặt trời đi trong quỹ đạo, chiếu rọi nung đốt được lâu. Trong thân hỏa yếu, nên mùa Xuân nóng. Vì sao mùa Hạ có lúc lạnh lúc nóng? Vì trong tháng tám, mặt đất luôn luôn chịu chiếu rọi nung đốt, chỗ nào mây lớn đổ mưa tưới xuống thì hơi đất xông lên. Nếu khi có gió nổi dậy, thổi tiêu tan hơi đất xông lên, lúc ấy sẽ lạnh. Nếu không có gió nổi lên. Lúc ấy sẽ nóng. Vì thế, trong mùa Hạ, có lúc lạnh lúc nóng". (Phương Tây cho bốn tháng là một mùa, song chỉ có Lập xuân, Lập hạ, Lập đông, không có Lập thu. Nên Lập là ổn định ba mùa vậy).

Lại nữa, kinh Lập Thế nói: "Do nhân duyên nào có nước các sông chảy trên thế gian? Phật bảo Tỳ-kheo: "Vì có mặt trời nên có sức nóng. Có sức nóng nên có nung đốt. Có nung đốt nên có hơi bốc lên. Có hơi bốc lên nên có mồ hôi ướt át. Vì có mồ hôi ướt át nên trong hết thảy núi non, mồ hôi đổ thành dòng sông tạo ra các sông ngòi".

Thứ sáu: PHẦN CHIẾU DỤNG

Theo kinh Trường A-hàm nói: "Khi kiếp mới thành, trời đất đại tối tăm. Có trận gió đen to lớn thổi tách đôi nước biển, nâng lấy mặt trời, đặt lên nữa chừng núi Tu-di, an trí vào trong nhật quỹ, để chạy vòng soi sáng bốn quốc độ và các chúng sinh". Lại nữa, kinh Khởi Thế nói: "Bấy giờ, thế gian trở nên tối tăm, bỗng nhiên xuất hiện mặt trời mặt trăng và các tinh tú. Nhờ đó, mới có ngày đêm, năm tháng, thời tiết. Bấy giờ, mặt trời ngụ trên cung điện lớn, từ phương Đông mọc lên, đi vòng quanh núi Tu-di và nghiêng về phương Tây. Lặn xong, lại từ phương Đông mọc lên. Bấy giờ chúng sinh lại thấy mặt trời từ phương Đông mọc lên, cùng bảo nhau: "Hỡi các bậc hiền, cung điện mặt trời xán lạn lại từ phương Đông mọc lên, đi vòng quanh núi Tu-di và nghiêng về phương Tây và sẽ lặn xuống phương Tây!". Các chúng sinh khác xem xong, cũng bảo nhau: "Thế là có mặt trời xán lạn lưu chuyển ở thế gian này!". Bởi vậy, mới có danh từ "mặt trời xuất hiện". Lại nữa, luận Trí Độ nói: "Mặt trời mặt trăng vốn to lớn vuông vức năm trăm do tuần, thế mà nay chỉ thấy lớn bằng cái quạt!". Kinh Xứ Xứ nói rằng Phật bảo A Nan: "Biết được cái mà nhục nhãn thấy ở gần, thì sẽ biết được cái mà nhục nhãn thấy ở xa bốn mươi hai vạn do tuần". Lại nữa, luận Lập Thế A-tỳ-đàm nói:

“Thế nào là đêm? Thế nào là ngày? Do có mặt trời nên có đêm, do có mặt trời nên có ngày. Chúng sinh ở dục giới, tự tính tối tăm, nhân ánh sáng mặt trời ẩn khuất, nên gọi là đêm. Nhân ánh sáng mặt trời hiện ra, nên gọi là ngày”.

Lại nữa, kinh Khởi Thế nói rằng Phật bảo các Tỳ-kheo: “Nếu mặt trời ở châu Diêm-phù đang vào lúc giữa trưa, thì mặt trời ở châu Phất-bà-đề đang bắt đầu lặn. Mặt trời ở châu Cù-da-ni đang bắt đầu mọc, còn ở châu Uất-đơn-việt lại đang vào lúc nữa đêm. Nếu mặt trời ở châu Cù-da-ni đang vào lúc giữa trưa, thì mặt trời ở châu Diêm-phù-này đang bắt đầu lặn. Mặt trời ở châu Uất-đơn-việt đang bắt đầu mọc, còn ở châu Phất-bà-đề lại đang vào lúc nữa đêm. Nếu mặt trời ở châu Uất-đơn-việt đang vào lúc giữa trưa, thì mặt trời ở châu Cù-da-ni đang bắt đầu lặn. Mặt trời ở châu Phất-bà-đề đang bắt đầu mọc, còn trong châu Diêm-phù lại đang vào lúc nữa đêm. Nếu mặt trời ở châu Phất-bà-đề đang vào lúc giữa trưa, thì mặt trời ở châu Uất-đơn-việt đang bắt đầu lặn. Mặt trời ở châu Diêm-phù đang bắt đầu mọc, còn ở châu Cù-da-ni lại đang vào lúc nữa đêm”.

Phật bảo Tỳ-kheo: “Nếu chỗ người Diêm-phù-đề gọi là phương Tây, thì người Cù-da-ni lại gọi là phương Đông. Chỗ người Cù-da-ni gọi là phương Tây, thì người Uất-đơn-việt lại gọi là phương Đông. Chỗ người Uất-đơn-việt gọi là phương Tây, thì người Phất-bà-đề lại gọi là phương Đông. Chỗ người Phất-bà-đề gọi là phương Tây, thì người châu Diêm-phù-đề lại gọi là phương Đông. Hai phương Nam Bắc đều gọi theo như thế cả”.

Thứ bảy: PHẦN KHUY DOANH

Theo luận Lập Thế A-tỳ-đàm nói: “Sao là nữa tối? Sao là nữa sáng? Do mặt trời mà có nữa tối, do có mặt trời mà có nữa sáng. Mặt trời luôn luôn đi theo mặt trăng. Ngày ngày cùng gần nhau bốn vạn tám ngàn tám mươi do tuần. Ngày ngày cùng xa nhau như thế. Nếu khi cùng gần nhau, ngày ngày, trăng tròn bị che khuất ba do tuần và một phần ba. Vì nhân duyên này, vào ngày rằm, mặt trăng bị che khuất hết. Như thế gọi là nữa tối hoàn toàn. Ngày ngày xa mặt trăng cũng bốn vạn tám ngàn tám mươi do tuần. Mặt trăng ngày ngày ló ra ba do tuần và một phần ba. Vì nhân duyên này, vào ngày rằm, mặt trăng ló ra hoàn toàn. Thế gian gọi là nữa sáng hoàn toàn. Nếu mặt trời mặt trăng đi hết sức xa nhau, bấy giờ trăng tròn. Thế gian gọi là nữa sáng hoàn toàn. Nếu mặt trời mặt trăng ở cùng một chỗ, như thế gọi là cùng đi. Thế gian gọi

là tối hoàn toàn. Nếu mặt trời đi theo sau mặt trăng, ánh sáng mặt trời chiếu lên ánh sáng mặt trăng. Vì ánh sáng mặt trăng thô thiển, nên khi bị chiếu, sẽ sinh ra ảnh. Ảnh này là tự che khuất mặt trăng, nên nhìn vào phần sau của mặt trăng không tròn. Do nhân duyên này, mặt trời dần dần che khuất. Vào ngày rằm, che khuất hết mặt trăng. Khi đi theo sau như thế, gọi là nửa tối. Nếu mặt trời đi trước mặt trăng, mặt trăng ngày ló ra, thì cũng như thế. Vào ngày rằm, mặt trăng ló ra hoàn toàn đầy đủ. Khi đi trước như thế, gọi là nửa sáng.

Hơn nữa, kinh Khởi Thế có câu hỏi rằng: "Lại do nhân duyên nào, vào mùa Đông, đêm dài ngày ngắn? Phật bảo các Tỳ-kheo: "Cung điện mặt trời, qua khỏi tháng sáu, dần dần đi về phương Nam. Mỗi ngày đi được 6 câu lô xá, không hề sai chạy. Vào lúc này, cung điện mặt trời ở phía cực Nam của châu Diêm-phù, có địa hình nhỏ hẹp, mặt trời vượt qua nhanh chóng. Do nhân duyên này, vào mùa Đông, ngày ngắn đêm dài". Lại do nhân duyên nào, vào mùa Xuân, Hạ, ngày dài, đêm ngắn? Phật đáp: "Cung điện mặt trời, qua khỏi tháng sáu, dần dần đi về phương Bắc. Mỗi ngày đi được 6 câu lô xá, không hề sai chạy, khác với nhật quỹ hàng ngày. Vào lúc này, đang đi qua giữa châu Diêm-phù, địa hình rộng rãi, vượt qua chậm lâu, làm cho ngày dài. Do nhân duyên này, vào mùa Xuân, Hạ, ngày dài, đêm ngắn".

Luận Trí Độ bảo rằng điều nói trong phẩm A Tỳ Bạt Trí về ngày, tháng, năm là: "Ngày gọi là tùng đán, chí đán, sơ phần, trung phần, hậu phần. Đêm cũng có ba phần. Một ngày một đêm có ba mươi thì. Vào lúc Xuân phân, Thu phân, có mười lăm thì thuộc ngày, mười lăm thời thuộc đêm. Các lúc khác, có sự tăng giảm. Như vào tháng năm, ngày Hạ chí có mười tám thì, đêm còn mười hai thì. Vào tháng mười một, đêm Đông chí có mười tám thì, ngày còn mười hai thì. Một tháng hoặc có ba mươi ngày rưỡi, hoặc ba mươi ngày, hoặc hai mươi chín ngày rưỡi, hoặc hai mươi bảy ngày rưỡi. Có bốn loại tháng: một là tháng mặt trời, hai là tháng thế gian, ba là tháng mặt trăng, bốn là tháng tinh tú. Tháng mặt trời thì ba mươi ngày rưỡi, tháng thế gian thì ba mươi ngày, tháng mặt trăng thì hai mươi chín ngày thêm ba mươi phần sáu mươi hai, tháng tinh tú thì hai mươi bảy ngày thêm hai mươi mốt phần sáu mươi. Tháng nhuận thì từ tháng mặt trời, tháng thế gian mà ra, gọi là tháng mười ba. Hoặc mười ba tháng gọi là một năm. Năm ấy có ba trăm sáu mươi sáu ngày giáp vòng rồi lại bắt đầu. Các Bồ tát biết rõ vào lúc giữa trưa, thì buổi sáng đã trôi qua, buổi chiều chưa đến. Giữa trưa không dừng lại chỗ nào. Không thể nắm bắt thật tướng của ngày. Ngày hư huyễn không

có gì cả. Đến ngày ba mươi thì hai mươi chín ngày kia đã mất. Làm thế nào hòa hợp để thành ngày tháng? Không có cách nào cả. Làm sao hòa hợp để thành năm? Phật bảo là làm thế này: "Các pháp thế gian đều như huyễn mộng. Chỉ là các pháp lừa dối chân tâm. Các Bồ tát có khả năng biết được ngày tháng năm của thế gian hòa hợp, biết được ngày tháng năm ly tán, hủy diệt chẳng có gì thật cả. Đấy gọi là giỏi phân biệt". (Theo kinh, người ta có nhiều ngày tháng bạc phước, có tai họa. Hoặc có ngày đỏ, đủ các điềm xấu, như kinh có nói đầy đủ).

Thứ tám: PHẦN THĂNG VÂN

Theo kinh Khởi Thế nói: "Trong thế gian có bốn loại mây: một là trắng, hai là đen, ba là đỏ, bốn là vàng. Trong bốn loại mây này, như mây màu trắng thì có nhiều đất, như mây màu đen thì có nhiều nước, như mây màu đỏ thì có nhiều lửa, như mây màu vàng thì có nhiều gió. Có loại mây từ dưới đất bay lên trong hư không từ một câu lô xá đến hai hoặc ba, thậm chí đến bảy câu lô xá mới ngừng lại. Hoặc có loại mây từ dưới đất bay lên trong hư không, từ một do tuần cho đến bảy do tuần mới ngừng lại. Hoặc lại có loại mây từ dưới đất bay lên trong hư không, từ một trăm do tuần cho đến bảy trăm do tuần mới ngừng lại. Hoặc lại có loại mây từ dưới đất bay lên trong hư không, từ một ngàn do tuần cho đến bảy ngàn do tuần mới ngừng lại ở đấy đến khi hết kiếp". Kinh Trường A-hàm nói: "Khi kiếp mới bắt đầu, có loại mây bay lên đến Trời Quang Âm". (Theo kinh, mây cũng có nhiều loại: hoặc có mây khánh vân ngũ sắc hiện ra, hoặc có đủ loại mây đỏ, mây đen hiện ra, không thể kể hết, như kinh Nhân Vương có nói đầy đủ).

Thứ chín: PHẦN CHẤN LÔI

Theo kinh Khởi Thế nói rằng, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Hoặc có kẻ ngoài đạo đến hỏi các ông rằng: "Do nhân duyên nào, trong hư không có tiếng rền như thế?" Các ông nên trả lời rằng: "Do ba nhân duyên cùng va chạm nhau, nên trong đám mây giữa không trung mới có tiếng rền vang lên". Là ba nhân duyên nào? Một là do gió và đất chứa trong mây cùng va chạm vào nhau, nên liền có tiếng rền vang lên. Hai là do gió và nước trong mây cùng va chạm vào nhau, nên liền có tiếng rền vang lên. Ba là do gió và lửa trong mây cùng chạm vào nhau, nên liền có tiếng rền vang lên. Tại sao như thế? Thí dụ như các cành cây cùng cọ xát vào nhau, lập tức có lửa xẹt lên. Hiện tượng sấm rền này cũng giống như thế". (Theo kinh, sấm cũng có nhiều loại, như có loại sấm lôi

xa cổ, do quỷ thần tay gõ dùi, tay đánh ra sấm. Vì thế, người ta gọi là trống Trời. Trong đó, cũng có người nhiều tội lỗi bị sét đánh chết. Xem ở quyển Thọ báo).

Thứ mười: PHẦN KÍCH ĐIỆN

Theo kinh Khởi Thế nói rằng, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Hoặc có kẻ ngoại đạo đến hỏi các ông rằng: "Do nhân duyên nào, trong hư không sinh ra tia chớp?". Các ông nên đáp rằng: "Do hai nhân duyên nên trong mây sinh ra tia chớp. Là hai nhân duyên nào? Một là phương Đông có điện tên là Không dày. Phương Nam có điện tên là Thuận dòng. Phương Tây có điện tên là Ánh sáng rơi. Phương Bắc có điện tên là Cây trăm đời. Hai là, hoặc có một lúc, điện Không dày do phương Đông sinh ra và điện Ánh sáng rơi của phương Tây ấy cùng chạm nhau, cùng đối nhau, cùng cọ nhau, cùng đánh nhau. Do nguyên nhân này, từ giữa đám mây trong hư không ấy sinh ra ánh sáng lớn gọi là Tia chớp. Hoặc có lúc, điện Thuận dòng của phương Nam và điện Cây trăm đời của phương Bắc ấy cùng chạm nhau, cùng đối nhau, cùng cọ nhau, cùng đánh nhau. Do nguyên nhân này, từ giữa đám mây trong hư không ấy sinh ra ánh sáng lớn gọi là Tia chớp. Thí dụ như gió thổi hai cây cùng chạm vào nhau, bỗng nhiên tia lửa xẹt lên, rồi lại rút vào cây". (Theo kinh, hoặc trước tiên có sấm, không có chớp. Hoặc có chớp rồi sau mới có sấm, cùng chạm nhau sét đánh người và vật).

Thứ mười một: PHẦN GIÁNG VŨ

Theo luận Phân Biệt Công Đức nói: "Mưa có ba loại: một là trời mưa, hai là rồng mưa, ba là A-tu-la mưa. Trời mưa có sương mù mỏng. Rồng mưa có hạt rất lớn. Khi rồng vui thì mưa ôn hòa, nhuần nhã. Khi rồng giận thì mưa lớn, sấm sét đùng đùng. A-tu-la cùng Đế-thích tranh tài, cũng thường làm mưa, có hạt lớn nhỏ không nhất định". (Theo kinh, cũng có nhiều loại mưa, hoặc không có mây mà vẫn đổ mưa, hoặc có mây trước rồi mới đổ mưa, hoặc nhờ có rồng mà mưa, hoặc không nhờ rồng mà vẫn mưa. Thật ra, do nghiệp lực của chúng sinh mà ra cả, như kinh đã nói đầy đủ).

Thứ mười hai: PHẦN THẤT HẬU

Như kinh Khởi Thế nói rằng Phật bảo các Tỳ-kheo: "Có năm nhân duyên có thể ngăn cản mưa, khiến nhà chiêm tinh không lường được, tăng thêm lầm lẫn, ghi nhận chắc chắn trời mưa. Là năm nhân duyên nào? Một là ở trong hư không, mây nổi sấm rền, phát ra các tiếng

già trà già trà, cù trù cù trù, hoặc lóe lên tia chớp, hoặc có gió thổi khí lạnh đến. Các hiện tướng này đều là điềm mưa. Các nhà chiêm tinh và các nhà hiên văn đều đoán chắc lúc ấy tất nhiên sẽ đổ mưa. Bấy giờ, La hầu và chúa A-tu-la, từ trong cung điện của mình bước ra, rồi đưa hai tay nắm lấy đám mây sinh mưa, ném vào trong biển. Đó là nhân duyên thứ nhất ngăn cản mưa rơi mà nhà chiêm tinh không hề biết rằng cuối cùng sẽ không đổ mưa. Hai là có lúc hư không nổi mây, trong mây cũng có các tiếng già trà, cũng có tia chớp lóe lên, lại có gió thổi khí lạnh đến. Bấy giờ, nhà chiêm tinh xem thấy, đoán chắc tất nhiên sẽ đổ mưa. Bấy giờ, lửa tăng thêm sức mạnh, lập tức thiêu đốt đám mây sinh mưa. Đó gọi là nhân duyên thứ hai ngăn cản mưa rơi mà nhà chiêm tinh không hề biết rằng cuối cùng sẽ không đổ mưa. Ba là có lúc, trong hư không nổi mây, trong mây cũng có các tiếng già tra, cũng có tia chớp lóe lên, cũng có gió thổi khí lạnh đến. Lúc ấy, nhà chiêm tinh xem thấy, ghi nhận tất nhiên sẽ đổ mưa. Vì lửa tăng thêm sức mạnh, thổi đám mây sinh mưa, liệng vào đống cát Ca lăng già, hoặc vào trong đồng nội, hoặc vào trong sa mạc Ma liên na. Đó gọi là nhân duyên thứ ba ngăn cản mưa rơi mà nhà chiêm tinh không hề biết rằng cuối cùng sẽ không đổ mưa. Bốn là có các chúng sinh, vì tính phóng đãng, làm ô uế hạnh thanh tịnh, nên trời không đổ mưa xuống đúng mùa. Năm là do người Diêm-phù có kẻ không theo đúng như chánh pháp, dè sẻn, tham lam, ganh ghét, tà kiến, điên đảo, nên trời không làm mưa. (Diễn biến ở hai nhân duyên bốn và năm này cũng giống như trước. Kinh Trường A-hàm cũng nói tương tự). Do năm nhân duyên này, các nhà chiêm tinh lầm lẫn, đoán mưa không đúng”.

Kinh Tăng-nhất-A-hàm nói: “Mặt trời mặt trăng có bốn lớp che đậy, khiến cho không phát ra ánh sáng. Là bốn lớp gì? Một là mây, hai là gió bụi, ba là khói, bốn là A-tu-la, thường che đậy mặt trời mặt trăng, khiến cho không phát ra ánh sáng. Tỳ-kheo cũng có bốn thứ trói buộc che đậy nhân tâm, không cởi mở ra được. Một là dâm dục, hai là sân hận, ba là ngu si, bốn là lợi lộc, che đậy nhân tâm, không cởi mở ra được”. Luật Tứ Phần cũng có bốn loại thí dụ như trên: một là dâm dục, hai là uống rượu, ba là đòi tiền của, bốn là tà mệnh. Có bốn loại này cũng khiến cho Phật pháp không được hiển minh. Bởi thế, có lời tụng rằng:

“Hỏi lửa bốc khói mờ,
Hơi mây che lấp mây.
Rồng thiên phun mù ướt,
Tung bụi khắp thế gian.

Rượu là cửa phóng đãng,
Dâm là nguồn tử sinh.
Bạc vàng là họa lớn,
Tà mệnh hại giới căn".

Thứ mười ba: PHẦN ĐỊA ĐỘNG

Theo kinh Phật Bát Nê Hoàn nói: "A Nan chắp tay hỏi Phật rằng: Con muốn biết có mấy chuyện sinh động đất? Phật bảo: có ba nhân duyên. Một là do đất tựa trên nước, nước tựa trên gió, gió tựa trên hư không. Khi gió lớn nổi lên thì nước chao đảo. Nước chao đảo sinh ra động đất. Hai là do các Sa-môn đắc đạo và chư Thiên thần diệu muốn thị hiện cảm ứng nên sinh ra động đất. Ba là do Phật lực, từ trước đến sau khi ta thành đạo, đã chấn động ba ngàn mặt trời mặt trăng, một vạn hai ngàn thế giới, không rơi nào không cảm ứng. Nhiều chư Thiên và quỷ thần đều nghe biết".

Lại nữa, bộ kinh lớn của Đại thừa là Niệm Phật Tam Muội nói: "Tất cả thế gian có sáu loại chấn động: một là loại biến động của Động biến động, hai là loại biến chấn của Chấn biến chấn. Ba là loại biến dũng của Dũng biến dũng. Bốn là loại biến hống của Hống biến hống. Năm là loại biến khởi của Khởi biến khởi. Sáu là loại biến giác của Giác biến giác. Trong sáu loại này, mỗi loại lại có ba loại, hợp thành mười tám hình thức chấn động. Như thế, hễ phương Đông vọt lên thì phương Tây lặn xuống. Phương Tây vọt lên thì phương Đông lặn xuống. Phương Nam vọt lên thì phương Bắc lặn xuống. Phương Bắc vọt lên thì phương Nam lặn xuống. Ở giữa vọt lên thì hai bên lặn xuống. Hai bên vọt lên thì ở giữa lặn xuống".

Lại nữa, luận Lập Thế A-tỳ-đàm nói: "Phật bảo Phú Lâu Na rằng: Lại có chư Thiên chứng được đại đồng thần thông uy đức, nếu muốn gây chấn động thế gian, lập tức làm cho thế gian chấn động. Nếu có các Tỳ-kheo có đại thần thông, đại uy đức, quán đất, khiến lớn thành nhỏ, nhỏ thành lớn. Nếu muốn gây ra động đất thì cũng có chấn động. Gây ra động đất, còn có loại gió tên là Tỳ Lam Bà. Gió này thổi hoài, khiến đất chấn động không ngừng, sức gió bốc lên cao. Có loại gió thổi phía dưới thấp, cũng gây nên chấn động hai bên. Loại gió này bình thường, thổi xoay tròn để giữ đất lại". Lại nữa, luận Trí Độ nói: "Động đất có bốn nhân duyên: một là do lửa, hai là do rồng, ba là do chim Kim sí, bốn là hai mươi tám vì tinh tú". Lại nữa, các La Hán và chư Thiên cũng có thể gây ra động đất. Lại nữa, kinh Tăng-nhất- A-hàm nói: "Tại thành

Xá Vệ, Phật bảo các Tỳ-kheo rằng có tám nhân duyên sinh ra động đất lớn: mặt đất này sâu sáu mươi tám ngàn do tuần, được nước giữ lại, nước tựa vào hư không. Nếu lúc này hư không có gió động thì nước cũng động. Nước động thì đất liền động lớn. Đó là nhân duyên động đất thứ nhất. Nếu có Tỳ-kheo chứng được thần thông biến hiện tự tại, quán đất như lòng bàn tay, cũng có thể khiến động đất lớn. Đó là nhân duyên động đất thứ hai. Lại nữa, nếu có chư Thiên chứng được thần thông biến hiện tự tại và đại uy đức, cũng có thể khiến đất rộng lớn. Đó là nhân duyên động đất thứ ba. Nếu có Bồ tát ở Trời Đâu suất muốn giáng trần hạ sinh, lúc bấy giờ sẽ có động đất. Đó là nhân duyên động đất thứ tư. Lại nữa, nêu Bồ tát ấy biết mình đang ở trong bào thai của mẹ, đất sẽ động lớn. Đó là nhân duyên động đất thứ năm. Nếu Bồ tát ấy biết đã đủ mười tháng, phải ra khỏi bào thai của mẹ, đất sẽ động lớn. Đó là nhân duyên động đất thứ sáu. Nếu Bồ tát ấy xuất gia, ngự giữa Đạo tràng, hàng phục ma chướng, cuối cùng thành đạo, đất sẽ động lớn. Đó là nhân duyên động đất thứ bảy. Nếu trong tương lai, từ địa vị Vô dư Niết bàn mà nhập Niết bàn, đất sẽ động lớn. Đó là nhân duyên động đất thứ tám". (Theo kinh, động đất cũng có nhiều loại: động đất do có Thánh nhân ra đời, động đất do hàng Tứ Thánh xuất thế, hoặc do chư Phật, Bồ tát xuất thế, hoặc động một thế giới, hoặc nhiều thế giới. Cũng có chúng sinh bạc phước, bị động đất gây ra hao tài tổn mạng, tùy theo y báo, chánh báo của mình, như kinh có nói đầy đủ).

Thuật rằng: "Từ đây trở xuống, tóm lược đại khái các sách thế gian nói về tình hình biến hóa của âm dương và trời đất thuở mới phân chia, cho rằng có năm tầng: một là Nguyên khí, hai là Thái dịch, ba là Thái sơ, bốn là Thái thủy, năm là Thái tố. Thứ nhất là Nguyên khí. Theo Hà Đồ nói: "Nguyên khí vô hình, rền rĩ tối tăm. Phần ngửa lên là đất, phần úp xuống làm trời". Lễ Thống nói: "Trời đất do nguyên khí sinh ra, là tổ tông của vạn vật". An Đế Vương Thế Kỷ của Hoàng Phủ Sĩ nói: "Khi nguyên khí mới manh nha gọi là Thái sơ". Tam Ngũ Lịch Kỷ nói: "Khi chưa có trời đất, hãy còn hỗn độn như quả trứng gà. Rồi khí mờ mịt sinh ra, khí bao la phân bố đầy dẫy. Năm dựng lên thời tiết và nguyên khí hình thành". Đế Hệ Phổ nói: "Khi trời đất mới tạo thành, hãy còn mờ mịt bao la. Trong đó sinh ra Thiên hoàng cai trị một vạn tám ngàn năm lấy đức của hành Mộc làm vua". Sách Liệt Nữ nói: "Xét rằng hữu hình sinh ra từ vô hình. Vậy trời đất sinh ra từ đâu? (Trương Kiền chú thích rằng trời đất không sinh ra từ đâu cả, mà tự sinh ra). Thế nên có Thái dịch, có Thái cơ, có Thái thủy, có Thái tố biến hóa thành

Một. Một biến hóa thành Bảy. Bảy biến hóa thành Chín. Chín là cứu cánh của biến hóa. Rồi lại biến hóa thành Một. Một là khởi thủy của hình biến. Phần trong trẻo nhẹ nhàng nổi lên làm trời. Phần cặn đục nặng nề chìm xuống làm đất. Khí chan hòa làm người. Thế nên, trời đất chứa tinh, vạn vật hóa sinh". Vì vậy, Hệ từ thượng trong kinh Dịch nói: "Dịch có Thái cực. Thái cực sinh ra Lưỡng nghi. Lưỡng nghi sinh ra Tứ tượng. Tứ tượng sinh ra Bát quái. Bát quái minh định cát hung vậy". Cảm Tinh Phù trong Xuân Thu nói: "Nhân chủ với mặt trời mặt trăng cùng sáng, với bốn mùa cùng đúng. Nên lấy trời làm cha, đất làm mẹ, mặt trời làm anh, mặt trăng làm chị". (Tôn trời làm cha ở lễ tế đài tròn. Tôn đất làm mẹ ở tế đầm vuông. Tôn mặt trời làm anh ở tế Đông giao. Tôn mặt trăng làm chị ở tế Tây giao). Thuyết Đề Từ trong Xuân Thu nói: "Nói trời là đầy vậy. Trời ở trên cao để coi sóc dưới thấp, vì người mà liệu lý các Dương tinh. Chất chứa lại thì làm Một tuyệt đối, phân tán ra thì có các tên khác nhau. Thế nên đặt chữ Nhất và chữ Đại thành chữ Thiên vậy".

Xuân Thu Phồn Lộ nói: "Trời có mười mối: Trời là một mối, đất là một mối, dương là một mối, âm là một mối, thổ là một mối, kim là một mối, mộc là một mối, thủy là một mối, hỏa là một mối, cả thảy là mười mối. Trời cũng có khí mừng giận, có lòng vui buồn, với người là hai, cùng hợp với người. Trời và người là một. Mùa Xuân thì hớn hở nên khí sinh sôi. Mùa Thu thì giận dữ nên khí tàn sát. Mùa Hạ thì vui tươi nên khí nuôi dưỡng. Mùa Đông thì buồn bã nên khí ẩn tàng. Bốn khí ấy, trời và người đều có". Nhĩ Nhã nói: Vòm xanh xanh là trời đấy! (Lý Tuần nói: "Ngày xưa, mỗi khi người ta thề thốt, ngửa lên nhìn trời, vòm cong mà cao, màu xanh xanh, nên bảo là vòm xanh). Mùa Xuân là Thương thiên (Trương Tuần nói: Vào mùa Xuân, vạn vật bắt đầu sinh sôi, có màu xanh xanh, nên gọi là trời xanh). Mùa Hạ là Hạo thiên (Lý Tuần nói: Vào mùa Hạ, vạn vật lớn nhanh, khí sắc tràn trề, nên gọi là trời cả). Mùa Thu là Mân thiên (Lý Tuần nói: Vào mùa Thu, vạn vật già chín, có màu sắc đẹp đẽ, nên gọi là Mân thiên. Mân là văn vẻ của trời. Quách Cảnh Thuần nói: Mân cũng như mẫn, nghĩa là thương xót vạn vật tàn tạ vậy). Mùa Đông là Thượng thiên (Lý Tuần nói: Vào mùa Đông, âm khí ở trên, vạn vật ẩn tàng, nên gọi là trời cao). Quảng Nhã nói: "Trời tròn rộng, chiều Nam Bắc là hai ức ba vạn ba ngàn năm trăm dặm bảy mươi lăm bộ. Chiều Đông Tây ngắn hơn bốn bộ. Chu vi sáu ức mười vạn bảy trăm dặm hai mươi lăm bộ. Từ mặt đất lên đến trời 1 ức một vạn sáu ngàn bảy trăm tám mươi mốt dặm rưỡi. Bề dày dưới mặt

đất cũng bằng khoảng trời cao". Trong Hiếu Kinh, phần Châu Thiên Thất Hành Lục Gian nói: "Giáp vòng trời có bảy hành và sáu khoảng trung gian. Mỗi khoảng cùng cách nhau một vạn chín ngàn tám trăm ba mươi ba dặm một phần ba, gộp lại thành 1một vạn chín ngàn dặm. Từ hành trong đến hành giữa, từ hành giữa đến hành ngoài, mỗi hành cách nhau năm vạn chín ngàn năm trăm dặm".

Châu Diệu Độ trong Lạc Thư nói: "Giáp vòng trời có ba mươi sáu năm độ một phần tư. Một độ có một ngàn chín trăm ba mươi hai dặm. Vậy trời đất cách nhau một bảy vạn tám ngàn năm trăm dặm". Luận Hành nói: "Mặt trời đi một ngày được một độ. Một độ có hai ngàn dặm. Vậy ban ngày, mặt trời đi được một ngàn dặm. Nhanh chậm cũng bằng bước chân kỳ lân". Bạch Hổ Thông nói: "Mặt trời đi chậm, mặt trăng đi nhanh. Mặt trời đi một độ thì mặt trăng đi mười ba độ bảy phần mười chín. Mặt trời mặt trăng lớn ngàn dặm. Hơn nữa, tính nhật quỹ của mặt trời còn có trong ngoài. Từ cực Bắc đến cực Nam cách nhau chín trăm chín mươi do tuần. Trải qua một tám mươi ngày, mặt trời đi từ trong đến ngoài. Lại trải qua một tám mươi ngày, mặt trời đi từ ngoài vào trong. Thế nên mới gọi là đi. Nói mặt trời đi được sáu mươi dặm vì vầng mặt trời lớn. Mặt trời chờ bầu trời mà đi. Vì mặt trời đi chậm, chỉ sáu mươi dặm, nên một năm có mười hai tháng. Sáu tháng đi về phương Bắc. Sáu tháng đi về phương Nam. Tổng cộng nhật quỹ của mặt trời có ba sáu mươi độ". Bạch Hổ Thông còn nói: "Mặt trăng sở dĩ có khi tròn khi khuyết, do về quy công cho mặt trời. Ngày mồng ba thành tối, ngày mồng tám thành sáng. Hai lần tám, ngày mười sáu, chuyển về quy công. Đêm ba mươi đến sáng mồng một, nhận tín hiệu để đi lại. Mặt trăng có lúc lớn nhỏ, xoay về phía Đông của bầu trời. Mặt trời xoay về phía Tây của bầu trời. Mặt trời đi chậm, mặt trăng đi nhanh, khi kịp mặt trời là một tháng. Đến ngày hai mươi chín, chưa đủ bảy độ, phải qua ngày ba mươi mới mới hơn bảy độ. Mặt trời không thể phân chia ra, nên có lúc ánh sáng bỗng nhỏ lại. Có âm dương nên có nhuận. Mặt trăng đi giáp vòng bầu trời ba trăm sáu mươi lăm độ một phần bốn trong hai tháng. Mặt trời đi không giáp mười hai độ. Thế nên ba năm có một lần nhuận. Năm năm lại nhuận một lần nữa. Rõ ràng là âm thiếu, dương thừa. Nhuận là dương thừa vậy".

Từ Chỉnh Trường Lịch cho rằng mặt trời mặt trăng đường kính ngàn dặm, chu vi ba ngàn dặm, ở dưới bầu trời bảy ngàn dặm. Thượng thư cho rằng ánh sáng mặt trời chiếu diệu suốt ba vạn sáu ngàn dặm. Địa thuyết thư cho rằng mặt trời mặt trăng chiếu sáng đến bốn mươi

lăm vạn dặm.

Sách Liệt Tử nói: “Khổng tử đi chơi ở phương Đông, gặp hai đứa bé cãi lý, bèn hỏi nguyên nhân. Một đứa nói: “Tôi cho rằng khi mới mọc, mặt trời gần người, lúc giữa trưa thì lại xa người. Một đứa cho rằng lúc mới mọc mặt trời xa người, vào giữa trưa thì lại gần người. Một đứa nói là khi mặt trời mới mọc thì lớn như cái lọng che xe, đến giữa trưa, chỉ còn bằng cái lồng bàn. Đấy phải vì xa thì nhỏ mà gần thì lớn sao?”. Một đứa nói: “Mặt trời mới mọc, lành lạnh, mát mát, đến giữa trưa, như chạm phải nước sôi, đấy chẳng phải vì gần thì nóng mà xa thì mát sao?”. Khổng Tử không thể giải quyết được. Hai đứa trẻ cười mà bảo rằng: “Ai nói Ngài là bậc đa trí!”.

Hoàn Đàm Tân luận nói: “Thuở nhỏ, tôi nghe làng xóm nói rằng Khổng Tử đi chơi phương Đông, gặp hai đứa trẻ cãi lý, bèn hỏi nguyên nhân. Một đứa nói: “Tôi cho rằng mặt trời mới mọc thì gần, giữa trưa thì xa. Một đứa kia cho rằng khi mặt trời mới mọc thì xa, giữa trưa thì gần. Quan Tử Dương, Hiệu ý đất Trường Thủy, cho rằng trời ở trên đầu thì xa, trời ở bốn bên thì gần. Vì tinh tú vào lúc hoàng hôn, mọc ở phương Đông, cách nhau rất xa, hơn cả một trượng. Nữa đêm nằm ở trên đầu, nhìn thấy san sát, chỉ cách nhau một hai thước mà thôi. Mặt trời là dương của trời, lửa là dương của đất. Dương của đất thì bay lên, dương của trời thì hạ xuống. Nếu sai đặt lửa dưới đất, từ bên cạnh và ở trên mà xét sức nóng, do xa gần không giống nhau, nên sức nóng sai biệt hẳn một nữa. Giữa trưa, mặt trời ở trên đầu, đang lúc dương của trời đang ở trên, nên nóng hơn khi mới mọc. Lúc khác, vì sức nóng từ trong thái dương tỏa ra, nên mát hơn. Mặt trời chiều ở phương Tây, trong đám cây dậu, tuy cùng độ lớn nhỏ như buổi sáng, nhưng khí chất không giống như buổi sáng vậy”.

Luận hành nói: “Xét rằng mặt trời mặt trăng không tròn, nhìn thấy như tròn, do ở xa người vậy. Xét rằng mặt trời là tinh của lửa. Ở dưới đất, nước lửa đều không tròn. Ở trên trời, lửa sao lại tròn được? Mặt trời mặt trăng ở trên trời cũng giống ngũ tinh. Ngũ tinh cũng giống các tinh tú khác, đều không tròn. Vì ánh sáng mà thấy như tròn thôi. Làm sao biết được điều này? Vào thời Xuân thu, có vân thạch rơi xuống kinh đô nước Tống, nhìn giống cục đá. Đá vốn không tròn. Do đó, biết rằng mặt trời mặt trăng cũng không tròn được”. Luận hành nói: “Nhà Nho bảo trong mặt trời có con quạ ba chân. Mặt trời là lửa. Quạ vào lửa thì cháy nát tan, làm sao đứng yên lành được? Như thế, quạ chỉ là khí của mặt trời”.

Thiên Suy Độ Tai trong kinh Thi nói: “Mồng ba trăng tối. Mồng tám trăng sáng. Cóc vàng thành dáng. Thỏ bạc mới nhô”. (Trương Tuần chú thích Quyết tị là trăng).

Diễn Khổng Đồ trong Xuân Thu nói: “Thiềm thừ là tinh của mặt trăng”. Nguyên Mệnh Bao trong Xuân Thu nói: “Mặt trăng là tinh của âm, mỗi ngày đi được mười ba độ, thường bỏ chức mà nhận thấy tinh của dương. Nhận tinh sáng ở trong, nên chứa kim và thủy trong đó”.

Thủy Khai của Hà Đồ nói: “Bụi của suối vàng bốc lên làm mây xanh. Bụi của suối đỏ bốc lên làm mây đỏ. Bụi của suối trắng bốc lên làm mây trắng. Bụi của suối đen bốc lên làm mây đen”. (Hoài Nam Tử cũng chép thế).

Quát Địa Tượng của Hà Đồ nói: “Núi Côn Luân phát ra hơi mây ngũ sắc”. Thuyết Quải của Dịch nói: “Tốn là gió. Lấy chuyển vạn vật thì chẳng có gì hơn gió mạch. Gió để chuyển động vạn vật”.

Đế Thông Kỷ của Hà Đồ nói: “Gió là sự sai sử của trời đất”.

Nhĩ nhã nói: “Khí hậu bốn mùa điều hòa là Thông chánh, gọi là Cảnh phong (Lý Tuần nói Cảnh phong là gió thái bình). Gió Nam gọi là Phiêu phong. Gió Đông gọi là Cốc phong. Gió Bắc gọi là Lương phong. Gió Tây gọi là Thái phong. Phần luân gọi là Đồi (Quách Phác chú thích là gió từ trên trời thổi xuống). Gió có lửa gọi là Đồn (Đồn là mạnh mẽ). Nhân nổi gió gọi là Phiêu. Mặt trời mọc có gió gọi là Bạo. Gió đổ mưa đất bụi xuống gọi là Mai. Trời tối tăm và gió nổi lên gọi là Ế”.

Kê Lãm Đồ của Dịch nói: “Dương hạ xuống làm gió. Gió do dương hạ xuống không lay cành cây kêu lên”.

Thuyết Quải của Dịch nói: “Chấn là sấm. Lay động vạn vật, chẳng có gì lớn hơn sấm”.

Đế Thông Kỷ của Hà Đồ nói: “Sấm là trống của trời đất”.

Tả Truyện nói: “Chứa băng đúng lúc thì sấm nổ thành sét. Bỏ băng không chứa thì có sấm mà không có sét”.

Nguyên Mệnh Bao trong Xuân Thu nói: “Âm dương hợp lại thành sấm”. Sư Khoáng đoán rằng: “Sấm xuân bắt đầu nổi, kêu lách bách cách cách. Tiếng sét của nó gọi là sấm trống, đó là khí hạn hán. Nếu kêu ì ầm không lớn, tiếng sét như thế gọi là sấm mái, đó là khí của nước”. Sư Khoáng lại đoán rằng: “Vào lúc Xuân phân, mưa có tiếng sấm, giống sấm mà không phải sấm. Tiếng ở trong đất, trong chỗ ấy ngầm nổi điềm bệnh. Nếu không mây mà có tiếng sấm, gọi là Thiên cẩu, điềm ấy xảy ra, không quá ba năm, nước nhà sẽ gặp họa”.

Thủy Khai Đồ của của Hà Đồ nói: “Dương kích động thành

sấm”.

Kê Lãm Đồ của Dịch nói: “Âm dương hòa hợp lại, tia chớp rực rỡ, ánh sáng lóe dài”.

Nguyên Mệnh Bao trong Xuân Thu nói: “Âm dương xung kích thành tia chớp”.

Thiên Quan Thứ của Sử Ký nói: “Tia chớp là do chuyển động của âm dương”.

Cốc Lương truyện nói: “Ẩn công bảo là đình lôi”. (Nghĩa là sấm nổ nhanh, nay gọi là sét đánh).

Thuyết Văn nói: “Sét đánh là đánh vạn vật vậy”.

Tích Danh nói: “Sét đánh là bẻ gãy. Sét đánh là đánh phá. Chỗ bị đánh lập tức vỡ tan, cũng như đánh phá ra vậy”.

Dị Uyển nói: “Sa-môn Thích Tuệ Viễn tu luyện ở Lô Sơn. Từng có con rồng bay lượn trước mắt. Ngài nổi giận, lấy đá ném trúng. Rồng nhào lộn bay lên, bỗng nổi lên cơn lốc sáng lập lòe. Ngài biết do rồng ấy gây nên, liền lên núi thắp hương, tập hợp đệ tử cùng cất tiếng tụng kinh kệ. Lập tức, sét đánh trả lại viên đá ném trúng con rồng. Mây mưa mới lặng yên”.

Dị Uyển nói: “Giặc Khuất Phục Quốc Nhân đời Tây Tần hung tàn bạo ngược, từng bị sét đánh trúng. Về sau, mỗi lần cất mình đi ra ngoài, viết lên sau lưng bốn chữ để che đậy tội ác của mình. Quốc Nhân ít khi đi đâu mà quên làm điều này”. Tụng rằng:

“Vằng vặc nhật nguyệt,
Lấp lánh sao trời.
Ngày nhật, đêm nguyệt,
Bóng tối còn nơi?
Mọc lên rạng rỡ.
Lặn xuống mờ mờ.
Đầy vơi ẩn hiện,
Hối sóc chuyển dời.
Tinh tú phân bố,
Phước thọ linh oai.
Thánh nhân thiết lập,
Tùy nghiệp sáng soi.
Rồng mây gặp hội,
Lên xuống đổi ngôi,
Kích động sấm sét,
Mưa nắng kịp thời”.

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 5

Thiên thứ 4: LỤC ĐẠO

Lục đạo này có 6 bộ.

I. ***Bộ thứ 1:*** **CHƯ THIÊN**

Gồm có 4 phần: Thuật ý, Hội danh, Thọ khổ, Báo tạ.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Luận về Thiên báo: Thức lại phù hoa, trang sức lung linh, hình dung lả lướt. Dù ở trên trời tự tại, cũng chỉ là chốn ma cung, đắm chìm trong định vô tưởng, vẫn trở thành chỗ ngoại đạo. Dẫu siêu việt tận đỉnh Tứ không, tà kiến chứa chất không ít, hoặc ngao du trong cõi Lục dục, mê hoặc kết tập nặng nề. Nếu chẳng thọ trì Bát nhã, quy hướng Niết bàn, kiêu mạn tăng thêm, ngã nhân càng mạnh. Bởi thế, mũ hoa trên đầu héo úa. Mồ hôi trong nách thấm chăn. Điện ngọc vụt tắt hào quang, áo trời đọng dần cáu bẩn. Nhờ tĩnh tâm này, đều sám hối trọn. Lại cùng khắp tất cả chư Thiên Tứ thiên vương, Đao lợi, Đâu suất, Dạ ma, Hóa lạc, Tha hóa, Phạm vương, Phạm phụ, Quang Âm, Biến tịnh, Quảng quả, Na-hàm, Bất phiền, Bất nhiệt, Thiện kiến, Thiện hiện, Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ, Phi phi tưởng xứ. Thậm chí, ngang cùng các cõi, dọc khắp trời cao. Hoặc có vị ngồi lặng giữa đài hoa hầu vượt qua kiếp số, điều tâm trên điện ngọc, chớp mắt hóa thiên thu. Nguyện cầu áo quý không rời khỏi Thiên nhân, Thiện pháp đường luôn chờ du thưởng. Dứt bỏ đớn đau ly biệt, xóa tan gian khổ chiến tranh. Xa hẳn ngũ suy, thường giàu thất bảo. Trang nghiêm sắc tướng, sáng láng dung nghi. Lìa mãi khổ nhân, bước lên lạc quả.

Thứ hai: PHẦN HỘI DANH

Hỏi: “Sao gọi là Lục thú?”. Theo luận Tỳ-đàm nói: “Thú gọi là đến, cũng gọi là đường (đạo). Nghĩa là nghiệp thiện ác ấy, nhân đường

ấy, thường chuyển sinh vào cõi ấy, nên gọi là thú. Cũng có nghĩa là tùy theo nghiệp tạo tác mà vào cõi ấy, nên gọi là thú. Thú cũng có nghĩa là hướng về, nghĩa là theo nghiệp tạo tác mà sinh vào cõi Trời, thậm chí đọa xuống địa ngục". Hỏi: "Há chỉ có sáu đường này, liệu còn đường khác không?". Đáp: "Theo lập luận một nhà thì chỉ có sáu đường, không thêm bớt. Nếu theo trong kinh Lâu Thán thì lại có chín đường, trong đó, chúng sinh cùng chung sống. Một là đường Bồ tát, hai là đường Duyên giác, ba là đường Thanh văn thêm vào sáu đường nói trên. Đem phàm Thánh ở chung để giáo hóa nhau vậy". Như luận Bà-sa giải thích: "Thiên là quang minh chiếu diệu, nên mới gọi là thiên. Hơn nữa, thiên là điên, điên là trên đỉnh. Khắp trong vạn vật, chỉ có trời ở trên đỉnh, nên gọi là điên. Lại nữa, thiên là hiển, hiển nghĩa là hiển hiện trên cao, khắp trong vạn vật, chỉ có trời là cao nhất, hiển hiện trên cao, che phủ mọi nơi, nên mới gọi là hiển".

Hỏi: "Vì sao đường ấy gọi là thiên?". Đáp: "Trong các đường, đường ấy hơn hết, vui nhất, tốt đẹp nhất, cao nhất, nên mới gọi là đường Trời" (Thiên thú). Có người bảo: "Nhờ trước đây tạo tác thêm các hạnh tốt về thân, ngữ, ý nên chuyển về đường ấy, sinh vào đường ấy, khiến đường ấy liên tục không hết, nên gọi là đường Trời". Có người lại bảo: "Hào quang tăng lên, nên gọi là Trời". Vì hào quang tự nhiên của vị ấy thường chiếu diệu suốt ngày đêm. Kẻ luận tỏ tường nói: "Thường chiếu rõ nên gọi là thiên. Vì lấy quả hiện tại tốt đẹp chiếu rõ nhân tu tập tước đây. Lại nữa, vì hý lạc nên gọi là thiên. Vì thường du hý, hưởng lạc nhiều hơn hết".

Hỏi: "Hình tướng chư Thiên ra sao?".

Đáp: Hình tướng đứng thẳng lên.

Hỏi: Tiếng nói ra sao?.

Đáp: Đều nói tiếng Thánh. Hơn nữa, luận Lập Thế A-tỳ-đàm nói: "Trời tên Đề bà, nghĩa là làm nhân thiện, được sinh vào đường ấy, nên gọi là Đề bà".

Nay bàn sơ lược về hình tướng báo thân của chư Thiên: chư Thiên đều không có xương thịt, cũng không có đại, tiểu tiện dơ uế. Thân phóng hào quang, không kể đêm ngày. Hưởng phước báo ngũ thông, không bị chướng ngại. Thế nên, kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Giống như trong một nhà có đến năm trăm ngọn đèn, ánh sáng không hề chen lấn, che lấp nhau. Trong bàn tay chư Thiên, dù có năm trăm chư Thiên cũng đứng, cũng y như thế, không chật chội, không trở ngại nhau". Hơn nữa kinh ấy còn nói: "Trời Dạ ma ấy, hoặc có trăm vị, hoặc có một ngàn

vị, cùng nhau tụ họp ngồi lên trên một cọng nhị sen, cũng không trở ngại, không hẹp hòi, không chật chội. Nhờ vào thiện nghiệp, nhờ vào tự nhiệp của mình". Lại nữa, luận Trí Độ nói: "Sáu chục chư Thiên của Trời Biến tịnh thứ ba cùng ngồi trên đầu một mũi kim để nghe thuyết pháp, không hề đụng chạm, không hề chật chội". Lại nữa, kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Bấy giờ, Thiên vương Dạ Ma vì chư Thiên, nói kệ rằng:

"Nếu người tâm niệm Phật,
Gọi là Người thiện mạng.
Vì không rời niệm Phật,
Gọi là Mạng trong mạng.
Nếu người tâm niệm Pháp,
Gọi là Người thiện mạng.
Vì không rời niệm Pháp,
Gọi là Mạng trong mạng.
Nếu người tâm niệm Tăng,
Gọi là Người thiện mạng.
Vì không rời niệm Tăng,
Gọi là Mạng trong mạng".

Lại nữa, trong Trời Dạ ma có ba vị đại sĩ thường thuyết pháp giúp cho chư Thiên phóng túng. Là ba vị nào? Một là Dạ ma Thiên vương Mâu tu luân đà Bồ tát. Hai là Thiện thì Nga vương Bồ tát. Ba là Chủng chủng trang nghiêm Khổng tước vương Bồ tát. Ba vị đại sĩ này thường vì mục đích lợi tha mà thuyết pháp, khiến cho có vị hoặc chứng được quả Thanh văn, có vị hoặc chứng được quả Duyên giác.

Thứ ba: PHẦN THỌ KHỔ

Nay thuật lại các kinh nói đầy đủ về các khổ của Thiên thú. Trước tiên, nói rõ các loại khổ ở sắc giới và vô sắc giới. Cõi thượng giới tuy hơn hết, nhưng vẫn có khổ nhỏ, nên luận Thành Thật nói: "Trong hai cõi thượng giới, tuy không có khổ lớn, nhưng vẫn có khổ nhỏ". Làm sao biết được điều này? Trong cõi Tứ Thiền, nghe nói có bốn thứ hành, trụ, tọa, ngọa. Còn có bốn thứ ấy, nên đều còn có khổ. Lại nữa, trong sắc giới có nhãn, nhĩ, thân, thức. Ngay trong thức này, còn có các thọ, gọi là khổ lạc. Từ một uy nghi, mong ước một uy nghi khác. Nói mong ước một uy nghi khác, thì biết là có khổ. Lại không biết lý giải yêu đắm quả báo, đã nhận nên khi mất rất khổ , như trong kinh nói: "chỉ có kẻ đắc đạo, khi sắp mệnh chung, mới không có vẻ lo âu đau khổ". Nay đã là phàm,

há không có ưu khổ? Trong luận nói không khổ, vì khổ tướng nhỏ, nên mới nói không. Giống như ăn một chút ít muối, liền nói là không mặn. Chẳng phải đều chỉ có lạc mà không có khổ. Do trên thượng giới, hỷ lạc lặng lẽ, không hiện rõ ra, không bộc phát thành tham lam, sân hận thô thiển, nên mới nói là không khổ không lạc. Lại không có các khổ do chiến tranh gây ra, nên mới nói là không khổ. Thực ra, chẳng phải là không có khổ nhỏ, thế nên kinh Niết Bàn có nói: "Thế gian tuy có vườn rừng thật diệu thanh tịnh, nhưng trong đó còn có xác người vùi lấp nên không trong sạch được. Mọi người đều cùng rời bỏ, không sinh lòng yêu thích. Sắc giới cũng thế, tuy có thanh tịnh tuyệt diệu, nhưng còn có thân, nên chư Phật và Bồ tát đều cùng rời bỏ. Nếu không quán được như thế, không gọi là tu thân".

Hơn nữa, kinh Pháp Cú Dụ nói: "Có bốn Tỳ-kheo ngồi dưới tàn cây, cùng nhau vấn nạn: Hết thảy thế gian, cái gì khổ nhất? Một vị nói: "Khổ trong thiên hạ, không hơn gì dâm dục". Một vị nói: "Khổ trong thiên hạ, không gì hơn đói khát". Một vị nói: "Khổ trong thiên hạ, không gì hơn sân hận". Một vị nói: "Khổ trong thiên hạ, không gì hơn sợ hãi". Bốn vị cùng nhau tranh luận ý nghĩa của khổ, thao thao không ngừng. Phật hay được chuyện, bước đến chỗ ấy, hỏi các Tỳ-kheo: "Các ông vừa bàn luận chuyện gì?". Bốn vị đứng lên làm lễ, thưa rõ đầu đuôi. Phật bảo: "Này các Tỳ-kheo, điều các ông bàn luận không đạt cứu cánh của nghĩa khổ. Khổ trong thiên hạ, không gì hơn có thân. Tất cả các tai họa đói khát, nóng lạnh, sân hận, sợ hãi, dâm dục, oán hận đều do có thân mà ra. Thân là cội gốc của mọi cái khổ, là đầu mối của mọi hoạn nạn. Lao tâm khổ tứ, lo sợ muôn bề. Ba cõi máy đông, tàn sát lẫn nhau. Nhân ngã trói buộc, sinh tử không ngừng. Tất cả đều do có thân mà sinh ra cả. Muốn lìa cái khổ của thế gian, phải cầu mong tịch diệt, nắm tâm giữ chính, lặng lẽ hư vô, mới có thể đạt tới Niết bàn. Đó là điều an vui bậc nhất. Thế nên, chưa đạt Thánh trí, diệt bỏ xác thân trong Tam giới này, làm sao không khổ?".

Hỏi: "Sắc giới có thân thì có khổ đã đành, vô sắc giới không có hình hài, khổ thọ làm sao sinh ra?". Đáp: "Quả báo ở đấy tinh vi, kẻ phàm phu nhỏ bé không thể thấy được. Tuy không có tướng thô lớn, nhưng không phải không có sắc tế vi". (Bàn luận sâu rộng về chuyện có không, sẽ nói đầy đủ ở chương khác). Thế nên, luận Trí Độ nói: "Hai cõi trên thượng giới, khi chết đi hay thoái vị, thường sinh ra buồn bã nhiều hơn ở hạ giới, ví như càng cao rớt xuống càng tan nát". Lại nữa, luận Thành Thật nói: "Khổ lạc theo thân, lên đến Tứ Thiền, ưu hỷ theo

tâm, lên đến hữu đỉnh”.

Hỏi: “Sinh lên trời thì lìa ác tích thiện. Vì sao khi hết phước báo, liền bị đọa vào Tam đồ?”.

Đáp: “Kẻ phàm phu, từ vô thủy đến nay, tạo ra nghiệp ác vô cùng. Một ngày tham sân, còn chịu ngàn hình, huống gì ác nghiệp quá nhiều, chỉ tạm thời hàng phục kết sinh. Đến khi phước báo vừa hết, ác nghiệp xa xưa vừa chín, liền bị đọa vào Tam đồ. Như thế, còn nghi ngờ vào đâu?”. Thế nên, luận Thành Thật nói: “Người ở tại sắc giới và vô sắc giới thì gọi đó là Niết bàn. Đến khi lâm chung, thấy sắc uẩn trong sắc giới và dục giới, trở lại sinh tà kiến, cho rằng không có Niết bàn, phỉ báng chánh pháp vô thượng. Như thế, cần phải biết trong đó cũng có nghiệp bất thiện”. Hơn nữa, luận Trí Độ nói: “Trong cõi Trời phi hữu tướng và phi vô tưởng, khi chết đi, bị đọa vào địa ngục A tỳ”. Thế nên, còn luân chuyển trong Tam giới thì đều có khổ”.

Thứ hai là nói rõ cái khổ của chư Thiên ở dục giới. Nghĩa là trong cõi Trời ấy, mỗi khi có chiến tranh, lần lượt xảy ra tàn sát lẫn nhau, khiến cho thân tâm đều khổ. Nếu chặt ngang đùi, các đốt xương tuy lìa, nhưng vẫn còn sống được. Nếu chặt ngang đầu ngang hông, thì có cái khổ của chết chóc. Như luận Tỳ-đàm nói: “Chư Thiên ở dục giới có Thập nghiệp đạo xen tạp với bất thiện nghi. Tuy Trời không tàn hại lẫn nhau, nhưng tàn hại các đường khác, cũng có khi chặt tay chặt chân, nhưng vẫn còn sống sót, nếu chặt ngang đầu thì sẽ chết mất. Cứ thế, cũng lần lượt xâm lăng nhau, cho đến tạo đủ Thập nghiệp đạo. Hơn nữa, khi phước báo sắp hết, năm tướng suy xuất hiện thì sẽ vô cùng thảm não”. Thế nên, kinh Niết bàn có nói: “Trên trời, tuy không có chuyện khổ tâm nhiều, nhưng khi Thiên thân mềm mại linh hoạt xuất hiện năm tướng suy, thì sẽ chịu khổ nhiều vô cùng, giống như chịu khổ ở địa ngục không khác chút nào. Giống như mật trộn với thuốc độc, mới uống thấy ngọt ngào, nhưng sau đó sẽ chịu đắng cay”. Thế nên, kinh Chánh Pháp Niệm có kệ rằng:

“Như mật pha thuốc độc,
Vốn không thể uống được.
Thiên lạc cũng như thế,
Khi mất, hết rất khổ.
Nghiệp hết, mang sầu não,
Xa lìa các Thiên nữ.
Khi lâm chung rất khổ,
Không thể nói thí dụ.

Khi thiện nghiệp sắp hết,
Như đèn sáng sắp tắt,
Chẳng biết đi về đâu.
Lòng sinh nhiều khổ não.
Trên trời khi lâm chung,
Lòng sinh nhiều khổ não.
Khổ địa ngục mười sáu
Chẳng bằng một khổ Trời.
Hết thảy các vầng trăng,
Đều do ái lực sinh.
Xiềng ái cột chúng sinh,
Đưa đến chỗ hiểm ác.
Tam giới như vành xe,
Dây nghiệp cột không dứt.
Thế nên bỏ ái dục,
Lìa dục, đạt Niết bàn".

Hơn nữa, kinh Niết bàn nói: "Tuy lại có được thân của Phạm Thiên, thậm chí thân của Trời tưởng phi phi tưởng, khi mệnh chung vẫn còn bị đọa vào ba đường ác. Tuy là thân Tứ vương, thậm chí là thân của Trời Tha hóa tự tại, khi mệnh chung vẫn sinh vào đường súc sinh. Hoặc làm các loài sư tử, cọp, tê giác, chó sói, voi, ngựa, bò, lừa". Mới hay, khi báo Trời đã hết, thì thân phận sẽ rất khổ sở. Một khi đã có hoạn nạn lớn này, lập tức cởi mở thành tâm, gột rửa nghiệp ấy, sám hối sao cho tiêu tan. Nếu người ta tạo tội, khi đã chịu xong quả báo, sau đó tu thiện, giả thiết được sinh lên trời, do dấu vết tội lỗi trước đây, dù ở trên đó, vẫn phải chịu chút ít hậu quả. Thế nên, kinh Chánh Pháp Niệm có nói: "Nếu ở kiếp trước gây nghiệp trộm cắp, bấy giờ sẽ bị các thiên nữ chiếm lấy mọi thứ bảo vật đeo làm đồ trang sức, đem cho các thiên tử khác. Nếu ở kiếp trước gây nghiệp nói dối, các thiên nữ nghe lời nói, sẽ sinh ra hiểu lầm, cho là chửi rủa. Nếu ở kiếp trước gây nghiệp đem rượu bố thí cho người giữ giới, hoặc tự mình phá giới mà uống rượu, hoặc làm ra men rượu, khi lâm chung, tâm sẽ hỗn loạn, mất hết chánh niệm, đọa vào địa ngục. Nếu ở kiếp trước gây nghiệp sát sinh, sẽ có thọ mạng ngắn ngủi, bị bạo bệnh mau chết. Nếu ở kiếp trước gây nghiệp tà dâm, sẽ bị các thiên nữ lìa bỏ, để cùng các thiên tử khác vui chơi với nhau. Đây gọi là năm tướng suy, do giữ năm giới thiếu sót , bị lưới nghiệp trói buộc, phải chịu nghiệp báo ấy". Hơn nữa, Trời Đế-thích lại còn xem xét nghiệp quả ở trong điện. Kẻ sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói

dối sẽ bị đọa vào trong đại địa ngục Khiếu hoán hay trong một tám địa ngục khác, chịu đủ mọi điều khổ sở. Sau đó, từ địa ngục sinh vào đường ngạ quỷ, chịu thọ mạng lâu dài. Từ trong đường ngạ quỷ ấy chết đi, sẽ sinh vào đường súc sinh, cùng tàn sát lẫn nhau. Từ trong đường súc sinh ấy chết đi, nếu sinh vào đường người, sẽ có thân hình tiều tụy, thiếu vẻ uy đức. Nếu có chút thiện nghiệp, được sinh vào đường trời, sẽ có thân hình, dáng dấp yếu đuối. Tất cả các thứ châu báu trang sức đều thiếu vẻ sáng láng, không được các thiên nữ yêu kính. Trái lại, các thiên nữ đều ruồng bỏ, tìm đến các thiên tử khác. Do trí tuệ kém cỏi, tâm không chánh trực, bị các thiên tử khác khinh thị chê cười. Nếu gặp khi chư Thiên và các A-tu-la đánh nhau, sẽ bị các vị ấy giết chết, bởi còn vết tích của nghiệp ác xa xưa”.

Thứ tư: PHẦN BÁO TẠ

Theo luận Tân Bà-sa nói: “Trong chư Thiên, nếu có vị sắp mệnh chung, sẽ có hai loại năm tướng suy xuất hiện: một là năm tướng suy nhỏ, hai là năm tướng suy lớn. Thế nào gọi là năm tướng suy nhỏ? Một là khi chư Thiên đi lại, chuyển động, từ trong các thứ châu báu trang sức phát ra năm thứ nhạc thanh. Dù nhạc công chơi giỏi cũng không hay bằng. Khi có vị sắp mệnh chung, các nhạc thanh này không ngân vang lên nữa. Có người nói: “Lại phát ra nhạc thanh không như ý”. Hai là hào quang phát ra từ thân của chư Thiên oai nghiêm lộng lẫy, chiếu diệu suốt đêm ngày. Thân không có bóng. Khi sắp mệnh chung, hào quang trở nên mờ tối. Có người nói: “Hào quang mất hẳn, bóng của thân lại hiện ra”. Ba là thân thể của chư Thiên bóng mịn, xuống tắm trong Hương Trì, khi vừa lên khỏi mặt nước, nước không dính vào thân. Bốn là tất cả các cảnh giới của chư Thiên đều tuyệt đẹp, siêu thoát mọi căn trần, giống vầng lửa xoay, không bao giờ ngừng. Khi có vị sắp mệnh chung, chỉ còn bám vào một cảnh giới, trải qua một thời gian, cũng không thoát bỏ ra được. Năm là thân lực của chư Thiên cường thạnh, mắt thường không chớp. Khi sắp mệnh chung, thân lực suy yếu, mắt thường chớp luôn. Thế nào gọi là năm tướng suy lớn? Một là y phục trước đây sạch, nay thì dơ. Hai là mũ hoa trước đây tươi, nay héo. Ba là nách bỗng đổ mồ hôi. Bốn là thân thể chợt sinh hôi hám. Năm là không thích ngồi yên trên chỗ. Năm loại tướng suy nhỏ nói trên, dù đã xuất hiện, đôi khi cũng có thể thay đổi. Bấy giờ, Trời Đế-thích nhận thấy năm tướng suy nhỏ đã xuất hiện, liền biết chẳng bao lâu phải có năm tướng suy lớn xuất hiện, nên sinh lòng lo sợ, suy nghĩ thế này: “Nếu ai

có thể cứu ta thoát khỏi tai họa của tướng suy này, sau đó, ta sẽ xin quy y". Nghĩ xong, liền tự hiểu rằng trừ đức Thế-tôn, chẳng ai có thể cứu nổi. Bèn tìm đến chỗ đức Phật, năn nỉ xin Ngài cứu vớt. Đức Phật thuyết pháp giúp cho thấy được chân đế, khiến cho các tướng suy ấy đều biến mất. Thế nên, ở trước đức Phật, Đế-thích vui mừng, nhảy nhót, nói lên những lời thân thương thành kệ như sau:

"Đại tiên nên biết cho,
Tôi nay ở chỗ này,
Có lại thọ mạng Trời,
Nguyện kính nhớ giữ gìn".

Lại nữa, kinh Chiết Phục La Hán nói: "Ngày xưa, trên thiên cung Đao lợi có một vị trời, thọ mạng sắp hết, hiện ra bảy loại điềm: một là hào quang trong cổ tắt mất, hai là mũ hoa trên đầu khô héo, ba là sắc mặt trên đầu biến đổi, bốn là trên áo dính bụi, năm là trong nách đổ mồ hôi, sáu là thân hình gầy ốm, bảy là rời khỏi chỗ ngồi. Vị trời ấy lập tức suy biết sau khi mệnh chung, sẽ hạ sinh làm heo con trong bụng heo nái đầy ghẻ lở ở nước Cưu Di Na Kiệt, liền hết sức sầu khổ, không biết dự tính thế nào. Chư Thiên khác bảo rằng: "Hiện tại, Phật đang ở đây, thuyết pháp cho chúng sinh. Chỉ có Phật mới có thể giải thoát tội lỗi cho ông mà thôi!". Vị Trời ấy liền tìm đến chỗ Phật, cúi đầu hành lễ. Chưa kịp hỏi han, Phật đã biết rõ, bảo rằng: "Tất cả vạn vật đều chịu vô thường, ông đã biết rõ điều ấy, còn ưu sầu làm gì? Muốn thoát khỏi thân heo con, hãy thường tụng tam quy y. Vị Trời ấy tụng luôn ba ngày như thế, bảy hôm sau, vị Trời ấy mệnh chung, được hạ sinh làm con trai của Trưởng giả của nước Duy Da Ly. Khi còn ở trong bụng mẹ, đã tụng tam quy y suốt ba ngày. Khi mới sinh ra rơi xuống đất, cũng quỳ tụng quy y. Lúc mẹ sinh ra, trên mình không dính máu dơ. Thị tỳ bên mẹ trong thấy, sợ hãi, bỏ chạy mất. Mẹ cũng rất lấy làm lạ, cho là quỷ quái, có ý muốn giết đi. Riêng cha biết là quý tử, bắt nuôi dưỡng chu đáo. Khi sắp lên bảy tuổi, cùng các trẻ nhỏ chơi bên đường, gặp Xá-lợi-phất, Mục-liên, đứa bé ấy đến trước mặt hành lễ, các Thánh đều kinh ngạc. Phật bèn kể rõ chuyện trước đây ở trên trời. Đứa bé ấy rước Phật về nhà, Phật giảng kinh cho nghe, đứa bé ấy cùng cha mẹ và bà con nội ngoại đều chứng được quả A duy việt trí, nghĩa là bất thối". (Theo kinh, trời có nhiều loại, như trong Tam giới trên đây có nói đầy đủ ba mươi hai môn. Nay, về lục đạo, chỉ nói sơ lược bốn môn).

CẢM ỨNG DUYÊN

Trích dẫn sơ lược 6 chuyện linh nghiệm.

1. Cư sĩ Sử Thế Quang đời Tấn.
2. Sa-môn Thích Huệ Ngỗi đời Tấn.
3. Hai cô gái nhà họ Luân đời Tấn.
4. Sa-môn Thích Đàm Loan đời Ngụy.
5. Cư sĩ Chuyên Huyền Siêu đời Ngụy.
6. Sa-môn Thích Tuệ Thiều đời Lương.

Than ôi! Thập ác duyên lớn, dễ rối nhân tâm, vạn thiên sức suy, khó cảm chân tính. Lòng gian hay nổi, việc dữ thường nghe. Đạo giáo suy vi, chánh pháp ít gặp. Bởi vậy, một hơi thở không tìm lại được, sẽ trở thành muôn kiếp chia ly, từng sát na ngắn tạm cách xa, đã chất chứa ngàn đời vĩnh biệt. Do ở tin, chê đối chọi, thiện ác chống nhau. Bọn lầm lạc ngu mê hô hào thói xấu, người hiền lương chân chánh mắc bợm gian tà. Thế nên, chánh pháp truyền sang Trung Quốc hơn sáu trăm năm, gặp nạn thôi ác, châu đàn ba lượt phá hoại. Tuy thế, họa hoạn chửa kịp dời chân, tai ương đã trút xuống chúng. Lãnh hậu quả rành rành trước mắt, chịu báo ứng thiện ác nghiêm minh nên hết đau. Ngô vương sai vây chùa, khiến xá lợi chiếu sáng. Tề vương sai hành hình, khiến dao kiếm gãy lìa. Vũ Văn phỉ báng Tăng già, khiến vết thương lở loét. Thác Bạt phá hủy chùa chiền, khiến máu mủ chảy đầy. Tôn Hạo vì tiểu vào tượng nên âm vật sinh đau. Hách Liên vì thói bạo tàn nên bị sét đánh chết. Xưa nay, bằng chứng thiện ác họa phúc ứng nghiệm đã quá rõ ràng.

Các loại truyện ký như Minh Tường, Báo Ứng, Cản Thông, Oan Hồn, U Minh. Sưu Thần, Tinh Dị, Pháp Uyển Hoằng Minh, Kinh Luật Dị Tướng, Tam Bảo Trưng Ứng, Thánh Tích Quy Tâm, Tây Quốc Hành Truyện, Danh Tăng Cao Tăng, Minh Báo, Thập Di, lên đến mấy trăm, không thể kể hết. Tất cả đều đưa vào điển tịch, lưu lại với thời gian, đủ cho mọi mắt cùng xem, mai sau khỏi sinh ngờ vực, cho đó là chuyện hoang đường. Thế nên, kinh nói: “Làm thiện, được thiện báo, làm ác chịu ác báo”. Kinh Dịch nói: “Nhà tích lũy điều thiện chắc chắn sẽ có phước đức nhiều, nhà chồng chất tội ác chắc chắn sẽ chịu nhiều tai họa”. Cho hay, sự báo ứng của thiện ác có ảnh hưởng tương quan, thực chứng về khổ lạc vốn dĩ thường hay xung khắc.

Tôi tìm tòi khắp các truyện ký, có hơn bốn ngàn, có chọn lựa những chuyện hiển linh. Mỗi chuyện đều chú xuất xứ ở cuối. Nếu không dẫn chứng ra đây, sợ khó bài trừ tà thuyết. Còn như vô số chuyện khác, xin chờ bổ túc mai sau.

1. Sử Thế Quang là người Tương Dương đời Tấn: mất vào năm

Hàm Hòa thứ tám ở Vũ Xương. Bảy ngày sau, Sa-môn Chi Pháp Sơn tụng Tiểu phẩm Bát nhã cầu siêu, mệt quá nên hơi sao lãng, thoáng nghe trên linh vị như có tiếng người. Trong nhà họ Sử có người tớ gái, tự là Trương Tín, thấy Thế Quang trên bàn thờ, chỉnh tề như lúc còn sống, nói với mình rằng: "Ta vốn phải đọa làm rồng, nhờ Hòa thượng họ Chi tụng giúp kinh nên được các vị Đàm Hộ, Đàm Kiên rước lên chỗ an vui trên Trời Phạm Thiên thứ bảy". Hai vị này đều là Sa di đã mất của Hòa thượng họ Chi. Sau đó, Hòa thượng họ Chi lại đến tụng giúp Đại phẩm Bát nhã. Họ Sử lại về trên bàn thờ. Lúc sinh tiền, họ Sử có cúng dường cho nhà chùa hai tấm cờ phướn, bấy giờ đang tôn trí ở chùa. Họ Sử bèn gọi: "Trương Tín hãy cầm cờ phướn đưa ta về!". Trương Tín dạ xong, liền chết mất. Cả hai cùng bay về phía Tây Bắc, lên một ngọn núi xanh như pha lê. Đến đỉnh núi, trông thấy cửa trời. Thế Quang tự tay cầm lấy cờ phướn, bảo Trương Tín quay về, giao cho một khối hương xanh như ba đậu, bảo rằng: "Đem dâng cho Chi Hòa thượng". Trương Tín chưa chịu quay về, đứng nhìn xa xa, thấy Thế Quang đi thẳng vào cửa trời. Sau đó, Trương Tín theo đường cũ quay về. Bỗng nhiên sống lại, nhưng không thấy khối hương xanh trong tay. Cờ phướn cũng y như cũ trong chùa. Khi Thế Quang và Trương Tín từ nhà bay đi, đứa con sáu tuổi của ông thấy được, đưa tay lên chỉ nói với bà nội rằng: "Cha con bay lên trời, bà nội có thấy không?". Về sau, Thế Quang cùng hàng chục người trở về nhà. Dùng dằng một hồi rồi mới ra đi. Mỗi khi trở về, đều thấy đội mũ, cài trâm. Khi đi, chỉ còn búi tóc lộ ra. Trương Tín đem hỏi, liền trả lời: "Trên trời có mũ riêng, không cần mang thứ này". Sau đó, bèn đội mũ trời, cùng các người trời đánh đàn, ca hát, đi thẳng lên nhà của mẹ mình. Trương Tín hỏi: "Thường trở về như thế để làm gì? Ông trả lời: "Để làm cho mọi người biết rõ tội phước, đồng thời cũng để làm vui lòng mẹ ta". Tiếng đàn trong trẻo tuyệt diệu, không giống tiếng thế gian. Mọi người lớn nhỏ trong nhà đều nghe cả. Tuy nhiên âm vận mơ hồ như có vách tường ngăn cách, không được nghe trực tiếp trước mắt. Riêng một mình Trương Tín được nghe Thánh thót rõ ràng. Một lúc sau lại ra đi, Trương Tín theo tiễn chân, thấy Thế Quang đi vào trong một cửa lớn màu đen, giây lát lại ra đi, nói rằng: "Cha ta ở trong này, hằng ngày bị đánh đòn, đau đớn không thể chịu nổi, ta vừa vào thăm xong. Ông cụ mắc tội giết người, nên phải chịu quả báo ấy. Phải về báo cho mẹ ta, rước tăng đến tụng kinh, mới có thể giải thoát đôi chút". Cha của ông chính là Khinh xa tướng quân Chung Báo. (Chuyện trên đây rút ra từ Minh Tường Ký).

2. Ngài Thích Huệ Ngỗi ở Trường An đời Tấn: không rõ người ở đâu, trụ tích tại chốn tùng lâm ở Trường An, gữ gìn giới hạnh thanh tịnh. Phần nhiều ngài ở trong hang động, tu tập Thiền định. Có một con quỷ không đầu hiện ra, mà thần sắc ngài không hề biến đổi, liền bảo con quỷ ấy rằng: "Nhà ngươi không có đầu, như vậy, không sợ đau đầu, sung sướng nhất đời!". Con quỷ ấy biến mất. Sau đó lại làm con quỷ không bụng hiện ra, chỉ có chân tay. Ngài liền bảo: "Nhà ngươi không có bụng, như vậy không có lo âu về ngũ tạng. An vui nhất đời!". Giây lát, con quỷ lại biến thành hình khác, ngài liền lự lời đuổi đi. Sau đó rất lâu, trời đổ tuyết lạnh buốt, có một cô gái đến xin ở lại, tướng mạo đoan trang, y phục đẹp đẽ, nhan sắc thùy mị, tự xưng là thiên nữ, thấy ngài có đạo hạnh nên trời sai xuống đây để cùng an ủi. Đem lời dục ra khiêu khích ý ham muốn. Ngài giữ chí cứng rắn, không hề rối lòng, bảo cô gái ấy: "Lòng ta như tro nguội, đừng mong đem túi da ấy ra thử thách!". Cô gái ấy bèn đạp mây bay đi và quay lại than rằng: "Nước biển có thể cạn kiệt, núi Tu-di có thể ngửa nghiêng, nhưng vị Thượng nhân này vẫn giữ chí chắc chắn kiên trinh!".

Về sau, vào năm Long An thứ ba đời Tấn, ngài cùng Pháp Hiển đi sang Tây Vực, không rõ cuối cùng ra sao. Nối pháp có Thích Hiền Hộ, họ Tôn, người Lương Châu, đến trụ tích ở chùa Diêm Hưng, vùng Quảng Hán. Ngài thường tu tập Thiền định, tinh chuyên giới luật, không sai phạm mảy may. Ngài viên tịch năm Long An thứ năm đời Tấn. Khi sắp hóa, trong miệng phóng ra hào quang ngũ sắc, chiếu diệu khắp chùa. Ngài dặn dò hỏa táng di thân, đệ tử vâng theo. Sau khi tất cả xương cốt đều cháy, chỉ còn lại y nguyên ngón tay. Vì thế, đệ tử đem chôn dưới tháp của ngài. (Chuyện trên đây rút từ Lương Triều Cao Tăng truyện).

3. Hai cô gái nhà họ Luân đời Tống: vốn người Tăng Thành ở Đông Quan, là chị em chú bác. Năm Nguyên Gia thứ chín, chị lên 10, em lên 9. Do ở chỗ quê mùa, càng thêm ngu muội, chưa từng biết đến kinh điển. Bỗng nhiên vào ngày mồng 8 tháng 2, cả hai chị em đều mất tích. Ba ngày sau lại trở về, nói lờ mờ được gặp Phật. Vào ngày rằm tháng chín, lại mất tích. Một tuần sau mới trở về, biết nói tiếng ngoại quốc, tụng được kinh bằng tiếng Phạm. Gặp Sa-môn ở Tây Thành, liền được khai ngộ. Vào ngày rằm tháng giêng năm sau, bỗng nhiên lại mất tích. Người làm ruộng bảo rằng: "Thấy hai chị em theo gió bay thẳng lên trời". Cha mẹ kêu khóc, lo lắng. Cùng thần cầu phước lành. Qua hết một tháng, lại trở về, đã xuống tóc làm ni, mặc đầy đủ pháp phục. Cầm

tóc kể rằng: "Gặp Phật và Tỳ-kheo-ni dạy rằng các con vốn có nhân duyên từ kiếp trước, nên làm đệ tử của ta. Rồi lấy tay xoa lên đầu, tóc liền rơi xuống. Lại ban cho pháp danh, chị là Pháp Duyên, em là Pháp Thải. Khi sắp cho về, còn bảo rằng các con có thể cất chùa, ta sẽ ban cho kinh điển". Sau khi cô gái ấy trở về nhà, liền phá hủy bàn thờ ma quỷ, xây cất lên một ngôi chùa. Đêm ngày ăn chay tụng niệm. Tối đến, thường có hào quang chiếu diệu lên tới đỉnh núi giống như đèn đuốc. Từ đó về sau, hai cô gái ấy có phong thái thanh nhã, ăn nói trang nghiêm. Thậm chí, cốt cách trên chốn kinh đô cũng không hơn được. Thứ sử Vi Lãng đến tận nhà tham kiến và rước về phủ cúng dường. Nghe lời đàm luận, Thứ sử hết sức kinh ngạc và khâm phục. Nhờ thế, khắp chốn hang cùng ngõ hẻm đều biết thờ Phật. (Chuyện trên đây rút từ Minh Tường ký).

4. Sa-môn Đàm Loan ở chùa Huyền Trung trong động Thạch Bích tại Tây Hà đời Tấn: chưa rõ họ tên, gia thế, chỉ biết ngài là người đất Nhạn Môn, gần núi Ngũ Đài nổi tiếng hiển hách uy linh khắp chốn nhân gian. Vì bệnh suy nhược tinh thần, ngài đi chữa trị khắp nơi. Đến lăng cũ của nhà Tần ở Phần Châu, ngài vào thành, ngắm mây xanh trên cửa Đông. Bỗng thấy cửa trời mở rộng, bày ra các ngôi vị của trời lục dục, trên dưới đều chập chùng san sát. Nhờ thấy cảnh tượng này, ngài liền bớt bệnh. Sau sang thăm chỗ ẩn cư của họ Đào ở Giang Nam, tìm hỏi tiên thuật, mong được trường thọ và lên chơi các núi non tiếp cận phía trước vùng này, lòng rất thích thú. Họ Đào đem tặng mười quyển sách về thuật tu tiên để đáp tạ thành tâm cầu học của ngài. Khi về đến Triết Giang, có vị thần tên là Chàng Bảo, hễ mỗi lần vùng vẫy, sông liền dậy sóng bảy ngày mới yên. Gặp lúc sông vừa dậy sóng, không thể nào qua được. Ngài bèn đến miếu thần, thành tâm cầu khấn, như được đáp ứng, sẽ xin xây lại miếu. Giây lát, thần hiện nguyên hình, như người trạc tuổi hai mươi và bảo rằng: "Nếu muốn qua sông, sáng mai mới được. Xin đừng nuốt lời!". Sáng hôm sau sóng vẫn hung hãn, ngài vừa xuống thuyền, sóng liền lặng yên. Nhờ thế, ngài được qua sông. Vua nhà Lương kính trọng ngài, ban sắc phong Chàng Bảo làm giang thần và sai cất lại miếu thờ. Sau đó, ngài từ biệt nhà vua, trở về đất Ngụy, ý muốn tìm chốn danh sơn tu luyện theo thuật thần tiên. Đến Lạc Hạ, gặp ngài Tam tạng Pháp sư người Trung Quốc là Bồ Đề Lưu Chi. Ngài hỏi: "Phật giáo có phương pháp trường sinh bất tử nào hơn thuật tu tiên của Trung Quốc không?". Ngài Bồ Đề Lưu Chi nhổ phẹt xuống đất, bảo rằng: "Nhà ngươi nói gì bậy thế? Chẳng có gì để cùng so sánh

cả! Ở thế gian này, chỗ nào có được thuật trường sinh bất tử? Giả sử có được, cũng chỉ bất tử được một thời gian ngắn ngủi. Rốt cuộc, cũng rơi vào vòng luân hồi lẩn quẩn trong tam giới mà thôi!”. Lập tức trao cho kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật và dặn dò: “Đây chính là thuốc đại thần tiên, y theo tu hành, sẽ được giải thoát sinh tử, dứt hẳn luân hồi”. Sau đó, ngài dời về chùa Huyền Trung trong động Thạch Bích ở Bắc Sơn tại Phần Châu, chuyên tâm theo kinh ấy tu tập pháp môn Tịnh độ. Năm sáu mươi bảy tuổi, sắp đến ngày viên tịch, cờ phướn, lọng báu chiếu diệu sáng rực cả chùa. Hương thơm tỏa ra ngào ngạt, tiếng âm nhạc nổi lên vang lừng. Những người sửa soạn lên chùa đều cùng trông thấy. Ngài viên tịch vào năm Hưng Hòa thứ tư, tại chùa trên núi Bình Diêu, thọ 67 tuổi. (Truyện trên đây rút ra từ Lương Cao Tăng truyện).

5. Phó quan Huyền Siêu, tự là Nghĩa Khởi, làm việc ở quận Tế Bắc đời nhà Ngụy: khoảng niên hiệu Gia Bình. Ban đêm nằm ngủ một mình, mơ thấy có thần nữ đến kề cận, tự xưng là thiên nữ, gốc người Đông Quận, họ Thành Công, tên tự là Tri Quỳnh, cha mẹ mất sớm. Thiên đế thương hoàn cảnh cô đơn khổ sở, cho phép hạ giới lấy chồng. Trong mơ tinh thần sảng khoái, liền thức giấc, vì cảm xúc nhan sắc xinh đẹp kỳ diệu của nàng không giống người thường. Tỉnh ra, hết sức nhớ nhung, nghe như còn đồng vọng mơ hồ đau đây. Cứ thế, suốt ba bốn đêm liền, bỗng nàng hiển hiện đến chơi, đi bằng xe che màn, có tám tỳ nữ theo hầu, mặc áo lụa là thêu may rực rỡ, hình dung nhan sắc như tiên bay. Tự xưng đã bảy mươi, nhưng trông chừng như con gái mười lăm, mười sáu tuổi. Trên xe có sẵn bầu, khạp đựng rượu bằng pha lê trắng trong suốt, năm loại chén ăn uống và đủ các thức ăn kỳ lạ. Rồi cho bày dọn thịt, mời Nghĩa Khởi cùng ăn uống, bảo rằng: “Thiếp là ngọc nữ trên trời, được phép hạ giới, nên mới đến với chàng. Không ngờ chàng có phước đức, duyên phận từ kiếp trước, xứng đáng kết nghĩa vợ chồng. Dù chẳng đem lại lợi ích gì, nhưng cũng không làm chàng thiệt thòi gì cả. Mỗi lần đến đây, đều có xe tốt ngựa khỏe, ăn uống sẵn có món ngon vật lạ, lụa là may mặc đầy đủ. Nhưng thiếp vốn là thần tiên, không thể sinh con cho chàng, cũng không có tính ghen tuông, không gây hại đến chuyện hôn nhân của chàng”. Từ đó, hai người trở thành vợ chồng. Nàng tặng một bài thơ như sau:

“Trổ tài bay phiếu diễu,
Rong chơi gặp núi mây.
Hương trời chẳng trang điểm,
Đức lớn hợp sum vầy.

Thần tiên không xuống bậy,
Đúng hẹn mới tìm đây.
Cưới thiếp giàu năm họ,
Phụ thiếp gặp họa ngay".

Đấy là đại khái về bài thơ. Còn một bài văn dài hai trăm chữ, không thể chép hết. Nàng còn chú giải kinh Dịch gồm bảy quyển, nói về bói toán tốt xấu. Nghĩa Khởi đều lãnh hội được ý nghĩa. Làm vợ chồng ăn ở được bảy, tám năm, sau đó cha mẹ Nghĩa Khởi cưới vợ cho chàng. Từ đây, chia ra ngày lánh mặt, đêm chung cùng. Tối đến, sáng đi, thấp thoáng như bay, chỉ có một mình Nghĩa Khởi thấy được nàng, người khác không thể gặp được. Tuy trong nhà kín đáo vẫn nghe tiếng người, thường thấy dấu tích, nhưng không thấy được hình dung. Về sau, có người lấy làm lạ, gạn hỏi, Nghĩa Khởi đem ra tiết lộ, mới đổ bể sự tình. Ngọc nữ liền xin ra đi, và nói rằng: "Thiếp là thần tiên, tuy cùng chàng giao du, nhưng không muốn người khác biết đến. Tính chàng không được kín đáo, thiếp đã cùng chàng gắn bó lâu nay, tình sâu nghĩa nặng, một sớm chia lìa, há không đau đớn chăng? Sự thế không thể dùng dằng được nữa, mỗi người đành phải cố gắng chịu đựng". Kêu người hầu đem rượu thịt ra ăn uống, mở giỏ lấy một bộ quần áo lót đã dệt xong, ban cho Nghĩa Khởi và tặng một bài thơ. Cầm tay chia ly, nước mắt lã chã tuôn đầy, rồi trang trọng lên xe đi như bay. Nghĩa Khởi đau thương chồng chất tháng ngày, gần như không dậy nổi. Về sau, đến Tế Bắc, đang đi trên đường núi Ngũ Sơn đổ về phía Tây, Nghĩa Khởi nhìn xa xa, đầu khúc quanh, thấy một xe ngựa giống của Tri Quỳnh, vội vàng chạy đến trước xe, đúng là ngọc nữ! Liền vén màn gặp mặt. Hết buồn tủi đến vui mừng. Tri Quỳnh nhường chỗ cùng ngồi chung xe đến Lạc Dương, nối lại tình nghĩa vợ chồng, hàn gắn môi duyên xưa. Đến niên hiệu Thái Khang vẫn còn, nhưng họ không gặp nhau hằng ngày. Thường vào ngày mồng ba tháng ba, mồng năm tháng năm, mồng bảy tháng bảy, mồng chín tháng chín, mười một tháng mười một, mới xuống ở lại với nhau rồi lại đi. Tiên sinh Trương Mậu nhân chuyện này làm bài phú Thần Nữ. (Truyện trên đây rút từ Sưu Thần Ký).

6. Sa-môn Thích Tuệ Thiều ở chùa Long Uyên tại Thục quận đời nhà Lương: họ Trần, vốn gốc là người Thái Khâu ở Dĩnh Xuyên, ngài bẩm chất thanh tịnh, sáng suốt thông minh xuất chúng. Vào năm năm mươi bốn tuổi, ngài viên tịch trong Ma ha diễn đường của chùa. Bấy giờ, có người ở Ứng Thủy, thuộc Thành Đô tên là Phong Hiền bị bệnh chết, nhưng trên ngực vẫn còn ấm, mãi đến năm hôm sau mới tỉnh lại, kể

rằng: “Tôi bị dẫn đến vua Diêm La chịu phân xử thì nghe nói đón Pháp sư. Giây lát sau thì ngài đến. Nhà vua bước xuống cung điện, chấp tay đảnh lễ. Xong xuôi, không nói năng gì cả, chỉ viết lên văn thư một chữ “chính” theo lối đại tự. Ngài Tuệ Thiều bước ra phía ngoài, ngồi dưới gốc cây bên đường trống vắng, thấy một tiểu đồng lấy giỏ bằng gỗ liễu phủ sơn đội đến một cà sa lạ hoắc, bảo ngài mặc vào. Có chừng mười vị tăng đến đón. Trong đó, Phong Hiền quen biết hai vị là các thiền sư Từ và Hòa. Cờ phướn, lọng báu sắp xếp chật đường. Rồi cả đoàn cưỡi hư không bay đi”. Hơn nữa, vào đêm ngài viên tịch, có vị ni ở chùa An Phố, mắc bệnh đã lâu, rầu rĩ khô héo. Tối đó, chết đi sống lại, kể rằng: “Ta đưa Pháp sư Tuệ Thiều cùng năm trăm vị tăng bước lên cầu làm bằng bảy loại bảo vật, vào đến giảng đường trên thiên cung. Chỗ ấy giống như thủy tinh, có đầy đủ chiếu giường hoa mỹ, cũng có phất trần, bàn ghế, hoa sen nở đầy ao. Pháp sư Tuệ Thiều ngồi xuống pháp tọa đàm luận. Một lát, đứng lên bảo những người đi đưa hãy ra về”. Chuyện giao cảm với điềm linh về lẽ sinh diệt của những vị ấy, đại khái đều như thế cả. Pháp sư viên tịch vào ngày mồng ba tháng bảy tại chùa Long Uyên, họ năm mươi bốn tuổi, nhằm năm Thiên Giám thứ hai đời nhà Lương. (Chuyện trên đây rút từ Lương Cao Tăng truyện).

II. *Bộ thứ 2:* NHÂN ĐẠO

Gồm có tám phần: Thuật ý, Hội danh, Trụ xứ, Nghiệp nhân, Quý tiện, Bần phú, Thọ khổ, Cảm ứng duyên.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Than ôi! Luận trong đường người: hình hài giả dối, gây nhiều nghiệp tội , thích tạo oan khiên. Đạo đức tiêu tan, ân nghĩa đoạn tuyệt. Bởi thế, Thôi Trữ giết vua, Cao Thần hại bố. Thất hùng tranh bá, vạn quốc liên minh. Xa xỉ đua đòi, hoang dâm lộ liễu. Thuần phong mất sạch, mỹ tục chẳng còn. Tam độc hoành hành, thập triều bộc phát. Tứ lưu đầy dẫy, ngũ uẩn mịt mờ. Điên đảo vô minh, càng thêm quá quất. Khiến cho: thân thể như cây đang ngã, tính mạng tự thành sắp nghiêng. Mật dính miệng dễ bị tiêu tan, dây bò giếng khó được bền vững. Dưới tùng đầu mả, khóc lóc thảm thương. Ngõ rộng cửa dày, thở than sùi sụt.

Nay hết mọi người, đều xin sám hối. Cũng thân phận chân vuông đầu tròn, từ trí đến ngu, Tây tới Cù Da, Đông tận Vu Đãi, Bắc cùng Đơn Việt, Nam hết Diêm-phù, cho đến túp lá lều da, vẽ mình bới tóc,

nuốt sống ăn tươi, nằm hang ở tổ, xăm mình nhuộm răng, đứng ngược đi nghiêng, nước nhẹ nổi mình, núi cao dây bám, biên cương trấn thủ, giáo cắp giáp mang, dây buộc xích ràng, khiêng cây đội sắt, cùng nguyện: sửa mình nhân nhượng, tỏ vẻ hiếu từ. Dẹp tâm phóng đãng, bỏ thói hoang dâm. Thân tựa đá vàng, thể như non lớn. Bát khổ không thể xâm lăng, cửu hoạnh đuổi xa mãi mãi!

Thứ hai: PHẦN HỘI DANH

Theo trong luận Bà-sa giải thích: "Gọi người là có ý chận đứng, nên mới gọi là người. Nghĩa là trong lục đạo, thường có ý chận đứng, nên mới gọi là người. Nghĩa là trong lục đạo, thường có ý chận đứng phiền não, ác loạn, thì không có ai hơn người, nên mới gọi là có ý chận đứng. Vả lại, nhân là nhẫn, nghĩa là đối với tình thuận, nghịch ở thế gian, thường vui vẻ chịu đựng, nên gọi là nhẫn".

Hơn nữa, luận Lập Thế A-tỳ-đàm nói: "Vì sao Nhân đạo gọi là Ma nậu sa? Chữ này có tám nghĩa: một là vì thông minh, hai là vì hơn hết, ba là vì có ý tinh vi, bốn là vì chánh giác, năm là vì trí tuệ tăng thêm, sáu là vì có thể phân biệt thật hư, bảy là vì làm pháp khí của chánh pháp, tám là vì sinh ra nghiệp thông tuệ. Do đó, mới gọi là Nhân đạo là Ma nậu sa".

Hơn nữa, trong luận Tân Bà-sa có câu hỏi: "Vì sao đường này gọi là Mạt nô sa? Vì ngày xưa có Chuyển luân vương tên là Mạn ngân đa nói với mọi người rằng: "Các người muốn hành động, trước tiên, phải suy nghĩ, cân nhắc, quan sát". Bấy giờ, mọi người làm theo lời Chuyển luân vương chỉ dạy. Khi muốn hành động, trước tiên đều suy nghĩ, cân nhắc, quan sát. Nhờ thế, đối với các loại nghề nghiệp thủ công đều được khéo léo. Vì thường đem ý tứ suy nghĩ, quan sát công việc như thế, nên gọi là Mạt nô sa". Có người nói: "Vì trước đây có làm tăng trưởng các hạnh tốt về thân, ngữ, ý cấp thấp, được sinh vào đường ấy, khiến đường ấy trở thành liên tục, nên mới gọi là đường người". Có người nói: "Vì nhiều kiêu mạn, nên gọi là người. Bởi lẽ kẻ kiêu mạn trong năm đường kia không nhiều bằng người". Có người nói: "Vì thường có ý tịch lặng, nên gọi là người. Bởi lẽ, kẻ có ý tịch lặng trong năm đường kia không bằng người". Thế nên, Khế kinh bảo: "Người có ba sự kiện hơn hẳn chư Thiên: một là dũng mãnh, hai là biết ghi nhớ, ba là có Phạm hạnh".

Thứ ba: PHẦN TRỤ XỨ

Như luận Bà-sa nói: "Bốn giống người trong thiên hạ cư trú trong

bốn châu lớn là Thiệm Bộ, Tỳ-đề-ha, Cù-đà-ni và Câu Lô, đồng thời cũng cư trú trong tám châu trung gian. Là tám châu nào? Ấy là châu Câu Lô có hai châu thân thích: một là châu Đoản Lạp Bà, hai là châu Kiêu Lạp Bà. Châu Tỳ-đề-ha có hai châu thân thích: Một là Châu Đề-ha, hai là Châu Tô ha. Châu Cù-đà-ni có hai Chân thân thích: một là châu Xá Hào, hai là châu Ốt đát La Mạn Đát Lý Noa. Châu Thiệm Bộ có hai châu thân thích: một là châu Già-mạt-la, hai là châu Phiệt La Già-mạt-la. Người trong tám châu này có hình thù thấp nhỏ, giống người lùn loắt chắt ở đây". Có người nói: "Bảy châu đều do người cư trú, chỉ có châu Già-mạt-la thì do La sát bà cư trú". Có người nói: "Ở đây nói tám, tức là tên khác của bốn châu lớn. Vì mỗi một châu đều có hai tên gọi. Nói như thế thì theo trên, trong tám châu này, mỗi một châu lại có năm trăm châu nhỏ làm thân thích. Trong đó hoặc có người cư trú, hoặc không có người cư trú, hoặc có người tu hành cư trú".

Hỏi: Đường người hình dáng ra sao?.

Đáp: Hình dáng con người đứng thẳng lên. Tuy nhiên mặt người ở châu Thiệm Bộ giống hình hòm xe. Mặt người ở châu Tỳ-đề-ha giống hình bán nguyệt. Mặt người ở châu Cù-đà-ni giống vầng trăng đầy. Mặt người ở châu Câu Lô giống hình ao vuông".

Hỏi: Tiếng nói như thế nào?

Đáp: Khi thế giới mới thành, tất cả mọi người đều nói tiếng Thánh. Về sau, do lúc ăn uống, chúng sanh không thọ dụng như nhau và do tăng thêm tợi ton hót, nói dối, bèn có nhiều loại tiếng nói khác nhau, thâm chí có người không biết nói".

Thứ tư: PHẦN NGHIỆP THÂN

Theo trong kinh Nghiệp Báo Sai Biệt, có đặt ra Tứ cú phân biệt: một là có nghiệp được quả báo thân vui mà tâm không vui, như kẻ phàm phu có phước, hai là có nghiệp được quả báo tâm vui mà thân không vui, như La hán ít phước, ba là có nghiệp được quả báo thân, tâm đều vui, như La hán có phước, bốn là có nghiệp chịu quả báo thân, tâm đều không vui, như kẻ phàm phu ít phước. Người có nghiệp báo như thế nào, đều được báo ứng khổ lạc như thế ấy.

Hơn nữa, kinh Bồ Tát Tạng nói: "Bấy giờ, đức Thế-tôn bảo trưởng giả Hiền Thủ rằng trưởng giả nên biết, Ta thấy tất cả chúng sinh trong thế gian đều bị mười nỗi khổ bức bách. Là mười nỗi khổ gì? Một là nỗi khổ do sinh ra bức bách, hai là nỗi khổ do già đi bức bách, ba là nỗi khổ do bệnh tật bức bách, bốn là nỗi khổ do chết chóc bức bách, năm là nỗi

khổ do buồn rầu bức bách, sáu là nỗi khổ do oán hận bức bách, bảy là nỗi khổ do thọ lãnh bức bách, tám là nỗi khổ do lo âu bức bách, chín là nỗi khổ do đau đớn bức bách, mười là nỗi khổ lớn do sinh tử luân hồi bức bách. Ta thấy mười nỗi khổ như thế bức bách chúng sinh. Vì đắc đạo Vô thượng Bồ đề, có thể giải thoát mọi nỗi khổ bức bách như thế, nên ta phát tín tâm thanh tịnh, lìa bỏ gia đình họ Thích, hướng đến đạo Vô thượng. Còn nữa, trưởng giả! Ta thấy tất cả chúng sinh trong thế gian, từ vô số kiếp, đã tạo trăm ngàn ức cai tội lỗi, thường bị mười loại tên độc lớn bắn trúng. Là mười loại tên nào? Một là loại tên độc ái, hai là loại tên độc vô minh, ba là loại tên độc dâm dục, bốn là loại tên độc tham lam, năm là loại tên độc sai lầm, sáu là loại tên độc ngu si, bảy là loại tên độc kiêu mạn, tám là loại tên độc tà kiến, chín là loại tên độc chấp có, mười là loại tên độc chấp không. Trưởng giả! Ta thấy chúng sinh bị mười loại tên độc bắn trúng. Nhờ đạt đạo Vô thượng Bồ đề, có thể bẻ gãy mười loại tên độc ấy, nên Ta phát tín tâm thanh tịnh, lìa bỏ gia đình họ Thích, hướng đến đạo Vô thượng".

Thứ năm: PHẦN QUÝ TIỆN

Nếu đem bốn phương ra nói, Bắc Uất-đơn-việt không có sự sang hèn. Ở đây không phân chia thầy tớ, nên không có sự sang hèn. Ba phương còn lại đều có sang hèn. Vì có sự phân chia ra vua tôi, dân chúng, sự cách biệt giữa chủ nhân với nô bộc, nên có sự sang hèn khác nhau. Gộp chung sang hèn, gồm có sáu hạng: một là hạng giàu nhất, ấy là các Chuyển luân vương. Hai là hạng giàu kế tiếp, ấy là các Túc tán ương. Ba là hạng giàu nhỏ, ấy là các quan lại. Bốn là hạng hèn nhất, ấy là các đầy tớ hèn hạ. Năm là hạng nghèo vừa, ấy là kẻ phục dịch. Sáu là hạng nghèo ít, ấy là các tỳ thiếp. Gộp chung thì đại khái như thế, nếu phân chia tỉ mỉ, thật khó nói cho cùng.

Thứ sáu: PHẦN GIÀU NGHÈO

Nếu đem bốn phương ra nói, Bắc Uất-đơn-việt đều rất giàu như nhau. Trong hai châu Đông Tây có sự hơn kém. Nam Diêm-phù-đề nghèo nhất. Sự giàu nghèo trong bốn châu không giống nhau, như kinh đã nói đầy đủ. Hơn nữa, người Diêm-phù-đề giàu nghèo không nhất định. Tổng cộng có ba hạng: thứ nhất là hạng giàu lớn, như Chuyển luân vương, thống lãnh bốn phương, giàu gom bốn biển. Tất cả nhu cầu đều rất đầy đủ, như kinh đã nói. Phước lực của ngài rất lớn. Mỗi khi xuất thế, cảm nhận được năm sự kiện kỳ lạ, bảy loại châu báu hiện ra.

Năm sự kiện kỳ lạ là: một là được các dòng suối và ao tắm phẳng lặng, trong trẻo, hiện ra khắp nơi trong quốc độ. Hai là được nước cam lồ tự nhiên sinh ra nơi cung đình. Khi khát uống vào, thân thể nhà vua sẽ nhẹ nhàng bớt bệnh. Ba là được nước biển rút xuống một do tuần. Khắp trong bờ biển, trào lên con đường bằng cát vàng để cho nhà vua du hành khắp bốn phương thiên hạ. Bốn là được cỏ hương trên đầu bò thần mọc lên bên bờ biển. Nhà vua hái lấy, đem về thắp, mùi hương càng nồng đượm, theo gió bay xa, thơm tho khắp bốn mươi dặm, người chết ngửi xong, sẽ được sống lại. Năm là được loại chim Ca chân liên đà sinh ra trong biển. Nhà vua bắt đem về nuôi, thân tâm đều thích thú, vì tiếng hót của loài chim này còn hay hơn cả âm nhạc trên Trời Lục dục. Dựa theo nghĩa này, luận Vãng Sinh có kệ rằng:

“Tính quý cỏ công đức,
Mềm mại nghiêng phải trái.
Chạm vào sinh núi lớn,
Hơn nghe Ca chân liên đà”.

Nhà vua có đủ bảy loại châu báu, lại có cả ngàn người con hùng mạnh, như kinh trên đã nói. Thứ hai là hạng giàu vừa, ấy là các Túc tán vương. Thứ ba là hạng giàu nhỏ, như các Thọ đề già. Nghèo cũng có ba hạng, suy ra có thể biết được.

Thứ bảy: PHẦN THỌ KHỔ

Than ôi! Luận trong đường người, chỉ khổ không vui. Ngu chấp làm vui, mất vui thành khổ. Thấy lầm làm vui, thấy rõ là khổ. Thế nên, kinh Phó Pháp Tạng nói: “Thế gian nhiều khổ, không thể cầu vui. Thân này không chắc, thối nát lụi tàn, giống như đống bọt, nhấp nháy vỡ tan. Hình dung đoan chính, đáng để đắm yêu. Già yếu ập đến, nào có còn gì! Ngoài phủ da mỏng, gọi là điểm tô. Trong đầy máu mủ, nước ối uế dơ. Các pháp vô thường, diễn biến rất chóng. Xem một hơi thở, sinh diệt bốn trăm. Ví như giữa trời, mây đùn sấm nổ. Gió lớn nổi lên, lại vụt tan biến. Ngũ dục không bền, giống y như vậy. Cùng yêu thương nhau, an hưởng hạnh phúc. Vô thường kéo đến, có chừa ai đâu? Thế gian nhiều khổ, rất khó ở lâu. Thân người, bởi thế, chỉ khổ, vô thường. Phải biết chán chường, mau cầu giải thoát. Tất cả các pháp, do khổ chất nên. Như nhọt, như phẩn, như tên trúng tim. Sinh già bệnh chết, luân chuyển vô bờ. Vô thường hủy hoại, mục nát rất nhanh. Như tù sắp chết, mạng sống chẳng dài. Như người ở tù, chẳng đáng mến yêu. Giống trái bên đường, mất công liệng bỏ. Thân đáng ghét này, sẽ bị hủy diệt. Quạ diều, chồn

cáo, cắn xé giành ăn. Gió lùa nắng táp, hôi hám thối xanh, tóc lông, răng móng, tung tóe khắp nơi. Thân đã như thế, có gì thích ham? Cố tìm phương tiện, giải thoát thật nhanh. Trời kia giàu có, cuối cùng tan tành. Tươi tốt ngoài mặt, lo sợ trong lòng". Thế nên, luận Đại Trang Nghiêm nói: "Như đeo dây quý, dù ở bên mình. Ngôi báu cũng thế, thường chất sợ lo, nơm nớp giữ gìn. Sợ mất rất khổ, phải lấy áo dậy, còn gọi là vui! Chẳng qua trong khổ, nghĩ bướng làm vui". Thế nên, kinh Tân Đầu Lô Vị Ưu Đà Diên Vương thuyết pháp có kệ rằng:

"Ngôi báu tuy tôn quý,
Thay đổi không tạm dừng.
Nhanh chóng như tia chớp,
Phút chốc bỗng tiêu vong.
Ngôi báu rất giàu sang,
Kẻ ngu thật ham thích.
Tiêu vong chợt ập đến,
Đau khổ quá thường dân.
Nhà vua ở ngôi báu,
Danh nổi khắp mười phương.
Uy nghiêm rất đáng mến,
Trang sức lớp lớp chồng.
Ví như người hấp hối,
Mang chuỗi ngọc tràng hoa,
Đâu hay chết sắp đến!
Ngôi báu cũng như thế.
Vương giả như ngài đây,
Thường ôm nhiều lo sợ.
Lúc đi đứng và ngồi,
Thậm chí khắp mọi lúc.
Đối với người thân sơ,
Thường có lòng ngờ vực.
Thần dân và phi hậu,
Voi ngựa và châu báu,
Tài sản trong đất nước,
Tất cả thuộc về vua.
Bỏ lại chẳng mang gì!"

Lại nữa, trong kinh Niết Bàn, Phật nói kệ rằng:

"Tất cả các thế gian,
Chúng sinh đều bị chết.

Thọ mạng tuy vô lượng,
Cuối cùng cũng phải hết.
Hễ thịnh thì có suy,
Đoàn tụ phải biệt ly.
Tuổi trẻ không được lâu,
Trong khỏe, bệnh bắt đầu.
Tính mạng bị bệnh nuốt,
Chẳng có gì còn đâu.
Các vua dù tự tại,
Thế lực dẫu vô song,
Tất cả đều biến diệt.
Thọ mạng cũng như thế.
Bánh xe khổ bao la,
Xoay chuyển mãi không ngừng.
Tam giới đều vô thường,
Các pháp chẳng gì vui.
Thật tướng của các pháp,
Tất cả đều hư vô.
Pháp dễ hoại lưu chuyển.
Thường có kẻ yếu đuối,
Lo sợ các chuyện dữ,
Khổ não, già, bệnh, chết.
Khổ não ấy vô biên.
Oán than pháp dễ hoại.
Bị phiền não ràng buộc,
Như tằm ở trong kén.
Sao người có trí tuệ,
Lại thích ở chỗ ấy?
Thân này do khổ thành,
Hết thảy đều dơ uế.
Bó cột các ung nhọt,
Thật sự, chẳng ít gì!
Lên đến thân chư Thiên,
Xem ra cũng như thế.
Dục vọng đều vô thường,
Nên ta chẳng tham luyến.
Lìa dục, cố nghĩ suy,
Để chứng được Chân đế”.

Thế nên, tôn giả Tân Đầu Lô nói với nhà vua rằng: “Đại vương nên quan sát kỹ. Có ngũ dục nào được trường tồn? Có ngôi báu nào được bền vững? Có đất nước nào không đổi thay? Có châu báu nào không mất mát? Có dục nào kéo dài không biến tan? Có xum họp nào không ly biệt? Tất cả thể tính của ngũ dục đều thật sự khổ, đều do vọng tưởng mà sinh ra lạc. Thế nên, ngôi vua cũng khổ không yên, như chuyện trong mơ, tỉnh ra, mới biết là hư huyễn. Vì vậy, người có trí tuệ nên sinh lòng chán nản xa lìa, chính vì biết rõ tất cả những gì diễn biến trong ngoài đều vô thường cả. Tuy sắc tướng của chúng xem ra có thể khác biệt, nhưng đều giống nhau ở điểm không trụ lại ở chỗ ấy trong mỗi sát na”.

Bởi vậy, kinh nói: “Do sắc khổ nên có mười thời kỳ khác nhau: một là thời kỳ tạo mô, hai là thời kỳ thành bong bóng, ba là thời kỳ mọng nước, bốn là thời kỳ thành khối thịt, năm là thời kỳ có tay chân, sáu là thời kỳ thành trẻ sơ sinh, bảy là thời kỳ thành trẻ con, tám là thời kỳ thành thiếu niên, chín là thời kỳ thành người lớn, mười là thời kỳ thành già yếu. Nếu không có các thời kỳ vô thường như thế, không thể từ mô đi đến già chết được. Vốn do ngọn lửa mạnh của tam độc thiêu đốt trong tâm, hừng hực không ngừng nên phải thọ khổ ấy”. (Theo kinh nói, con người cũng có nhiêu giống nhau, như trên đã nói rõ trong thiên Tam giới, phần quảng diễn về bốn đại châu).

Thứ tám: PHẦN DUYÊN CẢM ỨNG

Trích dẫn sơ lược mười tám chuyện ứng nghiệm.

1. Sách Xuân Thu Diễn Khổng Đồ nói: “Khổng Tử cao mười thước, lớn chín vi, ngồi xổm oai như rồng chầu, đứng vững như trâu buộc, bước tới hùng dũng như sao Ngang sao Đẩu”.

2. Sách Ngô Việt Xuân Thu nói: “Ngũ Tử Tư yết kiến Ngô vương Liêu. Vương Liêu thấy thần sắc Ngũ Tử Tư uy nghi rất đáng kính sợ: cao một trượng, lớn mười vi, hai mày cách nhau một thước. Vương Liêu cùng đàm luận suốt ba ngày. Sau khi từ biệt, vương không cho mời lại liền. Tử Tư biết nhà vua thích mình. Sau đó, mỗi lần vào đàm luận, cất tiếng hùng hồn rất có tráng khí”.

3. Sách Lương Ký nói: “Lữ Quang tự là Tử Minh, giao du với kẻ hiền tài, giúp đỡ các kẻ sĩ. Thân cao tám thước tư, khủy tay trái có bướu thịt gồ lên như cái ấn. Tính tình trang trọng, bẩm chất khoan dung, có độ lượng. Đương thời, không ai biết đến ông cả, chỉ có Vương Mãnh, lúc còn hàn vi, lấy làm lạ, bảo rằng: “Đây thật là kẻ phi phàm”.

4. Sách Hà Đồ Ngọc Bản nói: "Từ núi Côn Luân đi về phía Bắc chín vạn dặm thì đến nước Long Bá, người ở đấy cao mười trượng, sống đến một vạn tám ngàn năm mới chết. Từ núi Côn Luân đi về phía Đông thì đến nước Đại Tần, người ở đấy cao đến mười trượng. Từ đấy đi về phía Đông mười vạn dặm thì đến nước Điêu, người ở đấy cao ba trượng năm thước. Từ nước này đi về phía Đông mười vạn dặm thì đến nước Trung Tần, người ở đấy cao một trượng".

5. Sách Long Ngư Hà Đồ nói: "Tận cùng bốn phương Đông Tây Nam Bắc của bầu trời đều có lính chánh ngạch đồng sắt, cao ba ngàn vạn trượng, đông đến ba ngàn ức vạn người. Tận cùng bốn phương Đông Tây Nam Bắc của bầu trời đều có lực sĩ cảm tử kim cương, cao ba ngàn vạn trượng, đông đến ba ngàn ức vạn người. Trong kinh đô Thái Bình giữa bầu trời, có lính giáp độ mặt sắt ăn quỷ sứ, cao ba ngàn vạn trượng, đông đến ba ngàn ức vạn người".

6. Truyện Hồng Phạm Ngũ Hành nói: "Dưới thời Tần Thủy Hoàng, có người khổng lồ xuất hiện trên vùng trời Lâm Thao. Thân cao năm trượng, dấu chân sáu thước, mặc đồ mọi rợ. Nước Tần bàn tán: "Đừng quá thi hành chính sách mọi rợ, sẽ rước lấy thảm họa mà thôi!".

7. Sách Ngụy Chí nói: "Người nước Thiên Trúc đều cao một trượng tám thước. Người nam nữ nước Xa Ly đều cao tám thước".

8. Sách Ngụy Chí nói: "Năm Hàm Hy thứ hai, huyện Tương Vũ đồn có người khổng lồ xuất hiện, cao hơn ba trượng, dấu chân dài ba thước hai tấc, tóc bạch kim, mặc áo đơn màu vàng, đội khăn vàng, chống gậy tự xưng là vua của dân, cất tiếng nói rằng: "Từ nay được hưởng thái bình".

9. Kinh Thần Dị nói: "Phía Đông Nam có người đi khắp thiên hạ, cao bảy thước, vòng bụng cũng như thế, đầu tóc bờm xờm, không ăn uống đồ thường. Sáng nuốt ba ngàn ác quỷ, chiều nuốt ba trăm. Nuốt ngọt không nghe tiếng. Người này lấy ác quỷ làm cơm, lấy móc sương làm nước, tên là Thiên Quách, một tên là Thực Tà, một tên nữa là Hoàng Phụ". (Nay có quỷ Hoàng Phụ, do người đời phỏng theo người này mà gọi thế).

10. Kinh Thần Dị nói: "Ngoài biển Tây Bắc có người cao hai ngàn dặm, khoảng giữa hai chân xoạc ra cách nhau một ngàn dặm, vòng bụng lớn mười sáu ngàn dặm. Chỉ uống rượu năm thưng (tức là móc sương). Không ăn cơm gạo, cá thịt. Nếu đói, ngước lên trời hứng lấy móc sương là no. Thích ngao du sơn thủy, không làm hại dân chúng, không đụng chạm đến vạn vật. Sống lâu bằng trời đất, tên là Người không có đường

đi (do quá to lớn, không thể làm đường đi cho vừa). Còn tên là Nhân (vì biết giữ lễ, nên gọi là Người nhân). Còn tên là Tín (vì biết giữ lễ, nên gọi là Người tín). Lại còn tên là Thần (sống mãi không chết như trời đất, nên gọi là Người thần).

11. Sách Thục Vương Bản Kỷ nói: "Thời Tần Tương vương, quận Đảng Cừ dâng lên Người cao, cao đến hai mươi lăm trượng sáu thước".

12. Sách Ngoại Quốc Đồ: "Người nước Đại Tần cao một trượng năm thước. Tay dài như tay vượn, hông cũng dài, thích cưỡi lạc đà".

13. Sách Thi Hàm Thần Vụ nói: "Cuối phía Đông Bắc có người cao chín tấc. Sách Quốc Ngữ nói là Khổng Tử bảo rằng người lùn Tiêu Nghiêu cao ba thước. Thật hết sức thấp vậy".

14. Truyện Tây Vức trong sách Ngụy Lược nói: "Xứ người lùn ở phía Tây Bắc Khang Cư, nam nữ rất đông, đều cao ba thước, các bậc trưởng lão của Khang Cư đồn đãi rằng thỉnh thoảng có lái buôn lạc đường đến nước này. Trong đó, có nhiều loại ngọc: bối châu, dạ quang và minh châu. Họ ước lượng nước này cách Khang Cư chừng hơn vạn dặm".

15. Sách Ngụy Lược nói: "Phía Nam xứ Oa có xứ người lùn loắt choắt. Người ở đấy cao khoảng ba, bốn thước. Cách xứ Nữ vương hơn bốn ngàn dặm".

16. Sách Ngoại Quốc Đồ nói: "Người lùn xứ Tiêu Nghiêu cao chừng một thước sáu tấc, trước gió thì ngã ngửa, sau gió thì ngã sấp. Có đầy đủ mày mắt nhưng ngủ hoang. Một thuyết khác nói, người Tiêu Nghiêu cao ba thước. Cây cỏ ở đấy mùa Hạ rụi, mùa Đông mọc. Xứ ấy cách núi Cửu Nghi ba vạn dặm".

17. Sách Liệt Tử nói: "Từ Trung Châu đi về Đông bốn mươi vạn dặm, gặp xứ Tiêu Nghiêu. Người ở đấy cao một thước năm tấc. Cuối phía Đông Bắc có giống người tên là Tịnh cao chín tấc. Vào năm Tần Thủy Hoàng thứ hai mươi sáu, có người khổng lồ, thân cao năm trượng, dấu chân sáu thước, các xứ mọi rợ đều thần phục. Gồm mười hai người xuất hiện ở Lâm Thao. Khổng Tử nói: "Người lùn Tiêu Nghiêu cao ba thước, thật đã thấp hết sức. Kẻ cao, chẳng qua mười thước, cũng đã quá mức. Nay lại có người cao đến năm trượng. Thế thì do vô loại sinh ra mà thôi". Năm ấy vua Tần mới thôn tính sáu nước. Nghe tin, vui mừng, cho là điềm tốt. Sai đúc thành mười hai người bằng đồng để biểu dương. Rời phía Nam, đi tuần thú Ngũ lãnh. Phía Bắc thì xây Trường Thành. Phía Tây đến Lâm Thao. Phía Đông đến Liêu Đông. Đi hết mấy ngàn

dặm. Như thế, người khổng lồ xuất hiện trước đây ở Lâm Thao là để báo hiệu loạn lạc sắp xảy ra. Mười hai năm sau, nhà Tần bị tiêu diệt". (17 chuyện trên đây đều chép đúng theo trong các sách).

18. Vào năm Thủy Kiến Quốc thứ tư của Vương Mãng: (12 năm sau công nguyên), ở huyện Trì Dương có người bé tí tên Cảnh, cao chừng hơn 1 thước. Hoặc đi bộ, hoặc cưỡi xe, giữ gìn vạn vật, không kể lớn nhỏ, đều tự xưng là "Ba ngày thôi". Sách Quản Tử nói: "Đầm khô cạn mấy trăm năm, suối không có nước hoài thì sinh ra Khánh Kỵ. Khánh Kỵ có hình dáng như người, cao bốn tấc, đội mũ vàng, che lọng vàng, cưỡi ngựa nhỏ, thích đi nhanh. Gọi đúng tên, có thể nhờ được việc ở ngoài ngàn dặm. Còn có tên là Phán Báo. Thế thì người bé tí tên Cảnh ở Trì Dương chính là Khánh Kỵ chăng? Sách ấy còn nói: "Cục thủy tinh nhỏ khô queo sinh ra con trì. Con ấy có một đầu, hai mình. Hình dạng giống rắn, dài tám thước. Gọi đúng tên, có thể nhờ đi bắt giúp cá, ba ba. (Hai chuyện trên đây rút ra từ Sưu Thần Ký).

III. *Bộ thứ 3:* A TU LA

Gồm có bảy phần: Thuật ý, Hội danh, Trụ xứ, Nghiệp thân, Quyến thuộc, Y thực, Chiến đấu.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Than ôi! Luận về đường A-tu-la: sinh vào lối này, giỏi tài nịnh hót. Hoặc reo hò nổi loạn, hoặc cất quân xâm lăng. Hình dáng khổng lồ, bụng dạ đói khát. Tướng mạo thô bỉ, thường chứa giận hờn. Lêu nghêu đáng sợ, lụng thụng ghê người. Tám tay mọc chồng, ba đầu hiện đủ. Dẫm tuốt ngọc cao, đạp tung biển cả. Nắm lấy mặt trời, bưng đám mây biếc. Thượng giới xin ăn, biển sâu chế rượu. Các loài như thế, cùng xin quy y. Sang tới các A-tu-la chúa, Thiểm bà lợi, gia quyến của Tỳ ma chất đa, bằng hữa của Khư la khiên đà, thậm chí đồng bọn của Bà trĩ la hầu, hàng ngũ của Xá-chi bạt đà, đều nguyện: chừa thói kiêu mạn, lìa tâm bốc tâng. Cung điện quang minh, đình tạ đầy đủ. Dẹp bỏ binh đao, ngăn chận tham giận. Không còn đớn đau dao kiếm, hết tuyệt thống khổ triền miên. Hâm mộ Chánh pháp, khao khát Đại thừa. Trút bỏ thân thể xấu xí, thọ nhận sắc tướng đoan nghiêm. Giữ gìn lãnh thổ, che chở nước nhà. Xây đắp cõi Phật, phát triển Chánh pháp.

Thứ hai: PHẦN HỘI DANH

Sao gọi là đường A-tu-la? Theo luận Lập Thế A-tỳ-đàm giải thích rằng: "At tu la nghĩa là không biết phục thiện, không biết hạ mình. Lắng nghe các lời giáo hóa, lòng không lay chuyển, vì thói kiêu mạn gây ra. Nên mạnh mẽ chống trái điều thiện. Lại không phải là trời, nên gọi là A-tu-la". Các kinh khác cũng gọi là A tu luân. Nay theo luận Tân Bà-sa nói: "Đúng âm từ Phạm ngữ là Tố lạc. Tố lạc là Trời. Loài ấy không phải là trời, nên gọi là A tố lạc". Hơn nữa Tố-lạc gọi là đoan chánh. Loài ấy không đoan chánh, nên gọi là A-tố-lạc. Hơn nữa, kinh Trường A-hàm nói: "A-tu-la sinh con gái thì đoan chính, sinh con trai thì xấu, nên gọi là không đoan chính, hoặc gọi là không uống rượu. Về điều này có hai lối giải thích: một là do tiền kiếp giữ giới không uống rượu, nay còn lực của đời trước tu tập, nên gọi là không uống rượu, hai là tiền nhân vốn thích uống rượu. Đi khắp thiên hạ, hái hoa bỏ vào biển, ủ rượu không thành, hóa ra nước mặn. Vì không được rượu, khiến phải chừa bỏ, nên gọi là không uống rượu". Luận Bà-sa nói: "Có người bảo A-tu-la thuộc về đường trời, nhưng vì ton hót, quanh co phản phúc nên không được chấp nhận. Có người bảo A-tu-la thuộc về đường quỷ, nhưng vì con gái là Xá-chi, nên cùng được chư Thiên giao du". Thế nên, kinh Già Đà nói: "Có phần quỷ, có phần súc sinh, có phần Trời". Kinh Chánh Pháp Niệm cũng nói: "Có phần quỷ, có phần súc sinh, có phần Trời yếu. Trời yếu, ấy là Tỳ ma chất đa. Tỳ ma chất đa ở đây nghĩa là âm hưởng cao, cũng có nghĩa là ở hang. Nghĩa là từ đáy biển lớn, phát ra âm thanh lớn, bảo rằng: "Ta là Tỳ ma chất đa". Thế nên, gọi là âm hưởng cao, vì ở tận đáy biển, nên gọi là ở hang".

Thứ ba: PHẦN TRỤ XỨ

Theo kinh Chánh Pháp Niệm nói: "A-tu-la cư trú tại năm chỗ: một là tại trên mặt đất, trong núi Chúng Tướng. Sức lực của loài này yếu ớt nhất. Hai là tại phía Bắc núi Tu-di, đi xuống biển hai vạn một ngàn do tuần, có A-tu-la tên là La Hầu thống lãnh đám A-tu-la. Ba là, lại đi thêm hai vạn một ngàn do tuần, có A-tu-la tên là Tráng Kiện. Bốn là, lại đi thêm hai vạn một ngàn do tuần, có A-tu-la tên là Tràng Hoa. Năm là, lại đi thêm hai vạn một ngàn do tuần, có A-tu-la tên là Tỳ ma chất đa. Từ trong mình của A-tu-la này phát ra âm thanh rất lớn, xuyên suốt lên mặt biển, tự xưng: "Ta là A-tu-la Tỳ ma chất đa". Thế nên mới gọi là âm hưởng cao". Về mẹ của Tỳ ma thì kinh Trường A-hàm nói: "Vào thưở xa xưa, khi kiếp mới thành, có Trời Quang Âm xuống biển tắm

rửa, có một cục thủy tinh lọt vào mình, sinh ra cái trứng bằng thịt. Trải qua tám ngàn năm, trứng ấy sinh ra một người nữ, có thân thể lớn như núi Tu-di, có chín trăm chín mươi chín cái đầu. Mỗi cái đầu có một ngàn con mắt và có chín trăm chín mươi chín cái miệng, đặc biệt mỗi miệng chỉ có bốn răng. Trên răng phát ra lửa giống như sấm sét. Có hai mươi bốn chân và chín trăm chín mươi chín tay. Một dạo, người nữ này xuống biển nô đùa, một cục thủy tinh lọt vào mình, sinh ra cái trứng bằng thịt. Lại trải qua tám ngàn năm, trứng ấy sinh ra Tỳ ma chất đa, có chín cái đầu, mỗi đầu có một ngàn con mắt, miệng thì thường phun ra nước. Có chín trăm chín mươi chín tay nhưng chỉ có tám chân. A-tu-la Tỳ ma chất đa cưới con gái của Càn Thát Bà ở Hương Sơn sinh ra Xá-chi La Hầu. Xá-chi này là phu nhân của Đế-thích. A-tu-la La hầu cũng gọi là Che mặt trời. Mặt trời là tiền quân của Đế-thích, ra tay trước, phóng ánh sáng vào mặt A-tu-la, không cho phép thấy được chư Thiên. Vì thế, A-tu-la này lấy tay che mặt trời lại. Do có thế lực, A-tu-la này đã nhiều lần tranh luận cùng chư Thiên".

Lại nữa, luận Tân Bà-sa có câu hỏi: "Các A tố lạc rút về ở đâu? Có người bảo: "Trong lòng núi Tu-di, có chỗ trống khuyết, giống như bồn quý úp xuống. Trong đó có thành trì, đây là chỗ cư trú của loài ấy".

Hỏi: Vì sao kinh bảo rằng A tốc lạc nói làng mạc do ta thống lãnh ở dưới đáy biển, mà chúa A tố lạc lại ở trong núi ấy?.

- Có người nói: "Dưới đáy biển có lâu đài lớn bằng vàng, cao rộng mỗi chiều năm trăm du thiện na, trên đó có thành trì, là chỗ cư trú của A tố lạc ấy. Chúa A tốc lạc cũng có bốn khu vườn: một tên là Mừng vui, hai tên là Vui vẻ, ba tên là Vui nhất, bốn tên là Đáng yêu. Giống như Trời Tam thập tam có cây Ba lợi dạ đát la, chỗ cư trú của chúa A tố lạc cũng có cây như thế".

Hỏi: Hình dáng A tố lạc ra sao?.

Đáp: Hình dáng thẳng đứng.

Hỏi: Tiếng nói ra sao?.

Đáp: Đều nói tiếng Thánh.

Hỏi: "Thuộc về đường nào?". Có người bảo: "Thuộc về đường trời". Có người lại bảo: "Thuộc về đường quỷ".

Lại nữa, kinh Khởi Thế nói: "Cách phía Đông núi Tu-di hơn một ngàn do tuần, ở dưới đáy biển, là quốc độ của chúa A-tu-la Tỳ ma chất đa tọa lạc. Ngang dọc rộng tám vạn do tuần, có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới gắn lục lạc bằng vàng bạc. Phía ngoài có bảy lớp hàng cây Đa la. Tất

cả đều làm bằng bảy loại bảo vật trần thiết trang nghiêm không thể kể hết. Trong thành lớn có riêng một cung điện tên là Thiết ma bà sí, phạm vi của cung điện rộng một vạn do tuần, có bảy lớp tường thành làm bằng bảy loại bảo vật, cao một trăm do tuần, dày năm mươi do tuần, có vườn ao hoa quả, chim chóc hòa ca (kinh đã nói rộng, không cần phải chép lại rườm rà). Cách phía Nam núi chúa Tu-di hơn một ngàn do tuần, ở dưới đáy biển, có cung điện của chúa A-tu-la nhảy nhót, lãnh thổ này ngang dọc rộng tám vạn do tuần. Cách phía Tây núi chúa Tu-di hơn một ngàn do tuần, có cung điện của chúa A-tu-la Xa bà la, lãnh thổ này ngang dọc rộng tám vạn do tuần. Cách phía Bắc núi chúa Tu-di hơn một ngàn do tuần, ở dưới đáy biển, có cung điện của chúa A-tu-la La hầu la, lãnh thổ này ngang dọc rộng tám vạn do tuần (chỗ cư trú cũng đẹp đẽ như đã nói ở trên). Tại kinh thành của chúa loài Ma bà cứ trú, có chỗ tụ họp của chúa A-tu-la La hầu la, cũng tên là Bảy đầu. Chỗ này ngang dọc rộng tám vạn do tuần, có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, đều làm bằng bảy loại bảo vật. Bốn phía cận kề đều có rất nhiều A-tu-la nhỏ, không thể kể hết (kinh đã nói đầy đủ).

Thứ tư: PHẦN NGHIỆP NHÂN

Theo trong kinh Nghiệp Báo Sai Biệt có nói đầy đủ về mười nghiệp phải chịu quả báo A-tu-la: một là thân làm các việc ác nhỏ, hai là miệng làm các việc ác nhỏ, ba là ý làm các việc ác nhỏ, bốn là nổi lên kiêu mạn, năm là nổi lên ngã mạn, sáu là nổi lên tăng thượng mạn, bảy là nổi lên mạn lớn, tám là nổi lên mạn tà, chín là nổi lên mạn quá mạn, mười là đem các thiện căn hồi hướng về đường A-tu-la. Nếu theo kinh Chánh Pháp Niệm diễn rộng, phần nhiều do ba loại nghiện nhân sân, mạn và nghi bắt phải chịu quả báo sinh vào đường ấy.

Hơn nữa, kinh Tạp A-hàm nói: “Vào thời tiền kiếp, A-tu-la từng làm người nghèo ở gần bên sông, thường vác củi qua sông. Bấy giờ, nước sông sâu lại chảy xiết. Người ấy mấy lần bị nước cuốn phăng đi sắp chết, may mắn thoát được. Có vị Phật Bích Chi đến nhà khuất thực, người ấy vui vẻ cúng dường. Thọ thực xong, liền bay mất lên trời. Người nghèo khổ ấy thấy vậy, bèn phát tâm nguyện rằng: “Kiếp sau, xin cho thân thể của tôi lớn lao đến nỗi bất cứ dòng nước nào cũng không ngập quá đầu gối!”. Nhờ nhân duyên này, A-tu-la có được thân thể rất khổng lồ. Nước bốn biển lớn không ngập quá đầu gối, đứng trong biển lớn, thân vượt lên khỏi núi Tu-di. Chống tay vào đỉnh núi, khom mình xuống nhìn Trời Đao lợi”.

Thứ năm: PHẦN QUYẾN THUỘC

Theo kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Vị thứ nhất là chúa A-tu-la La hầu. Chúa này có bốn ngọc nữ, do tưởng nhớ sinh ra: một tên là Như bóng, hai tên là Các hương, ba tên là Rừng đẹp, bốn tên là Đức hơn. Trong bốn ngọc nữ này, mỗi một vị đều có mười hai ức thị nữ để làm gia quyến. Tất cả đều vây quanh chúa A-tu-la, cùng nhau vui chơi, mặc sức hưởng lạc, không thể nào nói hết được. Vị thứ hai tên là Tráng Kiện, gia quyến có uy thế trội hơn. Vị thứ ba tên là Tràng Hoa, gia quyến có uy thế càng trội hơn. Vị thứ tư tên là Tỳ ma chất đa, gia quyến có uy thế trội hơn gấp đôi, càng không thể nói hết. Cho nên, sự cách biệt giữa sang hèn, không thể luận xem như nhau được".

Thứ sáu: PHẦN Y THỰC

Nếu theo kinh Chánh Pháp Niệm nói, nhu cầu y phục, ăn uống của A-tu-la có sẵn tự nhiên. Mũ dải, áo quần thuần bằng bảy loại bảo vật đẹp đẽ, tinh khiết như chư Thiên. Các thức ăn, tùy theo ý thích mà hiện ra, có đầy đủ vị ngon, không thua kém của chư Thiên. Như các luận lớn nói, y phục và thức ăn của A-tu-la tuy hơn người, nhưng khi ăn thì không bằng người. Nghĩa là, trong hết thảy mọi bữa ăn của A-tu-la, đến miếng cuối cùng, đều phải biến thành bùn xanh. Cũng như Long vương, tuy ăn đủ trăm món, nhưng đến miếng cuối cùng, đều phải biến thành cóc nhái. Vì thế, kinh mới nói không bằng người.

Thứ bảy: PHẦN CHIẾN ĐẤU

Như kinh Tăng-nhất-A-hàm nói: "Bấy giờ, đức Thế-tôn bảo các Tỳ-kheo, thọ được hình dáng khổng lồ, không ai hơn chúa A-tu-la. Thân thể cao lớn hơn tám vạn bốn ngàn do diên. Miệng rộng hàng ngàn do tuần. Một khi muốn xâm phạm mặt trời, lại hóa thân lớn thêm một ngàn sáu vạn do tuần, rồi xuống trước mặt trời, vua Mặt trời Mặt trăng thấy thế đều mang lòng sợ hãi, bồn chồn không yên chỗ, vì hình dáng đáng khiếp ấy. Tuy vua Mặt trời Mặt trăng sợ hãi không phát ra ánh sáng, nhưng chúa A-tu-la không dám xông đến chụp bắt. Tại sao thế? Vì vua Mặt trời Mặt trăng đầy đủ uy đức, có thần lực lớn, thọ mạng hết sức lâu dài. Tướng mạo đoan chính, hưởng thụ lạc quả vô cùng, lên đến một kiếp. Hơn nữa, ở đấy còn nhiều chúng sinh đem phước lực che chở, khiến vua Mặt trời Mặt trăng không bị khổ não vì chúa A-tu-la xâm lăng. Lúc ấy, chúa A-tu-la đâm ra ưu sầu, liền chết ở đấy".

Lại nữa, kinh Trường A-hàm nói: "Vì chúa A-tu-la có rất nhiều

uy lực, nên suy nghĩ rằng: “Thiên vương Trời Đao lợi và các vua Mặt trời Mặt trăng cứ đi lại trên đầu ta hoài. Ta thề sẽ bắt vua Mặt trời Mặt trăng để làm đôi bông tai!”. Càng nghĩ, càng giận dữ muốn ra tay. Liền sai hai chúa A-tu-la Xá ma lê và Tỳ ma chất đa cùng các đại thần sửa soạn khí giới, kéo nhau đi đánh chư Thiên. Bấy giờ, hai Long vương lớn là Nan đà và Bạt nan đà lấy thân mình quấn bảy vòng quanh núi chúa Tu-di, làm rung chuyển cả núi và kéo mây giăng đầy, quẫy đuôi dậy sóng, nước văng tung tóe lên khắp núi chúa. Trời Đao lợi nói: “A-tu-la sắp gây chiến. Các Long vương, quỷ thần hãy cầmbinh khí lần lượt giao phong, nếu thua mới bỏ chạy!”. Bốn Thiên vương vũ trang chuẩn bị lâm chiến, trước tiên vào báo động cùng Đế-thích, Đế-thích báo động lên Trời Tha hóa tự tại, cho đến vô số chư Thiên khác, cùng các Long thần, quỷ sứ. Tất cả đều vây kín trước sau. Đế-thích ra lệnh: “Nếu quân ta thắng, hãy lấy năm sợi dây trói chặt A-tu-la Tỳ ma chất đa giải về Thiện pháp đường. Ta muốn xem nó thế nào!”. A-tu-la cũng nói: “Nếu bọn ta thắng, cũng lấy năm sợi dây thừng trói chặt Đế-thích giải về Thất diệp đường. Ta muốn xem nó thế nào!”. Quyết chiến một trận, hai bên đều không bị thương, nhưng do thân thể va chạm nhau, gây ra đau đớn khổ sở. Đế-thích liền biến ra nghìn mắt, tay cầm chày kim cương, đầu phun ra khói lửa phừng phực, A-tu-la trông thấy bèn bỏ chạy, Tỳ ma chất đa bị bắt trói giải về. Trông thấy Đế-thích, liền buông lời mắng nhiếc. Đế-thích liền trả lời: “Ta muốn cùng nhà ngươi nói chuyện đạo nghĩa, cần gì phải dùng lời thô lỗ làm tuổi trời ngàn năm giảm nhiều tăng ít? Nhà ngươi đã phá giới, đem ác tâm gây chiến, dù đã tu nhiều hạnh bố thí, nhưng vì kiêu mạn như thế, nên đành phải thọ lấy báo thân này”. (Các kinh khác cho rằng vì đem tâm nịnh hót tu hạnh phước đức nên phải thọ lấy báo thân này).

Kinh Quán Phật Tam Muội nói: “Mẹ của chúa A-tu-la Tỳ ma chất la ăn theo lối quỷ, chỉ toàn sình lầy và rễ ngó sen. Con trai bà ấy lớn lên, thấy các thể nữ xinh đẹp vây quanh chư Thiên, liền thưa mẹ rằng: “Người ta đều có lứa đôi, sao con chỉ cô độc một mình?”. Bà ấy trả lời: “Thần núi Hương là Càn thát bà có con gái nhan sắc mỹ miền, trắng trẻo hơn bạch ngọc, các lỗ chân lông trên mình đều phát ra tiếng nhạc du dương. Mẹ rất đẹp lòng, nay sẽ đi hỏi cưới cho con, con có vừa ý không?”. A-tu-la nói: “Hay quá! Hay quá! Xin mẹ đi hỏi cưới cho con!”. Bấy giờ, mẹ của A-tu-la ấy đi đến núi Hương, bảo với thần âm nhạc ấy rằng: “Ta có một đứa con trai, đầy đủ thần thông tự tại, khắp bốn châu lớn, chẳng ai sánh bằng. Ông có cô con gái lớn, thật xứng đôi

với con của ta”. Con gái của thần ấy nghe xong, xin vui lòng về làm dâu. A-tu-la cưới cô gái ấy chưa được bao lâu, liền mang thai. Trải qua tám ngàn năm sinh ra một cô con gái, dung nhan đoan chính lạ thường. Trên trời dưới thế, không ai có thể sánh bằng. Trên mặt có tám vạn bốn ngàn nét đẹp, bên phải, bên trái đều có tám vạn bốn ngàn nét đẹp, trước sau cũng thế. A-tu-la trông thấy cho là tuyệt diệu, như trăng ngự giữ ngàn sao, thật là độc đáo. Kiêu thi ca nghe tiếng, cưới về làm vợ. A-tu-la vui mừng đồng ý gả cho. Đế-thích đặt tên là Đẹp ý. Chư Thiên trông thấy ca tụng là đẹp chưa từng thấy, đâm ra ngẩn ngơ. Nhìn bên đông quên bên tây, nhìn phía nam quên phía bắc, đến nỗi tóc lông đều sinh vui mừng. Một hôm Đế-thích vào vườn Vui vẻ, cùng các thể nữ xuống ao chơi. Bấy giờ, Đẹp ý nổi ghen, sai năm trăm Dạ-xoa chạy đi báo với A-tu-la cha rằng: “Nay Đế-thích không sũng ái con nữa, cùng các thể nữ thỏa thích vui chơi”. A-tu-la nghe xong, sinh lòng giận dữ, liền kéo bốn đạo quân đi đánh Đế-thích. Đứng trên biển lớn, chống chân trên đỉnh núi Tu-di, chín trăm chín mươi chín con mắt cùng hiện ra một lượt, lay thành Hỷ Kiến, lắc núi Tu-di, khiến cho bốn biển lớn nhất tề dậy sóng. Đế-thích kinh hoảng, không biết chạy đi đâu. Bấy giờ có vị thần bảo Đế-thích rằng: “Xin chớ kinh hoảng nhiều. Ngày xưa, Phật có dạy thần chú Bát nhã ba la mật. Thiên vương nên trì tụng, quỷ binh sẽ tự tan rã”. Lúc ấy, Đế-thích ngồi trên Thiện pháp đường, đốt các loại danh hương, phát ra lời thệ nguyện lớn: “Bát nhã ba la mật là thần chú rất sáng láng, là thần chú cao siêu nhất, là thần chú không thể sánh nổi, chân thật không hư huyễn. Nay ta tụng trì, sẽ thành tựu Phật đạo, khiến cho A-tu-la tự nhiên giải tán”. Phát nguyện như thế xong, do công đức của Đế-thích, giữa không trung bỗng nhiên có rừng dao rơi xuống trên mình A-tu-la. Bấy giờ, tai, mũi, chân tay của A-tu-la tự nhiên rụng sạch, làm cho nước biển lớn đỏ hồng như ngọc trai. A-tu-la đâm ra kinh hoàng. Không biết chạy trốn đi đâu, bèn chui tuốt vào ống tơ của ngó sen”.

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Trích dẫn sơ lược ba chuyện linh nghiệm.

1. Sách Tây Quốc Chí nói: “Trong khe núi đá về phía Tây Nam nước Chiêm Bà ở Trung Ấn có hang của A-tu-la. Người nọ nhân lên núi tu hành, gặp hang ấy liền vào bên trong. Thấy được chốn cung điện của A-tu-la, các loài hoa tuyệt đẹp như trên thiên cung, vườn tược ao hồ, cây trái đủ thứ, không thể nào kể hết. Bọn A-tu-la thấy người nọ

đi một mình liền bảo: “Nhà ngươi có thể ở đây lâu không?”. Người nọ trả lời: “Tôi sắp về nhà, không thể ở lâu”. A-tu-la thấy không ở lâu, bèn đưa cho một trái đào ăn xong, mới nói: “Nhà ngươi nên đi ra thật nhanh, sợ thân hình hóa lớn, hang không chứa nổi!”. Nghe dứt lời ấy, người nọ vội vàng chạy ra, nhưng thân thể bỗng nhiên hóa lớn, tướng mạo trở thành thô tháp. Đầu vừa chui khỏi, thân hình quá lớn đã lấp kín miệng hang, bị mắc kẹt lại, không tài nào chui hết ra được. Từ đó về sau, gần mấy trăm năm, chỉ thấy ló ra cái đầu lớn như cái lu chứa ba tạ. Có người trông thấy, hỏi chuyện. Người nọ kể rõ nhân duyên. Người ấy thương quá, nói rằng: “Bọn tôi sẽ đào đá cho thân ông chui ra, liệu thế được chăng?”. Đáp rằng: “Ơn đức biết mấy!”. Người ấy đem câu chuyện và ý kiến tâu rõ lên nhà vua. Vua tôi cùng nhau bàn luận: “Đấy là kẻ phi phàm, sức địch ngàn người. Nay đào đá giúp cho chui ra, lỡ có ý đồ không tốt, ai có thể chống nổi?”. Vì thế, vẫn để yên như cũ. Người đương thời gọi là Ông tiên to đầu. Sứ giả nhà Đường là Vương Huyền Sách đã ba lần đến đó, lấy tay sờ đầu, cùng nhau nói chuyện vanh vách rõ ràng. Gần đây, có lửa hoang tàn trong núi bốc cháy sém đen cả đầu, nhưng không chết”.

Tây Quốc Chí gồm sáu mươi quyển, do triều đình soạn thuật. Nhà vua xuống sắc sai các họa sĩ vẽ tranh minh họa, cùng họp nhau làm việc ở trung đài. Còn lại bốn mươi quyển, bắt đầu làm từ năm Lân Đức thứ hai đến cuối mùa hạ năm Càn Phong nguyên niên mới hoàn thành. Ta gặp Vương Huyền Sách, được ông ấy đem chuyện này kể lại cho nghe.

2. Lại nữa, truyện Huyền Trang Pháp sư nói: “Nước Đà Na Yết Trách Ca thuộc vùng Nam Ấn. Hai phía Đông, Tây của kinh thành dựa vào chốn núi non, đều có cảnh Tùng Lâm. Trong đó, có Luận sư Bà Tỳ Phệ Già (đời Đường dịch là Minh Biện), thường ngồi trước tượng Bồ tát Quán tự tại (đời Tấn dịch là Quán Thế Âm), tuyệt thực, chỉ uống nước, suốt ba năm, lập chí cầu nguyện được gặp Bồ tát Di-lặc. Vì thế, Bồ tát Quán tự tại hiện ra, bảo đến trước tượng lực sĩ cầm chày kim cương trong hàng lớn phía Nam kinh thành, trì tụng chú kim cương. Đủ ba năm, lực sĩ kim cương hiện ra dặn dò: “Trong hang đá này có cung điện của A tố lạc (đời Tấn gọi là cung điện của A-tu-la). Theo đúng phép mà cầu xin, vách đá sẽ mở. Hãy lập tức vào trong, chờ Di-lặc hiện xuống. Ta sẽ thông báo dùm cho”. Lại trải qua ba năm, miệng tụng chú, tay ném hạt cải vào vách đá. Bỗng nhiên vách đá mở toang ra. Bấy giờ, có hàng trăm nghìn vạn người đi xem, đều kinh hoàng thán phục. Luận sư chận

chân lên miệng hang, quay lại mấy lượt, bảo mọi người cùng vào. Chỉ có sáu người vào theo, số còn lại bảo đấy là hang rắn độc, không dám bước vào. Luận sư vừa vào xong, miệng hang lập tức khép lại, liền lạc y như vách đá trước đây”.

3. Lại nữa, Pháp sư Huyền Trang nói: vào năm Trinh Quan thứ 13, Trang tôi đang ở chùa Na Lạn Đà tại nước Ma Ca Đà thuộc Trung Ấn , gặp một người thế gian kể lại rằng: “Có kẻ hiếu sắc nọ, nhân thấy kinh nói A-tu-la sinh ra con trai rất xấu, sinh con gái lại đoan chính. Nghe đồn trong núi kia có động A-tu-la gồm cả cung điện rất đẹp đẽ lạ lùng, giống hệt cảnh tượng trên trời. Kẻ ấy mơ tưởng đến chuyện dâm dục, mong được gặp nữ A-tu-la, cùng sánh lứa đôi. Do đó, thường xuyên trì tụng thần chú ròng rã suốt ba năm. Gần mãn hạn, liền được toại nguyện. Trước tiên, đem thử cho đệ tử và thân hữu thấy khả năng linh ứng. Khi sắp ra đi, kẻ ấy gọi đệ tử cùng lên đường. Đệ tử tin tưởng cũng đi theo. Chú đã hiệu nghiệm, bèn vào được cửa cung, có người giữ cửa rất nghiêm, phải đem thành tâm năn nỉ nhờ thông báo với phu nhân. Người này mới vào trình bày giúp mọi chuyện. Nữ A-tu-la vui mừng hớn hở, bảo rằng: “Mấy người đi đến?”. Thưa rằng: “Hai người”. Nữ A-tu-la căn dặn:”Cho người trì chú được vào, kẻ tùy tùng tạm chờ ngoài cửa”. Người giữ cửa ra thông báo: “Đưa người trì chú vào trong”. Khi đệ tử thấy thầy được dẫn vào xong, không ngờ mình cũng đã về đến nhà rồi, đang đứng trước cửa phía Nam. Từ đó về sau, không còn nghe tin của kẻ ấy. Nhân thế, đệ tử phát tâm xuất gia cầu đạo, tình nguyện ở chùa thờ phụng Tam bảo. Chính miệng người thế gian ấy kể lại đầu đuôi câu chuyện cho Pháp sư Huyền Trang nghe.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 6

Thiên thứ 4: LỤC ĐẠO

IV. *Bộ thứ 4:* QUỶ THẦN

Gồm có 11 phần: Thuật ý, Hội danh, Trụ xứ, Liệt số, Nghiệp nhân, Thân lượng, Thọ mệnh, Hảo xú, Khổ lạc, Quý tiện, Xá trạch.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Than ôi! Luận về quỷ thần phép thuật, chỉ thích yêu tà. Trong cõi u minh, chất nhiều tội lỗi. Hoặc ở hang sâu, hay nương gò lớn. Cuối ngọn khe xa, rừng thẳm, giữa lòng bụi rặm, bờ hoang. Kỳ dị âm thanh, lạ lùng hình dáng. Dọa nạt ngu tình, lay động phàm thức. Hoặc đội hình chim xác cá, lòng thú mặt người. Hoặc cử nhạc đàn ca, đánh dùi gõ mõ. Như các loài này, đều xin sám hối. Cùng thuộc chín châu miếu vũ, vạn quốc thần linh. Thái Bá ở Cô Tô, Quý Trể ở Diên Ấp. Hạ Vũ đào sông, khơi dòng đầm, động. Hà bá, sơn tinh, thần mưa, thần gió, tốt tươi bồi bổ, lộc trạch mang về. Hoặc bay trên ngọn trúc như rồng, như chim bay, nhạn liệng, hình dựa dẫm vào miếu thiêng, thể cận kề nơi lầu các. Làm mưa, phân gió nặng, nhẹ, nhỏ, to cho đến đại tướng già đầu, quỷ thần tóc kim Tú lợi lặc na, Bàn trà la sát, ba ngàn quyến thuộc, năm trăm tùy tùng, tất cả đều xin một lòng sám hối. Lại có kẻ nghiệp chướng nặng nhất, gọi là ngạ quỷ. Mắt sáng như chớp, họng nhỏ như kim, không nghe được tiếng nước nôi, mất hẳn mùi lương thực. Chân tay lửa đỏ nhất tề phát cháy, cử động rầm rộ như năm trăm xe. Hôm nay, thiện căn cũng được thấm nhuần đầy đủ.

Xin nguyện quỷ đang đói khát, ăn uống tự nhiên. Yêu mị quỷ thần, không còn nịnh hót. Xiển dương Phật pháp, che chổ thế gian. Bảo vệ tượng, kinh, cúng dường dốc chí. Ghi thiện chép ác, mãi mãi tu hành.

Thứ hai: PHẦN HỘI DANH

Sao gọi là đường quỷ? Như luận Lập Thế nói: "Đường quỷ tên là Thiểm đa. Bởi vì vua Diêm Ma La tên Thiểm đa. Chúng sinh ở đấy đồng loại với nhà vua nên gọi là Thiểm đa".

Lại còn bảo thêm: "Đường này giao lưu với các đường khác, thiện ác tương thông, nên gọi là Thiểm đa". Lại nữa, luận Tân Bà-sa có câu hỏi rằng: "Vì sao đường ấy tên Bế lệ đa?". Đáp: "Luận Thi Thiết bảo rằng vua của thế giới quỷ hiện nay tên là Diệm Ma. Khi kiếp này mới thành, có vua của thế giới quỷ tên Chủy đa. Thế nên, chúng sinh vào đường ấy, sinh ra ở đấy, đều gọi là Bế lệ đa. Tức là mọi ý nghĩa trong thế giới Chủy đa, từ đây trở về sau đều mang tên này cả". Có người nói: "Do tăng trưởng tăng thượng tham lận, tạo tác các ác hạnh về thân, ngữ, ý nên phải về đường ấy, sinh vào đường ấy, chịu nghiệp quả đói khát. Trải qua hàng trăm ngàn năm không nghe được tên nước, huống gì thấy được, huống gì đụng được? Hoặc có loại bụng lớn như núi, họng nhỏ như lỗ kim, tuy gặp đồ ăn thức uống, nhưng không thể nào thọ dụng được". Có người nói: "Bị sai khiến nên gọi là quỷ. Thường bị chư Thiên khắp nơi sai khiến nên phải bôn ba. Vì có hy vọng nên gọi là quỷ. Nghĩa là, vì trong năm đường kia, chúng sinh có hy vọng không nhiều hơn đường này, nhân thế mới gọi là quỷ. Lại nữa, mong cầu gọi là quỷ. Nghĩa là các ngạ quỷ ở đấy thường theo người khác, mong cầu ăn uống để nuôi sống tính mệnh, nên mới gọi là mong cầu".

Thứ ba: PHẦN TRỤ XỨ

Như luận Bà-sa nói: "Ngạ quỷ có hai chỗ ở: một là chính, hai là phụ. Thứ nhất là chỗ ở chính. Luận thuyết không nhất định. Luận ấy nói: "Cách phía dưới châu Diêm-phù-đề năm trăm do tuần, có thế giới quỷ do vua Diêm La cai quản", đó là chỗ ở chính. Lại nữa, kinh Thiện Sinh Ưu-bà-tắc cũng đồng ý với luận thuyết này: "Dưới năm trăm do tuần, có thành trì của vua Diêm La. Chu vi bốn phía bảy vạn năm trăm ngàn do tuần. Nhà vua cư trú ở giữa để cai quản loài quỷ". Lại nữa, như kinh Ngũ Đạo Khổ nói, loài ngạ quỷ này cư trú ở giữa hai ngọn núi Thiết Vi ấy, nên mới có kệ rằng:

"Giữa hai ngọn núi Thiết Vi ấy,
Không thấy ánh sáng mặt trời mặt trăng.
Ngạ quỷ cư trú ở trong đó,
Để đền bù tội lỗi xa xưa".

Thứ hai là chỗ ở phụ. Như luận Bà-sa nói cũng không nhất định.

Có hai loại quỷ: một là có uy đức, hai là không có uy đức. Loại có uy đức ấy cư trú ở hang núi hoặc ở không trung, hay ở bờ biển. Loại ấy đều có cung điện, hưởng thụ phước báo hơn người. Loại không có uy đức, hoặc dựa vào phẩn uế dơ dáy để ở, hoặc dựa vào cây cỏ mộ phần để ở, hoặc dựa vào chỗ nhà xí cũ để ở. Loại này đều không có nhà cửa, phước báo thua người. Lại nữa, luận nói, trong bốn châu lớn đều có quỷ ở. Hai châu Đông Tây cùng có loại có uy đức và không có uy đức cư trú. Trong châu Bắc, chỉ có loại có uy đức, không có loại không có uy đức cư trú, do phước báo của loại ấy lớn hơn, nên mới được như thế. Thậm chí, trong Trời Đao lợi cũng có loại không có uy đức cư trú, để đáp ứng nhu cầu sai sử của chư Thiên. Từ đây trở lên, trong các Trời khác, không còn loài quỷ cư trú nữa. Thế nên, luận Bà-sa bản dịch mới nói rằng: "Trong Trời Tứ thiên vương và Tam thập tam, chỉ có loài quỷ có uy đức lớn cư trú để lo liệu việc giữ cửa, canh phòng và tùy tùng cho chư Thiên".

Có người nói: "Về phía Tây châu Thiệm Bộ này có năm trăm bãi nhỏ. Ở đó, loài quỷ chia nhau cư trú thành hai hàng (theo luận Bà-sa bản củ thì ở phía Tây châu Diêm-phù-đề có năm trăm thành quỷ. Trong đó, tự phân chia hành hai hàng riêng biệt). Trong hai hàng bãi nhỏ này có năm trăm thành: hai trăm năm mươi thành do loài quỷ có uy đức cư trú, hai trăm năm mươi thành do loài quỷ không có uy đức cư trú. Bởi thế, ngày xưa có Chuyển luân vương tên Nệ Di bảo người đánh xe Ma đát lê rằng: "Ta muốn đi tham quan. Nhà ngươi hãy đánh xe chạy theo đường này, để ta thấy được cảnh chúng sinh thọ lãnh quả báo thiện ác". Bấy giờ, Ma đát lê tuân theo lời nhà vua, khi đánh xe ngang qua hai hàng bãi nhỏ, nhà vua thấy loài quỷ có uy đức, đầu đội tràng hoa, mình mặc áo trời, ăn uống vị ngon giống như thiên tử, cưỡi xe voi, mọi người rong chơi vui thích. Nhà vua lại thấy loài quỷ không có uy đức thì đầu tóc rối bù, không mặc áo quần, nhan sắc khô héo, chỉ lấy tóc che thân, tay cầm bát đất đi ăn xin. Chứng kiến xong, nhà vua rất tin vào nghiệp quả thiện ác".

- Hỏi: Đường quỷ hình dáng ra sao?.

- Đáp: Phần nhiều đứng thẳng lên giống người, nhưng cũng có loài nằm ngang, hoặc có mặt giống heo hay các loài cầm thú hung dữ khác, hệt như các hình được vẽ trên tường hiện nay".

Hỏi: "Tiếng nói ra sao?".

Đáp: "Khi kiếp mới thành, đều nói tiếng Thánh. Về sau, tùy theo chỗ ở mà nói thành thứ tiếng". Hoặc có người nói: "Tùy theo chỗ nào vừa chết mà sinh vào đường này, thì sẽ có hình dáng và tiếng nói của

chỗ ấy”. Bình luận rằng: “Không nên lập luận như thế. Nếu từ cõi vô sắc giới chết xong, đầu thai xuống đường này, há rằng không có hình dáng, không có tiếng nói chăng? Vậy thì, nên lập luận tùy theo chỗ sinh ra thế nào, thì sẽ có hình dáng và tiếng nói như thế ấy”.

Thứ tư: PHẦN LIỆT SỐ

Theo kinh Chánh Pháp Niệm nói rằng: “Tổng cộng ngạ quỷ có ba mươi sáu loại, do tạo nhân không giống nhau nên chịu quả đều khác biệt:

1. Quỷ trong vạc nước sôi: do nhận lời người khác thuê mướn sát sinh, bị quả báo nấu trong vạc nước sôi, hoặc nhận lời người khác giữ giùm rồi giằng co không trả lại nên phải bị quả báo này.

2. Quỷ hôi hám, miệng nhỏ như kim: đem của cải thuê mướn người sai đi sát sinh, nên có cổ nhỏ như mũi kim, một giọt nước cũng không lọt vào được.

3. Quỷ ăn ói mửa: do chồng khuyên vợ bố thí, vợ tiếc của bảo rằng không có. Bỏn xẻn gom góp của cải, nên thường bị ăn ói mửa.

4. Quỷ ăn phân: do vợ lừa dối chồng, ăn uống một mình, ghét bỏ hiềm nghi chồng, nên thường phải ăn phân của người khác tuôn ra.

5. Quỷ ăn lửa: do cấm đoán người về đường lương thực, khiến người tự sát, nên phải bị quả báo lửa đốt, kêu gào khổ sở vì đói khát.

6. Quỷ ăn mùi vị: do ăn nhiều món ngon, không chia cho vợ con, nên thường bị đói khát, chỉ được ngửi mùi vị mà thôi.

7. Quỷ ăn pháp: do tham của cải, thuyết pháp cho người, nên thường bị đói khát, da thịt tiêu tan. Phải nhờ Sa-môn thuyết pháp, mới mong giữ được tính mệnh.

8. Quỷ ăn nước: do bán rượu như nước để mê hoặc kẻ ngu si, không giữ gìn trai giới, thường bị khát cháy khô.

9. Quỷ hy vọng: do tranh giành giá cả mua bán, lừa gạt người để lấy của nên thường bị đói khát. Chờ người cúng tế tiên linh mới được ăn.

10. Quỷ ăn khạc nhổ: do đem thức ăn không tinh khiết lừa gạt người tu hành, thân thường bị đói khát, luôn bị thiêu đốt, phải cầu xin người khạc nhổ và ăn đồ dơ của người.

11. Quỷ ăn tràng hoa: do kiếp trước ăn cắp tràng hoa của Phật để làm đồ trang sức cho mình. Nếu gặp người phải cúng vái, đem tràng hoa cúng tế tạ ơn, nhờ thế được ăn tràng hoa.

12. Quỷ ăn huyết: do sát sinh để cúng tế, không chia cho vợ con,

nên bị làm quỷ này. Phải dùng huyết bôi lên đồ cúng, mới có thể ăn được.

13. Quỷ ăn thịt: do lấy thịt của chúng sinh xắt nhỏ, cân lường, mua bán gian dối nên bị quả báo này. Khi cúng giỗ, phải dùng nhiều loại thịt mới có thể ăn được.

14. Quỷ ăn nhang: do bán nhang xấu để thu lợi nhiều, chỉ được ăn khói nhang, sau còn phải bị quả báo nghèo khổ.

15. Quỷ ăn nhanh: nếu có kẻ phá giới mà còn mặc pháp phục, lừa dối để lấy tiền của, nói dối đem cho người bệnh, nhưng lại không cho, tự mình ăn hết. Do bị quả báo này, thường ăn đồ dơ, tự thiêu đốt thân mình.

16. Quỷ rình cơ hội: do lập mưu mô lừa gạt lấy của cải, không cúng dường tu phước nên bị quả báo này. Lông lá trên mình phát cháy, ăn lấy khí lực dơ dáy của người để sống còn.

17. Quỷ hắc ám: do bẻ cong pháp luật, bắt người bỏ ngục để mưu cầu tiền tài, khiến người mắt chẳng thấy gì, tiếng thường rên xiết, nên phải bị quả báo ở ngục tối tăm, chứa đầy rắn độc, đau đớn như dao cắt.

18. Quỷ lớn sức: do trộm cướp của cải của người ta, đem chia cho người xấu, không cúng dường làm phước nên bị quả báo này. Có thần thông, lớn sức, nhưng chịu nhiều khổ não.

19. Quỷ rực lửa: do phá thành cướp bóc lương dân, nên bị quả báo này. Kêu gào la hét, khắp mình rực lửa. Sau đó, đầu thai làm người, thường bị cướp bóc.

20. Quỷ rình trẻ con: do giết trẻ con, khiến người sinh lòng giận lớn, nên bị quả báo này. Thường rình mò cơ hội để hại trẻ con.

21. Quỷ dâm dục: do thích dâm dục, có tiền của không cúng dường tạo phước nên bị quả báo này. Thường đi rong khắp thế gian, giao du với người, làm trò yêu quái để sống.

22. Quỷ ở hải đảo: do đi giữa đồng không, gặp người bị bệnh đau đớn, lừa gạt chiếm đoạt tiền của, phải bị sinh ra giữa hải đảo, chịu khổ sở về thời tiết nóng lạnh gấp mười lần người.

23. Quỷ cầm binh khí cho Diêm La: do kiếp trước được thân cận với vua quan, chuyên làm chuyện tàn ác nên phải chịu quả báo này. Bị sai phái làm quỷ cầm nghi trượng theo hầu nhà vua.

24. Quỷ ăn trẻ con: do đọc chú pháp mê hoặc người để lấy tiền của, sát hại heo, dê. Khi chết, bị đọa vào địa ngục. Sau đó, mới bị quả báo này, thường hay ăn thịt trẻ con.

25. Quỷ ăn tinh khí của người: do giả vờ làm bạn thân, hứa che chở người, khiến người trở nên dũng cảm, liều chết ở trận mạc. Mình không ra tay cứu giúp nên bị quả báo này

26. Quỷ la sát: do sát sinh để bày tiệc lớn nên phải chịu quả báo bị "lửa đói" thiêu đốt này.

27. Quỷ bị lửa đốt thân: do thói bỏn xẻn, ghen ghét che mất chân tâm, thích ăn đồ chay của Sa-môn, bị đọa vào địa ngục, rồi từ địa ngục thoát ra, chịu quả báo làm quỷ bị lửa thiêu đốt thân mình.

28. Quỷ đầu đường ăn dơ: do đem đồ ăn không tinh khiết cúng dường đường Sa-môn nên bị quả báo này. Thường ăn đồ dơ.

29. Quỷ ăn gió: do gặp Sa-môn đến khất thực, đã hứa nhưng không chịu cúng dường thức ăn, nên bị quả báo này. Thường chịu đói khát khổ sở như trong địa ngục.

30. Quỷ ăn than hồng: do cai quản trại giam, cấm không cho ăn uống, nên bị quả báo này. Thường phải ăn than hồng.

31. Quỷ ăn lửa độc: do đưa đồ ăn có thuốc độc khiến người mất mạng, nên phải bị đọa vào địa ngục, sau sinh làm quỷ. Thường chịu đói khát, phải ăn lửa độc thiêu đốt thân mình.

32. Quỷ ở đồng không: do ở đồng không đào thành ao hồ để cung cấp nước cho kẻ bộ hành. Lại chửa rủa, quyết tâm phá bỏ, khiến người thiếu thốn khát nước, nên phải bị quả báo này. Thường bị đói khát, lửa cháy thiêu đốt thân mình.

33. Quỷ ăn tro tàn ở mồ mả: do ăn cắp hoa quả cúng Phật để sống, nên bị quả báo này. Thường ăn tro tàn còn nóng ở chỗ thiêu xác người chết.

34. Quỷ ở dưới cây: do thấy người trồng cây tạo bóng mát cho người, đem ác tâm chặt phá lấy gỗ về dùng, nên bị đọa vào trong cây, thường chịu khổ sở nóng lạnh.

35. Quỷ ở ngã tư đường: do trộm cướp lương thực của kẻ đi đường, tạo nên ác nghiệp, nên thường bị cưa sắt cắt xẻ thân hình. Nhờ thiên hạ cúng vái ở ngã tư đường, kiếm lấy đồ ăn sống qua ngày.

36. Quỷ có thân Ma la: do làm tà đạo, không tin chánh pháp, nên bị đọa vào địa ngục. Thường phá hoại các phép lành của người khác".

Theo luận Thuận Chánh Lý nói: "Quỷ ấy có ba loại, ấy là quỷ không của cải, quỷ ít của cải và quỷ nhiều của cải.

Quỷ không của cải lại có ba loại là quỷ miệng đuốc, quỷ miệng kim và quỷ miệng hôi. Quỷ miệng đuốc thì trong miệng thường phun lửa mạnh, cháy rực không ngừng. Thân như bị đốt cháy giống cây Đa

la. Đây là quả báo gây nên do quá sức keo kiệt. Quỷ miệng kim thì quỷ này bụng lớn, có sức chứa như hang núi, miệng nhỏ như lỗ kim. Tuy thấy các loại đồ ăn uống cao sang ngon tuyệt, cũng không thể hưởng thụ được. Bị đói khát hành hạ, khó chịu đựng nổi. Quỷ miệng hôi thì quỷ này trong miệng thường phát ra mùi hôi cực kỳ thối tha, hơn cả mùi phân ô uế bốc lên ở cửa hố xí. Mùi hôi tự bốc lên, bất phải nôn khan. Giá có thức ăn, cũng không thể nuốt được. Khổ não vì đói khát, kêu réo chạy nhảy một cách điên cuồng.

Quỷ ít của cải cũng có ba loại, ấy là quỷ lông kim, quỷ lông hôi và quỷ có bướu. Quỷ lông kim thì loại này lông lá cứng rắn, cưa bén cũng không ăn vào. Trong thì cọ nhằm nội tạng, ngoài thì găm vào loài khác. Như nai trúng tên độc, kinh hoàng chạy nhảy một cách điên cuồng. Có khi gặp được đồ dơ, tạm thời giúp cơn đói khát. Quỷ lông hôi thì loại này lông lá rất hôi hám. Ô uế thường hun húc thối tha xương thịt, bốc hơi rã nát ruột gan. Xông lên cổ họng thành nôn. Độc địa khó chịu, phải véo thịt nhổ lông, rách nát da thịt, càng thêm khổ sở. Có khi gặp được đồ dơ, tạm thời giúp cơn đói khát. Về quỷ có bướu, thì loại này do nghiệp lực xấu xa, nên cổ họng sinh ra bướu lớn, như mụt nhọt lớn. Nhức nhối, nóng sốt, đau đớn càng thêm tệ hại. Có khi máu mủ vọt lên, cùng giành nhau ăn lấy, tạm qua cơn đói.

Quỷ nhiều của cải cũng có ba loại ấy, ấy là quỷ mong cúng tế, quỷ mong đồ nhổ bỏ và quỷ có thế lực. Quỷ mong cúng tế thì quỷ này thường ngày đến trong đền thờ hưởng lộc của người cúng tế, sẵn có tự nhiên... Đôi khi du lịch phương xa, như chim tung cánh giữa trời, đi về thỏa thích. Nhờ vào kiếp trước, hiểu biết cao xa, hy vọng thế này: "Một mai, nếu ta mệnh chung, tất cả con cháu chắc hẳn sẽ cúng tế cho ta đầy đủ cho ta phẩm vật ăn uống". Do nghiệp lực của nhận thức ấy, được sinh vào loại quỷ này. Theo nhân lành của kiếp trước, nên thọ lãnh được sự cúng tế. Hoặc có kẻ, kiếp trước vốn yêu quý người thân, vì muốn cho ai nấy đều được giàu có no đủ, nên đã không theo chánh pháp, tom góp báu vật, nuôi lòng keo kiệt, không biết bố thí. Theo ác nghiệp này, phải sinh vào trong đường quỷ, ở các chỗ bài tiết dơ dáy, bên cạnh nhà cũ. Người thân nhớ đến, đón rước Sa-môn, Phạm chí, kẻ cô đơn nghèo khổ để cúng dường làm phước. Quỷ ấy thấy xong, đối với người thân và các của cải, trong lòng nhớ lại và thấy rõ ràng quả báo keo kiệt hiện tại. Lòng sinh tin tưởng vào chuyện cúng dường tạo phước. Tiếp tục tăng trưởng, dứt bỏ được nghiệp tương ứng. Nhờ thế, thành tựu được nghiệp quả Thuận hiện pháp thụ. Nhân thế lực này, nên được giàu có no đủ.

Quỷ mong đồ nhổ bỏ thì loại này thường muốn thu dọn đàm dãi nhổ bỏ và phân dư của người để làm đồ ăn uống, cũng được sung túc. Vì loại quỷ này, ở vào kiếp trước, mỗi khi ăn uống, thấy dơ uế thì cho là không, tinh khiết thì cho là dơ uế. Nhờ vào phước lực hiện tại, tùy theo nhu cầu, đều được sung túc. Miếng ăn thức uống, tuy có sẵn tự nhiên, nhưng do quả báo không giống nhau, nên không thể mong cầu nhiều hơn được. Bởi lẽ, như trong đường địa ngục, chịu quả dị thục, dứt xong lại nối, ở các đường khác thì không. Như trong đường người, có kẻ siêu phàm, tu theo Phạm hạnh, trong các đường khác thì không. Như trong đường trời, tùy theo nhu cầu, mọi thứ hiện đủ. Về những thứ này, tuy có sẵn tự nhiên, nhưng không thể ở trong đó, mong cầu một số lượng giống nhau nhất định. Quỷ có thế lực lớn thì rất tương đồng với lời của luận Bà-sa đã nói trước đây".

Lại nữa, luận Du Già nói: "Đường quỷ có ba loại: một là quỷ ngoại chướng, nghĩa là chúng sinh ấy, vì thói keo kiệt quá cao, phải sinh vào đường quỷ, chịu quả báo đói khát tương ứng. Da thịt héo queo, giống như than đỏ. Đầu tóc bù rối, môi miệng cháy khô. Thường hay lấy lưỡi, liếm láp miệng mặt. Đói khát kinh hoàng, chạy bay khắp xứ. Đến chỗ suối hồ, gặp chúng sinh khác, tay cầm dao gậy, chận chẳng cho vào. Nước thành máu mủ, không thể uống được. Đấy gọi là quỷ ngoại chướng.

Hai là quỷ nội chướng, nghĩa là loài ấy, miệng lớn bằng kim, bụng dạ to tướng. Nếu được miếng ăn, cũng không nuốt được. Đấy gọi là quỷ nội chướng.

Ba là có loài ngạ quỷ tên Vầng lửa dữ, trong các bữa ăn, đều bị đốt cháy. Do nhân duyên này, đói khát quá khổ. Đấy gọi là quỷ vô chướng".

Còn như, mua danh chuốc lợi, trả báo làm vui. Độc địa hại người, sẽ rước ác quả. Tuy thế, thiện như leo núi, đương nhiên khó lên, ác giống rơi xuống, dễ dàng thực hiện. Bởi vậy, thiên đường mở rộng, người đến lưa thưa, địa ngục đậy lồng, kẻ vào chen chật!

Thứ năm: PHẦN NGHIỆP NHÂN

Như luận Trí Độ nói: "Ác có ba bậc, nhưng tạo ác bậc dưới, liền sinh vào trong đường ngạ quỷ". Theo luận Thập Địa, cũng đồng lý thuyết này: "Trong mười nghiệp ác, vừa tạo nghiệp nào, trước tiên, tất cả phải sinh vào ba đường ác, sau đó, mới được làm thân người". Còn theo kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Nếu nổi tham, ghen, nịnh nọt, ton

hót, lừa dối đối với người, hoặc lại tham lam keo kiệt, giữ của không chịu bố thí, đều bị sinh vào đường quỷ. Từ trong đó chết đi, phần nhiều bị sinh vào trong đường Súc sinh. Phải làm chim Già tra ca, thường xuyên đói khát, chịu nhiều thảm não. Chỉ uống nước trời mưa, ngước cổ hứng lấy, không được uống thêm các loại nước khác. Bởi thế, luôn luôn chịu khốn khổ đói khát". Theo kinh Nghiệp Báo Sai Biệt nói: "Tạo đủ mười nghiệp sau đây, sẽ phải sinh vào trong đường ngạ quỷ: một là thân làm ác nhỏ, hai là miệng làm ác nhỏ, ba la ý làm ác nhỏ, bốn là keo kiệt bủn xỉn, nhiều tham lam, năm là tâm không phân biệt ác, sáu là ton hót ghen ghét, bảy là nổi lên tà kiến, tám là yêu quý của cải đến nỗi bỏ mạng, chín là nhịn đói đến nỗi chết mất, mười là nhịn khát đến nỗi chết mất. Do mắc mười nghiệp này, phải sinh vào đường Ngạ quỷ".

Lại nữa, luận Phân Biệt Công Đức nói: "Có các Sa-môn thực hành phép Thiền quán, hoặc ở mồ mả, hoặc ở dưới tàn cây. Bấy giờ, ở dưới tàn cây, quán đến tử thi. Ban đêm, thấy ngạ quỷ đánh một tử thi. Sa-môn hỏi rằng: "Tại sao lại đánh tử thi này?". Ngạ quỷ trả lời: "Vì tử thi này làm tôi khổ sở đến thế này, nên tôi phải đánh nó". Sa-môn nói: "Tại sao không đánh tâm của nhà ngươi, lại đánh tử thi này? Liệu có ích gì!". Một lát sau, lại có một vị Trời đem hoa Mạn đà la trên trời rải lên xác thối ấy. Sa-môn hỏi rằng: "Tại sao rải hoa lên xác thối này?". Vị trời trả lời: "Ta nhờ tử thi này mới được sinh lên trời. Tử thi này chính là bạn tốt của ta, nên ta xuống đây rải hoa lên, để báo đáp ơn nghĩa xa xưa". Sa-môn trả lời: "Tại sao không đem hoa rải lên trong tâm của ông, lại đem rải lên cho tử thi? Này! Cội gốc của hành động thiện ác đều do tâm tạo ra. Vậy mà lại bỏ gốc tìm ngọn!".

Thứ sáu: PHẦN THÂN LƯỢNG

Như kinh Ngũ Đạo nói: "Tầm vóc lớn nhất của ngạ quỷ thì cao một do tuần, đầu như núi lớn, trong cổ họng nhỏ như kim, tóc tai bờm xờm, hình dung gầy guộc, chống gậy mà đi. Tầm vóc như thế, thì thật là nhiều. Nhỏ nhất thì bằng đứa trẻ mới biết đi". Có người nói: "Kích cỡ chừng trong khoảng ba tấc, theo kinh đã nói đầy đủ, không cần phải ghi chép rõ ràng".

Thứ bảy: PHẦN THỌ MỆNH

Như kinh Quán Phật Tam Muội nói: "Có ngạ quỷ sống thọ nhất được tám vạn bốn ngàn tuổi, yểu thì không có hạn định". Theo luận Thành Thật, thọ nhất được bảy vạn tuổi, yểu cũng không có hạn định".

Nếu theo kinh Ưu-bà-tắc nói: “Thọ nhất được một vạn năm ngàn tuổi. Như một ngàn năm trăm năm của nhân gian bằng một ngày đêm của ngạ quỷ. Ngạ quỷ ấy thọ một vạn năm ngàn tuổi, nếu tính theo ngày tháng của nhân gian, sẽ phải là hai ngàn bảy trăm vạn tuổi”. Nếu theo kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Có loài quỷ sống thọ năm trăm tuổi. Như mười năm của nhân gian bằng một ngày đêm của ngạ quỷ. Ngày đêm dài như thế. Quỷ ấy thọ năm trăm tuổi, nếu tính theo số ngày tháng của nhân gian, sẽ phải là một tám mươi vạn tuổi”.

Thứ tám: PHẦN HẢO XÚ

Như luận Bà-sa nói: “Thứ nhất là đẹp. Đẹp trong đường quỷ thì như loại có uy đức, thì hình dung đoan chính, không khác chư Thiên. Vả lại, tất cả các thần núi, thần biển của ngũ nhạc, tứ độc đều rất đoan chính, gọi là đẹp cả. Thứ hai là xấu, ấy là loại quỷ không có uy đức. Hình dung xấu xí, không thể nói hết. Thân xẹp như bụng chó đói, đầu rối như mớ bòng bong. Cổ họng nhỏ xíu bằng đầu kim, chân tay teo như cành củi mọc. Miệng thường chảy dãi, mũi tuôn lòng thòng. Trong tai mưng mủ, trong mắt ứa máu. Loại quỷ như thế, gọi là xấu nhất”.

Thứ chín: PHẦN KHỔ LẠC

Như luận Bà-sa nói: “Thứ nhất là khổ trong đường quỷ, tức là loài quỷ không có uy đức ở đấy. Thường xuyên đói khát, không nghe đến tiếng nước nôi, há gặp được thứ cam lộ ngọt ngào ấy? Giả thuyết gặp được sông sâu muốn uống, liền biến thành lửa đuốc cháy phừng. Vì phỏng được đưa vào cổ, lập tức gan ruột cháy sém rã rời. Như loại quỷ này, há chẳng khổ sao? Thứ hai là vui trong đường quỷ, tức là loại quỷ có uy đức ở đấy, luôn luôn giàu có đẹp đẽ. Áo quần tự nhiên có sẵn. Thân mặc áo trời, miệng ăn mỹ vị của trời. Hình dáng lớn cao phóng khoáng, dong xe thong thả lướt đi. Chơi đùa thỏa thích, không khác gì trời. Như loại quỷ này, há chăng vui sao?”.

Hỏi: “Nếu đã vui như thế thì hơn hẳn người. Tại sao kinh nói người và quỷ khác đường?”. Đáp: “Kinh nói đường quỷ thần không bằng đường người. Tóm tắt có hai lý do: một là hưởng báo phần hiển hiện không bằng người. Vì quỷ thần ở đấy ngày núp đêm đi, nên không bằng người. Hai là nhút nhát, nhiều lo sợ, nên không bằng người. Tuy có uy đức, nhưng vì phước báo yếu kém nên thường lo sợ người. Giả sử đêm ngày gặp người, thường phải ẩn núp né tránh”.

Hỏi: Đã yếu kém hơn người, tại sao lại có phước báo uy đức bằng

chư Thiên?.

Đáp: Đúng thế, vì do tiền thân đã bố thí nhiều, nên hưởng được báo thân có uy đức. Do tiền thân đã ton hót, không thành thật, nên phải sinh vào đường quỷ này.

Thứ mười: PHẦN QUÝ TIỆN

Như luận Bà-sa nói: "Quỷ có uy đức thì gọi là sang, quỷ không có uy đức thì gọi là hèn. Lại nữa, quỷ làm chúa thì gọi là sang, quỷ bị sai sử thì gọi là hèn. Giàu nghèo thì thế nào? Quỷ có uy đức thì có nhiều quần áo, có dư vật thực, được phục dịch tự tại, ấy gọi là giàu. Thân thường phải bôn ba, phải luôn luôn làm lụng, miếng cơm hẩm không nghe, manh áo rách khó gặp. Như loại quỷ này, đáng gọi là nghèo vậy".

Thứ mười một: PHẦN XÁ TRẠCH

Như luận Bà-sa nói: "Quỷ có uy đức thì có đền đài trang hoàng bằng bảy loại châu báu. Tất cả các vị thần trong đất nước đều có đền đài làm chỗ cư trú. Quỷ không có uy đức như loại quỷ lang thang trôi nổi, như loại quỷ đói khát, đều không có nhà cửa. Tạm thời nương náu nơi mồ mả, đấp đổi dựa chân trong chốn chùa chiền, hay trong hang hốc, cỏ cây. Ấy là nơi cu trú của chúng". Bởi thế luận Trang Nghiêm nói rằng: "Phật bảo, ngày xưa ta từng nghe có người con trai của nhà buôn lớn tên là Ức Nhĩ, vượt biển để tìm mua châu báu, xong xuôi thì trở về. Vì tách ở riêng với đồng bạn, bị thất lạc, nên đâm ra hết sức kinh hoàng. Bị đói khát hành hạ, thấy xa xa có một ngôi thành, cho là có nước, cố đến bên thành, muốn xin nước uống, nhưng thành ấy là thành của ngạ quỷ. Khi vào trong thành, ngay ngã tư đường, là nơi mọi người tu hội, thì chẳng thấy gì. Vì quá đói khát, cất tiếng lên xin: "Nước! Nước!". Bọn ngạ quỷ nghe được tiếng "nước, nước" ấy, nhất tề xông đến: "Không biết có kẻ nào đem nước cho chúng ta đây?". Bọn ngạ quỷ này, thân thể như cột nhà cháy, xõa tóc quấn quanh mình, cùng chấp tay nói thế này: "Xin cho bọn tôi nước uống!". Ức Nhĩ thấy thế, nói rằng: "Tôi bị cơn khát hành hạ quá, nên mới đến đây xin nước". Bấy giờ, bọn ngạ quỷ nghe Ức Nhĩ nói vì bị cơn khát hành hạ, nên mới đi tìm nước thì hy vọng của chúng liền tiêu tan. Tất cả đều thở dài, nói thế này: "Ông há không biết đây là thành của ngạ quỷ sao? Làm sao có thể kiếm được nước ở trong thành này!". Bèn nói kệ rằng:

"Bọn tôi ở thành này,
Đã trăm nghìn vạn kiếp,

Còn chưa nghe tên nước,
Huống gì là chuyện uống?
Giống như cây Đa la,
Bị đốt cháy phực lên.
Bọn tôi cũng như thế,
Chân tay bị nhen lửa.
Đầu tóc như bòng bong,
Thân thể đều nứt bấy.
Đêm ngày nhớ uống ăn,
Kinh hoảng kiếm mười phương.
Đói khát hành hạ quá,
Há miệng chạy đi xin.
Có người xách gậy rượt,
Tìm, bắt đánh rất đau.
Hèo quất, không cho đến,
Bọn tôi đành cam chịu.
Làm sao có được nước,
Để đem cho người khác?
Kiếp trước của bọn tôi,
Rất tham lận, ghen ghét.
Chưa từng cho một ai,
Nước uống và thức ăn.
Của mình đã không cho,
Còn bắt người đừng cho.
Vì tạo nghiệp ác ấy,
Hôm nay chịu khổ này".

CẢM ỨNG DUYÊN:

Trích dẫn sơ lược sáu chuyện linh nghiệm.

1. Tư Mã Văn Tuyên đời Tống, người Hà Nội: cũng tin Phật pháp. Vào năm Nguyên Gia thứ chín, đang có tang mẹ thì em mất. Sáng ngày rằm, bỗng thấy em mình hiện nguyên hình trên linh vị, không khác ngày thường. Quanh co thở dài, xin cho ăn uống... Văn Tuyên hỏi thử: "Lúc còn sống, em tu hạnh thập thiện. Theo kinh nói, phải được sinh lên trời hay sinh làm người. Tại sao lại sinh vào đường ngạ quỷ thế này?". Người em cúi xuống, nhìn lên, trầm ngâm im lặng, không chịu trả lời. Ngay đêm ấy, Văn Tuyên mơ thấy em mình về nói: "Công phu tu thiện của em đã được quả báo sinh lên trời rồi. Con quỷ sáng nay hiện ra trên

bàn thờ chỉ là loại quỷ mị, không phải là em. Sợ anh ngờ vực, nên phải đến nói rõ cùng anh". Sáng hôm sau, Văn Tuyên mời tăng sĩ đến tụng kinh Lăng Nghiêm và sai người đánh đuổi đi. Con quỷ ấy liền trốn dưới giường rồi chạy ra ngoài cửa, hình thù khá xấu xí. Cả nhà đều kinh hãi, mắng nhiếc đuổi đi. Quỷ trả lời: "Đói quá phải đến xin ăn thôi. Ít lâu sẽ đi!". Một lát sau, trên đầu bàn thờ của mẹ ông lại có một con quỷ khác, da dẻ hình dung màu đỏ, thân thể rất cường tráng. Văn Tuyên thở dài, gợi chuyện qua lại, đều trả lời rành mạch. Lúc đầu còn sợ sệt, cuối cùng cũng hơi quen thuộc. Con quỷ cũng lân la lại gần, ăn ở vào ra gần như người nhà.

Bấy giờ, ở kinh đô cùng nhau truyền miệng đồn đãi. Người xem đi về, dấu chân chồng chéo đầy cửa. Lúc ấy, tại chùa Nam Lâm có một tăng sĩ cùng với tăng sĩ ở chùa Linh Vị là Sa-môn Hàm đã cùng với con quỷ đàm luận, cũng rất khúc chiết. Quỷ nói: "Kiếp trước, tôi cũng từng là người tôn quý. Vì phạm nhiều tội ác, phải chịu quả báo, chưa trả xong thì làm quỷ. Đến năm Dần, sẽ có đám quỷ bốn trăm đứa, bọn chúng làm ra bệnh dịch. Trong những người phải chịu nạn, không liên can đến các vị tu hành. Nhưng bọn quỷ ngang ngược đông quá, sẽ lạm dụng ra uy thiện phước, nên trên sai tôi đến giám sát bọn chúng". Tăng sĩ đưa đồ ăn đến cho. Quỷ nói: "Tôi đã có đồ ăn, không cần phải đem cho những thứ này". Sa-môn Hàm nói: "Quỷ biết nhiều chuyện, hãy nói thân ta từ đâu đến? Tại sao làm Sa-môn?". Trả lời rằng: "Từ đường người đến. Nhân duyên xuất gia vốn do lời thệ nguyện". Hỏi về chung cuộc của những lẽ tồn vong, sinh tử, quỷ trả lời đại khái, đều có hiệu nghiệm rõ ràng. Những chi tiết ấy rất nhiều, không thể ghi chép tỉ mỉ. Sa-môn Hàm hỏi: "Ông vốn không đến xin ăn, tại sao ở lâu đến thế?". Quỷ trả lời: "Tại đây có một cô gái, đáng lẽ phải bị bắt. Nhưng vì giữ gìn giới hạnh tinh tiến, nên không thể bắt được. Lâu nay, tôi nấn ná ở đây là vì chuyện ấy. Làm quấy rối chủ nhà, thật đáng hổ thẹn!". Từ đó về sau, rất ít thấy bóng dáng. Những kẻ đến xem sau, chỉ còn được nghe tiếng nói. Bấy giờ là năm Nguyên Gia thứ 10, đến ngày 28 tháng 3, quỷ nói với Văn Tuyên rằng: "Lâu nay đến ở nhờ, thấy ông xuất hết của cải làm phước. Đáng nễ như thế, làm sao ở lâu?". Hiếu Tổ (tự của Văn Tuyên) trả lời: "Đã cho ông ở nhờ, tại sao lại ở trên bàn thờ tổ tiên của người ta?". Trả lời: "Những người đã mất trong nhà ông đều có chỗ ở cả. Chỗ này chỉ bày suông ra thôi. Thế nên, tôi mới ở tạm". Liền đó, từ biệt ra đi.

2. Vương Hồ đời Tống, người Trường An: Có người chú mất đã

vài năm, đến năm Nguyên Gia thứ hai mươi ba, bỗng hiện hình về nhà, trách Hồ chỉ lo tu hành, bỏ phế việc nhà không lo liệu, đánh phạt năm mươi gậy. Những người hai bên và làng xóm đều nghe tiếng nói và tiếng gậy đánh phạt của người chú, lại thấy cả vết roi, nhưng không thấy hình dáng của người chú. Chỉ một mình Hồ là thấy được. Người chú bảo: "Số ta chưa đáng chết. Thần bảo cần ta để coi sóc bọn quỷ. Nay ta phải đi theo đoàn quan binh đông đảo, sợ kinh động hàng xóm nên không cho vào". Hồ cũng thấy đoàn quỷ náo động ở ngoài làng. Giây lát, người chú từ biệt ra đi, và bảo rằng: "Ngày mồng bảy tháng bảy sang năm, ta sẽ trở về đưa cháu đi tham quan cõi âm, để biết sự báo ứng của tội phước. Không cần bày vẽ tốn kém, nếu cháu không bỏ ý định, chỉ mang theo trà thôi". Đến kỳ hẹn, quả nhiên người chú trở về nói với người nhà của Hồ: "Nay ta đưa Hồ đi tham quan xong sẽ cho về. Chẳng có gì đáng lo ngại". Hồ lập tức nằm lên giường, lặng bặt như chết. Liền đó, người chú đưa Hồ đi tham quan khắp các chỗ núi non, xem đủ các loài yêu quỷ. Cuối cùng, đến Tung Sơn, bọn quỷ gặp Hồ, đều làm tiệc thết đãi. Những món ngon đem mời không khác với thế gian, chỉ có món gừng thì rất giòn và ngon tuyệt. Hồ muốn giấu đem về. Bọn ngồi hai bên cười Hồ và nói: "Chỉ nên ăn tại đây, không được mang về". Đến cuối, Hồ thấy một chỗ nhà cửa đẹp đẽ, rộng rãi. Màn chiếu sạch sẽ, chỉnh tề. Có hai tăng sĩ nhỏ tuổi ở đó. Hồ bước đến, hai tăng sĩ nhỏ tuổi dọn mời trái cây và trầu cau. Hồ đi tham quan cũng lâu, thấy đủ báo ứng của tội phước khổ vui, bèn xin từ biệt trở về. Chú của Hồ bảo: "Cháu đã biết thiện rất đáng tu, không nên tu tại gia. Ngài chân trắng như lụa, giới hạnh tinh tiến cao siêu. Thật xứng đáng làm thầy!". Ở Trường An có vị Sa-môn chân trắng không dơ, nên người đương thời gọi là Bạch túc a luyện (chân trắng như lụa bạch), được giặc Ngụy rất tôn kính. Vua giặc Ngụy tôn làm thầy. Hồ đã đến xin quy y với ngài trong chùa, liền thấy hai tăng sĩ nhỏ tuổi từng gặp năm trước trên Tung Sơn đang theo học trong đại chúng. Hồ thất kinh, đem kể lể chuyện xa cách, hỏi thăm đến đây từ lúc nào. Hai tăng sĩ trả lời: "Bần đạo lâu nay vẫn ở chùa này, không nhớ trước đây có quen biết với huynh". Hồ nhắc lại chuyện gặp gỡ trên Tung sơn. Hai tăng sĩ nói: "Huynh lầm với ai rồi! Đâu có chuyện ấy!". Đến sáng hôm sau, hai tăng sĩ tự nhiên đi mất. Hồ đem kể rõ cho các Sa-môn chuyện gặp mặt trước đây trên Tung sơn. Đại chúng đều kinh ngạc, lập tức đi tìm hai tăng sĩ, không biết ở chỗ nào. Mới hiểu ra, họ chính là thần nhân.

Cuối niên hiệu Nguyên Gia, có tăng sĩ ở Trường An tên là Thích

Đàm Sảng đến chơi Giang Nam, kể rõ đầu đuôi như thế.

3. Lý Đán đời Tống, tự là Thế Tắc, người Quảng Lăng: nhờ hiếu thảo, cẩn trọng, thành thật, nổi danh khắp làng xóm. Ngày mười bốn tháng giêng năm Nguyên Gia thứ 3, đột ngột chết mất, nhưng lồng ngực vẫn còn ấm. Bảy ngày sau sống lại, đút cháo cho ăn, một lúc sau bình thường như cũ, kể rằng: "Có người cầm phướn làm hiệu, đến đầu giường bảo vua Diêm La có lệnh cho gọi. Đán liền đi theo một mạch về hướng Bắc. Đường xá rất bằng phẳng, yên lặng. Khi đến nơi, thấy thành quách lầu gác cao lớn đẹp đẽ, giống như cung điện hiện nay. Sai viên truyền giáo hỏi thăm và bảo đi tới trước. Thấy trên tòa sảnh lớn có ba mươi vị ngồi làm việc. Mặc áo đơn, chít khăn xanh, phân ban ngồi rất đông đúc. Một vị ngồi phía Đông, mặc áo bào, tựa vào ghế. Thị vệ hầu hạ hơn trăm người. Người ấy nhìn Đán rồi phán với các vị đang ngồi rằng: "Nên chỉ cho thấy địa ngục để nhân gian biết rõ". Đán vừa nghe phán xong, ngửng đầu lên nhìn quanh bốn phía, không nhận ra đâu nữa. Nhìn lại thì thấy đang ở trong địa ngục, thấy đám tội nhân đang chịu quả báo, rên rĩ kêu gào không thể nhìn nổi. Bỗng viên truyền giáo nói: "Vua Diêm La cho phép ông về. Sẽ đến đón ông lần nữa". Nhờ thế, mà được trở về. Đến tháng giêng năm Nguyên Gia thứ 6 lại chết. Bảy ngày sau sống lại, thuật rõ mọi chuyên đã thấy, đại khái cũng như trước đây. Hoặc có tội nhân gởi lời nhắn lại với gia đình, lúc sống đã phạm tội, nhờ ra tay làm phước giùm cho. Nói qua tên họ, thân thích, làng xóm. Đán theo lời tìm đến, đều gặp được để chuyển lời. Đán còn nói vào năm giáp Thân, sẽ xảy ra trận dịch để tiêu diệt kẻ ác. Đệ tử thờ Phật, giữ giới Bát quan trai, tu tâm làm lành sẽ được thoát nạn. Đán giữ chức tế tửu của Đạo gia, bèn muốn bỏ đạo của mình. Đồ chúng khuyên răn, nên Đán theo cảhai bên, nhưng vẫn thường nhấn nhủ thực hành phép Bát quan trai.

4. Vào năm Nguyên Gia thứ bốn đời Tống: Thượng thư Bộc xạ Trịnh Tiên Chi, người đất Vinh Dương, tháp tùng nhà vua đi tuần sát kinh thành. Vừa tới nơi, đang đêm liền chết đột ngột. Ông hiển hiện lời thiêng bảo với mọi người: "Thọ mạng của ta đã hết lâu rồi, đáng ra phải chết sớm hơn. Nhờ suốt mấy năm nay, kính tin Phật pháp, bố thí phóng sinh. Vì công đức ấy nên mới kéo dài thêm được mấy năm. Than ôi! Lẽ báo ứng của hai cõi âm dương vốn có ảnh hưởng cùng nhau. Cần phải lìa bỏ thế tục, chuyên tâm phụng thờ Chánh pháp". Bấy giờ, nhiều kẻ tôn quý cao sang đều nghe những điều ấy. (Bốn chuyện linh nghiệm trên đây rút từ Minh Báo Ký).

5. Huề Nhân Thiến là người Hàm Đan ở quận Triệu đời Đường: Thưở nhỏ theo học sách Nho, không tin quỷ thần. Thường muốn xem quỷ thần có thực hay không, đã đến một người dạy cho thấy quỷ học hơn mười năm, cũng chẳng thấy gì. Về sau dời nhà sang huyện Hướng. Trên đường đi, gặp một người giống quan lớn, áo mão rất lộng lẫy, cưỡi ngựa tốt, có hơn năm mươi tùy tùng, nhìn Nhân Thiến nhưng chẳng nói gì. Sau đó, vẫn thường gặp người ấy, nhưng thái độ vẫn như thế. Suốt hơn mười năm, cả thảy mấy chục lần. Sau nữa, bỗng dừng ngựa gọi Nhân Thiến, nói: "Thường gặp ông luôn, lòng ta rất hâm mộ. Xin được kết giao cùng ông". Nhân Thiến liền vái chào, hỏi: "Ông là ai thế?". Đáp: "Ta chính là quỷ đây. Họ là Thành, tên Cảnh, vốn người ở Hoằng Nông, làm Biệt giá thời Tây Tấn, hiện làm Trưởng sử ở nước Hồ". Nhân Thiến hỏi: "Nước ấy ở đâu? Nhà vua tên họ gì? Đáp: "Phía Bắc Hoàng Hà đều là lãnh thổ của nước ấy. Kinh đô đóng tại phía Tây Bắc Lâu Phiền, là Sa Thích đấy mà! Nhà vua chính là Vũ Linh vương của nước Triệu ngày xưa, nay cai trị nước ấy, dưới sự thống lãnh của Thái Sơn. Hằng tháng, nhà vua đều sai Thượng tướng về chầu Thái Sơn. Thế nên, ta thường đi qua nơi đây và cùng ông gặp gỡ. Ta cũng có thể giúp cho ông biết trước tai họa để tránh né, thoát khỏi thiệt hại. Chỉ trừ định mệnh sống chết và báo ứng của họa phước lớn lao thì không thể thay đổi được mà thôi". Nhân Thiến bằng lòng. Do đó, Thành Cảnh tặng cho một viên tùy tùng là thư ký họ Thường, sai đi theo Nhân Thiến và dặn dò: "Có chuyện sắp xảy ra, hãy báo trước cho Nhân Thiến biết. Chuyện gì nhà ngươi không biết nổi, phải đến báo cho ta hay". Liền đó, từ biệt ra đi. Thường thư ký luôn luôn đi theo Nhân Thiến, giống như người hầu. Mỗi khi có chuyện cần tham vấn, chắc chắn đều biết trước. Bấy giờ, vào đầu niên hiệu Đại Nghiệp, Chi Tượng ở Lăng Sầm lãnh lệnh doãn tại Hàm Đan. Con là Văn Bản, tuổi còn niên thiếu. Chi Tượng mời Nhân Thiến đến nhà giảng sách cho Văn Bản. Nhân Thiến đem chuyện này kể cho Văn Bản nghe, rồi nói: "Thành Trưởng sử nói với ta, có một chuyện xấu hổ với ông lắm, không thể nói ra được. Nhưng đã chơi thân với ông, không thể không nói cho ông hay. Đường quỷ thần cũng có ăn uống thật, nhưng ăn không được no, luôn luôn khổ vì đói. Nếu ăn được một bữa của người, thì sẽ no suốt một năm. Vì thế, phần đông bọn quỷ đều đi ăn trộm của người. Ta đã có địa vị cao sang, không thể làm chuyện trộm cắp như thế. Xin ông cho một bữa ăn". Khi Nhân Thiến đem chuyện ấy nói với Văn Bản, Văn Bản cho làm cỗ đủ các món ăn ngon quý. Nhân Thiến nói: "Quỷ không muốn vào nhà người, phía

ngoài bờ sông, nên giăng màn trải chiếu, bày tiệc dọn rượu lên trên", Văn Bản làm theo lời ấy. Đến ngày, Nhân Thiến thấy Cảnh và khách khứa cùng đến, hơn trăm tùy tùng cũng đã ngồi yên. Văn Bản đứng lên vái chào, tạ lỗi vì cơm rượu chưa mấy tinh mỹ, đồng thời cũng truyền đạt lòng cảm tạ của Cảnh. Trước đó, khi Văn Bản sắp thết đãi, Nhân Thiến xin sắm vàng lụa để làm quà tặng. Văn Bản hỏi: "Đó là những thứ gì?". Nhân Thiến nói: "Vật dụng của quỷ đều khác với người, chỉ có vàng và lụa thì thông dụng như nhau, nhưng tốt nhất là đồ giả. Lấy màu vàng bôi lên thiếc trắng làm vàng, lấy giấy làm bạc là giá trị nhất. Văn Bản theo lời mà sắm sửa. Khi Cảnh đã ăn uống xong, mới cho các tùy tùng ăn uống. Văn Bản đem tặng các thứ vàng lụa chế tạo, Cảnh rất hoan hỷ, cám ơn: "Nhân ông Huề nói ra, khiến cậu phải bận lòng sắm sửa mọi thứ! Cậu muốn biết tuổi thọ không?". Văn Bản từ chối: "Không mong biết đến!". Cảnh cười rồi ra đi. Mấy năm sau, Nhân Thiến mắc bệnh, tuy không nặng lắm, nhưng không gượng dậy nổi. Đã hơn một tháng trôi qua, Thiến hỏi Thường thư ký, nhưng Thường không biết, liền hỏi trưởng sử. Trưởng sử trả lời: "Hiện không biết được việc trong cả nước, chờ tháng sau, nhân đi chầu Thái Sơn, hỏi thăm tin tức rồi sẽ báo lại". Đến tháng sau, trưởng sử báo rằng: "Do chính người làng là ông Triệu làm chủ sự ở Thái Sơn, vì còn thiếu một viên, đã tiến cử ông vào chức ấy, nên làm báo cáo trình bày, xin triệu ông. Khi báo cáo làm xong thì sẽ chết". Nhân Thiến hỏi: "Xin đem báo cáo cho xem". Cảnh nói: "Tuổi ông thọ hơn sáu mươi, nay mới bốn mươi, chỉ vì chủ bạ họ Triệu xin trưng dụng ông mà ra nông nỗi này thôi! Phải xin lại giúp ông mới được!". Rồi nói thêm: "Chủ bạ họ Triệu có hỏi thăm, nói anh Huề là bạn học ngày xưa, tình sâu nghĩa nặng. Tôi may mắn được làm chủ bạ ở Thái Sơn. Vừa rồi có thiếu một viên ở đó. Vua Diêm La ra lệnh kiếm người. Tôi đã đem bẩm với ngài, và được chấp thuận. Anh ấy không thể sống mãi, chắc chắn phải chết. Chết đi, dù có cơ may, chưa chắc đã được làm quan. Tiếc chi một vài mươi năm kéo dài cuộc sống tạm bợ? Nay văn thư đã ban hành, không thể chậm lại. Mong anh ấy quyết định ý hướng đến đây, đừng nên chần chờ gì nữa!". Nhân Thiến lo sợ, bệnh càng nặng thêm. Cảnh bảo Thiến rằng: "Chủ bạ họ Triệu chắc chắn muốn mời ông đến. Ông có thể thân hành lên Thái Sơn, đến trước vua Diêm La kêu cầu, may ra có thể thoát được". Thiến hỏi: "Làm sao có thể ra mắt vua Diêm La?". Cảnh bảo: "Chỉ loài quỷ mới có thể gặp được mà thôi. Đến miếu Thái Sơn, vượt qua một dãy núi nhỏ về phía Đông, đến chỗ đất bằng, đó là kinh đô của ngài. Ông tự mình đến ra mắt

ngài đi”. Thiến đem báo cho Văn Bản, Văn Bản sửa soạn giúp hành trang. Được mấy hôm, Cảnh lại báo với Thiến: “Văn thư sắp xong rồi, sợ ông kêu cầu cũng không thoát khỏi. Hãy mau mau làm một tượng Phật, văn thư ấy tự nhiên sẽ tiêu tan”. Thiếu báo cho Văn Bản, rồi đem 3 nghìn tiền mướn vẽ một tượng Phật lên vách phía Tây nhà chùa, vừa xong, Cảnh lại đến báo: “Thoát rồi!”. Thật tình, Thiến không tin Phật. Trong lòng vẫn còn hồ nghi, nên hỏi Cảnh rằng: “Phật pháp nói có nhân quả ba đời, điều này hư thật ra sao?”. Cảnh trả lời: “Đều thật cả”. Thiến lại hỏi: “Đã như thế, thì người chết sao phải phân chia sáu đường, lẽ nào tất cả đều làm quỷ? Tại sao Vũ Linh vương và ông đến nay vẫn còn làm quỷ?”. Cảnh hỏi: “Trong huyện của ông có bao nhiêu nhà?”. Thiến đáp: “Hơn vạn nhà”. Lại hỏi: “Trong ngục có bao nhiêu tù?”. Thiến đáp: “Bình thường, dưới hai mươi đứa”. Lại hỏi tiếp: “Trong vạn nhà ấy, có bao nhiêu người làm quan ngũ phẩm?”. Thiếp đáp: “Không có ai cả”. Lại hỏi nữa: “Từ cửu phẩm trở lên. Có bao nhiêu người làm quan?”. Thiến đáp: “Vài chục người”. Cảnh nói: “Ý nghĩa của sự phân chia vào trong sáu đường cũng như thế mà thôi. Được sinh lên đường Trời, vạn người chưa có được một, giống như trong huyện của ông không có ai được làm quan ngũ phẩm. Được sinh vào đường người, vạn người có được vài ba, giống như trong huyện của ông có vài chục người làm quan cửu phẩm. Đọa vào địa ngục, vạn người cũng có mấy chục, giống như số tù nhân trong nhà ngục của huyện ông. Chỉ có ngạ quỷ và súc sinh là nhiều nhất, giống như số nhà phải chịu thuế má phu phen trong huyện của ông. Ngay trong đường này cũng có thứ bậc”. Nhân đó, Cảnh chỉ vào kẻ tùy tùng rồi nói: “Người ấy hoàn toàn không giống như ta. Những kẻ không bằng người ấy, lại càng nhiều hơn nữa”. Thiến hỏi: “Quỷ có chết không?”. Trả lời: “Có chứ”. Thiến hỏi: “Chết xong sẽ sinh vào đường nào?”. Trả lời: “Không biết. Giống như người chỉ biết chuyện sống mà không biết chuyện sau khi chết xong”. Thiến hỏi: “Đạo gia đặt ra sớ chương cúng vái, liệu có cầu khẩn thêm được gì không?”. Cảnh đáp: “Đạo gia chủ trương Thiên đế quản lảnh khắp cả sáu đường, gọi đó là Thiên tào. Vua Diêm La giống như Thiên tử của thế gian. Chúa của Thái Sơn giống như Tể tướng. Những vị thần coi năm đường giống như các Thượng thư. Còn nước của bọn ta giống như châu, quận lớn. Mỗi khi nhân gian có chuyện cầu xin, gọi là dâng chương sớ. Như chuyện cầu phước, cũng giống cầu thần ban cho ơn phước. Thiên tào nhận lấy, giao xuống cho Diêm La, bảo ngày tháng đó, có người đó kêu cầu chuyện đó. Cần xem xét tận tình, đừng để oan uổng, lạm phép. Vua

Diêm La nhận lấy và tuân hành theo, giống như người ta tuân theo chiếu chỉ. Chuyện phi lý, không thể cầu khẩn van nài. Có oan uổng, chắc chắn được làm sáng tỏ. Làm gì có chuyện cầu khẩn thêm được!". Thiến còn hỏi: "Nhà Phật tu phước thì thế nào?". Cảnh đáp: "Phật là bậc đại Thánh. Không có văn thư sai khiến xuống dưới. Hễ ai tu phước thì sẽ được thiên thần kính nể. Phần đông đều được hưởng khoan hồng. Như người nào phúc hậu, dẫu có tên trong sổ bộ của bên đường ác, cũng không được phép bắt bớ. Đó là điều ta không biết và cũng không hiểu tại sao lại như thế". Cảnh nói xong, liền ra đi. Một vài ngày sau, Thiến có thể ngồi dậy nổi và lành bệnh hẳn.

Sau khi Văn Bản mất cha, liền trở về quê. Thiến gửi thư nói: "Quỷ thần thật giỏi tham lam ton hót. Ngày trước, muốn cậu cho ăn uống, nên rất thân thiết ân cần. Khi biết không còn lợi dụng được nữa, liền tỏ ra rất lạnh nhạt xa lạ. Tuy thế, Thường thư ký vẫn còn họp mặt. Vừa qua huyện nhà bị giặc vây, số người chết chóc, thất tán gần hết. Ta nhờ Thường thư ký báo trước, nên cũng bình tâm. Giặc không bắt gặp, nên vẫn được an toàn".

Ngày mồng 8 tháng chín năm Trinh Quan thứ mười sáu, các văn thần được nhà vua ban cho tập bắn ở cửa Huyền Vũ. Bấy giờ, Văn Bản làm Trung thư thị lang, cùng đi với anh ruột làm Thái thường khanh và Thị thư thị ngự sử Mã Châu, Cấp sự trung Vi Côn. Khi ngồi vào chỗ với nhau, Văn Bản tự mình đem kể với các đồng liêu nghe như thế. (Chuyện trên đây rút từ Minh Báo Ký).

6. Thuật rõ nhiều loại quỷ thần trong nhân gian: Các huyện vùng núi ở Lâm Xuyên có yêu quái đến ở, thường nhân mưa gió lớn, cất tiếng kêu lên như hú, biết bắn người. Vết thương như bị móng thú cào cấu, đầu sưng nặng nề. Độc nhất là thứ trống, mái. Trống thì nhanh, mái thì chậm. Nhanh thì không quá nửa ngày. Chậm thì không qua khỏi đêm. Lên rừng cần có người đi theo, thường để cứu chữa. Nếu chữa chạy ít bớt thì phải chết. Tục gọi là "quỷ lao đao". Thế nên sách dân gian nói: "Quỷ thần là kẻ chứng nghiệm của sự phát huy họa phúc đối với nhân thế".

Lão Tử nói: "Xưa được một, nghĩa là trời được một để trong. Đất được một để yên. Thần được một để linh. Hang được một để đầy. Vương hầu được một để làm lành cho thiên hạ". Thế thì, trời đất quỷ thần đều là những chủ thể sống chung với ta vậy. Vì khí phân hóa, nên tính khác nhau. Đứng riêng biệt nên hình lạ hoắc. Chẳng có gì được lưỡng toàn cả. Sống thì nặng nề về dương. Chết thì nặng nề về âm. Là chỗ nương

náu của tính. Mỗi cái đều được yên nơi. Trong cõi thái âm có quái vật sinh tồn”. (Hai chuyện nhỏ trên đây rút từ Sưu Thần Ký).

Sách Hàn Thi Ngoại Truyện nói: “Chết làm quỷ. Quỷ là quay về. Tinh khí quay về với trời. Thịt quay về với đất. Huyết quay về với nước. Mạch quay về với đầm. Tiếng quay về với sấm. Cử động quay về với gió. Mắt quay về với mặt trời mặt trăng. Xương quay về với cây. Gân quay về với núi. Răng quay về với đá. Mỡ quay về với móc sương. Móc sương quay về với cỏ. Hơi thở lại quay về với con người”.

Sách Lễ Ký Tế Nghĩa chép: “Tể Ngã nói, con nghe tên của quỷ thần, nhưng không biết được ý nghĩa. Khổng Tử bảo rằng: “Khí là sự hưng thịnh của quỷ thần. Phách là sự hưng thịnh của quỷ. Tổng hợp cả quỷ và thần là mục đích của giáo hóa vậy”.

Theo sách Thập Lục Quốc Xuân Thu Tiền Lương Lục của Thôi Hồng nói: “Trương Khuynh là con nhà họ Mã ở An Định. Trước đây, khi Trương Khuynh giết Cúc Kiệm. Cúc Kiệm buông lời oán hận. Thế rồi, dưới ánh trăng sáng thấy con chó bạch xuất hiện. Trương Khuynh rút kiếm chém lấy, bị té nhào xuống, không gượng dậy nổi. Kẻ hầu cận thấy Cúc Kiệm đứng ngay bên cạnh. Trương Khuynh chết ngay.

Theo kinh Thần Dị nói: “Phía Đông Bắc có thạch thất của chần tinh, gồm có ba mươi hộ ở chung. Bia đá dựng kề bên đề rằng “cửa quỷ”. Suốt ngày không đóng cửa. Đến chiều tối có tiếng người nói, có ánh lửa xanh lóe lên”. (Bốn chuyện linh nghiệm trên đây rút ra từ sách Thái Bình Ngự Lãm).

Thuở còn nhỏ, Tống Định Bá ở Nam Dương đi đêm gặp quỷ, hỏi: “Ai đó?”. Đáp: “Quỷ đây”. Bỗng quỷ hỏi lại: “Ông là ai thế?”. Định Bá gạt nó, trả lời: “Ta cũng là quỷ”. Quỷ hỏi: “Đang đi đâu?”. Đáp rằng: “Đang đến chợ Uyển”. Rồi đi được mấy dặm, quỷ nói: “Đi bộ thế này chậm quá, nên cùng thay phiên cõng nhau”. Định Bá nói: “Hay tuyệt!”. Quỷ bèn cõng Định Bá trước, đi được mấy dặm, quỷ nói: “Ông nặng quá. Hay không phải là quỷ?”. Định Bá trả lời: “Vì ta mới chết nên thân còn nặng”. Nhân đó, Định Bá thay phiên cõng lại quỷ. Quỷ hầu như không nặng chút nào. Cứ thế, cùng thay phiên cõng nhau đến ba lượt. Định Bá lại nói: “Ta mới chết, nên không biết rõ quỷ sợ cái gì?”. Quỷ đáp: “Chỉ không thích người ta nhổ vào mình thôi”. Rồi cõng nhau đi tiếp. Giữa đường gặp sông, Định Bá bảo quỷ lội trước. Quỷ nghe lời, tuyệt đối không có tiếng động. Định Bá tự lội, tiếng động bì bõm. Quỷ lại hỏi: “Tại sao lội có tiếng động?”. Định Bá trả lời: “Mới chết, không quen lội nước, nên phải như thế. Đừng lấy làm lạ về ta nữa”. Đi sắp

đến chợ Uyển, Định Bá liền cõng quỷ, túm lấy trên đầu, giữ thật chặt. Quỷ kêu ré lên thành tiếng lớn đòi xuống. Định Bá không nghe lời, cứ đi thẳng một mạch đến chợ Uyển. Bỏ quỷ xuống đất, nó liền hóa thành một con dê. Định Bá đem ra bán. Sợ nó biến hình, liền nhổ vào nó. Định Bá bán được một ngàn năm trăm tiền rồi bỏ đi. Thời bấy giờ, Thạch Sùng nói: "Định Bá bán quỷ được một ngàn năm trăm tiền". (Chuyện linh nghiệm trên đây rút ra từ Liệt Dị Truyện).

Sách Triệu Thái Truyện nói: "Thái từng lặng lẽ mà chết. Có hai người sứ giả dắt đi về phía Tây, vào trong tòa chính điện, gồm có ba lớp cửa màu đen, chu vi rộng mấy chục dặm, nóc cao lợp ngói. Hôm đó, cũng có người cùng chết, nam nữ đến 5, 6 nghìn người, tất cả đều chờ ngoài cửa. Có viên thư ký mặc áo đơn trắng, cầm bút điểm danh. Nam nữ chép riêng thành hai hàng trái phải. Bảo rằng: "Đừng nhúc nhích, ta phải dẫn các ngươi vào trình với chúa Thái Sơn. Sổ bộ nằm trong quyển thứ 20". Giây lát đã đến nơi. Chúa ngồi quay mặt về phía Tây, hai bên có thị vệ cầm đao đứng hầu. Hai hàng nam nữ đến đó, nghe kêu tên, lần lượt từng người một bước vào chỗ chúa. Căn cứ vào tội trạng nặng nhẹ, chúa xét xử cho vào ngục". Xét Bảo Phác Tử nói: "Theo các sách Cửu Đỉnh Ký và Thanh Linh kinh đều cho rằng người và vật chết đi, đều có quỷ cả".

Đời Ngụy, khi Tôn Ân làm loạn, đất Ngô Hưng đều rối beng. Có một gã đàn ông trốn loạn, đột nhập vào miếu thờ Tưởng hầu. Mới bước vào cửa, tượng gỗ đã giương cung bắn gã chết tươi. Người qua đường và thủ từ, ai cũng trông thấy rõ ràng. (Chuyện linh nghiệm trên đây rút ra từ U Minh Lục).

V. *Bộ thứ 5:* SÚC SINH

Gồm có 10 phần: Thuật ý, Hội danh, Trụ xứ, Thân lượng, Thọ mệnh, Nghiệp nhân, Báo thụ, Tu phúc, Khổ lạc, Hảo xú.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Than ôi! Luận đến súc sinh, ngu si thọ quả. Đông đúc giống loài, phức tạp ngành họ. Bẩm chất uế dơ, đường ác sinh hạ. Bỏ hết tuệ căn, chứa chất tham giận. Bởi thế, ong, ve giấu nọc; rắn rít nuôi thù. Cu, sẻ dâm bôn; sói, chồn hung dữ. Hoặc có loại, lông mang sừng nhú, khoác lục ngậm châu; nanh nhọn mỏ to, vuốt dài mai bén. Hoặc có loại, nghe vật đi về, chịu người sai sử. Sủa đêm chó giỏi, gáy sớm gà tranh. Trâu

nhọc ruộng đồng, ngựa lao chinh chiến. Xác thịt do đó tiêu hao, da dẻ vì thế khô héo. Hoặc có loại, đầm lầy núp bóng, mắc bẫy lưới giăng; ao vũng nương mình, gặp nạn lờ đờ. Như những loại này, đều xin sám hối. Cho đến côn bằng vĩ đại, kiến mối li ti. Chuột nhũi hớp nước sông sâu, chim ri làm tổ cây lớn. Thủy lục sinh sản, mao vũ bầy đàn. Sặc sỡ thân hình, rực tía vảy giáp; hồng thắm mang vi, đỏ tươi đuôi chót. Như những loại này, xin được sám hối.

Khiến cho, tín căn thanh tịnh, bỏ tướng xấu xa, tuệ mạng trang nghiêm, phục hồi Thiên báo. Không bị ruổi dong khổ sở, xa đứt mổ xẻ đớn đau. Mặc ý tiêu dao, tùy tâm phóng khoáng. Uống ăn tự tại, ca hót thảnh thơi. Ra khỏi chậu lồng, thoát hẳn trói buộc.

Thứ hai: PHẦN HỘI DANH

Súc sinh, như trong luận Bà-sa giải thích, sinh nghĩa là chúng sinh, súc có nghĩa nuôi dưỡng. Nghĩa là chúng sinh ngang ngược ấy, bẩm tính ngu si, không thể tự lập, được người khác nuôi dưỡng, nên gọi là súc sinh.

Hỏi: Nếu vì được nuôi dưỡng mà gọi là súc sinh, thì các loài Rồng ở nước, ở cạn, ở trên không, không được người ta nuôi dưỡng, có nên gọi là súc sinh chăng?.

Đáp: Dưỡng có nghĩa rất rộn, khắp nhân gian cho đến các cõi Trời Lục dục. Không nuôi dưỡng, ở đấy hiểu theo nghĩa hẹp, chỉ trong các chỗ núi non, đồng nội, đầm lầy của nhân gian mà thôi. Hơn nữa, loài Rồng ngày xưa cũng từng được người ta nuôi dưỡng, có nói rõ tại kinh văn. Nay được nuôi dưỡng cũng rất nhiều, nên mới gọi là súc sinh. Vả lại, luận Lập Thế nói: “Súc sinh, Phạm ngữ gọi là Để lật xa. Do gây nghiệp ton hót quanh co, nên phải sinh vào đường ấy”. Vì thế, luận ấy còn nói: “Chúng sinh trong đường này, phần nhiều đi sấp mình xuống nên mới gọi là Để lật xa”.

Theo trong luận Tân Bà-sa thì gọi là Bàng sinh, nên có câu hỏi: “Sao gọi là đường Bàng sinh?”. Đáp: “Thân hình của chúng nằm ngang, nên cũng đi ngang. Vì thân hình đã nằm ngang, nên cũng phải đi ngang như thế, mới gọi là bàng sinh”. Có người nói: “Do các chúng sinh ở đấy đã tạo thêm lên các hành vi xấu về thân ngữ ý, phải sinh vào đường ngu tối ấy, nên gọi là bàng sinh. Nghĩa là loại súc sinh ấy đều hiện hữu khắp năm đường khác. Như trong địa ngục có loại không chân, như các loài trùng Nương củ tra. Có loại hai chân, như các loài chim mỏ cứng như sắt. Có loại bốn chân, như các loài chó đen lớn xác. Có loại nhiều

chân, như các loài trăm chân. Trong đường quỷ có loại không chân, như các loài rắn độc. Có loại hai chân như loài quạ, cú. Có loại bốn chân, như các loài chồn cáo, voi, ngựa. Có loại nhiều chân, như các loài sáu chân, trăm chân. Trong ba châu lớn của đường người, có loại không chân, như tất cả các loài côn trùng bò sát. Có loại hai chân như các loài le, nhạn. Có loại bốn chân, như các loài voi, ngựa. Có loại nhiều chân, như các loài trăm chân. Trong châu Câu Lô, có loại hai chân, như các loài le, nhạn. Có loại bốn chân, như các loài voi, ngựa. Không có các loại không chân và có nhiều chân. Vì ở đấy là nơi hưởng quả báo không muộn phiền. Trong các Trời Tứ thiên vương và Tam thập tam, có loại hai chân, như các loài chim tuyệt đẹp. Có loại bốn chân, như các loài voi, ngựa. Các loại khác đều không có nữa, như trên đã giải thích. Lên trong cõi Từ Thiền, chỉ có loại hai chân, như các loài chim tuyệt đẹp. Các loại khác đều không có nữa. Vì cõi Trời Không cư càng tốt đẹp hơn".

Hỏi: Trong bốn cõi Tứ Thiền ấy, nếu không có các loài voi, ngựa, lấy gì để cưỡi? Cũng nghe nói chư Thiên ở đấy cưỡi các loài voi ngựa. Tại sao lại nói là không?.

Đáp: Do phước lực của chư Thiên ở đấy, nên đã tạo ra các loài voi, ngựa vô tri để cưỡi đi chơi cho vui thích.

Theo kinh Lâu Thán nói: "Súc sinh không giống nhau. Có ba loại: một là cá, hai là chim, ba là thú. Trong cả ba loài này, mỗi loài đều nhiều vô số. Cá có sáu ngàn bốn trăm giống. Chim có bốn ngàn năm trăm giống. Thú có hai ngàn bốn trăm giống. Trong kinh ấy cũng chỉ nói tổng số, không phân biệt rõ tên các loài". Trong kinh Chánh Pháp Niệm thì chủng loại cũng giống nhau. Có 40 ức, nhưng cũng không liệt kê rõ tên các giống loài.

Thứ ba: PHẦN TRỤ XỨ

Như luận Tân Bà-sa có câu hỏi: Bàng sinh vốn cư trú chỗ nào?

Đáp: Chỗ cư trú vốn tại trong biển lớn. Về sau, di trú khắp các đường khác.

Hỏi: Hình dáng thế nào?.

Đáp: Phần nhiều nằm ngang, cũng có loài đứng thẳng, như các loài Khẩn nại lạc xá già hê lô sách ca.

Hỏi: Tiếng nói ra sao?.

Đáp: "Khi kiếp mới thành, đều nói tiếng Thánh. Về sau, do lúc thọ dụng ăn uống, nên phân chia thành các loại chúng sinh không giống

nhau. Vì ton hót, dối trá tăng lên, nên có các loại tiếng nói khác nhau. Thậm chí, còn có loài không biết nói”.

Lại nữa, luận Cựu Bà-sa nói: “Chỗ cư trú của súc sinh có chính và phụ khác nhau. Thứ nhất: chỗ ở chính. Có người bảo, tại chỗ tối tăm trong khoảng giữa hai ngọn núi Thiết Vi, hoặc tại đáy biển lớn, hoặc tại trên các châu, bãi. Thứ hai: chỗ ở phụ thì bảo tại trong năm đường. Như trong địa ngục, hoặc có loại súc sinh không chân, như các loài rắn ở đấy. Hoặc có loại hai chân, như các loài quạ cú ở đấy. Hoặc có loại bốn chân như các loài chó ở đấy (trong đó, hoặc có loài có báo thân thật, hoặc có loài có hóa thân, không nhất định). Trong đường quỷ, cũng có loài súc sinh không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân. Nghĩa là các quỷ có uy đức trong đường ấy cũng có các loài voi, ngựa, lạc đà, lừa. Trong loại quỷ không có uy đức, chỉ có các loài chó. Trong đường A-tu-la thì cũng giống như đã nói trong đường quỷ”.

Thứ tư: PHẦN THÂN LƯỢNG

Như kinh Bồ tát Xử Thai nói: “Thứ nhất: chim lớn, không gì hơn chim Kim sí, đầu và chân dài cách nhau tám ngàn do tuần, chiều cao cũng như thế. Như khi chim ấy bay đi, từ một ngọn núi Tu-di này đến một ngọn núi Tu-di khác, không hề nghỉ chân giữa khoảng đường bay. Kinh văn đã nói rộng rãi điều này. Thứ hai: thú lớn, không gì hơn rồng. Như kinh A-hàm nói: “Hai con rồng Nan Đà và Bạt Nan Đà cực lớn, quấn bảy vòng quanh núi Tu-di. Đầu như đỉnh núi, đuôi nằm trong biển”. Thứ ba: thân cá lớn, không gì hơn các Ma kiệt lớn. Như luật Tứ phần nói: “Thân cá Ma kiệt lớn thì dài, hoặc ba trăm do tuần, bốn trăm do tuần. Thậm chí, thân cá lớn nhất dài đến bảy trăm do tuần”. Thế nên, kinh A-hàm nói: “Mắt như mặt trời mặt trăng. Mũi như núi lớn. Miệng như núi lửa”.

Nếu theo các sách thế gian, Trang Châu có nói: “Có chim đại bàng, thân hình rất lớn. Lưng chim đại bàng ấy, không biết mấy nghìn dặm. Khi sắp bay, quẫy nước tung lên ba ngàn dặm, cánh vươn rộng như che kín mây trời, nương cơn lốc mà lên cao, cách mặt đất chín vạn dặm, rồi mới bay đi. Muốn từ biển Bắc sang biển Nam, một chuyến phải mất sáu tháng, chẳng hề đậu nghỉ giữa đường”. (Theo nội điển, chim này xem như chim Kim sí nhỏ. Thế gian không lường được, nên mới nói khác, thành ra chim đại bàng).

Sách thế gian còn nói: “Thú ở nước lớn, chẳng có gì hơn con ba ba Cự linh. Thân hình của nó rất lớn, đầu đội núi Bồng Lai, đi vào biển

lớn để rong chơi mà cũng chẳng nói mình cao thấp lớn bé". (Con ba ba này không lớn bằng con cá Ma kiệt nhỏ, nên không thể đem ra so sánh hơn thua được). Trang Châu nói: "Chim nhỏ không gì hơn chim Tiêu minh. Nuôi con trên vòi nuỗi. Đẻ trứng, ấp con, cho bú trên vòi muỗi ấy mà trứng cũng chẳng rơi xuống". (Chim này cũng chưa đạt kỷ lục nhỏ. Chúng sinh trong nội điển có hóa thân nhỏ nhất thì thân hình chỉ bằng hạt vi trần, phải dùng thiên nhãn mới thấy được. Thế nên, trong luật Phật nói rằng Phật dạy các Tỳ-kheo phải lọc nước để uống. Xá Lợi Phất đã lọc nhiều lần, nhưng vẫn còn vi trùng. Vì thế, bảy ngày không dám uống nước, thân hình trở thành khô xọp. Phật biết rõ nhưng vẫn hỏi: "Tại sao ông tiều tụy đến thế?". Xá Lợi Phất thưa rằng: "Phật dạy, phải lọc nước để uống. Tôi dù đã lọc nhiều lần, đến khi dùng thiên nhãn xem lại, vi trùng vẫn còn lọt qua được, giống như bình bát có cát trôi trong nước. Để bảo vệ sinh mạng, tôi không dám uống nước, nên thân thể tiều tụy thế này". Phật bảo Xá Lợi Phất: "Nếu lấy thiên nhãn ra xem, thì tất cả chúng sinh chẳng còn ai sống được. Từ nay về sau, ta cho phép chỉ dùng nhục nhãn xem nước trong sạch, trong đó không có vi trùng, thì có thể uống được"). Thế nên, báo thân nhỏ bé của chúng sinh, khắp nơi đều có. Liệu vi trùng nhỏ bé, há bằng con Tiêu minh to lớn kia chăng?

Thứ năm: PHẦN THỌ MẠNG

Như luận Tỳ-đàm nói: "Chúng sinh thọ nhất trong đường súc sinh không hơn một kiếp, như các loài Rồng chúa Trì địa và rồng Y la bát. Chúng sinh yểu nhất không hơn loài phù du, sáng sinh chiều mất, không đầy một ngày. Chúng sinh thọ trung bình thì không thể nói hết". Còn luận Trí Độ nói: "Phật dạy Xá Lợi Phất quán từ kiếp quá khứ đến vị lai của chim bồ câu. Trước sau đều tám vạn kiếp, nhưng vẫn chưa bỏ được xác chim ấy". Thế nên, thọ mạng ngắn dài của súc sinh, người phàm không thể ức đoán nổi.

Thứ sáu: PHẦN NGHIỆP NHÂN

Theo trong kinh Nghiệp Báo Sai Biệt nói: "Tạo đủ mười nghiệp sau đây thì phải chịu quả báo súc sinh: một là thân làm ác, hai là miệng làm ác, ba là ý làm ác, bốn là từ phiền não tham lam nổi lên các nghiệp ác, năm là từ phiền não sân hận nổi lên các nghiệp ác, sáu là từ phiền não si mê nổi lên các nghiệp ác, bảy là phỉ báng chúng sinh, tám là

hành hạ chúng sinh, chín là đem cho đồ dơ uế, mười là làm chuyện tà dâm". Nếu theo kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Chủng loại chúng sinh, mỗi loài đều khác, tạo nhân chịu quả báo cũng chẳng giống nhau. Kinh văn đã nói rõ ràng, không thể thuật hết ra được". Nếu theo kinh Địa Trì nói: "Tạo đủ mười nghiệp ác. Mỗi một nghiệp đều có thể khiến chúng sinh đọa vào trong các đường địa ngục, súc sinh và ngạ quỷ. Sau đó mới được làm người, nhưng vẫn còn chịu báo ứng của tiền kiếp". (Trong các thiên khác có nói đầy đủ về điều này).

Thứ bảy: PHẦN THỌ BÁO

Theo kinh Hiền Ngu nói: "Bấy giờ, có đoàn lái buôn muốn đi sang nước khác, đoàn này có mang theo một con chó. Đến nữa đường, bọn họ dừng lại nghỉ ngơi. Rình lúc không có người để ý, chó liền ăn trộm thịt mang theo. Bọn họ nổi giận, đánh chó gãy chân, liệng bỏ giữa đồng rồi lên đường. Lúc ấy, Xá Lợi Phất dùng thiên nhãn thấy chó lê lết đói khát, đau đớn sắp chết đói, liền mặc áo mang bát vào thành khuất thực. Xong xuôi, cầm ra khỏi thành, bay đến chỗ chó nằm. Lòng từ bi thương xót, lấy đồ ăn ra cho. Chó được ăn, vui mừng tỉnh lại. Xá Lợi Phất thuyết pháp vi diệu cho nghe, chó liền chết đi, đầu thai vào nhà Bà-la-môn ở nước Xá Vệ. Về sau, Xá Lợi Phất đi khất thực một mình. Bà-la-môn trông thấy, hỏi rằng: "Tại sao tôn giả đi một mình, không có sa di?". Xá Lợi Phất trả lời: "Ta không có sa di. Nghe ông có con trai, nên đem cho ta". Bà-la-môn nói: "Tôi có được một đức con trai, tự là Quân Đề, tuổi còn nhỏ dại, chưa sai sử được. Sau này khôn lớn, tôi sẽ cho ngài". Sau đó, khi đứa bé lên bảy tuổi, Bà-la-môn đem giao cho Xá Lợi Phất, xin được xuất gia. Xá Lợi Phất nhận được đứa bé, đem về Kỳ Hoàn, cho làm sa di, dần dà thuyết pháp cho nghe. Đứa bé tâm ý thông suốt, chứng được quả A-la-hán, công đức đầy đủ. Khi sa di Quân Đề vừa đắc đạo xong, tự dùng trí lực quán lại tiền thân, đã tạo hạnh nghiệp nào, gặp được Thánh tăng, chứng được Đạo quả. Quán thấy tiền thân làm con chó đói, nhờ Hòa thượng ban ơn, nay được làm người và chứng được chánh quả. Lòng sinh hoan hỷ và tự nghĩ rằng: "Ta nhờ ơn thầy, thoát khỏi đau khổ. Nay phải đem trọn đời phục thị cho thầy. Chỉ cầu làm sa di, không thọ đại giới". Phật bảo A Nan: "Do đời quá khứ, vào thời Phật Ca Diếp, Quân Đề xuất gia. Tuổi trẻ tiếng tốt, rất giỏi tán tụng, được mọi người đều thích nghe. Có một lão tăng, tiếng nói khàn đục, không thể tán tụng, nhưng đã chứng được quả A-la-hán, công đức đầy đủ. Tỳ-kheo trẻ tuổi, ỷ mình có tiếng tốt, vào gặp lão tăng mắng

rằng: "Tiếng như chó sủa!". Lão tăng liền la lên: "Thầy tăng trẻ tuổi, ông có biết ta chăng? Tuy ta như thế này, nhưng đã chứng được quả A-la-hán, công đức đầy đủ!". Tỳ-kheo trẻ tuổi ấy nghe xong, trong lòng hoảng sợ, lông tóc dựng đứng cả lên. Lập tức đến trước mặt lão tăng, sám hối lỗi lầm mạo phạm. Do lời mắng nhiếc, suốt trong năm trăm kiếp, thường làm thân chó. Do đã xuất gia, giữ giới thanh tịnh, nay được gặp ta, mới được giải thoát".

Lại nữa, luận Trí Độ nói: "Do ngu si nhiều, nên phải làm các côn trùng, chim chóc đần độn như giun trùn, bọ hung, kiến hôi, vịt trời, cú vọ, cú mèo. Bồ tát Long Thọ đôi lần nói: "Vì lòng dâm dục nhiều, nên phải chịu quả báo dâm dục làm vịt trời". Có người nói: "Vì ngu si nhiều, nên cũng phải làm vịt trời". Hai con vịt trời ấy giống nhau hay khác nhau? Đáp: "Loại do túc nghiệp dâm dục sinh ra thì làm loại le vịt ở dưới nước. Loại do túc nghiệp ngu si sinh ra thì làm loài cú dữ trên cạn, hoặc thấy ban ngày, ban đêm không thấy. Loại do dâm dục sinh ra thường bay liền bầy và lội nổi mình trên nước, hoặc thấy ban đêm, ban ngày không thấy. Loại do ngu si sinh ra thường bay đi rình bắt chuột ban đêm. Cú cũng có hai loại: do túc nghiệp dâm dục sinh ra thì làm cú già, ban ngày thấy, ban đêm không thấy. Do túc nghiệp ngu si sinh ra thì làm cú mèo, ban đêm thấy, ban ngày không thấy".

Lại nữa, các kinh Trường A-hàm và Tăng-nhất- nói: "Chim Kim sí có bốn loại: một là do trứng sinh ra, hai là do bào thai sinh ra, ba là do ẩm ướt sinh ra, bốn là do biến hóa sinh ra. Vào kiếp trước, tất cả đều đã bố thí rất nhiều, nhưng vì kiêu căng, ngã mạn, sâh hận, hành hạ chúng sinh, nên phải sinh làm loài chim này. Có ngọc như ý để làm tràng hạt, có thần thông biến hóa, có đầy đủ mọi nhu cầu. Thân cao bốn mươi dặm, áo rộng tám mươi dặm, dài bốn mươi dặm, nặng 2 lượng rưỡi. Ăn các loài rùa, kỳ đà, ba ba theo lối đoạn thực (kinh Niết Bàn nói có thể ăn, có thể tiêu hóa tất cả các loài cá, các loài vàng bạc đá quý, trừ kim cương). Biết tắm rửa, mặc y phục và ăn sống theo lối hoạt thực, cũng có sinh hoạt vợ chồng, hai hân cùng giao nhau để thành âm dương phối hợp. Sống thọ một kiếp, cũng có loại ít hơn".

"Có một cây ở phía Bắc bờ biển lớn, tên Cứu la sân ma, cao một trăm do tuần, bóng mát năm mươi do tuần. Phía Đông của cây, có cung điện của loài Rồng do trứng sinh ra và cung điện của loài chim Kim sí do trứng sinh ra. Phía Nam của cây, có cung điện của loài Rồng do bào thai sinh ra và cung điện của loài chim Kim sí do bào thai sinh ra. Phía Tây của cây, có cung điện của loài Rồng do ẩm ướt sinh ra và cung điện

của loài chim Kim sí do ẩm ướt sinh ra. Phía Bắc của cây, có cung điện của loài Rồng do biến hóa sinh ra và cung điện của loài chim Kim sí do biến hóa sinh ra. Mỗi cung điện dọc ngang rộng sáu ngàn do tuần, trang sức như trên đã nói. Nếu chim Kim sí do trứng sinh ra, bay xuống mặt biển, lấy cánh quẫy nước, nước liền rẽ đôi, sâu đến hai trăm do tuần, bắt lấy loài Rồng do trứng sinh ra để ăn thịt tùy thích (kinh Hoa Nghiêm nói, chim này ăn gió do rồng quạt mà thành. Nếu gió thổi vào mắt của người thì sẽ bị mù, nên gió này không thổi đến nhân gian, sợ làm tổn thương mắt của người). Các loài chim Kim sí do bào thai sinh ra, ẩm ướt sinh ra, biến hóa sinh ra, cũng đều như thế (kinh Niết Bàn nói, chim Kim sí này chỉ không ăn thịt người đã thọ Tam quy). Có con rồng con do biến hóa sinh ra, thường giữ phép Bát quan trai trong 6 ngày ăn chay hằng tháng. Bấy giờ, chim Kim sí muốn bắt lấy nó để ăn. Ngậm nó, bay lên ngọn cây phía Bắc đỉnh núi Tu-di cao mười sáu ngàn sáu vạn dặm, tìm kiếm đuôi rồng, tuyệt nhiên không thấy. Chim nghe ra được nguyên nhân, cũng thọ ngũ giới".

Lại nữa, kinh Quán Phật Tam Muội nói: "Chim Kim sí chúa tên là Tiếng chính âm, sung sướng thảnh thơi bậc nhất trong các loài chim, mỗi ngày ăn thịt một con rồng chúa và năm trăm con rồng con ở cõi Diêm-phù-đề. Lần lượt ăn thịt khắp bốn châu, số lượng cũng như trên, giáp vòng rồi lại bắt đầu. Trải qua tám ngàn năm, tướng chết bắt đầu xuất hiện. Các loài Rồng phun độc, nên chim không thể bắt ăn thịt được, đói khát kinh hoàng, dù muốn cũng không thể ngồi yên, liền bay đến núi Kim Cương. Từ đây hạ cánh thẳng xuống, từ đầu tầng nước lớn xuống đến đầu tầng gió. Bị gió thổi tung lên lại trên đỉnh núi Kim Cương đến bảy lần như thế, cuối cùng mới chết. Vì chất độc của nó, khiến cho núi Thập Bảo đều bốc cháy. Rồng chúa Nan đà sợ cháy mất núi này, liền làm mưa lớn, giọt nước bằng đầu trục xe. Thịt chim bị cháy tiêu tan hết, chỉ còn sót lại trái tim. Trái tim lại rơi xuống, rồi bị hất tung lên bảy lần như trước. Xong xuôi, mới nằm yên trên đỉnh núi Kim Cương. Rồng chúa Nan đà đem về làm hạt minh châu. Chuyển luân vương thâu lấy làm châu Như ý. Nếu người biết niệm Phật, khi chết đi, trái tim cũng sẽ trở nên như thế".

Lại nữa, các kinh Lâu Thán và Trường A-hàm nói: "Rồng có bốn loại. Đều do kiếp trước tạo nhiều sân hận, lòng gian tà không ngay thẳng, nhưng đã bố thí nhiều, nên nay được làm loài này. Nhờ phước đức bố thí nên có được bảy loại châu báu để làm cung điện (chỗ tọa lạc của cung điện thì đã nói trong phần chim Kim sí trên đây). Thân cao bốn

mươi dặm, áo dài bốn mươi dặm, rộng tám mươi dặm, nặng hai lượng rưỡi. Có thần thông tự tại, ăn uống trăm vị, đến miếng cuối cùng, liền biến thành cóc nhái. Khi mệnh chung thì tự hóa, gia quyến bèn mở đạo tâm, xin bố thí cho chiếc áo đen, khiến các loài Rồng đều thường hoan hỷ phát tâm cúng dường. Cát nóng sẽ không rơi tới tấp lên mình và thoát khỏi mọi hoạn nạn. (Cũng biết biến thành các loài rắn, không gặp phải cóc nhái khi ăn và không bị chim Kim sí ăn thịt)".

"Ăn các loài giải, kỳ đà, cá, ba ba theo lối đoạn thực. Biết tắm rửa, mặc áo quần. Ăn sống, nhai nhỏ theo lối tế hoạt thực. Cũng có sinh hoạt vợ chồng, hai thân cùng giao nhau để thành âm dương phối hợp. Sống thọ một kiếp, đôi khi có loài ít hơn. Thoát được chim Kim sí ăn thịt. Chỉ có 16 loài Rồng chúa: một là Sa kiệt, hai là Nan đà, ba là Bạt nan đà, bốn là Y na bà la, năm là Đề đầu lại tra, sáu là Thiên kiến, bảy là A lô, tám là Già cú la, chín là Già tỳ la, mười là A ba la, mười một là Già nậu, mười hai là Cù già nậu, mười ba là A nậu đạt, mười bốn là Thiện trụ, mười lăm là Ưu thiểm già ba đầu, mười sáu là Đắc xoa ca".

Lại nữa, các kinh Lâu Thán, Hoa Nghiêm đều nói: "Rồng chúa Sa kiệt cư trú ở dưới đáy biển lớn phía Bắc núi Tu-di. Cung điện ngang dọc rộng tám vạn do tuần, do bảy loại châu báu tạo thành. Có bảy lớp tường thành, có lan can rèm lưới trang trí lên trên ấy. Có vườn tược ao hồ, chim chóc hót ca. Có vách vàng cửa bạc, cửa cao hai ngàn bốn trăm do tuần, rộng hai ngàn hai trăm do tuần, vẽ màu rực rỡ. Thường có năm trăm quỷ thần canh gác. Rồng chúa biết tùy tiện làm ra mưa lớn, dù cả bầy rồng khác xúm nhau cũng không bằng được. Nước đọng lại thành vực, chảy tung vào biển lớn, màu sắc trong trẻo như lưu ly".

Lại nữa, kinh Hải Long Vương nói: "Rồng chúa bạch Phật, tôi chính thức ở trong biển lớn, vào thời Phật Câu Lâu Tần, dưới đáy biển sâu, gia quyến rất ít. Đến nay, gia quyến loài Rồng biển của tôi đã rất đông đúc". Phật bảo rồng chúa, ai đã xuất gia, quy y Phật pháp, vi phạm giới hạnh, không bỏ chánh kiến, không đọa địa ngục. Như những loài này, sau khi mệnh chung, đều sinh làm rồng. Phật bảo rồng chúa, vào thời Phật Câu Lâu Tần, có 98 ức cư sĩ, tu sĩ vi phạm giới hạnh, sau khi mệnh chung, đều sinh làm rồng. Vào thời Phật Câu Na-hàm Mâu Ni, có tám mươi ức cư sĩ, tu sĩ phá giới buông lung, sau khi mệnh chung, đều sinh làm rồng. Vào thời Phật Ca Diếp, có sáu mươi bốn ức cư sĩ, tu sĩ phạm giới, sau khi mệnh chung, đều sinh làm rồng. Vào thời của ta, có chín mươi chín mươi ức cư sĩ, tu sĩ tranh luận, phỉ báng kinh luật, sau khi chết đi, sẽ sinh làm rồng. Nay đã có loài ra khỏi. Bởi vì lẽ ấy, tại đáy

biển lớn vợ con trong gia quyến của loài Rồng biển sinh sản đông đúc, không thể kể xiết. Sau khi ta nhập Niết bàn, sẽ có nhiều cư sĩ xấu xa vi phạm giới luật, sẽ sinh vào loài Rồng hoặc sẽ đọa vào địa ngục".

Lại nữa, kinh Tăng Hộ nói: "Bấy giờ, đức Thế-tôn bảo Tỳ-kheo Tăng Hộ, ông đã thấy được ở dưới đáy biển, các rồng chúa mang báo thân rồng, có nanh giáp vảy sừng, hình dáng đáng sợ, dơ dáy khó gần. Vì đường súc sinh ngăn cản phép xuất gia tu hành, nên không khỏi bị chim Kim sí ăn thịt. Tính nết loài Rồng thường ngủ nhiều. Có năm lúc không thể giấu mình: một là lúc sinh, hai là lúc chết, ba là lúc hành dâm, bốn là lúc giận dữ, năm là lúc ngũ. Lại có bốn loại độc, không thể theo Chánh pháp: một là độc vì âm thanh, nên không thể theo Chánh pháp. Nếu nghe có âm thanh phát ra thì sẽ hại người. Hai là độc vì thấy, nên không thể theo Chánh pháp. Nếu thấy hiện ra có thân hình, chắc chắn sẽ hại người. Ba là độc vì hơi thở, nên không thể theo Chánh pháp. Nếu bị hơi thở hà vào, chắc chắn sẽ hại người. Bốn là độc vì đụng chạm, nên không thể theo Chánh pháp. Nếu đụng chạm vào mình, chắc chắn sẽ hại người".

Thứ tám: PHẦN TU PHÚC

Như kinh Bồ Tát Xử Thai nói rằng: "Phật bảo Bồ tát Trí Tích, có một thưở nọ, vào vô lượng kiếp xa xưa, ta làm chim Kim sí chúa, có cung điện bằng thất bảo, có hậu viên, ao hồ đều bằng thất bảo. Lòng rất thanh thản, như Chuyển luân vương, bèn đi xuống biển, tìm rồng ăn thịt. Bấy giờ trong biển, có con rồng con hóa sinh, đang giữ giới Bát quan trai trong ngày trai nhật. Bấy giờ, chim Kim sí chúa, thân cao tám ngàn do tuần, hai cánh phải trái đều dài bốn ngàn do tuần, dùng cánh rẽ nước, bắt con rồng con. Nước chưa kịp khép, đã ngậm con rồng con bay lên. Khi chim muốn ăn rồng, trước hết phải nuốt từ phần đuôi. Chim bay đến phía Bắc núi Tu-di, ở đó có một cây lớn bằng sắt, thân cao sáu vạn dặm. Chim ngậm con rồng con đến đó, sửa soạn ăn thịt. Tìm kiếm đuôi rồng, chẳng biết chỗ nào, tìm kiếm mãi, suốt một ngày đêm. Đợi đến sáng mai, rồng mới ló đuôi, nói với chim rằng, thân ta vốn là loài Rồng hóa sinh, nếu ta không giữ giới Bát quan trai, nhà ngươi đã hóa thành tro. Bấy giờ, chim Kim sí nghe xong, ăn năn hối lỗi nói rằng, Phật pháp uy lực, cao siêu khó lường. Ta có cung điện, cách đây không xa, theo ta đến đó, cùng nhau vui chơi. Rồng bèn theo chim, đến xem cung điện. Gia quyến của ta, đến nay vẫn chưa được nghe đến giới Bát quan trai của Phật. Xin nhờ chỉ dạy giùm cho giới luật uy nghi này. Một mai,

nếu có mệnh chung, may mắn được sinh làm người. Lúc ấy, con rồng con liền đem giới cấm đọc tụng cho nghe ngay tại cung điện của chim và nói kệ rằng:

"Là con của rồng chúa,
Ta tu bảy vạn năm.
Vì lấy kim châm lá,
Phạm giới, bị làm rồng.
Cung ta ở đáy biển,
Cũng do thất bảo thành:
Châu ma ni, pha lê,
Châu minh nguyệt, bạc vàng.
Hãy theo ta đến đó,
Tham quan chuyện tu hành.
Thiện căn càng tăng trưởng,
Từ bi thêm chứa chan.

Bấy giờ, chim nghe lời rồng con, thọ trì giới Bát quan trai xong, tự phát nguyện rằng, từ nay trở về sau, cho đến lúc lâm chung, xin thề không sát sinh nữa và xin thực hành đúng theo lời Phật dạy. Gia quyến của chim Kim sí cũng thọ trì giới Bát quan trai xong, liền đi theo rồng con đến cung rồng dưới biển. Ở đấy có tháp thất bảo chứa lời Phật dạy, chánh pháp cao siêu, chứa đầy trong kinh sách, đựng trong hòm bằng thất bảo. Thấy các vật phẩm cúng dường quý báu như ở trên trời. Rồng con nói vơi chim rằng, ta mang báo thân này, thọ mạng tuy còn dài, nhưng chưa từng sát sinh và chưa từng đụng chạm đến nước. Bấy giờ, con trai, con gái nhà rồng tâm ý đều thông suốt, sau khi mệnh chung, đều được sinh vào quốc độ của Phật A Di Đà".

Thứ chín: PHẦN KHỔ LẠC

Theo kinh nói: "Như loài Rồng có phước thì có y báo, chánh báo sung sướng đầy đủ. Thê thiếp, kỹ nữ, áo quần, ăn uống, ngựa voi, thất bảo đều không thiếu thứ gì, thanh nhàn tự tại còn hơn cả người. Thậm chí trong cõi Lục dục đều có chim thú sung sướng thanh nhàn. Cũng có các loài Rồng bạc phước, hằng ngày bị cát nóng thiêu đốt thân mình, và bị các loài côn trùng gậm nhấm thể xác. Còn như súc sinh ở thế gian thì bị sử sai đánh đập thồ chở nặng nề, ruổi giong theo lệnh, không được tự do. Cho đến những loài lội ở dưới nước, đi ở trên bộ, bay giữa không trung, thiếu thốn cỏ ăn, nước uống, tàn hại lẫn nhau. Lại có những loài súc sinh ở giữa hai ngọn núi Thiết Vi, thường sống trong chỗ tối tăm,

chịu khổ không ngừng, không chút thanh thản. Nhưng nỗi khổ này, không thể tả hết”.

Thứ mười: PHẦN HẢO XÚ

Theo kinh nói: “Như những loài Rồng, kỳ lân, công, phụng, anh vũ, gà rừng, trĩ gấm, đều được người quý chuộng, ao ước, mến yêu. Còn những loài khỉ đột, sói chồn, tê giác, cọp, rắn, cú vọ, cú mèo, đều bị người ghét bỏ, không thích nghe đến tiếng kêu. Đẹp xấu là thế, trình bày khó hết. Sang hèn dễ biết, nói sao cho cùng!”.

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Trích dẫn sơ lược bảy chuyện:

1. Yêu quái đời Hoàng Sơ.
2. Yêu quái heo đực ở núi Thục.
3. Yêu quái chim ở núi Việt.
4. Yêu quái dê ở giếng của Quý Hoàn tử.
5. Yêu quái chó ở đất của nhà Hoài Diêu đời Tấn.
6. Yêu quái chó đời Cao Tân Thị.
7. Chuyện người và yêu quái giao phối sinh con trong sách Tây Quốc Hành Ký.

1. Giữa niên hiệu Hoàng Sơ đời nhà Ngụy: địa phận Đốn Khâu có người cưỡi ngựa đi đêm, thấy giữa đường có con vật lớn bằng thỏ, hai mắt sáng như gương, nhảy nhót chặn ngang trước đầu ngựa, cản trở không cho tiến lên. Người ấy sợ hãi, té ngay xuống ngựa. Yêu quái xông đến túm lấy, người ấu kinh hoảng chết ngay. Rất lâu mới tỉnh lại thì yêu quái đã mất tăm, không biết ở đâu, liền lên ngựa đi tiếp. Được mấy dặm, gặp một người. Chào hỏi xong, người ấy kể lại biến cố vừa xảy ra như thế. Nay được gặp nhau làm bạn đồng hành, thật hết sức đáng mừng. Người ấy nói, tôi đi có một mình, gặp được ông cùng làm bạn, sung sướng không thể nào tả nổi! Ngựa ấy đi nhanh, xin hãy đi trước, tôi sẽ đi theo sau. Bèn cùng nhau đi. Bạn hỏi: “Con vật vừa rồi như thế nào, khiến ông phải kinh hoảng như thế?”. Người ấy đáp: “Mình giống thỏ, mắt sáng như gương. Hình thù thật đáng ghê sợ!”. Bạn nói: “Thử nhìn lại tôi, xem ra sao?”. Người ấy quay lại nhìn thì đúng là yêu quái vừa gặp. Yêu quái bèn nhảy lên ngựa, người ấy hoảng hồn ngã ngay xuống đất chết tươi. Người nhà lấy làm lạ, thấy ngựa chạy về một mình, lập tức đổ xô đi tìm, gặp được giữa đường. Giây lát hồi tỉnh, kể lại đầu đuôi câu chuyện như thế.

2. Trên đỉnh núi cao phía Tây Nam đất Thục: có con vật giống loài khỉ, cao bảy thước, biết đi như người, giỏi rượt theo người, tên là Con heo đực, còn tên là Con ngựa hóa hay là Con vượn cái. Thường rình phụ nữ đi đường, nếu có người lớn, liền lén bắt mang đi, người khác không hay biết. Nếu có người đi gần bên, đều lấy dây dài kéo bắt đi, nên không thể thoát được. Con này biết phân biệt mùi hơi nam nữ, nên khi bắt người nữ đi, người nam không hề hay biết. Nếu bắt được con gái nhà người ta, liền đem về làm vợ. Người nào không sinh con thì suốt đời không được thả cho về. Mười năm sau, hình thù đều giống với nó, tâm trí cũng bị mê mẫn không có ý trở về. Nếu sinh được con cái, nó liền bồng ẵm đưa về nhà. Sinh con cũng giống như người, nếu không chịu nuôi con người mẹ sẽ chết. Vì thế mọi người đều sợ sệt, chẳng ai dám không nuôi con. Khi lớn lên, không khác gì người, đều mang họ Dương. Thế nên, ngày nay ở phía Tây Nam đất Thục, có nhiều người họ Dương, đều vốn là con cháu của Con heo đực hay Con ngựa hóa này vậy.

3. Trong vùng núi thẳm non sâu của đất Việt: có loài chim lớn như con tu hú, màu xanh, tên là Chim cai trị. Chim này khoét lỗ trong thân cây cổ thụ để làm tổ, lớn bằng hũ đựng năm, sáu thưng. Miệng tổ cỡ vài tấc, lấy đất vẽ viền chung quanh, màu xanh màu đỏ nổi lên rõ ràng, y như bia bắn. Người đi rừng đốn gỗ, thấy cây này thì lãng tránh ra xa. Đôi khi đêm tối mò, người không thấy chim, chim cũng biết người không trông thấy, liền kêu lên: "Chao ôi! Lên núi!". Sáng mai, người bèn mau mau lên núi. "Chao ôi! Xuống núi!". Thế là sáng mai phải cấp tốc xuống núi. Nếu chim không bảo xuống thì chỉ nói cười mà thôi, người có thể yên tâm ở lại đốn cây. Nếu có đồ dơ dáy vương vất gần chỗ của nó thì sẽ có cọp đến canh chừng suốt đêm. Người không chịu về thì sẽ bị cọp bắt ăn thịt. Giữa ban ngày, thấy rõ hình dáng của nó đúng là chim. Ban đêm, nghe tiếng hót của nó, cũng đúng là chim. Có dịp vui thích, liền biến thành người cao ba thước, đi xuống khe suối mò cua trong đá, đem đến chỗ người đốt lửa nướng lên. Người không dám đụng đến nó. Người Việt gọi chim này là tổ của thầy mo xứ Việt.

4. Quý Hoàng Tử đào giếng: bắt gặp một vật giống cái vò đất, trong đó có con dê, bèn đến hỏi Khổng Tử rằng: "Ta đào giếng, bắt được con chó. Tại sao thế?". Khổng Tử đáp rằng theo ta biết thì đó là dê. Bởi ta nghe nói rằng: "Yêu quái trong nước là ma rồng. Yêu quái của đất là dê dữ". Sách Hạ Đỉnh Chí nói: "Con ma rồng lớn bằng đứa bé lên ba. Mắt đỏ, da đen. Tai dài, tay lớn. Vuốt màu đỏ tươi. Lấy dây trói lại thì có thể làm thịt ăn được". Vương Tử nói rằng: "Yêu tinh của

cây là con Du quang. Yêu tinh của kim loại là con Thanh minh”.

5. Giữa niên hiệu Nguyên Khang đời Tấn: trong nhà Hoài Diêu ở huyện Lâu tại Ngô quận bỗng nghe từ lòng đất có tiếng chó con sủa vọng lên. Dò chỗ có tiếng chó sủa phát ra, trên có lỗ như hang trùn. Hoài Diêu lấy gậy thọc vào, được vài thước, có cảm giác như gặp con gì, liền đào xuống, nhìn vào thấy một cặp chó con chưa mở mắt, cũng lớn như chó nhà, đem lên cho bú cho ăn. Kẻ hầu hạ đều đổ đến xem. Có bậc trưởng lão nói rằng: “Đây gọi là chó tê ngưu. Bắt được nó sẽ khiến cho nhà giàu có hưng thịnh, nên nuôi dưỡng lấy nó”. Vì thấy chó chưa mở mắt, nên Hoài Diêu đem bỏ vào chỗ cũ, lấy cối đá đậy kỹ lên trên. Ít lâu sau mở ra xem, hai bên đầu không có hang hốc, thế mà lại biến mất đi đâu không còn nữa. Nhiều năm sau, nhà Hoài Diêu vẫn bình yên, không xảy ra việc hên sui gì cả.

6. Giữa niên hiệu Đại Hưng: trong phủ đệ ở Ngô quận lại đào được hai con gia súc như trên. Về sau, thái thú Ngô Mậu bị quân ở Ngô Hưng giết chết. Thi Tử nói rằng: “Trong đất có chó gọi là Sói đất, có người gọi là Không hại”. Sách Hạ Đỉnh Chí nói: “Đào đất bắt được con chó gọi là Giả. Đào đất bắt được con heo gọi là Tà. Đào đất bắt được người gọi là Tụ. Tụ là Không hại vậy. Con vật này là của tự nhiên, đừng cho quỷ thần mà lấy làm lạ. Như thế, Giả và Sói đất tuy khác tên nhưng thật ra chỉ là một”. Thiên Vạn Tất trong sách Hoài Nam Tử nói rằng: “Dê ngàn năm hóa thành trùn khoang cổ. Cóc ăn nấm linh, khi chết thành chim cun cút. Đấy là do khí tạo ra. Vì cùng cảm ứng với nhau nên sinh ra huyễn hoặc vậy”. Họ Cao Tân có bà già ở trong cung vua, mắc bệnh đau tai, chạy tìm danh y đương thời váy chữa, móc ra con sâu ngọ ngoạy lớn như cái kén. Sau đó, bà già đem nhốt vào trong cái bầu rồi lấy dĩa đậy lại. Giây lát, sâu ấy hóa thành con chó bông ngũ sắc. Do đó, đặt tên là Bàn Hồ và nuôi dưỡng. Bấy giờ, rợ Ngô hùng mạnh, thường xâm lấn lân bang. Nhà vua đã sai tướng tá đi đánh dẹp, nhưng không thể thắng và bắt được giặc đem về. Bèn chiêu mộ trong thiên hạ, người nào có thể lấy được đầu tướng giặc Ngô sẽ thưởng vàng nghìn cân, thực ấp vạn hộ và ban cho công chúa. Sau đó, Bàn Hồ xách đầu tướng giặc đến cửa cung. Nhà vua xem xét lại thì đúng là đầu giặc Ngô. Biết làm sao đây! Quần thần đều tâu: “Bàn Hồ là thú, không thể phong quan tước, lại càng không thể gả công chúa. Dù có công cũng không thể ban thưởng được”. Công chúa nghe được, tâu lên nhà vua rằng: “Đại vương đã đem con ra hứa với thiên hạ. Nay Bàn Hồ đem đầu tướng giặc về đây, giúp nước trừ hại. Đó là mệnh trời sai khiến, nào phải là trí lực của chó?

Bậc vương giả trọng lời, bậc bá giả trọng chữ tín. Không thể vì thân con bé nhỏ mà nuốt lời hứa với thiên hạ được. Đó là tai họa cho nước nhà". Nhà vua lo sợ nên phải bằng lòng, cho phép công chúa lấy Bàn Hồ. Bàn Hồ liền đem công chúa lên núi, ở chỗ cỏ cây rậm rạp không có dấu chân người. Từ đây, công chúa trút bỏ quần áo cao sang, ăn mặc trang pgục của người hèn hạ, cầm chĩa một theo Bàn Hồ lên núi xuống hang, cư trú trong động đá. Nhà vua thương nhớ, sai người lên tìm. Trời nổi mưa to gió lớn, sấm sét mịt mù. Người đi, không ai có thể đến được. Ba năm trôi qua, công chúa sinh hạ 6 trai, 6 gái. Sau khi Bàn Hồ chết xong, bọn họ ăn ở với nhau thành vợ chồng. Xe sợi vỏ cây, nhuộm bằng hạt cỏ, đem cắt may mặc, vì thích quần áo sặc sỡ nhiều màu. Sau đó, công chúa về thăm, đem chuyện tâu với vua cha. Nhà vua cho người lên kiếm. Trời không đổ mưa, thấy bọn họ ăn mặc cũn cỡn, nói năng líu lo, ăn uống chồm hổm. Bản tính thích chỗ rừng núi, ghét chốn thị thành. Chìu theo sở thích, nhà vua xuống chiếu ban cho núi lớn đầm sâu, gọi tên là Mọi rợ. Bọn họ ngoài mặt ngu si, trong lòng tinh quái, an thân lãnh địa, quý trọng của ban. Vì bọn họ bẩm thụ khí lạ của mệnh trời, nên phải đối xử theo lối đặc biệt. Đổi chác, làm rẫy đều không đóng thuế quan, không thu thuế đất. Các tù trưởng đều được ban ấn tín, đội mũ bằng da rái cá, ngụ ý sinh sống ở nước nhiều hơn. Hiện nay, tức là bọn rợ ở các vùng Lương Hán, Ba Thục, Vũ Lăng, Trường Sa, Lô Giang vậy. Mỗi dịp cúng tế ông tổ Bàn Hồ thì dùng món cháo tấm trộn cá nấu nhừ, cùng tụ họp nhau gõ vào bồn và kêu la. Tục ấy đến nay vẫn còn. Thế nên, người ta gọi là "mình trần đầu vồ, con cháu Bàn Hồ". (Sáu chuyện trên đây rút từ Sưu Thần Ký).

7. Sách Tây Quốc Ký của Pháp sư Huyền Trang nói rằng: "Nước Tần Già La (tuy không phải là nước Ấn Độ, nhưng đường đến nước ấy phụ thuộc vào Ấn Độ) vốn là bãi châu báu, có nhiều châu báu quý hiếm và quỷ thần cư trú. Về sau, có một quốc vương hỏi vợ bên nước láng giềng. Ngày lành tháng tốt sang rước dâu về, giữa đường gặp sư tử. Bọn thị vệ tùy tùng bỏ cô dâu chạy trốn. Cô dâu ngồi trong xe cam tâm chịu chết. Bấy giờ, sư tử chúa cõng cô dâu vào hang thẳm trong núi sâu. Đúng bữa, bắt nai, hái quả đem cho ăn. Lâu ngày chầy tháng sinh một đám con trai con gái. Hình dạng giống người, nhưng tính tình lại là súc vật. Con trai lớn lên, có sức mạnh bắt được thú dữ. Tuy tuổi còn nhỏ, trí khôn đã phát triển, nói với mẹ rằng: "Con là gì đây? Cha thì dã thú, mẹ lại người ta. Không thuộc loài nào, làm sao cưới vợ?". Mẹ bèn đem chuyện xưa ra kể cho nghe. Con nói: "Người và thú khác đường, cần

phải bỏ trốn!”. Mẹ đáp: “Trước đây mẹ đã trốn đi, nhưng không thoát được”. Sau đó, đứa con theo sư tử cha lên núi vượt đèo, quan sát đường đi nước bước để lén trốn thoát. Rình lúc cha đi xong, bèn cõng mẹ chạy xuống làng mạc. Mẹ bảo: “Cần phải cẩn thận, đừng tiết lộ sự tình. Nếu người ta biết được, sẽ khinh bỉ mẹ con ta ngay”. Khi về đến nước của vua cha thì đã không còn nữa, họ hàng cũng đều bị diệt vong, đành xin tá túc trong làng. Người ta hỏi rằng: “Hai mẹ con là người nước nào? Đáp: “Tôi vốn là người ở nước này, bị lưu lạc sang đất khác, nay hai mẹ con dắt nhau về quê hương”. Mọi người nghe nói đều thương, cùng nhau xúm lại giúp đỡ. Riêng phần sư tử chúa, khi trở về hang, thấy chẳng còn ai, đâm ra thương nhớ vợ con, liền nổi cơn giận dữ, vụt chạy khỏi hang. Qua lại sục sạo khắp chốn xóm làng, gầm rống vang dội, hung hăng tàn sát người và súc vật. Ra tay giết chóc tất cả mọi loài. Dân làng vừa xông đến, liền bị tóm lấy vật chết. Cả làng phải đánh trống, thổi tù va, mang nỏ, cầm mâu, họp thành đội ngũ chống lại, mới có thể thoát nạn. Nhà vua sợ dùng đường lối nhân từ không thích hợp, nên tung đám thợ săn chuyên nghiệp đến, quyết bắt cho kỳ được. Lại thân hành đem bốn đạo quân đông đến vạn người, bao vây khắp rừng rậm đến tận hang cùng. Sư tử gần rống vang dội, người ngựa đều kinh sợ. Không tài nào bắt được, nhà vua phải chiêu mộ người nào có khả năng bắt được sư tử để trừ hại cho đất nước, hứa sẽ trọng thưởng và tuyên dương công trạng. Người con nghe được lệnh vua, liền bàn với mẹ: “Lâu nay mẹ con mình đói khổ. Nay con nên đáp lời kêu gọi may ra bắt được, sẽ có của để mẹ con mình nuôi nhau”. Mẹ nói: “Lời con nói mẹ nghe không được. Con thú ấy, dù biết là thú, nhưng cũng là cha của con. Lẽ nào vì đói khổ mà làm chuyện ngỗ nghịch trái đạo?”. Con nói: “Người và thú vật khác loài, nói đến lễ nghĩa làm gì? Mẹ cứ cản trở thì con cũng chẳng khác gì thú vật”. Bèn rút dao găm lên đường, đáp ứng lời chiêu mộ. Bấy giờ, nghìn người muôn ngựa bố trí đông đảo như mây đùn sương tỏa. Sư tử cha chiếm cứ giữa rừng, không ai dám đến gần. Con bèn đi thẳng vào trước mặt. Sư tử cha liền nằm mẹp xuống một cách hiền lành, thương yêu con đến quên hết giận dữ. Con lén đâm phụp dao vào giữa bụng. Tuy thế, sư tử cha thương yêu con rất nhân từ, không chút giận hờn. Đến khi con mổ bụng ra, sư tử cha vẫn cam lòng chịu đau mà chết. Nhà vua hỏi: “Người này là ai mà phi thường đến thế?”. Rồi đem lợi lộc ra dụ dỗ, lấy uy lực để răn đe, cuối cùng con mới chịu đem đầu đuôi sự tình trình bày đầy đủ. Nhà vua phán: “Ngỗ nghịch thay! Đến cha mà còn nỡ giết, huống gì người ngoài? Thú vật khó thuần, ác tâm dễ động. Trừ

khử mối hại cho dân, công lao to thật. Cắt đứt tính mạng của cha, lòng quá ngang tàng! Trọng thưởng để trả công to, đày xa để phạt ngang ngược thì phép nước không hư, lời vua không trái". Liền đó, cho sắm sửa hai chiếc thuyền lớn, dự trữ nhiều lương khô. Giữ mẹ ở lại, chu cấp để thưởng công lao. Trai gái đều lên thuyền riêng, phó cho sóng gió đưa đi. Thuyền của bọn con trai vượt biển, đến bãi châu báu này. Thấy có nhiều châu báu quý hiếm, nên dừng lại cư trú. Về sau, có đoàn thương nhân ghé vào bãi, bọn con trai giết chết trưởng đoàn, giữ con gái lại. Cứ thế, con cháu sinh sôi đông đúc. Bèn lập ra vua tôi để phân chia cao thấp. Dựng đô lập ấp thành bờ cõi riêng. Vì tổ tiên có công bắt được sư tử chúa, nên lấy công ấy mà đặt tên nước. Thuyền của bọn con gái trôi đến phía Tây Ba lạt tư, bị quỷ thần ở đấy dụ dỗ, sinh ra một bầy con gái. Thế nên, ngày nay trở thành nước lớn của đàn bà ở phương Tây. Vì thế, người nước Sư tử hình dáng thấp đen, cằm vuông đầu lớn, tính tình hung hãn, đánh độc tàn nhẫn. Ấy cũng là do con cháu của mãnh thú, nên phần đông đều hùng dũng tráng kiện. Đó là một thuyết về loại người này. Nếu theo kinh điển của Phật giáo, như kinh Khởi Thế, thì vào ngày xưa, ở trong thành lũy kiên cố của bãi có nhiều châu báu này là chỗ cư trú của năm trăm La sát nữ.

Lại nữa, trước đền thờ trời ở phía Bắc thành thuộc mé Đông nước Khuất Chi có hồ Rồng lớn là nơi loài Rồng biến hình giao phối với ngựa cái, sinh ra giống ngựa rồng con rất thuần thục để cưỡi. Do đó, nước này sản xuất nhiều ngựa hay. Nghe các sách xưa nói rằng: "Gần đây, có nhà vua tên Kim Hoa, thường quan tâm đến việc chính trị. Nhà vua thuần hóa một con rồng để kéo xe. Do nôn nóng chinh phục, lỡ tay quất roi đụng vào tai, nó liền trốn đi. Phải bỏ nghìn vàng thuê người kiếm về".

Trong thành không có giếng, phải lấy nước ở hồ này. Con rồng bèn biến thành người, cùng phụ nữ giao phối, sinh được đứa con hùng dũng, chạy kịp ngựa phi. Cứ thế, dần dần lan rộng, mọi người đều có giống rồng. Bọn này ỷ sức làm càn, không tuân phép nước. Nhà vua ra sức cùng nước Đột Quyết diệt giống người này, lớn nhỏ đều giết sạch, không chừa một mạng. Đến nay, thành ấy trở nên hoang phế, mất hẳn dấu vết con người. (Hai chuyện sau đây rút từ sách Tây Quốc Ký của Pháp sư Huyền Trang).

Thuật rằng: "Thường thấy bọn ngu mê tà kiến nói rằng: "Sang hèn không giống, người thú khác nhau. Làm sao có chuyện người làm súc sinh, súc sinh làm người? Phật pháp nói gạt, sợ không đúng thật". Nếu các người giữ thói u mê, không tin vào lời Phật dạy, tại sao các

kinh điển, thư tịch thế gian trên đây đều ghi chép rành rành trước mắt? Liệu các người cũng chẳng tin ư? Nào làm ơn, nhẫn nhục như Sở vương ăn đỉa sinh bệnh, rồi bệnh cũng lành. Vua Tống không chịu cúng vái, yêu tinh phải đi. Nào gây ác như Lữ hậu hạ độc Triệu vương Như Ý, Như Ý biến thành chó xanh. Vua Tề giết công tử Bành Sinh, Bành Sinh hóa thành heo người hù dọa. Chuyện gần đây còn như thế, huống gì đã tạo nhân gây nên nghiệp báo thiện ác, nổi chìm sáu nẻo khác nhau, gánh chịu tai ương muôn kiếp?”.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 7

Thiên thứ 4: LỤC ĐẠO

VI. ***Bộ thứ sáu:*** **ĐỊA NGỤC**

Gồm có 8 phần: Thuật ý, Hội danh, Thụ báo, Thì lượng, Điền chủ, Vương đô, Nghiệp nhân, Giới úc.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Than ôi! Luận về địa ngục đắng cay, thật là thống thiết! Lấp lánh rừng dao trên mặt nhật, chói ngời núi kiếm tỏa khắp trời. Sùng sục vạc sôi trào bọt sóng, phừng phừng lò cháy lóe tia hồng. Thành sắt suốt ngày cửa đóng, trụ đồng đêm tối lửa nhen. Nhìn ở bên trong, tội nhân la liệt. Khổ đau tuyệt vọng, kêu réo khóc la. Đầu trâu mắt dữ, ngục tốt nanh dài. Chĩa nhọn đâm hông, tim gan xay giã, áp thân lửa mạnh, cháy rụi thịt da. Hoặc lại, xay đầu giã cẳng, hầm phách nấu hồn, xẻ mật banh lòng, bầm thân quết thịt. Khổ đến nỗi ấy, nói sao cho cùng! Do đó, nổi chìm trong vạc nước sôi, sấp ngửa giữa lò than đỏ. Thịt nát trên đầu giáo, kiếm, xương tan bên cạnh thây khô. Giường sắt nóng hổi, sao ngủ cho yên? Cột đồng đốt đỏ, há ôm lâu được? Trong mắt rực lửa, lệ khóc ráo hoanh, giữa miệng ngậm khói, kêu chẳng thành tiếng. Như những chỗ này, tội vẫn còn nhẹ. Thế nên, trong ngục đá lạnh, xem tựa khí ấm, giữa lò than hồng, giống như gió mát. Cho là sung sướng, lấy làm hân hoan! Rơi xuống A tỳ, hình thù càng lạ. Cay đắng bốn bề tường sắt, dọc ngang tám vạn do tuần. Tiếng xác đốt nổ nghe rất kinh hoàng, mùi hôi thịt cháy bốc khói ngùn ngụt. Giống cá trên chảo, máu mỡ sém khô. Không một phút vui, đụng đâu cũng khổ. Cử động chẳng được, trói buộc rất căng. Đông Tây qua lại, trên dưới thông nhau. Hết kiếp ở đây, dời sang chỗ khác, chỗ khác hết kiếp, trở về lại đây. Xoay vần như thế, đến vô lượng kiếp.

Nguyện cầu những kẻ tu phúc hôm nay, thành khẩn một lòng

cùng xin sám hối. Mong sao vạc nóng hừng hực thành tựu hồ sen, lò lửa phừng phừng trở nên lọng quý. Cây kiếm tua tủa là cảnh chùa chiền, núi dao lởm chởm là chốn pháp hội. Cột đồng nguội hẳn, treo mãi cờ phướn, lưới sắt thay hình, đổi ra cõi Phật. Đầu trâu liệng kiếm, thọ phép Tam quy, cai ngục quăng roi, giữ gìn ngũ giới. Oan gia hóa giải, chẳng còn sắc mặt oán hờn, chủ nợ vui mừng, không có bộ tịch sân hận. Những kẻ mất đầu mất cổ, nhờ đó phục hồi, những người nát thịt tan xương, từ đây lành lặn.

Thứ hai: PHẦN HỘI DANH

- Hỏi: "Tại sao gọi là địa ngục?".

- Đáp: "Theo luận Lập Thế A-tỳ-đàm nói, Phạm âm là Nê-lê-da, nghĩa là không vui đùa, không vui vẻ, không đi ra, lại không có phước đức, lại không chừa xa ác nghiệp, nên phải sinh vào trong đường ấy. Lại còn nói, trong dục giới, đường này thấp kém nhất gọi là đường tà. Do nhân duyên này, nên gọi địa ngục là Nê-lê-da". Theo trong luận Bà-sa gọi là không tự tại. Nghĩa là tội nhân ở đây bị ngục tốt kèm cặp, không được tự tại, nên gọi là địa ngục. Còn gọi là không thể thích vui, nên gọi là địa ngục. Hơn nữa, địa là đáy, nghĩa là dưới đáy. Trong vạn vật, đất ở thấp nhất, nên gọi là đáy. Ngục là bị quản thúc. Nghĩa là bị quản thúc không được tự tại, nên gọi là địa ngục. Hơn nữa, gọi tên là Nê-lê-da là theo Phạm ngữ, ở đây là không có. Nghĩa là trong địa ngục ấy không có lợi ích gì cả, nên mới gọi là không có".

Hỏi: Địa ngục có nhiều loại, hoặc ở dưới đất, hoặc ở trên mặt đất, hoặc ở giữa hư không. Tại sao đều gọi là địa ngục?.

Đáp: Địa ngục, xưa dịch là bị quản thúc ở chỗ chật hẹp, không câu chấp dưới đất, trên không. Nay theo kinh điển mới dịch, theo chính âm trong bản văn bằng Phạm ngữ là Na-lạc-ca hoặc Nại-lạc-ca, đều có nghĩa tổng quát là chỗ hết sức khổ của con người, nên gọi là Nại-lạc- ca. Bởi thế, trong luận Bà-sa có câu hỏi: "Tại sao đường ấy gọi là Nại-lạc-ca?". Đáp: "Vì các chúng sinh trong đường ấy đều không vui, không thích, không thưởng thức, không hưởng thụ, không an lạc nên mới gọi là Nại-lạc-ca". Có người nói: "Vì trước đây, chúng sinh ở đấy đã tạo tác một cách tàn bạo nhiều hơn, thêm hơn các ác hạnh về thân ngữ ý, phải vào trong đường ấy, khiến đường ấy liên tục, nên mới gọi là Nại-lạc-ca". Có người nói: "Vì bị rơi ngược vào đường ấy, nên gọi là Nại-lạc-ca. Như có bài kệ nói rằng:

"Rơi ngược xuống địa ngục,

Chân trên, đầu xuống dưới.
Do phỉ báng chư tiên,
Hiếu tịnh, tu khổ hạnh".

Có người nói: "Nại-lạc là người, ca là làm ác. Người làm ác phải sinh vào chỗ ấy, nên gọi là Nại-lạc-ca".

Hỏi: "Tại sao chỗ lớn và thấp nhất gọi là vô gián?".

Đáp: Vì chỗ ấy luôn luôn chịu khổ, không có vui vẻ xen vào, nên gọi là vô gián.

Hỏi: Trong các địa ngục khác, vì có ca múa, ăn uống, hưởng quả Dị thục vui vẻ, nên không gọi là vô gián chăng?.

Đáp: Trong các địa ngục khác, tuy không có quả Dị thục vui vẻ, nhưng có quả Đẳng lưu vui vẻ, như luận Thi Thiết nói, trong địa ngục Đẳng hoạt, có lúc được gió mát thổi đến, huyết thịt được mọc lại, có lúc phát ra tiếng nói: "Sống lại!". Các chúng sinh ở đấy bỗng nhiên sống lại. Chỉ vào lúc huyết thịt mọc lại và sống lại như thế, mới tạm thời sinh ra vui vẻ xen lẫn trong chịu khổ, nên không gọi là vô gián".

Thứ ba: PHẦN THỌ BÁO

Như luận Bà-sa có câu hỏi rằng: Địa ngục ở tại chỗ nào?.

Đáp: "Đa số ở tại phía dưới châu Thiệm Bộ này". Sắp xếp ra sao? Có người bảo: "Từ châu này đi xuống bốn vạn du thiện na thì đến đáy của địa ngục Vô gián. Địa ngục Vô gián ngang dọc cao thấp đều rộng hai vạn du thiện na. Từ đây đi lên một vạn chín ngàn du thiện na, trong đó sắp xếp bảy địa ngục còn lại. Nghĩa là kế trên có địa ngục Nóng nhất. Kế trên có địa ngục Nóng. Kế trên có địa ngục Kêu gào lớn. Kế trên có địa ngục Kêu gào. Kế trên có địa ngục các thứ hợp (chúng hợp). Kế trên có địa ngục Dây thừng đen. Kế trên có địa ngục Sống lại. Địa ngục này ngang dọc đều rộng một vạn du thiện na. Năm trăm du thiện na là đất sét trắng, năm trăm du thiện na là bùn sình". Có người nói: "Từ dưới lớp bùn sình này có địa ngục Vô gián nằm ở chính giữa, bảy địa ngục còn lại nằm bao bọc chung quanh. Giống như làng xóm bao quanh đô thành ngày nay vậy".

Hỏi: "Nếu thế, thuyết của luận Thi Thiết làm sao thông đạt? Luận ấy nói chu vi của châu Thiệm Bộ chỉ lớn 6003, 5 du thiện na, trong khi mỗi một địa ngục đều rộng lớn hơn. Làm sao phía dưới châu này có thể chứa nổi tất cả?".

Đáp: "Châu Thiệm Bộ này, phía trên hẹp, phía dưới rộng ra, giống như đống lúa, nên có thể chứa nổi. Vì thế, trong kinh có nói, bốn biển

lớn, càng xuống, càng sâu”.

Hơn nữa, mỗi một địa ngục lớn có mười sáu tầng. Nghĩa là mỗi địa ngục có bốn cửa, ngoài mỗi cửa có bốn tầng. Thứ nhất là tầng tro nóng. Trong tầng này, tro nóng cao lên ngập gối. Thứ hai là từng phẩn uế. Trong tầng này ứ đầy phẩn uế. Thứ ba là tầng mũi nhọn. Trong tầng này lại có ba loại: một là đường dao nhọn. Trong đường này sắp xếp dao nhọn chĩa mũi tên, làm thành đường đi. Hai là rừng lá kiếm. Trên rừng này đều lấy kiếm bén mũi làm lá. Ba là rừng kim sắt. Nghĩa là trên rừng này đều có mũi kim sắt dài mười sáu lóng tay. Ba loại trong tầng mũi nhọn này tuy tên khác nhau, nhưng cùng có lá sắt giống nhau, nên được xếp chung vào một tầng. Thứ tư là tầng sông nóng. Trong tầng này có nước mặn nóng. Gộp chung cả địa ngục này thành ra mười bảy. Như thế, tám địa ngục lớn gộp chung với các tầng phụ thuộc thành ra một trăm ba mươi sáu chỗ. Do đó, kinh nói có một trăm ba mươi sáu địa ngục. Bởi thế, kinh Trường A-hàm bảo rằng: “Tổng cộng có tám địa ngục lớn. tám địa ngục lớn này đều có mười sáu địa ngục nhỏ bao bọc chung quanh, giống như phía ngoài bốn châu lớn có tám vạn châu nhỏ bao bọc. Phía ngoài tám vạn châu nhỏ lại có biển lớn. Phía ngoài biển lớn lại có núi lớn Kim Cương. Phía ngoài núi lớn này lại có núi khác, cũng gọi là Kim Cương (kinh Lâu Thán gọi là núi Thiết Vi lớn). Ánh sáng của thiên thần nhật nguyệt đều soi sáng tới khoảng giữa hai ngọn núi này. tám địa ngục lớn là: một là Tưởng tượng, hai là Dây thừng đen, ba là Đè ép, bốn là Kêu gào, năm là Kêu gào lớn, sáu là Thui nướng, bảy là Thui nướng lớn, tám là Vô gián (kinh Lâu Thán và các kinh khác nêu tên không giống nhau, do phiên dịch có chỗ lầm chỗ đúng, nhưng đại ý đều như nhau cả).

Thứ nhất là địa ngục Tưởng tượng. Có mười sáu ngục nhỏ bao bọc chung quanh. Trong đó, tay của chúng sinh mọc ra móng sắt, lần lượt nổi giận, lấy móng sắt cấu xé lẫn nhau, thịt rơi theo tay, tưởng rằng đã chết, nên gọi là Tưởng tượng. Hơn nữa, trong đó chúng sinh nuôi ác tâm mưu hại lẫn nhau. Tau cầm dao kiếm, lần lượt đâm chém, băm vằm, chặt nhỏ, thân thể nát báy trên đất, tưởng rằng đã chết, nên gọi là Tưởng tượng. Khi luồng gió lạnh thổi đến, bỗng nhiên sống lại. Nạn nhân tự tưởng rằng ta đã sống lại. Lâu ngày chịu tội xong rồi, mới ra khỏi địa ngục Tưởng tượng. Kinh hoàng chạy đi cầu cứu, không ngờ lại đến địa ngục Cát đen. Gió nóng bỗng nhiên nổi dậy, thổi tung cát đen nóng hổi bắn vào mình, đốt cháy da thịt, vào tận xương cốt. Trong người phát hỏa, chạy đi chạy lại, thần thể bừng cháy tan nát. Tội lỗi

vẫn chưa trả hết, khiến cho không thể chết được. Lâu ngày chịu khổ xong rồi, mới ra khỏi địa ngục Cát đen, đến địa ngục Bắn phân nóng. Tự nhiên ở phía trước có dẫy đầy phân nóng bắn ra và đạn sắt nóng hổi. Ngục tốt ép bức tội nhân, bắt phải cầm đạn sắt nóng hổi đốt cháy thân mình. Lại còn bắt đút vào miệng, rơi lọt từ cổ họng xuống bụng, chạy tuốt ra ngoài. Tất cả đều bị cháy tiêu. Có loại côn trùng mỏ sắt mổ thịt đến tận xương tủy, khổ độc vô cùng. Chịu tội chưa xong, khiến cho không thể chết được. Lâu ngày chịu khổ xong rồi, mới ra khỏi địa ngục Bắn phân nóng, đến địa ngục Đinh sắt. Ngục tốt đánh ngã ngửa trên bàn sắt nóng, kéo duỗi thân hình ra, lấy đinh sắt đóng lên tay chân thân thể đến năm trăm cái. Đau đớn rên la, cũng chưa chết được. Lâu ngày chịu khổ xong rồi, mới ra khỏi địa ngục Đinh sắt, đến địa ngục Đói sắt. Ngục tốt liền đánh ngã ngửa trên bàn sắt nóng, lấy đồng nấu chảy rót vào miệng, lọt từ cổ họng xuống bụng, chạy tuốt ra ngoài. Tất cả đều bị cháy tiêu. Đền tội chưa xong, khiến cho không thể chết được. Lâu ngày chịu khổ xong rồi, mới ra khỏi địa ngục Đói sắt, đến địa ngục Khát. Bị đánh ngã ngửa trên bàn sắt, ngục tốt lấy đạn sắt nóng đút vào miệng, đốt cháy miệng mồm, lọt xuống bụng ra ngoài. Tất cả đều bị cháy tiêu. Đau đớn kêu khóc. Lâu ngày chịu tội xong rồi, mới ra khỏi địa ngục Khát, đến địa ngục Một vạc đồng. Ngục tốt trợn mắt giận dữ, chụp chân tội nhân, liệng ngược xuống vạc, nước sôi sùng sục tung tóe, chìm nổi quay cuồng, thân nát thịt nhừ. Muôn khổ đều đủ, chịu tội chưa xong, khiến cho không thể chết được. Lâu ngày chịu tội xong rồi, mới ra khỏi địa ngục Một vạc đồng, đến địa ngục Nhiều vạc đồng. Ngục tốt chụp chân tội nhân, liệng ngược xuống vạc, nước sôi sùng sục tung tóe, chìm nổi quay cuồng, thân nát thịt nhừ. Ngục tốt lại lấy móc sắt kéo lên, liệng vào các vạc khác, tội nhân kêu đau khổ sở, chịu tội chưa xong, khiến cho không thể chết được. Lâu ngày chịu khổ xong rồi, mới ra khỏi địa ngục Nhiều vạc đồng, đến địa ngục Đá mài. Ngục tốt bắt tội nhân, đánh ngã ngửa trên bàn đá nóng, kéo duỗi chân tay, lấy tảng đá lớn đè xuống trên mình, cọ mài lui tới, thịt nát xương tan, đau đớn thảm thiết, chịu tội chưa xong, khiến cho không thể chết được. Lâu ngày chịu khổ xong rồi, mới ra khỏi địa ngục Đá mài, đến địa ngục Máu mủ. Máu mủ sôi sục tung tóe. Tội nhân chạy nhảy khắp Đông Tây, bỏng khắp thân thể, đầu mặt tan nát, lại còn bốc lấy máu mủ mà ăn, bỏng lủng từ trên xuống dưới, đau đớn không thể chịu đựng nổi, chịu tội chưa xong, khiến cho không thể chết được. Lâu ngày chịu khổ xong rồi, mới ra khỏi địa ngục Máu mủ, đến địa ngục Đong lửa. Có đống lửa lớn, bốc cháy phừng

phừng. Ngục tốt bức bách tội nhân phải lấy tay cầm đấu sắt nóng hổi đong lửa khiến cho lửa đỏ thiêu đốt tội nhân. Lửa nóng đau đớn, rên la gào khóc, chịu tội chưa xong, khiến cho không thể chết được. Lâu ngày chịu khổ xong rồi, mới ra khỏi địa ngục Đong lửa, đến địa ngục Sông Tro. Ngang dọc sâu cạn đều rộng năm trăm do tuần. Nước tro sôi sùng sục tung tóe. Hơi độc bốc lên phừng phực. Sóng nhồi vỗ đập vào nhau, tiếng ầm ì thật đáng sợ. Từ đáy lên đến mặt sông, kim sắt dọc ngang đâm ra tua tủa. Trên bờ sông ấy có rừng cây kiếm, cành lá hoa quả đều là dao kiếm. Tội nhân lội xuống dòng sông, nổi chìm theo sóng, xô dạt vào ra, chìm lỉm xuống đáy, bị kim sắt đâm mình, xuyên thấu trong ngoài, máu mủ muôn bề, đau đớn muôn bề. Chịu tội chưa xong, khiến cho không thể chết được, mới ra khỏi Sông tro. Lên bờ bên kia, đến rừng cây kiếm, liền bị kiếm bén cắt đâm, tổn thương thân thể. Lại có chó sói xông đến ăn thịt, tội nhân phải trèo lên cây kiếm, mũi kiếm lại giương lên, tay giơ, tay đứt, chân đạp, chân lìa. Da thịt rụng rời, chỉ còn gân mạch nối liền xương trắng. Bấy giờ, trên cây có loài chim mỏ sắt mổ đầu ăn não, đau đớn kêu gào. Chịu tội chưa xong, khiến cho đừng chết. Tội nhân lại lội xuống Sông Tro, nổi chìm theo sóng, bị kim sắt đâm mình, đau đớn muôn bề. Thịt da tan nát, máu mủ tuôn đầy, chỉ còn xương trắng nổi trôi trên mặt nước. Gió lạnh thổi đến, bỗng nhiên tội nhân đứng dậy. Chịu tội xong rồi , không ngờ lại đến địa ngục Đạn sắt. Có đạn sắt cháy đỏ đầy dẫy khắp nơi. Ngục tốt bắt tội nhân chụp lấy đạn sắt, khiến cho tay chân cháy nát, khắp mình bốc lửa. Muôn khổ đều đủ, chịu tội chưa xong, khiến cho không thể chết được. Lâu ngày chịu khổ xong rồi, mới ra khỏi địa ngục Đạn sắt, đến địa ngục Búa rìu. Ngục tốt bắt lấy tội nhân, đánh ngã ngửa trên bàn sắt nóng, lấy búa rìu sắt nóng hổi chặt đứt chân tay, tai, mũi, lưỡi, thân mình, đau đớn kêu gào. Chịu tội chưa xong, khiến cho không thể chết được. Lâu ngày chịu khổ xong rồi, mới ra khỏi địa ngục Búa rìu, đến địa ngục Chó sói. Có bầy chó sói tranh nhau chạy đến cắn xé, tội nhân thịt nát xương tan, tuôn đầy máu mủ, đau đớn muôn bề. Chịu tội chưa xong, khiến cho không thể chết được. Lâu ngày chịu khổ xong rồi, mới ra khỏi địa ngục Chó sói, đến địa ngục Cây kiếm. Khi tội nhân chạy vào rừng kiếm, gió lớn thổi lên, thổi lá cây kiếm rơi xuống trên mình, đầu mặt thân thể đều bị thương cả. Có loài chim mỏ sắt mổ vào hai mắt, đau đớn kêu gào. Chịu tội chưa xong, khiến cho không thể chết được. Lâu ngày chịu khổ xong rồi, mới ra khỏi địa ngục Cây kiếm, đến địa ngục Giá lạnh. Có cơn gió lạnh rất lớn thổi đến thân mình của tội nhân, khiến toàn thân đông lạnh

bị thương, da thịt rơi rớt, đau đớn kêu la, sau đó mới chết. Do thân làm việc bất thiện, miệng và ý cũng thế, nên mới đọa vào địa ngục Tưởng tượng. Khiếp sợ đến nổi dựng đứng tóc lông.

Thứ hai là địa ngục lớn Dây thừng đen, có mười sáu ngục nhỏ bao bọc chung quanh. Mỗi địa ngục ngang dọc rộng năm trăm do tuần. Tại sao gọi là địa ngục lớn Dây thừng đen? Vì các ngục tốt ở đấy bắt tội nhân đánh ngã ngửa trên bàn sắt nóng hổi, kéo duỗi thân mình, lấy dây sắt nóng kéo căng ra thật thẳng, rồi dùng búa nóng theo lằn dây, chặt tội nhân thành trăm nghìn đoạn. Lại nữa, ngục tốt treo dây sắt nóng dọc ngang vô số, rồi bắt tội nhân phải đi trong khoảng có dây thừng. Gió lớn thổi lên, thổi vào các dây thừng, đụng chạm vào thân mình, đốt cháy da thịt, tiêu xương văng tủy, đau đớn muôn bề, nhưng tội lỗi chưa hết, khiến cho không thể chết được. Lâu ngày chịu khổ xong rồi, mới ra khỏi địa ngục Dây thừng lớn, đến địa ngục Cát đen, rồi đến địa ngục Giá lạnh, sau đó mới chết. Không cần thuật rõ. mười sáu ngục còn lại, cũng giống như trên đã nói, nhưng chịu đau đớn càng nhiều hơn. Do có ác ý với cha mẹ, Phật và Thanh văn, nên đọa vào địa ngục lớn Dây thừng đen này.

Thứ ba là địa ngục lớn Đè ép, cũng có mười sáu ngục nhỏ bao bọc chung quanh. Mỗi địa ngục ngang dọc rộng năm trăm do tuần. Tại sao gọi là địa ngục lớn Đè ép? Vì có nhiều núi đá lớn, từng cặp đối diện nhau. Khi tội nhân vào trong này, núi tự nhiên khép lại, đè ép thân mình, xương thịt nát bấy. Xong xuôi, núi đá trở lại như cũ, đau đớn muôn bề, chịu tội chưa xong, khiến cho không thể chết được. Lại có voi sắt lớn, khắp mình bốc lửa, kêu rống chạy đến, chà đạp tội nhân, uốn lượn trên mình, thân thể nát bấy, máu mủ tuôn đầy, kêu gào thảm thiết, khiến cho không thể chết được. Ngục tốt lại bắt tội nhân ngồi trên tảng đá lớn, rồi lấy đá lớn đè lên. Lại còn bắt tội nhân nằm trên mặt đất, rồi lấy chày sắt giã xuống. Từ chân đến đầu, da thịt nát bấy, máu mủ tuôn đầy, đau đớn muôn bề, chịu tội chưa xong, khiến cho không thể chết được. Vì thế, mới gọi là địa ngục Đè ép. Lâu ngày chịu khổ xong rồi, mới ra khỏi địa ngục Đè ép, đến địa ngục Cát đen, rồi đến địa ngục Giá lạnh, sau đó mới chết. Chỉ tạo ba nghiệp ác, không tu ba hạnh thiện, liền bị đọa vào địa ngục Đè ép, đau đớn không thể kể nổi.

Thứ tư là địa ngục Kêu gào, cũng có mười sáu ngục nhỏ bao bọc chung quanh. Mỗi địa ngục này ngang dọc rộng năm trăm do tuần. Tại sao gọi là địa ngục lớn Kêu gào? Vì ngục tốt bắt tội nhân ném vào trong vạc lớn, rồi lại đặt trong vạc sắt lớn, nước sôi sùng sục tung tóe, nấu

chín tội nhân. Khóc lóc kêu gào, đau đớn chua cay. Lại bắt tội nhân ném lên chảo sắt lớn, lật lên lật xuống, rang nướng thân mình. Lâu ngày chịu khổ xong rồi, mới ra khỏi địa ngục lớn Kêu gào, đến địa ngục Cát đen, rồi đến địa ngục Giá lạnh, sau đó mới chết. Do nuôi lòng sân hận, tạo các ác hạnh, nên phải đọa vào địa ngục lớn Kêu gào.

Thứ năm là địa ngục Kêu gào lớn, cũng có mười sáu ngục nhỏ bao bọc chung quanh (lớn nhỏ cũng như trước). Tại sao gọi là địa ngục Kêu gào lớn? Vì ngục tốt bắt tội nhân đặt vào chõ lớn, rồi lại đặt vào trong vạc sắt lớn, nước sôi sùng sục, nấu chín thân thể. Rồi lại ném lên chảo lớn, lật lên lật xuống rang nướng. Tội nhân khóc lóc, kêu gào lớn lên, đau đớn chua cay. Chịu tội chưa xong, khiến cho không thể chết được. Vì thế, gọi là địa ngục Kêu gào lớn. Lâu ngày chịu khổ xong rồi, mới ra khỏi địa ngục Kêu gào lớn, đến địa ngục Giá lạnh, sau đó mới chết. Do nhiễm các tà kiến, bị lưới yêu trói buộc, tạo các hạnh thấp hèn, liền bị đọa vào địa ngục Kêu gào lớn.

Thứ sáu là địa ngục Thui nướng, cũng có mười sáu ngục nhỏ bao bọc chung quanh (lớn nhỏ cũng như trước). Tại sao gọi là địa ngục Thui nướng? Vì ngục tốt bắt tội nhân đặt trong thành sắt lớn. Thành này bốc cháy, trong ngoài đều đỏ rực, thui nướng tội nhân. Rồi lại đặt trên lầu sắt. Lầu này bốc cháy, trong ngoài đều đỏ rực. Rồi lại đặt trong lò sắt nung. Lò này bốc cháy, trong ngoài đều rực đỏ, thui nướng tội nhân, da thịt cháy rụi, muôn khổ đều đủ. Chịu tội chưa xong, khiến cho không thể chết được. Vì vậy gọi là địa ngục Thui nướng. Lâu ngày chịu khổ xong rồi, mới ra khỏi địa ngục Thui nướng, đến địa ngục Giá lạnh, sau đó mới chết. Do thui nướng chúng sinh nên bị đọa vào địa ngục Thui nướng, chịu đựng đau khổ triền miên vì thui nướng.

Thứ bảy là địa ngục lớn Thui nướng, cũng có mười sáu ngục nhỏ bao bọc chung quanh (lớn nhỏ cũng như trước). Tại sao gọi là địa ngục lớn Thui nướng? Nghĩa là vì ngục tốt ở đây đem tội nhân bỏ trong thành sắt. Thành này bốc cháy, trong ngoài đều đỏ rực, thui nướng tội nhân, da thịt cháy nát, muôn khổ đều đủ. Có hầm lửa lớn, bốc cháy phừng phừng. Hai bên bờ hầm có núi lửa lớn. Ngục tốt đem tội nhân ném xuống, rồi xóc vào đầu ngọn chĩa sắt, dựng đứng trong hầm, thui nướng thân thể, da thịt cháy tan. Chịu tội chưa xong, khiến cho không thể chết được. Lâu ngày chịu khổ xong rồi, mới ra khỏi địa ngục lớn Thui nướng, đến địa ngục Giá lạnh, sau đó mới chết. Do bỏ nghiệp quả tốt lành, làm các ác hạnh, nên phải đọa vào địa ngục lớn Thui nướng này.

Thứ tám là địa ngục Vô gián, cũng có mười sáu ngục nhỏ bao bọc

chung quanh (lớn nhỏ cũng như trước). Tại sao gọi là địa ngục A tỳ? Địa ngục A tỳ nghĩa là địa ngục Vô gián. Tại sao gọi là Vô gián? Vì ngục tốt bắt tội nhân ở đấy lột sạch da dẻ, từ đầu đến chân, rồi lấy da ấy trói buộc tội nhân, treo lên xe lửa. Bánh xe nghiền trên đất nóng, chạy vòng đi vòng lại. Thân thể nát bấy, da thịt vung vãi khắp nơi, muôn khổ đều đủ. Chịu tội chưa xong, khiến cho không thể chết được. Lại có thành sắt, bốn mặt phát cháy. Đông lan đến Tây, Tây lan sang Đông. Nam Bắc trên dưới đều cùng như thế. Lửa cháy tới lui, không sót chỗ nào. Tội nhân chạy khắp Đông Tây, thân thể thiêu hủy, da thịt nát tan. Đau đớn đắng cay, khốn khổ muôn bề. Tội nhân ở bên trong rất lâu, cửa mới mở ra. Tất cả bôn ba chạy tới, tay chân thân thể tất cả đều bốc lửa. Chạy sắp đến cửa, tự nhiên cửa liền đóng lại. Tội chưa đền xong, nên không thể chết được. Tội nhân ở đó, mắt nhìn vật gì, đều thành màu xấu. Tai nghe tiếng dở, mũi ngửi mùi hôi, thân đụng gây đau, ý nghĩa đều bậy. Trong khoảng một búng tay, tất cả đều xấu, nên mới gọi là địa ngục Vô gián. Chịu khổ xong rồi, mới ra khỏi địa ngục Vô gián, đến địa ngục Giá lạnh, sau đó mới chết. Do làm tội nặng, phải chịu nghiệp báo sinh vào đường ác, nên bị đọa vào địa ngục Vô gián, đền tội rất nhiều, không thể kể hết. Trên đây là nói qua tên của tám địa ngục lớn và đều nói trải qua mười sáu ngục nhỏ. Hình thức chịu tội cũng như trước đã trình bày.

Lại nữa, kinh Quán Phật Tam Muội Hải nói rằng: “Địa ngục A tỳ ngang dọc đều rộng tám ngàn do tuần, có bảy lớp tường sắt, bảy lớp lưới sắt. Có mười tám ngăn, chung quanh đều được bao bọc bằng bảy lớp rừng dao. Lại có thêm bảy lớp rừng kiếm. Bốn góc có bốn chó đồng canh giữ, cao lớn đến bốn mươi do tuần. Mắt sáng như điện chớp, nanh sắc như cây kiếm, răng bén như mũi dao, lưỡi nhọn như kim sắt. Tất cả lông lá trên mình đều phát ra lửa dữ, bốc lên khói có mùi hôi thối tha. Còn mười tám ngục tốt, miệng như Dạ-xoa, có sáu mươi bốn mắt, nhìn sục sạo như đạn sắt bắn tung ra. Răng nanh bén chĩa lên, cao bốn do tuần. Đầu răng phát lửa, thiêu đốt xe sắt đã nói trên. Bánh xe ấy bốc lửa, phát ra dao găm, kiếm kích, đốt cháy thành A tỳ, đỏ rực như đồng nấu chảy. Ngục tốt có 8 đầu, sáu mươi bốn sừng. Đầu sừng phát hỏa, hóa thành gang cứng, rồi thành bánh xe dao. Lần lượt từng bánh xe dao này sắp lớp, trong ánh lửa sáng, đầy dẫy cả thành A tỳ. Trong thành có bảy cờ phướn sắt bốc lửa, sôi lên sùng sục. Sắt chảy bắn tung tóe khắp cả bốn cửa thành. Trên thành có 8 chõ lớn, đồng sôi sùng sục, bắn tung tóe khắp trong thành. Giữa hai ngăn của địa ngục có tám vạn bốn ngàn

con trăn sắt lớn, phun ra lửa độc trúng mình tội nhân. Khắp trong thành đều nghe tiếng rít gió của chúng như trời nổi sấm, rồi bắn ra đạn sắt như mưa. Có năm trăm Dạ-xoa, năm trăm ức côn trùng, tám vạn bốn nghìn mỏ bén. Trên đầu phóng lửa như mưa rơi xuống khắp thành A tỳ. Khi đàn côn trùng này bay xuống, lửa mạnh sẽ cháy rực lên, chiếu sáng khắp phía trên ngục đến tám vạn 4 nghìn do tuần, khuấy động nước biển lớn, cháy sém cả chân núi, xuyên thấu đáy biển một lỗ giống hình bánh xe. Nếu có kẻ giết cha hại mẹ, nhục mạ người thân, khi chết đi, chó sắt sẽ biến thành 16 chiếc xe có hình dáng như lọng quý. Tất cả tia lửa sẽ biến thành ngọc nữ. Tội nhân trông thấy từ xa, nảy lòng ham thích muốn xông đến. Gió dao vừa lặng, kiếm lạnh vội rít lên: “Thà được lửa ấm, để yên trong xe, nhóm lên ngồi sưởi, dù chết cũng đành!”. Những ngồi lên ngồi trong xe để chiêm ngưỡng ngọc nữ đều bị bắt và bị búa sắt chặt đứt thân mình. Chỉ trong nháy mắt, rơi xuống A tỳ. Từ ngăn trên rơi xuống, nhanh như bánh xe lửa xoay, đã đến ngăn dưới, thân thể đã nằm yên trong ngăn dưới ấy. Chó sắt sủa lớn, nhai xương hút tủy. La sát ngục tốt cầm chĩa sắt lớn đâm vào đầu, bắt phải đứng lên. Toàn thân rực lửa, lan khắp A tỳ. Bấy giờ, vua Diêm La cất tiếng dạy rằng: “Hỡi các tội nhân ngu si ở trong địa ngục, khi còn sống, các người đã bất hiếu với cha mẹ, sai trái kiêu căng, thiếu đạo đức. Nay các người phải sinh xuống chỗ gọi là địa ngục A tỳ. Cứ thế, lần lượt chịu đựng khổ nạn lớn lao, không thể nói hết. Một ngày một đêm chịu tội ở địa ngục dài bằng sáu mươi Tiểu kiếp ở Diêm-phù-đề. Theo đó, tính lên một đại kiếp. Tạo đủ năm điều ác nghịch, sẽ chịu tội năm kiếp. Còn chúng sinh phạm bốn điều trọng cấm, ngồi ăn không của cải cúng dường, phỉ báng, tà kiến, không biết nhân quả, bỏ ngang học tập Bát nhã, chê bai chư Phật mười phương, ăn cắp vật dụng của tăng già, dâm dật vô đạo, cưỡng hiếp chị em của các Tỳ-kheo-ni đã giữ gìn giới luật thanh tịnh, làm các việc ác. Như loại người này, khi lâm chung, sẽ chịu quả báo trải qua tám vạn bốn ngàn đại kiếp ở địa ngục. Lại phải còn vào trong mười tám ngăn ở phương Đông để chịu tội như trên. Các phương Nam, Bắc, Tây, cũng đều như thế. Thân thể tan nát khắp A tỳ, tứ chi vương vãi khắp mười tám ngăn ây. Địa ngục A tỳ có mười tám địa ngục nhỏ. Trong mỗi địa ngục nhỏ này đều có mười tám địa ngục Giá lạnh, một tám địa ngục Tối tăm, một tám địa ngục Nóng nhỏ, một tám địa ngục Bánh xe dao, một tám địa ngục Bánh xe kiếm, một tám địa ngục Xe lửa, một tám địa ngục Bấn phân nóng, một tám địa ngục Vạc nước sôi, một tám địa ngục Sông tro, năm trăm ức địa ngục Rừng kiếm, năm trăm ức

địa ngục Rừng kim, năm trăm ức địa ngục Cột đồng, năm trăm ức địa ngục Máy sắt, năm trăm ức địa ngục Lưới sắt, một tám địa ngục Hang sắt, một tám địa ngục Đạn sắt, một tám địa ngục Đá nhọn, một tám địa ngục Uống đồng. Như thế, trong địa ngục A tỳ lớn cómột tám địa ngục nhỏ. Trong mỗi địa ngục nhỏ lại có riêng mười tám ngăn. Bắt đầu từ Giá lạnh đến Uống đồng. Tổng cộng có 142 ngăn địa ngục. Mỗi chúng sinh đều tạo nghiệp không giống nhau, nhưng khi trải qua các địa ngục này để chịu khổ thì lại như nhau".

Lại nữa, kinh Khởi Thế nói: "Phật bảo các Tỳ-kheo rằng, trong địa ngục A tỳ lớn cũng có mười sáu ngục nhỏ, tạo thành gia quyến bao bọc chung quanh. Mỗi địa ngục này rộng năm trăm do tuần. Các chúng sinh ở đấy, hoặc có kẻ sinh ra, có kẻ ra khỏi, có kẻ đang ở. Do quả báo của nghiệp ác, có kẻ tự nhiên sinh ra. Bọn ngục tốt canh giữ liền dùng hai tay bắt lấy tội nhân, đánh ngã ngửa trên mặt đất bằng sắt đang bốc lửa, rồi hung hăng lập sấp xuống mặt đất và lấy dao bén lột da, rút gân từ mắt cá của chân tay, kéo lên đến đỉnh đầu, thành một sợi liền nhau thấu tận tim, tủy, đau đớn không thể bàn cãi nổi. Sau khi lột gân xong, liền bắt cưỡi xe sắt chạy đi thật nhanh. Xe ấy rất nóng, lửa cháy sáng hừng hực. Trên đường sắt hiểm trở, chỗ nào xe cũng đều chạy qua một cách thành thạo. Cứ thế chạy hoài, theo ý ngục tốt, không hề dừng lại chút nào. Muốn đến phương nào, cũng đều tùy ý của ngục tốt mà chạy lại. Suốt đường đi, ngục tốt giữ chặt tội nhân, không hề buông lơi. Dọc đường, lửa đỏ thiêu đốt tội nhân, thân thể, huyết thịt chẳng còn lại chút nào. Mọi nghiệp ác đã tạo từ thuở xa xưa, khi chưa làm người, tội nhân đều phải gánh chịu. Do ác báo gây nên, từ phương Đông xuất hiện một đống lửa rất lớn, cháy đỏ phừng phừng. Ngọn lửa bốc lên mãnh liệt. Các phương Nam Bắc Tây và trên dưới tứ duy cũng đều như vậy. Những kẻ bị các đống lửa ấy bủa vây, càng lúc càng bị siết gần hơn để chịu khổ nạn. Từ vách phía Đông, xuất hiện ánh lửa lớn phóng thẳng sang vách phía Tây rồi mới dừng lại. Từ vách phía Tây, xuất hiện ánh lửa lớn phóng thẳng sang vách phía Bắc. Từ vách phía Bắc, xuất hiện ánh lửa lớn phóng thẳng vào vách phía Nam, từ dưới lên trên, từ trên xuống dưới, ngang dọc cùng gặp nhau, trên dưới cùng chạm nhau, sức nóng mãnh liệt, tia lửa bay chạm vào nhau. Bấy giờ, bọn ngục tốt bắt các tội nhân đặt vào trong sáu đống lửa lớn ấy, đến nỗi chịu đựng khổ sở vô cùng thống thiết, nhưng tội nhân vẫn chưa chết, vì nghiệp ác của họ chưa trả hết, phải ở trong đó để chịu đựng mọi nỗi đau đớn. Các chúng sinh ở trong địa ngục A tỳ rất lớn này, do quả báo của nghiệp ác, phải

trải qua một quãng thời gian dài vô lượng, chịu mọi khổ sở xong rồi, bốn cửa của địa ngục mới mở ra lại. Lúc cửa vừa mở, các tội nhân nghe tiếng cửa mở, liền chạy bổ về đấy và suy nghĩ thế này, hôm nay chúng ta thoát được bọn ngục tốt ở đây rồi! Trong khi chạy gấp gáp rất nhanh như thế, thân thể của họ bỗng nhiên bốc cháy phừng phừng, giống như dũng sĩ cầm bó đuốc cỏ khô chạy ngược chiều gió. Bó đuốc ấy sẽ càng cháy mãnh liệt hơn nữa. Hễ các tội nhân ấy chạy nhanh, thân thể của họ càng bốc cháy mãnh liệt hơn, đến nỗi khi sắp giơ chân lên thì huyết thịt đã cháy tiêu tan, sắp hạ chân xuống thì huyết thịt lại mọc ra. Khi vừa đến cửa ngục, cửa ngục liền đóng lại kín mít. Biết không thể ra được, trong lòng bực tức muộn phiền, bèn ngã sấp xuống đất, bị thiêu đốt khắp da dẻ. Xong đến xác thịt, xong đến xương cốt, cho đến tủy não. Khói lửa ngùn ngụt, ngọn lửa gay gắt. Khói lửa hòa quyện vào nhau, nỗi đau khổ càng thêm bội phần. Tội nhân chịu khổ khắc nghiệt ở bên trong. Do ác nghiệp chưa hết, nên phải gánh chịu tất cả. Trong mọi lúc, tại địa ngục A tỳ rất lớn này không có một khoảnh khắc nào được tạm thời an lạc, dù trong khoảnh khắc một cái búng tay. Cứ thế tội nhân lần lượt chịu đủ mọi nỗi khổ ấy. Phật bảo các Tỳ-kheo bằng lời thế này, các ông nên biết rằng trong cõi ấy còn có mười địa ngục khác. Là mười địa ngục nào? Một là địa ngục Át phù đà, hai là địa ngục Nê la phù đà, ba là địa ngục A hô, bốn là địa ngục Hô hô bà, năm là địa ngục A cha cha, sáu là địa ngục Tao kiện đề ca, bảy là địa ngục Ưu bát la, tám là địa ngục Ba đầu ma, chín là địa ngục Bôn trà lê ca, mười là địa ngục Câu mâu đà. Do nhân duyên nào gọi là địa ngục Át phù đà? Vì các chúng sinh ở đấy có thân hình giống như bọt nước, nên gọi là địa ngục Át phù đà. Lại do nhân duyên nào gọi là địa ngục Nê la phù đà? Vì các chúng sinh ở đấy có thân hình giống như miếng thịt, nên gọi là địa ngục Nê la phù đà. Lại do nhân duyên nào gọi là địa ngục A hô? Vì các chúng sinh ở đấy khi chịu đau đớn hành hạ khắc nghiệt, đã kêu gào lên "Ô hô! Ô hô!, rất là thống thiết, nên gọi là địa ngục A hô. Lại do nhân duyên nào gọi là địa ngục Hô hô bà? Vì các chúng sinh ở đấy mỗi khi bị nỗi cực khổ trong địa ngục ấy hành hạ, đã kêu gào lên "Hừ hừ bà! Hừ hừ bà", nên gọi là địa ngục Hô hô bà. Lại do nhân duyên nào gọi là địa ngục A cha cha? Vì các chúng sinh ở đấy bị nỗi khổ cực hành hạ thân thể quá sức, chỉ còn biết kêu rên "A cha cha! A cha cha!". Nhưng lưỡi tê đơ lại, nên miệng không thể phát thành lời. Vì thế, mới gọi là địa ngục A cha cha. Lại do nhân duyên nào gọi là địa ngục Tao kiện đề ca? Vì màu sắc của tia lửa mạnh trong địa ngục có các chúng sinh ấy giống hoa Tao

kiện đề ca, nên gọi là địa ngục Tao kiện đề ca. Lại do nhân duyên nào gọi là địa ngục Ưu bát la? Vì màu sắc của tia lửa mạnh trong địa ngục có các chúng sinh ấy giống hoa Ưu bát la, nên gọi là địa ngục Ưu bát la. Lại do nhân duyên nào gọi là địa ngục Ba đầu ma? Vì màu sắc của tia lửa mạnh trong địa ngục có các chúng sinh ấy giống hoa Ba đầu ma, nên gọi là địa ngục Ba đầu ma. Lại do nhân duyên nào gọi là địa ngục Bôn trà lê ca? Vì màu sắc của tia lửa mạnh trong địa ngục có các chúng sinh ấy giống hoa Bôn trà lê ca, nên gọi là địa ngục Bôn trà lê ca. Lại do nhân duyên nào gọi là địa ngục Câu mâu đà? Vì màu sắc của tia lửa mạnh trong địa ngục có các chúng sinh ấy giống hoa Câu mâu đà, nên gọi là địa ngục Câu mâu đà".

Lại nữa, kinh Tam Pháp Độ Luận nói: "Địa ngục có ba loại: một là địa ngục nóng, hai là địa ngục Lạnh, ba là địa ngục Phụ.

Thứ nhất là địa ngục Nóng, theo Bộ Tát bà đa, có tám địa ngục lớn: một gọi là địa ngục Cùng sống, còn gọi là Sống lại. Hoặc ngục tốt kêu cho sống lại, hoặc gió lạnh thổi cho sống lại. Hai nguyên nhân tuy khác nhau, nhưng làm cho sống lại thì cũng là một như nhau, nên gọi là địa ngục Sống lại. Hai gọi là địa ngục Dây thừng đen. Trước tiên, lấy dây thừng cột lại, sau đó lấy búa chặt đứt. Ba gọi là địa ngục Cùng khép, cũng gọi là Cùng ép. Hai ngọn núi cùng khép lại phía dưới để cùng ép tội nhân. Bốn gọi là địa ngục Hô hô, cũng gọi là địa ngục Kêu gào. Ngục tốt đuổi theo ráo riết, tội nhân kêu gào "hô hô" mà chạy. Năm gọi là địa ngục Kêu lớn hay cũng gọi là địa ngục Kêu gào lớn. Do bốn ngọn núi nổi lửa, muốn thoát ra ngoài nhưng không có đường chạy trốn, nên gọi là địa ngục Kêu gào lớn. Sáu gọi là địa ngục Nóng, cũng gọi là Thui nướng. Do lửa cháy, vách sách cận kề, phải ở bên trong chịu nóng. Bảy gọi là địa ngục Nóng nhiều, cũng gọi là Thui nướng lớn. Do lửa nhiều, núi cùng nhau cháy lên, thui nướng tội nhân. Tám gọi là địa ngục Không chọn lựa, cũng gọi là Vô gián. Một lần bị ném vào lửa nóng, vĩnh viễn không bao giờ có được phút giây an lạc. Đã chịu khổ không ngừng, còn chọn lựa gì được! tám địa ngục lớn này ở tại châu Diêm-phù-đề, có thành lũy chập chùng bao phủ". Theo luận Tam Pháp Độ nói: "hai địa ngục đầu có người điều khiển. ba địa ngục kế tiếp ít người điều khiển. ba địa ngục theo sau không có người điều khiển. Nhưng tám địa ngục này là chính. Mỗi một địa ngục đều có mười sáu ngục phụ vây quanh. Một mặt có bốn địa ngục phụ. Bốn lần bốn gộp lại, tổng cộng có mười sáu ngục phụ, cộng với địa ngục chính là mười bảy địa ngục. Tám lần mười bảy gộp lại là một trăm ba mươi sáu địa ngục.

Tội nhân ở trong đó chịu đau khổ thảm thương”.

Thứ hai là địa ngục Lạnh, cũng có tám địa ngục: một là địa ngục Át phù đa. Do rét lạnh ghê gớm cắt da thịt, sinh ra nhọt bỏng. Hai gọi là địa ngục Nê lại phù đà. Do gió lạnh hổi, khắp thân mình sinh ra nhọt bỏng. Ba gọi là địa ngục A cha cha. Do môi không mấp máy được, chỉ còn lưỡi uốn éo mà thôi, nên phát ra tiếng này. Bốn gọi là địa ngục A ba ba. Do lưỡi không uốn éo được, chỉ còn môi mấp máy mà thôi, nên phát ra tiếng này. Năm gọi là địa ngục Đằng hắng. Do môi và lưỡi không mấp máy, uốn éo được, chỉ còn hơi phát ra trong cổ họng, nên thành ra âm thanh này. Sáu gọi là địa ngục Uất ba la. Đây là tên hoa sen xanh, loại sen này lá nhỏ. Do màu thịt rách sơ giống sắc của hoa này nở ra theo hướng mặt trời. Bảy gọi là địa ngục Ba đầu ma. Đây là tên hoa sen đỏ. Do màu thịt rách nhiều giống sắc của hoa này nở. Tám gọi là địa ngục Phân đà lợi. Đây là tên hoa sen trắng. Do màu xương bể ra giống sắc của hoa này nở. Hai địa ngục đầu theo hình tướng để đặt tên. Ba địa ngục kế tiếp theo âm thanh để đặt tên. Ba địa ngục sau cùng theo vết thương để đặt tên. Thế nên, luận Câu Xá nói: “Trong tám địa ngục này, chúng sinh bị cơn lạnh cùng cực hành hạ. Do thân thể, âm thanh và vết thương biến đổi khác nhau, nên mới đặt tên các danh từ này”. Theo luận Tam Pháp Độ nói: “Hai địa ngục đầu có thể kêu lên được. bốn địa ngục kế tiếp không thể kêu lên được nữa. ba địa ngục tiếp theo không hề kêu lên. tám địa ngục này ở dưới châu lớn, đụng đáy núi Thiết Vi, có vị trí hướng lên. Trong đó các tội nhân chịu đựng khổ sở vì giá lạnh”.

Thứ ba là địa ngục Phụ. Theo luận Tam Pháp Độ thì cũng có ba loại: một là tại núi non, hai là tại sông nước, ba là tại đồng không. Do chịu nghiệp báo khác nhau, nên phải bị nóng lạnh lẫn lộn. Nếu bàn về tuổi thọ, sẽ có số ngắn dài.

Lại nữa, luận Lập Thế A-tỳ-đàm nói: “Đức Thế-tôn bảo, có địa ngục lớn tên là Tối tăm, ở phía ngoài cửa các quốc độ đều có. Địa ngục này không có mái che. Tội nhân ở bên trong tự đưa tay ra, nhưng mắt vẫn không nhìn thấy. Lại nữa, dù mặt trời mặt trăng có đủ thần lực phát ra tất cả ánh sáng, nhưng cũng không chiếu tỏ được sắc tướng của địa ngục ấy. Khi có chư Phật ra đời, hào quang chiếu diệu khắp nơi. Nhờ ánh hào quang chiếu diệu này, tội nhân mới trông thấy nhau. Ở phía ngoài, giữa hai ngọn núi Thiết Vi, gọi là cõi ngoài, là địa ngục Giá lạnh. Có mười địa ngục khác nhau. Từ địa ngục thứ nhất là Át phù đa đến địa ngục thứ mười là Ba đầu ma. Trong địa ngục Tối tăm ấy, chúng sinh đi ngang, biết suy niệm hướng thiện, có thân hình lớn bằng con thằn lằn.

Trong địa ngục Giá lạnh ở cõi ngoài này, chúng sinh cũng đi ngang, lớn bằng con Át đa. Nhân gió lạnh thổi chạm vào mình, thân hình của chúng sẽ vỡ toang ra giống trái dưa chín. Như đi giữa rừng lau lách bị ngọn lửa lớn đốt cháy, phát ra tiếng nổ chát chát, các chúng sinh ở địa ngục Giá lạnh này cũng thế, bị gió lạnh thổi chạm vào mình, xương vỡ nát tan, phát ra tiếng nổ chát chát. Nhờ âm thanh này, mọi chúng sinh cùng nhận biết ra nhau. Có chúng sinh sinh vào địa ngục Giá lạnh này. Nếu trong địa ngục này có chúng sinh mệnh chung, phần đông sẽ sinh vào địa ngục Tối tăm ấy. Nếu chúng sinh ở các địa ngục khác chết đi, phải sinh vào địa ngục Giá lạnh này, nằm ở phía ngoài, giữa hai ngọn núi Thiết Vi. Giữa hai ngọn núi ấy, chỗ hẹp nhất là tám vạn do tuần. Phía dưới không có đáy. Phía trên không có mái che. Chỗ rộng nhất đo được một ngàn sáu vạn do tuần”.

Thứ tư: PHẦN THỜI LƯỢNG

Theo kinh Khởi Thế nói: “Phật bảo, như lấy hộc của nước Kiều Tát La đem đong mè đầy hai mươi hộc, vun cao không gạt. Có một người đàn ông, đủ một trăm năm liệng bớt 1 hột mè. Lần lượt như thế, đủ một trăm năm lại lấy bớt một hột liệng sang chỗ khác. Đến khi liệng hết hai mươi hộc mè đong vun ấy, nhưng thì lượng của thọ mạng mà ta nói, vẫn chưa hết. Lại nữa, lấy thì lượng này để tính đại khái, thì hai mươi thọ mạng ở địa ngục Át phù đa bằng một thọ mạng ở địa ngục Nê la phù đà. hai mươi thọ mạng ở địa ngục Nê la phù đà bằng một thọ mạng ở địa ngục A hô. hai mươi thọ mạng ở địa ngục A hô bằng một thọ mạng ở địa ngục Hô hô bà. hai mươi thọ mạng ở địa ngục Hô hô bà bằng một thọ mạng ở địa ngục A cha cha. hai mươi thọ mạng ở địa ngục A cha cha bằng một thọ mạng ở địa ngục Tao kiện đề ca. hai mươi thọ mạng ở địa ngục Tao kiện đề ca bằng một thọ mạng ở địa ngục Ưu bát la. hai mươi thọ mạng ở địa ngục Ưu bát la bằng một thọ mạng ở địa ngục Câu mâu đà. hai mươi thọ mạng ở địa ngục Câu mâu đà bằng một thọ mạng ở địa ngục Bôn trà lê ca. hai mươi thọ mạng ở địa ngục Bôn trà lê ca bằng một thọ mạng ở địa ngục Ba đầu ma. hai mươi thọ mạng ở địa ngục Ba đầu ma bằng một trung kiếp”.

Lại nữa, kinh Na Tiên Tỳ-kheo Vấn Phật nói: “Như lửa của thế gian không nóng bằng lửa trong địa ngục. Nếu cầm viên đá cuội bỏ vào trong lửa thế gian đến chiều, viên đá cuội vẫn không tiêu. Nếu mang lấy tảng đá lớn bỏ vào lửa trong địa ngục, tảng đá lớn sẽ lập tức tiêu tan. Thế nhưng có người làm ác, khi chết đọa vào địa ngục mấy vạn

năm, người ấy vẫn không chết. Còn như loài mãng xà, giao long lớn nuốt lấy đá lớn thì tiêu. Thế nhưng loài người có thai trong bụng thành con thì lại không tiêu. Điều ấy do nghiệp lực thiện ác khiến cho tiêu và không tiêu cả. Như hành vi thiện ác do con người làm ra, sẽ theo con người như bóng theo hình. Con người khi chết, chỉ mất thân xác, nhưng không mất hành vi đã làm. Giống như ban đêm đốt đèn ngồi viết chữ, đèn tắt nhưng chữ vẫn còn. Có đèn, sau mới có chữ. Cũng thế, hành vi tạo tác hôm nay, đời sau sẽ thành tựu đủ. Lại như ánh lửa cháy phừng phừng trong địa ngục Bát đầu ma, tội nhân đứng cách xa ngọn lửa này một trăm do tuần, lửa đã thui nướng. Nếu đứng cách xa sáu mươi do tuần, hai tai của tội nhân đã điếc, không nghe được gì. Nếu đứng cách xa năm mươi do tuần, hai mắt của tội nhân đã mù, không thấy được gì nữa. Vì Tỳ-kheo Cù Ba Lợi đã nuôi ác tâm phỉ báng Xá-lợi-tử và Mục-kiền-liên, nên khi thân nát mệnh chung, liền bị đọa vào địa ngục Bát đầu ma này". Lại như kinh Khởi Thế nói: "Nếu các chúng sinh đứng cách xa vị trí của địa ngục Ba đầu ma một trăm do tuần, liền bị ánh lửa của địa ngục ấy lan đến. Nếu các chúng sinh đứng cách xa năm mươi do tuần, thì liền bị ánh lửa ấy hun đốt, làm cho mù mắt. Nếu các chúng sinh đứng cách xa hai mươi lăm do tuần, thì huyết thịt của bọn họ đều bị cháy nát. Còn như các người xuất gia tu hành Phạm hạnh, do sinh tâm ô trọc không ngay chính, do sinh tâm gây phiền não, do sinh tâm độc ác, do sinh tâm không làm lợi ích, do không có từ tâm, do không có tâm thanh tịnh nên phải chịu lấy tai ương. Thế nên, đối với các người xuất gia tu hành Phạm hạnh, đã tạo nên các nghiệp thiện về thân, khẩu, ý thì thường được hưởng an lạc tự tại. Bấy giờ đức Thế-tôn nói kệ rằng:

"Những người thế gian khi còn sống,
Đầu lưỡi tự nhiên sinh búa rìu.
Nghĩa là miệng nói các điều ác,
Vẫn là tự hại bản thân thôi.
Người đáng khen thì không chịu khen,
Người không đáng khen lại đem khen.
Như thế, gọi là cãi trong miệng,
Vì cãi trong miệng nên không vui.
Nếu người đánh cờ ăn tiền của,
Gọi là cãi nhỏ trong thế gian.
Với người tu hành nổi lòng xấu,
Như thế là cãi lớn trong miệng.
Sẽ đọa ba mươi sáu muôn kiếp,

Trong địa ngục Nê la phù đa,
Năm kiếp trong địa ngục Át phù đà,
Rồi đọa vào địa ngục Ba đầu ma.
Phỉ báng Thánh nhân nên phải thế,
Do nghiệp khẩu ý làm điều ác".

Thứ năm: PHẦN ĐIỂN CHỦ

Như các kinh Vấn Địa Ngục và Tịnh Độ Tam Muội nói: "Tổng quát, địa ngục có một trăm ba mươi bốn chỗ. Trước tiên, thuật tên và chỗ cư trú của chúa tể địa ngục. Vua Diêm La ngày xưa là quốc vương Tỳ sa cùng với vua Duy Đà Thủy Sinh giao chiến, binh lực yếu hơn, nên lập lời thề cầu nguyện làm chúa tể địa ngục. Có mười sáu vị tướng tá thống lãnh hàng trăm vạn quân sĩ, đầu mọc sừng, hai tai vểnh lên vì giận dữ, cùng lập lời thề, sau này sẽ xin kính giúp nhà vua trừng trị tội nhân ấy. Quốc vương Tỳ Sa chính là vua Diêm La hiện nay. Mười tám vị đại thần là các tiểu vương ngày nay. Trăm vạn quân lính là bọn ngục tốt vậy". Lại nữa, kinh Trường A-hàm nói: "Phía Nam châu Diêm-phù-đề có núi Kim cương, trong đó có cung điện của vua Diêm La, ngang dọc rộng sáu ngàn do tuần (kinh Vấn Địa Ngục nói, thành trì ở địa ngục ngang dọc rộng ba vạn dặm, do vàng bạc tạo thành). Mỗi ngày đêm, vào lúc canh ba, có vạc đồng tự nhiên xuất hiện trước điện. Nếu vạc đồng chạy vào trong cung, nhà vua đâm ra sợ hãi, bỏ chạy ra ngoài cung. Nếu vạc đồng chạy ra ngoài cung, nhà vua bỏ chạy vào trong cung. Có tên ngục tốt cao lớn bắt nhà vua nằm trên sắt nóng, lấy móc sắt móc miệng, rót đồng chảy vào, từ yết hầu lọt xuống, tất cả đều cháy tan. Xong xuôi, nhà vua lại cùng các thể nữ vui chơi. Các vị đại thần cũng đều được hưởng phước báo như thế". Kinh Vấn Địa Ngục nói: "mười tám vị tiểu vương cai quản một tám địa ngục là: Một Ca diên trông coi địa ngục, hai Khuất tuân trong coi núi dao, 3. Phất tiến thọ trông coi cát nóng bắn ra. 4. Phân bắn trông coi phân bắn. 5. Ca thế trông coi địa ngục Hắc nhĩ. 6. Khái tra trông coi xe lửa. 7. Thang vị trông coi vạc nước sôi. 8. Thiết ca nhiên trông coi giường sắt. 9. Ác sinh trông coi núi ép. 10. ... trông coi địa ngục Giá lạnh. 11. Tỳ ca trông coi lột da. 12. Diên đầu trông coi súc sinh. 13. Đề bạc trông coi chiến tranh. 14. Di đại trông coi cối mài. 15. Duyệt đầu trông coi địa ngục Nước. 16. ... trông coi rào sắt. 17. Danh thân trông coi dòi bọ. 18. Quan thân trông coi đồng sôi".

Lại nữa, kinh Tịnh Độ Tam Muội nói: "Lại có ba mươi địa ngục, mỗi địa ngục đều có người trông coi. Không cần kể rõ, chỉ ghi tên năm

chức quan: 1/ Tiên quan cấm sát sinh. 2/ Thủy quan cấm trộm cướp. 3/ Thiết quan cấm tà dâm. 4/ Thổ quan cấm nói hai lưỡi. 5/ Thiên quan cấm uống rượu”. Kinh Vấn Địa Ngục nói: “Các địa ngục sắp hàng tại bốn phía Đông Tây Nam Bắc của thành vua Diêm La. Tuy có ánh sáng của mặt trời mặt trăng nhưng không chiếu rõ. Riêng địa ngục Hắc nhĩ ánh sáng không chiếu đến. Khi người chết, sinh vào Trung ấm. Trung ấm nghĩa là đã bỏ Tử âm, chưa đến Sinh âm. Các tội nhân ở đấy nương theo Trung ấm đi vào thành Nê lê. Thành Nê lê là chỗ tội nhân cùng nhau tập hợp trước thời gian chịu tội (đời Lương dịch là thành Mật ước hay còn gọi là thành Đóng cửa). Cơn gió tài tình thổi qua, tùy theo nghiệp nặng nhẹ, các người chết thọ lãnh thân hình lớn nhỏ khác nhau. Cơn gió thối thổi qua, tạo thành thân hình thô xấu dành cho tội nhân. Cơn gió thơm thổi qua, tạo thành thân hình nhỏ bé dành cho người có phước đức”.

Thứ sáu: PHẦN VƯƠNG ĐÔ

Như kinh Khởi Thế nói: “Ở phía ngoài hai ngọn núi Thiết Vi thuộc phía Nam châu Diêm-phù-đề có cung điện của vua Diêm Ma, ngang dọc đều bằng nhau, rộng sáu ngàn do tuần. Có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới gắn lục lạc. Phía ngoài có bảy lớp hàng cây Đa la bao bọc chung quanh. Có nhiều màu sắc rực rỡ đáng xem do bảy loại châu báu tạo thành. Tại bốn phía đều có cửa lớn. Mỗi cửa đều có lầu canh giặc. Đền đài cung điện, vườn tược ao hồ có đủ loại hoa thơm quả ngọt đẹp đẽ. Gió thoảng mùi hương, chim chóc hót ca. Nhà vua vì nghiệp ác phải chịu quả báo không lành, nên vào lúc canh ba của mỗi ngày đêm, tự nhiên có nước đồng nấu sôi đỏ rực hiện ra ở trước mắt. Cung điện của nhà vua liền biến thành sắt xám. Công đức ngũ dục cũng biến mất, không hiện ra. Nhà vua thấy xong, sợ hãi thất thần, lông tóc đều dựng đứng, phải bỏ chạy ra ngoài. Nếu nước đồng sôi hiện ra ở phía ngoài, nhà vua phải bỏ chạy vào cung. Bấy giờ, có ngục tốt canh cửa bắt lấy vua Diêm ma, giơ lên cao, rồi đánh nằm xuống trên mặt đất sắt nóng hổi. Mặt đất ấy phừng phừng rực lên ánh lửa vô cùng mãnh liệt. Sau khi ngục tốt đã đánh nhà vua nằm ngã xuống, bèn lấy kềm sắt banh miệng rộng ra, rót nước đồng sôi vào miệng. Bấy giờ, vua Diêm Ma bị thiêu cháy miệng mồm. Kế đó cháy lưỡi, sau đó cháy cổ họng, rồi cháy cả ruột non ruột già. Lần lượt thiêu cháy tất cả, liền thoát ra ngoài. Bấy giờ, nhà vua ấy suy nghĩ thế này: “Tất cả chúng sinh, do thời tiền kiếp, thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ đều ác và các chúng sinh khác cùng tạo nghiệp ác, đều phải chịu nỗi khổ này. Ta nguyện từ

nay, sau khi từ bỏ xác thân này, có lại thân khác, được sinh làm người trên chốn nhân gian. Đối với chánh pháp của Như Lai, phải có lòng tin hiểu. Cạo bỏ tóc râu, mặc áo cà sa, đạt đến tin hiểu chân chính. Từ nhà xuất gia, sau khi đã xuất gia, cầu chứng được đạo. Sinh tử đã hết, Phạm hạnh đã thành. Chuyện cần phải làm, đều đã làm xong. Sẽ không còn thọ sinh lại vào kiếp sau nữa. Khi vừa phát ra những ý nghĩ tốt lành được huân tập đến mức ấy, lập tức cung điện đang ở biến thành thất bảo giống như của chư Thiên. Công đức ngũ dục xuất hiện đầy đủ. Nhờ ba nghiệp thiện, thân tâm của nhà vua ấy liền được an lạc tự tại".

Lại nữa, luận Bà-sa có câu hỏi: "Các ngục tốt ở địa ngục là số chúng sinh thật sự hay không phải là số chúng sinh thật sự?". Đáp: "Nếu những ngục tốt dùng khóa sắt trói cột chúng sinh vừa ra đời ở địa ngục, rồi giải đến trước chỗ vua Diêm Ma thì đúng là số chúng sinh thật sự. Nếu những ngục tốt dùng các loại khổ cụ ở địa ngục để làm hại chúng sinh thì không phải là số chúng sinh thật sự". Dưới châu Thiệm Bộ có địa ngục lớn. Trên châu Thiệm Bộ cũng có địa ngục phụ và địa ngục độc lập. Hoặc ở trong hang, hoặc ở trên núi, hoặc ở giữa đồng không, hoặc ở giữa không trung. Trong ba châu khác, chỉ có địa ngục phụ và địa ngục độc lập, không có địa ngục lớn. Tại sao lại như thế? Đáp: "Bởi vì chỉ có người ở châu Thiệm Bộ làm thiện mạnh mẽ, làm ác cũng mãnh mẽ. Các châu khác đều không như thế". Có người nói: "Châu Bắc Câu lô cũng không có địa ngục phụ, vì ở đó là nơi đã hưởng được nghiệp quả thuần khiết".

Hỏi: Các châu khác đều không có địa ngục lớn. Nếu có các chúng sinh ở đấy tạo các nghiệp ác vô gián, mất sạch thiện căn thì phải chịu quả báo dị thục ở chỗ nào?.

Đáp: Thì phải chịu quả báo ấy ở địa ngục lớn ngay tại phía dưới châu Thiệm Bộ".

Hỏi: Hình dáng của chúng sinh ở địa ngục ra sao?.

Đáp: Hình dáng giống người.

Hỏi: Tiếng nói ra sao?.

Đáp: Khi mới sinh ra đều nói tiếng Thánh. Về sau, do chịu khổ nạn, dù phát ra đủ loại âm thanh thống khổ, nhưng không còn một tiếng nói nào có thể hiểu được. Chỉ có những tiếng búa chặt, kim đâm, tay xé da thịt mà thôi!".

Thứ bảy: PHẦN NGHIỆP NHÂN

Như kinh Thập Luận nói: "Có năm tội nghịch được xem là ác

nhất. Là năm tội nghịch gì? Ấy là cố tâm giết cha mẹ, A-la-hán, phá hoại Thanh văn, phá hoại sự hòa thuận của tăng già, cho đến có ác tâm làm thân Phật đổ máu. Những tội này gọi là năm tội nghịch. Nếu có người nào làm một trong năm loại tội nói trên thì không được phép xuất gia, thọ giới cụ túc. Nếu cho phép xuất gia thì phạm tội nặng, cần phải đuổi đi. Nếu đã xuất gia, có đầy đủ các uy nghi pháp phục, thì không được đánh đập, trói giam. Lại có bốn tội lớn, ngang hàng với bốn tội nghịch căn bản. Là bốn tội gì? Ấy là giết Bích Chi Phật, gọi là tội sát sinh căn bản. Dâm dục với A-la-hán, Tỳ-kheo-ni, gọi là tội tà dâm căn bản. Nếu có người đem tiền của cúng dường Phật pháp tăng, quản lý tiền của ấy rồi tiêu xài riêng, gọi là tội ăn cắp căn bản. Nếu có người nào kiến chấp đảo điên, phá hoại các Tỳ-kheo, ấy là tội phá tăng căn bản. Nếu có người phạm một trong bốn tội căn bản ấy, đều không được cho phép xuất gia theo Phật pháp. Nếu đã xuất gia, thì không được thọ giới cụ túc. Nếu đã lỡ thọ giới cụ túc, phải đuổi đi. Vì đã có đủ uy nghi pháp phục, không nên đánh đập, trói giam, giết chết. Như thế đều gọi là tội căn bản, chứ không phải là tội nghịch. Có trường hợp tội căn bản cũng là tội nghịch. Có trường hợp là tội nghịch, chứ không phải là tội căn bản. Có trường hợp không phải là tội nghịch, cũng không phải là tội căn bản.

Sao gọi là tội nghịch, đồng thời cũng là tội căn bản? Như có người nào xuất gia, đã thọ giới cụ túc, đã thấy được Chân đế, lại đem giết mất. Như thế gọi là tội nghịch, đồng thời cũng là tội căn bản. Đối với hạng người này, xét theo giới luật của ta, cần phải đuổi đi.

Sao gọi là tội căn bản, chứ không phải là tội nghịch? Nếu có người xuất gia theo Chánh pháp của ta, lại cố ý giết hại các chúng sinh vô tội, hoặc dùng thuốc độc, làm cho họ sẩy thai. Như thế, gọi là phạm tội căn bản, chứ không phải là tội nghịch. Nếu có đồ ăn uống, tọa cụ của chư tăng ở bốn phương, đều không đem san sẻ cùng cho hưởng dụng. Nếu có chúng sinh nào đem lòng nghi ngờ Phật pháp tăng, thấy có người xuất gia, thậm chí thấy kẻ khác đọc tụng, lại cản trở làm khó, dù chỉ một câu kệ. Đấy không phải là tội căn bản, cũng không phải là tội nghịch, chính là tội rất ác, gần với tội nghịch. Như hạng chúng sinh này, nếu không chịu sám hối, chừa bỏ tội căn, thì cuối cùng cũng không thể cho phép xuất gia theo Phật pháp. Nếu đã xuất gia, thọ giới cụ túc, lại không chịu sám hối tội lỗi thì cũng phải đuổi đi. Tại sao thế? Vì không tin chánh pháp, phỉ báng Tam thừa, phá hoại mất chánh pháp, muốn tắt đèn pháp, cắt đứt hạt giống tam bảo, tổn hại nhân thiên, đã không

được lợi ích gì, sẽ còn bị đọa vào đường ác. Hai loại người này, gọi là hủy hoại chánh pháp, phỉ báng Thánh hiền, sẽ chịu đọa đày thêm nhiều kiếp ở địa ngục. Những loại nghiệp ác như thế gọi là đại trọng tội căn bản. Sao gọi là tội không uy nghi căn bản? Nếu có Tỳ-kheo nào cố ý dâm dục, cố ý sát sinh, trộm cắp, cố ý nói dối, nếu phạm bất kỳ mộ tội nào trong bốn tội căn bản này, thì không được phép tham dự vào mọi tăng sự của các Tỳ-kheo, không được san sẻ thọ dụng đồ ăn uống, chăn đệm của chư tăng bốn phương. Tuy nhiên, nhà vua, các vị đại thần và tất cả quan lại không nên đánh đập, trói giam, dùng hình phạt, thậm chí giết chết. Như thế, gọi là thể tính tướng của tội căn bản . Sao gọi là tội trọng căn bản? Nếu có người làm nên hành vi như thế, hành vi này là căn bản ác đạo. Do đó, gọi là tội trọng căn bản. Giống như viên đạn sắt, tuy ném giữa không trung, không hề tạm dừng, lại mau mau rơi xuống đất. Cũng thế, đối với năm tội nghịch, bốn tội trọng cấm và hai loại tội chúng sinh hủy hoại chánh pháp, phỉ báng Thánh hiền, trong mười mộtloại tội này, nếu người nào phạm bất cứ một tội, khi chết đi, sẽ bị đọa vào địa ngục A tỳ”.

Lại như kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Khổ sở ở địa ngục A tỳ nhiều hơn nghìn lần so với bảy địa ngục lớn ở trước. Sống qua một kiếp ở đấy, thân hình lớn năm trăm do tuần. Người nào tạo bốn tội nghịch, lớn bốn trăm do tuần. Người nào tạo hai tội nghịch, lớn hai trăm do tuần. Người nào tạo một tội nghịch, lớn một trăm do tuần. Người tạo năm tội nghịch ấy, khi sắp lâm chung, kêu gào hoảng loạn, cổ họng kéo đàm. Cứ thế chết đi, trung hữu sắc sinh ra, không thấy nghiệp báo của mình. Thân thể lớn bằng đưa trẻ lên tám. Vua Diêm La đốt cháy dây sắt, siết chặt cổ họng, rồi trói hai tay, dốc ngược đầu xuống, kéo ngược chân lên. Trải qua hai ngàn năm phải đi dốc ngược đầu xuống. Tóc tai bị đốt cháy nhiều. Trước hết, đốt cháy đầu, sau đó đốt cháy mình. Chư Thiên ở cõi lục dục ngửi phải mùi hôi trong địa ngục A tỳ ấy xông lên, lập tức tiêu tan. Tại sao thế? Vì tội nhân ở địa ngục A tỳ cực kỳ hôi hám”.

Lại nữa, kinh Quán Phật Tam Muội Hải nói: “Phật bảo A Nan, nếu có chúng sinh nào giết cha hại mẹ, nhục mạ người thân, làm những tội ấy, đến lúc mệnh chung, trong khoảng nhấp nháy, nhanh như lực sĩ duỗi tay, sẽ bị rơi tuốt xuống địa ngục A tỳ, vua Diêm La hóa thân, cất cao tiếng dạy bảo: “Hỡi các tội nhân ngu si trong địa ngục! Khi bọn ngươi còn sống trên thế gian, đã bất hiếu với cha mẹ, sai trái, kiêu căng vô đạo, nên ngày nay bọn các ngươi phải sinh vào chỗ gọi là địa ngục A tỳ”. Nói xong lời này, liền biến mất không thấy nữa. Bấy giờ, ngục tốt

lại xô đẩy tội nhân đi từ ngăn dưới lên đến ngăn trên, trải qua khắp tám vạn bốn nghìn ngăn, chen chúc nhau đi, đến mép lưới sắt. Trong một ngày đêm, thì đã đi trọn một vòng địa ngục A tỳ. Một ngày một đêm ở đấy, nếu đem so sánh với thời lượng ở châu Diêm-phù-đề này, đã trải qua sáu mươi Tiểu kiếp. Cứ thế, thọ mệnh ở đây hết một đại kiếp. Người nào làm đủ năm tội nghịch, sẽ chịu tội đủ năm kiếp. Lại có chúng sinh phạm bốn tội trọng cấm, ăn không của cải do tín chủ cúng dường, phỉ báng, tà kiến, không biết nhân quả, bỏ ngang học tập Bát nhã, hủy báng chư Phật mười phương, ăn cắp tiền của của tăng già, dâm dật vô đạo, cưỡng hiếp chị em, bà con của các Tỳ-kheo-ni đã giữ giới thanh tịnh, không biết xấu hổ xâm phạm tình dục người thân, gây chuyện xấu xa ấy. Quả báo của loài người này, đến khi mệnh chung, sẽ bị gió dao xẻ xác, trong một giây lát, thân như hoa sắt, bay đầy khắp mười tám ngăn. Mỗi một hoa sắt có tám vạn bốn ngàn ngọn lá. Đầu mỗi ngọn lá có thân thể chân tay, bay vào trong mỗi một ngăn. Địa ngục không lớn, thân cũng không nhỏ. Cứ thế, thân xác rơi đầy trong địa ngục lớn. Trải qua tám vạn 4 nghìn đại kiếp, khi địa ngục này hủy diệt, tội nhân lại bị di chuyển vào trong mười tám ngăn ở phương Đông, tiếp tục chịu khổ như trước. Rồi lại trải qua mười tám ngăn ở các phương Tây Nam Bắc của địa ngục A tỳ này. Phỉ báng kinh điển Đại thừa, tạo đủ năm tội nghịch, phá hoại Tăng kỳ, cưỡng hiếp Tỳ-kheo-ni, cắt đứt thiện căn. Như loại tội phạm này, tạo đủ các tội ác ấy, thân thể sẽ vung vãi khắp địa ngục A tỳ, chân tay rải rác đầy cả mười tám ngăn. Địa ngục A tỳ này chỉ thiêu đốt các tội nhân ở trong địa ngục này mà thôi. Khi sắp hết kiếp, cửa Đông lập tức mở ra. Thấy ngoài cửa suối chảy róc rách, hoa quả rừng cây đều có đủ, các tội nhân trong này liền kéo nhau từ ngăn dưới chạy lên đến ngăn trên, tay giương bánh xe dao. Bấy giờ, giữa hư không bỗng đổ xuống cơn mưa đạn sắt nóng hổi. Tội nhân lũ lượt chạy đến cửa Đông, vừa chạm ngạch cửa, bọn ngục tốt cầm chĩa sắt đâm bừa vào mắt. Chó sắt xé xác móc tim, bọn tội nhân đau đớn, đứt hơi mà chết. Chết xong, sống lại. Lại thấy cửa Nam mở ra, quang cảnh cũng y như trước, không khác chút nào. Lần lượt, các cửa Tây, cửa Bắc cũng đều xảy ra như thế. Trong khoảng thời gian ấy, đã trải qua nữa kiếp. Tội nhân chết ở địa ngục A tỳ xong, sinh vào địa ngục Giá lạnh. Ở địa ngục Giá lạnh chết xong, lại sinh vào địa ngục Tối tăm. Suốt 8 nghìn vạn năm, hai mắt chẳng thấy được gì, chịu làm thân trăn lớn, uốn éo bụng bò đi. Các Tình đều tối tăm bế tắc, chẳng hiểu được gì, bị trăm ngàn sói chồn lôi kéo ăn thịt. Sau khi chết xong, sinh vào đường súc sinh. Trải qua năm ngàn

vạn kiếp phải mang thân chim chóc thú vật, rồi mới được làm người. Điếc mù ấm ớ, cùi hủi ung thư, nghèo nàn đê tiện. Tất cả những hình tướng suy yếu hao gầy đều mang đủ trên thân như đồ trang sức. Chịu thân thế nghèo hèn như thế suốt năm trăm kiếp, sau đó lại còn sinh vào trong đường ngạ quỷ. Trong đường ngạ quỷ, may gặp được các bậc đại Bồ tát thiện tri thức trách cứ giúp rằng: "Vào vô lượng kiếp trước, tiền thân của nhà ngươi đã từng gây nên vô hạn tội lỗi, phỉ báng không tin Phật pháp, bị đọa vào địa ngục A tỳ, chịu đủ mọi điều khổ sở. Hôm nay, nhà ngươi nên mở lòng từ bi. Lúc ấy, bọn ngạ quỷ nghe lời này xong, liền niệm nam mô Phật, ca tụng uy lực vô biên của Phật. Liền đó mệnh chung, sinh vào Trời Tứ thiên vương. Sau khi đã được sinh vào cõi Trời ấy, ăn năn hối lỗi, phát tâm Bồ đề. Chư Phật quang minh, không nỡ bỏ chúng, liền nhiếp thọ giùm cho, như đối với La hầu la, dạy cho tránh xa địa ngục. Khéo tự giữ gìn, như yêu chính tai mắt". Thế nên, trong kinh Khởi Thế, đức Thế-tôn có nói bài kệ rằng:

"Nếu người, thân khẩu ý tạo nghiệp,
Tạo xong, đi vào trong đường ác.
Như thế, phải sinh vào ngục Sống lại,
Kinh hãi đến nỗi lông dựng đứng.
Trải qua vô số muôn ngàn kiếp,
Chết xong, giây lát vụt sống dậy,
Oán thù nhất nhất đều báo đủ.
Do đó, chúng sinh lại giết nhau.
Nếu nổi ác tâm với cha mẹ,
Hoặc Phật, Bồ tát và Thanh văn,
Loại này đều đọa ngục Dây đen,
Ở đó, chịu khổ hết sức nóng.
Dạy người làm phải, nên làm trái,
Thấy người hướng thiện, quyết phá hoại.
Loại này cũng đọa ngục Dây đen.
Hai lưỡi, chửi mắng, nói dối nhiều,
Thích làm ba loại ngiệp ác nặng,
Không tu ba loại mầm thiện căn,
Bọn ngu si này sẽ bị đọa,
Vào trong địa ngục lớn Cùng ép.
Hoặc giết dê ngựa và trâu bò,
Các loại gia súc như gà heo,
Và giết các loại kiến mối khác,

Bọn ấy phải vào ngục Đè ép.
Thế gian có nhiều cách khủng bố,
Đem ra hành hạ các chúng sinh.
Phải đọa vào trong ngục Đá mài,
Chịa đựng xay giã, đè mài đau.
Vì tật tham dâm ngu giận nặng,
Quay về chân lý lại cản ngăn.
Làm sai, phán đúng, bẻ pháp luật.
Kẻ ấy sẽ bị do kiếm đâm.
Ỷ thị cường quyền cướp kẻ khác,
Già trẻ lớn bé đều bóc lột.
Nếu làm những chuyện bức xúc này,
Sẽ bị voi sắt giày xéo nát!
Nếu thích giết hại các chúng sinh,
Chân tay vấy máu, lòng đanh ác.
Thường gây những nghiệp dữ như thế,
Loại ấy phải đọa ngục Kêu gào.
Hành hạ chúng sinh đủ mọi cách,
Nên bị đốt ở ngục Kêu gào.
Trong đó còn ngục Kêu gào lớn,
Ấy bởi nịnh nọt và giảo hoạt.
Do nhiều thứ Kiến che lấp kín,
Do lưới Yêu dày nhận đắm chìm,
Gây nên các nghiệp quá hạ cấp,
Bọn ấy đọa ngục Kêu gào lớn.
Nếu đến ngục Kêu gào lớn ấy,
Thành sắt cháy phừng sợ dựng lông!
Trong đó, nhà sắt và phòng sắt,
Người nào vào đó đều bị đốt.
Nếu làm những chuyện ở thế gian,
Thường gây phiền não đến chúng sinh.
Bọn ấy đọa vào địa ngục Nóng,
Chịu khổ vì nóng đến vô cùng.
Thế gian Sa-môn, Bà-la-môn,
Cha mẹ, ông bà, các kỳ lão,
Nếu thường gây khổ, khiến không vui,
Bọn ấy đều đọa địa ngục Nóng.
Làm Trời thanh tịnh, không chịu tu,

Thường hay xa lánh các người thân.
Kẻ thích gây nên những chuyện ấy,
Cũng phải đọa vào địa ngục Nóng.
Ác với Sa-môn, Bà-la-môn,
Và những người tốt như cha mẹ,
Hoặc hại đến các bậc tôn trưởng,
Kẻ ấy bị đốt ở ngục Nóng.
Thường tạo các nghiệp ác rất nhiều,
Chưa từng nảy lên chút lòng thiện.
Kẻ này lọt tuốt xuống A tỳ,
Phải chịu vô lượng nỗi khổ não.
Nếu nói chánh pháp là phi pháp,
Nói bậy phi pháp là chánh pháp,
Lại không làm thêm các việc thiện,
Kẻ ấy phải vào ngục A tỳ.
Sống lại, Dây đen là hai ngục,
Cùng ép, hai Kêu gào thành năm.
Thiêu đốt, Thiêu đốt lớn thành bảy.
Với ngục A tỳ thành ra tám.
Tám này gọi là tám ngục lớn,
Cháy rực, rất khổ, khó chịu nổi.
Do người tạo ra các nghiệp ác,
Trong đó, ngục nhỏ có mười sáu".

Thứ tám: PHẦN GIỚI ÚC

Như kinh Khởi Thế nói rằng: "Phật bảo các Tỳ-kheo, có ba vị Thiên sứ tại thế gian. Là ba vị nào? Một là Thiên sứ già, hai là Thiên sứ bệnh, ba là Thiên sứ chết. Có người phóng túng, làm ba nghiệp ác. Khi thân nát mệnh chung, sinh vào địa ngục. Các ngục tốt đúng lúc tiến tới, áp giải chúng sinh ấy đến trước vua Diêm La, bạch rằng: "Thưa đại vương, chúng sinh này trước đây ở trên thế gian, phóng túng hung hăng, không làm tốt ba nghiệp. Hôm nay sinh xuống nơi đây, chỉ xin đại vương khéo léo dạy bảo giùm cho". Nhà vua hỏi tội nhân: "Trước đây, khi nhà ngươi còn ở trên thế gian, có vị Thiên sứ thứ nhất đã từng khéo léo chỉ bảo, trách cứ nhà ngươi. Há nhà ngươi đã không thấy xuất hiện chăng?". Tội nhân đáp: "Thưa đại Thiên, thật tình tôi đã không thấy. Nhà vua lại bảo rằng: "Nhà ngươi há lại không thấy, phàm được làm người, hoặc đàn bà, hoặc đàn ông, khi tướng già xuất hiện thì răng

long tóc bạc, da dẻ nhăn nheo, đồi mồi trổ khắp, nhìn giống rắc mè. Vai xệ lưng còng, bước đi khập khiểng. Chân không tự chủ, xiêu vẹo ngã nghiêng. Cổ họng da thòng, hai bên xệ xuống, chẳng khác yếm bò. Môi miệng khô queo, họng lưỡi nóng rát. Thân thể ốm o, sức lực suy nhược. Thở ra hổn hển, giống như kéo cưa. Bước tới muốn ngã, nhờ gậy chống đi. Sức trẻ tiêu tan, khí huyết cạn kiệt. Gầy gò lê lết, bước trên đường đời. Cử chỉ nặng nề, không còn dáng trẻ. Thậm chí thân tâm, thường xuyên run sợ. Nhà ngươi có thấy chăng? Tội nhân đáp rằng: "Thưa đại thiên, tôi thấy thật rồi". Bấy giờ, nhà vua mới bảo rằng: "Nhà ngươi ngu si, không có trí tuệ. Trước đây đã thấy được tướng mạo của Thiên sứ già, tại sao không chịu suy nghĩ rằng, nay ta có đủ tướng già như thế, nhưng chưa lìa bỏ được. Ta nên làm việc thiện khiến cho ta mãi mãi được lợi ích, an lạc?". Tội nhân ấy lại trả lời rằng: "Thưa đại Thiên, tôi thật tình đã không suy nghĩ như thế, nên đã đem tâm phóng túng để làm điều càn rỡ". Nhà vua lại bảo rằng: "Nhà ngươi là kẻ ngu si, không tu tập nghiệp thiện, phải chịu đủ tội phóng túng. Quả báo khổ sở này chẳng do ai tạo ra, chính là do tự nghiệp của nhà ngươi, nên hôm nay phải tụ họp lại để gánh chịu lấy quả báo".

Bấy giờ, vua Diêm La lại đưa ra lời trách cứ thứ hai rằng: "Các ngươi há không thấy Thiên sứ thứ hai xuất hiện trên thế gian chăng? Tội nhân đáp: "Thưa đại Thiên, tôi thật tình không thấy". Nhà vua lại bảo rằng: "Há nhà ngươi chẳng thấy, khi còn làm người trên thế gian, như làm thân đàn bà, như làm thân đàn ông, tứ đại đang hòa hợp, bỗng nhiên lệch sai. Bệnh dữ chiếm xâm, triền miên khốn đốn. Hoặc nằm trên chõng con giường lớn, phóng uế dơ dáy. Lăn lóc trong đó, không được yên ổn. Nằm ngồi ngủ nghỉ, cậy người đỡ nâng. Lau rửa giữ gìn, cho ăn cho uống, đều phải nhờ người. Nhà ngươi thấy chăng? Người ấy đáp rằng: "Thưa đại Thiên, tôi đã thấy thật". Nhà vua lại bảo rằng: "Hỡi kẻ ngu si, nếu nhà ngươi thấy thật như thế, tại sao không chịu suy nghĩ rằng, hôm nay chính ta cũng có tướng bệnh như thế, nhưng chưa lìa bỏ được. Ta nên làm việc thiện, khiến cho mai sau mãi mãi được lợi ích lớn, an vui lớn?". Người ấy đáp rằng: "Không! Tôi thật tình đã không suy nghĩ như thế. Do lòng lười biếng, nên đã làm chuyện phóng túng càn rỡ". Nhà vua bảo rằng: "Hỡi kẻ ngu si, vì nhà ngươi đã lười biếng không làm việc thiện, nên phải chịu quả báo xấu xa này. Chẳng do ai tạo ra, nên phải gánh chịu lấy quá báo".

Bấy giờ, vua Diêm La lại đưa ra lời trách cứ thứ ba rằng: "Nhà ngươi thật ngu si. Ngày trước, khi còn làm người, nhà ngươi há không

thấy Thiên sứ thứ ba xuất hiện trên thế gian chăng?". Người ấy trả lời: "Thưa đại Thiên, tôi thật tình đã không trông thấy". Nhà vua lại bảo rằng: "Khi nhà ngươi còn làm người trên thế gian, há lại không thấy như làm thân đàn bà, như làm thân đàn ông, tùy số chết đi, đem đặt lên giường, lấy áo nhiều màu đậy che lại. Khiêng khỏi xóm làng, giăng màn che lọng, đủ thứ trang nghiêm. Thân quyến vây quanh, giơ tay xõa tóc. Đầu lấm tro bụi, hết sức đau thương. Kêu gào khóc lóc, cất tiếng gọi to. Đấm bụng đớn đau, nghẹn lời tức tưởi. Nhà ngươi đều đã thấy chăng?". Người ấy trả lời: "Thưa đại Thiên, tôi đã thấy thật". Bấy giờ, nhà vua bảo rằng: "Hỡi kẻ ngu si, trước đây nhà ngươi đã thấy được như thế, tại sao chẳng suy nghĩ rằng, ta cũng phải chết, chưa thể thoát ly. Nay nên làm thiện, giúp cho ta mãi mãi có được lợi ích lớn lao?". Người ấy đáp rằng: "Thưa đại Thiên, tôi thật tình đã không suy nghĩ như thế. Tại sao? Vì lòng phóng túng ngông cuồng". Bấy giờ, nhà vua bảo rằng: "Nhà ngươi đã phóng túng, không làm việc thiện, tự tạo nên nghiệp ác này, chẳng phải do ai gây ra. Quả báo này, nhà ngươi phải tự mình gánh chịu". Sau khi vua Diêm La đã đem ba vị Thiên sứ ra trách cứ tội nhân xong, liền ra lệnh dắt đi. Bấy giờ, bọn ngục tốt lập tức bắt tội nhân, túm lấy hai chân hai tay, dốc ngược đầu xuống, giơ hai chân lên, ném vào trong các địa ngục".

Thuật rằng:

Than ôi! Lấp dòng nước chảy, chưa bằng bít kín đầu nguồn, giở ấm nước sôi, chưa bằng dập tắt bếp lửa. Tại sao? Nguồn phát ra nước, nguồn chưa bít kín thì nước không khô, lửa khiến nước sôi, bếp chưa dập thì nước há nguội? Thế nên, có bạn bít đầu nguồn, chẳng lấp dòng, nước đã tự cạn, có khách dập bếp lửa, không giở ấm, nước nóng tự nguội. Giống thế mà bàn, cũng biết rõ được: chỉ chán quả báo, chưa bằng cắt đứt nghiệp nhân, chỉ sợ khổ đau, há bằng răn đe việc ác? Nhân sinh ra quả, nhân chưa cắt đứt thì quả vẫn không cùng, ác tạo ra khổ, ác chưa chịu phạt thì khổ há hết? Thế nên, khiến kẻ học cắt đứt nghiệp nhân, không đợi chán, quả cũng cao tay, bậc tôn đức răn đe việc ác, chẳng cần sợ, khổ cũng xa chạy.

Hết thảy các bậc quân tử, nên chép lại để răn đe mình!

Tụng rằng:

"Sinh ra rồi lại chết đi,
Mặt trời khuất bóng, trăng thì lên ngôi.
Gió lay cành yếu rã rời,
Xôn xao nhân thế sóng nhồi nổi trôi.

Ngu si lạc mất đường rồi,
Chìm vào vực thẳm là nơi tủi sầu.
Sa chân xuống địa ngục sâu,
Rắc đầy chông nhọn ở lâu muôn đời.
Sáu đường luân chuyển tơi bời,
Chỉ vì ba nghiệp khúc nôi chưa tường.
Giữa dòng, ai cứu mà mong,
Thảm thương chỉ biết riêng lòng xót xa.
Ngắm xem vạn tượng bao la,
Chẳng qua cũng chỉ mù lòa dối nhau.
Biển trần vui sướng chi đâu,
Thuyền từ Bát nhã nguyện cầu bước lên".

DUYÊN CẢM ỨNG

Trích dẫn sơ lược bảy chuyện linh nghiệm: 1. Cư sĩ Triệu Thái đời Tấn. 2. Sa-môn Chi Pháp Hành đời Tấn. 3. Cư sĩ Thạch Trường Hòa đời Ngụy. 4. Quỷ ở Hàm Cốc đời Hán. 5. Tiếng khóc ở huyện Lô Giang. 6. Vạc nước sơi ở nước Thổ Phồn. 7. Liêu Trí Cảm làm phán quan ở địa ngục đời Đường.

1. Triệu Thái đời nhà Tấn: tự là Văn Hòa, người Bối Khâu thuộc huyện Thanh Hà. Ông nội từng làm thái thú ở Kinh Triệu. Thái đậu hiếu liêm ở quận nhà, được mời làm quan tại địa phương, nhưng không nhận chức. Chuyên tâm nghiên cứu kinh điển, có tiếng tăm khắp xóm làng. Đến già mới ra làm quan, mất khi đang giữ chức trung tán đại phu. Năm Thái được ba mươi lăm tuổi, bỗng nhiên lên cơn đau tim một lát rồi qua đời. Người nhà đem xác đặt xuống đất, tim còn nóng hẩm không nguội. Tay chân giở lên còn mềm mại, nên người nhà quàn xác lại suốt mười hôm. Bỗng nhiên, trong cổ họng phát ra tiếng rào rào như mưa, được một lúc thì sống lại. Thái kể rằng, khi mới chết, mơ màng thấy có một người đến kề cận dưới tim. Lại có hai người khác cưỡi ngựa vàng và hai kẻ tùy tùng đến xốc nách Thái đưa đi thẳng về hướng Đông. Không biết bao nhiêu dặm, đến một tòa thành lớn, cao chót vót, sắc xanh đen như thiếc. Bọn họ đưa Thái vào cửa thành, qua thêm hai lớp cửa dày nữa. Có chừng vài nghìn gian nhà ngói. Người nam nữ lớn nhỏ, cũng khoảng mấy nghìn người đang đứng xếp hàng. Đề lại mặc áo đen, độ năm, sáu người, đọc rõ tên họ rồi nói: "Phải đem tội trạng trình lên nhà vua". Tên Thái nằm vào thứ hai mươi. Giây lát, bọn họ đưa Thái và mấy nghìn người nam nữ cùng tiến lên phía trước. Nhà vua ngồi quay

mặt về hướng Tây, nhìn sơ qua sổ bộ xong, lại bảo Thái đi vào trong cửa màu đen ở phía Nam. Một vị mặc áo đỏ ngồi trong tòa nhà lớn, theo thứ tự gọi tên, hỏi việc làm lúc sống, gây nên tội gì, tạo được việc thiện nào. Dặn dò các người phải nói thật. Ở đây thường xuyên phái sứ giả của sáu bộ lên nhân gian ghi chép đầy đủ việc thiện ác. Không thể nói dối hão huyền. Thái khai cha anh đều làm quan, ăn lộc hai ngàn thạch. Riêng mình từ nhỏ ở nhà tu học mà hoi, không làm việc gì khác, cũng không làm việc ác. Liền phái Thái làm sứ giả giám sát bên thủy quan. Thái đem hơn hai ngàn người mang cát đắp bờ sông, đêm ngày coi sóc siêng năng khó nhọc. Sau chuyển qua làm đô đốc thủy quan, coi sóc việc hình ngục. Cấp cho Thái người ngựa theo hầu, đi giám sát các địa ngục. Những địa ngục đi qua, các khổ hình đều khác biệt. Hoặc lấy kim đâm lưỡi, máu chảy đầy mình. Hoặc bới đầu lộ tóc, chân không trần truồng, cùng dắt nhau đi. Có người cầm hèo, từ sau đốc thúc. Giường sắt, cột đồng đốt cháy, đỏ suốt trong ngoài. Bắt buộc đám người này ngồi lên giường sắt, ôm lấy cột đồng. Lập tức bị cháy nát tan, rồi bỗng sống lại. Hoặc vạc lớn lò nóng, nấu nướng tội nhân. Đầu thân rời rã, lăn lộn theo nước sôi sùng sục. Có quỷ sứ cầm chĩa đứng sát một bên. Khoảng ba, bốn trăm người đứng riêng một chỗ, chờ phiên vào vạc, ôm nhau khóc lóc thảm thương. Hoặc cây kiếm cao lớn, không biết đến đâu. Mắt, cành, chồi lá đều làm bằng kiếm. Mọi người chê nhau, tự vịn trèo lên. Chưa hết hân hoan thì đầu thân đã bị cắt lìa, từng ly từng tí. Thái thấy ông nội, cha và hai em ở trong địa ngục này. Mọi người gặp nhau, cùng khóc lóc não ruột. Thái vừa ra khỏi cửa ngục, thấy có hai người mang văn thư đến, nói với cai ngục rằng, có ba người được gia đình lên chùa lập đàn, treo phướn thắp nhang, cầu giải tội giùm cho. Nên đưa họ ra nhà phước. Giây lát, thấy ba người từ địa ngục bước ra, ăn mặc áo quần tươm tất ngay ngắn trên mình, đi đến một cửa phía Nam gọi là đại sảnh Khai quang, có ba lớp cửa son chói lọi rực rỡ. Ba người lập tức bước vào trong, Thái cũng vào theo. Trước là điện lớn, trang hoàng đủ thứ châu báu, chiếu diệu hoa mắt, trần thiết Thiền sàng bằng vàng ngọc. Thái thấy được một vị thần nhân, dáng dấp hùng vĩ, hết sức phi thường, ngồi trên bảo tọa ấy. Hai bên có rất nhiều Sa-môn đứng hầu. Vua Diêm La bước đến, cung kính hành lễ. Thái hỏi: “Đây là vị nào mà vua Diêm La cung kính đến thế?”. Đề lại đáp: “Đây là đức Thế-tôn, vị đạo sư cứu độ chúng sinh”. Một lát, Ngài bảo mọi người trong địa ngục bước ra nghe kinh. Bấy giờ, có khoảng 1 trăm vạn chín ngàn người đều được ra khỏi địa ngục, đến thành Trăm dặm này. Tại đây, đông đảo mọi người đều

được ngồi xuống để nghe thuyết pháp. Tuy hạnh kiểm còn chỗ thiếu sót, nhưng cũng đều được siêu độ cả. Thế nên, trong bảy ngày khai kinh này, mọi người tùy theo nghiệp nhân nặng nhẹ ít nhiều đã tạo ra, lần lượt đều được giải thoát. Trong khi Thái còn chưa ra khỏi nơi đây, đã thấy có hơn hàng ngàn người bay lên trời. Rời khỏi thành này, lại thấy một thành khác rộng hơn hai trăm dặm, gọi là thành Chịu biến hình. Sau khi tội nhân đã bị xét hỏi, xử trí ở địa ngục xong xuôi, phải vào thành này để chịu quả báo biến đổi hình dạng. Thái vào thành này, thấy hơn mấy ngàn gian nhà ngói cao lớn đều có phòng ốc. Chính giữa là ngôi nhà ngói lớn, có lan can tô vẽ rực rỡ, gồm mấy trăm phòng. Đề lại tra cứu văn thư, nói rằng: "Kẻ sát sinh phải làm phù du, sáng sinh chiều chết. Kẻ trộm cướp phải làm heo dê, bị người mổ xẻ. Kẻ dâm dật phải làm le cò, vịt trời, hươu nai. Kẻ hai lưỡi hại người phải làm chim cắt, cú mèo. Kẻ giựt nợ phải làm la lừa, lạc đà, trâu ngựa". Thái độ chừng đã xử lý xong xuôi, bèn trở về thủy quan. Chủ sự bảo: "Ông vốn con nhà quý tộc, vì tội gì phải vào đây?". Thái đáp: "Ông cha, anh em đều làm quan, ăn lộc hai ngàn thạch. Tôi đã từng tuyển ra làm quan, nhưng từ chối không đi. Ở nhà đọc sách, tu thân, không tiêm nhiễm thói xấu xa". Chủ sự bảo: "Ông vô tội nên được phái làm đô đốc thủy quan. Nếu không, thì cũng đã chịu số phận như các tội nhân khác ở địa ngục rồi". Thái hỏi chủ sự: "Người ta phải làm gì, lúc chết mới được hưởng quả báo an lạc?". Chủ sự nói: "Chỉ có những đệ tử thờ phụng Phật pháp, giữ gìn giới luật, mới được quả báo an lạc, không bị trách phạt mà thôi". Thái lại hỏi: "Những tội lỗi gây ra trước khi thờ phụng Phật pháp, liệu có được trừ đi sau khi đã thờ phụng chăng?". Đáp rằng: "Đều trừ được cả". Nói xong, chủ sự mở hộp khóa vàng, tra xét lại tuổi tác của Thái, thấy còn sống thêm được ba mươi năm nữa, bèn khiến Thái trở về. Khi từ biệt, chủ sự căn dặn: "Ông đã thấy được quả báo ở địa ngục phân minh như thế, nên nói lại cho mọi người trên thê gian đều biết, để họ làm thiện. Thiện ác theo người như hình với bóng. Há chẳng nên cẩn thận?". Bấy giờ, bà con thân thích nội ngoại đến thăm Thái khoảng năm mươi, sáu mươi người, đều nghe lời Thái kể. Thái cũng chép lại để trao cho mọi người cùng xem. Ấy là ngày 13 tháng 7, dưới niên hiệu Thái Khang thứ năm đời nhà Tấn. Thái liền mời nhiều tăng sĩ đến lập đàn lớn cầu phúc cho ông nội, cha mẹ và hai em. Thái còn cho con cháu sửa mình, học tập Phật pháp. Khuyên nhủ phải siêng năng. Người đương thời nghe tin Thái đã chết rồi sống lại, được thấy rõ nhiều chuyện họa phúc, liền rủ nhau đến thăm hỏi. Có các ông Thái trung đại phu Tôn

Phong ở Vũ Thành, quan nội hầu Hách Bá Bình ở Thường Sơn, cả nhóm đông hơn mười người, cùng đến nhà Thái, hỏi rõ mọi chuyện trước sau. Mọi người đều sợ hãi, cùng xin phát tâm thờ phụng Phật pháp.

2. Sa-môn Chi Pháp Hành là người đầu đời nhà Tấn: Mắc bệnh một tuần chết đi, ba hôm sau sống lại, kể rằng khi chết có người dẫn đi. Thấy có mấy chỗ giống công sở, không chịu tiếp nhận. Giây lát bỗng có bánh xe sắt, trên đó tua tủa móng sắt, từ phía Tây chạy lại, không có người điều khiển, nhưng chạy nhanh như gió. Một đề lại hô: "Tội nhân hãy đứng vào trước bánh xe!". Hành kinh hoàng, ân hận đã không tinh tiến tu trì. Nay phải chịu nạn dưới bánh xe này chăng? Đề lại vừa nói xong, lại bảo: "Đạo nhân có thể ra khỏi nơi đây". Liền đó, Hành thấy trên trời có lỗ hổng, bất giác mình đã bay lên rồi lấy đầu chui vào. Hai tay vén hai bên, nhìn quanh bốn phía, thấy các cung điện bằng thất bảo và các người trên trời. Hành cố sức nhảy nhót, nhưng không thể lên được. Mệt mỏi quá, đành phải trở về. Người dắt Hành đi mỉm cười, bảo rằng: "Bị mắc vật gì mà không thể lên được?". Bèn đem Hành đem giao cho thuyền quan. Thuyền quan chèo thuyền, sai Hành cầm lái. Hành nói: "Tôi không biết cầm lái". "Cứ gắng đi!". Hằng mấy trăm chiếc thuyền đều chèo theo sau thuyền của Hành. Vì Hành không biết cầm lái, nên thuyền chạy đâm lên bãi cát. Bọn chức sắc xô đẩy Hành, nói: "Nhà ngươi dẫn đường mà lại đi lạc, theo luật phải chém đầu!". Rồi dẫn Hành lên bờ, đánh trống sửa soạn chém đầu Hành. Bỗng nhiên có hai con rồng ngũ sắc hiện ra, đẩy thuyền xuống nước trở lại. Chức sắc bèn tha tội, chở Hành đi về phía Bắc khoảng ba mươi dặm, thấy hai bên bờ có chừng mấy vạn vạn nóc nhà, bảo rằng đó là nhà của dân lưu lạc. Hành lén trốn lên bờ. Trong làng thả chó xông ra suýt cắn phải. Hành vô cùng sợ hãi, nhìn về phía Tây Bắc có ngôi giảng đường, trên có rất nhiều tăng sĩ. Nghe có tiếng tụng kinh, Hành chạy một mạch lên đó. Giảng đường có mười hai bậc cửa, Hành mới bước lên bậc thứ nhất, đã thấy tiên sư Pháp Trụ ngồi trên Thiền sàng. Thấy Hành, ngài bảo: "Chính là đệ tử của ta. Tại sao lại đến đây?". Rồi ngài bước lại đầu bậc thềm, lấy khăn tay đánh vào mặt Hành và bảo: "Đừng bước đến!". Hành rất muốn bước đến, bèn cất chân lên. Ngài Pháp Trụ lại xô đẩy bảo xuống, đến ba lần Hành mới chịu dừng lại. Thấy trên mặt đất có một miệng giếng sâu chừng ba, bốn trượng. Tường thành liền lạc, không có vết gạch xây nên. Trong bụng Hành bảo đây là giếng tự nhiên của trời. Bên giếng có người bảo rằng: "Nếu không tự nhiên sao gọi là giếng?". Nhân thấy ngài Pháp Trụ cứ nhìn theo Hành, người ấy

bảo Hành nên quay về lại, chó không cắn nhà ngươi nữa đâu. Đi đến bờ sông lại không thấy chiếc thuyền đã chở đến trước đây, Hành khát quá muốn uống nước, liền rơi xuống sông. Nhờ thế, được sống lại. Sau đó, Hành xuất gia, giữ giới ăn chay. Đêm ngày chuyên tâm suy nghĩ, cố gắng trở thành vị Sa-môn rất có đạo hạnh. Tỳ-kheo Pháp Kiều vốn là đệ tử của Pháp Hành vậy.

3. Thạch Trường Hòa là cao nhân của nước Triệu: Năm lên 19 tuổi, mắc bệnh một tháng rồi chết. Nhà nghèo, không thể lo việc tẩm liệm đúng ngày giờ được. Qua bốn hôm sau, sống lại kể rằng khi mới chết, đi về phía Đông Nam, thấy hai người sửa đường ở trước mặt Hòa năm mươi bước. Hòa đi nhanh chậm thì hai người kia cũng sửa đường nhanh chậm theo một khoảng cách chừng năm mươi bước. Hai bên đường, gai góc mọc um tùm như vuốt chim diều dâu. Hòa thấy rất nhiều người đi trong gai góc. Thân thể bị tổn thương rách nát, đất dính máu me bê bết. Mọi người thấy Hòa được đi trên đường bằng phẳng, đều thở than: "Một mình con Phật được đi trên đường lớn!". Đến phía trước, có một dãy nhà lầu lợp ngói rộng mấy nghìn gian. Có một ngôi nhà rất cao, trên có một người, hình dáng mặt mày to lớn, mặc áo màu đen bốn vạt, ngồi nhìn ra cửa, Hòa vái chào. Người trên gác bảo: "Hôm nay, ông Thạch mới đến đây, cách biệt nhau đã hai mươi năm rồi nhỉ!". Bấy giờ, trong trí Hòa liền nhớ ra buổi chia tay năm ấy. Bạn thân quen của Hòa chỉ có Mã Mục và Mạnh Thừa, mà vợ chồng Mạnh Thừa chết cũng đã lâu rồi. Người trên gác hỏi: "Ông còn nhớ Mạnh Thừa không? ". Trường Hòa đáp: "Còn nhớ". Người trên gác nói: "Lúc còn sống, Mạnh Thừa không tinh tiến tu hành, nay thường phải lo quét dọn cho ta. Còn vợ Mạnh Thừa, nhờ tinh tiến hơn nên sống rất an lạc". Rồi đưa tay chỉ vào một gian phòng ở phía Tây Nam và nói: "Vợ Mạnh Thừa ở chỗ đó". Vợ Mạnh Thừa mở cửa sổ, thấy Hòa, chào hỏi rất ân cần, lại hỏi thăm tin tức tất cả gia đình được bình an không. Rồi nói tiếp: "Khi nào ông Thạch về, xin qua cho gặp mặt để nhờ chuyển thư giùm". Giây lát, thấy Mạnh Thừa cầm chổi, xách sọt rác từ căn gác phía Tây đi lại, cũng hỏi thăm tin nhà. Người trên gác nói: "Nghe rồng cá cho hay, ông rất tinh tiến. Vậy ông tu hành phép gì?". Trường Hòa đáp rằng: "Không ăn cá thịt, rượu cũng không ghé môi. Thường tụng kinh Phật, cứu giúp những người đau ốm". Người trên gác nói: "Quả là lời đồn không sai". Nói chuyện hồi lâu, người trên gác hỏi viên chủ quản văn thư rằng: "Xem lại hồ sơ của ông Thạch, đừng để sai sót". Viên chủ quản xem lại xong, trả lời: "Mạng sống còn hơn ba mươi năm". Người trên gác hỏi rằng:

“Ông muốn về lại không?”. Hòa trả lời: “Muốn về”. Bèn ra lệnh cho chủ quản lấy xe ngựa giao cho hai người thuộc hạ đưa Hòa về. Trường Hòa bái từ, lên xe trở về. Trên đường về, phía trước đều có nhà công quán, thuộc lại, đồ ăn uống chuẩn bị sẵn sàng. Bỗng nhiên về đến nhà, Hòa chán cái xác đã hôi, không muốn nhập vào, cứ đứng chần chừ trên đầu. Thình lình, thấy em gái đã mất, từ phía sau xô ngã vào trên mặt xác chết. Nhờ thế, Hòa được sống lại. Bấy giờ, tăng sĩ Chi Pháp Sơn vốn còn do dự, chưa chịu xuất gia, nghe Hòa thuật lại mọi chuyên, liền quyết chí xuất gia cầu đạo. Pháp Sơn là người thời Hàm Hòa vậy. (Ba chuyện trên đây rút từ Minh Tường Ký).

4. Hán Vũ Đế du hành sang phương Đông: chưa ra khỏi cửa hàm Cốc, có một con vật cản đường. Thân hình cao mấy chục trượng, giống như trâu. Mắt xanh, tròng trắng, bốn chân lún trong đất, vùng vẫy nhưng không xê dịch được. Trăm quan đều hoảng kinh. Đông Phương Sóc bèn xin đem rượu tưới lên mình nó, tưới được vài chục đấu liền tiêu tan mất. Nhà vua hỏi nguyên nhân, Đông Phương Sóc tâu rằng: “Con vật này do khí ưu uất sinh ra. Ở đấy, ngày trước chắc là ngục thất của nhà Tần. Nếu không, chắc là chỗ tội nhân bị lưu đày tụ họp lại. Than ôi! Rượu là để giải sầu, nên có thể làm cho khí ưu uất ấy tiêu tan được”. Nhà vua phán rằng: “Ôi! Đúng là nhà bác học!”.

5. Trên địa bàn hai huyện Hoán và Thông Dương ở Lô Giang: có hai loại “xanh nhỏ” và “xanh lớn” sắc đen, sống trong vùng núi non. Thường nghe có tiếng khóc nhiều đến mấy chục người nam nữ, lớn bé, như mới phát tang. Người quanh vùng đều kinh hoàng, đi qua đó phải bỏ chạy, nhưng chẳng hề thấy ai cả. Chỗ nào có tiếng khóc ấy, chắc chắn sẽ có đám ma. Nếu tiếng khóc nhiều thì nhà lớn chết, tiếng khóc ít thì nhà nhỏ chết. (2 chuyện trên đây rút ra từ Sưu Thần Truyện Ký).

6. Sách Tây Quốc Hành của Vương Huyền Sách nói rằng: “Về phía Tây Nam nước Thổ Phồn có suối phun nước nóng. Từ mặt đất như bắn lên, cao năm, sáu thước, rất nóng, luộc thịt chín liền. Hơi nóng bốc lên trời như sương mù. Một bô lão người Thổ Phồn nói rằng, mười năm trước, nước bắn lên cao hơn mười trượng rồi mới tung tóe chung quanh. Có một người cưỡi ngựa rượt bắn nai, sa chân rơi thẳng xuống suối. Từ đó đến nay, nước không còn bắn vọt lên cao nữa. Trong suối thường thấy xương người văng lên. Nếu lấy nỉ dày trải lên mặt suối, giây lát sẽ bị rã nát. Có người bảo đó là Vạc nước sôi. Về phía Tây Bắc của suối này khoảng sáu mươi, bảy mươi dặm, lại có một suối khác, sức nóng cũng tương đương với suối này. Nước thường bắn vọt mạnh lên, có tiếng

ầm ầm như sấm nổ. Các suối nước ấm nho nhỏ, thỉnh thoảng cũng có. Nay nhiều chỗ ở Trung Quốc này cũng có suối nước ấm, chỉ riêng suối này là Vạc nước sôi. Bởi thế, đức Thế-tôn có nói trong phần hạ văn của Luật Tứ Phần rằng, về phía Bắc thành Vương Xá có nước nóng từ địa ngục phun lên. Khi mới phun thì rất nóng. Về sau, chảy đến chỗ xa liền hơn nguội, do bị các dòng nước khác hòa chung vào, nên mới nguội đi. (Chuyện trên đây rút từ Tây Quốc Truyện).

7. Liễu Trí Cảm là người Hà Đông vào đời nhà Đường: Đầu niên hiệu Trinh Quan, làm tri huyện Trường Cử. Một đêm, đột ngột chết mất. Sáng hôm sau sống lại, kể rằng, lúc đầu bị quan quân cõi âm bắt đem tới vua Diêm La. Sứ giả đưa vào tham kiến xong, nhà vua bảo Trí Cảm: “Nay thiếu một chức quan, làm phiền ông giúp cho”. Trí Cảm từ chối vì còn cha mẹ già và còn phước đức được sống thêm, chưa đến số chết. Nhà vua sai xem lại sổ sách thấy đúng như thế, liền bảo rằng: “Số ông chưa đáng chết. Cứ tạm thời làm phán quan”. Trí Cảm bằng lòng, liền tạ ơn. Tạ ơn xong, đề lại dẫn xuống phòng làm việc. Có năm vị phán quan ngồi kề nhau và Cảm là người thứ sáu. Trưởng quan ngồi giữa sảnh đường. Cả ba gian đều bày giường sập. Công việc rất bề bộn. Đầu phía Tây không có phán quan, đề lại dẫn Cảm đến ngồi vào chỗ ấy. Bọn đề lại mang sổ sách giấy tờ đến giao cho xem xét, đặt lên bàn xong, bèn xuống đứng chờ dưới thềm. Trí Cảm hỏi ham tình hình, trả lời rằng: “Thói ác lấn lướt công lý!”. Rồi cũng chỉ đề cập quanh co đến những chuyện có liên quan với công vụ. Trí Cảm đọc qua văn thứ, đại khái cũng giống như việc trên nhân gian, bèn cầm bút phê vào. Một lát, cơm nước được mang đến, các phán quan đều ngồi vào ăn, Trí Cảm cũng ngồi vào bàn. Các phán quan bảo rằng: “Ông là phán quan tạm thời, không nên ăn những thức ăn này”. Cảm nghe lời không dám ăn. Chiều tối, đề lại đến đưa Trí Cảm về nhà. Tỉnh ra thì trời vừa sáng. Từ khi về nhà đến chiều tối, đề lại đến đón đi, đến đó thì trời vừa sáng, mới biết ngày đêm ở hai cõi âm dương trái ngược nhau. Từ đây, đêm phán xét công việc ở cõi âm, ngày làm công việc của huyện, đều đặn như thế. Hơn một năm làm việc ở âm phủ, bữa nọ, nhân vào nhà xí, gặp một người đàn bà khoảng ba mươi tuổi tại phía Tây phòng. Dung nhan đoan chính, áo quần đẹp đẽ, đang đứng lau nước mắt. Trí Cảm hỏi là ai. Đáp rằng: “Tôi là vợ của tham quân coi kho lương ở Hưng Châu, bị bắt đến đây. Vừa mới xa cách chồng con, nên sinh đau buồn”. Trí Cảm đem chuyện hỏi đề lại. Đề lại trả lời: “Quan bắt đến là vì có chuyện muốn xét hỏi. Cốt để đối chứng với công việc của chồng mà thôi”. Nhân đó,

Trí Cảm nói với người đàn bà ấy rằng: "Cảm tôi là tri huyện ở Trường Cử, nếu bị xét hỏi xin phu nhân hãy khai báo tự nhiên, đừng để liên lụy, chết chung với quan coi kho thì thật là vô ích". Người đàn bà ấy nói: "Thật tình tôi cũng không muốn chết, chỉ sợ quan trên ép bức mà thôi". Cảm nói: "Xin phu nhân đừng để vạ lây. Cũng đừng lo sợ bị bức ép". Người đàn bà ấy hứa sẽ xin nghe lời. Trí Cảm về lại huyện, liền hỏi: "Vợ quan coi lương có bị bệnh gì không?". Viên coi lương trả lời: "Vợ tôi còn nhỏ tuổi, chẳng có bệnh gì cả". Trí Cảm đem chuyện gặp mặt kể cho viên coi lương nghe, tả rõ hình dáng, y phục và khuyên nên làm phúc. Viên coi lương chạy về nhà, thấy vợ đang ngồi bên khung cửi dệt vải, chẳng có bệnh gì, nên cũng không tin vào lời của Cảm nhiều. 10 ngày sau, vợ của viên coi lương bị bệnh chết đột ngột. Bấy giờ, viên coi lương mới sợ hãi, bèn làm phước và cúng vái cho vợ. Lại nữa, có hai vị quan ở Hưng Châu trúng kỳ khảo hạch, được chọn về kinh, bảo Trí Cảm rằng: "Ngài làm phán quan ở âm tuy, xin hỏi giùm bọn tôi được chọn về kinh làm chức gì". Trí Cảm xuống dưới, đưa tên họ ấy hỏi viên lục sự. Lục sự bảo: "Sổ bộ đều niêm phong và để trong hòm đá. Muốn xem xét, phải mất hai ngày nữa, mới báo cáo lại được". Sau đó, lục sự báo cáo cho Trí Cảm biết rõ chức danh vừa được bổ trong năm nay. Trí Cảm thông báo cho hai người ấy. Hai người lên kinh, được tuyển vào bộ lại. So với dự báo của Cảm đều không giống, các quan ở châu huyện được tin, báo lại cho Cảm hay. Sau đó, Cảm hỏi lại viên lục sự. Lục sự bảo: "Đã kiểm tra lại. Đều đúng không sai". Sau khi hai người ấy được tuyển mộ vào bộ lại, nhân viên thẩm tra lại, cho ra khỏi bộ lại, nhận chức mới đúng như đã ghi chép ở sổ bộ dưới âm ty. Từ đó, mọi người đều rất tin tưởng. Trong sổ bộ ở âm ty, mỗi lần Trí Cảm thấy bà con quen biết của mình có chức phận hay ngày tháng chết đi, liền báo cho hay để làm phúc. Nhờ thế, phần nhiều được qua khỏi. Trí Cảm tạm làm phán quan ba năm, đề lại lên cho hay rằng: "Đã có quan tư hộ họ Lý ở Long Châu chính thức thay thế ông rồi, không cần phải xuống làm phán quan nữa". Trí Cảm lên châu, báo cáo với thứ sử họ Lý. Thứ sử Lý Long Phụng sai người sang Long Châu thẩm tra, thì viên tư hộ họ Lý đã mất. Hỏi ngày tháng, đúng là ngày đề lại mang tin đến cho hay. Từ đó bèn cắt đứt mọi chuyện dưới âm ty. Quan châu sai Trí Cảm giải tù lên kinh, đến địa phận Phụng Châu, bốn tên tù đều bỏ trốn. Trí Cảm lo sợ vì bắt lại chưa được. Đang đêm nằm nghỉ ở nhà trạm, bỗng thấy đề lại cũ đến bảo rằng: "Tù đều bắt được cả rồi. Một tên chết, ba tên còn sống, đang ở trong hang phía Tây núi Nam Sơn, cả ba đều bị trói lại. Xin

ông đừng lo!”. Nói xong từ biệt ra đi. Trí Cảm liền xin dân binh đem vào hang phía Tây núi Nam Sơn, quả nhiên gặp bốn tên tù nhân. Bọn tù biết không thể chạy thoát, xông ra chống cự. Trí Cảm tiến lên đánh, giết một tên, ba tên còn lại đều đưa tay chịu trói, đúng như lời đã báo.

Hiện tại, Trí Cảm đang làm quan tư pháp tại Từ Châu ở phương Nam. Quan lộc khanh Liễu Hanh đem kể cho nghe chuyện này. Khi Hanh làm thứ sử Ngang Châu, có gặp Trí Cảm và đã đích thân hỏi rõ đầu đuôi. Tuy nhiên, ngự sử Bùi Đồng Tiết cũng nói rằng có gặp mấy người đều kể cho nghe như thế cả. (Chuyện trên đây rút ra từ Minh Báo Ký).

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 8

Thiên thứ 5: NGHÌN PHẬT

Gồm có 15 bộ: 1 Thất Phật, 2 Nhân duyên, 3 Chứng tích, 4 Giáng thai, 5 Xuất thai, 6 Thị dưỡng, 7 Chiêm tướng, 8 Du học, 9 Nạp phi, 10 Yếm khổ, 11 Xuất gia, 12 Thành đạo, 13 Thuyết pháp, 14 Niết-bàn, 15 Kết tập.

***Bộ thứ nhất:* THẤT PHẬT:**

Gồm có 9 phần: Thuật ý, Xuất thì, Tính danh, Chủng tộc, Đạo thụ, Thân quang, Hội số, Đệ tử, Cửu cận.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Từng nghe: Chín cõi phân chia, bốn loài khác tính. Sóng mê dễ nhiễm, tuệ nghiệp khó bồi. Lặn ngụp sông yêu, phiêu linh biển khổ. Không sinh thiện ý, chưa tỏ đèn lòng. Thế nên, những bậc đại Thánh thần thông, chí nhân đạt đạo, đều thu gom thế giới để làm thành tính; thâu tóm vũ trụ để tạo nên hình. Hình hiện hữu khắp nơi, tầm vĩ đại vượt ngoài quy củ; trí tạo nên tất cả, mức hành động cắt đứt nghĩ suy. Không thể đem chuyện nhân gian ước lượng, há được phép lấy nơi chốn luận bàn? Nếu muốn mở tung nhận thức cho đám ngu mê, cần phải đề cao linh tích của bậc chân giác. Điều ấy cũng giống gió trong hang lạnh lùa theo tiếng cọp gầm, áng mây lành vấn vương bên cạnh rồng lượn. Ảnh hưởng tương quan, lý thường vẫn thế. Đức Phật ta từ khi ở Lộc uyển hoằng dương, đến khi ở Kim hà đã khuất, linh tích thị hiện, hiển hách rất nhiều. Đã khiến chúng sinh trong thời tượng giáo có chứng nhiệm để phản tỉnh quy y. thậm chí, dù nghìn Phật linh tích khác nhau, vẫn một trí hướng cùng cứu cánh. Từ tâm bình đẳng vô biên, tuỳ ước vọng lợi sinh hoằng pháp; thệ nguyện trang nghiêm rộng lớn, chống thuyền từ cứu vớt đắm chìm. Nếu chúng sinh biết chân thành cảm nhận, chắc chắn có duyên cơ thể nhập vậy.*

Thứ hai: PHẦN XUẤT THÌ

Thuật rằng:

Nay căn cứ theo một Hiền kiếp, có thể phân chia ra bốn thời kỳ: 1/ là Thành, 2/ là Trụ, 3/ là Hoại, 4/ là Không. Trong bốn thời kỳ này, Thành kiếp đã qua, Hoại kiếp chưa đến. Hiện tại đang ở vào thời kỳ Trụ kiếp, nên có nghìn Phật xuất thế. Nói đại khái, đã có ba vị Phật xuất thế. Hiện nay đang là thời kỳ có di giáo của đức Phật thứ tư Thích-ca-mâu-ni. Trong bốn thời kỳ này đều phân ra hai mươi Tiểu kiếp, tổng cọng có tám mươi Tiểu kiếp, mới thành đủ một Đại kiếp thủy hỏa phong, gọi là Hiền kiếp. Theo luận Lập-thế-A-tỳ-đàm, trong hai mươi Tiểu kiếp đặc biệt của Trụ kiếp, mười một Tiểu kiếp chưa đến, tám Tiểu kiếp đã qua. Hiện tại đức Phật Thích-ca-mâu-ni sẽ thành Phật trong Tiểu kiếp thứ chín.

- Hỏi: "Trong các kiếp Thành, Hoại, Không của Hiền kiếp này, chư Phật không xuất thế. Trái lại, chỉ chọn trong Trụ kiếp. Trong đó, chỉ còn mười một Tiểu kiếp tương lai. làm sao có đến chín trăm chín mươi sáu vị Phật đồng thời xuất hiện được?"

- Đáp: "Một vị Phật xuất thế đã là khó khăn. Xưa nay, nhiều vị Phật cùng xuất thế quả nhiên càng khó khăn hơn. Tuy thế, nay dựa theo các kinh Dược-vương-Dược-thượng. Sau đó, dẫn chứng phụ thêm kinh Phật danh. Nên nhớ rằng kiếp có ngắn dài không giống nhau, nên kinh Dược-vương-Dược-thượng nói rằng: "Bấy giờ, Phật Thích-ca-mâu-ni bảo đại chúng rằng, vào vô lượng kiếp xa xưa, trong thời mạt pháp của Phật Diệu Quang, ta từng xuất gia học đạo, được nghe tên năm mươi ba vị Phật này. Nghe xong chấp tay, sinh lòng hoan hỷ. Rồi ta lại dạy cho người khác, khiến họ cũng được nghe biết thụ trì. Người khác nghe xong, lại lần lượt dạy nhau, lên đến ba ngàn người. Tất cả, khác miệng một lòng, thành tâm kính lễ. Lập tức đều được siêu thoát mọi tội lỗi sanh tử trong vô số ức kiếp.

Nghìn Phật đầu tiên thì Phật Hoa Quang đứng đầu, xuống đến Phật Tỳ-xá-phù, đều thành Phật trong Kiếp Trang nghiêm. Ấy là chư Phật trong thời quá khứ. Nghìn Phật trong kiếp này, đứng đầu là Phật Câu-lưu-tôn, xuống đến Phật Lâu-chí, lần lượt thành Phật trong Hiền kiếp. Nghìn Phật về sau thì đứng đầu là Phật Nhật Quang, xuống đến Phật Tu-di Tướng, sẽ lần lượt thành Phật trong Kiếp Tinh tú." Nếu theo kinh Phật danh: "Vào chín mươi mốt kiếp của thời quá khứ có vị Phật tên là Tỳ-bà-thi. Vào ba mươi kiếp của thời quá khứ, có vị Phật xuất thế tên là Thi-khí. Ngay trong kiếp này, còn có vị Phật xuất thế, tên là

Tỳ-xá-phù."

Hỏi: Chín mươi mốt kiếp này là Đại kiếp hay Tiểu kiếp?

Đáp: Là Đại kiếp.

Hỏi: "Làm sao biết được?"

Đáp: Theo luận Cựu-Bà-sa nói, bồ-tát nhân địa Thích-ca, từ thời Phật Tỳ-bà-thi trở đi, đã vun trồng nhiều nghiệp tướng tốt. Đến nay, vào thời Trụ kiếp thứ chín, đã trải qua chín mươi mốt Đại kiếp. Do đó, luận Cựu-Câu-xá mới nói, bồ-tát Thích-ca nhờ kính lễ Phật Để-sa hết sức tinh tiến, nên được siêu độ chín Đại kiếp, cuối cùng thành Phật. Thế mới biết chín kiếp ấy đã là Đại kiếp, chín mươi mốt kiếp kia há không phải là Đại kiếp chăng? Lại nữa, theo kinh Dược-vương-Dược-thượng, các Kiếp Trang nghiêm, Hiền, Tinh tú, đều có nghìn Phật xuất thế, thì biết kiếp này cũng là Đại kiếp vô số lượng. Lại nữa, trong kinh Dược-vương-Dược-thượng nói, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào, thậm chí tất cả chúng sinh khác, nghe được tên năm mươi ba vị Phật này, thì trong trăm nghìn vạn ức vô số kiếp, sẽ không bị đọa vào Đường ác. Theo mạch văn này, lần lượt trong các kiếp gọi là Trang nghiêm, Hiền, Tinh tú, đều có nghìn Phật xuất thế. Thế mới biết đây là các Đại kiếp còn lớn hơn các Đại kiếp vô số lượng khác. Đến nay, trong Hiền kiếp có bốn vị Phật xuất thế cũng là đại kiếp vô số lượng, chứ không phải là Tiểu kiếp của Kiếp Trụ. Hiền kiếp đã là Đại kiếp, nên trong đó có nghìn Phật xuất thế là điều hiển nhiên, không còn có gì có thể nghi ngờ được nữa.

Lại nữa, kinh Trường-A-hàm nói: "Vào chín mươi mốt kiếp của thời quá khứ, có vị Phật xuất thế, tên là Tỳ-bà-thi. Lại vào ba mươi mốt kiếp của thời quá khứ, có vị Phật tên là Thi-khí. Lại vào ba mươi mốt kiếp của thời quá khứ, có vị Phật xuất thế tên là Tỳ-xá-bà." Hai vị Phật Thi-khí và Tỳ-xá-bà, nói theo kinh Phật-danh, đều cùng xuất hiện trong kiếp này, không có sự khác biệt về thời gian. Hoặc chấp nhận như kinh Trường-A-hàm phiên dịch thừa ra ba mươi mốt kiếp này.

Lại còn có một giải thích theo luận Lập-thế-a-tỳ-đàm, trong hai mươi kiếp của Trụ kiếp, tám kiếp đã qua. Trong đó, có ba vị Phật đã xuất thế. Đức Phật Thích-ca sẽ xuất thế trong kiếp thứ chín hiện tại. Tức là trong chín kiếp trên đây, đã có bốn vị Phật xuất thế. Tương lai còn mười một kiếp. Trong đó, làm sao biết được chẳng có nhiều vị Phật sẽ xuất thế? Do đó, kinh mới nói rằng: "Đôi khi, trong một kiếp có vô số vị Phật xuất thế. Đôi khi, trong vô số kiếp trôi qua, không có một vị Phật nào xuất thế." Theo nghĩa này suy ra, nếu trong một Tiểu kiếp

có nhiều vị Phật xuất thế, cũng chẳng có trở ngại gì cả. Do căn cơ của chúng sinh có chỗ yếu mạnh khác nhau, nên nhận thức có chỗ không giống nhau mà thôi. (Ý nghĩa này rất khó nhận thức rất khó nhận thức, xin chờ các bậc hậu triết).

Quốc độ giáo hóa của nghìn Phật trong Hiền kiếp này, có thành quách bao bọc chung quanh, nằm khắp trong ba ngàn đại thiên thế giới. Các quốc độ ấy đều cư trú ở giữa. Bởi vì đức Phật là bậc hóa độ, giữa tâm rỗng lặng. Chúng sinh là kẻ được hóa độ, cũng chọn lấy chỗ cư trú ở giữa. Thế nên, ở đấy có Tòa kim cương. Các phương khác, cảnh giới khác đều không có Tòa này, nên đức Phật không ngự đến. Bởi thế, kinh Thụy-ứng nói: "Quốc độ ở phương này là trung tâm của ba ngàn mặt trời mặt trăng và mười hai ngàn thế giới. Uy thần của đức Phật không cho xuất thế ở phía bên, đất sẽ vì thế mà nghiêng ngửa. Thế nên từ xưa, đức Phật đều xuất thế ở quốc độ trung tâm này." Đồng tình với nhận định này, vì là một bằng chứng hùng hồn.

Như kinh Trường-A-hàm nói: "Vào chín mươi mốt kiếp của thời quá khứ, có đức Phật xuất thế, tên là Tỳ-bà-thi. Bấy giờ, con người thọ tám vạn tuổi. Lại vào ba mươi mốt kiếp của thời quá khứ, có đức Phật xuất thế, tên là Thi-khí. Bấy giờ, con người thọ bảy vạn tuổi. Lại vào ba mươi mốt kiếp của thời quá khứ, có đức Phật xuất thế, tên là Tỳ-xá-bà. Bấy giờ, con người thọ sáu vạn tuổi. Lại vào thời quá khứ, trong Hiền kiếp, có đức Phật xuất thế, tên là Câu-lâu-tôn. Bấy giờ, con người thọ năm vạn tuổi. Lại nữa, trong Hiền kiếp, có đức Phật xuất thế, tên là Câu-na-hàm. Bấy giờ, con người thọ bốn vạn tuổi. Lại nữa, trong Hiền kiếp, có đức Phật xuất thế, tên là Ca-diếp. Bấy giờ, con người thọ hai vạn tuổi. Nay ta xuất thế, con người chỉ còn thọ một trăm tuổi. Tăng ít, giảm nhiều." Theo luận Trí-độ-luận ca-diên, căn cứ vào con người của thời đức Phật Thích-ca thọ một vạn tuổi, ngài quan sát thời thế rồi mới ra đời. Vì từ khi con người còn thọ một vạn tuổi, chưa có cơ duyên để hóa độ. Đến khi con người chỉ còn thọ một trăm tuổi, bị khổ sở hành hạ, kiếp này lại sắp hết, nên mới ra đời. Vì vậy, luận ấy nói: "Kiếp hết, chư Phật xuất thế. Kiếp mới bắt đầu, Chuyển luân vương xuất thế." Hai điều không giống nhau này, thiên Chuyển luân vương sau đây sẽ nói đến.

Thứ ba: PHẦN TÍNH DANH

Phần sau đây đều nói theo các kinh Tăng-nhất-A-hàm và Thất-Phật-phụ-mẫu-tính-tự: "Thứ nhất là Phật Duy-vệ. Thứ hai là Phật Thức-khí. Thứ ba là Phật Tùy-diệp. Ba vị Phật này cùng mang họ Câu-lâu

(kinh Trường-A-hàm nói, thứ nhất là Phật Tỳ-bà-thi. Thứ hai là Phật Thi-khí. Thứ ba là Phật Tỳ-xá-bà). Thứ tư là Phật Câu-lâu-tần. Thứ năm là Phật Câu-na-hàm-mâu-ni. Thứ sáu là Phật Ca-diếp. Ba vị Phật này cùng mang họ Ca-diếp (kinh Trường-A-hàm nói, Phật thứ tư là Câu-lâu-tôn. Phật thứ năm là Câu-na-hàm. Phật thứ sáu cùng tên Ca-diếp). Thứ bảy là Phật Thích-ca-mâu-ni của chúng ta, họ là Cù-đàm.

Thứ tư: PHẦN CHỦNG TỘC

Thứ nhất là Phật Duy-vệ. Thứ hai là Phật Thức-khí. Thứ ba là Phật Tùy-diệp. Ba vị Phật này thuộc dòng dõi vua Sát-lợi. Thứ tư là Phật Câu-lâu-tần. Thứ năm là Phật Câu-na-hàm-mâu-ni. Thứ sáu là Phật Ca-diếp. Ba vị Phật này đều thuộc dòng dõi bà-la-môn. Thứ bảy là Phật Thích-ca-văn của chúng ta hiện nay. Ngài thuộc dòng dõi vua Sát-lợi.

Thứ nhất là Phật Duy-vệ. Phụ hoàng tự là Bàn-biếu, là vua Sát-lợi. Hoàng mẫu tự là Bàn-đầu-mạt-đà. Quốc hiệu cai trị là Sát-mạt-đề.

Thứ hai là Phật Thức-khí. Phụ hoàng tự là A-luân-na, là vua Sát-lợi. Hoàng mẫu tự là Ba-la-ha-việt-đề. Quốc hiệu cai trị là A-lâu-na-hòa-đề.

Thứ ba là Phật Tùy-diệp. Phụ hoàng tự là Tu-ba-la-đề-hòa, là vua Sát-lợi. Hoàng mẫu tự là Da-xá-việt-đề. Quốc hiệu cai trị là A-nậu-ưu-ma.

Thứ tư là Phật Câu-lâu-tần. Phụ thân là A-chi-đạt-mâu, thuộc dòng dõi bà-la-môn. Thân mẫu là Tỳ-xá-ca. Quốc hiệu cai trị là Luân-ha-lợi-đề-na. Quốc vương tên là Tu-ha-đề.

Thứ năm là Phật Câu-na-hàm-mâu-ni. Thân phụ là Da-thiểm-bát-đa, thuộc dòng dõi bà-la-môn. Thân mẫu là Uất-đa-la. Quốc hiệu cai trị là Tu-ma-việt-đề. Quốc vương tên là Tu-ma.

Thứ sáu là Phật Ca-diếp. Thân phụ là A-chi-đạt-da, thuộc dòng dõi bà-la-môn. Thân mẫu là Đàn-na-việt-đề-da. Quốc hiệu cai trị là Ba-la-tư. Quốc vương tên là Kỳ-tùy.

Thứ bảy là Phật Thích-ca-văn-ni của chúng ta hiện nay. Phụ hoàng là Duyệt-đầu-đàn, thuộc dòng dõi vua Sát-lợi. Hoàng mẫu là Ma-ha-ma-da. Quốc hiệu cai trị là Ca-duy-la-vệ. Tiên vương tên là Bàn-đề. (Nói một cách tổng quát, gồm có 4 dòng dõi: 1/ là bà-la-môn. 2/ là sát-đế-lợi. 3/ là tỳ-xá. 4/ là thủ-đà. Nhưng hai dòng dõi sau thấp hèn, không phải chỗ thác sinh của bậc chí tôn. Hai dòng dõi đầu cao quý,

đúng là nơi thác sinh của bậc chánh giác. Bà-la-môn đức hạnh thanh cao. Sát-đế-lợi ân uy vang dội. Luận Trí-độ nói: "Theo điều thời thế tôn sùng, Phật sẽ giáng trần hóa độ. Thế nên, Phật Thích-ca ra đời trong lúc cường thịnh, mượn dòng dõi hoàng tộc để dương uy. Phật Ca-diếp giáng sinh trong buổi thuận hòa, giữ trong sạch để đề cao đạo đức.")

Thứ năm: PHẦN ĐẠO THỤ

Thứ nhất là Phật Duy-vệ, đắc Đạo thành Phật dưới cây Ba-đà-la.

Thứ hai là Phật Thức-khí, đắc Đạo thành Phật dưới cây Phân-đồ-lợi.

Thứ ba là Phật Tùy-diệp, đắc Đạo thành Phật dưới cây Bồ-tát-la.

Thứ tư là Phật Câu-lâu-tần, đắc Đạo thành Phật dưới cây Tư-lợi.

Thứ năm là Phật Câu-na-hàm-mâu-ni, đắc Đạo thành Phật dưới cây Ô-tạm.

Thứ sáu là Phật Ca-diếp, đắc Đạo thành Phật dưới cây Câu-loại.

Thứ bảy là Phật Thích-ca-mâu-ni của chúng ta hiện nay, đắc Đạo thành Phật dưới cây A-bái-đa-la.

Than ôi! Kèo vàng cột đỏ, chẳng phải là danh dự của bậc xuất gia; đệm cói, tùng râm, mới thật là thanh qui của kẻ nhập đạo. Sao vậy? Bởi thế tục cho hình hài đáng quý, nên chọn nhà đẹp để nương thân; Đạo lấy gia thất làm mối lụy, nên bỏ phăng đi như cởi dép. Hết thảy những kẻ tước trọng quyền cao, đã có được mấy ai sớm giác ngộ? Như đức bổn sư Điều ngự của chúng ta, xứng đáng gọi là bậc vừa sinh đã biết. Từ khi giáng trần thuyết pháp đến khi thành Đạo nhập diệt, ngài đều ở dưới gốc cây. Đấy là ý chỉ cao cả siêu phàm. Thâm chí, ngài đã cắt tóc rút trâm, bài trừ danh lợi. Tấm gương sáng ấy, há chẳng đáng để chúng sinh dốc lòng ngưỡng mộ noi theo?

Thứ sáu: PHẦN THÂN QUANG

Như kinh Quán-Phật-tam-muội nói: "Thân Phật Tỳ-bà-thi cao sáu mươi do-tuần, vòng hào quang trên đầu lớn một trăm hai mươi do-tuần. Thân Phật Thi-khí cao bốn mươi do-tuần, vòng hào quang trên đầu lớn 45 do-tuần, hào quang trên thân lớn một trăm do-tuần. Thân Phật Tỳ-xá-bà cao ba mươi hai do-tuần, vòng hào quang trên đầu lớn bốn mươi hai do-tuần, hào quang trên thân lớn 62 do-tuần. Thân Phật Câu-lâu-tôn cao hai mươi lăm do-tuần, vòng hào quang trên đầu lớn ba mươi hai do-tuần, hào quang trên thân lớn năm mươi do-tuần. Thân Phật Câu-na-hàm-mâu-ni cao hai mươi lăm do-tuần, vòng hào quang trên đầu lớn

ba mươi do-tuần, hào quang trên thân lớn bốn mươi do-tuần. Thân Phật Ca-diếp cao mười sáu trượng, vòng hào quang trên đầu lớn hai mươi do-tuần. Thân Phật Thích-ca-mâu-ni cao 1,6 trượng, vòng hào quang trên đầu lớn bảy thước. Thân của bảy vị Phật đều có màu vàng tía. (Kính xét rằng pháp thân của chư Phật đều như nhau, không có sự hơn kém. Chỉ vì tùy theo căn cơ dị biệt của chúng sinh, nên mới thấy sự hiện hóa không giống nhau. Thế nên đức Phật Thích-ca-mâu-ni hiện ra sắc vàng tía, nhưng cả ngìn Tỳ-kheo đều thấy thành màu đỏ, còn mười sáu vị tín sĩ lại thấy thành sắc xám tro. Tự những vị ấy nhận thức khác biệt, chính chư Phật vẫn thường nhất thể mà thôi. Theo đó mà suy luận, mới gọi là không sai lầm.) Theo kinh Di-lặc-hạ-sinh nói, thân của ngài cao nghìn thước, vòng hào quang trên đầu lớn hai mươi trượng.

Thứ bảy: PHẦN HỘI SỐ

Thứ nhất là Phật Duy-vệ, trước sau mở ba pháp hội thuyết pháp. Pháp hội giảng kinh đầu tiên có mười vạn Tỳ-kheo, đều chứng được quả A-la-hán. Pháp hội giảng kinh thứ hai có chín vạn Tỳ-kheo, đều chứng được quả A-la-hán. Pháp hội thứ ba có tám vạn Tỳ-kheo, đều chứng được quả A-la-hán.

Thứ hai là Phật Thức-khí, cũng mở ba pháp hội thuyết pháp. Pháp hội giảng kinh đầu tiên có chín vạn Tỳ-kheo, đều chứng được quả A-la-hán. Pháp hội giảng kinh thứ hai có tám vạn Tỳ-kheo, đều chứng được quả A-la-hán. Pháp hội giảng kinh thứ ba có bảy vạn Tỳ-kheo, đều chứng được quả A-la-hán.

Thứ ba là Phật Tùy-diệp, mở ra hai pháp hội thuyết pháp. Pháp hội giảng kinh đầu tiên có bảy vạn Tỳ-kheo, đều chứng được quả A-la-hán. Pháp hội giảng kinh thứ hai có sáu vạn Tỳ-kheo, đều chứng được quả A-la-hán.

Thứ năm là Phật Câu-na-hàm-mâu-ni, mở một pháp hội giảng kinh, có ba vạn Tỳ-kheo, đều chứng được quả A-la-hán.

Thứ sáu là Phật Ca-diếp, mở một pháp hội giảng kinh, có hai vạn Tỳ-kheo, đều chứng được quả A-la-hán.

Thứ bảy là Phật Thích-ca-mâu-ni của chúng ta, mở một pháp hội giảng kinh, có một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo, đều chứng được quả A-la-hán.

Thuật rằng:

Điều ghi chép bảy vị Phật thuyết pháp độ sinh nhiều ít trên đây là căn cứ theo giáo lý Tiểu thừa. Khi đức Như lai vừa thành Phật , trước

tiên ngài cứu độ các kẻ ngoại đạo bỏ tà theo chánh. Ấy là từ các đệ tử Thanh văn trở thành đệ tử thân cận, nên mới hạn chế trong số lượng ít ỏi này. Nếu căn cứ suốt một đời thuyết pháp của đức Như lai, ngài đã cứu độ chúng sinh khắp Ba thừa đắc Đạo, số lượng sẽ vô lượng vô biên. Thế nên, pháp sư Huyền Trang đã nói trong sách Đại-Đường-Tây-vức-ký rằng: "Suốt đời thuyết pháp của đức Như lai, tổng quát có thể chia thành ba thời kỳ:

Trong thời kỳ thứ nhất, ngài giảng giải Pháp hữu tướng cho các vị Thanh văn, đả phá chấp kiến của hàng ngũ ngoại đạo, khiến họ được ngộ Đạo.

Trong thời kỳ thứ hai, ngài giảng giải Pháp vô tướng cho các vị bồ-tát Tiểu thừa, đả phá chấp kiến Thanh văn, khiến họ ngộ được Pháp vô tướng của Đại thừa.

Trong thời kỳ thứ ba, ngài giảng giải cùng lúc Pháp hữu tướng vô tướng cho các vị bồ-tát Đại thừa, đả phá luôn chấp kiến Pháp hữu tướng vô tướng, khiến họ ngộ được Viên giáo cứu cánh của Trung đạo.

Trong suốt ba thời kỳ này, ngài đã triệt để tùy cơ hóa độ, nhiều đến vô biên. Đôi khi, lần lượt bên cạnh các đệ tử của Ba thừa, có những kẻ nghe Pháp đắc Đạo, cũng nhiều hằng hà sa số. Không thể lấy một chữ nào ước lượng, một nghĩa nào quan niệm được."

Thứ tám: PHẦN ĐỆ TỬ

Theo kinh Trường-A-hàm nói: "Phật Tỳ-bà-thi có hai đệ tử: một tên là Khiên-trà, hai tên là Chí-sa. Phật Thi-khí có hai đệ tử: một tên là A-tỳ-phù, hai tên là Tam-bà-bà. Phật Tỳ-xá-phù có hai đệ tử: một tên là Phù-du, hai tên là Uất-đa-ma. Phật Câu-lưu-tần có hai đệ tử: một tên là Tát-ni, hai tên là Tỳ-lâu. Phật Câu-na-hàm có hai đệ tử: một tên là Ưu-ba-tiển-đa, hai tên là Uất-đa-lâu. Phật Ca-diếp có hai đệ tử: một tên là Đề-xá, hai tên là Bà-la-bà. Ta nay có hai đệ tử: một tên là Xá-lợi-phất, hai tên là Đại-Mục-kiền-liên (sự liệt kê danh xưng trên đây đều chép hai vị. Ấy là căn cứ từ vị thứ nhất trong hàng ngũ đệ tử, nên mới có lối bàn luận khác biệt như thế).

Phật Tỳ-bà-thi có đệ tử chấp sự tên là Vô ưu. Phật Thi-khí có đệ tử chấp sự tên là Nhẫn hành. Phật Tỳ-xá-bà có đệ tử chấp sự tên là Tịch diệt. Phật Câu-lưu-tôn có đệ tử chấp sự tên là Thiện giác. Phật Câu-na-hàm có đệ tử chấp sự tên là An hòa. Phật Ca-diếp có đệ tử chấp sự tên là Thiện hữu. Nay ta có đệ tử chấp sự tên A-nan.

Phật Tỳ-bà-thi có con tên là Phương ưng. Phật Thi-khí có con tên

là Vô lượng. Phật Tỳ-xá-bà có con tên là Diệu giác. Phật Câu-lưu-tôn có con tên là Thượng thắng. Phật Câu-na-hàm có con tên là Đạo sư. Phật Ca-diếp có con tên là Tiến quân. Nay ta có con tên là La-hầu-la.”

Thứ chín: PHẦN CỬU CẬN

Theo kinh Bồ-tát-bản-hạnh nói: “Sau khi Phật Tỳ-bà-thi nhập diệt, Chánh pháp của ngài còn tồn tại được hai vạn năm. sau khi Phật Thần văn nhập diệt, Chánh pháp của ngài còn tồn tại được sáu vạn năm (các kinh khác gọi là Phật Thi-khí). Sau khi Phật Câu-lưu-tôn-đà nhập diệt, Chánh pháp của ngài còn tồn tại được năm trăm năm. Sau khi Phật Câu-na-hàm-mâu-ni nhập diệt, Chánh pháp của ngài còn tồn tại được hai mươi chín ngày. Sau khi Phật Ca-diếp nhập diệt, Chánh pháp của ngài còn tồn tại được bảy ngày. Sau khi Phật Thích-ca nhập diệt, Chánh pháp của ngài còn tồn tại được năm trăm năm. thời kỳ Tượng giáo cũng còn tồn tại được năm trăm năm (theo luận Thiện-kiến nói, Chánh pháp tồn tại được một ngàn năm).

Bộ thứ 2: **NHÂN DUYÊN**

Gồm có 3 phần: Thuật ý, Dẫn chứng, Nghiệp nhân.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Than ôi! Nghìn Phật phóng quang chiếu giám, soi đường dẫn dắt vạn loài. Bởi vậy, Thánh nhân đưa phúc để khuyến thiện, chỉ họa để răn ác. Tiểu nhân bảo thiện vô ích nên chẳng chịu làm; cho ác vô hại nên chẳng chịu chừa bỏ. Như thế, lời họa phúc trở thành phù hoa không thực tế; câu bâng quơ vô bổ được chấp nhận, tin bừa. Khiến cho các bậc đại Thánh chí nhân phải xót xa nỗi ngu mê lầm lạc ấy, cùng phát nguyện xiển dương Lục độ, tiếp dẫn Bốn loài; loan truyền Nhị đế, giáo hóa Ba cõi. Do đó, Nghìn Phật đã nương theo vô lượng từ bi, chọn lựa duyên cơ để giáng sinh vào Hiền kiếp vậy*.

Thứ hai- PHẦN DẪN CHỨNG

Theo kinh Ngũ-tiên-nhân nói: “Vào vô số kiếp xa xưa, có các vị tiên ẩn cư trong rừng rậm. Trong đó, bốn vị làm chủ, một vị chuyên lo phục dịch, chưa từng sai sót. Một hôm, mãi đi hái quả múc nước quá xa, lỡ về không kịp, đã quá giờ ngọ. Bốn vị kia bị mất bữa ăn, nỗi giận không nguôi, cho là đáng niệm ác chú trừng phạt. Vị tiên ấy mắc phải và chết, rồi sinh làm người. Có vị Phạm chí giỏi tướng thuật, đoán người ấy sẽ làm vua. Quả nhiên, về sau người ấy làm vua. Phật bảo, nhà vua

ấy chính là ta. Bốn vị tiên là Phật Câu-lưu-tần, Phật Câu-na-hàm-mâu-ni và Phật Ca-diếp. Còn vị Phạm chí, chính là Đề-đạt."

Lại nữa, luận Trí-độ nói: "Lúc kiếp sắp hết, tất cả đều không. Chúng sinh nhờ vào phước lực, khi gió mười phương thổi đến, cùng nhau đối phó nâng đỡ, mới có thể giữ lại được Thủy luân vĩ đại. Bấy giờ, có một người nghìn đầu, hai nghìn tay chân, gọi là Trời Vi-nữu. Từ trong rốn của Trời này phóng ra hoa sen nghìn cánh, sắc vàng đẹp đẽ, quý báu. Hào quang của hoa sen ấy hết sức chói lọi, như vạn ánh mặt trời Cùng Chiếu sáng. Trong hoa sen ấy có người ngồi kiết già phu tọa. Người ấy lại có vô lượng hào quang, gọi là vua Phạm Thiên. Trong tâm vua ấy sinh ra 8 chữ. 8 chữ ấy sinh ra trời đất mọi người. Vua Phạm Thiên này ngồi trên hoa sen. Thế nên, chư Phật tùy theo thế tục, nói là ngồi trên hoa sen quý, thuyết pháp Lục-độ Ba-la-mật."

Lại nữa, kinh Đại-bi nói: "Phật bảo A-nan, tại sao gọi là Hiền kiếp? Tại vì khi kiếp mới thành, tất cả Tam thiên đại thiên thế giới này đều chỉ là một Thủy luân. Bấy giờ, Trời Tĩnh Cư dùng Thiên nhãn quan sát thế giới này. Chỉ thấy là một Thủy luân Vĩ đại. Thấy có nghìn cành hoa sen. Tất cả đều tên là Hoa sen nghìn cánh. Sắc vàng, hào quang vàng chói lọi khắp nơi. Hương thơm xong lên ngào ngạt, thật đáng ham thích. Trời Tịnh Cư thấy cảnh tượng này, sinh lòng hoan hỷ, tán thán: "Thật là hiếm có! Như thế, trong kiếp này phải có nghìn Phật xuất thế." Vì nhân duyên ấy, bèn gọi kiếp này là Hiền kiếp. Sau khi ta nhập diệt, sẽ có chín trăm chín mươi sáu vị Phật xuất thế. Đứng đầu là Phật Câu-lưu-tôn. Ta là vị Phật thứ tư. Kế tiếp là Phật Di-lặc sẽ thay thế vào vị trí của ta, cho đến vị Phật cuối cùng là Lô-già. Cứ thế, lần lượt xuất thế. Ông cần phải biết điều này (các kinh khác gọi vị Phật cuối cùng là Lâu-chí)."

Thứ ba- PHẦN NGHIỆP NHÂN

Theo kinh Thiên-Phật-nhân-duyên nói: "Bấy giờ, Phật bước ra khỏi thạch thất ở núi Kỳ-xà-quật tại thành Vương-xa, hỏi A-nan rằng: "Hiện nay, các Thanh văn và Bồ-tát đều giảng giải luận gì thế?" A-nan bạch Phật rằng: "Thưa đức Thế tôn, các vị ấy đều tự nói ve nhân duyên kiếp trước." Lúc ấy, Bồ-tát Bạt-đà-bà-la bạch Phật rằng: "Vào ngày hôm nay, tôi muốn tham vấn đôi điều, xin đức Thế tôn giải nghĩa dùm cho." Khi Bồ-tát ấy nói lời này, có 8bốn nghìn Bồ-tát đều cởi tràng anh lạc rắc lên Phật để cúng dường. Những hạt anh lạc kết trên đỉnh đầu Phật, cao lớn như núi Tu-di, trang trọng hiển hách đáng xem. Có nghìn

Hóa Phật ngồi trong hang núi. Bấy giờ, các Bồ-tát bạch Phật rằng: "Thưa đức Thế tôn, nghìn Phật trong Hiền kiếp này, vào thời quá khứ, đã vun trồng công đức gì, khiến cho thường sinh một chỗ, cùng ở một nhà, trong một kiếp, lần lượt đắc Đạo Bồ-đề, hóa độ chúng sinh?" Bấy giờ, đức Thế tôn bảo các Bồ-tát rằng: "Ta sẽ giảng giải rõ cho các ông. Nay các ông biết rằng, vào trăm nghìn vạn ức vô lượng số kiếp của thời quá khứ, thế giới này tên là Đại Trang nghiêm. Kiếp tên là Đại bảo, có vị Phật tên là Bảo ĐăngDiệm vương. Phật ấy thọ nửa kiếp. Chánh pháp hóa độ tồn tại trong một kiếp. Thời kỳ Tượng giáo tồn tại trong hai kiếp. Trong thời Tượng giáo ấy, có một đại vương tên là Quang Đức, đem Thập thiện giáo hóa nhân dân như một vị Chuyển luân vương. Bấy giờ, đại vương ấy dạy cho nhân dân trì tụng luận Tỳ-đà. Khi ấy, trong học đường có nghìn đồng tử tuổi đều mười lăm, thông minh, biết rộng. Nghe các Tỳ-kheo tụng Phật pháp tăng, có một đồng tử tên là Liên Hoa Đức bạch Tỳ-kheo Thiện Xưng rằng: "Sao gọi là Phật Pháp Tăng?" Tỳ-kheo ấy đáp rằng:

"Ba-la-mật đầy đủ,
Thanh tịnh giác trí tuệ.
Tâm thù thắng thành tựu
Nên danh hiệu là Phật
Tính thanh tịnh vô nhiễm,
Lìa xa khỏi thế gian.
Không màng đời Ngũ uẩn,
Thường trụ, gọi là Pháp.
Thân tâm thường vô vi,
Bỏ hẳn bốn cách ăn.
Là phước điền cho đời.
Vì thế, gọi là Tăng."

Khi nghìn đồng tử nghe xong tên Tam bảo, đều cầm hương hoa đi theo Tỳ-kheo vào tháp lễ bái. Thấy được tượng Phật, đầu và tứ chi cuối mọp xuống đất. Ngay trước tượng Phật, tất cả cùng phát lời thề nguyện lớn lao, bày tỏ tâm A-nậu Bồ-đề. Vào vô lượng kiếp sau này, chắc chắn sẽ thành Phật, như đức Thế tôn hôm nay. Nghìn đồng tử ấy, tùy theo tuổi thọ ngắn dài, khi lâm chung, nhờ vào nhân duyên nghe tên Tam bảo, trừ bỏ nghiệp quả sinh tử trong năm mươi mốt kiếp. Sau khi mạng chung, sinh vào Phạm thế. tự nhớ lại tiền kiếp đã từng nghe tên Tam bảo, đều sinh lên Trời. Khi ấy, cả nghìn Phạm vương cưỡi cung điện, mang đủ bảy loại hoa quý đến tháp cúng dường tượng Phật. bấy giờ, tất

cả, dù khác miệng nhưng cùng chung tiếng, nói kệ rằng:

"Rạng rỡ tên Tam bảo,
Lâu nay ở cõi lành.
Nghe tên, trừ được ác
Và sinh vào Phạm thế.
Hôm nay cúi đầy lạy,
Quy y bậc giải thoát."

Nói xong bài kệ này, tất cả đều trở về Phạm thế. Bạt-đà-bà-la! Nay ông nên biết rằng vị đại vương đem Thập thiện dạy dân thời bấy giờ đã thành Phật từ lâu. Chính là Phật Tỳ-bà-thi. Tỳ-kheo Thiện Xưng là Phật Thi-khí. Nghìn đồng tử ấy, chẳng phải người lạ. Chính là Phật Câu-lưu-tần cho đến Phật cuối cùng là Lâu-chí hiện nay. Bạt-đà-bà-la! Nay ông nên biết rằng ta cùng nghìn Bồ-tát trong Hiền kiếp, đã từng theo vị Phật ấy, nghe tên tam bảo, mới phát tâm A-nậu Bồ-đề. Nhân duyên là như thế.

Phật bảo Bồ-tát Bạt-đà-bà-la rằng, vào vô lượng vô số kiếp của thời quá khứ, thế giới Ta-bà này có một nước lớn tên là Ba-la-nại, quốc vương tên là Phạm Đức, thường dùng pháp thiện giáo hóa nhân dân, đem nước giao phó cho con, xuất gia học đạo, thành Bích-chi Phật. Phóng thân vào giữa hư không, hóa ra mười tám biến thân. Khi ấy, nghìn Phạm vương lấy vạt áo đựng đầy hoa đẹp, đến rừng Ưu-đàm cúng dường Bích-chi Phật ấy và bạch rằng: "Xin ngài thuyết pháp cho chúng tôi." Bấy giờ, Bích-chi Phật phóng thân vào giữa hư không, hóa ra mười tám biến thân, duỗi tay giương chân. Trong đó, có một Phạm vương tên là Tuệ Kiến, nói với các Phạm vương khác rằng: "Ta thấy Bích-chi Phật này chỉ nhờ giữ gìn Ngũ giới. Ta sẽ giữ 8 giới, thực hành Thập thiện, quán các duyên khởi. Đem thiện căn này hồi hướng về A-nậu Bồ-đề rất cao xa vi diệu. Nguyện sẽ thành Phật, hơn hẳn Bích-chi Phật trăm nghìn vạn ức lần! Sau khi nghìn Phạm vương mạng chung, liền sinh làm nghìn Chuyển luân vương trong nghìn quốc độ của thế giới Ta-bà, thọ được tám vạn bốn nghìn tuổi. Khi sắp mệnh chung, trong núi Tuyết có một vị Bà-la-môn thông minh biết rộng, sống thọ nửa kiếp, từng nghe kinh đời trước nói, vào thời quá khứ, có vị Phật tên là Chiên-đàn Trang Nghiêm. Vị Phật ấy thuyết pháp Bố thí Ba-la-mật rất cao xa vi diệu, đến nỗi không còn thấy bố thí và được bố thí, tâm hạnh đều bình đẳng như nhau. Khi nghe chuyện ấy xong, vị Bà-la-môn xuống núi Tuyết, tìm đến nghìn Chuyển luân vương tán thán diễn thuyết phép bố thí này. Tất cả đều đem đất nước giao phó cho các thái tử, xuất gia cầu đạo. Lên núi Tuyết, lập

thảo am, tìm Đạo vô thượng. Được quả Ngũ thông, phi hành tự tại giữa hư không. Sống thọ một kiếp.

Bấy giờ, trong núi Tuyết có con Dạ-xoa thật lớn, thân cao bốn nghìn dặm. Nanh sắc bén, mọc chởm lên, dài tám mươi dặm. Mặt lớn mười hai dặm. Mắt toé máu, sáng rực như đồng sôi. Tay trái cầm kiếm, tay phải cầm chĩa, đứng trước các Chuyển luân vương, cất cao tiếng bảo: "Nay ta đói khát, không có thức ăn. Xin các đại vương thương xót, bố thí cho chút ít." Khi ấy, nghìn Chuyển luân vương bảo Dạ-xoa rằng: "Chúng tôi thề nguyện bố thí mọi thứ!" Tất cả đều lấy nước rửa tay cho Dạ-xoa, trao cho trái cây của tiên rồi bảo ăn đi. Dạ-xoa giật lấy, giận dữ ném xuống đất và bảo rằng: "Dạ-xoa cha ta ăn tinh khí của người. La-sát mẹ ta chuyên ăn tim, uống máu nóng của người. Nay ta đói quá, chỉ cần ăn tim uống máu. Đâu cần đến thứ quả này!" Khi ấy, nghìn Chuyển luân vương nói với Dạ-xoa: "Cái khó bỏ nhất, chính là bản thân. Thế nên, hôm nay chúng ta không thể đem tim ra bố thí được." Lúc ấy, Dạ-xoa liền nói kệ rằng:

"Xem tim không có thật,
Do Tứ đại hợp thành.
Tất cả đều bỏ được,
Mới đúng hạnh Bồ-tát!"

Bấy giờ, trong núi Tuyết có một vị Bà-la-môn tên là Lao-độ-bạt-đề, bạch Dạ-xoa rằng: "Kính xin đại sư thuyết pháp dùm cho. Nay tôi không chút nuối tiếc tim và máu của mình." Nói xong, liền cởi áo mõng, trãi làm tòa giảng, mời Dạ-xoa ngồi lên. Dạ-xoa lập tức nói kệ:

"Muốn cầu Đạo vô vi,
Đừng tiếc thân và tim.
Cắt đứt cho chúng sinh.
Chịu đựng nín như đất.
Cũng không thấy người nhận.
Cầu Pháp không ân hận,
Không nuối tiếc chút gì.
Gấp như chữa cháy đầu,
Cứu giúp người đói khát
Mới đúng hạnh Bồ-tát!"

Khi Lao-độ-bạt-đề nghe xong bài kệ này, thân tâm đều hoan hỷ, liền lấy kiếm bén rạch bụng lộ trái tim ra. Bấy giờ, thổ thần từ dưới đất vọt lên, bạch Lao-độ-bạt-đề rằng: "Xin đại tiên thương xót bọn tôi và các thần núi non cây cối, đừng vì một con quỷ dữ, xả bỏ bản thân." Lao-

độ-bạt-đề bảo các vị thần ấy rằng:

“Thân này như lửa chớp,
Vừa loé đã tắt ngay.
Như âm vang tiếng gọi,
Gọi xong, chẳng đáp lời.
Sức Tứ đại Ngũ uẩn,
Luân chuyển chẳng dừng lâu.
Trong nghìn vạn ức năm,
Chưa từng chết vì Pháp .
Nên ta nay vì Pháp,
Đem tim, máu bố thí.
Xin đừng ngăn cản ta,
Trở ngại Tuệ vô thượng.
Với công bố thí này,
Thề nguyện thành Phật đạo.
Sau khi được thành Phật,
Trước hết, độ các ngài.”

Nói xong bài kệ, Lao-độ-bạt-đề liền nằm xuống trước mặt Dạ-xoa, lấy kiếm đâm cổ, bố thí máu cho Dạ-xoa. Rồi lại lập tức mổ lớn bụng, móc trái tim đưa cho. Bấy giờ, trời đất rung chuyển mạnh, mặt trời mất hẳn ánh sáng. Không có mây nhưng sấm vẫn nổ rền. Có 5 con Dạ-xoa từ bốn phương chạy đến, tranh nhau chia xé, giành giựt ngấu nghiến. Sau khi đã ăn no nê, liền cất tiếng rú lớn, nhảy vọt lên giữa không trung, bảo nghìn Chuyển luân vương rằng: “Mấy ai có thể bố thí như Lao-độ-bạt-đề? Với công đức bố thí ấy, thật đáng thành Phật!” Bấy giờ, nghìn Chuyển luân vương kinh hoảng thụt lùi, không còn ước muốn thành Đạo Bồ-đề, sinh lòng hối hận, đều muốn về nước. Khi ấy năm con Dạ-xoa liền nói kệ rằng:

“Không giết là mầm Phật.
Từ tâm là thuốc hay.
Đại từ thường an ổn,
Không còn già, chết nữa.
Tất cả các sinh mạng,
Giết chóc đều độc hại.
Thế nên, các Bồ-tát
Dạy ta đừng sát sinh.
Nếu các ông sợ chết,
Luôn luôn đừng sát sinh.

Tại sao lại về nước,
Bỏ tĩnh, tìm náo loạn?

Khi nghìn Chuyển luân vương nghe xong bài kệ này bèn cùng nhau đứng lặng thinh. Phật bảo Bạt-đà-bà-la: "Nay ông nên biết rằng vị Bà-la-môn thứ nhất tán thán phép Bố thí Ba-la-mật chính là Phật Định Quang Minh vương của thời quá khứ. Lao-độ-bạt-đề chính là Phật Nhiên Đăng của thời quá khứ. Còn nghìn Chuyển luân vương, dù đã xuất gia cầu đạo, gặp Phật Nhiên Đăng thực hành các phép khổ hạnh, lòng sinh ra hối hận, nên phải đọa vào Đại địa ngục trong một kiếp. Tuy thế, nhờ vào nguyện lực của tâm Bồ-đề kiên cố, nên lửa đỏ không thể đốt cháy được. Từ đó về sau, còn gặp Bồ-tát Đăng Minh vương thuyết pháp giúp cho, thoát khỏi địa ngục. Bồ-tát tán thán công đức giải thoát lớn lao của nghìn Phật thời quá khứ và xưng tụng danh hiệu Phật Trang Nghiêm cho đến Phật Tự Tại vương. Khi nghìn Chuyển luân vương nghe xong danh hiệu nghìn Phật, hết sức hoan hỷ, cùng thành tâm kính lễ. Nhờ nhân duyên này, siêu thoát được tất cả mọi tội lỗi sống chết trong chín ức triệu vô lượng vô số kiếp. Bạt-đà-bà-la! Ông nên biết rằng, nghìn Chuyển luân vương bấy giờ, chẳng phải người lạ, chính là nghìn Phật trong Hiền kiếp của chúng ta đấy!"

***Bộ thứ 3:* CHỦNG TÍNH**

Gồm có 4 phần: Thuật ý, Vương tộc, Chủng tính, Cầu hôn.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Kính xét rằng:

Vua Bạch Tĩnh* kế thừa tiên tổ, xuất phát từ vua Ý-sư-ma. Thánh chúa nối nhau, muôn đời xán lạn. Bởi thế, đức Thích-ca mới mượn tạm để thị hiện giáng sinh. Tiên tổ càng được hiển vinh, cháu con càng thêm rực rỡ. Do đó, ngài đã nhập vào kim thân một trượng sáu ở nước Ca-tỳ, hiển lộ nghi dung đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, thống lãnh giáo hóa ba ngàn thế giới lớn lao. Thương xót chúng sinh bị 4 Sông phiền cuốn lôi trôi nổi, quyết ra tay chóng thuyền từ Lục độ cứu vớt đắm chìm.

Thứ hai: PHẦN VƯƠNG TỘC

Theo kinh Trường-A-hàm nói: "Khi trời đất mới vừa thành lập, do ăn vị đất mà biến hóa thành người. Nhân có tranh cãi nổi lên, mọi người bàn bạc lập nên người làm chủ để phân xử. Cùng nhau chọn lựa một người có dòng dõi đáng tôn kính nhất, phong làm quốc vương để cai trị nhân dân. Đấy là vị vua tổ tiên của dòng họ Thích-ca (trong thiên Kiếp

lượng trước đây, có nói đầy đủ).

Lại nữa, theo kinh Lâu-thán nói rằng: “Về sau, có nhà vua khác cai trị không bằng vua trước, tuổi thọ liền giảm xuống. Từ sống đến chín vạn tuổi, lần lượt giảm xuống còn một vạn tuổi, thậm chí còn một trăm tuổi.” Từ đầu kiếp, có vua tên là Tướng Khổng Lồ đến nay, theo tính tóan tổng quát của luật Tứ-phần, gồm có tám mươi bốn ngàn hai trăm năm mươi ba vị vua xuất thế. Trong số đó, có 10 vị đại Thánh Chuyển luân vương làm vua thiên hạ. Ngoài các vị vua này, không thể liệt kê đầy đủ. Nay sẽ liệt kê tên thật tổ tiên bảy đời của đức Như lai, theo luật Ngũ- phần, một cách cụ thể như sau: thời quá khứ, có vị vua tên là Uất-ma vương (luật Tứ- phần gọi là Ý-sư-ma). Con thứ của vua này có 4 tên: 1/ là Chiếu Mục (kinh Trường-A-hàm gọi là Diện Quang), 2/ là Thông Mục (các kinh khác gọi là Thực Chúng), 3/ là Điều Tượng (các kinh gọi là Lộ Chỉ), 4/ là Ni-Lâu (các kinh gọi là Trang Nghiêm). Vua Ni-lâu có con tên là Ô-đầu-la. Vua Ô-đầu-la có con tên là Cù-đầu-la. Vua Cù-đầu-la có con tên là Thi-hưu-la. Vua Thi-hưu-la có bốn người con: thứ nhất tên là Tịnh Phạn, thứ hai tên là Bạch phạn, thứ ba tên là Hộc Phạn, thứ tư tên là Cam Lộ Phạn. Nếu theo kinh Trường-A-hàm và luật Tứ-phần thì đều nói rằng: “Vua Sư Tử Giáp có bốn người con: thứ nhất là vua Tịnh Phạn, có hai người con (một là Bồ-tát Thích-ca, hai là Nan-đà). Thứ hai là vua Bạch Phạn, có hai người con (một là Điều-đạt, hai là A-nan). Thứ ba tên là vua Hộc Phạn, có hai người con (một là Ma-ha-nam, hai là A-na-luật). Thứ tư là vua Cam Lộ Phạn, có hai người con (một là Ta-bà, hai là Bạt-đề)”. Theo luận Trí-độ nói: “Vua Sư Tử Giáp có một người con gái tên là Cam Lộ Vị. Cam Lộ Vị có con trai tên là Thi-bà-la.” Theo kinh Tạp-A-hàm nói: “Con trai người cô của đức Thế tôn tên là Để-sa, làm Tỳ-kheo.” Theo luận Phân-biệt-công-đức nói: “A-nan có người em gái xuất gia làm Tỳ-kheo ni (không nói tên), hiềm giận Ca-diếp mắng A-nan làm trò trẻ con.” Lại nữa, kinh Đại-phương-tiện nói: “Từ đầu kiếp đến nay, dòng họ đích truyền của vua Bạch Tĩnh đời đời nối ngôi làm Chuyển luân vương. Hai đời gần đây không còn làm Chuyển luân vương nữa, mà làm vua cõi Diêm-phù-đề.” Lại nữa, kinh Ưu-bà-tắc-giới nói: “Ta phát tâm vào đầu thời Phật Thích-ca, mãn Tăng-kỳ thứ nhất vào thời Phật Bảo Đỉnh, mãn Tăng-kỳ thứ hai vào thời Phật Nhiên đăng và mãn Tăng-kỳ thứ ba vào thời Phật Ca-diếp.”

Thứ ba: PHẦN CHỦNG TÍNH

Như kinh Thập-nhị-du nói: “Vào vô lượng thời gian xa xưa, có

một Bồ-tát làm quốc vương. Cha mẹ mất sớm, nhường đất nước cho em, bỏ ngôi vua đi tìm Đạo. Từ xa, thấy một vị Bà-la-môn họ Cù-đàm, nên xin đi theo học Đạo. Vị bà-la-môn nói: “Phải cởi hoàng bào, ăn mặc như ta và mang họ Cù-đàm.” Từ đó, Bồ-tát mang họ Cù-đàm, vào tận rừng sâu, ăn quả uống nước, ngồi Thiền, quán Đạo. Nhân đi khất thực, Bồ-tát bèn trở về nước. Quan dân cả nước không ai hay biết, gọi là Tiểu Cù-đàm. Bồ-tát cất tinh xá ở ngoài thành để ngồi một mình nhập định. Bấy giờ, có năm trăm tên giặc lớn vào cướp của ở trong cung, chạy về theo đường bên cạnh tịnh xá. Sáng mai. Quan quân đi bắt giặc, tìm thấy dấu vết dưới tinh xá. Vì thế, bắt luôn Bồ-tát, trước sau đều ghép vào tội cướp bóc. Lấy cây xâu vào mình, dựng lên làm nêu, máu chảy xuống đất. Vị Đại Cù-đàm dùng Thiên nhãn xem thấy, liền vận dụng thần thông bay đến hỏi rằng: “Ông làm tội nặng gì, đến nỗi như thế? Ông lại chẳng có con cháu, biết lấy ai nối dõi?” Bồ-tát trả lời: “Mạng sống chỉ còn giây lát, nói gì đến chuyện cháu con!” Nhà vua sai bọn tay chân tả hữu lấy cung nõ bắn chết. Đại Cù-đàm đau đớn khóc lóc, bỏ xác vào quan tài khâm liệm. Nhặt máu đọng trên đất, lấy bùn vo lại, đựng vào hai bình khác nhau, mang về đặt lại trong tinh xá (máu bên trái đặt vào bình bên trái, máu bên phải cũng làm y như thế). Đại Cù-đàm nói rằng: “Nếu tâm chí của đạo nhân này thành khẩn, thiên thần sẽ biến máu thành người!” Mười tháng sau, máu bên trái biến thành nam, máu bên phải biến thành nữ. Từ đó bèn gọi là họ Cù-đàm, hay một tên nữa là Xá-di (Xá-di là danh hiệu của quý tộc ở phương Tây). Máu hóa thành người là chuyện đời trước. Sợ văn từ rườm rà, nên không thể nói đủ ngọn nguồn.

Lại nữa, kinh Bồ-tát-bản-hạnh nói: “Trước vua Cam Giá, còn có vua khác tên là Đại Mao Thảo, đem ngôi báu trao cho các đại thần. Mọi người vây quanh đưa vua ra khỏi thành, cắt tóc cạo râu, mặc áo nhà tu. Sau khi xuất gia, nhà vua giữ giới thanh tịnh, chuyên tâm dũng mãnh, thành tựu được quả Tứ Thiền, đầy đủ năm phép thân thông, trở thành vua tiên, có tuổi thọ hết sức lâu dài. Về sau, đến khi suy yếu, thịt rút lưng còm, dù có chống gậy, cũng không thể đi xa. Bấy giờ vua tiên có các đệ tử muốn đi lại đó đây để xin đồ ăn thức uống, bèn lấy cỏ mềm sắp lớp trong lồng rồi đặt vua tiên vào, xong đem treo lên cành cây. Họ làm như thế, vì sợ rắn rít thú dữ đến xâm phạm vua tiên. Sau khi các đệ tử đều đi khất thực, có một thợ săn đi qua vùng núi ấy, xa xa nhìn thấy vua tiên, cho là chim trắng*, lập tức bắn vào. Vua tiên bị thương nặng, có hai giọt máu rơi xuống đất và chết ngay. Khi các đệ tử đi khất

thực về, thấy vua tiên đã bị bắn chết, lại thấy có hai giọt máu in trên mặt đất, liền hạ lồng, đặt vua tiên nằm xuống, gom góp củi lửa thiêu xác, thâu thập xương cốt làm tháp. Lại dùng đủ loại hương hoa quý báu cúng dường, tôn kính tán thán tháp ấy. Mọi chuyện xếp đặt đều yên. Bấy giờ, trên mặt đất có hai giọt máu liền mọc lên hai chồi mía, cao lớn dần dần. Đến mùa mía chín, mặt trời nung nấu nứt ra. Một cây lộ ra một đồng nam, cây kia lộ ra một đồng nữ, đoan trang khả ái, trên đời có một không hai. Khi ấy, các đệ tử bèn nghĩ rằng, thuở vua tiên còn sống, không có con cái, thì hai đồng tử này chính là dòng dõi của vua tiên. Liền đem chăm sóc nuôi dưỡng và báo tin cho triều đình. Các đại thần triệu một vị Đại Bà-la-môn đến nhờ bói giúp và đặt tên cho. Vị ấy nói rằng: "Đồng nam này do mặt trời nung nấu cây mía chín sinh ra, nên đặ tên thứ nhất là Thiện Sinh. Lại do từ cây mía sinh ra, nên đặt tên thứ hai là Cam Giá Sinh. Hơn nữa, do mặt trời nung nấu cây mía mà sinh ra, nên cũng đặt tên là Nhật Chủng. Nhân duyên của đồng nữ cũng thế, nên đặt tên là Thiện Hiền, lại đặt thêm tên Thủy Ba. Bấy giờ, các đại thần nghinh đón đồng tử do giống mía sinh ra còn đang niên thiếu ấy về làm lễ quán đỉnh, lập lên làm vua. Khi đồng nữ Thiện Hiền đến tuổi trưởng thành, liền lập làm vương phi thứ nhất cho nhà vua ấy."

Thứ tư: PHẦN CẦU HÔN

Bấy giờ, cách thành Ca-tỳ-la không xa, lại có một thành khác tên là Thiên Tý. Trong thành ấy có một trưởng giả thuộc dòng dõi họ Thích cao sang tên là Thiện Giác. Châu báu chất chứa, của cải dồi dào, uy đức đầy đủ, muốn gì được nấy, không hề thiếu thốn. Cửa nhà lộng lẫy như cung điện của vua Tỳ-sa-môn, không khác chút nào. Trưởng giả ấy sinh ra tám người con gái: thứ nhất là Vi Ý, thứ hai là Vô Tỷ Ý, thứ ba là Đại Ý, thứ tư là Vô Biên Ý, thứ năm là Phát Ý, thứ sáu là Hắc Ngưu, thứ bảy là Sấu Ngưu và thứ tám là Ma-ha-ba-xà-ba-đề (đời Tuỳ dịch là Đại Tuệ hay cũng gọi là Phạm Thiên). Trong số đó, Phạm Thiên này tuổi tác nhỏ nhất. Ngày mới ra đời, được các vị Bà-la-môn giỏi tướng thuật xem giúp, bảo rằng: "nếu cô gái này lấy chồng sinh con trai, chắc chắn sẽ làm Chuyển luân Thánh vương cai trị thiên hạ. Thất bảo có sẵn, con cháu đầy đủ. Không cần dùng đến hình phạt trị dân. Khi các cô gái của trưởng giả lớn lên, sắp sửa lấy chồng, vua Bạch Tĩnh nghe đồn trong nước có nhà họ Thích hết sức giàu có, sinh được 8 cô gái đoan trang hiếm có, đến nỗi các thầy tướng đưa ra lời tiên đoán sẽ sinh quý tử. Nghe được tin này, nhà vua liền bảo: "Nay ta phải cưới cô gái ấy

làm vương phi để con cháu của Cam Giá Chuyển luân vương ta không bị đoạn tuyệt." Nhà vua liền phái sứ giả đến nhà trưởng giả Thiện Giác hỏi cưới Đại Tuệ về làm vương phi. Trưởng giả nói với sứ giả: "Sứ giả nhân từ! Xin về hỏi giúp nhà vua rằng ta có tám đứa con gái. Lớn nhất là Vi Ý, nhỏ nhất là Đại Tuệ. Tại sao nhà vua lại hỏi cưới đứa nhỏ nhất? Xin nhà vua hãy tạm thời chờ đợi đến khi ta đã gã xong bảy đứa kia. Bấy giờ sẽ gả Đại Tuệ về làm vương phi." Nhà vua lại sai sứ giả đến nói với trưởng giả rằng: "Nay ta không đợi ông lần lượt gả xong bảy cô gái lớn, rồi mới cưới Đại Tuệ về làm vương phi. Tất cả tám cô gái con ông, ta đều cưới hết!" Thích trưởng giả nhờ báo lại với nhà vua: "Nếu được như thế, xin tuân lệnh nhà vua, tùy tiện đón về." Bấy giờ, vua Tịnh Phạn liền sai sứ giả đến nghinh đón tám cô gái cùng lúc về cung. Xong xuôi, nhà vua thu nạp hai cô làm vương phi: cô thứ nhất là Vi Ý và cô thứ tám là Đại Tuệ. Sáu cô còn lại, nhà vua đem ban cho ba người em. Mỗi người lấy hai cô làm vợ. Khi vua Tịnh Phạn cưới xong hai chị em Vi Ý về cung, liền mặc tình vui chơi, hưởng thụ hoan lạc và cai trị bốn phương theo phép Chuyển luân vương."

Lại nữa, kinh Bồ-tát-bản-hạnh nói: "Bấy giờ, vua Cam Giá có vương phi thứ hai đẹp đẽ đoan trang, sinh được bốn người con: thứ nhất là Cự Diện, thứ hai là Kim Sắc, thứ ba là Tượng Chúng và thứ tư là Biệt Thành. Vương phi thứ nhất chỉ sinh được một con là Trường Thọ. Đoan chính đáng yêu, nhưng tướng mạo không thể làm vua. Vương phi Thiện Hiền suy nghĩ thế này: "Vua Cam Giá có bốn người con là các anh em Cự Diện đều hùng dũng. Nay ta chỉ có đứa con này, tuy rất đoan trang hiếm có, nhưng tướng mạo không thể làm vua. Ta phải làm cách gì để đứa con ta có thể được nối ngôi vua." Rồi lại suy nghĩ tiếp rằng: "Nhà vua Cam Giá nay ở bên ta, vô cùng yêu quý, nặng lòng say mê, tình ý phóng dật. Nay ta nên tận dụng mọi lối trang điểm của đàn bà, khiến nhà vua càng sinh thêm lòng say đắm ta. Khi ấy, trong chốn phòng the, ta sẽ năn nỉ thỉnh cầu." Suy nghĩ xong xuôi, vương phi trang điểm thân mình vô cùng lộng lẫy, rồi đến với nhà vua. Thấy vương phi như thế, nhà vua càng thêm yêu quý, tâm thần phiêu dật. Biết được nhà vua đã thật sự say mê, hai người cùng ngủ. Vương phi tâu rằng: "Xin đại vương biết cho, nay thiếp xin đại vương chấp thuận cho một nguyện vọng." Nhà vua nói: "Vương phi! Chìu theo ý nàng mong ước, ta sẽ chấp thuận!" Bấy giờ, vương phi hỏi lại nhà vua: "Nếu đại vương đã chấp thuận, xin đừng hối tiếc đổi thay." Nhà vua trả lời: "Nhất quyết chấp thuận ý nàng. Nếu sau này hối tiếc, đầu ta sẽ bị vỡ thành bảy mảnh!" Khi ấy vương phi mới

tâu rằng: “Thưa đại vương, xin hãy đuổi bốn người con của ngài là các anh em Cự Diện ra khỏi đất nước rồi phong cho con ruột của thiếp là Trường Thọ được làm vua.” Bấy giờ, vua Cam Giá nói với vương phi rằng: “Bốn đứa con ta không phạm lỗi gì. Trong đất nước có điềm gì không lành mà không cho anh em bọn chúng được ở?” Vương phi tâu lại: “Đại vương đã thề rằng nếu có ân hận, đầu ngài sẽ vỡ làm bảy!” Nhà vua bèn bảo vương phi: “Thôi thôi! Ta sẽ giữ lời. Chấp thuận nguyện vọng của nàng!” Sau khi nhà vua đã trải qua đêm ấy với vương phi, đến sáng hôm sau, liền triệu tập bốn người con đến dạy rằng: “Bốn đứa con nghe đây! Hôm nay phải ra khỏi đất nước của ta, không được ở nữa. Hãy đi đến nước khác thật xa xôi.” Khi ấy, bốn người con đều quỳ xuống, chắp tay tâu với vua cha rằng: “Xin đại vương biết cho, bốn anh em chúng con không gây tội ác, không phạm lỗi lầm. Tại sao phụ vương lại đuổi chúng con ra khỏi đất nước?” Nhà vua phán: “Ta vẫn biết rằng các con thật sự không có lỗi lầm. Đây không phải là ý của ta muốn xua đuổi các con. Chính là ý của vương phi Thiện Hiền cầu xin mà ta không thể nào làm trái được, nên phải đuổi các con thôi!” Bấy giờ, mẹ ruột của bốn người con đều xin đi theo. Nhà vua thông báo: “Tùy ý các nàng.” Quyến thuộc, gia thần của các vương phi và dân chúng đều tâu với nhà vua: “Nay đại vương đuổi bốn người con này ra khỏi đất nước, bọn thần cũng xin phép được đi theo.” Nhà vua phán: “Tùy ý các người.” Khi ấy, nhà vua dạy các con rằng: “Từ nay về sau, nếu muốn kết hôn, không được chọn lấy các dòng họ khác ở ngoài. Phải chọn lấy trong gia tộc. Đừng để dòng dõi Cam Giá bị đoạn tuyệt.” Sau khi đã nhận lời chỉ dạy của phụ vương, tất cả bốn người con đều dẫn mẹ ruột, bà con, của cải, lạc đà, xe cộ lập tức đi về phương Bắc, đến dưới chân núi Tuyết, tạm dừng nghỉ ngơi. Có một con sông lớn tên là Bà-kỳ-la-thế, vượt qua sông ấy, lên đỉnh núi Tuyết. Qua nhiều gian lao mõi mệt, phải dừng lại nghỉ ngơi rất lâu. Thấy giang sơn rộng rãi bằng phẳng, không có chổ gò đống gồ ghề. Chỉ mọc toàn cỏ mềm xanh mướt. Quang cảnh yên tĩnh đáng yêu. Cây cối hoa quả sum sê tươi tốt. Các người con ngắm xong, cùng bảo nhau: “Có thể xây dựng thành trì ở đây để khai hoá.” Sau khi đã an cư xong xuôi, các người con nhớ đến lời phụ vương, tìm kiếm vợ khắp trong gia tộc không có, đều chọn lấy dì và các chị em để làm vợ chồng. Một là theo đúng lời phụ vương răn dạy, hai là sợ dòng họ Thích bị pha trộn tạp chủng. Bấy giờ, nhà vua Nhật Chủng Cam Giá triệu vị Đại Bà-la-môn quốc sư thứ nhất đến bảo rằng: “Đại Bà-la-môn! Nay bốn hoàng tử của ta ở đâu?” Quốc sư trả lời: “Xin đại vương biết cho,

bốn hoàng tử của ngài đều ra khỏi nước, đi về phương Bắc, thậm chí đã có con cái đàng hoàng." Khi ấy, nhà vua thấy mình rất thương yêu các hoàng tử. Lòng rất trông gặp, hoan hỷ nói rằng: "Các hoàng tử ấy biết lập thiết lập quốc kế, xây dựng dân sinh. Thế nên cho phép các hoàng tử ấy dựng nên dòng họ Thích-ca. Vì dòng họ Thích-ca ở dưới bóng mát của cây lớn có cành lá sum sê, nên gọi là Xa-di-kỳ-da. Vì xây dựng căn bản ở chổ cư trú của vị tiên Ca-tỳ-la, do thành trì đặt ra tên, nên gọi là Ca-tỳ-la-bà-tô-đô." Sau khi ba hoàng tử con vua Cam Giá đã mất, chỉ còn lại một hoàng tử tên là Ni-câu-la (đời Tùy dịch là Biệt Thành)."

Kinh Trường-A-hàm nói: "Cư trú dưới rừng cây thẳng, còn gọi là rừng Thích. Nhân rừng lấy làm họ." Lại nữa, phụ vương nghe tin các con đoan chính, phán rằng: "Các hoàng tử ấy đúng là con cháu của họ Thích!"

Bộ thứ 4: **GIÁNG THAI**

Gồm có 6 phần: Thuật ý, Hiện suy, Quan cơ, Trình tường, Giáng thai, Tưởng đạo.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Than ôi! Thành khẩn trong tâm thì Chí giác hiển lộ, đạm bạc ngoài hình thì Pháp thân cận kề. Thế nên, bổn sư Năng Nhân tùy cơ giáng thế. thương nhà lửa bốc cháy phừng phừng, xót sông dục sương giăng mờ mịt. Nương cung điện phụ vương Bạch Tĩnh, đầu thai vào phu nhân Ma-da. Phóng hào quang rực rỡ sắc vàng, phá phiền não vô minh tăm tối. Chịu đựng trong Ba chướng nặng nề, chỉ đãy xác điểm trang không thật, ra khỏi bốn cửa thành cao lớn, sợ mây nổi biến hóa vô thường.

Thứ hai: PHẦN HIỆN SUY

Như kinh Nhân-quả nói: "Bấy giờ, Bồ-tát Thiện Tuệ công đức đầy đủ, lên vị Thập địa, tại Nhất sinh bổ xứ, gần Nhất thiết chủng trí, sinh vào Trời Đâu-suất, tên là Thánh thiện, thống lãnh chư Thiên, diễn thuyết công hạnh Nhất sinh bổ xứ. Đồng thời thị hiện đủ mọi hóa thân, tùy duyên thuyếp pháp cho chúng sinh ở các quốc độ khắp mười phương. Thời cơ sắp đến, sẽ giáng trần thành Phật, liền quan sát năm hiện tượng: một là quan sát cơ duyên chúng sinh đã chín hay chưa. Hai là quan sát thời cơ đã đến hay chưa. Ba là quan sát các quốc độ, quốc độ nào ở giữa. Bốn là quan sát các chủng tộc, chủng tộc nào tôn quý, hùng cường. Năm là quan sát các nhân duyên quá khứ, ai chân chính nhất, xứng đáng làm cha mẹ. Sau khi đã quan sát năm hiện tượng này xong,

sẽ lập tức hạ sinh. Lúc ấy, Bồ-tát không thể làm lợi ích rộng rãi cho chư Thiên và chúng sinh, liền hiện đủ năm tướng suy, khiến cho các Thiên tử đều biết rõ ràng thời cơ Bồ-tát hạ sinh thành Phật: một là mắt của Bồ-tát nhấp nháy. Hai là hoa trên đầu khô héo. Ba là áo dính bụi bặm. Bốn là nách đẫm mồ hôi. Năm là không thích ngồi yên chỗ. Chư Thiên thấy Bồ-tát có năm tướng lạ này, lòng hết sức hoảng sợ, đến nỗi lỗ chân lông xuất huyết như mưa, cùng bảo nhau: “Không bao lâu nữa, Bồ-tát sẽ bỏ rơi chúng ta.” Bấy giờ, Bồ-tát lại hiện ra năm điềm lành: một là phóng ra hào quang lớn chiếu sáng khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Hai là mặt đất có mười tám hiện tượng chấn động. Núi Tu-di, các biển lớn, các Thiên cung đều bị lung lay. Ba là nhà cửa của các loài ma quỷ đều bị che lấp, không hiện ra. Bốn là mặt trời, mặt trăng và các tinh tú không còn sáng láng. Năm là tất cả tám loài trong thiên hạ đều bị rúng động, không thể dằn lại được. Chư Thiên ấy thấy Bồ-tát hiện đủ năm tướng suy, ngoài ra còn hiện đủ năm điềm lành hy hữu như thế, đều tụ họp lại bên Bồ-tát, dập đầu sát chân hành lễ và bạch rằng: “Tôn giả! Hôm nay, chúng tôi thấy đủ các tướng, toàn thân đều rúng động, không thể an lòng. Xin tôn giả giải thích nhân duyên này cho chúng tôi.” Bồ-tát liền đáp rằng: “Các thiện nam tử! Phải biết rằng các hành đều vô thường. Chẳng bao lâu nữa, ta sẽ rời bỏ Thiên cung này, hạ sinh xuống cõi Diêm-phù-đề. Khi chư Thiên nghe xong lời này, lòng rất thảm sầu, khắp mình ứ huyết, mê man đầy đất, hết sức than vãn vô thường. Lúc ấy, có một Thiên tử nói kệ rằng:

“Bồ-tát ở chốn này,
Mở pháp nhãn dùm ta.
Hôm nay lìa xa ta,
Như mù mất hướng đạo.
Lại như muốn qua sông,
Bỗng nhiên mất cầu, thuyền.
Cũng giống trẻ mất cha,
Lại mất cả mẹ hiền.
Chúng tôi cũng như thế,
Mất hẳn nơi nương tựa.
Chìm trong dòng sống chết.
Biết được chỗ nào ra!
Chúng tôi trong đêm tối,
Bị tên độc bắn nhằm,
Lại mất vua thầy thuốc,

Còn ai cứu chúng tôi!
Nằm rũ giường vô minh,
Chìm lỉm biển ái dục,
Mất hẳn lời ngài dạy.
Thấy đâu ngày thoát ra!”

Bấy giờ, Bồ-tát đáp kệ rằng:

“Ta ở đây không lâu,
Sẽ xuống Diêm-phù-đề,
Tại nước Ca-tỳ-la,
Trong cung vua Bạch Tĩnh.
Từ cha mẹ, thân thích,
Bỏ ngôi Chuyển luân vương,
Xuất gia đi tìm đạo,
Thành Nhất thiết chủng trí.
Dựng nên cờ chánh pháp,
Tát cạn biển phiền não,
Đóng kín cửa đường ác,
Mở rộng lối Bát chánh.
Làm lợi Trời và người,
Nhiều không thể tính được.
Vì nhân duyên như thế,
Chớ nên sinh ưu sầu!”

Hơn nữa, luận Trí-độ có câu hỏi: “Tại sao Bồ-tát lại sinh lên Trời Đâu-suất, không sinh cao hơn, không sinh thấp hơn. Vốn là người có phước đức lớn lao phải tự do sinh hạ bất cứ cõi nào? Đáp: “Có người bảo, vì tạo nghiệp chín, nên phải sinh ở cõi giữa. Vã lại, nếu sinh xuống cõi thấp thì kết tập dơ uế dày dặn. Sinh lên cõi cao thì kết tập sắc sảo lanh lợi. Trên Trời Đâu-suất, không dày dặn, không lanh lợi, trí tuệ an ổn. Hôn nữa, khi Phật xuất thế, không muốn thái quá. Nếu sinh xuống cõi thấp, chúng sinh có thọ mạng ngắn ngủi, sẽ chết trước khi Phật xuất thế. nếu sinh lên cõi cao, tuổi thọ quá dài, sẽ vượt quá thời gian Phật xuất thế. trời Đâu-suất ở giữa các cõi Trời Lục Dục và Đại Phạm, trên ba dưới ba. Từ Trời ấy hạ sinh vào nước ở giữa. Nửa đêm giáng sinh. Nửa đêm ra khỏi nước Ca-tỳ-la. Thực hành Trung đạo. Thuyết pháp cho chúng sinh. Nửa đêm nhập Niết-bàn vô dư. Vì thích Trung pháp nên sinh vào cõi Trời ở giữa.”

Thứ ba: PHẦN QUAN CƠ

Nếu Bồ-tát sắp đầu thai, sẽ dùng đến bốn loại quan sát thế gian: một là quan sát thời cơ . Hai là quan sát đất nước. Ba là quan sát chủng tộc. Bốn là quan sát người sinh.

Thứ nhất là quan sát thời cơ. Thới cơ có tám lọai. Sau khi Phật xuất thế, thời cơ thứ nhất là khi chúng sinh thọ tám vạn bốn nghìn tuổi cho đến thời cơ thứ tám là khi chúng sinh thọ hơn một trăm tuổi. Bồ-tát suy nghĩ thế này: "Khi chúng sinh thọ một trăm tuổi là đến thời cơ Phật xuất thế." Đó gọi là quan sát thời cơ.

Thứ hai là quan sát đất nước. Chư Phật thường sinh ra tại nước ở giữa. Ở đây dồi dào của cải báu vật. Đất đai thanh tịnh.

Thứ ba là quan sát chủng tộc. Chư Phật sinh ra trong hai chủng tộc như Sát-lợi hay Bà-la-môn. Vì chủng tộc Sát-lợi có thế lực lớn lao và Bà-la-môn có trí tuệ uyên bác. Tùy theo thời thế đòi hỏi, Phật sẽ sinh hạ vào một trong hai chủng tộc ấy.

Thứ tư là quan sát người sinh. Bậc làm mẹ nào có thể cưu mang được Bồ-tát có sức đại lực sĩ, cũng nư có thể tự hộ trì tĩnh giới.

Sau khi quan sát như thế xong, chỉ có hoàng hậu của nhà vua Tịnh Phạn tại nước Ca-tỳ-la ở giữa là có thể cưu mang được Bồ-tát. Suy nghĩ xong, từ Thiên cung Đâu-suất, không mất chánh niệm, Bồ-tát giáng nhập vào mẫu thai.

Lại nữa, kinh Phật-bản-hạnh nói: "Bấy giờ, trong Thiên chúng ở Trời Đâu-suất có một Thiên tử tên là Kim Đoàn, từ xưa đến nay, đã từng mấy lần xuống cõi Diêm-phù-đề. Bồ-tát hộ xứ tên là Hộ Minh biết được, bảo Thiên tử Kim đoàn rằng: "Thiện tử Kim Đoàn! Ông đã mấy lầ xuống cõi Diêm-phù-đề, ông hẳn biết rõ các thị thành làng xóm, các chủng tộc hoàng gia ở đó. Vậy một vị Bồ-tát bổ xứ nên sinh vào nhà nào?" Thiên tử Kim Đoàn đáp rằng: "Tôn giả! Ta biết rất rõ. Tôn giả hãy nghe kỹ! Hôm nay ta sẽ nói ra đây." Hộ Minh nói rằng: "Hay quá!" Kim Đoàn bảo: "Trong ba ngàn đại thiên thế giới này, có một Bồ-đề đạo tràng trong lãnh thổ nước Ma-già-đà của cõi Diêm-phù-đề ấy, là nơi ngày xưa chư Phật đã thành Đạo. Như thế, nếu cứ lần lượt đi quan sát khắp các vương quốc khác trong thiên hạ, sợ sẽ không vừa ý Bồ-tát." Kim Đoàn lại nói thêm lời này: "Trong hết thảy các quốc độ của cõi Diêm-phù-đề này, khắp các xóm làng, khắp các quốc vương, khắp các thành thị, khắp các quý tộc cai trị trong mọi thành trì, nhưng họ đều tạo đủ lớp lớp nghiệp ác chồng chất. Ta đã vì Tôn giả đi quan sát từ trước đến nay, sinh ra vô lượng nhọc nhằn khổ sở, đến nỗi tâm

mê ý loạn, không thể tiếp tục quan sát các nước khác. tựu trung, chỉ có một dòng dõi từ trước đến nay, lập nghiệp thuận hòa với dân chúng. Đời đời làm Chuyển luân vương, cho đến con cháu của nhà vua Cam Giá gần đây cũng tiếp tục nối ngôi tại Ca-tỳ-la-bà-tô-đô ấy, phát xuất từ họ Thích. Nhà vua tên là Sư Tử Giáp. Con của ngài tên là vua Thâu-đầu-đàn, có uy danh vang dội khắp cả Trời, người. Tôn giả có thể làm con của nhà vua ấy." Bồ-tát Hộ Minh đáp lời Thiên tử Kim Đoàn rằng: "Hay lắm! Hay lắm! Thiên tử Kim Đoàn! Ông đã quan sát kỹ lưỡng dòng dõi của các hoàng gia. Ta cũng nghĩ sẽ sinh ra trong hoàng gia ấy. Nay ta đã thấu triệt lời ông nói. Ông Kim Đoàn nên biết cho, ta quyết định làm con của hoàng gia ấy. Kim Đoàn! Ngày xưa, gia đình được một Bồ-tát Nhất Sinh bổ xứ đầu thai phải có đầy đủ sáu mươi loại công đức. Ấy là những công đức nào?

1- Nhà ấy xưa nay thuộc dòng dõi tốt lành trong sạch.

2- Tất cả các Thánh thần thường xem xét nhà ấy.

3- Nhà ấy không làm tất cả mọi việc ác.

4- Người được nhà ấy sinh ra đều trong sạch.

5- Dòng dõi nhà ấy chính thống, không bị lai tạp.

6- Con cháu nhà ấy nối dõi chính thống, không bị gián đoạn.

7- Nhà ấy xưa nay không mất dòng dõi đế vương.

8- Tất cả các vua được nhà ấy sinh ra đều vun trồng sâu sắc thiện căn từ thuở xa xưa.

9- Người sinh ra ở nhà ấy thường được các Thánh thần khen ngợi.

10- Người nhà ấy sinh ra có đủ uy đức lớn lao.

11- Nhà ấy có nhiều phụ nữ đoan chánh.

12- Nhà ấy có nhiều thanh niên dồi dào trí tuệ.

13- Người được nhà ấy sinh ra có tâm tính hoà thuận.

14- Người được nhà ấy sinh ra không đùa cợt.

15- Người nhà ấy sinh ra không sợ chuyện gì.

16- Người nhà ấy sinh ra không từng hèn nhát.

17- Người nhà ấy sinh ra thông minh đa trí.

18- Người nhà ấy sinh ra biết nhiều nghề thủ công.

19- Người nhà ấy sinh ra không có tội lỗi.

20- Người được nhà ấy sinh ra không chịu làm cẩu thả các nghề thủ công của thế gian, cũng không chịu tham lam của cải để mưu sinh.

21- Người được nhà ấy sinh ra thường thích giao du với bạn bè.

22- Người được nhà ấy sinh ra không sát hại các loài côn trùng,

thú vật để nuôi thân.

23- Dòng dõi nhà ấy thường biết ơn nghĩa.

24- Dòng dõi nhà ấy biết tu khổ hạnh.

25- Người được nhà ấy sinh ra không bị lay chuyển theo người.

26- Người được nhà ấy sinh ra không từng nuôi lòng thù hận.

27- Người được nhà ấy sinh ra không chứa chất ngu si.

28- Người nhà ấy sinh ra không sợ sệt vâng dạ người khác.

29- Người nhà ấy sinh ra sợ giết hại người.

30- Người nhà ấy sinh ra không có tội vạ.

31- Người nhà ấy sinh ra khất thực được nhiều.

32- Người đến nhà ấy khất thực không để về không.

33- Nhà ấy cứng rắn, không thể khuất phục.

34- Phép tắc nhà ấy thường vượt cao hơn quy định.

35- Nhà ấy thường thích bố thí cho chúng sinh.

36- Nhà ấy siêng năng xây đắp nhân lành quả tốt.

37- Người được nhà ấy sinh ra hùng dũng trên đời.

38- Người nhà ấy sinh ra thường cúng dường các tiên Thánh.

39- Người nhà ấy sinh ra thường cúng dường thần linh.

40- Người nhà ấy sinh ra thường cúng dường chư Thiên.

41- Người nhà ấy sinh ra thường cúng dường các anh hùng.

42- Nhà ấy nhiều đời không gây thù oán.

43- Thanh danh nhà ấy vang dậy mười phương.

44- Tổ tông nhà ấy đều cao sang nhất.

45- Người nhà ấy sinh ra từ thượng cổ đến nay đều thuộc dòng dõi Phạm Thiên.

46- Người nhà ấy sinh ra đều thuộc về hạng cao nhất trong dòng dõi Phạm Thiên.

47- Người nhà ấy sinh ra có địa vị của dòng dõi Chuyển luân Thánh vương.

48- Người nhà ấy sinh ra có chủng tộc của bậc đại uy đức.

49- Người nhà ấy sinh ra có vô số thân thích bao bọc chung quanh.

50- Tất cả quyến thuộc của người nhà ấy sinh ra đều không thể bị phá hoại.

51- Tất cả quyến thuộc của người nhà ấy sinh ra hơn hết mọi người.

52- Người nhà ấy sinh ra đều hiếu thảo với mẹ.

53- Người nhà ấy sinh ra đều hiếu thảo với cha.

54- Người nhà ấy sinh ra đều cúng dường tất cả các Sa-môn.

55- Người nhà ấy sinh ra đều cúng dường tất cả các Bà-la-môn.

56- Người nhà ấy sinh ra giàu có ngũ cốc, kho đụn đầy ắp.

57- Người nhà ấy sinh ra có nhiều vàng bạc, xa cừ mã não. Tất cả của cải không thiếu thốn chút gì.

58- Người nhà ấy sinh ra có nhiều gia súc, nô tỳ, voi ngựa, bó dê. Tất cả đều đầy đủ.

59- Người nhà ấy sinh ra chưa từng phục dịch kẻ khác.

60- Người nhà ấy sinh ra đều có đầy đủ mọi sự như thế, không thiếu thốn chút gì trên thế gian.

Phật bảo Thiên tử Kim Đoàn: "Thông thường, khi một Bồ-tát Nhất Sinh bổ xứ đầu thai, người mẹ ấy phải có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, mới có thể cưu mang Bồ-tát. Ấy là những loại tướng tốt nào?

1- Người mẹ ấy được sinh ra chíng đáng.

2- Người mẹ ấy có thân thể, tay chân đầy đủ.

3- Người mẹ ấy có đức hạnh đầy đủ, không thiếu sót.

4- Người mẹ ấy được sinh ra đúng chỗ.

5- Người mẹ ấy có may mắn.

6- Người mẹ ấy thuộc dòng dõi trong sạch.

7- Người mẹ ấy đoan chính không ai sánh nổi.

8- Người mẹ ấy có tên tuổi được khen ngợi.

9- Người mẹ ấy có thân thể hình dung trên dưới đều đặn.

10- Người mẹ ấy chưa từng sinh con.

11- Người mẹ ấy có công đức lớn.

12- Người mẹ ấy thường nghĩ đến chuyện lạc quan.

13- Người mẹ ấy thường thuận tình với mọi việc thiện.

14- Người mẹ ấy không có tà tâm.

15- Người mẹ ấy có thân khẩu ý thuần hậu tự nhiên.

16- Người mẹ ấy có tâm và miệng không sợ điều gì.

17- Người mẹ ấy nghe nhiều thần chú.

18- Người mẹ ấy rất giỏi nữ công.

19- Người mẹ ấy lòng không ton hót, quanh co.

20- Người mẹ ấy lòng không xảo trá.

21- Người mẹ ấy lòng không giận dữ.

22- Người mẹ ấy lòng không ghen ghét.

23- Người mẹ ấy lòng không bủn xỉn.

24- Người mẹ ấy lòng không hấp tấp.

25- Người mẹ ấy lòng khó lay chuyển.

26- Người mẹ ấy thân thể có sắc tướng vô cùng đạo đức.

27- Người mẹ ấy lòng thường nhẫn nhục.

28- Người mẹ ấy lòng thường biết xấu hổ.

29-Người mẹ ấy ít dâm dục, hung hãn, ngu si.

30- Người mẹ ấy không phạm lỗi lầm của phụ nữ.

31- Người mẹ ấy cư xử hoà thuận với chồng.

32- Người mẹ ấy phát xuất ra đầy đủ tất cả mọi đức độ và đạo hạnh.

Người mẹ hội đủ mọi điều kiện như thế mới có thể cưu mang Tối hậu thân của Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ. Khi sắp đầu thai, Bồ-tát phải chọn đúng ngày có sao Quỷ để đầu thai. Trước khi hoài thai Bồ-tát Nhất Sinh bổ xứ, người mẹ ấy phải thọ giới Bát quan trai xong, Bồ-tát ấy mới đầu thai. Bồ-tát Hộ Minh lại nói lời này: "Ta không vì tất cả mọi thứ tiền tài, hoan lạc ngũ dục của thế gian mà xuống thế thọ lãnh thân này, chỉ vì ta muốn làm cho chúng sinh được an lạc, chỉ vì ta thương xót chúng sinh bị khổ não mà thôi."

Thứ tư: PHẦN TRÌNH TƯỚNG

Theo kinh Phật-bản-hạnh nói: "Bấy giờ, Bồ-tát Hộ Minh đã trải qua mùa Đông, gặp thời tiết đầu Xuân đẹp đẽ. Tất cả muôn hoa của các loài cây cối đều đơm bông. Khí trời trong lành mát mẽ điều hòa. Cỏ non mọc lên, mượt mà mềm mại, óng ả tốt tươi đầy mặt đất. Bồ-tát chọn đúng lúc sao Quỷ hội tụ cùng các sao khác, diễn dương các Pháp trọng yếu cho chư Thiên, khiến tất cả đều hoan hỷ. Khi ấy, Trời Tĩnh Cư bảo với tất cả Thiên chúng ở đấy rằng: "Hôm nay, chư Thiên chứng kiến Bồ-tát Hộ Minh sắp sửa hạ sinh. Xin đừng phiền não. Tại sao? Vì khi Bồ-tát hạ sinh, nhất định sẽ thành tựu A-nậu Bồ-đề. Sau đó, sẽ trở lại Thiên Cung này để thuyết pháp cho chư Thiên, giống như ngày xưa, Phật Tỳ-bà-thi cho đến Phật Ca-diếp đều đã từ đây ra đi, rồi lại trở về đây thuyết pháp cho chư Thiên như trước, chẳng khác chút gì."

Bấy giờ, Bồ-tát sẽ hạ sinh vào lúc nửa đêm. Đang khi sắp sửa hạ sinh vào đêm ấy, phu nhân Ma-da bạch vua Tịnh Phạn rằng: "Xin đại vương biết cho, từ đêm nay, thiếp muốn thọ trì 8 giới cấm thanh tịnh. Ấy là không sát sinh, không trộm cắp, không dâm dật, không nói dối, không uống rượu, không hai lưỡi, không chửi rủa, không nói lời phi lý. Lại nguyện không tham lam, không giận dữ, không ngu si, không sinh tà kiến. Thiếp phải có chánh kiến. Các giới cấm chay tĩnh của chúng sinh, thiếp phải thọ trì. Từ nay thiếp thường xuyên lưu tâm siêng năng thực hiện, phải phát động từ tâm đối với chúng sinh. Vua Tịnh Phạn

phán rằng: “Điều gì nàng ưa thích, cứ tùy ý thực hành.” Thế nên, có bài kệ rằng:

“Vua thấy mẹ Bồ-tát,
Đang ngồi, kính đứng lên.
Như mẹ, như chị em,
Tâm không hề vẩn đục.”

Bấy giờ, Bồ-tát giữ vững Chánh niệm, từ Trời Đâu-suất, giáng hạ đầu thai vào Đại vương phi thứ nhất của vua Tịnh Phạn, an trụ trong hông phải. Khi ấy vương phi đang nằm ngủ, mơ thấy con voi trắng sáu ngà, đầu màu đỏ, 2 ngà và 4 chân chống xuống đất, lấy vòng vàng đeo vào ngà, cưỡi hư không bay xuống, nhập vào hông phải. Sau khi nằm mơ xong, sáng mai vương phi liền tâu với vua Tịnh Phạn: “Xin đại vương biết cho, thiếp đã nằm mơ như thế. Khi con voi trắng ấy nhập vào hông bên phải của thiếp, thiếp cảm thấy hứng thú xưa nay chưa từng có. Từ nay về sau, thật tình thiếp không cần đến hoan lạc của thế gian nữa. Điềm mộng này, biết nhờ thầy đoán mộng nào giải đoán cho thiếp đây?” Vua Tịnh Phạn triệu một cung nga nội thị đến phán rằng: “Nhà ngươi hãy mau mau ra ngoài tuyên sắc chỉ, bảo quốc sư Đại Na-ma-tử gọi đến đây ngay 8 đại bốc sư Bà-la-môn.” Sứ giả của quốc sư, theo lời sắc, lập tức triệu đến 8 vị Ba-la-môn. Tám vị này nghe nhà vua kể lại xong, vốn giỏi tướng thuật và rành phép đoán mộng, liền bẩm với nhà vua: “Xin đại vương nghe kỹ, bọn thần sẽ tâu rõ điềm lành của giấc mơ ấy. Theo như bọn thần thấy, các vị thần tiên ngày xưa đã từng ghi chép đầy đủ điềm ấy qua sách vở. Xin nói kệ rằng:

“Nếu người mẹ mộng thấy
Mặt trời vào hông phải.
Mẹ ấy sinh được con
Sẽ làm Chuyển luân vương.
Nếu người mẹ mộng thấy
Mặt trăng vào hông phải.
Mẹ ấy sinh được con
Đứng đầu trong các vua.
Nếu người mẹ mộng thấy,
Voi trắng vào hông phải.
Mẹ ấy sinh được con
Tôn quý nhất Ba cõi.
Làm lợi cho chúng sinh.
Oán thân đều bình đẳng.

Giải thoát nghìn vạn chúng,
Vượt khỏi biển phiền não.”

Bấy giờ, các vị Bà-la-môn đoán mộng bạch nhà vua rằng: “Giấc mộng của phu nhân có điềm rất tốt. Hôm nay, xin đại vương nên làm lễ ăn mừng. Phu nhân mang thai, chắc chắn sẽ sinh con Thánh. Vị Thánh ấy về sau sẽ thành Phật, tiếng tăm truyền xa.”Vua Tịnh Phạn nghe các vị bốc sư nói xong bài kệ ấy, lòng rất hoan hỷ, lấy nhiều của báu ban thưởng. Sau khi các vị bốc sư giải đoán giấc mộng của vương phi, bảo là điềm lành, nhà vua bèn mở ra một lễ hội bố thí rộng rãi, lớn lao ở ngoài bốn cửa thành Ca-tỳ-la, ở đầu các đường lớn, ngõ hẻm, đường xóm có người qua lại. Các nhu cầu ăn uống, tiền bạc, nhà của, súc vật đều được cấp cho. Lại nữa, A-tư-đà là vị tiên có đủ năm phép thần thông, nghe tin Bồ-tát từ Trời Đâu-suất giữ chánh niệm xuống đâu thai trong hông phải của phu nhân vua Tịnh Phạn. Khi Bồ-tát nhập thai, phóng ra hào quang lớn chiếu khắp tất cả các thế giới trời và người. Sau đó, mặt đất liên tục nổi lên 18 lần chấn động đủ sáu loại. A-tư-đà chứng kiến được hiện tượng hy hữu ấy, lòng vô cùng kinh hãi, lông tóc đều dựng lên. Không biết nay có nhân duyên, quả báo gì, khiến mặt đất bị chấn động như thế. Vị tiên ấy suy nghĩ giây lát rồi mới bình tâm. Sinh ra hoan hỷ, hớn hở vô cùng, không thể dằn lại được, phải la lớn rằng: “Đại Thánh hy hữu, không thể nghĩ bàn! Thế gian sẽ xuất hiện một bậc vĩ nhân!” Lại nữa, khi Bồ-tát mới từ Trời Đâu-suất giáng hạ, đầu thai vào hông phải của phu nhân vừa xong, có vị Trời tên là Tốc Vãng phi hành đến các địa ngục cất cao tiếng nói rằng: “Tất cả các người nên biết rằng, hôm nay Bồ-tát từ Trời Đâu-suất đã giáng hạ đầu thai vào bụng mẹ rồi. Thế nên, các ngươi phải mau mau phát lời thệ nguyện sinh vào nhân gian.” Khi các tội nhân ở địa ngục nghe xong lời này, tất cả chúng sinh từ trước đến nay đã từng vun bón thiện căn, lại tạo thêm nhiều tạp nghiệp, do ác nhiều hơn, nên phải đọa vào địa ngục. Các chúng sinh ấy, mỗi người đều đối mặt nhìn nhau, chán ghét địa ngục. Lại được sáng láng, thân tâm an lạc. Lại được nghe lời vị tiên ấy kêu gọi hãy mau mau sinh lên nhân gian, liền bỏ thân địa ngục, lập tức sinh lên nhân gian. Tất cả chúng sinh khắp ba ngàn đại thiên thế giới, từ trước đến nay, đã từng vun bón thiện căn, đều cùng kéo về đầu thai chung quanh bốn phía thành Ca-tỳ-la ấy.”

Thứ năm: PHẦN GIÁNG THAI

Như kinh Niết-bàn nói: “Khi Bồ-tát giáng trần, chư Thiên các cõi

Sắc giới và Dục giới đều đến hầu hạ tiễn đưa, phát thành tiếng nói vĩ đại ca tụng Bồ-tát. Do hơi gió của tiếng nói vĩ đại ấy, mặt đất bị chấn động.” Lại nữa, Kinh Niệm-Phật-Tam-muội nói: “Khi Bồ-tát sắp sửa giáng nhập vào bào thai của mẹ, tất cả tam thiên đại thiên thế giới đều phát ra sáu loại chấn động.” Lại nữa, kinh Nhân-quả nói: “Bấy giờ, Bồ-tát sắp sửa giáng nhập vào bào thai của mẹ, bèn cưỡi voi trắng sáu ngà xuất phát từ Thiên cung Đâu-suất. Vô lượng Thiên chúng làm nữ nhạc công, đốt nhiều loại hương quý, rắc các loại hoa Trời đẹp đẽ, đi theo Bồ-tát đầy chật hư không. Bồ-tát phóng ra hào quang lớn lao đến chiếu diệu khắp mười phương, chọn đúng lúc sao sáng vừa mọc vào ngày mồng tám tháng tư liền nhập vào bào thai của mẹ. Bấy giờ, phu nhân Ma-da đang nằm mơ, thấy Bồ-tát cưỡi voi trắng sáu ngà, từ hư không đi xuống, bước vào hông phải, ngoài mình óng ánh trong suốt như đắp lưu ly. Thân thể phu nhân lâng lâng khoan khoái như uống nước cam lồ. Nhìn lại chính mình, phu nhân như thấy mặt trời mặt trăng cùng chiếu sáng, trong lòng vô cùng hoan hỷ, hớn hở. Cảm thụ như thế rồi mới tỉnh ra, phu nhân thấy lòng lạ kỳ chưa từng có, liền đem tâm trạng ấy tâu rõ cùng vua Bạch Tĩnh. Nghe xong, nhà vua hoan hỷ, hớn hở không thể dằn lòng, liền triệu vị Bà-la-môn giỏi tướng thuật đến giải đoán, biết được Bồ-tát đã đầu thai, hạ sinh xong sẽ thành Phật. công đức làm lợi ích chúng sinh nhiều vô cùng, không thể nói hết. Bấy giờ, chư Thiên trên Trời Đâu-suất nghĩ rằng, Bồ-tát đã đầu thai vào cung vua Bạch Tĩnh, chúng ta cũng nên hạ sinh xuống nhân gian. Khi Bồ-tát thành Phật, chúng ta sẽ làm đệ tử thân cận đầu tiên bên cạnh ngài để nghe thuyết pháp. Suy nghĩ như thế xong, liền lập tức hạ sinh, số lượng đông đến 99 ức Thiên chúng. Thậm chí, từ Trời Tha Hóa Tự Tại cho đến chư Thiên các Trời Tứ Thiên và Sắc giới đều cùng với gia quyến hạ sinh xuống nhân gian, số lượng nhiều không thể tính được. Bồ-tát ở trong thai mẹ, đi đứng nằm ngồi không chút khó khăn, không gây khổ sở cho phu nhân mẹ mình. Từ sáng sớm, ở trong bào thai, Bồ-tát thuyết pháp đủ loại cho chư Thiên ở Sắc giới. Đến trưa, thuyết pháp cho chư Thiên ở Dục giới. Đến chiều, lại thuyết pháp cho các quỷ thần. Đến lúc canh ba, lại cũng như thế. (Theo kinh Phổ-diệu, tuy ở trong thai mẹ chỉ mười tháng, Bồ-tát đã khai hóa giáo dục chư Thiên và các chúng sinh thành tựu được hạnh Thanh văn và Bồ-tát Đại- thừa, nhiều bằng ba mươi sáu năm thuyết pháp.). Kinh Hoa-nghiêm nói rằng: “Dù Bồ-tát ở trong thai mẹ, nhưng chúng sinh khắp tam thiên đại thiên thế giới đều thấy rõ ngài, như thấy mặt mũi của chính mình trong gương vậy.”

Thứ sáu: PHẦN TƯỞNG ĐẠO

Như kinh Bồ-tát-xử-thai nói: "Phật bảo Bồ-tát Hỷ Kiến rằng, ông muốn biết chư Phật trong thời quá khứ đã giải thoát hay không giải thoát các quốc độ chăng? Ông nên biết rằng, trong thời quá khứ, ta đã từng có vô lượng hóa thân không thể tính đếm được, dùng thần thông nhập vào thế giới thấp snh đủ các loại, trong vô lượng vô biên kiếp, thuyết pháp cho các chúng sinh thấp thức, khiến cho các chúng sinh thấp thức ấy tùy theo nguyện vọng, đều được giải thoát. Ta đã vào các chúng sinh hoá sinh, noãn sinh, tùy theo nguyện vọng, đều được giải thoát, lại cũng như trước. Ta lại dùng thần thông hiện vào thế giới tương lai, nhập vào bốn loài. Tất cả đều được giải thóat, lại cũng như trước. Giống như hiện nay, ở trong thai mẹ, ta đang diễn dương các pháp bất thối chuyển và rất hy hữu cho các Bồ-tát có phép thần thông ở khắp mười phương. Ta cũng dùng thần thông nhập vào bốn loài trên Thiên giới, bốn loài ở địa ngục, bốn loài trong ngạ quỷ, bốn loài trong súc sinh. Trong bốn loài này, hai loài thai sinh hóa sinh chấm dứt phiền não được nhanh; hai loài thấp sinh hóa sinh chấm dứt phiền não hơi chậm. Bởi vì hai loài thấp sinh hóa sinh bị độn căn, hai loài thai sinh hóa sinh có lợi căn. Phật lại bảo A-nan: "Hãy nghe rõ và suy nghĩ thật kỹ! Nay ta sẽ giúp ông phân tích rành mạch hành động hiếm có của bậc đại sĩ." A-nan bạch Phật: "Tôi xin hoan hỷ nghe lời." Phật bảo A-nan: "Về phía Đông nam, cách đây một ức một vạn một nghìn sáu mươi hai hà sa nước, ở đấy có một quốc độ tên là Tư Lạc, đức Phật tên là Hương Diệm hiện đang nhập Niết-bàn để lên Thiên cung Đao-lợi. Trải qua vô lượng kiếp không thể tính được, ba mươi sáu lần trở lại làm vua Đế-thích, ba mươi sáu lần trở lại làm Chuyển luân vương, siêu độ chúng sinh không đọa vào Nhị thừa và các Đường ác. Tại sao thế? Do nhờ vào thần lực của chư Phật cảm hóa giúp cho." Phật lại bảo A-nan: "Như lai có thai tướng hay không có thai tướng?" A-nan bạch Phật: "Phật thân không có thai tướng." Phật bảo A-nan: "Nếu Như Lai không có thai tướng, tại sao Như Lai có thể ở trong bào thai mười tháng để thuyết pháp cứu độ chúng sinh?"A-nan bạch Phật: "Nếu Như Lai có thai tướng thì cũng sẽ nhập diệt. Nếu Như Lai không có thai tướng thì cũng sẽ nhập diệt."

Bấy giờ, đức Thế tôn vận dụng thần thông hiện vào trong thân của mẹ Ma-da. Nằm ngồi đi đứng tự tại. Lập ra một bảo tòa cao lớn, ngang dọc rộng tám ngàn do-tuần. Cầu thang, tầng cấp bằng vàng bạc. Tràng phan, bảo cái bằng lụa phất phới giữa hư không. Ca kỹ đàn hát nhiều không tính nổi. Từ phương Đông, cách thế giới Ta-ha này mười

tám nghìn nước, các Bồ-tát có thần thông đều đến tụ họp. Phương Nam, phương Tây, phương Bắc, tứ duy cũng đều như thế. từ phía dưới, cach đây sáu mươi hai ức nước, các Bồ-tát có thần thông cũng đến tụ họp. Từ phía trên, cách đây bảy mươi hai cõi Không, các Bồ-tát có thần thông cũng đến tụ họp. Tất cả đều vào trong bào thai. Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật rằng: "Các vị Bồ-tát này cùng đến đây tụ họp, vì muốn nghe đức Thế tôn diễn dương Chánh pháp vi diệu không thể nghĩ bàn. Hiện nay, đức Thế tôn nhập vào Tam-muội nào trong số hằng nghìn ức ức Tam-muội như thế, để an trụ trong mẫu thai, diễn dương Chánh pháp không thể nghĩ bàn cho các vị Bồ-tát?" Phật bảo Văn-thù: "Bấy giờ, ông hãy quan sát từ một phẩm bậc, hai phẩm bậc cho đến mười phẩm bậc. Những Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ của các phương đều phải an trụ đúng vào phẩm bậc của mình, không được lẫn lộn. Toàn thể đại chúng đều thanh tịnh, không tạp loạn. Thậm chí, các chúng sinh ký sinh trên lá, cành cũng chẳng uế tạp. Không có một chúng sinh uế tạp trên Pháp tọa hôm nay. Vì chúng sinh uế tạp đã rút lui. Tại sao thế? Vì các chúng sinh có lợi căn không còn ở trong vòng sống chết nữa." Phật lại hỏi Di-lặc: "Khi tâm vừa động niệm, trong tâm ấy có bao nhiêu niệm, bao nhiêu thức?" Di-lặc đáp rằng: "Trong khoảnh khắc một cái búng tay động niệm ấy, tâm có 32 ức ức niệm. Mỗi niệm thành hình, mỗi hình có thức. Thức và niệm ấy cực kỳ vi tế, không thể quan niệm được. Chỉ có thần lực của chư Phật mới có thể thấu nhập vào thức vi tế ấy để siêu độ chúng sinh. Đấy gọi là thức giáo hóa. Đừng cho là không có thức vậy*."

*Nguyên văn phần Tưởng đạo này rất uẩn súc. Nhiều chỗ, tác giả đã tóm lược quá sơ sài, thành ra rời rạc lủng củng. Chúng tôi đã đối chiếu toàn thể, nắm lấy đại y, sắp xếp theo lối hành văn và ngữ pháp hiện đại để người đọc dễ dàng nhận thức. Có vài chỗ thêm hay bớt chữ, cốt tạo vẻ nhất quán liền lạc. Có vài thuật ngữ quá chuyên môn đã được dịch hơi rõ hơn. Xin đối chiếu lại nguyên văn.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 9

Thiên thứ 3: NHẬT NGUYỆT

Bộ thứ 5: XUẤT THAI

Gồm có 8 phần: Thuật ý, Nghinh hậu, Cảm thụy, Đản dựng, Chiêu phúc, Giáng tà, Đồng ứng, Giảo lượng.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Kính nghĩ:

Sau khi đức Phật Đỉnh Quang thọ ký, đặt hiệu Năng Nhân, phù hợp huyền cơ, nên ngài đã giáng hạ vào dòng họ Thích. Mầm mống bén rễ trước thuở có hình hài, linh tích tỏ rõ sau khi đã xuống thế. chiếu diệu Trời, người; nối tiếp muôn kiếp. Nguồn gốc căn cơ như thế, sâu xa tuyệt diệu biết bao! Vì vậy, mới sinh, đã đi bảy bước. Mặt đất chấn động sáu lần. Chư Thiên Ngũ Tịnh rải xuống mưa hoa, chín vị long thần vẫy nước tắm rửa. Điềm linh hiện đủ, dấu tốt phô đầy. Xét suốt trăm đời, chưa từng thấy có. Do đó, hoài thai chẳng giống Hoàng đế, Đường Nghiêu; giáng sinh khác hẳn Hạ Vũ, Thương Tiết. Đến như điềm mơ Hắc Đế đầu thai, chứng cớ đầy nhà ánh sáng, dù bảo là tốt, há dám sánh tày! Bên mình một trượng hào quang, giữa mày sợi bạc năm thước. Trước bụng sáng ngời chữ vạn, dưới chân xe Pháp hằng nghìn. Đại khái nói ra, có ba mươi hai tướng tốt. Không thể lấy mặt rồng mũi cọp, mày Nghiêu tám sắc, mắt Thuấn hai tròng, đem ra so sánh với sắc tướng tuyệt tác trang nghiêm của đức Phật, để bình phẩm mức độ cao thấp được.

Thứ hai: PHẦN NGHINH HẬU

Như kinh Phật-bản-hạnh nói: "Bấy giờ, Bồ-tát Thánh mẫu Ma-da phu nhân mang thai gần đầy mười tháng, sắp đến ngày sinh. Phụ thân của ngài là trưởng giả Thiện Giác sai người tâu với vua Tịnh Phạn rằng: "Theo như ta biết, con gái ta là Ma-da phu nhân mang thai bậc Thánh, uy đức quá lớn lao. Một mai bậc Thánh ra đời xong, con ta số ngắn,

chắc chắn sẽ chết sau đó chẳng bao lâu. Vì thế, ta muốn đón con ta về an dưỡng ở Lam-tỳ-ni để cha con được trọn vẹn vui vầy tình phụ tử. Xin đại vương đừng đem lòng cản trở, mở rộng tình thương cho con ta được về nhà sinh nở xong xuôi, ta sẽ đưa lại về cung. Vua Tịnh Phạn nghe sứ giả tấu mấy lời này, liền ban sắc chỉ cho các quan tu bổ con đường từ thành Ca-tỳ-la đến sông Đề-bà-đa, bày biện đủ loại cờ hoa, các thứ ca nhạc, kẻ hầu người hạ rất nhiều, không thể tính được, để đưa phu nhân về thăm nhà."

Thứ ba: PHẦN CẢM THỤY

Như kinh Phật-bản-hạnh nói: "Thái tử ở trong thai của mẹ đủ mười tháng, đã đến thời kỳ giáng sinh. Khi ấy có ba mươi hai điềm lành hiện ra báo trước:

1- Cây cối sau vườn tự nhiên ra trái.

2- Trên mặt đất tự nhiên sinh ra hoa sen xanh lớn như vành xe.

3- Cây khô trên mặt đất đều trổ hoa lá.

4- Các thiên thần kéo đến xe lớn trang hoàng bằng bảy loại châu báu.

5- Hai vạn kho báu dưới đất bỗng nhiên nổi lên.

6- Mùi thơm của các loại hương quý tỏa ra khắp gần xa.

7- Trong núi Tuyết xuất hiện năm trăm con sư tử trắng, kéo về đứng la liệt ở các cửa thành, nhưng không hung hăng phá phách.

8- năm trăm voi con đứng la liệt trước cung điện.

9- Trời làm mưa móc nhỏ thơm tho khắp bốn phía.

10- Trong cung điện của nhà vua tự nhiên có suối nước, trăm món đồ ăn cung cấp cho những kẻ đói khát.

11- Ngọc nữ của long vương hiện ra nửa hình, đứng giữa không trung.

12- Hằng vạn ngọc nữ của chư Thiên cầm phất trần bằng lông công hiện ra trên tường thành trong cung.

13- Các ngọc nữ của chư Thiên mang hằng vạn bình vàng đựng đầy nước cam lộ, đứng giữu không trung.

14- Hằng vạn ngọc nữ của chư Thiên tay cầm hằng vạn bình vàng đựng đầy nước hoa, đi đứng giữa không trung.

15- Hằng vạn ngọc nữ của chư Thiên tay cầm cờ phướn, lọng quý, đứng hầu.

16- Các ngọc nữ của chư Thiên đứng la liệt giữa không trung, cùng nhau hòa tấu hằng trăm nghìn bản nhạc.

17- Bốn con sông lớn bỗng nhiên trong trẻo, ngừng chảy.

18- Nhật cung, nguyệt cung tự nhiên đứng lại, không di chuyển.

19- Sao Phí xuống chầu, các sao khác cùng tháp tùng hộ vệ.

20- Màn trướng to lớn tự nhiên che phủ khắp cung vua.

21- Ngọc thần Minh Nguyệt treo ở cung điện, ánh sáng chan hòa.

22- Đen đuốc trong cung nhờ thế, không cần thắp lên.

23- Áo, mền trong hòm rương được mắc lên đầy giá.

24- Các chuỗi ngọc quý, tất cả các loại báu vật đều hiện ra.

25- Các loại côn trùng độc dữ đều ẩn núp, chim chóc hiền lành bay lượn hót ca.

26- Các địa ngục đều nghỉ ngơi, không thi hành những hình phạt độc ác.

27- Mặt đất chấn động mạnh, các gò đống đều được san bằng.

28- Ngã tư đường lớn, ngõ hẻm đường con đều ngay ngắn, rải đầy hoa.

29- Các hầm hố sâu đều được lấp bằng.

30- Những kẻ chài lưới, thợ săn hung dữ bỗng nổi từ tâm.

31- Những sản phụ trong nước đều sinh con trai. Trăm loại điếc đui, câm ngọng đều được lành lặn.

32- Tất cả các thần thảo mộc hiện hình một nửa, cúi đầu hành lễ, đứng chầu.

Trên đây là ba mươi hai điềm lành. Đương thời, khắp các bờ cõi Đông Tây, chẳng ai là không thấy kỳ lạ, tán thán, cho là chưa từng có.”

Thứ tư: PHẦN ĐẢN DỰNG

Như kinh Nhân-quả nói: “Bồ-tát ở trong thai sắp đầy mười tháng, tay chân thân mình và các tướng tốt đều có đủ. Phu nhân thấy nhớ, muốn vào vườn chơi. Nhà vua ra lệnh cho các thể nữ trong cung, hết thảy tám vạn bốn nghìn người, đi theo hầu hạ phu nhân Ma-da. Ra lệnh tuyển chọn thêm tám vạn bốn nghìn đồng nữ mang hương thơm hoa đẹp cùng vào vườn Lâm-tỳ-ni. Nhà vua lại ra lệnh cho các mệnh phụ của trăm quan đều tháp tùng theo. Bấy giờ, phu nhân lên xe quý, có các mệnh phụ và thể nữ trước sau dẫn đường đi vào trong vườn. Còn có bát bộ Thiên long cũng đều đi theo đầy chật khắp hư không. Vào ngày mồng tám tháng tư, khi mặt trời vừa lên, phu nhân thấy sau vườn có một cây cổ thụ tên là Vô Ưu, hoa đẹp hương thơm, cành lá sum sê, hết sức

tươi tốt, liền đưa tay phải vói lên, có ý muốn bẻ. Khi ấy, từ bên hông phải, Bồ-tát dần dần bước ra.”

Kinh Bồ-tát-xử-thai nói: “Phật bảo Di-lặc, nên nhớ rằng ông đã thọ ký, sau năm mươi sáu ức bảy nghìn vạn năm nữa, ở dưới gốc cây chúa này, sẽ thành bậc Vô thượng chánh đẳng giác. Ta sinh ra từ hông phải, Di-lặc ông lại sinh ra từ đỉnh đầu. Nếu ta thọ một trăm tuổi, Di-lặc ông sẽ thọ tám vạn bốn nghìn tuổi. Quốc độ của ta bằng đất, quốc độ của ông bằng vàng. Quốc độ của ta khổ, quốc độ của ông lại vui.”

Lại nữa, kinh Bồ-tát-bản-hạnh nói: “Bấy giờ, Bồ-tát thấy mẹ ngài đứng dưới đất, đưa tay vói bẻ cành cây. Từ trong bào thai, ngài giữ đúng chánh niệm, đứng lên trên bảo tọa. Những người mẹ của tất cả chúng sinh khác, khi sắp sinh con, thân thể đều đau đớn, chịu đựng khổ sở vô cùng. Luôn ngồi, luôn đứng, không thể nmào yên. Riêng mẹ của ngài lại vui vẻ, thản nhiên, thân thể cảm thấy khoan khoái. Lúc ấy, phu nhân Ma-da đứng dưới đất, vói tay cầm cành cây Ba-la-xoa rồi lập tức sinh hạ Bồ-tát. Đấy là sự kiện hy hữu của Bồ-tát, biểu hiện sau khi ngài thành Phật, không hề lao nhọc, có khả năng nhổ phăng tất cả mọi phiền não, chặt đứt tất cả mọi kết tập phiền não, giống như chặt đứt ngọn cây Đa-la, cuối cùng không thể mọc lại được. Pháp vô tướng, vô hình, vô tái sinh ấy chính là điềm lành võng sinh trước tiên của đức Như Lai. lại nữa, tất cả chúng sinh do nỗi khổ vì sinh ra hành hạ, dù ở trong bào thai, vẫn di chuyển khắp nơi. Bồ-tát không như thế, từ hông phải nhập vào, vẫn ở yên trong hông phải, không hề di chuyển. Lúc muốn sinh ra, lại từ hông phải sinh ra, không bị các nỗi khổ hành hạ. Đấy là sự kiện hy hữu của Bồ-tát, biểu hiện sau khi đã thành Phật, trừ tận mọi tái sinh, tu hành Phạm hạnh, mãi mãi không còn sợ hãi, luôn luôn an vui, không còn đau khổ nữa. Lại nữa, khi Bồ-tát vừa từ thai mẹ, giữ đúng chánh niệm, theo hông phải hạ sinh, đã phóng hào quang to lớn chiếu diệu khắp nơi. Đây là sự kiện hy hữu của Bồ-tát, biểu hiện sau khi đã thành Phật, ngài xé tung màn lưới vô minh tăm tối, bừng phát ra ánh hào quang trong sáng của trí tuệ bao la. Lại nữa, khi Bồ-tát vừa từ hông phải sinh ra, thân thể của mẹ Bồ-tát vẫn bình an như trước, không hề biến đổi. Đấy là sự kiện hy hữu của Bồ-tát, biểu hiện sau khi đã thành Phật, ngài sẽ thực hành Phạm hạnh không hề suy giảm, đầy đủ không thiếu sót. Lại nữa, khi Bồ-tát vừa từ thai mẹ sinh ra, không khổ không não, tự tại đứng lên. Tất cả mọi dơ uế đều không ô nhiễm, khác hẳn chúng sinh. Giống như báu vật lưu ly Như Ý, khi được bao bọc bên ngoài bằng áo lụa Ca-thy-la, cả hai đều không bị dính bẩn. Đấy là sự kiện hy hữu của Bồ-tát, biểu

hiện khi đã thành Phật, ngài ở trong thế gian, trụ tại thế gian, là Pháp hy hữu của thế gian, nên mọi uế trọc của thế gian không gây ô nhiễm được. Lại nữa, khi Bồ-tát vừa từ thai mẹ sinh ra, Trời Đế-thích liền lấy áo lụa vi diệu của chư Thiên bọc lấy tay mình, rồi tiến lên phía trước bồng nâng Bồ-tát. Đấy là sự kiện hy hữu của Bồ-tát, biểu hiện khi đã thành Phật, ngài là vị giáo chủ đầu tiên của thế giới Ta-bà. Thiên vương Đại-phạm đứng lên hàng đầu xin nghe thuyết pháp. Lại nữa, khi Bồ-tát vừa từ hông phải sinh ra, bốn vị đại Thiên vương bồng ẵm Bồ-tát, cùng hướng về trước mặt mẹ ngài mà nói rằng: "Hôm nay, phu nhân vĩ đại của thế gian rất đáng hoan hỷ. Phu nhân sinh được con Thánh như thế, chư Thiên còn vui mừng ca tụng, huống chi là người!" Đấy là sự kiện hy hữu của Bồ-tát, biểu hiện sau khi đã thành Phật, sẽ có vô lượng Tứ chúng cùng đến bên ngài xin nghe thuyết pháp, vâng theo lời giáo huấn, không trái ý, phản bội. Lại nữa, sau khi Bồ-tát đã sinh ra, ngài liền đứng trên mặt đất, ngước nhìn vào hông phải của mẹ, nói lên lời này: "Từ nay về sau, thân này sẽ không bao giờ tái sinh vào hông phải, sẽ không bao giờ nhập vào bào thai của mẹ, sẽ không bao giờ an trụ trong ấy nữa. Đây chính là thân sau cùng của ta, vì ta sẽ thành Phật." Đấy là sự kiện hy hữu của Bồ-tát, biểu hiện sau khi đã thành Phật, miệng ngài sẽ nói lời này: "Trong kiếp này của ta, tất cả đều xong. Phạm hạnh đã lập, hạnh nguyện đã thành, không còn tái sinh." Ấy chính là điềm lành vãng sinh của đức Như Lai.

Hơn nữa, kinh Niết-bàn nói: "Khi Bồ-tát mới giáng sinh, ngài đều đi bảy bước khắp mười phương. Bồ-tát Ma-ni, Bồ-tát Phú-na và các đại tướng quỷ thần đều cầm tràng phan, lọng quý rung động vô lượng vô biên thế giới. Sắc vàng rực rỡ tràn ngập hư không. Các long vương Nan-đà, Bạt-nan-đà dùng thần thông tắm rửa thân mình Bồ-tát. Chư thiên hiện hình nghinh đón lễ bái. Vị tiên A-tư-đà chắp tay cung kính. Tuổi thanh xuân dứt bỏ dục vọng dễ dàng như nhổ bỏ nước bọt. Không bị dục lạc thế gian mê hoặc. Khi xuất gia tu Đạo lại hâm mộ chốn tịch lặng. Để đả phá tà kiến, ngài đã trải qua sáu năm tu khổ hạnh. Hoàn toàn bình đẳng với chúng sinh, như một không khác. tâm thường nhập định, không hề tán loạn. Toàn thân chỉ thấy sắc tướng trang nghiêm. Mọi chỗ đi qua, gò đống đều bằng. Y phục cách thân bốn tấc, không chạm vào mình. Khi đi nhìn thẳng, không liếc hai bên. Các thứ hái ăn, không mọc lại nữa. ngay chỗ đứng ngồi, cỏ chẳng lung lay. Vì dạy chúng sinh, nên đi thuyết pháp, tâm chẳng kiêu căng."

Thứ năm: PHẦN CHIÊU PHÚC

Như kinh Nhân-quả nói: "Khi thái tử sinh ra, dưới gốc cây Vô ưu cũng mọc lên bảy cành hoa sen bằng thất bảo, lớn như vành xe. Bồ-tát liền ngã lên hoa sen, không có người nâng đỡ, tự bước đi bảy bước (Kinh Đại-thiện-quyền nói, đi bảy bước là để ứng với Thất giác chi), đưa tay lên và nói như sư tử rống: "Trong tất cả Trời người, ta tôn quý nhất, hơn hết tất cả. Kể từ nay, vô lượng sinh tử đều chấm dứt." Khi thái tử nói xong lời này, bốn Thiên vương liền lấy lụa Trời bọc mình thái tử, bồng đặt trên khay quý. Trời Đế-thích cầm lọng quý, Trời Đại-phạm cầm phất trần trắng cùng đứng hầu hai bên. Các long vương Nan-đà và Ưu-ba-nan-đà từ giữa hư không, phun nước trong lành thành một vòi ấm, một vòi mát, tướilên mình thái tử (Kinh Phổ-diệu nói, các Trời Đế-thích và Đại Phạm làm mưa bằng các loại hương thơm nổi tiếng. Chín long vương từ trên cao phun nước thơm tho xuống tắm rửa cho Bồ-tát. Kinh Thụy-ứng-bản-khởi nói, các Trời Đại Phạm và Đế-thích cùng xuống chầu hầu. Bốn Thiên vương nâng mình Bồ-tát đặt trên khay vàng. Kinh Tu-hành-bản-khởi nói, hai anh em long vương làm mưa nước ấm xuống bên trái, nước lạnh xuống bên phải. Các Trời đế-thích và Đại Phạm lấy áo Trời bọc mình thái tử). Thân thái tử óng ánh sắc vàng, có ba mươi hai tướng tốt, phóng ra hào quang vĩ đại chiếu diệu khắp ba nghìn đại thiên thế giới. Nước Ca-duy-la-vệ nằm giữa ba nghìn mặt trời mặt trăng và một vạn hai nghìn quốc độ."

Lại nữa, luận Trí-độ có câu hỏi rằng: "Tại sao đức Phật có sắc vàng?" Đáp: "Nếu sắt ở bên vàng thì không sáng. Nay đem vàng hiện tại sánh với vàng thời đức Phật còn tại thế thì không sáng bằng. Vàng thời đức Phật còn tại thế sánh với vàng của Diêm-phù-na thì không sáng bằng. Vàng của Diêm-phù-na sánh với cát vàng trong đường đi dưới biển lớn của Chuyển-luân-vương thì không sánh bằng. Cát vàng ấy sánh với Núi vàng thì không sánh bằng. Núi vàng sáng với vàng của núi Tu-di thì không sánh bằng. Vàng của núi Tu-di sánh với vàng ở chuỗi anh lạc của chư Thiên Tam thập tam thì không sánh bằng. Vàng ở chuỗi anh lạc của chư Thiên Tam thập tam sánh với vàng của Trời Diệm-ma thì không sánh bằng. Vàng của Trời Diệm-ma sánh với vàng của Trời Đâu-suất-đà thì không sánh bằng. Vàng của Trời Đâu-suất-đà sánh với vàng của Trời Hóa tự tại thì không sánh bằng. Vàng của Trời Hóa tự tại sánh với vàng của Trời Tha hóa tự tại thì không sánh bằng. Vàng của Trời Tha hóa tự tại sánh với vàng trên thân Bồ-tát thì không sánh bằng. Sắc tuyệt diệu này gọi là tướng sắc vàng."

Lại nữa, kinh Thụy-ứng nói: “Khi thái tử vừa sinh ra, Thiên long bát bộ hiện hình giữa không trung, cử hành các loại nhạc Trời, ca hát ngợi khen, đốt hương rắc hoa, thả áo Trời và chuỗi anh lạc bay xuống tơi bời, nhiều không tính được. Dưới gốc cây Vô ưu còn sinh ra bốn giếng nước tám công đức. Tổng cộng có đến ba mươi bốn điềm lành, không thể nói rõ hết (đại khái giống ba mươi hai tướng tốt đã nói ở trên).

Thứ sáu: PHẦN HÀNG TÀ

Như kinh Thụy-ứng nói: Khi thái tử vừa sinh ra, nhà vua lập tức trang bị bốn đạo quân cùng trăm quan đi vào vườn. Thấy thái tử có những điềm lành như thế, nhà vua đâm ra nửa mừng nửa sợ, chắp tau hành lễ các Thiên thần xong, bồng thái tử lên trước, đặt trên bành voi bằng thất bảo, rồi cùng quần thần, thể nữ trở về thành. Có các Thiên thần cử nhạc tháp tùng. Bấy giờ, nhà vua chưa biết tam bảo là gì, bèn đưa thái tử đến đền thờ Phạm Thiên. Thái tử vùa vào, Phạm Thiên lập tức hiện hình đứng lên khỏi bảo tọa, sụp lạy dưới chân và nói với nhà vua rằng: “Xin đại vương biết cho, nay thái tử là bậc chí tôn trong Trời người, tất cả Thiên thần đều kính lễ. Đại vương há chẳng biết điều này, tại sao còn đem ngài đến đây hành lễ? Vua Bạch Tịnh và quần thần cảm thán chuyện hy hữu này, liền đưa thái tử ra khỏi đền thờ Phạm Thiên, trở về hậu cung.”

Kinh Phổ-diệu nói: “Khi thái tử đến đền thờ Phạm Thiên, có nói bài kệ rằng:

“Vừa sinh động Ba nghìn.
Thích, Phạm, Tu-luân, thần,
Nhật nguyệt, bốn Thiên vương
Đều đến cúi đầu lạy.
Có thần nào hơn ta,
Sao đem ta đến đó?
Hơn Trời, Trời của Trời.
Không Trời nào sánh được.
Tùy cơ xuống thế gian,
Điềm báo, người hân hoan.
Nghi lễ nhiều ngần ấy,
Hơn Thánh, Trời của Trời.”

Bấy giờ, các Trời Đế-thích, Phạm Thiên và bốn Thiên vương đều rời bảo tọa, chọn giờ cùng hiện xuống, cung kính quỳ mọp hành lễ dưới chân Bồ-tát. Trong không khí trang nghiêm lặng phắt, hằng trăm nghìn

Thiên chúng đều cất cao tiếng ca tụng, hớn hở vui mừng chưa từng có. Trời đất rung chuyển, mưa hoa đủ loại bay đầy. Hằng trăm nghìn ca công tự nhiên cử nhạc. Chư Thiên xuất hiện nguyên hình, hành lễ dưới chân Bồ-tát rồi tiến lên phía trước và ca tụng rằng:

"Tu-di sánh hạt cải,
Vượt xa hẳn Trời rồng.
Nhật nguyệt lạy đến mệt,
Vì kính tuệ và đức.
Tam thiên đều quy y.
Hạt cải sánh Tu-di,
Vũng trâu sánh biển cả.
Chí tôn vượt nhật nguyệt.
Nếu kính bậc chí tôn,
Phước quả không tính xiết.
Tất cả, được an ổn,
Phước đức nhiều vô lượng."

Thứ bảy: PHẦN ĐỒNG ỨNG

Như kinh Thụy-ứng nói: "Lúc bấy giờ, những người thuộc dòng họ Thích, trong ngày ấy, cũng sinh được năm trăm con trai."Kinh Tu-hành-bản-hạnh nói: "tám vạn bốn nghìn trưởng giả trong nước đều sinh được con trai. tám vạn bốn nghìn ngựa nái trong chuồng đều sinh ngựa non. Có điều rất kỳ lạ, tất cả đều toàn lông trắng, bờm đều đeo ngọc, nên được gọi là ngựa đặc biệt." Lại nữa, kinh Thụy-ứng-bản-hạnh nói: "Người hầu tên Xa-nặc, ngựa cưỡi tên Kiền-trắc. Bấy giờ, trong chuồng của nhà vua, voi sinh voi trắng, ngựa sinh ngựa bạch, bò dê sinh bò con, dê con. Số lượng mỗi loài lên đến năm trăm con. Những đầy tớ trong nhà các hoàng tử đều sinh được năm trăm đầy tớ nhỏ. Bấy giờ, trong cung có năm trăm kho tàng lâu nay chôn giấu, bỗng nhiên hiện ra. Có đám thương gia theo đường biển đi tìm mua báu vật trở về, cùng đem ngọc quý dâng lên nhà vua. Thấy những điềm lành xuất hiện dồn dập như thế, nên nhà vua đặt tên cho thái tử là Tất-đạt. Khi ấy, tám hoàng tử khác đều sinh thái tử như vua Tịnh Phạn. Tất cả rất vui mừng, cùng nhau đặt tên thật đẹp." Lại nữa, kinh Phật-bản-hạnh nói: "Nước Ca-duy-la-duyệt gồm có tám thành, tổng cộng có chín trăm vạn gia đình. Điều-đạt sinh ngày mồng bảy tháng tư. Đức Phật sinh ngày mồng tám tháng tư. Nan-đà, em ngài, sinh ngày mồng chín tháng tư. A-nan sinh ngày mồng mười tháng bốn. Điều-đạt cao một trượng năm thước bốn tấc. Đức Phật

cao một trượng sáu thước. Nan-đà cao một trượng năm thước bốn tấc. A-nan cao một trượng năm thước ba tấc. Các tôn nhân cao một trượng bốn thước. Những người khác ở trong nước đều cao một trượng ba thước. Ngoại thích của Bồ-tát ở cách thành tám trăm dặm, thuộc họ Cù-đàm, làm vua chư hầu cai trị một trăm vạn gia đình, gọi là vua một ức dân. Gia đình phu nhân của Bồ-tát thuộc họ Cù-đàm. Trưởng giả nhạc phụ tên là Thủy Quang. Nhạc mẫu tên là Nguyệt Nữ. Gia đình trưởng giả ở trong thành kế bên. Khi sinh con gái, trời sắp về chiều, ánh nắng chiếu nghiêng vào nhà, sáng rực lên, nên đặt tên là Cù-di (cô gái sáng). Cù-di là phu nhân thứ nhất của Bồ-tát. Phu nhân thứ hai của Bồ-tát họ La-vân, tên Na-duy-đàn. Phụ thân là trưởng giả Di-thí. Phu nhân thứ ba của Bồ-tát tên là Lộc Dã. Phụ thân là trưởng giả Thích. Vì Bồ-tát có ba phu nhân nên vua cha cho lập ra ba biệt điện. Mỗi biệt điện có hai vạn thể nữ. Tổng cộng có sáu vạn thể nữ. Bồ-tát sẽ làm Thánh vương chuyển luân nên mới có sáu vạn thể nữ như thế."*

Thứ tám: PHẦN GIÁO LƯỢNG

Như luận Du-già nói: "Có bốn loại nhập thai: 1/ là chánh tri để nhập vào. Không chánh tri an trụ rồi sinh ra. 2/ là chánh tri nhập vào an trụ. Không chánh tri để sinh ra. 3/ là đều có thể chánh tri. 4/ là đều không chánh tri. Loại thứ nhất chỉ cho Chuyển luân vương. Loại thứ hai chỉ cho Độc giác. Loại thứ ba chỉ cho Bồ-tát. Loại thứ tư chỉ cho các chúng sinh khác." Luận Thật-tính có bài kệ rằng:

"Từ Trời xuống nhập thai,
Sinh ra nhờ cha mẹ.
Tại gia là trẻ con,
Học tập mọi kiến thức.
Nô đùa và đi chơi.
Xuất gia tu khổ hạnh,
Theo học các ngoại đạo.
Ràng phục các ma vương.
Thành Phật, chuyển pháp luân,
Chỉ Đạo nhập Niết-bàn.
Các chúng sinh bạc phước,
Làm sao gặp Như Lai!"

Kinh Thụy-ứng nói: "Thái tử sinh vào đêm mồng tám tháng tư, vào lúc sao sáng." Lại nữa, kinh Phật-sở-hạnh-tán nói: "Vào ngày mồng tám tháng ba, Bồ-tát từ hông phải sinh ra."Kinh Quá-khứ hiện-tại nhân-

quả nói: “Vào ngày mồng tám tháng hai, phu nhân vào vườn Lâm-tỳ-ni, thấy hoa Vô ưu, vói tay mặt lên hái, Bồ-tát liền từ hông phải sinh ra.” Nay vì nhiều đời xa cách, người dịch lớp trước lớp sau. Nếu chỉ xem qua kinh điển, khó lòng biện luận đúng sai. Nếu chịu khảo cứu thêm sách vở thế gian, hình như cũng có chỗ đáng chú ý. Sách Xuân-thu nói: “Năm thứ bảy dưới đời Lỗ Trang Công, tức là năm thứ mười một dưới đời vua Trang Vương, vào ngày tân hơi tháng tư, hằng tinh không xuất hiện, có vẫn thạch như mưa.” Nếu kiểm chứng các kinh điển và sách vở thế gian ấy thì tháng tư là chín xác nhất.

Bộ thứ sáu: **THỊ DƯỠNG**

Gồm có ba phần: Thuật ý, Dưỡng dục, Thiện trưng.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Than ôi! Thần lực do tịch lặng tỏ thông; viên giác nhờ lắng trong soi sáng. Đại đao tuyệt diệt trong thân xác uế dơ; chân lý chấm dứt giữa cõi sinh diệt. Nếu bảo thức, hình đã tuyệt diệt, sao còn sinh hạ xuống cung vua? Sinh diệt đã chấm dứt, há đặt bày chở che nuôi dưỡng? Chẳng qua bậc đại Thánh giáng sinh, cũng chỉ tại lợi sinh hoằng pháp. Do cầu liền hiện, tối mấy cũng soi. Huyền cơ hóa độ muôn đường, diệu dụng thuyết pháp vô hạn. Hoặc mượn tọa Thiền ngộ Đạo, hoặc nhờ tuệ giác khai thông, hoặc hiện hài nhi nâng đỡ, hoặc hiện bú mớm dưỡng nuôi. Nhân duyên giác ngộ rất nhiều, không thể tóm lược làm một. Đấy chính là khả năng dạy vật, phép thuật cứu thế vậy.

Thứ hai: PHẦN DƯỠNG DỤC

Theo kinh Phật-bản-hạnh nói: “Khi thái tử vừa sinh ra được bảy ngày, mẹ ngài liền qua đời. Trước đó, có bốc sư đoán số mạng của phu nhân Ma-da chỉ còn bảy ngày nữa, nên đến đó, phu nhân đã qua đời. Dù sao, vào thời ấy, thường có phép bói toán như thế. Tại sao thái tử vừa sinh ra được bảy ngày thì mẹ ngài lại đột ngột qua đời? Vì mẹ ngài thấy ngài sẽ xuất gia lúc còn nhỏ tuổi, lòng dạ tan nát nên phải qua đời. Hơn nữa, luận sư của phái Tát-bà-đa nói: “Mẹ thấy sinh con thân thể đoan trang hiếm có như thế, lòng vô cùng hoan hỷ, không kiềm chế nổi nên liền qua đời, sau đó, vãng sinh lên Trời Đao-lợi.” Khi vua Tịnh Phạn thấy phu nhân đã qua đời, bèn triệu tập dòng họ Thích đến đông đủ và phán rằng: “Gia quyến các khanh đều là quốc thích. Nay thái tử mất mẹ vừa lúc chào đời. Gửi gắm bú mớm, ta biết giao phó cho ai dạy dỗ

nuôi dưỡng cho được sống còn? Ai biết thương yêu thái tử như chính con ruột?” Bấy giờ, có năm trăm người vợ mới cưới của dòng họ Thích lần lượt tâu rằng: “Thiếp có thể nuôi dưỡng. Thiếp có thể săn sóc.” Dòng họ Thích nói với đám vợ trẻ ấy rằng: “Tất cả các ngươi đều còn quá trẻ trung, ham mê sắc dục. Không thể nuôi nấng đúng giờ, thương yêu đúng cách. Chỉ có quốc thích Ma-ha-ba-xà-ba-đề này là dì ruột của thái tử, mới có thể nuôi dưỡng thái tử mà thôi.” Lúc đó, vua Tịnh Phạn bèn đem thái tử giao phó cho dì ấy và phán rằng: “Lại đây, phu nhân! Hãy lo nuôi dưỡng, hãy lo che chở thái tử này đây cho chóng lớn khôn. Đúng giờ tắm rửa.” Nhà vua lại chọn lựa riêng ba mươi hai thể nữ phụ giúp vào việc nuôi dưỡng thái tử. Tám thể nữ lo bồng ẳm. Tám thể nữ lo tắm rửa. Tám thể nữ lo bú mớm. Tám thể nữ lo chơi đùa. Đến đây, Ma-ha-ba-xà-ba-đề tâu vua Tịnh Phạn rằng: “Xin kính tuân theo, không dám sai trái.”

Thứ ba: PHẦN THIỆN TRƯNG

Lại nữa, kinh Phật-bản-hạnh nói: “Từ khi thái tử chào đời đến nay, trong hoàng gia của vua Tịnh Phạn ngày ngày sinh sôi nhiều thêm các thứ tiền của, vàng bạc, châu báu, gia súc hai chân và bốn chân không thiếu chút gì. Nên có bài kệ rằng:

“Ngũ cốc và tiền của,
Bạc vàng và y phục,
Dù sắm hay không sắm,
Tự nhiên đều đầy đủ.
Con thơ và mẹ hiền,
Sữa tươi đều phong phú.
Mẹ nào lỡ thiếu sữa,
Bỗng nhiên đều dư dả.”

Bấy giờ, những điều thù oán trong lòng vua Tịnh Phạn bỗng nhiên đều được hóa giải bình thường và dân dần sinh ra tình cảm thân thương nhân hậu. Mưa gió thuận hòa, không có thiên tai và các xáo trộn quấy phá. Mùa màng trồng ít thu nhiều. Nhân dân sống theo vương pháp, làm đủ mọi chuyện bố thí tạo nên công đức. Không ai ngang ngạnh, tất cả đều rất hân hoan. Cảnh tượng giống ở trên Trời, không sai một nét. Ấy là nhờ vào uy đức của thái tử khiến mọi sự đều được thành tựu tốt lành, như bài kệ sau đây có nói:

“Nhân dân nghe lời dạy,
Không tiếc, cũng không kiết.

Ai nấy theo vương pháp.
Lòng từ không hiếu sát.
Đói khát đã được thoát,
Ăn uống đều no đủ.
Tất cả rất vui mừng,
Giống trên Trời hưởng lạc."

Lại nữa, kinh Phổ-diệu nói: "Khi Bồ-tát vừa sinh được bảy ngày, mẹ ngài liền mệnh chung, hưởng phước báo trên Trời Đao-lợi. Vừa lên Trời ấy, có năm vạn Phạm Thiên mang bình quý, hai vạn thê tử của các Phạm ma cầm dải lụa quý đứng hầu mẹ ngài." Lại nữa, kinh Thụy-ứng-bản-khởi nói: "Bồ-tát đã biết phước đức của mẹ ngài, không nỡ để mẹ ngài hành lễ, nên khi biết mẹ ngài sắp mệnh chung, ngài liền ra đời." Lại nữa, kinh Đại-thiện-quyền nói: "Khi Bồ-tát vừa sinh ra được bảy ngày, mẹ ngài liền mệnh chung, hưởng phước báo trên Trời. Chuyện ấy không phải là lỗi của ngài." Lại nữa, kinh Nhân-quả nói: "Dì ruột của thái tử là Ma-ha-ba-xà-ba-đề nuôi dưỡng thái tử tận tình không khác mẹ ruột."

Bộ thứ 7: CHIÊM TƯỚNG

Gồm có 8 phần: Thuật ý, Sắc chiêm, Trình cung, Hiện tướng, Nghiệp nhân, Đồng dị, Giáo lượng, Bách phúc.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Xét rằng: Bậc chí Thánh không kể địa phương, tùy nhân duyên ẩn hiện. Vận thần thông chiếu giám, đáp ứng tiếng kêu cầu. Tuy tịch lặng điềm nhiên, nhưng cảm thông vi diệu. Do đó, giáng thần từ Đâu-suất vương cung; thị hiện xuống Ca-tỳ-la-vệ. Nối nghiệp Chuyển luân gia thế; kế thừa Thánh đạo uy danh. Nước giữa Ba nghìn, khác xa Lạc ấp; hoàng triều tám vạn, vượt quá non Kê. Hoàng gia nổi tiếng đương thời, sử sách rành chép rõ. Dẫu Lữ Vọng làm tướng giúp Văn Vương, đời bảo biết người, hoặc A-tư-đà trên núi Hương xem tướng đức bổn sư, cũng không thể ví ngang ngửa. Nếu đem so sánh phẩm chất hơn thua, sẽ thấy hai đường cao thấp khác hẳn.

Thứ hai: PHẦN SẮC CHIÊM

Như kinh Thụy-ứng nói: "Bấy giờ, vua Bạch Tịnh ra lịnh tìm năm trăm tướng sư thông thái đến xem tướng cho thái tử. Các tướng sư tâu rằng: " Thái tử của nhà vua đây là thần nhãn của thế gian, giống như vàng ròng, có đủ có tướng tốt hết sức trong sáng. Nếu xuất gia, sẽ thành

một bậc Nhất thiết chủng trí. Nếu ở thế gian, sẽ là một vị Thánh vương chuyển luân thống lãnh thiên hạ vào bậc nhất.” Họ lại tâu thêm: “Trên núi Hương, có một vị Phạm tiên tên A-tư-đà, chứng được đầu đủ năm phép thần thông, có khả năng giải đoán giúp nhà vua mọi điều nghi hoặc.” Nhà vua suy nghĩ, núi Hương đường sá xa xôi hiểm trở, người không lên tới, làm sao có thể mời về đây? Khi nhà vua vừa động niệm, tiên nhân A-tư-đà đã biết được, liền cưỡi hư không bay đến xem tướng giúp cho. Nhà vua thấy xong, vui mừng không nói nên lời, cùng phu nhân bồng thái tử bước ra, sửa soạn hành lễ. Tiên nhân xin nhà vua dừng lại: “Đây là bậc chí tôn trong tam giới, sao lại có thể bắt phải hành lễ ta?” Bấy giờ, tiên nhân đứng thẳng lên, chắp tay lạy dưới chân thái tử. Nhà vua và phu nhân liền bảo: “Xin nhờ ngài xem tướng thật kỹ cho thái tử.” Tiên nhân xem xong, bổng dưng khóc lóc thảm thương, không thể nào nguôi. Nhà vua và phu nhân thấy thế, toàn thân run rẩy, vô cùng buồn rầu. Tâm thần chao đảo như sóng lớn nhồi chiếc thuyền con, bèn hỏi rằng: “Con ta có điềm gì không tốt, đến nỗi phải khóc lóc như thế?” Tiên nhân đáp rằng: “Tướng mạo của thái tử cực tốt, không có gì xấu cả. Riêng ta chỉ ân hận nay đã sống đến một trăm hai mươi tuổi, nay mai sẽ chết, được sinh vào Trời Vô tưởng, không kịp thấy đức Phật ra đời hành đạo, không được nghe lời ngài thuyết pháp, nên phải đau buồn. Nếu có người được đầy đủ ba mươi hai tướng tốt như thế, nhưng không trúng cách và lại không được tươi sáng, chắc chắn người ấy sẽ trở thành một Thánh vương Chuyển luân. Nay ta xem thái tử con của đại vương, các tướng tốt đều trúng cách và lại hết sức tươi sáng. Do đó, nhất định ngài sẽ thành Chánh giác.” Tiên nhân nói xong, liền xin từ biệt ra về.”

Lại nữa, kinh Phật-bản-hạnh nói: “Thưa đại vương, hôm nay ta tự thở than tuổi tác già nua, sức lực suy yếu, sợ không thể thấy được ngày ấy, mất điều lợi lớn lao. Thế nên, ta đâm ra đau thương buồn tủi. Thái tử hoàn toàn chẳng có điềm gì không tốt cả. Xin nói bài kệ cho đại vương:

“Tự hận sao ta ngang trái quá,
Không gặp được lúc ngài đắc Đạo.
Sống phí một đời không nghe gì,
Há chẳng phải ta mất lợi lớn?
Nay ta tuổi già, trí chín chắn,
Cái chết sắp đến, chẳng còn xa.
Nghĩ đến cuối đời còn được gặp,

Vì thế, nửa mừng, nửa lo sợ.
Đại vương họ Thích đang hưng thịnh,
Sinh được thái tử rất phúc đức.
Tất cả khổ sở trên thế gian,
Ngài đều làm cho được an lạc."

Thứ ba: PHẦN TRÌNH CUNG

Theo kinh Phật-bản-hạnh nói: "Bấy giờ, phu nhân Ma-da bồng hài nhi đến nơi xong, lấy tay ôm đầu hài nhi xoay về phía tiên nhân, như muốn đảnh lễ dưới chân tiên nhân. Khi ấy, nhờ uy đức của mình, thân hình hài nhi tự xoay hai chân về phía tiên nhân. Thấy thế, vua Tịnh Phạn cùng đỡ tiếp để xoay đầu hài nhi kính đảnh lễ tiên nhân. Nhờ uy đức của mình, hai chân hài nhi lại tự xoay về phía tiên nhân. Khi vua Tịnh Phạn lại xoay đầu hài nhi về phía tiên nhân, hai chân hài nhi vẫn tự xoay về phía tiên nhân như trước. Cứ thế đến ba lần. Từ xa, A-tư-đà đã trông thấy mọi chuyện. Khi ấy, hài nhi phóng hào quang chiếu diệu cả trời đất. Hài nhi uy nghi, đoan trang, khả ái, sắc óng ánh như vàng ròng. Đầu như tán quý, mũi thẳng và tròn, tay dài buông xuống. Các ngón tay, chân đều bằng nhau, không chút so le, trang nghiêm đầy đủ. A-tư-đà rời chỗ đứng lên, bạch với nhà vua: "Xin đại vương đừng bắt đầu của hài nhi phải đảnh lễ ta. Tại sao? Vì đầu ấy không thể đảnh lễ dưới chân ta được. Trái lại, ta phải đảnh lễ dưới chân của đầu ấy." Rồi tiên nhân lại cất tiếng lên rằng: "Hy hữu, hy hữu! Vĩ nhân đã ra đời! Ta từng nghe nói ở trên Trời, chính là hài nhi này. Thật đúng không sai." Tiên nhân A-tư-đà liền sửa lại y phục, bày vai bên phải, quỳ chân phải xuống đất, giang hai tay bồng lấy hài nhi đặt lên đỉnh đầu và đi về chỗ ngồi. Ngồi xuống xong, lại bồng hài nhi đặt lên hai gối."

Thứ tư: PHẦN HIỆN TƯỚNG

Như kinh Phật-bản-hạnh nói: "Bấy giờ, vua Tịnh Phạn lại hỏi tiên nhân: "Đại sư! Ý ta muốn bắt con ta luôn luôn ở bên ta thì phải làm sao? Vã lại, con ta còn nhỏ dại, ta không muốn phải xa ta." A-tư-đà tâu lại rằng: "Thưa đại vương, thật tình ta không thể nói ra phương cách ngăn cản ấy được." Vua Tịnh Phạn liền nói: "Đại sư hãy nghe đây! Dù sao ta cũng phải tìm đủ mọi cách khiến con ta, từ nay cho đến lúc trưởng thành, không thể xa rời ta một giây lát để xuất gia." Tiên nhân A-tư-đà liền hỏi nhà vua: "Thưa đại vương, hôm nay vì lẽ gì, ngài lại nói ra lời này?" Lúc ấy, vua Tịnh Phạn bèn trả lời: "Xin tôn sư biết cho, tất cả các

tướng sư trong nước đều bảo với ta rằng, nếu hài nhi này ở lại thế gian thì sẽ làm một Thánh vương chuyển luân. Do đó, ta mới nói như thế." A-tư-đà liền tâu rằng: "Xin đại vương biết cho, tất cả các tướng sư ấy đều nói dối cả. Tại sao? Vì tất cả các tướng tốt ấy không phải là tướng của Thánh vương chuyển luân. Hài nhi này có đến hằng trăm tướng tốt và tám mươi tướng đẹp phụ bên mình, độc đáo lạ lùng, rõ ràng tươi sáng. Tất cả đều hiện ra đầy đủ. Nhà vua hỏi tiên nhân: "Đại sư! Đâu là tám mươi tướng đẹp phụ bên mình hài nhi?" Bấy giờ A-tư-đà mới trình bày rõ ràng với nhà vua: "tám mươi loại tướng ấy là:*

1- Không thể thấy được đỉnh đầu.
2- Xương đầu rắn chắc.
3- Trán rộng, thẳng và vuông.
4- Mày cao và dài, giống như trăng mới nhú.
5- Mắt to và dài.
6- Mũi cao, tròn, thẳng và không thấy lỗ.
7- Tai dày, lớn, dài và có trái tai rủ xuống.
8- Thân thể tráng kiện như lực sĩ.
9- Thân thể không bị hủy hoại.
10- Đốt xương bền cứng.
11- Toàn thân xoay chuyển như voi chúa.
12- Thân có hào quang.
13- Thân thẳng đều.
14- Thường trẻ, không già.
15- Thân thường tươi mát.
16- Thân tự bảo vệ, không cần người khác.
17- Thân thể tròn trịa.
18- Tri thức đầy đủ.
19- tác phong đầy đủ.
20- Uy đức đồn xa.
21- Không nhìn trộm người khác.
22- Đứng vững vàng, không lắt lay.
23- Khuôn mặt vừa vặn, không lớn, không dài.
24- Mặt rộng và bằng.
25- Mặt tròn như vầng trăng đầy.
26- Không có vẻ tiều tụy.
27- Đi đứng uy nghi như voi chúa.
28- Dáng dấp hiên ngang như sư tử chúa.
29- Bước chân khoan thai như thiên nga chúa.

30- Đầu tròn như quả Ma-đà-na.
31- Sắc thân sáng sủa, hòa nhã.
32- Lòng bàn chân đầy đặn.
33- Móng tay đỏ như lá đồng.
34- Dấu chân in xuống đất khi bước đi.
35- Chỉ trên ngón tay trang nghiêm.
36- Chỉ trên ngón tay rõ ràng, không lờ mờ.
37- Chỉ trên bàn tay thẳng và rõ.
38- Chỉ trên bàn tay dài.
39- Chỉ trên bàn tay không đứt đoạn.
40- Chân tay vừa ý.
41- Chân tay trắng hồng như búp sen.
42- Thất khiếu có đầy đủ.
43- Không đi chậm lại đằng sau.
44- Không đi nhanh quá đằng trước.
45- Đi đứng ngay ngắn, yên ổn.
46- Rốn dày, sâu, giống như rắn quấn về bên phải.
47- Sắc tay xanh hồng như cổ chim công.
48- Sắc lông bóng sáng.
49- Lông trên mình mọc xoay về phía phải.
50- Miệng tỏa mùi thơm tuyệt diệu, lông cũng như thế.
51- Sắc môi hồng tươi như quả Tần-bà.
52- Môi thắm vừa phải.
53- Lưỡi mỏng.
54- Luôn luôn lạc quan.
55- Vui vẻ, hòa thuận nói chuyện với mọi người.
56- Ở đâu cũng nói lời tốt đẹp.
57- Nếu gặp người, nói ra trước.
58- Tiếng nói vừa phải, vui vẻ với người khác.
59- Chọn lời thích hợp thuyết pháp cho người.
60- Thuyết pháp không vấp váp, nhầm lời.
61- Đối xử với chúng sinh bình đẳng như nhau.
62- Quan sát trước, hành động sau.
63- Phát ra một lời đáp lại nhiều người.
64- Thuyết pháp có đầu đuôi mạch lạc.
65- Không chúng sinh nào thấy được chỗ kín.
66- Người ngắm nhìn sắc tướng không biết chán.
67- Có đầy đủ mọi âm sắc.

68- Toát ra vẻ hiền từ.

69- Kẻ ngang ngạnh trông thấy đều thần phục.

70- Tiếng nói trong trẻo.

71- Thân hình không nghiêng ngửa.

72- Thân thể to lớn.

73- Thân thể cao ráo.

74- Thân không ô nhiễm.

75- Hào quang phát ra đầy mình, dài một trượng.

76- Hào quang chiếu sáng khi đi.

77- Thân thanh tịnh.

78- Hào quang tươi sáng như ánh ngọc trai xanh.

79- Chân tay no tròn.

80- Tay chân có chữ vạn."

Theo kinh Phật-thuyết-bảo-nữ nói: "Liền đó, Bảo nữ hỏa đức Thế tôn: "Nay Như Lai có đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân. Không biết ngài đã làm công đức nào trong tiền kiếp, khiến cho các tướng ấy hiển hiện khắp trên thân như thế?" Phật bảo: "Trong tiền kiếp, ta đã tạo vô lượng công đức, gom góp lại mới có các tướng ấy hiện ra khắp trên thân. Nay ta đem kể sơ qua:

1- Như Lai có tướng "chân đứng vững vàng" của bậc đại nhân là do tiền kiếp đã kiên trì khuyến khích, giúp đỡ không sờn lòng và không che giấu công đức của người khác.

2- Như Lai có tướng "chân tay có bánh xe pháp" của bậc đại nhân là do tiền kiếp đã thực hành nhiều loại bố thí.

3- Như Lai có tướng "chỉ tay thường xuyên mịn, dài và đẹp" của bậc đại nhân là do tiền kiếp đã đặc biệt thuyết pháp cứu hộ chúng sinh thoát khỏi đau khổ.

4- Như Lai có tướng "chân tay sinh màng lưới bao bọc liền lạc" của bậc đại nhân là do tiền kiếp đã không phá hoại gia đình của kẻ khác.

5- Như Lai có tướng "chân tay mềm mại uyển chuyển" của bậc đại nhân là do tiền kiếp đã từng ban ơn bố thí các loài y phục mỏng nhẹ.

6- Như Lai có tướng "Bảy hợp đầy đặn" của bậc đại nhân là do tiền kiếp đã bố thí rộng rãi cho các kẻ khốn cùng.

7- Như Lai có tướng "đầu gối rất thẳng, không có đốt khớp hất đá như loài nai" của bậc đại nhân là do tiền kiếp đã thọ trì kinh điển không sai lầm.

8- Như Lai có tướng “chỗ kín giấu vào trong” của bậc đại nhân là do tiền kiếp đã giữ gìn cẩn thận bản thân, lìa xa sắc dục.

9-Như Lai có tướng “hai má đầy đặn như sư tử chúa” của bậc đại nhân là do tiền kiếp đã tu hành đầy đủ các nghiệp thanh tịnh.

10- Như Lai có tướng “chữ vạn hiện ra thường xuyên trước ngực” của bậc đại nhân là do tiền kiếp đã trừ bỏ các hành động ô trọc, không tốt đẹp.

11- Như Lai có tướng “thân thể tay chân hoàn toàn đầy đủ” của bậc đại nhân là do tiền kiếp đã bố thí lòng dũng cảm và biết an ủi người khác.

12- Như Lai có tướng “hai tay dài quá gối” của bậc đại nhân là do tiền kiếp đã ra tay giúp đỡ người khác khi có chuyện không may xảy ra.

13- Như Lai có tướng “thân thể toàn hảo không tì vết” của bậc đại nhân là do tiền kiếp phụng hành thập thiện không ngừng.

14- Như Lai có tướng “trí não sâu xa đầy đủ” của bậc đại nhân là do tiền kiếp đã bố thí nhiều loại thuốc men và săn sóc trị liệu cho người có bệnh.

15- Như Lai có tướng hiên ngang như sư tử chúa xuất hiện của bậc đại nhân là do tiền kiếp đã vun trồng đầy đủ các cội rễ đạo đức.

16- Như Lai có tướng “đầy đủ 40 cái răng trắng muốt” của bậc đại nhân là do tiền kiếp đã đối xử với chúng sinh hết sức nhân từ, tận tụy.

17- Như Lai có tướng “các răng không thưa thớt” của bậc đại nhân là do tiền kiếp đã can gián, hòa giải mọi tranh cãi của người khác.

18- Như Lai có tướng “nhiều răng cấm” của bậc đại nhân là do tiền kiếp đã đem những vật đẹp đẽ yêu thích của mình bố thí cho người khác.

19- Như Lai có tướng “tóc và lông mày trong sáng đẹp đẽ” của bậc đại nhân là do tiền kiếp đã biết giữ gìn cẩn thận thân khẩu ý của mình.

20- Như Lai có tướng lưỡi rộng dài của bậc đại nhân là do tiền kiếp đã nói năng rất thành thật để phòng ngừa tội lỗi của khẩu nghiệp.

21- Như Lai có tướng “tinh tiến” của bậc đại nhân là do tiền kiếp đã đem vô lượng phước đức cúng dường cứu cánh Niết-bàn, đem từ tâm nhân ái đáp ứng nguyện vọng cầu xin được che chở của chúng sinh.

22- Như Lai có tướng “Phạm thanh trìu mến” của bậc đại nhân là do tiền kiếp đã nói năng ôn hòa, cẩn thận ngôn từ đối với chúng sinh, khiến cho vô lượng chúng sinh nghe lời đều được vui vẻ.

23- Như Lai có tướng "đồng tử màu xanh tía" của bậc đại nhân là do tiền kiếp đã xem xét chúng sinh bằng đôi mặt hiền hòa.

24- Như Lai có tướng "mắt như trăng mới nhú" của bậc đại nhân là do tiền kiếp đã không có tính thô bạo, lòng thường nhu mì.

25- Như Lai có tướng "lông bạc trong mày" của bậc đại nhân là do tiền kiếp đã ân cần ca tụng các đức hạnh của lối sống tịch lặng.

26- Như Lai có tướng "bướu thịt trên đầu" của bậc đại nhân là do tiền kiếp đã cung kính Thánh hiền, tôn trọng trưởng lão.

27- Như Lai có tướng "cơ thể mềm mại" của bậc đại nhân là do tiền kiếp đã đem lòng gom góp cất giữ các kinh điển.

28- Như Lai có tướng "thân hình óng ánh sắc vàng tía" của bậc đại nhân là do tiền kiếp đã bố thí rất nhiều giường nệm.

29- Như Lai có tướng "thân thể đều mọc lông" của bậc đại nhân là do tiền kiếp đã biết xa lìa chỗ tụ hội náo nhiệt.

30- Như Lai có tướng "đầu lông xoay về bên phải" của bậc đại nhân là do tiền kiếp đã tôn kính sư trưởng, nhận lời chỉ giáo của bạn tốt và cúi đầu xin nghe theo.

31- Như Lai có tướng "tóc trên đầu toàn màu xanh hoe" của bậc đại nhân là do tiền kiếp đã thương xót chúng sinh, không dùng dao gậy sát hại.

32- Như Lai có tướng "thân hình ngay ngắn cân đối, không cong queo" của bậc đại nhân là do tiền kiếp đã đem thân mình khuyên răn giáo hóa chúng sinh có chánh định.

33- Như Lai có tướng "xương sống như các móc sắt lớn rất uy lực, vòi vọi uy đức" của bậc đại nhân là do tiền kiếp đã xây đắp hình tượng, tu bổ chùa hư. Khuyên nhủ kẻ ly tán đoàn tụ lại, trấn an kẻ khiếp sợ có lòng dũng mãnh và hoà giải kẻ tranh kiện.

Bảo nữ! Nhà ngươi nên biết, vào thời quá khứ, ta đã phụng hành vô lượng vô số điều đạo đức căn bản như thế, nên mới có thể thành tựu được ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân." *

Về tướng tốt thứ hai mươi hai, luận Tân-bà-sa nhận định rằng: "Tướng Phạm thanh của Như Lai, nghĩa là trong cổ của đức Phật có nhiều loại tốt đẹp lớn lao có khả năng phát thành các Phạm âm hòa nhã, vui vẻ như tiếng chim Yết-la-tần-ca. Lại có khả năng phát ra tiếng sấm động thâm trầm xa thẳms như tiếng trống của Đế-thích. Các âm thanh ấy có đủ tám công đức: 1/ Thâm trầm xa thẳm. 2/ Êm ái. 3/ Rõ ràng. 4/ Vui tai. 5/ là thấm nhập vào lòng. 6/ Sinh vui. 7/ Dễ hiểu. 8/ Không chán." Luận Đại-trí-độ nói: "Tướng tốt Phạm thanh của Như Lai

cũng giống như năm loại âm thanh của Thiên vương Đại Phạm từ miệng phát ra: 1/ Rất thâm trầm như tiếng sấm. 2/ Trong trẻo vang dội đi xa, người nghe đều vui vẻ. 3/ là thấm nhập vào lòng sinh ra yêu kính. 4/ Dễ nghe dễ hiểu. 5/ là rất thích nghe, không chán. Các vị Bồ-tát cũng có năm loại âm thanh như thế từ miệng phát ra, giống như tiếng chim Ca-lăng-tần-già đáng yêu, giống như tiếng trống của chư Thiên thâm trầm, xa thẳm."

Lại nữa, luận Tân-bà-sa có câu hỏi rằng: "Tướng nghĩa là gì? Đáp: "Tiêu biểu là tướng. Rất tốt đẹp là tướng. Điềm lành là tướng." Hỏi: "Tại sao tướng của đại nhân chỉ có ba mươi hai loại? Liệu không thêm không bớt chăng?" Hiếp tôn giả trả lời rằng: "Nếu thêm lên hay bớt xuống thì chỉ sinh ra nghi ngờ và trái với quy cách của tướng. khi nói có ba mươi hai tướng thì thế gian đều chấp nhận. Vì đấy là ý nghĩa tốt lành, không thể tăng giảm. Nếu có đủ ba mươi hai tướng trang sức trên thân của đức Phật thì đấy là điều tốt đẹp nhất, không có gì sánh bằng ở giữa thế gian. Nếu giảm xuống thì sẽ thiếu sót. Nếu tăng lên thì sẽ tạp nhạp,đều không tốt đẹp. Như thế, chỉ có ba mươi hai tướng của đại nhân mà thôi."

Lại nữa, Luận Trí-độ có câu hỏi rằng: "Về ba mươi hai tướng, trong ba nghiệp, do nghiệp nào tạo nên. Không phải do thân và khẩu nghiệp. Vì ý nghiệp lanh lợi. Lại nữa, trong sáu thức , do ý thức tạo nên, không phải là do năm thức kia. Vì năm thức kia không có khả năng phân biệt." Hỏi: "ba mươi hai tướng ấy được tạo thành trong bao lâu?" Đáp: "Chậm nhất là trong một trăm kiếp, nhanh nhứt là trong chín mươi mốt kiếp. Bồ-tát Thích-ca-Mâu-ni tạo thành ba mươi hai tướng tốt trong chín mươi mốt kiếp tu hành. Như trong kinh nói: "Vào thời quá khứ xa xưa, có một đức Phật tên là Phất-sa. Bấy giờ, có hai vị Bồ-tát: một vị tên là Thích-ca-Mâu-ni, một vị tên là Di-lặc. Đức Phật Phất-sa muốn biết tâm của Bồ-tát Thích-ca-Mâu-ni đã thuần thục chưa, liền quan sát và biết rằng tâm của Bồ-tát này chưa thuần thục, trong tâm các đệ tử của Bồ-tát này đều thuần thục cả. Bồ-tát Di-lặc thì tâm đã thuần thục, nhưng tâm của các đệ tử vẫn chưa được thuần thục. Khi ấy, đức Phật suy nghĩ thế này: "Tâm của một người có thể cảm hóa dễ dàng nhanh chóng. Tâm của nhiều người rất khó sửa trị cấp tốc được." Suy nghĩ xonh rồi, đức Phật muốn làm cho Bồ-tát Thích-ca mau chóng thành Phật, liền lên núi Tuyết, vào trong động báu, nhập Hỏa Thiền định. Bấy giờ, Bồ-tát Thích-ca đang làm tiên nhân ngoại đạo, lên núi hái thuốc. Thấy đức Phật nhập định, phóng hào quang to lớn, sinh lòng hoan hỷ

kính tin, bèn nhón một chân đứng lên, chắp tay hướng về đức Phật ấy, dốc lòng quán tưởng suốt bảy ngày đêm, mắt không hề chớp. Bồ-tát làm một bài kệ ca tụng đức Phật ấy rằng:

"Trên trời dưới thế không ai bằng đức Phật.
Các thế giới mười phương cũng không sánh kịp.
Ta đã thấy hết chúng sinh trong thế giới,

Suốt bảy ngày đêm trôi qua, xem kỹ, mắt Bồ-tát vẫn không hề nhấp nháy. Ngài đã vượt qua chín kiếp và trong chín mươi mốt kiếp nữa, cuối cùng chứng được A-nậu-bồ-đề. Bồ-tat Thích-ca đã quý tâm hơn lời, nếu ngài đã dùng nhiều bài kệ để ca tụng đức Phật Phất-sa thì tâm của ngài có lẽ đã bị tán loạn. Thế nên, suốt bảy ngày đêm, ngài chỉ dùng một bài kệ duy nhất để ca tụng đức Phật ấy." Hỏi: "Vì sao tâm của Bồ-tát Thích-ca không thuần thục mà tâm của đệ tử lại thuần thục? Tâm của Bồ-tát Di-lặc thuần thục mà tâm của đệ tử lại không thuần thục?" Đáp: "Vì tâm lợi tha của Bồ-tát Thích-ca nhiều mà tâm tự lợi ít. Tâm tự lợi của Bồ-tát Di-lặc nhiều mà tâm lợi tha ít."

Thứ năm: PHẦN NGHIỆP NHÂN

Như kinh Đắc-vô-cấu-nữ nói: "Phật bảo, nếu Bồ-tát hoàn thành 4 pháp, sẽ được ba mươi hai tướng tốt. Là bốn pháp nào?1/ Đem vàng rải lên Phật hoặc rải lên chùa. 2/ Thường đem dầu thơm xức lên tháp Phật. 3/ Bố thí đủ loại ca nhạc. 4/ Cùng gia quyến cúng dường các hòa thượng và A-xà-lê. Bấy giờ, đức Thế tôn bèn nói kệ rằng:

"Đem vàng rải lên chùa,
Dầu thơm xức tháp Phật,
Bố thí hương hoa, nhạc,
Thành kính cúng dường tăng.
Làm bốn pháp như thế,
Sẽ được ba hai tướng,
Đoan trang rất kỳ diệu,
Đầy đủ các công đức."

Nếu Bồ-tát hoàn thành bốn pháp, sẽ được tám mươi tướng đẹp phụ. Là bốn pháp nào? 1/ Đem đủ loại pháp phục đẹp đẽ trang sức pháp tọa. 2/ Cúng dường tha nhân không mõi mệt. 3/ Không gây náo động ở pháp đàn. 4/ Dạy dỗ chúng sinh tu hành Bồ-đề. Bấy giờ, đức Thế tôn bèn nói kệ rằng:

"Pháp phục tô điểm pháp tọa,
Cúng dường người không mõi mệt,

Dạy người tu đạo Bồ-đề,
Sẽ được tám mươi tướng phụ.
Vì các Bồ-tát biết tu
Bốn loại công đức như thế,
Nên vào tất cả mọi lúc,
Được tám mươi tướng trang nghiêm.”

Thứ sáu: PHẦN ĐỒNG DỊ

Như luận Tân-bà-sa có câu hỏi: “tám mươi tướng đẹp phụ nằm ở chỗ nào? Đáp: “Nằm giữa các tướng tốt, xoay chuyển theo các tướng tốt, trang sức thân Phật trở thành tốt đẹp vô cùng.” Hỏi: “Tướng tốt và tướng đẹp phụ không cản trở nhau chăng?” Đáp: “Không phải thế, tướng tốt và tướng đẹp phụ lại cùng phát huy cho nhau, như hoa trong rừng tô điểm cây cỏ thêm rực rỡ. Thân Phật cũng thế, hai loại tướng ấy cùng phát huy, tô điểm thêm vào, cũng như các loại châu báu trang sức chen lẫn giữa Núi vàng vậy.” Hỏi: “ba mươi hai tướng tốt của Bồ-tát và các tướng tốt của Chuyển luân vương có gì khác biệt chăng?” Đáp: “Bồ-tát có bốn sự kiện hơn hẳn: 1/ Rực rỡ hơn. 2/ Rõ ràng hơn. 3/ Đầy đủ hơn. 4/ Đúng chỗ hơn. Ngoài ra, còn có năm sự kiện hơn hẳn khác: 1/ Đúng chỗ hơn. 2/ Rất trang nghiêm. 3/ Dấu vết sâu hơn. 4/ Tùy thuận thắng trí. 5/ Tùy thuận ly nhiễm.”

Thứ bảy: PHẦN GIÁO LƯỢNG

Kinh Phật-a-tỳ-đàm nói: “Gom tất cả công đức của chúng sinh trong một nghìn hằng sa thế giới mới thành được một lỗ chân lông của Phật. Cứ thế, tạo thành công đức một lỗ chân lông của Phật. Gom tất cả công đức của các lỗ chân lông khắp trên mình Phật mới thành được một tướng đẹp phu. Cứ thế, tạo thành công đức của tám mươi tướng đẹp phụ, tăng lên trăm lần, mới thành được một tướng tốt trên mình Phật. Cứ thế, tạo thành công đức của ba mươi hai tướng tốt, tăng lên nghìn lần, mới thành được một tướng tốt lông mày bạc trên trán của Phật. Gom công đức của một ngàn tướng tốt lông mày bạc, tăng lên trăm lần, mới thành được một tướng tốt bướu thịt trên đầu của Phật mà tất cả người Trời đều không thể thấy được. Cứ thế, gom tất cả vô lượng công đức thanh tịnh mới thành được thân của Phật. Thế nên, Phật xứng đáng là bậc chí tôn trong tất cả Trời người vậy.”

Thứ tám: PHẦN BÁCH PHÚC

Theo kinh Ưu-bà-tắc-giới nói: “Phật bảo, nếu Bồ-tát tu dưỡng mỗi một tướng tốt, sẽ được hằng trăm phước đức vây bọc giúp chung quanh. Nếu tu dưỡng năm mươi tướng tốt, sẽ được năm mươi tư tâm vây bọc đầy đủ giúp chung quanh. Như thế gọi là trăm loại phước đức. Thiện nam tử! Tất cả phước đức của thế gian không bằng công đức một lỗ chân lông của Như Lai. Tất cả công đức các lỗ chân lông của Như Lai không bằng công đức một tướng đẹp phụ. Gom góp công đức tám mươi tướng đẹp phụ không bằng một công đức một tướng tốt. Tất cả công đức các tướng tốt không bằng công đức của tướng lông mày bạc. Công đức của tướng lông mày bạc lại không bằng công đức của đỉnh tướng bướu thịt không thể thấy được. Thế nên, Như Lai đã thành tựu đầy đủ vô lượng công đức. ba mươi hai tướng tốt này chính là quả báo đại bi.”

Lại nữa, luận Tân-bà-sa có câu hỏi rằng: “Theo khế kinh nói, mỗi một tướng tốt của đức Phật đều có hằng trăm phước đức điểm tô. Vây trăm phúc là gì?” Đáp: “Ở đây, trăm tư duy gọi là trăm phúc. Trăm tư duy là gì? Nghĩa là khi Bồ-tát tạo nghiệp tu dưỡng mạnh mẽ hoàn hảo một tướng tốt, trước tiên phải phát khởi năm mươi tư duy tu sửa bản thân cho trong sạch điều hòa. Kế đến, phát khởi một tư duy dìu dắt tướng ấy. Sau đó lại phát khởi năm mươi tư duy làm cho thành tựu tướng ấy. Giống như người nông phu trước tiên sửa sang ruộng đất, kế đến gieo trồng. Sau đó, dùng phân bón nước nôi vun tưới. Tướng cũng thế, nếu được tu dưỡng mạnh mẽ hoàn hảo, sẽ được trăm phúc điểm tô. Cho đến nghiệp quả của đỉnh tướng bướu thịt không thể thấy được, lại cũng như thế. Do đó mới nói rằng mỗi mộv tướng tốt của đức Phật đều có trăm phúc điểm tô.”

Hỏi: “năm mươi tư duy là gì?” Đáp: “Trong Thập nghiệp đạo, mỗi nghiệp đạo đều có năm tư duy. Như nghiệp đạo ly sát có năm tư duy: 1/ Tư duy lìa sát. 2/ Tư duy khuyến khích dẫn dắt. 3/ Tư duy ca tụng. 4/ Tư duy tán thán. 5/ Tư duy hồi hướng. Nghĩa là do đem công đức hướng về cứu cánh Bồ-đề. Cho đến chánh kiến lại cũng như thế. Đấy gọi là năm mươi tư duy.”

Có người nói: “Trong Thập nghiệp đạo, mỗi nghiệp đạo đều phát khởi 5 bậc tư duy tốt đẹp: thấp, vừa, cao, cao hơn và cao nhất. Giống các lối Thiền định của ngoại đạo.”Có người nói: “Trong Thập nghiệp đạo, mỗi nghiệp đạo phát khởi năm tư duy: 1/ Thanh tịnh gia hành. 2/ Thanh tịnh căn bản. 3/ Thanh tịnh hậu khởi. 4/ Không tìm làm hại. 5/ Nghĩ đến nhiếp thụ.” Có người nói: “Noi theo một tướng của đức Phật, phát khởi năm mươi sát-na chưa từng nhiễm tư duy rồiliên tục chuyển hóa.”

Hỏi: "Trong trăm phúc này, mỗi một phúc lượng là gì?" Có người nói: "Nếu có thể thọ được nghiệp quả làm Chuyển luân vương thì ngự trị tự tại ở bốn Châu lớn để chuyển hóa. Đó là một phúc lượng." Có người nói: "Nếu có thể thọ được nghiệp quả làm Đế-thích thì tự tại giữa hai Thiên chúng để chuyển hóa. Đó là một phúc lượng." Có người nói: "Nếu có thể thọ được nghiệp quả làm Thiên vương ở Trời Tha hóa tự tại thì tự tại giữa tất cả Thiên chúng ở Dục giới để chuyển hóa. Đó là một phúc lượng." Có người nói: "Nếu có thể thọ được nghiệp quả làm Thiên vương Đại Phạm thì tự tại ở cõi Sơ Thiền và Thiên chúng của Dục giới để chuyển hóa. Đó là một phúc lượng." Có người nói: "Khi Thiên vương Đại Phạm là vua của thế giới Ta-bà đến cầu xin đức Phật thuyết pháp là một phúc lượng." Hỏi: "Khi Thiên vương ấy đến cầu xin đức Phật đem công đức thuyết pháp thì Dục giới còn mang tính trung hòa, không bị che lấp, không thiện không ác, sao gọi là phúc lượng được?" Có người nói: "Khi sửa soạn đến cầu xin đức Phật thuyết pháp, Thiên vương ấy đang ở tại Phạm thế. Trước hết, suy nghĩ thế này: "Ta phải đến cầu xin đức Phật thuyết pháp để tạo lợi ích lớn lao cho các chúng sinh." Bấy giờ, đã có thể gọi là phúc lượng của Thiên vương ấy rồi." Điều này không hợp lý. Tại sao? Vì cho rằng khi chưa tạo nghiệp thì đã thành tựu phúc lượng ấy rồi, nên mới nói như thế. thật ra, khi Thiên vương ấy đến cầu xin đức Phật thuyết pháp xong, liền trở về Phạm cung. Sau đó, khi đức Phật thuyết pháp, địa thần loan báo trước tiên. Cứ thuyết pháp, âm thanh dội đến Phạm Cung. Pham vương nghe xong, hoan hỷ mừng thầm, phát tâm thanh tịnh, kính xin tán thán. Bấy giờ, mới thực sự thành tựu được phước lượng ấy." Có người nói: "Khi thế giới sắp thành, tất cả chúng sinh thọ được nghiệp lự mạnh mẽ của Đại thiên thế giới. Đó là một phúc lượng." Có người nói: "Trừ các Bồ-tát gần đạt Phật địa, tất cả các chúng sinh khác có khả năng thọ được nghiệp quả phú lạc, đó là một phúc lượng." Có người nói: "Trong mỗi một phúc lượng ở đây, phải dùng thí dụ mới lộ rõ ý nghĩa. Thí dụ như tất cả chúng sinh đều bị mù loà. Nếu có một chúng sinh dùng phương tiện lớn lao khiến cho họ đều được mở mắt thấy đường thì phước đức của chúng sinh ấy là mốt phúc lượng. Lại nữa, giả thiết tất cả chúng sinh đều uống độc dược, mê man sắp chết. Nếu có một chúng sinh ra tay giải độc, khiến cho họ đều được tỉnh táo thì phước đức của chúng sinh ấy là một phúc lượng. Lại nữa, giả thiết tất cả chúng sinh đều bị bắt trói, sắp sửa mất mạng. Nếu có một chúng sinh ra tay giải thoát, khiến cho họ đều được sống còn thì phước đức của chúng sinh ấy sẽ là một phúc lượng. Lại nữa, giả thiết tất

cả chúng sinh đều phá giới phá kiến. Nếu có một chúng sinh ra tay đồng thời làm cho giới, kiến đều phục hồi đầy đủ thì phước đức của chúng sinh ấy cũng là một phúc lượng.” Bình luận rằng: “Những điều nói trên đều rất trong sáng và thích ứng, ca tụng phúc lượng của Bồ-tát, nhưng đều không đúng với sự thật. Ý nghĩa đúng nhất là khi Bồ-tát tạo nên mỗi một phước lượng thì sẽ vô lượng vô biên. Vì Bồ-tát đã tích tụ đầy đủ xong các pháp ba-la-mật suốt ba Đại kiếp vô số lượng, đã phát khởi hạnh nguyện hết sức lớn lao mà chỉ có đức Phật mới có khả năng biết được. Những chúng sinh khác không tài nào ước đoán nổi. Nói như thế, mỗi một phúc lượng lớn lao đều có đầy đủ trăm phúc điểm tô. Từ một tướng tốt cho đến ba mươi hai tướng tốt đều có đầy đủ trăm phúc điểm tô như thế cả. Nhờ có ba mươi hai tướng tốt đầy đủ trăm phúc và tám mươi tướng đẹp phụ điểm tô pháp thân, nên đức Phật thật xứng đáng là bậc chí tôn chí thắng khắp cả trên Trời dưới thế vậy.”*

*Phần Bách phúc mà tác giả rút từ luận Tân-bà-sa rất súc tích và uyên thâm. Chúng tôi đã cố gắng rất nhiều khi chuyển dịch sang Việt ngữ, nhưng còn vài chỗ chưa mấy rõ ràng và ít danh từ chuyên khoa khó giải thích trong bài dịch. Vì tác giả viết cho những người rành Phật học. Xin tham khảo thêm Phật Quang Đại Từ điển quyển 3 trang 2498, 2499 mục Bách phúc trang nghiêm.

***Bộ thứ 8:* DU HỌC**

Gồm có 4 phần: Thuật ý, Triệu sư, Giác lực, Giáo lượng.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Trộm nghe:

Đức Nhất Thiết Chủng Trí, hiệu là Tất-đạt-đa, xuất hiện từ đầu ba Đại kiếp, độc tôn vào cuối trăm đời sau. Tóm trọn pháp giới để làm thành trí; thu hết vũ trụ để tạo nên hình. Bởi thế, hình hiện hữu khắp nơi, tầm vĩ đại vượt ngoài quy củ; trí tạo ra tất cả, mức hành động dứt khỏi nghĩ suy. Không thể đem chuyện nhân gian ước lượng, há được phép lấy nơi chốn luận bàn? Nếu muốn mở tung nhận thức cho đám ngu mê, c62n phải đề cao linh tích của bậc đại Thánh. Đôi khi ở trong hàng ngọai đạo, đôi khi mang lấy lốt ấu thơ. Tùy cơ ứng hiện giữa đồng loại để dạy dỗ phàm phu, đi cạnh khác giới nhằm hóa độ muôn vật. Như thế mới xứng là vô thượng sĩ, gọi là Trời của Trời. Bởi do ngu trí làu thông, Thánh phàm khó đoán. Đạo đức cao cả không thể nghĩ suy, công lao vĩ đại chẳng ai sánh nổi!

Thứ hai: PHẦN TRIỆU SƯ

Như kinh Phật-bản-hạnh nói: "Khi vua Tịnh Phạn biết thái tử con mình đã lên 8 tuổi (kinh Nhân-quả nói lên 7 tuổi), liền triệu tập tể tướng, quần thần đến và phán rằng: " Các khanh nên biết, nay trong lãnh thổ của chúng ta, ai là người có tài năng giỏi nhất có thể làm thầy dạy dỗ cho thái tử?" Các quan tâu rằng: "Xin đại vương biết cho, nay có Tỳ-xa-bà-mật-đa-la rất tinh thông các bộ luận cao siêu nhất. Vị ại sư này có thể dạy dỗ thái tử được." Nhà vua triệu đại sư đến và phán rằng: "Tôn giả đại sư có thể dạy cho thái tử của ta tất cả các môn khoa học và triết lý chăng?" Bấy giờ Mật-đa tâu rằng: "Thưa đại vương, thần xin tuân mệnh. Hôm nay, thần cảm thấy rất vui mừng." Nhà vua bèn ra lệnh cho năm trăm đồng tử dòng họ Thích hộ vệ bốn bên. Ngoài ra, còn có vô số đồng nam đồng nữ theo hầu thái tử đến trường học.

Khi nhìn thấy thái tử từ xa, do uy đức của ngài, đại sư không thể dằn nổi, phải đứng lên kỏi chỗ, quỳ mọp đảnh lễ dưới chân ngài. Hành lễ xong, đại sư đứng lên, nhìn quanh bốn phía và cảm thấy rất xấu hỗ. Bấy giờ, từ giữa hư không, có một Thiên tử tên là Tĩnh Diệu, cùng vô lượng vô biên Thiên chúng cao cấp nhất giáng hạ từ Thiên cung Đâu-suất để thường xuyên hộ trì thái tử. Thiên tử ẩn mình giữa hư không và nói kệ rằng:

"Các khoa học thế gian
Và các môn triết lý,
Vị này đều biết rành
Và dạy được người khác.
Đó là vị giỏi nhất,
Vì thương xót chúng sinh,
Từ xưa đã thường đến.
Nay lại theo thầy học!
Tất cả trí xuất thế,
Chân lý và sức mạnh,
Nhân duyên sinh các pháp,
Sinh ra rồi diệt vong,
Nhất niệm biết tất cả.
Pháp hữu tướng, vô tướng,
Còn chứng biết được hết,
Huống chi là chữ nghĩa!"

Khi Thiên tử nói xong bài kệ này, liền lấy hoa rải lên mình thái tử rồi trở về Thiên cung.

Bấy giờ, thái tử bắt đầu đi học. Ngài lấy loại trầm hương tốt nhất từ đầu bò thần làm bìa tập. Dùng toàn thất bảo trang trí chung quanh bìa và chọn các mùi hương tự nhiên và đặc biệt xức lên sau bìa rồi mang đến chỗ của giáo thọ Tỳ-xa-mật-đa-la và nói rằng: “Tôn giả đại sư định dạy cho ta sách gì đây? Có sách của Phạm Thiên diễn giảng. Sách của đại tiên Khư-lô-sắt-tra. Sách của tiên nhân Phú-sa-ca-la diễn giảng. Sách A-ca-la (về toán học). Sách Mộng-già-la (điềm lành). Sách Da-mị-ni (nước Đại Tần). Sách Ương-cù-lê. Sách Da-na-ni-ca (lạc đà). Sách Ta-già-la (nuôi bò cái). Sách Ba-la-bà-ni (cây lá). Sách Ba-lưu-sa (lời rủa). Sách Phụ- dữ. Sách Tỳ-đa-trà. Sách Đà-tỳ-trà-quốc (Nam Thiên Trúc). Sách Chi-la-để (hình người). Sách Độ-kỳ-sai-na-bà-đa. SáchTỳ-da-mị-xa-la (tạp loại). Sách A-đà-la-đa (vườn chim bên núi). Sách Tây-cù-da-ni. Sách Kha-sa. Sách Chi-na-quốc (Đại Đường). Sách Ma-na (khoa đẩu văn). Sách Mạt-trà-xoa-la. Sách Tỳ-đa-tất để (thước). Sách Phú-số-ba (hoa). Sách Đề-bà (Trời). Sách Na-già (rồng). Sách Dạ-xoa. Sách Càn-thát-bà (thần âm nhạc). Sách A-tu-la. Sách Ca-lâu-la (chim Kim-sí). Sách Khẩn-na-la (Phi nhân). Sách Ma-hầu-la-già (rắn lớn).Sách Di-già-già-ca (tiếng thú). Sách Ca-ca-lâu-đa (tiếng chim). Sách Phù-ma-đề-bà (Địa cư Thiên). Sách An-đa-lê-xoa-đề-bà (Xử không Thiên). Sách Tước-đa-la-cầu-lô (phía Bắc núi Tu-di). Sách Bô-lâu-bà-tỳ-đề-ha (phía Đông núi Tu-di). Sách Ô-sai-bà (đưa lên). Sách Nị-sai-bà (ném). Sách Ta-già-la. Sách Bạt-xà-la (kim cương). Sách Lê-già-ba-la-để-lê-già (đi lại). Sách Tỳ-khí-đa (quỷ ăn đồ thừa). Sách A-nậu-phù-đa (chưa từng có). Sách xa-ta-đa-la-bạt-đa. Sách Già-na-na-bạt-đa (cùng chuyển). Sách Ưu-sai-ba-bạt-đa. Sách Ni-sai-ba-bạt-đa. Sách Ba-đà-lê-khư (chân). Sách Tỳ-câu-đa-la-ba-đà-na-địa (câu từ 2 tăng lên). Sách Da-bà-đà-thâu-đa-la 9tăng 10 câu trở lên). Sách Mạt-trà-bà-sẩn-ni (trung lưu). Sách Lê-sa-da-bà-đa-ba-xỉ-tỳ-đa (các khổ hạnh trên núi). Sách Đà-la-ni-tỳ-xoa-lê (xem đất). Sách Già-già-na-tỳ-lê-xoa-ni (xem hư không). Sách Tát-bồ-sa-địa-ni-sơn-đà (mục lục tất cả dược thảo). Sách Sa-la-tăng-già-hà-ni (tổng lãm). Sách Tát-bà-lâu-đa (tất cả các loại âm thanh).* Nghĩa của sáu mươi bốn quyển sách này trong bảy văn có cho chú thích và có chỗ không, nhiều lời chú thích không rõ ràng lắm, nên không thể cho vào. Đáng tiếc là những từ điển chuyên môn ngày nay cũng ít thấy giải nghĩa. Chờ các người về sau tra cứu lại thôi.

Khi thái tử kể xong những tên sách này, lại hỏi giáo thọ Mật-đa rằng: “Trong tất cả sáu mươi bốn quyển sách này, không biết tôn giả

định dạy cho ta sách nào đây?" Bấy giờ, Đa-la nghe thái tử kể tên những sách ấy xong, trong lòng vui mừng thanh thản, giấu kín thẹn thùng, dẹp bỏ lòng kiêu căng ngã mạn, hướng về thái tử và nói kệ rằng:

"Hiếm thấy bậc trí tuệ thanh tịnh,
Tùy thuận các pháp ở thế gian.
Tự mình tinh thông mọi sách luận,
Lại chịu đến học hỏi cùng ta.
Tên những sách này ta chửa biết,
Ngài đã cầm tay đọc làu làu.
Là bậc chí tôn trong trời người,
Nay còn muốn tìm thầy học hỏi."

Thuật rằng:*

Than ôi! Nghiã lý huyền diệu chẳng có âm thanh, nhờ ngôn ngữ để diễn tả ý tưởng; ngôn ngữ đa đoan không có dấu tích, mượn văn tự để ghi chép âm thanh. Thế nên, văn tự là phương tiện diễn tả ngôn ngữ; ngôn ngữ là phương tiện diễn tả nghiã lý. Âm nghiã phải thật xứng hợp, không thể thiên lệch quá độ. Do đó, công dụng của văn tự bao la đầy vũ trụ.

Ngày xưa, có ba nhân vật chính tạo ra văn tự. Lớn nhất là Phạm Thiên, văn tự ấy viết về phía phải. Kế đến là Khư-lô, văn tự ấy viết về phía trái. Nhỏ nhất là Thương Hiệt, văn tự ấy viết xuống phía dưới. Phạm Thiên và Khư-lô đều ở bên Thiên Trúc. Sử thần Thương Hiệt của Hoàng Đế sống tại Trung Hoa. Phạm Thiên và Khư-lô bắt chước phép tắc của Trời Tĩnh Cư; Thương Hiệt mô phỏng văn vẻ dấu chân các loại chim chóc. Dẫu văn tự và thư pháp thật sự khác xa nhau, nhưng mục đích diễn tả nghĩa lý vẫn chỉ là một.

Kính xét lời dạy của tiên hiền, có 64 bộ sách. Lưu truyền chốc lát, biến đổi chi ly. Quỷ rồng 8 bộ, kiểu chữ trăm hình. Tựu trung vẫn chấp nhận Phạm Thiên và Khư-lô là văn tự hoàn bị nhất trên thế giới. Vì vậy, các nước bên Thiên Trúc mới gọi là sách Trời và các nước ở Tây phương ghi chép kinh điển đều noi theo Phạm văn ấy. Tuy thế, trong 36 nước, thỉnh thoảng vẫn có chỗ khác biệt. Liệu cũng giống Trung Quốc có các biến thể triện lệ đó chăng?

Xét cổ thể của Thương Hiệt, thấy đã biến đổi qua các đời. Cổ thể chuyển thành trứu. Trứu dời thành triện. Triện đổi thành lệ. Quá trình biến đởi cũng rất nhiều. Đến như 8 thể sinh thêm thì có tiên, rồng, mây, cỏ. Hai mươi bốn lối viết thì có khải, thảo, châm, thù.* Tên gọi vàthể loại tuy nhiều, nhưng công dụng lại càng ít ỏi. Như thế, theo định nghĩa

nguyên sơ, thư pháp có đầy đủ 6 lối. Trong đó, hợp thời và nhanh chóng nhất là lối triện. Qua đây, nguồn gốc của thư pháp Trung Quốc và Ấn Độ có thể biết được sơ lược.”

Lại nữa, kinh Phật-bản-hạnh nói: “Bấy giờ, vua Tịnh Phạn lại triệu tập quần thần, phán rằng: “Ở đâu có thầy giỏi vũ thuật nhất có thể dạy cho thái tử của ta?”Các quan tâu rằng: “Tại đây có người họ Thích tên Thiện Giác và con của ông ấy tên là Sàn-đề-đề-bà (Nhẫn Thiên) có thể dạy cho thái tử võ nghệ và binh pháp. Hai cha con bọn họ biết tất cả hai mươi chín môn kỹ thuật tài giỏi và điêu luyện nhất.” Nhẫn Thiên được triệu đến, tâu với nhà vua rằng: “Thần có thể dạy dỗ thái tử.” Vì thái tử ham thích đi chơi, nhà vua lập ra một vườn lớn tên là Cần Cù để thái tử vào ngao du hay sai xoa bóp. Lúc ấy, năm trăm đình thần thuộc dòng họ Thích đều ra tay lo liệu cho con của họ. Tất cả những tác phẩm cổ điển đem dạy cho thái tử cũng đều được dạy cho con họ học. Lại nữa, người đời chồng chất tháng ngày học tập, đôi khi cũng không thành tựu được. Thái tử và các đồng tử họ Thích chỉ mất bốn năm học tập, tất cả đều đã hoàn thành, thông suốt mọi thứ, thanh thản vô ngại. Nhẫn Thiên thấy thế, làm bài kệ cho thái tử rằng:

“Ngài vào tuổi niên thiếu,
Đến trường vui học tập.
Không mất nhiều công sức,
Nháy mắt hiểu ra ngay.
Học trong thời gian ngắn,
Hơn người học rất lâu.
Tuyệt học thu hoạch được,
Kết quả vượt xa người.”

Bấy giờ, thái tử sinh trưởng giữa chốn vương cung. Khi còn nhỏ bé, rong chơi chưa học. Khi lên tám tuổi, chất vấn giáo thụ, rồi đến học đường theo học bên cạnh hai tôn giả Mật-đa và Nhẫn Thiên. Đọc những sách triết lý và tất cả các kỹ thuật binh pháp khác. trải qua bốn năm, đến khi lên mười hai tuổi đã tinh thông các môn học thuật. Sau đó, tuỳ thuận thế gian, cho vui mắt thích tai, có lần thái tử đã đến vườn Cần Cù dạo chơi bắn đùa. những đồng tử họ Thích cũng đều vui chơi ở vườn mình. Khi ấy, có bầy nhạn bay thành hàng giữa không trung. Đồng tử Đề-bà-đạt-đa giương cung lên bắn, trúng được một con. Con nhạn bị bắn phải, mang lấy mũi tên rơi vào vườn của thái tử. Thấy thế, thái tử đưa hai tay nâng nhẹ lên, ngồi xếp bằng và đặt nó lên đùi rồi lấy tay trái lẹ làng giữ lại. Tay phải rút tên và dùng sữ mật băng bó dùm vết

thương. Đề-bà sai người sang nói với thái tử rằng: “Ta bắn trúng một con nhạn, rơi vào vườn của thái tử, xin thái tử mau mau giao trả, không được giữ lại.” Thái tử bảo người ấy rằng: “Nếu con nhạn chết, ta sẽ trả lại cho ngươi. Nếu nhạn còn sống, không thể trả được!” Nghe xong, Đề-bà-đạt-đa lại sai người ấy sang nói với thái tử: “Dù sống hay chết, đều phải trả lại. Chính tay ta đã bắn trúng trước. Tại sao liều lĩnh giữ lại?” Thái tử đáp rằng: “Ta đã bắt được con nhạn này trước, nên phải như thế. vã lại, từ khi ta phát tâm Bồ-đề đến nay, ta đều phải giữ gìn tất cả mọi chúng sinh. Huống gì con nhạn nhỏ bé này lại không thuộc về ta chăng?” Vì chuyện này, hai bên liền nổi lên tranh giành, phải tụ họp các trưởng lão họ Thích khôn ngoan nhờ phân xử. Bấy giờ, có vị Trời Tĩnh Cư biến thành một trưởng lão già cả chen vào đám đông, nói lên rằng: “Người nào có công chăm sóc nhạn thì được giữ lại. Người nào bắn trúng thì phải thả ra.” Các vị trưởng lão họ Thích đều khen phải, liền nói lớn lên rằng: “Phải đấy, phải đấy. Nên theo lời của vị nhân đức này.” Đây là nhân duyên cấu kết thù oán đầu tiên giữa đồng tử Đề-bà-đạt-đa và thái tử.”

Thứ ba: PHẦN GIÁC LỰC

Như kinh Nhân-quả nói: “Khi lên mười tuổi, thái tử đấu sức với anh em, nên cùng hàng vạn thân thích sửa soạn ra khỏi thành. Bấy giờ, có một con voi lớn đứng chặn trước cửa thành. Không ai dám xong lên. Đề-bà-đạt-đa vung tay đánh mạnh vào đầu, voi liền nhào xuống đất. Nan-đà lấy ngón chân gạt văng ra bên đường. Thái tử giơ tay xách voi lên, liệng ra khỏi thành, rồi lấy tay hứng lấy, không cho bị thương. Nhờ thế, voi được sống lại. Mọi người hoan hô chưa từng có, cảm thấy hết sức lạ lùng. Từ bốn phương xa xôi, hằng trăm nghìn vạn ức cùng kéo đến xem. Trong vườn đặt bảy lớp trống vàng, trống bạc, trống thau, trống đồng, trống sắt. Mỗi thứ đều có bảy cái. Đề-bà-đạt-đa ra tay bắn trước, xuyên thủng ba trống vàng. Kế tiếp, Nan-đà cũng bắn xuyên ba cái. Thái tử che cung yếu, sai chọn một cây cung tốt của tổ vương cất trong kho, không ai giương nổi. Thái tử đang ngồi, lấy tay gảy dây cung. Tiếng ngân nghe vang dội khắp trong thành. Hằng trăm vạn người xem và các thiên tử giữa hư không đều cất tiếng ca tụng. Thái tử giương cung bắn ra một phát. Mũi tên xuyên qua tất cả bảy lớp trống, ăn xuống đất, nước vọt lên thành suối, rồi lại xuyên qua núi Đại Thiết vi.”

Lại nữa, kinh Phật-bản-hạnh nói: “Bấy giờ, Chúa Trời Đế-thích cầm mũi tên do thái tử bắn ra, bay về Trời Tam thập tam. Xong xuôi,

đặt ra lễ tên trong Trời ấy để kỷ niệm. Thường chọn ngày lành, tụ tập chư Thiên, đem các loại hương hoa cúng dường mũi tên ấy. Đến nay, chư Thiên còn giữ ngày lễ kỷ niệm mũi tên ấy. Lại nữa, thái tử cầm tên bắn ra một phát, xuyên thủng bảy con heo sắt, rồi ăn xuống suối vàng. Chỗ đất do tên ăn xuống, biến thành một miệng giếng. Đến nay, mọi người thường gọi là Giếng tên. Lại nữa, thái tử cùng anh em họ Thích đánh nhau. Tất cả đều té nhào xuống đất nhưng không bị thương. Anh em họ Thích cùng nhau xúm lại đánh thái tử. Thái tử vung tay húc vào. Tất cả đều ngả vật xuống. Bấy giờ, bọn họ Thích và quần chúng đi xem đều cả thấy lạ lùng. Từ giữa hư không, vô lượng Thiên chúng cùng lên tiếng nói kệ rằng:

"Tất cả những lực sĩ hùng mạnh
Trong các thế giới khắp mười phương
Đều có sức lực như Điều-đạt,
Không bằng cọng lông của thái tử.
Thánh nhân uy đức sức vô biên,
Vừa lấy tay đụng đã té nhào.
Thánh nhân thần lực rất lớn lao,
Bọn ngươi sao dám cùng ngài đấu?
Như núi Tu-di sừng sững kia,
Thiết vi lớn nhỏ rất kiên cố
Và các ngọn núi khắp mười phương,
Vừa đụng một cái, nát thành bụi!
Kim cương châu cứng như thép nguội,
Cho đến các loại châu báu khác,
Thần lực Thánh nhân bóp nát tan.
Huống gì đánh bọn ít sức ấy!"

Khi chư Thiên nói xong bài kệ này, liền lấy đủ loại hoa Trời rải lên mình thái tử và ẩn mình giữa hư không, không chịu xuất hiện. Bấy giờ, vua Tịnh Phạn biết được thái tử của ngài có tài năng xuất chúng, thắng hết tất cả mọi người. Tận mắt chứng kiến, nhà vua vô cùng hớn hở vui mừng, ra lệnh trang sức chuỗi anh lạc cho con voi trắng để thái tử cưỡi vào thành. Khi con voi trắng vừa ra cửa thành, gặp Đề-bà từ ngoài đi vào. Thấy vậy, liền chận hỏi: "Voi này dành cho ai? Dắt đi đâu?" Nài voi trả lời: "Dắt ra khỏi thành để thái tử Tất-đạt-đa cưỡi về đại nội." Vì ganh tị, Đề-bà-đạt-đa vương tay trái chụp lấy vòi voi, tay phải thộp lấy trán, lật nhào xuống đất, xoay vòng ba lượt. Voi liền chết mất. Xác voi nằm nghẽn cửa thành. Mọi người qua lại không thông thương. đường sá

ùn tắc, không thể đi lại được. Đồng tử Nan-đà bước đến, hỏi rõ cớ sự, liền lấy tay phải nắm đuôi voi kéo ra khỏi thành được chừng bảy bước. Thái tử lại hỏi: "Ai kéo voi ra khỏi thành?" Mọi người đều đáp: "Chính tay Nan-đà." Thái tử khen: "Hay thay Nan-đà. Ra tay giỏi thật!" Thái tử nghĩ rằng: "Hai người ấy tuy biết thể hiện sức lực của họ, nhưng xác con voi này to lớn quá. Sau này, thối rữa, mùi hôi sẽ xong lên khắp thành." Vì vậy, thái tử lấy tay trái giở voi lên, tay phải đỡ lấy rồi liệng vào giữa không trung, vượt qua bảy lớp tường cao, bảy lớp hào sâu, văng ra khỏi thành khoảng một câu-lô-xa mới rơi xuống đất, biến thành một hố sâu. Đến nay, mọi người còn truyền tụng và gọi chỗ ấy là Hố voi rơi, chính là nơi này vậy. Bấy giờ, vô số người, đông đến hằng trăm nghìn, cùng nói lớn rằng: "Thật là hy hữu lạ lùng! Chưa từng chứng kiến. Rồi cùng nói kệ rằng:

"Điều-đạt quật chết voi trắng xong,
Nan-đà kéo đi được bảy bước.
Thái tử vung tay liệng giữa trời,
Giống hệt hòn đất văng khỏi thành!"

Kinh Tập-nhất-thiết-phước-đức-tam-muội nói: "Bấy giờ, đại thành Tỳ-da-ly có một đại lực sĩ tên là Tĩnh Uy Đức luyện tập được sức mạnh lớn lao đến nổi tất cả mọi chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề đều không thể sánh kịp. Nghe đồn sa-môn Cù-đàm thành tựu công lực bằng 10 đại lực sĩ, bèn suy nghĩ: "Ta phải đến xem sa-môn Cù-đàm so với ta như thế nào." Nghĩ xong, tìm đến chỗ đức Phật. vừa gặp đức Phật, đã cảm thấy hết sức tin yêu. Quỳ lạy dưới chân và chú tâm quan sát. Đức Phật biết hết, nhưng muốn thâu phục đại lực sĩ này, liền bảo Mục-liên: "Ông hãy đi lấy mũi tên hồi ta còn làm Bồ-tát đã bắn thi cùng anh em quý tộc của dòng họ Thích." Mục-liên bạch Phật: "Tôi không biết nằm ở chỗ nào." Khi ấy, từ tay phải, đức Phật phóng hào quang lớn chiếu xuyên suốt đến dưới tầng đại kim cương của ba nghìn thế giới, thấy rõ mũi tên găm chặt vào đó. Đức Phật bảo Mục-liên: "Ông thấy mũi tên rồi chăng?" Mục-liên bạch rằng: "Tôi đã thấy rồi." Đức Phật bảo Mục-liên: "Ông hãy đi lấy mang về đây!" Mục-liên lập tức xuống đó lấy về, nhanh như một cái co duỗi cánh tay. Tất cả đại chúng đều chứng kiến Mục-liên vừa đi xuống, liền mang mũi tên về cho đức Phật. đức Phật bảo: "Đây chỉ là sức do cha mẹ sinh ra, chưa phải là thần lực. Nếu hồi đó ta dùng đến thần lực, mũi tên này đã xuyên qua vô lượng vô biên thế giới của chư Phật!"

Thứ tư: PHẦN GIÁO LƯỢNG

Như kinh Tập-nhất-thiết-chư-công-đức-tam-muội nói: “Đức Phật bảo Mục-liên: “Như sức của tất cảThiên tử trong tất cả bốn Thiên vương bằng sức một Thiên vương. Sức mười Thiên vương bằng sức một Thiên tử trong Trời Tam thập tam. Sức của tất cả các Thiên tử trong Trời Tam thập tam bằng sức một Đế-thích. Sức mười Đế-thích bằng sức một Thiên tử trong Trời Diệm-ma. Sức của tất cả các Thiên tử trong Trời Diệm-ma bằng sức một Thiên tử trong Trời Đâu-suất-đà. Sức của tất cả các Thiên tử trong Trời Đâu-suất-đà bằng sức một Thiên vương trong Trời Đâu-suất-đà. Sức mười Thiên vương trong Trời Đâu-suất-đà bằng sức một Thiên tử trong Trời Hóa lạc. Sức của tất cả các Thiên tử trong Trời Hóa lạc bằng sức một Thiên vương trong Trời Hóa lạc. Sức mười Thiên vương trong Trời Hóa lạc bằng sức một Thiên tử trong Trời Tha hóa tự tại. Sức của tất cả các Thiên tử trong Trời Tha hóa tự tại bằng sức một Thiên vương trong Trời Tha hóa tự tại. Sức mười Thiên vương trong Trời Tha hóa tự tại bằng sức của một Thiên tử trong Trời Ma Thiên. Sức của tất cả các Thiên tử trong Trời Ma Thiên bằng sức một Ma vương. Sức mười Ma vương bằng sức nửa lực sĩ. Sức mười lực sĩ bằng sức một đại lực sĩ. Sức mười đại lực sĩ bằng sức một Bồ-tát tu hành một trăm kiếp. Sức mười Bồ-tát tu hành một trăm kiếp bằng sức một Bồ-tát tu hành một ngàn kiếp. Cứ thế mà tính, lần lượt tăng thêm mười lần, cho đến sức của mười Bồ-tát tu hành nghìn nghìn nghìn vạn kiếp mới bằng sức một Bồ-tát Vô sinh pháp nhẫn. Sức mười Bồ-tát Vô sinh pháp nhẫn bằng sức một Bồ-tát Thập địa. Sức mười Bồ-tát Thập địa bằng sức một Bồ-tát Tối hậu thân. Này, Mục-liên!Vì Bồ-tát thành tựu sức được như thế, nên vừa sinh ra đã đi bảy bước. Thế giới này, nếu Phật không trì giữ lại, thì đã hủy hoại không còn. Tại sao thế? Vì khi Bồ-tát sinh ra xong, bước đi bảy bước, thế giới này vốn rộng sáu mươi nghìn do-tuần. Khi Bồ-tát hạ chân xuống, mặt đất sẽ lún sâu hằng trăm nghìn do-tuần. Khi Bồ-tát giở chân lên, mặt đất sẽ trồi lên hằng trăm nghìn do-tuần. Nhờ Phật giữ lại, khiến thế giới này không bị chấn động hủy hoại, chúng sinh không bị khổ sở. Khi Bồ-tát Tối hậu thân vừa sinh ra, đã có đầy đủ sức như thế. giả sử tất cả chúng sinh trong thế giới đều thành tựu đầy đủ sức của Bồ-tát sắp thành Đạo Bồ-đề, đem bổ túc vào trí lực xứ phi xứ của Như Lai, cũng sẽ không bằng được một phần trong trăm nghìn vạn ức phần. Đến nỗi dùng tóan số thí dụ cũng không tính được. Nếu thành tựu được mười loại sức như thế, mới gọi là Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Giác. Ở đây, chưa nói đến thần lực của Bồ-tát. Nếu dùng đến thần

lực, có thể đem hằng sa thế giới đặt lên đầu một cọng lông ở ngón chân, hất tung qua vô lượng hằng sa thế giới. Cứ thế hất qua lại, cũng không làm cho chúng sinh khổ sở. Thần lực này không thể đo lường tính tóan nổi. Nếu Như Lai thị hiên đầy đủ thần lực này, hàng ngũ Thanh văn các ông còn chưa đủ sức tin nổi, huống chi các chúng sinh khác?

Khi đại lực sĩ Tĩnh Uy Đức nghe đức Phật nói đến sức do phụ mẫu sinh ra của Bồ-tát xong, lòng vô cùng kinh hoàng sảng sốt, đến nỗi tóc lông đều dựng đứng, lấy làm hy hữu lạ lùng. Kiêu căng ngã mạn đều tiêu, xin quy y Tam bảo, phát tâm Vô thượng Bồ-đề."

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 10

***Bộ thứ 9:* NẠP PHI**

Gồm có 6 phần: Thuật ý, Quán đỉnh, Cầu hôn, Nghi báng, Thai nạn, Thần dị.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Than ôi! Pháp thân vô tướng, tùy cảm ứng để thị hiện; cơ duyên muôn đường, nên hóa tích cũng rất nhiều. Hoặc lìa dục để học Đạo, hoặc chịu nhẫn để tỏ quyền. Nếu chẳng cho thấy chuyện nạp phi, bọn phàm phu sẽ chê bai không phải là người trần thế. dù cho thấy hưởng thụ ngũ dục, nhưng không vì thế dễ dàng thay đổi tâm niệm sắt son. Do đó, khi dạo qua bốn cửa thành của vương quốc, thấy tám cảnh khổ sinh già bệnh chết, đã than rằng: "Đời người như thế, lây lất sao đành?" Bỏ khổ tìm chân, bắt đầu từ đấy. Vì vậy, kinh Duy-ma nói: "Trước bị dục lạc trói buộc nên sau mới xuất gia."

Thứ hai: PHẦN QUÁN ĐỈNH

Theo kinh Nhân-quả nói: "Khi thái tử đã lớn tuổi, phụ vương ban sắc cho các nước rằng, sau ngày mồng tám tháng hai, sẽ làm lễ quán đỉnh cho thái tử. Tất cả hãy đến tập họp dự lễ lập ngôi thái tử. Sắc đã ban hành, quốc vương và quần thần các nước đều tề tựu đúng ngày để tham dự lễ lập thái tử và ban ơn đại xá."

Luật sư Đạo Tuyên ở chùa Tây Minh tại Trường an, lấy đạo đức soi sáng Tăng-già, có tuệ nghiệp siêu việt đại chúng. Tinh thành khổ hạnh đến phút lâm chung. Xưa sớm theo thầy, hơn năm mươi năm đi khắp xa xôi hỏi Đạo. Nuôi chí hộ trì, gặp được điều hay, chăm chút dựng xây tam bảo. Ghi chép phép tắc, được hơn một trăm quyển. Kết tập quy củ, rất có ý chỉ. Đến tháng hai năm Càn Phong thứ hai triều Đại Đường ta, luật sư tinh tiến tĩnh tu trong chùa cũ Tĩnh Nghiệp ở Nam Thạnh cung tại kinh thành. Tuổi tác xế chiều, sức lực suy giảm. Hằng nhớ Tứ

sinh, thường mơ Tam hội. May có duyên xưa, gặp gỡ linh cảm, bệnh liền bớt dần. Luật sư dốc chí kiền thành, thọ được ứng nghiệm. Bấy giờ, có các tướng tá của Bốn vị Thiên vương xuống đến cửa phòng. Đi đứng giống người, dẫm chân thành tiếng. Luật sư hỏi ra: "Ai đó?" Đáp lại: "Đệ tử Trương Quỳnh." Luật sư lại hỏi: "là thí chủ phương nào?" Đáp rằng: "Đệ tử là con thứ 15 của Nam Thiên vương ở cõi Dục giới thứ nhất. Phụ vương có 91 người con anh hùng dũng mãnh, cùng cai quản kinh thành. Thống lãnh các hàng ngũ đạo, đời trên bộ dưới nước, giữ gìn những kẻ xâm phạm biên cương. Tất cả đều thọ trì Phật pháp, coi sóc thiện ác, khiến cho Chánh pháp hưng long, cốt để vun trồng cội đức mai hậu. Theo kinh, đệ tử là con của Thiên vương Tỳ-lưu-ly ở phương Nam, trong hàng ngũ bốn Thiên vương hộ thế, thương lo toan bảo vệ, không nhận chức ngồi suống. Luật sư lại hỏi: "Thí chủ không chê ta đức bạc, nên mới đến thăm. Tại sao lại đứng ngoài cửa, không vào?" Đáp rằng: "Đệ tử chưa được sư phụ cho phép, nên chẳng dám tuỳ tiện bước vào." Luật sư bảo: "Xin mời vào ngồi." Vào xong, hành lễ và khép nép ngồi xuống. Luật sư lại hỏi: "Thí chủ đã dốc lòng tin tưởng Tam bảo và vâng lời Phật dạy, ra sức hộ trì. Hãy đến đây cho ta thấy mặt. Tại sao lại không chịu hiện hình?" Đáp rằng: "Báo thân của đệ tử khác với mọi người. Hào quang cũng khác. Sợ gây kinh hãi. Cùng sư phụ đàm đạo thế này cũng đủ. Cần gì phải hiện hình?" Luật sư lại hỏi: "Từ vào Xuân đến nay, sức lực của bần đạo yếu dần, thuốc thang không công hiệu. Chẳng hay tuổi thọ thế nào?" Đáp rằng: "Tuổi thọ của sư phụ sắp hết, không cần lo liệu thuốc thang." Luật sư lại hỏi: "Mạng chung ngày nào?" Đáp rằng: "Không thể nói được ngày nào. Chỉ biết tuổi thọ của sư phụ chẳng còn bao lâu. Sẽ sinh vào cõi Trời thứ tư trong quốc độ của đức Phật Di-lặc." Luật sư lại hỏi: "Lấy ai làm bạn?" Đáp rằng: "Người anh thứ ba của đệ tử tên là Trương Dư. Thông minh lanh lợi, hâm mộ Phật pháp. Có soạn kinh Kỳ-hoàn-đồ hơn một trăm quyển. Nổi tiếng trên Trời cho tới dưới địa ngục. Luật sư nhân đó, bộc bạch nhiệt tâm, xin được chép lại để khai hóa cho Tăng tục. Lại có Thiên nhân Vi Côn là một trong tám hàng đại tướng của Nam Thiên vương. Vị này đứng đầu trong ba mươi hai vị đại tướng của Bốn Thiên vương. Bẩm chất thông tuệ Thánh sinh, sớm lìa ngũ dục. Phạm hạnh thanh tịnh, tu nghiệp trinh thành. Được Phật phó chúc, nuôi chí hộ trì, xiển dương Chánh pháp vào bậc thứ nhất trong cả ba Châu. Vô ngã vô cấu, lo lắng cho tứ chúng; đạt vật đạt Pháp, siêu việt khắp Năm thừa. Thế nên, Tứ hữu lần lượt thoát khỏi suy đồi; tăng tượng hư hao đều được bảo hộ. Luật sư thường nhờ

mở lòng giải đáp, các vị góp nhiều ý kiến tinh tường. Tán thán luật sư biên tập Thánh tích, san định gọn gàng thanh sách để giữ gìn. Nhờ thế, Luật sư vâng theo thần ngữ, gượng bệnh cầm bút. Nghe xong liền chép, gom thành mười quyển. Luật sư lo âu tuổi thọ gần hết, lại sợ Thiên nhân sắp về, chữ nghiã còn vời vợi bao la, nên không màng tâm đến mọi chuyện. Vì vậy, văn tự có chỗ sơ suất, nhưng chỉ cốt đạt được Thánh ý, không cần câu chấp văn vẻ. Những chỗ thiết yếu chưa hiểu chắc chắn, đều được đem hỏi để xóa bỏ hoài nghi, giải tỏa lầm lẫn. Toàn sách gồm ba ngàn tám trăm điều, chia thành mười Thiên: 1/ Nói về nghi thức kết tập. 2/ Nói về kệ tụng của Thiên nữ. 3/ Nói về phó chúc xá-lợi. 4/ Nói về phó chúc y bát. 5/ Nói về phó chúc kinh tượng. 6/ Nói về phó chúc Phật khí. 7/ Nói về kết tập trước sau. 8 và 9/ (chưa xong, khuyết mất tên gọi). 10 / Nóivề giữ gìn Thánh tích.

Luật sư đã chính mình thọ nhận linh âm. Vừa phát ra, liền thấy hân hoan. Tai mắt tuy mõi mệt, nhưng tâm thần không hề khổ sở. Chỉ ân hận không biết được sớm, nên văn vẻ chưa được chu toàn. Nay hãy theo lời Thiên nhân diễn giảng, phù hợp với diệu chỉ của Tam tạng thì biên chép vào. Tuy nghe từ miệng chư Thiên, nhưng cũng giống như lời Phật dạy. Bắt đầu từ tháng hai tới tháng sáu, ngày nghỉ đêm truyền, không hề gián đọan. Đến ngày mồng ba tháng mười đầu mùa Đông, sức lực của Luật sư suy kiệt. Tràng phan phất phới, hương tỏa đầy trời. Chư Thiên và Thánh chúng cùng nói: “Từ Trời Đâu-suất xuống mời Luật sư.” Luật sư ngồi trang nghiêm, chắp tay nhập định, nhắm mắt thâu thần. khi ấy, có hơn trăm nghìn người đều thấy hương tỏa hoa rơi nghinh đón luật sư bay về Trời. Luật sư vốn là pháp lữ của bần đạo, cùng đến pháp đàn tham học. Tuy hạnh giải có chỗ khác nhau, nhưng vẫn cùng chí hướng trước thuật. Thâu thái kiến thức đều đúng lý đúng sự; trích dẫn kinh sách cốt tóm tắt cương yếu. Lại đem phân thành chương mục rõ ràng, cốt nhằm bảo tồn Chánh pháp, duy trì mục đích lợi tha.

Bấy giờ, bốn Thiên vương bạch luật sư Đạo Tuyên rằng: “Khi sắp nhập Niết-bàn, đức Như Lai ở cùng Trời người và đại chúng tại tịnh xá Ngưu đầu phía Nam ao A-nậu-đạt trên đỉnh núi Hương. Ngài bảo Đại Ca-diếp rằng: “Ông hãy cùng Tu-bồ-đề lên đỉnh núi Tu-di thổi kèn pháp lớn triệu tập các Bồ-tát thập địa, thanh văn, Phạm Thiên, Đế-thích, bốn Thiên vương và chư Phật mười phương cùng về tụ họp tại núi Hương này.” Ca-diếp vâng lời, triệu tập đầy đủ đại chúng. Khi ấy, đức Thế tôn ngồi kiết già phu tọa, nhập định Kim cương Ta-muội. Mặt đất chấn động mạnh đủ sáu cách. Từ mi bạc phóng hào quang chiếu diệu

khắp Đạii thiên thế giới suốt bảy ngày. Toàn thể đại chúng đều thắc mắc, không hiểu nhân duyên. Đức Thế tôn xuất định Tam-muội, thanh thản mỉm cười bảo đại chúng: "Trước đây, khi ta mới vượt thành ra khỏi cửa cung, Càn-thát-bà chúa thống lãnh thuộc hạ cử hành hằng nghìn bản Thiên nhạc, đến đó hỏi ta rằng: "Ngài muốn đi đâu?" Ta đáp: "Ta muốn đi tìm Đạo bồ-đề." Càn-thát-bà chúa ấy nói: "Ngài nhất định sẽ thành Chánh giác. Ngày xưa, khi đức Phật Câu-lưu-tôn sắp nhập Niết-bàn, đã giao cho tôi một bình vàng. Trong đó có tháp quý đựng bảy ấn báu. Hai ấn vàng và năm ấn bạc. Dặn tôi luôn luôn cất giữ. Khi thái tử Tất-đạt thành Chánh giác, tôi sẽ tìm đến tận nơi trao lại cho ngài. Chẳng bao lâu nữa, thái tử Tất-đạt sẽ thành Đạo." Bấy giờ, Thiên vương Đại Phạm và thổ thần Kiên Lao dùng vàng ròng và bạch ngọc xây đàn kim cương lớn, trang hoàng bằng các loại châu báu, ở phía Nam cây Bồ-đề. Càn-thát-bà chúa bạch chư Phật mười phương rằng: "Tôi thấy các đức Phật thời quá khứ, khi mới thành đạo, đều lên đàn kim cương. Lấy nước đựng đầy bình vàng, tưới lên đỉnh đầu của đức Phật để hoàn thành ngôi vị Pháp vương. Nay thấy đức Thích-ca mới vừa thành Đạo, cũng nên bước lên đàn kim cương như các đức Phật ngày trước. Tôi nghe dưới bảy lớp biển trong của núi Tu-di có nước tám công đức. Ngày xưa, khi chư Phật sắp bước lên ngôi vị Pháp vương, đều bước lên đàn kim cương, lấy nước ấy tưới lên đỉnh đầu. Tôi thân hành đi lấy đem về tưới cho đức Thích-ca." Càn-thát-bà chúa mở bình lấy tháp đựng ấn ra, rồi đem bình đi lấy nước. Bấy giờ, chư Phật mười phương bảo ta bước lên đàn. Ta liền đi vòng quanh đàn ba lượt. Từ phía Nam bước lên đàn, di chuyển về phía Tây, đến đứng giữa đàn, quay về phía Bắc, trải tọa cụ và lễ chư Phật mười phương. Chư Phật bảo ta ngồi nhập định kim cương Tam-muội. Chư Phật lại bảo long vương Bà-kiệt rằng: "Ông hãy xuống đáy biển lớn, trên đỉnh núi Tân-già-la ở bãi nhỏ của Bảo mã vương có động lớn tên là Kim cương tạng. Trong đó có chứa chén Luân vương và chén Pháp vương làm bằng vàng ròng, phía trên gắn thất bảo và bạch ngọc. Khi chư Phật xuất thế, đều lấy một ngàn chén tưới lên đỉnh đầu. Ông hãy đi lấy về đây, không cần lấy chén Luân vương, để đựng nước 8 công đức tưới cho đức Thích-ca." Long vương vâng lời chỉ dạy, đi lấy chén vàng về giao cho chư Phật. xong xuôi, chư Phật bảo Càn-thát-bà chúa: "Hãy đem nước rót vào chén vàng." Chư Phật nhận xong, mặt đất chấn động đủ 6 cách. Chư Phật mười phương đều phóng hào quang mây bạc. Trong đó, ca tụng công đức quý báu của chư Phật. Ta xuất khỏi định Tam-muội và cũng phóng hào quang mây bạc, hợp với hào quang

của chư Phật, tạo thành một tán quý phủ khắp Đại thiên thế giới. Mặt trời, mặt trăng, tinh tú, biển lớn, núi lớn và các nghiệp báo của chúng sinh đều hiện ra trong tán ấy. Trong đó còn có hằng trăm ức quốc độ của chư Phật. Chư Phật bảo ta đứng trên kim đàn. Ta lại lễ chư Phật mười phương. Chư Phật lại bảo long vương Hòa-tu lên đỉnh núi Tần-già. Ở đó có động chứa các bảo tọa của chư Phật và của Chuyển luân vương đều bằng vàng ròng, giống như Phật tọa ở núi Tu-di có chín rồng quấn quanh, Chuyển luân vương tọa có năm rồng quấn quanh, dành cho Pháp vương khi lên ngôi ngồi vào. Bấy giờ, chư Phật lại sai Đại Ma vương và Đại Phạm vương cùng khiêng Phật tọa lên kim đàn. Chư Phật bảo ta ngồi lên. Ta liền nghe lời, ngồi lên. Bấy giờ, chư Phật lấy chén vàng đựng đầy nước tưới lên đỉnh đầu ta. Chư Phật tưới xong, kế đến, bốn Thiên vương, Đế-thích, Ma vương, Đại Phạm lần lượt tưới lên. Khi ta được tưới xong, liền chứng quả Tĩnh Tam-muội. Vô lượng Phật pháp đồng thời hiện ra. Mặt đất lại chấn động mạnh. Hằng trăm nghìn ma quân đều đến quy hàng. Các Phạm vương mười phương đều cầm nhạc khí Trời tấu bài Phật thành Đạo và trong các nhạc khí ấy phát hào quang và nói pháp Ba-la-mật. Bấy giờ, Càn-thát-bà chúa đem bảy ấn báu nói trên giao cho chư Phật. chư Phật nhận xong, ấn vào thất khiếu trên mặt ta và bảo rằng: “Nay ấn vào thất khiếu trên mặt ngài, khiến có đủ Thất giác phần.” Trước tiên, ấn vào diện môn để biết chọn lựa phiền não và trí tuệ. Cứ thế, tai, mắt, mũi, đều được lần lượt ấn lên. Càn-tát-bà chúa lại lấy ấn vàng giao cho chư Phật. nhận xong, chư Phật lại ấn ba chỗ lên bụng ta. Nhờ phép ấn này, ta chứng được quả Tam không trí, hiểu trọn mọi Phật pháp. Kế tiếp, Càn-thát-bà chúa lại giao ấn bạc cho chư Phật. Nhận xong, chư Phật lại ấn lên trán và tay chân ta. Khi được ấn xong, ta đã chứng được quả Vô lậu trí, đầy đủ Ngũ phần pháp thân. Chư Phật ấn xong, lại xòe bàn tay óng ánh sắc vàng xoa lên đỉnh đầu ta. Được xoa xong, ta chúng được trăm nghìn phép Tam-muội và quả Thiên pháp minh môn. Những quả này, ta đã chứng được từ lâu, nhưng vì các chúng sinh, nên phải thị hiện tướng Đồng luân vương và tướng Hy thụy. Đỉnh đầu và tay chân ta đều phóng hào quang ngũ sắc. Trong mỗi một hào quang có đủ trăm nghìn lầu đài. Các hóa Phật của ta đều ngự trong lầu đài ấy, đều thọ ấn và chứng được quả vị lớn lao như ta. Từ khi thành Đạo đến nay, ta thường giữ bình vàng này, nhưng chưa từng đưa ra cho các ông xem. Hôm nay ta mới đưa ra. Đức Phật lại bảo đại sĩ Phổ Hiền mở bình, bưng bảo tháp ra. Phổ Hiền vâng lời làm xong, liền đến đứng trước đức Thế tôn. Đức Thế tôn đứng lên lễ tháp xong, cửa tháp tự

mở ra. Trong đó có 1ba vạn đài bằng trân châu. Mỗi đài có riêng một ấn và kim điệp Tỳ-ni. Còn có 1ba vạn đài, trong đó có năm vị Tỳ-kheo đang nhập định Diệt tận. Đức Phật bảo Văn-thù: “Ông hãy lấy kèn pháp bịt vàng của ta đến chỗ các Tỳ-kheo ấy thổi lên bài ta xuất thế và bài xuất định sâu.” Tỳ-kheo nghe tiếng nhạc, liền xuất khỏi định, hỏi Văn-thù: “Hiện nay, đức Phật nào xuất thế?” đáp rằng: “Chính là đức Phật thứ tư Thích-ca trong thời Hiền kiếp.” Tỳ-kheo lại nói: “Ta là đại đệ tử thuộc hàng thanh văn của đức Phật Câu-lưu-tôn. Khi nhập niết-bàn, đức Phật ấy bảo ta ở trong tháp này giữ gìn các ấn cho đến khi đức Phật Lâu-chí bắt đầu nhập niết-bàn.” Bấy giờ, Tỳ-kheo đứng lên khỏi chỗ, từ xa đảnh lễ và thỉnh an đức Thế tôn xong, lại bảo Văn-thù: “Đức Phật ấy dạy ta, khi đức Phật Thích-ca nhập niết-bàn, hãy lấy hai mươi ba cái ấn trong số ấn của ta, giao cho đức Phật Thích-ca. Vì sau đó, chúng sinh do nghiệp nặng, tà kiến, không giữ gìn giới luật, nên chư Thiên, long thần không ủng hộ nữa. khiến cho tứ chúng chẳng còn uy đức. Ta giữ các ấn này rồi đem giao cho đức Phật Thích-ca-văn để ấn khắp các giáo pháp còn lại. Ấn vào tứ chúng để đừng phạm giới. Nếu kẻ nào ham tụng kinh điển, ấn vào miệng cho đừng quên. Nếu kẻ nào tu Thiền, làm việc ngay thẳng, đều đem ấn vào. khiến cho mai saui, khi họ mệnh chung, thân xác không bị hủy hoại, đôi khi còn phóng hào quang. Các chúng sinh xấu thấy được điềm lành ấy, đều phát sinh lòng hân hoan tôn kính.” Nói xong lời này, cửa tháp liền tự đóng lại.”

Thứ ba: PHẦN CẦU HÔN

Như kinh Phật-bản-hạnh nói: “Bấy giờ thái tử dần sắp trưởng thành. Khi lên mười chín tuổi, vua Tịnh Phạn lập cho thái tử Cung điện 3 mùa: thứ nhất là biệt điện ấm để nghỉ mùa Đông lạnh. Thứ hai là biệt điện mát để nghỉ mùa Hạ nóng. Thứ ba là biệt điện trung hòa để nghỉ mùa Xuân và mùa Thu. Lại xây nhiều hồ đình, trồng hoa quả bốn mùa sau hậu viên. Có nhiều ca kỹ theo giờ hầu hã. Tiện nghi đầy đủ không thể tả hết. Nhà vua còn nhớ khi thái tử mới sinh, tướng sư A-tư-đà tiên đoán sẽ làm Chuyển luân vương, lại đoán sẽ làm uy vương, lại đoán sẽ xuất gia thành Đạo. Làm sao khiến thái tử không xuất gia để nối ngôi vua? Dòng họ Thích trả lời, nay nên xây gấp biệt điện cho thái tử, sai các thể nữ giúp vui. Nếu thế, thái tử sẽ không lìa bỏ để xuất gia và nói kệ rằng:

“Lời đoán của Tư-đà,
Chắc chắn sẽ không sai.

Họ Thích khuyên lập điện,
Mong sẽ chẳng xuất gia.”

Nhà vua lại nói với dòng họ Thích: “Các khanh nên xem xét con nhà ai có thể làm phi cho thái tử?” Bấy giờ, năm trăm người họ Thích ai nấy đều nói: “Con tôi có thể làm phi cho thái tử.” Nhà vua trù liệu, nếu thình lình cưới con của họ, lỡ không xứng đôi, sẽ thành ra phụ bạc. Nhà vua lại suy nghĩ thêm, nếu cho rằng có thể thuyết phục được thái tử, chi bằng dùng các loại châu báu làm đồ trang sức rồi giao cho thái tử ban cho các cô gái được tuyển chọn. Dặn dò quan sát, xem thái tử chú ý đến ai thì sẽ cưới làm phi. Suy nghĩ xong xuôi, nhà vua cho gõ mõ rao khắp thành Ca-tỳ rằng: “Từ nay đến ngày mồng bảy, thái tử muốn gặp các cô gái thuộc dòng họ Thích để ban tặng các đồ trang sức làm bằng đủ loại châu báu.” Bấy giờ, tất cả các cô gái trang điểm thân hình lộng lẫy, đến tụ họp ở cửa cung để ra mắt thái tử. Do có uy đức lớn lao, tất cả đều không dám nhìn thẳng thái tử, chỉ nhận bảo vật, cúi đầu bước nhanh qua trước mặt ngài. Cuối cùng, khi đồ trang sức đã hết, có một cô gái thuộc bộ tộc Ba-tư-tra, tên Da-thâu-đà-la, là con gái của đại thần họ Thích Ma-ha-na-ma, cùng tỳ nữ trước sau đi tới. Trông thấy thái tử từ xa, nàng ngước cao đôi mắt, uyển chuyển bước chân. Trang nghiêm nhìn thẳng, không liếc hai bên, tiến đến nghinh đón thái tử, tự nhiên như đã quen thân, không hề bỡ ngỡ, thưa thái tử rằng: “Xin thái tử ban cho đồ trang sức.” Thái tử đáp: “Nàng đến không kịp. Ta đã đem tăng hết rồi!” Cô gái lại thưa: “Thiếp có lỗi gì, đến nỗi thái tử khinh thường, không ban cho đồ trang sức?” Thái tử đáp lại: “Ta không hề khinh thường nàng. Chỉ vì nàng đến không kịp!” Bấy giờ, chiếc nhẫn đáng gía trăm nghìn đang đeo trên ngón tay cái của thái tử bỗng nhiên rơi ra cho nàng. Da-thâu thưa rằng: “Thiếp đến bên thái tử, chỉ đáng được chiếc nhẫn này chăng?” Thái tử đáp rằng: “Những vật ta đang đeo, từ chuỗi anh lạc tự nhiên, nàng được tùy ý lấy đi!” Cô gái lại thưa rằng: “Hôm nay, thiếp nào dám tước đoạt châu báu của thái tử. Thiếp chỉ nên trang điểm thêm cho thái tử mà thôi!” Nói xong, cô gáiliền bỏ ra về,lòng không vui mấy.

Bấy giờ, sau khi đức Thế tôn đã thành Phật xong, tôn giả Ưu-đà-di bạch đức Phật rằng: “Tại sao đức Như Lai toan cởi hết chuỗi anh lạc vô giá tặng cho Da-du-đà-la, vẫn không làm cho nàng ấy vui lòng?” Đức Phật bảo Ưu-đà-di: “Hãy chú tâm nghe kỹ, ta sẽ nói rõ.” Ưu-đà-di thưa rằng: “Xin đức Thế tôn nói giúp.” Đức Phật bảo Ưu-đà-di: “Ta nhớ lại vào vô lượng kiếp xa xưa, tại thành Ba-la-nại trong nước Ca-thi-la có

một vị quốc vương tin vào tà kiến, dùng đảo kiến cai trị nhân dân. Nhà vua ấy có hoàng tử mắc tội nhỏ, bị ngài đuổi ra khỏi nước, đến gần một đền thờ Phạm Thiên, cùng phu nhân dừng lại nghỉ ngơi. Lương thực hết nhẵn, hoàng tử đi săn bắt thú rừng để nuôi thân. Gặp con kỳ đà, liền rượt theo giết được. lập tức lột da, bỏ vào nước luộc. Khi sắp chín, lại cạn nước. Hoàng tử bảo phu nhân: "Thịt chưa thật chín, nàng hãy đi lấy nước." Sau khi phu nhân đi xong, hoàng tử đói quá, không chịu đựng nổi, liền ăn thịt kỳ đà. Ăn hết tất cả, không chưa lại miếng nào. Phu nhân đi lấy nước về, thấy vậy, hỏi hoàng tử: "Thịt kỳ đà đâu rồi?" Hoàng tử trả lời: "Bỗng nhiên kỳ đà sống lại, bỏ chạy mất!" Phu nhân không tin, suy nghĩ thịt đã chín, làm sao có thể chạy được? Chắc chắn chồng ta vì đói quá, đã ăn hết và nói dối đã chạy đi mất. Từ đó, phu nhân nuôi lòng sân hận, không được vui vẻ. Vài năm sau, phụ vương mệnh chung. Quần thần liền nghinh đón hoàng tử về làm lễ quán đỉnh và tôn lên ngôi. Khi đã làm vua, có bao nhiêu châu báu đều đem tặng cho vương phi. Thấy vương phi không vui, nhà vua phán rằng: "Tại sao thần sắc không vui?" Vương phi nói kệ trả lời:

" Xin đại vương nghe cho,
Ngày xưa khi đi săn,
Cầm cung dao gì đó,
Bắn chết được kỳ đà.
Lột da, nấu sắp chín.
Sai thiếp lấy nước thêm.
Lén ăn không chừa lại,
Nói gạt đã chạy mất!"

Đức Phật bảo Ưu-đà-di: "Ông nên biết rằng, nhà vua bấy giờ chính là ta. Vương phi ấy chính là Da-du-đà-la. Vì ta đã nói dối, xúc phạm đôi chút, nên bây giờ nàng mới không vui."

Lại nữa, kinh Phật-bản-hạnh nói: "Bấy giờ, đại thần Ma-ha-na-ma thấy tất cả tuyệt nghệ siêu phàm, kiến thức uyên bác của thái tử đều đứng đầu, liền thưa thái tử rằng: "Trước đây, thần đã bảo thái tử không biết nhiều tuyệt nghệ như thế, nên sinh lòng hoài nghi, không chịu gả con gái. Nay thần đã biết rõ, xin thái tử thâu nhận con gái thần về làm phu nhân." Thái tử bèn chọn ngày lành, có sao tốt, tuyển lựa báu vật làm đồ sính lễ, trần thiết nghi vệ của phụ vương đem đi rước dâu. Da-thâu-đà-la trang điểm nhiều chuỗi anh lạc, lại cùng năm trăm thể nữ theo hầu lên đường. Thái tử nghinh đón về cung, cùng nhau hưởng thụ hoan lạc ngũ dục. Nên có bài kệ rằng:

"Da-thâu-đà-la con đại thần,
Tên vang khắp nước, xa gần nghe.
Thái tử chọn ngày lập làm phi,
Long trọng đón rước về đại nội.
Thái tử cùng nàng hưởng hạnh phúc,
Hoan lạc phóng túng không biết chán.
Giống trên Thiên cung, Kiêu-thi-ca
Và nàng Xá-chi cùng vui chơi."

Bấy giờ, sau khi đức Thế ton mới vừa thành Đạo, Ưu-đà-di liền bạch đức Phật rằng: "Tôi chưa hiểu ngày xưa, đức Thế ton cùng nàng Thích nữ Cù-đa-di có nhân duyên gì, khiến nàng ấy từ chối các chàng trai khác, chỉ chọn đức Như Lai làm chồng và tại sao đem lòng vui thích thật tình?" Đức Phật bèn bảo Ưu-đà-di rằng: "Ưu-đà-di! Ông hãy chú tâm nghe kỹ. Nàng Thích nữ Cù-đa-di ấy, không phải chỉ đời này mới chê những chàng trai dòng họ Thích, và hâm mộ ta đâu. Thật ra, vào đời quá khứ xa xưa, cũng đã như thế. nàng đã không cần các chàng trai ấy mà chỉ chọn ta làm chồng. Ta nhớ lại ngày xưa, dưới núi Tuyết, có vô lượng vô biên loại thú chạy nhảy, cùng theo đuổi nhau, tha hồ ăn thịt. Trong số đó có một con hổ cái vô cùng đoan trang, không con nào sanh kịp. Con hổ ấy có bộ lông láng mướt, được vô biên con thú khác lựa chọn sánh đôi. Mỗi con đều nói: "Nàng thuộc về ta! Nàng thuộc về ta!" Lại có các con thú khác bảo nhau: "Các người hãy chờ đợi, xin đừng giành nhau, xem nàng hổ cái ấy chọn lựa ai để sánh đôi. Chàng thú ấy sẽ là vua của chúng ta."

Bấy giờ, trong đó có một con bò chúa hướng về hổ cái nói kệ rằng:

"Thế gian đều lấy phân của ta
Đem bôi lên đất, cho là sạch.
Vì thế hổ cái rất đoan trang,
Nên chọn ta làm chồng của nàng."

Khi ấy, hổ cái hướng về bò chúa đáp kệ rằng:

"Cổ ngươi có yếm rất to lớn,
Chỉ dùng kéo xe và kéo cày.
Làm sao đem thân hôi hám ấy,
Mơ tưởng làm chồng của ta được?"

Bấy giờ, lại có một con voi trắng hướng về hổ cái nói kệ rằng:

"Ta là voi chúa ở núi Tuyết.
Chiến đấu dùng ta, đều đắc thắng.

Ta vốn có sức oai như thế,
Nàng nay sao chẳng làm vợ ta?"

Khi ấy, hổ cái bèn dùng kệ đáp lại voi chúa rằng:

Nếu ngươi nghe thấy sư tử chúa,
Vỡ mật, ù tai, hoảng chạy trốn.
Phân giải vung vãi són khắp nơi.
Làm sao đáng mặt chồng ta được?"

Bấy giờ, trong số đó có một con sư tử, vốn là chúa tể của loài thú, hướng về hổ cái nói kệ rằng:

"Nàng hãy nhìn ngắm thân hình ta,
Phía trước cao lớn, sau thon thả.
Tự do sinh sống ở giữa núi,
Lại biết bảo vệ các loài khác.
Ta chính là vua các loài thú.
Không ai có thể thắng được ta.
Nếu thấy mặt ta, hoặc nghe tên,
Tất cả muôn thú đều bỏ chạy.
Nay ta dũng mãnh đến như thế,
Uy thần vĩ đại không thể bàn.
Vì vậy hổ lành nên biết cho,
Xứng đáng về làm vợ ta đó."

Khi ấy, hổ cái hướng về sư tử chúa nói kệ rằng:

"Sức lực dũng mãnh và oai hùng,
Thân thể hình dung đều đoan chính.
Như thế, tôi nay đã có chồng.
Sẵn sàng kính cẩn về hầu hạ."

Bấy giờ, đức Phật bảo Ưu-đà-di rằng: "Ưu-đà-di! Ông nên hiểu rằng sư tử chúa thời bấy giờ chính là ta. Hổ cái ấy chính là Thích nữ Cù-đà-di hiện nay. Các loài thú ấy nay là năm trăm chàng trai dòng họ Thích. Đương thời, nàng Cù-đà-di đã chê các loài thú khác, không có ý ưa thích. Nghe bài kệ của ta, liền bằng lòngvề làm vợ. Hiện tại cũng thế, nàng lìa bỏ năm trăm chàng trai dòng họ Thích, chê bai xem thường và chọn lựa ta làm chồng."

Lại nữa, kinh Nhân-quả nói rằng: "Khi thái tử lên mười bảy tuổi, nhà vua triệu tập quần thần để cùng bàn luận tìm nơi cưới hỏi cho thái tử. Có vị Bà-la-môn họ Thích tên Ma-ha-na-ma sinh được một cô gái tên Da-du-đà-la. Dung nhan đoan chính, thông minh sáng láng, hiền đức hơn người. Do đó, lập làm phu nhân cho thái tử. Thái tử cưới phu

nhân xong, tuy thường cùng đi đứng nằm ngồi, nhưng không nhuốm mùi thế tục, chỉ chuyên tu Thiền định." Lại nữa, kinh Phổ-diệu nói: "Khi ấy, các trưởng giả lực sĩ thuộc họ Thích bẩm nhà vua rằng: "Nếu để thái tử làm Phật, sẽ đứt mất dòng dõi Thánh vương." Nhà vua phán: "Nhà ai có con gái quý xứng đáng lập làm phi cho thái tử thì hãy châm chước lập thử." Sai thợ giỏi chế tượng vàng có khắc chữ: "Cô gái nào hội đủ tiêu chuẩn đạo đức, lễ nghĩa như lời trẫm bố cáo mới được ứng tuyển." Nhà vua lại sai hai Phạm chí thân cận đi xem xét khắp nước Ca-di-vệ, gặp một cô gái đẹp, trong trắng như hoa sen, cao quý như tiên nữ. Ấy là con gái của trưởng lão họ Thích, tên là Câu-di. Thấy thái tử có đủ tài năng tuyệt diệu, trưởng lão gã cô gái ấy cho thái tử làm phi. Năm thái tử lên mười bảy tuổi, nhà vua lại lập phi cho thái tử. Tuyển chọn trong số mấy nghìn người, cuối cùng lựa được một cô gái tên là Cừu-di. Đoan trang đứng đầu, thông minh lễ nghĩa nổi tiếng. Ấy là cô gái bán hoa từ thời tiền kiếp. Tuy nạp phi đã lâu, nhưng thái tử không hề chung đụng. Cô gái ham muốn, có ý cận kề. Thái tử bảo: "Nàng là phụ nữ, nếu có ô uế, sẽ vấy bẩn áo lót của ta." Vì thế, cô gái không dám lại gần. Các cô gái đều nghi ngờ thái tử không phải là người nam. Thái tử lấy tay chỉ vào bụng phi, bảo: "Sáu năm sau, nàng sẽ sinh con trai." Từ đó, phi bèn có thai." Lại nữa, kinh Ngũ-mộng nói: "Thái tử có ba phu nhân. Phu nhân thứ nhất họ Cù-đàm, là con gái của trưởng giả họ Thích tên là Thủy Quang. Phu nhân của trưởng giả là Dư Minh, nhà ở gần thành. Khi sinh con gái, trời sắp xế chiều, ánh nắng chiếu sáng khắp nhà, nên đặt tên con là Cù-di (cô gái sáng). Đấy là phu nhân thứ nhất của thái tử. Phu nhân thứ hai sinh ra La-vân (La-hầu-la), tên là Da-đàn, còn gọi là Da-du. Phu thân là trưởng giả Di-thí. Phu nhân thứ ba tên là Lộc Dã, phụ thân là Thích trưởng giả. Vì thái tử có ba phu nhân, nên phụ vương cho lập ra Cung điện ba mùa. Mỗi biệt điện có hai vạn thể nữ để làm vui thái tử. Khi thái tử chưa xuất gia thì làm Chuyển luân vương, gọi tên là Già-ca-việt vương (hoàng đế phi hành). [Xét các kinh Thụy-ứng, Bản-khởi, Thiện-quyền và luận Trí-độ, đều nói rằng La-hầu-la do phu nhân thứ hai Da-du-đà-la sinh ra. Theo các kinh Ngũ-mộng và Thập-nhị-du, lại nói do phu nhân thứ nhất sinh ra. Phần đầu kinh Thập-nhị-du vốn không nói như thế và kinh lại thiếu lưu hành. Sợ rằng các vị La-hán ở Ấn Độ khi biên tập, chú giải phần đầu, đã tạo thành chuyện này.].

Thứ tư: PHẦN NGHI BÁNG

Như luận Trí-độ nói: "Bồ-tát có hai phu nhân. Thứ nhất tên là Cù-

tỳ-da, không sinh con. Thứ hai tên Da-du-đà-la. Khi Bồ-tát xuất gia, ban đêm có người nói: “Thái tử đã xuất gia, tại sao lại có thai, làm nhục dòng họ Thích?” Vì vậy, muốn dùng hầm lửa nóng thiêu sống hai mẹ con. Da-du uất hận không có chuyện ấy, lập lời thề lớn: “Nếu ta làm bậy, có con trong bụng, xin cho mẹ con ta đều cháy tiêu trong lửa.” Thề xong, lập tức nhảy vào hầm lửa. Liền đó, lửa tắt, mẹ con đều sống. Lửa biến thành hồ sen, mẹ ngồi trên tòa sen. Nhân thế mới biết là thành thật, không gian dối. Về sau sinh con, giống hệt Bồ-tát. Vua cha rất mừng, làm viên trăm vị hoan hỷ cúng dường đức Phật. đức Phật biến thành năm trăm Tỳ-kheo giống ngài. La-hầu cầm viên ấy bỏ đúng vào bát của đức Phật. mới biết là con thật của ngài.” Lại nữa, kinh Đại-thiện-quyền nói: “Vì nghi ngờ Bồ-tát không phải là người nam, nên mới cưới Thích nữ Cù-di cho ngài. La-vân từ trời biến hóa sinh vào. không phải do cha mẹ hợp lại mà có.” Lại nữa, kinh Phật-bản-hạnh nói: “Bấy giờ, Ma-ha-ba-xà-ba-đề cùng Thích nữ Da-du dắt La-hầu-la, sắm nhiều đồ cúng và mang các vật dụng đến đền thờ thần Lô-đề-la-ca. Từ tên thần, khu vườn ấy cũng gọi là Lô-đề-la-ca. Đương thời, khi Bồ-tát chưa xuất gia, thường đến đây xoa bóp vui chơi. Trong vườn có tảng đá lớn, Bồ-tát thường hay ngồi lên. Bấy giờ, Da-du-đà-la đưa La-hầu-la ngồi nghỉ trên tảng đá ấy. Sau đó, nàng xô tảng đá xuống nước và lập lời thề rằng: “Nay ta lập lời thề thành thật không gian dối rằng, trừ thái tử, ta sẽ không bao giờ cùng người đàn ông khác rong chơi đây đó. Nếu con ta đích xác là huyết thống của thái tử, không chút gian dối, xin cho tảng đá nổi lên trên mặt nước, không chìm.” Bấy giờ, tảng đá ấy theo đúng lời thề của nàng, lập tức nổi lên khỏi mặt nước, giống như tàu lá chuối trôi trên dòng nước, không chìm. Mọi người chúng kiến cảnh tượng ấy xong, cảm thấy lạ lùng hy hữu. Bàn tán reo hò, hớn hở không dứt. Nhảy nhót hát ca, múa ống tay, xoay vạt áo. Cử hành dủ mọi thứ âm nhạc. Lại tổ hức mừng sinh nhật của La-hầu-la. Khi Da-du-đà-la sinh con, nhằm lúc A-tu-la La-hầu-la giơ tay bắt lấy mặt trăng trong giây lát rồi lại buông ra. Vì thế, mới đặt tên là La-hầu-la. La-hầu-la đoan trang khả ái. Ai thấy cũng đem lòng thương yêu. Da dẻ trắng muốt, óng ánh sắc vàng. Đầu tròn như cái tán. Mũi cao như chim anh vũ. Hai tay dài buông xuống quá gối. Cơ thể toàn vẹn, không khuyết tật. Các căn có đủ và rất hoàn hảo.”

Thứ năm: PHẦN THAI NẠN

Như kinh Phật-bản-hạnh nói: “Sau khi đức Như Lai xuất gia đã sáu năm, La-hầu-la mới sinh ra. Ngày đức Như Lai về thăm phụ vương,

La-hầu-la vừa lên sáu tuổi.” Hỏi: “Tại sao La-hầu-la ở trong thai mẹ sáu năm không sinh ra?” Đáp: “Vì ngày xưa, La-hầu-la làm vua, đem tiên nhân bỏ vào vườn sáu ngày, không thả ra, nên phải ở trong thai mẹ sáu năm.” Hỏi: “Tại sao Da-du mẹ ngài mang thai đến sáu năm?” Đáp: “Theo kinh Phật-bản-hạnh nói rằng: “Đức Phật bảo, này các Tỳ-kheo, ta nhớ lại vào vô lượng kiếp quá khứ, có một bầy bò ở ngoài đồng cỏ. Bà chủ dắt con gái ra đó vắt sữa đầy hai bình đã mang theo. Bình lớn giao cho con gái đội, bình nhỏ thì tự mình xách về. Được nửa đường, bảo con gái: “Cố đi nhanh lên! Đường ở đây nguy hiểm. Rất đáng ghê sợ.” Bấy giờ, cô gái thưa mẹ rằng: “Bình này nặng quá. Con làm sao đi nhanh được?” Người mẹ ba lần nhắc nhở con phải đi nhanh, đường ở đây thật đáng ghê sợ. Cô gái suy nghĩ, tại sao mẹ đã bắt đội bình nặng nhất, lại còn thôi thúc đi nhanh. Do đó, đâm ra tức giận, liền thưa mẹ rằng: “Mẹ hãy mang luôn hai bình. Con mắc đi đại tiểu tiện trong giây lát.” Thế là người mẹ phải lấy bình lớn đội lên và xách bình nhỏ bước đi. Cô gái ấy từ từ đi phía sau. Lúc đó, người mẹ phải tay xách đầu đội nặng nề đi suốt 6 câu-lô-xá. Bấy giờ, đức Phật bảo các Tỳ-kheo, nếu các ông có lòng thắc mắc về cô gái đã nuôi lòng tức giận, bắt mẹ phải đội nặng suốt 6 câu-lô-xá ấy, chẳng cần suy nghĩ gì hơn, đấy chính là Thích nữ Da-du-đà-la. Đương thời, nàng đã bắt mẹ đội nặng suốt sáu câu-lô-xá, vì nghiệp chướng ấy, nên đã gánh chịu vô lượng khổ sở trong cõi phiền não sinh tử. Do còn dư nghiệp, kiếp này phải chịu mang thai sáu năm. (Cũng có kinh nói, vào thời quá khứ, La-vân đã bít miệng hang chuột sáu ngày, không mở ra, nên kiếp này phải chịu ở trong thai sáu năm.).

Thứ sáu: PHẦN THẦN DỊ

Như luận Quán-Phật-Tam-muội nói: “Bấy giờ, Da-du-đà-la và năm trăm thị nữ đôi lúc suy nghĩ, thái tử ra đời, có nhiều điều kỳ lạ. Còn có một chuyện đáng nghi ngờ. Trong đám thể nữ có một cô tên Tu-man-na thưa phu nhân rằng: “Thái tử thật là thần nhân. Dù đã hầu hạ nhiều năm, vẫn không thấy được dương căn của ngài, huống là xảy ra những chuyện phàm tục?” Lại có một thể nữ khác tên là Tịnh Ý thưa rằng: “Thưa phu nhân, tỳ nữ hầu hạ thái tử suốt mười tám năm nay, chưa từng thấy thái tử bận tâm về chuyện đại tiểu tiện. Huống chi là những chuyện khác?” Khi ấy, các thể nữ mỗi người tuy nói khác nhau, nhưng đều cho rằng thái tử không thể làm chuyện đàn ông. Bấy giờ, thái tử đang ngủ trưa, bỗng nghe được các thể nữ đều muốn thấy tướng dương

căn giấu kín của ngài, liền cho phát ra hoa sen trắng ngay chỗ dương căn. Màu hoa trắng hồng. Hai ba đóa liên tiếp chồng lên nhau, từ dưới lên trên. Các thể nữ trông thấy, cùng bảo nhau, thần nhân có tướng hoa sen như thế, làm sao tâm của ngài ô nhiễm được? Nói xong, tất cả đều nghẹn ngào không nói gì được nữa. Lúc đó, trong hoa sen bỗng lộ dương căn, dáng như đồng tử. Các thể nữ trông thấy, cùng bảo, hôm nay thái tử thị hiện điều kỳ lạ. Bỗng nhiên hiện ra dương căn, dáng như lực sĩ. Các thể nữ thấy xong, vô cùng vui thích. Khi thái tử thị hiện tướng này, phu nhân thấy được dương căn. Ấy là từng đóa hoa sen chồng lên nhau, như vỏ ốc trời. Trên mỗi đóa hoa có vô số Bồ-tát to lớn, tay cầm hoa trắng, vây quanh dương căn. Hiện ra xong, lại biến mất, như mặt trời lặn. Đấy gọi là tướng dương căn giấu kín của Bồ-tát.

Bấy giờ, lại có các dâm nữ cùng bảo đức Cù-đàm là người không có dương căn. Đức Phật nghe xong, liền theo cách ngựa chúa, cho dương căn xuất hiện dần dần. Thoạt đầu, dáng như đồng tử lên tám. Dương căn dần dần to lớn, dáng như thiếu niên. Các dâm nữ thấy xong, đều rất vui thích. Khi ấy, dương căn lớn dần, giống tràng phan bằng hoa sen. Trong mỗi tầng có hằng trăm ức đóa hoa sen. Trong mỗi một đóa hoa sen có hằng trăm ức màu quý báu. Trong mỗi một màu có hằng trăm ức vị hóa Phật. mỗi một vị hóa Phật có hằng trăm ức bồ-tát và vô lượng đại chúng theo hầu. Bấy giờ, các vị hóa Phật đều cùng cất tiếng chế giễu tội lỗi dâm dục của các cô gái bằng bài kệ:

“Nếu có các nam tử,
Tuổi mười lăm mười sáu.
Trai tráng nhiều sức lực,
Hơn hẳn cả hà sa.
Đem cung cấp bọn gái,
Chẳng thỏa mãn phút giây.”

Khi các cô gái nghe xong bài kệ này, lòng đầy xấu hỗ, buồn bã té nhào xuống đất, giơ tay vỗ lên đầu nói rằng: “Hỡi ôi! Chỉ vì lòng dâm dục xấu xa, khiến chư Phật phải nhắc nhở đến thế. Bọn ta nuôi lòng đen tối, tâm nhiểm uế dục, không biết tội lỗi, khiến chư Phật nghe được, phải la rầy chán ghét thói dục xấu xa.” Do đó, mỗi người đều chán ghét thân phận làm người nữ. Bốn nghìn cô đều phát tâm Bồ-đề. Hai nghìn cô xa lìa uế trọc, chứng được quả Pháp nhãn tĩnh. Hai nghìn cô chứng được quả Bích chi vào kiếp mai sau.

Đức Phật bảo A-nan: “Khi ta mới vừa thành Đạo ở bên bờ sông Hy-liên-hà, có năm vị Bà-la-môn cùng thống lãnh bảy trăm năm mươi

đệ tử, tự xưng đã đắc Đạo, đi đến bên ta. bọn họ lấy dương căn quấn quanh mình bảy vòng, rồi ngồi trên cỏ và nói: "Bọn ta vì vô dục nên có dương căn như thế này, tự tại như chư Thiên. Nay ta có thần lực vượt xa sa-môn gấp trăm vạn ức lần!" Bấy giờ, đức Thế tôn bảo các vị Bà-la-môn rằng: "Các ngươi không biết được chân thân của Như Lai. Nếu muốn thấy, cứ tự nhiên quan sát. Như Lai đã nhiều kiếp tu hành Phạm Hạnh. Khi còn tại gia, không có dục vọng. Tâm không ô nhiễm, nên mới được phước báo này, giống như ngựa quý ẩn hiện vô thường. Nay ta sẽ thị hiện chút ít chân thân cho các ông xem. Bấy giờ, đức Thế tôn từ không trung giáng hạ. Ngay trên mặt đất biến thành bốn dòng sông giống như bốn biển lớn. Trong bốn biển lớn có núi Tu-di, phóng ra hào quang óng ánh sắc vàng. Ánh hào quang ấy lấp lánh chiếu sáng thân thể chư Thiên. Dương căn từ từ xuất hiện, quấn bảy vòng quanh núi Tu-di, giống hệt đóa sen vàng. Từng đóa cùng chồng lên đến Phạm thế. Từ thân đức Phật xuất hiện một ức vô lượng đóa sen quý đủ loại, giống như tràng phan hoa sen, che đậy dương căn. Đóa sen vàng ấy có một đến mười ức tầng. Mỗi tầng có trăm ngàn vô lượng vị hóa Phật. mỗi một vị hóa Phật có trăm ức vị bồ-tát và vô số Tỳ-kheo theo hầu. Các vị hóa Phật phóng hào quang chiếu diệu khắp các thế giới mười phương. Các vị Bà-la-môn chứng kiến xong, vô cùng kinh hoàng thán phục. Không ngờ tướng Phạm hạnh của đức Phật lại diệu kỳ đến thế. thật là không thể nghĩ bàn. Chân thân không ô nhiễm giống như hoa sen. Nay nếu ta đảnh lễ công đức bao la như biển của đức Phật và xuất gia cầu Đạo, đều sẽ được thành Chánh quả."

***Bộ thứ 10:* YẾM KHỔ**

Gồm có 4 phần: Thuật ý, Quan điền, Xuất du, Yếm dục.

Thứ nhất: **PHẦN THUẬT Ý**

Xét rằng:

Ba cõi chia riêng, bốn loài khác tính. Biển dục đắm đuối đều chìm; nhà lửa nhởn nhơ cùng dạo. Nhung nhúc sinh sôi; lóng ngóng kêu réo. Bởi vậy bậc Pháp vương mang trọng trách giác ngộ chúng sinh, thường tuỳ theo cơ duyên ứng hiện, nhằm cứu cánh dẫn dắt trẻ rong chơi về nơi lạc cảnh. Thương xót lưới trần giăng bẫy, vui mừng giúp được thóat ly. Thế nên, quán vũ nữ cũng tựa thây sình; ngộ cung cấm chỉ là mả thối. Thở than nỗi khổ bệnh của sinh già; hâm mộ cảnh thường lạc của xuất thế. Do đó, đã bỏ giang sơn để cầu giải thóat, hàng tà ma để thành Chánh giác vậy.

Thứ hai: PHẦN QUAN ĐIỀN

Như kinh Phật-bản-hạnh nói: “Vua Tịnh Phạn và nhiều chàng trai họ Thích cùng đưa thái tử ra ngoài thành tham quan việc làm ruộng. Bấy giờ, tất cả những nông dân đang lao động trong đồng đều ở trần và cật lực cày cấy. Chim chóc cùng giết hại lẫn nhau. Thái tử nói lên: “Than ôi! Than ôi! Chúng sinh ở giữa thế gian chịu đựng quá nhiều đau khổ. Nào là sinh già bệnh chết, lại còn chịu đủ mọi thứ đau thương. Cứ lăn lóc trong đó, không thể thoát ly. Tại sao không tìm cách dứt bỏ khổ đau?” Khi nhà vua đã tham quan xong, liền cùng các chàng trai đi vào một khu vườn. Bấy giờ, thái tử ung dung nhìn ngắm, đi dạo khắp nơi, muốn tìm cảnh tĩnh lặng. Bỗng thấy một chỗ có cây Diêm-phù rậm rạp xanh tươi, khiến lòng người ưa thích. Tìm được chỗ, thái tử bảo người hầu, các ngươi hãy rời xa ta, rồi đi dần đến dưới bóng cây, ngồi già-phu trên cỏ, chú tâm suy tư. Thương xót chúng sinh chịu đựng đủ mọi đau khổ về sinh già bệnh chết. Phát khởi lòng từ bi, liền được định tâm, xa lìa dục lạc, xóa bỏ các điều xấu. Khi những phiền não của Dục giới đều hết, bèn chứng được quả Sơ Thiền. Chư Thiên và Đế-Thích thấy thái tử ngồi dưới bóng cây chứng xong quả ấy, cùng bay xuống tận nơi hành lễ, nói ke ca tụng công đức xong, mới trở về Thiên cung. Lúc ấy, chỉ trong giây lát không thấy thái tử trong lòng cảm thấy không vui, nhà vua liền hỏi: “Thái tử của ta hiện giờ ở đâu, tại sao không thấy?” Quần thần nghe hỏi, lập tức đổ xô đi tìm thái tử khắp 4 phía nhưng chẳng ai thấy ở đâu. Chỉ có một vị đại thần nhìn thấy thái tử ngồi tĩnh tư dưới bóng cây Diêm-phù xa xa. Lại thấy nhữngbóng cây khác đều dờikhỏi chỗ, duy còn bóng cây Diêm-phù che cho thái tử. Chứng kiến sự kiện lạ lùng hy hữu không thể nghĩ bàn ấy, vị đại thần hết sức vui mừng không nén được, phải cấp tốc chạy đến bên nhà vua, quỳ xuống nói kệ đúng theo điều vừa thấy:

“Thái tử của ngài hiện tại ngồi
Yên lặng dưới bóng cây Diêm-phù,
Kết già tư duy nhập Tam-muội.
Hào quang chiếu sáng tự mặt trời.
Đấy chính là bậc đại trượng phu.
Bóng cây cao vút không lay động.
Kính mời đại vương đi quan sát,
Cung cách thái tử ngồi thế nào.
Giống hệt các Thiên vương Đại Phạm,
Cũng giống Đế-thích Trời Đao-lợi.

Thần uy vòi vọi, hào quang sáng,
Hiển hách chiếu diệu khắp rừng cây.”

Khi nghe xong, nhà vua đi đến bên cây Diêm-phù. Từ xa, nhìn thấy thái tử ngồi kết già dưới gốc cây, giống như đêm đen nhìn thấy ánh sáng phát xuất mãnh liệt từ một đống lửa lớn trên đầu núi. Uy đức hiển lộ, chiếu tỏ vòi vọi như vầng trăng bỗng hiện giữa tầng mây hay như ngọn đèn lớn soi sáng gian nhà tối tăm. Chứng kiến xong, nhà vua cảm thấy lạ lùng, hy hữu, khắp mình run rẩy, lông tóc dựng lên, bèn dập đầu hành lễ dưới chân thái tử và hớn hở nói rằng: “Hay thay, hay thay! Thái tử của ta đây có uy đức thật lớn lao!” Rồi nhà vua nói kệ ca tụng rằng:

“Như đống lửa đêm trên đầu núi,
Tựa ánh trăng thu giữa đám mây.
Nay thấy thái tử ngồi tĩnh lự,
Tóc dựng thân run, cũng chẳng hay!”

Xong xuôi, nhà vua lại đảnh lễ dưới chân thái tử và nói thêm bài kệ:

“Ta lại cúi mình một lần nữa,
Đảnh lễ dưới chân có tướng lành.
Từ lúc sinh ra đến hiện tại,
Mới có dịp thấy ngồi tĩnh lự.”

Bấy giờ, có các trẻ nhỏ còn bồng ẵm, chạy theo nhà vua rúc rích cười đùa, bị vị đại thần rầy la: “Bọn các con đừng kêu réo ồn ào!” Các trẻ nhỏ trả lời: “Tại sao không cho các con vui đùa thỏa thích”. Vị đại thần ấy nói kệ trả lời các trẻ con rằng:

“Ánh nắng mặt trời tuy dữ dội,
Không thể thu hồi bóng cây mát.
Một trượng hào quang rất tuyệt diệu,
Uy đức, thế gian không sánh nổi.
Ngồi yên tĩnh lự dưới gốc cây,
Trang nghiêm bất động tựa Tu-di.
Trong tâm của thái tử Tất-đạt
Thích bóng cây này chẳng muốn rời.”

Kinh Phật-bản-hạnh nói: “Thái tử hướng về vua Bạch Tịnh nói kệ rằng:

Giống hệt nhà vàng lửa cháy rực,
Tựa như mỹ vị pha độc dược,
Hay hồ đầy hoa có giao long,
Ngôi báu trước vui, sau rất khổ.”

Thứ ba: PHẦN XUẤT DU

Như kinh Phật-bản-hạnh nói: "Bấy giờ, Thiên tử Tác Bình kêu gọi thái tử ra ngoài thành tham quan vườn, chứng kiến chuyện tốt xấu để sinh lòng chán nản, khiến dần dần lìa bỏ thế gian. Thái tử nghe xong, gọi người đánh xe mau mau sửa soạn xe tốt, ta muốn đi thăm khu vườn. Vua Tịnh Phạn hay tin thái tử muốn đi chơi, liền ra lệnh cho tất cả trong ngoài thành Ca-tỳ quét dọn sạch sẽ, trưng bày hương hoa. Trai thanh gái lịch sắp hàng đứng đón. Những kẻ già bệnh chết chóc, khuyết tật đều bắt đuổi xa. Sửa soạn xe cộ, thắng ngựa thuần thục vào xong, người đánh xe bẩm lên thái tử: "Xin thái tử biết cho, xe đã chuẩn bị." Bấy giờ, thái tử theo cửa thành Đông, được tiền hô hậu ủng, đi tham quan khu vườn. Lúc ấy, thiên tử Tác Bình biến thành một người già cả xấu xí, xuất hiện trước mặt thái tử. Ở ngay đầu đường. Thấy xong, thái tử hỏi người đánh xe: "Người này là ai mà thân thể nhăn nhúm gầy gò, mắt đỏ đầy ghèn, cực kỳ xấu xí dị dạng, không giống mọi người?" Rồi hướng về người đánh xe nói kệ rằng:

"Đánh xe lành nghề, hãy nghe đây!
Đứng trước mặt ta là người nào?
Thân thể xiêu vẹo, đầu trụi tóc.
Sinh ra đã thế, hay vì già?"

Bấy giờ, người đánh xe hướng về thái tử và nói kệ rằng:

"Đây gọi là lúc đau khổ nhất.
Mất hết vẻ đẹp và hạnh phúc.
Thân thể hủy hoại, đầu lú lẫn.
Chân tay quờ quạng, không tự chủ."

Thái tử hỏi người đánh xe: "Người này là một trường hợp đặc biệt hay tất cả mọi người đều như thế?" Người đánh xe trả lời: "Không phải chỉ là một trường hợp đặc biệt. Tất cả thế gian đều như thế cả. Thân phận sang hèn dù khác nhau, nhưng đều không thoát khỏi cái già." Thái tử nói: "Nếu ta không thoát khỏi cái già này, hãy mau mau trở về cung. Không thoát khỏi cái già làm sao phóng túng vui chơi?" Nhà vua dò hỏi, người đánh xe bẩm lại mọi chuyện. Nhà vua phán: "Ít có hình dung như thế." Sợ thái tử xuất gia, nhà vua cho tăng thêm các trò vui ngũ dục, nhưng thái tủ đã chán nản, muốn lìa bỏ những thứ này rồi, chỉ ngồi quán tưởng về nỗi khổ của cái già.

Lần khác về sau, thái tử từ biệt nhà vua, theo cửa thành Nam đi tham quan khu vườn. Nhà vua ra lệnh dọn dẹp đường sá sạch sẽ còn hơn lần trước. Bấy giờ, Thiên tử Tác Bình lại biến thành một người bệnh

xuất hiện trước mắt thái tử. Chỉ còn bộ xương khốn khổ thoi thóp sắp chết nằm giữa đống phân dơ, lăn lóc rên la, không ngồi dậy được. cúi đầu cất tiếng nhờ đỡ dùm lên. Thái tử thấy xong,hỏi người đánh xe: "Đây là người nào mà bụng trướng thật to, giống như nồi lớn, hơi thở khò khè, mình mẩy run rẩy. Chạnh niềm cay đắng, không đành lòng nhìn?" Người đánh xe bèn nói kệ về nhân duyên này:

" Thái tử hỏi kẻ đánh xe rằng,
Tại sao người này khổ đến thế?
Kẻ đánh xe bẩm lên thái tử,
Tứ đại không hòa nên sinh bệnh."

Lần khác về sau, thái tử theo cửa Nam thành đi tham quan khu vườn. Bấy giờ, Thiên tử Tác Bình biến thành một tử thi nằm trên giường ở trước mắt thái tử. Mọi người xúm lại khiêng đi, vô số thân gia bà con vây quanh khóc lóc. Vỗ bụng đập đầu, nước mắt như mưa. Kêu gào thảm thiết, nghẹn ngào không chịu nổi. Thái tử thấy xong, động lòng thương xót, hỏi người đánh xe: "Người này là ai mà mọi người khiêng đi và kêu khóc như thế?" Rồi nói kệ hỏi rằng:

"Thái tử tuyệt đẹp, thân đoan trang,
Hỏi kẻ đánh xe, này là ai,
Nằm ở trên giường, bốn người khiêng,
Người thân vây quanh khóc thảm thương?"

Người đánh xe hướng về thái tử đáp kệ rằng:

"Đã bỏ các căn tâm và ý,
Thi hài trơ trơ như gỗ đá.
Người thân khóc lóc, tạm vây quanh.
Ân ái từ nay đành vĩnh biệt."

Thái tử lại hỏi: "Ta cũng sẽ như thế chăng?" Người đánh xe đáp kệ rằng:

"Tất cả chúng sinh có nghiệp này.
Trời người, sang hèn đều như thế.
Tuy sống thiện ác ở thế gian,
Khi vô thường đến đều không khác."

Lần khác về sau, thái tử theo cửa thành Bắc đi tham quan. Thiên tử Tác Bình dùng sức thần thông, cách xe không xa, biến thành một người trước mắt thái tử. Cạo hếttóc râu, mặc áo cà sa, bày vai bên phải. Tay phải cầm tích trượng, tay trái mang bình bát đi trên đường. thái tử thấy xong, hỏi người đánh xe: "Người này là ai, ở trước mắt ta, uy nghi tề chỉnh, đi bộ an nhàn. Một mực nhìn thẳng, không ngó hai bên. Định

thần giữ hạnh, không giống mọi người. Gọt tóc cạo râu, áo thuần màu đỏ, không giống người đời. Màu bát tía xanh tựa như đá chàm? Người đánh xe thưa thái tử rằng: "Đây gọi là người xuất gia. Thường làm điều thiện, xa lìa việc ác. Biết giữ lục căn thanh tịnh, bố thí pháp vô uý, từ bi đối với muôn loài. Che chở, không sát hại chúng sinh." Thái tử nghe xong, bảo người đánh xe rằng: "Nhà ngươi hãy đánh xe đến bên người ấy." Người đánh xe vâng lời, cho xe chạy đến nơi. Thái tử hỏi rằng: "Ông là ai thế?" Người ấy đáp kệ rằng:

"Xem thấy thế gian đều sinh diệt,
Muốn tìm cảnh Niết-bàn vĩnh cửu.
Tâm đã bình đẳng mọi ghét yêu,
Không hưởng dục lạc của trần thế.
Ở dựa núi rừng và gốc cây,
Hoặc ở giữa đồng hay gò mả.
Bỏ hết tất cả mọi sắc tướng,
Quán tưởng Chân như, đi khất thực."

Bấy giờ, vì lòng kính nể, thái tử bước xuống khỏi xe, thân hành đến bên người xuất gia, cúi đầu hành lễ, đi vòng quanh ba vòng rồi trở lên xe và lập tức sai đánh về hoàng cung. Lúc ấy, trong cung có một người đàn bà tên là Lộc Uyển, nhìn thấy thái tử trở về, động lòng ham muốn, liền nói kệ rằng:

"Đức vua Tịnh Phạn hưởng khoái lạc,
Ma-ha-ba-xà chẳng muộn phiền.
Thể nữ trong cung đẹp lộng lẫy,
Biết ai được hầu thái tử đây?"

Lại nữa, theo các kinh Đại-thiện-quyền và Nhân-quả nói: "Bấy giờ, tuổi tác của thái tử lớn dần, đã đến lúc xuất gia, liền từ biệt phụ vương, đi tham quan khắp bốn cửa thành. Tại ba cửa đầu, gặp gỡ và sinh chán nản. Chỉ ở cửa thứ tư, mớivui mừng gặp được người xuất gia. Các vị tướng sư lỗi lạc đều biết rằng, nếu bấy giờ thái tử không xuất gia, bảy ngày sau sẽ trở thành một bậc Chuyển luân vương cai trị thiên hạ, tự nhiên có đủ thất bảo. Mỗi vị đều đem bẩm báo với nhà vua. Cho tăng thêm một ngàn người trấn giữ tại mỗi cửa thành. Chung quanh phía ngoài thành một du-thiện-na, đặt thêm nhiều người canh gác đề phòng."

Bài tụng cảnh Già ở cửa Đông:

"Thành lau rất dễ phá;
Bìm nghiêng lại sắp tàn.

Nương cành đã suy yếu;
Nửa đường thật lỡ làng.
Đã cùng ngựa trắng mất,
Lại theo hoa đỏ tàn.
Một mai nhan sắc hết,
Đèn khuya ngồi bẽ bàng.”

Bài tụng cảnh Bệnh ở cửa Nam:

“Nép gối tiếc ngày tàn.
Bệnh nguy thành dễ chết.
Còn đâu cỏ trên tuyết;
Đành về dưới núi Mang.
Đau nghẹn cả thân thể;
Khát cháy thấu tim gan.
Cớ sao trong phút cuối,
Đau khổ chẳng tiêu tan?”

Bài tụng cảnh Chết ở cửa Tây:

“Trì hoãn tuy khác vẻ,
Diệt tướng cũng như nhau.
Gió nghiệp thổi tiêu hết,
Hư huyễn thấy mà đau.
Năm Uẩn đều giả tạm;
Sáu Đường luôn bắt đầu.
Tất cả đều tàn tạ,
Phiền não kết dài lâu.”

Bài tụng Tăng ở cửa Bắc:

“Thế huyễn sinh ảo ảnh;
Phiền não chắn tâm trần.
Tứ triền đầy dẫy đó,
Ra đi tìm Niết-bàn.
Dẹp bỏ tri kiến nhảm,
Mới thoát khỏi mê man.
Tướng không buồn đã lắm,
*Trì quán lại đem làm.”**

Nguyên văn bốn bài tụng này quán uẩn súc. Nên chỉ có thể dịch theo ý. Vài chỗ chưa chắc đã chính xác. Xin dò lại nguyên văn

*Bốn bài tụng này quá uẩn súc, chỉ cốt dịch theo ý. Vài chỗ không chắc đã chính xác. Xin dò lại nguyên văn.

Thứ tư: PHẦN YẾM DỤC

Như kinh Phật-bản-hạnh nói: “Bấy giờ, thái tử nghe các bài kệ và tụng này xong, khắp mình run rẩy, nước mắt như mưa, hâm mộ sự an lạc của Niết-bàn làm cho các căn thanh tịnh, nên chỉ mong mỏi xuất gia, không thích sống ở thế gian. Nhà vua cùng các quần thần mưu trí, cung nga thể nữ dùng đủ mọi cách mê hoặc thái tử. Con trai của quốc sư Ưu-đà-di làm thị vệ cho thái tử, đã dạy đám phụ nữ phương pháp mê hoặc thái tử bằng bài kệ rằng:

“Bọn thể nữ các ngươi
Có nhiều mánh khoé giỏi,
Khéo mê hoặc thái tử,
Bằng phô bày quyến rủ.
Giả sử kẻ lìa dục
Chân chánh như thần tiên,
Thấy được các ngươi rồi,
Cũng phải động lòng dục.
Huống gì là thái tử.
Nếu xem các ngươi chơi,
Lại không ham hành dục.
Thật không có chuyện ấy!”

“Tình yêu lấy dục vọng làm căn bản. Thể xác của người vợ cốt lấy lòng yêu kính của người chồng làm hân hoan. Tâm không nhuốm bả vinh hoa là điều rất khó.” Rồi nói kệ rằng:

“Vợ hiền lấy kính làm hoan lạc.
Kính là hoan lạc rất cao siêu.
Nếu không có kính, chỉ có sắc,
Cũng giống như cây chẳng nở hoa!”

Thái tử nghe được, liền đáp kệ rằng:

“Cuộc sống vinh hoa tuy sung sướng,
Sinh già bệnh chết chất bên trong.
Nếu bốn khổ này không có mặt,
Lòng ta sao lại chẳng vui cùng?
Trong bốn khổ “sinh già bệnh chết”,
Ta bị “sinh già bệnh” xé lòng.
Nếu bám vào “sinh” để hoan lạc,
Khác gì cầm thú sống hoà chung?”

Bấy giờ, thái tử và con trai của quốc sư Ưu-đà-di bàn luận qua lại đến chiều tối. Thái tử thấy đã tối, liền vào cung cùng các thể nữ hưởng

thụ hoan lạc ngũ dục. Tất cả đều quây quần bên nhau. Ngay đêm hôm đó, phu nhân Da-du-đà-la biết mình đã có thai. Lần khác về sau, thái tử hết sức sinh lòng chán nản về hoan lạc ngũ dục này, chỉ muốn xuất gia, nên nó kệ rằng:

"Mê hoặc ô uế ở thế gian,
Không gì hơn thể xác phụ nữ.
Châu báu y phục khéo che đậy,
Khiến kẻ ngu si đắm đuối ham.
Nếu có kẻ nào biết suy nghĩ,
Như mộng, như huyễn, rất chóng tàn.
Chừa bỏ si mê, không phóng túng,
Sẽ được giải thoát, thân nhẹ nhàng."

Lại nữa, kinh Thụy-ứng nói: "Năm lên mười bốn tuổi, thái tử bẩm phụ vương xin đi ra ngoài tham quan." Kinh Nhân-quả nói: "Có người con của vị Bà-la-môn tên Ưu-đà-di, thông minh sáng láng, được nhà vua cho làm bạn cùng thái tử. Nhà vua dặn dò: "Nhà ngươi hãy thuyết phục thái tử đừng xuất gia." Người ấy vâng mạng, đến bên thái tử thưa rằng: "Thần vâng mệnh nhà vua đến đây làm bạn cùng thái tử. Thưa thái tử, đạo bằng hữu có ba điều thiết yếu: một là có chuyện lỗi lầm, phảikhuyên an giúp cho sáng tỏ. Hai là thấy có việc đáng mừng, phải hết sức tán thành. Ba là gặp lúc nguy nan, không thể bỏ mặc. Nay thần dâng lên mấy lời thành thật, xin thái tử đừng nỡ chê trách. Từ nghìn xưa, các vị Thánh vương trước tiên đêu hưởng thụ hoan lạc ngũ dục rồi sau mới xuất gia. Tại sao thái tử cứ khăng khăng dẹp bỏ tất cả?" Thái tử đáp rằng: "Các vị Thánh vương ấy cuối cùng đều không thoát khỏi đau khổ, nên ta không chịu hành động giống các ngài."

Bộ thứ 11: XUẤT GIA

Gồm có 10 phần: Thuật ý, Ly tục, Thích phát, Cụ phục, Sử hoàn, Giáo tử, Sai thị, Phật phát, Thì tiết, Hội đồng.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Thiết nghĩ:

Nhân duyên giả tạm vốn do độn căn của các chúng sinh; Pháp tính thường tồn chính là diệu lý của bậc giác ngộ. Thế nên, khắp Tam giới Lục đạo, các chúng sinh luôn tạo nghiệp để đắm chìm; đủ Bát giải Thập trí, bậc giác ngộ mới dẫn dắt đến giải thoát.

Do đó, đức bổn sư Năng Nhân đã tuỳ duyên hóa độ. Xót nhà lửa

bốc cháy phừng phừng; thương sông dục trôi phăng cuồn cuộn. Nương cung điện của vua Bạch Tĩnh, phóng hào quang rực rỡ sắc vàng. Chịu đựng trong Tam chướng nặng nề, chỉ đãy xác điểm tô không thật; ra dạo bốn cửa thành đồ sộ, sợ mây nổi biến hóa vô thường. Tự chua xót sao nhân sinh trầm luân đến thế! Bởi vậy, Thiên vương bồng ngựa trắng vượt khỏi cấm thành, kẻ hầu đem mũ quý về lại đại nội. Thoát thế tìm chân, vốn là như thế. Tuy Tiêu Sử đời Tần, Tử Tấn đời Châu, hay Hứa Do rửa tai dưới núi Ky; Trang Tử kéo đuôi bên sông Bộc, giả thiết đem ra so sánh, vẫn quá nhỏ bé hẹp hòi! Khiến cho kẻ ngưỡng mộ đức hạnh, đã bỏ ác lập thân; người kính mến uy nghi, đã giữ giới tu thiện. Hủy hoại hình hài để hoàn thành đại nguyện, ngài đã gọt tóc râu trên dung nhan đẹp đẽ; thay đổi phàm tục để thể hội chân lý, ngài đã cởi bỏ áo gấm của bậc quân vương. Xem bề ngoài, tuy thiếu sót sự thân, nhưng trong đó vẫn chứa chan chữ hiếu; xét lễ nghĩa, dù lỗi đường thờ chúa, song nội tâm vẫn giấu diếm ân tình. Đức ban khắp cả oán thương, đều được hoà thuận; phước thấm chan hoà trên dưới, chẳng chấp lỗi lầm. Bậc thượng trí tin lời ngài dạy, hẳn nhiên được lợi; kẻ phàm phu thiếu thốn bảo ban, phải chịu thiệt thòi. Răn ác thì kẻ phóng túng mới canh tân; khuyến thiện thì người sáng suốt biết hoán cải.

Thế nên, ở rừng tiên vừa liệng trâm xuống đất, bờ Ni-liên khổ hạnh đã bắt đầu. Tắm kim thân bằng nước trong lành, nhập đạo tràng dưới bóng cây mát. Thọ bát cháo cúng dường pha sữa, ngồi kết già trên thảm cỏ mềm. Nhờ đó, thập lực tăng đầy, Lục thông phát đủ. Tà ma cuốn gói, Chánh đạo thành tựu vậy.

Thứ hai: PHẦN LY TỤC

Như kinh Nhân-quả nói: “Bấy giờ, thái tử tự tâm niệm: tuổi ta đã lên mười chín. Hôm nay là ngày mồng bảy tháng hai. Thích hợp ra ngoài để xuất gia cầu đạo, chính là lúc này. Suy nghĩ chín chắn xong, thân phóng hào quang chiếu sáng đến các Thiên cung Tứ Thiên và Đao-lợi, nhưng không cho mọi người thấy được ánh hào quang này. Khi các Thiên vương thấy ánh hào quang, biết đã đến lúc thái tử đã xuất gia, liền giáng hạ xuống bên thái tử, cúi đầu đảnh lễ dưới chân rồi chấp tay thưa rằng: “Hạnh nguyện tu tập của thái tử từ vô lượng kiếp đến đây, hôm nay đã được thành tựu.” Thái tử đáp rằng: “Đúng như lời của chư thiên. Chính là hôm nay, nhưng phụ vương đã ra lệnh canh giữ nghiêm mật khắp trong ngoài. Ta muốn ra đi mà không có cách.” Chư Thiên đáp bạch rằng:”Chúng tôi sẽ tạo phương tiện để thái tử ra đi không ai

hay biết.” Lập tức dung thần lực khiến mọi người đều ngủ say. Bấy giờ, trong lúc ngủ, Da-du-đà-la thấy ba giấc mộng lớn: một là thấy mặt trăng rơi xuống đất. Hai là thấy răng rụng. Ba là thấy mất cánh tay phải. Quá kinh hoảng, phu nhân giật mình thức dậy, bẩm cùng thái tử và kể lại đầu đuôi. Thái tử trấn an: “Nàng xem, trăng còn trên trời. Răng thì không rụng. Tay cũng hãy còn. Nên nhớ mọi giấc mộng đều hư huyễn không thật. Nàng không nên lo sợ quá.” Phu nhân lại thưa: “Theo thiếp suy nghĩ, những giấc mộng ấy là điềm thái tử xuất gia.” Thái tử đáp rằng: “Nàng hãy ngủ yên, đừng lo âu điều ấy.” Phu nhân nghe lời, yên tâm nằm ngủ.”

Lại nữa, kinh Phổ-diệu nói: “Bấy giờ, Bồ-tát xem các vũ nữ ca múa ban đêm. Nhìn qua hằng trăm tiết mục như cọng lá chuối khô bay lượn vô hồn. Tất cả chín khiếu đều dơ dáy, chẳng có gì đáng ham say. Đến khi sao đêm vừa hiện, liền bảo Xa-nặc thức dậy, chuẩn bị sẳn ngựa Kiền-trắc. Khi thái tử vừa ra lệnh xong, bốn vị Thiên vương cùng vô số các Dạ-xoa nữ và loài rồng đều trang bị đầy đủ áo giáp, từ bốn phương bay đến, cúi đầu hành lễ trước thái tử rồi thưa rằng: “Nam nữ trong thành đều hết sức mệt mỏi. Bọn khổng tước cũng hết sức mệt mỏi, nên đã ngủ say cả rồi.”

Lại nữa, kinh Bản-khởi nói: “Chư Thiên đều bảo: “Thái tử nên đi liền, sợ bị ngăn cản. Xin ngài hãy mau mau đi khỏi thật xa đống lửa lớn này.” Khi thái tử đã suy nghĩ thấy thật sự như thế xong, trời đã về khuya, Thiên vương Tĩnh Cư và chư Thiên cõi Dục giới đều tề tựu đông đảo giữa hư không, cùng đồng thanh bạch thái tử: “Tất cả hoàng gia trong ngoài đều đã nằm ngủ say sưa. Bây giờ chính là lúc xuất gia.” Thái tử bèn thân hành đến bên Xa-nặc, nhờ thần lực nên Xa-nặc liền thức dậy. Thái tử ra lệnh: “Nhà ngươi hãy dẫn ngựa Kiền-trắc đến đây cho ta.” Xa-nặc nghe xong, khắp mình run rẩy, lòng đầy do dự: thứ nhất là không muốn trái lệnh của thái tử. Thứ hai là lo sợ sắc chỉ nghiêm khắc của nhà vua. Suy nghĩ rất lâu, Xa-nặc rơi lệ thưa rằng: “Đại vương đã ban sắc chỉ như thế. Bây giờ không phải la lúc đi chơi, cũng không phải là lúc đi đánh dẹp quân địch. Làm sao giữa đêm hôm khuya khoắt, bỗng dưng thái tử lại đòi thắng ngựa đi đâu?” Thái tử đáp lại: “Bây giờ ta muốn đi tìm phương cách chế ngự mọi kết tập phiền não cho tất cả chúng sinh. Nhà ngươi đừng trái ý ta!” Bấy giờ, Xa-nặc cất tiếng khóc lớn, mong cho phu nhân Da-du-đà-la và hoàng gia đều biết thái tử sắp sửa ra đi. May nhờ thần lực của chư Thiên, tất cả đều ngủ vùi như cũ. Xa-nặc đành phải dắt ngựa đến. Thái tử từ từ bước tới,

bảo Xa-nặc và ngựa Kiền-trắc rằng: "Tất cả mọi yêu thương rồi sẽ ly biệt. Sự nghiệp thế gian dễ dàng xây dựng, nhân duyên xuất gia rất khó hoàn thành." Xa-nặc nghe xong, im lặng không nói nửa lời. Do đó, ngựa Kiền-trắc không hí lên nữa. Bấy giờ, thái tử thấy trời hé sáng, trên thân liền phóng hào quang chiếu khắp mười phương, cất tiếng sư tử nói lớn: "Theo gương chư Phật thời quá khứ, hôm nay ta cũng xuất gia!" Liền đó, chư Thiên bồng chân ngựa và đỡ Xa-nặc, Thích-đề-hoàn-nhân cầm lộng theo hầu. Chư Thiên lập tức ra lệnh mở cửa thành Bắc thật nhẹ nhàng, không nghe tiếng động. Xa-nặc lại buồn, cửa đóng chặt then, ai mở được đây? Khi ấy, các quỷ thần và A-tu-la nhẹ nhàng mở cửa. Thái tử nhờ đó ra được ngoài thành. Từ giữa không trung, chư Thiên ca hát theo hầu. Đến khi trời sáng, đoạn đường đi qua đã được 3 du-xà-na. Bấy giờ, Thiên chúng theo hầu thái tử đến đây, mọi việc giúp đỡ đã xong, liền bỗng nhiên biến mất. Thái tử tiếp tục ra đi, đến chỗ tiên nhân Bạt-già ở giữa rừng, bèn dừng lại, bước xuống vỗ lưng ngựa và nói rằng: "Chuyện khó làm, ngươi đã làm xong." Rồi lại bảo Xa-nặc rằng: "Chỉ có một mình nhà ngươi đơn độc đi theo ta. thật là hiếm có! Bây giờ, ta đã đến được chỗ bình an. Nhà ngươi và Kiền-trắc cùng có thể trở về hoàng cung." Vừa nghe thái tử nói xong, Xa-nặc kêu gào khóc lóc, té xuống nằm mê man dưới đất, không gượng lại được. kiền-trắc nghe nói phải trở về, bèn co gối quỳ xuống liếm chân thái tử, nước mắt rơi xuống như mưa. "Nay ta làm sao có thể bỏ mặc thái tử để trở về cung một mình?" Thái tử đáp lời: "Định luật của thế gian là sống một mình, chết một mình. Há lại có bạn? Nay ta vì muốn diệt trừ mọi nguồn cội đau khổ nên mới đến đây. Khi mọi khổ đau đã chấm dứt, ta sẽ cùng tất cả chúng sinh kết làm bè bạn."

Lại nữa, kinh Phật-bản-hạnh nói rằng: "Bấy giờ, bốn Thiên vương hộ thế và Trời Đế-thích biết giờ xuất gia của thái tử đã đến, mỗi vị tuỳ theo địa vị của mình, sửa soạn trang nghiêm, thống lãnh các thân thuộc đông đến hằng trăm vạn, tiền hô hậu ủng, cử hành âm nhạc, từ bốn phương kéo đến, bao bọc ba lớp chung quanh thành Ca-tỳ. Tất cả đều cúi đầu chắp tay, khom mình hướng về thái tử, đứng chật khắp hư không. Khi ấy, lại thấy sao Quỷ và mặt trăng cùng tụ họp, chư Thiên đồng thanh nói lớn: "Thưa đại Thánh thái tử , sao Qủy đã họp mặt . Nay vừa đúng giờ. Muốn cầu diệu pháp , xin dừng ở đây." Thái tử nghe xong , nhìn lại các thể nữ ô quế dơ dáy, ngũ say không thức, liền lấy tay kéo tóc bảo tỉnh dậy, rồi lấy chân hất vào mình, nhưng bọn thể nữ ấy vẫn không hay biết (trừ phần nầy, các phần khác điều giống như trên).

Khi thái tử đã ra khỏi thành, liền cất tiếng sư tử nói lớn : “Ta thề phải chứng được Chân như Bồ đề mới trở về lại trong thanh này để hoá độ”. Tuy nhiên, ở đó có vị thần cuả cây Ni-câu-đà (giống cây đa) to lớn nhất nói kệ với thái tử rằng :

“ Nếu người muốn đốn ngã cây cối
Chắc chắn phải chặt hết gốc rễ.
Như món vật này cần dứt bỏ,
Qua sông phải đến được bờ nọ.
Một lời đã nói không được sai,
Chuốc oán vừa xong , chớ mừng rỡ!”

Bấy giờ , thái tử nói kệ trả lời thần cây đa rằng :

“ Núi Tuyết có thể di chuyển được,
Nước biển có thể tát cạn được ,
Bầu Trời có thể rơi xuống đất ,
Lời ta đã thốt , quyết không sai!”

Khi cởi mũ quý trao cho Xa-Nặc đưa về bẩm lại với phụ vương , thái tử nói kệ rằng :

“ Giả sử thương yêu cùng tụ họp ,
Đến thời rồi cũng phải chia ly.
Thấy rõ vô thường ngắn ngủi ấy ,
Tìm phương giải thoát quyết ra đi !”

Xa- nặc nghe xong, đáp kệ rằng :

Giả sử lấy sắt đúc thành kim,
Rồi đem ra nghe lời thề ấy,
Người nào chẳng thấy tim tê tái,
Huống tôi là kẻ sinh cùng ngày!”

Bấy giờ, thái tử nói kệ trả lời lại Xa- Nặc:

“ Giả sử huyết nhục cuả ta đây,
Cho đến da dẻ và gân cốt,
Tất cả đều bị nghiền tan nát,
Hay là tính mạng không bảo toàn,
Nếu ta không trút được gánh nặng,
Vượt mọi đau khổ, đạt căn nguyên,
Chưa chứng giải thoát, ngồi Đạo trường,
Quyết sẽ không về gặp ngươi nữa!”

Khi ấy, Xa-nặc oà lên khóc lớn, thưa thái tử rằng: “Con ngựa này tuy là loài vật, nhưng vẫn còn biết đau thương, rơi nước mắt khóc lóc, quỳ xuống hai bàn chân của thái tử. Huống chi là người thân thích ruột

thịt, sẽ phải đau khổ đến dường nào!" Bấy giờ, thái tử lấy tay vuốt đầu ngựa chúa Kiền-trắc và nói kệ rằng:

"Thái tử lấy tay có văn lưới,
Tướng tốt pháp luân chữ vạn rõ,
Bàn tay mềm mại ánh sắc vàng,
Ve vuốt trên đầu ngựa Kiền-trắc.
Giống hai người thân ngồi tâm sự:
"Người cùng ngày sinh, ngựa Kiền-trắc!
Chớ nên hí buồn, thêm áo não!
Người đã lập công xong xuôi cả.
Nếu ta chứng được pháp Cam lộ,
Công lao xứng đáng đã chuyên chở,
Ta sẽ chia cho Pháp vi diệu,
Đền đáp công ấy, quyết chẳng sai!"

Thứ ba: PHẦN THÍCH PHÁT

Kinh Phật-bản-hạnh nói: "Bấy giờ, thái tử lấy lại cây dao có chuôi trang sức bằng thất bảo xen lẫn Châu ma-ni đeo bên hông Xa-nặc. Tự dùng tay phải nắm chuôi dao rút ra khỏi vỏ. Lập tức dùng tay trái nắm búi tóc có màu xanh tía của hoa Ưu-bát-la, tay phải đưa dao bén ấy cắt đứt và thuận tay liệng vào không trung. Trời Đế-thích lấy làm kỳ lạ, hết sức vui mừng, hứng ngay búi tóc, không cho rơi xuống, dùng áo Trời tuyệt đẹp đỡ lấy, bọc lại. Chư Thiên đem các phẩm vật quý báu nhất trên các cõi Trời ấy cúng dường cho thái tử. Khi ấy, Thiên chúng Trời Tĩnh Cư ở cách thái tử, không gần không xa. Có một tràng hoa tên Tu-man-na, hoa từ tràng này rơi xuống, hóa thành một người hớt tóc cầm dao cạo sắc bén đứng chờ. Thái tử nói với người ấy rằng: "Ông có thể hớt tóc cho ta không?" Người ấy trả lời: "Được lắm chứ!" Rồi dùng dao ấy cạo tóc cho thái tử. Bấy giờ, Trời Đế-thích lấy làm kỳ lạ, tóc vừa cạo xong, không để một sợi nào rơi xuống đất, từng sợi một, đều dùng áo Trời hứng lấy và cúng dường lại cho chư Thiên Tam Thập Tam. Búi tóc, mũ, lược của Bồ-tát đến nay vẫn còn nguyên vẹn."

Theo sách Cảm-ứng-ký của luật sư Đạo Tuyên nói rằng: "Thiên nhân trả lời luật sư: "Khi vừa thành Đạo cho đến mười ba năm sau, đức Như Lai ở tại tịnh xá Kỳ-hoàn. Bấy giờ, Thiên vương Đại Phạm mời đức Phật thuyết pháp. Hằng trăm ức chư Phật mười phương đều đến tụ họp. Các Bồ-tát, Thanh văn, Bát bộ long thần trong đại thiên thế giới cũng tề tựu ở Kỳ-hoàn. Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân bạch đức Phật

rằng: “Thưa đức Thế tôn, tôi thấy Thiên vương Đại Phạm mời đức Phật thuyết pháp. Bây giờ tôi muốn tắm cho đức Phật, kính xin ngài bằng lòng. Đức Phật liền bằng lòng. Lập tức có hành cung bằng thất bảo và các loại nước nóng ướp hoa thơm để tắm cho đức Phật. Đức Phật bảo A-nan: “Ông hãy đến toà kim cương dưới cây bồ đề ở phía Tây tháp lấy cây dao thất bảo và bồn tắm kim cương của ta. Ta sắp sửa cạo tóc.” A-nan vâng lời, đi lấy đem về chỗ đức Phật. Đức Phật nhận dao xong, bảo khắp đại chúng rằng: “Từ khi thành Đạo đến nay, ta chưa từng nói với các ông về nhân duyên của dao này. Hôm nay các ông hãy nghe kỹ, khi ta mới ra khỏi thành, xa cung điện của phụ vương chừng sáu mươi dặm, Xa-nặc bạch ta rằng, bây giờ tôi hơi mệt, xin dừng chân nghỉ ngơi một lát. Ta nghe lời, dừng lại. Ngay chỗ nghỉ chân, có một hồ Đại long, chu vi rộng bốn mươi dặm. Hồ có nhiều hoa sen ngũ sắc, bốn bề hoa cỏ xanh tươi khiến người ta ưa thích. Ta đến bên hồ, vốc nước rửa mặt. Bỗng nhiên có hai thiếu niên đi đến bên ta, hỏi ta đi đâu. Ta đáp, đi tìm Đạo Bồ- đề. Thiếu niên ấy bảo, tôi là Long vương của hồ này. Từ khi thư tịch Vi-đà ghi chép, có nghìn Phật sẽ xuất thế trong Hiền kiếp này, tôi làm thân rồng đến nay đã trải qua mười đại kiếp, mấy lần thấy các Thế tôn thành Đạo và nhập Niết-bàn. Khi đức Phật Câu-lưu-tôn nhập diệt, đã đem giao phó cho tôi một bồn tắm kim cương, trong đựng thế đao. Kể từ ba vị Phật xuất thế trong Hiền kiếp đến nay, thế đao và bồn kim cương đã được lần lượt giao phó. Hôm nay, tôi muốn mời ngài xuống long cung để sửa soạn cúng dường chút ít lễ vật. Không biết ngài có nhận lời chăng? Ta liền đi theo xuống đến long cung thọ lãnh cúng dường. Rồi thiếu niên đem thế đao bằng thất bảo dâng cho ta và nói, hôm nay ngày tu Đạo, sẽ có nhiều ma quỷ quấy nhiễu. Mỗi khi muốn tĩnh tư, nên đem dao này để yên trên gối phải. Dao này sẽ phóng hào quang chiếu sáng khắp thân ngài, hóa thành nghìn vạn trượng. Từ hào quang ấy, hiện nên một tấm màn che phủ thân ngài. Trên tấm màn ấy, có hằng trăm nghìn lực sĩ cầm dao, uy nghi ngoài sức tưởng tượng. Ma quỷ thấy được, sẽ kinh sợ, không nổi ác tâm phá phách. Đợi đến khi ngài thành Đạo, sắp sửa gọt tóc râu, tôi sẽ đem bồn tắm kim cương ấy đến chỗ ngài. Khi ta vừa thanh Đạo, xuống sông tắm rửa, Long thần ấy liền mang bồn đến cho ta. Bấy giờ, đức Phật bảo Phạm vương: “Ông hãy mang dao quý bay lên Thiên cung.” Và bảo các thổ thần Kiên Lao: “Từ cõi kim cương, hãy tạo nên đài kim cương cao bảy mươi do-tuần cho đức Như Lai ngồi lên.” Lại bảo Long vương Ta-kiệt: “Ông hãy hóa thân thành tám vạn bốn nghìn hình rồng vàng. Đầu bằng thất bảo, mình

bằng vàng ròng. Từ đỉnh núi Tu-di, phun nước 8 công đức tưới xuống đỉnh đầu đức Thế tôn." Lại bảo Trời Phạm-ma: "Ông hãy gội đầu tóc cho đức Thế tôn." Ra lệnh cho Thích-đề-hoàn-nhân: "Ông hãy cầm bồn kim cương hứng tóc cho đức Thế tôn." Khi ấy, Thiên vương Hóa Lạc biến thành tán bạc che mát đỉnh đầu của đức Như Lai. Chư Phật mười phương đều đến bên ta, cùng ngồi lên đài kim cương và tay cầm dao thất bảo. Chư Phật đưa bàn tay óng ánh sắc vàng lần lượt xoa lên đỉnh đầu ta. Khi được xoa xong, ta có đủ trăm nghìn phép Tam-muội. Chư Phật bảo Thiên vương Đại Phạm: "Ông hãy cầm dao gọt tóc cho đức Như Lai." Khi Thiên vương ấy cầm dao sử sọan gọt tóc, liền không thấy đỉnh đầu của đức Như Lai. Tìm lên búi tóc trên đỉnh, cũng chẳng thấy. Đức Phật bảo Phạm vương: "Ta thấy chư Phật đời quá khứ đều tự gọt tóc. Tất cả phàm Thánh đều không thể thấy được đỉnh tướng của ta." Ta bèn tự tay gọt tóc. Râu tóc đều sạch, chỉ còn hai râu mép, dù đã gọt, vẫn không chịu rụng. Gọt xong, ta xuống sông tắm gội. Bấy giờ, các Phạm vương, Đế-thích, Long vương đều tranh nhau lấy tóc của ta. đức Phật bảo đại chúng: "Hãy giao cho Phạm vương, Đế-thích, Phạm-mas và Long vương mỗi người chút ít tóc râu." Cũng giao cho nhà vua Tịnh Phạn chút ít. Chư Phật mười phương lại bảo ta rằng: "Thiên vương Đại Phạm này chính là vị thí chủ lớn hàng đầu của ngài. Ngài hãy hiện đỉnh tướng cho Phạm vương ấy cầm dao gọt lại tóc râu." Ta nghe lời này, bèn hiện đỉnh tướng ra. Ta cầm dao này giao cho Phạm vương. Mặt đất vì thế, chấn động đủ sáu cách. Dao phóng hào quang chiếu sáng hằng trăm ức quốc độ của chư Phật. Ta tuy đã hiện ra đỉnh tướng, nhưng chỉ lên đến Sắc giới đỉnh. Bấy giờ, Phạm vương liền bay lên đến đỉnh tướng mới gọt được tóc cho ta. Sau đó, gọt hai râu mép. Khi râu mép rơi xuống, phóng ra hào quang lớn, rơi xuống đến Diêm-phù-đề, hóa thành hai toà bảo tháp, cao đến đỉnh tướng, đầy đủ mọi thứ trang nghiêm. Từ lúc ta thành Phật đến nay, hai bảo tháp này có mặt trước hết. Chư Phật mười phương đồng thời bảo ta: "Hãy đem hai bảo tháp râu mép này giao cho Phạm vương giữ gìn. Sai thổ thần Kiên Lao tạo tháp kim cương nhỏ để đựng thế đao và bồn vàng này. Chúng tôi thấy chư Phật đời quá khứ, khi mới thành Chánh giác, đều cầm dao này gọt tóc và nói xong "Đến thật là hay!" thì râu tóc đã rụng xuống. Nay ngài đã thành Đạo, hãy cầm dao này đến Lộc uyển thế độ cho năm người giống như chư Phật đời quá khứ." Ta nghe lời ấy, liền đến Lộc uyển thế độ cho năm vị Bà-la-môn. Từ đó về sau đều gọi họ là Thiên Lai hay Yết-ma. Lại bảo Tu-bồ-đề: "Từ giới đàn, hãy phóng lửa chiếu sáng để triệu tập

hằng trăm ức chư Phật và các vị hóa Phật của ta đến tụ họp tại giới đàn. Tu-bồ-đề vâng lời, đi triệu tập xong xuôi. Từ giảng đường, đức Như Lai cầm thế đao, A-nan bưng bồn bồn vàng, cùng đại chúng Trời người đi đến giới đàn, vòng quanh ba lượt, rồi theo phía Bắc bước lên đàn, bảo Thiên vương Đại Phạm: "Ông hãy bố thí thợ thuyền và vàng sắt trên Trời để ta chế tạo thế đao." Lại bảo thổ thần Kiên Lao: "Ông hãy bố thí kim cương, ta sắp chế tạo tháp nhỏ đựng thế đao này." Lại bảo Long vương Ta-kiệt: "Thợ rồng của ông giỏi nhất, có thể chế tạo hộp đựng dao quý cho ta." Các Thiên nhân vâng lời, bố thí đủ mọi thứ. Nhờ thần lực của đức Như Lai, chỉ trong khoảng thời gian một bửa ăn, cả ba loại đều hoàn thành. Dao quý chế tạo được tám vạn bốn nghìn cái, đem cho vào hộp và đựng trong tháp kim cương. Lại bảo chư Phật mười phương đều cúng dường dao và tháp, số lượng lên đến tám mươi ức cái. Tất cả đều được giao cho Văn-thù và Phổ Hiền. Đức Phật bảo Phổ Hiền: "Sau khi ta nhập Niết-bàn, hãy đem các tháp cúng dường này an trí khắp tám mươi vạn ức nước lớn trong Đại thiên thế giới, mỗi nước một tháp. Cõi Diêm-phù-đề có tám vạn bốn nghìn món phiền não, đều mong ước được giải thoát. Hãy giúp cho họ được xuất gia, siêu độ khỏi vòng sinh tử luân hồi. Lớp lớp công đức lợi sinh ấy nhiều không thể nói hết." Đức Phật bảo Văn-thù: "Qua năm sau, ông mang dao, tháp sang an trí trong động kim cương ở núi Thanh lương bên Chấn-đán (Trung Quốc)." Đức Phật bảo A-nan: "Ông hãy về cung của phụ vương lấy tóc của ta, đem đến đây giao cho Đế-thích." A-nan vâng lời, đi lấy về giao xong. Đức Phật bảo Đế-thích: "Ông tính tóc ta tạo ra bao nhiêu bảo tháp?" Đế-thích thưa rằng: "Tôi tuỳ theo số tóc của đức Như Lai, mỗi sợi tóc xoắn sẽ tạo ra một bảo tháp." Đức Phật bảo Long vương: "Hãy sai thợ chế tạo bình mã não, hộp vàng ròng giao cho Đế-thích để đựng tóc xoắn." Bấy giơ, Đế-thích sai thợ Trời chế tạo, tính toán phải mất ba mươi bảy ngày mới hoàn thành. Đức Như Lai dùng thần lực, nên chỉ trong khoảng thời gian một bửa ăn, tháp đựng tóc đã hoàn thành. Số lượng lớn đến hai mươi sáu vạn cái. Đức Phật bảo Đế-thích: "Ông hãy lưu lại ba trăm bảo tháp cất giữ trên Trời. Số lượng còn lại, sau khi ta nhập Niết-bàn, hãy đem tám vạn bốn nghìn cái giao cho Văn-thù-sư-lợi an trí ở Diêm-phù-đề cũng như ở các nước trên Trời để Chánh pháp của ta được loan truyền rộng rãi thuận lợi khắp nơi." Đức Phật lại bảo A-nan: "Ông về cung của phụ vương lấy râu mép của ta. Tổng cọng có sáu mươi bốn sợi. Hai sợi đã cúng dường cho phụ vương. Số còn lại, hãy đem về đây. Ta sắp sửa tạo tháp." A-nan vâng lời, đi lấy về giao cho đức Thế tôn. Bấy

giờ, đức Phật bảo bọn La-sát: “Ta bố thí cho các ngươi hai sợi râu mép này. Các ngươi phải chế tạo hộp thất bảo và tháp trầm hương đựng râu mép được cúng dường này. Nhờ uy đức của râu, khiến cho bọn ngươi có đủ mọi thứ ăn uống. La-sát bạch Phật rằng: “Nhờ đức Thế tôn bố thí râu mép, sai tạo ra bảo tháp. Không biết tháp phải cao bao nhiêu?” Đức Phật bảo: “Cao chừng bốn mươi do-tuần. Số lượng râu còn lại cũng nên tạo nên hộp và tháp cao chừng ba trượng.” Các La-sát vâng lời, tạo tháp và đều hết sức vui mừng. Đức Phật lại bảo các La-sát: “Các ngươi nên cố gắng giữ gìn, đừng để các ngoại đạo, người xấu, ma quỷ, rồng dữ phá hủy bảo tháp của ta. Tháp này là tính mạng của các ngươi. Nhờ giữ gìn bảo tháp, nên các thứ ăn uống đều có đủ hằng ngày. Mỗi năm, tháp này sẽ phóng hào quang ba lượt, chiếu sáng thân thể các ngươi. Thường mưa xuống các thứ gạo cơm, đường mật, rau quả đầy đủ theo nhu cầu. Nếu nuôi lòng ác, hào quang sẽ không xuất hiện, lương thực đều biến mất. Nếu thấy xảy ra các tai họa này, các ngươi phải được hết đám La-sát đến trước tháp ăn năng sám hối hết sức, thì hào quang lại phóng ra, lương thực lại có đầy đủ.” Sáu mươi tháp đựng râu mép còn lại, khi đức Thế tôn nhập Niết-bàn, đem giao lại cho Bồ-tat Vô Ngôn, sai giữ gìn hơn nữa, đừng để các vua ác phá hủy. Trong sáu mươi nước lớn có chữ nghiã học hành ở Diêm-phù-đề, mỗi nước an trí một bảo tháp. Sai thổ thần Kiên Lao lấy kim cương làm tháp, cao chừng ba trượng để đựng hộp râu. Chọn lựa các danh sơn trong sáu mươi nước lớn ấy, đục đá làm khám rồi đựng bảo tháp vào trong. Cửa khám phải khóa chặt, không cho các vua ác sau này mở ra phá huỷ, không giữ được lâu dài.”

Thứ tư: PHẦN CỤ PHỤC

Kinh Phật-bản-hạnh nói: “Bấy giờ, thái tử đã gọt tóc xong, Trời Tĩnh Cư lại biến thành người thợ săn, mình mặc áo cà sa nhuộm đúng màu, tay câm cung tên. Thấy được, thái tử bảo rằng: “Ông có thể cho tôi chiếc áo cà sa này chăng? Tôi sẽ tặng ông chiếc áo Ca-thy có giá trị hằng trăm ngàn ức vàng, lại được ướp đủ loại hương trầm ngào ngạt.” Và nói kệ rằng:

“Chiếc áo giải thoát của Thánh nhân,
Người mang cung tên mặc không hợp.
Xin ông hoan hỷ tặng cho tôi,
Đừng tiếc cùng tôi đổi áo Trời.”*

Người thợ săn đáp lại rằng: “Hay thay! Tôi thật không hề tiếc.” Khi ấy, chiếc áo do Trời Tĩnh Cư hóa phép lọt vào tay Bồ-tát; chiếc áo

Ca-thy tuyệt đẹp của Trời bay lên không trung. Chỉ trong khoảnh khắc một niệm, đã trở về lại Phạm Thiên. Do thành tâm muốn tặng chiếc áo tuyệt đẹp, nên khi đã thấy thế, Bồ-tát hết sức vui mừng. bấy giờ, Bồ-tát đã gọt tóc xong, thân lại mặc áo cà sa, hình dung đổi khác, uy nghi đầy đủ. Miệng ngài bèn phát ra lời thệ nguyện lớn lao: "Hôm nay ta mới thật sự là người xuất gia!"

Thứ năm: PHẦN SỬ HOÀN

Kinh Phật-bản-hạnh nói: "Bấy giờ, Xa-nặc và ngựa chúa đau buồn rơi lệ, giả từ thái tử. Nhân thế, nói kệ rằng:

"Bồ-tát ra đi vào giữa khuya,
Xa-nặc giả từ, dắt Kiền-trắc.
Vì quá khổ sở, thân tơi tả,
Mất hết tám ngày mới trở về."

Xa-nặc và ngựa chúa về đến thành xong, thấy kinh thành vắng vẻ, trống không, nước mắt tuôn ra như mưa, cùng dắt nhau vào thành. Ngựa Kiền-trắc đứng ngoài cửa, nôn nao muốn vào trong cung nhìn lại chỗ thái tử đi đứng, nằm ngồi. Không thấy thái tử, nước mắt rơi xuống ròng ròng như suối. Mọi người và cung quyến chỉ thấy Xa-nặc cùng ngựa Kiền-trắc nhập cung, đều giơ tay lên trời, kêu gào khóc lớn, lệ tuôn chan hòa đầy mặt và nói kệ rằng:

"Lòng các thể nữ đau như cắt,
Khao khát trong mong thái tử về.
Bỗng thấy Xa-nặc, ngựa về không.
Lệ tuôn đầy mặt, oà lên khóc,
Bứt sạch anh lạc, y phục đẹp,
Xoã cả đầu tóc, thân gầy guộc.
Chới với giơ tay, thế là hết!
Kêu khóc đến sáng, không hề ngủ."

Bấy giờ, hoàng gia trong cung đau buôn không thể tả. Đại phu nhân Da-du-đà-la nhìn Xa-nặc nói rằng: "Nếu ta là người đàn bà không chồng thì dẫu thế nào, cũng cam lòng chịu đựng. Trái lại, thái tử bỏ ta để xuất gia ở chốn núi rừng, bắt ta phải chịu cảnh phòng đơn gối chiếc, làm sao khiến lòng không tan nát được?" Và nói kệ rằng:

"Thân tâm ta nay đã cứng lì,
Sánh cùng sắt đá khác xa chi?
Chủ nhân lên núi, cung hoang lạnh,
Sao lòng lại chẳng nát tan đi?"

Bấy giờ, vua Tịnh Phạn vì nhớ thương thái tử, đau đớn xé lòng, mê man té xuống đất, không còn hay biết gì nữa và nói kệ rằng:

"Vua nghe Bồ-tát thề nguyện nặng,
Lại thấy Xa-nặc, Kiền-trắc về.
Bỗng nhiên mê sảng, đấm vào ngực,
Cũng tựa Đế-thích gãy Hỷ tràng.

Khi nhà vua tỉnh lại, liền nói kệ rằng:

"Kiền-trắc mày ơi, hãy chạy nhanh!
Đưa ta đến đó chở con về.
Ta đã mất con, không sống nổi.
Như người bệnh nặng, thuốc thang chi!"

Lại nữa, kinh Phổ-diệu nói: "Bấy giờ, Bồ-tát vừa ra khỏi thành, tất cả dân chúng Ca-duy-la-vệ đều biết thái tử đã ra đi, cùng nhau bàn tán và lấy làm vui mừng. Sáng hôm sau, Câu-di thức dậy, nghe tiếng xôn xao, mới biết thái tử đã đi rồi. Về phần nhà vua, nghe âm thanh vang dội thật lớn, không thấy Bồ-tát, Xa-nặc và ngựa, lòng nhà vua đau đớn tan nát, té nhào xuống đất, cất tiếng thở than: "Niềm hy vọng của ta đã tiêu tan vĩnh viễn, còn biết trông cậy vào ai nữa đây?" Câu-di từ giường lăn xuống đất, vò bứt đầu tóc, giật đứt chuỗi anh lạc: "sao khổ đến thế này! Ngài là người dẫn dắt, là chỗ nương tựa như Trời. Vậy mà đành bỏ thiếp để ra đi! Thiếp còn sống nữa để làm gì? Ân ái chưa được bao lâu, nay lại chịu cảnh biệt ly!" Rồi lại khóc lóc, nước mắt rơi xuống như mưa, không cầm lại được. Không thấy Bồ-tát, chẳng ai là không đau lòng. Cây cối trong vườn từ từ xơ xác tiêu điều, không còn hoa quả. Mặt đất sạch sẽ, bỗng dưng nổi đầy bụi bặm. Nhà vua nghe đồn, cùng đình thần, hoàng tộc đi theo hộ vệ, đến thăm vườn. Thấy vậy, lại càng đau đớn. Cù-di nuôi lòng hy vọng thái tử sẽ trở về. Xa-nặc vào thưa rằng: "Bồ-tát bẩm lại với nhà vua và Xá-di, phải thành Đạo xong, mới trở về gặp mặt." Nhà vua nhìn lại, chỉ thấy có áo quý, Xa-nặc và ngựa Kiền-trắc trở về, không thấy thái tử, liền gieo mình xuống đất: "Than ôi! Con ta hiểu rành kinh điển, học thuật kỳ diệu đều thông suốt. Nay đi đến đó, bỏ nước vạn dân. Xa-nặc nói đi! Bồ-tát con ta đến chỗ nào? Ai mở giúp cửa? Chư Thiên cúng dường ra sao?" Xa-nặc thưa rằng: "Xin đại vương nghe cho, tôi đang nằm ngủ yên ổn ở chỗ mọi ngày. Cửa thành đã đóng. Khi ấy, Bồ-tát bảo tôi chuẩn bị ngựa. Trong thành, vạn dân đều ngủ, chẳng có ai hay. Đế-thích mở cửa. Bốn Thiên vương ra lệnh cho bốn thần nhân bồng chân ngựa. Có hằng trăm nghìn Thiên vương, Đế-thích, Phạm vương hộ tống Bồ-tát, sửa soạn đường sá, phóng

hào quang chiếu sáng, rải hoa đốt hương. Các nhạc công trên trời cùng lúc cử hành âm nhạc, ca múa giữa không trung. Thiên chúng bao bọc chung quanh để hộ tống Bồ-tát. Khi đã đi khỏi thành rất xa, Bồ-tát cởi áo, chuỗi anh lạc và ngựa giao cho tôi đem về bẩm với đại vương và từ biệt phu nhân, phải thành được Phật, mới trở về gặp mặt. Xin chớ ưu sầu." Bấy giờ, phu nhân nghe Xa-nặc nói, lại càng thêm đau đớn, ôm lấy đầu ngựa trắng và than rằng: "Thái tử cưỡi mày đi, sao mày lại trở về một mình? Dung mạo tuyệt đẹp như vầng trăng đầy, tướng hảo trang nghiêm đã giã biệt ra đi! Xa gần than tiếc, ai chẳng đau lòng? Sao đi một mình, có ai theo đâu? Xa-nặc vô tích sự, chỉ làm gai mắt ta!" Khi ấy, Xa-nặc thấy nhà vua và Cù-di đem lời trách móc chua cay, lòng thêm buồn tủi, rơi nước mắt, bèn đem kể lại chuyện con gián thống thiết trước đây. Tuy nhiên, hành động của thái tử đều phù hợp với đạo lý, xin nhà vua và phu nhân đừng đau buồn nữa."

Thứ sáu: PHẦN GIÁN TỬ

Như kinh Phật-bản-hạnh nói: "Vua Tịnh Phạn sai hai người lên núi khuyên can thái tử trở về và nói kệ rằng:

"Đầu gai nhọn hoắc được ai mài?
Đầu chim sặc sỡ do ai vẽ?
Mỗi loài tuỳ nghiệp chuyển xoay nên,
Thế gian chẳng có người làm nổi!

Bấy giờ, thái tử trình bày cặn kẽ cùng sứ giả, xin nhà vua tin tưởng sâu sắc vào lý nhân quả tự nhiên (lời lẽ rất nhiều, không thể nói hết ra đây)." Lại nữa, kinh Phổ-diệu nói: "Phụ vương nghe tin thái tử xuất gia, đau buồn khóc lóc và hỏi rằng: "Vì lý tưởng nào? Khi nào sẽ trở về? Phải lập lời thề với trẫm. Trẫm nay tuổi tác già nua, nước nhà không có người nối dõi." Thái tử bèn lựa cơ hội trả lời rằng: "Nếu thỏa được bốn điều ước nguyện, sẽ không xuất gia nữa. Một là không già. Hai là đến hết đời không bệnh. Ba là không chết. Bốn là thường tồn, không khác. Thần tiên tuy có ngũ thông, dẫu thọ một kiếp, cuối cùng cũng không thoát được cái chết." Nhà vua nghe xong, hết sức đau buồn. Bốn điều ước nguyện ấy, xưa nay chưa từng có được! Mấy ai thoát khỏi nó đâu!"

Thứ bảy: PHẦN SAI THỊ

Kinh Phật-bản-hạnh nói: "Bấy giờ, vua Thâu-đầu-đàn bảo con cái họ Thích rằng: "Bọn họ Thích các ngươi, nếu biết thời cơ, một nhà chỉ cần một người xuất gia. Nếu nhà họ Thích có năm anh em, cho phép

ba người xuất gia hai người tại gia. Nếu có bốn anh em, hai người được xuất gia, hai người tại gia. Nếu có ba anh em, hai người xuất gia, một người tại gia. Nếu chỉ có một người, không được xuất gia. Tại sao?Vì không thể để cho dòng họ Thích bị đoạn tuyệt.”

Thứ tám: PHẦN PHẬT PHÁT

Như kinh Quán-Phật-tam-muội nói: “Trên đầu của đức Như Lai có tám vạn bốn nghìn sợi tóc đều rẽ hai bên và mọc xoắn về phía phải. Các sợi tóc bằng nhau và mỗi sợi vuông vức bốn cạnh. Mỗi một sợi phát ra hào quang ngũ sắc, hòa chung với mười bốn sắc hào quang nói trên. Trước đây, khi ta còn ở trong cung, nhũ mẫu gội đầu cho ta. Bấy giờ, vì quá yêu thương, nhũ mẫu đến bên ta và bảo rằng: “Khi Tất-đạt sinh ra, đã có nhiều chuyện kỳ lạ. Nếu có người hỏi nhũ mẫu, tóc của cháu người dài ngắn ra sao, nhũ mẫu biết trả lời thế nào đây? Nay nên lường để biết tóc của cháu dài ngắn bao nhiêu.” Nói xong, liền bảo ta xổ tóc ra. Nhũ mẫu lấy thước đo thử, dài một trượng ba thước năm tấc. Xổ xong, tóc xoắn lại thành búi như vỏ ốc, hướng về phía phải. Khi ta sắp nạp phi, lại đo tóc, dài một trượng ba thước năm tấc. Khi ta xuất gia, được Thiên thần bồng đi, tóc cũng dài, một trượng ba thước năm tấc. Hôm nay, phụ vương hãy xem tóc của Như Lai. Nói xong, đức Phật bèn lấy tay xổ ra, tuôn dài từ tinh xá Ni-câu-lâu-đà đến cung của phụ vương, rồi quấn bảy vòng quanh kinh thành, óng ánh xanh tía như lưu ly. Đại chúng đều chứng kiến nh74ng màu sắc như thế trong tóc của đức Phật, kỳ diệu không thể tả nổi. Đức Phật lại thâu tóc, tắt hào quang. Tóc uyển chuyển xoay trở về phía phải ở trên đỉnh đầu, thành búi hình trôn ốc.”

Lại nữa, luật Tăng-chi bảo: “Khi đức Phật còn tại thế, cứ bốn tháng cạo tóc một lần.” Theo luận Tát-bà-đa: “Tuy bốn tháng cạo tóc một lần, nhưng cũng giống người phàm bảy ngày cạo tóc một lần vậy.” Lại nữa, kinh Văn-thù-sư-lợi vấn nói: “Tóc người phàm dài hai lóng tay thì nên cạo. Đôi khi qua hai tháng, nếu tóc còn ngắn mà vẫn cạo, ấy là hạng Bồ-tát Vô học. Nếu dài hơn hai lóng tay mới cạo, cũng la hạng Bồ-tát Vô học. Móng tay không được để dài. Chỉ được phép bằng hột thóc năm ngang. Vì sao? Vì để gãi ngứa.” Lại nữa, luật Tứ-phần nói: “Phật bảo, cho phép các Tỳ-kheo cắt móng tay sát đến da. Nếu dài nhất, chỉ bằng hạt lúa tẻ. Phải cạo tóc, nửa tháng một lần. Tóc dài nhất, chỉ được bằng hai lóng tay. Hoặc hai tháng cạo một lần (theo lịch pháp cổ Ấn Độ, hai tháng ở đây, kể từ tuần trăng sáng và tối. Mỗi tuần có mười lăm ngày. Như thế, thời gian 30 ngày này là hai tháng vậy).

Lại nữa, kinh Tỳ-ni-mẫu nói: "Đức Phật bảo đại chúng, không được dùng áo cũ, bình cũ đựng lấy tóc này, phải dùng vật mới. Có hoàng tử con vua Cù-ba-la đi theo xin tóc của đức Thế tôn. Đức Phật bảo, phải dùng bình thất bảo đựng lấy." Lại nữa, luật Tứ-phần nói: " Bấy giờ, A-nan mang bình cũ thu thập tóc của đức Thế tôn. Đức Phật bảo, không được dùng bình cũ đựng tóc của Như Lai. Phải dùng bình mới, áo mới, lụa màu dày như thế để đựng lấy tóc và gói bọc lại. Khi ấy, có hoàng tử Cù-ba-ly làm tướng quân, sắp sửa đi chinh phạt bốn phương, đến xin tóc của đức Thế tôn. Đức Phật bảo, hãy cho ông ấy. Được tóc xong, không biết an trí chỗ nào. Đưc Phật bảo, cho phép an trí trong tháp vàng, hoặc trong tháp bạc, hoặc trong tháp thất bảo, hoặc dùng lụa màu gói bọc lại. Chẳng biết nên giữ gìn thế nào? Đức Phật bảo, cho phép mang trên đầu trên vai khi ngồi lên xe ngựa, bành voi. Hoàng tử mang tóc của đức Thế tôn đi chinh phạt, đắc thắng trở về, bèn xây tháp tôn trí tóc ấy. Cũng cho phép các Tỳ-kheo mang tóc của ngài đi và an trí theo cách đã nói trên. Kẻ ấy không rửa ráy sạch sẽ khi đại tiểu tiện mà vẫn mang tháp của đức Thế tôn? Đức Phật bảo, không được làm như thế. Phải nhờ người sạch sẽ giữ lấy và an trí tháp của Như Lai. Nếu an trí tháp vào trong phòng không tốt, mình lại ở trong phòng rất tốt phía trên? Đức Phật bảo, không được làm như thế. Phải an trí tháp của Như Lai vào trong phòng rất tốt phía trên, mình ở trong phòng không tốt. Kẻ ấy an trí tháp của đức Thế tôn vào phòng phía dưới, mình lại ở phòng trên? Đức Phật bảo, không được làm như thế, phải tôn trí tháp của Như Lai ở phòng trên, mình ở phòng dưới. Người ấy ở chung phòng với tháp của đức Thế tôn? Đức Phật bảo, không được làm như thế. Người ấy vì bảo vệ chặt chẽ, nhưng sợ sệt, cẩn trọng, không dám ở chung? Đức Phật bảo, cho phép an trí trên đầu cọc. Nếu đã an trí trên đầu cọc, hoặc để bên đầu nằm, vì lý do bảo vệ tháp, cho phép ở lại trong tháp. Cũng như vì lý do bảo vệ chặt chẽ bảo vật trong tháp, cho phép ở chung. Người ấy mang giày da đi xộc vào trong tháp? Đức Phật bảo, không được làm như thế. Đức Phật bảo tiếp, cho phép ngồi ăn phía dưới tháp, không được là ô uế dơ bẩn tháp. Nếu có đồ dơ uế, gom lại bên chân. Khi ăn xong, phải mang đi chỗ khác."*

*Đoạn này văn pháp rất uẩn xúc, khó hiểu. Có lẽ ở đây có hai loại tháp: tháp nhỏ để an trí tóc của đức Phật và tháp lớn để thờ cúng. Các câu cuối chỉ cho tháp lớn.

Thứ chín: PHẦN THỜI TIẾT

Như các kinh Thập-nhị-du và Tăng-nhất-A-hàm đều bảo: "Hai mươi chín tuổi xuất gia, hai mươi năm ở trong hàng ngũ ngoại đạo." Nay suy luận theo đại thể, đức Như Lai tại thế bảy mươi chín năm. nếu hai mươi chín tuổi xuất gia, ba mươi lăm tuổi thành Đạo, thời gian hành đạo là bốn mươi lăm năm. Nhưng kinh Thiền-yếu bảo: "Đức Phật Thích-ca một thân giáo hóa chúng sinh ba mươi chín năm." Phần nhiều các kinh nói ngài xuất gia năm mười chín tuổi thì có vẽ đúng hơn. Thế nên, kinh Vị-tăng-hữu nói: "Phu nhân Da-du-đà-la bảo, đức Như Lai cưới ta chưa quá ba năm." Kinh Thụy-ứng có nói: "Thái tử lên mười bảy tuổi nạp phi." Như thế, chứng tỏ chuyện ngài xuất gia năm mười chín tuổi là đúng. Như chuyện hai mươi chín tuổi xuất gia, ba mươi lăm tuổi thành Đạo thì trong các kinh ít nói đến. Vã lại, bảo ngài ở trong hàng ngũ ngoại đạo học hỏi hai mươi năm, thì đến năm mươi tuổi mới thành Đạo. Điều ấy đủ tỏ sai lầm. Chẳng qua, do căn cơ của chúng sinh không giống nhau, nên kiến giải có chỗ dị đồng vậy.

Thứ mười: PHẦN HỘI ĐỒNG

Thuật rằng:

Do nhiều thế hệ cách xa, ngôn ngữ Ấn Hoa dị biệt, người dịch trình độ không giống, nên lời văn danh từ sinh ra khác nhau. Dẫu muốn nhất nhất tuân theo, chẳng có tiêu chuẩn cố định. Xét rằng sách vở một đời, anh tài đua nhau mô phỏng, khiến cho "hợi thỉ" đổi từ, "lỗ ngư" biến vận. Huống chi đất nước gồm có trong ngoài, thư pháp lại càng nhiều thể. Vì thế, dù cố tìm tòi, cũng khó thống nhất. Như chuyện Hoàng Đế ba mặt, nhạc quan một chân, lời dù không phải Ấn Hoa, chuyện thành đầu Ngô Minh Sở! Hơn nữa, tà đạo dễ nghe, chánh pháp khó hiểu. Lời có chính phụ, đắp đổi viết ra, đến khi thẩm định, há chẳng sinh ra dị thuyết hay sao?

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 11

***Bộ thứ 12:* THÀNH ĐẠO**

Gồm có 10 phần: Thuật ý, Khất thực, Học định, Khổ hạnh, Thực mi, Thảo tọa, Hàng ma, Thành Đạo, Thiên tán, Thần biến.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Bậc đại Thánh xuất hiện rất đúng thời cơ, mọi chúng sinh thành tâm đều được chiếu giám. Che chở khắp mười phương, giáo hóa suốt ba cõi. Là Đạo sư tiếp dẫn tứ sinh, làm bè cứu vớt Lục đạo. Đến như, Đâu-suất giáng sinh, Diêm-phù nhập diệt. Hoài thai chầy tháng, hấp hối sao rơi. Vườn Lâm-vi-ni phô mười hai tướng tốt, cây Tất-lợi-xoa phóng hào quang. Xem gương khổ ở bốn cửa thành, đẹp hẳn mọi ác thú ngũ dục. Bỏ kinh đô nghiêm mật ra đi, nương cội Đạo siêu nhiên chứng giác. Gộp bốn bát đá ở Liên hà, độ năm Tỳ kheo ở Lộc uyển. Dẹp sạch ái trước triền miên ràng buộc, tẩy rửa bụi trần tiền kiếp chất chồng. Tuệ nhật khai thông, quang đảng trong lành tám ngục, thần uy xiển hoá, hiền hoà chiếu diệu bốn loài. Pháp âm diễn thuyết một lời, mỗi loài tùy cơ giải thoát. Tượng giáo do đó càng được chấn hưng, lưu truyền đến nay cũng đã lâu lắm.

Thứ hai: PHẦN KHẤT THỰC

Như Luật Tứ-phần nói: “Bấy giờ, Bồ tát dần dần đi xa, từ biên giới nước Ma-kiệt đến thành Ba-la-duyệt và nghỉ đêm tại đó. Sáng hôm sau, vào thành khất thực. Tướng mạo đoan trang, thần sắc phơi phới. Cất chân thanh thản, nhìn thẳng bước tới, không liếc hai bên. Mặc áo mang bình, vào thành La-duyệt. Khi ấy, vua Ma-kiệt ngự trên lầu cao, quần thần hầu cận bao bọc xung quanh. Trông thấy Bồ tát vào thành khất thực, thanh thản bước chân, liền hướng về quần thần nói kệ ca tụng Bồ tát, rồi nhà vua sai hỏi rằng: “Tỳ kheo sẽ đi đến đâu?” Bồ tát trả lời: “Có núi tên Bàn-trước-bà, sẽ đến đó ở lại.” Sứ giả cấp tốc trở lại bẩm

báo với nhà vua. Nghe xong, nhà vua liền sửa soạn bành voi cùng quần thần tìm đến. Hành lễ xong, nhà vua hỏi Bồ tát rằng: "Nay ngài có thể ở tại đây. Tôi xin dâng tất cả của cải trong nước và cởi mũ xáo này đem dâng tặng. Xin ngài hãy lên ngôi cai trị. Còn tôi, sẽ xin làm bầy tôi của ngài." Bấy giờ, Bồ tát đáp lời rằng: "Ta đã từ bỏ ngôi vị Chuyển luân vương để xuất gia cầu Đạo, lẽ nào lại vì ngôi vua ở biên phương này mà hoàn tục? Nhà vua nên biết cho rằng, giống như người từng thấy nước đại hải, sau lại thấy nước ở vết chân trâu, há lại bận lòng tham luyến? Chuyện này cũng thế, há đã bỏ ngôi vị Chuyển luân vương, lại còn tập nhiễm ngôi vị Túc tán vương nhỏ bé? Điều này không thể có được!" Lúc ấy, vua Ma-kiệt bước lên trước Bồ tát thưa rằng: "Nếu ngài chứng được Đạo vô thượng, trước tiên, xin đến thành La-duyệt cho tôi được gặp." Bồ tát đáp rằng: "Điều này có thể được." Nhà vua bèn đảnh lễ dưới chân Bồ tát, đi vòng quanh ba lượt rồi ra về."

Lại nữa, kinh Phật-bản-hạnh nói: "Bồ tát nói với quốc vương Ma-già-đà rằng: "Đại vương! Thật tình hôm nay chúng ta không sợ loài rắn độc ấy, cũng không sợ sấm sét lôi đình, cũng không sợ lửa dữ bị cơn gió lớn thổi lên thiêu hủy đồng ruộng ao đầm, mà chỉ sợ cảnh tượng ngũ dục cuốn hút. Tại sao? Vì ngũ dục vô thường giống như giặc cướp vơ vét hết mọi công đức. Bồ tát bèn nói kệ rằng:

Ngũ dục vô thường hại công đức,
Lục trần hư huyễn phá chúng sinh,
Quả báo nhân gian vốn lừa người,
Khôn ngoan mấy kẻ biết dừng lại?
Kẻ ngu trên trời, chưa thỏa ý,
Huống chi dưới thế, há vừa lòng?
Uế dục nhiễm trước chẳng hay biết,
Giống như lửa dữ cháy rơm khô.
Thuở xưa giáng sinh bậc Thánh chúa,
Hàng phục bốn cõi, tung kim luân,
Còn được Đế-thích ngồi bên cạnh,
Vì nổi lòng tham, chịu đọa đày.
Giả sử làm chúa hết cõi này,
Lòng còn muốn chiếm lấy phương khác,
Thị dục thế gian không biết chán,
Giống như biển cả nuốt nhiều sông!"

Đại vương nên biết, dưới núi Tu-di ấy có gia đình A-tu-la, hai anh em vì tham dục, cùng yêu một cô gái đẹp. Hai người tranh giành, đánh

nhau bị thương, đến nỗi cùng chết. Bồ tát bèn nói kệ rằng:

Ngày xưa, anh em A-tu-la,
Vì một cô gái cùng giết hại,
Cốt nhục thương yêu thành oán ghét,
Người khôn xem thấy, chừa tham dục.

Bồ tát lại bảo rằng: "Đôi khi vì ngũ dục, sinh làm Trời làm người. Khi đã được sinh rồi, vì nhiễm ngũ dục, nên phải gieo mình xuống nước hay nhảy vào lửa. Vì ngủ dục nên chuốc lấy oán thù. Bồ tát lại nói kệ rằng:

Kẻ si vì dục hóa bần cùng,
Mang tội giết hại chịu đau thương,
Nghĩ rằng ham hố nên công chuyện,
Đâu biết sức kiệt lại tai ương!

Lại nữa, trong kinh Phật-bản-hạnh, Bồ tát có nói kệ rằng:

Già sử thương yêu cùng tụ họp,
Đến thời rồi cũng phải chia ly,
Thấy rõ vô thường, ngắn ngủi ấy,
Tìm phương giải thoát, quyết ra đi!

Thứ ba: PHẦN HỌC ĐỊNH

Như Luật Tứ Phần nói: "Bấy giờ, Bồ tát liền đến chỗ của A-la-ca-lam học Định bất dụng xứ. Tinh tiến chẳng bao lâu, chứng được phép Định này. Rồi Bồ tát bỏ vị này ra đi. Sau đó, đến chỗ của vị Uất-đầu-lam học Định hữu tưởng vô tưởng. Tinh tiến chẳng bao lâu chứng được phép Định này. Bồ tát suy nghĩ, hai cõi Định này không phải là Niết-bàn, không phải là chỗ nghỉ ngơi tịch lặng vĩnh cửu. Không thích hai phép Định này, Bồ tát bèn bỏ hai vị ấy ra đi, tìm phép khác cao siêu hơn nữa, chính là phép nghỉ ngơi vô thượng. Bấy giờ có năm người đi theo Bồ tát, suy nghĩ rằng, một mai Bồ tát thành Đạo, sẽ thuyết pháp dùm cho bọn ta.!" Lại nữa, kinh Phật-bản-hạnh nói: "Tiên nhân A-la-la bảo Bồ tát, bọn phàm phu đắm đuối tham dục, bị ràng buộc đủ mọi thứ khổ sở. Tất cả đều do cảnh giới gây nên. Bèn nói kệ rằng:

Sơn dương bị giết do tiếng gọi,
Phù du vào đèn tại lửa lòe,
Cá mắc dây câu bởi mồi béo,
Thế nhân đến chết vì cảnh giới.

Lại nữa, luận Tân-bà-sa nói: "Khi Đức Phật còn làm Bồ tát, chán nản cảnh già bệnh chết, đã ra khỏi thành Kiếp-tỷ-la-phạt-tốt-đổ, đi tìm

Vô thượng trí. Bấy giờ, vua Tịnh-phạn sai năm người thuộc dòng họ Thích đi theo hầu hạ. Hai người là bà con bên mẫu hậu, ba người là bà con bên phụ hoàng. Hai người bà con bên mẫu hậu giữ gìn Lạc hạnh thanh tịnh. Ba người bà con bên phụ hoàng giữ gìn Khổ hạnh thanh tịnh. Lúc Bồ tát đang tu pháp Khổ hạnh, hai người bà con bên mẫu hậu thấy thế, lòng không chịu đựng nổi, liền bỏ ra đi. Về sau, Bồ tát thấy Khổ hạnh không phải là Chánh đạo, bèn từ bỏ, thọ thí cơm canh, sữa tươi và xức dầu lên mình, thực hành theo lối Trung hạnh. Ba người bà con bên phụ hoàng cùng bảo: "Bồ tát cuồng loạn, mất trí cả rồi!" Và cùng bỏ ra đi. Sau này, khi Bồ tát thành Đạo, liền suy nghĩ: "Bọn họ đều là bà con của mẫu hậu và phụ hoàng. Trước đây đã từng đến cung kính hầu hạ ta. Nay muốn đền ơn, nhưng không biết họ ở chốn nào?" Có vị Trời bạch rằng: "Hiện nay họ đang ở tại Vườn nai của chư tiên trong nước Bà-la-niệt-tư."

Hỏi; "Vì sao gọi là Bà-la-niệt-tư?" Đáp: là tên sông. Cách đây không xa, xây dựng vương thành cũng gọi tên là Bà-la-niệt-tư." Hỏi; "Vì sao gọi là chỗ tiên nhân giảng luận?" Đáp: "Nếu chủ trương rằng chư Phật nhất định chuyển pháp luân ở chỗ này, thuyết ấy bảo, chư Phật là bậc tiên nhân tối thượng, đã chuyển pháp luân đầu tiên ở chỗ này, nên mới gọi là chỗ tiên nhân giảng luận. Nếu chủ trương rằng chư Phật chắc chắn không chuyển pháp luân ở chỗ này, thuyết ấy bảo, thì nên gọi là chỗ tiên nhân cư trú. Nghĩa là khi Đức Phật xuất thế, có ngài là bậc đại tiên nhân và các tiên nhân đệ tử cùng cư trú. Nếu Đức Phật không xuất thế, sẽ có các tiên nhân Độc giác cư trú. Nếu không có các tiên nhân Độc giác, sẽ có các tiên nhân thế tục chứng được ngũ thông cư trú. Vì chỗ này thường có các tiên nhân đã, đang và sẽ cư trú, nên mới gọi là chỗ tiên nhân cư trú. Có thuyết bảo, nên gọi là chỗ tiên nhân đọa lạc. Vì ngày xưa có năm trăm tiên nhân phi hành tự tại giữa không trung, đến đây, gặp phải nhân duyên thối thất đều bị đọa lạc." Hỏi: "Vì sao gọi là Rừng ban cho nai?" Đáp: "Vì thường có bầy nai rong chơi, nghỉ ngơi ở rừng này, nên gọi là Rừng nai. Xưa có vị quốc vương tên Phạm-đạt-đa đem rừng này ban cho bầy nai ấy, nên mới gọi là Rừng ban cho nai. Giống như trong vườn Trúc lâm tại thành Vương-xá, trưởng giả Yết-lan-đạc-ca đã đào một cái ao cho loài chim Yết-lan-đạc-ca vui chơi, nên gọi là ao ban cho Yết-lan-đạc-ca. Chuyện này cũng thế, nên mới gọi là Rừng ban cho nai (đời Tần phiên âm là chim Ca-lan-đà. Theo luận Thiện-kiến, chim này có hình dáng như chim cưu).

Thứ tư: PHẦN KHỔ HẠNH

Bấy giờ, Bồ tát ở chỗ năm vị Tỳ kheo trong Rừng nai ấy để học phép Khổ hạnh. Trải qua sáu năm cực kỳ gian khổ, hơn cả vị thầy. Do nhịn đói chẳng thành Đạo, chỉ làm gầy guộc thân xác, nên kinh Niết-bàn có nói: "Bồ tát phải lấy Khổ hạnh để tự răn lòng. Thường ăn một hạt mè chịu đựng suốt bảy hôm. Dù hạt tấm, hạt đậu xanh, hạt mè, hạt gạo, cho đến đậu trắng, cũng đều như thế, mỗi hạt chịu đựng suốt bảy hôm. Khi tu Khổ hạnh như thế, tất cả da thịt tiêu tán ốm gầy, nhăn nheo suy tổn, như quả bầu khô treo lúc đứng trưa. Mắt của Bồ tát thụt sâu như sao dưới đấy giếng. Thịt hết, xương sườn nhô ra như nhà nát mái. Các đốt sống lưng gồ lên như hàng gạch xếp chồng. Chỗ ngồi lồi lõm như vết móng ngựa. Muốn ngồi thì sụm xuống, muốn đứng thì ngã bật ra. Tuy chịu đựng khổ sở vô ích nhiều đến như thế, nhưng Bồ tát chẳng hề thối thất đạo tâm."

Lại nữa, kinh Bồ tát-xử-thai nói rằng: "Đức Phật bảo Bồ tát Khổ hạnh, ngày xưa, ta còn chịu đựng khổ sở nhiều vô số. Suốt sáu năm bên bờ sông Ni-liên, mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè hay một hạt gạo. Do tiền kiếp đã phạm bốn tội về khẩu nghiệp và cắt đứt bửa cúng dường cho một vị Duyên giác nên phải thọ nhiều quả báo nhẹ như thế."

Lại nữa, kinh Đại-tập nói: "Bấy giờ, Bồ tát Quang Vị nói kệ với đại chúng rằng:

Quá khứ vô lượng vô số kiếp,
Đủ loại bố thí đã tu tập,
Trì giới thanh tịnh và Nhẫn nhục,
Tinh tiến, Tọa Thiền, học Bát-nhã.
Cốt để an lạc các chúng sinh,
Nhẫn nhục đủ mọi thứ khổ sở,
Trong cung sáu vạn hậu, phi tần,
Dứt bỏ xuất gia như cởi dép!
Đơn độc sáu năm tu Khổ hạnh,
Ngày ăn hạt mè hoặc hạt gạo,
Tinh tiến đêm ngày chẳng ngủ nghỉ,
Thân thể chỉ còn da bọc xương.
Dưới cội Bồ đề ngồi tĩnh tọa,
Thiên ma kéo đến tám chục vạn,
Tứ phương trên dưới, đất và trời,
Bốn chục do-tuần đều đứng chật.
Bè đảng ma quân đông đến thế,

Đều bị đả phá bắt quy hàng,
Thành tựu Vô thượng diệu Bồ đề,
Chứng được quả Đệ nhất nghĩa đế.

Thứ năm: PHẦN THỰC MI

Lại nữa, kinh Phật-bản-hạnh nói: "Bấy giờ, sáu năm đã trôi qua, đến ngày mười sáu tháng hai mùa Xuân, trong lòng Bồ tát tự suy nghĩ, nay ta không nên ăn thế này, phả ăn uống đầy đủ xong, mới chứng được A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Nay ta biết nhờ ai tìm giúp thức ăn bổ dưỡng ngon lành? Ai có thể cúng dường thức ăn ngon lành ấy, khiến ta ăn xong, liền chứng được A-nậu-bồ-đề? Khi trong lòng Bồ tát nhen nhúm suy nghĩ như thế, có một Thiên tử hiểu thấu nỗi niềm, liền cấp tốc đi đến bên hai cô gái của thôn trưởng Thiện Sinh, bảo với họ rằng; "Hởi các cô gái của thôn trưởng Thiện Sinh! Nếu các cô biết được cơ duyên, Bồ tát nay đang cầu mong được thức ăn vô cùng ngon lành, ăn xong, sau đó sẽ chứng được A-nậu-bồ-đề. Nay các cô hãy giúp ngài lo liệu nấu món cháo sữa đầy đủ mười sáu vị đặc biệt." Hai cô gái của thôn trưởng Thiện Sinh nghe lời chỉ bảo của Thiên tử ấy, liền vui mừng phấn khởi khắp cả thân mình, không thể dằn được, bèn mau mau tụ họp một ngàn con bò nái, vắt lấy sữa rồi đem cho năm trăm con bò nái khác uống. Qua hôm sau, vắt sữa của năm trăm con bò nái này rồi lại đem cho hai trăm năm mươi con bò nái khác uống. Hôm sau nữa, vắt lấy sữa của hai trăm năm mươi con bò nái này rồi đem cho một trăm hai mươi lăm con bò nái khác uống. Hôm sau nữa, vắt sữa của sáu mươi con bò nái này rồi đem cho ba mươi con bò nái khác uống. Hôm sau nữa, vắt sữa của ba mươi con bò nái này đem cho mười lăm con bò nái khác uống. Hôm sau nữa, vắt sữa của mười lăm con bò nái này, pha thêm một phần cám tốt rồi đem nấu cháo sữa cho Bồ tát. Khi hai cô gái đang nấu cháo nhiều hình tượng hiện ra: hoặc hiện hình bình đầy hoa, hoặc hiện hình nước sông công đức sâu thẳm, hoặc hiện hình chữ Vạn, hoặc hiện hình bánh xe công đức nghìn nạn, hoặc hiện hình yếm bò chúa, hoặc hiện hình voi chúa rồng chúa, hoặc hiện hình cá, hoặc hiện hình đại lực sĩ, hoặc hiện hình Đế-thích. Có khi lại hiện hình Phạm vương. Hoặc lại hiện hình cháo sữa sôi vọt lên, cao đến nửa cây Đa-la trong giây lát, rồi rơi xuống. Hoặc hiện hình cháo sữa sôi vọt lên, cao đến một ngọn cây Đa-la, giây lát lại rơi xuống. Hoặc hiện hình cháo sữa cao bằng một trượng, rồi lại rơi trọn xuống nồi, không một giọt nào rớt ra chỗ khác. Khi đang nấu cháo, còn có một vị bốc sư chuyên giải số mạng tướng thuật đi đến chỗ

ấy, thấy cháo sữa hiện ra các hình tướng như thế, bèn xem xét rất kỹ rồi nói rằng: “Hy hữu, hy hữu! Người nào được thọ lãnh cháo sữa này, ăn xong, chẳng bao lâu sẽ chứng được thuốc hay cam lộ!” Bấy giờ, vào giờ sáng sớm (theo cổ lịch Ấn Độ, một ngày hai mươi bốn giờ thời xưa được chia ra sáu giờ: thần triêu, nhật trung, nhật một, sơ dạ, bán dạ và hậu dạ. Mỗi giờ ấy tương đương với bốn giờ hiện nay. Vậy giờ thần triêu này có thể coi là giờ khuya hay giờ sớm.) Ngày hai mươi ba tháng hai, Bồ tát đến ngoài cổng lớn nhà thôn trưởng ấy, đứng lặng yên, tỏ ý khất thực. Cô con gái trông thấy, liền lấy một bát bằng vàng, múc đầy cháo sữa pha mật. Tự tay bưng lên, mang đến trước Bồ tát rồi dừng lại, nhìn Bồ tát và thưa rằng: “Xin tôn giả mở lòng từ bi thương xót đến tôi mà nhận lấy bát cháo sữa pha mật này.” Bồ tát nhận lấy bát cháo sữa ấy, mang đến bờ sông Ni-liên-thiền. Có một Long nữ tên là Ni-liên-trà-da, từ mặt đất nhảy lên, tay cầm tọa cụ trang sức đẹp đẽ của Trời dâng lên Bồ tát. Bồ tát nhận xong, liền ngồi lên. Ngồi xong, đem bát cháo sữa do cô gái của thôn trưởng Thiện Sinh cúng dường ra ăn thỏa thích no nê đến hết. Ăn xong, nhờ nghiệp lực phước báo của công đức bố thí từ thời tiền kiếp, thân thể tướng tốt bình phục như cũ. Đoan trang đáng quý, viên mãn hoàn toàn, không chút suy giảm. Xong xuôi, Bồ tát lấy bát vàng liệng xuống giữa dòng sông. Bấy giờ, Hải long vương sinh lòng vô cùng kỳ lạ, lại muốn tán thán công đức giáng thế của Bồ tát, liền nhặt lấy bát vàng đem về long cung để phụng thờ. Ngày khi ấy, Thiên chúa Thích-đề-hoàn-nhân biến thành chim kim sí có mỏ bằng kim cương quý, ngoạm lấy bát vàng từ Hải long vương, bay về thiên cung Đao-lợi ở cõi Trời Tam thập tam để thường xuyên phụng thờ. Cõi Trời ấy lập ra cái tết gọi là Tết phụng thờ bát vàng, từ đó đến nay không dứt. Bấy giờ Bồ tát ăn cháo sữa xong, đứng lên khỏi chỗ, thong thả bước dần đến cây Bồ đề. Còn tọa cụ ấy, Long nữ lấy lại, đem về cung điện của mình để phụng thờ và nói bài kệ rằng:

Bồ tát theo pháp ăn cháo sữa,
Của con gái Thiện Sinh dâng,
Ăn xong, vui vẻ về cây Đạo,
Chắc chắn sắp chứng được Bồ đề.

Theo Cảm ứng ký (gọi đúng và đủ phải là Tam-bảo-cảm-thông-lục) của Luật sư trụ trì Đạo Tuyên chép: “Luận rõ nhân duyên, đều ở quyển mười, trong phần Quán đỉnh thuật lại. Bấy giờ, có hoàng tử của Tứ Thiên vương bảo luật sư rằng: “Khi thành đạo được mười một năm, tại vườn của trưởng giả Tu-ma trong thành vương-xá, Đức Phật bảo các

đại Bồ tát và đại đệ tử, khi ta mới vượt ra khỏi thành, đến nước Khiên-sa. Giữa đường, gặp cô gái chăn bò. Ta bảo: "Tôi có phần đói khát, đến xin cô giúp cho ăn uống." Cô gái ấy hỏi: "Ngài đi đâu?" Ta đáp: "Đi đến Bồ đề." Lại hỏi: "Ngài tên gì?" Ta đáp: "Tất-đạt." Cô gái ấy bèn bảo ta rằng: "Tôi đọc kinh điển Vi-đà có nói rằng, chẳng bao lâu nữa, có bậc đại trí sẽ thành Chánh giác. Tôi xem tướng mạo và tiếng nói của ngài, đúng là tướng hảo chư Phật. Tôi làm thần núi ở đây đã trải qua 16 Đại kiếp. Chư Phật đời quá khứ, tôi đều thân cận. Ngài nên theo tôi về miếu, tôi sẽ xin cúng dường thức ăn cho ngài. Xưa kia, khi Đức Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn, có phó thác cho tôi một bình sữa. Phía trên có hai con rồng quấn quanh, phía dưới có con sư tử ngồi xổm, do Đức Phật Câu-lưu-tôn chế ra lần lượt giao phó từ tôi đến đời Đức Phật Lâu-chí. Trong bình rồng này đựng đầy nước tám công đức. Khi khát, ngài nên uống nước này để tiêu tan phiền não, tăng trưởng Bồ đề. Xin ngài đừng coi thường bình nhỏ này. Giả sử múc hết nước của bốn biển lớn vào cũng chẳng đầy. Trong đó có bốn Long vương. Vào đầu Hiền kiếp này, khi ba vị Phật xuất thế, các di pháp đều được cất giữ trong bình. Sánh với Long cung Ta-kiệt, cũng giống như một chẳng khác chút nào. Đức Phật Ca-diếp còn giao phó cho tôi một lò hương và một hộp bằng vàng ròng. Tôi sẽ giao phó lại cho ngài. Phía trước lò hương có mười sáu đầu, một nửa là sư tử, một nửa là voi trắng. Trên hai đầu thú ấy dựng lên một đài hoa sen có hình lò hương. Bốn phía lò hương lại dựng riêng sáu lầu bằng bạc. Mỗi lầu ló ra các Thiên đồng cao chừng hai tấc. Tổng cộng có chín mươi sáu Thiên đồng. Mỗi khi đốt hương, các Thiên đồng này thay phiên nhau đem hương đến giao cho. Phía sau lò hương có hành sư tử ngồi chồm ra ngoài. Trên đầu sư tử có chín con rồng bò quanh. Trên đầu rồng đội hoa sen vàng. Trong hoa sen có đài vàng. Trong đài vàng là tháp báu. Trong tháp báu có mười ba vạn ức lầu quán lớn bằng trân châu, đều đựng các loại hương quý. Lại có mười ba vạn tạng Luật bằng vàng lá, trong đó có các Tỳ kheo đang nhập Định diệt tận. Như đến kỳ đốt hương, các Thiên đồng ở đầu lò hương đi đến đài báu, miệng mỗi Thiên đồng đều ca hát các khúc đốt hương. Cửa đài tự mở ra, các Tỳ kheo liền xuất Định, lấy hương quý ở quán trân châu giao cho các Thiên đồng. Xong xuôi, cửa đài tự đóng lại. Từ trong miệng của chín con rồng lại còn ngậm quán bạc rồng làm thân thích cho đài báu và trong quán bạc này đều có các Thiên đồng thường cử hành các Thiên nhạc lúc đốt hương. Âm thanh trong trẻo tao nhã không thể lấy gì sánh nổi. Chúng sinh nghe đến, sinh lòng tin tưởng, ngộ Đạo. Mỗi khi được thuyết pháp,

thường cầm lò hương đứng trước đại chúng. Thiền đồng mang hương đến dâng cho Đức Phật để ngài đốt lên cúng dường. Lại còn có hộp bằng vàng ròng, trong đựng bộ Đại-bát-nhã gồm có ba mươi ức bài kệ. Lấy vàng ròng làm giấy, bạch ngọc làm hàng ranh, bạc trắng làm chữ. Hộp ấy dài ba tấc, trong đó có hai Tỳ kheo cũng đang nhập Định diệt tận. Hộp và lò hương này đều do Đức Phật Câu-lưu-tôn chế ra, lần lượt được giao phó từ tôi cho đến Đức Phật Lâu-chí. Chư Phật sắp xuất thế đều mở hòm này đọc các kinh điển. Nhờ thần lực Bát-nhã, Thiên ma không thể quấy phá, mau thành được Chánh giác. Nay tôi đem giao phó, xin ngài nỗ lực giữ gìn, đừng để tổn thất." Ta nhận lãnh xong ngồi dưới gốc cây Bồ đề, suốt sáu năm tu tập khổ hạnh, thường uống nước trong bình này, nên mới trừ được đói khát và phiền não củng đều tiêu tan. Lại nữa, khi ta sắp thành Đạo, xuống sông tắm rửa, thọ nhận cháo sữa của hai chị em cô gái, đi đến dưới cây Bồ đề, sửa soạn bước lên đàn Kim cương thì sơn thần tìm đến chổ ta, bảo rằng: "Hôm nay ngài thành Đạo, nên theo phép của chư Phật thời xưa. Khi vừa thành Đạo, sắp bước lên đàn Kim cương, trước tiên, cầm lò hương đi quang đàn bảy lượt. Chư Phật mười phương đều cầm hương cắm trong lò ấy. Nay ngài đã thành Đạo, nên theo phép này." Đức Phật bèn theo lời, đi vòng quanh đàn Kim cương và cây Bồ đề ba mươi hai vòng. Chư Phật mười phương cũng bước lên dâng hương. Sau đó, truyền mệnh cho các nhân vương, Thiên vương, Đế-thích, Phạm vương Long vương, Bồ tát thập địa đều đến dâng hương. Đức Phật vận dụng thần uy, khiến hương thơm khắp mười phương, xông lên đến Đỉnh tướng. Các căn đầy đủ, trí tuệ tăng trưởng. Nhiều loại thần kỳ, không thể tả nổi. Chư Phật lại bảo Phạm vương: "Hãy lấy nước trong bình rỗng ấy tưới vào chân của Đức Phật. Các nhân vương, Thiên vương, Đế-thích, Ma-phạm đều lần lượt rửa chân cho Đức Phật. Mặt đất chấn động đủ sáu cách. Từ chân Đức Phật phóng ra hào quang óng ánh sắc vàng và ngồi lên đài sen sắc vàng. Chư Phật mười phương đều đến đưa hương. Trong ánh hào quang sáng láng, Đức Phật Lô-xá-na đưa bàn tay sắc vàng xoa lên đỉnh đầu Đức Phật Thích-ca và nói pháp ngôn vi diệu: "Hôm nay, chư Phật mười phương cáo bạch Yết-ma để thọ phong cho Đức Phật Thích-ca-văn thành ngôi vị Pháp vương vô thượng. Chư Phật cầm Yết-ma ấy trên kim đàn. Vô lượng hà sa Thiên nhân đại chúng nghe chư Phật cáo bạch Yết-ma. Tất cả đồng thời yên lặng như các Tỳ kheo nhập cảnh giới Tứ thiền. Chư Phật cầm Yết-ma trao ngôi vị Pháp vương xong, mặt đất lại chấn động đủ sáu cách. Đức Phật phóng hào quang chiếu diệu khắp mười phương,

hoằng dương Phật pháp, làm lợi ích cho hết thảy Thánh phàm. Công đức vô lượng, không thể nói hết."

Thứ sáu: PHẦN THẢO TỌA

Như kinh Phật-bản-hạnh nói: "Bấy giờ, Bồ tát tắm trong sông, ăn cháo sữa, gội rửa thân thể xong, hình dung bình phục như trước. Uy nghi tự tại, thanh thản ngồi đối diện cây Bồ đề, suy nghĩ sẽ tạo chỗ ngồi thế nào cho Đạo trường Bồ đề này và biết rằng nên ngồi trên cỏ. Bấy giờ, Trời Tĩnh cư bạch rằng: "Chư Phật đời quá khứ sắp chứng Đạo Bồ đề, đều ngồi trên cỏ này để thành Chánh giác." Bồ tát suy nghĩ không biết ai sẽ cho ta cỏ ấy, rồi nhìn quanh bốn phía. Khi ấy, từ Thiên cung Đao-lợi, Thiên vương Đế-thích, nhờ thần lực, biết được mối bận tâm của Bồ tát, liền biến thành người cắt cỏ, cách Bồ tát không gần không xa. Cỏ ấy xanh lục, có dáng mượt mà như cổ chim Khổng tước chúa, mềm mại trơn tru. Nếu chạm tay vào như áo Ca-thi mỏng mảnh. Màu sắc đẹp đẽ, lại thơm tho, uyển chuyển ngã về phía phải,. Bồ tát hỏi người cắt cỏ ấy rằng: "Này hiền giả, tên ngài là gì?" Người ấy đáp: "Tôi tên là Cát Lợi." Bồ tát suy nghĩ, nay ta mong muốn tìm cát lợi cho bản thân và cũng mong muốn tìm cát lợi cho tha nhân. Người này tên Cát Lợi đang đứng trước mặt ta! "Nay ta quyết định phải chứng được quả A-nậu-bồ-đề. Hiền giả có thể ban cho ta cỏ không?" Người ấy đáp: "Tôi có thể tặng cỏ cho ngài." Bấy giờ, người ấy bèn cắt cỏ dâng cho Bồ tát. Bồ tát nhận lấy một bó, tự tay ôm vào. Ngay lúc ấy, mặt đất chấn động đủ sáu cách. Bồ tát mang bó cỏ ấy đến dưới gốc cây Bồ đề. Được nửa chừng, bỗng nhiên có năm trăm con chim sẻ từ mười phương bay đến, từ phía phải, lượn ba vòng quanh Bồ tát rồi bay theo ngài. Lại có năm trăm con chim Câu-sí-la. Lại có năm trăm con khổng tước. Lại có năm trăm con thiên nga trắng. Lại có năm trăm con hồng hạc. Lại có năm trăm con hải âu trắng. Lại có năm trăm con Ca-lăng-tần-già. Lại có năm trăm con mệnh-mệnh. Lại có năm trăm con voi trắng đều mang sáu ngà. Lại có năm trăm con ngựa trắng, đầu và tai đen mun. Đuôi và bờm đều đỏ rực, có dáng dài phất phới. Lại có năm trăm con bò chúa buông yếm thòng xuống như đám mây đen. Bấy giờ, lại có năm trăm đồng tử, năm trăm đồng nữ. Trên mình mỗi người đều trang sức đủ loại chuỗi anh lạc đẹp đẽ. Lại có năm trăm Thiên tử, năm trăm Thiên nữ, năm trăm bình quý đựng đầy các loại hoa thơm, chứa đầy các loại nước hoa ngào ngạt. Không có người mang. Tự nhiên bay đi giữa không trung. Lại nữa, trên thế gian có bao nhiêu điều tốt đẹp đều từ khắp bốn phương kéo đến dồn

dập như mây mưa bên mình Bồ tát, theo phía phải vòng quanh ba lượt rồi cùng đi theo ngài. Giữa hư không, tất cả âm nhạc của chư Thiên cử lên, hoan hỷ ca tụng Bồ tát, long trọng không thể tả nổi.”

Lại nữa, kinh Thụy-ứng-bản-khởi nói: “Thích-đề-hoàn-nhân biến thành người phàm, tay cầm cỏ óng mềm. Bồ tát hỏi rằng: “Ông tên gì?” Đáp: “Tên Cát Lợi.” Bồ tát nghe qua, lòng rất vui mừng. Báo hiệu trừ bỏ điềm xấu để thành tựu điềm lành.”

Lại nữa, kinh Quán-Phật-tam-muội nói: “Vừa xếp xong chỗ ngồi bằng cỏ, mặt đất liền chấn động mạnh. Chư Phật biến thành tám vạn cây Phật có sư tự tọa. Hoặc có cây Phật cao tám nghìn dặm, bốn nghìn dặm hoặc cao hằng trăm nghìn do-tuần. Tất cả cây Phật gộp đủ số tám vạn, lớn nhỏ không đều, khiến cho cây của Đức Phật Thích-ca trở thành nhỏ nhất. Tuy nhiên, lại có đủ chừng ấy số thiên y phủ bên trên.”

Lại nữa, kinh Quán-Phật-tam-muội nói: “Đức Phật bảo phụ hoàng, khi con vượt ra khỏi cung thành, cách thành Già-da không xa, đi đến bên cây A-du-đà. Hằng trăm nghìn Thiên tử Cát Bình đều suy nghĩ, nếu Bồ tát ngồi ở chỗ này, chắc hẳn cần đến tọa cụ. Nay chúng ta phải dâng tặng cỏ Trời. Liền đem dâng tặng cỏ Trời trong sạch, mềm mại tên là Cát tường. Bồ tát nhận xong, trải trên mặt đất để ngồi. Khi ấy, chư Thiên lại thấy sợi mày bạc vấn cong chỉ chừng 3 tấc, uốn về bên phải. Có trăm nghìn sắc hòa nhập vào các tướng tốt. Các Thiên tử ấy suy nghĩ: “Bồ tát chỉ nhận cỏ của ta, không nhận cỏ của ông.” Bấy giờ, trong sợi mày bạc có hằng vạn ức vị Bồ tát ngồi kiết già, mỗi vị đều nhận lấy cỏ của chư Thiên, trải ngồi dưới gốc cây ấy. Mỗi vị Thiên tử đều chứng kiến sự việc này xảy ra trong sợi mày bạc. Có vị Thiên tử tên Duyệt Ý thấy mặt đất cỏ mọc xuyên qua thịt của Bồ tát, ló lên đến cả gang tay, liền bảo các Thiên tử rằng: “Bậc nam tử này thật lạ kỳ, khổ hạnh đến thế! Lâu ngày không ăn, kêu gọi không nghe, cỏ mọc xuyên thịt không biết!” Rồi lấy tay phải vuốt sợi mày bạc của Bồ tát. Sợi mày ấy dài đến 1 trượng bốn thước năm tấc. Giống như bạch ngọc quý giá trên Trời, trong ngoài đều rỗng không. Chư thiên thấy ở trong có hằng trăm nghìn ánh hào quang rất vi diệu, không thể tả nổi. Chứng kiến xong, chư Thiên đều ca tụng thật lạ lùng, chưa từng có, rồi buông ra cho sợi mày bạc ấy xoay về bên phải, trở lại vị trí cũ. Bấy giờ, Bồ tát hàng phục ma vương, ma vương phải trở về cung điện của mình. Sợi mày bạc vươn theo, thẳng đến cõi Trời Lục dục. Vô số Thiên tử thiên nữ chứng kiến trong sợi mày bạc đều rỗng không, tròn trịa, khả ái, giống tràng phan của Phạm vương. Đức Phật có vô lượng tướng tốt. Mỗi tướng tốt

đều có tám vạn bốn nghìn tướng phụ, nhưng tất cả các tướng tốt này gộp lại, đều không bằng được một phần nhỏ công đức của tướng mày bạc."

Thứ bảy: PHẦN HÀNG MA

Như kinh Nhân-quả nói: "Ngày mồng bảy tháng tư, Đức Thế Tôn hàng phục Ma chúng. Bấy giờ, hoàng hôn lịm bóng, trăng sáng chiếu soi. Vườn cây hoa quả tươi tốt, chẳng đợi Xuân về." Luận Trí Độ nói: "Bấy giờ, Ma vương kéo tám vạn ma quân đến quấy phá Đức Phật. Ngài vận dụng hào quang vi diệu trong mày chiếu xạ, khiến chúng đều bị ngã nhào." Lại nữa, kinh Quán-Phật-tam-muội nói: "Ma vương sinh lòng giận dữ, muốn xông thẳng lên trước. Ma con can rằng: "phụ vương vô cớ, tự chuốc lấy tai ương. Bồ tát tĩnh lặng, khó lay như mặt đất. Làm sao có thể phá hoại được ngài?" Lại nữa, kinh Tạp-bảo-tạng nói : "Ngày xưa, dưới gốc cây Phật, ác ma Ba-tuần kéo tới tám mươi ức ma quân xông đến, muốn phá hoại Đức Phật, bảo rằng: "Ông chỉ có một mình, làm sao có thể ngồi ở đây? Phải mau mau đứng lên, đi khỏi chỗ này. Nếu không, ta sẽ tóm lấy chân ông liệng ra ngoài biển!" Đức Phật đáp rằng: "Ta xem khắp cả thế gian, chẳng ai có thể liệng nổi ta. Vào thời tiền kiếp, nhà ngươi đã từng một ngày thọ giới Bát quan trai và cúng dường một bát cơm cho Phật Bích-chi, nên mới được sinh lên cõi Trời lục dục làm Ma vương. Còn ta, đã từng sắm sửa cúng dường cho các Thanh văn Duyên giác suốt ba đại kiếp vô biên vô số lượng, không thể nào tính nổi." Ma vương bảo: "Ông nói ngày xưa ta có giữ giới một ngày và cúng dường một bửa ăn cho Phật Bích-chi. Chuyện ấy có thật, ta cũng tự biết. Còn ông, chỉ do tự nói, lấy ai làm chứng?" Đức Phật bèn lấy tay chỉ xuống đất, nói rằng: "Đất này làm chứng cho ta!" Khi Đức Phật nói xong lời này, tất cả mặt đất chấn động mạnh đủ sáu cách. Thổ thần từ tầng kim cương nhảy lên, chắp tay bạch Đức Phật rằng: "Tôi xin làm chứng. Từ khi có mặt đất đến nay, tôi luôn luôn có mặt ở trong. Lời Đức Thế Tôn vừa noi đều đúng không sai." Đức Phật bèn bảo Ba-tuần: "Trước tiên, nhà ngươi có khả năng lay nổi bình đựng nước rửa này, sau đó mới có thể liệng ta ra ngoài biển." Bấy giờ, Ba-tuần cùng tám mươi ức ma quân không thể nào lay chuyển nổi bình. Tất cả bọn chúng đều nghiêng ngửa té nhào. Mọi phá hại đều tiêu tan như sao lặn."

Lại nữa, kinh Phật-bản-hạnh nói: "Bấy giờ, trưởng tử của Ma vương Ba-tuần tên là Thương Chủ dập đầu đảnh lễ dưới chân Bồ tát, cầu xin sám hối, miệng nói lời này: "Thưa Thánh nhân chí thiện, cầu xin ngài cho cha tôi được mở lời xin lỗi. Cha tôi ngu si nông cạn giống

hệt trẻ con không có trí tuệ. Hôm nay bỗng dưng đến đây quấy phá, kéo bọn ma quan biến hiện đủ mọi trò khủng bố Thánh nhân. Trước đây, tôi đã đem lòng trong nghĩa chính trực khuyên nhủ cha tôi. Dù kẻ cơ trí, rành phép thuật còn chưa thể hàng phục nổi thái tử Tất-đạt, huống hồ bọn ta! Cầu xin Thánh nhân tha thứ cho cha tôi. Cha tôi bất trí, không biết đạo lý, đã khủng bố bậc thái tử đại Thánh, làm sao có thể sống còn? Thưa thái tử đại Thánh, cầu mong lời thệ nguyện nhân từ của ngài sớm được thành tựu, mau chứng A-nậu-bồ-đề!"

Thứ tám: PHẦN THÀNH ĐẠO

Như kinh Phổ-diệu nói: "Bồ tát ngồi dưới gốc cây, khi sao sáng mọc lên, hoát nhiên đại ngộ. Lên mười chín tuổi xuất gia, ba mươi thành Đạo." Lại nữa, thuận theo Bát-nhã-vấn bảo: "Thành Đạo trong rừng Â-lâu-tần-loa." Lại nữa, kinh Tự-thệ-tam-muội nói: "Khi mới vừa thành Phật, chư Phật mười phương đều tặng cà-sa. Đức Phật gom thành một chiếc. Đến nay, áo ấy còn được thờ phụng tại Phạm Thiên." Lại nữa, kinh Không-hành-tam-muội nói: "Đức Phật Di-đà đắc Đạo trước ta bốn kiếp. Đức Phật Duy-vệ đắc Đạo trước ta ba kiếp. Có Đức Phật tên Năng Nho nhập diệt năm tuổi. Đức Phật Ca-diếp đắc Đạo năm mười tám tuổi. Ta đắc Đạo năm lên hai mươi bảy tuổi." Nay theo số đông để xác định: "mười chín tuổi xuất gia, 30 tuổi thành Đạo." Đoạn văn này có thể chấp nhận được và thích ứng với ý nghĩa các kinh điển khác. Luật Thiện-kiến nói: "Trăng mọc được ba ngày, chứng quả Nhất thiết chủng trí." Kinh Nê-hoàn nói: "Đức Phật ra đời và thành Đạo đều vào ngày mồng tám tháng tư." Nay lấy làm chính thức.

Thứ chín: PHẦN THIÊN TÁN

Như kinh Hoa-nghiêm nói: "Bấy giờ, đức Như Lai vận dụng thần lực tự tại, tuy không rời khỏi chỗ ngồi dưới cây Bồ đề và bảo điện Diệu thắng trên đỉnh núi Tu-di, vẫn thăng lên bảo điện trang nghiêm trên Thiên cung Dạ-ma, đi đến tất cả các bảo điện trang nghiêm tại Thiên cung Đâu-suất. Bấy giờ, Thiên vương Đâu-suất, nương vào thần lực của Đức Phật, dùng kệ ca tụng rằng:

Như Lai vô ngại tự trăng đầy,
Trong các tướng lành, ngài đứng nhất,
Mọi điện trang nghiêm đều ngự đến,
Chốn này nhờ thế tốt lành thay!

Kinh Hoa-nghiêm nói: "Bấy giờ, đức Như Lai vận dụng thần lực

uy hùng, nên tất cả các thế giới của chư Phật mười phương, mỗi một cõi Diêm-phù-đề của các Đại châu đều có đức Như Lai ngồi dưới cây Bồ đề, hiển hiện khắp mọi nơi. Khi ấy, Đức Thế Tôn dùng thần lực uy hùng, không cần đứng lên khỏi chỗ này, vẫn thăng lên đỉnh núi Tu-di, đi đến Thiên cung của Đế-thích. Đế-thích bèn nói kệ ca tụng rằng:

Bảy Phật xa xưa từ Định Quang,
Trong các tướng lành, ngài đứng nhất,
Phật ấy đã từng đến chốn này,
Chốn này nhờ thế tốt lành thay!

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng thần lực uy hùng, tuy không rời khỏi cây Đạo và Thiên cung của Đế-thích, vẫn thăng lên bảo điện trang nghiêm ở Thiên cung Dạ-ma. Khi ấy, Thiên vương dùng bài kệ ca tụng rằng:

Như Lai danh hiệu dậy mười phương,
Ngài đứng hàng đầu mọi tướng lành,
Bảo điện Ma-ni nay ngự đến,
Chốn này nhờ thế được vang danh.”

Thứ mười: PHẦN BIẾN HÓA

Theo kinh Hoa-nghiêm nói: “Phật tử! Tất cả chư Phật, trong mỗi một niệm, đều phát sinh mười Trí vô tận. Thế nào là mười Trí vô tận ở trong một niệm đều hiện ra tất cả mọi thế giới? Ấy là: 1/ Từ Trời Đâu-suất mạng chung, ở trong một niệm, đều hiện ra khắp tất cả mọi thế giới. 2/ Bồ tát giáng sinh, ở trong một niệm, đều hiện ra khắp tất cả thế giới. 3/ Bồ tát xuất gia, ở trong một niệm, đều hiện ra khắp tất cả mọi thế giới. 4/ Đi đến Đạo trường dưới cây Bồ đề, thành Đẳng Chánh giác, ở trong một niệm, đều hiện ra khắp tất cả thế giới. 5/ Chuyển hóa pháp luân, thanh tịnh chúng sinh, ở trong một niệm, đều hiện ra khắp tất cả mọi thế giới. 6/ Tùy duyên hóa đạo, tất cả chúng sinh đều được giải thoát, ở trong một niệm, hiện thân trang nghiêm khắp tất cả mọi thế giới. 7/ Đáp ứng chúng sinh, ở trong một niệm, đều hiện tất cả mọi thế giới, đủ thứ trang nghiêm. 8/ Tất cả trí sáng của vô số đức Như Lai trang nghiêm tự tại, ở trong một niệm, đều hiện khắp tất cả mọi thế giới. 9/ Thanh tịnh chúng sinh, ở trong một niệm, tất cả chư Phật ba đời đều hiển hiện khắp mọi thế giới. 10/ Ở trong một niệm, do các căn có ước vọng tinh tiến, nên hiển hiện chủng tính của chư Phật ba đời, thành Đẳng Chánh giác, giáo hóa chúng sinh. Phật tử! Như thế gọi là tất cả chư Phật, trong mỗi một niệm, đều phát sinh mười trí vô tận.”

Lại nữa, luận Trí-độ nói: "Như A-tỳ-đàm bảo, cùng một lúc không có hai tâm. Nghĩa là, nếu khi hóa Phật nói thì Đức Phật im lặng. Nếu khi Đức Phật nói thì hóa Phật cũng lặng im. Nếu thế, cùng một lúc, Đức Phật làm sao nói được sáu pháp Ba-la-mật? Đáp: "Chuyện này cũng như hàng ngũ Thanh văn bên ngoại đạo biến hóa mà thôi. Còn Đức Phật biến hóa bằng vô lượng sức Tam-muội không thể nghĩ bàn. Thế nên, khi Đức Phật nói thì vô lượng nghìn vạn ức hóa Phật đều đồng thời nói. Hơn nữa, các Thanh văn ngoại đạo biết biến hóa, lại còn tạo được hóa thân. Do đó, các Thanh văn ngoại đạo sau khi tịch diệt, không thể lưu lại hóa thân. Trái lại, Đức Phật sau khi tịch diệt, có thể lưu lại hóa thân như chính Đức Phật, không khác chút nào. Như trng Tỳ-đàm nói, cùng một lúc không có hai tâm, thì nay Đức Phật cũng thế: đang khi hóa Phật nói, cũng chẳng có tâm. Nếu Đức Phật có tâm nghĩ đến hóa Phật, muốn hóa Phật nói, thì cũng đều nói tất cả."

Bộ thứ 13: THUYẾT PHÁP

Gồm có ba phần: Thuật ý, Phó cơ, Thuyết ích.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Vốn nghe: bậc đại Thánh giáng đúng cơ duyên, hóa tích không phân riêng xứ sở. mỗi nơi thị hiện đều vì lợi sinh. Thế nên, sự có tướng, tâm; để chia chân, tục. Mượn vào thật để chinh phục kẻ thượng căn, nương theo quyền để tùy thuận bọn hạ trí. sinh lão bệnh tử vốn chẳng thấy kỳ hạn thoát ly, Bồ đề Niết-bàn may có cơ duyên thể nhập. Song lẽ kinh điển vô biên, tùy cơ diễn giảng. Khiến cho, chuyển pháp luân thì Lộc uyển trước tiên, độ Tỳ kheo thì Kiều trần thứ nhất. Đến như Ca-diếp anh em, Mục-liên bằng hữu, Tây Vức đại thế, Đông độ loan truyền, chúa tể hai mươi tám cõi trời, quốc vương mười sáu lãnh thổ, ai chẳng quỳ mọp giữa đường quy phục, hưởng ứng uy danh chấp tay? Nhờ thế, Thập địa giảng giữa Tha hóa Thiên cung; Tam thừa hợp nhất trên đỉnh núi Xà-quật. Chân tông vô đắc, bàn bạc với Tu-bồ-đề; ý chỉ vô ngôn, xiển dương cùng Duy-ma-cật. Hàng phục mười tiên nhân ngoại đạo, chế ngự sáu đoàn thể Tỳ kheo. Trước ngực, thao túng sông hồ; trong tay, lay chuyển hang động. Bàn Đại-kiếp thì khối đá lau mòn, luận số nhỏ thì vi trần tính trọn. Vậy mới xứng là Đạo sư của Tam giới, chúa tể của muôn đời. Bần tăng là kẻ tầm thường, bình phẩm ngọn nguồn sao cạn? Giả sử Châu công làm Nhạc chế Lễ, Khổng Tử chép Dịch chọn Thi; Tể Ngã Tử Cống ngôn từ, Tử Hạ Tử Du văn học, cho đến các vị

Tả Nguyên Phóng, Cát Thần tiên, Lão tử, Hà thượng công, Trang tử đều chỉ hạn hẹp ở địa phương, có gì đáng kể? Như Chánh pháp của đức Bổn Sư, vốn làm tiêu chuẩn khắp cả Trời người. Ba nghìn phép tắc lưu truyền thấm nhuần Hoa Hạ, ích lợi sâu xa. Tam độc chửa sạch làu làu, trăng đèn chiếu soi sáng láng. Kế thừa bất tận, sao nói cho cùng!

Thứ hai: PHẦN PHÓ CƠ

Như kinh Hoa-nghiêm nói: "Đức Như Lai ra đời giống như mặt trời mọc. Trước tiên chiếu diệu các núi chúa. Kế đó, chiếu diệu các núi lớn. Kế đó, chiếu diệu núi báu kim cương. Sau mới chiếu diệu tất cả đất đai. Tuy nhiên, mặt trời không suy nghĩ thế này: "Trước tiên ta phải chiếu diệu núi lớn, rồi sau mới chiếu diệu đất đai." Vì núi có cao thấp khác nhau, nên chiếu diệu mới có trước sau không cùng lúc. Đức Như Lai cũng thế, cứu độ chúng sinh bình đẳng như nhau, nhưng do căn cơ có lợi độn, nên cảm thụ Phật ân mới có trước sau. Kiến giải bất đồng, lớn nhỏ khác biệt."

Theo luật Di-sa-tắc nói: "Sau khi Đức Phật đắc đạo bảy ngày, được an vui giải thoát. Có năm trăm xe chở đường phèn ra nước ngoài buôn bán kiếm lời, đi ngang qua cây Bồ đề. Hai anh em chủ xe là Ly-vị và Ba-lợi cúng dường đường phèn trước tiên. Bốn Thiên vương dâng bát. Đức Phật nhận xong, giảng phép Tam quy. Bảy ngày sau, Long vương Văn-liên lại cúng dường thức ăn của bát bộ. Bảy ngày sau, bốn chị em co trưởng giả Tử-na cúng dường thức ăn, được thọ phép Tam quy. Qua bảy ngày sau, Phạm vương lại đến xin Đức Phật thuyết pháp."

Lại nữa, kinh Phổ-diệu nói: "Bấy giờ, Phạm vương và tám vạn sáu nghìn thân thích cùng đến bên Đức Phật, đảnh lễ dưới chân, xin ngài thuyết pháp. Nghe thỉnh cầu xong, Đức Phật bảo: "Vào thời tiền kiếp, ta từng cúng dường sáu trăm ức chư Phật ở Ba-la-nại nên phải chuyển pháp luân ở đó. Vì còn phải ngồi dưới gốc cây này quán tưởng bảy ngày để báo ân chư Phật ấy, nên chưa thể thuyết pháp."

Lại nữa, luận Trí-độ nói: "Đức Phật thành Đạo xong, chưa thuyết pháp ngay. Suốt năm mươi bảy ngày kiểm điểm cơ duyên rồi mới thuyết pháp. bảy ngày đầu, suy nghĩ cách hoằng pháp Đại thừa. Bốn mươi chín ngày sau, ngài chọn cách dùng Tiểu thừa để thích ứng với chúng sinh."

Lại nữa, kinh Bồ tát-Anh-lạc nói: "Phải chuyển pháp luân ở vườn Lộc uyển trong sáng, giúp những chúng sinh đói khát lâu ngày được thấm nhuần sữa pháp cam lộ."

Lại nữa, kinh Trung-bản-khởi nói: "Đức Thế Tôn suy nghĩ, trước đây, ta đi qua chỗ hai Sa môn A-lan và Ca-lan, được họ đối xử có lễ nghĩa. Nay nên đến đó thuyết pháp độ họ. Vị trời từ không trung bảo rằng: "Hai vị ấy mệnh chung đã bảy ngày rồi." Ngài lại suy nghĩ, nên độ cho Uất-đầu-lam-phất. Vị trời lại bảo: "Đã mệnh chung hôm qua rồi." Lại suy nghĩ, ngày xưa, phụ hoàng đã sai năm người: một là Câu-lân, hai là Át-bệ, ba là Bạt-đề, bốn là Ca-diếp-thập-lực, năm là Ma-ha-nam cùng đến hầu hạ ân cần. Nên đến độ họ."

Lại nữa, kinh Chuyển-pháp-luân nói: "Khi Đức Phật ngồi dưới gốc cây ở Lộc dã, giữa không trung có vầng pháp luân tự nhiên bay đến, xoay chuyển trước ngài. Ngài lấy tay vỗ về cho đứng yên và nói: "Từ vô thủy đến nay, ta vì danh sắc xoay chuyển pháp luân. Nay ái nhiễm đã hết, thôi đừng xoay chuyển nữa!" Pháp luân liền dừng lại."

Lại nữa, kinh Thập-nhị-du bảo: "từ ngày mồng tám tháng tư đến rằm tháng bảy, Đức Phật ngồi tĩnh tọa dưới gốc cây là năm đầu. Năm thứ hai, ở trong vườn Lộc dã thuyết pháp cho năm người. Năm thứ ba, thuyết pháp cho ba anh em Uất-bề, Ca-diếp, đông đủ hàng nghìn Tỳ kheo. Năm thứ tư, tại núi Yượng đầu, thuyết pháp cho Long thần ngạ quỷ. Năm thứ năm. Độ Xá-lợi, Mục-liên. Xá-lợi chỉ bảy ngày chứng được thượng quả. Mục-liên mất mười lăm ngày chứng được thượng quả. Năm thứ sáu, Tu-đạt và Kỳ-đà lập tinh-xá cho Đức Phật. Có mười hai ngôi chùa vẽ tượng của Đức Phật, bảy mươi hai giảng đường, ba ngàn sáu trăm gian phòng, năm trăm lầu gác. Năm thứ bảy, tại vườn Câu-da-ni, giảng kinh Bát-nhã cho nhóm Bồ tát bà-đà-hoàn gồm tám vị. Năm thứ tám, tại núi Liễu, thuyết pháp cho hoàng đệ của vua Đồn-chân-đà-la. Năm thứ chín, tại Đầm dơ, thuyết pháp cho A-quật-ma. Năm thứ mười, đến nước Ma-kiệt-đà, thuyết pháp cho vua Phất-sa. Năm thứ mười một, dưới cây Lo sợ, giảng kinh Bản-khởi cho Di-lặc. Năm thứ mười hai, trở về nước của phụ hoàng, thuyết pháp cho tám vạn bốn nghìn thân nhân dòng họ Thích."

Lại nữa, kinh Trung-bản-khởi nói: "Đức Thế Tôn ở tại nước Ma-kiệt-đà sáu năm, sắp trở về cố quốc. Phụ hoàng phái Ưu-đà-diên đi nghinh đón ngài. Nghi ngờ ngài không phải là thái tử trước đây, song chưa biết nhờ ai xác định."

Lại nữa, kinh Phổ-diệu nói: "Có vị Sa môn tên Ưu-đà, được phụ hoàng sai đi đón Đức Phật. Xa cách đã hai mươi năm, thương nhớ mong được gặp mặt. bảy ngày sau, Đức Phật trở về cố quốc."

Lại nữa, kinh Phân-biệt-công-đức nói: "Đức Phật trở về cố quốc,

chân đi giữa hư không, ngang với đầu người. Ngài để phụ hoàng chạm vào chân mà thôi, không cho khom mình hành lễ."

Lại nữa, kinh Đại-tập nói: "Đức Phật thành Đạo được mười sáu năm, biết các Bồ tát đã nắm chắc được Pháp tạng liền bày ra một thang báu giữa các cõi Dục giới và Sắc giới. Đại chúng đều bước vào đó và thăng lên giữa hư không."

Lại nữa, kinh Phân-biệt-công-đức nói: "Nếu có chỗ không thuyết pháp được, thì chỉ nói tại Xá-vệ. Vì Đức Phật ở trong nước ấy suốt hai mươi lăm năm, so với các nước khác, ngài ở đấy lâu nhất. Vì trong nước ấy có nhiều của báu, người ở đấy có nhiều lễ nghĩa. Tinh-xá Kỳ-thọ có nhiều linh ứng thần kỳ. Khi mọi người tụ tập, vượn lớn chim chóc họp thành đàn cùng đến nghe thuyết pháp. Im lặng không gây tiếng ồn ào. Hết buổi liền đi, loài nào về chỗ nấy. Kẻng hiệu vừa đnáh, lại đến tụ họp. Ấy là do trong nước có nhiều nhân đức, nên các loài quý hiếm đều quy tụ lại." Bởi thế, luận Trí-độ mới nói rằng: "Thành xá-vệ có chín ức gia đình. Ba ức thấy rõ Đức Phật. ba ức tin theo nhưng không thấy Đức Phật. Ba ức không thấy không nghe. Đức Phật ở đó suốt hai mươi lăm năm mà còn đến thế. Nếu có người tín mộ hơn nữa, lợi ích sẽ lên đến vô cùng!"

Thứ ba: PHẦN THUYẾT ÍCH

Theo kinh Bồ- tát-xử-thai nói: "Bấy giờ, Đức Thế Tôn thị hiện cảnh tượng kỳ lạ: biến tất cả các Bồ tát thành thân Phật. Có đầy đủ hào quang. Cùng cất tiếng thuyết pháp. Cùng thành kính nhau. Mỗi vị đều ngồi trên tòa sen thất bảo rất cao. Thuyết pháp lần đầu, chỉ có nam, không có nữ. Thuyết pháp lần thứ hai, chỉ có nữ không có nam. Thuyết pháp lần thứ ba, chỉ độ người có Chánh kiến. Thuyết pháp lần thứ tư, chỉ độ người Tà kiến, thuyết pháp lần thứ năm, nam nữ bằng nhau. Thuyết pháp lần thứ sáu, tà chánh cũng bằng nhau. Lúc bấy giờ, các Pháp đều thành tựu, Đạo quả thuần thục, không có vẻ xa vời. Chánh pháp như như của chư Phật, ý nghĩa thật vi diệu thần thông. Lần thứ bảy, có tám vạn bốn nghìn pháp môn Không hành. Lần thứ tám, có tám vạn bốn nghìn pháp môn Vô tướng. Lần thứ chín có tám vạn bốn nghìn pháp môn Vô nguyện. Mỗi một pháp môn đều có vô lượng nghĩa. Giống như người có trí tuệ sáng láng. Thân có nghìn đầu. Đầu có nghìn lưỡi, lưỡi có nghìn nghĩa. Dẫu muốn hiểu thấu ý nghĩa của chín pháp môn này, cũng chưa thể hiểu được một phần trong trăm nghìn phần. Đấy là Pháp tạng bí yếu của chư Phật. Đều nhờ vào công đức tu học từ tiền kiếp mới thành tựu được."

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 12

Bộ thứ 14: NIẾT BÀN

Gồm có 5 phần: Thuật ý. Thao quang, Phó ai, Thì tiết, Đệ tử.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Chỉ vì chúng sinh hết phúc, Pháp vương mới bỏ ra đi. Gây nên vĩnh biệt ở sông Đề lúc ngài vừa chẳn tám mươi tuổi. Thần uy vận dụng, tán nhỏ hóa thân; lệ huyết dù rơi, ăn năn há kịp! Nỗ lực giải đáp nghi vấn cuối cùng; tranh thủ cúng dường tiễn biệt lần chót. Than ôi! Đuốc tuệ mây lành, nửa đêm vụt tắt; bơ vơ đệ tử, thật đáng não nùng! Tuy nhiên, Pháp thân tĩnh lặng, vốn đã như như; ứng thấn giáo hóa tùy thuận trần thế. Đã gọi hiện hình, được không diệt? Thánh phàm tuy khác, chẳng ai thoát đâu! Thế nên, miệng dù rên nhỏ đau lưng, cũng vừa chuyển xong cam lộ; giả bộ nằm nghiêng bên phải, vẫn còn chiếu diệu hào quang. Điều ấy chứng tỏ dấu tích vô bệnh. Đến khi liệm vải nghìn tấm, còn ló hai chân; kim quan sắp đóng, chắp tay đứng chào. Điều ấy biểu hiện bằng cớ bất diệt. Do đó, tro tàn để chỉ quyền nghi, thường trụ mới là thật tướng. Mượn trăng thí dụ, ý nghĩa minh bạch biết bao!

Những điển tích trên đây, đọc các phần sau, sẽ được lần lượt giải thích rõ ràng.

Thứ hai: PHẦN THAO QUANG

Như luận Trí-độ nói: "Tu-bạt-đà-la sống một trăm hai mươi tuổi, mơ thấy tất cả trời người đều mùmắt, trần truồng trong bóng đêm, bảo rằng: "Mặt trời sẽ rơi xuống, núi non biển lớn sẽ khô cạn. Gió sẽ xé tan núi Tu-di." Tỉnh dậy xong, kinh hoàng sợ sệt. Trời bảo rằng: "Đấy là điềm bậc Nhất thiết chủng trí sẽ nhập Niết-bàn, chẳng liên quan gì đến nhà ngươi." Sáng mai, đi vào rừng xin ra mắt Đức Phật, suốt ba lần, A-nan đều không cho phép. Đức Phật biết được, từ xa gọi đến trước ngài để cùng từ biệt."

Lại nữa, kinh Bồ tát-xử-thai nói: "Nửa đêm mồng tám tháng hai, đức Như Lai tự tay xếp áo cà-sa, áo giữa và áo trong, mỗi thứ gấp làm ba, đặt lên mình ngài trong kim quang, lấy bát và gậy trao cho A-nan xong, nhập Định kim cương, biến thân thành xá lợi nhỏ. Từ trong kim quan, ngài đưa cánh tay kim cương hỏi tin hai người, Ca-diếp và Ngưu-si. A-nan thưa: "La-hán Ngưu-si đã nhập Niết-bàn." Ngài bảo: "Nay ta vĩnh viễn nhập diệt." Rồi rút tay vào kim quan, nằm lặng yên không nói. Ngài lại đưa ra hỏi A-nan ba lần: "Ta đã giảng kinh Ma-ha-thừa cho Bát bộ, ông có nghe chăng?" Thưa rằng; "Chỉ có Đức Phật biết được điều ấy." Ngài lại hỏi: "Ta đã thuyết pháp cho mẫu hậu trên Thiên cung Đao-lợi, ông có biết chăng?" Thưa rằng: "Không biết." Lại hỏi: "Ta đã thuyết pháp ở long cung, các rồng con đắc Đạo, lưu lại toàn thân xá lợi cao một trăm ba mươi trượng, ông có biết chăng?" Thưa rằng: "Không biết." "Ta ở trong thai mẹ mười tháng, thị hiện pháp luân không thối chuyển cho các Bồ tát. Thế tôn dùng thần lực hiển hiện trong mẫu thai, đi đứng nằm ngồi. Tất cả đều tự tập trong mẫu thai ấy. Ông có biết chăng?" Thưa rằng: "Không biết." (A-nan là bậc đại Thánh, lẽ nào không biết? Sở dĩ nói không biết là để thôi thúc Đức Phật thị hiện thần lực vi diệu, nên mới trả lời như thế.)

Lại nữa, kinh Niết-bàn nói: "Thiện nam tử! Ta thị hiện phép sư tử rống lớn gọi là Đại Niết-bàn tại hai cây Sa-la này. Hai cây ở phương Đông là phá Vô thường để được Hữu thường. Còn hai cây ở phương Bắc là phá Bất tịnh để được Thanh tịnh. Hết thảy đại chúng ở đây, vì hai cây Sa-la, phải bảo vệ rừng Sa-la, không cho người khác đến hái lá bẻ cành, đốn chặt phá hoại. Ta cũng thế, vì Tứ pháp, nên bắt các đệ tử phải bảo vệ Phật pháp. Bốn cây Sa-la này là do bốn Thiên vương cai quản. Ta cũng làm bốn Thiên vương bảo vệ Chánh pháp của ta. Thế nên, ta cũng nhập Niết-bàn ở trong đó."

Lại nữa, kinh Trung-a-hàm nói: "Bấy giờ, đức Như Lai đi đến bên hai cây Sa-la gấp bốn áo giữa để làm chỗ nghỉ, gấp bốn áo cà sa để làm gối, nằm nghiêng bên hông phải, hai chân xếp lên nhau rồi nhập Niết-bàn."

Lại nữa, kinh Bồ tát-xử-thai nói: "Bấy giờ tám vị quốc vương lớn đều đem năm trăm xấp nỉ trắng mịn, trầm hương, mộc hương, bỏ hết vào kim quan. Bọc lấy kim quan bằng năm trăm xấp nỉ trắng mịn. Lại đem năm trăm xe dầu hương thơm tưới lên lớp nỉ trắng mịn ấy.

Khi ấy, Thiên vương Đại Phạm hướng dẫn Phạm chúng đứng bên phải. Đế-thích hướng dẫn Thiên chúng trên trời Đao-lợi đứng bên trái.

Bồ tát Di-lặc và các Bồ tát khắp mười phương đứng ở phía trước. Bấy giờ, Đức Thế Tôn sắp nhập Định kim cương, vận dụng thần lực bóp nát hóa thân thành xá lợi ở cõi Ta-bà, chuyển hóa Chân pháp này. Ngài vừa suy nghĩ như thế xong, khắp mười phương thế giới lại chấn động đủ sáu lượt.”

Thứ ba: PHẦN PHÓ AI

Như kinh Ma-da nói: “A-na-luật lên trời Đao-lợi để thông báo với mẫu hậu Ma-da. Mẫu hậu liền giáng hạ. Kim quan tự mở nắp ra. Đức Phật chấp tay đứng dậy bạch rằng: “Thật nhọc lòng mẫu hậu từ xa xôi hạ cố.” Rồi ngài bảo A-nan: “Ông nên biết rằng, ta vì muốn làm gương cho những kẻ bất hiếu sau này, nên đã từ kim quan hiện ra vấn an mẫu hậu.” Luật Tăng-chi nói: “Hỏa táng thân Phật bên cạnh tháp Mũ Trời.”kinh Ca-diếp-phó-Phật- Niết-bàn nói: “Bấy giờ, Ca-diếp từ biệt Đức Phật, đi vào núi Y-trà-lê cách nước Xá-vệ hai vạn sáu nghìn dặm. Núi ấy sản xuất nhiều thất bảo, quả ngọt, đủ thứ cây hương, nhiều loại cây thuốc, không thể tính hết. Cũng có kỳ lân, phụng hoàng, sẻ đỏ, đạo sĩ ngoại giáo. Bấy giờ, có khối đá vuông vức bằng phẳng, sắc óng vàng như lưu ly, ngang dọc rộng một trăm hai mươi dặm. Trên mặt đất mọc đầy cây lá ngũ sắc, xanh tốt suốt các mùa Đông, Hạ. Trước sau, Ca-diếp dạy dỗ một ngàn đệ tử, đều chứng được quả La-hán. Thường ngồi trên tảng đá này tụng kinh hành đạo. Cùng một đêm nọ, bảy đệ tử đều nằm mơ. Một Tỳ kheo mơ thấy chính giữa phiến đá bể nát, cây cối bật gốc. Một Tỳ kheo lại mơ thấy nước suối trong trẻo suốt bốn mươi dặm đều cạn kiệt, bông hoa đều rơi rụng. Một Tỳ kheo lại mơ thấy bên tòa Câu-la nghiêng ngửa, sụp đổ. Một Tỳ kheo lại mơ thấy núi Tu-di đổ xuống. Một Tỳ kheo lại mơ thấy vua Kim luân băng hà. Một Tỳ kheo lại mơ thấy mặt trời mặt trăng rơi rụng, mặt đất tối tăm. Sáng mai thức dậy, mỗi vị đều đem giấc mơ bạch lại cùng Ca-diếp. Ca-diếp nói rằng: “Trước đây, chúng ta từng thấy sáng sủa mà đất còn chấn động. Các ông nằm mơ như thế, phải chăng Đức Phật sắp nhập diệt?” Lập tức bảo các đệ tử cùng trở về nước Câu-di-na.”

Lại nữa, Bồ tát-xử-thai nói: “Khi Đại Ca-diếp đến nơi, Đức Phật đưa hai chân ra. Ca-diếp nói kệ rằng:

Đệ tử được Phật dạy,
Đều đã siêu độ hết,
Ta đi bị lạc đường,
Ân hận không gặp Phật!

Liền đó đi quanh kim quan bảy vòng. A-nan đứng ở góc Tây bắc. Nan-đà đứng ở góc Đông bắc, chư Thiên đứng phía sau. Cách hai cây Sa-la bốn mươi chín bước thẳng về hướng Bắc, Đại Ca-diếp tự tay cầm bó củi thơm bốc cháy.

Lại nữa, kinh Tạp-a-hàm nói: "Đức Phật nhập Niết-bàn xong, hai cây Sa-la đơm bông rũ xuống cúng dường. A-nan nói kệ rằng:

Năm trăm tấm nỉ quấn kim thân,
Lửa đỏ thiêu xong cháy nát tan,
Nghìn chiếc áo nỉ bằng lông mịn,
Đem ra mặc hết khắp kim thân.
Chỉ còn hai chiếc thiêu không cháy:
Chiếc phủ trên cao, chiếc liệm thân.

Thứ tư: PHẦN THỜI TIẾT

Như kinh Niết-bàn nói: "Vì sao đức Như Lai nhập Niết-bàn vào tháng hai? Đức Phật bảo: "Thiện nam tử! Tháng hai gọi là tháng Dương Xuân, vạn vật sinh trưởng. Bấy giờ chúng sinh ra nhiều ý tưởng thường tồn. Để phá tâm thường tồn như thế của chúng sinh, ta nói tất cả pháp đều vô thường và nói chỉ có Như Lai là thường trụ bất biến. Trong sáu mùa, tháng Mạnh Đông khô héo, chúng sinh không ưa thích. Tháng Dương Xuân điều hòa, được người ham chuộng. Để đả phá tham luyến thế gian của chúng sinh, ta diễn thuyết Thường Lạc Ngã Tịnh. Cũng thế, để đả phá Ngã tịnh của thế gian, ta nói Ngã tịnh chân thật của Như Lai."- "Từ lúc sơ sinh đến xuất gia, thành Đạo, chuyển pháp luân nhiệm mầu, đều chọn ngày mồng tám. Tại sao lại nhập Niết-bàn ngày rằm?" Đức Phật bảo: "Thiện nam tử! Vào ngày rằm, trăng không vơi đầy. Chư Phật cũng thế, khi nhập Niết-bàn, không có vơi đầy. Vì ý nghĩa ấy, nên chư Phật đều cho ngày rằm để nhập Niết-bàn."

Lại nữa, kinh Trường-A-hàm nói: "Bấy giờ, có vị bà-la-môn họ Hương hỏi vua A-xà-thế rằng: "Đức Phật ra đời vào lúc nào? Xuất gia vào lúc nào? Thành đạo vào lúc nào? Nhập diệt vào lúc nào? Vua A-xà-thế trả lời: "Đức Phật ra đời lúc sao Phí vừa mọc. Nhập diệt lúc sao Phí vừa mọc."

Vào lúc nào sinh ra bậc Lưỡng túc tôn?
Vào lúc nào ra khỏi rừng rậm khổ?
Vào lúc nào thành tựu vô thượng Đạo?
Vào lúc nào nhập Niết-bàn?
Sao Phí vừa mọc sinh ra bậc Lưỡng túc tôn,

Sao Phí vừa mọc ra khỏi rừng rậm khổ,
Sao Phí vừa mọc thành tựu vô thượng Đạo,
Sao Phí vừa mọc nhập Niết-bàn.
Mồng tám Đức Phật sinh,
Mồng tám Đức Phật xuất gia,
Mồng tám Đức Phật thành Đạo,
Mồng tám Đức Phật nhập Niết-bàn.
Tháng hai Đức Phật sinh,
Tháng hai Đức Phật xuất gia,
Tháng hai Đức Phật thành Đạo,
Tháng hai Đức Phật nhập Niết-bàn.
Tháng hai sinh bậc Lưỡng túc tôn,
Tháng hai ra khỏi rừng rậm khổ,
Tháng hai thành Vô thượng Đạo,
Tháng tám nhập Niết-bàn.

Lại nữa, luận Tát-bà-đa nói: "Vào ngày mồng tám tháng hai, lúc sao Phí vừa mọc, Đức Phật vừa thành Đẳng chánh giác. Cũng vào lúc ngày mồng tám tháng hai, lúc sao Phí vừa mọc, Đức Phật ra đời. vào ngày mồng tám tháng tám, lúc sao Phí vừa mọc, Đức Phật chuyển pháp luân. Vào ngày mồng tám tháng tám, lúc sao Phí vừa mọc, Đức Phật nhập Niết-bàn."

Thứ năm: PHẦN ĐỆ TỬ

Theo luận Trí-độ nói: "Trưởng lão Ca-diếp kết tập Tam tạng ở núi Kỳ-xà-quật để độ chúng sinh rồi theo Đức Phật nhập Niết-bàn. Sáng sớm, ngài mang bát vào thành Vương-xá khất thực xong, lên núi Kỳ-xà, bảo các đệ tử: "Hôm nay ta nhập Niết-bàn vô dư." Tất cả mọi người nghe nói đều hết sức lo buồn. Xế chiều, Ca-diếp xuất Định, và an tọa giữa đại chúng, giảng pháp Vô thường khổ không vô ngã. Giảng đủ các pháp ấy xong, mang áo cà sa do Đức Phật truyền lại, cầm bát, đưa cao gậy, dáng như chim kim-sí hiện hình, bay vọt lên không trung. Thi triển 18 phép biến hóa rồi đứng trên đỉnh núi Kỳ-xà-quật, giao phó y bát đầy đủ và nói rằng: "Hôm nay, thân ta thành kim cương bất hoại. Đến khi Đức Phật Di-lặc thành Đạo, thân tướng ta sẽ xuất hiện lại." Dứt lời, liền nhập vào tảng đá trên đỉnh núi, giống như nhập vào bùn mềm.

Xong xuôi, đá núi khép lại như cũ. Chúng sinh về sau thọ tám vạn bốn nghìn tuổi. Thân cao tám mươi thước. Thân Đức Phật Di-lặc cao một trăm sáu mươi thước. Mặt Đức Phật ấy lớn hai mươi bốn thước. Hào

quang tròn chiếu sáng mười dặm. Bấy giờ, khi chúng sinh nghe Đức Phật ấy xuất thế, sẽ có vô lượng người xin theo xuất gia.”

Lại nữa, kinh Đại-bi nói: “Nhờ nguyện lực bản thân hộ trì, Ca-diếp ấy đứng vững giữa hư không, thị hiện đủ mọi phép thần thông biến hóa, rồi dùng hỏa lực của chính mình thiêu đốt bản thân. Xong xuôi, không thấy tro than hiện ra.”

Lại nữa, luận Tát-bà-đa nói: “Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, vì không nỡ nhìn thấy cảnh Đức Phật nhập Niết-bàn, nên đã nhập diệt từ trước. Bảy vạn vị La-hán cũng đồng thời nhập diệt. Lúc ấy, tứ chúng đều hoảng hốt. Vì thế, Đức Phật đã dùng sức thnầ thông thị hiện thành hai vịđệ tử đứng đầu hai bên ngài. Nhờ thế, chúng sinh đều vui mừng, phiền não tiêu tan mất. Đức Phật bèn thuyết pháp, khiến cho tất cả đều được lợi lạc.”

Bộ thứ 15: **KẾT TẬP**

Gồm có hai phần: Thuật ý, Kết tập

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Xét rằng:

Chân đế huyền vi, Pháp tính tịch lặng. Tuy nhiên, muốn khai thông vạn vật, hóa độ thế gian, không có ngôn ngữ, sẽ khó thành tựu. Thế nên, Bất nhị dạy ngầm, hướng đến cứu cánh Không tính; Nhất âm diễn giảng, hợp với cơ địa vạn loài. Từ lúc đức Bổn sư Năng Nhân giáng thế, tại Lộc dã thuyết pháp lần đầu, ở Kim hà đúc kết lời cuối. Đem Khế kinh dạy dỗ kẻ sơ cơ, dùng Phương đẳng khuyến hóa bậc đại ngộ. Chánh pháp vi diệu chia thành mười hai Bộ, Pháp môn thiết yếu có đến tám muôn. Kịp đến khi đức Thiện Thệ thâu thần, chư Thánh theo thật tế kết tập kinh tạng. Trước tiên là Tứ-a-hàm, bắt đầu kết tập vào kinh là luật phần Ngũ bộ. Pháp bảo hình thành như thế, chúng sinh phải hết sức chú tâm, để nhổ phăng gốc khổ. Do đó, kim ngôn của đức Bổn sư, không thể để cho sai lạc!

Thứ hai: PHẦN KẾT TẬP

Phần này chia ra 4 tiết: Kết tập Đại thừa, Kết tập năm trăm người, Kết tập một ngàn người, Kết tập bảy trăm người.

Trong phần này, sẽ nói rộng các cuộc kết tập. Gồm có bốn thời kỳ: thời kỳ thứ nhất, theo hai bộ luận Trí-độ và Kim-cương-tiên, đức Như Lai cùng Văn-thù-sư-lợi và chư Phật mười phương kết tập Pháp

tạng Đại thừa tại phía ngoài núi Thiết vi này. Thời kỳ thứ hai, theo kinh Bồ tát-xử-thai và luật Tứ-phần, khi đức Như Lai vừa nhập diệt được bảy ngày, Đại Ca-diếp và năm trăm vị La-hán truyền lệnh đến mười phương thế giới, triệu tập tám ức tám nghìn Thiên chúng cùng đến kết tập Tam tạng. Thời kỳ thứ ba, theo luận Trí-độ, sau khi đức Như Lai nhập diệt, vào đầu ngày rằm trong mùa Hạ an cư, Đại Ca-diếp cùng một ngàn vị La-hán kết tập Tam tạng trong thành Vương-xá. Thời kỳ thứ tư, theo luật Tứ-phần, trong khoảng một trăm năm sau khi đức Như Lai nhập diệt, vì Bạt-xà-tử lộng hành mười chuyện, Đại Ca-diếp cùng bảy trăm vị La-hán phải kết tập lại Tam tạng trong thành Vương-xá. Bốn tiết sau đây, dựa theo kinh điển, sẽ lần lượt trình bày, ngõ hầu các bậc minh triết sau này khỏi phải chất chứa nhiều ức đoán.

Tiết thứ nhất: ***Kết tập Đại thừa.***

Theo hai bộ luận Đại Trí-độ và Kim-cương-Tiên bảo rằng: "Trong cuộc kết tập, Văn-thù-sư-lợi nói rõ đức Như Lai ở ngoài thế giới này, không đến các thế giới ở phương khác. Chư Phật mười phương đều đến thuyết pháp đông đủ. Cũng gọi là Cật kinh (chất vấn kinh điển). Sau cuộc kết tập, Văn-thù-sư-lợi triệu tập vô lượng vô biên Bồ tát và A-la-hán. Các vị đều nói: "chính tôi nghe kinh ấy từ Đức Phật." Tu-bồ-đề nói: "Tôi nghe kinh Kim-cương-Bát-nhã từ Đức Phật." Các bộ kinh có nhiều người cùng nghe thì ai nấy đều bảo: "Chính tôi nghe từ Đức Phật." Do đó, không phải chỉ một mình A-nan nghe kinh, nhưng A-nan được nghe tất cả các kinh. Các đệ tử khác chỉ được nghe một số bộ kinh mà thôi."

Lại nữa, theo kinh Niết-bàn, bậc đại Thánh thuyết pháp vốn có ba Thừa, người truyền pháp cũng có ba vị. Thứ nhất là A-nan-đà, nghĩa là Hoan hỷ. Ngụ ý giữ gìn Pháp tạng Tiểu thừa. Thứ hai là A-nan-đà Bạt-đà, nghĩa là Hoan hỷ Hiền. Ngụ ý giữ gìn Pháp tạng Đại thừa. Ba tên tuy khác nhau, nhưng xét bản chất thì chỉ là một. Thế nên, kinh Duy-ma nói rằng: "Xá-lợi-phất hỏi Thiên nữ: "Đối với Ba thừa, nhà ngươi chú tâm cầu thừa nào?" Thiên nữ đáp: "Nếu chọn đường lối Tiểu thừa, tôi sẽ làm Thanh văn. Nếu chọn đường lối Trung thừa, tôi sẽ làm Duyên giác. Nếu chọn đường lối Đại thừa, tôi sẽ làm Bồ tát. Thế mới biết rằng A-nan là bậc thấu hiểu thông suốt cả Đại Tiểu thừa. Trong ba vị trên đây, hai vị đầu, có vị tự mình trực tiếp nghe kinh, có vị được nghe nói lại. Thế nên, theo luận Trí-độ, đến cuối cuộc kết tập, A-nan bước lên giảng tòa nói kệ rằng:

Khi Phật mới thuyết pháp,

Bấy giờ, không nghe, thấy,
Lần lượt chuyển đến nghe,
Phật đến Ba-la-nại,
Thuyết pháp Tứ diệu đế,
Cho năm vị Tỳ kheo.

Tiết thứ hai: ***Kết tập có năm trăm người.***

Theo kinh Bồ tát-xử-thai nói: “Bấy giờ, Đức Phật nhập diệt đã được bảy ngày đêm. Đại Ca-diếp bảo năm trăm vị La-hán đánh kẻng tập họp đại chúng, nói rằng: “năm trăm người các ông đều đến các thế giới của chư Phật khắp mười phương, các vị La-hán có sáu phép thần thông, mời tất cả về tụ họp ở chỗ hai cây Sa-la tại cõi Diêm-phù-đề này. Đức Phật Thích-ca-mâu-ni đã nhập diệt, đã xây nên tháp thất bảo. Lần kết tập này cốt để diễn dương chân tính của Pháp thân. Chư vị hãy kết tập để thâu thập pháp ngôn vi diệu.”

Khi ấy, năm trăm vị La-hán vâng lời của Đại Ca-diếp, trong khoảnh khắc ngắn ngủi như co duỗi tay, liền đến hà sa thế giới khắp mười phương, triệu tập được 8 ức 8 nghìn vị La-hán cùng về tụ họp ở thế giới Ta-bà để nghe nhận pháp chỉ.” Lại nữa, luật Tăng-chi nói: “Bấy giờ, đại Ca-diếp bảo: “các Tỳ kheo phải kết tập Pháp tạng, đừng để hủy diệt.” Mọi người muốn đến chỗ khác kết tập. Ca-diếp bảo: “Nên ở tại thành Vương-xá. Ở đó có đủ năm trăm đồ ngủ.” Mọi người đều đồng ý. Bèn sai A-na-luật giữ gìn xá-lợi của Đức Phật, không cho chư Thiên lấy đi. Vào thời quá khứ, khi Đức Phật Ca-diếp nhập diệt, các đệ tử chỉ biết âu sầu, không hay chư Thiên mang xá lợi đi mất, khiến cho tất cả thế gian không được thờ phụng. Bấy giờ, A-nan không đi theo. Ca-diếp bèn cùng một ngàn người đến núi Sát-đế, trưng bày xá-lợi của Đức Phật. Mục-liên an vị xong, Ca-diếp bắt đầu kết tập suốt 4 tháng. Cắt dứt mọi nhân duyên với bên ngoài. Còn thiếu hai người, chưa đủ số năm trăm. A-na-luật lại đến. Vẫn còn thiếu một người Ca-diếp liền bảo Mục-liên cùng đi. Ca-diếp dặn đệ tử là trưởng lão la-hán Lê-bà-đề: “Ông hãy lên Trời Tam thập tam gọi La-hán Đề-na xuống đây!” La-hán Lề-bà-đề nghe tin Đức Phật nhập diệt, không nỡ nhìn thấy cảnh ngài ra đi, nên đã nhập nước rồi. Sau đó, lại sai đến Thiên cung Thi-lợi-sa-sí, gọi La-hán Kiêu-phạm-ba-đề và đến Thiên cung Tỳ-sa-môn triệu La-hán Tu-mật-đa, nhưng cả hai vị này đều đã nhập diệt.”

Lại nữa, kinh Bồ tát-xử-thai nói: “Bấy giờ, Ca-diếp thấy đại chúng đã tụ tập xong, liền bảo Ưu-bà-ly: “ông hãy làm Duy-na, gọi A-nan xuống đây.” Ưu-bà-ly nhận lệnh, lập tức gọi A-nan xuống. Phạt A-nan

về tội không cầu xin Đức Phật trụ thế thêm nữa. A-nan hoang mang, trong lòng tự nghĩ: "Đức Phật nhập diệt chưa được bao lâu, đã làm nhục ta thế này! Bèn tư duy về Tứ đế, lập tức chứng được quả A-la-hán ngay trước đại chúng. Mọi bụi trần đều tiêu tan, rỡ ràng đại Ngộ. Các Thánh khen ngợi, chư Thiên ca tụng. Bấy giờ, mặt đất chấn động liên tục sáu lượt. Ca-diếp khiến A-nan bước lên bảo tọa thất bảo trên cao, bảo rằng: "Những gì Đức Phật thuyết pháp, dù một lời một chữ, ông chớ để thiếu sót! Bồ tát tạng kết tập một chỗ. Thanh văn tạng kết tập một chỗ, Giới luật tạng kết tập một chỗ. Bấy giờ, A-nan bắt đầu đề xuất kinh điển. Thứ nhất là Thai hóa tạng. Thứ hai là Trung âm tạng. Thứ ba là Ma-ha-diễn phương đẳng tạng. Thứ tư là Giới luật tạng. Thứ năm là Thập trụ Bồ tát tạng. Thứ sáu là Tạp tạng. Thứ bảy là Kim cương tạng. Thứ tám là Phật tạng. Đấy là đầy đủ toàn thể kinh điển của Đức Phật Thích-ca-văn.

Bấy giờ, A-nan cất tiếng nói rằng: "Ta nghe như thế này", đồng thời nói ra chỗ Đức Phật thị hiện thuyết pháp. Ca-diếp và tất cả Thánh chúng đều rơi lệ khóc lóc bi ai, không dằn lòng được. Thấm thoát già chết đến nơi, như huyễn hóa. Mới đây, vừa thấy Đức Phật, vậy mà đã nói: "Ta nghe!"

Lại nữa, luật Tứ phần nói: "Bấy giờ, Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn trong rừng Sa-la tại thành Câu-thi nước Mạt-la. Các đệ tử Mạt-la tắm rửa xá lợi của ngài rồi cử hành nghi thức hỏa thiêu. Khi đã xong xuôi, Đại Ca-diếp nhân đó, tập họp các Tỳ kheo, tuyên bố rằng: "Hôm nay chúng ta nên cùng nhau giảng luận pháp tỳ-ni, đừng để những kẻ ngoại đạo có lời đàm tiếu phép tắc của Sa-môn Cù-đàm mỏng manh như mây khói. Khi Đức Thế Tôn của họ còn trụ thế thì cùng nhau học tập giới luật. Sau khi ngài nhập diệt đến nay, chẳng còn ai học tập nữa. Các vị trưởng lão nên lựa chọn những Tỳ kheo thông thái, sáng suốt, xứng đáng là những A-la-hán." Lựa chọn được bốn trăm chín mươi chín vị đều là những A-la-hán có đầy đủ phẩm chất. Các Tỳ kheo bảo rằng: "Nên lựa chọn A-nan vào trong số này." Đại Ca-diếp bảo: "Không được chọn A-nan vào. Tại sao? Vì A-nan còn yều, ghét, sợ sệt, sân si nên không được chọn vào." Các Tỳ kheo lại bảo rằng: "A-nan là thị giả của Đức Phật, thường đi theo bên cạnh ngài. Chính mình được thọ lãnh pháp ngữ của ngài. Chắc hẳn những chỗ hoài nghi đều đem hỏi lại nơi ngài. Vì thế, nên cho tham dự vào số ấy." Đại Ca-diếp bèn cho tham dự vào hàng ngũ ấy. Các vị Tỳ kheo đều suy nghĩ: "Chúng ta sẽ kết tập ở đâu có nhiều thức ăn, không thiếu đồ ngủ để giảng luận giới luật?" Tất

cả đều phát biểu: "Duy thành Vương-xá có nhiều phòng ốc thực phẩm và đồ ngủ. Nay chúng ta nên cùng nhau kết tập ở đó để giảng luận giới luật. Đại Ca-diếp bèn công bố lệnh kết tập tại thành Vương-xá. Khi ấy, A-nan đang tĩnh tư trên đường đi, trong tâm suy nghĩ: "Giống như con nghé mới sinh, còn phải bú sữa và chạy theo năm trăm con trâu lớn. Ta nay cũng thế. Đã là trí giả có chủ trương còn phải đi theo năm trăm A-la-hán!" Các vị trưởng lão đến Tỳ-xá-ly. A-nan cũng ở đó. Khi ấy, các vị trong đạo ngoài đời đều đến thăm hỏi A-nan, tụ họp rất đông. Bấy giờ, có Tỳ kheo Bạt-xà-tử chứng được thần thông quảng đại, có Thiên nhã biết rõ tâm trí kẻ khác. Vị này muốn biết A-nan còn dục chăng, liền quan sát và biết A-nan chưa đạt mức vô dục. Cần phải giúp cho A-nan sinh tâm chán nản xa lìa dục vọng, liền nói kệ rằng:

Tĩnh tọa dưới gốc cây,
Tâm niệm đến Niết-bàn,
Tọa Thiền đừng phóng dật,
Nói nhiều được gì đây?

A-nan nghe nói kệ xong, liền ở riêng, tinh tiến không phóng túng, tịch lặng vô dục. Lúc ở ngoài trời, đang đi tản bộ giữa đêm khuya, bình minh sắp ló dạng, thân thể hết sức mỏi mệt. Vừa mới dựa mình nằm xuống, đầu chưa đụng gối, ngay lúc ấy, liền chứng được quả giải thoát vô lậu. Đó là pháp A-nan chưa đắc. A-nan chứng được quả A-la-hán xong, bèn nói kệ rằng:

Nghe đủ các Pháp bảo,
Thường hầu cận Thế tôn,
Đoạn tuyệt xong sinh tử,
Cù-đàm nay muốn ngủ.

Khi đại Ca-diếp tập họp các Tỳ kheo tăng đông đủ, liền tuyên bố kết tập giảng luận giới luật. Bấy giờ, A-nan từ chỗ ngồi đứng lên, bày vai bên phải, quỳ gối phải xuống đất, chắp tay bạch Đại Ca-diếp rằng: "Chính tôi nghe từ Đức Phật và ghi nhớ gìn giữ lời ngài." Rồi bắt đầu từ thiên thứ nhất cho đến tất cả mọi phẩm thứ của các bộ luật Tăng nhất đều kết tập thành Luật tạng. A-nan kết tập tất cả những kinh dài thành Trường-A-hàm. Tất cả những kinh trung bình thành Trung-a-hàm. Từ một sự kiện đến mười sự kiện, từ 10 sự kiện đến mười một sự kiện thành Tăng-nhất-A-hàm. Kết tập những sự kiện loạn tạp loại thành Tạp-A-hàm. Như kinh mới, kinh gốc cho đến kinh kệ đều kết tập thành Tạp-tạng. Có vấn nạn, không vấn nạn, kèm theo những loại làm được tương đương như thế, kết thành Luận tạng. Lúc ấy bèn kết tập thành Tam tạng

tại thành Vương-xá. Vì có năm trăm vị A-la-hán cùng kết tập Luật tạng, nên mới gọi là Kết tập Luật tạng có năm trăm người.

Tiết thứ ba: ***Kết tập một ngàn người.***

Theo luận Trí-độ nói: "Bấy giờ, Đức Phật đã nhập Niết-bàn, đại Ca-diếp suy nghĩ thế này: "Ta phải làm sao cho thời kỳ thứ ba dài vô số này, vốn khó gặp được Phật pháp, trụ thế lâu bền. Ngõ hầu chúng sinh mai sau có thể phụng trì? Suy nghĩ xong xuôi, liền đứng trên đỉnh núi Tu-di, đánh kiền chùy đồng lên và nói kệ rằng:

Đệ tử của Đức Phật,
Nên nhớ đến Đức Phật,
Phải báo ơn Đức Phật,
Đừng vội nhập Niết-bàn.

Tiếng kiền chùy đồng ấy đưa âm thanh của Đại Ca-diếp vang dội khắp Đại thiên thế giới. Tất cả đều nghe biết. Các đệ tử có thần thông cùng đến tụ họp. Đại Ca-diếp lựa chọn được một ngàn người. Trừ A-nan, tất cả đều là A-la-hán thông thạo nội điển, ngoại điển, mười tám loại kinh lớn của hàng ngũ ngoại đạo và có khả năng biện luận, hàng phục tà giáo. Đại Ca-diếp bảo: "Trước đây, ta thường đi khất thực, hay gặp kẻ ngoại đạo cố ý đến vấn nạn, khiến phải bỏ dơ pháp sự. Nay thành Vương-xá đã thường xuyên cúng dường đủ cho một ngàn người ăn. Không nên lấy nhiều hơn. Hãy báo cho vua A-xà-thế cung cấp thức ăn cho chúng ta. Hằng ngày mang đến đều dặn, không để sai khác." Đại chúng an cư suốt trong ba tháng mùa Hạ này. Mười lăm ngày đầu kết tập giảng luận giới luật. Đại Ca-diếp nhập Định xong, dùng Thiên nhãn quán sát đại chúng, xem ai còn phiền não chưa trừ, cần phải trục xuất. Chỉ có một mình A-nan chưa sạch phiền não. bốn trăm chín mươi chín vị còn lại, mọi phiền não đã hết, thanh tịnh vô cấu. Đại Ca-diếp liền xuất Định lấy tay kéo A-nan ra khỏi đại chúng bảo rằng: "Hôm nay, đại chúng thanh tịnh kết tập kinh tạng. Phiền não của ông chưa hết không được ở đây." Bấy giờ, A-nan quá xấu hổ, buồn rầu khóc lóc và suy nghĩ rằng: "Suốt hai mươi lăm năm, ta theo hầu cận bên Đức Thế Tôn, chưa từng nghe những lời gây nên khổ não đến thé. Đức Phật thật là một bậc đại nhân, đại từ, đại nhẫn!" Rồi bạch Đại Ca-diếp rằng: "Tôi có khả năng đắc Đạo đã lâu, chẳng qua giới luật không cho phép La-hán hầu hạ cung phụng nên mới lưu lại kết tập phiền não, không đoạn trừ sạch mà thôi." Đại Ca-diếp bảo: "Ông cũng có tội. Đức Phật không muốn cho nữ giới xuất gia. Ông cứ năn nỉ cầu xin. Đức Phật phải xiêu lòng chấp thuận. Vì thế, Chánh pháp của ngài lưu truyền năm trăm rồi

sẽ suy vi. Ông phải đi sám hối tội nhỏ này!" A-nan bạch rằng: "Vì tôi thương xót Cù-đàm-di. Vả lại, Chư Phật ba đời đều có đủ Tứ chúng. Tại sao Đức Phật Thích-ca của chúng ta lại không thể có được? Đại Ca-diếp lại bảo: "Khi Đức Phật sắp nhập Niết-bàn gần thành Câu-di-na-kiệt, ngài bị đau lưng, gấp áo giữa kê lên nằm nghỉ. Ngài bảo ông: "Ta muốn uống nước." Ông không chịu đi lấy. Đấy là một tội nhỏ. A-nan trả lời: "Bấy giờ, có năm trăm chiếc xe chạy qua sông làm cho nước đục bẩn lên. Vì thế, tôi mới không đi lấy nước cho ngài." Đại Ca-diếp lại bảo: "Dù cho nước đục bẩn, nhưng Đức Phật có thần thông quảng đại, có thể biến nước biển lớn từ đục hóa thành trong kia mà! Tại sao ông không chịu đi lấy cho ngài? Đấy là tội của ông. Ông phải sám hối tội nhỏ này." Đại Ca-diếp lại bảo: "Đức Phật hỏi ông rằng, nếu có người được bốn phép thần thông, khéo tu, có thể thọ một kiếp hay gần một kiếp. Như Lai có bốn phép thần thông, khéo tu, có thể thọ một kiếp hay gần một kiếp chăng? Ông im lặng, không trả lời. Ngài hỏi ông đến ba lần, ông cố ý im lặng. Nếu ông trả lời, ngài có thể thọ một kiếp hay gần một kiếp. Vì ông, nên ngài đã sớm nhập Niết-bàn. Ông phải đi sám hối tội nhỏ này." A-nan bạch rằng: "Do ma chướng che lấp tâm trí, nên tôi đã im lặng. Chẳng phải tôi có ác tâm không trả lời ngài."

Đại Ca-diếp lại bảo: "Ông xếp giúp áo cà sa cho Đức Phật, lấy chân dẫm lên. Đấy là tội của ông. Ông phải đi sám hối tội nhỏ này." A-nan bạch rằng: "Bấy giờ, có cơn gió lớn nổi lên. Không ai giữ dùm cho tôi. Khi gió thổi đến, áo rơi xuống chân tôi. Không phải tôi bất kính, cố ý dẫm chân lên áo của ngài."

Đại Ca-diếp lại bảo: "Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, ông đem tướng tốt âm vật giấu kín của ngài cho các người nữ xem. Thật đáng sỉ nhục vô cùng! Ông phải sám hối tội nhỏ này." A-nan bạch rằng: "Bấy giờ, tôi có suy nghĩ, nếu các người nữ thấy được tướng tốt âm vật giấu kin của ngài, họ sẽ tự hổ thẹn thân phận người nữ của họ và mong có thân tướng của người nam, tu hành đủ loại căn lành như ngài. Vì thế, tôi đã đem cho các người nữ xem, chứ không làm điều vô sỉ phá giới."

Đại Ca-diếp bảo: "Ông có sáu loại tội nhỏ này, cần phải đi sám hối tất cả giữa đại chúng." A-nan bạch rằng: "Vâng! Xin theo lời chỉ dạy của Trưởng lão Đại Ca-diếp và tăng chúng." Ca-diếp bèn quỳ dài, chắp tay, bày vai bên phải, lột dép da, thực hiện sáu phép sám hối tội nhỏ. Đại Ca-diếp lấy tay kéo A-nan ra khỏi tăng chúng, miệng bảo A-nan rằng: "Khi nào trừ sạch phiền não, mới được đến gia nhập. Kết tập chưa hết, ông đừng đến đây!" Nói xong, liền tự tay đóng cửa lại. Bấy

giờ, các vị La-hán bàn luận rằng: “Ai là người có khả năng kết tập được Luật tạng?” Trưởng lão A-nê-lô-đậu nói: “Xá-lợi-phất là Đức Phật thứ hai, có đệ tử tên Kiêu-phạm-ba-đề (Ngưu-si) ôn hòa nho nhã, sinh hoạt thanh nhàn, giữ tâm tịch lặng, hiểu rành Luật tạng. Hiện đang ở trên trời, trong vườn cây Thi-lợi-sa. Hãy sai sứ giả lên mời về đây.” Đại Ca-diếp bảo Tỳ kheo bậc dưới: “Phẩm bậc của ông thích hợp làm sứ giả cho tăng chúng.” Vui mừng hớn hở nhận lãnh sứ mệnh của tăng chúng, Tỳ kheo bậc dưới ấy bạch Đại Ca-diếp rằng: “Tôi đến đó trình bày chuyện gì?” Đại Ca-diếp bảo: “Ông đến đó xong, hãy bạch với Kiêu-phạm-ba-đề rằng, các La-hán vô lậu Đại Ca-diếp cùng kết tập tăng chúng tại Diêm-phù-đề vì có Phật sự. Ngài nên mau mau đến cho.” Tỳ kheo cấp thấp dập đầu đảnh lễ tăng chúng, từ bên pahỉ đi quanh ba vòng, rồi như chim kim-sí bay vút lên hư không, đến ngay chỗ Kiêu-phạm-ba-đề. Dập đầu đảnh lễ dưới chân, bạch lại cùng Kiêu-phạm-ba-đề lời Đại Ca-diếp đã dạy. Kiêu-phạm-ba-đề lòng chợt sinh nghi, hỏi Tỳ kheo ấy: “Tăng chúng hòa thuận, sao đến gọi ta? Chẳng có tăng phá giới chăng?” Tỳ kheo ấy trả lời: “Đức Phật đã nhập diệt rồi!” Kiêu-phạm-ba-đề bảo: “Đức Phật nhập diệt quá nhanh! Hai mắt thế gian đã mất! Vị thống tướng kế tiếp Đức Phật để chuyển pháp luân, Hòa thượng Xá Lợi Phất của ta hiện nay ở đâu?” Đáp rằng: “Đã nhập Niết-bàn trước rồi.” Kiêu-phạm-ba-đề bảo: “Các vị thống tướng đại sư đều đã ra đi. Biết làm sao đây! Ma-ha-mục-liên hiện nay ở đâu?” Đáp rằng: “Vị này cũng đã nhập diệt.” Kiêu-phạm-ba-đề bảo: “Phật pháp sắp tiêu tan. Chúng sinh thật đáng thương! Các vị đại sư đều đã ra đi.” Cứ thế, lần lượt hỏi thăm các vị La-hán xong, Kiêu-phạm-ba-đề bảo: “Ta đã mất các vị đại sư lìa dục. Các ngài đã cùng nhập diệt hết rồi. Ta không trở lại Diêm-phù-đề. Ở đây để nhập Niết-bàn. Nói xong, thi triển đủ 18 phép thần thông biến hóa, từ nội tâm phát lửa tự thiêu, thành 4 dòng nước đổ xuống bên đại Ca-diếp. Trong đó phát ra tiếng kệ nói rằng:

Kiều-phạm-ba-đề dập đầu lễ,
Đệ nhất cao tăng của đại chúng,
Nghe Phật nhập diệt, tôi đi theo,
Giống voi chúa đi, voi con theo.

Bấy giờ, Tỳ kheo bậc dưới mang y bát trở về, đem mọi chuyện cáo bạch cùng chúng tăng. Khi ấy, A-nan đang tư duy các pháp, mong sao trừ sạch kết tập. Đêm ấy, ngồi Thiền xong, đi tản bộ, tinh thành cầu Đạo. Chỉ hiềm trí tuệ của A-nan nhiều mà Định lực ít, nên không thể lập tức thành Đạo. Đêm sau sắp tàn, A-nan mệt mỏi quá, muốn nghỉ

ngơi, bèn nằm xuống. Đầu chưa chạm gối, bỗng nhiên đại ngộ, như luồn điện chớp, khiến người trong tối thấy đường. Liền nhập Định kim cương, phá tan mọi núi phiền não. Vừa chứng được Lục thông, đang đêm A-nan đến tăng đường lên tiếng gõ cửa. Đại Ca-diếp hỏi ra: "Ai gõ cửa đấy?" Đáp: "là A-nan tôi đây." Đại Ca-diếp bảo: "Ông đến làm gì?" A-nan đáp: "Đêm nay, tôi đã trừ sạch mọi phiền não." Đại Ca-diếp bảo: "Không mở cửa cho ông đâu! Hãy theo lỗ khóa mà vào." A-nan đáp: "Cũng được." Rồi lập tức dùng thần lực luồn theo lỗ khóa vào phòng, lễ bái dưới chân Đại Ca-diếp xin sám hối. Đại Ca-diếp chẳng trách móc gì nữa, lấy tay xoa lên đầu A-nan bảo rằng: "Ta cố ý giúp cho ông được đắc Đạo. Xin ông chớ giận hờn. Ta cũng thế, dùng ông để tự chứng Đạo. Như lấy tay vẽ giữa không trung, chẳng thể đụng chạm vào đâu. Tâm của A-la-hán cũng thế, trong tất cả các pháp, phải đạt được cảnh giới không chấp trước vào pháp nào cả. Ta phục hồi cho ông lại phẩm bậc như cũ." Bấy giờ, tăng chúng lại bàn bạc rằng: "Kiêu-phạm-ba-đề đã nhập diệt. Liệu ai có thể kết tập kinh tạng?" Trưởng lão A-nê-lô-đậu bảo: "Trưởng lão A-nan này, trong hàng ngũ đệ tử của Đức Phật, thường hầu hạ cận kề. Nghe kinh nhớ giỏi. Đức Phật hay khen ngợi. Trưởng lão A-nan nầy có thể kết tập kinh tạng." Trưởng lão Đại Ca-diếp xoa đầu A-nan bảo rằng: "Đức Phật trăn trối với ông, khiến giữ gìn Pháp tạng. Ông nên báo đền công ơn của ngài. Ngài thuyết pháp lần đầu tiên ở đâu, các đệ tử có khả năng giử gìn Pháp tạng đều nhập diệt hết, chỉ còn lại một mình ông. Nay ông nên vâng theo tâm nguyện của ngài và thương xót chúng sinh, cố gắng kết tập Pháp tạng." Liền đó, Đại Ca-diếp nói kệ rằng:

Phật là sư tử chúa,
A-nan là đệ tử,
Ngồi trên ngai sư tử,
Đại chúng không có Phật,
Đại chúng đức lớn lao,
Không Phật giảng thần uy,
Như đêm không có trăng,
Bầu trời chẳng trong sáng,
Các trưởng lão đều nói:
Ông, con Phật, nên giảng,
Phật thuyết pháp ở đâu,
Nên đem ra bố thí.

Bấy giờ, trưởng lão A-nan dốc lòng, chấp tay, nhìn về chỗ Đức

Phật nhập Niết-bàn, vừa nói kệ rằng:

Khi Phật mới thuyết pháp,
Bấy giờ, ta chưa thấy,
Dần dần chuyển đến nghe.
Phật tại Ba-la-nại,
Giúp cho năm Tỳ kheo,
Lần đầu ban sữa pháp,
Diễn giảng Tứ diệu đế,
Là Khổ, Tập, Diệt, Đạo.
A-nhược, Kiều-trần-như,
Trước tiên được thấy Đạo,
Và tám vạn Thiên chúng,
Nghe xong, được thấy Đạo.

Tất cả một ngàn vị La-hán ấy nghe xong lời kệ này, liền bay vút lên giữa hư không, cao ngang bảy ngọn cây Đa-la, cùng cất tiếng nói rằng: "Hỡi ôi! Sức mạnh của Vô thường lớn lao đến thế! Chúng ta vừa tận mắt chứng kiến Đức Phật thuyết pháp, vậy mà nay đã nói" Ta nghe! Rồi nói kệ rằng:

Ta thấy sắc tướng Phật,
Giống như núi vàng tía,
Sắc tướng trang nghiêm mất,
Duy chỉ danh hiệu còn,
Thế nên cần cố gắng,
Thoát ly khỏi tam giới.
Siêng năng gom công đức,
Niết-bàn rất an vui.

Bấy giờ, trưởng lão A-nê-lô-đậu nói bài kệ này:

Thế gian thật quá vô thường,
Như tàu chuối héo, như gương trăng tà,
Tam giới công đức chứa chan,
Vô thường nổi gió, tiêu tan chẳng còn.

Bấy giờ, Đại Ca-diếp lại nói kệ rằng:

Sức vô thường rất lớn,
Hiền ngu, giàu nghèo, sang,
Đạt Đạo và chưa đạt,
Tất cả đều chẳng thoát,
Không mồm mép. Châu báu,
Không lừa dối, cãi vả,

Lửa thiêu vật hữu,
Vô thường, chết, cũng thế!

Tiết thứ tư: Kết tập có bảy trăm người.

Luật Tứ-phần nói: "Sau khi Đức Thế Tôn nhập diệt khoảng một trăm năm, Tỳ kheo Bạt-xà-tử ở thành Tỳ-xá-ly tự ý làm mười điều, bảo rằng: "Các pháp thanh tịnh này đều được Đức Thế Tôn cho phép: 1/ Được phép thọ trai khi mặt trời đã xế khoảng hai ngón tay. 2/ Sau khi ăn ở làng xóm này xong, được phép sang làng xóm khác tiếp tục ăn uống. 3/ Được phép Bố-tát ở một chùa khác không thuộc giáo phận của mình. 4/ Khi họp bàn quyết định tăng sự, dù tăng số tham dự chưa đủ, vẫn được phép cử hành yết-ma rồi sẽ xin thừa nhận sau. 5/ Được phép tùy tiện theo các điều lệ. 6/ Sau khi ăn no, được phép dùng sữa bò chưa gạt bỏ chất béo. 7/ Được phép để dành muối trong đồ đựng bằng sừng cho hôm sau. 8/ Được phép uống nước dừa lên men rượu. 9/ Được phép may tọa cụ không có đường viền, lớn nhỏ tùy tiện. 10/ Được phép thọ nhận vàng bạc. Vào dịp Bố-tát, thí chủ cúng dường vàng bạc xong, được phép chia đều cho nhau." Vì chuyện này, đã có một Kết tập chọn lọc, đối chiếu, khảo xét từng điều, thậm chí tất cả mười điều, đều sai trái, không đúng giới luật, không phải là lời của Đức Phật dạy. Đã được bỏ thăm biểu quyết tại thành Tỳ-xá-ly. Vì kết tập này có bảy trăm vị A-la-hán cùng giảng giới luật, nên gọi là Kết tập giới luật có bảy trăm người.

Theo sách Cảm-thông-ký của luật sư Đạo Tuyên nói rằng: "Luật sư hỏi Thiên nhân: "Sau khi Đức Thế Tôn nhập diệt, nghi thức kết tập Pháp tạng được cử hành như thế nào?" Thiên nhân đáp: "Chỉ có bậc đại Thánh năng biến, năng hiện, theo cơ duyên giáng sinh, nhập diệt. Khi kết tập Tam tạng Thánh tích, do số lượng Tỳ kheo tham dự nhiều ít, nên kết tập Luật tạng, Luận tạng cũng chẳng giống nhau. Như trong hai Kết tập Luật tạng năm trăm người và bảy trăm người, đều suy tôn Đại Ca-diếp làm bậc Thượng thủ. Trng Đại kết tập Luận tạng, tuyển chọn một ngàn người cao cấp, đều là những bậc Vô học thượng thừa. Đến khi kết tập xong xuôi, liền triệu tập đại chúng để trình bày lại thành quả kết tập. Vì có những kẻ bất đồng ý kiến, nên mới chia ra hai Bộ: những vị tuân theo đại Ca-diếp gọi là Thượng tọa bộ. Số còn lại đông hơn gọi là Đại chúng bộ." Theo kinh Văn-thù-vấn, bắt đầy chia ra hai Bộ, chính là từ sự kiện ấy. Kết tập Tam tạng lớn nhỏ, đều do A-nan đề xuất ra. Chỗ cùng nhau kết tập là thành Vương-xá. Nhưng căn cứ theo sự kiện Văn-thù tụ tập đại chúng kết tập sơ lược Đại thừa, thì tại chính giữa phía ngoài hai ngọn núi Đại Thiết vi. Nay nói rõ phần nghi thức kết tập.

Khi Đức Phật nhập diệt, quàn lại một tháng để thờ cúng xá-lợi rồi mới làm lễ hỏa thiêu (theo luật, chỉ quàn lại bảy ngày, nhưng vì còn chờ đại Ca-diếp về). Hỏa thiêu xong trong ngày rồi tôn trí vào bảo tháp. Tất cả đại chúng đều đến tinh xá Kỳ-hoàn ở thành Xá-vệ. Tôn giả Ca-diếp sai Tiểu Mục-liên (có sáu vị cùng tên và đều có thần thông quảng đại) đánh chuông tập họp tại giới đàn. Bấy giờ, tăng chúng Thánh phàm của hằng trăm ức vạn quốc độ đều tề tựu đông đủ. Tôn giả Ca-diếp bèn cáo bạch 4 phép Yết-ma, phạt Tân-đầu-lô và A-nan xong. A-nan bước lên tòa cao, mặc áo ca sa bằng sợi gai của Đức Phật. Trước tiên, tuyên đọc kinh Di-giáo, pháp ngôn giáo hóa ân cần, như Đức Phật hãy còn tại thế. Các vị Đại Bồ tát, A-la-hán, tất cả Tỳ kheo, Thiên long bát bộ nghe xong, đều đau buồn khóc lóc, không dằn lòng được.

Bấy giờ, Đại Ca-diếp đứng lên khỏi chỗ, mặc áo cà sa bằng sợi gai, tay cầm tọa cụ, đến trước tòa cao trải xuống. Đảnh lễ A-nan xong, từ bên phải đi quanh ba vòng rồi đứng lại. Thiên vương Đại Phạm tay cầm tràng phan thất bảo che cho A-nan. Đế-thích mang bàn thất bảo đặt trước A-nan. A-tu-la chúa La-hầu-la bưng lò hương thất bảo đứng trước A-nan. A-nan nhận lấy, đặt lên trên bàn. Thiên vương Tha Hóa đưa ghế thất bảo đến đặt sau bàn thất bảo. Ma vương Ba-tuần cầm phất trần thất bảo trao cho A-nan, rồi cùng Đế-thích đứng hầu hai bên. Bốn Thiên vương đều đứng đầu bốn góc tòa cao. 32 vị sứ giả sắp hàng phía sau Đại Ca-diếp. Tất cả đều nghiêm cẩn quỳ xuống kính nghe. Khi ấy, Đại Ca-diếp đảnh lễ A-nan xong, lại theo bên phải đi quanh ba vòng, đến trước mặt thỉnh an, giống như đối với Đức Phật không khác. Sau đó mới đặt câu hỏi như các như các kinh có nói. Mỗi một nghi thức đều theo đúng trong kinh. Bắt đầu như thế, cho đến phần cuối, đại chúng hoan hỷ tuân hành.

Bấy giờ, Đại Ca-diếp lại hỏi rằng: “Trong giáo pháp của chư Phật thời quá khứ đều được chia thành từng Bộ để diễn giảng. Ông thường đến bên cạnh Đức Phật, hẳn phải nhận lời chỉ giáo?” A-nan đáp rằng: “Tôi vâng lời dạy của Đức Phật: “Chúng sinh vào thời mạt pháp, kết tập phiền não nặng nề, không hiểu được giáo lý của ta, nên không thể chia thành từng bộ để diễn giảng. Ông phải chia thành chương để thuyết pháp. Hoặc mười chương, năm chương, tùy tiện xếp đặt, sao cho những kẻ độn căn hiểu được dễ dàng giáo lý của ta.”

Đại Ca-diếp lại hỏi: “Khi Đức Phật còn tại thế, có bảo Ưu-ba-ly và Ca-diếp ấy vào trong tòa bảo lâu phía Đông tinh xá Kỳ-hoàn, xem xét Luật tạng của chư Phật thời quá khứ và các bản khác nhau. Nay

ta muốn kết tập, nên theo lời chư Phật thời xưa hay theo lời chư Phật thời hiện tại?” A-nan đáp rằng: “Ta nghe Đức Phật nói: “Hãy bảo lại với Ca-diếp rằng, nếu muốn kết tập Luật tạng, phải chia thành năm bộ. Luật tạng của chư Phật ngày xưa nói ra, chỉ có một bộ, chứ không phải là hai. Chúng sinh hiện tại phúc mỏng, nên phải nói thành năm bộ. Sau khi ta nhập diệt, vô luận kẻ trí người ngu, phải chia giới luật của ta thành năm bộ, 10 bộ thậm chí năm trăm bộ. Dù ý vị đạm bạc, nhưng vẫn còn là Chánh pháp của ta.”

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bốn Thiên vương: “Ông cúng dường mã não cho ta.” Lại bảo Đế-thích: “Ông cúng dường vàng bạc cho ta.” Lại bảo Ma vương Phạm vương: “Ông cúng dường thợ Trời cho ta.” Lại bảo các Long vương Tu-cát và A-tu-la chúa La-hầu: “Các ông cúng dường những loại ngọc quý Minh nguyệt và Ma-ni cho ta để làm đèn thắp sáng bảo tháp.” Các Thiên vương Long vương vâng lời, đều dâng tặng đủ. Đức Phật thọ nhận xong, vận dụng thần lực của ngài, chỉ trong khoảnh khắc một niệm, các bảo tháp đều được hoàn thành. Mặt đất chấn động sáu lần. Bảo tháp phóng hào quang lớn, từ núi Hương chiếu thẳng đến giới đàn, hóa thành đền đài vàng bạc. Trên đài là đỉnh, trong đó có hằng trăm ức Đức Phật thuyết pháp vi diệu cao xa, ca tụng công đức trì giới và chê bai những kẻ phá giới.

Đức Phật bảo A-nan: “bảo tháp ở trên hiện đang ở tại núi Hương, nên khi ta nhập Niết-bàn, có dặn dò Đế-thích và Bốn Thiên vương rằng, khi ta đã nhập Niết-bàn xong, hãy mang bảo tháp đến ngoài rừng phía Nam giới đàn, tôn trí chín mươi ngày, đợi đến khi Ca-diếp kết tập xong xuôi. Trước tiên, sai Ca-diếp chép thành bản gốc Tam tạng giáo pháp. Sau đó, sai vua A-xà-thế sao lại thành năm bản. Lấy ấn vàng ròng và ấn bạc trắng của ta đóng lên bản gốc của Ca-diếp. Kế đó, đóng lên bản của Ma vương sao lại. Phạm vương sao lại ba bản, nên lấy ấn bạc trắng đóng lên. Đế-thích sao lại bảy bản, nên lấy ấn vàng ròng đóng lên. Long vương Ta-kiệt chép tám vạn bản kinh, đều nên lấy ấn tam sắc đóng lên rồi sau đem lưu hành ở cọi Diêm-phù-đề và ba Châu kia. Nhớ đóng ấn vào. Sau khi đã đóng ấn xong, đem ấn cất vào bình vàng, tôn trí tại phía Nam giới đàn, cốt giúp Ca-diếp tập văn nghĩa Tam tạng giáo pháp sao cho thành tựu viên mãn và mong A-nan nói kinh theo nhân duyên vấn nạn đừng bị quên sót. Vì hai sự kiện này, nên ta mới sai đem trấn giữ tại phía Nam giới đàn. Sau khi Ca-diếp nhập định, Bốn Thiên vương và Đế-thích mang bảo tháp và bình vàng tôn trí trên đỉnh núi Hương. Trải qua một trăm năm, Bốn Thiên vương và Đế-thích hằng

ngày nhớ đem Thiên nhạc đến cúng dường pháp bảo, để giúp những thần tiên có ngũ thông ở trong núi ấy, số lượng đông đến tám vạn, sẽ lần lượt làm tiểu vương tại cõi Diêm-phù-đề này, khiến cho những người không tín Chánh pháp trở thành có lòng tin, nên mới sai đem trấn giữ tại núi Hương. Hơn nữa, cũng để giúp vua A-dục, buổi đầu không tin Chánh pháp của ta, sẽ xoay chuyển lại tà kiến ấy, sinh ra chánh kiến, xây nên tám vạn bảo tháp.

Đức Phật lại bảo Mục-liên: “Ông lên đỉnh núi Tu-di đánh chuông triệu tập các hóa Phật khắp mười phương của ta và các Bồ tát, Thanh văn khắp Đại thiên thế giới.” Đức Phật phóng hào quang, mặt đất chấn động. Chư Phật tề tựu đông đủ. Bấy giờ, Đức Phật đứng lên khỏi bảo tọa, cùng các vị hóa Phật chấp tay kính lễ cửa đền của bảo tháp. Cửa đền của bảo tháp liền mở ra. Trong bảo tháp bằng vàng ròng có tám vạn lầu đều bằng trân châu và bạc trắng đựng Kinh và Luật tạng của chư Phật. Trên nóc đền gắn châu ma-ni lớn làm đèn chiếu sáng. Có sáu vị Tỳ kheo nhập Định tận diệt. Trong đền bạc trắng có nhiều bảo tọa sư tử bằng hoa sen thất bảo, số lượng nhiều đến 8 trăm vạn. Mỗi một bảo tọa đều có chữ Phật, các Thanh văn và Bát bộ Thiên long hộ pháp. Lại có năm mươi vị Tỳ kheo nhập Định tận diệt. Đức Phật bảo Phổ-hiền: “Ông cầm lấy tù-và bằng vàng ròng đến bên các Tỳ kheo thổi lên khúc ta xuất thế và báo tin ta nhập Niết-bàn.” Phổ Hiền vâng lời thổi xong, Tỳ kheo ấy xuất Định tận diệt, hỏi Phổ Hiền: “Hiện nay, có Đức Phật nào xuất thế?” Đáp rằng: “Đức Phật Thích-ca-mâu-ni hiện nay sắp nhập Niết-bàn.” Tỳ kheo ấy liền cùng Phổ Hiền đến bên Đức Phật kính lễ, thỉnh an và đứng hầu một bên. Trong tháp có sáu Tỳ kheo bước lên bạch Đức Phật rằng: “Khi Đức Phật câu-lưu-tôn nhập Niết-bàn, có dặn tôi ở trong tháp này chờ đợi Đức Phật Thích-ca cho đến Đức Phật Lâu-chí ra đời. Đức Phật ấy dạy tôi rằng, khi Đức Phật sau này ra đời, nhập diệt và kết tập Tam tạng, hãy mở đền, lấy ra một bản kinh và luật của ta. Trong hằng trăm ức quốc độ tại Đại thiên thế giới này của ta, thư pháp có sáu mươi bốn thể. Mỗi thể lấy một bản đem giáo cho Đức Phật ấy, dặn sau khi nhập diệt, kết tập Tam tạng xong, phải theo y bản kinh của ta, sao chép lại thật trang nghiêm. Lại nữa, tùy theo thứ thể của các nước sử dụng khác nhau, nhưng văn tự được lưu truyền đều có thể dùng được. Chỉ trừ các thừ da, xương và đất, không được ghi chép. Ngoài ra, các loại lá, giấy lụa, quý kim, sắt đá đều có thể dùng đến. Đức Phật ấy khiến tôi nhập định, giữ gìn kim tượng và sai tôi giao phó lại cho Đức Thế Tôn sau khi nhập Niết-bàn, Ca-diếp kết tập Tam tạng xong xuôi,

đem lưu hành khắp mọi quốc độ.

Đức Phật bảo Long vương Ta-kiệt và Bốn Thiên vương: "Các ông cúng dường cho ta các loại trân châu, ma-ni và vàng bạc. Ta sắp tạo nên đền đài dựng kinh tượng của chư Phật đời trước." Bấy giờ, Thiên long bát bộ lập tức dâng tặng. Đức Phật thọ lãnh xong, liền vận dụng thần lực, chỉ trong khoảnh khắc một bữa ăn, đã hoàn thành tất cả điện đài trân châu và lầu đền vàng bạc trong bảo tháp. Mỗi thứ có tám vạn tòa đựng kinh tượng đời trước. Đức Phật lại bảo các vị hóa Phật: "Mỗi vị các ông đều cúng dường cho ta một bảo tháp và một đền vàng bạc để trấn giữ di giáo của ta trong Đại thiên thế giới đừng bị phá hủy." Chư Phật nghe xong, đều hoan hỷ dâng tặng. Lại được hằng trăm ức vạn Đức Phật cùng phóng hào quang từ miệng, tất cả đều rất hoan hỷ. Đức Phật lại bảo các Bồ tát: "Khéo léo duy trì bảo vệ đền đài bảo tháp của ta. Phiên dịch kinh điển, phải y theo bản văn trong đền tháp để lưu hành." Tất cả đền đài bảo tháp ấy đều ở tại đỉnh núi Hương. Khi Đức Phật nhập Niết-bàn, có dạy ta và La-vân ở đó trụ trì, sau này, nhằm đời hung ác, đem ra giáo hóa chúng sinh, khiến đều được thoát khổ. Xong xuôi, đem lên tôn trí trong vườn Hona hỷ ở Thiên cung Đế-thích, đến khi Ma vương đến bảo tháp cúng dường suốt năm trăm năm. Sau đó, Chánh pháp sẽ lưu hành khắp các nước cho đến khi bị hủy diệt. Bảo tháp cũng bay lên Thiên cung Đâu-suất Di-lặc thấy bảo tháp bay đến, biết rằng Chánh pháp của ta đã bị hủy diệt, liền phóng hào quang to lớn chiếu diệu khắp địa ngục. Về sau, gặp Phật Lâu-chí ra đời, tất cả tội nhân ở đấy đều được giải thoát. Qua khỏi thời kỳ ấy, bảo tháp sẽ từ Thiên cung Đâu-suất bay xuống long cung của Ta-kiệt. Còn các bảo tháp và điện đền do Đức Phật tạo nên, được giáo phó cho Văn-thù, Phổ-hiền và Quán âm mang đi khắp Đại thiên thế giới. Mỗi nước tôn trí một bảo tháp vàng ròng và một đền bạc trắng giống như ở bên Trung Quốc vậy. Bấy giờ, Văn-thù mang bảo tháp và đền sang tôn trí bên động Kim cương tại núi Thnah lương và được lưu hành đến hiện tại. Sai các Bồ tát nói trên đưa kinh tượng cho các vị ấy giữ gìn dễ dàng lưu hành cho đến khi Chánh pháp của ta bị hủy diệt, sẽ nhờ Long vương Ta-kiệt thâu thập bảo tháp, đền đài mang về Long cung ở dưới biển lớn.

Lại hỏi: "Tất cả Kinh Tạng đã kết tập, nên tôn trí ở nơi nào? Nay ta muốn kết tập, nên kết tập sâu rộng hay kết tập sơ lược? Xin ông lần lượt giải thích dùm cho." Đáp: "Ta nghe Đức Phật bảo rằng, dặn lại Ca-diếp kết tập sâu rộng. Ngài lại bảo, dặn Văn-thù đến chỗ các Bồ tát cư trụ tại núi Thiết vi, chín cõi ấy chỉ có tám vạn người, nên kết tập

sơ lược. Dặn lại A-xà-thế sao thành năm bản và Đế-thích cùng Thiên vương Đại Phạm nên hổ trợ cho A-xà-thế chép lại kinh Di-giáo của ta. Bản kết tập của Ca-diếp, nên đem tôn trí trong động Tu-la.” Lại hỏi: “Khi Đức Phật còn tại thế, ta có nghe từ ngài rằng, nếu kết tập xong, đem Tam tạng giáo pháp của ta giao phó cho Long vương Ta-kiệt. Nay nghe ông nói, tại sao khác với ta nghe trước đây?” Đáp: “Ta nghe Đức Phật bảo, kết tập Tam tạng trong động Tu-la. Trải qua hai mươi năm, đợi Văn-thù kết tập xong xuôi, mới đem giao phó cho Long vương Ta-kiệt.” Lại hỏi: “Tại tinh xá Kỳ-hoàn có hình tượng các vị Phật thời xưa, Tam tạng giáo pháp viết hai mặt và các pháp khí thờ tự, phải đem giao phó cho ai?” Đáp: “Nhân duyên của chuyện này, kinh Kỳ-hoàn-tinh-xá-đồ đều có nói đủ. Mỗi thứ đều có chỗ để giao phó, không cần nói ra đây thêm phiền phức.” Lại hỏi: “Ta nghe từ Đức Phật: “Sau khi nhập diệt, tất cả Luật tạng đem ra truyền bá ở Diêm-phù-đề và ba Châu kia. Chúng sinh vì tham dục, nên kiến giải không đều. Tại hơn trăm ức quốc độ khác, cũng cho truyền bá.” Ta sắp kết tập. Nay ở trước Trời người, ông nên giải đáp dùm ta.” Đáp: “Ta vâng lời Đức Phật dạy: “Sau khi ta nhập diệt, ông bảo Ca-diếp và Văn-thù truyền bá Luật tạng khắp ba mươi hai nước thuộc cõi Diêm-phù-đề này. Chúng sinh ở đây đều có căn cơ to lớn, có thể thực hành được di giáo của Ca-diếp. Hai trăm sáu mươi nước thuộ cõi Đông Phất-bà-đề và một trăm ba mươi nước thuộc cõi Tây Cù-da-ni đều thực hành được di giáo của Ca-diếp. Quốc độ còn lại, chúng sinh mỏng manh phước, không hiểu được Chánh pháp, đừng truyền bá Luật tạng này. Sau khi Như Lai nhập diệt, trong khoảng bốn mươi năm, hãy đem lưu hành Nhị bộ khắp quốc độ này.” Lại hỏi: “Thế nào là giáo pháp Nhị bộ?” Đáp: “Ấy là luật Tứ-phần và luật Thập-tụng. bốn mươi năm sau, kéo dài ở nước này. Các nước như Trung Quốc, đáng gọi là nước quân tử, có căn cơ lanh lợi, có thể thực hành giáo pháp Tam bộ. Khắp bốn trăm lẻ ba quốc độ cùng chung một loại văn tự này, đều thực hành được giáo pháp Tam bộ.” Lại hỏi: “Thế nào là giáo pháp Tam bộ?” Đáp: “Thực hành giáo pháp Nhị bộ nói trên và thêm vào bộ Đại Tăng-chi. Các nước như Cầu-lưu-ly và hai quốc độ kia, chỉ thực hành pháp Nhất bộ, ấy là bộ Tát-bà-đa.”

Dưới mái trong đại điện tại tinh xá Kỳ-hoàn có bốn đền bạc. Trong hai đền có kinh tạng bằng vàng ròng, giấy bằng bạch ngọc. Còn lại hai đền, trong đó có Luật tạng, giấy bằng vàng ròng, chữ bằng bạch ngọc. Luật tạng do Long vương chép, Kinh tạng do Ma vương chép. Hai tạng này đều là kinh luật của chư Phật thời xưa, từ thời Tinh tú quá khứ. Hai

tạng chép tay này đứng hàng đầu ở châu Diêm-phù-đề. Sau khi Đức Phật nhập diệt, Long vương ta-kiệt mới mang về long cung thờ phụng. Lại nữa, vào thời Phật Ca-diếp, có một người ở Trung Quốc chép Đại luật tạng và Kinh tạng. Kinh tạng ấy bằng giấy bạc chữ vàng và Luật tạng bằng giấy vàng chữ bạc. Đương thời, hai tạng ấy được chép tại chùa Phổ minh ở Kinh châu. Kinh tạng tôn trí trên hoa sen trong phía Đông nam đền. Luật tạng tôn trí trên lá sen trong phía Tây nam đền. Được thờ phụng trang nghiêm, không thể tả hết. Thư pháp trong hằng trăm ức quốc độ, sánh cùng hai tạng này, dù đến bọn họ Chung, Trương, Vương, Vệ, cũng chẳng đủ khả năng bì kịp. Khi Đức Thế Tôn còn tại thế, Thánh nhân các nước đến thăm, nagì thường lấy kinh luật này cho xem. Sau khi ngài nhập diệt, Văn-thù-sư-lợi thu thập kinh luật này đem về tôn trí tại động Kim cương trong núi Thanh lương. Lại nữa, trong đền còn có sách chép luật nghi do chư Phật thời xưa nói ra, gồm có ba vạn tám nghìn môn. Nếu đem sánh với thư pháp chân phương trong hằng trăm ức quốc độ, đáng xếp hàng đầu.

Hoàng tử thứ ba của Nam Thiên vương là Trương Dư soạn sách Kỳ-hoàn-đồ gồm một trăm quyển. Hoàng tử thứ mười sáu của Bắc Thiên vương viết sách Ngũ-tinh-xá-ký gồm năm trăm quyển. Hiện tại đều giữ trên Trời

Tụng rằng:

Mừng bậc Đại giác,
Lồng lộng thần công,
Tứ Thiền Vô tướng,
Tam đạt đều Không.
Nghìn Phật kỳ bí,
Cùng trí, chung lòng,
Hiển linh giáng thế,
Diễn thuyết khai thông.
Hiền kiếp có bốn,
Ba vị còn trông,
Nối dõi là bảy,
Thừa kế nghiêm cung.
Thuyết pháp non Thứu,
An lạc Phạm cung,
Tám tướng thành Đạo,
Vạn đức viên dung.
Trời người hưởng phúc,

Ác dẹp, thiện dương,
Chúng sinh nhờ cậy,
Công đức vô cùng!

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Trích dẫn sơ lược 12 chuyện linh nghiệm:

1. Sách Châu-thư chép thời điểm Đức Phật giáng sinh. 2/ Sách Châu-thư chép thời điểm Đức Phật nhập diệt. 3/ Sách sử chép Đức Phật là bậc đại Thánh. 4/ Thời vua Hiếu Vũ đế đời Tiền Hán đã khai thông Phật giáo. 5/ Thời vua Ai đế đời Tiền Hán đã thực hành trai giới. 6/ Thời Tần Tủy Hoàng cũng đã có Phật giáo du nhập. 7/ Sách Giao-chí đời Hậu Hán chép Đức Phật là bậc đại Thánh. 8/ Thời vua Hán Minh đế đời Hậu Hán, Tam bảo đã truyền bá đầy đủ. 9/ Thời Tây Tấn, biển nổi lên hai tượng Phật Duy-vệ và Ca-diếp. 10/ Thời vua Văn Tuyên đời Tề được hai răng của Đức Phật. 11/ Sa môn Thích Trí Khải ở Thiên thai đời Tùy thấy được ba bậc thang quý. 12/ Sa môn Thích Đàm Vinh ở Lô châu đời Đường thấy Thất Phật hiện ra.

Xét rằng:

Bậc chí nhân đáp ứng nguyện cầu, theo thế sự hưng vong, chìm nổi. Từ tâm hóa độ chẳng phân cương giới, há chấp trước sắc tướng dạy dỗ quần sinh? Đến nỗi, nghe cùng giải khác, nói trắng hiểu đen! Do đó, đăng bảo vị để siêu thăng, dọn đường mê mà giáng hạ. Toàn thân, nát thân chỉ là diệu dụng; tạo tháp, phát tháp cốt tỏ thần uy. Hào quang chiếu diệu khiến tà kiến tiêu tan, linh tích hiển dương để sâu thêm tín phục.

Từ khi suối tháp cuồn cuộn chảy về Đông, ánh Đạo huy hoàng bừng sáng ở Tây Vức, cao hiền hội tụ, linh ứng dẫy đầy. Thế nên, Dục vương dựng tháp, bắt đầu từ thuở Tây Châu, từ phụ tượng hình, hưng thịnh dưới thời Đông Hán. Các đời kế tiếp, tô điểm càng nhiều. Mới hay, chẳng phải Thiên Trúc độc tôn Thánh giáo. Vì vậy, kinh nói: Chánh pháp về sau truyền khắp. Trước hết, ở tại Bắc phương, sang tới Đông độ, đến giữa thì hết.”

Nay tạm liệt kê những điều mắt thấy tai nghe về linh tích của Tam bảo ở Trung Quốc, từ thời Hán Minh đế đến này và đem ra thuật lại mấy phần. Hãy còn vô số sự tích thần kỳ chép đủ trong các truyện lục.

1/ Xét sách Châu-thư-dị-ký chép: “Châu Chiêu vương năm thứ 24, (Giáp dần 607 trước công nguyên) ngày mồng tám tháng tư, sông suối, ao hồ bỗng dâng lớn, nước giếng tràn đầy. Núi non chấn động.

Có đạo hào quang ngũ sắc xuyên suốt bầu trời. Khắp cả phương Tây toàn một sắc xanh hồng. Thái tử Tô Do bảo: “Có bậc đại Thánh sinh ra ở phương Tây. Hơn một ngàn năm sau, tiếng tăm, giáo lý sẽ truyền bá sang đây.” Chiêu vương ban sắc khắc lời này lên bia đá để ghi nhớ và cho chôn trước đền thờ Trời ở Nam giao. Đây là thời điểm Đức Phật giáng sinh. Tướng quốc Lữ Hầu cưỡi xe tám ngựa đi tìm Đức Phật để khấn vái cúng ngài.

2/ Châu Mục vương năm thứ 53, Nhâm thân, vào sáng sớm ngày rằm tháng hai, gió lớn bỗng nhiên nổi lên, phá hại nhà cửa cây cối. Mặt đất chấn động. Trời hóa tối đen. 12 đạo cầu vồng màu trắng bạch hiện lên ở phương Tây. Thái sử Hỗ Đa bảo: “Thánh nhân ở phương Tây mất rồi!” Đây là điềm báo hiệu Đức Phật nhập diệt.”

3/ Lại xét Xuân-thu, Lỗ Trang công năm thứ bảy, tháng bốn mùa Hạ (quý Tỵ, 688 trước công nguyên), tinh tú không mọc, đêm sáng như ban ngày. Đây là điềm chỉ cho thời điểm Đức Phật giáng sinh. Vốn do ngài có hai thân là chân thân và báo thân, hai trí là quyền và thật, Tam minh và Bát giải, Ngũ nhãn và Lục thông. Thần uy thật là không thể nghĩ bàn. Diệu chỉ gọi là Tâm hành xứ diệt. Đạo của ngài nhằm đưa bậc Thánh trí tới cõi Niết-bàn. Sức của ngài cốt giúp kẻ phàm phu thoát khỏi biển khổ. Thật là lồng lộng nguy nga, chỉ có thể nói qua sơ lược. Thế nên, sách Liệt-sử chép rằng: “Ngày xưa, thái tử nước Ngô là Bá Hy hỏi đức Khổng tử đúng là Thánh nhân chăng?” Đức Khổng tử trả lời: “Khâu này là người học rộng nhớ nhiều, không phải là Thánh nhân.” Lại hỏi: “Tam hoàng là Thánh nhân chăng?” Trả lời: “Tam hoàng giỏi sử dụng đức Trí và Dũng. Họ có phải là Thánh nhân chăng, Khâu này không thể biết được.” Lại hỏi: “Ngũ đế là Thánh nhân chăng? Trả lời: “Ngũ đế giỏi sử dụng đức Nhân và Tín. Họ có phải là Thánh nhân chăng, Khâu này không thể biết được.” Lại hỏi: “Tam vương là thành nhân chăng?” Trả lời: “Tam vương hành động hợp thời. Họ chính là Thánh nhân chăng, Khâu này không thể biết được.” Thái tử quá kinh ngạc, hỏi rằng: “Như vậy, ai mới là Thánh nhân?” Phu tử thay đổi hẳn thần sắc, trả lời: “Người bên phương Tây có bậc Thánh nhân. Không cai trị mà không hỗn loạn. Không nói mà có Tín Nghĩa. Không dạy dỗ mà biết hành động. Lồng lộng thay, người ta không thể nào quan niệm được! Nếu cho rằng Tam hoàng Ngũ đế là những bậc đại Thánh, há Khổng Khâu còn giấu diếm không chịu nói ra? Như thế sẽ mang tợi che đây bậc đại Thánh. Đắn đo cho cùng, phải suy tôn Đức Phật làm bậc đại Thánh.” Lại nữa, kinh Lão-tử-Tây-thăng chép: “Thầy ta đi giáo

hóa bên Thiên Trúc, thanh thản nhập Niết-bàn." Theo đó mà nói, có thể biết được ai hơn kém vậy."

4/ Trong niên hiệu Nguyên thú đời vua Hiếu Vũ đế thời Tiền Hán, Hoắc Khử Bệnh đi dẹp Hung nô, đến Dịch lan, vượt núi Cư diên, bắt sống bọn vua Côn Da, Hưu Đồ. Lại còn thu được tượng người bằng vàng, cao khoảng hơn một trượng một thước. Đem về đến cung Cam tuyền, nhà vua cho là tượng bậc đại Thánh, thắp nhang lễ bái. Đến khi thông thương với Tây Vức, sai Trương Khiên đi sứ Tây Hạ. Lúc trở về, tâu rằng: "Các nước Quyên Độc, còn gọi là Thiên Trúc, bắt đầu nghe giáo pháp Phù Đồ." Đây chính là thời kỳ Tượng giáo bắt đầu vậy.

5/ Niên hiệu Nguyên thọ đời vua Ai đế thời Tiền Hán, sai Cảnh Hiến đi sứ nước Đại Nguyệt Chi. Nhân đó, thỉnh kinh (trong bản văn là chữ tụng ( ), nếu chữ này đặt ở đây, không hợp với ngữ cảnh hơn chữ ( ), chắc do chép lầm về sau, nên dịch theo nghĩa chữ thỉnh) Phật mang về Trung Quốc. Bấy giờ, đã thực hành đôi chút phép trai giới của đạo Phật.

Đời vua Thành đế nhà Tiền Hán, tiểu truyện của Quang lộc đại phu Lưu Hướng làm Đô thủy sứ chép: "Hướng xem nhiều sách sử, thường thấy kinh Phật. Đến khi làm sách Liệt-tiên-truyện có nói: "Ta sưu tra tàng thư, thấy Thái sử mới soạn sách Liệt-tiên-đồ, sưu tầm chuyện thật của một trăm bốn mươi sáu nhân vật từ đời Hoàng đế đến nay. Trong đó có bảy mươi bốn nhân vật đã thấy được kinh Phật." Căn cứ vào đó thì biết rõ trước các đời Châu Tần, đạo Phật đã sớm truyền bá tại Trung Quốc. Làm sao biết được? Nhờ căn cứ vào sách Liệt-tiên-đồ. Vì thế, trong Phật truyện chép rằng: "Sau khi Đức Phật nhập diệt 11sáu năm, nước Đông Thiên Trúc có vị Thiết luân vương cai trị cõi Diêm-phù-đề, thu thập xá-lợi, động quỷ thần, điều xây dựng tám vạn bốn nghìn bảo tháp. Lãnh thổ chín châu này (Trung Quốc) đều có di tích. Đấy là các tháp do vua A-dục xây dựng. Tháp này ở trong số đó. Châu Kính vương năm thứ hai mươi sáu, đinh mùi, trùng hưng lại tháp cũ. Trải qua mười hai đời vua, đến đời Tần Thủy hoàng năm thứ hai mươi bốn, tiêu hủy sách vở, các tháp của vua A-dục vì thế, bị mất dấu.

6. Kiểm tra lại sách Đẳng-kinh-mục-lục của Thích Đạo An và Châu Sĩ Hoành, có chép: "Đời Tần Thủy hoàng, có các Sa môn người nước ngoài Thích Lợi Phòng gồm mười bảy vị, mang kinh Phật đến giáo hóa. Thủy hoàng không tin theo, bèn bắt bỏ tù. Ban đêm, Hộ pháp Kim cương cao một trượng sáu xông vào phá ngục giải cứu. Thủy hoàng kinh sợ, phải cúi đầu tạ lỗi." Theo đó mà nói, trước đời Tần Hán, đã có Phật

pháp rồi. Truy tìm danh sách mười hai hiền giả do Đạo An ghi chép, thì cũng nằm trong số bảy mươi vị nói trên. Nay trong sách Liệt-tiên-truyện hiện còn bảy mươi hai vị. Xét kinh Văn-thù-bát-nê-hoàn, nói rằng:"Sau khi Đức Phật nhập diệt bốn trăm năm mươi năm, Văn-thù lên giữa núi Tuyết thuyết pháp cho các tiên nhân." Lại nữa, xét truyện Tây Vức trong Địa-lý-chí nói: "Núi Tuyết chính là rặng núi Thông. Phía dưới có 36 nước. Trước đây có đến cống nhà Hán." Rặng núi Thông dài dằng dặc. Phía Đông đến tận núi Chung Nam. Văn-thù đến hóa độ các tiên nhân , chính là chỗ này. Suy nghiệm tường tận, lập luận của Lưu Hướng cũng có bằng chứng

7/ Sách Giao-tự-chí đời Hậu Hán chép: "Phật, tiếng Hán gọi là Giác, ý chí giác ngộ chúng sinh. Tóm tắt giáo lý, lấy tu sửa thiện tâm làm chính, không sát sinh, cốt giữ thanh tịnh. Kẻ siêng năng tu tập gọi là Sa môn, tiếng Hán là tức ác (dứt ác). Hủy dung nhan, cắt tóc, xuất gia thoát tục, cắt đứt tình dục để hướng đến thanh tịnh vô vi. Lại còn cho rằng người chết đi, nhưng tinh thần vẫn bất diệt. Sau đó lại đầu thai và làm thiện ác, kiếp sau đều có báo ứng. Chú trọng làm thiện tu Đạo để luyện tập tinh thần không ngừng, nhằm đạt đến mức Vô sinh mà thành Phật. Thân cao 1 trượng 6, óng ánh sắc vàng. Cổ đeo vòng hào quang sáng láng như vầng nhật nguyệt. Biến hóa vô lường, đến khắp mọi nơi, nên có khả năng cảm thông cùng muôn vật và cứu độ hết mọi chúng sinh. Kinh sách có mấy nghìn quyển, lấy hư vô làm tôn chỉ. Bao trùm lớn nhỏ, tóm gom tất cả. Khéo dùng lời lẽ tuyệt diệu mênh mông, cốt đưa đến trọng tâm nhất thể. Thuyết minh cái vượt ngoài nhận thức, quy hết về nơi áo diệu khó lường. Thế nên, các bậc vương hầu khanh tướng xem đến chỗ báo ứng sống chết, mấy ai không khỏi giật mình tự trách?"

8/ Các sách khác, như Pháp-bản-nội-truyện chép: "Đời vua Minh đế nhà Hậu Hán, ở chùa Bạch mã tại lạc dương có Nhiếp-ma-đằng, người nước Trung Thiên Trúc. Dáng mạo hiền hòa, thông hiểu kinh điển Đại thừa. Thường lấy việc hành hóa phương xa làm nhiệm vụ. Niên hiệu Vĩnh bình năm thứ 3, vua Minh đế ban đêm nằm mộng thấy người vàng cưỡi hư không bay đến, bèn thiết đại triều để giải giấc mơ. Bác sĩ Phó Nghị đáp rằng: "Tôi nghe bên Tây Vức có bậc thần nhân gọi là Phật. Người bệ hạ mơ thấy phải chăng là Phật?" Nhà vua cho là phải, liền sai bọn Trung lang Sái Âm và đệ tử là bác sĩ Tần Cảnh đi sứ sang Thiên Trúc dò tìm Phật pháp. Ở bên ấy, bọn Sái Âm gặp được Ma-đằng, bèn mời sang Trung Quốc. Ma-đằng phát nguyện hoằng pháp,

không sợ gian khổ, xông pha lặn lội giữa sa mạc gió cát, đi đến Lạc dương. Vua Minh đế khen thưởng rất long trọng, thân hành ra nghinh đón tận ngoài cửa thành phía Tây. Sai lập tinh xá cho ở. Đây là lần đầu tiên Trung Quốc có Sa môn.

Lại nữa, vua Hán Minh đế triệu được pháp sư Ma-đằng từ đất xa xôi đến tại Lạc dương. Cho lập chùa Bạch mã ở ngoài cửa Ung môn phía Tây kinh thành. Đây là ngôi chùa đầu tiên của Trung Quốc. Tương truyền có vị quốc vương ở nước ngoài hay phá hủy các chùa, chỉ còn chùa Chiêu đề chưa kịp phá. Ban đêm, có con ngựa trắng chạy vòng quanh tháp buồn bả hí vang. Có người đem báo lên. Nhà vua liền đình chỉ việc phá hoại. Nhân đó mới đổi tên Chiêu đề thành Bạch mã. Do đó, các chùa đặt tên, phần nhiều chọn theo lệ này.

Lại nữa, chùa Bạch mã ở Lạc dương có Trúc-Pháp-lan là người Thiên Trúc, thổ lộ đã tụng mấy vạn chương kinh và làm giáo thọ cho đệ tử ở Thiên Trúc. Khi Sái Âm sang bên ấy, Pháp-lan và Ma-đằng có hẹn nhau đi hành hóa phương xa, bèn cùng sang Trung Quốc. Bị đồ chúng ngăn cản, Pháp-lan đi bằng đường tắt qua Trung Quốc. Khi đến Lạc dương, ở chung với ma-đằng. Chẳng bao lâu đã rành tiếng Trung Quốc, liền dịch kinh điển do Sái Âm thu thập từ Tây Vức. Ấy là năm bộ kinh: Thập địa, Đoạn, Kết, Phật-bản-hạnh và Tứ-thập-nhị-chương. Về sau, khi dời đô bị cướp phá,bốn bộ thất lạc bản thảo, không được lưu truyền ở vùng giang tả. Hiện chỉ còn lại bộ Tứ-thập-nhị-chương khoảng 2000 lời. Bộ còn lại này là bộ đầu tiên của kinh điển Trung Quốc. Về sau, Pháp-lan mất tại Trung Quốc, tuổi thọ được hơn 60.

Lại nữa, vào thời Hán Minh đế, Sa môn Pháp-lan người Thiên Trúc mang sang tượng vẽ Đức Phật Thích-ca đang ngồi. Đây là họa phẩm thứ tư do họa sư Chiên-đà của vua Ưu-điền vẽ ra. Khi được mang đến Lạc dương, vua Minh đế liền sai họa sư vẽ lại, đem tôn trí trong đài Thanh lương và treo lên trên các tranh cũ ở Thiết lăng. Nay đều không còn. Đây là tượng Phật có trước tiên ở Trung Quốc (Nguỵ-thư cũng nói rõ ý nghĩa: vào thời Hán Minh đế, Tam bảo bắt đầu du nhập vào Trung Quốc).

Ngày xưa, vua Hán Vũ đế cho đào ao Côn minh, bắt gặp lớp tro dưới đáy, liền đem hỏi Đông Phương Sóc. Sóc trả lời: “Chưa từng gặp, nên đem hỏi các Sa môn Tây Vức.” Về sau, khi Pháp-lan đến, mọi người lại đem ra hỏi, Pháp-lan bảo rằng: “Khi tận thế, hỏa tai thiêu cháy rụi tất cả. Đây là tro tàn còn sót lại.” Thấy lời Sóc nói có chứng nghiệm, rất nhiều người tín mộ Pháp-lan.”

9/ Ngày xưa, vào niên hiệu Mẫn đế nguyên niên (313) đời Tây Tấn, có hai tượng đá Phật Duy-vệ và Phật Ca-diếp nổi trên mặt biển, trôi vào cửa sông Hỗ độc ở huyện Tùng giang thuộc đất Ngô. Từ xa, nhìn thấy hai hình người nổi lờ đờ trên mặt biển, ngư dân chẳng dám đến gần xem. Rước đồng cốt thì bảo là thần biển, thầy lễ thì bảo là Linh tiên. Hoặc gõ mõ xin rước, hoặc khăn áo cầu đảo thì sóng nổi, mù che, tượng ngược nước trôi ra xa. Tín đồ đạo Lão cho là Thiên sư, đến xin nghinh đón. Sóng gió lại nổi lên như trước. Châu Ưng ở Ngô huyện, nhà vẫn thờ phụng Chánh pháp, rước Bạch Ni tại chùa Đông linh, cùng mấy chục tín chủ trai giới thanh tịnh đến nghinh đón tượng. Liền đó, mây tanh trời quang, gió ngừng sóng lặn. Tượng theo dòng nước trôi vào, xoay mình cho thấy chữ khắc. Mới đở lên thuyền, tượng nhẹ như lông. Khi đưa lên xe, lại nặng như núi. Bèn rước về tôn trí ở cổ tự Thông huyền tại Ngô quận. Nguồn gốc đầu đuôi, có ghi chép rõ ở bia cũ.

Đến niên hiệu Vĩnh minh thứ bảy đời nhà Nam Tề (489), lại có tảng đá quý nổi trên mặt biển, trôi vào đất Ngô. Chất liệu cứng chắc, sáng láng tươi đẹp. Gối sóng lướt thủy triều, nhẹ nhàng như thuyền gỗ bách. Bấy giờ, có chủ thư Pháp Nhượng, chính là tằng tôn của Châu Ưng đã vớt tượng đá trước đây, bị sai phái sang đất Ngô, bắt gặp tảng đá, liền đem dâng làm đài sen. Khi ấy, Tề Vũ đế vừa dựng bảo tháp Thiền linh, bảy tầng cao vút, hùng tráng tôn nghiêm. Gặp đá báu xa xôi trôi đến, thật hợp cơ duyên. Quần thần đều bàn, nên kính trọng hồng ân, tôn vinh pháp tướng. Nhà vua bèn sai bọn thợ đá Lôi Ty tạc thành tượng Phật Thích-ca-văn. Thân cao ba thước năm tấc. Chạm khắc đạt mức nhập thần, tô vẽ cực kỳ tinh xảo. Sắc tướng sống động, xứng hợp âm linh.

Trộm nghĩ, tính đá vốn chìm, hiển linh nên nổi. Vượt biển đến Ngô, cách đời lại gặp. Tuy chế tác xưa nay có khác, nhưng đều quy về thất Phật như nhau. Người bắt được đá, cũng chính họ Châu. Hợp với âm linh, trước sau như một, nên mới nhắc lại chuyện xưa, cốt để trưng ra bằng chứng.

Hai pho tượng bắt gặp đời Tấn có dáng đứng, cao bảy thước. Trên lưng được khắc chữ. Tượng thứ nhất là Phật Duy-vệ, tượng thứ hai là Phật Ca-diếp. Chẳng biết thuộc đời nào, nhưng nét chữ rõ ràng. Được tôn trí tại chùa Thông nguyên ở Ngô Quận (nên nhớ hai tượng đá trên đây là hai tượng đá có trước tiên ở Trung Quốc). Tượng Phật bằng đá quý do vua Tề sai tạc, xưa kia được tôn trí ở chùa Thiền Linh.

10/ Vào đời vua Văn Tuyên nhà bắc Tề, có tiên sư Thống Thượng,

gia đình lập nghiệp ở Lương Châu. Năm lên 13 tuổi, phát nguyện sang Tây Vức. Vào tháng năm trong niên hiệu Nguyên huy thứ ba (475) mới từ kinh độ khởi hành. Năm năm đến nước Nhuế-nhuế, rồi đến Vu-điền. Khi ra đi, một vị tăng lấy từ mật thất một hộp bằng đồng, trao tận tay tiên sư, bảo rằng: “Trong này có xá lợi răng của Đức Phật, lớn hai tấc, dài ba tấc, hãy đem về phương Nam để rộng đường làm lợi ích.” Tiên sư hoan hỷ, đảnh lễ thọ nhận, tôn kính như thấy được Đức Phật. Vị tăng còn bảo: “Ta lấy được xá-lợi này ở nước Ô-triền hết sức gian nan. Còn có thêm một ấn đồng chạm mặt của quốc vương để đóng lên hộp này...” Sau đó, tiên sư nghe chư tăng bàn bạc: “Nước Ô-triền mất xá lợi răng của Đức Phật. Không biết vị tăng đầy phước đức của nước nào sẽ thọ lãnh được?” Tiên sư nghe xong, hoan hỷ mừng thầm và càng tăng thêm lòng tôn kính xá lợi ấy. Liền đó, mang về Chung sơn. Suốt mười lăm năm, dù hàng đệ tử thân cận cũng không biết được chuyện ấy. Tiên sư chỉ kín đáo thổ lộcùng luật sư Pháp Dĩnh ở chùa Linh căn. Thành kính ân cần, kể ra lời chư tăng bàn bạc. Luật sư là một tăg sĩ ở Cưu-tư, không thể nào biết được giả thật.

Bấy giờ, tư đồ Cánh Lăng vương Văn Tuyên tuổi nhỏ nhưng thông tuệ khác người. Lập chí tìm tòi huyền lý. Khẩn thành cầu nguyện, mau phát hiển linh. Vào ngày mồng tám tháng hai năm Vĩnh minh thứ bảy (489), trong pháp hội ở Tây phủ, mơ thấy Đức Phật từ phương Đông đi đến. Thần uy hiển hách, Văn Tuyên ngước theo hành lễ và đứng hầu cận. Bỗng thấy mũ đang đội dài thòng tận dưới mắt cá chân. Đức Phật nhìn xuống mĩm cười, nhỏ nước bọt trắng như tuyết đọng. Văn Tuyên đưa tay hứng lấy thì biến thành hạt ngọc. Sau đó, dời về phủ thái tử. Ngày hai mươi chín tháng sáu, lại nằm mơ đi đến Định lâm, gặp tiên sư lâm bệnh đang nằm, liền hỏi: “Sinh già bệnh chết, dù có bậc ngũ thông cũng không thoát khỏi. Ngoài chuyện gia phong nhật dụng, pháp sư còn tạo dựng thêm chút công đức gì chăng?” Đáp rằng: “Trong kho của bần tăng có báu vật linh thiêng vô giá. Xin đem giao phó lại. Ngài nên tự mình đi lấy.” Văn Tuyên theo lời, thân hành tìm kiếm. Thấy có hòm rương, liền lần lượt mở ra. Đa số là kinh tượng. Cuối cùng thấy một hộp nhỏ treo lơ lững trong hòm. Cầm ra mở xem, hào quang biến hiện phi thường. Mới cho là tượng, nhưng không phải tượng. Bảo không phải tượng, thì lại là tượng. Văn Tuyên tỉnh mộng, cho là điềm lành. Sáng mai, sai kẻ tay chân Dương Đàm đi làm sáng tỏ điềm mộng. Dương Đàm cho rằng trong kho của pháp sư có báu vật hy kỳ, nên đem tặng thái tử Văn Tuyên. Đang lúc vội vàng, tiê sư suy nghĩ Văn Tuyên muốn

tìm kiếm châu báu thế gian, không nhớ đến xá lợi răng. Vì thế, tiên sư tìm cách đối đáp cho qua chuyện. Sau đó, thao thức suy nghĩ, đến nửa đêm mới chợt hiểu ra. Không thể nhờ người bẩm lại, tiên sư phải thân hành đến phủ, kể rõ ngọn ngành. Tiên sư bảo: "Bần đạo chỉ đem nói với một mình luật sư Pháp Dĩnh, lại không có ai hay. Nay thí chủ cảm ứng thông thần, rõ ràng chính xác. Đúng là nhân duyên huyền diệu không thể nghĩ bàn. Dấu tích đã hiện, bần tăng không dám để khuất lấp Thánh uy lâu hơn nữa, đến nỗi phế bỏ Phật sự. Nay kính dâng lên cúng dường." Ba hôm sau, tiên sư tự mình đến phủ Đông cung. Văn Tuyên được xa-lợi, chừng mười hôm sau lại mơ thấy xá-lợi ở giữa không trung, hình dáng như sừng bò, dài hơn ba thước. Thần quang chiếu diệu sáng trưng, rọi lên tay phải. Giây lát, lại thấy một tượng bằng thiếc bạc. Cũng cao chừng ba thước, chớp mắt bào 3 lần: "Cực tốt!"

Tại Vu-điền, tiên sư lại thưa được mười lăm hạt xá-lợi, bèn đem phân chia khắp nơi. Khi bảo tháp Thiền linh ở chùa Chỉ viên được xây lên, tiên sưcũng phân ra cúng dường và tặng cho Văn Tuyên một hạt. Bấy giờ, tại Đông cung, Văn Tuyên dùng nước trong để thử giả thật. Hạt xá-lợi nổi lên mặt bát, giây lát biến mất. Đạo tục gồm mấy chục người cố công kiếm tìm, khắp cả trong ngoài, tuyệt đối không thấy. Ai nấy mệt nhoài. Văn Tuyên thành tâm sám hối, giây lát lại hiện ra dưới đất. Hào quang vọt sáng, cao hơn một thước, rực rỡ huy hoàng. Mọi người đều thấy cùng tán thưởng. Còn lại hai hạt, tiên sư đựng mỗi hạt vào một hộp bạc, cho vào tráp, niêm phong gửi tặng Văn Tuyên. Về sau, khi đem kiểm nghiệm thì hạt xá-lợi và hộp ấy đều biến mất. Gần ba năm sau, nhân mở hòm lấy xá-lợi răng, bỗng nhiên lại thấy hạt xá-lợi ấy vẫn ở trong tráp như cũ. Hai hạt xá-lợi dài trước đó cùng với hạt ấy, thành ra ba hạt, cùng ở tại một chỗ, nhưng hộp bạc trước đây bỗng dưng biến mất. Sự thần hóa kỳ diệu không thể nào lường.

Trước đây, Văn Tuyên vốn nghe bên Tây Vức có xá-lợi răng và tóc của Đức Phật, lòng vô cùng hâm mộ. Đến năm Kiến nguyên thứ 3 (481) bèn tâu lên phụ hoàng Cao đế phái Sa môn người nước ngoài là Đàm-ma-đa-la đi tìm làm của cúng dường, để thỏa lòng kính ngưỡng. Lại chế ra tấm màn quý che lên, đưa Sa môn về tận Tây Vức. Thế rồi, mọi chuyện đình lại. Trong tâm Văn Tuyên bồn chồn như sắp được báu vật. Chẳng bao lâu, tiên sư lên kinh và quả nhiên thâu thập xá-lợi linh ứng. Tấm màn quý ấy đem ra cúng dường xá-lợi. Chuyện âm linh phù hợp, chẳng phải chỉ trong sớm chiều! Về sau, Văn Tuyên lên ngôi, tạo bảo đài để đựng màn quý, bảo tạng để đựng hộp xá-lợi và dốc hết tâm

lực kính cẩn phụng thờ. (Những chuyện trên đây rút từ các bội Pháp-bản-nội-truyện, tạp sử và Cao-tăng-truyện).

11/ Đại sư Thích Trí Khải ở chùa Quốc thanh tại núi Thiên thai là Quốc sư Trí Giả đời Tùy. Vốn họ Trần, người Dĩnh xuyên. Đức cao đạo lớn, xưa nay ít ai sánh kịp. Thường thích ở chỗ núi non để tĩnh lự hành Thiền. Đạo đời sùng kính, vua tôi đều trọng vọng. Khi ngài mới đến Thiên thai thỉ trước đó, Thiền sư Định Quang người Thanh châu đã ở đây trên ba mươi năm. Thiền sư là một dị nhân, định tuệ đều thông. Vừa lên núi, ngài đến ra mắt Thiền sư, trình bày tâm nguyện. Thiền sư bảo: "Đại thiện tri thức còn nhớ trước đây ở trên núi, ta từng vẫy tay gọi nhau chăng?" Ngài vô cùng kinh dị, biết rằng đã có lúc gặp nhau trong mộng. Bấy giờ, nhằm tháng chín năm Thái kiến thứ bảy đời nhà Trần (575). Lại nghe tiếng chuông đổ dồn vang dội cả khe núi. Đại chúng đều lấy làm lạ. Thiền sư bảo: "Chuông cốt để triệu tập khách có nhân duyên hôm nay đến ở vậy." ngài bèn chọn chỗ đất tốt tại đầu khe Loa phía Nam núi Phật lụng và phía Bắc nơi ấn cư của Thiền sư. Địa thế cao ráo, bằng phẳng, nước suối trong trẻo, thuận lợi cho sự cầu Đạo. Bèn lưu luyến dừng chân nghỉ lại. Bỗng có ba người, khăn đen áo đỏ, cầm sớ thỉnh cầu: "Nên ở đây hành Đạo." Ngài liền dựng lên thảo am, trồng tùng có quả. Trng khoảng vài năm, tiếp tục phát triển, thành ra đường sá lưu thông khắp nơi. Thiền sư bảo rằng: "Hãy tạm ở yên chờ thời. Đến khi đất nước thanh bình, ba phương thống nhất, sẽ có bậc quý nhân giúp ngài lập chùa, đinệ đài đầy núi!" Bấy giờ, chẳng ai lường được lời ấy hư thực thế nào.

Sau đó, ngài một mình thực hành phép khổ hạnh trên chóp núi Hoa đỉnh ở phía Bắc chùa. Gió lớn bứt cây, sấm sté nổ rền. Yêu quái nghìn bầy, biến hóa một hình trăm dáng. Phun lửa reo hò, đe dọa đủ cách, khó tả hết được. Ngài nén lòng nhẫn nhục, cuối cùng bọn chúng cũng đều biến mất. Rồi lại chịu thân tâm đau đớn như bị lửa thiêu. Rồi lại thấy cha mẹ đã chết hiện về, dập đầu trên gối, kêu rên khổ sở, xin hãy xót thương. Ngài điềm tĩnh giữ hạnh nhẫn nhục vững vàng như núi đá, khiến cho hai duyên mềm cứng khiêu khích đều bị tiêu diệt. Bỗng có vị thần tăng Tây Vức đến bảo rằng: "Chế ngự địch thủ, chiến thắng oán thù mới đáng gọi là dũng mãnh. Điều này sách vở ít ghi chép lại!"

Vua Tuyên đế nhà Trần ban chiếu rằng: "Thiền sư Phật pháp cao siêu, đương thời tôn kính. Dạy khắp Đạo tục, là biểu tượng của quốc gia. Xứng đáng cắt huyện Thủy phong để sung vào chi phí. Tha thuế hai bộ để rảnh rang lo việc củi nước. Đổi huyện núi Thiên thai thành

An lạc lịnh.”

Viên Tử Hùng, người quận Trần, sùng mộ Chánh pháp, mỗi mùa Hạ an cư, thường đến nghe giảng kinh Tĩnh-danh. Bỗng thấy ba bậc thang báu từ trời hạ xuống, có vài chục vị tăng Ấn-độ theo nấc thang bước xuống, vào điện hành lễ, tay cầm lò hương đi vòng quanh ngài ba lần rồi biến mất. Mọi người đều thấy, cùng nhau reo hò vang động núi non. Đạo hạnh của ngài đạt đến linh cảm, đại khái như thế, không thể nói hết.

Vào ngày hai mươi hai tháng mười một năm Khai hoàng thứ bảy đời nhà Tùy (587), ngài bỗng nhiên bảo các đệ tử: “Ta sắp đi đây.” Nói xong, ngồi ngay ngắn như nhập định rồi viên tịch ở trước tượng đá lớn ở núi Thiên thai, thọ sáu mươi bảy tuổi. Sau đó, ngài vẫn linh hiển rất nhiều. Tính đến cuối niên hiệu Nhân thọ, ngài đã hiện về chùa cũ tất cả bảy lần, chống tích trượng, mặc cà sa giống hệt thuở còn tại thế. Một lần ngài hiện về núi Phật lũng, bảo các đệ tử: “Sống giữa gia phong, tất cả đều ổn cả chứ?” Đại chúng đều thấy, bùi ngùi thỉnh an, một hồi lâu ngài mới biến mất.

12/ Sa môn Thích Đàm Vinh ở chùa Pháp trụ tại Lộ Châu đời Đường, vốn họ Trương, người Định châu. Thần sắc tôn nghiêm, Phạm hạnh thanh tịnh. Siêng năng Thiền quán, hóa độ rộng rải tùy duyên, không hề chấp trước. Hằng năm, đến các mùa Xuân Hạ, mở Pháp hội Phương đẳng tam-muội. Các mùa Thu Đông, mở pháp hội tụng Thiền. Ngài bảo đại chúng: “Công đức của xá-lợi vượt bực, biến hóa vô biên, không hạn chế nơi chốn. Nếu nghiệp khổ tiêu trừ, nhất tâm cầu nguyện, chắc chắn sẽ được toại nguyện.” Thế là trước mắt mỗi người đều đặt một bát nước, có thêm lò hương, chân thành suốt đêm cầu nguyện. Đến sáng, trong bát thâu được hơn bốn trăm viên xá-lợi. Về sau, điện đường đang ở bỗng nhiên sụp đổ, nhưng khám thờ, tượng Phật và xá-lợi bày ra sừng sững giữa sân, y nhiên như cũ không bị hư hao.

Đến năm Trinh Quan thứ bảy (633), các đệ tử giữ giới thanh tịnh như bọn Thường Ngưng Bảo xin lập Pháp đàn sám hối Phương đẳng ở chùa. Vào ngày mười bốn tháng bảy, Sa môn Tăng Định trong chùa, vốn giữ giới hạnh tinh nghiêm, thấy trong điện đường, hào quang ngũ sắc lớn lao, rành rành từ trên chiếu xuống. Trong đó có Thất Phật sắc tướng phi phàm, bào Sa môn Tăng Định rằng: “Ta là Phật thành tựu Đẳng chánh giác vô trước Tỳ-bà-thi. Vì nhà ngươi đã tiêu tan tội nghiệp, nên đnế chứng minh giúp, nhưng ta không pahỉ là bổn sư của nhà ngươi, nên không thể thọ ký dùm được.” Lần lượt sáu Đức Phật ấy đều nói như

thế. Đức Phật cuối cùng bảo: “Ta là Phật Thích-ca-mâu-ni, bổn sư của nhà ngươi. Do nhà ngươi đã hết tội, nên đến đây thọ ký. Đàm vinh là nhân duyên diệt tội của nhà ngươi. Trong thời hiền kiếp, tên là Phật Phổ Ninh. Thân nhà ngươi đã thanh tịnh, sau này sẽ thành Phật, hiệu là Phổ Minh.” Cảm ứng hiện thành điềm lành như thế, thật khó ngĩ bàn. Đến niên hiệu Trinh quan thứ mười ba (639) Sa môn Đàm Vinh viên tịch ở chùa Phật trụ, thọ tám mươi lăm tuổi. (Hai truyện trên đây rút từ sách Đường-cao-tăng-truyện.)

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 13

Thiên thứ 6: KÍNH PHẬT

Gồm có 7 phần: Thuật ý, Niệm Phật, Quán Phật, Di-đà, Di-lặc, Phổ Hiền, Quán Âm.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Xét rằng:

Bậc Chí nhân đáp ứng thành tâm nên thể nhập vào thân xác. Quang minh sắc tướng, tỏa đức ở ơn trạch cam lồ; tranh tượng lưu hình, truyền bá lúc khuất vầng tuệ nhật. Thế nên, dẫu cách xa trên Thiên cung Đao-lợi, vẫn đem tôn nhan điêu khắc tại Chiên-đàn. Càng được vững bền giữa thế gian tăm tối, khiến chẳng ai quên được từ tâm thuở nào! Bởi vậy, từ Tây Vức phát nguyên, vua Ưu-điền trước nhất. Truyền bá sang Đông độ, Hán Minh đế khởi đầu. Từ đó trở đi, nghệ nhân noi dấu. Dựa vào pháp thể, đủ thứ trân kỳ. Vàng đá châu ngọc điểm trang; đất gỗ vẽ tô phong phú. Dốc lòng kiệt sức, phô hết tinh hoa. Xưa kia, Tăng đồ đời Tấn sáng tạo rất mực huy hoàng, vua chúa đời Tống đời Tề chế tác ngày càng mới lạ. Tuy nhiên, đa số đều chưa ghi chép lại, sợ đôi khi có thể mất nguồn. Nay tạm sao lục những điều đặc sắc để làm phép tắc và tuyên dương lợi ích vậy.

Thứ hai: PHẦN NIỆM PHẬT

Than ôi! Bậc đại Thánh có tướng bình đẳng, hàng đệ tử có đức tuyên dương. Thế nên, chư Phật khắp mười phương vốn xuất thân từ chổ bùn lầy dơ uế. Dẫu thế, ba thân Chánh giác đều ngự trị trên tòa báu hoa sen. Vừa nghĩ đến tướng nào, cũng phát sinh lợi ích. Ấy là bước đầu xuất gia, cuối cùng giác ngộ. Trong đó, dưới cội Đạo hàng ma, tại Lộc dã thuyết pháp. Tướng hảo viên dung, quang minh lổi lạc. Pháp thân thanh tịnh, óng ánh sắc vàng. Sắc tướng trang nghiêm, tựa vầng trăng

sáng. Răng như tuyết ngọc, tóc giống hào quang. Mắt sánh sen xanh, mày ngang liễu biếc. Tám âm trong trẻo, muôn tướng uy nghi. Ngũ nhãn tỏ tường, lục thông siêu việt. Biện tài lưu loát, triền miên đúng cơ. Trọn Tam điểm để thành thân, đủ ngũ phần mà nên thể. Dùng quyền thật để độ vật, theo Chân ứng để hóa người. Hoặc quạt gió từ lồng lộng, hoặc tưới mưa pháp chứa chan. Thường khiến ruộng thân tươi mát, liền phô răng báu chí tôn; đã tốt cây lòng, lá thắm sẽ không hư úa. Chẳng đi mà đến, chẳng thấy mà hiện. Tùy cơ ứng hóa, chỉ vì chúng sinh. Mười phương mười ức đều nguyện về chầu, ba nghìn đại thiên cùng được thân cận. Luôn trồng ruộng phúc, rộng rãi cúng dường. Nhả sạch gốc rễ tà ma, nhổ phăng căn bản tham hận. Tu niệm Phật nhân, chứng ngộ Phật quả. Thế nên, kinh Pháp-hoa có kệ rằng:

“Nếu người tâm tán loạn,
Bước vào trong tháp miếu,
Niệm tiếng Nam-mô Phật,
Đều được thành Phật Đạo.”

Lại nữa, kinh Thí-dụ nói: “Ngày xưa, có Quốc vương giết cha để lên ngôi. Một vị A-la-hán biết Quốc vương ấy chẳng bao lâu nữa sẽ mạng chung. Tính lại phần số, không quá bảy ngày. Sau đó, sẽ sinh vào địa ngục Vô gián, chịu đủ một kiếp khổ sở. Ngài bèn tìm đến hóa độ, khuyên Quốc vương ấy thành tâm niệm Nam-mô Phật liên tiếp bảy ngày. Khi sắp ra đi, còn dặn dò đừng quên điều ấy. Quốc vương liền thành tâm chắp tay niệm Phật, đêm ngày không nghỉ. Đến đầu ngày thứ bảy liền mạng chung, linh hồn đi thẳng xuống địa ngục Vô gián. Nhờ công đức niệm Phật, vừa đến cửa, đã biết đó là địa ngục, liền niệm thật lớn Nam-mô Phật. Lửa dữ trong địa ngục bỗng dưng tắt lịm. Tất cả tội nhân đều được giải thóat, sinh lên làm người. Sau đó, vị A-la-hán lại đến thuyết pháp giúp cho. Tất cả chứng được quả Tu-đà-hoàn. Nhân duyên này cho thấy, niệm danh hiệu Phật sẽ được vô lượng vô biên công đức, không thể lấy gì sánh nổi.”

Lại nữa, kinh Quán-Phật-Tam-muội nói: “Ngày xưa, khi còn tại thế, đức Phật nói kinh Quán-Phật-Tam-muội cho phụ hoàng và đại chúng. Ngài có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi tướng vẻ đẹp. Chân thân óng ánh sắc vàng, hào quang chiếu diệu vô lượng. Bấy giờ, dưới bảo tọa có năm trăm con em dòng họ Thích. Vì nghiệp chướng, họ lại thấy sắc thân của ngài thâm xám màu tro như kẻ Bà-la-môn khô đét. Thấy xong, họ òa lên khóc lớn, nhổ tóc bứt tai, vật mình xuống đất, máu mũi tuôn đầy. Ngài bèn an ủi rằng: “Các ngươi đừng khóc lóc nữa, ta sẽ

giải thích cho nghe. Vào thời quá khứ, có đức Phật tên là Tỳ-bà-thi. Sau khi nhập diệt, đến thời tượng giáo, một Trưởng giả tên Nhật Nguyệt Đức có năm trăm người con thông minh biết nhiều, am tường mọi chuyện. Trưởng giả cha kính tin Tam bảo, thường giảng nghĩa lý Phật pháp cho các con nghe. Vì tà kiến, nên các con không có lòng tin. Sau đó, đều mắc bệnh nặng. Trưởng giả cha đến bên các con khóc lóc, chắp tay nói rằng: "Vì tà kiến, nên các con không tin Phật pháp. Nay bị lưỡi dao vô thường đến cắt xé thân thể, còn biết nhờ cậy vào đâu! Hiện có đức Phật tên là Tỳ-bà-thi, các con nên niệm danh hiệu của ngài." Nghe xong, các con vâng lời cha, cùng niện Nam-mô Phật. Lại dạy niệm Pháp, niệm Tăng. Niệm xong, liền mạng chung. Nhờ công đức niệm Phật, được sinh lên Trời Tứ Thiên vương. Trên Trời hết thọ, vì nghiệp tà kiến, lại đọa xuống địa ngục. La-sát ngục tốt lấy chĩa sắt nóng đâm mù mắt. Đang khi thọ khổ, nhớ lại lời cha dạy, niệm danh hiệu Phật, được thóat khỏi địa ngục, sinh lên làm người, nghèo nàn hạ tiện. Sau đó, đức Phật Thức-khí xuất thế, cũng được gặp gỡ, nhưng chỉ nghe tên Phật, không thấy được hình Phật. Đến các đức Phật Tuỳ-diệp, Câu-lâu-tần, Câu-na-hàm-mâu-ni, Ca-diếp xuất thế, cũng đều nghe tên, không thấy được chân hình. Nhờ nghe được danh hiệu của sáu đức Phật ấy, hiện nay các ngươi cùng ta sinh làm con cháu dòng họ Thích. Thân tướng của ta óng ánh trang nghiêm như vàng ròng ở cõi Diêm-phù, nhưng các ngươi lại thấy thành màu tro xám như kẻ Bà-la-môn khô đét, đều do tà kiến từ thời tiền kiếp. Bấy giờ các ngươi nên niệm danh hiệu chư Phật thời quá khứ, tên cha các ngươi cũng như danh hiệu của ta và đức Phật Di-lặc. Niệm xong, hành lễ và hướng về các đại đức đệ tử dập đầu hành lễ, bộc lộ thành tâm sám hối tội lổi tà kiến xa xưa. năm trăm người ấy vâng lời chỉ dạy, sám hối xong xuôi, thấy được kim thân của đức Phật to lớn, óng ánh như núi Tu-di, liền bạch đức Phật rằng: "Bây giờ chúng tôi đã thấy được ba mươi hai tướng tốt, tám mươi tướng tốt phụ của ngài thật sáng láng vô cùng." Nói dứt lời, lập tức chứng được quả Tu-đà-hoàn. Bèn xin xuất gia, chứng được quả A-la-hán, có các phép Tam minh Lục thông, đầy đủ tám tướng giải thoát. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: "Sau khi ta nhập diệt, nếu có ai niệm danh hiệu của ta và Nam-mô chư Phật, sẽ thu hoạch được vô lượng vô biên công đức."

Lại nữa, kinh Quán-Phật-Tam-muội nói: "Vào thời quá khứ xa xưa, có đức Phật xuất thế, hiệu là Thích-ca-mâu-ni. Sau khi nhập diệt, một hoàng tử tên Kim Tràng ngã mạn, tà kiến, không tin Phật pháp. Tỳ-kheo Định Tự Tại bảo hoàng tử: "Thế gian có một tượng Phật trang

hoàng đủ loại châu báu, hết sức đáng yêu. Ngài nên bỏ chút giây lát vào tháp chiêm quan tượng ấy.” Hoàng tử liền cùng theo vào. Thấy tượng tướng hảo quang minh, bảo Tỳ-kheo: “Tượng còn trang nghiêm thế này, huống gì chân thân của đức Phật!” Tỳ-kheo bảo: “Hoàng tử hôm nay thấy tượng, không thể hành lễ, nhưng nên chắp tay niệm danh hiệu Nam-mô Phật.” Bấy giờ, hoàng tử liền chắp tay niệm lớn Nam-mô. Về cung, đâm ra thao thức, nên vào canh khuya mơ thấy tượng Phật. Mơ xong, vui mừng bỏ xa tà kiến, quy y Tam bảo. Do một lần vào tháp niệm danh hiệu đức Phật, ca tụng căn lành của ngài, khi mệnh chung gặp được chín trăm vạn ức vô số chư Phật. Nhờ đó, chứng được phép niệm Phật Tam-muội rất sâu xa, nên được chư Phật thị hiện thọ ký giúp cho. Về sau, trải qua hằng trăm vạn vô số kiếp, không đọa vào Đường ác. Đến bây giờ, chứng được Định Thủ lăng nghiêm rất sâu xa. Hoàng tử ngày xưa ấy chính là Bồ-tát Tài Thủ hiện nay. Từ nhân duyên này, kẻ tri thức phải học phép niệm Phật như thế.”

Thứ ba: PHẦN QUÁN PHẬT

Trộm nghe:

Pháp vương pháp lực, Đạo cứu vô biên; đại từ đại bi, tiếng cao tột đỉnh. Tuỳ cơ mưa khắp, mát rượi mây lành; bình đẳng xét xem, sáng soi gương báu. Bởi thế, kim thân giáng hạ, khiến tinh tú giấu vẻ lu mờ; bạch nguyệt tỏa đầy, bắt hừng đông xếp sắc nhạt nhẽo. Bát âm vừa trổi, ngoại đạo bỏ chạy tan hoang; thất biện mới dương, ác quỷ dẹp cờ cuốn gói. Mới biết, thần uy vọng trọng, lợi ích sâu xa; hoan hỷ thấy nghe, thật là khó gặp. Khuyên các hành giả, quán Phật thường xuyên. Tâm niệm pháp thân, tựa hồ trước mắt; nghi dung tưởng nhớ, gang tấc cận kề. Pháp thân vốn chẳng có hai; thành ba, tuỳ duyên ứng hiện. Cơ mầu hóa độ, biến hóa rất nhiều.

Nay sẽ trích dẫn các kinh, sau đó, thuật lại những chuyện linh ứng. Vô số những điều chưa nói hết, hẳn trong chờ các bậc cao minh.

Lại nữa, kinh Quán-Phật-Tam-muội nói: “Vào vô lượng kiếp xa xưa, có đức Phật xuất thế, hiệu là Bảo Uy Đức Thượng Vương. Bấy giờ, có Tỳ-kheo cùng chín đệ tử đi đến bảo tháp lễ bái tượng Phật. Thấy bảo tượng trang nghiêm hiển hách, thật đáng quan chiêm. Đảnh lễ xong, quan sát thật kỹ và độc kệ tán thán. Về sau, khi mệnh chung, đều được hóa sinh ngồi kết già phu tọa trên đóa hoa sen xanh rất lớn ở quốc độ của đức Phật Bảo Uy Đức Thượng vương tại phương Đông. Từ đó, thường được gặp gỡ chư Phật. nhờ thế, tịnh tu Phạm hạnh, chứng

được phép niệm Phật Tam-muội hải. Xong xuôi, được chư Phật thọ ký và tất cả đều thành Phật khắp mười phương. Tỳ-kheo giáo thọ ấy chính là đức Phật Thiện Uy Đức ở phương Đông, chín đệ tử còn lại là 9 đức Phật ở 9 phương. Ấy là các đức Phật Vô Ưu Đức ở phương Đông nam, Chiên Đàn Đức ở phương Nam, Bảo Thi ở phương Tây nam, Vô Lượng Minh ở phương Tây, Hoa Đức ở phương Tây bắc, Tướng Đức ở phương Bắc, Tam Thừa Hạnh ở phương Đông bắc, Quảng Chúng Đức ở phương trên và Minh Đức ở phía dưới. Tất cả mười đức Phật này đều do qúa khứ đã lễ Phật xem tượng, đọc kệ tán thán, nên nay đều thành Phật ở khắp mười phương."

Lại nữa, kinh Quán-Phật-Tam-muội nói: "Vào vô lượng kiếp xa xưa, có đức Phật xuất thế, hiệu là Không Vương. Sau khi nhập diệt, có bốn Tỳ-kheo cùng nhau học tập Phật pháp. Do phiền não che lòng, không giữ vững Chánh pháp, đã tạo nhiều ác nghiệp, chắc chắn sẽ bị đọa vào Đường ác. Giữa không trung có tiếng bảo các Tỳ-kheo: "Đức Phật Không Vương đã nhập Niết-bàn, tội lổi của các ngươi không còn ai cứu vớt nổi. Nay các ngươi nên vào bảo tháp quan chiêm bảo tượng, thì cũng như đức Phật còn tại thế, chẳng khác chút gì." Nghe xong, các Tỳ-kheo vào tháp cung chiêm tướng sợi mày bạc tốt đẹp của đức Phật, suy nghĩ và bảo rằng: "Sắc thân sáng láng của đức Phật hồi còn tại thế, sánh với tượng này, nào khác chút gì! Cầu xin tướng tốt của đức Phật trừ khử dùm tội lổi cho chúng tôi." Nói xong, như núi Thái sơn đổ xuống, liền dập đầu hành lễ, sám hối mọi tội lổi. Do duyên lành ấy, về sau, suốt tám mươi ức vô số kiếp, không đọa vào Đường ác. Đời đời thường gặp được chư Phật mười phương. Nhờ thế, thọ trì được phép niệm Phật-Tam-muội sâu xa. Xong xuôi, được chư Phật mười phương hiện ra thọ ký. Đến nay, tất cả đều thành Phật. Phương Đông có nước tên Diệu Hỷ, đức Phật hiệu là A-súc, chính là vị Tỳ-kheo thứ nhất. Phương Nam có nước tên Hoan Hỷ, đức Phật hiệu là Bảo Tướng, chính là vị Tỳ-kheo thứ hai. Phương Tây có nước tên Cực Lạc, đức Phật hiệu là Vô Lượng, chính là vị Tỳ-kheo thứ ba. Phương Bắc có nước tên Liên Hoa Trang Nghiêm, đức Phật hiệu là Diệu Thanh, chính là vị Tỳ-kheo thứ tư. Từ nhân duyên này, hành giả cần phải thường xuyên quan chiêm đức Phật như thế."

Lại nữa, kinh Ca-diếp nói: "Vào vô lượng kiếp xa xưa, có đức Phật xuất thế, hiệu là Quang Minh. Sau khi nhập Niết-bàn, có một vị Bồ-tát tên là Đại Tinh Tiến, tuổi vừa mười sáu, thuộc dòng dõi Bà-la-môn, đoan chính vô song. Có một Tỳ-kheo vẽ tượng đức Phật trên tấm

vải trắng rồi đem đến chổ Bồ-tát Đại Tinh Tiến. Thấy tượng, Bồ-tát hết sức vui mừng, bảo rằng: “Hình tượng đức Phật đẹp đẽ đến thế, huống gì chân thân của ngài! Nguyện cầu mai sau tôi cũng sẽ thành tựu được thân tướng tốt đẹp như thế.” Nói xong, bèn suy nghĩ rằng: “Nếu ta vẫn ở nhà, làm sao có được thân tướng này?” Liền bẩm với cha mẹ, năn nỉ cầu xin xuất gia. Cha mẹ đáp rằng: “Chúng ta nay đã già yếu, chỉ có một mình con. Nếu con xuất gia, cha mẹ sẽ chết mất!” Đại Tinh Tiến bạch cha mẹ: “Nếu cha mẹ không chấp thuận, từ hôm nay, con sẽ không ăn uống, không ngủ ngơi và cũng chẳng nói năng!” Dứt lời, bỏ ăn một ngày. Đến sáu ngày, cha mẹ, bạn bè và tám vạn bốn nghìn thể nữ đều khóc lóc, đảnh lễ Đại Tinh Tiến, đồng ý cho xuất gia. Được phép, Đại Tinh Tiến mang tượng lên núi, lấy cỏ làm tọa cụ, ngồi kết già trước bức tượng vẽ, nhất tâm chiêm quan, chẳng khác đức Phật thật. Tượng Phật vốn chẳng có tri giác. Tất cả các pháp cũng đều như thế, vô tướng, lìa tướng, thể hình tịnh lặng. Quán tưởng như thế suốt một ngày đêm, liền thành tựu phép Ngũ thông, đầy đủ vô lượng. Chứng được phép Biện tài vô ngại và phép Tam-muội phổ quang, đầy đủ trọn vẹn. Dùng thiên nhãn thanh tịnh thấy được vô số chư Phật ở phương Đông. Dùng thiên nhĩ thanh tịnh nghe được hết thảy lời chư Phật thuyết pháp. Suốt sáu tháng ròng rã lấy trí tuệ làm thức ăn. Tất cả chư Thiên đều đến rải hoa cúng dường. Đại Tinh Tiến bèn xuống núi, vào trong thôn xóm thuyết pháp cho mọi người. Hai vạn chúng sanh phát tâm Bồ-đề. Vô lượng vô số chúng sinh thành tựu công đức Thanh văn Duyên giác. Cha mẹ và thân quyến đều an trụ ở cảnh giới Vô thượng Bồ-đề không thối chuyển. Đức Phật bảo Ca-diếp: “Đại Tinh Tiến ngày xưa ấy chính là ta hôm nay. Do nhân duyên quán tượng mà nay được thành Phật. Nếu có người học phép quán tượng như thế, mai sau cũng sẽ thành tựu Đạo Vô thượng.”

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG:

Từ khi Phật pháp truyền sang dưới thời Đông Hán, giáo lý du nhập ở cõi Nam Ngô. Tượng Phật hiển linh, dẫy đầy Trung Quốc. Các bộ lục ghi chép có không, tuy chẳng giống nhau, nhưng xét về mặt linh tích, cũng chẳng có gì khác biệt. Nay hãy tuần tự kê biên, ít dựa theo thời đại. Vì đôi khi linh tượng có từ đời nhà Tấn, nhưng các lục ghi chép vào thời Tùy Đường. Đôi khi tượng được nắn tạo do người, nhưng lại rất hiển linh u ẩn. Thế nên, không thể lựa chọn theo thứ tự trong lục để biên tập lại. Sau đây, trích dẫn mười lăm nhân duyên cảm ứng:

1/ Tượng vẽ đức Phật Thích-ca ở Lạc dương dưới thời Đông Hán. 2/ Kim tượng phát hiện ở Kiến nghiệp thuộc đất Nam Ngô. 3/ Tượng đá nổi trên sông ở Ngô quận vào thời Đông Tấn. 4/ Kim tượng ở Thái sơn của Thất quốc dưới đời Tây Tấn. 5/ Kim tượng phát hiện ở bến sông tại Dương đô vào thời Đông Tấn. 6/ Kim tượng rong chơi trên núi ở Tương dương vào thời Đông Tấn. 7/ Kim tượng từ xa đi đến Kinh châu vào thời Đông Tấn. 8/ Kim tượng đổ mồ hôi ở Ngô Hưng vào thời Đông Tấn. 9/ Tượng tạc bằng gỗ tỏa mùi hương ở Cối kê thời Đông Ngô. 10/ Đúc kim tượng ở Ngô quận vào thời Đông Tấn. 11/ Kim tượng phát hiện ở cửa nhỏ phía Đông vào thời Đông Tấn. 12/ Kim tượng Văn-thù ở Lô sơn vào thời Đông Tấn. 13/ Ca sa xuất hiện ở Núi tượng đá tại Lương châu vào đời Nguyên Ngụy. 14/ Tạo tượng ở bờ Tây nam tại Hà nam vào đời Bắc Lương. 15/ Điềm lạ xuất hiện ở tượng bằng đá của chúa Tây hà vào đời Bắc Lương.

1. Chuyện linh ứng này chép theo sách Minh-tường-ký của Vương Diễm đời Nam Tề, nội dung có thuật lại trong quyển 12, phần Nhân duyên cảm ứng.

2. Đời Ngô, bắt gặp một pho tượng bằng kim khí trên mặt đất phía sau hoa viên. Hỏi nguồn gốc, thì do vua A-dục đúc để trấn ở bờ sông vào đầu thời Tây Châu. Làm sao biết được điều này? Bởi vì qua các đời Tần, Hán và Ngụy, Phật pháp chưa du nhập xuống phương Nam, lẽ nào có tượng được chôn dưới đất? Tôn Hạo thu giữ, nhưng không có đức tin, nên không tôn kính, đem đặt vào nhà xí, bắt cầm màn che. Đến ngày mồng tám tháng tư, Hạo nói đùa: Hôm nay ngày mồng tám là ngày tắm Phật." Rồi tiểu tiện lên đầu. Âm vật lập tức sưng lên rất lớn. Đau đớn kêu rên, không thể chịu nổi. Thái sử bói rằng: "Bệnh gây ra do xúc phạm thần Thánh lớn."Hạo bèn cho khấn vái khắp các thần thánh, nhưng không có hiệu quả. Có thị nữ trong cung, vốn sùng mộ Phật pháp, tâu rằng: "Đức Phật là bậc thần nhân lớn lao. Trước đây, bệ hạ làm ô uế ngài, nay nên cầu khấn gấp." Hạo nghe lời, dập mình trên gối xin quy y, sám hối rất thành khẩn. Giây lát liền bớt đau, bèn cho xe đi rước Sa-môn Khang Tăng Hội vào cung, dùng nước thơm ấm áp tẩy rửa tượng, tỏ vẻ ăn năn xấu hổ và làm nhiều công đức ở chùa Kiến Nghiệp. Âm vật từ từ hết đau nhức.

3. Chuyện linh ứng này có thuật lại trong quyển mười hai, phần Nhân duyên cảm ứng.

4. Chùa Lãng công trong hang Kim dư tại Thái sơn vào thời Đông Tấn. Ngày xưa, Trung nguyên gặp loạn, Tấn Hoài đế băng hà, có vị

Sa-môn tên Thích Tăng Lãng ở chổ núi non, thường có mây phủ. Người đời cho là điềm lạ. Danh tiếng truyền tụng đi xa, thiên hạ đều biết. Bấy giờ, giang sơn đang hồi vô chủ, anh hùng giong ruổi nuôi chí bá vương. Tông miếu của bảy nước đều được giao phó cho Sa-môn phụng thờ cầu phúc. Các nước tranh nhau cúng dường kim tượng và bảo vật. Sa-môn dốc lòng thờ phụng hộ trì. Thường hiện ra nhiều điềm linh ứng. Ngày nay, cửa Cư nhất đường thường mở rộng, chim chóc không tụ tập lại gần, ô uế không vấy. Xa gần đều tấm tắc cho là chuyện lạ lùng. Đến giờ, chùa ấy đã trải qua ngót ba trăm năm mươi năm.

5. Giữa niên hiệu Hàm Hòa đời vua Thành đế nhà Đông Tấn, lệnh doãn Đan dương là Cao Khôi thường đi lại chốn kinh thành, thấy hào quang hay xuất hiện ở bến cầu Trương hầu, bèn sai thuộc hạ tìm kiếm, gặp được một pho tượng bằng kim khí đúc theo kiểu Ấn Độ xưa. Vòng hào quang và tòa sen đều mất. Cao Khôi xuống xe nhường chổ, chở tượng về. Đến đầu ngõ Trường can, trâu không chịu đi tiếp. Khôi bảo người đánh xe nghỉ tay, để mặc trâu kéo đi. Trâu bèn kéo thẳng đến chùa Trường can. Bởi thế, đem tượng tôn trí luôn trong đó. Dân chúng ở Dương đô ùn ùn tin theo rất đông. Vào nửa đêm, bỗng nhiên tượng phóng hào quang rực rở sắc vàng. Hơn một năm sau, ngư dân Trương Tôn Thế ở huyện Lâm hải thấy tòa sen bằng đồng trôi trên mặt biển, phát ánh sáng đỏ chói, liền giong thuyền vớt về, dâng lên triều đình. Nhà vua sai đem ráp thử vào đế tượng, thật khít khao vừa vặn. Ít lâu sau, có năm vị Sa-môn người Tây Vức chống tích trượng đến bảo Cao Khôi rằng: “Trước đây, sang thăm Thiên Trúc, gặp được tượng của vua A-dục, liền thỉnh về. Đến Nghiệp quận bị loạn lạc, phải đem giấu ở bờ sông. Ngày nay thanh bình, đường sá thông suốt, đến tìm lại thì đã mất dấu. Mới đây nằm mộng, nghe nói rằng ta đã đến Giang đông, do Cao Khôi tìm được, hiện ở tại chùa A-dục vương. Vì thế, bần Tăng mới lặn lội xa xôi đến đây, xin được chiêm bái.” Cao Khôi dẫn đến chùa, năm vị Sa-môn vừa thấy tượng, đều sụt sùi rơi lệ. Cảm xúc, tượng phóng hào quang chiếu diệu khắp cả điện đường. Khi đi vòng quanh, các vị Sa-môn bảo: “Tượng vốn có vòng hào quang. Nay đang ở xa, rồi cũng sẽ tìm đến!”Các vị Sa-môn bèn ở lại phụng thờ. Đến năm Hàm Hòa nguyên niên, Đổng tông Chi, người Hợp phố thuộc Giao châu ở Nam hải, làm nghề lặn ngọc trai, thường thấy ánh sáng dưới đáy biển chiếu lên mặt nước. Lần theo dấu, tìm được vòng hào quang, bèn đem tâu lên. Giản Văn đế truyền đem ráp vào tượng, lổ hổng vừa vặn, màu sắc không khác. Tổng cộng bốn mươi năm xa lìa hai chổ, hào quang và tòa

sen mới được họp lại. Trên tòa sen có chữ Tây Vức. Trong Đạo ngoài đời đến tham quan, phần đông đều không đọc được. Pháp sư tinh thông Tây tạng Cầu-na-bạt-ma bảo rằng: "Đây là Phạm văn cổ, nói tượng do công chúa thứ tư của vua A-dục đúc nên."

Bấy giờ, Sa-môn Tuệ Thúy ở chùa Ngõa quan muốn xin rập khuôn. Trụ trì sợ làm hỏng sắc vàng, bảo rằng: "Nếu có thể làm cho tượng phóng hào quang và quay mặt về phía Tây, thì ta sẽ xin nhượng bộ!" Tuệ Thúy thành tâm cầu nguyện. Đến nửa đêm, nghe có tiếng động lạ thường. Mở cửa ra xem, tượng phóng hào quang to lớn và ngoảnh mặt về phía Tây. Nhân thế, trụ trì hoan hỷ cho rập khuôn, sao lại mấy chục pho tượng đem lưu hành.

Đến đời Lương Vũ đế lại tạo thêm bảy nhạc công Trời và hai vị Bồ-tát trên vòng hào quang. Năm Vĩnh Bình thứ hai đời Trần, Vương Lâm đóng quân ở bến sông, sửa soạn tấn công Kim lăng. Vũ đế sai tướng cầm quân tiến ngược lên. Khi ra quân, thân tượng lau động không ngừng. Vì thế, phải đem tâu lên. Nhà vua kiểm tra lại, quả đúng thật. Chẳng bao lâu, chưa kịp giao chiến, quân của Vương Lâm đã tan rã. Vương Lâm phải bỏ chạy một mình. Miền trên nhờ thế được yên, nên tượng mới chuyển động báo hiệu. Giữa niên hiệu Thiên gia, miền Đông nam nổi loạn. Nhà vua đến trước tượng cầu nguyện bọn giặc rút lui. Vừa khấn xong, hào quang chiếu diệu mái thềm. Chẳng bao lâu, vùng Mân Việt ở Đông dương đều yên.

Sa-môn Tuệ Hiểu là sư trưởng chùa Trường Can, hành hóa đến đâu đều thuận lợi như gió đưa dùm, bèn xây dựng lầu gác, tô vẽ tuyệt vời, lên cao chót vót. Đầu niên hiệu Chí Đức, lại tạo thêm bệ vuông cho tượng. Từ đời Tấn đến đời Trần, vương hầu của thời Ngũ Đại đều đến quy y. Mỗi lần gặp hạn hán, lại rước tượng vào cung bằng xe ngự, trên phủ thêm rèm. Tượng làm giúp mưa, nửa đường chan chứ, thường chẳng sai chạy. Đôi khi báo hiệu điềm xấu, còn nhanh hơn lời đồng dao loan truyền.

Niên hiệu Trinh Minh thứ hai, tượng bỗng quay mặt về phía Tây, dù đã xoay lại, vẫn y như cũ, phải đem tâu lên. Nhà vua rước tượng vào điện Thái cực, bày trái lễ cầu nguyện. Trước đây, tượng có bốn mũ dát thất bảo, nặng chừng ba hộc, trên phủ thêm mũ gấm. Bỗng nhiên đến sáng hôm sau, mũ quý rơi mắc vào tay tượng, nhưng mũ gấm vẫn ở trên đầu. Nhà vua nghe tin, thắp hương cầu nguyện: "Nếu nước nhà có chuyện chẳng lành, xin lại lột mũ để báo điềm xấu." Rồi lại đội mũ quý lên đầu. Sáng mai, mũ quý lại lột xuống trong tay như trước. Vua

tôi đều thất sắc. Khi nhà Tuỳ diệt nhà Trần, cả nước đều để đầu trần, trói tay, chĩu đi đày về phương Tây, như trước đây tượng đã báo hiệu. Vua Cao tổ nhà Tuỳ nghe đến uy danh, cho rước tượng về thờ phụng trong đại nội. Nhà vua thân hành đứng hầu và ban sắc rằng: “Trẫm tuổi cao, không thể đứng lâu. Đình thần nên đúc tượng ngồi, sắc tướng thật giống. Đem tôn trí tượng đứng vào chùa Hưng Thiện.” Khi mới rước về đại điện, tượng lớn không thể an vị ngảnh về phía Nam, nên phải xoay về phía Bắc. Đến sáng, tượng đã tự xoay mặt về phía Nam! Mọi người đều kinh hãi, nhưng vẫn dời thử về phía Bắc. Sáng mai, tượng lại tự xoay mặt về phía Nam! Bấy giờ, tất cả đều sám hối lỗi lầm. Hiện nay rất thịnh hành lối vẽ lại tượng này trên tranh.

6. Sa-môn Thích Đạo An ở Chùa Đàn khê tại Tương dương là bậc đức lớn chói ngờitám thước, bằng đồng vàng tại tịnh xá Quách tây vào ngày mồng tám tháng tám năm Hiếu khang thứ ba thời Đông Tấn. Cuối mùa Đông năm sau, cộng tác chỉnh trang thành tựu viên mãn. Trấn quân tướng quân Khích Khôi Chi, thứ sử Ung Châu, mới đến Tương Châu nhậm chức, nhiệt thành tán thán Phật sự. Ban đêm, tượng ấy đi ngao du muôn ngàn non nước ở phương Tây, để lại dấu tích ăn sâu vào đá. Đạo đời tại địa phương đều kéo xem, sững sốt kinh ngạc, cùng rước về chùa thờ phụng. Đến đêm hôm đó, tượng lại ra đứng ở cửa chùa. Mọi người hết sức bàng hoàng. Thứ sử bèn đổi tên thành chùa Kim tượng.

Vào ngày mồng tám tháng Tư năm Phổ Thông thứ ba đời Lương, nhà vua sai đúc tòa sen bằng đồng vàng cao năm thước chín tấc, rộng chín thước tám tấc tại vườn Kiến hưng. Xong xuôi, chở lên ráp vào đế tượng và lập bia ca tụng công đức. Lưu Hiếu Nghĩa soạn văn, Tiêu Tử Vân viết chữ. Thiên hạ khen là tuyệt tác. Đến nay bia vẫn còn.

Qua đời Châu, Vũ đế ra lệnh tiêu diệt Phật pháp. Năm giáp ngọ, niên hiệu Kiến đức thứ ba, Thái nguyên công Vương Bỉnh làm thứ sử Tương châu, thượng tướng phó trấn Trưởng Tôn Triết, người Khai phu, không có đức tin, nghe tượng linh ứng, muốn ra tay phá hoại trước tiên. Tín đồ và Tăng ni ở địa phương bị bắt hoàn tục, nghe tin kêu khóc đầy đường. Triết thấy thế, càng thêm giận dữ, ra lệnh thuộc hạ mau mau tiêu hủy. Lần đầu, sai một trăm người lấy dây luộc cột vào cổ tượng kéo lôi, không nhúc nhích. Triết cho là không muốn thi hành, đánh bọn đốc công, mỗi người một trăm hèo. Tiếp tục kéo lôi, cũng bất động như trước. Liền Tăng lên ba trăm người, cũng bất động như trước. Triết càng thêm giận dữ, lại Tăng lên năm trăm người xúm lại kéo lôi, tượng mới ngã nhào. Tiếng ầm rung chuyển mặt đất. Mọi người đều rúng động.

Chỉ một mình Triết nhảy nhót vui mừng! Lập tức ra lệnh nấu chảy và la lớn: “Khoái thật! Khoái thật!” rồi quất ngựa phi báo cho thứ sử. Được khoảng một trăm bước, Triết bỗng nhiên té nhào, cứng họng trợn mắt, tay chân cứng đơ, đến đem thì tắt thở. Trong Đạo ngoài đời đồng thanh reo hò “Khoái thật!” càng dữ. Khi Triết đang phá tượng, áo dưới nách lật lên, lộ hàng chữ khắc rằng: “Ngày mồng 1 tháng... năm giáp ngọ, nhằm niên hiệu Thái khang nguyên niên. Tỳ kheo Đạo An đúc pho tượng cao một trượng tám thước tại Tinh xá Quách tây ở Tương dương. Tượng này trải qua ba vòng giáp tý một trăm tám mươi năm, sẽ bị tiêu hủy.” Tính lại ngày tháng đúc thành và nấu chảy đều linh nghiệm không sai. Mới biết ngài Đạo An là bậc Thánh sư không tiên đóan sai lầm. Nay chùa gốc tôn trí tượng đổi thành chùa Khải pháp. Chổ tượng ngã xuống, thợ đá đục lõm vào làm dấu tích, hiện vẫn còn.

Lại nữa, cuối đời Tuỳ, đất nước tan rã, mỗi địa phương đều nổi lên cố thủ. Quan lưu thú Tương dương là Đậu Lô Bao chiếm cứ địa phương, chịu lệ thuộc vào Vương Thế Sung. Đại sư Hiến ở chùa Khải pháp được nhân sĩ và dân chúng trọng vọng, mấy lần khuyên can họ Đậu nên quy phụ nước Đường. Họ Đậu không chịu nghe theo. Đại sư cùng mọi người âm thầm liên lạc. Kinh binh liền đưa binh đến Tương dương. Họ Đậu ra sức chống cự. Ba lần ra quân đều không thắng nổi. Sau đó, họ Đậu biết chuyện nội ứng, bèn ám sát đại sư. Khi lâm chung, đại sư bảo đệ tử Tô Phú Lâu rằng: “Ta và cha con từng chứng kiến cảnh pho tượng của pháp sư Đạo An bị tiêu hủy. Từ đó đến nay, chưa đức lại được. Sau khi ta mất, con nên theo kiểu đúc lại.” Đến năm Vũ Đức thứ tư, quan quân vay thành rất gấp, họ Đậu phải đầu hàng. Bấy giờ ân hận đã không nghe lời đại sư, giết oan quá tàn nhẫn. Đại sư có công với nước, nhưng chẳng có ai trần tình. Thành trì bình định xong, Phú Lâu hoàn tục, thâu thập hết của cải của đại sư. Vốn có lòng tạo tượng, không biết lấy kiểu vào đâu, nhưng vừa đúc là thành, không chút sai sót. Khi đang đổ khuôn, Trời làm mây mù, mưa rơi như hoa mận bay khắp chùa. Phú Lâu khôn ngoan, trở nên giàu có đúc thêm pho tượng Di-lặc cao hơn một trượng tôn trí trong nhà. Sau đó, mơ thấy đại sư bảo đúc thêm một pho tượng Phật nữa, liền đúc một pho lớn hơn cao năm mươi chín thước, đem tôn trí ở chùa Phạm Vân.

Ngày trước, vào đầu đời Tùy, Tần Hiếu vương Tuấn từng đến trấn thủ Tương Châu, nghe đồn kiểu cách pho tượng cũ của pháp sư Đạo An rất kỳ vĩ, liền sai vẽ hình và đúc lại ở chùa Diêm hưng tại Trường An. Đêm mới đổ khuôn cũng có mưa hoa và nhạc Trời. Tượng rất linh hiển,

nay vẫn còn ở chùa ấy.

7. Đêm mồng tám tháng hai năm đinh mùi, nhằm niên hiệu Vĩnh Hòa thứ sáu* đời vua Mục đế nhà Đông Tấn, có một tượng Phật xuất hiện tại phía Bắc thành Kinh Châu. Cao bảy thước năm tấc, gồm luôn hào quang và tòa sen, cao đến một trượng một thước. Chẳng ai biết từ đâu đến. Năm trước, có thượng khách người Quảng châu xuống hàng gần xong, nhưng thuyền vẫn nổi. Nữa đêm, phát giác có người nhảy lên thuyền. Giật mình, cùng nhau đổ xô tìm kiếm, rốt cuộc chẳng thấy ai. Tuy nhiên, thuyền hóa nặng khẳm, không thể chở thêm. Dù sửng sốt vì chuyện dị kỳ, nhưng cũng chẳng hiểu vì sao. Thuyền nhổ neo đi rất nhanh, thường dẫn đầu các thuyền khác, chẳng bao lâu đã đến bến Cung. Thuyền vừa ghé bến, đến đêm lại phát hiện có người bước lên bờ, thuyền nổi nhẹ như cũ. Kịp khi nghe tượng xuất hiện, mới hiểu ra manh mối. Bấy giờ, đại tư mã Hoàn Ôn đang trấn thủ đất Tây Thiểm, thân hành đến dập đầu hành lễ, gây xôn xao khắp địa phương. Tăng chúng các chùa đổ xô giành nhau khiêng rước, tượng kêu leng keng, không nhúc nhích.

Năm trước, niên hiệu Vĩnh Hòa thứ hai, thái thú Trường Sa là Đằng Tuấn (có sách chép Đằng Xá), người Giang lăng, biến phủ đệ thành chùa, lấy tên quận đặt biển làm tên chùa. Nhờ pháp sư Đạo An ở Tương châu cai quản và phân phối một viên giám tự. Ngài Đạo An bảo đệ tử Đàm Dực rằng: “Nhân sĩ và dân chúng vùng Kinh Sở đã muốn quy y Phật pháp. Hoàn thành Phật sự ấy, còn ai hơn ngươi? Ngươi nên đi thôi!” Đàm Dực vâng lời dạy, vác tích trượng về Nam hành hóa. Xây dựng một năm, chùa chiền đã xong, nhưng tượng chưa có, thường bay than thở: “Tượng của vua A-dục tùy duyên lưu hóa khắp nơi. Chỉ cần thành tâm không dứt, lo gì chẳng có ngày giáng hạ?” Khi nghe tượng đến Kinh châu, cảm xúc ngập lòng, thốt lên: “Tượng này vốn là tâm nguyện của ta, nay đã về tới Trường Sa! Đương nhiên chỉ do tâm cầu, khó bởi sức đạt!” Đại chúng đều thưa: “Đúng như lời dạy. Linh nghiệm nào có xá gì!” Đàm Dực đến thắp nhang lễ bái thỉnh cầu, sai đệ tử 3 người xúm lại bưng lên nhẹ nhàng, liền rước về chùa. Đại chúng đều hoan hỷ chúc mừng.

Đến niên hiệu Hàm An năm thứ hai đời vua Tấn Giản văn mới đúc tòa sen. Giữa niên hiệu Thái nguyên đời vua Tấn Hiếu vũ, Ân Trọng Kham làm thứ sử. Nữa đêm, tượng đi ra khỏi cửa Tây chùa. Lính tuần phòng cho là người, hỏi không trả lời, bèn lấy dao đâm. Nghe lẻng kẻng, nhìn lại, mới biết là tượng! Vết đâm vào bụng in rõ bên ngoài.

Sa-môn Nan-đà, người Kế-tân, học vấn uyên thâm, đi từ Tây Thục đến Kinh châu, vào chùa chiêm bái tượng rồi thở than hoài. Đàm Dực hỏi lý do, đáp rằng: "Gần đây bên Thiên-trúc mất pho tượng này. Không biết tại sao lại xuất hiện ở đây?" Tính lại ngày tháng thì đều đúng khớp. Xem Phạm văn khắc sau tòa sen, ghi rằng do vua A-dục đúc nên. Nghe đọc xong, đại chúng càng thêm kính ngưỡng. Công đức Dàm Dực chí thành cầu nguyện đã được ứng nghiệm vậy. Khi lâm trọng bệnh, bỗng nhiên vòng hào quang biến mất, Đàm Dực bảo rằng: "Đức Phật thị hiện điềm này, bệnh ta chắc không khỏi. Vòng hào quang đi đến chổ nào, ta sẽ đến đó gánh vác Phật sự!" Được một tuần bèn viên tịch. Vị Tăng kế nhiệm đúc lại vòng hào quang hiện nay.

Đời vua Tống Hiếu vũ, tượng phóng hào quang thật lớn. Phật pháp ở Giang đông nổi lên hưng thịnh một thời. Cuối niên hiệu Thái thủy đời Tống Minh đế, tượng tự nhiên rơi lệ, vua Minh đế đột ngột băng hà. Ngườikế vị cuồng bạo, gây nên chinh chiến giữa hai nước Tống Tề. Mới đầu, thứ sử Kinh châu Thẩm Du Chi không tin Chánh pháp, ra tay sa thải Tăng ni, chùa Trường sa có hằng nghìn Tăng sĩ, số lượng phải hoàn tục lên đến mấy trăm. Đại chúng kinh hoàng, trẻ già đau buồn khóc lóc. Vì thế, tượng đổ mồ hôi suốt 5 hôm không dứt. Có người đem bẩm với họ Thẩm, liền cho triệu pháp sư Huyền Sướng của chùa đến hỏi lý do. Pháp sư bảo: "Thánh Tăng chẳng nói sâu xa rằng ưu sầu nào rồi cũng tiêu tan. Xưa nay, Phật này tưởng niệm chư Phật. Phải chăng Phật này tưởng niệm chư Phật, tỏ ý muốn can gián tâm vô thần của đàn-việt, nên mới thị hiện ra như thế chăng?" Hỏi: "Lấy từ kinh nào?" Đáp: "Kinh Vô-lượng-thọ." Du Chi lấy kinh ra tra, hết sức vui mừng, bèn đình chỉ chuyện sa thải. Năm Tề Vinh nguyên thứ hai, trấn quân Tiêu Dĩnh Trụ và Lương Cao cùng làm thứ sử Kinh châu. Khi Nam Khang vương Bảo Dung khởi nghiã, tượng bước ra khỏi điện, sửa soạn bước xuống thềm. Bỗng có hai Tăng sĩ trông thấy la lên, tượng bèn trở vào điện. Năm sau, Dĩnh Trụ chết đột ngột, Bảo Dung cũng bị phế bỏ vương tước và ngôi báu về tay Cao Tổ. Cuối niên hiệu Thiên giám đời Lương, tự chủ Đạo Nhạc cùng một tín chủ làm cỏ bên tháp, sau đó mở cửa bước vào, thấy tượng đi vòng quang khám thờ. Tự chủ âm thầm lễ bái, dặn tín chủ đừng tiết lộ. Khi trở về chùa, mở lớn cửa điện, thì tượng cũng đã trở về an vị trên bảo tọa. Bà dương vương đời Lương làm thế sử Kinh châu, nhiều lần rước tượng vào thành lập công đức lớn. Khi vương lâm bệnh, cho rước tượng về cầu khấn, gom sức nhiều người, nhưng không nhắc lên nổi. Được mấy hôm thì vương mất. Xưa kia, Khi

Cao Tổ ở vùng Kinh Thiểm, nhiều lần tỏ rõ thành tâm xin rước tượng, nhưng không được. Đến tháng ba năm Đại Thông thứ tư, sai đại sư Tiến ở chùa Bạch Mã và chủ thư Hà Tư lặn lội mang hương hoa cúng dường và tuyên đọc chiếu thư bày tỏ thành tâm. Đến đêm, tượng phóng hào quang như ngỏ ý bằng lòng cùng đi theo sứ giả. Sáng mai cung nghinh, nhưng tượng trì lại không đi. Phải khấn thỉnh lại, tượng mới chịu lên đường. Đại chúng sùng kính, đưa đến bờ sông. Ngày hai mươi ba về tới Kim lăng, nhà vua thân hành ra đón, cách kinh thành tám mươi dặm. Dọc đường, tượng phóng hào quang không ngừng. Đạo đời chúc tụng, nhiều chưa từng thấy. An vị trong điện ba ngày, cúng dường vô cùng thành khẩn. Nhà vua mở trai lễ vô-già suốt hai mươi bảy hôm nữa, rồi mới cung nghinh từ cửa Đại thông về chùa Đồng thái. Đêm ấy, tượng phóng hào quang rất lớn. Nhà vua ban sắc dựng bảo điện ba gian hai chái ở phía Đông bắc đại điện trong chùa Đồng thái, để tôn trí tượng và đúc thêm hai vị Bồ-tát bằng đồng vàng. Đắp non đào hồ, trang trí cây lạ đá kỳ, làm cầu treo, lan can giáp hai bên thềm điện. Chưng thêm một cặp vạc đồng lớn ba mươi hộc. Ba mặt lầu gác, uyển chuyển lung linh. Tháng ba niên hiệu Đại thông thứ hai, nhà vua ngự đến chùa, mở pháp hội giảng kinh. Chiêm bái khắp các điện đền, đến chiều mới đến điện thờ tượng ấy. Nhà vua vừa bước lên thềm, tượng vụt phóng hào quang thật lớn, chiếu diệu sắc vàng óng ánh cả khóm trúc hồ non suốt nửa đêm không dứt. Về sau, khi chùa bị đốt, các đền đài đều cháy rụi, chỉ còn sót lại điện thờ tượng ấy mà thôi. Năm Thái thanh thứ hai, tượng bỗng đổ mồ hôi đầm đìa, đến tháng mười một năm ấy, Hầu Cảnh làm loạn. Năm Đại bảo thứ ba, giặc yên, đại sư Pháp Kính ở chùa Trường Sa rước tượng về lại chùa cũ ở Giang lăng. Sau đời Lương, yên ổn được bảy năm, tượng lại đổ mồ hôi. Tháng hai năm sau, vua Tống Tuyên đế băng hà. Đến năm Thiên bảo thứ ba, chùa Trường Sa bị cháy lan, toàn chùa rực cháy, khói lửa bốn bề. Muốn cứu pho tượng, không chổ di dời. Xưa nay, muốn nhấc lên phải có hằng trăm người. Thế mà hôm ấy, chỉ 6 người cũng nhấc lên nổi. Vào năm Thiên bảo thứ mười lăm, vua Minh đế nhà Hậu Lương rước tượng vào đại nội làm lễ sám hối cảm tạ. Năm thứ hai mươi ba, nhà vua băng hà. Vua kế vị Tiêu Tông đời tượng vào cung Nhân thọ, tượng lại đổ mồ hôi rất nhiều. Đến năm Quảng Vận thứ hai, nhà Lương bị tiêu diệt. Năm Khai Hoàng thứ bảy, đại sư Pháp Thiến ở chùa Trường Sa lại rước tượng về chùa. Năm Khai Hoàng thứ mười lăm, thứ sử Kiềm Châu Điềm Tông Hiển đến chùa lễ bái, tượng liền phóng hào quang. Thứ sử phát nguyện dựng đại điện phía chính Bắc

gồm mười ba và chín gian phía Đông Tây giáp với đại điện. Vận chuyển cây gỗ từ thượng nguồn Kinh châu cách xa năm ngàn dặm. Chặt cây xong, kéo thả trên sông, trôi về Kinh châu, rồi tự tấp vào bờ. Dù sóng to gió lớn cũng chẳng trôi đi xa. Xong xuôi, huy động thợ đến làm. Đường kính cột lớn đến ba thước, đá kê rộng tám thước. Thật là xưa nay chưa từng có. Dùng trầm hương dát khắp đại điện. Bên trong thiết kế 13 bức trướng đính vàng ngọc. Đến nỗi rui mè cũng tô vẽ xen kẽ các loài hoa quý. Hai điện Đông Tây để tôn trí tượng cũng dát trầm hương. Trong có trướng quý và đuốc hoa đều làm bằng vàng thật, vô cùng hoành tráng, đứng đầu thiên hạ. Năm Tuỳ Đại nghiệp thứ hai, tượng thường đổ mồ hôi. Năm ấy, giặc Châu Xán cướp phá các châu, kéo đến Kinh châu, đóng quân trong đại điện để dòm ngó phía Bắc thành. Giặc lên nóc điện bắn vào thành. Lưu thú lo lắng, ban đêm phóng tên lửa đốt điện. Dân chúng đau buồn, sợ tượng bị thiêu hủy. Đêm ấy, tượng vượt tường vào thành, đến đứng ngoài cổng chùa Bảo quang. Thấy tượng vẫn còn, cả thành đều vui mừng. Đến khi giặc tan, nhìn lại chổ tôn trí tượng, không hề tổn thất chút nào, tro bụi chẳng bám. Ngày nay tuy dựng lại điện, nhưng quy mô không thể sánh được như xưa. Năm Phụng Minh thứ năm đời bọn giặc Lương Tiêu Tiển, giặc Tống Vương Dương và Đạo Sinh cùng đến chùa lễ bái, tượng đổ mồ hôi rất nhiều. Đầu thân ướt đẫm như mưa, suốt ngay không dứt. Tháng chín, quân lực Đại Đường theo Thục Giang kéo xuống. Ngày hai mươi, Sa-môn Pháp Thông trong chùa cho rằng đời Đường sắp mở vận, xin ban cho điềm lành, bèn đi quanh tượng cầu nguyện. Đêm ấy, tượng phóng hào quang rực rỡ khắp điện, đến ngày hai mươi lăm mới tắt dần. Hôm ấy, quân lực của Triệu quận vương vào thành. Đấy cũng là điềm lành hiện ra báo hiệu giang sơn thống nhất. Còn như đến kỳ khô hạn, trưởng quan thành tâm đến cầu khấn, đều được linh nghiệm. Tháng sáu năm Trinh quan thứ sáu, bị hạn hán. Đô đốc Ứng quốc công Vũ Hoạch cung nghinh tượng về lập trai đàn cầu nguyện suốt bảy ngày. Quan liêu lớn nhỏ đều đứng sắp hàng trước tượng, một lòng quán Phật. Hồi lâu, mây giăng khắp bốn phía, mưa đổ chan hòa. Năm ấy được mùa lớn. Đô đốc liền xuất vàng ròng thếp lại tượng, sắm sửa đầy đủ các thứ xe kiệu, tràng phan. Nay tượng vẫn còn tại chùa Trường sa ở Giang lăng.

Lại còn một pho tượng đồng kiểu ngoại quốc, cao chừng bảy thước, hình dáng cổ quái, nên không được tôn sùng lắm, do pháp sư Đạo An đưa từ Trường An Thạch thành về. Sai đệ tử lấy từ búi tóc một viên xá-lợi phát ra hào quang.

8.Thời Đông Tấn, Châu Khởi tự là Tuyên Bội, người Dương tiên thuộc Nghĩa Hưng, là con thứ hai của bình Tây tướng quân Xử Chi, làm quan đến chức thái thú. Gia đình đời đời thờ Phật. Con gái ông tu tập càng tinh tiến. Người nhà đi đánh cá, bỗng thấy ánh hào quang xông lên sáng rực trên sông, liền thả lưới, bắt được một pho tượng đồng vàng cao chừng ba thước, sắc thái tôn nghiêm, nổi trên mặt nước. Lôi kéo chẳng lung lay, liền chạy về bẩm lại. Ông cho con hay và phái thuyền, người đưa con đi rước tượng. Từ xa nhìn thấy, cô gái đã vui mừng, đưa tay ra vớt được lên thuyền rồi đem về nhà thờ phụng. Đêm ấy, cô gái mơ thấy đầu gối trái của đức Phật bị đau. Sáng mai xem lại tượng, quả nhiên có chổ lủng, bèn chặt thoa vàng để vá lại. Về sau, ông đem con gả cho Trương Trừng ở Ngô quận. Cô gái đem theo pho tượng về nhà chồng. Khi cô chết, mọi người thấy đứng trên thành, dung nhan đẹp đẽ hơn cả ngày thường. Giây lát, có đám mây tía hạ xuống rước lên Trời rồi mất hút. Tằng tôn của Trương Trừng mãi lo việc quân lữ, dẹp loạn Tôn Ân, phế bỏ trai giới, không hay pho tượng mất đi. Chỉ còn lại vòng hào quang. Cả nhà dốc lòng sám hối. Có một bà lão mang tượng đến bán, dòi giá rất thấp. Xem lại, đúng là tượng ngày trước. Vừa sửa soạn chuộc lại, bà lão đã biến mất. Tượng ấy bèn mất luôn, chỉ còn lại vòng hào quang ở nhà Trương mà thôi.

9. Pho tượng gỗ ở chùa Linh bảo tại Sơn âm thuộc Cối kê thời Đông Tấn là do ẩn sĩ* Đái Qùy người đất Tiều tạc thành theo quy cách cận cổ, hơi thô vụng không đủ sức thu hút, cảm xúc về mặt kính tin. Họ Đái vốn có đạo tâm thuần khiết và ý tứ khéo léo, bèn nghĩ cách sửa chữa lại nghi dung thật sống động, đập vào mắt người cầu Đạo. Dốc can tâm chí suốt năm mới hoàn thành. Danh thủ Toại Đông Hạ dù chế tác khéo léo đến mấy, cũng không hơn nổi tượng này, khiến khách chiêm quan bàng hoàng như được thân cận với chân thân của đức Phật. Khích Gia Tân ở Cao Bình cầm nhang khấn rằng: “Nếu nhang cháy bình thường, xin nguyện sẽ thường chiêm ngưỡng sắc tướng. Nếu nhang cháy không bình thường, xin nguyện sẽ gặp lại khi đức Phật Di-lặc giáng sinh!” Lạ lùng thay! Cây ngang đang nắm trong tay bốc khói thơm tho xông thẳng lên mây. Mùi thơm phảng phất tỏa lan khắp điện. Bấy giờ, tất cả đại chúng đều cảm động tán thán. Nay tượng vẫn còn ở chùa Gia tường tại Việt Châu.

10. Niên hiệu Thái nguyên thứ hai đời Đông Tấn, Sa-môn Chi Tuệ hộ đúc pho kim tượng đức Phật Thích-ca-văn cao một trượng sáu ở chùa Thiệu linh tại Ngô quận. Cạnh phía Nam chùa, tạc huyệt để làm

khuôn. Đúc xong, sửa soạn dời đi. Vào nửa đêm, trong đám mây trong lành nở ra sáu đóa hoa sắc trắng tươi, bay la đà khắp bốn phía, gần chạm mặt đất, lại bay lên mây. Đến sáng, mây trắng như khói phủ chổ tạc khuôn. Trong đó hiện ra con rồng trắng dài chừng mấy chục trượng, sáng rực như mây, nhẹ nhàng uốn lượn quanh huyệt, chập chờn như tỏ ý chiêm ngưỡng quy y. Cảnh tượng trong sáng thanh u ấy được điểm tô thêm cơn mưa nhỏ và mùi hương thơm ngát. Khi tượng đã an vị xong xuôi, rồng mới bay lên Trời.

Đầu niên hiệu Nguyên Gia, ẩn sĩ Đái Ngung, người đất Tiều, chê tượng cổ lổ vụng về, sửa lại tay và mặt. Sắc tướng trở nên uy nghi như thật. Từ vai trở lên, giảm bớt 6 tấc. Từ bàn chân trở xuống, giảm bớt một tấc.

11. Niên hiệu Hy ninh đời Đông Tấn, tư đồ Vương Bột vào cung chầu vua. Đang đứng ở cửa Đông dịch, viên thái giám thấy hào quang ngũ sắc từ dưới đất xông lên. Lấy làm lạ, liền đào tìm, gặp được một mâm đồng kiểu cổ. Dưới mâm là pho kim tượng cao bốn thước, có đủ vòng hào quang và tòa sen. Tượng này cũng giống tượng do vua A-dục đúc ra của Tôn Hạo. Do đó, bèn kính cẩn rước vào cung. Lâu nay, Tống thái tổ chưa mấy tin tưởng chánh pháp. Nay được pho tượng này, càng thêm hoan hỷ kính tin, thân hành lễ bái thờ phụng. Tượng ấy vốn ở chùa Ngõa quan, về sau được đưa về chùa Long quang.

12. Tượng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở Lô sơn thời Đông Tấn. Ngày xưa, danh thần nhà Tấn là Đào Khản, tự Sĩ Hành đến cai trị vùng Hải Nam. Có ngư dân về đêm thường thấy ánh hào quang chiếu rực lên ở bờ biển, liền đem bẩm lại. Khản cho tìm kiếm, bỗng thấy pho kim tượng vượt sóng trôi đến bên thuyền. Xem chữ khắc, đúng là tượng Bồ-tát Văn-thù do vua A-dục đúc nên. Xưa đồn rằng khi vua A-dục thống trị châu này, bắt chước Quỷ vương đạt ra hình phạt rất tàn bạo. Bồ-tát Văn-thù hiện ra trong vạc lửa cháy phừng phừng, nhưng nước vẫn trong lành, êm đềm mọc lên đóa hoa sen xanh ngắt. Nhà vua chợt tỉnh ngộ, bỏ hết ngục hình, chế tạo tám vạn bốn nghìn bảo tháp và đúc nên ngần ấy số tượng. Đây chính là một pho tượng trong đó. Trước đây, Đào Khản chưa tin nhiều vào lý nhân quả, đến khi đã chứng kiến điềm lành, bèn hết sức tôn kính, xin cung nghinh tượng về chùa Hàn khê ở Vũ xương. Sau đó, rước về Kinh châu. Vì thế, mới sai đưa lên thuyền. Thoạt tiên, khi tượng còn ở trên kiệu, chỉ cần vài người là có thể nhấc lên. Nay muốn đưa lên thuyền, phụ thêm mấy chục tráng đinh, cũng không nhúc nhích nổi. Sau phải dùng đến sức xe nhỏ kéo đẩy mới lên thuyền. Thuyền lập

tức chìm lỉm. Sứ giả chạy đi bẩm cùng Đào Khản, đành phải cho tôn trí lại ở chùa cũ. Lệnh vừa ban xuống, chỉ vài người là nhấc lên nổi! Sa-môn Tuệ Viễn kính ohục thần uy, sắm sửa đầy đủ nghi lễ, xin rước về Lô sơn, chẳng hề xảy ra trở ngại. Ấy là do Thánh linh cảm ứng với bậc cao Tăng. Thế nên, lời ca ví von chuyện này rằng:

"Đào cậy kiếm bén,
Tượng hiển uy linh.
Theo mây thấp thoáng,
Vời vợi u minh."

Cuối đời Tuỳ, giặc giải tán Tăng chúng. Một lão Tăng vô danh đến hành lễ Từ biệt tượng. Tượng bảo: "Nhà ngươi già cả, nên ở lại, không được bỏ đi!" Lão Tăng bèn ở lại. Bấy giờ, giặc Đổng Đạo Xung nổi lên cướp phá Giang châu. Đồ đảng xông vào chùa lục lọi tiền của, bắt bớ lão Tăng để đòi tiền. Lão Tăng bảo: "Chẳng lấy được gì đâu!" Giặc toan chất lửa thiêu sống. Lão Tăng bảo: "Thiêu thì cũng được, chỉ sợ ô uế nhà chùa. Sao không đem ra ngoài chùa?" Giăc lôi ra sắp giết. Lão Tăng bảo: "Tuổi đã bảy mươi, không bỏ Phật được. Đợi ta chánh niệm xong, đưa cổ ra sẽ hạ đao." Giặc bằng lòng. Giặc thấy đã vươn cổ, liền thẳng tay chém xuống. Dao đâm ngược vào tim giặc, ló mũi tuốt sau lưng! Cả bọn kinh hoàng bỏ chạy về phía Đông, đến bên mộ ngài Tuệ Viễn. Bấy giờ, Trời đang trong sáng, bỗng nổi mây đen như cái tán chụp xuống, chớp nháng khắp bốn phía, sấm sét nổ rền, đánh chết một lượt sáu tên. Lâu nay, phần đông nam nữ ở Giang châu đều đem vật dụng cất giấu trong núi. Nhờ chuyện ấy, bọn giặc không dám bén mảng vào cướp lấy. Riêng vùng Quách Hạ thuộc gIang châu bị giặc đốt phá gần hết.

Hiện nay, tượng được tôn trí trên tầng gác ở chùa Đông lâm. Giữa niên hiệu Vũ Đức, cơn giông nổi lên từ Thạch môn thổi gác nghiêng về phía Bắc. Muốn bấn lại nhưng không có thế, chư Tăng bèn cầu nguyện sơn thần ban gió thổi lại cho ngay. Chẳng bao lâu, có cơn gió lớn từ hướng Bắc thổi đến, tháp liền đứng thẳng như trước.

13. Chuyện núi nứt ra tượng ở Lương châu đời Bắc Ngụy. Năm Thái Diên nguyên niên (435) đời vua Thái Vũ, Sa-môn Lưu Tát-hà ở Ly thạch đi chơi vùng Giang nam, chiêm bái tháp Mậu huyện, đến Kim lăng mở tháp xá-lợi của vua A-dục. Xong xuôi, theo phía Tây đi mãi, cách Lương châu một trăm bảy mươi dặm, đến địa giới quận Phiên hòa, nhìn về núi Ngự cốc xa xa và đảnh lễ. Mọi người không hiểu vì sao. Sa-môn bảo: "Sườn núi ấy sẽ có tượng Phật xuất hiện. Nếu chân thân

đầy đủ, thời thế sẽ được thái bình. Nếu khiếm khuyết, sẽ bị loạn lạc, dân chúng khổ sở." Tám mươi bảy năm sau, đến niên hiệu Chính quang nguyên niên, nhân mưa to gió lớn, sấm đông hang núi, lộ ra pho tượng đá cao một trượng tám thước. Sắc tướng trang nghiêm nhưng không có đầu. Lập tức chọn đá gọi thợ điêu khắc xong, đặt lên lại rơi xuống. Nhà Ngụy sụp đổ, ứng nghiệm với lời của Sa-môn. Đầu đời Bắc Châu (557), tại khe Thất lý phía Đông thành Lương châu, đá bỗng phát ra hào quang chiếu diệu. Mọi người đến xem đều lấy làm lạ. Thì ra, là đầu của pho tượng. Cung kính rước về ráp thử lên thân tượng, thật vừa vặn khít khao. Tính lại, nghi dung khiếm khuyết hơn bốn mươi năm. Đầu thân cách nhau hai chổ khoảng hai trăm dặm. Tướng hảo trước thiếu nay đã đầy đủ. Bấy giờ, có ánh đèn sáng rực, ytiếng chuông ngân vang. Chẳng ai biết từ đâu phát ra cả. Đến niên hiệu Bảo định nguyên niên đời vua Châu Vũ đế (561), lập nơi ấy làm chùa Thụy Tượng. Qua niên hiệu Kiến đức, nhà vua sắp ra tay phá Đạo, đầu tượng lại rơi xuống. Nhà vua sai Tề vương đến xác minh, đặt đầu lên cổ và đem quân canh giữ. Sáng hôm sau, đầu lại rơi xuống như cũ. Ấy là điềm báo nạn phá Đạo và mất nước xảy ra sau đó. Chuyện có chép đầy đủ trong bia của ngài Đạo An đời nhà Châu. Nhà châu tuy phá Đạo nhưng không hủy tượng này. Niên hiệu Khai hoàng đời Tuỳ, vua Văn đế cho truyền bá Phật pháp, lại đặt tên chùa như trước. Năm Đại nghiệp thứ năm, vua Dạng đế đi chinh phạt phương Tây, thân hành đến chùa lễ bái và đổi tên là Cảm thông Đạo trường. Đến nay, tượng vẫn còn.

14. Các linh tượng ở sườn núi đá tại Lương Châu. Vào niên hiệu Long An nguyên niên đời vua Tấn An đế (397), Thư Cừ Mông Tốn chiếm cứ Lương châu hơn ba mươi năm. Trong đám Ngũ Lương ở Lũng Tây, nhà Bắc Lương này cường thịnh lâu dài nhất, biết chuyên tâm vun trồng phúc đức. Cho rằng thành trì chùa tháp không thể trường tồn, cung thất đế vương cũng sẽ tiêu hủy. Nếu xây dựng nên, cũng đều như thế. Dùng đến vàng bạc, sẽ bị cướp phá. Nhìn lại núi non, có thể vĩnh cửu. Cách phía Nam Lương châu trăm dặm, sườn đá liên miên, Đông Tây dằng dặc không cùng. Chọn chổ đục hàng tạc tượng bằng đá bằng đất đủ nghìn vẽ muôn hình. Có tượng hành lễ, tâm thành mắt kính. Có tượng Thánh Tăng, giống hệt người thật. Tượng thường tản bộ, không chịu ngồi yên. Nhìn xa, thấy đi; đến gần, dừng lại. Nhìn kỹ dáng điệu, tựa hồ đang đi. Hoặc có nhiều tượng la liệt khắp nơi. Người vừa đi qua, chân liền bước xuống. Dấu vết rành rành, qua lại chẳng ngớt. Hiện tượng kỳ dị ấy xảy ra đã hơn cả trăm năm nay. Có người kể lại như thế.

15. Đời Bắc Lương, Tây hà vương Mông Tốn tạc cho quốc mẫu một pho tượng Phật bằng đá cao một trượng sáu thước tại chùa trên núi và thờ phụng rất tôn nghiêm. Năm Nguyên gia thứ sáu đời Tống, sai thế tử Hưng Quốc đi đánh Bảo Hãn, bị thua to, thế tử chết ở Phật Chi. Mông Tốn giận dữ, cho rằng thờ Phật không linh nghiệm, hạ lệnh phá hủy chùa chiền, giải tán Tăng lữ. Sau đó, Mông Tốn đi đến núi Dương thuật, gặp chư Tăng nghinh đón bên đường. Vừa trong thấy đã nổi giận, giết liền mấy vị. Bấy giờ, tướng tá vào chùa lễ bái, tượng ấy bỗng nhiên rơi lệ đầm đìa. Mọi người kinh hoảng, chạy lại bẩm báo. Mông Tốn nghe xong, thân hành lên xem. Vừa đến cổng chùa, toàn thân run rẩy như có người níu kéo phải gọi tả hữu xốc đỡ bước lên. Thấy tượng rơi lệ chan hòa như suối, liền dập đầu lạy tạ, hết sức ăn năn. Cho mở pháp hội vô cùng chu đáo, triệu tập chư Tăng trở về tiếp tục tu hành.

Xét đức tin của Mông Tốn không mấy sâu xa. Chuyện đánh giết, há chẳng phải là giới cấm nhà Phật? Tính ưa cải cách, tàn ác hung hăng, gây đủ mọi tội. Lúc đầu kính trọng Sa-môn Pháp Sám dịch kinh Đại-Niết-bàn, thề cùng nhau sống chết. Sau vì cơn giận nhỏ, lén sai người giết chết Sa-môn! Nay ra quân thất bại, lại đổ lỗi cho đức Phật, phá hủy chùa chiền, giết hại Tăng lữ, thật là tàn bạo. Cuối cùng tuy biết sám hối, nhưng không thể bù đắp tội lỗi.

Hiện tại, cách Sa châu ba mươi dặm về phía Đông nam, trên độ cao hai dặm ở sườn núi Tam nguy, có hai trăm tám mươi khám thờ tượng Phật luôn luôn rực rỡ ánh hào quang.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 14

Thiên thứ sáu: KÍNH PHẬT

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG (Tiếp theo)

1/ Chuyện kim tượng Văn-thù ở kinh đô nước Tống. 2/ Chuyện tượng đồng phát hiện dưới đất ở Đông dương đời Tống. 3/Chuyện phát hiện kim tượng trong bến đời Tống. 4/ Chuyện kim tượng trong đầm Thượng minh ở Giang lăng đời Tống. 5/ Chuyện vẽ trên vách, xóa xong lại hiện ra tại Giang lăng đời Tống. 6/ Chuyện thề nguyện cùng kim tượng ở Chi giang thuộc Giang lăng đời Tống. 7/ Chuyện nhờ cảm ứng được gỗ ngô đồng làm vòng hào quang cho pho tượng ở Tương châu đời Tống. 8/ Chuyện tượng đá bị hỏa hoạn bưng đi hóa nhẹ ở Phiên ngung đời Tề. 9/ Chuyện kim tượng đổ mồ hôi báo điềm ở Bành thành đời Tề. 10/ Chuyện kim tượng Quán Âm ở Dương đô đời Tề. 11// Chuyện chiên-đàn của vua Ưu-điền ở Kinh châu đời Lương. 12/ Chuyện kim tượng ở chùa Quang trạch tại Dương đô đời Lương. 13/ Chuyện tượng bằng vàng và bạc lớn bằng người thật của Lương Cao tổ. 14/ Chuyện kinh Cao-Vương và kim tượng Quán Âm ở Định châu đời Nguyên Ngụy. 15/ Chuyện điện Trùng vân và tượng bay ra biển đời Trần. 16/ Chuyện tượng đá ở chùa Linh thạch tại Tấn châu đời Châu. 17/ Chuyện tượng bằng đá quặng ở Bắc sơn thuộc Nghi châu đời Châu. 18/ Chuyện tượng biết đi ở chùa Hoa Nghiêm tại Hiện sơn thuộc Tương châu đời Châu. 19/ Chuyện chùa Hưng hoàng ở Tưởng châu bị hỏa hoạn, tượng tự di chuyển. 20/ Chuyện tượng có hình ảnh biến hóa trong đá thạch anh ở chùa Nhật nghiêm tại kinh đô nhà Tùy. 21/ Chuyện tượng bốn mặt ở chùa Sa-hà tại Hình châu đời Tuỳ. 22/ Chuyện đức Phật Thích-ca mặc áo vải gai dày ở chùa Ngưng quán tại Ung châu đời Tuỳ. 23/ Chuyện tượng đá phát hiện ở Phương châu đời Đường. 24/ Chuyện hào quang của Phật tích chiếu rõ tại Giản châu đời Đường*.25/ Chuyện trên núi ở Lương châu xuất hiện trụ đá có chữ Phật vào đời Đường. 26/ Chuyện

Phật tích xuất hiện trên đá tại chùa Tương tư ở Du châu đời Đường. 27/ Chuyện Phật tích ở chùa Linh khám tại Tuần châu đời Đường. 28/ Chuyện tượng đồng vàng cứu mạng Lý Đại An ở Ung châu đời Đường. 29/ Chuyện huyện Ngư dương ở U châu bị hỏa hoạn nhưng tượng không cháy vào đời Đường. 30/ Chuyện tượng lớn ở chùa Đồng tử tại Tinh châu phóng hào quang báo điềm lành vào đời Đường. 31/ Chuyện trộm tượng vàng ở chùa Thanh thiền tại Tây kinh vào đời Đường. 32/ Chuyện tượng biết đi ở Phủ châu và Đàm châu vào đời Đường. 33/ Chuyện kim tượng phát hiện trong đá ở Lam điền tại Ung châu đời Đường. 34/ Chuyện kim tượng phát hiện ở sông Lễ tại huyện Hộ thuộc Ung châu đời Đường. 35/ Chuyện tượng đá phóng hào quang chiếu sáng "hang động" trên núi ở Thấm châu vào đời Đường. 36/ Chuyện chùa Pháp tụ ở Ích châu vẽ tượng Bồ-tát Địa Tạng. 37/ Chuyện tượng vẽ phóng hào quang ở Kinh châu đời Đường. 38/ Chuyện tượng trên núi Ngũ đài thuộc Đại châu biến hóa nói năng vào đời Đường.

1. Năm Nguyên gia thứ hai đời Tống, Lưu Thức Chi đúc kim tượng Văn-thù, sớm chiều lễ bái, được một thời gian thì mất. Tiếc nuối cầu nguyện, sớm chiều không nguôi. Trải qua năm năm, vào lúc sẩm tối, bỗng thấy trên bàn Phật phát hào quang chiếu lên nóc nhà. Nhân thế, Thức Chi thắp nhang, lau quét trần màn, liền phát hiện tượng ấy hãy còn rành rành.

2. Năm Nguyên gia thứ mười hai đời Tống, Lưu Nguyên Chi là người Trường Sơn ở Đông dương, gia đình làm nghề trồng đay. Thường đốt nền ruộng làm phân, có một chổ cỏ không cháy. Nhiều lần đều như thế, lấy làm lạ, nên không khai phá nữa. Sau đó, thử đào nhẹ xuống thì bắt gặp một tượng Phật bằng đồng, cao chừng ba tấc. Rà xét lại, chổ đất ấy xưa nay không hề có làng mạc. Chẳng biết gốc gác của tượng ấy từ đâu đến.

3. Năm Nguyên gia thứ mười bốn đời Tông, Tôn Ngạn Tăng, đời đời thờ Phật. Người thiếp tên Vương Tuệ Xưng quy y từ thuở nhỏ, trưởng thành càng thêm kính tin, thường tụng kinh Pháp Hoa. Chợt thấy dưới bến phát ra hào quang đủ màu, bèn sai người đào sâu xuống hai thước, bắt gặp một kim tượng, tính cả vòng hào quang và tòa sen cao hai thước một tấc. Trên tòa sen khắc rằng: "Kiến Vũ năm thứ sáu, canh tý, đạo nhân chùa quan là Tăng Hành, hiệu Pháp Tân đúc."

4. Năm Nguyên gia thứ mười lăm đời Tống, La Thuận làm quan võ ở phủ Bình Tây, đóng quân tại Thượng minh. Vào tháng chạp, thả chim ưng mồi vào săn trong đầm hoang. Bạn bè đều thấy chim ưng và

trĩ cùng sa xuống. Bấy giờ, lửa nổi lên, thiêu cháy hết cỏ đồng, chỉ còn một khoảnh chừng ba trượng vuông không bắt lửa. Thấy chuyện lạ, bèn vạch cỏ tìm kiếm, bỗng phát hiện một pho kim tượng Bồ-tát ngồi, gộp cả vòng hào quang và tòa sen cao một thước kỹ thuật đúc chế hết sức tinh xảo. Bấy giờ, quan huyện Định tương cho là do bọn trộm cắp đem giấu, bèn thông báo khắp địa phương, nhưng không có ai bị mất. Vì thế, mới giữ lại để thờ phụng.

5. Đời Tống, Lâm xuyên Khang vương làm vệ quân, xây Tinh xá ba gian trong thành Kinh châu để thờ phụng kinh tượng. Trên tường, vẽ nhiều tranh Bồ-tát. Khi Hành dương Văn vương đến thay, phá bỏ Tinh xá làm phòng ngủ. Tô quét tất cả tranh trên tường. Vừa khô, các bức tranh lại hiện lên rõ ràng như cũ. Tô lại, cũng đều như thế. Vương vốn không có đức tin, cho là chuyện tình cờ, sai tô lại đậm hơn, nhưng các bức tranh vẫn hiện lên rành rành từng nét một. Chẳng bao lâu, vương lâm bệnh. Hễ nhắm mắt, liền thấy các hình tượng chi chít hiện đầy. Đến lúc đó mới chịu từ bỏ ý định phá hủy, không dám ở đó nữ và cho phép tiếp tục làm chổ thờ phụng.

6. Giữa niên hiệu Tống Nguyên gia, em gái của Trương Tăng Định, người Chi giang thuộc Giang lăng, tuổi nhỏ nhưng đã tôn sùng Phật pháp, nuôi chí xuất gia. Thường thờ phụng pho kim tượng nhỏ, chọn làm của báu về sau. Cha mẹ ép gả chồng, cô kiên quyết không chịu. Cha mẹ lén hứa với nhà họ Bỉnh. Mới đầu, cô không hay biết. Đến khi nhà trai đem sính lễ đến, cô kêu khóc, không chịu về nhà chồng, thắp nhang nằm lì dưới đất chờ chết. Pho tượng ấy bỗng phóng hào quang vàng sáng, rực khắp cả làng. Cha mẹ hoảng sợ trước điềm linh ứng nên đình lại, không gả nữa. Vì thế, hai họ Trương Bỉnh hết sức kính tin Tam bảo. Tăng Định liền cho em gái xuất gia. Khi thừa tướng nhà Tống là Nam quận vương đến trấn thủ đất Thiểm, cho xây cất Tinh xá trên nhà cũ của cô.

7. Giữa niên hiệu Thái Thủy đời Tống, Hà Kính Thúc ở Đông hải, tuổi nhỏ đã sớm tôn kính Phật pháp. Theo thứ sử Tương Châu Lưu Uẩn làm huyện lệnh, gặp được cây trầm hương, tạc thành pho tượng, xong rồi nhưng chưa có vòng hào quang. Sốt sắng tìm mãi, vẫn không gặp được. dựa ghế thiu thiu như ngủ, gặp vị Sa-môn mặc pháp phục, chống tích trượng đi đến bảo: “Trầm hương quý hiếm khó gặp, các cây tạp thớ thô khó đẽo. Chỉ có cây ngô đồng của nhà họ Hà ở phía sau huyện lỵ có thể làm nên. Họ dù tiếc của, nan nỉ hoài cũng sẽ bằng lòng!” Tỉnh dậy, hỏi người hầu, quả đúng như lời Sa-môn chỉ bảo. Do đó, tìm đến

hỏi mua. Họ Hà nói: "Có cây ngô đồng rất thích. Sợ người xin mất nên giấu giếm chưa nói cho ai hay. Tại sao quan huyện biết rõ đi đến hỏi mua?" Kính Thúc kể lại nhân duyên. Họ Hà kính mộ, xin dâng tặng để chế vòng hào quang. Sau đó, Kính Thúc lên phủ trực, nửa đêm mơ thấy tượng bảo rằng: "Chuột cắn chân ta!" Sáng mai vội quay về xem lại tượng, quả đúng như thế.

8. Giữa niên hiệu Kiến nguyên đời Tề, Tinh xá Tỳ-da-ly ở Phiên Ngung từ lâu đã có pho tượng đa của nước Phù Nam. Chẳng ai biết được gốc gác. Hình dáng hết sức dị kỳ. Bảy tám chục người mới có thể khiêng đi nổi. Chùa ấy bằng tranh, gặp lửa lan đến, lại ở dưới gió, bốc cháy đỏ phừng. Ni chúng hơn 10 người hốt hoảng nhìn nhau, chẳng biết làm sao. Trong đó, có vị không chịu bó tay, thử cùng ba, bốn tỉ muội bưng tượng lên. Lạ thay, cất lên thật nhẹ nhàng, không nặng bằng một tạ! Khi tượng được dời đi, chùa cũng cháy hết. Mỗi khi có chuyện đáng mừng, tượng phóng hào quang chiếu diệu. Mỗi khi có việc binh đao cướp phá, tượng lại đổ lệ, toát mồ hôi ướt đẫm thân mình. Xứ Lãnh nam xem đó để đoán trước điềm tốt xấu. Về sau, thứ sử Quảng châu là Lưu Thuân dâng biểu xin rước về kinh đô. Hiện nay, tượng có thể ở trong chùa cổ Tường châu.

9. Đời Tống, thứ sử Từ châu là Vương Trọng Đức đúc pho kim tượng cao một trượng tám thước ở chùa Tống vương tại Bành thành. Sắc tướng đẹp đẽ trang nghiêm. Đây là một tuyệt tác về đúc chế ở vùng Giang Tây. Mỗi lần phương Bắc nổi binh hay đày đọa Tăng đồ, tượng liền đổ mồ hôi, nhiều ít tùy theo họa hoạn lớn nhỏ. Có thể đoán biết trước được. Người trong quận thường theo đó dự đoán thời cuộc. Đầu niên hiệu Kiên Sơ, tượng lại đổ mồ hôi. Mùa Đông năm ấy, quân Bắc Ngụy đánh phá vùng Hoài thượng. Đương thời, mấy quận ở Duyên châu nổi lên theo phe phương Nam, tụ tập rất đông, đồng thời cũng ép buộc các Sa-môn phải tham gia chiến dịch. Khi quân Ngụy thắng, san bằng đồn lũy, có ý muốn tiêu diệt tất cả, bèn làm biểu tâu lên, vu cáo Tăng đồ hùa theo loạn đảng, sửa soạn đem ra xử chém. Bấy giờ, tượng đổ mồ hôi đầm đìa, ướt cả nền điện. Thứ sử Từ châu là Ngụy Lương vương giữ gìn phép nước rất nghiêm, thân hành đến chùa, sai người lấy khăn vải lau khô. Vừa lau xong lại đổ ra không dứt. Đến nổi mấy chục người cùng liền tay lau cũng không hết nổi. Vương phải thắp nhang lễ bái, cầm khăn khấn rằng: "Chư Tăng vô tội, đệ tử xin thề sẽ đem thân ra bảo vệ khỏi vòng tai họa. Nếu linh thiêng chứng giám cho tấm lòng thành, đệ tử lau xong, sẽ không đổ ra nữa!" Khấn xong, vương tự tay lau

lấy. Quả thật, vương vừa lau xong, tượng lập tức khô ráo. Vương thảo biểu dâng lên, bẩm báo đầy đủ mọi chuyện. Vua Ngụy hạ chiếu tha tội cho tất cả chư Tăng.

10. Đầu niên hiệu Kiến nguyên đời Nam Tề, Vương Diễm, người Thái nguyên, từ nhỏ đã thọ ngũ giới với Thiền sư Pháp Hiền tại Giao chỉ. Được Tăng cho tượng Quán Âm đem về thờ phụng, liền mang đến Dương đô, gửi vào chùa Nam giản. Diễm ngủ trưa, mơ thấy tượng đứng bên cạnh chổ ngồi, lòng rất lấy làm lạ, liền rước tượng về. Đêm ấy, chùa Nam giản mất hơn mười pho tượng, bị đánh cắp đem đúc tiền. Vào đêm Thu năm Đại minh thứ bảy đời Tống (463), tượng phóng hào quang chiếu diệu khoảng ba thước, sắc vàng óng ánh lóa mắt. Cả nhà đều chứng kiến. Sau lại đem tượng gửi vào chùa Đa bảo. Diễm sang vùng Kinh Sở gần mười năm, không nhớ nơi để tượng. Đến khi về lại Dương đô, mơ thấy tượng ở giữa các pho tượng nhỏ tại phía Đông đại điện. Sáng mai lên chùa, tìm theo giấc mơ thì gặp lại tượng. Bấy giờ, nhằm ngày mười ba tháng bảy năm Kiến nguyên thứ` nhất (479). Vì thế, Diễm làm bài tự sách Minh-tường-ký, nói rằng:

"Ta thường thờ phụng pho tượng này, nguyện xin mãi mãi làm nguồi cứu độ. Nhắc lại câu chuyện về pho tượng, lòng nôn nao xúc động dạt dào. Bèn nương theo tình tiết, viết nên bộ ký này. Than ôi! Xem lại tình cảnh gần đây, chẳng có gì hơn hình tượng. Điềm linh ứng hiện, đa số từ đó phát sinh. Kinh nói: "Nếu đúc tạc vẽ tô thật giống sắc tướng, sẽ biến hóa và phóng hào quang." Hai pho tượng Thích-ca và Di-lặc kiểu Tây vức nay sáng láng như thật, vì đúng với chân tướng đó chăng? Các Thánh tượng to lớn ở Trung Quốc hiện nay linh nghiệm rất nhiều, cũng do chúng sinh thời ấy gom hết thành tâm gửi vào gỗ đá nên mới hiển dị. Chẳng phải do tướng hảo quang minh mà trở nên như thế. Bởi vậy, tượng đá nặng nổi phều, cốt để giáo hóa đất Mân Ngô thêm rộng rãi; kim thân xưa đẫm lệ, cốt để nhà Lưu Tông chậm chịu tai ương. Các pho tượng khác, thị hiện nhiều cách, tuy khó nói cùng, nhưng xét đại khái, cũng đều đưa về chổ kính tín. Còn như kinh tháp linh thiêng, ý chỉ cùng giống, tình tiết chẳng khác, nên được xếp vào cuối sách."

11. Ngày mồng tám tháng giêng năm Thiên giám nguyên niên (502) Lương Vũ đế mơ thấy tượng Phật bằng chiên-đàn giáng hạ trong nước, liền ban chiếu mộ người đi nghinh đón. Theo Phật-du-Thiên-Trúc-ký và kinh Song-quyển-Ưu-điền-vương nói rằng: "Đức Phật lên Thiên Cung Đao-lợi thuyết pháp cho mẫu hậu suốt mùa hạ. Phụ hoàng và quần thần thương nhớ, mobng được gặp mặt. Quốc vương Ưu-điền

bèn sai ba mươi hai họa sư mang gỗ chiên-đàn, nhờ Đại Mục-kiền-liên dùng thần lực đưa lên vẽ tượng đức Phật mỹ mãn như nguyện rồi mang về. Tượng ngồi, cao năm thước, hiện còn thờ phụng tại Tinh xá Kỳ-hoàn.” Vũ đế muốn thỉnh tượng này. Bấy giờ, Quyết thắng tướng quân Hách Khiên, Tạ văn Hoa và tùy tùng tám mươi người vâng mệnh đi thỉnh, dâng tờ trạng cầu xin. Vua Xá-vệ phán rằng: “tượng chỉ ngự ở nước trung ương, không thể ở nước bên cạnh.” Rồi sai ba mươi hai họa sư khắc lại trên gỗ tử đàn. Mỗi người một bức, bình minh ra tay, đến trưa thì hoàn thành. Tướng hảo viên mãn, đỉnh đầu phóng hào quang. Trời đổ mưa hoa và hương thơm thoang thoảng. Vì thế, kinh Ưu-điền-vương có nói: “Chân thân đã khuất, đến lượt tượng thứ hai xuất hiện, làm nhiều lợi ích cho tất cả chúng sinh.” Chính là tượng này vậy. Đoàn của Hách Khiên mang pho tượng đi mấy vạn dặm, trải đủ gian lao không thể tả nổi. Lại vượt biển cả, xong pha sóng gió, trôi nổi đến chổ núi non, lương thực hết sạch. Đám thuộc hạ và liên lạc chết chóc rất nhiều. Bỗng đâu gặp bầy thú dữ, chỉ còn biết chuyên tâm niệm Phật. Nghe có tiếng áo giáp mũ trụ lẻng kẻng khua vang sau tượng, lại có tiếng chuông động liên hồi. Một vị Sa-môn ngồi uy nghiêm dưới bóng cây bên động. Hách Khiên đỡ pho tượng xuống, đặt trước mặt ngài. Vị Sa-môn đứng lên chiêm bái tượng. Đoàn Hách Khiên phủ phục hành lễ. Ngài trao cho bình nước, bảo uống đi. Lập tức tiêu tan đói khát. Ngài dạy: “Tượng này tên là Tam-miễu-Tam-Phật-đà. Có Kim-tỳ-la-vương hộ vệ sang bên ấy làm nhiều Phật sự lớn lao.” Nói xong, liền biến mất. Đêm ấy, cả đoàn đều mơ thấy vị thần hộ pháp. Sáng mai, cùng xúm nhau vẽ lại hình tượng. Ngày mồng năm tháng Tư năm Thiên giám thứ mười (511), đoàn về đến Dương đô. Nhà vua và quần thần thân hành đi bộ ra ngoài kinh thành bốn mươi dặm, cung nghinh linh tượng về điện Thái cực. Lập trai đàn cứu độ, đại xá, không sát sinh. Tất cả cung đao giáo mác đều đem nấu làm nóc tháp Liên hoa. Từ đó, nhà vua ăn chay, diệt dục. Đến tháng năm năm Thái thanh thứ ba (549) thì băng hà. Tương Đông vương lên nối ngôi ở Giang lăng, lấy hiệu là Nguyên đế Thừa Thánh, sai người rước tượng từ Dương đô về thờ phụng trong điện Thừa quang tại kinh đô. Vào năm Đại định thứ tám* (561) đời Hậu Lương, nhà vua lập chùa Đại Minh tại Tịnh lăng ở phía Bắc kinh thành và cho rước tượng về đây. Hiện nay vẫn còn. Có nhiều bức được vẽ lại lưu hành khắp nước.

12. Đầu niên hiệu Thiên giám, Lương Vũ đế xây chùa Quang trạch trên phủ cũ và đúc pho kim tượng cao một trượng tám. Làm khuôn xong, hoàn hảo từng ly tấc. Khi sắp đúc, sợ đồng không đủ số, sửa soạn dâng

sớ xin thêm. Bỗng sứ giả chở đến mười lăm xe đồng, bảo rằng: “Phụng sắc đem giao cho nhà chùa.”Lập tức nấu đồng đổ vào khuôn thì thành kiệt tác đứng đầu cả nước. Thấy tượng hơi cao lớn, thử đo lại, đến hai trượng hai thước. Bèn làm tờ tâu lên rằng tượng đã đúc xong, đúng với mô hình. Lượng đồng ban thêm cũng đều dùng hết. Đo lại kích cỡ, Tăng thêm bốn thước. Nhà vua ban sắc: “Nếu không đưa đồng thêm, sao được như thế. Phải chăng nhờ chân thân cảm cách, nên mới thị hiện thần uy? Hãy khắc rõ vào tòa sen để ghi lại linh tích.” Nhà chùa dâng sớ xin vâng mệnh và đem khắc dưới đế tượng. Đến nay hãy còn.

13. Sau khi lên ngôi, Lương Vũ đế sùng mộ Phật giáo, phế bỏ Lão giáo. Thường rước cao Tăng vào cung bàn luận diệu lý, đúc hai pho tượng bằng vàng và bạc lớn bằng người thật tôn trí ở điện Trùng vân. Sớm chiều thân hành lễ bái, đêm ngày công phu tinh tiến suốt năm mươi năm. Nhà vua đi lại, không kể nắng mưa, dấu mười ngón chân in rõ lên đá trên nền điện. Khi Hầu Cảnh đoạt ngôi, cũng tiếp tục thờ phụng. Thái úy Vương Tăng Biện giết Hầu Cảnh. Nguyên đế bị vây ở Giang lăng. Đất Giang nam trở thành vô chủ. Rồi Tăng Biện ngoại giao với Tề, rước Trinh Dương hầu Tiêu Uyên Minh lên ngôi. Bấy giờ, đất Giang đông chưa yên mấy, Tăng Biện sai rể là Đỗ Khám cai quản cấm cung. Khám bản tính tham tàn, muốn nấu hai pho linh tượng thành thoi. Trước tiên, sai mấy chục tay chân lên gác Tam hưu toan đục cổ tượng. Dùi đục vừa giơ, bất ngờ hai pho tượng quay đầu lại trừng mắt nhìn. Bọn thuộc hạ kinh hoảng, rụng rời tay chân, đứng không vững chổ, ấm ớ như ngây! Đỗ Khám cũng thế. Một hồi lâu mới tỉnh lại, bị roi đánh sưng vù, mình mẩy xanh tím. Chỉ thấy lực sĩ Kim Cương uy nghi đáng sợ, cùng xông lên đánh. Bọn chúng đau đớn kêu la, thân thể nát tan, máu me chảy đầy, lủng da lòi xương mà chết. Chuyện này xảy ra gần đây, trong Đạo ngoài đời đều biết.

14. Giữa niên hiệu Thiên bình đời Bắc Ngụy, tráng sĩ Tôn Kính Đức, người Định châu, đi trấn thủ biên thùy miền Bắc, có đúc một kim tượng Quán Âm. Mãn hạn, mang theo về nhà, hằng ngày kính lễ. Sau đó, bọn cướp vu oan là đồng đảng, bị bỏ vào ngục ở kinh đô. Không chịu nổi tra khảo, đành nhận tội bừa và bị kết án xử trảm, sáng mai sẽ thi hành. Đem ấy, Kính Đức lễ bái sám hối, nước mắt như mưa bạch rằng: “Kiếp này chịu tội oan, do kiếp trước đã ép người oan ức. Nguyện trả nợ xong, thề không tái phạm nữa!” Rồi phát thêm nhiều lời đại nguyện. Giây lát, mơ màng như mộng, thấy một vị Sa-môn bảo tụng kinh Quán-Thế-Âm-cứu-sinh và niệm một nghìn biến danh hiệu đức Phật trong

kinh ấy thì sẽ được cứu thoát. Kính Đức tỉnh dậy ngồi tụng, không hề sai vấp. Đến bình minh, chỉ được một trăm biến. Đội thi hành án đến trói giải ra chợ, Kính Đức vừa đi vừa tụng. Kịp khi sắp hành hình, vừa đủ một ngàn biến. Đao vừa hạ xuống, chưa chạm đến da thịt, liền gãy làm ba đoạn. Thay đao khác, chém cũng gãy. Đến lượt thứ ba, cũng y như thế. Quan giám trảm vô cùng kinh dị, làm tờ tâu lên. Thừa tướng Cao Hoan dâng biểu xin giúp, được nhà vua tha tội chết và ban sắc sao lại kinh ấy đem lưu hành. Ấy là kinh Cao-vương-Quán-Thế-Âm. Kính Đức được thả về, lập trai đàn cảm tạ. Đem tượng ra xem, thấy trên cổ có 3 vết chém. Cả làng cùng kéo đến chiêm bái và ca tụng uy linh. (Những chuyện trên đây được rút từ Tề-chí và Tinh-dị-ký)

15. Trần Vũ đế băng hà, con của anh tên Thiến lên ngôi. Thiến muốn lo liệu tang lễ, chế tạo xe êm, nhưng vận nước mới yên, chưa thể tổ chức linh đình. Nhớ thuở trước Lương Vũ đế cất điện Trùng vân, trong đó kinh tượng đều trang sức toàn châu báu lộng lẫy đứng đầu các nước. Ngôi vua tuy đã thuộc nhà Trần, nhưng cung điện nhà Lương vẫn còn uy nghi như cũ. Thiến muốn lấy các màn trướng quý giá trong điện làm đồ tống táng. Nhân lực tụ tập hùng hậu, từ bốn phía đồng loạt xong lên. Chỉ thấy mây che kín điện Phật, mọi chổ khác đều sáng trưng. Dân chúng lấy làm lạ, kéo nhau đi xem. Giây lát, mưa giông đổ xuống, sấm sét nổ rền. Chớp giăng khói tỏa, khắp cả thấp cao. Bỗng thấy điện Trùng vân, hai pho tượng, tứ bộ long thần và bảo tọa nhất tề bay lên. Khói lửa bốc theo, càng lúc càng xa. Cả nước cùng đổ ra xem, đều dốc lòng kính tín. Cơn mưa vừa tạnh, nhìn lại chổ cũ, chỉ thấy còn trơ nền không. Hơn một tháng sau, có người từ Dương châu đi đến, bảo rằng: “Vào hôm ấy, thấy điện và tượng cùng bay ra biển.” Đến nay, thỉnh thoảng có người nhìn ra biển còn thấy. Lại nữa, tháp chùa Vĩnh ninh đời Ngụy cao đến nghìn thước, do Trời lay động, tương Phật ở đây cũng bay đi như thế. Có người đôi khi cũng thấy tung tích ngoài biển Đông hải.

16. Cuối đời Bắc Tề, Sa-môn Tăng Hộ ở chùa Linh thạch tại Tấn châu, ngay thẳng giữ đạo, không ham trí tuệ. Phát nguyện tạo một pho tượng đá cao một trượng tám thước. Chư Tăng đều trách ngài nói viễn vông. Sau đó, trong hang núi về phía Bắc chùa có một khối đá nằm, dài khoảng một trượng tám. Ngài bèn thuê thợ đến tạc, gần trọn một năm, nhưng mặt và bụng vẫn còn thô tháp, lưng còn nằm đụng trên đất. Dùng đồ xeo nạy, không hề nhúc nhích. Ban đêm tự nhiên lật dậy. Sáng mai thấy thế, mọi người vui mừng, ra tay đẻo tạc và rước vào điện Phật. Ngày Tấn châu bị vây hãm, tượng đổ mồ hôi đầy nền. Khi quân nhà

Châu xâm lăng, ra tay thiêu hủy chùa tháp trước tiên, tượng bị đốt cháy, nhưng không biến màu, chỉ bị tổn thương 2 ngón tay. Sau đó, giặc muốn kéo đổ, dùng sức 60 người và trâu, cũng chẳng thành công. Bỗng có vị Tăng xa lạ, không ai quen biết, lấy ngói, gỗ chất đậy chung quanh, nhấp nháy đã xong rồi biến mất. Sau đó, tượng giáng mộng bảo tín đồ rằng: "Ta đau ngón tay." Người ấy biết được, mới đến sửa lại. Nhà Tuỳ nối vận, cho truyền Đạo như xưa. Năm Khai hopàng thứ mười lăm, có tên trộm lấy mất tràng phan bảo cái. Tượng giáng mộng thành người cao một trượng tám đến nhà trách cứ. Tên trộm xấu hổ sợ sệt đem trả lại. Tượng đến nay vẫn còn.

17. Năm Kiến Đức thứ ba (574), Châu Vũ đế đố kỵ Phật pháp, quyết tâm tiêu diệt. Thiên hạ tối tăm. Có Khương Minh ở Nghi châu, đêm đi tuần tra trong núi cách phía Bắc châu hơn một trăm dặm, thấy trên núi thỉnh thoảng phát sáng. Lấy làm lạ, liền lên tận nơi xem xét. Gặp một tảng đá nằm, hình dáng như pho thượng, bèn đẽo vào tìm kiếm. Chỉ là một khối quặng sắt, không thể đục chạm, nên mới có hình dáng thô tháp, cao chừng 3 trượng. Dù muốn mài bóng, cũng không thể được. Tìm dần xuống đất, gặp một tòa sen đá, có lổ mộng đầy đủ. Hiệp sức cùng người làng dùng đòn bẫy lên, tượng bỗng nhiên lăng xuống, lọt đúng vào tòa sen. Mọi người cho là điềm lạ kỳ, dâng biểu tâu lên. Bấy giờ, theo Trời nối vận, Phật pháp sắp hưng, Tịnh đế lên ngôi, đổi thành Đại tượng nguyên niên (579) và cất chùa Đại tượng ở đó. Nhà Tùy dựng nghiệp, sửa lại chùa xưa, gọi là chùa Hiển trừ. Truy tìm chổ ấy, không phải xóm làng, lại không có đá lớn và quặng sắt. Phải chăng do thần lực của vua A-dục mà dáng hiện? Đời Đường noi theo không đổi. Cuối niên hiệu Trinh quan, cất cung ở phía Tây chùa, gọi là Ngọc hoa. Tượng vẫn tôn trí ở chổ cũ trong ngự uyển, cách cung ba mươi dặm về phía Đông. Vua Thái tông Thường hay đến chiêm bái, cho là chưa đẹp, liền bỏ tiền của trang hoàng lại. Giữa niên hiệu Vĩnh huy, đổi cung làm chùa, gọi là chùa Ngọc hoa. Nay thuộc về Phương châu. Mỗi khi tối trăng, thường phát hào quang. Mọi người thường thấy nên cũng chẳng lấy làm lạ.

18. Tượng đổ nước mũi ở chùa Hoa nghiêm tại Hiện sơn thuộc Tương châu. Pho tượng này bằng gỗ, xưa nay chẳng ai rõ gốc gác, nhưng đầu và mặt tuyệt đẹp, cứ thích chiêm ngưỡng hoài không thôi. Cao chừng năm trượng, linh hiển đã lâu. Khi nhà Bắc châu tiêu diệt Phật giáo, người ta lấy đầu tượng lén đem cất giấu. Đến niên hiệu Khai hoàng nhà Tùy (581), lại lấy ra trang hoàng thành pho tượng ngồi, gọi

là đức Phật Lô-xá-na. Hằng năm dân chúng đến cầu phúc, xem như biểu tượng kính tín của mọi người. Tùy Văn đế sắp băng hà, mũi tượng chảy nước, thấm ướt khắp ngực, làm bong lớp vàng thếp. Nước mũi óng ánh có hào quang. Lau xem trong veo không bợn. Tháng Tư năm Trinh quan thứ hai mươi ba (649), nước mũi chảy không ngừng, thấm ướt khắp ngực, vuông vứt một thước. Thoạt tiên, chẳng ai hiểu chuyện gì. Đến lúc vua Thái tông băng hà, mới biết là tượng báo điềm. Vào tháng sáu năm ấy, tượng lại đổ nước mũi. Toàn châu đều lo sợ, không biết sẽ xảy ra tai họa gì. Qua tháng bảy, sông Hán dâng nước lớn, tràn ngập thành quách, sâu hơn một trượng, người chết rất nhiều. Tượng hiện vẫn ở chùa cũ. Tín đồ đến cầu đảo rất đông. Đất Tương dương có kẻ hiếm muộn con cái thường đến vái xin, trai gái đều được linh nghiệm.

19. Chuyện tượng biết đi. Giữa niên hiệu Khai hoàng đời Tùy, điện Phật chùa Hưng hoàng ở Tưởng châu bị cháy. Pho tượng bằng đồng vàng lớn và hai tượng Bồ-tát cao một trượng sáu thước do Đái Ngung đúc, đang ở dưới nóc điện. Bấy giờ, thế lửa quá mạnh, đại chúng đành bó tay than vãn, sợ tượng sẽ cháy tiêu. Bỗng tượng đứng lên, bước tới một bước về phía Nam, vừa lúc nóc điện đổ ập xuống. Nhờ thế, tượng được toàn vẹn. Bốn bề gạch gỗ tro than đều cách tượng một khoảng chừng năm, sáu thước. Tuy bị lửa hun, nhưng sắc vàng không đổi. Đại chúng đều sững sờ kinh hãi, reo hò ca tụng đầy đường. Nay tượng dời về chùa Bạch mã. Chim chóc không bay đến đậu lên. Nam Vĩnh huy thứ hai (651), bọn trộm muốn kiếm đồng, đã cưa đứt song cửa, mưu toan kéo tượng đi, liền bị kẹp cứng tay, không thể rút ra được. Đến sáng, chư Tăng cật vấn, trả lời rằng: “Có một người mặc áo trắng đứng trong điện nắm chặt tay lại, nên không thể rút ra được!”

20. Tượng có hình ảnh hiện ra trong đá tại chùa Nhật nghiêm ở kinh đô đời nhà Tùy. Tượng ấy có hình bát giác, bằng đá thạch anh, cao tám tấc, lớn năm tấc, trong suốt, nhìn thấu hai bên. Ngày xưa, giữa niên hiệu Thái thanh đời Lương Vũ đế (547-548), có nhà sư mang từ Tây Vức sang, gặp loạn Hầu Cảnh, bèn cất trên đầu pho tượng ở chùa Tây lâm tại Lô sơn thuộc Giang châu. Năm Khai hoàng thứ mười đời Tùy (590), Dạng đế trấn thủ vùng Dương Việt, ra tay sưu tầm báu vật. Phàm các văn ký vùng Giang nam đều bị thâu tóm. Trong tạp ký, tình cờ thấy bút lục ghi chép về tượng có ảnh này, bèn sai kẻ thân tín Vương Diên Thọ đến chùa sưu tầm về. Từ khi trở thành trọng thần của nhà Tấn, mỗi lần đi xa, Dạng đế thường đựng tượng vào hộp sơn đen, sai người cưỡi ngựa bưng đi phía trước. Sau khi lên ngôi thái tử, bèn tôn

trí vào chùa Nhật nghiêm, dặn dò giám tự xem xong, khóa kỹ, không cho người khác thấy. Chùa do nhà vua dựng nên. Cuối niên hiệu Đại nghiệp, thiên hạ náo động. Tăng chúng ở kinh đô thường đến chiêm bái. Cũng có vị ở trong chùa, nhưng chưa kính tín, cho rằng vì thấy ánh sáng lấp lánh trong đá, ngỡ là hình tượng đức Phật, nên đồn đãi thanh danh! Lời chư Tăng kể lại tuy chẳng giống nhau, nhưng đều bảo rằng đã thấy diện mục sắc tướng hiển hiện rành rành, không chút tăm tối. Nếu nhìn không thấy, lại trai giới sám hối bảy ngày, sau đó nhìn vào, sẽ thấy bảo tháp bằng bạc. Nhìn nữa, thấy có tượng Phật bằng bạc. Đạo đời cùng nhìn, sẽ thấy khác nhau. Hoặc thấy tháp Phật, Bồ-tát, hoặc thấy Tăng chúng ngồi đầy. Hoặc thấy tràng phan bảo cái, hoặc thấy bát bộ Thiên long. Hoặc thấy cảnh khổ ở ba Đường, hoặc thấy bảy 7 kiếp sinh diệt. Cảnh tượng nhìn thấy, hoặc cố định hoặc biến hóa vô thường. Tuy thiện ác cùng hiện nhưng thiện tướng chiếm nhiều. Thế nên, những kẻ đến cầu xem, đều có phát nguyện từ trước. Đầu thai loài nào, vãng sinh chổ nào, y nguyện đều thấy hiện rõ. Thật là kính báu soi rọi nghiệp quả ở chốn u minh vậy. Tháng bảy năm Trinh quan thứ sáu (632), nhà vua ban sắc rước vào đại nội để thờ phụng.

21. Tượng Phật bốn mặt ở chùa tại huyện Sa-hà thuộc Hình châu. Đời Tùy Văn đế, có người lên núi gặp vị Tăng giữ tượng Phật bằng đồng, cao hơn ba thước, bèn xin thỉnh về. Vị Tăng bằng lòng rồi biến mất. Các nơi nghe đồn, tranh nhau đến lôi kéo nhưng tượng không chút nhúc nhích giở lên. Chỉ vị Tăng ở chùa Sa-hà đưa tay ra dắt, liền theo về chùa! Người đời sau nhặt được một thỏi vàng bên cạnh chùa, trên có hình hai con quạ, khắc rằng: “Dùng để mạ tượng Phật bốn mặt.” Bèn đem mạ tượng. Trên thân tượng toàn là hình quạ. Sau đó, bỗng dưng tượng biến mất. Trong khúc suối quanh co bên chùa thường phát hào quang. Dò theo tìm thì gặp lại tượng! Tùy Hậu chủ nghe tiếng, sai thợ đúc mô phỏng chế tạo pho khác, nhưng vội quá không thành. Phải mất ròng rã hơn hai trăm ngày mới xong, tuy nhiên vẫn chưa hoàn mỹ, bèn ra lệnh đình chỉ.

22. Năm Khai hoàng thứ ba đời Tùy, Sa-môn Pháp Khánh đúc pho tượng đức Phật Thích-ca mặc áo gai dày, cao một trượng sáu thước, ở chùa Ngưng quán. Phật sự chưa thành, Sa-môn đã viên tịch. Hôm ấy, ở chùa Bảo xương, Sa-môn Đại Trí cũng viên tịch. Ba ngày sau bỗng sống lại, kể với Tăng c húng trong chùa rằng: “Ta thấy Sa-môn Pháp Khánh đứng trước mặt vua Diêm La, đầy vẻ âu sầu. Một lát, thấy tượng đi đến, nhà vua vội rời ngai, chấp tay hành lễ. Tượng bảo: “Pháp Khánh tạo ta

đến nay vẫn chưa xong, tại sao lại bắt chết?"Nhà vua quay lại gọi một người, hỏi rằng: "Pháp Khánh đúng số chết chưa?" Người ấy bẩm: "Số chưa đáng chế, nhưng lương thực đã hết." Nhà vua phán: "Nên cho ăn lá sen để hưởng hết phước báo." Thấp thoáng, ta không thấy Sa-môn Pháp Khánh nữa." Kể xong, Sa-môn cho người sang chùa Ngưng quán dò la. Một lúc, liền thấy Sa-môn Pháp Khánh sống lại và thuật chuyện y như Sa-môn Đại Trí vừa kể. Từ đó, Sa-môn Pháp Khánh thường ăn lá sen, cho là ngon lắm. Ăn phải thứ khác thì nuốt không trôi. Tượng hoàn thành, Sa-môn sống thêm mấy năm mới viên tịch. Nghi dung tượng ấy thật đầy đặn và hay phóng hào quang. Chùa cũ tuy đã đổ nát, nhưng tượng vẫn còn đến nay.

23. Giữa niên hiệu Vũ đức đời Đường (618-625), tại sông Từ ô phía Tây nam Phương châu có Hách Tích, vốn mộ đạo, thấy trên núi có chổ bầy nai thường bỏ đi rồi lại trở về tụ tập nghỉ ngơi. Lấy làm lạ, Hách Tích đào thử lên xem, bắt gặp một pho tượng đá cao chừng một trượng bốn thước, liền chuyển về làng ở sông Từ ô, đến nay vẫn còn. Từ khi lấy tượng, bầy nai bèn bỏ đi chổ khác. Các bậc kỳ lão kể rằng: "Vào thời đức Phật Ca-diếp, có bốn mươi pho tượng được đem chôn. Nay đã phát hiện hai pho. Số còn lại vẫn trên núi. Hình dáng cũng giống như pho tượng bằng quặng sắt ở phía Đông cung Ngọc hoa, không thể sơn phết châu sa được."

24. Tháng chín năm Trinh quan thứ mười bảy đời Đường, đô đốc Lương châu Lý Tập Dự, nhân đi thị sát địa phương, đến địa giới huyện Xương tuyền thuộc phía Đông nam Lương châu, gặp một trụ bia gồm có một trăm mười chữ chép tên của bảy vị Phật và tám vị Bồ-tát tạo phước lớn chứng được thượng quả. Đô đốc vội làm tờ tâu lên. Nhà vua ban sắc sai xác minh lại, quả đúng với lời tâu, bèn sai nội thần giáng chiếu miễn dao dịch một năm và tha cho kẻ có tội ở Lương châu.

25. Đời Đường, chùa Tương tư ở cách Du châu một trăm dặm về phía Tây. Trên núi đá tại phía Bắc chùa có mười hai Phật tích, đều dài chừng ba thước, rộng một thước một, sâu chín tấc, trong chạm hình vảy cá, nằm cách điện Phật chừng mười bước về phía Bắc, được chư Tăng gìn giữ. Đến tháng mười năm Trinh quan thứ hai mươi, giữa dòng suối bên chùa tự nhiên mọc lên hoa sen màu hồng, có đủ đài và nhụy, lớn bằng gương mặt ba thước. Vớt lên, rưng rưng như đổ lệ, thả xuống lại nở ra thành hoa. Ghe thuyền qua lại đều trầm trồ. Suốt một tháng liền không tàn. Chùa Tương Tư nhờ thế, trở lên nổi tiếng. Có người nói rằng ở Phù châu cũng có chùa này. Chùa vốn nghèo nàn, nhờ chuyện ấy,

được cúng dường nhiều, trở thành giàu có đến nay. Thuở xưa, dưới đời Tề, Giếng Thiên tử ở phía Đông Kinh Châu có gấm nổi lên. Bấy giờ, trai gái đua nhau lấy dùng, giống như gấm thật không khác. Suốt tháng mới hết. Thế nên, các vật lạ xuất hiện, cũng chẳng có gì đáng lấy làm lạ. (Các sách Tề-xuân-thu của Ngô Quân và Kinh-Nam-chí của Tiêu Thành, đều chép những chuyện này).

26. Chuyện mười ba Phật tích trên đá, lớn từ năm thước trở lại ở phía Bắc chùa Linh khám tại huyện Hưng ninh thuộc Đông bắc Tuần châu vào đời Đường. Tuần châu nằm ở lưu vực sông Tuần. Đông Tây rộng hai trăm dặm, Nam Bắc rộng một trăm dặm. Phong quang chùa rất hưng thịnh. Gần đây phát hiện được một kho đồng có một lò và hơn một trăm cái mâm. Trên đó khắc rằng: “Tăng sĩ bắt gặp, sẽ được phước đức; người đời bắt gặp, sẽ bị tai ương.” Xưa đồn rằng: “Vào đời Tấn, có nhà sư người phương Bắc ẩn tu ở núi này. Một lần, vân du núi Đại hồng, đến chổ Phật tích, gặp một động lớn đầy hoa quả xanh tươi, liền ở lại. Sơn thần hiện ra hăm dọa. Nhà sư giữ vững Chánh niệm bất động. Sơn thần bảo: “Chổ này không thể ở yên, quỷ thần thường hay quấy phá.” Nhà sư nhìn núi đá phía trước, mây bay che kín mặt Trời, liền leo lên tham quan. Nhìn xuống dưới chân, bờ đá cheo leo, vực sâu thăm thẳm. Biết không thể vượt qua, đành trở về huyện Hưng ninh kể lại mọi chuyện. Đến đời Tống, có hai vị Tăng tiếp tục hành hương, không thành công, liền quyết chí tìm phương cách. Một vị chuyên tụng kinh Pháp-hoa, giữ gìn giới hạnh tinh tiến, hàng phục được quỷ thần, bắt phải hiện hình thọ giới cùng với gia quyến. Vị Tăng nhìn lên sườn núi trước mặt, có ánh sáng lạ thường. Phía dưới là vực sâu hun hút. Chỉ cách một trượng, vị Tăng bắt cây làm cầu bước sang, liền bắt gặp mười Phật tích trên đá, có màu sắc sống động như thịt người. Năm Trinh quan thứ ba, lại xuất hiện them một Phật tích. Tất cả đều phóng hào quang và có vòng tròn đầy đủ. Nay có ít nhiều người chiêm bái nên phải thiết lập khám thờ để giữ lấy niềm linh dị. Dò hỏi nguồn gốc của chùa, vốn do một vương gia đời Tống hiến vườn cây để lập nên. Hiện tại vẫn còn dấu tích ngôi chùa cổ ấy.

27. Lý Đại An, người Lũng tây đời Đường, là anh của thượng thư bộ công Đại Lượng. Giữa niên hiệu Vũ Đức, Đại Lượng làm tổng quản Việt châu. Từ kinh đô, Đại An đến thăm em. Đại Lượng sai mấy nô tỳ theo hầu. Về đến cầu Lộc ở Cốc châu, vào nghỉ tại nhà trọ. Trong đám nô tì có kẻ muốn giết Đại An, chờ đêm khuya ngủ say, lấy kiếm ngắn đâm xuyên cổ Đại An, cắm ngập xuống giường rồi bỏ trốn. Đại An

hoảng hồn thức giấc kêu cứu. Mấy nô tì còn lại muốn rút kiếm lên. Đại An bảo: “Nếu rút ra, ta sẽ chết mất! Trước tiên, hãy đưa giấy bút đến đây.” Vừa viết thư xong, quan huyện chạy đến, rút kiếm ra và băng bó vết thương. Đại An bèn tắt thở. Bỗng đâu như mộng, thấy một vật dài hơn thước, dày bốn, năm tấc, giống cục thịt heo, cách mặt đất chừng hai thước, xông đến trước giường bảo: “Mau trả thịt heo cho ta!”Đại An đáp: “Ta không ăn thịt heo, làm sao mắc nợ nhà ngươi?” Liền nghe ngoài cửa có tiếng nói: “Lầm rồi!” Vật ấy lập tức bỏ đi. Đại An lại thấy trước sân có hồ nước trong trẻo đáng thích, bên bpờ có tượng Phật cao chừng năm tấc. Giây lát lớn dần, biến thành vị Tăng mặc áo cà-sa rất trang nghiêm, bảo Đại An: “Bị thương chăng? Ta sẽ lấy ra dùm mọi đau đớn. Nhà ngươi sẽ được bình phục trở về nhà tu hiền niệm Phật.”Rồi đưa tay xoa lên vết thương trên cổ của Đại An và bỏ đi. Đại An nhớ được hình dung, thấy rõ ràng sau lưng của vị Tăng có vuông lụa hồng chừng 1 tấc đắp lên cà-sa. Liền đó, Đại An hồi tỉnh và sống lại. Vết thương cũng hết đau, có thể ngồi dậy ăn uống. Mười mấy hôm sau, con cháu đến rước về. Thân thích bạn bè kéo đến thăm hỏi. Đại An kể lại mọi chuyện. Có một nô tì đứng bên cạnh nghe xong, bèn nói: “Ngày ngài mới lên đường, phu nhân nhờ thợ tạo một pho tượng Phật. Xong xuôi, lấy thuốc màu vẽ áo. Có một chấm son giọt ố vai tương.Phu nhân sai thợ tẩy đi, nhưng hắn chẳng chịu làm. Nay vẫn còn in trên tượng, đúng như lời ngài vừa kể. Đại An liền cùng phu nhân, thân thích đi chiêm bái tượng. Thật giống hệt trong mộng chẳng sai. Vết son đỏ rành rành là chổ vá. Bèn vô cùng lấy làm lạ, biết rằng Chánh pháp có thật, nên càng Tăng thêm lòng tín mộ, thành kính phụng thờ và sống được trường thọ.

Từ khi Phật pháp truyền bá sang Trung Quốc, chuyện tượng Phật hiển linh cảm ứng rất nhiều, không thể đem ra kể hết. Nay chỉ lược thuật một số như trên (Chuyện này rút từ sách Minh-báo-ký).

28. Đời Đường, trong thành Vô chung ở huyện Ngư dương thuộc U châu có chừng một trăm nóc nhà dân. Tháng tư mùa Hạ năm Long sóc thứ hai, thành phát cháy. Gác canh và nhà dân đều bị thiêu rụi. Chỉ có hai Tinh xá, tháp Phật, trần màn bằng giấy bồi phía trên khám thờ và tượng Phật không bị bắt lửa, sừng sững vươn lên. Người đương thời xem thấy đều lấy làm lạ, cho rằng nhờ có Phật lực hộ trì. Trung sơn lang Dư Lịnh đến đó trấn nhậm, được lang tướng Tề Quận vốn là thân hữu của anh mình là Dư Khánh, nhân đi sứ Doanh châu, đã tận mắt chứng kiến chuyện này, đem ra kể lại cho nghe.

29. Đời Đường, chùa Đồng tử ở phía Tây thành Kinh châu có pho

tượng Phật ngồi to lớn, cao hơn một trăm bảy mươi thước. Nhà vua vốn sùng Đạo, cuối niên hiệu Hiển Khánh, ngự giá đến Tinh châu, cùng hoàng hậu lên chùa rồi đến tham quan pho tượng lớn hai trăm thước tại cùa Khai hóa ở hang Bắc. Nhà vua thành kính hành lễ, tán thán linh tích hy hữu, cúng dường châu báu, tiền của, pháp phục. Các phi tần tháp tùng cũng đều quyên góp. Lại ban sắc cho trưởng quan ở đó là Đậu Qũy gấp rút trang hoàng các Thánh tượng và mở rộng mặt trước khám thờ. Tháng bảy mùa thu năm Long sóc thứ hai, thị thần giao cho trung sứ hai bộ cà-sa mang lên cúng dường hai Thánh tượng. Ngày chùa Đồng tử làm lễ mặc áo cà-sa, tượng phóng hào quang ngũ sắc từ sáng đến chiều, chiếu diệu cả núi non, soi sáng khắp đất nước, chan hòa các tượng Phật nhỏ ở khám thờ phía Nam và làm rạng rỡ mọi điện đường. Đại chúng đi xem, đông đảo đến nghìn vạn. Dân chúng trong thành chứng kiến chuyện ấy, phát thành tâm hướng thiện, mười nhà hết bảy, tám nhà. Tất cả đều hay, chẳng cần phải nói rõ.

30. Đời Đường, chùa Thanh Thiền tại Trường An trước đây có một pho tượng phật bằng vàng ròng cao một thước bốn tấc, nặng tám mươi lượng, do Tùy Văn đế đúc nên. Năm Tring quan thứ mười bốn, tên cướp Tôn Đức Tín làm tờ sắc giả, giao cho một tên thái giám mang đến chùa tuyên đọc, gạt lấy tượng. Tăng chúng nghe có mệnh vua, không dám trái lệnh, đành phải giao ra. Hôm sau, sự việc đổ bể, thân tượng đã bị nấu chảy, chỉ còn lại phần đầu. Vua Đường Thái tông giận dữ, xử bằng cực hình. Khi Đức Tín chưa bị hành hình, thân thể đã bị thối nát, mình đầy nhọt độc vỡ loét. Nhà chùa bỏ thêm vàng đúc lại tượng theo kiểu như xưa. (Ba chuyện trên đây rút từ sách Minh-báo và Thập-dị)

31. Niên hiệu Hiển Khánh thứ tư đời Đường Cao tông (659), vì bị hạn hán, thứ sử họ Tổ ở Phủ châu đã làm lễ cầu mưa nhưng không linh nghiệm. Có người thấy một pho tượng đi trên núi phía Đông. Không biết nguyên nhân, cùng rũ nhau kéo lên dời tượng. Tượng vẫn ù ù đứng yên không nhúc nhích. Tiếng đồn như gió, xa gần đều đổ lên xem. Có người ở Đàm châu bảo rằng: “Chùa ở đấy mất tượng, ai ngờ lại đến đây!” Xem lại hành trình, thấy có hai vết tích đều dài ba thước, cách nhau khoảng năm trăm dặm. Thứ sử thấy hạn hán đã lâu, liền đến khấn cầu. Quan dân toàn châu đi bộ, mang hương hoa cúng dường dài suốt hai mươi dặm, khóc lóc kể lể sự tình rất chân thành rồi cử ba người đến bưng tượng. Tượng nhẹ nhàng theo tay về chùa. Dọc đường, mây giăng mờ mịt, đến chiều liền đổ mưa ào ào. Nhờ thế, mùa màng được sung túc. Tượng hiện tôn trí tại Phủ châu.

32. Niên hiệu Vĩnh huy đời Đường Cao tông (650-655), ở phía Đông Lam điền thuộc ung châu là chùa Ngộ chân dựng trên sườn Lam cốc. Cảnh trí núi non tuyệt đẹp, đền điện trang nghiêm. Có một pho tượng đứng sừng sững tại phía Bắc chùa. Khi trùng tu tự viện, gặp tảng đá lớn nằm vắt ngang, gây nên trở ngại. Người ta lấy lửa đốt lên rồi tưới nước vào để vỡ ra, nhưng cũng không xong. Phải lấy dùi thép đục bể tảng đá, bất ngờ gặp một tượng Phật hoàn hảo tự nhiên, đủ cả vòng hào quang và tòa sen, cao chừng năm tấc. Không ai biết gốc gác từ đâu và thuộc loại bảo vật nào nữa. Cùng năm ấy, một đức Phật và hai vị Bồ-tát hiện ra trên đầu cột trên đầu cột ở điện Quang minh tại Ích châu. Dẫu gọt bỏ những hình ảnh vẫn lộ rõ. Mớ đầu, cột này vẫn năm ở Phật đường Cửu lủng, trưởng sử Trương Tự tập hộp nhiều người di chuyển về điện Quang minh. Hiện tại, cột ấy vẫn còn.

33. Đời Đường, tại khúc eo của sông Lễ ở huyện Hộ thuộc Ung châu có một pho tượng Phật bằng kim khí cao ba thước sáu tấc, kể luôn vòng hào quang cao đến bốn thước, để lộ tay phải, nghi dung hết sức uy nghiêm và thường phóng hào quang. Bần Tăng nghe tiếng, thường đến chiêm bái. Trên tòa sen có khắc rằng: “Đúc tại chùa trong thành Trường An ngày mồng tám tháng tám năm Kiến nguyên thứ hai mươi đời Tần (384 vua Tần Phù Kiên). Nữ tín chủ Tuệ Thiều khấn rằng: “May mắn gặp được Thánh tượng còn sót lại, bèn xuất tiền của đúc nên. Như tấm lòng thành được cảm ứng, nguyện cầu mười phương đều hưởng phước lành.” Trước đây, khi hai Đạo bị tiêu diệt, tượng được chôn giấu trong vực nước xoáy La nhân tại sông Lễ. Có người đi ngang trên bờ nghe tiếng nói vọng lên từ vực xoáy va thấy hào quang phóng lên, liền bảo cho các bô lão trong làng cho người xuống sông đào lớp cát dưới vực, ngay chổ phát hào quang, liền gặp tượng. Bấy giờ đang thời nhà Châu phá Đạo, phải đem giấu kỷ trong nhà, cùng nhau thờ phụng tại phòng riêng. Tượng thường phóng hào quang soi sáng. Hiện vẫn còn tại làng ấy.

34. Tháng hai mùa Xuân năm Long sóc thứ ba đời Đường, có tượng Phật bằng đá trên núi tại Thấm châu phóng hào quang. Trên lưng chừng sườn hang Trường cốc thuộc địa phận huyện Miên thượng nằm cách Thấm châu sáu mươi dặm về phía Bắc có khám thờ chư Phật đời quá khứ. Trong đó có ba pho tượng bằng đá: pho ở giữa thường phóng hào quang chiếu sáng khắp hang và núi rừng. Dân chúng lấy làm lạ, đem trình báo lên châu. Châu bèn tâu lên. Nhà vua sai Sa-môn chùa Từ Ân là Huyền Trí cùng sứ giả đến thẩm tra, thấy hào quang như lửa chớp

không ngừng. Bấy giờ có đám mây bay đến hang, hào quang tạm thời vụt tắt. Khi đám mây bay đi, hào quang lại xuất hiện. Chứng kiến xong, liền phi báo về triều, nhà vua ra lệnh vẽ lại cảnh tượng ấy rồi tiếp tục kiểm tra. Hào quang lại chiếu diệu như trước suốt ba đêm. Tương truyền đến nay, hào quang vẫn còn. Cảnh sắc núi rừng ở đây thật xanh tươi. Phật tích trong các khám đá rất nhiều. Chẳng ai biết được gốc gác, chỉ thấy điềm linh xuất hiện dập dồn.

35. Chuyện chùa Pháp tụ ở huyện Quách hạ thuộc Ích châu đời Đường vẽ tượng Bồ-tát Địa Tạng. Tượng gốc do Trương Tăng Diêu vẽ Bồ-tát ngồi buông chân trên Thiền sàng, cao chừng 8, chín tấc. Tháng bảy năm Lân đức thứ hai, Tăng đồ trong chùa vẽ lại một bức, liền phóng hào quang, khi ẩn khi hiện, giống như vòng vàng nhưng lớn bằng hào quang của tượng gốc. Lần lượt sao lại ba bức nữa, cũng đều phóng hào quang. Tháng tám năm ấy, nhà vua ban sắc tìm một bức đưa về cung thờ phụng. Hiện nay, khắp trong triều ngoài nội, những bức vẽ lại đem thờ cũng đều phóng hào quang như thế. Mới hay, Phật lực huyền diệu vô biên, không thể ngờ nổi (Tại nhà của bần Tăng cũng có một bức, không kể ra trên đây).

36. Năm Lân đức thứ hai đời Đường Cao tông (665) Sa-môn Tuệ Dục ở núi Tam học thuộc huyện Kim thủy tại Giản châu, nay được tạm thời trụ trì chùa Không tuệ thuộc huyện Quách hạ tại Ích châu. Năm trước, Sa-môn sang chùa Trường sa ở Kinh châu, thành tâm khấn nguyện trước kim tượng thép vàng, xin vẽ lại đem về thờ phụng. Tìm được họa sư tài hoa Trương Tịnh Nhãn, yêu cầu trai giới thanh tịnh xong, nhờ vẽ luôn 6 bức vẫn chưa thấy linh hiển. Đến bức thứ bảy, liền phóng hào quang ngũ sắc chiếu diệu khắp trong ngoài suốt 7 hôm mới tắt. Xa gần đều chứng kiến. Đại chúng kinh ngạc hoan hỷ không thể tả nổi. Sa-môn vội vàng mang các họa phẩm chưa kịp trau chuốt này đến Trường an, ý muốn nhờ vẽ thêm các Thánh Tăng đệ tử hầu cận và các phẩm vật cúng dường. Bấy giờ, tuân theo sắc lệnh của nhà vua, các họa sư tuyệt giỏi ở kinh thành đều tụ họp ở tòa trung thư, dưới sự giám sát của các quan học sĩ, cùng vẽ bốn mươi quyển tranh minh họa trong bộ Tây-quốc-chí gồm có sáu mươi quyển. Sa-môn Tuệ Dục cho rằng ở ngoài không có họa sư tài giỏi, nên vào đó nhờ họa sư Phạm Trường Thọ trang trí thêm tại nhà Đô đường. Đến canh ba đêm mồng bảy tháng sáu, họa phẩm đầu tiên phóng hào quang ngũ sắc chiếu sáng tận phía ngoài nhà Đô đường. Người bảo vệ nhân đi ra ngoài, thấy trên nhà sáng rực, cho là lửa cháy, hốt hoảng la vang. Trong nhà, mười vị quan trực

và hơn ba mươi binh sĩ đang ở trần nằm ngủ vì Trời quá nóng. Ánh hào quang chiếu sáng, ai nấy nhìn nhau, đều thấy rõ thân thể đỏ hồng, phải vội vàng mặc lấy y phục. Có một vị quan tên Thạch Hoài Tàng, vốn không tin Phật, chẳng thấy được hào quang, chỉ thấy thân thể toàn một màu đen đúa. Cứ thế, hào quang chiếu rực đến sáng mai mới tắt. Sau khi hiểu rõ, Hoài Tàng ăn năn sám hối, nhưng cũng không thấy được hào quang chiếu sáng thân thể. Những quan viên binh sĩ thấy được hào quang đều phát nguyện trai giới. Riêng các quan viên, mỗi người đều vẽ một bức đem về nhà thờ phụng.

37. Năm Long sóc nguyên niên đời Đường (661), nhà vua ban sắc sai Sa-môn Hội Trách ở chùa Hội Xương lên tu bổ chùa chiền bảo tháp trên núi Ngũ đài tại huyện Ngũ đài thuộc Đại châu. Núi ấy gồm 5 ngọn, trong đó ngọn Trung đài cao nhất. Từ đỉnh của ngọn núi này, có thể nhìn xa nghìn dặm, nước non trong nhỏ bé như bàn tay. Đó đây la liệt mấy nghìn bảo tháp có tường lũy bằng gạch đá, do vua Cao tổ nhà Bắc Ngụy là Hiến Văn đế (471-475) dựng nên. Trên đá của ngọn Bắc đài, dấu chân người ngựa như núi mới in lên. Đỉnh núi là hồ lớn Thái hoa tuyền. Lại có thêm một dòng suối nhỏ uốn éo ngoằn ngoèo, hai bên bờ có hai ngôi chùa thờ tượng đức Bồ-tát Văn-thù. Xưa nói rằng ngài Văn-thù đến núi Thanh lương thuyết pháp cùng năm trăm vị tiên nhân. Kinh Hoa-nghiêm cũng nói ngài Văn-thù thuyết pháp trên núi Thanh lương. Thế nên núi này khí hậu rất lạnh, không có các loài cây tạp, chỉ có rừng thông chót vót phủ đầy khe núi. Phía Nam gọi là ngọn thanh lương, dấu tích xưa nay chưa mất. Từ ngọn này đi lần xuống ba mươi dặm về phía Đông nam chùa Linh thứu. Hai bên có hai Đạo trường hoạt động Phật sự đầy đủ. Các vị bô lão bảo do vua Hán Minh đế xây dựng. Phía Nam có hoa viên rộng chừng hai trăm mẫu, nở loài hoa lạ chiếu sáng một vùng, được cây cối bao quanh bốn phía. Từ đầu Xuân đến cuối Thu, hoa lạ này đua nhau nở rộ. Xưa nay nhiều người rất thích giống hoa này, đã bứng đem về trồng, nhưng không sống nổi. Thậm chí, tròng ở phía ngoài hoa viên cũng không sống nổi. Riêng trong hoa viên, hoa ấy tự nhiên sinh sôi. Phải chăng do thần uy của ngài Văn-thù thị hiện riêng một cảnh trí thần tiên như thế? Người có thành tâm đến đây sẽ gặp nhiều chùa chiền có các Thánh Tăng cư trụ. Hoặc giữa lừng không, hoặc bên bờ suối, hoặc ở chốn núi non hiểm trở, hoặc trong hang động thâm u. Hoặc bậc xuất trần, hoặc người thế tục. Vừa mới đi qua, nhưng tìm đến không thấy. Chùa chiền và các vị Thánh Tăng ấy biến hiện vô thường, không thể lường được.

Đầu năm Long sóc thứ hai, nhà vua lại sai Sa-môn Hội Trách sang Tinh châu tập hợp quan viên tiền của đem tu bổ cổ tự. Sa-môn cùng phủ thừa Ngũ đài kéo theo hơn hai mươi người lên thẳng ngọn Trung đài. Xa xa, nhìn thấy pho tượng đá đứng cheo leo bên bờ vực, múa máy chân tay. Vừa đến nơi nhìn lại, chỉ là một tảng đá vuông vắn. Mọi người đâm ra buồn rầu, ân hận không có cơ duyên gặp gở chân thân. Khi sai thợ tu bổ hai tòa tháp và tượng đức Phổ Hiền, mọi người đang quay quần bên tháp, bỗng nghe đâu có tiếng chuông đổ liên hồi và mùi hương kỳ diệu xong lên ngào ngạt. Toàn thể đều cảm thấy hy hữu lạ lùng. Phái bộ lại lên ngọn Tây đài, thấy từ xa một vị Tăng cỡi ngựa đi tới. Tăng Trách và mọi người dừng lại đứng đợi bên đường rất lâu, nhưng chẳng thấy đến, bèn kéo nhau đến đón thì đã biến thành chồi cây, khiến lòng mọi người cứ ấm ức mãi. Thế thì, linh tượng cảm thông, thỉnh thoảng ẩn hiện; tiếng chuông hưởng ứng, liên tục thường nghe. Núi ấy vuông vức khoảng ba trăm dặm. Chân núi Đông nam liền với núi Bắc nhạc, chân núi Tây bắc là hồ Thiên Trì, chính giữa có núi Phật quang, núi Tiên hoa, tháp Vương tử, 6 ngôi cổ tự, động tôn trí chân thân của các Thiền sư Giải Thoát và Tăng Minh. Nhờ định lực hộ trì, trải qua mười năm vẫn không hủy hoại. Thật khó ước lượng uy lực của các thần Tăng!

Tháng 2 mùa Xuân năm Càn phong thứ hai (667) triều Đường Cao tông, luật sư Đạo Tuyên đang tu hành thanh tịnh ở chùa Tịnh nghiệp, bỗng có các vị Thiên nhân Vương Đương, Lục Huyền Sướng, họ Lai và họ Phí giáng hạ hành lễ và đàm đạo cùng luật sư. Kiếp trước, Vương Đương là văn thần của Đông Ngô, kể lại luật sư nghe khi Thiền sư Khang Tăng Hội mới đến Kiến nghiệp, Ngô chúa chưa tin tưởng. Thiền sư bèn thị hiện điềm lành, Ngô chúa mới lập điện đường to lớn. Bấy giờ, thiên thần thổ địa đều thi triển uy linh. Trong hai mươi mốt ngày, thu được xá-lợi. Ngô chúa thân hành bưng bình đồng rót xuống mâm đồng. Xá-lợi vừa đụng, mâm đồng đã bị xé toang. Thậm chí, lửa thiêu chùy nện cũng không hề hấn. Các đại thần như Hám Trạch, Trương Dục được chư Thiên hổ trợ, phát ra biện tài lưu loát. Thiên nhân họ Phí, giới hạnh thanh tịnh, chuyên trì Luật tạng. Vâng lời di giáo của đức Phật, gặp kẽ phá giới, thương xót cứu giúp. Gặp ai làm được một việc thiện, dù lỡ phạm vạn tội, cũng rộng lượng thứ tha. Thiên nhân kính tín giới luật, nghiên cứu sâu xa. Vì thế, những chổ nghĩa lý uẩn súc, luật sư đem ra vấn nạn, đều được giải đáp tinh tường. Hơn nữa, những linh tích của Tam bảo ở Trung Quốc còn lại khá nhiều và đều được tôn thờ thành kính, nhưng đôi khi gốc gác lại bị thất lạc. Về điểm này, luật sư đã dò

hỏi các Thiên nhân và đều được trả lời tỉ mỉ. Sách Tam-bảo-cảm-thông-lục còn ghi lại những vấn nạn chính như sau:

- Luật sư hỏi Thiên nhân: "Tương truyền từ xưa Bồ-tát Văn-thù thống lãnh năm trăm tiên nhân đến thuyết pháp tại núi Thanh lương. Trong kinh có nói rõ Văn-thù là vị Bồ-tát từ lâu đã ở thế giới Ta-bà. Ta-bà lại là tên gọi chung của Đại thiên thế giới. Như vậy, tại sao ngài chỉ trụ tại chổ này? Đáp: "Văn-thù là vị thống tướng của chư Phật, thị hiện tùy duyên, biến hóa vô lượng. Thần uy thật ra, không thể nghĩ bàn. Chỉ nên đem lòng kính ngưỡng. Phần nhiều ngài đã giáng hạ ở núi Thanh lương tại Ngũ đài, hiện thuộc phía Bắc Đại châu.

- Từ ngày đời Đường dựng nước đến nay, cao Tăng Giải Thoát viên tịch đã hơn ba mươi năm, nhục thân trở thành kim cương bất hoại, tựa hồ đang nhập Định tận diệt. Lại có vị tiên nhân cũng nhập Định bất động đã lâu năm. Các cổ tự linh thiêng, Thánh Tăng Bồ-tát, tiên nhân, tiên hoa xuất hiện rất nhiều.

- Hỏi: "Về linh tượng ở Long quang thuộc vùng Giang nam, có người bảo do ngài La Thập mang sang, có người nói được lấy từ xứ Phù Nam. Sự thật như thế nào? Đáp: "Tượng ấy không phải do ngài La Thập mang sang. Chính là do Hiếu Vũ đế nhà Tông chinh phạt Phù Nam lấy được. Sau khi đức Phật nhập diệt khoảng ba trăm năm, Đại A-la-hán Ưu-bà-chất-na người Bắc Thiên-trúc vận dụng thần lực hổ trợ cho thợ đá suốt ba trăm năm, tạc núi đá lớn trở thành Phật động. Từ trên xuống dưới gồm có năm tầng, cao hơn ba trăm thước. Mắt phàm chỉ thấy được tầng dưới, bốn tầng trên đóng kín. Đến năm thứ sáu trăm, A-la-hán Phật-nại-già vừa sinh ra thì mẹ mất, đầu thai vào nước Phù Nam. Nhớ ơn mẹ, ngài lên tầng cao lấy pho tượng bằng gỗ chiên-đàn để mẹ thờ phụng. Khi mẹ qua đời, thác sinh vào Dương châu, xuất gia ở chùa Tân hưng, chứng được Tam quả. Vua Hiếu đế chinh phạt Phù Nam, lấy được tượng này mang về. Trước đây, ngài Đàm-vô-kiệt trở về Ấn Độ, có chép sơ lược tượng này thành sách gồm năm quyển. Đã thế, tại sao bỗng dưng lại bảo rằng tượng này do ngài La Thập mang sang?"

- Nhân đó, luật sư hỏi rằng: "Tại sao kinh điển do ngài La Thập suốt đời phiên dịch được mọi người hâm mộ thọ trì?" Đáp: "Ngài ấy thông minh, hiểu rõ Đại thừa. Các dịch giả đương thời đều là những bậc anh tài lổi lạc, hiếm có xưa nay, nhưng cũng chẳng sánh nổi cùng ngài. Những dịch phẩm của ngài lấy hiểu rõ làm hàng đầu và tỏ rõ Đại Ý gửi gấm lại của đức Phật."

Lại hỏi thêm: "Thế tục thường bảo rằng ngài bị vua Diêu Hưng

đời Hậu Tần ép buộc phá đại giới, sao xứng đáng gọi là lãnh hội di ý của đức Phật?" Đáp: "Đây là điều kẻ phàm phu mê muội không thể ước đoán nổi, khỏi cần bàn đến. Đức hạnh của ngài La Thập ở vào bậc Tam hiền, vị Thông hóa. Cắt gọn đa đoan, vá đầy thiếu sót, tùy cơ sáng tạo. Thế nên, toàn bộ luận Đại-trí-độ, mười phần tóm lược đến chín. Phật lý hiểu sâu, xưa nay ít có. Lại nhờ Bồ-tát Văn-thù chỉ giáo, nên cách san định của ngài siêu việt lề lối thông thường. Lẽ nào vì lời đàm tiếu về chuyện lập phòng riêng, đến nổi mất sạch công phu tuyệt thế?"

Lại hỏi: "Pho tượng bằng chiên-đàn ở chùa đại Minh tại Kinh châu vốn do vua Ưu-điền sai chế tạo. Theo truyện nói, được sao chép lại và mang về vào đời Lương. Hiện tại ở kinh thành cũng có tượng này. Vậy đâu tượng gốc?" Đáp: "Ở chùa Đại minh là tượng gốc. Khi vua Cao tổ băng hà, tượng được đưa về Kinh châu. Nhà Châu tiêu diệt nhà Lương, thâu tóm các đồ quốc bảo. Có vị Tăng tên Trân Sư đem giấu tượng trong phòng, rồi lấy nhiều tiền của đút lót sứ giả. Nhờ thế, tượng mới được yên. Năm Khai hoàng thứ 9, Tùy Văn đế sai Liễu Cố Ngôn đến thỉnh tượng. Nhà chùa năn nỉ xin để tượng ở lại trấn giữ Kinh châu. Cố Ngôn là người đồng hương, nên cảm thông nghe lời, bày kế khắc lại pho tượng khác đem về dâng nạp. Người khắc là tu sĩ Bà-la-môn tên Chân Đạt. Tượng này hiện ở chùa Hưng Thiện tại Trường an, cũng rất linh hiển. Tượng gốc vẫn ở Kinh châu, nhà chùa lấy vải tẩm sơn đắp lên để lại ngụy trang, nên tướng mạo không còn giống như trước. Tượng vốn là kim thân của đức Phật mới giáng sinh bảy ngày, nay đắp thêm lớp vải tẩm sơn, thành ra tướng mạo người lớn, khác hẳn nguyên bản. Chùa Đại Minh Nguyên là chổ đức Phật đời quá khứ an trụ, do đó tượng không chịu di dời về phương Bắc. Gần đây, có pháp sư Nghĩa, người Trường sa, nhờ Thiên nhân Mặc khải, biết được cách bốc lớp vải tẩm sơn. Do đó, chân thân mới được tái hiện, lộ rõ Thánh nhan, vốn do nguyên khối chiên đàn chế tạo, không chút chấp nối. Hào quang và tòa sen lại khác, do ngà voi chạm thành, tài tình tuyệt diệu chẳng giống tay phàm. Pho tượng ở chùa hưng thiện, sánh với tượng này, khác hẳn mười mươi!"

Lại hỏi: "Các hình tượng được phát hiện ở Trung Quốc, tương truyền phần nhiều do công chúa thứ tư của vua A-dục đúc nên. Chuyện ấy đầy vẽ huyền hoặc khó tin. Sự thật như thế nào?" Đáp: "Đây là sự thật, chẳng có gì đáng nghi ngờ cả. Từ lâu, công chúa ấy buồn bực vì dung nhan xấu xí, chưa từng xuất hiện trước thần dân, bèn vẽ sắc tướng của đức Phật giống với chính mình và phát nguyện rằng: "Tướng hảo

của đức Phật khác hẳn người trần, làm sao giống với dung nhan của ta được?" Nhân đó, thành khẩn cầu nguyện suốt nhiều năm. Về sau, đức Phật hiện ra, giúp cho thay đổi dung nhan. Vua cha lấy làm lạ, hỏi rõ đầu đuôi. Công chúa mới tấu bày lại lời nguyện ước. Hiện nay, các pho tượng tại chùa Ngọc hoa ở Bắc Sơn, chùa trường sa ở Kinh châu, chùa Cao Khôi ở Dương đô và chùa Sùng kính ở kinh thành đều do công chúa đúc nên. Đôi khi có khắc, Phạm văn trên vòng hào quang hay tòa sen, người Trung Quốc ít kẻ đọc được. Đương thời, vua A-dục sai bọn quỷ thần đem các tượng ấy lưu hành để tùy duyên hóa độ. Xem lại, nét mặt các tượng ấy đều là người nữ. Địa điểm chùa Sùng kính xưa kia vốn là bãi chiến trường. Khi nhà Đông Tấn sắp mất, giặc Ngũ Hồ nổi lên, binh đao cùng tàn sát lẫn nhau. Chổ này là nơi giao tranh ác liệt nhất. Hiện đào đất còn gặp xương người. Những kẻ bị giết oan nhiều vô số. Thế nên, bọn quỷ thần mới đem tượng đến đó trấn, yếm, khiên các oan hồn sinh ra thiện niệm. Nhà Châu phá Đạo, thần Thánh cũng bị đọa đày. Tùy Văn đế lên ngôi, Phật giáo lại được cơ hội hưng thịnh."

Lại hỏi: "Chuyện u minh cảm ứng, trên đời thường gặp. Tuy nhiên, khi hồn đã thoát đi, thân xác sẽ thành thối nát. Làm sao có thể hoàn hồn trở lại, dù đã chết quá bảy ngày hay nhiều hơn nữa, nhưng thân xác vẫn y nguyên như lúc còn sống, không khác chút nào?" Đáp: "Người có bảy thức, mỗi thức đều có thần, do tâm thức làm chủ. Chủ tuy đi mất, nhưng các thần thức che chở vẫn còn. Chẳng có gì đáng lấy làm lạ. Như trong năm giới, mỗi giới có bảy thần, năm giới có tất cả hai mươi lăm thần. Phá một giới, năm thần thoát đi, các thần khác vẫn còn ở lại. Như đại Tăng thọ giới, mỗi giới có hai trăm năm mươi thần che chở. Nếu phá một đại giới, chỉ mất hai trăm năm mươi thần, những thần khác vẫn luôn luôn theo sát che chở đại Tăng.

Chú thích quyển 14:

- Nguyên văn nhan đề của chuyện mười tám này là "hành tượng", tượng biết đi, nhưng nội dung nói chuyện tượng đổ nước mũi báo điềm chẳng lành. Nay theo đó, sửa lại tiêu đề cho phù hợp nội dung.
- Chuyện hai mươi bốn này chỉ có nhan đề, phần trình bày chuyện không thấy. Vì thế, trong phần ghi tiêu đề có ba mươi tám chuyện, nhưng phần thuật chỉ có ba mươi bảy chuyện
- Trong phần cuối quyển, đoạn nói về nhân duyên vấn đáp của luật sư Đạo Tuyên cùng các Thiên nhân, có tóm lược vài chổ, vì thấy có thể không còn phù hợp với hiện đại.

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 15

Thiên thứ 6: KÍNH PHẬT

***Thứ tư-* PHẦN DI-ĐÀ**

Gồm có 6 tiết: Thuật ý, Hội danh, Biện xứ, Năng kiến, Nghiệp nhân, Dẫn chứng.

Thứ nhất: THUẬT Ý

Than ôi! Tránh khổ cầu vui là thường tình của vạn vật; thích trong ghét đục là thông lệ của chúng sinh. Tuy nhiên, độ có tinh thô, hạnh gồm thiện ác. Ngũ trược Ta-bà, do chất ác hóa gò hang; tịnh độ thất bảo, nhân tập thiện thành tươi sáng. Ba bậc nghiệp nhân, chín phẩm quả báo. Cung vàng điện ngọc, bởi thiện niệm hóa cao vời; ao báu hồ châu, nhờ thiện tâm nên trong sạch. Sen vàng nở khép, chứng từ phụ chẳng sai lời; sóng dậy triều dâng, nghe pháp ngôn còn văng vẳng.

Nếu công chẳng tinh chuyên, chí chẳng kiên cố, hạnh chẳng đủ đầy, nhân chẳng viên mãn, liệu có thể theo nghìn tâm ngự giữa kim đài, nương thập thiện bước lên cực lạc?

Thứ hai: HỘI DANH

Thuật rằng: “Thế giới trong sạch gọi là Tịnh. Đến an trụ ở thế giới trong sạch ấy gọi là Độ. Thế nên, luận Nhiếp-đại-thừa nói: “Chổ Độ an trụ không còn ngũ trược, trong sạch như các loài pha lê gọi là Độ thanh tịnh.” Luận Pháp-hoa nói: “Chổ không còn chúng sinh phiền não cư trụ gọi là Tịnh độ. Tịnh độ không giống nhau, có bốn loại:

1. Pháp Tịnh độ: lấy Chân như làm bản thể, nên luận Nhiếp-đại-thừa bản dịch đời Lương nói: “dùng hoa sen chúa làm chổ dựa cho Tịnh độ. Bởi vì xem Pháp giới Chân như là thể nương tựa của Tịnh độ.”

2. Thật báo độ; theo luận Nhiếp-đại-thừa nói: “Lấy Nhị không làm cửa, Tam tuệ làm đường, chỉ quán làm xe, lấy căn bản vô phân biệt

trí làm công dụng. Ấy là nói sơ lược công đức của phước báo, biện luận xuất thể của Tịnh độ.

3. Sự Tịnh độ: cho thất bảo tuyệt diệu là ngũ trần “sắc, thanh, hương, vị, xúc, là hình tướng của Tịnh độ. Thế nên, luận Nhiếp-đại-thừa nói: “Chung quanh đức Phật đầy dẫy thất bảo sáng láng.”Lại nữa, kinh Hoa-nghiêm nói: “Trong cảnh giới của chư Phật xen lẫn đủ thứ trang sức.” Vì thế, luận Tịnh-độ nói: “Trang sức đầy đủ các loại châu báu.” Lại nữa, kinh Tân-phiên-đại-Bồ-tát-tạng nói: “Giả sử thế giới trên Trời bị hoả tai phừng phừng cháy suốt, trong đó Như Lai vẫn an nhàn đi thư giản hay đứng hoặc nằm. Ở đó tự nhiên có dòng nước tám công đức phun lên tràn lan mặt đất.”

4. Hóa Tịnh độ: ấy là cõi được đức Phật biến thất bảo ngũ trần thành thể của Tịnh độ. Vì thế, kinh Niết-bàn nói: “Nhờ thần lực của chư Phật, đất đều mềm mại mượt mà, không còn gò hang, đất cát hay sỏi đá, đến nỗi giống như cảnh giới của đức Phật Vô Lượng Thọ ở Tây Phương.” Lại nữa, Luận Đại-trang-nghiêm nói: “Nhờ trí lực tự tại, tùy theo ước muốn, có thể hiện ra thế giới thanh tịnh bằng các loại thủy tinh và lưu ly.” Lại nữa, kinh Duy-ma nói: “Đức Phật lấy ngón chân mặt đất, hiện ra các sự kiện thanh tịnh.” Lại nữa, kinh Thập-địa còn nói: “Vì theo ước vọng của chúng sinh nên chư Phật mới thị hiện ra.” Những điều các kinh nói rõ trên đây đều trình bày sơ lược về Hóa Tịnh độ, vốn do thần lực của chư Phật thị hiện mà có, thu lại thành không, nên gọi là Hóa độ.

Thứ ba: BIỆN XỨ

Thuật rằng: phần trên, tuy nói rõ Độ có bốn loại, nhưng quan trọng thì chỉ có hai là báo độ và Hóa độ. Hai loại này là hai Độ nắm trên mặt lý và sự.

Báo độ nghĩa là đức Phật xuất thế, các thiện thể đều vô lậu, không lệ thuộc vào Tam giới. Thế nên, luận Tịnh-độ nói: “Xem các tướng của thế giới này, hơn hẳn Đạo ở trong Tam giới.” Lại nữa, luận Trí-độ nói: có Tịnh độ tuyệt diệu, siêu việt ngoài Tam giới. Thế nhưng đức phật an trụ ở cảnh giới vô xứ làm xứ, vượt ra ngoài các thế giới mười phương, hoặc nương theo pháp thân để an trụ trong Tịnh độ. Thế nên, luận nói rằng: “Đức Phật Thích-ca-mâu-ni có thế giới thanh tịnh như quốc độ của đức Phật A-di-đà cũng có thế giới rất thanh tịnh và rất không thanh tịnh như đức Phật Thích-ca-mâu-ni.” Lại nữa, kinh Niết-bàn nói: “Ta thật chẳng ra khỏi cõi Diêm-phù-đề.” Lại nữa, kinh Pháp-hoa có kệ nói

rằng:

"Thường tại núi Linh thứu
Và ở các chổ khác.
Chúng sinh bị kiếp tận
Hỏa tai lớn thiêu rụi.
Cõi ta đây an lạc,
Thiên nhân luôn đông đúc.
Hoa viên và lầu gác
Đủ thất bảo trang sức."

Lại nữa, kinh Hoa-nghiêm nói: "Cõi Tịnh độ của Như Lai, hoặc ở tại mũ báu của Như Lai, hoặc ở bông tai, hoặc ở chuỗi ngọc, hoặc tại nếp áo, hoặc tại lổ chân lông. Lổ chân lông nhỏ bé như thế cũng chứa đựng đủ cả thế giới." Thế nên, luận Thập-trụ nói: "Đức Phật cất một bước, sẽ vượt qua hằng hà sa số Tam thiên đại thiên thế giới."*

Thứ tư: NĂNG KIẾN

Nếu các phàm phu Nhị thừa thấy đức Phật Di-đà từ trong Uế độ, các vị Bồ-tát sẽ thấy đức Phật Di-đà từ trong Tịnh độ. Dựa vào hai thuyết này, Báo độ thuần tịnh một mạch, Ứng độ có nhiễm có tịnh. Bởi thế, luận Tịnh độ nói: "Độ có năm loại: 1/ Độ tịnh thuần túy: chỉ ở quả Phật. 2/ Độ tịnh uế: ấy là Độ tịnh nhiều uế ít, tức là từ Địa thứ tám trở lên. 3/ Độ tịnh uế bằng nhau: ấy là từ Địa thứ nhất đến Địa thứ bảy. 4/ Độ uế tịnh: nghĩa là uế nhiều tịnh ít, tức là Địa tiền tính Địa. 5/ Độ tạp uế: ấy là Địa chưa nhập. Trong Độ thứ năm, người chỉ thấy Độ thứ nhất ở sau, không thấy Độ thứ tư ở trước. Trong Độ thứ tư, người chỉ thấy Độ thứ hai ở sau, không thấy Độ thứ ba ở trước. Trong Độ thứ hai, người chỉ thấy Độ thứ tư ở sau, không thấy Độ thứ nhất ở trước. Trong Độ thứ nhất, đức Phật đều thấy thấu suốt tất cả 5 Độ dưới trên.

Thứ năm: NGHIỆP NHÂN

Thuật rằng: dẫn chứng khắp các kinh luận, có đến 10 thuyết chẳng giống nhau:

1. Có người bảo tu một hạnh được sinh về Tịnh độ. Như kinh Niết-bàn nói: "Quốc vương nhân đức tên Tỳ-kheo Giác Đức vì có nhân duyên hộ Pháp, được sinh về nước Bất Động." Lại nữa, kinh Duy-ma nói: "Tâm ngay thẳng là Tịnh độ của Bồ-tát. Khi Bồ-tát thành Phật, chúng sinh không nịnh hót đến sinh vào quốc độ của ngài."

2. Có người bảo tu hai hạnh được sinh về Tịnh độ. Như luận Nhiếp-

đại-thừa bản dịch đời Lương nói: “Thiên pháp xuất thế là thiện căn sinh ra từ và Hậu đắc trí vô phân biệt Trí. Vì nhân duyên danh tướng của Thiện pháp xuất thế, đôi khi dùng Định hay Tuệ làm phương tiện.”

3. Có người bảo tu ba hạnh được sinh vào Tịnh độ. Như kinh Niết-bàn nói: “Tư duy ba loại Tam-muội Không vô tác vô tướng, liền được sinhh về Tịnh-độ.” Lại nữa, kinh Quán-Phật Tam-muội nói: “Khiến cho tất cả phàm phu trong kiếp vị lai được sinh về nước Cực lạc, phải tu ba nghiệp; thứ nhất là hiếu thảo nuôi dưỡng cha mẹ, thờ thầy, không sát sinh, tu mười nghiệp lành. Thứ hai là thọ trì Tam quy, giữ gìn đầy đủ các giới, không vi phạm uy nghi. Thứ ba là phát tâm Bồ-đề, vững tin Nhân quả, đọc tụng Đại thừa, khuyến khích kẻ tu hành. Như ba việc này, gọi là Tịnh nghiệp.”

4. Có người bảo tu bốn hạnh được sinh về Tịnh độ. Như kinh Duy-ma nói: “Thực hành bốnTâm vô lượng là Tịnh độ của bậc Bồ-tát. Khi Bồ-tát thành Phật, có các chúng sinh Từ bi hỷ xả đến sinh vào quốc độ của ngài. Hoặc thực hành bốn Nhiếp pháp là Tịnh độ của bậc Bồ-tát. Ấy là bố thí lời thương yêu, đem lại lợi ích cho đồng bạn là Tịnh độ của bậc Bồ-tát. Khi Bồ-tát thành Phật, có các chúng sinh giải thoát mọi ràng buộc đến sinh vào quốc độ của ngài.”

5. Có người bảo tu năm hạnh được sinh về Tịnh độ. Như luận tịnh độ nói: “Thứ nhất là lễ bái, thứ hai là tán thán, thứ ba là phát nguyện, thứ tư là quan sát, thứ năm là hồi hướng.”

6. Có người bảo tu sáuhạnh được sinh về Tịnh độ. Như kinh Duy-ma nói: “Bố thí là Tịnh độ của Bồ-tát. Khi Bồ-tát thành Phật, tất cả chúng sinh Từ bi hỷ xả đến sinh vào quốc độ của ngài. Thậm chí, trí tuệ là Tịnh độ của Bồ-tát. Khi Bồ-tát thành Phật, tất cả chúng sinh có trí tuệ đều đến sinh vào quốc độ của ngài.”

7. Có người bảo tu bảy hạnh được sinh về Tịnh độ. Như kinh Duy-ma nói: “Trưng hoa đủ bảy đức thanh tịnh, tắm gọi cho người không bợn dơ. Thứ nhất là giới tịnh, thứ hai là Định tịnh, thứ ba là kiến tịnh, thứ tư là Độ nghi tịnh, thứ năm là Đạo phi đại tịnh, thứ sáu là Hành tịnh, thứ bảy là Hành đoạn trí tịnh. Hai loại Tịnh đầu tiên là Phương tiện Đạo, ba loại Tịnh kế tiếp là Kiến Đạo, loại Tịnh kế tiếp là Tu Đạo, loại sau cùng là Vô học đạo. Nhờ bảy loại Tịnh ấy, thành tựu được bốn Đạo. Bốn Đạo đã thành, nên được phước báo ở Tịnh độ vậy.”

8. Có người bảo tu tám hạnh được sinh về Tịnh độ. Như kinh Duy-ma nói: “Hỏi: “Bồ-tát thành tựu được bao nhiêu hạnh không bợn dơ ở thế gian này để được sinh về Tịnh độ?” Đáp: “Thành tựu tám hạnh để

sinh về Tịnh độ. Thứ nhất là làm lợi ích cho chúng sinh nhưng không mong cầu báo đáp và thay thế chúng sinh chịu khổ não. Thứ hai là tất cả công đức tạo nên đều đem bố thí cho chúng sinh. Thứ ba là bình đẳng với chúng sinh, khiêm nhường vô ngại. Thứ tư là đối với các Bồ-tát, đều xem như chư Phật. Thứ năm là đối với các kinh chưa nghe, khi nghe không chút nghi ngờ. Thứ sáu là không trái ý các Thanh văn. Thứ bảy là không ganh tị khi thấy các vị ấy được cúng dường, không lấy phần nhiều hơn và trong đó, luôn luôn chế ngự tâm mình. Thứ tám là tự vấn lổi mình, không phê bình khuyết điểm của người khác. Thường chuyên tâm tìm tòi công đức.

9. Có người bảo tu chín hạnh được sinh về Tịnh độ. Như kinh Vô-lượng-thọ nói: "Nói gọn thì có ba bậc, nói đủ thì có chín phẩm."

10. Có người bảo tu 10 hạnh được sinh về Tịnh độ. Như kinh Duy-ma nói: "Thập tiên là Tịnh độ của Bồ-tát. Khi Bồ-tát thành Phật, thọ mạng lâu dài, giàu có Phạm hạnh, lời thành chân lý, thường hay dịu dàng, không lìa quyến thuộc, hòa giải trang cãi, nói có lợi ích, không giận không hờn. Chúng sinh có Chánh kiến đến sinh vào quốc độ của ngài. Lại nữa, kinh Di-lặc-phát-vấn nói: "Nếu muốn sinh về nước An Dưỡng, phải tu mười niệm, liền được vãng sinh. Ấy là mười niệm nào? 1/ đối với tất cả chúng sinh, thường sinh từ tâm. 2/ Đối với tất cả chúng sinh, không phá hoại đức hạnh. 3/ đối với tất cả chúng sinh, phát khởi bi tâm. 4/ phát tâm hộ pháp, không tiếc sinh mạng. Đối với tất cả các pháp, không sinh tâm phỉ báng. 5/ Trong pháp nhẫn nhục, sinh tâm cương quyết. 6/ Thân tâm thanh tịnh, không nhiễm lợi danh. 7/ Phát tâm Nhất Thiết chủng trí. Hằng ngày ghi nhớ, không thể bỏ quên. 8/ Đối với tất cả chúng sinh, thường sinh lòng tôn trọng, trừ bỏ tâm ngã mạn, nói năng khiêm tốn. 9/ Đối với các lời đàm luận, không sinh nhiễm trước, tâm gần với Giác ngộ. Phát khởi sâu sắc các nhân duyên thiện căn, không sinh tâm xôn xao tánloạn. 10/ Thường nhớ quán Phật, trừ khử mọi vọng tưởng. Di-lặc nên biết rằng trong mười niệm này, đều theo thứ tự, phát khởi liên tục. Nếu thế, chẳng sinh vào quốc độ ấy, không thể được đâu!"

Hoặc có người bảo tu ba mươi bảy phẩm là Tịnh độ của Bồ-tát. Khi Bồ-tát thành Phật, tâm niệm chuyên cần, thần lực hùng dũng. Chúng sinh giác ngộ đến sinh vào quốc độ của ngài. Như kinh Vô-lượng-thọ nói: "Phát bốn mươi tám lời đại nguyện được sinh về Tịnh độ." Luận Ưu-bà-đề-xá có kệ nói rằng:

"Xem tướng thế giới ấy,

Hơn hẳn cả Tam giới.
Cứu cánh như hư vô,
Vĩ đại không bờ bến.
Chánh đạo đại Từ bi.
Xuất thế sinh thiện căn.
Thanh tịnh sáng láng quá,
Như vầng gương nhật nguyệt.”

Thuật rằng: nếu muốn tựa vào Thật báo Tịnh độ, cần phải tu tập Chánh nhân vô lậu, đồng thời cùng hoàn thành Lý và Hạnh mới được vãng sinh. Như kẻ phàm phu thấp kém, vốn chẳng có Chánh nghiệp, mới phát khởi một Hạnh, đến khi lâm chung, Thập niệm tuy thành, cũng chỉ được sinh về Hóa độ, không thể hưởng được Báo độ. Điều này có nói rõ tại Đại-tiểu-thừa-Thiền-môn-thập-quyển.

Thứ sáu: DẪN CHỨNG

Kinh A-di-đà-cổ-âm-thanh-vương-đà-la-ni nói: “Bấy giờ, đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo rằng: “Hiện nay, ở thế giới An lạc tại phương Tây có đức Phật hiệu A-di-đà. Nếu tứ chúng biết thọ trì danh hiệu của đức Phật ấy, đến khi sắp mạng chung, đức Phật A-di-đà sẽ cùng đại chúng đến bên người ấy được gặp, xong xuôi sẽ sinh lòng mừng rỡ, càng Tăng thêm công đức. Nhờ nhân duyên này, được sinh vào chổ xa lìa vĩnh viễn hình tướng bào thai uế dục, tự nhiên hóa sinh vào trong đóa hoa sen quý đẹp đẽ tốt tươi. Có đầy đủ 6 phép thần thông sáng láng oai vệ. Đức Phật A-di-đà và các Thanh văn đều là các bậc Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri. Quốc hiệu của ngài là Thanh Thái. Quốc độ của ngài ngang dọc rộng mười ngàn do-tuần. Trong đó đầy đủ dòng dõi qúy tộc. Phụ hoàng của ngày là Chuyển luân Thánh vương Nguyệt Thượng. Mẫu hậu của ngài là Thù Thắng Diệu Nhan. Con của ngài là Nguyệt Minh. Đệ tử hầu cận là Vô Cấu Xưng. Đệ tử thông thái là Hiền Quang. Đệ tử tài ba là Đại Hóa. Bấy giờ có ma vương tên là Vô Thắng và Đề-bà-đạt-đa tên là Tịch Tịnh.” Lại nữa, kinh Vô-lượng-thọ nói: “Đức Phật bảo Di-lặc: “Giả sử Tam thiên Đại thiên thế giới nổi lửa lớn, nhờ niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà, dù ở trong đó, cũng sẽ vượt qua, không hề bị nạn.” Lại nữa, kinh Hoa-nghiêm nói: “Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Tâm Vương bảo các Bồ-tát rằng: “Phật tử! Một kiếp ở quốc độ của đức Phật Thích-ca Mâu-ni tại thế giới Ta-bà này bằng một ngày đêm ở quốc độ của đức Phật A-di-đà tại thế giới An lạc. Một kiếp ở thế giới An lạc bằng một ngày đêm ở quốc độ của đức Phật Kim Cương tại

thế giới Thánh phục tràng. Một kiếp ở thế giới Thánh phục tràng bằng một ngày đêm ở quốc độ của đức Phật Thiện Lạc Quang Minh Thanh tịnh Khai Phu tại thế giới Bất thối chuyển âm thanh luân. Một ngày ở thế giới Bất thối chuyển âm thanh luân bằng một ngày đêm ở quốc độ của đức Phật Pháp Tràng tại thế giới Ly cấu. Một kiếp ở thế giới Ly cấu bằng một ngày đêm ở quốc độ của đức Phật Sư tử tại thế giới Thiện đăng. Một kiếp ở thế giới Thiện Đăng bằng một ngày đêm ở quốc độ của đức Phật Lô-xá-na-tạng tại thế giới Thiện quang minh. Một kiếp ở thế giới Thiện quang minh bằng một ngày đêm ở quốc độ của đức Phật Pháp Quang Minh Thanh tịnh Khai Phu Liên Hoa tại thế giới Siêu xuất. Một kiếp ở thế giới Siêu xuất bằng một ngày đêm ở quốc độ của đức Phật Nhất Thiết Quang Minh tại thế giới Trang nghiêm tuệ. Một kiếp ở thế giới Trang nghiêm tuệ bằng một ngày đêm ở quốc độ của đức Phật Giác Nguyệt tại thế giới Kính quang minh. Phật tử! Lần lượt như thế cho đến hằng trăm vạn thế giới không thể tính nổi, đến một kiếp của Thế giới cuối cùng chỉ bằng một ngày đêm ở quốc độ của đức Phật Hiền Thủ tại Thế giới Thắng liên hoa. Bồ-tát Phổ Hiền cùng các đại Bồ-tát an trụ đầy khắp trong thế giới đó.” Lại nữa, kinh A-di-đà-Phật nói: “Đức Phật bảo các Tỳ-kheo Tăng: “thái tử của vua A-xà-thế này cùng con trai của năm trăm Trưởng giả qua vô số kiếp sẽ thành Phật, giống như đức Phật A-di-đà.” Đức Phật bảo: “Thái tử của vua A-xà-thế này cùng con trai của năm trăm Trưởng giả, từ khi an trụ ở vị Bồ-tát đến nay, đã trải qua vô số kiếp, mỗi người đều đã cúng dường bốn trăm ức đức Phật xong xuôi, nay lại đến cúng dường ta. Thái tử của vua A-xà-thế cùng con trai của năm trăm Trưởng giả, vào thời tiền kiếp của đức Phật Ca-diếp, đã từng làm đệ tử của ta. Hôm nay lại đến tụ họp, thế là cùng nhau gặp gỡ vậy.”

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Lược thuật mười chuyện linh nghiệm: 1. Sa-môn Tăng Lượng đời Tống. 2. Cư sĩ Cát Tế Chi đời Tống. 3. Tỳ-kheo-ni Tuệ Mộc đời Tống. 4. Ngụy Thế Tử đời Tống. 5. Sa-môn Đàm Viễn đời Tống. 6. Sa-môn Pháp Duyệt đời Lương. 7. Linh tượng năm mươi vị Bồ-tát đời Tùy. 8. Sa-môn Tuệ Hải đời Tùy. 9. Sa-môn Đạo Ngang đời Đường. 10. Sa-môn Thiện Trụ đời Đường.

1.Đời Tống, Sa-môn Thích Tăng Lượng ở chùa Trường sa tại Giang lăng, giới hạnh kiên trinh, chí khí cứng cỏi, thường mơ ước vãng sinh và phát nguyện đúc pho tượng Phật Vô Lượng Thọ cao một trượng

6. Công trình ấy thật lớn lao, nên đã nhiều năm qua chưa thực hiện nổi. Sa-môn nghe đồn miếu sơn thần ở Cố khê tại Tương châu có nhiều đồ thờ tự bằng đồng, muốn đến đó hóa đạo quỷ thần và quyên góp về hoàn thành Phật sự. Liền yết kiến thứ sử Trương Thiệu, thổ lộ sự tình, xin cấp phát vài chiếc thuyền cùng một trăm dũng sĩ. Họ Trương bảo: "miếu ấy rất linh thiêng, kẻ nào xâm phạm ắt phải chết. Lại còn thổ dân giữ miếu. Chuyện này sợ khó thành công!" Sa-môn đáp: "Gặp phước, nguyện sẽ chia xẻ cùng ngài. Chết thì một mình bần Tăng gánh chịu!" Thứ sử liền ưng cấp người và thuyền đủ số.

Chưa quá một đêm, thần đã hay biết mọi chuyện. Gió cuộn mây mờ, chim kêu vượn hú. Một lát sau, đoàn thuyền của Sa-môn vừa ghé bến. Mặt Trời ló dạng sương mù tan dần. Cách miếu chưa đầy hai mươi bước, có cặp vạc đồng, mỗi chiếc đựng khoảng mấy trăm hộc. Một con rắn lớn, dài hơn mười trượng, từ trong vạc ấy bò ra, vươn mình chắn lấy lối đi. Cả trăm tùy tùng đều hốt hoảng, bỏ chạy tháo lui. Sa-môn sửa lại pháp phục bước lên, dộng Thiền trượng dõng dạc bảo: "Nhà ngươi kiếp trước đã tạo nên nghiệp ác, nên phải làm rắn. Nếu chẳng nghe lời Tam bảo, làm sao giải thoát được? Nay ta phát nguyện đúc tượng đức Phật Vô Lượng Thọ cao một trượng 6, nghe ở đây có nhiều đồng, nên mới lặn lội tìm đến. Hãy mở đường cho ta bước tới!" Rắn cất đầu nhìn Sa-môn rồi duỗi thân bò đi. Sa-môn thân đốc thúc mọi người kéo lấy đồng. Chỉ còn ống nhổ lớn trên đầu giường khoảng 4 thăng, có một con tắc kè dài hơn hai thước nhảy ra nhảy vào như có ý níu lại, đành để lại, không lấy đi mà thôi. Những đồ đồng thờ tự trọng đại trong miếu hoàn toàn để lại nguyên vẹn mười mươi, cốt lựa những vật nhỏ bé chứa đầy thuyền rồi chở về. Bọn thổ dân giữ miếu cũng chẳng dám chống cự. Sa-môn chở về châu đúc tượng, đến năm Nguyên gia thứ chín đời Tống thì hoàn thành. Tượng có nghi dung hùng vĩ tôn nghiêm, phát hào quang chiếu diệu sáng láng. Nhân duyên đúc chế ly kỳ đồn đến kinh thành. Tống Văn hoàng đế cho cung nghinh về. Vì chưa có vòng hào quang, nhà vua ban sắc chế tạo màn vàng cùng vòng hào quang và muốn tôn trí vào chùa An lạc. Quần thần đều tâu rằng tên của bảo tháp Bành thành vốn trùng với lãnh địa cũ của nhà vua, đồng thời bảo tháp đứng trấn sừng sững trước cửa kinh thành. Vì thế, nên cung nghinh tượng đến đó. Đầu niên hiệu Minh đế, nhà vua sửa sang phủ cũ thành chùa rồi rước tượng về. Bao đời qua, tượng vẫn ở tại Tương cung. (Chuyện trên rút từ Lương-cao-Tăng-truyện)

2. Đời Tống, Cát Tế Chi ở Câu dung, là con cháu của Cát Trĩ

Xuyên. Vợ họ Kỷ, người cùng quận. Dáng dấp thanh nhã, rất có đức hạnh. Tế Chi vốn theo tiên thuật, vợ cũng thế, nhưng lòng riêng sùng kính Phật pháp, thường giữ thành tâm không hề thay đổi. Năm Nguyên gia thứ mười ba, Kỷ thị đang dệt vải, bỗng thấy mây lành vén mở, mặt Trời lộ ra, bầu Trời sáng rực, liền bỏ ngang khung cửi, ném thoi vào giỏ, ngước nhìn lên bốn phía. Thấy từ phương Tây có chân thân đức Phật và tràng phan bảo cái huy hoàng che rợp bầu Trời. Lòng mừng rỡ, tự bảo: "Kinh nói đức Phật Vô Lượng Thọ, phải chăng là ngài đây?" Rồi dập đầu hành lễ. Tế Chi vốn rất yêu kính vợ, thấy thế, liền bước đến bên. Kỷ thị cầm tay chồng chỉ lên đức Phật. Tế Chi cũng thấy được bán thân của ngài và các thứ tràng phan. Giây lát liền biến mất. Rồimây và mặt Trời sáng rực màu ngũ sắc óng ánh. Tất cả họ hàng làng xóm cùng được chứng kiến, trong khoảng thời gian chừng vài bữa ăn mới dần dần lặn hết. Từ đó, chốn hương thôn đa số quy y Phật pháp.

3. Đời Tống, ni cô Tuệ Mộc vốn họ Phó, giữ giới tiểu thừa, xuất gia năm lên mười một tuổi ở chùa làng Trúc dặc thuộc Lương quận. Mới đầu, trì kinh Đại-phẩm-Bát-nhã, mỗi ngày tụng hai quyển. Bấy giờ, Sa-môn Tuệ Siêu dựng lên giảng đường, ni cô đến chiêm bái, bỗng thấy trong góc Đông bắc có một vị Sa-môn mình óng ánh sắc vàng, mặc pháp phục màu đen, chân đi không đụng đất. Nửa đêm, ni cô đang tụng kinh, lại mơ thấy đến cõi Tây phương, gặp một hồ tắm nở đầy hoa phù dung. Các người được hóa sinh ngồi chen chúc bên trong. Còn một đóa hoa lớn chưa có người ngồi. Ni cô muốn bước lên, có sức vin kéo. Không ngờ tiếng tụng kinh nổi lên cao quá. Mẹ của ni cô cho là con mình ngủ mơ, giật mình thức giấc, lên tiếng gọi con. Bà cụ già cả, miệng không còn răng. Ni cô thường nhai cơm đút cho mẹ. Nghĩ rằng đã lỡ ngậm thức ăn trong miệng, không thể súc sạch, nên đến tuổi trưởng thành, ni cô vẫn chưa dám thọ đại giới. Sau khi mẹ mất, ni cô tự dọn cỏ lập đàn mời Sa-môn đến truyền giới. Tại đó, bỗng dưng thấy Trời đất sáng láng một màu vàng ánh. Ngước nhìn về phía Tây nam, ni cô thấy một Thiên nhân mặc áo màu đỏ pha vàng, có đường viền, đi cách ni cô, khi gần khi xa, rồi biến mất. Chứng kiến các điềm linh dị ấy, ni cô thường giấu kín, không nói cho ai hay. Anh của ni cô cũng xuất gia, nghe đồn đãi, muốn biết hư thực, bèn giả vờ dụ dỗ ni cô rằng: "Cô học Đạo nhiều năm, rốt cuộc chẳng thấy hiểu gì. Vậy hãy để tóc lại mà lấy chồng!" Ni cô nghe anh nói, hết sực sợ hãi, cho là sự thật, phải đem kể sơ lược mọi chuyện linh ứng cho anh nghe! Chỉ có ni cô Tịnh Xưng nghe danh đạo hạnh, tìm đến làm quen và lựa lời dò hỏi. Ni cô bèn thuật lại mọi điều linh dị

cho nghe. Về sau, ni cô cùng đồng bạn đến đảnh lễ tượng đức Phật Vô Lượng Thọ rồi qùy mọp dưới đất, không đứng dậy. Đồng bạn cho là ni cô ngủ quên, lấy chân đá vào và lên tiếng gọi. Ni cô nín thinh không trả lời. Sau đó, ni cô Tịnh Xưng năn nỉ hỏi mãi, ni cô mới chịu trả lời rằng: "Khi đang nằm mọp, mơ đi đến nước An Lạc, gặp đức Phật giảng cho nghe kinh Tiểu-phẩm-Bát-nhã, được bốn quyển thì bị đá vào mình, phải thức dậy. Thật hết sức ân hận!" Vào niên hiệu Nguyên gia thứ mười bốn, ni cô Tuệ Mộc được sáu mươi chín tuổi.

4. Ngụy Thế Tử đời Tống là người Lương quận, tinh tiến giữ gìn Chánh pháp. Con gái ông thành kính tu hành. Chỉ có người vợ mê muội, không tin Phật pháp. Đầu niên hiệu Nguyên gia, con gái lên mười tuổi, bị bệnh chết. bảy ngày sau sống lại, bảo rằng: "Cần lập giảng tòa và tôn trí kinh Vô-lượng-thọ." Thế Tử lập tức bày biện đầy đủ. Trước tiên, cô gái trai giới lễ bái rồi ngồi vào giảng tòa, dù trước đây chưa từng xem qua kinh sách, và bắt đầu tụng kih, âm thanh trong trẻo lanh lợi. Xong xuôi, bước xuống thưa với cha mẹ rằng: "Con vừa chết, liền đến nước Vô Lượng Thọ, thấy cha, anh và con, tất cả ba người, sau này sẽ hóa sinh trên đóa hoa phù dung to lớn có sẵn trong hồ. Chỉ một mình mẹ là không. Không chịu được nỗi khổ tâm, nên phải trở về báo lại." Nói xong, liền tắt thở. Từ đó, người mẹ thành tâm quy y Tam bảo.

5. Hà Đàm Viễn đời Tống là người ở Lô giang. Phụ thân là Vạn Tho, làm ngự sử trung thừa. Họ Đàm tinh tiến thọ trì Chánh pháp, giữ giới Bồ-tát. Năm lên mười tám tuổi, nhằm niên hiệu Nguyên gia thứ chín, chịu tang cha. Đau khổ đến nỗi lâm bệnh nặng, cơ hồ sắp chết. Ngoài chuyện khóc thương, chỉ chuyên tâm tu hành Tịnh độ, ước mong sao được linh nghiệm. Họ Đàm thường mời chư Tăng đến mấy vị. Đại sư Tăng Hàm cũng ở trong số này. Họ Đàm thường sám hối tội lổi cùng đại sư, sợ rằng tuy có nhân duyên, nhưng cuối cùng chẳng được thấu tỏ. Đại sư hay khen ngợi, khuyên nhủ đừng chán nản. Qua năm sau, vào giữa canh tư đêm mười sáu tháng hai, vừa tụng kinh xong, chư Tăng đều ngủ yên, họ Đàm bỗng nhiên la lớn "Ca tụng! Ca tụng!" Đại sư giật mình hỏi nguyên do. Họ Đàm thưa: "Thấy đức Phật óng ánh sắc vàng. Hình tướng trang nghiêm như các pho tượng đang thờ phụng hiện nay. Hào quang chiếu diệu khắp thân hơn một trượng. Có tràng phan theo hầu đầy chật trên Trời. Đẹp đẽ rực rỡ không thể tả nổi." Bấy giờ, họ Đàm đang ở trong chái phía Tây, bỗng nhiên nói lên rằng: "Đức Phật từ phương Tây đến. Chuyển thân hướng về phương Tây. Phải đứng lên để đợi ngài. Ngài bảo nên đi thật mau!" Bình thường, họ Đàm ốm yếu, hơi

thở khò khè. Đêm ấy mạnh mẽ, tươi tấn hẳn lên, đứng dậy rửa tay. Đại sư Hàm cầm hương trong tay và hái hoa trong vườn để cúng dường đức Phật. Thân mẫu của họ Đàm bảo rằng: "Nay con ra đi, liệu không còn nhớ mẹ nữa chăng?" Họ Đàm lặng thinh không trả lời. Giây lát, bỗng ngồi xuống. Gia đình vốn rất kính tín, nghe được chuyện linh ứng này, đều rất vui mừng, không quá bi thương. Bước sang canh năm, họ Đàm liền mạng chung. Khắp nhà tỏa mùi hương thơm ngát đến mấy ngày mới hết. (Bốn chuyện trên đây rút từ sách Minh-tường-ký)

6. Đại sư Thích Pháp Duyệt ở chùa Chánh Giác tại kinh thành đời Lương là vị Sa-môn giữ gìn giới hạnh thanh tịnh. Trước đây, vào cuối đời Tề, ngài là sư trưởng chùa Chánh giác, chuyên tu phước nghiệp, được đồ chúng ngưỡng mộ. Ngài nghe đồn ở chùa Tống vương tại Bành thành có pho kim tượng cao một trượng tám, do xa kỵ tướng quân Vương Trọng Đức làm thứ sử Từ châu đúc nên vào đời Tống. Tượng ấy có vòng hào quang tuyệt đẹp, đứng đầu vùng Giang đông. Mỗi lần trong châu có tai họa hay Tăng ni bị vạ lây, tượng liền đổ mồ hôi báo điềm. Xem mồ hôi nhiều ít, có thể đoán họa hoạn lớn nhỏ. Đầu niên hiệu Thái thủy đời Tống, Bành thành chịu lệ thuộc vào bọn giặc ở phương Bắc. Chúng muốn cướp tượng kéo về, đã huy động lực lượng đông đến hàng vạn, nhưng không nhúc nhích nổi. Qua đầu đời Tề, mấy quận trong châu muốn nổi dậy theo phe phương Nam và ép buộc chư Tăng sung quân chống giữ thành trì. Bấy giờ, chỉ huy quân giặc là Lan lăng công vây thành thắng lợi, bắt được một số tu sĩ tham chiến. Do đó, trói nhốt tất cả kẻ tu hành khắp hai châu trong hoa viên, rồi dâng biểu tâu lên vua Ngụy, ghép vào tội giúp phe làm loạn. Tượng đổ mồ hôi đầm đìa, ướt cả đại điện. Bấy giờ, Lương vương Khiêm của Bắc Ngụy đang trấn giữ Bành thành, vốn có chút ít đức tin, thân hành đến trước tượng, sai người lấy khăn lau. Vừa lau xong, mồ hôi lại đổ ra, không thể nào khô được. Vương thắp nhang lễ bái, thành khẩn phát thệ rằng: "Chư Tăng vô tội, đệ tử xin đem tính mạng che chở khỏi vòng tai ương. Nếu linh thiêng chứng giám cho tâm lòng thành, xin tự lau xong, lập tực khô ráo." Rồi vương tự tay lau lấy. Kỳ lạ thay, tượng liền khô ngay! Vương bèn dâng biểu tâu rõ mọi chuyện. Chư Tăng đều được ân xá. Nghe danh Thánh tượng linh thiêng đến thế, đại sư phát nguyện hành hương chiêm bái. Vì đường sá bị cấm cản, không thể đi được. Hơn nữa, ngày xưa vua Tống Minh đế từng đúc pho kim tượng cao một trượng tám thước, đổ đồng đến lần thứ tư vẫn không xong, đành phải đổi nhỏ lại một trượng bốn thước. Đại sư bèn cùng Sa-môn Trí Tịnh ở chùa Bạch mã và các đồng

đạo hữu duyên muốn sửa lại thành pho tượng Phật Vô Lượng Thọ cao một trượng tám để thỏa mãn tâm nguyện, liền lo thu thập đồng vàng. Gặp cơn loạn lạc cuối đời Tề, đành phải bỏ dở. Qua đầu đời Lương, đại sư đem nguyện vọng tâu lên, nhà vua ban sắc chấp thuận và đúc giúp vòng hào quang. Mọi vật liệu cùng thợ giỏi cần đến, đều được chi viện. Pho tượng Phật Vô Lượng Thọ này được đúc tại chùa Trang nghiêm vào ngày mồng ba tháng năm Thiên giám thứ tám đời Lương. Bốn vạn cân đồng đã nấuhết, nhưng tượng chưa đổ đến bụng. Dân chúng cũng cúng dường nhiều vô số, đều được đưa vào lò, nhưng cũng không đầy khung như trướng, đành phải cấp tốc tâu lên. Nhà vua ban sắc cúng dường ba ngàn cân đồng. Trong kho vừa cân xong, chuẩn bị đưa đi, ở chổ đúc đã thấy ngự xa tuyên chiếu chở đồng đến. Lập tức kéo bễ nấu đồng, đem đổ vào khuôn thì đầy. Vừa xong, xe và ngựa đều biến mất. Khi xe trong kho đến nơi, mới biết xe trước vốn của thần linh. Thợ đúc vui mừng, nhảy nhót reo hò, đại chúng hân hoan ca tụng. Đo lại, tượng lớn một trượng chín thước, nhưng vòng hào quang vẫn vừa vặn, lại có thêm hai đồng tiền lớn dính vào vạt áo, không nấu chảy. Chẳng ai hiểu được tại sao. Trước đây, ước lượng bốn vạn cân chắc sẽ còn dư, sau đó thêm vào ba ngàn cân vẫn sợ còn thiếu. Thế nhưng điềmlinh ứng hiện, vượt ngoài dự liệu của mọi người. Mới biết thần cơ huyền diệu, khác hẳn ước lượng thế gian. Tượng đã đúc xong, Tỳ-kheo Đạo Chiêu hằng đêm lễ sám, bỗng thấy ánh sáng chiếu diệu ở khe hở. Nhìn kỹ, đúng là hào quang kỳ lạ phát ra. Ba hôm sau, trước lúc tháo khuôn, Thiền sư Đạo Độ, vốn là vị cao Tăng Thanh tịnh, phát nguyện xin cúng dường cà-sa bảy mảnh, hổ trợ vào phí tổn tháo phần khuôn trên đầu tượng. Một lát sau, từ xa, thấy hai vị Tăng qùy xuống tháo phần khuôn ở búi tóc. Khi bước vội đến nhìn thì đều biến mất. Bấy giờ, các đại sư Pháp Duyệt và Trí Tịnh lần lượt viên tịch. Nhà vua ban sắc giao cho Sa-môn Tăng Hựu ở chùa Định lâm tiếp tục lo liệu việc chỉnh trang linh tượng. Chọn ngày mười sáu tháng chín năm ấy cung nghinh tượng về chùa Quang trạch. Tháng ấy không mưa, lại có hơi bụi bặm, hôm saulà ngày dời tượng. Đến đêm, Trời hơi nổi mây và mưa Thu lất phất. Sa-môn Tăng Hựu đang đi tán bộ gần tượng, tâm trí mãi lo lắng về thời tiết, bỗng thấy bên tượng Phật hào quang sáng trưng như đèn đuốc và nghe tiếng thúc giục đi lễ sám. Sa-môn bước vào nhìn kỹ, thấy đèn đã được thắp lên đầy đủ. Người giữ chùa Tưởng Hiếu Tôn cũng tận mắt chứng kiến. Bấy giờ, các thương nhân vùng Hoài trung cũng đều nghe như có tiếng khoảng mấy trăm người thôi thúc sửa cầu tàu dưới các ghe thuyền lớn. Mới biết

rằng linh tượng rất nặng, chỉ sức người không đủ nâng lên thuyền lớn được. Sau đó, khi đúc thêm vòng hào quang và tòa sen, cũng có điềm gió đưa hương thơm thoang thoảng. Từ vùng Thông hà trở về Đông, đây là tuyệt tác đứng đầu trong các linh tượng. (Chuyện trên rút từ Lương-cao-Tăng-truyện)

7. Đời Tùy, tượng vẽ đức Phật A-di-đà và năm mươi vị Bồ-tát cùng ngồi trên tòa sen vốn là bản sao linh tượng từ nước Thiên Trúc bên Tây Vức. Tương truyền xưa kia, Bồ-tát Ngũ Thông ở chùa Kê-đầu-ma tại Thiên Trúc đi lên nước An Lạc, thỉnh cầu cùng đức Phật A-di-đà rằng: “Chúng sinh ở thế giới Ta-bà mong ước được sinh về Tịnh Độ, nhưng không có hình tượng của đức Phật, nên không biết trông cậy vào đâu. Kính xin đức Phật ban ơn xuống cho!” Đức Phật dạy: “Con hãy về tước, hình tượng sẽ ứng hiện liền ở bên ấy.” Khi Bồ-tát vừa về tới, tượng của ngài đã đến trước rồi. Đó là tượng đức Phật và năm mươi vị Bồ-tát cùng ngồi tòa sen ở vòm lá trên ngọn cây. Bồ-tát liền hái lá cây ấy vẽ lại và đem lưu hành khắp gần xa. Lúc vua Hán Minh đế mơ thấy hình của đức Phật, sai sứ đi tìm, rước được các ngài Ca-diếp và Ma-đằng về ở Lạc dương. Sau đó, con của chị ngài Ma-đằng xuất gia làm Sa-môn, mang pho tượng này sang Trung Quốc. Chẳng bao lâu lại mang về Tây Vức, nên tượng ấy không được lưu truyền nhiều. Từ đời Ngụy và Tấn đến nay, trải qua nhiều năm tháng, lại bị nạn tiêu diệt Phật pháp, nên kinh tượng bị phá hủy. Linh tượng này hầu như không thấy nữa. Khi vua Tùy Văn đế mở mang Chánh pháp, Sa-môn Minh Hiến gặp được bức tượng vẽ này tại chùa của một vị pháp sư ở Bắc Tề, được pháp sư giảng giải nguồn gốc và truyền lại mật chú, bèn sao lại để lưu hành khắp nước. Bấy giờ, nhà danh họa Tào Trọng Đức vốn người nước Tào, cư ngụ ở Bắc Tề, lãnh hội thấu đáo nghệ thuật vẽ tượng Phật, đã sao lại linh tượng ấy, từ kinh thành đến chổ thôn quê đều rất hâm mộ. Thế nên hiện nay, các tượng vẽ trên vách phía Nam chùa ấy đều là bút tích thật sự của nhà danh họa cả. (Chuyện trên rút từ Tây-Vức-truyện-ký)

8. Sa-môn Thích Tuệ Hải ở chùa An Lạc tại Giang đô, vốn họ Trương, người đất Vũ thành thuộc Thanh hà. Thông hiểu kinh luận nhưng lại chuyên tu Tịnh độ, mong được ứng nghiệm. Bỗng đâu Sa-môn Đạo Thuyên ở Tề châu mang đến pho tượng đức Phật Vô Lượng Thọ và bảo rằng: “Đây chính là bức tượng do Bồ-tát Ngũ Thông ở chùa Ke-đầu-ma bên Thiên Trúc bay lên thế giới An lạc vẽ lại chân tướng của đức Phật A-di-đà.” Thấy hợp với tâm nguyện, Sa-môn chân thành lễ bái. Tượng liền phóng hào quang chiếu diệu, thật là hy hữu. Do đó,

Sa-môn cố công sao lại để tâm niệm suốt đời, cầu mong được vãng sinh về cõi Tịnh độ. Tháng năm năm Tùy Đại nghiệp thứ năm, Sa-môn lâm bệnh nhẹ. Đến đêm bỗng nhiên tỉnh dậy, hướng về phía Tây ngồi kết-già như thường lệ, vừa sáng thì viên tịch. Thần sắc thanh thản tự tại như người còn sống. Sa-môn thọ được sáu mươi chín tuổi.

9. Đời Đường, Sa-môn Thích Đạo Ngang ở chùa trên núi Hàn Lăng tại Tương châu, vốn người Ngụy quận, chưa biết rõ họ tên. Đạo hạnh nêu cao, cốt cách thanh thoát. Giữ gìn tiết tháo. Siêu việt thế gian. Tuệ căn sớm phát, chẳng đợi khai thông . Nuôi chí Tịnh độ, nguyện về Tây phương. Khi biết thọ mạng sắp hết. Sa-môn chuẩn bị dặn dò đệ tử. Đến đầu tháng tám, là lúc ra đi. Thời cơ đã tới, Sa-môn không chút lo âu, hỏi đệ tử: "Sắp sửa thọ trai chưa?" Vừa đúng giờ ngọ, liền bước lên giảng tòa. Thân phát tướng lạ, lò tỏa hương lành. Sa-môn hướng dẫn đệ tử thọ Bồ-tát giới. Lời lẽ tha thiết, khiến các đệ tử chạnh lòng. Bấy giờ, đại chúng đứng chung quanh, nghe lời căn dặn. Sa-môn ngước mắt nhìn lên, thấy nhiều Thiên chúng, đàn sáo dặt dìu. Có tiếng trong trẻo đượm vẻ não nùng. Thiên chúng cất tiếng với đệ tử: "Thiên nhạc trên Trời Đâu-suất giáng hạ cung nghinh." Sa-môn bảo rằng: "Chuyện sống chết xưa nay không theo ước muốn. Luôn luôn thành tâm cầu xin vãng sinh, cuối cùng sẽ được toại nguyện." Sa-môn vừa dứt lời, liền thấy Thiên nhạc bắt đầu bay lên, giây lát biến mất. Rồi lại thấy rất nhiều hương hoa, ca nhạc của thế giới Tây phương bay xuống, như đám mây vần vũ trên đầu. Sa-môn bảo tiếp: "Đại chúng hãy an lòng. Hôm nay, các điềm linh ứng bên Tây phương đến đón, ta phải ra đi." Vừa dứt lời, lò hương đã rời khỏi bàn tay. Bấy giờ, Sa-môn viên tịch tại giảng tòa ở chùa Báo ứng, thọ được sáu mươi chín tuổi, nhằm tháng tám năm Trinh Quan thứ bảy. Đại chúng đông đảo như núi tận mắt chứng kiến đều xúc động khóc òa. Khi mang di thân tẫn liệm, thấy dưới bàn chân hiện lên mấy chữ "Phổ quang đường". Sau đó, lại rước di thân về núi Hàn lăng, xẻ động tôn trí. Qua nhiều năm tháng vẫn y nhiên như lúc còn sống, không hề hư hao. Có một đêm đúng vào kỳ giảng, quang cảnh tối tăm, không có đèn đuốc. Sa-môn giơ tay lên cao, phát ra một đạo hào quang chiếu sáng rực khắp đại điện. Đệ tử lấy làm lạ, không biết hào quang ấy phát ra từ đâu. Sa-môn cất tiếng bảo: "Đừng lấy làm lạ! Trong tay ta luôn luôn có ánh hào quang này." Thử hỏi, nếu Đạo chẳng hợp với linh kinh, hạnh chẳng gần với Thánh chúng, sao có thể thị hiện uy linh cai siêu đến thế?

10. Sa-môn Thích Thiện Trụ ở chùa Tịnh Ảnh tại Trường an là

người Doanh châu. Tinh thông kinh luận, nhất là kinh Niết-bàn. Đàm luận cơ duyên đốn ngộ, đứng đầu khắp nước. Năm lên 71 tuổi, mới bệnh đã lâm chung. Ngài bảo đệ tử: "Suốt cả đời ta, luôn giữ chánh tín. Giáo pháp của đức Phật, chẳng dám xao lãng. Lo gì không được vãng sinh." Rồi sai dọn dẹp phòng ốc, thắp nhang kính đợi. Bệnh kéo nhiều ngày, nằm không dậy nổi. Bỗng nhiên Sa-môn ngồi lên, chắp tay bảo đệ tử: "Đức Phật cho phép ngồi dậy." Lại bảo: "Đức Phật đến rồi! Trụ con nay xin ăn năn sám hối." Cứ thế rất lâu, Sa-môn lại bảo: "Đức Phật về rồi." Và cung kính cúi đầu như đưa tiễn. Xong xuôi, Sa-môn nằm xuống bảo: "Vừa rồi, đức Phật A-di-đà đã giáng lâm, các con thấy chăng? Lát nữa, ta sẽ ra đi." Ngài nói xong một lúc thì viên tịch. (3 chuyện trên đây rút từ Đường-cao-Tăng-truyện)

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM QUYỂN 15 - Hết.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 16

Thiên thứ 6: KÍNH PHẬT

***Thứ năm-* PHẦN DI LẶC**

Gồm có 5 phần: Thuật ý, Thọ giới, Tán thán, Nghiệp nhân, Phát nguyện.

Thứ nhất: THUẬT Ý

Kính nghĩ: bậc Đại giác đại hùng, tùy cơ duyên lợi vật, khéo thi thố quyền nghi giáo hóa để cứu vớt nguy cấp tương lai. Gặp thời mạt pháp, mạng giống đuốc tàn. Muốn theo đuổi chí hướng lợi sinh, chẳng gì hơn gặp được đức Phật. Ngài có căn dặn cùng ta, mọi giáo lý tu hành đều đã giao phó cho đức Di-lặc. Ngài rất ân cần, Đạo rất chân thật. Một niệm vừa gặp, giải thoát lậu căn. Phát đại nguyện ở rừng hoa; hiện chân thân trên Đâu-suất. Nắm trọn huyền cơ, rồng mây hội ngộ. Do đó kinh Thượng-sinh nói rằng: “Các chúng sinh ấy đều gieo mọi nhân lành trong giáo pháp đức Phật Thích-ca-mâu-ni đã truyền lại cho ta.” Xem kỹ lời này, thật đáng cầu nguyện. Vào cuối đời Tấn, kinh ấy mới được lưu hành. Qua đến đời Tống, bắt đầu lập hội. Dựng tượng Phật cao hằng nghìn thước; lập cây Đạo lớn đến muôn tầm. Bày lễ cúng dường; tụ tập tín hữu. Nhờ thế, đại chúng hân hoan, thành tâm hóa độ. Gặp lúc lễ tiết, mở đủ Ba hội. Từ khi nhà Tề nối vận, pháp duyên lại càng hanh thông. Văn học mở mang, đạo đức chấn chỉnh. Pháp hội này sẵn dịp phát triển. Tuy nhiên sau đó, ngày mỗi thưa dần. Có người muốn theo tu học, còn biết nương tựa vào đâu!

Nay nghiền ngẫm các kinh, dựa theo đó tu tập. Mong sao hiểu thấu Bát chánh đạo, hương giải thóat sẽ thơm ngát tận Thiên cung; thực hành suốt Thập thiện, ánh hào quang sẽ chiếu diệu lên Đâu-suất. Công đức nhuần thấm khắp muôn loài; ơn huệ đầy Sơ hội vậy.

Thứ hai: THỌ GIỚI

Thuật rằng: nếu là cư sĩ tế gian chưa thọ giới, trước tiên, thọ phép Tam quy bỏ tà. Mỗi ngày đêm chia ra sáu giờ, tùy giờ thuận tiện để thọ phép này. Đã chính thức quy y Tam bảo, thề nguyện không đổi thay, chắc chắn sẽ được sinh lên thượng giới. Nếu thuộc thành phần ngũ chúng đang xuất gia, đã từng thọ giới, cứ theo đó tu hành, không cần thọ gì nữa. Nếu không thọ trì giới hạnh, chỉ nghĩ đến cái thiện suông không, cũng không được vãng sinh. Thế nên, luận Trí-độ nói: "Suốt cả đời con, nguyện xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng (lập lại ba lần)." Lại nữa, kinh Xử-thai nói: "Đức Phật nói kệ cho ngài Di-lặc rằng:

Người Ba hội của ông,
Từng được ta giáo hóa,
Gồm chín mươi sáu ức,
Thọ ngũ giới của ta.
Kế là thọ tam quy,
Gồm chín mươi hai ức.
Nếu niệm Nam-mô Phật,
Đều thành tựu Phật đạo."

Thuật rằng: bàn luận rộng rãi công lực phép tam quy, ba quyển luận Kính-phúc có nói cụ thể. Đã thọ xong phép tam quy, kế tiếp cần thọ giới thập thiện. Nếu không được thực hành thập thiện, chắc chắn sẽ không được sinh lên thượng giới. Nếu sắm sửa đầy đủ pháp phục uy nghi, đến trước vị Sa-môn, tinh tiến thành tâm sám hối. Sau đó, xin thọ giới và nói rằng: "Suốt cả đời con, đối với tất cả chúng sinh trên dưới, không kể Thánh phàm, đều không sinh lòng sát hại. Lần lượt cho đến điều thứ mười. Suốt cả đời con, đối với tất cả chúng sinh trên dưới, không kể thánh phàm, đều không sinh lòng tà kiến (lập lại ba lần). Suốt cả đời con, đối với tất cả chúng sinh trên dưới, không kể Thánh phàm, đều trọn vẹn không sinh lòng sát hại. Lần lượt cho đến điều thứ mười. Suốt cả đời con, đối với tất cả chúng sinh trên dưới, không kể Thánh phàm, đều trọn vẹn không sinh lòng tà kiến (lập lại ba lần). Phép thập thiện này ngăn cấm ba tội sát hại, trộm cắp, tà dâm thuộc thân nghiệp; bốn tội nói dối, thêu dệt, hai lưỡi, thô lổ thuộc khẩu nghiệp và ba tội tham lam, giận hờn, tà kiến thuộc ý nghiệp. Mười điều này là căn bản của mọi việc thiện. Không làm là đúng, làm là vi phạm. Vi phạm là căn bản của mười điều ác và cũng là ngọn ngành của muôn vàn tai họa.

Thứ ba: TÁN THÁN

Như kinh Bồ-tát-bản-hạnh nói rằng: "Ngay như hóa độ vô số ức chúng sinh thành Bích-chi Phật, cũng như có người hằng ngày cúng dường đức Phật và chư Tăng y phục, thức ăn, thuốc men, phòng ốc suốt hằng trăm năm, công đức sẽ rất nhiều, nhưng tất cả đều không bằng người đem lòng hoan hỷ tán thán đức Phật một bài kệ bốn câu. Công đức người này sẽ nhiều vô lượng." Lại nữa, như kinh Thiện-giới nói: "Đem tất cả châu báu của bốn đại châu cúng dường đức Phật và đem thành tâm tán thán đức Phật. Hai công đức này sẽ như nhau, không chút khác biệt." Lại nữa, kinh Đại-bi nói: "Chỉ cần niệm danh hiệu Nam-mô Phật, nhờ vào thiện căn này, sẽ được nhập Niết-bàn không cùng tận. Hơn nữa, nếu biết thành khẩn tâm niệm công đức của chư Phật, thậm chí, rải một bông hoa cúng dường giữa hư không, vào kiếp sau, sẽ được làm các Phạm vương, hưởng phước báo vô tận. Nhờ phước báo vô tận ấy, cuối cùng sẽ được nhập Niết-bàn." Lại nữa, kinh Niết-bàn nói rằng: "Ca-diếp dùng kệ tán thán đức Phật rằng:

Đại bi thương chúng sinh
Mới khiến ta quy y.
Nhổ sạch các tên độc,
Nên gọi là Y vương.
Thế gia y trị liệu,
Tuy lành sẽ tái phát.
Đức Phật trị liệu xong,
Không bao giờ tái phát.
Thuốc cam lộ của ngài,
Ban bố cho chúng sinh.
Sau khi đã uống xong,
Sẽ không còn sinh tử.
Nay ngài vì giúp ta,
Nói kinh Đại-Niết-bàn.
Chúng sinh nghe diệu pháp,
Liền thoát vòng sinh tử."

Lại nữa, kinh Đại-phương-đẳng-Đà-la-ni nói: "Bấy giờ, Bồ-tát Hoa Tụ liền tán thán đức Phật rằng:

Thế tôn thân tướng như núi vàng,
Tựa ánh mặt Trời chiếu thế gian,
Phá tan tất cả mọi phiền não.
Nay tôi cúi đầu lạy Pháp vương.

Pháp vương chúa tể đã hiếm có,
Diệu pháp của ngài còn hơn nữa,
Hiếm thấy, hiếm nghe và hiếm gặp.
Nếu ai thấy được, thành Chánh giác."

Bấy giờ, A-tu-luân dâng kệ tán thán đức Phật rằng:

Thế tôn diện mạo như nhật nguyệt,
Thường diệt tất cả mọi hắc ám.
Nay lại cứu độ giúp chúng tôi.
Chúng tôi kính lễ vua chư Thiên."

Trong kinh Văn-thù-sư-lợi-vấn, Bồ-tát Văn-thù nói kệ ca tụng đức Phật rằng:

"Tôi đảnh lễ chư Phật,
Điều ngự rất tuyệt luân.
Pháp thân một trượng 6,
Và đảnh lễ tháp Phật,
Nơi sinh và thành Đạo,
Thuyết pháp và nhập diệt,
Nơi nằm ngồi đi đứng.
Tất cả đều đảnh lễ.
Chư Phật thật siêu việt,
Diệu pháp cũng như thế.
Thành tâm và tin tưởng,
Thật không thể nghĩ bàn.
Thường đem lời kệ này,
Tán thán các Như lai.
Nghìn vạn ức kiếp sau,
Không đọa vào Đường ác.

Đức Phật bảo: "Văn-thù! Lành thay, lành thay! Như lai thật không thể nghĩ bàn." Rồi ngài nói kệ rằng:

"Phật sinh dòng Cam giá,
Nhập diệt không sinh lại.
Nếu người quy y Phật,
Không sợ địa ngục khổ."

Lại nữa, kinh Hoa-nghiêm có kệ tán rằng:

"Thà chịu mọi đau khổ,
Để được nghe lời Phật,
Hơn hưởng mọi lạc thú,
Nhưng chẳng nghe tên Phật.

Sở dĩ muôn vạn kiếp,
Chịu mọi phiền não này,
Xoay vần trong sinh tử,
Vì chẳng nghe tên Phật.”

Lại nữa, kinh Di-lặc-Bồ-tát-sở-vấn-bản-nguyện nói: “Đức Phật bảo A-nan: “Bồ-tát Di-lặc không những chỉ dùng kệ tán thán ta, thậm chí vào 10 vô lượng kiếp xa xưa, có đức Phật xuất thế, hiệu là Diễm Quang Hưởng Tác Vương Như Lai, có Trưởng giả Bà-la-môn tên là Hiền Hạnh, ở chổ đức Phật ấy, đã chứng được phép Bất khởi pháp nhẫn. Trưởng giả đương thời chính chính là Bồ-tát Di-lặc hiện nay vậy.” A-nan bạch đức Phật rằng: “Bồ-tát Di-lặc chứng phép Bất khởi pháp nhẫ đã quá lâu như thế, tại sao đến nay chẳng nhanh chóng chứng quả Chánh giác?” Đức Phật bảo A-nan: “Bồ-tát Di-lặc vì bốn pháp vụ, nên không chứng Phật quả. Ấy là bốn pháp vụ nào? Một là làm thanh tịnh quốc độ. Hai là hộ trì quốc độ. Ba là làm thanh tịnh tất cả. Bốn là hộ trì tất cả. Khi Bồ-tát Di-lặc phát đại nguyện thành Phật, cũng có bốn pháp vụ này, nên không chứng Phật quả.” Đức Phật bảo tiếp A-nan: “Khi ta phát đại nguyện thành Phật, cũng có bốn pháp vụ này. Bồ-tát Di-lặc phát đại nguyện trước ta bốn mươi hai đại kiếp, ta phát đại nguyện sau Bồ-tát ấy, nhưng vào Hiền kiếp này, đã dùng đại tinh tiến vượt qua chín kiếp, chứng được quả Vô thượng.” Đức Phật bảo tiếp A-nan: “Ta nhờ mười điều để đạt Chánh quả. Ấy là mười điều nào? 1/ Có tất cả nhưng không luyến tiếc gì cả. 2/ Không luyến tiếc thê thiếp. 3/ Không luyến tiếc con cái. 4/. Không luyến tiếc quan lại. 5/ Không luyến tiếc thuộc hạ. 6/ Không luyến tiếc lãnh thổ. 7/ Không luyến tiếc châu báu tiền tài. 8/ Không luyến tiếc tủy não. 9/ Không luyến tiếc máu huyết. 10/ Không luyến tiếc thân mạng. Ta nhờ không luyến tiếc mười điều ấy mới mau thành Phật đạo.”*

Lại nữa, kinh Đại-bi nói: “Đức Phật bảo A-nan: “Ông xem khi Như lai đi trên đường, thường khiến chổ đất cao hóa thành thấp, chổ thấp hóa thành cao. Các chổ cao thấp đều trở nên bằng phẳng. Sau khi Như lai đi qua, mặt đất trở lại như cũ. Tất cả cây cối đều nghiêng mình về phía Như lai. Thần cây hiện hình cúi đầu đảnh lễ. Sau khi Như lai đi qua, cây cối trở lại như cũ. Tất cả gò đống hang hầm, hố xí dơ uế, bụi rậm đá sỏi đều được dọn dẹp bằng phẳng sạch sẽ, tỏa hương thơm tho, trăm hoa nở đầy. Chân Như lai dẫm lên mà bước qua. Chúng sinh vô tình còn biết nghiêng mình, huống hồ chúng sinh hữu tình lại không biết tôn kính hơn nữa? Tại sao thế? Vì khi tu hạnh Bồ-tát, đối với mọi chúng

sinh, ta đều nghiêng mình khiêm nhường kính lễ. Nhờ duyên lành này, khi đã thành Phật, mỗi lần ta đi, mọi chúng sinh hữu tình vô tình đều nghiêng mình đảnh lễ. Ta đã từng tự tay đem các của cải trong bóng đẹp đẽ đáng yêu bố thí cho mọi chúng sinh. Nhờ duyên lành này, mỗi lần ta đi, mặt đất trở thành bằng phẳng, được quét dọn sạch sẽ, không còn sỏi đá. Đối với vô lượng bậc Thánh hiền mỗi khi đi, ta từng quét dọn đường sá, tô sửa phòng ốc, đem lòng bình đẳng, không nghĩ sang hèn, dọn dẹp tươm tất. Tâm ta luôn luôn cầu Đạo Bồ-đề, làm lợi chúng sinh. Nhờ duyên lành này, nếu ta đi đến bất cứ chổ nào, đường sá sẽ tự nhiên sạch sẽ, mặt đất phẳng bằng như lòng bàn tay. Thậm chí núi chúa Tu-di cao đến tám vạn bốn nghìn do-tuần, đáy đại hải cũng sâu như thế, cùng núi Thiết vi cao đến mười sáu vạn tám nghìn do-tuần, toàn bằng kim cương cứng rắn, khi Như lai nhập Niết-bàn, tất cả đều nghiêng mình cúi đầu đảnh lễ. Dẫu muốn trốn chạy thật xa, khỏi phải nghiêng mình đảnh lễ, cũng không thể được!"

Nhờ duyên lành tán thán đức Phật, đến nỗi Xá-lợi-phất nghe được bài kệ tán thán đức Phật từ người khác, cũng chứng được Đạo quả. Thế nên, trong kinh Phổ-diệu, Tỳ-kheo An-lục dùng bài kệ đáp lại Xá-lợi-phất rằng:

"Thầy ta, Trời của Trời.
Tôn quý nhất Tam giới.
Thân tướng một trượng 6,
Thân thông như vũ trụ.
Hoa xông trừ ngũ uẩn,
Nhổ mười hai nhân duyên.
Không ham phước vị Trời,
Thanh tịnh mở pháp môn.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất vui mừng hớn hở, như tối gặp đèn, thốt lên rằng: "Lành thay! Xưa nay ta vẫn ôm mối hoài nghi. Ta lại hiếu học, lên tám tuổi đã theo thầy, đến năm mười sáu tuổi, tất cả đều thấu đáo. Đi khắp 16 nước lớn trong thiên hạ, tự cho mình đã thông thái. Nay mới được nghe điều mới lạ, chân chính vô cùng. Thật thỏa mãn tâm nguyện! Do thời tiền kiếp, tâm Như lai trong sạch không bợn, không làm hại chúng sinh, nên hôm nay đi qua mọi chổ, chân không dính bụi, kiến trùng không cắn." Do đó, kinh Xứ-nữ nói: "Đức Phật không mang dép, vì ba nguyên do: 1/ Làm cho hành giả bớt dục vọng. 2/ Để vân bàn chân hiện ra. 3/ Để mọi người trông thấy, sinh lòng hoan hỷ. Khi đức Phật bước đi, bàn chân cách mặt đất bốn tấc, vì ba nguyên do: 1. Vì mặt

đất có nhiều côn trùng kiến mối. 2/ Vì mặt đất có cỏ non. 3/ Để thị hiện thần thông và cũng để ý nghiệp của chúng sinh dừng lại. Khi đức Phật bước đi, mặt đất dù thấp cao, đều trở nên bằng phẳng vì ba nguyên do: 1.Ngài muốn thực hành bốn tâm bình đẳng cho tất cả chúng sinh đều an ổn. Đất ở trên nước, trong nước có thủy thần. Tất cả các loài côn trùng gặp bàn chân của ngài, đều được an ổn. Thế nên, chổ thấp hóa cao, chổ cao hóa thấp. 2. Quỷ thần và chư Thiên ra tay dọn dẹp giúp ngài, nen các chổ cao thấp đều bằng phẳng. 3/ Khi ngài còn làm Bồ-tát, đã sửa chửa đường sá cầu cống giúp cho chúng sinh, tạo nên công đức. Vì vậy mặt đất đều bằng phẳng. Ý muốn tâm chúng sinh cũng được như thế."

Lại nữa, luận Trí-độ nói: "Thân tướng đức Thế tôn đẹp đẽ, có lớp da mỏng, bụi bặm không bám, giống như cánh hoa sen không dính bụi và nước. Nếu ngài đi giữa chổ núi non, đất không dính chân. Dù gió núi nổi lên, thổi tung núi đất tan thành bụi bặm, một hạt nhỏ cũng chẳng bám lên mình ngài. Khi ngài đưa thức ăn vào miệng, bấy giờ hai bên cổ ngài tiết ra dịch cam lồ hòa hợp các hương vị trở nên thanh tịnh, nên gọi là trong hương vị có hương vị thượng hạng." Lại nữa, kinh Tăng-nhất-a-hàm nói: "Kẻ nào không cung kính chư Phật sẽ bị sinh làm loài Rồng rắn. Do từ quá khứ xa xưa bị đọa vào loài ấy, nay còn dư nghiệp bất kính, nên sinh ra ngủ nhiều và đờ đẫn." Lại nữa, luật Tứ-phần có kệ rằng: "

"Biết cung kính trưởng lão,
Kẻ ấy biết hộ pháp.
Đời này có danh dự,
Đời sau sinh Đường thiện."

Bài văn 4 đoạn tán thán đức Phật Di-lặc, do pháp sư Huyền Trang phiên dịch từ trong kinh:

1. Thành tâm kính lạy đức Phật Di-lặc tương lai.

Chư Phật đều chứng quả tự tại.
Chúng sinh chưa ngộ lý Chân như.
Vì dạy chư Thiên, hiện Đâu-suất.
Như ảo thuật gia tạo đủ hình,
Vốn không người ngựa, nhìn thành có.
Người ngộ biết giả, không có thật.
Phật thân thanh tịnh cũng như thế,
Kẻ ngu không hiểu, bảo giống phàm.
Biết rõ như như là thấy Phật.
Từ đây mãi mãi được hân hoan.

Thế nên, con lạy Phật Di-lặc,
Xin nguyện Từ tôn cứu chúng sinh.

Xin nguyện cùng tất cả chúng sinh đều sinh lên Trời Đâu-suất, được gặp đức Phật Di-lặc.

2. Thành tâm kính lạy đức Phật Di-lặc tương lai.

Phật có thần lực không hiểu tới,
Bỏ nhiều quốc độ vào hạt bụi.
Huống nay hiện xuống điện Đâu-suất.
Ngồi kết-già trên tòa Sư tử.
Thân như trầm vàng sáng vô lượng.
Tướng tốt cao quý chiếu hào quang.
Vô số Bồ-tát có thần thông,
Giúp Phật hóa độ cứu muôn loài.
Chúng sinh chỉ cần thành khẩn lễ,
Tội lỗi bao đời sẽ tiêu tan.
Thế nên, con lạy Phật Di-lặc,
Xin nguyện Từ tôn cứu chúng sinh.

Xin nguyện cùng tất cả chúng sinh đều sinh lên Trời Đâu-suất, được gặp đức Phật Di-lặc.

3. Thành tâm kính lạy đức Phật Di-lặc tương lai.

Trên mũ báu có nhiều hóa Phật,
Số lượng vượt quá mấy trăm nghìn.
Đây đó, mười phương Bồ-tát đến,
Vận dụng thần thông ngồi khắp cửa.
Mày bạc, tám vạn hào quang chiếu.
Đức Phật thường thuyết pháp bất tuyệt.
Chúng sinh chỉ cần tu thiện nghiệp
Vừa duỗi co tay, thấy Phật liền.
Hà sa chư Phật đều xuất hiện,
Huống gì đức Phật Thích-ca-văn!
Thế nên , con lạy Phật Di-lặc,
Xin nguyện Từ tôn cứu chúng sinh.

Xin nguyện cùng tất cả chúng sinh đều sinh lên Trời Đâu-suất, được gặp đức Phật Di-lặc.

4. Thành tâm kính lạy đức Phật Di-lặc tương lai.

Chư Phật thường ngự cõi thanh tịnh,
Hưởng thụ phước báo thật vô cùng.
Phàm phu mắt thịt không thể biết.

Phổ hiện kim thân cao nghìn thước,
Chúng sinh chiêm ngưỡng hoài chưa thỏa.
Vì mang nghiệp báo, đọa Ta-bà.
Nếu biết nghe kinh, siêng đọc tụng.
Ắt sẽ tiêu diêu lên Đâu-suất.
Từ nay Ba đường sẽ đoạn tuyệt,
Mai sau cùng chứng một Pháp thân.
Thế nên, con lạy Phật Di-lặc,
Xin nguyện Từ tôn cứu chúng sinh.

Xin nguyện cùng tất cả chúng sinh đều sinh lên Trời Đâu-suất, được gặp đức Phật Di-lặc.

Thứ tư: NGHIỆP NHÂN

Như kinh Vị-tằng-hữu nói: "Thập thiện của kẻ thấp kém, chỉ giữ được trong khoảng một niệm. Thập thiện của kẻ trung bình, chỉ giữ được trong một chốc lát. Thập thiện của bậc thượng căn, giữ được một buổi. Trong khoảng thời gian ấy, tâm niệm thập thiện, chặn đứng thập ác. Nhờ thế, cũng được vãng sinh. Bởi vậy, con chó rừng tâm niệm thập thiện, suốt bảy ngày không ăn thịt sống, được sinh lên Trời Đâu-suất." Lại nữa, kinh Thượng-sanh nói: "Sau khi ta nhập diệt, tứ chúng bát bộ muốn sinh lên cõi Trời thứ tư, phải tâm niệm cõi Trời ấy từ một đến bảy ngày, giữ gìn giới cấm nhà Phật, tâm niệm thập thiện, thực hành thập thiện. Đem công đức ấy hồi hướng, cầu nguyện được sinh lên trước đức Phật Di-lặc. Vừa tâm niệm như thế xong, liền được vãng sinh." Kinh ấy nói: "Nếu có chúng sinh kính lễ đức Phật Di-lặc, sẽ được trừ bỏ tội nghiệp sống chết hằng trăm ức kiếp. Thậm chí mai sau, cũng sẽ được gặp đức Phật ấy dưới cây long hoa." Kinh ấy còn nói thêm: "Sau khi ta nhập diệt, tứ chúng bát bộ nghe danh hiệu Bồ-tát ấy và lễ bái, đến khi mệnh chung, sẽ được sinh vào trong cõi Trời Đâu-suất. Nếu kẻ nam nữ nào phạm các giới cấm, tạo mọi nghiệp ác, khi nghe danh hiệu Bồ-tát đại bi ấy, dập mình xuống đất, thành tâm sám hối, tất cả ác nghiệp sẽ mau chóng tiêu tan. Nếu người nào quy y Bồ-tát Bi-lặc, phải biết rằng người ấy sẽ chứng được quả bất thối chuyển. Khi đức Di-lặc thành Phật, người ấy sẽ thấy được hào quang của đức Phật và sẽ được thọ ký ngay." Lại nữa, kinh Tăng-nhất nói: "Chúng sinh do 3 nghiệp tạo ác, lúc lâm chung nhớ đến công đức của chư Phật, liền xa lìa Đường ác, sinh lên cõi Trời. Ngay kẻ độc ác nhất, nhờ niệm Phật, cũng được sinh lên cõi Trời."

Lại nữa, kinh Đại-tập nói: "Nếu người tu hành Từ bi phải hy sinh

thân mạng. Bấy giờ sẽ được chư Phật mười phương đưa tay xoa lên đỉnh đầu. Nhờ đó, tâm sẽ an lạc và được sinh lên cõi Phật thanh tịnh."

Lại nữa, kinh Phổ-Hiền-quán nói: "Nếu có người suốt đêm ngày sáu giờ, lễ chư Phật mười phương, tụng kinh điển đại thừa, suy niệm pháp không Đệ nhất nghĩa rất sâu xa. Trong khoảnh khắc búng tay, sẽ trừ bỏ được tội lổi sống chết hằng trăm vạn ức vô lượng hà sa kiếp. Người thực hành như thế đúng là phật tử, sẽ được sinh vào cõi Phật. Chư Phật mười phương và các Bồ-tát là đạo sư của họ. Họ được gọi là đầy đủ giới hạnh Bồ-tát. Không cần đến phép Yết-ma, vẫn tự nhiên thành tựu. Xứng đáng được tất cả Trời người cúng dường." Lại nữa, kinh Pháp-hoa nói: "Nếu có người thọ trì đọc tụng, suy niệm, hiểu thấu nghiã lý, khi mệnh chung, được hằng nghìn đức Phật cầm tay để đừng sợ hãi, khỏi rơi vào Đường ác và lập tức vãng sinh lên cõi Trời Đâu-suất của Bồ-tát Di-lặc. Bồ-tát ấy có đủ ba mươi hai tướng tốt, các vị đại Bồ-tát quay quần chung quanh cùng hằng nghìn vạn ức Thiên nữ thân thuộc. Người ấy sẽ sinh vào trong cảnh giới ấy và hưởng những phước báo ấy. Thế nên, người trí thức cần chuyên tâm chép lấy hay nhờ người sao dùm, thọ trì đọc tụng, suy niệm rồi theo đó tu hành." Lại nữa, luận Trí-độ nói: "Nếu có người nam tốt, thường thực hành phép Bát-nhã-ba-la-mật cao siêu này, nên biết rằng người ấy từ Đường người sinh ra hay từ Trời Đâu-suất sinh xuống. Tại sao thế? Trong ba Đường ác, do nhiễm tội lổi, nên không thể thực hành. Chư Thiên trong dục giới, nhiễm ngũ dục tuyệt diệu, tâm say sưa mê mờ, nên không thể thực hành. Chư Thiên trong sắc giới, đắm chìm trong Thiền vị, nên không thể thực hành. Trên Trời Đâu-suất có một Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ ở giữa Chư Thiên, thường giảng phép Bát-nhã-ba-la-mật. Trên đó, ngũ dục tuy nhiều nhưng pháp lực còn hơn hẳn. Thế nên mới nói có hai chổ hơn hẳn. Nếu từ quốc độ của đức Phật khác đến sinh vào đây, lại càng hơn hẳn." Lại nữa, kinh Xú-xứ nói: "Đức Phật bảo: "Ngài Di-lặc không xuống cõi dưới vì bốn nguyên nhân: 1/ Đôi khi phước đức hiện ra ở đấy. 2/ Người ở đấy thô thiển, không thể thọ trì kinh điển. 3/ Công đức chưa đủ. 4/ Thế gian có người biết giảng kinh nên ngài Di-lặc không xuống. Trong tương lai, nếu xuống chăng sẽ còn hơn năm mươi ức bảy nghìn sáu trăm mười vạn năm nữa. Vào thời kỳ Di-lặc ấy. Hai mắt người đều thấy xa bốn ngàn dặm, do mười nguyên nhân căn bản: 1/ Đã không che mắt sáng của người. 2/ Đã không làm hại mắt người. 3/ Đã không đậy mắt người. 4/ Đã không giấu giếm điều tốt của người. 5/ Đã không nhìn cảnh giết chóc. 6/ Đã không nhìn chuyện trộm cắp. 7/ Đã không nhìn chuyện dâm

ô. 8/ Đã không nhìn âm vật và chổ xấu của người. 9/ Đã không nhìn các việc ác. 10/ Đã thấp đèn ở chùa chiền.” Lại nữa, kinh Phật-thuyết-Di-lặc-lai-thì nói: “Đức Phật bảo: “Khi đức Phật Di-lặc sắp ra đời, cây cối trong rừng ở núi Diêm-phù-đề đều cháy rụi. Hiện nay chu vi đất Diêm-phù-đề là sáu mươi vạn dặm. Khi đức Phật Di-lặc ra đời, Đông Tây cõi Diêm-phù-đề rộng bốn mươi vạn dặm, Nam Bắc dài ba mươi hai vạn dặm. Đất đai sinh ra ngũ quả. Mặt đất trong bốn biển không có gò đống hang hố, bằng phẳng như hòn đá mài. Cây cối sinh trưởng, người ít tham sân si, dân chúng họp thành nhiều làng xóm. Tại thành Phiếm-la-na-di có vị Bà-la-môn tên Tu-phàm sẽ làm phụ thân của đức Di-lặc. Mẹ của ngài tên là Ma-ha-việt-đề. Ngài sẽ đầu thai làm con, có đủ các tướng tốt, thân cao mười sáu trượng. Ngài sẽ sinh rơi trong thành ấy. Mắt nhìn rõ vạn dặm. Từ đầu phát hào quang chiếu xa bốn nghìn dặm. Khi ngài đắc Đạo thành Phật, sẽ ngồi dưới cây Long hoa cao bốn mươi dặm, nhằm lúc sao sáng ngày mồng tám tháng tư. Ngài sẽ giáng sinh sau sáu mươi ức kiếp sáu mươi vạn năm nữa.”

Truyện Tây-quốc-hành của Vương Huyền Sách chép: “Vào năm Hiển Khánh thứ hai đời Đường, nhà vua ban sắc sai bọn Vương Huyền Sách đưa áo cà-sa sang Ấn Độ. Đến phía Tây nam nước Nê-Bà-la, tới cạnh hố phía Đông làng Phả-la-độ. Tại đây là hồ nước có lửa. Nếu lấy lửa thường soi lên mặt nước, lập tức sẽ có tia lửa từ dưới nước lóe lên. Khi tia lửa sắp tắt, lấy nước rưới lên, lửa ấy sẽ cháy phừng. Sứ giả đời Đường đã bắt nồi lên nấu chín cơm. Hỏi vua nước ấy, được trả lời rằng: “Đã từng lấy gậy chọc trúng một hòm bằng vàng, bèn sai người kéo lên. Càng kéo hòm càng chìm sâu xuống. Tương truyền đấy là hòm đựng mũ đội lúc thành Đạo của đức Phật Di-lặc tương lai được các rồng lửa giữ gìn. Lửa ở hồ này chính là của rồng lửa vậy.” Lại nữa, luận Trí-độ nói: “Khi Bồ-tát Di-lặc còn làm người thế gian, thầy của ngài tên là Bà-bạt-lê. Ngài có ba tướng tốt: 1/ Tướng lông mày bạc. 2/ Tướng lưỡi dài che mặt. 3/ Tướng âm vật sâu kín. Những tướng tốt này đã có từ khi ngài chưa trở thành Bồ-tát.” Lại nữa, luận Tân-Bà-sa nói: “Từng nghe Tôn giả Đại Ca-diếp-ba vào thành Vương-xá khất thực lần cuối cùng. Thọ trai xong, chẳng bao lâu, ngài lên núi Kê túc. Núi ấy có ba ngọn dáng như chân gà giơ lên. Ngài vào trong núi, ngồi kết già, rồi thành tâm phát nguyện: “Xin cho thân ta đây cùng áo bát và gậy thường trụ lâu dài, không hư hoại, thậm chí trải qua năm mươi bảy ức sáu mươi trăm nghìn năm, đến khi đức Phật Di-lặc thành Đạo, sẽ dùng làm phật sự.” Phát nguyện xong, liền nhập niết-bàn. Bấy giờ, ba ngọn núi hợp lại

thành một, đậu kín Tôn giả và đứng cao sừng sững. Khi đức Phật Di-lặc xuất thế hóa độ, dẫn dắt vô lượng Trời người lên đỉnh núi ấy, bảo đại chúng rằng: “Các ngươi muốn gặp mặt Ca-diếp, đệ tử lớn nhất trong hàng đệ tử có nhiều công đức của đức Phật Thích-ca-mâu-ni chăng?” Đại chúng đều thưa: “Chúng tôi muốn gặp.” Đức Phật Di-lặc lấy tay vỗ vào đỉnh núi. Lập tức núi chẻ làm ba. Bấy giờ, Tôn giả Ca-diếp xách áo bát và gậy, từ trong lòng núi, phóng vút lên giữa hư không. Vô lượng Trời người chứng kiến phép thần thông, đều ca tụng chưa từng có. Tâm mọi người hóa ra thuần thành. Đức Phật Di-lặc nhân đó thuyết pháp. Đại chúng đều nhận thức được chân đế.”

Thứ năm: PHÁT NGUYỆN

Chỉ vì phàm phu sức yếu, nghiệp ác quá nhiều. Sinh tại Ta-bà, tâm địa mỏng mảnh. Mới học Chánh pháp, lo sợ thối chí. Thường phát đại nguyện, giữ gìn đạo hạnh. Đến lúc lâm chung, tâm không phiền não. Gieo các căn lành, cùng với đồng loại, thanh tjhản vãng sinh, về đức Di-lặc. Được đến trước Phật, tự do tu học, chứng quả Bất thối. Không cầu vãng sinh ở ngoài cõi ấy, sợ nhiễm ngũ dục, không được giải thoát. Thế nên, luận Trí-độ nói: “Có người tu được chút ít nghiệp thiện, nghe chổ nào có phước đức, thường cầu nguyện được vãng sinh. Đến khi lâm chung, đều được sinh về chốn ấy.” Lại nữa, luận Đại-trang-nghiêm nói: “Vãng sinh Phật độ là chuyện lớn lao, chỉ tu về mặt công đức, chắc chắn không thể thành tựu. Phải cần đến nguyện lực, giống như bò tuy đủ sức kéo xe, nhưng có người đánh xe điều khiển. Vì thế, Phật độ thanh tịnh, cần có nguyện lực mới dẫn đến thành tựu. Nhờ có nguyện lực, phước đức Tăng trưởng, không mất không hỏng, nên mới thường xuyên gặp được chư Phật.” Lại như luận Thập-trụ nói: “Nếu có người phát tâm cầu nguyện đức Phật không ngừng, có người giơ ngón tay đặt Đại thiên thế giới vào giữa vũ trụ, nhưng chuyện ấy đều chẳng khó gì. Nếu có người phát đại nguyện: “Ta sẽ thành Phật!” Người này mới thật hiếm có. Tại sao thế? Bởi vì người đời tâm yếu và không có chí lớn.” Lại nữa, luận Phát-Bồ-đề-tâm có mười đại nguyện thường phải tu hành trọn vẹn:

1. Con nguyện đem mọi căn lành đã vun trồng từ kiếp trước đến đời này cúng dường cho tất cả chúng sinh, cùng hồi hướng về Phật đạo, khiến lời đại nguyện của con lớn dần theo từng niệm, đời đời không quên và hằng được Tổng trì che chở.

2. Con nguyện nhờ căn lành này sinh vào nước có đức Phật, hằng được cúng dường, chẳng sinh vào nước không có đức Phật.

3. Con nguyện hằng được thân cận chư Phật, hầu hạ hai bên, như bóng theo hình.

4. Con nguyện thân cận chư Phật, lại được chư Phật thuyết pháp giúp con thành tựu phép ngũ thông.

5. Con nguyện thông đạt thế đế, các pháp giả danh, hiểu rõ chân đế, chứng được Chánh pháp trí.

6. Con nguyện nhiệt thành thuyết pháp cho mọi chúng sinh, chỉ bày lợi ích, khiến tất cả đều hiểu thấu.

7. Con nguyện dùng thần lực của chư Phật đến mọi thế giới khắp mười phương, cúng dường chư Phật, nghe nhận Chánh pháp, gìn giữ chúng sinh.

8. Con nguyện tùy duyên hoằng pháp. Tất cả chúng sinh nghe con thuyếp pháp hay nghe tên con, đều xa lìa phiền não.

9. Con nguyện theo sát chúng sinh, giúp cho an lạc, hy sinh thân mạng tài sản, chăm lo gánh vác Chánh pháp, trừ bỏ những điều tai hại.

10. Con nguyện thực hành Chánh pháp, tâm không vướng bận, nhận làm tất cả, giúp đỡ chúng sinh không bỏ đại nguyện chân chính.

Con nguyện đem mười đại nguyện này nhiếp cho tất cả hà sa đại nguyện của các chúng sinh khắp mọi thế giới. Nếu thế giới chúng sinh tận diệt, đại nguyện này của con mới chấm dứt, nhưng thế giới chúng sinh không thể tận diệt, nên đại nguyện này của con cũng không thể chấm dứt. Nguyện đem công đức hóa độ chúng sinh khắp vô biên thế giới đều hồi hướng về Chánh giác Vô thượng, được sinh về trước đức Phật Di-lặc, nghe pháp thanh tịnh, chứng quả vô sinh nhẫn. Tất cả công đức của uy nghi đi đứng nằm ngồi tu hành suốt kiếp đến nay đều cùng pháp giới chúng sinh hồi hướng về trước đức Phật Di-lặc khiến mau chứng quả Bất thối."

Pháp sư Huyền Trang nói rằng: "Đạo đời bên Ấn Độ đều thực hành pháp môn Di-lặc, vì cùng ở trong dục giới, hạnh nguyện ấy dễ dàng thành tựu. Các Sa-môn Đại thừa và tiểu thừa đều chấp nhận pháp môn này. Pháp môn Di-đà Tịnh độ, chỉ sợ kẻ phàm phu ô uế, khó tu hành nổi. Theo các kinh luận trước đây, từ hàng Thập địa trở lên, Bồ-tát tùy phẩm vị, được hưởng Phật báo Tịnh độ. Theo ý kiến các bộ luận mới đây, từ hàng Bồ-tát Tam địa, mới có thể hưởng Phật báo Tịnh độ. Nếu thế, kẻ phàm phu thấp kém làm sao có thể vãng sinh? Song đây cũng chỉ là ý kiến riêng biệt, chưa thể lấy làm chắc chắn. Do đó, Đại thừa bên ấy chấp nhận, nhưng Tiểu thừa không chấp nhận. Vì vậy, suốt đời

pháp sư luôn luôn thực hành pháp môn Di-lặc. Đến lúc lâm chung, pháp sư phát nguyện được sinh lên thượng giới, gặp đức Phật Di-lặc. Pháp sư yêu cầu đại chúng cùng tụng kệ rằng:

“Nam-mô Di-lặc Như lai,
Ưng Chánh đẳng giác.
Nguyện cùng chúng sinh,
Mau gặp cha lành.
Nam-mô Di-lặc Như lai.
Tất cả đại chúng,
Nguyện mệnh chung xong,
Đều sinh về đó.”

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Thuật sơ lược 6 chuyện linh nghiệm:

1. Đái Qùy người nước Tiều đời Tấn. 2. Sa-môn Thích Đạo An đời Tống. 3. Ni cô Thích Tuệ Ngọc đời Tống. 4. Sa-môn Thích Tăng Hộ đời Lương. 5. Sa-môn Thích Linh Cán đời Tùy. 6. Sa-môn Thích Thiện Trụ đời Đường.

1. Xét rằng sắc tướng trang nghiêm nhất của chư Phật tuyệt diệu vô biên, chẳng được cơ duyên chiêm ngưỡng, không thể nào miêu tả nổi. Do đó, có nhiều tướng hảo không được lưu truyền. Than ôi! Nếu lấy tay phàm nắn nót pháp thân cực kỳ viên mãn, thử đem tóan số thí dụ, liệu có thể đạt được một phần trong muôn vàn? Từ khi đức Phật nhập diệt đến nay đã quá một ngàn năm, các linh tượng do Ấn Độ chế tác lưu truyền phong cách khắp đất Trung Hoa. Dẫu theo kinh điển đúc nên, chỉ cốt giống với sắc tướng. Danh sĩ nghệ nhân cố tranh tài thi thố, nhưng xem đi xét lại, vẫn chưa có tuyệt tác. Đến đời Tấn, Đái Qùy vốn ở nước Tiều, tự là An Đạo, chí hướng cao thượng, ẩn dật tại đất Ngô. Sống đời đạo lý, hâm mộ Phật pháp. Hơn nữa, tâm cơ minh mẫn, khéo léo tày Trời. Tìm tòi nghệ thuật miêu tả sống động, gần giống với chân thân của chư Phật, vẽ nên tượng đức Phật Vô Lượng Thọ cùng Bồ-tát thị giả tuyệt đẹp. Xong xuôi, ông núp sau màn, lắng nghe lời bình luận. Sau đó, gia công sửa chữa. Nét bút tận tình tận mỹ. Suốt đời Châu đời Tống chưa ai hơn được. Gom hết tâm tư nhuận sắc ba năm mới hoàn thành. Chấn động đương thời cho đến hôm nay. Thật chưa từng có. Người chiêm ngưỡng cảm thấy như gần gũi với pháp thân. Ít lâu sau, tượng được cung nghinh về chùa Linh bảo tại Sơn âm. Đạo đời tham quan đều phát tâm Bồ-đề. Khích Siêu ở Cao bình nghe tiếng, đến chiêm

bái, thắp nhang phát nguyện rằng: “Nếu nhang cháy như thường, đệ tử lại xin đến chiêm bái Thánh nhan. Nếu không, đệ tử sẽ xin gặp lại khi đức Phật Di-lặc xuất thế!” Lạ thay, cây nhang trong tay bốc làn khói thơm thẳng lên mây, một phần tỏa ra ngào ngạt khắp đường. Mọi người đến xem đều hoan hỷ ngập lòng. Lâm xuyên Khang vương đời Tống soạn sách Tuyên-nghiệm-ký cũng có chép điềm linh dị này vào. Nhà ông cách chùa Linh bảo chỉ hơn trăm bước, nửa đêm thức giấc, từng thấy trên chùa có ánh hào quang sáng lòa. Cho là lửa cháy, ông vội vã chạy lên. Xóm làng cũng có người thấy, cùng tranh nhau đổ đến, nhưng cổng chùa vẫn đóng bình thường mới biết do tượng phóng hào quang. Sáng mai, mọi người hay tin, gọi chùa mở cổng vào xem, đều tận mắt chứng kiến điện Phật sáng láng rực rỡ, hào quang chiếu diệu tận Trời. Đại chúng trang nghiêm đảnh lễ, ca tụng phật lực uy linh không phân xứ sở. Vua Tống Văn đế từng cung nghinh tượng về nội cung thờ phụng. Tề Cao đế dựng chùa Chánh giác, muốn chọn linh tượng hiển hách nhất trấn giữ đại điện, đã rước tượng về chùa. Trong khoảng 10 năm, ông còn tạo năm pho hành tượng** tại chùa Ngõa quan. Con thứ hai của ông tên Ngung, tự Trọng nhược, ý tứ thâm trầm, ưa thú ẩn dật. Nuôi chí cao thượng, thừa kế tài hoa. Mỗi lần gặp cha vẽ tượng, thường cùng suy nghĩ góp ý. Giang Di ở Tế dương từ nhỏ kết bạn với Ngung, có nhờ vẽ giúp tượng Quán Thế Âm. Ngung dốc hết tâm chí, mong sao thật đẹp, nhưng vẽ hoài nhiều năm vẫn chưa thành. Sau đó mơ thấy người bảo: “Giang Di không có nhân duyên với tượng Quán Thế Âm, nên đổi sang tượng Bồ-tát Di-lặc.” Ngung liền dừng tay, gửi thư kể cho Giang Di hay. Thư chưa kịp đưa đi, tin tức của Giang Di đã đến. Thì ra đêm ấy, hai người cùng mơ thấy như nhau. Ngung mừng rỡ, chuyển qua vẽ tượng đức Di-lặc theo lời thần mộng. Vừa ra tay đã đẹp, không cần đến cấu tứ. Sắc tướng đầy đặn sáng láng, chỉ trong chốc lát là xong, được mọi người hết sức tán thưởng. Nhân duyên thật đúng chẳng sai. Tượng ấy lâu nay tôn trí ở chùa Long hoa tại Cối kê. Những tượng do hai cha con họ Đái sáng tác nổi tiếng đã mấy đời nay. Tác phẩm cũng rất nhiều, đa số tôn trí tại các chùa, không thể ghi chép hết.

2. Pháp sư Thích Đạo An ở chùa Ngũ Cấp tại Trường An đời Tấn vốn họ Vệ, nhười Phù liễu thuộc Thường sơn. Tướng mạo không bằng người nhưng thông minh không ai sánh kịp. Lên 7 tuổi, đọc sách lần thứ hai liền thuộc lòng. 13 tuổi xuất gia, mỗi ngày đọc hàng vạn chữ, không hề sai sót. Sư phụ nễ phục, cho thọ giới cụ túc và gửi đi học xa. Đến chùa trong hoàng cung tại Nghiệp thành tham kiến cao Tăng Phật-đồ-

trừng. Cao Tăng khen là kỳ lạ, cùng nói chuyện suốt ngày. Nhân đó, tôn cao Tăng làm thầy. Mỗi lần cao Tăng giảng kinh, ngài đứng ra giải đáp. Bao nhiêu vấn nạn đều được giải đáp một cách dễ dàng. Đương thời có lời ca tụng rằng: “Đạo nhân mặt đen làm kinh hồn cử tọa.” Sau đó, tránh đất Nghiệp loạn lạc, ngài sang Tương dương, cùng các đệ tử như Tuệ Viễn, hơn bốn trăm người vượt sông. Đang đêm gặp trận mưa giông, cả đoàn đội tuyết bước đi, gặp căn nhà phía trong cửa đóng trụ buộc ngựa, lưng chừng treo giỏ cây đựng thức ăn ngựa, lớn khoảng một hộc. Ngài gọi to: “Lâm Bá Thăng!” Chủ nhân giật mình chạy ra. Quả đúng tên Lâm Bá Thăng. Cho rằng ngài là thần nhân nên chủ nhân tiếp đón rất trọng thể. Đệ tử hỏi: “Làm sao biết được họ tên?” Ngài đáp: “Hai cây là Lâm, giỏ đựng một hộc là Bá Thăng.”*** Khi đến Tương dương, gặp một pho tượng nước ngoài bằng đồng, hình dáng cổ lổ lạ lùng, nên đại chúng không sùng kính lắm. Ngài bảo: “Thân tượng rất đẹp, nhưng búi tóc chưa cân đối lắm.” Bèn sai đệ tử dũa bớt. Bỗng hào quang phát sáng khắp điện. Nhìn kỷ trong búi tóc, phát hiện ra một hạt xá-lợi. Đại chúng đều ăn năn bái phục. Ngài bảo: “Tượng hiển linh đến thế, không nên sửa lại nữa.” Những người biết chuyện đều nói ngài có thần lực thấy được xá-lợi, nên mới đưa ra cho đại chúng thêm kinh tín.

Bấy giờ, Tập Tạc Xỉ ở Tương dương có thiên tài hùng biện trùm cả đương thời, nghe danh tiếng của ngài, trước đây từng gửi thư thăm hỏi: “Đại sư nối dõi pháp đăng, chính để xiển dương chân lý. Từ tâm và giáo hóa rạng ngời, Đạo đời cùng được che chở. Hơn bốn trăm năm Đại đạo truyền sang đông độ, ngay vua chúa chư hầu cũng phát nguyện quy y, khiến giáo lý sớm được lưu hành khắp đất nước. Tuy nhiên, pháp vận biến thiên nên chúng sinh chưa được ngộ hết. Gần đây, mạch Đạo thanh hưng không gì sánh kịp. Đúng là điềm trăng rằm sắp sáng, cao Tăng sẽ xuất hiện vậy. Đại sư gánh vác trọng trách hóa sinh, không để tăm tối. Chư Tăng ở đây đều dốc lòng kính ngưỡng. Đại sư nếu có sang Đông, nguyện đem bảo châu soi sáng, bước lên pháp toà thất bảo, thị hiện pháp đăng quang minh, tưới cam lộ nhuần thấm cỏ cây, trồng chiên-đàn tươi tốt Giang tả. Được thế, Chánh pháp của đức Như lai lại được tôn sùng, triều âm hùng dũng lại vang dội khắp đời vậy.” Thư ấy còn dài, không chép ra hết. Khi Tập Tạc Xỉ nghe tin ngài sang, liền vào tận chổ tịnh tu thăm viếng. Vừa ngồi yên đã nói: “Tập Tạc Xỉ lừng danh bốn biển.” Ngài đáp lại: “Thích Đạo An danh tiếng vang Trời.” Đương thời cho là lời đối đáp tuyệt hay.

Ngài thường chú giải các kinh, sợ không đúng nghĩa, nên phát

nguyện rằng: “Nếu lời bàn không xa diệu lý, xin cho thấy điềm lành.” Ngài mơ gặp vị đạo nhân người Ấn Độ, đầu bạc, lông mày thật dài bảo: “Ông chú thích kinh rất đúng. Ta chưa thể nhập Niết-bàn, hiện còn ở Tây Vực, sẽ sang đây đã thông giúp ông. Ngày ngày cứ dọn sẳn cơm!” Về sau, khi luật Thập-tụng truyền sang, ngài Tuệ Viễn mới biết người sư phụ mơ thấy trước đây chính là ngài Tân-đầu-lô. Do đó, thành lệ bày bàn dọn cơm cúng dường khắp nơi. Đạo hạnh của ngài xứng đáng là bậc tôn sư, kiến giải lại thông suốt Tam tạng. Ngài soạn những phép tắc dành cho Tăng ni và các hiến chương Phật pháp. Có thể chia làm ba loại: 1.Các phép tắc dâng hương, ngồi Thiền, tụng kinh và giảng pháp. 2.Các phép tắc hành Đạo, ăn uống và báo thời trong sáu thời hằng ngày. 3.Các phép tắc bố-tát, sai sử và sám hối. Mọi chùa chiền trong nước đều theo đó thực hành.

Ngài thường cùng các đệ tử như Pháp Ngộ đến trước tượng đức Phật Di-lặc lập thệ nguyện xin vãng sinh về cõi Trời Đâu-suất. Ngày hai mươi bảy tháng giêng năm Kiến nguyên thứ hai mươi mốt đời Tần, một vị Tăng lạ, hình dáng xấu xí tầm thường tới chùa xin nghỉ lại. Do phòng ốc chật hẹp nên được bố trí cho ở tại giảng đường. Bấy giờ, đệ tử Duy-na trực điện Phật, ban đêm phát giác vị Tăng này theo song cửa tự do ra vào, liền đem bẩm lên. Ngài giật mình thức dậy, đến vái chào xong, hỏi lý do lên chùa. Vị Tăng đáp: “Vì giúp nhau mà đến.” Ngài bảo: “Tự xét nghiệp chứng năng nề, làm sao có thể giải thoát nổi?” Vị Tăng ấy đáp: “Rất đáng giải thoát. Lễ tắm Phật sắp tới, hạnh nguyện chân thật của cao Tăng chắc chắn sẽ thành tựu!” Rồi chỉ dẫn tỉ mỉ nghi thức cử hành lễ Tắm Phật. Ngài hỏi kiếp sau sinh vào cõi nào. Vị Tăng ấy đưa tay vén gốc Trời phía Tây bắc. Mây lập tức mở ra, hiện rõ phước báo tuyệt diệu trên Trời Đâu-suất. Đêm ấy, đại chúng đông hằng mấy chục người cùng chứng kiến. Sau đó, ngài sắm sửa đồ tắm Phật. Có em bé phi phàm cùng mấy chục bạn bè chạy vào chùa nô đùa rồi đi tắm. Đúng là đức Phật ứng hiện. Ngày mồng tám tháng hai năm ấy, ngài bỗng nhiên bảo đại chúng: “Ta sắp đi đây!” Hôm ấy, sau khi thọ trai xong, ngài thanh thản viên tịch, không hề bệnh tật chút gì. An táng tại chùa Ngũ cấp trong kinh thành, nhằm niên hiệu Thái nguyên thứ mười đời Tấn, thọ được bảy mươi hai tuổi.

Trước đó, mỗi lần nghe tin ngài La-thập bên Tây Vực, ngài ao ước được cùng đàm đạo, thường khuyên vua Phù Kiên rước về. Ngài La-thập cũng nghe tiếng ngài, cho là vị Thánh nhân bên Trung Quốc, thường hướng sang đảnh lễ. Khi mới sinh, ngài rất bụ bẫm. Trên cánh

tay trái có miếng da lớn chừng một tấc, lấy tay lật lên cao thấp được, nhưng không thể lột ra. Người đương thời gọi là Bồ-tát có ấn trên tay. Sau khi ngài viên tịch mười sáu năm, ngài La-thập mới sang. Không gặp được, ngài La-thập vô cùng xót xa ân hận. Suốt đời, ngài chuyên tâm hâm mộ kinh điển, dốc chí hoằng pháp. Những cao Tăng nước ngoài được mời sang như Đề-bà-Đàm-ma-nan-đề và Bạt-trừng dịch Đại tạng kinh được hơn trăm vạn lời. Ngài cùng Sa-môn Pháp Hoà minh định âm vị, xét kỹ nghiã văn, các kinh mới dịch nhờ thế đạt mức chính xác. Tôn Xước soạn sách Danh-đức-Sa-môn-luận nói rằng: "Ngài Thích Đạo An thông thái bác học, có tài hiểu thấu nghĩa lý văn từ." Và làm bài tán như sau:

"Bao la vũ trụ,
Đa đoan học phái.
Uyên bác Đạo An,
Thông thái vạn loại.
Tiếng vang Lũng, Thiểm;
Danh đồn Hoài, Hải.
Người dẫu ra đi,
Phảng phất còn mãi!"

Có bút ký khác bảo rằng: "Đặc biệt ở đất Hà Bắc có Trúc Đạo An và Thích Đạo An cùng nổi tiếng ngang nhau." Sách ấy còn bảo: "Tập Tạc Xỉ từng gửi thư thăm hỏi Trúc Đạo An." Tuy nhiên, ngài Đạo An có thầy họ Trúc, sau đổi lại thành Thích. Người đời thấy hai họ nên cho là hai người khác nhau. Thật hết sức sai lầm (2 chuyện trên rút từ Lương-Cao-Tăng-truyện).

3. Ni cô Thích Tuệ Ngọc đời Tống vốn người Trường An, đạo hạnh tinh tiến, kinh điển và giới luật đều thông thạo. Thường thấy hào quang trắng hồng phóng lên ở chùa của thượng thư họ Tiết tại Trường an hơn 10 ngày. Vào ngày mồng tám tháng tư, Sa-môn chùa Lục trùng đến tham quan, phát hiện pho kim tượng đức Phật Di-lặc cao hơn một thước ngay chổ phát hào quang. Về sau, ni cô sang Nam, đến ở chùa Linh Thu tại Giang lăng. Vào đêm tháng mười năm Nguyên gia thứ mười bốn, thấy phía Đông chùa có ánh hào quang tía chiếu sáng khắp rừng, bèn đem kể lại cho đồng bạn Diệu Quang, nhưng chẳng phát hiện được gì. Hơn hai ngày, ni cô thường thấy điềm hào quang như thế. Về sau, trụ trì Thích Pháp Hoằng sửa soạn xây nền Thiền thất dưới gốc cây, ngước nhìn lên cành, phát hiện pho kim tượng ngồi, cũng cao chừng một thước (Chuyện trên rút từ Minh-tường-ký).

4. Trên núi thuộc thành Diễm thạch đời Lương có Sa-môn Thích Tăng Hộ vốn người Diễm thành tại Cối kê. Từ nhỏ xuất gia, đã quyết chí khổ hạnh, giữ gìn giới luật thanh tịnh, về sau, ngài ở chùa Linh nhạc trên núi thành Diễm thạch. Phía Bắc chùa là vách đá xanh, mọc thẳng đứng mấy chục trượng. Giữa như có hình hào quang toả sáng của đức Phật. Trên đỉnh, các chòm cây buông cành phủ xuống. Mỗi lần ngài đi tản bộ qua đây, thấy hào quang xán lạn, nghe tiếng tán bái, đàn sáo dặt dìu. Nhân thế, ngài bưng lò hương phát nguyện xẻ núi tạc pho tượng cao mười trượng và chân thân đức Di-lặc cao nghìn thước, ước mong chúng sinh hữu duyên sẽ được gặp gở ở Ba hội. Giữa niên hiệu Kiến nguyên, ngài kêu gọi đại chúng bắt đầu thi công. Hơn một năm mới thành hình nét mặt. Chẳng bao lâu, ngài lâm bệnh rồi viên tịch. Lúc lâm chung phát thệ rằng: "Công trình ta làm, không thể một đời lo nổi. Đến kiếp mai sau, nguyện vọng ắt sẽ hoàn thành." Sau đó, Sa-môn Tăng Thục nối chí thực hiện, nhưng không có nguồn tài trợ nên cũng chưa xong. Đến năm Thiên giám thứ sáu đời Lương, huyện lịnh Thủy phong là Lục Hàm bị cách chức về nước, nghỉ đêm tại Diễm khê, gặp mưa gió sấm chớp, rất sợ hãi. Đang mơ màng, bỗng thấy 3 vị Tăng đi tới bảo rằng: "Nếu giữ lòng thành tín kiên trinh, tự nhiên sẽ được bình an. Điện hạ Kiến an mắc bệnh chưa khỏi, nếu chịu giúp Sa-môn Tăng Hộ tạc xong tượng đá, chắc chắn sẽ bình phục. Thần minh hiển hách quyết chẳng sai lời. Nên đi ngõ ý giúp. Họ Lục về kinh đô được một năm, quên mất điềm mộng. Sau đó, ra cửa, gặp vị Sa-môn bảo rằng: "Còn nhớ lời nhắn nhủ Kiến an vương vào đêm tá túc năm ngoái chăng?" Bấy giờ, họ Lục ngơ ngác đáp rằng: "Không nhớ." Sa-môn tươi cười bảo: "Nên nhớ lại đi!" Nói xong, liền Từ biệt. Họ Lục biết là bậc phi phàm, vội vàng chạy theo hỏi rõ. Được hơn trăm bước, bỗng nhiên không thấy nữa. Họ Lục sực nhớ lại giấc mơ năm trước. Sa-môn ấy chính là vị Tăng thứ ba, bèn đem bẩm báo Kiến an vương. Vương lập tức tâu lên. Nhà vua ban sắc sai luật sư Tăng Hựu lo liệu việc tạc tượng. Kiến an vương vốn rất sùng Đạo, hoan hỷ vô cùng, cúng dường tiền của, nguyện Phật sự thành tựu viên mãn. Trước hôm luật sư đến, trù trì Tuệ Sinh mơ thấy vị thần nhân cao lớn mặc áo đen, kẻ hầu hạ rất hùng tráng, đứng trước khám thờ bàn bạc tính toán. Sáng mai, luật sư vừa lên đến nơi. Thật là linh ứng. Trước đây, Sa-môn Tăng Hộ tạc khám thờ cạn quá, phải tạc sâu thêm năm trượng và tạo thêm búi tóc. Khi tượng hoàn thành, mài bóng sắp xong, vào nữa đêm, bỗng dưng màu đỏ ở chữ vạn nổi bật lên. Đến nay, dù không hề sơn thếp, màu đỏ ấy vẫn còn. Phật sự bắt đầu từ mùa Xuân

năm Thiên giám thứ mười hai đến mùa Xuân năm thứ mười lăm thì xong. Pho tượng ngồi cao năm trượng, pho đứng cao mười trượng. Phía trước dựng đài cao ba tầng cùng cổng, gác, điện Phật và các chổ hành lễ. Khách thập phương mang hương hoa tấp nập lên về cúng dường chật cả đường sá. Sau đó, bệnh tình Kiến an vương lành hẳn. Vương còn được cải phong về Nam bình (Chuyện trên rút từ Lương-cao-Tăng-truyện).

5. Sa-môn Thích Tăng Các ở Thiền định Đạo trường tại Trường an đời Tùy, vốn họ Lý, người Địch đạo thuộc Kim thành. Chí hướng cung kính siêng năng, chuyên tu Tịnh độ. Theo kinh Hoa-nghiêm, Sa-môn thực hành các phép quán Thế giới hải Liên hoa tạng và Thiên cung Di-lặc. Năm Khai hoàng thứ 17 đời Tùy, bị bệnh tắt hơi, chỉ còn vùng tim không lạnh, nên đồ đệ chưa dám tẫn liệm. Sau đó, tịnh lại, Sa-môn kể rằng: “Trước tiên gặp hai người, tay cầm văn thư, đứng trước cửa, bảo: “Quan trên muốn gặp đại sư.” Nhấp nháy liền đi theo họ, giống như cưỡi hư không, chân chẳng chạm vào đâu, đến một vườn lớn toàn cây thất bảo trang nghiêm như tranh vẽ. Hai người đưa tới nơi, liền Từ biệt lui ra, một mình ta đi vào. Bốn phía bao la, chỉ thấy rừng núi ao hồ đều bằng bảo vật rực rỡ chói mắt, không thể nhìn thẳng. Dưới gốc cây là toà sen, hoặc có người ngồi, hoặc còn để trống. Bỗng nhiên nghe tiếng gọi: “Phải Linh Cán người đến đây chăng?” Ta theo tiếng nói đến nơi, chính là pháp sư Tuệ Viễn. Hành lễ xong, ta hỏi: “Đây là nơi nào?” Pháp sư đáp: “Là cõi Trời Đâu-suất. Ta và Tăng Hựu cùng sinh lên đây. Vị ngồi trên bảo tọa cao kế ta là pháp sư Tăng Hựu đấy.” Hình dáng hai ngài đều không giống trước đây, đầu đội mũ Trời, mặc áo màu đỏ tía sáng láng tuyệt trần, chỉ còn tiếng nói như xưa, nên có thể nhận ra. Hai người còn bảo ta: “Nhà ngươi và các đệ tử của ta sau này đều sẽ sinh lên đây.” Nhờ được giác ngộ, Sa-môn càng siêng năng tu hành Tịnh độ, trang nghiêm quán tưởng, cách ly thế gian. Đến năm Tùy Đại nghiệp thứ ba, thành tựu công phu Thiền định, nhà vua ban sắc làm thượng tọa ở Đạo trường. Tăng đồ đông đảo, cơ duyên hóa độ rất có quy mô. Đến năm thứ tám, Sa-môn ở trong Thiền phòng, mang bệnh nặng dần, sắp sửa viên tịch. Tròng mắt cứ ngước lên, không nhìn vào ai, rất lâu mới hạ xuống, thần sắc vẫn bình thường. Đại sư Đồng Chân đến thăm được chứng kiến tướng lạ này. Sa-môn bảo: “ Vừa rồi, ta thấy hai Đồng tử mặc áo xanh đến mời, liền đi theo, tới phía ngoài thành Đâu-suất, chưa được vào trong. Nếu nhón chân lên, mới nhìn thấy cây báu tán hoa trong thành. Nếu đứng bình thường, chẳng thấy gì cả. Khách tới

thăm, đứng bên cạnh, thấy ta ngước mắt là vì thế.” Đại sư Đồng Chân bảo: “Nếu tôi được sinh lên cõi Trời ấy thì đã mãn nguyện.” Sa-môn bảo: “Phước báo trên Trời không lâu dài, cuối cùng vẫn đọa vào luân hồi sinh tử. Thế giới Hoa tạng mới là cứu cánh của ta.” Nói xong chẳng bao lâu, Sa-môn tắt hơi. Giây lát tỉnh lại. Đại sư Đồng Chân hỏi: “Thấy được gì thế?” Sa-môn đáp: “Thấy nước bao la khắp nơi, hoa lớn như vành xe. Ta ngồi lên trên đó. Nguyện vọng đã thành.” Nói xong, liền viên tịch, nhằm ngày hai mươi chín tháng giêng năm Tùy Đại nghiệp thứ tám, thọ bảy mươi tám tuổi.

6. Sa-môn Thích Thiện Trụ ở chùa Tịnh Ảnh tại Trường An đời Đường, vốn họ Hoài, người Doanh châu, thông minh dễ hiểu, lại giỏi đàm luận, nổi tiếng khắp nơi. Cuối niên hiệu Nhân thọ, vâng mệnh nhà vua dựng tháp và cung nghinh xá-lợi về chùa Hoa lâm trên núi Ngưu đầu thuộc Tử châu. Khi xe sắp tới nơi, gặp con heo rừng tám đầu xông ra dưới xe, đi theo đến nhà trạm. Đuổi thì bỏ chạy, xong lại đến như cũ. Sắp vào thành, có bốn con ong đen, khí thế rất hùng dũng, bay vần vũ quanh xe bốn vòng rồi tản đi. Ban đêm, tại nhà công quán, hào quang phát ra, chiếu sáng lên nóc như ánh lửa, được một lúc mới tắt. Lại nữa, khi đào nền tháp sâu hơn một trượng để đặt hòm xá-lợi, bắt gặp cái hũ xưa không nắp, có nước trong trẻo thơm tho, bèn cất vào hòm. Chùa có tháp cao chín tầng. Hào quang phát ra từ góc Tây nam tầng thứ hai, chiếu thành vòng tròn lớn bằng cái lu đựng năm tạ, sắc vàng rực như lửa, một hồi lâu mới tan. Từ mày tượng đức Phật Di-lặc trên điện cũng phóng hào quang tía. Tượng hai vị Bồ-tát cũng phóng hào quang đỏ, chiếu sáng khắp chùa. Trước sau bảy lần, mọi người đều chứng kiến. Vào tháng tám năm Vũ Đức thứ ba, Sa-môn viên tịch tại chùa Tịnh Ảnh, thọ bảy mươi mốt tuổi (2 chuyện trên rút từ Đường-cao-Tăng-truyện).

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 17

Thiên thứ 6: KÍNH PHẬT

Thứ sáu- PHẦN PHỔ HIỀN

Hiện nay, đang thời mạt pháp, ít người thực hành phép quán tưởng, nên kinh không ghi chép. Vì thế, tạm thuật lại 4 chuyện linh nghiệm: 1. Thái hậu Lộ Chiêu đời Tống. 2. Sa-môn Thích Đạo Ôn đời Tống. 3. Sa-môn Thích Đạo Cảnh đời Tống. 4. Sa-môn Thích Phổ Minh đời Tống.

1. Năm Đại Minh thứ tư đời Tống, thái hậu Lộ Chiêu tạo tượng Bồ-tát Phổ Hiền ngồi xe quý do voi trắng kéo và tôn trí tại Thiền phòng Trung hưng, nhân đó, mở pháp hội giảng kinh ở chùa. Ngày mồng tám tháng mười năm ấy, thọ trai xong, hai trăm Tăng sĩ đến tham dự đều nghỉ ngơi. Bấy giờ, chùa chiền vừa cất, nhà vua rất quan tâm, mỗi tuần ngự gía đến sáu bận. Chư Tăng tịnh tu cần mẫn, ngự lâm quân canh gác nghiêm nhặt. Bấy giờ, chư Tăng an vị được một hồi, bỗng có một vị Tăng xuất hiện trên pháp tọa, dáng dấp thanh tú khác thường. Cử tọa giật mình, chăm chú nhìn theo. Trai chủ cùng vị Tăng ấy đàm đạo hằng trăm lời rồi không thấy nữa. Chư Tăng chứng kiến đều biết đó là thần nhân giáng hiện.

2. Chuyện này cũng là chuyện thứ nhất viết rõ lại, nên không dịch.

3. Sa-môn Thích Đạo Cảnh đời Tống, người Hảo Trĩ thuộc Phù phong, vốn họ Mã, học vấn uyên thâm, nổi tiếng từ nhỏ. Tháng chín năm Nguyên gia thứ hai, làm trai lễ giúp tín chủ tại Lạc dương, Đạo đời gồm khoảng bốn mươi người. Hôm ấy, được một tuần, đại chúng đang thọ ngọ trai, chợt có một người mặc quần ngắn, cưỡi ngựa vào trước trai đường rồi bước xuống lễ phật. Sa-môn cho là người bình thường, không đối xử đặc biệt. Xong xuôi, người ấy lên ngựa, ra roi vút đi và biến mất. Chỉ thấy ánh hào quang đỏ chói sáng láng đầy Trời, một lúc lâu mới tan đi. Tháng mười hai năm sau, Sa-môn lại làm trai lễ ở một tín chủ. Hôm

sắp xong, có hai vị Sa-môn dáng dấp ăn mặc như người đời, đi thẳng vào lễ Phật. Đại chúng xem thường, không mấy kính nễ, hỏi thử: “Ở đâu?” Đáp rằng: “Tại đầu làng.” Trong hàng cư sĩ có Trương Đạo, biết là dị nhân, nên hết sức kính trọng. Hai vị Sa-môn ra khỏi cửa, đi chừng mười bước, chợt thấy một luồng bụi bay vút lên Trời. Nhìn lại, hai vị Sa-môn đã biến mất. Năm Nguyên gia thứ bảy, Sa-môn cùng các pháp lữ tham quan kinh thành. Bấy giờ, tư không Hà Thượng Chi mới cất Tinh xá Nam giản, Sa-môn đến đó tá túc. Nửa đêm bỗng thấy bốn người cưỡi xe mới đến tận phòng, có bốn viên truyền giáo theo hầu, gọi cửa chở đi. Sa-môn ngại ngùng đêm khuya, lòng rất nghi hoặc, chưa kịp nói gì, mắt hóa tối tăm, không hay đã bước lên xe. Nhấp nháy chạy đến cầu Thẩm sau quận, gặp vị Trưởng giả mặc áo kép áo đơn bằng vải hoa, ngồi trên sập, che cờ lớn, tán hình lọng hoa. Nghi vệ, người hầu đến mấy trăm, đều mặc áo vàng. Thấy Sa-môn, vị Trưởng giả giật mình, bảo: “Ta chỉ muốn biết vị Sa-môn thực hành phép niệm Phật Tam-muội ấy ở đâu, các ngươi dẫn đến đây làm gì?” Nói xong, lập tức sai đưa về. Vừa đến cổng Tinh xá, người đưa biến mất. Cổng vẫn đóng kín. Sa-môn gọi mãi, chư Tăng đều giật mình, mở cổng cho Sa-môn vào. Nhìn lại phòng của Sa-môn, cửa còn cài then như cũ. (3 chuyện trên rút từ Minh-tường-ký)

4. Sa-môn Thích Phổ Minh ở chùa Định Lâm vùng Tề thượng, vốn họ Trương, người gốc Lâm vị. Xuất gia từ nhỏ, bẩm tính thanh cao, chuộng rau dưa áo vải, chuyên tâm hành trì lễ sám. Thường tụng các kinh Pháp-hoa và Duy-ma. Mỗi lần tụng niệm, thay pháp phục, sửa tọa cụ thật sạch sẽ. Đến phẩm Khuyến phát, chợt thấy đức Phổ Hiền cưỡi voi trắng đứng phía trước. Tụng kinh Duy-ma cũng nghe tiếng Thiên nhạc dìu dặt giữa lưng chừng không. Ngài giỏi niệm thần chú, cứu chữa ai nấy đều lành. Vợ của Vương Đạo Chân trong làng mắc bệnh, rước ngài đến niệm chú. Ngài vừa bước vào cửa, người vợ lập tức hôn mê. Giây lát, xuất hiện con vật giống loài chồn, mình lớn chừng vài thước, phóng ra khỏi lổ chó chui. Nhờ thế, người vợ hết bệnh. Ngài thường đi ngang miếu thờ Thủy thần, bọn đồng cốt bảo nhau: “Thủy thần gặp ngài đều bỏ chạy.” Ngài viên tịch giữa niên hiệu Hiếu kiến đời Tống, thọ được tám mươi lăm tuổi. (Chuyện trên rút từ Đường-cao-Tăng-truyện)

Thứ bảy- **PHẦN QUÁN ÂM**

Thuật sơ lược 20 chuyện linh nghiệm*: 1. Thượng thư Từ Nghiã đời Hậu Tần. 2. Cư sĩ Tất Lãm đời Hậu Tần. 3. Sa-môn Trúc Pháp

Nghiã đời Tấn. 4. Sa-môn Trúc Pháp Thuần đời Tấn. 5. Sa-môn Thích Khai Đạt đời Tấn. 6. Cư sĩ Quách Tuyên Chi đời Tấn. 7. Cư sĩ Phan Đạo Tú đời Tấn. 8. Cư sĩ Loan Tuân đời Tấn. 9. Sa-môn Thích Pháp Trí đời Tấn. 10. Nam công Tử Ngạo đời Tấn.11. Sa-môn Đạo Thái đời Tấn. 12. Cư sĩ Tôn Đạo Đức đời Tấn. 13. Cư sĩ Lưu Độ đời Tấn. 14. Cư sĩ Đậu Truyền đời Tấn. 15. Cư sĩ Trương Hưng đời Tấn. 16.Sa-môn Thích Pháp Lực đời Ngụy.

1. Từ Nghiã đời Tần người Cao lục, thuở nhỏ phụng thờ Chánh pháp, làm thượng thư triều vua Phù Kiên. Cuối đời vua này, giặc giả nổi lên như ong. Loạn quân bắt được ông, sửa soạn hành hình, đem chôn hai chân xuống đất, kéo tóc cột lên cây. Nửa đêm, ông chuyên tâm niệm danh hiệu Quán Thế Âm. Chợp ngủ quên, mơ có người bảo: "Tình thế cấp bách, sao được ngủ yên?" Ông giật mình thức dậy, thấy bọn canh gác mê mệt ngủ say, liền thử cựa quậy. Lạ thay, tay và đầu tóc đều cởi ra, chân cũng rút lên được. Nhờ thế, ông bỏ trốn xa hơn trăm bước, ẩn mình vào lùm cây nhỏ. Vừa yên, liền nghe tiếng chân rượt theo rầm rập. Bọn giặc đổ xô lục lạo khắp chung quanh, nhưng không phát hiện. Đến sáng, khi chúng tản đi, ông trốn về ngôi chùa quen ở đất Nghiệp, thoát khỏi đại nạn.

2. Tất Lãm đời Hậu Tần ở Đông bình, phụng thờ Phật pháp từ nhỏ. Theo Mộ Dung Thùy chinh phạt giặc Hồ tại phương Bắc, rơi vào vòng vây của giặc, ông một mình một ngựa cố trốn thoát, bọn giặc quất ngựa rượt theo gần kịp. Ông thành khẩn niệm danh hiệu Quán Thế Âm. Nhờ thế thoát được, chạy vào núi sâu, lạc mất đường. Lại càng chuyên tâm niệm danh hiệu Quán Thế Âm. Nửa đêm, gặp vị Sa-môn mặc pháp phục, cầm Thiền trượng chỉ giúp lối tắt ra đường cũ về yên ổn đến nhà.

3. Giữa niên hiệu Hưng ninh đời Tấn, Sa-môn Trúc Pháp Nghiã tu hành ở núi Thủy ninh, thấu hiểu kinh điển, nhất là kinh Pháp-hoa. Đồ chúng theo học đông hơn trăm người. Năm Hàm an thứ hai, bỗng nhiên mắc chứng đau tim, ngài cố giữ lòng niệm danh hiệu Quán Thế Âm. Chợt mơ thấy người mổ bụng rửa ruột giúp cho. Tỉnh dậy liền hết bệnh. Phó Lượng thường bảo: "Cha tôi và ngài Pháp Nghiã giao du thân thiết, có nói rằng đức Quán Thế Âm linh hiển rành rành trong mọi chuyện lớn nhỏ."

4. Sa-môn Trúc Pháp Thuần đời Tấn, trụ trì chùa Hiển Khánh ở Sơn âm. Giữa niên hiệu Nguyên Hưng, do xây dựng chùa, ngài đến bến Thượng lan mua xác nhà cũ, lộ trình đi bằng đường hồ. Chủ nhà là phụ

nữ, muốn tiện định giá, nên cùng ngài ngồi chung thuyền đến tận nơi. Khi vào hồ lớn, Trời chiều nổi gió, sóng to như hòn non. Thuyền nhỏ nước vào, cái chết kề cận. Sa-môn suy nghĩ, gặp chuyến đi bất hạnh, phải chịu tai ương, nhưng còn người phụ nữ ngồi chung thuyền, đừng quá sợ hãi. Bèn chuyên tâm tụng kinh Quán Thế Âm. Nhấp nháy có chiếc thuyền trôi đến. Bấy giờ đã về đêm, thuyền bè đều nghỉ, không thể còn thuyền qua lại. Đây chính là sức thần cứu giúp, liền cùng lên thuyền. Vừa xong, thuyền nhỏ lập tức chìm lỉm. Thuyền lớn lướt theo sóng gió, chẳng bao lâu đã vào được trong bờ.

5. Năm Long an thứ hai đời Tấn, Sa-môn Thích Khai Đạt lên gò hái cam thảo, bị rợ Khương bắt đi. Năm ấy xảy ra nạn đói lớn, bọn Khương, Hồ ăn thịt lẫn nhau, bèn đem nhốt ngài vào trong chuồng rào cùng hơn 10 người. Đến đêm làm thịt ăn hết, chỉ còn lại một mình ngài. Từ khi bị bắt, ngài chuyên tâm tụng kinh Quán Thế Âm không biết mệt mỏi. Sáng mai, đến lượt ngài sẽ bị ăn thịt. Trời mới rạng đông, bỗng nhiên có con cọp thật lớn xông thẳng vào bọn Khương, gào rống mãnh liệt, khiến cả bọn hoảng hồn bỏ chạy tán loạn rồi tiến lên cắn phá hàng rào, khuyết một chổ vừa người lách qua và từ từ bỏ đi. Khi thấy cọp phá chuồng, ngài nghĩ chắc chắn sẽ bị làm hại. Đến lúc hàng rào đã thủng nhưng cọp không vào, ngài nghi thần lực của đức Quán Thế Âm cứu độ. Ước chừng bọn Khương không thể đuổi kịp, ngài ra khỏi hàng rào, băng mình chạy trốn. Đêm đi ngày núp mới thoát được nạn.

6. Năm Nghiã hy thứ tư đời Tấn, Quách Tuyên Chi vốn người Thái Nguyên, làm tư mã phụ tá cho Dương Tư Bình tại phủ Lương châu. Họ Dương đã mưu hại bọn Phạm Nguyên Chi, liền bắt luôn Tuyên Chi đem giam chung vào ngục. Ông dốc tâm cầu nguyện đức Quán Thế Âm. Đêm sau sắp ngủ, bỗng trông thấy ánh hào quang của ngài chiếu sáng khắp ngục. Ông hành lễ cầu khấn một hồi lâu, hào quang mới biến mất. Chẳng bao lâu, chỉ một mình ông được nhà vua ban ơn tha tội. Ông vẽ lại tượng thờ theo sắc tướng đã trông thấy và cất lên Tinh xá. Về sau, ông làm phó quan ở Linh lăng và Hành dương.

7. Phan Đạo Tú đời Tấn, vốn người Ngô quận, năm hơn hai mươi tuổi cầm quân đánh giặc ở phương Bắc. Vì quân ít, phải thua trận, ông chạy trốn, bị bắt làm nô lệ mấy chổ tại đất giặc xa xôi. Ông muốn trốn về nhưng chưa có cơ hội. Từ nhỏ, ông tin thờ Phật pháp, thường thành tâm niệm danh hiệu đức Quán Thế Âm, thỉnh thoảng mơ màng thấy hình tượng của ngài. Sau đó, ông bỏ trốn về Nam, lạc mất đường đi. Bơ vơ giữa chổ núi thẳm, bổng nhiên hiển hiện chân thân của ngài, giống

hệt các pho tượng cung nghinh. Ông kính cẩn hành lễ, vừa xong liền biến mất. Lập tức ông biết được đường về nước. Từ đó, ông càng tinh tiến tu hành Chánh pháp, đến năm sáu mươi tuổi mới mất.

8. Loan Tuân đời Tấn, không biết người ở đâu, mộ Đạo từ nhỏ, từng làm huyện lệnh tại Phú bình thuộc Phúc châu. Trước đây, có đi đánh bọn giặc Tuần bị thua, bè phát cháy gần hết, giặc lại ép sát. Đang ở giữa sông, bốn bề sóng gió hãi hùng, ông nghĩ phen này sẽ mất mạng, nhưng vẫn niệm danh hiệu Quán Thế Âm. Nhấp nháy, có một người đứng vững giữa dòng, lưng ngang mặt nước. Ông biết lời cầu nguyện đã linh nghiệm, hơn nữa, thế lửa và bọn giặc quá cận kề, liền nhảy xuống, lội đến bên cạnh. Lạ thay, thân thể nổi phều, giở chân như đi trên đất. Bỗng chốc, đại quân phái thuyền đến cứu, tàn quân nhờ thế đều thoát thân.

9. Sa-môn Thích Pháp Trí đời Tấn, thuở còn làm người thế tục, từng đi một mình bằng qua vùng đầm lớn, gặp đám cháy nổi lên mãnh liệt khắp bốn bề. Ngài thành tâm hành lễ, tụng niệm danh hiệu đức Quán Thế Âm. Giây lát lửa tàn, cây cỏ trong đầm chẳng còn một cọng, trừ chổ ngài ẩn núp không bị thiêu hủy. Từ đó, ngài bắt đầu chuyên tâm phụng thờ Chánh pháp. Về sau, ngài làm tướng cho Diêu Hưng, cầm quân lên đường lùng giặc. Khi rút quân, mất ngựa, lạc giữa vòng vây, ngài trốn trong lùm gai góc bên dòng nước, vừa che kín đầu. Lại niệm danh hiệu đức Quán Thế Âm rất thành kính. Bọn giặc đứng bên kia rạch kêu toán hậu quân, chỉ chổ ngài trốn, xông đến giết chết. Bọn này sục sạo tìm kiếm nhưng không phát hiện. Nhờ thế, ngài thoát nạn và phát nguyện xuất gia.

10. Nam công Tử Ngao đời Tấn, vốn người huyện Thủy bình, đóng quân ở thành Tân bình, bị con của chúa giặc Khất Phục đánh bại. Toàn thành mấy nghìn người đều phải tội xử tử. Dù biết sắp chết, ông vẫn chuyên tâm niệm danh hiệu đức Quán Thế Âm. Đến phiên ông, nhiều ngọn đao cao thấp cùng bổ xuống, nhưng tay chân bọn đao phủ đều rã rời, không thể chặt nổi. Bấy giờ, Trường lạc công đích thân giám sát việc hành hình, thấy vậy, giật mình hỏi qua thân thế. Ông thong thả trả lời: “Chuyên làm yên ngựa.” Trường lạc công liền sai thả ra. Ông cũng không hiểu tại sao trả lời như thế. Sau đó, bỏ trốn được. Ông tạo một pho tượng đức Quán Thế Âm nho nhỏ, đựng vào hộp trầm hương, đi đâu cũng mang theo.

11. Sa-môn Thích Đạo Thái đời Tấn là vị Tăng ở Tinh xá Hành đường thuộc Thường sơn. Giữa niên hiệu Nghiã Hy, thường mơ thấy

người bảo: “Số mạng của ngài sẽ hết vào năm bốn mươi hai tuổi.” Đến năm ấy, Sa-môn quả nhiên mắc bệnh nặng. Sợ không qua khỏi, Sa-môn đem mọi thứ bố thí rộng rãi và dốc hết thành tâm trì tụng danh hiệu đức Quán Thế Âm suốt bốn đêm ngày không xao lãng. Bấy giờ, nhìn qua màn che trước Thiền sàng, bỗng thấy có người thấp thoáng bước vào, gót chân màu vàng óng ánh, hào quang chiếu diệu khắp phòng. Sa-môn vén màn nhìn vội, người ấy lặng lẽ biến mất. Mừng sợ dập dồn, mồ hôi đổ ra như tắm, toàn thân Sa-môn trở nên nhẹ nhàng, khỏi hẳn bệnh tật.

12. Tôn Đạo Đức đời Tấn, người Ích châu, làm tế tửu bên đạo Lão. Tuổi hơn năm mươi. Vẫn chưa có con trai. Nhà ở gần Tinh xá. Giữa niên hiệu Cảnh bình, Sa-môn ở đấy bảo: “Nếu muốn sinh con trai, nên thành tâm trì tụng kinh Quán Thế Âm, ước vọng sẽ thành.” Họ Tôn liền bỏ đạo Lão, dốc tâm thành kính quy y, trì tụng danh hiệu đức Quán Thế Âm. Chỉ trong mấy hôm đã ứng điềm lành, vợ có thai và sinh con trai.

13. Lưu Độ đời Tấn, người Liêu thành thuộc Bình nguyên. Toàn huyện có hơn một ngàn nhà đều phụng thờ Chánh pháp, tô tạo linh tượng, cúng dường Tăng ni. Gặp thời tướng giặc Mộc Vị cai trị, huyện ấy có kẻ thường bỏ trốn. Mộc Vị nổi cơn thịnh nộ, muốn tiêu diệt cả thành. Mọi người rất lo sợ, định bụng chắc chắn sẽ chết. Lưu độ giữ trai giới thanh tịnh, hướng dẫn mọi người quy y, tụng niệm danh hiệu đức Quán Thế Âm. Được một lúc , Mộc Vị thấy có vật từ không trung rơi xuống, lượn vòng quanh cột nhà. Giật mình nhìn kỹ, chính là kinh Quán Thế Âm. Sai người đọc cho nghe, Mộc Vị rất thích thú, liền giảm bớt hình phạt chém giết. Nhờ thế, thành này thoát khỏi tai họa.

14. Đậu Truyền đời Tấn là người Hà Nội. Giữa niên hiệu Vĩnh Hòa, Cao Xương làm thứ sử Tinh châu và Lữ Hộ, thứ sử Ký châu tranh quyền, gây mối bất hòa cùng nhau. Họ Đậu được Cao Xương cất nhắc làm cung trưởng. Lữ Hộ phái kỵ binh đánh úp, bắt làm tù binh cùng sáu, bảy đồng liêu, đem giam vào ngục, gông cùm chặt chẽ, định ngày xử trảm. Bấy giờ, Sa-môn Chi Đạo Sơn đang ở trong dinh của Lữ Hộ, trước đây có quen biết với họ Đậu, nghe tin, vào tận ngục thăm hỏi. Họ Đậu nói: “Nay tôi mắc nạn, mạng sống chỉ còn từng giờ. Có cách gì cứu vớt được chăng?” Sa-môn bảo rằng: “Nếu biết thành tâm cầu nguyện, chắc chắn sẽ linh nghiệm.”Họ Đậu từng nghe thần lực của đức Quán Thế Âm, liền dốc lòng cầu nguyện suốt ba đêm ngày. Xem lại gông cùm, như nới hơn trước. Cố gắng vận động, bỗng nhiên lỏng lẻo hẳn

trên mình. Lại thành tâm cầu xin thương xót, khiến gông cùm tự nhiên mở ra, nhưng còn đồng bạn, không nỡ thoát thân một mình. Thần lực của đức Quán Thế Âm cứu độ rộng rãi, mong sao mọi người đều được thoát nạn. Nói như thế xong, ông thử kéo lay gông cùm của các đồng liêu. Mọi người lần lượt đều được cởi mở, tựa hồ có người cắt giúp. Tất cả mở cửa chạy trốn. Nhờ đã cảnh giác, nên chẳng ai hay, liền vượt tường ra ngoài. Bấy giờ, đêm đã sắp tàn. Đi được bốn năm dặm, Trời vừa hé sáng. Không dám đi tiếp, phải núp vào bụi rậm. Một hồi, trong ngục phát hiện mất tù, người ngựa rầm rập nối nhau tuôn ra bốn phía tìm bắt. Đốt cỏ, đập cây, không sót chổ nào. Trừ nơi họ Đậu Ẩn núp, hơn một mẫu đất, chẳng kẻ nào đến. Nhờ thế, mới thoát được nạn, trở về quê hương. Mọi người đều kính tin Chánh pháp. Về sau, Sa-môn Chi Đạo Sơn sang Giang nam, gặp cư sĩ Tạ Phu, đem thuật lại đầy đủ câu chuyện. (14 chuyện trên đây rút từ Minh-tường-ký)

15. Trương Hưng đời Tống, vốn người Tân Hưng, cũng tin Phật pháp, từng thọ Bát quan trai giới với các Sa-môn Tăng Dung và Đàm Dực. Vì bọn cướp khai có liên can, ông bỏ trốn. Vợ bị bắt giam vào ngục, chịu tra khảo nhiều ngày. Bấy giờ, huyện phát cháy, phải dời tù ra bên đường. Thấy các Sa-môn đi ngang, người vợ kêu van: “Xin các Hòa thượng ban ơn cứu giúp.” Sa-môn Tăng dung bảo rằng: “Bần đạo sức yếu, không thể cứu nổi. Cần phải siêng năng tụng niệm đức Quán Thế Âm mới mong thoát khỏi.” Người vợ cầu khẩn tụng niệm hơn 10 hôm. Một đêm, mơ thấy vị Sa-môn lấy chân hất vào người, bảo: “Nào, nào, dậy đi!” Người vợ giật mình thức dậy, thấy tất cả gông xiềng đều mở ra, liền chạy ra cửa, nhưng cửa vẫn còn đóng, ngục tốt canh gác rất nghiêm, không tài nào ra được. Sợ bị phát giác, bèn mang lại gông xiềng rồi ngủ quên. Lại thấy vị Sa-môn lúc trước bảo: “Cửa đã mở xong.” Người vợ thức dậy bỏ trốn. Bọn canh gác ngủ vùi, người vợ yên tâm cất bước, lúc ấy Trời rất tối. Đi được mấy dặm, bỗng gặp một người. Người vợ kinh hãi, té nhào xuống đất. Đến khi nghe tiếng, chính là Trương Hưng. Vợ chồng mừng mừng tủi tủi dắt nhau đi suốt đêm đến chùa Sa-môn Tăng Dực, được ngài che giấu nên thoát khỏi tai họa. Đương thời nhằm niên hiệu Nguyên gia năm thứ nhất. (Chuyên trên rút từ Minh-tường-ký)

16. Cuối đời Ngụy, Sa-môn Thích Pháp Lực ở Lổ quận, chưa rõ quê quán, chuyên tu khổ hạnh, có chí xây chùa dựng tháp. Ngài muốn cất ngôi Tinh xá, nhưng chưa đủ khả năng, liền cùng Sa-môn Minh Sâm lên vùng Thượng cốc khất thực hạt mè. Chở về một xe, ngang qua đầm lớn vắng vẻ, thình lình gặp nạn cháy đồng. Xe đi dưới gió, sợ khó thoát

khỏi, Ngài mệt quá, ngủ quên. Đến khi thức giấc, lửa vừa lan đến. Ngài cất tiếng niệm Quán, chưa kịp phát Thế Âm, gió lập tức đổi chiều, lửa cũng tắt theo. Nhờ thế, được bình an trở về chùa. Lại nữa, Sa-môn Đạo Tập vân du ở Tây sơn thuộc vùng Thọ dương, bị hai tên cướp bắt được, trói vào gốc cây, sửa soạn ra tay giết hại. Ngài quyết tâm niệm danh hiệu đức Quán Thế Âm đến chết không ngừng. Bọn cướp giương đao chặt xuống mấy lần đều không hề hấn, liền hoảng sợ bỏ chạy. Nhờ thế, ngài được thoát nạn. Lại nữa, Sa-môn Pháp Thiền lên núi gặp cướp sắp sửa giết chết. Ngài chỉ niệm danh hiệu đức Quán Thế Âm. Bọn cướp giương cung bắn tới, tên không bay đi, liền bỏ ác tâm, liệng cung xuống đất. Cho là gặp phải thần nhân, kinh hoảng chạy trốn. (Các chuyện nhỏ trên đây rút từ Đường-cao-Tăng-truyện)

Tụng rằng:

Đức Phật Năng Nhân
Tùy duyên giáng thế.
Thánh của các Thánh,
Chúa của các chúa.
Sắc tướng ôn hòa,
Kiến giải uyên áo.
Giáo hóa chúng sinh
Diệu lý Trung quán
Soi sáng đường mê
Dịu dàng đuốc tuệ.
Muôn vàn biến hóa,
Trải qua mấy thuở!
Ngày là ráng chiều,
Ngày là mây báu.
Giúp ta, hiện hình,
Thương ta, hóa phép.
Tam thừa đã mở,
Song lâm diệt độ.
Tuy nhập Niết-bàn,
Chánh pháp còn đó!

Thiên thứ bảy: KÍNH PHÁP

Gồm có 6 phần: Thuật ý, Thính pháp, Cầu pháp, Cảm phúc, Pháp sư, Pháp sư, Báng tội.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Từng nghe: Tịch diệt thanh tịnh vốn không tướng không lời; cảm ứng thông thần mới có ngôn từ giáo pháp. Bởi thế, bài kệ bốn câu khó tỏ, lửa độc ba cõi dễ lây. Khiến cho, đêm vắng lạnh lùng, canh khuya trăng sáng, tịch mịch phòng không, đọc tụng kinh điển. Ngâm nga trầm bổng, chữ nghĩa rõ ràng. Ý vị du dương, âm hưởng bất tận. Thích hợp mọi người, lợi ích muôn vật. Gây nên, tâm linh hớn hở, thần trí an vui. Tập luyện lâu ngày, tinh thông nghiã lý. Thành kính tụng niệm, hiệu nghiệm hiển linh. Mới hay, thọ trì được một câu kệ, hưởng thụ phước báo sâu xa; sao chép dù chỉ một lời, công đức siêu thăng mấy kiếp. Do đó, Ca-diếp cúi đầu lãnh Pháp, lột da chẳng chút tiếc thương; tát-đà mở dạ hân hoan, hiến máu không hề ngần ngại. Đây chính là cửa đầu của cam lộ ngọt ngào; đức cuối của kẻ học Đạo vậy.

Thứ hai: PHẦN THÍNH PHÁP

Như kinh Phó-pháp-tạng nói: "Đức Phật bảo, tất cả chúng sinh muốn thoát ly biển khổ lớn lao của sống chết trong Tam giới, hẳn phải nhờ đến thuyền Pháp mới vượt khỏi. Pháp là dòng nước mát tiêu trừ lửa nóng phiền não. Pháp là phương thuốc hay có thể chữa hết bệnh lâu đời. Pháp là đạo sư chân chính của chúng sinh, đem lại nhiều lợi ích, cứu vớt mọi khổ đau. Bởi vì chí hướng chúng sinh vô định, dễ lây tập nhiễm, gần thiện thành tốt, gần ác hóa xấu. Nếu gần bạn xấu, sẽ tạo nghiệp dữ, chịu luân hồi sinh tử chẳng có bến bờ. Nếu gần bạn tốt, sẽ phát sinh lòng kính tin, nghe theo Chánh pháp, chắc chắn thoát khỏi mọi phiền não ở Ba đường. Nhờ công đức này, sẽ hưởng thụ an lạc tuyệt diệu. Quốc vương Hoa Thi có con voi trắng biết tiêu diệt kẻ địch. Nếu ai phạm tội, thường sai chà chết. Về sau, chuồng voi bị cháy, dời về gần chùa. Voi nghe Tỳ-kheo tụng kệ trong kinh Pháp-cú rằng: "Làm thiện sinh lên Trời cao; làm ác đọa xuống vực sâu." Voi trở nên hiền dịu, sinh lòng Từ bi. Mỗi lần giao cho tội nhân, chỉ lấy vòi ngửi, thè lưỡi liếm rồi bỏ đi, không giết chết nữa. Quốc vương thấy thế, lòng rất lo âu, vội triệu quần thần bàn luận. Mưu thần tâu lên: "Voi này ở gần chùa, hẳn đã nghe giáo lý, nên sinh ra như thế. Nay cần dời đến bên lò sát sinh." Quốc vương áp dụng lời ấy. Voi thấy mổ giết, ác tâm

bừng dậy, sát hại càng Tăng. Do đó, phải biết rằng tất cả chúng sinh, chí hướng đều vô định. Súc sinh còn thế, được nghe Chánh pháp, sinh dạ Từ bi; thấy cảnh giết chóc, Tăng lòng sát hại. Con người há không bị tập nhiễm? Bởi vậy, người khôn ngoan phải biết, thấy ác, nên xa; thấy thiện, cần gần, siêng năng nghe lời kinh kệ. Lạ nữa, ngày xưa, có một người Bà-la-môn mang nhiều đầu lâu, bày trò ảo thuật, rao bán khắp kinh thành Hoa Thị rất lâu, nhưng chẳng aimua, liền nổi giận, cất tiếng mắng nhiếc: “Người trong thành này đều ngu độn. Nếu chẳng ai mua, ta sẽ nguyền rủa những điều độc ác.” Bấy giờ có vị thiện nam tử trong thành sợ mắc lời nguyền, đem tiền đến mua. Vị ấy lấy chiếc đũa bằng đồng chọc vào tai, nếu xuyên thấu bên kia, sẽ trả giá cao. Nếu chỉ xuyên vào một nửa, sẽ trả giá hơi thấp. Nếu không xuyên vào, không trả giá nào. Người Bà-la-môn hỏi: “Đầu lâu của ta đều giống nhau, tại sao trả giá khác nhau?” Vị ấy đáp rằng: “Đầu lâu thứ nhất xuyên thấu bên kia, do người này khi sống, nghe được Chánh pháp, trí tuệ cao siêu. Vì quý như thế, nên trả giá cao. Đầu xuyên một nửa, tuy nghe Chánh pháp, chưa biết phân biệt, nên giá trị thấp. Đầu chẳng xuyên qua, do người ấy ngày xưa chẳng nghe Chánh pháp, nên không trả giá.”. Rồi vị ấy mang đầu lâu giá cao ra ngoài kinh thành, xây tháp thờ phụng. Sau khi mệnh chung, sinh lên cõi Trời. Từ nhân duyên này, nên biết Chánh pháp có công đức rất lớn. Vị thiện nam tử đem đầu lâu biết nghe Chánh pháp, xây tháp thờ phụng, còn được sinh lên cõi Trời, huống chi người biết chí tâm nghe lấy Chánh pháp, thành kính cúng dường, thọ trì kinh điển? Phước báo ấy thật vô cùng to lớn, tương lai chắc chắn sẽ thành Đạo Vô thượng. Vì thế, người khôn muốn đạt đến an lạc tuyệt vời, cần phải chí tâm siêng năng lắng nghe kinh điển.”

Kinh Hiền Ngu nói: “Ngày xưa, khi đức Phật còn tại thế, Trưởng giả Tu-đạt ở nước Xá-vệ kính tin Chánh pháp, cúng dường chư Tăng đủ mọi nhu cầu. Trong nhà Trưởng giả có nuôi cặp chim anh vũ. Con thứ nhất tên Luật-đề, con thứ hai tên Xa-luật-đề. Bản tính thông minh, hiểu được tiếng người. Thấy Tỳ-kheo đến, liền cất tiếng kêu, gọi người ra nghinh đón. Về sau, A-nan đến nhà Trưởng giả, thấy chim thông minh, giảng giải cho nghe Tứ diệu đế. Trước cửa có cây cổ thụ, chim nghe xong, bay lên ngọn cây, vui mừng tụng niệm. Ban đêm ở luôn trên cây, vô tình bị chồn hoang ăn thịt. Nhờ duyên lành được nghe Chánh pháp, chim sinh lên Trời Tứ Thiên vương, hưởng trọn phước báo. Đến khi mạng chung, sinh lên Trời Đao-lợi. Tại Đao-lợi mạng chung, sinh lên Trợi Dạ-ma. Tại Dạ-ma mạng chung, sinh lên Trời Đâu-suất. Tại Đâu-

suất mạng chung, sinh lên Trời Hóa lạc. Tại Hóa lạc mạng chung, sinh lên Trời thứ sáu Tha hóa tự tại. Tại Tha hoá tự tại mạng chung, lại sinh xuống Trời Hóa lạc. Cứ thế lần lượt, sinh xuống Trời Tứ Thiên vương. Trời Tứ Thiên vương mạng chung, lại lần lượt sinh lên Trời Tha hóa tự tại. Cứ thế lên xuống 7 vòng, rồi sinh xuống Trời Lục dục, tự do hưởng thụ Thiên báo. Sau đó mạng chung, sinh xuống làm người, xuất gia tu hành, chứng được quả Bích-chi. Vị thứ nhất tên là Đàm-ma, vị thứ hai tên là Tu-đàm-ma."

Lại nữa, kinh Hiền ngu nói: "Ngày xưa đức Phật còn tại thế, có vị Tỳ-kheo tụng kinh giữa rừng, âm thanh trong trẻo. Có con chim nghe Pháp, sinh lòng kính tin. Đang đậu trên cây, bị người tợ săn bắn chết, nhờ duyên lành ấy, chim sinh lên Trời Đao-lợi, sắc tướng trang nghiêm, hào quang sáng láng, không gì sánh nổi. Nhớ lại kiếp trước, nhờ công đức của vị Tỳ-kheo, chim mang hoa Trời đến bên ngài đảnh lễ vấn an và dâng lên cúng dường. Ngài hỏi kỹ biết rõ đầu đuôi, liền bảo chim ngồi xuống, thuyết pháp giúp cho. Nhờ thế, chim chứng quả Tu-đà-hoàn rồi bay về Trời. Loài chim nghe Pháp, còn được phước báo vô biên, huống chi loài người thành tâm nghe Pháp, há chẳng được phước báo tốt lành?"

Luận Thiện-kiến-luật nói: "Ngày xưa, khi còn tại thế, đức Phật đến bên hồ Ca-la tại nước Chiêm-Bà-la, thuyết pháp cho các chúng sinh. Bấy giờ, trong hồ có con hàu nghe tiếng đức Phật, bò ra khỏi hồ, lên nằm dưới rễ cây, lắng nghe thuyết pháp. Một người cầm gậy chăn bò, thấy đức Phật đang ngồi thuyết pháp, liền bước đến gần để nghe, vội cắm gậy xuống đất, vô tình trúng phải đầu, con hàu chết mất. Liền đó, được sinh lên Trời Đao-lợi, hưởng mọi phước báo, có cung điện ngang dọc lớn hai mươi do-tuần, cùng các Thiên nữ vui vầy hoan lạc. Thiên nhân hàu cưỡi cung điện đến bên đức Phật đảnh lễ. Đức Phật đã biết, nhưng vẫn hỏi rằng: "Nhà ngươi là ai, bỗng dưng đến đảnh lễ dưới chân ta, tại sao có được hào quang sáng láng, tướng hảo tuyệt trần, chiếu diệu khắp cả nơi đây?" Thiên nhân hàu nói kệ trả lời:

"Trước đây làm kiếp hàu,
Kiếm ăn chổ nước sâu.
Nghe tiếng Phật thuyết pháp,
Lên nằm dưới rễ cây.
Có kẻ chăn bò ấy,
Cắm gậy nghe Đạo mầu.
Vô tình trúng phải, chết.

Được sinh lên Trời cao.”

Đức Phật đem bài kệ ấy giảng giải cùng tứ chúng. Nhờ thế, tám vạn bốn nghìn Trời người đều chứng Đạo quả. Thiên nhân hàu chứng quả Tu-đà-hoàn, chấp tay kính cẩn lui ra.

Thứ ba: PHẦN CẦU PHÁP

Như kinh Tạp-bảo-tạng nói: “Ngày xưa có một thiếu nữ sáng láng thông minh, rất tin Tam bảo, lên chùa mời hai vị Tỳ-kheo tới nhà cúng dường. Sau đó, một vị Tỳ-kheo già tìm đến khất thực. Vị này, tuổi cao trí kém, không hiểu biết nhiều. Chờ vị này thọ trai xong, thiếu nữ thành tâm xin nghe thuyết pháp, ngồi kết già trước mặt, nhắm mắt lắng nghe. Vị Tỳ-kheo nhận thức không thể thuyết pháp, thấy thiếu nữ nhắm mắt, liền bỏ chạy về chùa. Thiếu nữ chí tâm suy niệm các phép hữu hình đều vô thường, khổ không, không thể tự tại. Trầm ngâm quán tưởng, bỗng nhiên chứng được quả Tư-đà-hoàn. Xong xuôi, thiếu nữ lên chùa tìm vị Tỳ-kheo ấy để tạ ơn. Vị Tỳ-kheo già tự thấy không biết gì, đã bỏ thiếu nữ chạy trốn, sinh lòng hổ thẹn, nên cố lánh mặt. Thiếu nữ cứ cầu khẩn mãi, vị ấy đành phải xuất hiện. Thiếu nữ bẩm rõ nhân duyên đắc Đạo và dâng lễ vật cúng dường. Vị ấy nghe xong, vô cùng hổ thẹn, tự trách rất nhiều và cũng chứng được quả Tư-đà-hoàn. Do đó, hành giả cần phải chí tâm tin thành cầu Pháp. Nếu thế, nguyện vọng chắc chắn sẽ thành tựu.”

Kinh Niết-bàn nói: “Đức Phật bảo, ta nhớ vào thời quá khứ, từng làm một Bà-la-môn tu phép khổ hạnh trong núi Tuyết sơn. Bấy giờ, không có đức Phật xuất thế và cũng chẳng có kinh điển. Trời Đế-thích quan sát thấy Bồ-tát một mình tu phép ấy giữa chổ núi non, liền hiện xuống thử lòng, biến thành hình La-sát dữ dằn đáng sợ, đứng trước mặt Bồ-tát, nói nửa bài kệ:

“Các hành vốn vô thường,
Đều là pháp sinh diệt.”

Bồ-tát nghe được, lòng rất vui mừng, đứng dậy vén tóc, nhìn quanh bốn phía, chẳng thấy ai ngoài La-sát, liền hỏi rằng: “Đại sĩ từ đâu có nửa bài kệ này? Đây là Chánh đạo của chư Phật ba đời.” La-sát đáp lời: “Nhà ngươi không nên hỏi nữa. Ta không ăn uống đã lâu ngày, tìm kiếm khắp nơi, chẳng có gì ăn. Đói khát khổ sở quá, nên buột miệng nói càn. Thật ra, chẳng hiểu gì cả!” Bồ-tát lại nói: “Nếu đại sĩ nói hết bài kệ, tôi sẽ xin làm đệ tử hầu hạ suốt đời.” La-sát trả lời: “Nhà ngươi ham biết quá nhiều, chỉ tự khổ thân. Ta bị đói khát, không thể nói nổi.” Bồ-tát lại

hỏi: "Đại sĩ ăn gì?" La-sát trả lời: "Thức ăn của ta, toàn tthịt người còn ấm; đồ uống của ta, toàn máu người nóng hổi." Nghe xong, Bồ-tát trả lời: "Nếu tôi nghe hết bài kệ, sẽ xin đem thân cúng dường đại sĩ." La-sát trả lời: "Ai tin nổi nhà ngươi, chỉ vì tám chữ, dám hy sinh thân xác đáng yêu?" Bồ-tát dõng dạc trả lời: "Tôi nay có người làm chứng: bốn vị Thiên vương Đại-phạm và chư Phật, chư Bồ-tát làm chứng giúp tôi." La-sát nghe xong, bằng lòng nói nửa bài kệ. Bồ-tát hớn hở vui mừng, lập tức cởi áo da hươu trải làm pháp tọa, thưa rằng: "Xin Hòa thượng ngồi lên và nói giúp cho tôi." La-sát bèn nói rằng:

"Sinh diệt đã diệt xong,
Tịch diệt mới an lạc."

La-sát nói xong, Bồ-tát trầm ngâm suy niệm, viết lên thân cây, vách đá, đoạn trèo lên ngọn cây cao, buông mình nhào xuống, chưa đụng mặt đất, bỗng nhiên giữa hư không nổi lên nhiều tiếng tán thán. Bấy giờ, La-sát hiện lại nguyên hình Đế-thích, ra tay đón lấy Bồ-tát đặt lên, ngỏ lời ăn năn, cúi đầu đảnh lễ và bay về Thiên cung. Nhờ nhân duyên ấy, Bồ-tát vượt qua mười hai đại kiếp, chứng quả Vô thượng trước đức Phật Di-lặc."

Lại nữa, kinh Niết-bàn nói: "Đức Phật bảo, ta nhớ vào vô lượng vô biên ức kiếp trước, thế giới Ta-bà này có đức Phật xuất thế, hiệu là Thích-ca-Mâu-ni, giảng thuyết kinh Niết-bàn cho mọi chúng sinh. Bấy giờ, ta nghe các thiện hữu kể lại chuyện ấy, lòng rất vui mừng, muốn đem cúng dường. Vì nghèo không có tiền của, đành phải bán thân. Ta thật bất hạnh, chẳng có ai mua, bèn sửa soạn về nhà. Nửa đường gặp một người, ta đánh tiếng hỏi: "tôi muốn bán thân, ngài chịu mua không?" Người ấy trả lời: "Công việc của ta chẳng ai làm nổi. Ta mắc bệnh độc, thầy thuốc cho toa, hằng ngày phải ăn ba lượng thịt người. Nếu ông hằng ngày có thể cung cấp cho ta ba lượng thịt trên mình, ta sẽ tặng cho ông năm đồng tiền vàng." Nghe xong, ta vui mừng trả lời: "Làm ơn cho tôi ba ngày thu xếp mọi chuyện, sau đó tôi sẽ xin đến nhà ngài." Người ấy trả lời: "Chỉ cho ông một ngày." Ta liền nhận tiền, mang đến đức Phật, đảnh lễ cúng dường và thành tâm xin nghe kinh ấy. Ta thời ấy si độn, chỉ thọ lãnh bài kệ:

"Như Lai chứng Niết-bàn,
Đoạn tuyệt hẳn sinh tử.
Nếu ai thành khẩn nghe,

Thọ lãnh xong, ta đến nhà người bệnh. Tuy hằng ngày lóc hết 3 lượng thịt, nhưng nhờ tụng niệm bài kệ ấy, nên không thấy đau đớn.

Lần lượt đủ một tháng, người ấy lành bệnh và vết thương của ta cũng lành lặng như thường. Ta bèn phát tâm Bồ-đề, cầu nguyện mai sau, khi thành Phật, cũng lấy hiệu là Thích-ca-Mâu-ni. Nhờ nhân duyên ấy, nay ta mới thành Phật."

Lại nữa, kinh Tập-nhất-thiết-phước-đức-Tam-muội nói: "Vào vô lượng kiếp xa xưa, có vị tiên nhân tên Tối Thắng, đầy đủ năm phép thần thông, hay làm chuyện Từ bi, sau đó suy nghĩ: "Lòng Từ bi chưa đủ cứu độ chúng snh, phải gom góp trí tuệ mới có thể tiêu diệt phiền não, giúp đỡ chúng sinh đổi tà kiến thành Chánh kiến." Nghĩ xong, bèn đi khắp xóm làng thành thị tìm Đạ sư thuyết pháp. Bấy giờ, có Thiên ma đến bảo tiên nhân: "Nay ta có bài kệ do đức Phật nói ra. Nếu người chịu lột da làm giấy, chích máu làm mực, chẻ xương làm bút ghi chép bài kệ ấy, ta sẽ nói cho ngươi nghe." Tiên nhân tâm niệm: "Trong trăm nghìn vô lượng kiếp, ta đã từng cắt xẻo thân thể bố thí cho người khác, chịu đau đớn vô cùng, nhưngchẳng đem lại lợi ích gì cả. Nay ta phải hy sinh thể xác mỏng manh để đổi lấy Chánh pháp chân thật." Nghĩ xong, tiên nhân vui mừng hớn hở, lấy dao bén lột da làm giấy, chính huyết làm mực và chẻ xương làm bút, rồi chấp tay hướng về Thiên ma xin nghe bài kệ của đức Phật. Thiên ma thấy thế, héo hắt buồn rầu, lẫn tránh đi mất. Tiên nhân biết được, liền nói lớn rằng: "Ta nay vì Pháp, không tiếc sinh mạng. Đã lột da làm giấy, chích huyết làm mực, chẻ xương làm bút để giúp chúng sinh. Thành tâm chẳng dối. Các thế giới khác, nếu có vị đại Từ bi, biết thuyết pháp xin hiện ra trước mắt!" Vừa dứt lời, từ phương Đông cách xa ba mươi hai quốc độ, có thế giới tên Phổ Vô Cấu, ở đó có đức Phật hiệu là Tịnh Danh Vương bỗng hiện ra, phóng hào quang lớn chiếu lên mình tiên nhân, giúp tiêu tan mọi đau đớn được bình phục như cũ. Đức Phật bèn thuyết pháp rộng rãi về phép Tam-muội gom góp tất cả mọi phước đức. Tiên nhân nghe xong, chứng được quả biện luận vô ngại. Đức Phật liền biến mất. Nhờ quả ấy, tiên nhân giảng giải Chánh pháp nhiệm mầu cho tất cả chúng sinh đều an trụ ở Đạo quả Tam thừa. Một nghìn năm sau, tiên nhân mệnh chung, sinh vào nước Phổ Vô Cấu của đức Phật Tịnh Danh vương. Nhờ nhân duyên kính Pháp, nay đã thành Phật." Đức Phật bảo Tịnh Uy: "Tiên nhân Tối Thắng ngày xưa chính là ta hôm nay." Bởi thế, nếu có người biết kính cẩn cầu Pháp, chư Phật sẽ vì người ấy, chưa nhập Niết-bàn. Pháp cũng chẳng mất. Dẫu ở quốc độ khác, mắt vẫn thường thấy đức Phật, tai vẫn nghe Chánh pháp."

Thứ tư: PHẦN HƯỞNG PHÚC

Như kinh Phổ Diệu nói: "Nếu có hiền nhân nào nghe kinh này, chắp tay quy y, sẽ từ bỏ tám điều lười biếng căn bản, tạo thành tám loại công đức: 1/ Tướng mạo đoan trang. 2/ Thể lực cường tráng. 3/ Gia quyến đông đúc. 4/ Hùng biện bất tận. 5/ Nhanh chống xuất gia. 6/ Đức hạnh thanh tịnh. 7/ Chứng định Tam-muội. 8/ Trí tuệ sáng suốt, hiểu thấu tất cả. Nếu có pháp sư nào trải tọa cụ tụng niệm kinh này, sẽ hưởng phước đức của tám loại Bảo tọa: 1/ Bảo tọa Trưởng giả. 2/ Bảo tọa Chuyển-luân-vương. 3/ Bảo tọa Đế-thích. 4/ Bảo tọa Trời Tự tại. 5/ Bảo tọa La-hán. 6/ Bảo tọa Bồ-tát. 7/ Bảo tọa Như lai. 8/ Bảo tọa Chuyển pháp luân cứu độ tất cả chúng sinh. Khi pháp sư giảng tụng kinh này, nếu có người nào cất tiếng ca tụng hay thay, sẽ hưởng tám đức hạnh thanh tịnh: 1/ Ngôn hành tương ứng, không mâu thuẩn nhau. 2/ Lời nói thành thật, không giả dối. 3/ Giữa đại chúng, tuyên dương Chấn đế không gian trá. 4/ Lời nói gây tin tưởng, không bị gạt bỏ. 5/ Lời nói dịu dàng, không thô lổ. 6/ Tiếng nói trầm hòa như chim phụng hót. 7/ Thân tâm nhuần nhã, tiếng nói như âm hưởng của Phạm Thiên, tứ chúng nghe qua đều chấp nhận. 8/ Âm thanh như tiếng của đức Phật, hợp ý chúng sanh. Nếu sao chép kinh này, sẽ hưởng phước đức của tám Đại tạng: 1/ Ý tạng: không bỏ dở nửa chùng. 2/ Tâm tạng: hiểu thấu tất cả, phân biệt được các kinh điển. 3/ Vãng lai tạng: lý giải được tất cả các Pháp bảo của chư phật. / Tổng trì tạng: nhớ được mọi điều đã nghe. 5/ Biện tài tạng: thuyết pháp cho chúng sinh, tất cả đều hoan hỷ thọ trì. 6/ Thậm thâm Pháp tạng: bảo vệ Chánh pháp. / Đạo ý Pháp tạng: chưa hề từ bỏ giáo lý của Tam bảo. 8/ Phụng hành Pháp tạng: thanh thản an vui thể hội và thực chủng Chánh pháp."

Lại nữa, kinh Hoa-nghiêm nói: "Thiện nam tử! Giả sử có người lấy biển lớn làm mực, lấy núi chúa Tu-di làm bút, sao chép chỉ một phẩm, một pháp môn, một phương tiện của kinh này, dù biển lớn mực cạn, núi chúa bút mòn, nhưng ý nghiã trong một câu của một phương tiện vẫn còn vô tận."

Lại nữa, luận Đại-thừa-trang-nghiêm nói: "Đối với giáo pháp Đại thừa, các Bồ-tát có mười hành động chân chính: 1/ Ghi chép. 2/ Cúng dường. 3/ Hoằng dương. 4/ Nghe nhận. 5/ Đọc lên. 6/ Dạy dỗ. 7/ Tập tụng. 8/ Giải thuyết. 9/ Chọn lựa. 10/ tụ tập. Mười hành động chân chính này có thể phát sinh vô lượng công đức."

Lại nữa, luân Trung-biên-phân-biệt nói: "tu tập Đại thừa có mười điều: 1/ Ghi chép. 2/ Cúng dường. 3/ Bố thí. 4/ Nếu người khác đọc tụng,

phải chú ý lắng nghe. 5/ Tự đọc. 6/ Tự chọn lọc danh từ, câu văn và ý nghiã đúng với Chánh pháp. 7/ Diễn tả danh từ, câu văn và ý nghiã đúng với Chánh pháp. 8/ Chú tâm nghe tụng. 9/ Ở chổ tịch lặng, suy nghĩ đúng với Chánh pháp. 10/ Đã thâm nhập nghiã lý, đừng để thối thất.”

Lại nữa, kinh Bồ-tát-tạng nói: “Hơn nữa, Xá-lợi tử! Các thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì kinh này, ân cần lắng nghe đọc tụng giảng giải, thậm chí truyền bá rộng rãi cho người khác, nên nhớ những người ấy lại hưởng được mười loại công đức Xưng tán lợi ích: 1/ Thành tựu trí tuệ mẫn tiệp. 2/ Thành tựu trí tuệ lưu loát. 3/ Thành tựu trí tuệ sắc sảo. 4/ Thành tựu trí tuệ nhạy bén. 5/ Thành tưụ trí tuệ bao la. 6/ Thành tựu trí tuệ thâm trầm. 7/ Thành tựu trí tuệ thông đạt. 8/ Thành tựu trí tuệ vô trước. 9/ Thường thấy tất cả chư Phật hiện ra trước mắt và đem lời kệ đẹp đẽ ca tụng chư Phật. 10/ Theo đúng Chánh pháp tham kiến chư Phật và nhờ giải đáp mọi nghi tình. Xá-lợi tử! Như thế gọi là mười loại công đức Xưng tán lợi ích. Hơn nữa, Xá-lợi tử! Các thiên nam tử, thiện nữ nhân thọ trì kinh này, đọc tụng giảng giải, thậm chí truyền bá rộng rãi cho mọi người, nên nhớ những người ấy lại hưởng thêm mười loại công đức Xưng tán lợi ích: 1/ Thường thích xa lánh các bạn xấu. 2/ Thường thích thân cận các đạo sư hiền thiện. 3/ Biết trì hoãn khốn ách của tà ma. 4/ Biết bẻ gãy trận thế của tà ma. 5/ Biết xua tan mọi phiền não. 6/ Thường trừ bỏ mọi tâm vọng động. 7/ Lìa bỏ mọi nẻo hướng về Đường ác. 8/ Quay về mọi nẻo hướng đến Đường an lạc. 9/ Diễn giảng mọi biện pháp vượt khỏi vòng sinh tử nhằm đạt cứu cánh thanh tịnh tịch diệt. 10/ Biết theo học mọi đường lối tu hành của hành Bồ-tát và biết phụng hành mọi lời giáo huấn của chư Phật. Như thế gọi là mười loại công đức Xưng tán lợi ích.”

Lại nữa, kinh Niết-bàn nói: “Pháp là mẹ của chư Phật. Chư Phật từ Pháp sinh ra, nên chư Phật ba đời đều cúng dường Pháp vậy.”

Lại nữa, kinh Độ-vô-cực-tập nói: “Ngày xưa, có vị Tỳ-kheo siêng năng giữ Pháp, rành rẽ tụng kinh Bát-nhã-Ba-la-mật. Mọi người đều rất thích nghe. Có em bé, tuổi mới lên bảy, chăn dê ngoài thành. Từ xa, thấy Tỳ-kheo tụng niệm, liền đến Tinh xá, lễ bái nghe kinh. Vừa đến chổ “sắc không”, lập tứ đốn ngộ. Hỏi lại Tỳ-kheo, không trả lời được. Em bé giải thích giúp cho Tỳ-kheo ý nghiã xưa nay ít nghe nói đến. Tỳ-kheo lấy làm lạ lùng về em bé có trí tuệ phi phàm ấy. Khi ra về, lùa dê đến núi, em bé bị cọp ăn thịt chết đi, sinh vào nhà vị Trưởng giả. Phu nhân mang thai, miệng liền biết đọc kinh Bát-nhã-Ba-la-mật từ sáng

đến tối, chẳng hề ngừng nghỉ. Gia đình Trưởng giả kinh ngạc, cho rằng phu nhân bị chứng quỷ ám. Có vị Tỳ-kheo đến nhà, nghe tiếng đọc kinh, lòng rất vui mừng, bảo rằng: "Phu nhân không bị quỷ ám, đang đọc kinh Phật." Phu nhân bước ra đảnh lễ Tỳ-kheo và thuyết pháp. Những chổ còn vướng nghi tình, chưa kịp hiểu, phu nhân đều giải thích thấu đáo giúp cho. Tỳ-kheo rất vui mừng. Đủ ngày đủ tháng, phu nhân sinh ra một em bé. Mới chào đời, đã chắp tay qùy xuống đọc kinh Bát-nhã-Ba-la-mật. Phu nhân sinh xong, bình thường như trước. Tỳ-kheo bảo rằng: "Đúng là đệ tử nhà Phật, phải nuôi dưỡng chu đáo. Khi trưởng thành, em bé sẽ làm đạo sư của tất cả mọi người. Chúng ta cũng sẽ đến xin thọ giáo." Lên bảy tuổi, đạo đức đầy đủ, siêu việt thế gian, trí tuệ vô lượng. Trong kinh chổ nào thất thoát, đều san định lại. Mẹ con đến đâu, giáo hóa đến đó. Gia đình Trưởng giả lớn nhỏ năm trăm người đều theo học. Tám vạn bốn nghìn người cùng phát nguyện cầu Đạo Vô thượng. năm trăm vị Tỳ-kheo đến nghe thuyết pháp, cũng giải thoát phiền não, chuyên tâm theo học Đại thừa, chứng quả Pháp nhãn tịnh. Em bé đương thời, chính là ta đây. Vị Tỳ-kheo kia là đức Phật Ca-diếp."

Lại nữa, kinh Xá-lợi-Phất-xử-thai nói: "Mẹ mang thai Xá-lợi-phất, mẹ cũng được thông minh." Cao-Tăng-truyện nói: "Mẹ mới mang thai La-thập, trở nên thông minh. Mỗi ngày tụng hằng nghìn bài kệ. Khi thai đã khá lớn, mỗi ngày tụng đến hai ngàn bài kệ. Trước chứng được quả Tu-đà-hoàn, sau chứng được quả Tư-đà-hàm."

Thứ năm: PHẦN PHÁP SƯ

Như kinh Thắng-Thiên-vương nói: "Nếu nơi nào có pháp sư lưu hành kinh này, nơi ấy sẽ có Như Lai đi đến. Đối với Pháp sư, phải sinh lòng tôn sư trọng Đạo như đối với Như Lai. Gặp pháp sư ấy, phải cung kính hoan hỷ, tôn trọng tán thán." Kinh ấy còn nói: "Dẫu ta trụ thế một kiếp hay chưa đầy một kiếp, để nói công đức của pháp sư lưu hành kinh này, cũng không thể nói hết. Nếu pháp sư ấy đến đâu, các thiện nam tử, các thiện nữ nhân nên chích máu vẩy lên mặt đất, khiến bụi bặm đừng nổi lên. Dẫu cúng dường đến thế cũng chưa đủ, vì rất khó thọ trì Chánh pháp của Như Lai."

Lại nữa, kinh Hoa-nghiêm nói: "Giống như chim kim-sí chúa bay lượn rồi dừng lại giữa từng không, lấy hai mắt sáng quắc quan sát long cung dưới đáy đại hải, vận dụng thần lực quạt hai cánh rẽ đôi nước biển, thấy đàn rồng nam nữ có con nào tận số liền bắt lấy, chim kim-sí chúa Như Lai Ưng cúng Đẳng Chánh giác cũng an trụ tự tại giữa tầng

không, đưa đôi mắt thanh tịnh quan sát mọi chúng sinh trong các cung điện khắp giới. Nếu có ai thiện căn đã chín muồi, liền cổ động đôi cánh Chỉ quán thập toàn dũng mãnh, mở rộng nước biển ái sinh tử, đáp ứng nguyện vọng muốn vượt khỏi biển sinh tử ấy, phá tan mọi vọng tưởng đảo điên, giúp kẻ ấy đứng vững trên đường thanh thản của Như Lai."

Lại nữa, kinh Niết-bàn nói: "Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân nào nghe tên kinh này, bị đọa vào Bốn đường ác, chắc chắn không có điều ấy. Nếu chúng sinh nào chỉ một lần nghe tên kinh này, có thể tiêu trừ mọi tội nghiệp vô gián." Kinh ấy còn nói: "Nếu chúng sinh nào chỉ một lần nghe tên kinh này, suốt bảy kiếp về sau sẽ không đọa vào Đường ác." Nếu chúng sinh nào biết được Như Lai thường trụ bất biến, hoặc chỉ một lần nghe âm thanh hai tiếng thường trụ, sẽ được sinh lên Thiên giới. Sau này,, khi giải thoát, sẽ chứng được quả thường trụ bất biến của Như Lai."

Lại nữa, kinh Hoa-nghiêm nói: "Nếu nghe một câu Pháp chưa từng nghe, còn hơn được châu báu khắp Ba nghìn đại thiên thế giới. Vị Bồ-tát nghe một câu kệ chánh pháp, sinh lòng siêu thoát, còn hơn được ngôi báu Chuyển-luân-vương."

Lại nữa, kinh Pháp-hoa nói: "Nếu thiện nam tử, Thiên nữ nhân nào thọ trì kinh Pháp-hoa này, hoặc đọc hoặc tụng, hoặc giải thích hoặc sao chép, người ấy sẽ hưởng được tám trăm công đức thuộc về mắt, một ngàn hai trăm công đức thuộc về tai, tám trăm công đức thuộc về mũi, một ngàn hai trăm công đức thuộc về lưỡi, tám trăm công đức thuộc về thân và một ngàn hai trăm công đức thuộc về ý."

Lại nữa, kinh Niết-bàn nói: "Sau khi ta nhập diệt, nếu có chúng sinh nào nghe được kinh điển Đại thừa vi diệu này, sinh lòng kính tin, phải biết rằng người ấy, vào hằng trăm nghìn ức kiếp sau, sẽ không đọa vào Đường ác."

Kinh ấy còn nói: "Nếu phát tâm ở một hà sa chư Phật, sau đó mới không thể phỉ báng Pháp này trong thời hung ác. Yêu quý kinh này, nhưng không thể nói lại rõ ràng cho kẻ khác. Nếu phát tâm ở hai hà sa chư Phật, sau đó mới không thể phỉ báng Pháp này trong thời hung ác. Biết kính tin, thọ trì đọc tụng, nhưng không thể nói lại rõ ràng cho kẻ khác. Nếu phát tâm ở ba hà sa chư Phật, sau đó mới không thể phỉ báng Pháp này trong thời hung ác. Thậm chí sao chép kinh điển, nói lại cho kẻ khác, nhưng chưa thể hiểu được ý nghiã cao thâm. Nếu phát tâm ở bốn hà sa chư Phật, sau đó mới không thể phỉ báng Pháp này trong thời hung ác. Thậm chí sao chép kinh điển, nói lại rõ ràng cho kẻ khác, chỉ

được một phần mười sáu ý nghiã. Nếu phát tâm ở năm hà sa chư Phật, thậm chí trong thời hung ác, đem nói lại rõ ràng cho kẻ khác nghe, cũng chỉ được tám phần mười sáu ý nghiã. Nếu phát tâm ở sáu hà sa chư Phật, thậm chí trong thời hung ác, đem nói lại rõ ràng cho kẻ khác nghe, cũng chỉ được mười hai phần mười sáu ý nghiã. Nếu phát tâm ở bảy hà sa chư Phật, thậm chí trong thời hung ác, đem nói lại rõ ràng cho kẻ khác nghe, cũng chỉ được mười bốn phần mười sáu ý nghiã. Nếu phát tâm ở tám hà sa chư Phật, thậm chí trong thời hung ác, sao chép kinh này, hay khuyên kẻ khác sao chép, tự mình nghe lấy hay khuyên kẻ khác nghe theo, đúng như Chánh pháp tu hành, như thế mới hiểu hết ý nghiã thâm thúy."

Thứ sáu: PHẦN TỘI PHỈ BÁNG

Nay đời gần hết, Pháp theo người lầm, Đạo tục lạm dụng. Đảo ngược chân lý, truyền bá nhảm xằng, giả chân lẫn lộn. Kinh điển không lo tu học; sách phàm mãi miết đọc say. Nếu có sao chép, chẳng chút ân cần. Đã không giữ cho trong sáng, lại làm thêm nhiều sai lạc. Kinh sắp chung giường, hoặc để trước cửa. Gió mưa mối mọt, chẳng hề sợ lo. Khiến cho kinh điển không còn tác dụng hiển linh, đọc tụng nào thấy lợi ích cứu khổ. Thật do chế tác không được tinh thành và bởi cái ta ngày càng kiêu ngạo. Vì thế, kinh Kính-phúc nói: "Thiện nam tử! Sao chép kinh điển, đừng đảo điên ý nghiã quan trọng của một chữ. Nếu không, sẽ bị đọa vào đường mê nẽo tối suốt năm trăm kiếp, tai không được nghe Chánh pháp vi diệu cao siêu."

Lại nữa, kinh Đại-tập nói: "Nếu chúng sinh nào, vào thời quá khứ, tạo các nghiệp ác như phá hoại Chánh pháp, phỉ báng Thánh Tăng, cản trở thuyết pháp, hoặc sao chép kinh điển, tẩy xóa chữ nghiã, hoặc phá phách Pháp khác, hoặc lén giấu kinh khác, do nghiệp nhân này, sẽ bị quả báo mù mắt."

Lại nữa, kinh Đại-bát-nhã nói: "Đức Phật bảo, các thiện nam tử, các Thiên nữ nhân, khi sao chép kinh Bát-nhã-Ba-la-mật-đa rất cao thâm, nếu nhăn mặt, vươn vai ngáp vặt, đùa giởn vô cớ, cùng chen lấn nhau, thân tâm loạn động, khiến câu văn sai lạc, nghiã lý mù mờ, không đạt diệu chỉ. Gặp chuyện xảy ra, bỏ ngang không chịu sao chép cho xong. Phải biết rằng hạng người này gọi là Bồ-tát ma quỷ."

Lại nữa, kinh Đại-thừa-liên-hoa-tạng nói: "những kẻ giữ gìn giới luật nhà Phật, chẳng chăm lo bảo vệ thế hệ tương lai, lại nói, ta đối với giáp pháp Đại thừa, mịt mờ như đêm tăm tối, hay co rằng ta đã hiểu trọn

Phật pháp. Nhưng kẻ ấy sẽ chịu hình phạt khổ sở không thể nói hết ở địa ngục Giáo thép. Sau khi thoát khỏi, sẽ bị đui điếc ngọng câm, không được trông thấy Chánh pháp."

Lại nữa, luận A-nan-thỉnh-giới-luật nói: "Các Tăng ni và cư sĩ đọc kinh luật lận, nếu vừa đi vừa giở, không kính cẩn, sẽ mắc tội trọng, đọa vào Đường súc sinh, làm hươu nai, luôn luôn gầy gò ốm yếu khó chịu suốt hai ức năm, tính theo ngày tháng thật dài ở Trời Đao-lợi. Nếu vô cớ đùa giởn, chụp giựt kinh luật luận, cũng sẽ bị quả báo ấy. Nếu để kinh trước phòng ốc mái hiên, sẽ mắc tội trọng, đọa vào Đường súc sinh, làm heo chó suốt hai ức năm, tính theo ngày tháng thật dài ở Trời Đao-lợi. Khi được sinh làm người, suốt một ức năm, luôn luôn chịu cảnh ở đậu ăn nhờ, không được thoải mái."

Lại nữa, kinh Đại-phẩm nói: "Vì bọn người ấy phỉ báng chư Phật Nhất thiết trí ba đời và phá hoại sự nghiệp Chánh pháp, nên bị đọa vào Đại địa ngục suốt vô lượng trăm nghìn vạn ức năm. Khi Hoả kiếp nổi lên, sẽ từ Đại địa ngục này di chuyển đến sinh vào Đại địa ngục khác. Lần lượt như thế, trải khắp các Đại địa ngục mười phương chịu vô lượng khổ sở, nhưng tội lổi do nhân duyên phỉ báng và phá hoại ấy vẫn còn. Khi Hoả kiếp nổi lên, lại đến sinh vào các quốc độ trong mười phương khác, đọa vào Đường súc sinh, chịu tội lổi do nhân duyên ấy. Khi tội chuyển nhẹ, đôi khi được sinh làm người mù, người thuộc giai cấp hạ tiện, dọn hố xí, vác xác chết. Chỉ có một mắt hoặc mù lòa, hoặc không lưỡi, không tai, không tay. Trong nước ấy không có đức Phật, không có Chánh pháp, không có Thánh Tăng ra đời giáo hóa. Tại sao thế? Vì mầm mống phỉ báng và phá hoại Chánh pháp còn tích tập sâu dày."**

Lại nữa, kinh Niết-bàn nói: "Nếu người nào không tin tưởng kinh này, hiện tại phải chịu vô số bệnh tật hành hạ và nhiều người khác nhục mạ. Kiếp sau, bị người khinh rẻ, diện mạo xấu xa, mưu sinh khó khăn, không được sung túc. Thỉnh thoảng kiếm được chút ít phẩm vật tồi xấu, lại thường phải sống trong cảnh bần tiện nghèo nàn. Kẻ tà kiến phỉ báng Chánh pháp, sau khi mạng chung, sẽ sinh vào đời loạn lạc đói kém, giặc giả nổi đầy, vua chúa bạo tàn, oan gia thù hận. Tuy có bạn hiền nhưng không gặp gỡ, mưu sinh chật vật khó khăn, thường bị đói khát. Chỉ quen biết với kẻ nghèo hèn, vua quan không ngó ngàng đến. Giả thiết có mưu lược trình bày, vẫn không được đem ra xử dụng. Kẻ ấy giống chim gãy cánh, không thể bay xa. Đến khi mạng chung, không được sinh vào cõi Trời người tốt đẹp."***

Lại nữa, kinh Pháp-hoa nói: "Dẫu khi đức Phật còn tại thế, hay

sau khi đã nhập diệt, nếu kẻ nào phỉ báng kinh này, hoặc thấy người trì tụng, đem lòng khinh thường ganh ghét, nuôi chí giận hờn, nay ông hãy lắng nghe tội lỗi của kẻ ấy. Sau khi mạng chung, kẻ ấy sẽ bị đọa vào địa ngục Vô gián suốt một kiếp. Hết kiếp lại sinh vào đấy. Cứ thế cho đến vô lượng kiếp. Khi ra khỏi lại bị đọa vào Đường súc sinh suốt vô lượng kiếp, chịu mang tật ngọng điếc, cơ thể bất toàn. Này Xá-lợi-phất! Kể đến tội lổi của kẻ phỉ báng kinh này thật đủ, dẫu hết kiếp cũng chẳng xong!”

Tụng rằng:

Truyền bá Tam tạng,
Dạy dỗ Bát nhân.
Chúng sinh đều thấm,
Thể ngộ bến Huyền.
Rực như nắng Hạ;
Ấm tựa sáng Xuân.
Lâu nay khô héo,
Bỗng mát tinh thần.
Gom lại, phúc ngập;
Mở ra, tuệ bừng.
Nghĩ càng bất tận,
Lợi lạc tối tân.
Xứng danh từ phụ;
Đáng gọi Năng Nhân.
Khắp cả Khổng Lão,
Sánh được bao phần?

Chú thích:

*Trong 20 truyện linh nghiệm này, cũng như trong những truyện linh nghiệm khác, tác giả đã sưu tập từ nhiều sách khác nhau. Có những truyện cùng một nội dung, nhưng hình thức kết cấu đôi khi hơi khác biệt. Có thể tác giả muốn trưng dẫn đầy đủ để người đọc tiện đối chiếu, nhận định lại. Nếu thế, người dịch phải dịch đủ, nhưng tác phẩm quá nhiều, thời gian và điều kiện làm việc không cho phép, nên người dịch lựa lại truyện nào gọn gàng, đặc sắc nhất để dịch ra thôi. Thí dụ truyện thứ tư và truyện thứ mười lăm viết về Sa-môn Pháp Thuần được rút từ các sách Minh-tường-ký và Lương-Cao-Tăng truyện, chỉ dịch chuyện thứ tư. Chuyện thứ mười một và mười tám viết về Sa-môn Đạo Thái được rút từ các sách Minh-tường-ký đã dịch ở các quyển trước, nên lược lại. Cũng thế, chuyện thứ mười chín nói về Tôn Kính Đức cũng đã dịch

ở các quyển trước, nên lại lược. Do đó, chỉ còn lại mười sáu truyện.

**Nguyên văn đọan này quá dài dòng, nặng nề, nên đã lược bớt cho gọn gàng, nhẹ nhàng, nhưng vẫn đầy đủ ý chính.

***Lượt bớt đoạn sau nói về phước báo của người nghe kinh, vì tiêu đề ghi là Tội phỉ báng, nên người dịch phải làm như thế, cho thuần lợi thời gian.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 18

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Trích dẫn sơ lược 41 truyện linh ứng:

1. Linh ứng chép trong Hán-pháp-bản-nội-truyện. 2. Cư sĩ Đinh Đức Chân đời Tấn. 3. Cư sĩ Châu Mẫn đời Tấn. 4. Cư sĩ Đổng Cát đời Tấn. 5. Cư sĩ Châu Đang đời Tấn. 6. Cư sĩ Tạ Phu đời Tấn. 7. Sa-môn Thích Đạo An đời Tấn. 8. Sa-môn Thích Tăng Tịnh đời Tấn. 9. Sa-môn Châu Sĩ Hành đời Ngụy. 10.Sa-môn Thích Chí Trạm đời Ngụy. 11. Sa-môn ở chùa Ngũ Hầu đời Ngụy. 12. Quan nôi giám giữa niên hiệu Thái Hoà đời Ngụy. 13. Sa-môn Thích Tuệ Nghiêm đời Tống. 14. Tỳ-kheo ni Thích Trí Thông đời Tống. 15. Sa-môn Thích Tuệ Khánh đời Tống. 16. Sa-môn Thích Tuệ Bảo đời Tề. 17. Cư sĩ Hà Quy đời Lương. 18. Vua Cao tổ Vũ đế nhà Châu. 19. Nghiêm Cung ở Dương châu đời Trần. 20. Vị Tăng vô danh ở Dương châu đầu đời Tùy. 21. Sa-môn Thích Tuệ Ý đời Tùy. 22. Sa-môn Thích Pháp Tạng đời Tùy. 23. Vị du Tăng vô danh đời Tùy. 24. Sa-môn Thích Trí Uyển đời Đường. 25. Sa-môn Thích Đạo Tích đời Đường. 26. Sa-môn Thích Di Tục đời Đường. 27. Lệnh hồ Nguyên Quỹ ở Long châu đời Đường. 28. Sử Ha Thệ ở Giao Nam đời Đường. 29. Thư sinh họ Tuân ở Ích châu đời Đường. 30. Sa-môn Thích Đàm Vận đời Đường. 31. Đô thủy sứ giả Tô Trường đời Đường. 32. Phu nhân họ Đậu đời Đường. 33.Tư mã Liễu Kiệm ở Hình châu đời Đường. 34. Triệu văn Tín ở Toại châu đời Đường. 35. Huyện thừa Lưu Bật ở Bồng châu đời Đường. 36. Giả Đạo Tiện ở Lạc châu đời Đường. 37. Lục Hoài Tố ở Ngô quận đời Đường. 38. Tư mã Kiều Khanh ở Hà nội đời Đường. 39. Tôn Thọ người Bình châu đời Đường. 40. Lý Kiền Quán ở Trịnh châu đời Đường. 41. Chuyện linh ứng tại huyện Tế âm thuộc Tào châu đời Đường.

1. Sách Hán-pháp-bản-nội-truyện nói: “Vua Hán Minh đế sai phái đoàn Sái Âm, Trương Cảnh gồm 18 người sang nước Thiên Trúc rước các ngài Ma-đằng, Pháp-lang và mang kinh điển chở về. Nhà vua hỏi:

“Đấng Pháp vương ra đời, tại sao không đến giáo hóa nơi đây?” Ngài Ma-đằng đáp: “Nước Ca-tỳ-la-vệ bên Thiên trúc ở giữa hằng trăm ức mặt Trời mặt trăng và 3 nghìn đại thiên thế giới. Thậm chí các bậc Trời, rồng, người, quỷ đủ lực hạnh nguyện đều sinh vào đấy, thọ trì Chánh pháp của đức Phật và cùng ngộ Đạo. Chúng sinh các nước khác không có nhân duyên ấy. Vì thế, đức Phật không sang tới đây. Tuy nhiên, hào quang của ngài vẫn chiếu diệu tận nơi. Hoặc năm trăm năm, hoặc một ngàn năm, hoặc hơn một ngàn năm đều có các bậc Thánh Tăng sang đây truyền bá Phật pháp.” Nhà vua nghe nói, rất vui lòng.” Sách ấy còn chép: “Ngày mồng một tháng giêng năm Vĩnh Bình thứ mười bốn, đoàn đạo sĩ khắp năm non gồm sáu trăm chín mươi người đến triều kiến xong, dâng biểu xin đấu phép ăn thua với chư Tăng Tây Vức. Nhà vua truyền thượng thư lịnh Tống Tường dẫn vào, ban rằng: “Vào ngày rằm tháng giêng này, triệu tập đông đủ ở cửa Nam chùa Bạch mã, ta sẽ cho dựng ba đàn.” Đến ngày, các đạo sĩ năm non tám núi mang ba trăm sáu mươi chín quyển kinh tôn trí ở đàn phía Tây. Chư tử khắp hai mươi bảy môn phái mang hai trăm ba mươi lăm quyển kinh tôn trí ở đàn trung ương. Phẩm vật thờ cúng chư thần tôn trí ở đàn phía Đông. Nhà vua sai lập hành điện bên đường thuộc phía Tây cổng chùa, tôn trí xá-lợi và kinh Phật. Bấy giờ, các đạo sĩ ôm củi, lau khô, mồi lửa đi vòng quanh đàn, đến trước kinh kêu khóc rằng: “Nhà vua mê tín tà thuyết, bỏ mất Đạo huyền. Xin rước kinh điển lên đàn, nổi lửa để thử linh nghiệm, phân biệt giả chân.” Rồi châm lửa đốt kinh. Tất cả đều cháy thành tro bụi. Đám đạo sĩ thấy thế, nhìn nhau thất sắc, có kẻ muốn độn thổ, thăng thiên. Mọi phép thần chú đều không linh nghiệm. Thật vô cùng xấu hổ! Thái phó Trương Diễn bảo rằng: “Hôm nay các ngài không có phép thuật nào linh ứng, nên cắt tóc quy y theo Phật pháp với chư Tăng Tây Vức!” Bấy giờ, bọn đạo sĩ Chữ Thiện Tín lặng thinh không trả lời. Bọn Phí Thúc Tài bên Nam nhạc phát tức đến chết! Xá-lợi của đức Phật phóng hào quang ngũ sắc lên Trời, toả thành tán quý che kín mặt nhật, chiếu diệu đại chúng. Pháp sư Ma-đằng vút mình bay lên, tự do biến hóa. Rồi Trời đổ mưa hoa quý báu xưa nay chưa từng thấy. Pháp sư Pháp-lan giảng giải những điều mới lạ chưa từng nghe. Tư không Lưu Tuấn, các quan ở kinh thành, các phu nhân tại hậu cung và đám đạo sĩ Lữ Huệ Thông ở bốn núi hơn một ngàn người xin xuất gia, được nhà vua chấp thuận, cho lập mười ngôi chùa. Bảy ngôi ở ngoài kinh thành dành cho chư Tăng, ba ngôi ở trong thành dành riêng cho các vị ni. Sau đó, Phật pháp hưng thịnh, chùa cất càng nhiều cho đến hiện nay. (Chuyện

trên rút từ sách Hán-pháp-bản-nội-truyện)

Đinh Thừa ở Tế âm đời Tấn, tự là Đức Chân, làm huyện lệnh tại Ngưng âm giữa niên hiệu Kiến an. Bấy giờ, có người đàn bà cư ngụ ở mạn Bắc, ra giếng phía ngoài múc nước, gặp người Hồ mắt sâu mũi dài đến xin uống rồi biến mất. Người ấy chợt nổi cơn đau bụng, càng lúc càng nhiều, đến nỗi phải khóc la. Một lát, bỗng dưng ngồi bệt xuống, múa tay nói tiếng Hồ. Mấy chục hộ trong ấp cùng kéo ra xem. Người ấy kêu đưa giấy bút để viết sách. Được bút, liền viết chữ Hồ thành hàng ngang, kiểu giống chữ ất chữ tỵ. Đầy 5 trang giấy xong, liệng bút xuống đất, bảo mọi người đọc thử. Cả ấp không ai đọc nổi.. Thấy em bé hơn mười tuổi, người ấy chỉ vào, bảo em có thể đọc được! Em bé cầm sách, đọc ra tiếng Hồ. Mọi người kinh ngạc, chẳng nói nên lời. Người ấy lại dạy em bé nhảy múa. Em bé bèn nhón chân, vỗ tay họa theo, một lát thì ngừng lại. Mọi người đem bẩm lên huyện lịnh. Đức Chân triệu người ấy cùng em bé đến hỏi. Cả hai đều mập mờ không nhớ rõ lại. Đức Chân muốn xác minh sự thật, sai thuộc hạ mang sách đến hỏi vị Tăng kỳ cựu người Hồ ở chùa Hứa hạ. Vị Tăng giật mình, bảo rằng: “Lâu nay, trong kinh Phật mất chữ, ngại nỗi đường sá xa xôi, không thể đi tìm kiếm bổ sung. Dẫu đọc tụng, nhưng không đầy đủ. Đây chính là bản gốc.” Bèn xin giữ lại để sao chép.

3. Châu Mẫn, người Nhữ nam đời Tấn, làm tướng quân hộ quân. Gia đình mấy đời thờ Phật. Gặp loạn Tô Tuấn, sĩ phu trong nước chạy trốn tứ tung. Nhà ông có bộ kinh Đại-phẩm-niết-bàn chép lên hai mặt nửa vuông lụa dài tám trượng. Ngoài ra, còn có mấy túi kinh khác. Bộ Đại-phẩm cũng đựng trong đó. Khi chạy giặc, không thể mang theo tất cả, ông rất tiếc bộ Đại-phẩm ấy, nhưng quá hoảng hốt, không nhớ cất ở túi nào. Vội vàng sắp đi, không kịp mở ra tìm kiếm, ông đành than thở ngậm ngùi. Bỗng nhiên bộ kinh ấy ló ra ngoài, ông giật mình mừng rỡ ôm theo. Từ đó, họ Châu đời đời tôn kính, xem là gia bảo, đến nay hãy còn.” Một thuyết khác nói: “Vợ của Châu Tung là bà Hồ thị có bộ Đại-phẩm viết trọn lên mảnh lụa lớn năm tấc và một hạt xá-lợi đựng trong bình bằng bạc. Tất cả được cất kỹ trong tráp. Gặp cơn hoạn lạc dưới niên hiệu Vĩnh gia, bà chạy sang vùng Giang nam. Kinh và xá-lợi chợt ló ra ngoài, bà giấu vào người mang đi. Có lần gặp hoả tai, không kịp lấy kinh, khi tàn ngọn lửa, lại tìm thấy dưới lớp tro than, y nguyên như cũ. Vương Đạo Tử ở Cối kê có đến nhà Châu Tung xin thỉnh về phụng thờ. Sau đó, kinh ấy cũng nằm ở chùa Tân chữ. Lưu Kính Thúc bảo rằng: “Ta từng thấy được kinh ấy. Chữ lớn bằng hạt mè, nét bút san

sát khéo léo." Chùa Tân Chữ là chùa Thiên an hiện nay. Kinh ấy do cao Tăng đắc đạo Thích Tuệ Tắc viết nên. Cũng có người nói kinh ấy ở chùa Giản Tịnh, được ni trưởng ở đấy đem ra đọc tụng.

4. Đổng Cát đời Tấn, vốn người ở đất Ô tiềm, gia đình thờ Phật đã ba đời. Đến ông, càng thêm tinh tiến, thường trai giới tụng kinh Thủ-lăng-nghiêm. Trong làng có người bệnh hoạn, mời ông đến tụng kinh, phần đông đều bình phục. Hà Hoảng, người cùng huyện, cũng là kẻ sĩ mộ Đạo. Giữa niên hiệu Hàm Hoà, bỗng bị chứng độc trên núi hành hạ khổ sở. Người anh lo sợ, vội chạy sang mời ông. Hai nhà xa nhau khoảng sáu bảy chục dặm, lại cách một dòng khe lớn, giữa tháng năm đang mưa to. Khi người anh qua khe, nước chưa dâng lên. Ông hẹn đúng trưa sẽ sang, nhưng nước đã dâng cao, không thể qua được. Ngồi trên bờ rất lâu, ông chần chờ than thở. Muốn bước xuống, song không dám lội qua. Là người thủ tín, cần phải đúng hẹn, ông liền phát nguyện rằng: "Đệ tử cứu người khốn khổ, không tiếc sinh mạng. Xin đức Như Lai chứng giám cho tấm lòng thành." Lập tức cởi áo bọc kinh đội trên đầu rồi lội thẳng xuống. Độ chừng sẽ ngập đến cổ, ngờ đâu, nước chỉ lên đến gối. Qua được bờ kia, lại mất bọc kinh! Ông rất ân hận, xăm xăm cất bước đến nhà Hà Hoảng. Đảnh lễ sám hối, ông rơi lệ xót xa. Bỗng thấy bọc kinh đặt trên hương án. Ông mừng mừng tủi tủi cầm lên, như còn phảng phất hơi nước. Thử mở ra xem, kinh vẫn ráo khô! Thấy thế, người trong làng đều xin thờ Phật. Phía Tây bắc đất Ô tiềm có ngọn núi cao hiểm trở, chứa nhiều ma quái chuyên hại dân lành. Ông muốn dùng thần lực của kinh luật thu phục bọn chúng, liền ra tay chặt cây trên khoảng đất chừng bốn năm mẫu bên cạnh núi, cất lên căn nhà nhỏ rồi đặt hương án tụng kinh Thủ-lăng-nghiêm. Hơn một trăm ngày,, chẳng nghe động tịnh, dân chúng tạm yên. Sau đó, có mấy người kép đến nói chuyện rất lâu. Ông nghĩ, bọn khách này không phải người Ô tiềm. Chổ này xa xôi hẻo lánh, đến để làm gì. Chắc là bọn ma quái. Liền hỏi: "Phải chăng quý vị là ma quỷ nơi đây?" Đám người ấy đáp: "Đúng thế! Bọn tôi nghe tiếng ngài đạo hạnh cao siêu, nên đến xem thử, đồng thời cũng yêu cầu một việc, mong ngài nhận lời. Bọn tôi chiếm giữ ngọn núi này đã lâu đời, làm nơi sinh sống rong chơi. Ngài đã đến đây, sợ sẽ đụng chạm, nên không an lòng. Nay muốn phân chia lại địa phận, diệt cây làm ranh giới." Ông bảo: "Tôi thích nơi đây thanh tịnh để tụng niệm kinh điển, không có ý hại nhau. Là chổ láng giềng, xin quý vị giúp đỡ!" Bọn ấy đáp rằng: "Bọn tôi cũng nhờ cậy ngài đừng xâm lấn." Nói xong, liền kéo nhau đi. Qua hôm sau, tất cả cây cối khắp bốn phía ở ngoài chổ

đất do ông khai khẩn đều héo úa chết khô, giống như bị đốt cháy. Ông sống đến tám mươi bảy tuổi mới mất.

5. Châu Đang đời Tấn, người đất Diễm thuộc Cối ke, gia đình đời đời thờ phụng Chánh pháp. Năm lên mười sáu tuổi, rau dưa trai giới, tụng niệm kinh điển đã quen. Tháng giêng ăn chay xong, nhờ chư Tăng lập phép Bát quan trai rồi đến chùa tại thị trấn cung thỉnh các đại sư Trúc Phật-mật và Chi Pháp Giai. Ngài Phật-mật khiến ông tụng bộ Tiểu-phẩm-Bát-nhã để cùng tụng lướt qua hôm cử hành trai lễ. Đúng ngày, ba đại sư đến, nhưng quên mang kinh theo. Thọ trai xong, chuẩn bị tụng kinh mới nhớ ra, trong lòng rất buồn bực. Nhà ông ở làng Bản di, cách chùa ba mươi dặm, không biết sai ai đi lấy kinh. Khi nhập định thắp nhang xong, cả nhà ấm ức không có bộ kinh, càng thêm thắc thỏm. Bỗng có người gọi cửa, bảo mang kinh đến. Ông vừa ngạc nhiên vừa mừng rỡ chạy ra mở cửa, thấy một thiếu niên mặc áo vải mũ vải, chưa từng quen biết, lại không phải người đời nay. Nghi là thần nhân, ông quỳ xuống nhận kinh và mời vào. Thiếu niên từ chối, hẹn tối sẽ đến nghe kinh. Khi các đại sư ra xem thì đã biến mất, chỉ còn lại mùi hương thoang thoảng khắp nhà. Nhìn lại, chính là bộ Tiểu-phẩm-bát-nhã-ba-la-mật. Mọi người đều xôn xao mừng sợ. Kinh ấy trước đây được cất kỹ vào hòm, đóng khóa cẩn thận. Về xem, khóa vẫn y nguyên như cũ. Do đó, hơn mười nhà trong làng đều xin quy y Chánh pháp và càng yêu kính ông hơn. Ông bèn xuất gia, lấy đạo hiệu là Đàm Nghi, tụng niệm kinh điển Đại tạng đến hai mươi vạn lời.

6. Tạ Phu đời Tấn, tự Khánh Tự, người huyện Sơn âm thuộc Cối kê, là con người anh của tướng quân Di Chi. Từ nhỏ, nuôi chí cao thượng, ẩn cư tại Đông sơn, tin tưởng Chánh pháp, tinh cần không biết mỏi mệt. Ông tự tay chép kinh Thủ-lăng-nghiêm và từng ở chùa Bạch mã tại kinh thành. Gặp cơn hoả hoạn lan đến, mọi vật cùng kinh điển trong chùa đều cháy rụi. Kinh bnày chỉ bị sém phần giấy bên ngoài, chữ nghiã vẫn còn đủ. Khi ông mệnh chung, thân hữu nghi ông đã dắc Đạo, nghe kể chuyện kinh này, họ càng thêm lạ lùng. Năm Nguyên Gia thứ tám, khắp thành Bồ bản ở Hà đông bị hoả hoạn lớn. Lửa từ dưới sông bay lên, không sao cứu chữa. Đồn giặc, nhà dân đều bị thiêu rụi, riêng Tinh xá, chùa tháp hoàn toàn không bắt lửa. Phần đông nhà có kinh tượng trong làng cũng không hề hấn. Dẫu có nhà bị cháy, nhưng bới dưới đóng tro tàn, vẫn gặp kinh sách còn y nguyên chữ nghiã. Cả thành đều lấy làm lạ, càng thêm kính tin. (5 chuyện trên đây rút từ sách Minh-tường-ký)

7. Chuyện về Sa-môn Thích Đạo An này đã dịch ở quyển 16.

8. Sa-môn Tịnh Tăng ở Thục quận đời Tây Tấn, xuất gia từ thuở nhỏ, chuyên tu khổ hạnh. Ngài làm toạ chủ chùa tam hiền trong quận, thường tụng kinh Pháp-hoa. Mỗi lần tụng trong núi, ban đêm có cọp đến ngồi nghe, hết kinh mới bỏ đi, hoạ thấy 4 người lạ đứng hầu. Tuổi càng cao, ngài càng tinh tiến hành trì đến cuối đời.

9. Năm Cam lộ thứ năm đời vua Phế đế nhà Tiền Ngụy, Sa-môn Châu Sĩ Hành giảng kinh Tiểu-phẩm-bát-nhã, thấy văn từ chưa hết nghiã, bèn sang Tây Vức tìm tòi được trọn vẹn. Nước ấy giữ lại không cho về, ngài cầm kinh đứng trước sân chầu nói lớn: “Nếu Chánh pháp không được lưu truyền, xin cho kinh cháy tan theo lửa!” Dứt lời, ngài ném quyển kinh lá bối vào lửa đỏ. Lạ thay, chẳng hề hấn chút gì! Cả nước đều kinh dị, phải để ngài về. Đấy chính là kinh Phóng-quang vậy. Ngài viên tịch năm 80 tuổi, theo lệ đem hoả thiêu, nhưng di thân không tiêu hủy. Đạo đời rất kinh ngạc, khấn rằng: “Nếu ngài thật sự đắc Đạo, nên cho tan rã.” Di thân lập tức vỡ vụn. Đại chúng thu thập lại và xây tháp phụng thờ.

10. Cuối đời Hậu Ngụy, Sa-môn Thích Chí Trạm, người Tề châu, tu hành ở chùA hàm thảo trong hang sâu tại núi Nhân đầu thuộc phía Bắc Thái sơn. Tính ngài đơn giản ít nói, chuyên tụng kinh Pháp-hoa. Chẳng ai biết rõ hành tung, Đạo tục cùng chim chóc không đến quây nhiễu. Khi ngài sắp viên tịch, thần Tăng Bảo Chí tâu vua Lương Vũ đế: “Hôm nay, vị Thánh Tăng chứng quả Tu-đà-hoàn ở chùA hàm thảo tại phương Bắc sẽ nhập diệt.” Quả nhiên, ngài viên tịch thanh thản, không bệnh tật, mỗi bàn tay duỗi ra một ngón. Có vị Tăng Ấn độ bảo rằng: “Đây là điềm lành của bậc chứng Sơ quả.” Đại chúng cung nghinh di thân an táng trong núi. Về sau, khai ra xem lại, chỉ còn lưỡi vẫn y nguyên như lúc sinh thời, bèn lập tháp phụng thờ, đến nay hãy còn. Chim muông không bén mảng gây ra ô uế.

11. Đời Hậu Ngụy, vị Sa-môn ở chùa Ngũ hầu thuộc Phạm dương, thất lạc pháp hiệu, chuyện tụng kinh Pháp-hoa. Khi ngài mới viên tịch, được an táng tạm thời dưới chân đê. Về sau cải táng, di thân khô ráo không hư hao, lưỡi vẫn còn y nguyên. Tại Ung châu cũng có vị Sa-môn tụng kinh Pháp-hoa, ẩn tu trong núi Bạch lộc được một Đồng tử hiện ra hầu cận. Khi ngài viên tịch, di thân được đặt trong hang. Xương cốt đều khô, chỉ có lưỡi vẫn còn y nguyên không hư hoại. Vũ Lăng Thế và Đông Khán sơn nhân đời Tề đào đất, thấy có màu vàng trắng và một vật giống hai môi, bên trong có lưỡi màu đỏ tươi, bèn đem tâu lên. Nhà vua hỏi khắp trong Đạo ngoài đời. Sa-môn Pháp Thượng bảo rằng: “Ấy là do người tụng kinh Pháp-hoa nên lục căn không bị hủy hoại. Tụng

kinh ấy đủ nghìn biến sẽ được linh nghiệm như thế." Nhà vua cho tụ tập những người chuyên tụng kinh Pháp-hoa lại chung quanh để tụng niệm. Vừa cất tiếng, môi và lưỡi linh thiêng ấy lập tức mấp máy động đậy. Đại chúng kinh hãi đến nỗi dựng đứng lông tóc, phải đem tâu lên, nhà vua sai cất vào hòm đá khóa lại. (% chuyện trên đây rút từ Lương-cao-Tăng-truyện và Tạp-lục-ký)

12. Giữa niên hiệu Thái Hoà đời vua Cao tổ nhà Hậu Ngụy, có hoạn quan trong Đại kinh bức xúc vì thân thể tàn phế, xin phép lên núi tu hành. Nhà vua ban ơn chấp thuận, liền mang kinh Hoa-nghiêm đọc tụng suốt đêm ngày và làm lễ sám hối không dứt. Chưa đầy một Hạ, đến cuối tháng sáu, râu ria mọc ra, trở nên tướng trượng phu rất oai nghi, bèn đem tâu lên. Nhà vua hết sức tôn trọng. Từ đó, trong nước đều sùng mộ kinh Hoa-nghiêm hơn hẳn trước đây. (Truyện trên đây rút từ Tinh-dị-ký của Hầu Quân Tố)

13. Ngài Thích Tuệ Nghiêm là vị Sa-môn ở chùa Đông An tại kinh đô đời Tống. Tư duy phù hợp cùng chân lý, kiến giải được Đạo đời khâm phục. Thường ngao ngán chữ nghiã kinh Đại-niết-bàn quá phức tạp, ngài bỏ công san định gọn lại còn mây quyển, chép thành vài bản gửi cho các pháp hữu cùng xem. Sau đó, đang mơ màng ngủ trưa, chợt thấy một người cao hơn 2 trượng, tướng tá uy nghi, đến bảo rằng: "Kinh Niết-bàn là tông chỉ của các kinh. Cớ sao ông dám ngạo mạn đem ý kiến nhỏ nhoi ra thêm bớt?" Ngài bực dọc không vui, cho là lời kiếm chuyện càn quấy. Đem sau sắp ngủ, lại thấy người ấy giận dữ nói rằng: "Hôm qua, ta đã cảnh cáo, ông vẫn chưa chấm dứt hay sao? Kinh Niết-bàn này không thể san định. Tai họa sắp ập đến với ông!" Ngài hoảng hồn thức dậy. Trời chưa sáng, đã cấp tốc gửi thư đòi các bản kinh ấy về đốt sạch. Sa-môn Thích Đạo Nghiễm ở Tinh xá Trần ngoại nghe rõ chuyện này rồi thuật lại.

14. Ni cô Thích Trí Thông ở chùa Giản Tịnh tại kinh đô đời Tống, tuổi hạ và uy nghi đều thiếu, đạo tâm cũng chẳng nhiều. Năm Nguyên gia thứ 9, bổn sư viên tịch, ni cô hoàn tục, làm thiếp của lương Tê Phủ, sinh được một bé trai. Năm chú bé lên bảy, gia đình túng quẫn, không có áo mặc. Khi còn ở chùa, ni cô có mấy bộ kinh Vô-lượng-thọ và Pháp-hoa bằng lụa, bèn đem giặc sạch để may áo cho con. Được một năm thì phát bệnh, tinh thần hoảng loạn sợ sệt, khắp mình da lột nát tan như bị phỏng lửa, hằng ngày bắt ra một bát giòi li ti trắng hếu. Đớn đau khổ sở, đêm ngày rên la. Thường nghe giữa Trời có tiếng nói rằng: "Tội phá kinh làm áo phải chịu quả báo ác liệt này!" (hai chuyện trên

đây rút từ Minh-tường-ký)

15. Đời Tống, có Sa-môn Thích Tuệ Khánh, vốn người Quảng lăng, xuất gia tu hành ở chùa Lo sơn. Ngài thông thạo kinh luật, giữ gìn giới hạnh thanh tịnh, thường tụng các kinh Pháp-hoa, Thập-địa, Tư-ích và Duy-ma. Hằng đêm tụng kinh, trong bóng tối nổi lên tiếng búng tay ca tụng. Có lần đi trên sông, gặp trận sấm nhỏ, sóng gió vụt dậy. Thuyền nhỏ trồng trành sắp chìm, nhưng ngài vẫn thản nhiên tụng kinh không dứt. Nghe như có người dẫn thuyền lướt qua sóng gió, giây lát đã vào bờ một cách bình an. Do đó, ngài càng tinh tiến hành trì, đến cuối niên hiệu Nguyên gia mới viên tịch, thọ được sáu mươi hai tuổi.

16. Sa-môn Thích Tuệ Bảo ở Thái nguyên đời Tề, chưa rõ họ tên, tụng được hai trăm bộ kinh. Đức độ siêu việt, nổi tiếng đương thời. Năm Vĩnh bình thứ ba, ngài từ Tinh châu sang Nghiệp châu, đến ngang Ngãi châu bị lạc đường, phải theo lối tắt vào nghĩ đêm trong hang núi. Nhìn phòng ốc như có dấu người ở, nhưng tuyệt nhiên không thấy bóng ai. Ngài ngồi yên phía trước, nhìn lên nhánh tùng mọc ngay thân, bất gặp cái khánh treo lủng lẳng cách mặt đất hơn một trượng. Đến canh hai, chợt thấy người mặc áo cỏ, từ ngoài bước vào, nói: “Cớ sao trong nhà có mùi tục?” Ngài đứng lên hành lễ, bộc bạch sự tình. Dị nhân hỏi: “Hiện nay họ nào thống lãnh đất nước?” Ngài đáp: “Họ Cao làm vua, quốc hiệu là Tề.” Ngài hỏi lại: “Tôn sư lên núi đã bao lâu?” Đáp: “Ta lên đây từ thời Hậu Hán.” Dị nhân hỏi lại: “trưởng lão chuyên trì kinh nào?” Ngài ỷ mình tụng nhiều kinh, nên trả lời có vẻ kiêu ngạo. Dị nhân nói: “Người tu hành chớ nên như thế. Trưởng lão muốn nghe kinh nào, ta sẽ tụng giúp cho.” Ngài đáp: “Thích nghe kinh Hoa-nghiêm.” Chỉ một lát, dị nhân đã tụng xong. Âm điệu hài hoà, khác giọng thế gian. Nhờ tụng các kinh khác, cũng y như thế, ngài kinh hãi than rằng: “Vì sao một thoáng đã tụng xong các bộ kinh lớn?” Dị nhân đáp: “Nhà ngươi cố tâm tụng, còn ta tụng vô tâm. Này, nếu biết quên tâm đối với vật thì ta và vật đều tự tại.” Ngài biết đây là vị thần Tăng, liền xin ở lại thọ giáo. Dị nhân bảo: “Trong nước hay được, đem lợi ra nhử, ân cần mời mọc, liệu nhà ngươi chịu ngồi yên? Vả lại, nhà ngươi chưa diệt sạch trần lụy, dẫu ở lại cũng chẳng ích gì!” Đến sáng, dị nhân bỏ đi. Lần theo dấu vết, chẳng biết đi đâu, ngài chỉ biết tự trách mình còn kém. Sau khi sang tới Nghiệp châu, ngài đem kể lại mọi chuyện. (2 chuyện trên đây rút từ Lương-cao-Tăng-truyện)

17. Ngày hai mươi ba tháng mười một trọng Đông, đúng luật Hoàng chung, năm Ất mùi dưới niên hiệu Thiên giám thứ mười bốn đời

Lương, Hà Quy ở quận Nam hải thuộc Quảng châu, lên hái thuốc trên núi Hồ dực tại huyện Dự chương. Chẳng phải quan lại bị đi đày, đúng là ẩn sĩ tìm tiên thuật. Leo chừng mười dặm, thoăn thoắt như quen, sắp sửa qua đoạn đường quanh, trước mặt dòng khe chắn bước. Nước nhìn như lặng, lại chảy trong veo. Vừa mới xắn áo, rồi lại vén quần, chưa kịp lội xuống, bỗng sửng sốt thấy bên kia có vị trưởng lão bảo đừng lội sang. Ông liền dừng lại. Trưởng lão sắc mặt màu xanh, chân không mang dép, tuổi khoảng tám chín mươi. Da mặt nhăn nheo, râu dài năm sáu tấc, ria dài bằng nử râu. Tai cao hơn mày, lông mày rủ xuống, dài chừng hai ba tấc, theo gió phất phơ. Sắc môi tươi thắm, tiếng nói trong trẻo ngân vang. Móng tay vàng óng, lông tay cũng dài hai ba tấc. Trưởng lão choàng ấp vai bằng vải, mặc áo nê-hoàn bằng vải màu đất đỏ, tay cầm quyển kinh ném sang cho ông. Ông kính cẩn chụp lấy, lễ tạ ba lạy. Trưởng lão nhờ trao kinh ấy cho Kiến An vương, nói rõ họ tên, dặn vương khi nhận kinh phải trai giới đủ hai mươi mốt ngày. Nếu không rành nghi thức, nên hỏi Phó Công ở chùa Hạ lâm, là bậc giới hạnh tinh chuyên, hư vô điềm đạm, thoát ngoài danh lợi, dưa muối qua ngày, hành Thiền cần mẫn. Nói xong, tưởng lão bỏ đi chừng mười bước, rồi biến mất. Ông mở kinh ra xem, thấy đề kinh Tuệ-ấn-Tam-muội. Kinh lấy pháp thân vô tướng tuyệt đối làm bản thể, lý lẽ vượt ngoài ngôn từ phán đoán, ý nghiã siêu việt hình sắc giả danh. Thanh tịnh ngang hàng pháp tướng, huyền diệu giống với chân như, nên gọi là Tuệ chiếu. Chân lý hoàn toàn phù hợp với tâm địa nhiệm mầu ngưng tịch, nên gọi là Tam-muội. (Chuyện này chép trong Hoằng-minh-tập của luật sư Tăng Hựu đời Lương)

18. Vua Cao tổ nhà Châu tiêu diệt Phật pháp, kinh điển đều bị thiêu hủy thành tro. Nửa năm sau, bỗng thấy giữa không trung có năm sáu vật giống như tai nấm bay cao ngoài tầm mắt. họp thành một dãy, theo gió chập chờn lên xuống. Trăm quan đứng nhìn, chẳng biết là gì. Một hồi lâu liền rơi xuống trên mặt tường. Nhìn kỹ lại, đúng là mười ba quyển kinh Đại phẩm.

19. Nghiêm Cung ở Dương châu đời Trần Nguyên là người Tuyền châu. Nhà giàu, không có anh em, nên cha mẹ rất yêu quý, nói gì cũng chìu theo. Đầu niên hiệu Thái Kiến, dù còn nhỏ tuổi, ông xin cha mẹ cho năm vạn tiền đem đến Dương châu mua bán. Cha mẹ nghe lời, ông sắm mọi thứ lên đường. Cách Dương châu vài chục dặm, gặp một chiếc thuyền chở rùa đi bán. Ong nghĩ chắc chắn bầy rùa sẽ chết hết, liền ngỏ ý xin chuộc lại: "tôi có đủ năm vạn tiền, xin đưa ra chuộc bầy

rùa.” Người chủ mừng rỡ nhận tiền, giao rùa rồi đi. Ông thả hết xuống sông, chạy thuyền không đến Dương châu. Chủ thuyền đi hơn mười dặm, bị đắm thuyền chết mất. Đêm hôm ấy, có năm mươi người khách mặc áo đen vào nhà ông xin ở lại và đưa năm vạn tiền giao cho cha mẹ ông, nói ông ở Dương châu, nhờ đưa về. Hai cụ kinh hãi, sợ ông chết, nên hỏi rất kỹ. Bọn khách bảo ông vẫn bình an, sở dĩ gởi tiền lại vì không cần nữa. Xem đúng là tiền cũ, chỉ hơi thấm ướt, hai cụ làm cơm đãi đằng. Sáng mai, bọn khách cáo từ. Hơn tháng sau, ông trở về. Hai cụ hết sức vui mừng. Hỏi lý do gởi tiền về, ông trả lời không có. Hai cụ thuật chuyện bọn khách, hình dáng, ngày tháng, đều đúng với hôm ông chuộc bầy rùa. Bọn họ chính là bầy rùa được chuộc mạng. Cả nhà cùng kinh sợ tán thán, liền đến Dương châu dựng nhà Tinh xá chuyên lo sao chép kinh Pháp-hoa rồi định cư hẳn tại đây. Gia đình trở nên giàu có, xây thêm phòng chép kinh thật trang nghiêm thanh tịnh, đầy đủ mọi tiện nghi. Số người chép đông đến mấy chục. Đạo đời ở Dương châu rất kính mến, gọi là ông Nghiêm Pháp-hoa. Có người quen đến vay trước tiền chép kinh một vạn. Ông ứng tiền xong, người ấy chở về. Giữa đường thuyền lật, tiền rơi xuống sông, người ấy may mắn thoát chết. Hôm đó, khi nhập tiền vào kho, thấy một vạn ướt sũng như mới vớt lên, ông vô cùng kinh ngạc. Sau gặp lại người vay, mới biết một vạn hôm ấy là số tiền bị chìm. Có thương khách đến cúng tế, dâng lễ vật tại miếu linh thần ở hồ Cung đình. Đêm mơ thấy vị thần đem lễ vật trả lại và bảo rằng: “Nhờ nhà ngươi mang giúp ta khoảng tiền này cúng dường cho ông Nghiêm Pháp-hoa chi dụng vào việc chép kinh.” Sáng mai, mọi thứ bày đủ trước mắt. Vì thế, thương khách ngơ ngẩn, đem giao lại cho ông và cúng dường thêm rất nhiều. Dạokhác, ông ra chợ mua giấy, thiếu tiền. Bỗng có người cầm 3 nghìn trao cho ông, nói rằng: “Giúp ông mua giấy.” Nói xong, liền biến mất, chỉ còn lại tiền. Những chuyện linh dị như thế rất nhiều. Ông mất cuối niên hiệu Khai Hoàng, con cháu vẫn tiếp tục nối nghiệp chép kinh. Cuối đời Tùy, bọn giặc đến cướp phá vùng Giang đô, cùng dặn nhau: “Đừng vào làng ông Nghiêm Pháp-hoa.” Nhờ thế, cả làng được thoát nạn, đến nay vẫn còn chép kinh. Những chuyện này, khắp châu huyện đều biết, nhân sĩ ở kinh đô cũng rõ ngọn ngành. (Chuyện trên đây rút từ Minh-báo-ký)

20. Đầu niên hiệu Khai Hoàng đời Tùy, ở Dương châu có vị Tăng, quên mất pháp hiệu, tụng thông kinh Niết-bàn, tự phụ tài giỏi. Trong làng dưới chân núi Đông sơn tại Kỳ châu có vị Sa-di tụng kinh Quán Thế Âm. Cả hai đều chết đột ngột, nhưng vùng ngực còn ấm. Cùng

xuống âm ty, đến trước điện Diêm la. Diêm vương cung kính mời vị Sa-di ngồi lên ghế vàng cao, mời vị Tăng ngồi lên ghế bạc cao, không cung kính bằng. Xong xuôi, tra xét lại, thấy cả hai đều còn tuổi thọ, bèn thả về. Vị Tăng tụng kinh Niết-bàn ỷ mình tụng nhiều hơn, nổi giận hầm hầm, hỏi chổ ở của vị Sa-di rồi cả hai cùng chia tay. Ai nấy đều sống lại tại chùa của mình. Vị Tăng từ phương Nam đến Kỳ châu, tìm được vị Sa-di, hỏi cách tụng kinh. Vị Sa-di đáp: "Trước khi tụng kinh Quán Thế Âm, thay áo, thay nhang, đọc chú cầu nguyện rồi mới tụng. Không dám lười biếng bỏ bê phép này. Ngoài ra, chẳng có gì khác." Vị Tăng nghe xong, tạ lổi rằng: "Tội của ta rất nặng. Tụng kinh Niết-bàn không nghiêm chỉnh uy nghi, thân khẩu không thanh tịnh. Như thế, gọi là đủ chữ mà thôi! Người xưa nói, nhiều mà xấu chẳng bằng ít mà tốt. Nay mới nghiệm ra." Nói xong, ăn năn sám hối rồi ra về.

21. Sa-môn Thích Tuệ Ý ở chùa Cảnh Không tại Tương châu đời Tùy, vốn họ Lý, người Lâm nguyên, lên núi trên thành Hưng Tiên tìm huynh đệ đồng sư là Tuệ Mệnh hỏi tâm yếu tu tập Thiền định. Sau đó, ngài trở về, quyết chí tịnh tu trong Thiền phòng cũ của đại sư Thông tại chùa Cảnh Không. Thường không thắp đèn đuốc, nhưng đêm ngày vẫn sáng. Có người không tin, mời ngài sang chổ khác hành Đạo một trăm ngày. Đến đêm lén nhìn xem, thấy Thiền thất sáng trưng. Mọi người cảm phục, cùng xin quy y. Đầu niên hiệu Khai Hoàng, biết mình sắp ra đi, ngài chấp tay ngồi yên rồi viên tịch. Lại nữa, dưới niên hiệu Khai Hoàng, Thiền sư Pháp Vĩnh ở Tương dương sắp sửa viên tịch. Vào đêm mồng 7 tháng bảy, bỗng nghe có tiếng âm nhạc và hương thơm tỏa khắp chùa, ngài bèn chấp tay ngồi yên mà hóa. Đồ chúng đưa lên đặt lộ thiên trên đỉnh núi Tản cái. Luật sư Toàn trong chùa đến bên di thân khấn rằng: "Xin ngài nán thêm bảy ngày nữa." Đúng hẹn, luật sư viên tịch, đồ chúng cũng đưa lên bên cạnh ngài. Lạ thay! Di thân của ngài lập tức rã xuống. Lại nữa, Xà-lê Sầm, vốn họ Dương, người Lâm nguyên, dựng Tinh xá tụng kinh bên dòng suối ở phía Tây chùa tản cái. Mỗi lần tụng kinh Kim-quang-minh, có bốn vị Thiên vương hộ pháp hiện xuống nghe. Sau đó, đọc Đại tạng đều nhớ hết. Ngài tụng hơn ba ngàn quyển. Thường mặc áo vải đi khất thực, đồ ăn còn dư, đem chia cho bầy chuột trong phòng. Hơn một trăm con chạy loanh quanh, giành nhau đến bên ngài. Con nào bị bệnh, ngài đưa tay vuốt ve, đều khỏi cả. Ngài cùng Sa-môn Trí Hiểu trong chùa giao du, tập họp đồ chúng tu Thiền và giáo hóa mọi người. Biết mình sắp sửa ra đi, Sa-môn Trí Hiểu cấp tốc gọi Thiền sư Thải dặc dò hậu sự rồi lên đại điện lễ Phật. Môn đồ khắp

chùa cùng cầu nguyện cho ngài được an lạc. Hôm sửa soạn giải tán trai nhật ở chùa Thiền cư, Sa-môn bảo ngài rằng: “Ta sắp lên Thiên cung Đâu-suất nghe kinh Bát-nhã.” Ngài đáp rằng: “Sư đệ cứ lên trước, bảy hôm sau, ta sẽ lên theo.” Canh ba đêm ấy, Sa-môn lặng lẽ ngồi viên tịch. Sang canh tư, thần thức của Sa-môn hiển hiện khắp giảng đường. Hai chùa cách nhau mười dặm. Sa-môn lại đến trước Thiền phòng của Thiền sư Thải, khiến nơi đây bỗng sáng rực như ban ngày, bảo rằng: “Trí Hiểu tôi phải đi xa, nên đến Từ biệt trong giây lát, không thể ở lâu.” Thiền sư tiễn Sa-môn ra cổng, qua ba lớp cửa dày rồi về lại, ngồi trên Thiền sàng. Phòng trở lại tối om như cu. Thiền sư lên tiếng, gọi đệ tử. Đệ tử thưa rằng: “Vừa rồi có nghe Thiền sư nói chuyện với khách.” Đệ tử đốt đuốc xem lại, ba lớp cửa dày vẫn đóng chặt, mới hay thần lực của Sa-môn thật tự tại vô ngại. Thiền sư phái đệ tử sang hỏi thăm. Quả nhiên Sa-môn đã viện tịch. Bảy hôm sau, ngài thanh thản nhắm mắt nhập diệt. Hư thân không hề hư hoại. Cho hay, xưa nay Thánh phàm cùng chung đụng, mắt trần không thể phân biệt nổi. (2 chuyện trên đây rút từ Đường-cao-Tăng-truyện)

22. Sa-môn Thích Pháp Tạng ở chùa Bảo thất tại Phu châu đời Tùy, giới luật tinh thuần, tính tình thành thật. Năm Khai Hoàng thứ mười ba, ngài dựng một ngôi chùa trong thành Vị Xuyên thuộc huyện Lạc Giao. Điện Phật trang nghiêm, phòng Tăng đẹp đẽ. Linh tượng và tràng phan đều đầy đủ. Năm Đại Ngiệp thứ năm (609), ngài vâng sắc mệnh sát nhập vào vhùa lớn ở Phu châu. Những pháp khí hư hỏng đều được ngài tu bổ và xây cất thêm điện đường để tôn trí và thành lập Đại tạng. Đã sao chép xong tám trăm quyển. Ngài sợ trong châu không đủ giấy bút và người viết chữ tốt, nên phải viết ở cổ tự Ai nguyệt trên kinh thành. Tháng hai nhuận năm Vũ Đức thứ hai đời Đường (619), ngài lâm bệnh hơn hai mươi ngày. Chợt thấy một người mặc áo xanh lộng lẫy đứng trên gác cao, tay cầm quyển kinh, bảo ngài rằng: “Từ khi nhà ngươi hành Đạo đến nay, tuy đã tạo nhiều công đức rất tốt đẹp, nhưng có lợi dụng đôi phần của Tam bảo, mang tội nhiều vô số. Quyển kinh ta cầm đây, chính là Kim-cương-bát-nhã. Nhà ngươi phải tự chép thành một bản thì mọi tội lổi ấy sẽ được tiêu trừ.” Ngài lên tiếng đáp rằng: “Đệ tử vâng mệnh thành lập Đại tạng, đã chép các kinh, nhưng chưa kịp chép kinh Kim-cương-bát-nhã. Chỉ cầu bớt bệnh, không dám trái lời. Đã được giác ngộ, đệ tử chẳng còn của cải gì ngoài ba pháp y, bình bát và nội y kỳ-chi, sẽ xin đem trao lại cho các vị đại đức và đệ tử.” Chưa đầy mấy hôm sau, đã chép xong một trăm quyển kinh Kim-cương-bát-

nhã. Khi sắp viên tịch, ngài thấy rõ đức Phật Di-đà đến nghinh đón. Nhờ uy lực của kinh ấy, ngài được vãng sinh về Tây phương, không bị đoạ vào ba Đường ác.

23. Giữa niên hiệu Đại Nghiệp đời Tùy, có vị du Tăng đến miếu Thái sơn xin tá túc. Thủ từ bảo: “Ở đây không sẵn nhà cửa, chỉ có mái hiên dưới miếu có thể ngủ được, nhưng gần đây, những kẻ ngủ nhờ đều chết đột ngột.” Du Tăng đáp: “Đừng lo chuyện ấy!” Thủ từ đành phải nghe lời, đặt giường dướimái hiên. Đến đêm, du Tăng ngồi ngay ngắn tụng kinh. Khoảng canh một, nghe trong miếu có tiếng châu ngọc đeo trên áo đeo leng keng. Giây lát, linh thần hiện ra hành lễ. Du Tăng hỏi: “Nghe nói người nào đến đây ngủ nhờ đều bị thí chủ sát hại. Xin hãy che chở họ.” Linh thần đáp: “Những kẻ sắp chết đến đây, đa số nghe tên của đệ tử, vì sợ quá nền chết mất. Đệ tử chẳng hề giết họ. Xin đại sư an tâm.” Du Tăng mời ngồi, nói chuyện một lúc rồi hỏi rằng: “Nghe nói linh thần Thái sơn đây cai quản cõi âm, phải thế chăng?” Linh thần đáp: “Đệ tử phước mỏng nên phải chuyên lo việc ấy. Phải chăng đại sư muốn gặp thân nhân đã mất?” Du Tăng đáp: “Có hai vị đồng học mất sớm, muốn xin gặp họ.” Linh thần hỏi tên họ xong, trả lời rằng: “một vị đã đầu thai làm người, một vị còn ở địa ngục. Vì tội nặng, không thể gọi lên đây. Đại sư có thể đến đó thăm hỏi.” Du Tăng nghe nói rất mừng, liền đứng lên đi. Tới một chổ không xa, có nhiều nhà ngục lửa cháy sáng rực. Linh thần dắt du Tăng bước vào một tòa nhà. Xa xa thấy có một người trong đóng lửa đang rên la, chẳng nói nên lời, hình dáng biến đổi, không thể nnhận ra. Huyết thịt cháy khét, rất đáng thương tâm. Linh thần nói: “Đây là vị ấy. Đại sư không muốn đi xem nữa chăng?” Du Tăng quá đau buồn, xin đưa về. Thấp thoáng đã đến miếu, bèn cùng linh thần ngồi xuống, hỏi rằng: “Muốn cứu vị đồng học, có cách gì chăng?” Linh thần đáp: “Có cách. Nếu chép giúp một bộ kinh Pháp-hoa, vị ấy sẽ được tha ngay.” Trời sắp sáng, linh thần Từ biệt, đi vào trong miếu. Sáng mai, thủ từ lấy làm lạ vì du Tăng không chết. Du Tăng đem mọi chuyện kể lại cho nghe. Sau đó, du Tăng chép một bộ kinh Pháp-hoa, đóng bìa xong, mang đến miếu xin ở lại. Đem ấy, linh thần hiện ra, hoan hỷ hành lễ, hỏi thăm lý do. Du Tăng trình bày xong, linh thần nói: “Đệ tử đã biết chuyện này. Khi đại sư chép kinh, vừa đề tên, vị ấy liền được tha tội. Nay đã đầu thai lên nhân gian. Chổ này không tinh khiết, không tiện tôn trí kinh điển. Xin đại sư mang lại về chùa.” Rồi cùng nói chuyện rất lâu, đến khi sắp sáng, du Tăng mới Từ biệt, mang kinh về chùa. Biệt giá Hàng châu là Trương Đức Ngôn, trước đây

từng làm việc ở Duyện châu, biết rõ chuyện này.

24. Sa-môn Thích Trí Uyển ở U châu đời Đường, tinh tiến, có kiến thức. Trước đây, giữa niên hiệu Đại Nghiệp đời Tùy, ngài phát nguyện khắc Đại tạng trên đá, đề phòng Chánh pháp bị hủy diệt. Vì thế, ngài đã tạc núi Tây sơn tại U châu thành thạch thất, mài vách bốn phía để khắc kinh rồi chọn các khối đá vuông vắn khắc kinh lên, sắp xếp vào thạch thất. Khi đầy, lấy đá lấp kín cửa, nấu sắt hàn chặt. Đương thời, vua Dang đế đến thăm Trác quận, thị lang nội sử Tiêu Vũ là em của hoàng hậu, vốn hâmmộ Phật pháp, đem chuyện bẩm rõ. Hoàng hậu cúng dường một ngàn tấm lụa cùng tiền của, Tiêu Vũ cúng dường năm trăm tấm. Khắp nước nghe tin, tranh nhau cúng dường. Nhờ thế, Phật sự được thành tựu. Ngài thấy nhân công làm việc càng nhiều, tín đồ lên về tấp nập, muốn dựng điện pjhật, trai đường và nhà ở bằng cây phía trước động, nhưng nghĩ khó kiếm ngói gỗ, hao tốn chi phí khắc kinh, nên chưa thực hiện. Một đêm mưa to gió lớn, sấm sét vang rền, chấn động núi non. Sáng mai Trời tạnh, bỗng thấy hằng nghìn vạn cây tùng bách bị nước cuốn tấp đầy đường. vùng Sơn đông xưa nay ít cây cối nhất là tùng bách. Mọi người kinh hãi, chẳng biết góc gác ở đâu. Dò tìm tung tích, mới hay là do núi lở bờ tan từ phương Tây xa lắc, kéo nhau trôi đến. Do đó, xa gần đều thán phục. Nếu không nhờ phước đức, làm sao được thần lực hổ trợ đến thế? Ngài tập họp nhân công chọn lựa, phần còn lại phân phát cho cư dân tại địa phương. Mọi người hân hoan góp sức xây dựng. Một thời gian ngắn, tất cả đều hoàn thành đúng ước nguyện. Thấm thoát, ngài đã tạo xong bảy thạch thất đựng kinh. Năm Trinh Quan thứ mười ba, ngài viên tịch, các đệ tử vẫn tiếp tục sự nghiệp. Điện trung thừa tướng Lý Huyền Tưởng, đại lý thừa biện Tuyên Minh kể cho Lâm tôi nghe chuyện này. Năm Trinh Quan thứ mười chín, Lâm tôi theo hầu xa giá đến U châu, hỏi han dân chúng địa phương, mọi người đều thuật lại đúng như thế. (3 chuyện trên đây rút từ Minh-báo-ký)*

25. Đầu niên hiệu Trinh Quan đời Đường, Sa-môn Thích Đạo Tích** ở chùa Phúc Thành tại ích châu, tụng thông kinh Niết-bàn. Quen lệ thay áo, tắm rửa trước khi trì tụng. Nuôi mối từ tâm sâu sắc cứu độ muôn loài. Ngài viên tịch vào tháng năm giữa mùa Hạ, thời tiết nóng bức, nhưng di thân vẫn không hư hủy. Hơn một trăm ngày, ngài vẫn ngôi kết già ngay ngắn như lúc sinh thời, khiến Đạo đời đều cung kính chiêm ngưỡng.

26. Sa-môn Thích Đạo Dụ*** đời Đường, không rõ quê quán, thường vân du vùng núi Lễ Tuyền, chuyên tụng kinh Pháp-hoa đến mấy

nghìn biến. Đến niên hiệu Trinh Quan, lâm bệnh sắp viên tịch, ngài dặn pháp lữ là thiền sư Tuệ Khuếch rằng: “Lâu nay tụng kinh, ý muốn được linh nghiệm. Như ta vãng sinh vào Đường thiện, lưỡi sẽ không tiêu tan. Vậy sau khi ta mệnh chung, Hãy đem an táng. Mười năm sau lại đào lên. Nếu lưỡi tiêu tan thì tụng kinh chẳng có công đức gì. Nếu lưỡi y nguyên như lúc còn sống, hãy dựng tháp để thế gian biết sinh lòng kính tin Tam bảo.” Nói xong, ngài viên tịch. Năm Trinh Quan thứ mười một, đại chúng nhớ lời, khai quật lên. Di thân đều hư hoại, duy lưỡi vẫn y nguyên. Nam nữ tín chủ trong huyện đều kính ngưỡng, đem đặt vào hộp và dựng tháp phụng thờ trên bờ Cam cốc.

27.**** Đời Đường, phía Nam sông Phúc thủy thuộc Giao nam có Sử Ha Thệ ở thôn Sử tụng kinh Pháp-hoa nổi tiếng. Ông thường đi bộ, không ngồi xe do gia súc kéo, vì nghe kinh dạy phải thương xót muôn loài. Khi mệnh chung, hương tỏa thơm ngát khắp thôn. Mọi người đều lấy làm lạ, nhưng chẳng hiểu nguyên do. 10 năm sau, vợ ông cũng qua đời, bèn đào lên để hợp táng, thấy lưỡi ông vẫn còn nguyên như lúc sinh thời, liền đem hợp táng bên nhau. Người đến chiêm quan tán thán rất đông.

28. Niên hiệu Trinh Quan thứ năm đời Đường, Lệnh hồ Nguyên Quỹ làm huyện lịnh Ba Tây thuộc Long châu, kính tin Phật pháp. Ông chép các kinh Pháp-hoa, Kim-cương-bát-nhã và Niết-bàn, nhưng không thể kiểm tra lại, phải nhờ Thiền sư Kháng tại địa phương. Thiền sư đem về chùa, trai giới tinh khiết, xem xét lại xong, chế giùm túi gấm, viết tên kinh rồi giao lại cho ông mang về tôn trí tại gia trang ở Kỳ châu cùng bộ Lão tử năm ngàn chữ. Thình lình gặp hoả tai, nhà cửa lợp lá đều bốc cháy. Bấy giờ, ông đang làm huyện lịnh Bằng dực, sai người nhà bới tìm. Lạ thay, các quyển kinh vẫn còn nguyên, màu mực không đổi. Hòm, bìa đều cháy thành tro, kể cả bộ Lão tử. Mọi người xa gần kéo đến mở xem, hết sức kinh dị. Riêng đầu đề quyển kinh Kim-cương-bát-nhã bị cháy nám đen. Hỏi lại nguyên do, đương thời trong châu có vị quan viết chữ tốt, tính háu ăn, lại gấp đi, không giữ tinh khiết, cố viết xong để đi liền. Vì thế mới bị cháy sém. Huyện lịnh ấy hiện còn sống, các quyển kinh vẫn còn. Trụ trì chùa Tây Minh ở kinh thành là đại sư Trần Thái***** đã tận mắt kiểm nghiệm và thuật lại chuyện này.

29. Thiền sư Thích Đàm Vân đời Đường, vốn người Định châu, vân du đến Thấp châu, tuổi khoảng bảy mươi. Trước đây, vào cuối đời Tùy loạn lạc, ngài ẩn cư tại Thiên sơn thuộc phía Bắc Ly thạch, chuyên tụng kinh Pháp-hoa. Đã nhiều năm, ngài muốn chép kinh này, nhưng

không có người hổ trợ. Bỗng dưng một thư sinh, không biết từ đâu đến bảo rằng: "Mọi nghi thức tinh khiết cần thiết khi chép kinh đều giữ được." Từ đó, sáng sớm ăn cháo, tắm rửa thay áo, giữ đúng tám giới xong, thư sinh bước vào tịnh thất. Miệng ngậm trầm hương, đốt nhang treo phướn lên rồi bắt đầu ngồi lặng lẽ chép kinh đến chiều mới bước ra. Sáng mai lại y như thế, không hề kêu than mệt mỏi. Khi chép xong, ngài cúng dường hậu hĩ và tiễn chân khỏi chùa. Nhấp nháy, thư sinh liền biến mất. Ngài đóng bìa, may túi rất trang nghiêm. Mỗi lần trì tụng, ngài kính cẩn rửa tay mở túi, không dám xao lãng. Sau gặp nạn giặc Hồ, ngài đựng kinh vào hòm, đem giấu trên nóc động. Khi yên giặc, tìm lại nhưng không thấy. Lục mãi khắp nơi, mới gặp dưới động. Hòm và vải bọc đều hư, kinh vẫn y nguyên xinh xắn. Năm Trinh Quan thứ mười một, luật sư Đạo Tuyên ở chùa Tây Minh có đến đây, thấy được kinh và thuật lại chuyện này.

30. Đời Đường, làng Vương lý nằm cách phía Tây huyện Tân phồn thuộc Ích Châu khoảng bốn mươi dặm. Vào đời Tùy, có thư sinh họ Tuân mở trường dạy học tại đây. Ông viết chữ tuyệt khéo nhưng không được nổi danh. Người đến xin chữ năn nỉ hoài, không chịu ra về, đuổi cũng không đi! Ông ra phía Đông làng, phóng bút viết kinh Kim-cương-bát-nhã khắp bốn phía hư không suốt mấy hôm rồi nói: "Kinh này viết cho chư Thiên đọc." Mới đầu chẳng ai biết kinh ấy linh ứng. Sau gặp cơn mưa như trút, bọn chăn trâu tình cờ đứng trong chổ viết kinh, không bị ướt át. Khoảng một trượng chung quanh vẫn khô ráo. Trời tạnh, mọi người đều lấy làm lạ. Do đó, mỗi khi Trời mưa, trẻ con thường tụ tập chổ ấy, vì áo quần không ướt át. Niên hiệu Vũ Đức, có vị thần Tăng bảo rằng: "Giữa Trời tại đây có Kim-cương-bát-nhã, dân làng đừng để ô uế. Chư Thiên cầm lọng quý che giúp phía trên. Chớ nên khinh thường." Dân làng bèn làm hàng rào che chắn bốn phía, không cho gia súc xâm nhập. Hiện nay Trời mưa, chổ ấy vẫn khô ráo. Đến kỳ trai lễ, dân chúng xa gần đổ về cúng tế. Thường nghe tiếng nhạc Trời dìu dặt vang tai. (6 chuyện trên đây rút từ Tam-bảo-cảm-thông-ký)

31. Đời Đường, phu nhân của Trần Công, vốn thuộc dòng dõi họ Đậu Lô, là chị của Nhuế Công Khoan. Phu nhân tin tưởng vào phước đức, thường tụng kinh Kim-cương-bát-nhã. Lâu nay, còn bỏ dở trang cuối chưa tụng xong. Một hôm Trời tối, phu nhân bị nhức đầu, trong người không khoẻ. Đêm nằm xuống càng thấy khó chịu, phu nhân sợ chết đột ngột, kinh chưa tụng hết, nên muốn ngồi dậy gắng tụng cho xong. Trong nhà đèn đuốc đều tắt, phu nhân kêu tỳ nữ thắp đèn, nhưng

bếp đã dập lửa, bèn mở cửa sang phòng người nhà lấy lửa, cũng chẳng còn. Phu nhân rất bực mình. Bỗng nhiên từ dưới bếp có ánh lửa thấp sáng lên, theo bậc thềm vào phòng, đến ngay trước giường, lơ lửng cách mặt đất chừng ba thước. Không thấy người cầm vẫn sáng rực như ban ngày. Phu nhân vừa mừng vừa sợ, đầu cũng hết nhức, thanh thản cầm kinh tụng niệm. Một lát, người nhà nhen lửa thắp đuốc mang vào, liền tắt mất. Nhờ thế, phu nhân tụng hết kinh. Từ đó, phu nhân theo lệ tụng năm biến mỗi ngày. Khi Nhuế Công lâm chung, phu nhân đến thăm, Nhuế Công bảo: "Nhờ công đức tụng kinh, chị sẽ thọ hằng trăm tuổi, được sinh vào cõi tốt lành." Đến tám mươi tuổi, phu nhân qua đời thanh thản tại nhà.

32. Giữa niên hiệu Vũ Đức đời Đường, đô thủy sứ giả Tô Trường được thăng làm thứ sử Ba châu, bèn đưa gia đình đến nhiệm sở. Vừa qua nửa sông Giang Lăng, gió lớn bỗng nổi lên, lật chìm thuyền. Nam nữ toàn nhà hơn sáu mươi người đều bị chết đuối. Chỉ có người thiếp thường tụng kinh Pháp-hoa, thấy nước tràn vào, liền đội hòm kinh lên đầu, nguyện chết theo kinh, nhưng không chìm xuống, cứ theo sóng gió nổi trôi một hồi rồi tấp vào bờ. Mở hòm ra xem, kinh không chút ướt át. Nay người thiếp ấy vẫn còn, đã lấy chồng khác và rất mộ Đạo.

33. Đời Đường, tư mã Hình châu là Liễu Kiệm, từng làm cung giám ở Kỳ dương thuộc Kỳ châu vào năm Đại Ngiệp thứ mười. Đến năm Nghiã Ninh nguyên niên, vì liên can vào chuyện Lý Mật, bị bắt nhốt vào đại lao. Ông thường tụng kinh Kim-cương-bát-nhã, còn hai trang cuối chưa tụng xong. Đang mơ màng ngủ, ông thấy vị Tăng Bà-la-môn đến bảo: "Thí chủ mau tụng hết kinh, sẽ được thoát khỏi." Ông liền thức dậy, chuyên chú tụng hết kinh. Trưa hôm sau có sắc bảo thả ra, đưa đến triều đình tha bổng. Vào lúc khác, đang tụng kinh đêm, đến canh ba, lại nghe phảng phất mùi hương lạ, ông tìm kiếm khắp nơi và hỏi thử người nhà nhưng chẳng ai biết ở đâu. Ông tinh tiến trì tụng suốt đêm ngày, đến lúc lâm chung, tính được hơn năm ngàn biến.

34. Triệu văn Tính, người Toại châu đời Đường, chết đột ngột vào năm Trinh Quan thứ nhất. Ba hôm sau sống lại, bảo rằng: "Khi mới chết, bị người lôi kéo đưa đi một đoàn gồm mười người đến điện vua Diêm la, trong đó có một vị Tăng. Trước tiên, nhà vua gọi vị Tăng, hỏi rằng: "Suốt đời, đại sư tu tập công đức gì?" Vị Tăng đáp: "Bần đạo xưa nay chỉ tụng kinh Kim-cương-bát-nhã."Nhà vua nghe mấy lời ấy, giật mình đứng dậy, chắp tay tán thán: "Hay thay, hay thay! Đại sư chuyên tụng kinh Kim-cương-bát-nhã, phải được siêu thoát lên Thiên giới, tại

sao lại xuống nhầm nơi đây?" Nhà vua chưa nói hết lời, bỗng có sứ giả xuống tới, dẫn vị Tăng bay lên Trời. sau đó, nhà vua gọi người ở Toại châu bước tới: "Suốt đời, nhà ngươi tu tập công đức gì?" "Một đời, tôi chưa tu tập kinh Phật, chỉ thích sưu tầm văn chương của Dũ Tín." Nhà vua phán: "Dũ Tín là kẻ có tội nặng, hiện đang chịu khổ ở đây. Nhà ngươi quen biết với y chăng?" Người ấy đáp rằng: "Tuy đọc văn chương, nhưng chưa quen biết."Nhà vua sai người dẫn Dũ Tín ra cho người ấy xem. Lập tức thấy một con rùa lớn hơn cái đầu. Con rùa bò vào. Một lát sau, hiện hình thành người bảo rằng: "Ta là Dũ Tín, suốt đời thích làm văn chương, thường đem kinh Phật so sánh bậy với sách thế gian, che bai Chánh pháp, cho rằng thua xa Khổng Lão, nên nay phải chịu quả báo làm thân rùa khổ sở." Người ấy sống lại, kể rõ mọi chuyện cùng thân nhân. Xứ Toại châu phần đông thích săn thú bắt cá, nghe được, liền ùng nhau bỏ hẳn nghiệp sát sinh, phat tâm trì tụng kinh Kim-cương-bát-nhã, đến nay hãy còn.

35. Niên hiệu Trinh Quan nguyên niên, Lưu Bật làm huyện thừa ở Nghi Long thuộc Bồng châu. Trước đây, khi còn làm huyện úy tại Giang nam, bỗng dưng có con chim kêu trên cây ngay trước phòng của ông. Người địa phương bảo rằng: "Đó là tiếng kêu của loài chim dữ. Nhà nào gặp chim ấy, giết ngay không ngại tay." Ông nghe nói, đâm ra lo sợ, muốn làm công đức để được bình an, nhưng ông chưa biết chọn cách nào tốt nhất. Đem nằm mơ thấy vị Tăng tụng kinh Kim-cương-bát-nhã và khuyên ông tụng đủ một trăm biến. Ông theo lời tụng xong, thình lình một cơn gió lớn từ hướng Đông bắc thổi đến, nhổ phăng thân cây có chim dữ ấy liệng xa ngoài ngõ, bày ra một hố sâu hơn trượng rưởi. Lạ nhất, khi luồng gió đi qua, cây cỏ cùng rạp xuống, sau đó lại vươn lên như cũ, không hề bị tổn hại. Mới hay Thần lực của kinh ấy thật không thể nghĩ bàn.

36. Giả Đạo Tiện đời Đường học rộng biết nhiều, rất hâm mộ kinh Phật. Năm Trinh Quan thứ tư, làm tham quan tư hộ tại thanh châu. Vì nhà công quán chật hẹp, không đủ chổ tôn trí kinh điển, ông lấy dây thừng buộc 2 chân án thứ treo lên giữa phòng, trên đạt 60 bộ kinh. Ông nằm phía dưới, đọc tụng không biết mệt mỏi. Lây ngày dây mục, đứt mất một đầu, nhưng án thứ vẫn nằm yên không rơi xuống, cũng chẳng lung lay. Một lúc thật lâu, mọi người mới tiếp tay đỡ xuống. Chính con ông làm tư hộ ở Thấp châu kể lại như thế.

37. Năm Trinh Quan thứ hai mươi chín, nhà ông Lục Hoài Tố ở Ngô quận bị hoả hoạn. Phòng ốc cháy rụi, Tinh xá cũng theo khói lửa

thành tro, chỉ còn lại một quyển kinh Kim-cương-bát-nhã. Hòm đựng, túi bọc, trục cuốn đều tiêu tan, nhưng chữ nghiã vẫn y nguyên không suy suyển. Mọingười nghe nói hết sức kinh ngạc. Lục Hoài Tố là anh vợ trước của Hứa Nhân Tắc ở Cao dương. Đương thời, Hứa Nhân Tắc đã tận mắt chứng kiến và thuật lại. (7chuyện trên đây rút từ Minh-báo-ký).

38. Đời Đường, Tư mã Kiều Khanh vốn người Hà nội, trước đây từng làm tư trực ở đại lý tự. Bẩm tính thuần hậu trang nghiêm, có đức độ. Giữa niên hiệu Vĩnh Huy, ông chịu tang mẹ, khổ sở khô héo, lấy huyết trên tim chép thành bộ Kim-cương-bát-nhã. Một thời gia trên nóc nhà mọc lên 2 tai nấm linh chi. Mới chín ngày đã cao một thước tám tấc. Tai đỏ, thân xanh. Mỗi ngày giọt xuống một bát nước. Nếm thử, vị ngọt như mật. Nhổ bỏ lại mọc lên, cứ thế đến bốn lượt. Các đồng liêu của ông đều thuật lại chuyện này cho Dư Lịnh tôi nghe, hơn nữa, nhiều sĩ phu cũng biết rõ.

39. Giữa niên hiệu Hiển Khánh đời Đường, tại Bình châu có người tên Tôn Thọ đi săn bắt ở vùng duyên hải. Gặp nạn cháy đồng dữ dội, cây cối đều bị thiêu sạch, chỉ còn một l2m cỏ rậm vẫn y nguyên. Nghi trong đó có thú rừng lẩn trốn, ông bước vào tìm, bỗng phát hiện một hòm kinh Kim-cương-bát-nhã đặt bên cạnh di thân của vị Tăng đã nhập diệt, thần sắc không hề thay đổi. Sở dĩ lửa chẳng lan đến, là vì thế. Mới hay kinh tượng vốn rất hiển linh, kẻ phàm phu không thể hiểu nổi. Chuyện này do chính Tôn Thọ thuật lại.

40. Lý Kiền Quán đời Đường vốn ở Lũng tây, hiện cư ngụ tại Trịnh châu. Năm Hiển Khánh thứ năm, chịu tang cha, ông chích máu chép thành những bộ kinh Kim-cương-bát-nhã, Bát-nhã-tâm-kinh và Tùy-nguyện-vãng-sinh, mỗi bộ một quyển. Mỗi lần vào thư phòng đều tắm rửa sạchh sẽ. Về sau, bỗng nghe trong nhà tỏa mùi hương lạ rất thơm. Láng giềng đến xem đều kinh ngạc tán thán. Lang Dư Lịnh tôi ở Trung sơn từng đi qua Trịnh châu, gặp thân hữu của ông ấy thuật lại cho nghe chuyện này.

41. Đời Đường, có ngôi Tinh xá cất trong làng nằm cách phía Tây huyện Tế âm thuộc Tào châu hai mươi dặm. Năm Long sóc thứ hai, nạn cháy đồng bỗng nổilên mãnh liệt, tràn đến Tinh xá rồi vượt qua. Các phòng Tăng, nhà lá đều bị thiêu rụi, chỉ còn lại quyển kinh Kim-cương-bát-nhã y nguyên như cũ. Viên tham quân coi việc học hành lễ nghi ở Tào châu thuật lại chuyện này.(4 chuyện trên đây rút từ Minh-báo-thập-di)

Chú thích:

1- Minh báo ký do Đường Lâm đời Đường soạn, chủ trương chúng sinh đều có thức, thức sinh hành, hành có thiện có ác. Tuỳ theo thiện ác chịu lấy quả báo. Vì thế, từ ngữ “Lâm tôi” là lời tác giả tự xưng.

2- Có bản chép là Trách (sâu xa, ẩn áo)

3- Có bản chép là Di Tục. Như ở đây, phần tiêu đề là Di Tục, phần chuyện kể là Đạo Dụ. Có lẽ tên sau thích hợp hơn.

4- Hai chuyện 27 và 28 có đảo lộn ở phần tiêu đề và câu chuyện. Có thể do sao chép lẫn lộn. Phần tiêu đề chuyện 27 nói về Lệnh hồ Nguyên Quỹ, chuyện 28 nói về Sử Ha Thệ. Cốt truyện ghi 27 nói về Sử Ha Thệ và 28 nói về Lệnh hồ Nfguyên Quỹ. Riêng chuyện Lệnh hồ Nguyên Quỹ, tiêu đề ghi là Lệnh hồ Nguyên Quỹ ở Long châu. Cốt chuyện chép thiếu một chữ lệnh, ghi là “Long châu Ba tây huyuện lịnh Hồ Nguyên Quy”. Lệnh hồ là họ kép, vậy phải chép là Long châu Ba tây huyện lệnh hồ Nguyên Quỹ. Người dịch châm chước, suy đoán dịch cho phù hợp trước sau.

5- Trong bản văn, chép là Thần Tế (cúng tế). Có bản chép là Thần Sát (xem xét). Tra trong sử, có đại sư Thần Thái (lớn, thịnh vượng) từng làm tự chủ chùa Tây Minh. Vậy chọn chữ Thần Thái là đúng hơn cả.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 19

Thiên thứ 8: KÍNH TĂNG

Gồm có bốn phần: Thuật ý, Dẫn chứng, Lợi ích do kính Tăng. Tội lổi do bất kính.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Phàm bàn về Tăng bảo, đấy là những bậc xuất thế uy nghi, giữ mình trì giới, phát tâm siêu thoát, xa lánh cuộc đời. Quan sang không động đậy lòng, thân thích không vương vấn niệm. Hoằng pháp để báo tứ ân, dưỡng đức để nuôi tam giới, siêu việt nhân thiên, quý hơn vàng ngọc. Như thế gọi là Tăng bảo. Bởi vậy, lợi ích Tăng bảo, không thể nói hết. Kinh dạy: "có vị nào, giữ giới hay phá giới, dù lớn hay nhỏ, đều phải tôn kính, không được xem thường. Vi phạm điều này, sẽ mang tội nặng". Nếu chờ Tử Nha làm tướng, suốt nghìn năm cũng chẳng gặp Tử Nha; nếu đợi La-Thập làm thầy, hết muôn kiếp cũng không thấy La-Thập. Đừng thấy một vị Tăng làm bậy, liền bắt tội Đức Phật, gặp một nhà phá giới, liền coi rẻ Pháp bảo. Có thể vì đạo bỏ người, vì người ấy không bằng đạo. Không thể vì người phá đạo, bởi đạo là thầy của người. Thế nên, đức Phật Thích Ca đúng là Phật bảo. Lời vàng thuyết pháp, chỉ dạy diệu quả, đúng là pháp bảo. Sa môn chứng quả, đúng là Tăng bảo. Một lần đảnh lễ chiêm quan, đủ khiến tiêu trừ muôn tội; một câu xưng dương tán thán, đủ khiến hóa giải nghìn tai. Hiềm vì chúng-sinh phúc mỏng, không gặp được Đức Phật, chỉ trông vào di tích, thừa hưởng di ngôn. Vàng, đồng, trầm, nhiễu, tạo nên hình tượng, gọi là Phật bảo. Giấy, vải, lụa, tre, ghi chép lời huyền, gọi là Pháp bảo. Gọt tóc nâu sồng, ca sa bình bát, gọi là Tăng bảo. Ba phẩm quý ấy, hình thức tuy giả, nhưng biểu hiện thật tướng. Nếu biết kính trọng, sẽ thoát khỏi trầm luân; cố ý xem thường, sẽ chịu khổ sở. Như tượng gỗ chẳng phải là mẹ, chân thành lễ bái, sẽ hưởng phước nghìn năm, thân phàm chưa phải Thánh Tăng, chí tâm cung kính, sẽ siêu thăng vạn kiếp. Cho hay, phong

trào đã nổi, xa gần đều đã tuân theo. Nhiệm mầu cứu độ chúng-sinh, uy linh không thể lường hết. Kẻ nào thiếu xót, mắc tội càng nhiều. Khi đã xuất gia, đương nhiên chừa bỏ thói xấu. Như triều Tống u mê, tin tưởng tà thuyết, khủng bố dân lành, đạo đời đều sợ. Sau đó giác ngộ, hối hận đã chuốc oán thù, bèn mở lòng kính cẩn thờ phụng. Nước Tống ở vùng Kinh Sở nhỏ nhoi, núi sông cách trở, làm sao có thể sánh nổi Trung Quốc, lớn lao, văn hiến rực rỡ, thờ phụng trang nghiêm? Hơn nữa, kinh Lễ nói: "Kẻ mang giáp trụ võ quan, nếu không cúi bái là thất lễ". Điều này chẳng giống với bậc xuất gia đã mang sẵn trên mình giáp trụ nhẫn nhục. Nếu phải bái lạy người phàm, hẳn nhiên không thể chấp nhận. Tam bảo vốn đã như nhau, cần phải kính trọng tất cả. Không thể kính riêng Phật, Pháp, bỏ phế Tăng ni. Bởi pháp không thể tự hoằng dương, cần thiết phải do người. Chỉ có người mới hoằng dương được Pháp, nên phải kính trọng như nhau.

Thứ hai: PHẦN DẪN CHỨNG

Như kinh Phạm Võng nói: "Kẻ xuất gia không được bái lạy nhà vua, cha mẹ, anh em, bà con, cũng như kính lạy quỷ thần".

Lại nữa, kinh Niết-bàn nói: "Kẻ xuất gia không bái lạy người thế gian",

Lại nữa, Luật Tứ Phần nói: "Đức Phật sai các vị Tỳ-kheo lần lượt bái lạy nhau, nhưng không được bái lạy tất cả mọi người thế gian".

Lại nữa, kinh Phật bản hạnh nói: "Vua Du-đầu-đàn cùng quần thần thân thích lần lượt bái lạy đức Phật. Xong xuôi, đức Phật bảo rằng: "bây giờ, nên lễ bái các Tỳ-kheo như Ưu-ba-ly". Theo lời đức Phật, nhà vua liền đứng dậy, lần lượt đảnh lễ năm trăm vị Tỳ-kheo".

Lại nữa, kinh Tát-già-ni-kiền nói: "Kẻ nào phỉ báng giáo pháp của các vị Thanh văn, Phật Bích chi và chánh pháp đại thừa, cũng như chê bai, cản trở, đều phạm tội căn bản".

Lại nữa, luận Thuận-chánh-lý nói: "Chư Thiên đừng nên trông mong các vị thọ ngũ giới lễ bái, các quần vương cũng đừng trông mong các vị Tỳ-kheo lễ bái, vì sẽ bị tổn hại công đức và tuổi thọ".

Lại nữa, kinh Niết-bàn nói: " Đức Phật bảo Ca-diếp: "Nếu có người thành lập, hộ trì chánh pháp, phải tuân hành và hy sinh tánh mạng cho họ giống như đối với ta". Vì vậy, kinh Đại thừa có kệ nói rằng:

"Có người lo pháp vụ,
Dù lớn hay dù nhỏ
Cần phải biết phụng sự.

Cung kính và lễ bái
Như phụng sự lửa đỏ.
Các vị Bà-la-môn
Biết lo toan pháp vụ,
Dù lớn hay dù nhỏ,
Cũng phải biết phụng sự.
Cung kính và lễ bái,
Cũng giống như chư Thiên
Phụng sự Trời Đế Thích".

Bấy giờ, Ca-diếp bạch đức Phật rằng: "Nếu có vị tôn túc giữ gìn giới luật đến tham vấn kẻ thiếu niên những điều chưa biết, tôn túc phải hành lễ thiếu niên chăng? Nếu thế, không còn là người giữ đúng giới luật. Nếu có kẻ thiếu niên giữ gìn giới luật, đến tham vấn vị tôn túc phá giới những điều chưa biết. Thiếu niên phải hành lễ vị tôn túc chăng? Lại có kẻ xuất gia đến tham vấn người tại gia những điều chưa biết, người xuất gia cần phải hành lễ người tại gia chăng?" "Đúng là người xuất gia không cần phải hành lễ người tại gia. Đúng theo Phật pháp, kẻ thiếu niên cần phải hành lễ bậc tôn túc, vì vị này đã thọ giới cụ túc và thành tựu uy nghi sớm hơn, nên kẻ thiếu niên phải tỏ lòng tôn kính và cúng dường".

Lại nữa, kinh Trung A-Hàm nói: "Làm sao biết được người nào hơn? Các vị Tỳ-kheo biết có hai hạng người: Người có đức tin và người không có đức tin. Nếu người có đức tin hơn thì người không có đức tin không bằng được. Người có đức tin lại có hai hạng: Người thường đến tham kiến các vị Tỳ-kheo và người không đến tham kiến các vị Tỳ-kheo. Nếu người thường đến tham kiến các vị Tỳ-kheo hơn thì người không đến tham kiến các vị Tỳ-kheo không bằng được. Người thường đến tham kiến các vị Tỳ-kheo lại có hai hạng: Người biết lễ kính các vị Tỳ-kheo và người không biết lễ kính các vị Tỳ-kheo. Nếu người biết lễ kính các vị Tỳ-kheo hơn thì người không biết lễ kính các vị Tỳ-kheo không bằng được. Người biết lễ kính các vị Tỳ-kheo lại có hai hạng: Người hỏi kinh và người không hỏi kinh. Nếu người hỏi kinh hơn thì người không hỏi kinh không bằng được".

Lại nữa, kinh Cựu-tạp-thí-dụ nói: "Ngày xưa, có nhà vua mỗi lần du hành, gặp vị Sa-môn, liền bước xuống xe hành lễ. Vị Sa-môn bảo: "Xin Đại vương dừng lại, đừng bước xuống xe". Nhà vua đáp rằng: "Ta bước lên chứ không bước xuống. Bởi vì hôm nay ta bước xuống hành lễ ngài, sau này khi mạng chung ta sẽ được sinh lên Thiên giới. Do đó, ta

mới nói bước lên chứ không bước xuống”.

Lại nữa, luật Thiện-kiến nói: “Vua Du-đầu-đàn-na đảnh lễ đức Phật xong, liền bạch rằng: “Tính đến nay ta đã ba lần đảnh lễ dưới chân đức Như-lai. Lần thứ nhất, khi ngài vừa giáng sinh, di mẫu nói, nếu ngài ở thế gian, sẽ làm bậc Chuyển-luân-vương, nếu ngài xuất gia học đạo, chắc chắn sẽ thành Phật. Lập tức mặt đất rung chuyển mạnh. Ta thấy được thần lực, bèn đảnh lễ. Lần thứ hai, ta du hành xem nông dân làm ruộng. Gặp Bồ-tát đang ngồi dưới gốc cây diêm-phù. Bấy giờ Trời đã về chiều, bóng cây dừng lại che nắng cho Bồ-tát, không chịu nghiêng mình. Ta thấy được thần lực, liền đảnh lễ. Lần thứ ba, hôm nay cung nghinh đức Phật về nước, ngài phóng mình lên không trung thị hiện mười tám phép biến hóa để hàng phục các ngoại đạo. Vì thế, ta liền đảnh lễ”.

Lại nữa, kinh Trung-A-hàm nói: “Bấy giờ, đức Thế-tôn bảo các Tỳ-kheo: “Vào thời quá khứ, Trời Đế-thích muốn vào vườn tham quan, liền sai người đánh xe chuẩn bị xe nghìn ngựa. Xong xuôi, liền bước xuống điện Thường thắng, chắp tay hướng về phía Đông đảnh lễ đức Phật. Người đánh xe thấy thế, giật mình kinh hãi, đến nỗi đánh rơi roi ngựa xuống đất. Trời Đế-thích trông thấy, bèn nói kệ rằng:

“Kỳ quái! Sợ đến nỗi
Roi ngựa rơi xuống đất!”

Người đánh xe ngựa nói kệ bẩm cùng Đế-thích:

“Sở dĩ sinh kinh hãi,
Roi ngựa rơi xuống đất,
Vì thấy Trời-Đế-thích,
Phu quân của Xá-chí,
Là Vua Trời Đế-thích,
Tất cả các thế giới,
Trời, người, vua lớn nhỏ,
Cùng bốn vị Thiên vương,
Chư Thiên Tam Thập Tam,
Tất cả đều đảnh lễ.
Từ đâu còn có bậc
Tôn quý hơn Đế-thích,
Đến nỗi hướng về đông,
Chắp tay kính đảnh lễ?”

Bấy giờ, Trời Đế-thích nói kệ đáp lại:

“Ta là vua trên hết,

Của các vua lớn nhỏ,
Kể cả bốn Thiên vương
Cùng Trời Tam Thập Tam.
Thế nên tất cả đều
Cung kính đảnh lễ ta.
Tuy nhiên còn có bậc
Thế gian Đẳng Chánh Giác
Gọi là Đại đạo sư
Nên ta phải đảnh lễ".

Người đánh xe lại bạch kệ rằng:

"Đây là bậc tuyệt thế
Khiến cho Trời Đế-thích
Phải cung kính chắp tay
Hướng phía Đông đảnh lễ.
Tôi nay cũng đảnh lễ
Bậc Đế-thích đảnh lễ".

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo: "Trời Đế-thích ấy là vị vua tự tại, còn biết cung kính đức Phật. Các ông là Tỳ-kheo xuất gia học đạo, cũng phải biết cung kính đức Phật như thế. Trời Đế-thích ấy là phu quân của Xá-chi, còn biết cung kính, tán thán và lễ bái Pháp, Tăng. Các ông đã biết tin tưởng xuất gia học đạo, cũng cần phải biết tán thán, lễ bái Pháp, Tăng như thế".

Bấy giờ, Trời Đế-thích từ điện Thường thắng bước xuống giữa sân, hướng về các phương, chắp tay cung kính. Người đánh xe thấy thế, vô cùng kinh hãi, bất giác lại đánh rơi roi ngựa xuống đất, bật miệng nói kệ rằng:

" Vì sao Kiều-thi-ca
Kính trọng kẻ không nhà?
Xin hãy giải thích rõ,
Rất khao khát muốn nghe".

Trời Đế-thích bèn nói kệ:

"Ta cung kính bậc ấy,
Vốn là kẻ không nhà.
Tự tại khắp mười phương
Không cần nơi dừng nghỉ.
Thành trì hay lãnh thổ,
Không vướng bận trong lòng.
Không để dành tiền của.

Chân đi không định hướng,
Chân đi chẳng mong cầu.
Thanh tịnh là niềm vui.
Chỉ nói lời hiền thiện.
Không nói thì nhập định.
Chư Thiên, A-tu-la
Tất cả đều lầm lỗi.
Thế gian tranh cãi nhau,
Lầm lỗi cũng như thế.
Chỉ có bậc xuất gia
Im lặng khi tranh cãi.
Đối với mọi chúng-sinh
Dẹp bỏ hết dao kiếm,
Xa lìa cả tài sắc.
Không say sưa trụy lạc,
Bỏ xa mọi thói xấu.
Vì thế phải kính lễ.”

Bấy giờ, người đánh xe lại nói kệ rằng:

“Vị chư Thiên kính lễ,
Đúng là bậc tuyệt thế.
Nên tôi từ hôm nay,
Kính lễ bậc xuất gia”.

Lại nữa, kinh Phổ-đạt-vương nói: “Bấy giờ, có vị Quốc vương nước Phù-Diên tên là Phổ Đạt, cai trị các tiểu quốc, được lân bang khắp bốn phương triều cống. Nhà vua thân hành thờ phụng Phật pháp rất tinh thành, nuôi từ tâm thương xót dân đen chưa biết Tam bảo. Thường trai giới lên đền cao thắp nhang, dập đầu hành lễ. Thấy thế, thần dân trong nước đều lấy làm lạ, cùng nhau bàn tán rằng: “Đức vua là bậc chí tôn, xa gần đều thần phục vâng theo, cớ sao lại hủy bỏ uy nghi, dập đầu xuống đất?” Quần thần thảo luận hoài, muốn can gián nhưng không dám. Nhà vua ra lệnh sửa soạn xa giá rồi cùng mấy nghìn thần dân rời cung lên đường. Chưa xa, bỗng gặp một vị đạo nhân, nhà vua xuống xe, cho tùy tùng dừng lại, dập đầu sát đất hành lễ đạo nhân và cúng dường cơm nước. Chuyến đi chỉ đến đó. Quần thần can gián rằng: “Đại vương là bậc chí tôn, không thể dập đầu hành lễ một đạo nhân đói khát đi khất thực bên đường. Quý nhất trên đời, chỉ có đầu. Hôm nay, đại vương là vua của một nước, không thể giống người thường.” Nhà vua không trả lời, chỉ sai đi kiếm đầu người chết và đầu bò, ngựa, heo, dê. Quần thần

lục tìm khắp nơi suốt ngày mới đủ số, bèn tâu rằng: "Vâng mệnh tìm kiếm đầu người chết và đầu lục súc đã đủ số." Nhà vua phán: "Đem ra chợ bán". Quần thần sai người đem bán. Đầu lục súc đều bán hết, chỉ còn đầu người không bán được. Nhà vua phán: "Mắc rẻ cũng bán, nếu không, đem cho hành khất." Suốt mấy ngày cũng không bán được, cho hành khất cũng không ai lấy. Đầu sình lớn, hôi hám không chịu nổi nhà vua giận dữ bảo quần thần: "Các khanh trước đây can gián rằng đầu người quý nhất, không thể hạ nhục, dập xuống sát đất hành lễ đạo nhân. Nay sai bán đầu lục súc đều được. Tại sao hành khất không nhận đầu người?" Lập tức, nhà vua truyền lệnh bày xa giá đi ra khỏi thành, đến chổ đồng không, sẽ có chuyện muốn hỏi. Tất cả quần thần đều sợ hãi. Đến nơi, nhà vua hỏi quần thần: "Các khanh còn nhớ dưới triều tiên vương ta có chú bé cầm lọng đứng hầu chăng?" Quần thần tâu: "Bẩm, còn nhớ rõ". Nhà vua hỏi: "Hiện nay chú bé ở đâu?" Thưa rằng: "Đã mất mười bảy năm rồi". Nhà vua hỏi: "Chú bé ấy là người thế nào?" Thưa rằng: "Bọn thần thấy thường hầu hạ tiên vương, trai giới sạch sẽ, trung thành cẩn thận, nói năng lễ phép". Nhà vua hỏi: "Nay thấy chiếc áo của chú bé ấy, các khanh còn nhận ra chăng?" Thưa rằng: "Tuy đã lâu ngày, nhưng vẫn nhận ra được." Nhà vua bảo nội thị mau quay về kho lấy chiếc áo của chú bé mang đến. Giây lát, áo được đưa lại. Nhà vua hỏi: "Phải đây chăng?" Thưa rằng: "Chính là chiếc áo này". Nhà vua hỏi tiếp: "Nay nếu thấy người chú bé, có thể nhận ra chăng?" Quần thần im lặng một hồi rồi thưa rằng: "Bọn thần ngu tối, sợ không nhận ra". Nhà vua toan nói rõ ngọn nguồn, chợt đạo nhân hôm trước đi đến. Nhà vua hết sức vui mừng, dập đầu xuống đất hành lễ. Quần thần đều rất hân hoan, mời đạo nhân ngồi. Nhà vua chắp tay cáo bạch, vì mối tiền duyên, hôm nay mới đưa quần thần đến đây nói rõ. Nguyện xin đạo nhân giải tỏa mê mờ, chỉ dạy chân lý giúp cho thần dân trong nước. Đạo nhân liền giải thích tiền thân của nhà vua vốn là chú bé trước đây cầm lọng theo hầu tiên vương. Thường trai giới tinh thành, không sơ suất nên sau khi mệnh chung, được sinh hạ làm con của tiên vương. Ngày nay sang quý tột bực, đều nhờ công đức của kiếp trước. Quần thần lớn nhỏ cùng bảo rằng: "Chúng tôi may mắn được gặp gỡ đạo nhân, nguyện xin ngài mở lượng Từ bi thâu nhận làm đệ tử". Đạo nhân bảo: "Thầy của ta gọi là đức Phật, có đủ mọi tướng tốt, siêu việt, cả tam giới truyền dạy chân lý giải thoát, ở cách đây khoảng 6 nghìn dặm". Nhấp nháy, đạo nhân phi hành đến nước Xá-vệ, bạch cùng đức Phật, xin ngài mở rộng từ tâm chỉ dạy chân đế cho vua tôi nước Phù-diên. Đức Phật

hoan hỷ nhận lời. Sáng mai, ngài đến nước ấy, thuyết pháp cho Quốc vương và triều thần rằng: “Đại chúng muốn biết ngọn nguồn của Quốc vương Phổ Đạt và đạo nhân chăng?” A-nan bạch rằng: “Tôi xin nghe”. Đức Phật bảo: “Ngày xưa, vào thời đức Phật Ma-ha-văn xuất thế, Quốc vương đây là con nhà quý tộc. Phụ thân muốn cúng dường Tam bảo, sai con mình chuyền hương. Bấy giờ, có một kẻ hầu bị người con ấy khinh thường không giao cho bình hương. Vì nghiệp ác ấy, người con phải chịu quả báo, tạm làm kẻ hầu, nhưng vẫn phụng thờ chánh pháp rất tinh tiến nên nay được làm vua. Đạo nhân chính là kẻ hầu kia, đương thời, tuy không được nhận bình hương, nhưng trong lòng không nuôi chút oán hận, phát nguyện rằng: “Nếu ta đắc đạo, sẽ độ người này”. Nhờ duyên lành ấy, nên nay đến cứu độ Quốc vương và mọi thần dân. Nhà vua nghe đức Phật thuyết pháp đầy đủ ngọn ngành, bỗng nhiên giác ngộ, chứng quả-Tu-đà-hoàn, nhân dân trong nước nghe kinh, phát nguyện đều giữ gìn ngũ giới và thực hành thập thiện.

Lại nữa, kinh A-dục-vương nói: “Ngày xưa, vua A-thứ-già gặp một chú Sa-di mới bảy tuổi bên tấm bình phong, liền cúi đầu đảnh lễ và dặn rằng: “Đừng nói cho ai biết ta đảnh lễ Sa-di”. Thấy trước mặt có bình đựng nước tắm, Sa-di liền bò vào trong rồi chui ra và bảo nhà vua: “Xin đại vướng chớ nói cho ai hay Sa-di tôi đã bò vào bình rồi lại chui ra!” Nhà vua lập tức trả lời: “Ta sẽ nói cho mọi người hay, không thể giấu được”. Vì thế, các kinh đều nói rằng: “Sa-di dù nhỏ, không thể khinh dễ. Hoàng tử dù nhỏ, không thể xem thường. Bởi vì Sa-di tuy nhỏ, có thể độ người, hoàng tử tuy nhỏ, có thể giết người. Rồng con tuy nhỏ có thể làm mây, tạo ra gió mưa sấm sét. Thế nên dù gặp chuyện nhỏ, chớ nên xem thường”.

Lại nữa, Kinh Phó-pháp-tạng nói: “Ngày xưa sau khi đức Phật nhập diệt khoảng một trăm năm, có vua A-dục kính tin Tam bảo, thường tổ chức pháp hội Bát-già-vu-sắt. Đến ngày đại hội, nhà vua tắm nước trầm hương, thay áo quần mới, lên lầu cao đảnh lễ khắp bốn phương, mời hai mươi vạn chư Thánh Tăng chúng bay về tham dự. Không phân biệt Thánh phàm, lớn nhỏ, nhà vua đều kính cẩn hỏi thăm và đảnh lễ. Bấy giờ có vị quan tên là Dạ-xa, tà kiến bồng bột, không biết kính tín. Thấy nhà vua bái lạy, liền tâu rằng: “Đức vua thật thiếu sáng suốt, hạ thấp tôn quý đảnh lễ trẻ con”. Nghe xong, nhà vua ra lệnh đình thần mỗi người phải kiếm ra một đầu muông thú, riêng Dạ-xa, phải kiếm ra một đầu người rồi đem ra chợ bán. Đầu muông thú các loại đều bán được. Đầu người của Dạ-xa bị chê bai, không có ai mua. Qua mấy hôm, đầu

ấy sình lên và rất hôi hám. Mọi người trông thấy đều mắng nhiếc rằng: "Nhà ngươi chẳng phải là bọn Chiên-đà-la, Dạ xoa hay La-sát, tại sao lại đem bán đầu người?" Bị mắng nhiếc, Dạ-xa tâu cùng nhà vua rằng: "Tôi vâng lệnh đi bán đầu người. Bị dân chúng mắng nhiếc, không ai muốn nhìn thấy, làm sao có người mua?" Nhà vua phán: "Nếu không có người mua, hãy đem cho không." Dạ-xa vâng lệnh, đem đầu ra chợ rao lên: "không có tiền mua, nay sẽ cho không". Mọi người nghe xong, càng mắng nhiếc thậm tệ, không ai thèm xin. Dạ-xa vô cùng xấu hổ, trở về chắp tay tâu lên: "Đầu này thật khó bán, cho cũng không lấy, còn bị mắng nhiếc, làm sao có kẻ mua!" nhà vua hỏi Dạ-xa: "Vật gì quý nhất?" Dạ-xa buột miệng đáp: "Đầu người quý nhất". Nhà vua phán: "Nếu quý sao chẳng ai mua?" Dạ-xa thưa rằng: "Đầu người sống mới quý, đầu người chết bị coi rẻ". Nhà vua gặng hỏi: "Đầu ta, nếu chết, cũng bị coi rẻ như thế chăng?" Dạ-xa run rẩy sợ hãi, không dám trả lời. Nhà vua phán: "Nhà ngươi đừng sợ, cứ nói sự thật". Dạ-xa cúi đầu lập cập trả lời: "Đầu của nhà vua, nếu chết đi, cũng sẽ như thế". Bấy giờ, nhà vua ôn tồn phán: "Đầu ta, sau khi chết đi, cũng sẽ bị coi rẻ như thế. Tại sao khanh trách ta cúi đầu kính lễ chư Tăng? Nếu khanh đúng là bạn tốt của ta, khanh nên khuyên ta đem cái đầu mỏng mảnh này đổi lấy cái đầu kiên cường. Cớ sao khanh lại cản trở ta hành lễ chư Tăng?" Dạ-xa nghe mấy lời ấy của nhà vua, liền hết sức ăn năn, đổi lòng quy y Tam Bảo. Nhờ duyên lành này, mọi người nghe đến tên Tam bảo. Liền cảm thấy hiện hiển trước mắt, phát thành tâm cung kính đảnh lễ".

Lại nữa, Luật Tứ phần nói: "La-hán Tân-đầu-lô nguyên là thần tử của Quốc vương Ưu-điền. Nhờ tinh thành khổ hạnh, được nhà vua cho phép xuất gia, chứng quả A-la-hán. Sau đó, nhà vua thường đến lễ bái ngài trong ngôi chùa ở cách kinh thành hai mươi dặm. Bọn nịnh thần thấy ngài không đứng dậy nghinh đón nhà vua, đem ác tâm can gián. Nhà vua nghe lời, nổi giận muốn giết ngài. Lần sau, thấy nhà vua vừa bước vào cửa, Ngài liền rời khỏi thiền sàng, đi bảy bước đón chào. Nhà vua tức giận, hỏi: "trước đây đại đức không hề nhúc nhích, tại sao hôm nay rời chổ đón ta?" Ngài ung dung đáp lời: "Bệ hạ trước đây với thiện tâm, nên bần Tăng không đứng lên nghinh đón. Hôm nay bệ hạ đến với ác tâm, nếu bần Tăng không đứng lên cung nghinh, bệ hạ sẽ giết chết mất!" nhà vua hối hận thưa rằng: Hay thay! Đệ tử ngu si. Nghe lời bọn gian nịnh, không phân biệt được Thánh phàm. Do đó, nhà vua hết sức ăn năn lổi lầm. Tuy không sa vào địa ngục, nhưng mắc phải lời ngài nói đứng lên nghinh đón, bảy ngày sau, nhà vua bị mất ngôi báu, vì lân

bang kéo sang đánh, bắt được, nhà vua phải chịu cảnh cùm chân tù tội suốt mười hai năm".

Thuật rằng:

Theo ý nghĩa trên, cần phải thận trọng, không được ngã mạn, bởi sau sẽ chịu quả báo. Thường thấy người đời, hơi có chức tước, liền sinh cao ngạo, mắng nhiếc Tăng ni, nhục mạ đủ thứ. Hoặc đứng giữa công đường, hoặc ngồi trên ghế lớn, bắt người khiêng vác, vô cớ đánh đòn. Phá hoại đạo đức, nuôi dưỡng thói xấu, ai hơn hạng này? Thật là quá quắc! Xử phạm phép nước, phải đủ chứng lý, khiến thân chịu phạt, tâm biết xấu hổ, dầu đạo hay đời, vẫn còn làm người, ở trong tam giới, chưa chứng quả Thánh, mấy ai không lổi?

Có kẻ xuất gia, không giữ đạo hạnh, đầu cạo sạch tóc, thân đắp cà-sa, thấy vẻ hiền từ, chúng-sinh cung kính. Những Tăng ni ấy, cũng hay đăng đàn, thuyết pháp đủ thứ, hóa độ chúng-sinh. Đại chúng nghe theo, giữ gìn lục độ, lần lượt thay đổi, tu tập nghiệp lành. Sau đó vãng sinh được về thiên giới. Trải qua nhiều kiếp, chứng được quả Thánh, lần lượt hóa độ, vô biên vô số, giống một đèn nhen, trăm nghìn đèn sáng, chiếu diệu bất tận. Xét công đức ấy, vô lượng vô biên, do kẻ phá giới, thuyết pháp mà thành. Dẫu được như thế, nhưng vẫn phải tránh, vì chỉ trăm nghìn vạn kẻ xuất gia, nhưng bản thân chẳng tạo được mảy may công đức, trái lại tiếng xấu càng nhiều, vang lừng bốn biển. Mai sau sẽ đọa muôn kiếp, chịu đủ tai ương. Thế nên kinh nói: "Chỉ một niệm xấu, đủ mở năm cửa chẳng lành, như sau đây sẽ nói đầy đủ.

Lại nữa, kinh Tạp-bảo tạng nói: "Quốc vương nước Nguyệt-chi tên Thiên-đàn-kế-ni-tra nghe tiếng Tôn giả A-la-hán của nước Kế-tân là Kỳ-dạ-đa, muốn sang tham kiến, liền cùng quần thần lên đường. Đi nữa chừng, nhà vua suy nghĩ: "Nay ta làm vua cả thiên hạ, mọi người đều kính phục. Nếu không có đức lớn, không thể tự do đi hành lễ cúng dường thế này được". Nhà vua tiếp tục cuộc hành hương. Nước Kế-tân có người biết được tin ấy, đến báo cùng Tôn giả rằng: "Quốc vương Nguyệt-chi cùng quần thần đến tham kiến. Xin Tôn giả sửa soạn pháp phục ra nghinh đó". Tôn giả đáp: "Ta nghe đức Phật dạy, kẻ xuất gia được đạo đời kính trọng, chỉ chăm lo trau dồi đức hạnh, cần gì phải sửa soạn pháp phục đón chào?" Tôn-giả vẫn điềm nhiên ngồi tịnh tọa, không ra. Quốc vương Nguyệt-chi vào tận chổ tham kiến, thấy uy dức của Tôn giả, càng sinh lòng kính tin, bước đến hành lễ rồi đứng lùi một bên. Bấy giờ, Tôn giả muốn khạc nhổ, nhà vua bước ra, nâng ống nhổ lên. Tôn giả nói: "Bần đạo hôm nay chưa tạo được công đức gì cho nhà

vua. Sao nhà vua chịu hạ thấp long thể đến thế?" Quốc vương nghe nói, vô cùng hổ thẹn. Tôn giả suy nghĩ, ta vừa động niệm, nhà vua đã hay. Nếu không có Thánh đức, tâm cơ làm sao minh mẫn đến thế, bèn thuyết pháp rằng: "Nhà vua đến bằng đường lành, khi về cũng sẽ như vậy". Nhà vua nghe xong, liền bái từ trở về nước. Đi nữa đường, quần thần oán than rằng: "Bọn thần tháp tùng đại vương đến nước xa xôi ấy, rốt cuộc chẳng nghe được chút gì, phải trở về không". Nhà vua bảo: "Tôn giả đã thuyết pháp cho ta, khi đến bằng đường lành khi về cũng sẽ như vậy. Các khanh chẳng hiểu gì sao? Do kiếp xưa ta đã giữ giới, bố thí nhiều công đức để gieo mầm vương giả, nay mới hưởng được ngôi báu. Ta lại tiếp tục tu nhân tích đức, kiếp sau chắc chắn sẽ hưởng phúc. Vì Thế Tôn giả dạy ta rằng đến bằng đường lành, khi về cũng sẽ như vậy". Quần thần nghe xong, cúi đầu tạ lỗi: "Bọn thần ngu mê, đã hiểu sai lạc. Đại vương là bậc Thánh trí, thể hội mọi lẽ huyền vi. Nhờ trông cội phúc nên hưởng được ngôi báu". Nói xong, quần thần bèn vui vẻ trở về nước."

Lại nữa, Luật Thập-tụng nói: " Bấy giờ, đức Thế-tôn nói về nhân duyên tiền kiếp, bảo các Tỳ-kheo rằng, vào thời quá khứ, gần dưới chân núi Tuyết sơn, có ba con thú sống chung là chim cưu, khỉ đột và voi. Cả ba con quen tính coi thường, không biết nể nang nhau, bỗng nhiên nghĩ ra: "Tại sao bọn ta không biết tôn trọng nhau? Nếu ai sinh trước, phải nuôi nấng, yêu quý và dạy dỗ bọn ta". Do đó, chim cưu và khỉ đột cùng hỏi voi: "Nhà ngươi có nhớ được chuyện gì trước đây chăng?" Nhân chổ ấy có cây tất-bát to lớn, voi liền trả lời: "Hồi còn nhỏ, mỗi lần đi qua đây, cây nầy nằm trọn dưới bụng ta". Voi và chim cưu cùng hỏi khỉ đột: "Nhà ngươi nhớ được chuyện gì?" Khỉ đột trả lời: "Ta nhớ hồi nhỏ ngồi xuống chụp ngọn cây này, kéo sát xuống mặt đất". Voi bảo khỉ đột: "Như thế, nhà ngươi lớn tuổi hơn ta, ta phải kính nể. Hãy thuyết pháp cho ta". Rồi voi cùng khỉ hỏi chim cưu: "Nhà ngươi nhớ ra chuyện gì?" Chim cưu đáp: "Chổ kia có cây tất-bát rất lớn, ta ăn hột của nó, đại tiện xuống đấy, nên mới mọc lên cây lớn này. Ta nhớ như thế. Khỉ đột bảo chim cưu: "Nhà ngươi lớn tuổi hơn ta. Ta sẽ cúng dường nhà ngươi và nhà ngươi phải thuyết pháp cho ta". Liền đó, voi kính trọng khỉ đột, xin đi theo thuyết pháp rồi giảng giải lại cho các voi khác nghe. Khỉ đột cung kính chim cưu, xin đi theo thuyết pháp và giảng giải lại cho các khỉ đột khác. Chim cưu cũng thuyết pháp cho các chim cưu khác (Theo luật Tứ-phần, chim cưu cưỡi trên lưng khỉ đột, khỉ đột cưỡi trên lưng voi rồi đi thuyết pháp hóa độ khắp nơi). Ba con thú này trước đây thích giết

chóc, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nay cùng dạy nhau chừa bỏ lổi lầm, khi mệnh chung đều được sinh lên cõi Trời. Bấy giờ, đức Phật bảo các Tỳ-kheo: "Chim cưu đương thời chính là ta, khỉ đột là Xá-lợi-phất, còn voi là Mục-liên". Đức Phật bảo tiếp: "Loài cầm thú vô tri còn biết tôn trọng lẫn nhau, còn biết tự lợi lợi tha. Các ông là những người thành tín xuất gia, há chẳng cung kính lẫn nhau?" Rồi đức Phật nói kệ rằng:

"Nếu người chẳng kính Phật
Và đệ tử của Phật
Đời này bị nhiếc mắng,
Đời sau đọa đường Ác.
Nếu người biết biết kính Phật,
Đời này được tán thán,
Đời sau lên thượng giới".

Khi đã tán thán phép cung kính qua các nhân-duyên ấy xong, đức Phật bảo các Tỳ-kheo: "Kể từ nay, ai thọ đại giới trước, dù sớm hơn một lát, người ấy được ngồi trước, được thọ lãnh nước uống và thức ăn trước".

Thứ ba: PHẦN LỢI ÍCH DO KÍNH TĂNG

Như luận Thật-tính nói: "Tam Bảo có sáu nghĩa cần phải tôn kính:

1- Là hiếm có, như báu vật của thế gian mà kẻ nghèo không thể có. Như thế chúng-sinh bạc phước dù trải qua trăm nghìn vạn kiếp cũng không gặp được.

2- Là lìa xa dơ uế, giống như báu vật không có vết tì, tuyệt đối lìa xa phiền não.

3- Là thế lực, giống như báu vật trừ nghèo giải độc, có uy lực lớn lao, đầy đủ sáu phép thần thông vi diệu không thể nghĩ bàn.

4- Là trang nghiêm, giống như báu vật trang sức trên đầu mình, khiến cho toàn thân đẹp đẽ thanh tịnh.

5- Là tuyệt diệu, giống như báu vật quý giá nhất đời.

6- Là không biến đổi giống như vàng ròng, tôi luyện không hề đổi thay. Như thế, tam bảo không bị tám pháp của thế gian làm biến đổi. Hơn nữa, Tam bảo còn đủ sáu ý phải tôn kính:

1- Là Phật thường giáo hóa, pháp là thuốc hay, Tăng thường truyền thụ. Tam bảo đem lại lợi lạc cho ta. Để báo ơn sâu, ta phải tôn kính.

2- Đời mạt pháp hung ác, sự nghiệp hoằng pháp khó khăn, cần cầu xin Tam bảo gia hộ, nên phải tôn kính.

3- Làm cho chúng-sinh phát tâm tin tưởng, phụng thờ, nên phải tôn kính.

4- Chỉ dạy Tăng ni nghi thức kính cẩn phụng thờ, nên phải tôn kính.

5- Khiến mọi chúng-sinh hoan hỷ cúng dường để pháp được tồn tại lâu dài, nên phải tôn kính.

Biểu hiện tướng tốt lành nhất, nên phải tôn kính.

Vì thế, luận Thành-thật nói: "Tam bảo tốt lành nhất, nên kinh điển thường tôn trí lên đầu".

Thứ tư: PHẦN TỘI LỖI DO BẤT KÍNH

Như kinh Tượng-Pháp-Quyết-Nghi nói: "Thậm chí, tất cả mọi người phàm, không kể sang hèn, đều không được đánh đập nô tì, gia súc của Tam Bảo, không được thọ nhận lễ bái của nô tì tam bảo, nếu cố ý vi phạm, sẽ mang tội lổi". Do đó, kinh Tát-già-ni-kiền nói rằng: "Nếu phá hoại tháp, chùa hoặc lấy cắp đồ vật của Phật, hoặc bắt làm trò giúp vui, hoặc gặp Sa-môn mặc pháp phục, dù giữ giới hay phá giới, nếu bắt giam giữ, đánh đập, trói buộc, bắt hoàn tục hay giết chết, đều phạm tội trọng căn bản, chắc chắn sẽ bị đọa vào địa ngục vô gián.

Trong nước xảy ra tội này, các vị hiền Thánh sẽ bỏ ra đi, các thiên thần sẽ không hộ vệ nữa, các lãnh chúa sẽ xâu xé, nổi loạn khắp bốn phương. Hạn hán, lụt lội sẽ thất thường, gió mưa sẽ không đúng tiết. Nhân dân sẽ bị đói khát, trộm cướp sẽ tung hoành khắp nơi. Bệnh dịch sẽ gây ra chết chóc nhiều vô số. Dẫu thế, đã không biết do mình gây nên tội lổi, lại còn oán trách Trời cao!"

Lại nữa, kinh Nhân-Vương nói: "Quốc vương và đại thần cậy Thế tôn quý, ra tay phá hoại chánh pháp của ta, đặt ra phép tắc khống chế đệ tử của ta, không cho xuất gia, không cho đúc tạc tượng Phật, đặt quan chức thâu tóm đất đai của Tăng ni, đưa các cư sĩ ngồi trên Tăng Ni! Hơn nữa, Quốc vương và đại thần còn ngang nhiên đặt ra thể chế không đúng với Phật pháp, nhằm phá hoại chư Tăng, đặt quan lại cai quản, kiểm soát chư Tăng, khống chế chư Tăng, khiến cho Phật pháp không được tồn tại lâu dài".

Lại nữa, kinh Đại-tập nói: "Đức Phật bảo, mọi chúng-sinh hiện tại và mai sau cần tin tưởng sâu sắc Tam bảo, vì sẽ được thọ hưởng phước báo tốt đẹp nhất trong cõi Trời người. Tương lai không xa, sẽ được nhập vào cõi Niết-bàn. Thậm chí cúng dường một người xuất gia theo ta, hoặc cắt tóc cạo râu, mặc áo cà-sa xuất gia theo ta, nhưng không thọ

giới, cũng sẽ được hưởng phước báo, thậm chí cũng sẽ được nhập vào cõi Niết-bàn. Vì thế, ta mới nói rằng, nếu có người xuất gia theo ta, dù không giữ giới, nhưng đã cắt tóc cạo râu, mặc áo cà-sa, nếu vô cớ làm hại, hành hạ người này, chính là phá hoại pháp thân và báo thân của chư Phật ba đời, thậm chí làm Tăng trưởng dẫy đầy ba đường ác. Đức Phật nói rõ, nếu có người xuất gia theo ta, cắt tóc cạo râu, mặc áo cà-sa, dù không giữ giới, người ấy cũng đã được ấn chứng Niết-bàn rồi. Nếu có kẻ vô cớ phá hoại nhục mạ, chê bai, dùng dao gậy trói đánh, chém giết, hoặc đoạt y bát hay đồ ăn thức uống của người này, kẻ ấy phá hoại pháp thân và báo thân của chư Phật ba đời, đã chọc mắt của tất cả chư Thiên, làm mai một mầm mống chánh pháp Tam bảo của chư Phật, khiến tất cả Trời người đều không được lợi ích, bị đọa vào địa ngục và làm Tăng trưởng dẫy đầy ba đường ác.

Bấy giờ, vua của thế giới Ta-bà là Đại-phạm Thiên vương bạch đức Phật rằng: "Có người xuất gia theo đức Phật, cắt tóc cạo râu, mặc áo cà-sa, hoặc không thọ giới, hoặc phá giới, nếu nhà vua phá hoại, nhục mạ, trói đánh, sẽ chịu bao nhiêu tội?" Đức Phật bảo: "Đại phạm! Bây giờ ta sẽ nói sơ lược cho nghe. Nếu có kẻ đánh xuất huyết hàng vạn ức chư Phật, thử hỏi tội của kẻ ấy có nhiều chăng?" Đại-phạm Thiên vương thưa rằng: "Nếu có kẻ chỉ đánh xuất huyết một đức Phật, sẽ mắc tội nhiều không thể tính nổi, sẽ bị đọa vào đại địa ngục vô gián, huống gì đánh xuất huyết hàng vạn ức chư Phật! Ngoại trừ đức Phật, không ai có thể nói rõ quả báo tội lỗi của kẻ ấy. Đức Phật bảo: "Đại Phạm! Nếu có kẻ hành hạ, nhục mạ, trói đánh người xuất gia theo ta, cắt tóc cạo râu mặc áo cà-sa dù không giữ giới hay phá giới, sẽ mắc tội nhiều hơn kẻ kia. Bởi vì người này có thể chỉ dẫn phép giải thoát cho cả chư Thiên, người này đã ở trong Tam bảo, có đức tin hơn tất cả chín mươi lăm hàng ngũ ngoại đạo. Người này có thể nhanh chóng nhập Niết-bàn hơn cả mọi cư sĩ, trừ những tu sĩ tu phép nhẫn nhục. Do đó, tất cả Trời người đều phải đến cúng dường. Huống chi người đã giữ gìn đầy đủ giới cấm, ba nghiệp đều thanh tịnh? Mọi Quốc vương, đại thần, pháp quan thấy có người xuất gia theo ta, tạo các tội lớn như sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, chỉ nên trục xuất khỏi nước, không cho phép ở chùa sinh hoạt cùng chư Tăng, không được đánh đập, nhục mạ, làm tội. Nếu cố ý vi phạm, sẽ không được giải thoát, sẽ bị đọa vào đường súc sinh thấp kém, xa hẳn mọi đường Trời người tốt lành và chắc chắn sẽ đọa vào địa ngục A-Tỳ. Huống chi đánh đập những người theo ta, giữ gìn đầy đủ giới luật?"

Lại nữa, kinh Thập-luân nói: "Đức Phật bảo: "Các thân thích! Có bốn loại Tăng:

1- Là Tăng đệ nhất nghĩa,

2- Là Tăng thanh tịnh.

3- Là Tăng dê câm,

4- Là Tăng đáng xấu hổ.

Sao gọi là Tăng đệ nhất nghĩa? Chư Phật, Bồ-tát, Bích-chi và bốn loại Sa-môn chứng quả. Tất cả 7 bậc này gọi là Tăng đệ nhất nghĩa. Các cư sĩ tại gia chứng Thánh quả cũng gọi là Tăng đệ nhất nghĩa. Sao gọi là Tăng thanh tịnh?

Những người biết giữ giới cụ túc gọi là Tăng thanh tịnh. Sao gọi là Tăng dê câm?

Những người không biết phạm hay không phạm các tội lớn nhỏ có thể sám hối được, ngu si vi ám độn, không biết thân gần các bậc thiện tri thức, không biết hỏi han nghĩa lý sâu xa đã đúng hay chưa, gọi là Tăng dê câm. Sao gọi là Tăng không biết xấu hổ?

Những người vì sinh kế, tìm vào cửa Phật, phạm đủ mọi giới, phá hoại lục hòa, không sợ quả báo, buông thả lục tình, ham mê vật chất. Những kẻ ấy gọi là Tăng không biết xấu hổ".

Lại nữa, kinh Đại-bi nói: "Đức Phật bảo A-nan, trong giáo pháp của ta có những Sa-môn đã làm ô uế phạm hạnh, nhưng vẫn tự xưng là Sa-môn, mang dáng dấp Sa-môn, mặc phẩm phục Sa-môn. Trong Hiền kiếp này có hàng nghìn đức Phật, đứng đầu là đức Phật Di-lặc, cuối cùng là đức Phật Lô-xá-na. Các Sa-môn ấy cũng sẽ lần lượt nhập Niết-bàn Vô dư trong hiền kiếp nghìn Phật ấy. Vì các Sa-môn ấy dầu chỉ một lần niệm danh hiệu đức Phật, một lần sinh tín tâm, nhưng đã tạo ra công đức có lợi ích thật sự. A-nan! Ta đem Phật trí xem xét khắp pháp giới, đâu đâu cũng đều biết rõ. A-nan! Tạo nghiệp trắng có quả báo trắng; tạo nghiệp đen chịu quả báo đen. Nếu chúng-sinh nào giữ lòng thanh tịnh niệm nam mô Phật, nhờ vào thiện căn này, nhất định sẽ được gần gũi Niết-bàn, huống gì gặp được đức Phật và thành kính cúng dường?"

Lại nữa, kinh Thập-luân nói: "Đức Phật bảo, nếu có các Tỳ-kheo xuất gia theo Phật pháp, tất cả Trời người, A-tu-la đều phải cúng dường. Nếu có Tỳ-kheo giữ gìn giới luật, không được đánh phạt, trói cột, chặt đứt chân tay hay giết chết. Nếu có Tỳ-kheo phá giới, tệ hại như ung nhọt vỡ mủ, không có phạm hạnh mà vẫn nói có, bị mọi phiền não cấu kết phá hại, thối thất tiêu tan Thánh quả, nhưng Tỳ-kheo ấy vẫn còn có thể giáo hóa tất cả các loài Rồng, người, A-tu-la, nhờ có tiềm tàng

vô lượng công đức quý báu. Thế nên những kẻ xuất gia theo ta, hoặc giữ giới, hoặc Phá giới, ta đều không cho phép các Quốc vương và đại thần trách phạt, trói buộc lại đánh đập, chặt đứt, chân tay, thậm chí giết chết, huống gì chỉ phạm những tội nhỏ nhặt như làm mất mát uy nghi? Tỳ-kheo phá giới, dù đã chết đi, nhưng vẫn còn uy lực của giới luật giống như ngưu hoàng, tuy bò đã chết đi, người ta vẫn tím kiếm lấy ra cho được, hoặc giống như xạ hương, sau khi chồn chết, vẫn đem lại lợi ích cho mọi người. Tỳ-kheo vô hạnh, tuy phạm giới cấm, nhưng uy lực của giới luật vẫn còn đem lại lợi ích cho vô lượng Trời người. Giống như đốt nhang, tuy thân nhang đã hết, nhưng mùi hương vẫn còn thơm ngát mọi người. Tỳ-kheo phá giới cũng thế, tuy bị đọa vào đường ác, nhưng đã làm cho chúng-sinh Tăng trưởng thiện căn. Bởi thế, mọi kẻ thế gian không được chê bái khinh rẻ các Tỳ-kheo phá giới, trái lại, phải bảo vệ, tôn trọng, cúng dường. Ta không cho phép trách phạt, trói buộc, thậm chí cướp mất sinh mạng. Bấy giờ, đức Phật nói kệ rằng:

"Hoa chiêm-bặc tuy héo
Vẫn hơn các hoa khác.
Các Tỳ-kheo phá giới
Vẫn hơn bọn ngoại đạo.

Lại nữa, trong kinh Đại-tập, đức Phật nói kệ rằng:

"Cắt tóc mặc cà-sa
Giữ giới hay phá giới
Trời người nên cúng dường.
Đừng để phải thiếu thốn.
Cúng dường Tỳ-kheo ấy,
Chính là cúng dường ta!
Nếu vì kính Tam bảo,
Quy y và cắt tóc,
Thân mặc áo cà-sa,
Đấy chính là con ta.
Mặc dù đã phá giới,
Vẫn còn chưa thối thất.
Nếu ai đánh đập họ,
Chính là đánh đập ta!
Nếu ai nhục mạ họ,
Chính là nhục mạ ta!
Kẻ ấy tâm dù mất,
Chánh pháp vẫn sáng lòa.

Vì của tiền xâu xé,
Vua chúa cũng vẫn xa!

Lại nữa, kinh Thập luân nói: "Giống như ngày xưa có vị quân vương tên Phúc Đức, gặp tội nhân bị trói, không muốn tự tay giết chết, ra lệnh đưa đến cho con voi hung dữ. Voi liền chụp lấy hai chân toan quật xuống đất, nhưng thấy tội nhân mặc áo cà-sa hoại sắc, bèn từ từ thả ra, không dám làm hại. Rồi voi ngồi xổm, lấy vòi liếm chân tội nhân, tỏ vẻ thương xót. Thân thích! Voi là súc sinh, thấy người mặc áo cà-sa, còn không nhẫn tâm giết chết, sau này, sẽ có quân vương chiên-đà-la, thấy người xuất gia theo ta, có thể trở thành Sa-môn, dù chân chính hay không, liền hành hạ hay cướp đoạt sinh mạng. Khi chết, quân vương ấy chắc chắn sẽ đọa vào địa ngục A-tỳ."

Tụng rằng:

"Tẩn bộ dưới gốc cây,
Cầu đạo chí hăng say.
Chứng được thần thông lực,
Chống gậy cưỡi rồng mây.
Chong đèn phát đại nguyện,
Diệu chỉ chẳng gì tày!
Không ham muốn kiếp thọ,
Chẳng quản sống vài giây.

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG:

Thuật sơ lược 10 chuyện linh nghiệm:

1. Sa-môn Thích Đàm Thủy đời Ngụy.
2. Sa-môn Thích Đạo Khai đời Tấn.
3. Tư không Hà Sung đời Tấn.
4. Thánh Tăng ở Thất lãnh thuộc Lô Sơn đời Tấn.
5. Sa-môn Thích Tăng Lãng đời Tấn.
6. Sa-môn Thích Pháp Tướng đời Tấn,
7. Sa-môn Thích Pháp An đời Tấn.
8. Sa-môn Thích Tuệ Toàn đời Tống.
9. Sa-môn Thích Tuệ Minh đời Tề.
10. Thánh Tăng ở các núi non của Trung Quốc.

1- Đời vua Thái Vũ (424-439) nhà tiền Ngụy (Bắc ngụy), Sa-môn Đàm Thủy có nhiều điều thần dị. Ngài thường ngồi, không nằm, hơn năm mươi năm, chân không đụng đến dép. Đi trong sình lầy, rút chân lên liền sạch sẽ, trắng tinh như da mặt, nên đời thường gọi là ngài chân

trắng như lụa. Khi Hách Liên xương thắng trận, chiêm được Trường An, vì không tin Phật pháp nên ra lệnh giết hại Tăng ni. Ngài bị hành hình hằng dao kiếm, nhưng không bị thương. Bọn Tăng thấy thế, đâm ra hoảng sợ, bãi bỏ lệnh tàn sát. Nhờ ngài Tăng ni thoát chết rất đông. Vua Thái Vũ tỏ lòng kính trọng ngài. Sau ngài viên tịch hơn 10 năm, thần sắc vẫn không hề thay đổi.

2- Đời Tây Tấn, Sa-môn Thích đạo Khai, vốn người Đôn Hoàng, tu hành trên núi, ăn đọt tùng non suốt 30 năm. Sau chỉ ăn toàn sỏi nhỏ. Ngài đi bộ nhanh như bay, không thích lạc thú thế gian, chuyên ẩn tu ở núi Bảo Phúc. Khi Thạch Hổ (335-348) (nhà Hậu Triệu) cầm quyền, ngài đi từ Tây Bình đến. Nghiệp quận, vượt bảy trăm dặm bằng chân, dạo quanh xóm làng, cứu tế những kẻ khốn cùng, chi xẻ tiền bạc kiếm được. Cuối đời Thạch Hổ, ngài cùng đệ tử đến lại Kiến Nghiệp, vào phía Nam núi La Phù, rồi ngài viên tịch trong thảo am tại đó. Giữa niên hiệu Hưng Ninh (đời Đông Tấn), Viên Ngạn Bác có lên đây chiêm bái di thân của ngài.

3- Tư không Hà Sung (có chổ chép là Nhược) có đức tin từ thuở nhỏ. Lập nên pháp tòa ở Tinh xá để chờ đón Thánh thần suốt mấy năm. Bấy giờ, ông mở pháp hội tại nhà, trong đạo ngoài đời đến tham dự rất đông. Trong số đó, có một vị Tăng mặt mày quần áo lem luốc dơ bẩn, tướng mạo lùn ngắn, xấu xí. Vị Tăng bước lên pháp tọa, chắp tay ngồi yên. Đại chúng lấy làm lạ, cho là ngớ nhẩn, Hà Sung cũng tỏ vẻ bực dọc. Đến trưa, vị Tăng cũng thọ trai trên ấy. Xong xuối xách bát bước ra khỏi nhà, quay đầu lại bảo Hà Sung: “Tinh tiến đón chờ có vất vả lắm không? Dứt lời, liệng bát giữa không trung rồi vút mình bay đi mất. Hà Sung cùng đại chúng đưa mắt nhìn theo tận chân Trời, lòng ân hậ nhưng vô cùng, bèn dập đầu sám hối trọn cả tuần. (3 chuyện trên đây rút từ Lương-Cao-Tăng-Truyện).

4- Bảy ngọn núi ở Lô sơn cùng tụ hội tại phía Đông, tạo thành đỉnh cao vút, sườn núi cheo leo hiểm trở, chẳng ai dám leo lên. Giữa niên hiệu Thái Nguyên (376-395) đời Đông Tấn, thái thú quân Dự chương là Phạm Ninh sửa soạn xây trường học, sai người lên núi đốn cây, thấy có người mặc áo Sa-môn, bay vút lên giữa hư-không rồi đáp xuống trên đỉnh núi. Một hồi lâu, mới theo mây biến mất. Bấy giờ, có mấy người đi hái thuốc cùng đứng nhìn. Vì thế, các văn nhân đương thời lấy chuyện này làm cảm hứng để sáng tác, như bài Phú Lô sơn của Sa-môn Thích Đàm Đế có câu:

“Cưỡi mây hiện xuống non cao,

Rồi theo sương khói tan vào hư không".

5- Đời Tấn, Sa-môn Trúc Tăng Lãng giữ gìn giới luật nghiêm minh, trong và ngài nước đều kính ngưỡng. Có lần ngài cũng vài pháp lữ được tín chủ mời đến nhà hành lễ. Đi được nửa đường, ngài bỗng nói: "Hình như có kẻ trộm đang lấy áo quần đồ đạc của các huynh đệ để ở chùa. Các pháp lữ cấp tốc trở về, quả đúng như thế. Giữa niên hiệu Thái Nguyên, ngài khởi công xây dựng chùa chiền trong hang Kim dư thuộc huyện phụng cao. Về già, vua Phù Kiên nhà Tiền Tần (357-384) đâm ra bài trừ chư Tăng, nhưng không dám xâm phạm đến ngài và các đệ tử, vì quá kính trọng đạo hạnh, Đương thời, trong đạo ngoài đời đều ngưỡng mộ ngài, mỗi khi có tín chủ lên chùa, số lượng bao nhiêu, ngài điều biết trước, nên sai đệ tử chuẩn bị đầy đủ. Thường đúng như lời ngài đã cho hay. Lâu nay, hang núi ấy có nhiều cọp dữ làm hại người. Từ khi ngài đến lập chùa. Cọp trở nên hiền lành như gia súc. Về sau, vua Tiên tỳ Mộ Dung Đức nhà Nam Yên (398-bốn trăm) cho thâu thuế hai huyện này đem về triều chi dụng Hiện nay, người ta gọi hạng ấy là hang Lãng công.

6- Đời Tấn, Sa-môn Thích Pháp Tướng người ở Hà đông, thường tu khổ hạnh một mình trên núi. Chim chóc tụ tập chung quanh, thân thiết như thú nhà. Thần niếu trên núi Thái sơn có rương lớn bằng đá đựng tiền bạc châu báu. Ngài nhân đi qua, đêm ghé vào ngủ nhờ, gặp một người mặc áo đen, đội mũ võ quan, sai quan mở rương. Nói xong, người ấy biến mất. Rương đá ấy vốn nặng hơn mấy vạn cân. Ngài thử giở nắp lên, bỗng nhiên mở ra thật nhẹ nhàng, bèn lấy tiền của châu báu đem phân phát cho người nghèo, về sau, ngài sang Giang nam, ở tại chùa. Việt Thành và đi vân du khắp nơi, làm trò ca hát khôi hài. Có lúc cởi trần chọc tức bọn quyền quý. Trấn bắc tướng quân Tư Mã Điềm ghét ngài không chịu giữ lễ nghi, sai người mời đến, bắt uống rượu độc. Ngài uống trọn ba chén nhưng thần sắc vẫn tươi tỉnh như thường. Cuối niên hiệu Nguyên Hưng, ở tuổi tám mươi chín, ngài mới viên tịch.

7- Đời Tấn, Sa-môn, Thích Pháp An là đệ tử của Pháp Sư Tuệ Viễn ở Lô Sơn, cuối niên hiệu Nghĩa Hy (405-418) đời An Đế, huyện Dương tân bị nạn cọp dữ hoành hành. Trong huyện có miếu thờ thổ thần rất lớn nằm dưới tàn cây cổ thụ. Dân chúng chia nhau ở hai bên, đông đến hàng trăm. Gặp nạn cọp bắt, mỗi đêm chết khoảng một hai người. Ngài từng vân du qua đây, chiều tối vào làng xin ngủ nhờ. Vì sợ cọp. Dân làng đóng cổng rất sớm, lại không biết ngài, nên không cho vào. Ngài đi thẳng đến gốc cây, ngồi thiền suốt đêm. Gần sáng, cọp

cõng người chạy đến, liệng xuống phía bắc. Gặp ngài, cọp nhảy lên như mừng rỡ và nằm mẹp xuống trước mặt. Ngài bắt đầu giảng dạy và truyền giới luật, cọp ngồi xổm một lúc rồi bỏ đi. Chờ Trời sáng hẳn, dân làng mới xúm nhau đi tìm người chết. Đến dưới gốc cây, thấy ngài điềm nhiên tịnh tọa, hết sức kinh dị, cho là thần nhân nên không bị cọp làm hại. Từ đó, dân làng hết nạn cọp dữ. Mọi người càng nên kính tin. Dân chúng toàn huyện hầu như đều phụng thờ Phật pháp. Sau đó, ngài muốn vẽ tượng Phật lên vách núi, nhưng không kiếm ra màu xanh da Trời, muốn dùng màu xanh đồng, nhưng cũng không có đồng. Thao thức mãi, đêm nằm mơ thấy người đi quanh quẩn trước Thiền sàng, bảo rằng: “Dưới chổ này có cặp chén bằng đồng, nên đào lên mà dùng”. Sáng mai ngài đào thử, liền gặp. Nhờ thế tượng được hoàn thành. Khi Pháp Sư Tuệ Viễn đúc tượng, ngài đưa một chén góp phần công đức, còn lại một chén Thái Thú quận Vũ Xương là Hùng Vô Hoạn mượn xem rồi chiếm luôn, không trả lại.

- Đời vua Tống Hiếu Minh, Sa-môn Tuệ Viễn ở chùa Trường Sa tại quận Giang Lăng, vốn tên Hoàng Thiên, là đệ tử của thiền sư Tuệ Ẩn. Thiền Sư Tuệ Ẩn nhập định, thường thấy Sa-môn từng làm thầy của mình trong tiền kiếp. Dù Sa-môn đã già, nhưng vẫn thế độ cho làm đệ tử. Sau đó, Sa-môn ở nhờ họ Dương tại Giang Lăng để tu phép định. Ban-châu rất tinh tiến. Hơn một năm, chứng được khá nhiều kỳ bí. Trong một ngày, Sa-môn thấy rõ hậu thân đến mười lần, nhưng vẫn an nhiên thực hành phép ban-châu. Sa-môn biết trước ngày viên tịch. Đúng kỳ Sa-môn thanh thản ra đi. Sau đó rất lâu, Sa-môn hiện ra, bảo Sa-môn Đàm Tuân ở chùa Đa Bảo rằng: “Ngày hai mươi ba tháng hai sang năm, ta sẽ cùng chư Thiên đến đón”. Nói xong liền biến mất. Đúng hôm ấy năm sau, Sa-môn Đàm Tuân mở pháp hội rất lớn, bày trai lễ giả từ. Khi cảm thấy trong người bất thường, Sa-môn biết sắp sửa mệnh chung. Vào khoảng canh ba, giữa không trung có tiếng âm nhạc và mùi hương thật lạ lùng. Sa-môn bảo: “cái hẹn của ngài Tuệ Viễn đã đến”. Vừa dứt lời, Sa-môn liền viên tịch.

8- Đời Tống, Sa-môn Thích Tuệ Toàn là Thiền Sư ở Lương Châu. Ngài giáo hóa môn đồ đông đến năm trăm người. Trong đó, có một đệ tử tính tình hơi thô bạo, không được ngài lưu ý. Sau đó, bỗng nhiên đệ tử ấy buột miệng nói đã chứng được quả tam đạo. Ngài vẫn cho là hạng vô hạnh, nên không tin lời và ấn chứng dùm. Khi ngài lâm bệnh, đệ tử ấy đang đêm vào phòng vấn an dù cửa đã đóng kín. Ngài rất lấy làm lạ, muốn thử một lần nữa, bèn dặn đệ tử ấy đêm mai sẽ đến. Rồi ngài

đóng chặt cửa, gài then thật kỹ. Nữa đêm hôm sau, đệ tử ấy vẫn ung dung bước vào, đến trước Thiền sàng thưa rằng: “Xin sư phụ chứng cho con đã đến đúng hẹn!” Rồi nói tiếp: “Khi sư phụ viên tịch, sẽ sinh vào nhà Bà-la-môn”. Ngài bảo rằng: “Ta ngồi thiền đã lâu năm, lẽ nào lại sinh vào chổ đó?” Đệ tử ấy đáp: “Sư phụ không tin tưởng tuyệt đối vào đạo, lại chưa bỏ hẳn ngoại giáo. Dẫu có phước đức, cũng không thể siêu thăng, nếu chịu mở pháp hội lớn, cúng dường một vị giải thoát, may ra thành tựu đạo quả”. Sa-môn nghe lời, mở pháp hội lớn. Đệ tử ấy dặn thêm: “Nên đem ca-sa cúng dường. Nếu có ai xin, đừng câu nệ tuổi tác lớn nhỏ”. Pháp hội hoàn thành, đến lượt cúng dường cà-sa, có một Sa-di bước đến xin nhận. Ngài thấy là đệ tử ở chùa, liền bảo: “Ta muốn cúng dường cho vị Thánh Tăng, không thể cho ngươi”. Chợt nhớ lại lời dặn đừng câu chấp tuổi tác lớn nhỏ trong đây, ngài bèn hoan hỷ giao cho Sa-di ấy. Một hôm gặp lại Sa-di, ngài hỏi: “Áo hôm trước có rộng lắm không?” Sa-di đáp: “Chẳng phải đệ tử không đáng nhận áo đâu, chỉ vì lý do riêng, cảm thấy xấu hổ nên không tham dự pháp hội mà thôi”. Bấy giờ ngài mới hiểu rằng vị Thánh Tăng đã hóa thân thành Sa-di ấy. Sau đó, đệ tử ấy mạng chung, không xảy ra điều linh dị nào, ngoại trừ bốn phía mộ thỉnh thoảng phát ra hào quang trắng bạch. Đến niên hiệu Nguyên Gia thứ hai mươi (443), ngài vẫn còn sống ở vùng Tửu Tuyền. (6 chuyện trên rút từ Minh-tường-ký).

9- Đời Tề, tại núi Xích Thành thuộc huyện Thủy Phong có Sa-môn Thích Tuệ Minh vốn người Khang-cư. Tổ Tiên chạy loạn sang Đông ngô, cư trú trong thạch thất tại núi Xích Thành. Ngài chuyên tâm thiền định, hình dáng khô gầy. Sau đó, trong khi nhập định sâu xa, ngài thấy một thần nữ tự xưng là lão bà, nói rằng: “Ta sẽ luôn luôn che chở giúp cho”. Thỉnh thoảng có vượn trắng, hươu trắng, cọp trắng và rắn trắng lân la trong thềm rất hiền lành, không gây sợ hãi. Cánh Lăng vương nghe tiếng rất ngưỡng mộ, trong sau phái ba người lên mời, ngài mới xuống núi, đến thăm vương phủ ở kinh đô. Vương nghinh tiếp cung kính, theo lễ thầy trò. Được một lát, ngài Từ biệt xin về.Vương năn nỉ, ngài cũng không chịu ở lại , đành bày lễ vật cúng dường và phái người đưa về núi. Ngài viên tịch vào cuối niên hiệu Kiến Vũ (494-497), thọ bảy mươi tuổi.

10- Cung chiêm các chùa chiền trên núi, các hang động thạch thất khắp non nước Trung Quốc, có nhiều chùa linh thiêng do các Thánh Tăng tu tập, được các vị hành giả phát hiện. Nay chỉ thuật lại năm ba chuyện có bằng chứng xác thật. Số còn lại rất nhiều, không thể ghi chép

hết.

- Xưa kia, vào đầu niên hiệu Thái Nguyên đời Tấn, Sa-môn Trúc Đàm Du, người Đôn Hoàng, chuyên hành Thiền và đi khất thực, khi ngài đang vân du ở núi xích thành tại huyện Diễm thuộc đất cối kê, gặp bầy cọp xông đến, ngài bình tâm thuyết pháp, có một con lăn ra ngủ say, ngài lấy gậy như ý gõ lên đầu kêu tỉnh dậy. Lại có con rắn lớn mười ôm quấn quanh mình, ngài vẫn thản nhiên không chút sợ hãi. Thần núi cũng xin cúng dường nhà để ngài lập chùa. Sau đó ngài tịnh tọa trên núi Xích Thành. Núi này tiếp giáp với núi Thiên Thai đầy suối thác và núi Tứ Minh. Các phụ lão nói núi Thiên Thai có chùa thần, ngài bèn đi tìm. Có cầu đá bắc qua khe sâu, rêu xanh trơn trợt, không thể đi được. Đá mọc chắn đường, không tài nào cất bước tiến tới. Ngài đành ngủ tại đầu cầu suốt một tuần, bỗng nghe bên kia văng vẳng có tiếng đọc tụng giới luật, bèn cố gắng tịnh tâm. Thình lình, tảng đá chắn lối tự nhiên mở ra, ngài lập tức bước tới, thấy toàn Tinh xá, nhiều vị Thánh Tăng đang thắp nhang, khi ngài thọ ngọ trai xong, các Thánh Tăng bảo rằng: “Sau 10 năm nữa, tự nhiên sẽ lên đây”.

- Đời Tề, Sa-môn Viên Thông ở chùa Đại Trang Nghiêm vùng Nghiệp hạ được một vị thần Tăng đến nghe thuyết pháp suốt mùa an cư. Ngày xuất hạ, thần Tăng nào Từ biệt, nói mình ở chùa Trúc Lâm và mời Sa-môn sang chơi. Sa-môn hỏi han đường sá. Qua năm sau bèn đi sang thăm, núi ấy nằm phía Tây bắc đất Nghiệp. Thần Tăng ra nghinh đón. Chùa chiền mở cửa rộng rải, thông thoáng, phòng ốc trang nghiêm. Sa-môn ở chơi, đàm đạo hợp ý, nên muốn xin ở lại hẳn. Thần Tăng vào bẩm lên Hòa thượng. Hòa thượng không chấp thuận, Sa-môn đành trở về. Đi hơn 3 dặm, Sa-môn quay đầu nhìn lại, chẳng thấy gì nữa. Những người lên tìm sau này cũng không biết chổ nào.

- Gần châu Nghiệp có vị Sa-môn tên Đạo cần đi lên phía bắc, đứng dựa sườn nùi tìm tòi, thấy bốn phía chung quanh hiện rõ cảnh chùa. Mọi thứ đều đủ, nhưng không có người. Sa-môn bước xuống xem xét, bỗng lạc mất đường, bèn cất nhà bên cạnh lối đi, ý muốn gặp gỡ các thần Tăng trong hang Bảo phúc ở núi Giới sơn nằm về phía đông nam châu Phần. Về sau, các vị Tăng tu hành trên núi thường thấy Sa-môn phi hành tự tại giữa không trung.

Lại nữa, trong động Hồng nhai nằm ở phía nam châu Lương hiện còn các chùa xưa bia cũ do Thư Cừ mông Tốn (401-411), vua nhà Bắc Lương, xây dựng trước đây. Trong đó có tượng các vị thần Tăng biết đi hành đạo. Thấy người đến liền đứng lại, người vừa bước qua, lại đi như

cũ. Vì thế, hai bên hiện đầy dấu chân, nhưng chẳng thấy ai cả.

- Thuật rằng: Như ba mươi quyển Danh-Tăng-truyện, mười lăm quyển Lương-cao-Tăng-truyện, bốn mươi quyển Đường-cao-Tăng-truyện và truyện, sử của các nhà ghi chép công đức lạ lùng của hơn mấy nghìn danh Tăng được trong đạo ngoài đời ngưỡng mộ. Vì tản mạn trong các chương mục và văn từ phức tạp, nên không thể ghi chép hết ra đây. Thế nên chỉ thuật lại đôi phần để biểu dương đạo hạnh của các cao Tăng ấy mà thôi.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 20

Thiên thứ 9: TRÍ KÍNH

Gồm có 7 phần: Thuật ý, Công năng, Phổ kính, Danh hiệu, Hội thông, Phu tọa, Nghi thức.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Vốn nghe: Đấng Thánh trí mở lượng Từ bi; bậc trí nhân làm lợi muôn vật. Ý muốn dẫn chúng-sinh về nơi giác ngộ, chở ba cõi bằng pháp đại thừa. Thầy trò khác nẽo nhưng cùng về; đạo đời riêng lối mà chung đích, nên mới dựng tượng để hiện chân dung mở lời để làm gương nhân thế, giơ ngón tay cốt chỉ mặt trăng, đưa chân lý ra làm phép tắc. Chỉ vì chúng-sinh tăm tối, cố chấp ngã nhân, rơi dòng ngã mạn, đắm chìm theo nghiệp, không biết sửa đổi. Do ở nhiều kiếp mê mờ, không tin Tam bảo, ám chướng ngu si, khó gặp thập Thánh. Thế nên, tính mệnh như đuốc tàn trước gió, không giữ được lâu; hình hài tựa mồi lửa lóe lên, chẳng vững bền được. Hơn nữa, ngũ trược xâm lăng, tứ khổ bức bách, cam tâm chịu đựng hưởng thụ kiếp trần, khiến cho đấng đại Thánh phải mở lượng Từ bi, rộng lòng dạy dỗ cảm hóa, xét kỹ đạo hạnh thiết yếu, cốt ở thực hành lễ sám. Vì thế, luận Thập-trụ của Long-thọ có nói: "Ngày đêm đều có ba thời, tức sáu thời ngày cũng như đêm, Bồ-tát tinh tiến lễ bái chư Phật mười phương, sám hối, khuyến thỉnh, tùy hỷ, hồi hướng. Bồ-tát sẽ chứng được quả Bất thối. Nếu chúng-sinh theo đó tu hành, cũng sẽ chứng được quả ấy". Như niệm danh hiệu đức Phật Đông Phương Thiện Đức, nhờ vào nguyện lực của chư Phật mười phương, nếu có chúng-sinh sớm gieo nhân lành vào đức Phật ấy, khi nghe danh hiệu của ngài, liền biết kính tin, đạo tâm sẽ không nghe tiếng niệm Nam-mô Phật, bỗng nhiên sửng sốt hân hoan, tâm địa trở thành an lạc, hết tội được phước. Do đó, kinh có nói: "Kính lễ đức Phật ấy, có thể tiêu trừ tội nặng phải sống chết hằng trăm vạn kiếp. Nếu không theo đó tu hành, máy động phàm tâm, sẽ mang lấy tội, gánh chịu lắm kiếp ương". Vừa nghe tên

Phật, phải nên xúc động: “Ta có tội gì, chẳng thấy được ngài?” Ràn rụa nước mắt, kính cẩn chấp tay. “Ta có phước gì, được nghe tên ngài?” Hân hoan thành kính, chiêm bái hình ngài, yêu kính chẳng rời. Thực hành cách ấy, đức tin sẽ Tăng, tình thức lâng lâng, đều được siêu thoát. Mỗi khi kính lễ, cần phải chí tâm. Thường thấy đạo đời, nghe xướng tên Phật, thân tuy hành lễ, tâm lại vọng động, nửa chừng chán nản, không biết ăn năn. Không tin không thẹn, không biết kiêng dè. Mang tội bất kính, ngày một nhiều hơn. Hoặc có đạo đời, lễ bái trước chúng, đông đảo Tăng tục, cất tiếng xướng đáp, hành lễ gấp gáp. Thân không theo lễ, tâm chẳng cung kính, giống hệt điểm danh, chỉ biết gật đầu, tựa chày giã gạo, mất công vô ích.

Phần trên đây, nói qua những tội do bất kính, vì ham danh lợi không giữ đức tin. Do tin, mới nhập vào đạo, phát ra trí tuệ, không có đức tin, rốt cuộc chẳng đến đâu cả. Phần tiếp theo, sẽ nói về năm điểm, dựa đúng chánh pháp, chỉ chổ đúng sai, cốt để phá vọng hiển chân, nhằm đạt cứu cánh Vô thượng.

Thứ hai: PHẦN CÔNG NĂNG

Kính nghĩ: từ tâm của đấng Đại giác, Thánh trí của bậc Chí nhân âm thầm hộ trì thế giới, linh ứng kịp thời, nghe danh hiệu sinh lòng cung kính, nghiệp thiện sẽ hình thành trong nháy mắt, dựa tâm ở trông chờ hóa độ, quả báu chỉ chứng được sau muôn đời. Thế nên, uy danh của năm mươi ba vị Phật đầy dẫy khắp pháp giới vi trần hào quang của ba nghìn vị Phật chiếu diệu suốt cả cõi hà sa. Quyền năng cứu độ khổ ách của hai mươi lăm vị Phật vô cùng nhanh chóng, công đức cúng dường cả thất bảo của thế giới Ta-bà không bằng một lần đảnh lễ. Nhân lành chấp tay có vẻ còn xa, phước báo giác ngộ đã dần dần đến. Mới biết công phu lễ bái tán thán không phải là điều vô bổ. Chí tâm thành kính đã ngấm ngầm tích lũy biết bao công đức. Do đó, luận trí độ nói rằng: “Nếu Bồ-tát chưa đủ địa vị, xa lìa Phật pháp, hủy hoại thiên căn, dây dưa phiền não, không thể tự độ, làm sao độ tha? Vì thế, không thể xa lìa chư Phật, giống như trẻ con không thể xa lìa mẫu thân, đi đường không thể xa lìa lương thực, Trời nắng không thể xa lìa gió mát, Trời lạnh không thể xa lìa lửa ấm, qua sông không thể xa lìa ghe thuyền, đau ốm không thể xa lìa thuốc men. Cho nên Bồ-tát không thể xa lìa chư Phật. Bạn bè, mọi người, chư Thiên, vua chúa đều không thể giúp ta vượt qua biển khổ. Chỉ có đức Phật mới có khả năng giúp ta vượt qua, nên phải luôn luôn tâm niệm không xa lìa chư Phật”.

Lại nữa, kinh Dược-Vương-Thượng nói rằng: “Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo đại chúng, vào vô lượng kiếp trước, nhằm thời mạt pháp của đức Phật Diệu Quang, ta xuất gia học đạo, nghe danh hiệu của năm mươi ba vị Phật, liền cung kính chắp tay, sinh lòng hớn hở, rồi dạy người khác hành trì. Cứ thế lần lượt dạy nhau đến ba ngàn người. Tất cả ba ngàn người này cùng niệm danh hiệu, cung kính hành lễ, nhờ công đức ấy, tất cả đều vượt qua mọi tội lổi từ vô số kiếp. một ngàn người đầu tiên, trước theo đức Phật Hoa Quang, sau theo thứ Phật Tỳ-xá và đều thành Phật trong kiếp Trang Nghiêm, tức là một ngàn vị Phật của thời quá khứ, một ngàn người ở giữa, trước theo đức Phật Câu-lâu-tôn, sau theo đức Phật Lâu-chí và đều thành Phật trong hiền kiếp. một ngàn người sau cùng, trước theo đức Phật Nhật Quang, sau theo đức Phật Tu-di Tướng và sẽ thành Phật trong kiếp tinh tú. Hiện tại, chư Phật mười phương Thuận Đức Như-lai cũng được nghe danh hiệu năm mươi ba vị Phật này, nên đều được thành Phật khắp mười phương. Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân và mọi chúng-sinh khác nghe được danh hiệu của năm mươi ba vị Phật này, trong vô lượng vô biên kiếp, sẽ không bị đọa vào đường ác. Lại nữa, nếu có các chúng-sinh nào nghe được danh hiệu của năm mươi ba vị Phật này, dù sinh ra ở đâu, cũng đều gặp được chư Phật mười phương. Lại nữa, nếu có người biết chí tâm đảnh lễ danh hiệu năm mươi ba vị Phật này, sẽ tiêu trừ các tội tứ trọng, ngũ nghịch và phỉ báng kinh điển đại thừa. Tất cả mọi tội lổi khác đều được giải thoát. Nhờ ở nguyện lực vô biên của chư Phật ấy, nên trong mỗi niệm, tất cả mọi tội lổi nói trên đều được tiêu trừ”.

Lại nữa, kinh Quyết-định-Tỳ-ni nói rằng: “Nếu ai biết chí tâm đảnh lễ 3năm vị Phật, người ấy được vô lượng vô biên công đức”.

Lại nữa, kinh Phật danh nói: “Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe danh hiệu của hai mươi lăm vị Phật này, thành tâm đọc tụng, cung kính lễ bái, sẽ xa lìa ba đường ác, trừ bỏ hờn giận, ngu si, giải thoát hết mọi trọng tội từ trăm kiếp, thường được sinh vào nước Phật thanh tịnh khắp mười phương. Lại nữa, nếu có chúng-sinh nào cúng dường thất bảo chất đầy tam thiên đại thiên thế giới suốt hàng trăm năm, cũng không bằng một phần nghìn công đức trì tụng, lễ bái danh hiệu hai mươi lăm vị Phật ấy. Công đức này thật nhiều, không thể tính toán, so sánh nổi. Tại sao? Bởi vì thiện căn của chúng-sinh quá mỏng manh, không thể nghe được các danh hiệu ấy. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân nào nghe được danh hiệu của hai mươi lăm vị Phật ấy, không phải nhờ đã gieo thiện căn ở một hay mười đức Phật, mà đã gieo trồng thiện căn ở

trăm nghìn vạn đức Phật, mới có thể nghe được danh hiệu của các vị Phật ấy. Thiên nam tử, thiện nữ nhân ấy sẽ vượt qua bốn mươi tám kiếp và thành Phật trước tiên. Lại nữa, nếu có người không tin vào danh hiệu của hai mươi lăm vị Phật ấy, không tin vào công đức trì tụng ấy, người này sẽ bị đọa vào địa ngục A-Tỳ đúng một trăm kiếp. Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-di nào muốn sám hối các tội lổi, nên tắm gội, mặc áo mới sạch sẽ, ngồi ngay ngắn, tôn trí các tượng, treo hai mươi lăm tràng phan, cúng dường các loại hoa đẹp, trì tụng danh hiệu hai mươi lăm vị Phật này suốt sáu thời mỗi ngày, sám hối đủ hai mươi lăm ngày, sẽ tiêu trừ được bốn và tám loại trọng tội. Các thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni cũng đều như thế.

Lại nữa, kinh Văn-Thù-Vấn có kệ tán Phật rằng:

"Con lạy hết thảy Phật,
Điều ngự chẳng ai bằng
Pháp thân cao trượng sáu
Và lạy pháp của ngài,
Nơi sinh, nơi đắc đạo,
Nơi dạy, nhập Niết-bàn,
Nơi đi, đứng, ngồi, nằm.
Mọi nơi, con đều lạy.
Chư Phật không nghĩ bàn,
Chánh pháp cũng như thế.
Tin ngài và quả báo
Cũng không thể nghĩ bàn.
Thường đem lời kệ này
Tán thán đức Như-lai,
Trong nghìn vạn ức kiếp,
Chẳng đọa vào đường ác".

Lại nữa, kinh Bồ-tát-bản-hạnh nói: "Ngay như hóa độ vô lượng chúng-sinh thành Bích-chi Phật và cúng dường chư Tăng đầy đủ bốn thứ suốt hàng trăm năm, công đức tuy nhiều, nhưng không thể tránh được với người đem lòng hoan hỷ tán thán đức Phật bằng bài kệ bốn câu. Công đức này mới thật là vô lượng".

Lại nữa, kinh Thiện-sinh nói rằng: "Đem tất cả thất bảo của bốn châu cúng dường đức Phật và đem tất cả lòng cung kính tán thán đức Phật, hai công đức này so ra bằng nhau không khác".

Lại nữa, kinh Đại-bi nói rằng: "Nhờ thiện căn một lần niệm danh hiệu Nam-mô Phật, có thể nhập vào cõi Niết-bàn không cùng tận".

- Thuật rằng: Khi đã biết công đức lễ Phật, theo kinh điển nói, thật lớn lao không thể nghĩ bàn, các hành giả phải nên chú tâm, không để sa ngã. Sợ mai kia, vô thường chợt đến, không còn cơ hội hành lễ nữa giống như chuột bị ví vào góc cùng, không lối thoát thân. Thế nên ở trong kinh, đức Phật có nói kệ rằng:

"Mạng như đèn trước gió,
Chẳng biết lúc nào tàn
Hôm nay hoặc ngày mai
Cái chết đến không hay.
Mê man theo nghiệp duyên,
Chẳng biết sinh về đâu".

Lại nữa, kinh Thượng-sinh nói rằng: "Nếu có người kính lễ đức Phật Di-lặc, sẽ tiêu trừ tội lổi phải sống chết hàng trăm ức kiếp. Thậm chí, sau này sẽ gặp được đức Phật ấy dưới cây Long hoa". Kinh ấy còn nói: Sau khi chết, sẽ được sinh về cõi Trời Đâu-suất. Nếu có kẻ nam người nữ nào tạo các nghiệp ác, phạm các giới cấm, nghe danh hiệu Bồ-tát đại bi của ta, liền nằm mọp thành tâm sám hối, mọi nghiệp ác sẽ mau được giải thoát sạch sẽ. Nếu có chúng-sinh nào quy y Bồ-tát Di-lặc, nên nhớ rằng chúng-sinh ấy sẽ không bị thối thất đạo tâm. Khi Bồ-tát Di-lặc thành Phật, thấy được hào quang của ngài, chúng-sinh ấy sẽ được thọ ký liền".

Lại nữa, kinh Tăng-nhất-A-hàm nói rằng: "Lễ Phật có 5 công đức:

1- Đoan chính,
2- Có tiếng nói hay
3- Có nhiều tiền của,
4- Được sinh vào nơi cao quý,
5- Được sinh lên cõi Trời".

Lại nữa, kinh Kim-cương-Tam-muội nói rằng: "Nếu có chúng-sinh mới nghe đến trí tuệ siêu việt của chư Phật, liền phát tâm tin tưởng, không phỉ báng, chúng-sinh ấy sẽ không đọa vào đường ác hàng trăm nghìn kiếp, sẽ sanh vào nước có đức Phật thậm chí, kẻ nào tưởng niệm pháp thân của đức Phật, cũng sẽ có công đức vô biên".

Lại nữa, kinh Phổ-Hiền-Quán nói rằng: "Nếu có kẻ nào hành lễ chư Phật mười phương suốt sáu thời đêm ngày, trì tụng kinh điển đại thừa, suy niệm đệ nhất nghĩa, cứu cánh chân không rất sâu xa, trong thời gian một búng tay, sẽ tiêu trừ được tội lổi sống chết suốt vô lượng vô biên vô số kiếp. Kẻ thực hành phép ấy chính là Phật tử, sẽ được sinh

ra theo chư Phật. Chư Phật mười phương và các Bồ-tát là Hòa thượng của họ. Họ là kẻ giữ giới Bồ-tát cụ túc. Không cần phép yết ma vẫn thành tựu và xứng đáng được tất cả Trời người cúng dường".

Lại nữa, kinh Niết-bàn nói rằng: "Nếu cúng dường cho Tam bảo một cây nhang, một ngọn đèn, thậm chí một bông hoa, thì sẽ được vãng sinh về quốc độ yên bình. Nếu khéo giữ gìn tài sản của Tam bảo, quét rửa chùa chiền, tượng, tháp, dù nhỏ bằng ngón tay cái, sẽ sinh ra lòng hớn hở và được vãnh sinh về quốc độ an bình. Nơi ấy thanh tịnh trang nghiêm, không bị tam tai gây ảnh hưởng".

Thứ ba: PHẦN PHỔ KÍNH

Kính nghĩ: Pháp thân vô tướng, ứng hiện mười phương, nghĩa là bốn phương, bốn góc và trên dưới, nho gia chỉ nói về thế giới này, các thế giới khác, xưa nay chưa đề cập đến. Dựa theo Phật pháp, vũ trụ thông suốt vô cùng rộng khắp mười phương, bao quát mọi thế giới. Nói theo Phật pháp, thế giới Ta-bà là đại thiên thế giới, có hàng vạn ức mặt Trời mặt trăng bao quanh bốn lớp. Đây là quốc độ do đức Phật Thích-Ca hóa thân làm chủ tể. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm nói rằng: "Quốc độ do báo thân của đức Phật Lô-xá-na làm chủ tể còn vượt quá độ lớn này, đến khắp cả mười phương, kẻ phàm không thể nhận thức nổi. Thế nên, kinh Phạm-võng có kệ nói rằng:

"Lô-xá-na ta nay,
An nhiên trên tòa sen
Trên nghìn hoa chung quanh
Lại hiện nghìn Thích-Ca
Mỗi hoa trăm muôn nước,
Mỗi nước một Thích-ca
Ngồi dưới cội Bồ-đề,
Cùng chứng quả thành Phật".

Điều trong kinh nói, nghìn hoa nghìn Phật, tức một cánh hoa là một bông hoa, cho nên một bông hoa nghìn cánh có nghìn đức Phật hiện ra.

Lại nữa, kinh Phổ-Hiền Quán nói: "Quốc độ do đức Phật Tỳ-lô-xá-na làm chủ tể ở khắp mọi nơi. Chổ ngài thường gọi là Thường tịnh quang". Dựa vào đoạn kinh này, đã hiểu rõ ý nghĩa chư Phật trụ vô sở trụ để tiếp dẫn chúng-sinh, khiến cho tất cả đều kính ngưỡng. Bàn luận đến cùng, chư Phật không thường trụ một chổ nhất định. Như thế, chư Phật ở vô lượng thế giới khắp mười phương đã không ngừng hóa

độ chúng-sinh suốt thờ quá khứ, hiện tại đến tương lai. Hẹn với chúng-sinh ra đời hóa độ rồi nhập Niết-bàn. Dựa vào hóa độ mà bàn, y theo hiển giáo chánh pháp lưu hành mãi mãi, công đức hóa độ bao la, sánh đầy pháp giới, không hạn chế vào bất cứ thế gian và không gian nào cả. Căn cứ vào cuộc đời giáo hóa của đức Phật Thích-Ca, nay thuật lại sơ lược, ngài tạm đầu thai xuống thế, trải qua 8 tướng thành đạo, làm lợi cho chúng-sinh có căn cơ thấp kém, đều dần dần hiểu thông chánh pháp. Đến nỗi phụ vương, mẫu hậu, hoàng gia và các bậc tôn trưởng đều cúi đầu đảnh lễ trước ngài, huống hồ những kẻ phàm phu lại chẳng biết kính tin?

Lại nữa, kinh Phật thuyết-thập-nhị-Phật-danh-thần-chú-trừ-chướng-diệt-tội nói rằng: “Bấy giờ, đức Thế-tôn bảo Bồ-tát Di-lặc rằng: “Di-lặc! Cách quốc độ này về phía đông có mười quốc độ của chư Phật, số lượng nhiều không thể nói gồm hàng ức trăm nghìn thế giới nhỏ bé như hạt vi trần. Qua khỏi mười quốc độ này, có một quốc độ tên là giải thoát Chủ thế giới. Trong đó có đức Phật tên là Hư-không công đức Thanh tịnh vi trần Đẳng Mục Đoan Chính công đức tướng Quang Minh Hoa Ba Đầu Ma Lưu Ly Quang Bảo Thể Hương tối thượng hương cúng dường ngật chủng chủng trang nghiêm đỉnh kế vô lượng vô biên nhật nguyệt quang minh nguyện lực trang nghiêm biến hóa trang nghiêm pháp giới xuất sinh vô chướng ngại vương Như-lai. Thiên nam tử, thiện nữ nhân nào phạm tội tứ trọng ngũ nghịch, phỉ báng Tam bảo và bốn tội ba-la-di, đáng ra phải đền tội suốt vô lượng vô biên vô số kiếp, nếu niệm một lần danh hiệu của đức Phật ấy, lạy một lạy, tất cả mọi tội nghiệp sẽ được tiêu trừ. Nếu đêm ngày đọc tụng, tưởng niệm không quên, công đức sẽ trở nên vô lượng, trong quốc độ của đức Phật ấy có Bồ-tát tên là Vô Tỷ Vô chướng ngại vương Như-lai. Nếu được Bồ-tát này thọ ký, sẽ thành Phật tên là Hào Tướng Nhật Nguyệt Quang Minh Diễm Bảo Liên Hoa Kiên Như Kim Cương Thân Như Tỳ-Lô-giá-na vô chướng ngại viên mãn thập phương phóng Quang Chiếu Nhất Thiết Phật Sát Tướng Vương Như-lai . Phương Đông của quốc độ ấy có đức Phật tên là Nhất Thiết Trang Nghiêm Vô Cấu Quang Như-lai. Phương Nam của quốc độ ấy có đức Phật tên là Biện tài Anh Lạc Tư Niệm Như-lai. Phương Tây của quốc độ ấy có đức Phật tên là Vô Cấu Nguyệt Tướng Vương Danh Xưng Như-lai. Phương Bắc của quốc độ ấy có đức Phật tên là Hoa Trang Nghiêm Tác Quang minh Như-lai. Phương Đông nam của quốc độ ấy có đức Phật tên là Tác Đăng Minh Như-lai. Phương Tây nam của quốc độ có đức Phật tên là Bảo Thượng Tướng Danh Xưng Như-lai.

Phương Tây bắc của quốc độ ấy có đức Phật tên là Vô úy Quán Như-lai. Phương Đông bắc của quốc độ ấy có đức Phật tên là Vô Úy Vô Khiếp Mao Khổng Bất Thụ Danh Xưng Như-lai. Phía dưới của quốc độ ấy có đức Phật tên là Sư tử Phấn Tấn Căn Như-lai. Phía trên của quốc độ ấy có đức Phật tên là Kim Quang Uy Vương Tương Tự Như-lai.

Bấy giờ, đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc rằng: "Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào tụng niệm danh hiệu mười hai đức Phật này suốt mười ngày, sám hối tất cả tội lổi, tùy hỷ công đức của tất cả chúng-sinh, cầu sinh chư Phật xuất thế lâu dài với chúng-sinh và đem tất cả mọi nhân lành này hồi hướng khắp pháp giới, kẻ ấy sẽ tiêu trừ hết mọi tội lổi thanh tịnh, tất cả mọi nghiệp chướng, lập tức làm trang nghiêm đầy đủ mọi quốc độ, đầy đủ vô úy, đầy đủ thân tướng, đầy đủ các Bồ-tát thân cận chung quanh, đầy đủ vô lượng Tam-muội, đầy đủ quốc độ trang nghiêm như ý và chứng được quả A-nậu-Bồ-đề. Bấy giờ, đức Phật nói kệ rằng:

"Nếu có thiện nam tử
Hay là thiện nữ nhân
Niệm danh hiệu Phật ấy,
Đời đời sinh các nước,
Được mọi người kính mến,
Có hào quang rực rỡ.
Đời này được tôn kính,
Đời sau sẽ thành Phật".

Lại nữa, kinh Thi-ca-la-việt-lục-hướng-bái nói rằng: "Khi đức Phật còn tại thế, có con của vị Trưởng giả tên Thi-ca-la-việt dậy sớm, tắm rửa, thay áo xong, hướng về sáu phương lạy bốn lạy. Đức Phật vào thành vương xá, Việt đã nhìn thấy từ đằng xa. Đức Phật đến nhà, hỏi rằng: "Tại sao con hướng về sáu phương hành lễ? Điều ấy có ý nghĩa gì?" Việt thưa rằng: "Từ thuở sinh thời, cha con đã dạy như thế, con chẳng hiểu vì sao". Đức Phật bảo rằng: "Cha con dạy khi hành lễ, không lạy bằng thân". Việt bèn quỳ xuống thưa rằng: "Xin đức Phật giải thích ý nghĩa giúp cho". Đức Phật bảo rằng: "Con hãy nghe đây! Nếu có bậc Trưởng giả hiền nhân biết giữ gìn, không phạm bốn giới cấm, đời này sẽ được mọi người kính nể, đời sau sẽ được sinh lên cõi Trời. Thứ nhất là không sát sinh, thứ hai là không trộm cắp, thứ ba là không tà dâm, thứ tư là không nói dối điêu ngoa. Kẻ tham lam ngu muội không chế ngự được bốn điều xấu ấy, gọi là trăng mờ. Giống như khi mặt trăng sắp lặn, ánh sáng mờ dần. Người chế ngự được các điều xấu

xa, giống như trăng mới mọc, ánh sáng tỏ dần. Đến ngày rằm sẽ tròn đầy sáng láng". Đức Phật bảo tiếp: "Lạy về phương Đông, nghĩa là con đối với cha mẹ, cần có năm điều:

1- Cần lo liệu sinh kế cho gia đình.

2- Dậy sớm, sai người giúp việc nấu nướng thức ăn

3- Không để cha mẹ ưu phiền.

4- Cần tưởng nhớ công ơn sâu nặng của cha mẹ.

5- Cha mẹ đau ốm, cần lo lắng, chạy chữa thuốc thang. Cha mẹ đối với con cái cũng cần có năm điều:

1- Cần nghĩ cách dạy con cái bỏ ác hướng thiện.

2- Cần dạy con cái biết tính toán, viết lách.

3- Cần dạy con cái tụng kinh giữ giới.

4- Cần lo cưới vợ cho con cái

5- Cần phân chia tài sản cho con cái.

Lạy về phương Nam, nghĩa là học trò đối với thầy cần có năm điều:

1- Cần kính trọng thầy.

2- Cần nhớ đến ơn thầy.

3- Cần tuân theo lời thầy dạy.

4- Cần suy nghĩ miên man về lời Phật dạy.

5- Cần ca tụng sau lưng thầy.

Thầy đối với học trò cũng cần có năm điều:

1- Cần dạy học trò nhớ đừng quên.

2- Cần vượt bực học trò của thầy khác.

3- Cần dạy sao cho nhớ mãi những điều đã học.

4- Cầb giải thích tường tận những chổ mập mờ khó hiểu.

5- Mong cho học trò sau này vượt xa mình.

Lạy về Phương Tây, nghĩa là vợ đối với chồng, cần có năm điều:

1- Chồng đi đâu về, nên đứng dậy chào hỏi.

2- Khi chồng đi khỏi, nên quét dọn, nấu nướng, đợi chồng về.

3- Không nên có ý tà dâm ngoại tình. Chồng trách mắng, không được giận dữ mắng lại.

4- Nên nghe lời chồng dạy bảo, không được cất giấu của cải.

5- Khi chồng yên giấc nên dọn dẹp tươm tất rồi mới đi nằm.

Chồng đối với vợ cũng cần có năm điều:

1- Khi ra vào nên quý trọng vợ.

2- Nên lo liệu quần áo cho vợ.

3- Nên chia xẻ vàng bạc châu báu cho vợ.

4- Tài sản trong nhà, nên giao cho vợ.

5- Chớ nên ham chơi rong ruổi bên ngoài.

Lạy về phương Bắc, nghĩa là đối với thân thuộc bạn bè, cần có năm điều:

1- Thấy họ làm việc ác, phải đưa đến chổ kín đáo, can ngăn trách cứ.

2- Gặp chuyện khó khăn nguy cấp, nên đến giúp đỡ,

3- Chuyện tâm sự riêng tư, không nên nói cho người khác biết.

4- Nên tôn trọng lẫn nhau.

5- Có các đồ quý đẹp, nên chia cho ít nhiều.

Lạy xuống đất, nghĩa là chủ nhà đối với người giúp việc, cần có năm điều:

1- Nên cho ăn uống, áo quần đúng lúc.

2- Khi đau ốm, nên mời thầy chữa trị.

3- Không nên đánh đập vô cớ.

4- Không được chiếm đoạt tiền bạc của người giúp việc.

5- Nên phân phát đồ vật công bằng. Người giúp việc đối với chủ nhà cũng cần có năm điều:

1- Nên dậy sớm, không để chủ nhà kêu.

2- Nên làm chu đáo công việc của mình.

3- Nên chú trọng của cải của chủ nhà.

4- Khi chủ nhà đi về, nên đón tiếp chào hỏi.

5- Nên khen ngợi điều tốt của chủ nhà, không được nói ra điều xấu.

Lạy lên Trời, nghĩa là đối với Sa-môn đạo sĩ, cần có năm điều:

1- Nên đem lòng thiện đối xử.

2- Lựa lời tốt đẹp thưa gửi với các ngài

3- Nghiêng mình cung kính.

4- Nên sùng mộ các ngài

5- Sa-môn đạo sĩ là những bậc siêu xuất thế gian, nên cung kính phụng sự, hỏi phép xuất thế. Các bậc Sa-môn đạo sĩ cũng cần đem sáu nghĩa lý chỉ dạy tín đồ:

1- Dạy phép bố thí, không bủn xỉn keo kiết.

2- Dạy phép giữ giới không vi phạm

3- Dạy hạnh nhẫn nhục, không sân hận.

4- Dạy hạnh siêng năng, không được lười biếng.

5- Dạy hạnh chuyên tâm, không được phóng túng.

6- Dạy hạnh sáng suốt, không bị ngu si.

Đức Phật bảo rằng: “Đây là ý nghĩa hướng về sáu phương hành lễ mà cha con đã dạy cho lúc sinh tiền. Con hãy theo đó thực hành, lo gì chẳng được giàu sang?” Thi-ca-la-việt nghe xong, cung kính xin thọ trì năm giới lui ra”.

Thứ tư: PHẦN DANH HIỆU

Than ôi! Đạo và đời khác hẳn, danh với thật trái nhau. Nếu thấy được lối về, sẽ thể nhập vào diệu lý. Tại sao thế? Bởi vì thế gian có tục kỵ húy, không dám nhắc tên tổ tiên. Luận theo kinh điển, nếu tụng niệm danh hiệu chư Phật, sẽ được phước đức vô lượng, chư Phật vốn rất Từ bi, thương hết muôn vật, hóa thân giáng thế, cứu độ chúng-sinh. Nếu có lòng thành, đều được lợi lạc. Hoặc tụng bằng miệng, hoặc niệm bằng tâm, hoặc lạy bằng thân, ba nghiệp này càng kính, ba độc sẽ tiêu dần. Nhờ thế, nhổ sạch não phiền giải thoát tục lụy. Có đức hạnh ấy, gọi là được phước. Những kẻ phàm phu làm trái hạnh ấy. Suốt cả cuộc đời chỉ thầm kỵ húy. Riêng tổ tiên xa và con cháu nhỏ, mới không kiêng tên. Xem lệ Trưng tại cũng đủ thấy rõ.

Nay dựa vào luận, đưa ra theo nghĩa, một số tên Phật rất có quyền năng và tạm giải thích để làm thông lệ. Như Ấn Độ gọi là Thích-ca, Trung hoa gọi là Năng Nhân. Thử hỏi đức Phật nào lại chẳng Năng Nhân? Ấn Độ gọi là A-di-đà, Trung hoa gọi là Vô Lượng Thọ. Thử hỏi đức Phật nào chẳng lượng thọ? Đến như đức Phật Đông Phương Thiện Đức hay đức Phật Hạ Phương Quảng Chúng Đức, thử hỏi đức Phật nào lại chẳng có đức độ tốt đẹp, rộng lượng? Danh hiệu chư Phật có thể sai khác, nhưng về mặt uy lực và hóa độ cũng đều như nhau. Chúng-sinh chỉ cần tâm niệm danh hiệu, mắt ngắm dung nhan, cung kính hành lễ, sẽ hưởng được phước đức vô lượng. Vì thế, luận Thập-trụ-tì-bà-sa có kệ nói rằng:

“ Nếu có người nghe được
Danh hiệu chư Phật ấy
Sẽ được phước vô lượng.
Như nghe hiệu bảo Nguyệt,
Kính lễ chư Phật ấy,
Đang ở khắp mười phương.
Nếu ai tụng danh hiệu,
Sẽ chứng quả bất thối”.

Thuật rằng: Nay trước tiên đề cập đến “Nhất thiết cung kính”. “Nhất” nghĩa là nói khắp cả, thiết nghĩa là nơi cùng hết, cung nghĩa là

nói thu mình ngước lên, kính nghĩa là nói tâm không vướng tạp niệm. Nếu không xướng lên như thế, sợ tâm sẽ bị phân tán, nên phải dốc tâm cung kính, chánh quán trước mắt. Về "kính lễ thường trụ Tam bảo", theo kinh Niết-bàn nói, nếu có người nghe đến hai chữ thường trụ, đời đời sẽ không bị đọa vào đường ác. Vì pháp nhân lắng sạch bất biến nên gọi là thường, báo thân liên tục không dứt nên cũng gọi là thường. Hoa thân hoạt động không ngừng nên gọi là bất biến. Lại nữa, Phật thân vốn chỉ là một, tùy theo nghĩa nói ra thành ba. Cho nên đức Phật Thích-ca nói rằng: "Kim thân của ta cũng chính là pháp thân. Như những hình tượng bằng đất bằng cây, được chế tạo theo kim thân của ta để làm biểu tượng. Nếu biết đem lòng thành kính đảnh lễ sẽ được phước đức vô lượng, nếu khinh thường phỉ báng, sẽ chịu mọi tội lổi tai ương. Sau đó cúng dường, sắm sửa hương hoa, dụng tâm tinh tiến cử hành mọi lễ nghi theo phép Phật. Dù ta còn tại thế hay không, cũng phải thường xuyên cung phụng hương hoa, y phục, thức ăn, âm nhạc và cùng các chúng-sinh khác đồng tâm thờ phụng không dứt". Do đó, trong kinh Hoa-nghiêm nói; "Khi các Bồ-tát thực hiện phép cúng dường, theo tâm chỉ vật, như thấy núi cao, mây lớn, nước thẩm, lửa to, liền gọi là hương sơn, hương vân, bát công đức thủy, thất tịnh diệu hoa. Tâm ý nghĩ suy đều thành phẩm vật cúng dường, đến nỗi hoa rừng trái dại cũng là phẩm vật".

Lễ Phật là hành lễ chư Phật mười phương, hai mươi lăm đức Phật, ba mươi lăm đức Phật, năm mươi ba đức Phật, một ngàn đức Phật thời hiền kiếp và 1năm ngàn đức Phật. Ý nghĩa tụng niệm danh hiệu chư Phật, phần trên đã nói rõ.

Sám hối là ăn năn tất cả mọi tội lổi trước đây đã phạm. Gồm hết mọi tội lổi nặng nhẹ, hoặc do chính mình gây nên, hoặc sai người khác gây nên, hoặc bị bắt buộc gây nên, hoặc đồng tình gây nên. Cần phân tích rõ ràng ý nghĩa. Vẫn phải tủi hổ thống thiết đầm đìa lệ tuôn. Nếu không nhờ chỉ bảo cách sám hối, sẽ chịu khổ đau đến chết. Phép này sẽ nói đầy đủ trong thiên sám hối ở sau. Khuyến thỉnh là chí thành cầu nguyện. Chư Phật xem mọi chúng-sinh lớn nhỏ đều bình đẳng như nhau. Chư Phật trông mong hoàn thành thệ nguyện, có thọ mạng lâu dài, trụ thế nhiều kiếp để độ hết tất cả chúng-sinh.

Tùy hỷ là thấy người làm phước, mình sinh vui mừng.

Hồi hướng là đem mọi công đức quy hướng về Vô thượng đạo.

Phát nguyện thì nguyện là động lực hướng dẫn, hành là thực hiện. Nếu chỉ có nguyện mà không có hành thì nguyện sẽ trở thành hư hão. Nếu chỉ có hành mà không có nguyện thì hành lễ trở nên đơn độc. Do

có hành nên nguyện không hư hão. Nguyện và hành hổ trợ cho nhau, chắc chắn sẽ chứng được quả. Vì thế, khi sám hối tội lổi, cũng cần phát nguyện. Nguyện cầu kiếp này không đọa vào đường ác, mọi điều ở đây đã được nói rõ, còn những điều khác, mỗi khi gặp phải, cần suy nghĩ theo cơ duyên để thực hành cho đúng phép mới được.

Thuật rằng: Phần này nói về sắc tướng uy nghi. Hai nước Ấn Độ và Trung Quốc có chổ khác nhau về lễ nghi, nên phải tùy theo phong tục mỗi nước mà hành lễ, cốt lấy kính làm gốc. Vấn đề này, những kẻ mới nhập môn chưa học qua, nên không thông hiểu. Vì thế, phải trình bày cặn kẽ để chỉ dẫn cho họ, không nhắm vào những bậc đức trọng tu tập lâu năm.

Phép cung kính của Ấn Độ và Trung Quốc thật không giống nhau. Bên ấy thì lạy ít mà đi vòng quanh thì nhiều, bên này thì lạy nhiều mà đi vòng quanh ít. Bên ấy để vai trần, chân trần, lấy làm cung kính. Bên này thì đội mũ mang giày làm cung kính. Đây là nét khác biệt giữa đạo và đời, cũng như điểm dị biệt về phong tục của từng nước Ấn Độ và Trung Quốc. Do đó, cần xét rõ lễ nghi để thực hành mỗi khi cần đến như khi thong thả chiêm bái thì thân, khẩu, ý thung dung, khi gấp rút thì tay chân phải thật lẹ làng, tùy theo trường hợp, không đợi nghĩ suy, cốt sao phải thật cung kính. Đó là điểm đồng nhất giữa hai nước Ấn Độ và Trung Quốc, nên kinh xuất diệu nói rằng: “Có cách uy nghi của tín đồ, có cách uy nghi của Tăng sĩ, có cách uy nghi của bậc trưởng lão, có cách uy nghi của Tăng sinh, nhờ khéo thực hành bước căn bản vào đạo này mà được sinh vào các cõi tốt đẹp”. Lấy đoạn Kinh trên làm chứng, rõ ràng thành tín uy nghi là bước đầu tiên để nhập môn vào đạo, nên không thể che đậy, bỏ qua, cần phải nói rành mạch để dặn bảo. Theo sách Châu-lễ của thế gian, có 9 phép lạy xuất phát từ các quan thái chúc. Những phép lạy ấy không thuộc về đạo Phật, nhưng lễ nghi cũng cần tùy theo phong tục mà thực hành, nên trình bày ra đây:

1- Khể thủ bái: Nghĩa là cách lạy của quần thần đối với nhà vua, bằng cách đặt đầu sát đất, dừng lại một chút rồi mới cất đầu lên.

2- Đốn thủ bái: Nghĩa là cách lạy chào nhau của các vua chư hầu, đầu cúi xuống thấp, giật nhẹ nhưng không đụng đất.

3- Không thủ bái: Đây là cách lạy một lạy của nhà vua đáp lễ quần thần, đầu cúi xuống ngang tầm tay, tức là phép vái bằng tay.

4- Chấn động bái: Nghĩa là cách lạy run run xúc động vì tôn kính.

5- Cát bái: Nghĩa là lạy bằng cách vái trước rồi sau mới cúi trán

sát đất. Đây là cách lạy trong tang lễ_

6- Hung bái: Nghĩa là lạy bằng cách cúi trán xuống sát đất rồi sau mới vái. Cách này dùng trong khi để tang ba năm.

7- Kỳ bái: Nghĩa là phép lạy bằng cách khom một đầu gối. Nay gọi là Nhã bái. Cũng có thuyết nói đây là phép lạy một lạy để đáp lễ quân thần.

8- Bao bái: Nghĩa là phép lạy trả lần thứ hai đối với Thần Thánh và thần thi.

9- Túc bái: Nghĩa là phép lạy bằng cách hạ tay xuống thấp. Nay là cách vái, cũng chỉ phép lạy của phụ nữ. Lối này có khi vái đến ba lần. Không thủ bái và Kỳ bái chỉ vái một lần. Các phép khác vái lạy đến hai lần.

Trên đây là nguyên văn về phép lạy của thế gian được Trịnh Huyền chú thích. Theo Phật giáo, lại lấy kính làm đầu. Đại khái có hai yếu tố là thân và tâm. Tâm là gốc, thân là ngọn, nên khi Tu-Bồ-đề ngồi lặng quán tưởng trong phòng, đức Phật tán thán uy đức trang nghiêm hiện tỏ khắp pháp thân, khi ni sư Liên Hoa Sắc vừa bươc đến bậc của bảo tọa, đức Phật chê là đến chiêm bái Hóa Phật. Thế mới biết rằng tịnh lặng chiêm nghiệm huyền cơ, mỗi niệm đều hướng về đại đạo, chỉ lo chăm chút hình dung, đua đòi thế tục, phô trương nhân ngã, chỉ làm cản trở đại đạo. Do đó, đức Phật châm chước phân thành hai loại kính lễ trong tâm và kính lễ ngoài thân. Hành giả đời nay cần vận dụng cả hai loại kính ấy để dần dần hướng thiện, tinh tiến tu trì. Đạt đến giải thoát.

Lại nữa, kinh Đại-từ nói: “Đức Phật bảo A-nan, Nam-mô Phật nghĩa là xác định danh hiệu chư Phật bằng âm thanh, nên mới xưng tụng Nam-mô đức Phật. Ngày xưa có vị đại thương gia cùng các thương gia khác sắp bị cá ma-kiệt rất lớn nuốt thuyền, nhờ niệm danh hiệu Nam-mô Phật ba lần nên được thoát nạn. Cá kia nghe danh hiệu Phật, sẵn có lòng lành, liền thoát kiếp cá, sau còn xuất gia đắc đạo, huống gì có người nghe được danh hiệu đức Phật, được nghe chánh pháp, được gần chổ Phật, được gieo các hạt giống lành, há chẳng thâu được lợi ích.”

Lại nữa, luận Thập-tụng nói rằng: “Đức Phật bảo Ưu-ba-ly, khi nói “hòa nam” là do miệng nói. Nếu khom mình xuống gọi là tâm tịnh. Như khi Tỳ-kheo hành lễ, từ chổ ngồi đứng dậy, để lộ vai phải, cởi giày da, quỳ gối xuống đất, đưa hai tay chạm vào chân vị thượng tọa mà hành lễ”.

Thuật rằng: “Theo kinh nói, “hòa-nam” là tiếng phạm, có khi

gọi lại Na-mô-bà-nam. Các tiếng này chưa đúng, thật ra, phải nói bàn đạm nghĩa là tôi làm lễ, đôi khi còn gọi là quy lễ. Quy là tình cảm chân thật của ta, lễ là gốc cùng tột của kính. Có người nói quy mệnh thay cho Nam-mô thì nghĩa lý và sự việc đều phù hợp, nội tâm và ngoại giới đều thấu đáo. Thế gian lại chuộng Nam-mô mà coi nhẹ kính lễ vì không hiểu rõ lối phiên dịch giữa Phạm ngữ và Hán ngữ, lại càng mờ mịt khi nghe nói hòa-nam chư Phật, đến nỗi phát lên cười rân! Hơn nữa, hòa-nam thì luận Thiện-Kiến dịch là quy mệnh và cũng dịch là lễ Đại thọ. Lại nữa, hòa-nam thì Xuất yếu-luật-nghi lại dịch là cung kính, luận Thiện-kiến dịch là độ tôi. Theo đó mà nói, nếu cung kính và độ tôi mang ý nghĩa chung cả phàm lẫn Thánh, thì hòa-nam không thể chỉ riêng cho tôn sư mà còn dùng chung cho đức Phật và các Thánh Tăng, mong cầu cứu độ chúng-sinh. Thế nên trong kinh, mỗi khi đến trước chổ Phật, xưng rằng Nam-mô vô sở trước chí chân đẳng chánh giác, nghĩa là buột miệng xưng tán công đức của chư Phật vậy.

Thứ sáu: PHẦN PHU TỌA

Thuật rằng: Kính tìm trong kinh luật, không thấy ghi chép nghi thức tọa cụ, chỉ nói về cởi giày, lạy dưới chân mà thôi. Xét theo nhu cầu, cũng cần đến tọa cụ, nên luật Tứ-phần nói: “Để bảo vệ thân, áo và chiếu nằm mới chế ra tọa cu”. Rõ ràng công dụng của tọa cụ cốt để bảo vệ thân, áo và chiếu nằm. Hơn nữa, tọa cụ chỉ sử dụng khi ngồi, không trải ra khi lễ bái. Ngày xưa, khi sắp ngồi, đức Phật vẫn thường trải tọa cụ. Do đó, Tỳ-kheo nên tự trải tọa cụ khi ngồi, không để người khác trải giúp. Nay thấy chư Tăng Ấn Độ đến trước điện Phật hành lễ thì xăn quần, đặt gối sát đất, chấp tay và quỳ mọp, miệng tán thán danh hiệu đức Phật rồi đảnh lễ. Đây là nghi thức có truyền thống từ xưa, đầy vẽ cung kính đáng noi theo. Tăng ni của ta đến trước điện Phật đều sai thị giả trải tọa cụ. Như thế, chỉ Tăng kiêu mạn, chưa được chí kính. Hơn nữa, đến trước điện Phật đứng chờ người trải chiếu xong mới hành lễ. Điều này, cũng không nên làm. Lại có khi ngồi trên sập để hành lễ. Điều này, cũng rất bất kính. Vừa thấy quân vương liền phải hạ mình kính bái, không thể ngồi trên sập. Quân vương là bậc chí tôn của thế gian, còn tỏ hết lòng cung kính, không dám cao ngạo, huống hồ là đấng pháp vương, lại dám so đo? Trong đó, dẫu có chút kính cung, cũng mắc phải tội cao ngạo. Thế nên, kinh Tam-Thiên-uy nghi nói rằng: “Không được ngồi trên sập để hành lễ”.

Thứ bảy: PHẦN NGHI THỨC

Thuật rằng: phần này đặc biệt có năm nghi thức:

1- Nói rõ nghi thức cởi giày: Đây là nghi thức tỏ bày lòng cung kính tột bực. Theo lễ nghi Trung Quốc, quần thần đứng dưới sân triều kiến nhà vua không cởi giày dép. Khi bước lên điện, kiếm và giày đều phải cởi ra. Lễ nghi này đã có từ xưa, không phải mới đặt ra. Đất đai bên Ấn Độ nóng ẩm, phải lấy da làm giày để mang, nếu gặp bậc tôn quý phải cởi ra. Các nước ở xứ lạnh cũng mang giày, mỗi khi gặp chuyện phải cởi ra để tỏ lòng tôn kính. Dân thường cũng đều mang giày để tỏ lòng tôn kính. Khi vào chùa, không cần phải cởi, nhưng khi bước lên điện Phật, phải cởi ra.

2- Nói rõ nghi thức để lộ vai: Luật nói rằng: " Để lộ vai phải, hoặc để lộ một vai, hoặc để lộ một cánh tay. Gọi để lộ, nghĩa là để lộ da thịt ra ngoài. Ý bảo khi theo học, cần lao động như người thế gian, xắn tay phải lên để tiện làm việc". Nay các Sa-môn, chỉ để lộ một vai, có tay áo che lên, thật không đúng phép để lộ vai. Luận Trang-nghiêm bảo: "Các Sa-môn để lộ vai phải nám đen, bọn ngoại đạo ở trần đen đúa, nên không giống nhau". Trong luật chỉ có ba loại áo may liền vai, khi gặp bậc trưởng lão mới xắn lên để lộ ra, rồi đắp áo lên che lại. Như thế mà bảo là phép để lộ vai! Thật đáng buồn cười! Nên biết rằng nghi thức để lộ vai cốt tỏ lòng cung kính tột bực, khi làm việc, cần lượng trước để xắn lên vừa phải, khi lên điện hay lễ bái chư tôn trưởng, cần y theo phép lộ vai để biểu hiện lòng cung kính. Khi đi ra ngoài chùa, nên đắp y lên vai, đừng để lộ. Bên Ấn Độ oi bức, để lộ vai là bình thường, ở xứ lạnh này, nhiều người sẽ chê cười. Do đó, luật Tứ-phần có nói: "Tuy ta dạy thế, nhưng ở các nước khác, nếu thấy không tiện lợi thì đừng làm. Không đến nỗi mang tội.

3- Nói rõ nghi thức cung kính: Luật nói: "Phải dốc một lòng chắp mười ngón tay và hai bàn tay cúng dường đức Phật". Hoặc nói: " Chắp tay bạch cùng đức Phật". Nghĩa là sửa đổi diện mạo trang nghiêm để tỏ lòng cung kính, giữ tâm không cho tán loạn. Tâm vốn khó chế ngự, nên phải chắp tay mới giữ được một lòng. Hiện nay, phần đông người lễ Phật chỉ chắp ngón tay, không chắp bàn tay. Hoặc chỉ chắp ngón tay mà mở bàn tay, do lòng ngã mạn, phóng túng gây ra cả. Thà mở ngón tay mà chắp tay hơn là chắp ngón tay mà mở bàn tay. Muốn cầu phúc, rốt cuộc lại gây nên tội ngã mạn. Cần biết nghi thức một lòng chắp tay tức phải đem đỉnh đầu, hai khuỷu tay và hai đầu gối cúi mọp xuống sát đất mà hành lễ. Do đó, luận Địa-trì có nói: "Cần hướng năm luân xuống

sát đất khi hành lễ”.

Lại nữa, kinh A-hàm nói: “ Hai khuỷu tay, hai đầu gối và đỉnh đầu là năm luân. Luân là tròn. Năm luân này đều tròn, có thể đưa lên xuống và xoay chuyển sinh ra phước đức, nên mới gọi là luân”. Hiện nay, khi lễ bái, chư Tăng Ấn Độ vén quần để lộ gối, quỳ xuống, rồi chống hai khuỷu tay xuống đất, hai bàn tay để không, tỏ ý muốn ôm chân tôn túc. Nếu tôn túc đang kết già, không buông chân ra thì không cần phải thực hiện nghi thức ôm chân. Các Sa-môn của ta khi hành lễ, hai tay lạy xuống đất, hai chân chống phía sau, đầu không đụng đất, trong thật lười biếng cẩu thả. Đã biết rõ nghi thức năm luân đụng xuống đất, cũng cần biết nghi thức gối phải quỳ dài của phép Hồ Quỳ. Trong kinh đã nói nhiều về phép Hồ quỳ. Hồ quỳ nghĩa là trường quỳ, là nghi thức biểu lộ lòng cung kính theo phong tục Ấn Độ. Chẳng có gì lạ, ấy là quỳ hai gối xếp sát nhau khi muốn thỉnh cầu hay sám hối với bậc tôn trưởng.

4- Nói rõ nghi thức lễ bái: Thanh-luận gọi lại Bàn-na-mị, Trung Quốc gọi là lễ bái. Luận Trí-độ nói: “Lễ bái có ba nghi thức:

1- Là miệng lễ bái, nghĩa là miệng nói Hòa-nam. Đây là nghi thức lễ bái cấp thấp.

2- Là quỳ gối, đầu không sát đất. Đây là nghi thức lễ bái trung bình.

3- Là đỉnh đầu sát đất. Đây là nghi thức lễ bái cấp cao. Thấp thì vái, trung bình thì quỳ, cao thì cúi đầu. Bồ-tát lễ Phật có ba nghi thức:

1. Là sám hối tội lổi.

2. Là tùy hỷ, hồi hướng,

3. Là cầu xin đức Phật”.

Hỏi: “Lễ bái là nghi thức của thân, tại sao cũng chung cho cả ba nghiệp?”

Đáp: “Lễ bái chung cho ba nghiệp. Năm luân đụng sát đất để trừ bỏ cái xấu của thân. Xưng tụng danh hiệu, tán thán đạo đức của đức Phật để trừ bỏ cái xấu của miệng. Tâm thường máy niệm, như gương trước mắt, để trừ bỏ cái xấu của ý. Nhằm đối diện với Phật nhãn, nên thân cần lễ bái. Nhằm đối diện với thiên nhĩ, nên miệng cần đọc tụng. Nhằm đối diện với tâm khác, nên ý cần máy niệm. Miệng nhờ đọc tụng, nên chứng được Văn tuệ, ý nhờ máy niệm, nên chứng được Tư tuệ. Thân nhờ lễ bái, nên chứng được Tu tuệ, thân nhờ lễ bái nên chứng được giới học. Ý nhờ máy niệm nên chứng được định học. Miệng nhờ đọc tụng nên chứng được tuệ học”. Phần trên đã trình bày cặn kẽ từng nghiệp. Nếu nhìn chung, tam học nắm trọn cả tam nghiệp vậy.

5- Nói rõ tà chính trong nghi thức lễ bái: Nghiên cứu nguồn gốc của phép lễ bái, vào đầu đời Tề, tam tạng pháp sư người Ấn tên Lặc-na thấy dân ở đây sống tại miền biên viễn quê mùa, không biết lễ nghi, sinh hoạt giống động vật hoang dã. Động mối từ tâm, pháp sự bèn phiên dịch thành sách Thất-chủng-lễ-bái. Nội dung sách bao la, ở đây chỉ gom ra những điều thiết yếu, gồm thô và tinh. Thô là tà, tinh là chánh, xếp thành bảy loại, chủ ý nhắm vào ba loại sau cùng.

Một là, Lễ bái ngã mạn ngã mạn: Nghĩa là ỷ thị địa vị, tâm không cung kính, cậy Thế tôn trưởng, chẳng nể nang ai, chẳng học hỏi ai, không giữ cương kỷ, trong khi hành lễ, để tâm vọng ngoại, đầu gật lên xuống, như chày giã gạo, như máy cử động, không chút chân tâm. Khinh đời bạc đạo, thật là vô ích. Ngoài mặt cung kính, trong tâm ngã mạn. Năm luân thiếu xót, ba nghiệp buông lung, như thế gọi là lễ bái kiêu ngạo.

Hai là, Lễ bái xướng họa cầu danh: Loại lễ bái này tuy không cao ngạo nhưng tâm không thanh tịnh, uy nghi thô thiển, thân tâm giả kính. Thấy người, vội vàng lễ bái người vừa đi qua, thân tâm suy sụp. Tựa như nhu mì, có vẻ sốt sắng. Loại này phước này phước đức mỏng mảnh, cúng dường giả dối, chỉ vì miệng xướng liên miên, nhưng tâm buông lung phóng đãng, như thế gọi là lễ bái xướng họa cầu danh.

Ba là, Lễ bái thân tâm cung kính: Nghĩa là nghe xướng tên Phật, liền nghĩ đến thân Phật, như ở trước mặt, tướng tốt đầy đủ, lộng lẫy trang nghiêm. Thành khẩn cúng dường, tha thiết không cùng. Sừng sửng trước mắt, chăm chú không rời. Lễ bái như thế, phước đức lớn lao, dẫn dắt Trời người, nhưng chưa đạt đến mức thượng trí. Về sau sẽ bị thối chuyển. Ấy là lễ bái thân tâm cung kính.

Bốn là, Lễ bái phát trí thanh tịnh : Nghĩa là đạt cảnh giới Phật, trí tuệ sáng láng, biết rõ pháp giới vốn không chướng ngại. Do ta vô thủy buông tuồng phàm tục, sinh ra cố chấp. Nay hiểu bản tâm, thông suốt vô ngại, nên hành lễ Phật, tùy tâm biến hiện. Lễ một đức Phật, tức lễ chư Phật. Tất cả đức Phật, chính là một Phật, nên lạy một lạy, thông khắp pháp giới. Phẩm vật hương hoa, mọi thứ cúng dường, cũng đều như thế. Pháp Tăng càng kính, cũng đồng với ta. Ba ngôi tuy khác, thể tính vốn cùng. Tam thừa tuy khác, giải thoát nghĩa đồng. Thế nên một lạy, nghĩa là mọi lạy, tất cả mọi lạy, nghĩa là một lạy. Như thế, tam bảo đã thông, hết cả tam giới, lục đạo tứ sinh, đều cùng niệm Phật, lễ bái cúng dường. Tự tỉnh thân tâm, lâng lâng vô ngại. Niệm Phật cảnh giới, tâm tâm sáng trưng, cúi xuống đứng lên, đều đáng tôn kính. Nhờ đó, thanh tịnh vô

cùng, phước báo vô lượng. Ấy gọi là lễ bái pháp trí thanh tịnh.

Năm là, lễ bái vào khắp pháp giới: nghĩa là do hành giả tự quán tưởng từ trước đến nay, thân tâm không lìa pháp giới, không ở ngoài cũng không ở trong thân của chư Phật, không ở ngoài cũng không ở trong ta. Tự tính bình đẳng, không tăng không giảm. Nay lễ một đức Phật, chính là lễ khắp chư Phật. Tất cả ba thừa đều đạt phẩm vị vô lậu. Thân ta có khắp, đức Phật cũng khắp, suy ra pháp giới, kể cả hữa vô, y báo, chánh báo, phẩm vật cúng dường, tài vật đủ loại, đều tùy duyên hiện khắp, không lìa pháp giới, tùy tâm vô ngại, tất cả đều được cúng dường, hoan hỷ đảnh lễ. Giống như trong phòng treo trăm nghìn kính, có người soi kính, ảnh hiện mọi kính. Phật thân thanh tịnh, sáng láng hơn kính, lần lượt soi vào, kính đều chiếu sáng, ảnh cũng hiện rõ. Ấy là tóm cái khác làm tổng thể, vào cái khác mà dị biệt. Một thân đã như thế, huống gì hết thảy thân Thánh phàm của tất cả pháp giới và các phẩm vật cúng hiến đều tùy hỷ cúng dường. Kẻ có mắt thì thấy, kẻ không có mắt thì không không thấy được. Học tập được quy trình của pháp giới như thế, sẽ có lợi ích thật lớn lao, thế nên, luận Địa-trì nói: "Có loại cúng dường hiện tiền va cúng dường bất hiện tiền. Loại cúng dường bất hiện tiền hơn hẳn loại cúng dường hiện tiền vì khó thành tựu". Đã biết thân ta ở trong thân Phật, sao lại xằng bậy đảo điên, tạo nên ác nghiệp, không biết hổ thẹn? Hơn nữa, đạo hạnh của chư Phật đều giống nhau, danh hiệu cũng không khác. Tụng niệm danh hiệu nào cũng đều bất tận. Chỉ tụng niệm danh hiệu đức Phật Thích-ca, nhưng triệu thỉnh toàn thể chư Phật cũng đều thấu suốt tất cả. Như bên Ấn độ gọi là Thích-ca, bên này gọi là Năng Nhân. Thử hỏi đức Phật nào chẳng nhân lành? Cũng như bên ấy gọi là A-di-đà, bên này gọi là Vô Lượng Thọ. Thử hỏi đức Phật nào chẳng trường thọ? Bên ấy gọi là Di-lặc, bên này gọi là Từ Thị. Thử hỏi đức Phật nào chẳng Từ bi? Thế nên, luận trí-độ nói rằng: " tài trí của một đức Phật bằng tài trí của tất cả chư Phật. Tài trí của tất cả đức Phật bằng tài trí của một đức Phật. Nếu tất cả chư Phật không hóa độ chúng-sinh, chỉ có một đức Phật hóa độ chúng-sinh, công đức ấy cũng bao la khắp pháp giới". Như thế gọi là lễ bái vào khắp pháp giới.

Sáu là, Lễ bái chánh quán tu thành: Loại lễ bái này làm sáng tỏ Phật tự thân, không chạy theo nơi khác, Phật khác. Tất cả chúng-sinh đều có Phật tính giác ngộ bình đẳng như nhau, nếu gặp đúng cơ duyên, sẽ bừng sáng tỏ vì cớ mê mờ, chỉ kính tin thân khác, Phật tính trong thân lại nhận lầm là xấu. Nếu tu theo hạnh này, sẽ mắc phải thành kiến đảo điên, nhận thức thân ta là rất xấu, không có Phật tính. Nếu chạy theo

kính tin thân khác, sẽ trở thành vô ích mà thôi. Chúng-sinh ngu muội, đem chút lòng thành và hằng hà phẩm vật cúng dường thân khác. Từ vô thủy đến nay, chưa từng đem một ngọn đèn, một cọng nhang, một lạy, một miếng ăn cúng dường Phật tính của chính mình. Nếu biết quay đầu phản chiếu lại giác tính của mình, chắc chắn sẽ có ngày giải thoát. Thế nên, kinh Duy-ma nói: "Nếu tự quán tưởng thật tướng của bản thân thì cũng giống như quán tưởng đức Phật vậy". Kinh ấy còn nói: "Không quán tưởng Phật, không quán tưởng pháp, không quán tưởng Tăng vì thấy tự thân, tha thân đều bình đẳng với tính chánh pháp" tâm mình thanh tịnh tức là tự tính trụ vào Phật tính. Tùy sức tu dưỡng tức là dẫu xuất Phật tính, trải qua vô lượng kiếp tu hành, sẽ đạt Phật quả. Nếu căn cứ vào giác ngộ, chánh quả chỉ dành riêng cho các bậc Thánh trí. Nếu nói đến kẻ phàm phu, tuy chưa tu tập, nhưng cũng sẽ có ngày giải thoát. Muốn vượt đường xa, phải nhờ chính sức mình. Muốn thấy Phật tính, phải quán tưởng Phật của chính mình. Pháp, Tăng cũng thế, vốn chung một thể không hai. Như vậy gọi là lễ bái chánh quán.

Bảy là, Lễ bái thật tướng bình đẳng: Loại lễ bái này đại khái cũng như phép lễ bái nói trên, nhưng phép ấy còn chấp vào lễ bái, vào quán tưởng và còn phân biệt ta với tha nhân. Loại lễ bái sau này không còn ta với tha nhân mà Thánh phàm là một thể dụng viên thông, lâng lâng bình đẳng, xưa nay chẳng khác. Nếu thấy Phật đáng tôn kính, sẽ thấy phàm đáng rẻ đáng khinh. Máy niệm như thế, hãy còn thiên kiến, cố chấp, nên kinh Bát-nhã nói rằng: "Pháp ấy bình đẳng, không cao không thấp, gọi lại A-nậu-Bồ-đề". Vì thật tướng vượt ngoài mọi niệm, không thể đem tâm nắm bắt, không thể đem trí tìm tòi, không thể đem lễ ra cung kính, không thể đem ngạo mạn ra coi thường. Bỏ cao thấp, rời tôn ti, xem thanh thản và bối rối cùng nguồn, khiêm cung và xấc láo chung gốc. Trụ tâm an nhiên như thế, gọi là lễ bái bình đẳng. Thế nên, sách Văn-thù-lê-văn có nói: "Vì bất sinh bất diệt nên kính lễ không còn quán tưởng". Kẻ phàm phu thoạt nghe phép lễ bái này sẽ đâm ra phỉ báng, còn bậc thượng trí trong tâm bình đẳng, ngoài mặt kính cung. Trong ngoài điều đúng đắn thích nghi như thế, gọi là phép lễ bái bình đẳng. Lại nữa, trong kinh Tăng-nhất-A-hàm, đức Phật có nói kệ rằng:

"Nếu muốn lễ bái Phật
Quá khứ và tương lai,
Nay nói trong hiện tai,
Phải dùng phép không quán.
Nếu muốn lễ bái Phật

Thời quá khứ tương lai
Và đức Phật hiện tại,
Phải dùng phép vô ngã.
Làm thiện trước khi lễ
Lòng không vướng tội lổi,
Cửa giải thoát hư vô,
Mới đúng nghĩa lễ Phật
Nếu muốn lễ bái Phật
Tương lai và quá khư,
Dùng không quá khứ,
Dùng không quán, vô ngã
Mới đúng tên lễ Phật".

Tụng rằng:

"Cúi lạy Tam bảo,
Quy y mười phương,
Cung kính chiêm bái,
Được phước trừ ương.
Đạo mầu rực rỡ,
Lời pháp đầy hương.
Hiển, mật cùng mở,
Hóa độ vô cùng.
Nay sinh ta-bà,
Mai về tây phương.
Hân hoan đảnh lễ,
Phước quả niên trường.
Pháp tính vốn một,
Sao chia lắm đường?
Kiền thành một lạy,
Công đức khó lường".

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG:

Giữa niên hiệu Vũ đức đời vua Cao tổ đời Đường (618-625), Lý Sơn Long người huyện Bằng Dực, làm tả giám môn hiệu úy, bỗng nhiên chết đi, chỉ còn một khoảng bằng bàn tay phía trên ngực là chưa lạnh hẳn, Thâu nhân không nở đem khâm liệm. Bảy ngày sau sống lại, kể rằng khi đang hấp hối, bị âm sứ bắt đem đến một tòa công sở to lớn, rất uy nghiêm. Giữa sâu chừng mấy nghìn tù nhân, lớp bị xiềng xích, lớp bị gông cùm, tất cả đều quay về phía bắc. Âm sứ giải Sơn Long đến

dưới công đường. Một vị thiên quan ngồi oai vệ trên sập, nghi vệ đàn hầu như bậc vua chúa. Sơn Long hỏi âm sứ "Vị ấy là ai?" Âm sứ đáp: "Đây là nhà vua". Sơn Long bước tới trước bậc thềm. Nhà vua hỏi: "Thuở còn sống, nhà ngươi có tạo phước đức gi không?" Sơn Long thưa: "Mỗi khi làng mở đàn chay giảng kinh, tôi thường bố thí tiền của cùng với mọi người". Nhà vua lại hỏi: "Bản thân nhà ngươi từng làm việc lành gì không?" Sơn Long thưa: "Tụng được hai quyển Pháp-hoa". Nhà vua khen: "Tốt lắm, bước lên đây! "Sơn Long bước lên thềm thấy phía Đông bắc công đường có đặt một tòa cao như đàn giảng kinh. Nhà vua chỉ vào đó, bảo Sơn Long: "Hãy bước lên tòa để giảng kinh". Sơn Long vâng lời, đến bên tòa. Nhà vua đứng lên, bảo: "Mời pháp sư lên giảng tòa". Sơn Long bước lên, an vị xong, nhà vua bắt đầu ngồi xuống phía trước. Sơn Long mở kinh ra đọc: "Phẩm thứ nhất, bài tựa kinh Diệu-pháp-liên-hoa". Nhà vua phán: "Mời pháp sư xuống tòa". Sơn Long vâng lời bước xuống dưới thềm. Nhìn chung quanh, tất cả tù nhân đều đi mất, chẳng còn ai. Nhà vua bảo: "Phước đức do ông tụng kinh, không phải chỉ một mình ông được hưởng mà còn làm cho các tù nhân trong sân đều được tha tội. Lành thay, nay ta thả cho ông được sống lại". Sơn Long bái từ, đi được chừng 10 bước, nhà vua kêu trở lại, bảo kẻ hầu dẫn cho Sơn Long đi xem qua các nhà ngục. Kẻ hầu dắt Sơn Long đi về phía đông hơn trăm bước, gặp một tòa thành bằng sắt rất to lớn, trên có mái che kín, trổ nhiều cửa sổ nhỏ như cái bồn, cái chén. Sơn Long thấy nhiều người nam nữ bay vào trong cửa sổ rồi mất hút, không trở ra. Lấy làm lạ, Sơn Long hỏi kẻ hầu. Đáp rằng: "Đây là đại địa ngục, trong có nhiều ngăn, dành cho các loại tội nhân. Bọn người này tùy theo nghiệp ác của mình, phải bay vào đó chịu tội". Sơn Long nghe nói, đau xót niệm Nam-mô Phật và xin kẻ hầu đưa ra. Đến cổng đền, thấy bày vạc sắt lớn, lửa cháy phừng phừng, nước sôi tung tóe. Bên cạnh, có hai người ngồi ngủ. Sơn Long hỏi thăm, hai người ấy đáp rằng: "Bọn tôi bị tội báo, phải nhảy vào trong vạc nước sôi này. May nhờ ngài có đạo tâm niệm Nam-mô Phật, nên các tội nhân trong ngục đều được nghỉ một ngày để ngủ dưỡng sức. Sơn Long lại niệm Nam-mô Phật. Kẻ hầu ông nên bạch với ngài xin bản văn sao, sợ các quan mới sau này không biết, lại sai bắt ông". Sơn Long bèn vào yết kiến nhà vua, xin bản văn sao, nhà vua sai đưa giấy, viết vào một hàng chữ rồi giao cho kẻ hầu đưa đi lấy chữ ký khắp năm đạo. Kẻ hầu vâng mệnh, dắt Sơn Long đi khắp hai tào, các quan trong công đường đều biết tên ký đủ mới giáo lại cho Sơn Long. Ra đến cổng, có ba người bảo Sơn Long; "Nhà vua thả cho ông

về, xin cho chúng tôi chút ít quà cáp". Sơn Long chưa kịp trả lời, kẻ hầu bảo: "Nhà vua thả ông, chứ không phải ba người này nhưng trước đây, chính bọn họ đã đến bắt ông. Một người là chúa dây, chuyên dùng dây trói. Một người là chúa gậy, chuyên dùng gậy đánh vào đầu. Một người là chúa đãy, chuyên dùng đãy hút hơi thở. Nay bọn họ thấy ông về, nên đến xin quà cáp. Sơn Long sợ sệt đáp: "Ngu si không biết các ngài. Xin chờ về đến nhà, sẽ sắm sửa quà cáp, nhưng không biết giao nạp chổ nào?" Bọn họ nói: "Nhớ đem đốt dưới gốc cây bên bờ sông". Sơn Long ừ vâng. Kẻ hầu đưa đến nhà, thân nhân đang xúm nhau khóc lóc, bày đồ khâm liệm. Sơn Long vừa bước đến bên xác, liền sống lại. Hôm sau, cắt giấy làm tiền bạc, vải vóc và thức ăn rồi đem ra đốt bên bờ sông. Bỗng nhiên ba người ấy bước đến cám ơn rằng: "Mang ơn ông không quên lời hứa, đem cho đầy đủ quà cáp". Nói xong, cả ba cùng biến mất.

Chuyện này do chính Sơn Long kể lại cho trụ trì chùa Tổng trì nghe. Trụ trì lại đem kể cho Lãm tôi nghe. (Linh nghiệm trên đây rút từ sách Minh-báo-ký).

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 21

Thiên thứ 10: PHƯỚC ĐIỀN

Gồm có 3 phần: Thuật ý, Hơn kém, Bình đẳng.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Từ khi đức Từ phụ nhập Niết-bàn, các đệ tử được hưởng phúc lành, thay thế hoằng dương trong thời mạt pháp, tùy cơ hóa độ các nước khắp chốn Ta-bà. Nếu nhận thức khác nhau, tuy ở chung nhà, vẫn thấy một Trời xa lạ. Cảm thông cùng giống hệt, dù cách đôi ngã vẫn thấy gần gũi tấc gang. Thế nên, vừa biết kính tặng, đã khai thông thanh tịnh, mới bố thí mảy mọn, lục độ đã trở nên vô biên.

Thứ hai: PHẦN HƠN KÉM

Như Kinh Ưu-bà-tắc-giới nói: "Đức Phật bảo, phước điền ở thế gian có ba loại:

1- Là báo ân điền

2- Là công đức điền

3- Là bần cùng điền.

Báo ân điền là cha mẹ, sư trưởng và Hòa thượng. Công đức điền là từ khi được nghe pháp cho đến khi chứng quả A-nậu-bồ-đề. Bần cùng điền là tất cả mọi người bần cùng khốn khổ. Đức Phật là hai loại phước điền báo ân và công đức. Pháp cũng thế. Chư Tăng là ba loại phước điền báo ân, công đức và bần cùng. Vì thế, người mới thọ giới cần phải dốc lòng cúng dường Tam bảo. Nếu có người cùng bố thí của cải, phước điền và tâm bố thí bằng nhau, thì phước đức ấy cũng sẽ như nhau. Nếu của cải và tâm bố thí bằng nhau, nhưng phước điền lớn hơn, thì được phước báo lớn hơn. Nếu phước điền và của cải đều ít, nhưng tâm bố thí lớn hơn, thì phước báo cũng lớn hơn. Nếu phước điền và của cải lớn, nhưng tâm bố thí nhỏ thì phước báo cũng không lớn. Này thiện nam tử! Kẻ sáng suốt, khi bố thí, không nhắm đến phước báo. Tại sao? Vì đã

biết rằng, hễ gieo nhân lành, chắc chắn sẽ hưởng quả phước tốt đẹp”.

Lại nữa, kinh Tăng-già-tra nói: “đức Phật bảo các Bồ-tát dũng mãnh rằng, nếu tất cả tam thiên đại thiên thế giới chứa đầy hạt mè, số lượng Chuyển-luân-vương cũng nhiều như thế. Nếu có người cúng dường hết thảy các Chuyển-luân-vương này, công đức không bằng cúng dường một Tu-đà-hoàn. Nếu cúng dường tất cả Tu-đà-hoàn trong tam thiên đại thiên thế giới ấy, công đức không bằng cúng dường một Tư-đà-hàm. Nếu cúng dường tất cả Tư-đà-hàm. Trong tam thiên đại thiên thế giới ấy, công đức không bằng cúng dường một A-na-hàm. Nếu cúng dường tất cả A-na-hàm trong tam thiên đại thiên thế giới ấy, công đức không bằng cúng dường một A-la-hán. Nếu cúng dường tất cả A-la-hán trong tam thiên đại thiên thế giới ấy, công đức không bằng cúng dường một Bích-chi Phật. Nếu cúng dường tất cả Bích-chi Phật trong tam thiên đại thiên thế giới ấy, công đức không bằng cúng dường một Bồ-tát. Nếu cúng dường tất cả Bồ-tát trong tam thiên đại thiên thế gian ấy, công đức không bằng phát tâm thanh tịnh cúng dường một đức Phật. Nếu phát tâm thanh tịnh cúng dường tất cả chư Phật trong tam thiên đại thiên thế giới ấy, công đức không bằng cúng dường một kẻ phàm phu phát tâm nghe pháp môn này, huống gì sao chép, đọc tụng thọ trì? Bấy giờ, tất cả đại chúng bạch đức Phật rằng: “Thưa đức Thế-tôn, phước đức của một đức Phật lớn đến thế nào?” Đức Phật đáp rằng: “Thí dụ số lượng tất cả chúng-sinh nhiều như các hạt bụi nhỏ nhoi khắp hà sa thế giới đều biến thành các Bồ-tát thập địa, tất cả công đức của hết thảy các Bồ-tát thập địa này cũng không sánh bằng công đức của một đức Phật”.

Lại nữa, kinh A-tỳ-đàm-cam-lộ-vị nói rằng: “Phước đức có ba loại:

1. Là đại đức điền.
2. Là bần khổ điền
3. Là đại đức bần khổ điền.

Đại đức điền là gì? Ấy là Bích-chi Phật và các Sa-môn chứng quả. Sao gọi là bần khổ điền? Ấy là các chúng-sinh và những người già yếu bệnh hoạn. Sao gọi là đại đức bần khổ điền? Ấy là các Thánh Tăng và những người già yếu bệnh hoạn. Nếu bố thí cho đại đức điền với lòng cung kính, sẽ được phước báo lớn. Nếu bố thí cho bần khổ điền với lòng thương xót, sẽ được phước báo lớn. Nếu bố thí cho đại đức bần khổ điền với lòng cung kính và thương xót, sẽ được phước báo lớn. Như thế gọi là phước điền tốt. Thế nào gọi là vật tốt? Không giết hại, không trộm cắp, không lừa dối mà có, tùy khả năng sở hữu ít nhiều vật tinh khiết,

đem ra bố thí, gọi là vật tốt. Nếu bố thí đức Phật, lập tức sẽ được mọi phước báo. Nếu bố thí chư Tăng, được thọ dụng, sẽ được mọi phước báo. Nếu chư Tăng chưa thọ dụng, sẽ không được mọi phước báo. Nếu cúng dường pháp, sẽ được mọi phước báo. Nếu đem pháp cúng dường những người tu học thông minh, trí tuệ sáng láng, gọi là cúng dường pháp. Bố-thí thì được giàu có, thọ thì lại càng được vui vẻ, sức khỏe và tuổi thọ. Công đức càng cao,sẽ được phước báo càng lớn. Nếu bố thí cho loài vật, sẽ hưởng được phước báo trăm đời. Nếu bố thí cho người xấu sẽ được phước báo nghìn đời. Nếu bố thí cho người tốt sẽ được phước báo nghìn vạn đời. Nếu bố thí cho kẻ phàm đã lìa dục, sẽ được phước báo nghìn vạn ức đời. Nếu bố thí cho bậc đắc đạo, sẽ được phước báo vô lượng kiếp. Nếu bố thí cho đức Phật, sẽ được nhập Niết-bàn. Lại nữa, bố thí có sáu loại:

1. Là bố thí do kiêu ngạo.
2. Là bố thí do cầu danh
3. Là bố thí do ỷ thị vào sức lực
4. Là bố thí do ép buộc
5. Là bố thí do nhân-duyên
6. Là bố thí do trông mong vào phước báo".

Lại nữa, kinh Phật thuyết-hoa-tụ-đà-la-ni nói: "Đức Phật bảo nếu lại có người đem thất bảo lớn như núi Tu-di bố thí cho các Thanh văn và Bích-chi Phật suốt một kiếp, công đức cũng không sánh bằng có người xuất gia hay tại gia đem một đồng tiền bố thí cho người mới phát tâm Bồ-đề. Công đức trên không bằng một phần nghìn của công đức này, thậm chí không thể tính toán, so sánh nổi".

- Kinh Bảo-lương nói: "Đức Phật bảo: "Này, các thiện nam tử! Nay ta nói trên thế gian có hai hạng người đáng được bố thí:

1. Là những người tu hành tinh tiến.
2. Là những người đã giải thoát.

Có ba loại bố thí khiến cho thí chủ được phước báo:

1. Là thường bố thí thức ăn.
2. Là bố thí phòng ốc cho chư Tăng.
3. Là có từ tâm. Trong ba loại này, từ tâm đứng đầu".

Lại nữa, kinh Bồ-tát-bản-hạnh nói: "Tu-đạt nhà cửa nghèo nàn, không có của cải, nhưng thuần thành nhân đức. Đức Phật dạy phép bố thí, tu-đạt bạch rằng: "Bố thí nhiều hay ít?" Đức Phật dạy: Có loại bố thí tuy nhiều, nhưng được báo ít. Có loại bố thí tuy ít nhưng được phước báo nhiều, như bố thí tuy nhiều, nhưng không có thành tâm, ngã mạn

tự đại, tin tưởng tà thuyết đảo điên, không bố thí cho các bậc tu hành tinh tiến, nên được phước báo ít ỏi. Giống như ruộng xấu, gieo hạt thật nhiều, nhưng thâu hoạch rất kém. Sao gọi là bố thí ít, nhưng lại được phước báo nhiều? Ấy là phép bố thí ít, nhưng có lòng vui vẻ, cung kính, không mong đợi trả ơn và bố thí cho chư Phật, Bích-chi Phật cùng các Sa-môn chứng quả. Thế nên, dù bố thí ít, nhưng được phước báo nhiều, giống như ruộng tốt, gieo hạt dù ít, nhưng thu hoạch rất nhiều".

Lại nữa, luận Trí-độ nói: "Đem tâm đại bi bố thí, phẩm vật tuy giống nhau, nhưng được phước báo nhiều ít, tùy thuộc vào tâm ấy mạnh hay yếu. Giống như Xá-lợi-phất đem một bát cơm cúng dường đức Phật, đức Phật lại đem bát cơm ấy bố thí cho chó, rồi hỏi Xá-lợi-phất: "Ông đem bát cơm cúng dường ta, ta lại đem cho chó, ai được phước báo nhiều hơn?" Xá-lợi-phất thưa: " Như tôi hiểu ý của đức Phật, đức Phật bố thí cho chó được phúc nhiều hơn. Phật điền lớn nhất, không gì bằng bố thí cho chó". Do đó, có thể biết rằng, phước báo lớn nhỏ do tâm chứ không do phước điền. Giống như tâm của Xá-lợi-phất, dù lớn gấp nghìn vạn ức lần, cũng không bằng tâm của đức Phật. Tại sao? Vì tâm là chủ tể bên trong, còn phước điền chỉ là sự vật bên ngoài mà thôi.

Cũng có trường hợp phước báo của bố thí lớn nhỏ tùy thuộc vào phước điền. Như ngày xưa, A-la-hán Ức-nhĩ đem một bông hoa bố thí ở tháp Phật, được hưởng phước báo chín mươi mốt kiếp an lạc trong các cõi Trời người, phước báo còn lại giúp chứng thêm quả A-la-hán. Cũng giống như vua A-du-ca lúc thiếu thời, đem nắm đất bố thí đức Phật, sau này được phước báo làm vua cõi Diêm-phù-đề, xây nên tám vạn ngôi tháp và cuối cùng đắc đạo, vật bố thí ấy hết sức tầm thường và tấm lòng trẻ thơ còn quá nhỏ bé, nhưng nhờ phước điền rất lớn, nên được hưởng phước báo lớn lao. Nên nhớ phước báo lớn do phước điền tốt đẹp sinh ra. Trong hai truyện lớn và vừa kể trên, ba yếu tố tâm vật và phước điền đều đầy đủ, tốt đẹp giống như lúc đức Phật rải hoa cúng dường đức Phật khắp mười phương.

Hỏi: "Làm thế nào cho phước báo bố thí ấy Tăng thêm?"

Đáp: "Nên bố thí đúng lúc thì phước báo sẽ Tăng thêm. Theo kinh nói, nếu bố thí lúc đó khát, phước báo sẽ Tăng thêm. Hoặc bố thí thường xuyên, hoặc nghĩ cách bố thí chổ khách xa đi đến, như nơi hiểm trở, đường vắng, phước báo sẽ được Tăng trưởng lớn lao hơn".

Lại nữa, kinh Tăng-nhất-A-hàm nói: "Bố thí thức ăn cho súc vật sẽ được phước báo gấp trăm lần. Bố thí thức ăn cho người phạm giới, sẽ được phước báo gấp nghìn lần. Bố thí thức ăn cho người giữ giới, sẽ

được phước báo gấp vạn lần. Bố thí thức ăn cho đạo sĩ diệt dục, sẽ được phước báo gấp nghìn vạn lần. Bố thí thức ăn cho Tu-đà-hoàn, sẽ được vô lượng phước báo, huống chi bố thí thức ăn cho bậc Tư-đà-hàm đã chứng quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm đã chứng quả A-na-hàm, A-la-hán đã chứng quả La-hán, Bích-chi Phật đã chứng quả Bích-chi Phật, sẽ được phước báo vô lượng vô biên, không thể tính toán nổi!"

Lại nữa, luận Trí-độ nói: "Ngày xưa, trong thành Phất-ca-la thuộc nước Đại Nguyệt. Chi có một họa sư tên là Thiên-na, sang phương đông ở trọ trong nước Đa-sát-thi-la để vẽ mướn suốt mười năm, tích lũy được ba mươi lượng vàng, bèn mang về nước. Đến thành Phất-ca-la, nghe tiếng trống đại hội, mau bước đến xem. Thấy chư Tăng thuần thành, thanh tịnh, liền hỏi tri sự: "Đại chúng chi dụng một ngày hết bao nhiêu?" Tri sự đáp: "Hết ba mươi lượng vàng". Thiên-na lấy hết số vàng giao cho tri sự: "Nhờ tri sự giúp tôi lo liệu một ngày ăn cho đại chúng. Ngày mai, tôi sẽ về tay không". Đến nhà, vợ ông ta hỏi: "Làm suốt mười hai năm, kiếm được bao nhiêu?" Thiên-na trả lời: "Được ba mươi lượng vàng".

Vợ hỏi gấp: "Để ở đâu?"

Đáp: "Đã đem làm hạt giống trong ruộng phước".

Vợ hỏi gằn: "Ruộng phước gì vậy".

Đáp: "Là bố thí cho chư Tăng".

Vợ tức giận, trói tay dẫn đến quan xin trị tội. Đại quan tư pháp hỏi: "Chuyện gì đây?"

Vợ đáp: "Chồng tôi ngu si điên khùng, làm suốt mười hai năm được ba mươi lượng vàng, không thương xót vợ con, đã đem cho người khác hết sạch. Theo pháp luật, tôi trói dẫn đến đây". Đại quan hỏi Thiên na: "Tại sao nhà ngươi không đem vàng nuôi vợ con, lại đem cho người khác?"

Đáp: "Tổ tiên tôi không làm công đức, nên đời này tôi bị nghèo khổ, chịu nhiều đắng cay. Nay gặp phước điền, nếu không trồng phước, đời sau cũng sẽ nghèo nàn. Đời đời kiếp kiếp sẽ nghèo mãi, không bao giờ thoát khổ. Vì muốn dứt bỏ số kiếp nghèo nàn, nên tôi đã đem số vàng bố thí cho chư Tăng". Đại quan ấy vốn là một cư sĩ hết lòng tin tưởng vào đức Phật và giữ giới rất thanh tịnh, nên vừa nghe Thiên-na nói xong bèn ca tụng rằng: "Làm được như thế rất khó! Khổ công bao nhiêu năm mới gom góp được chút ít, làm đem bố thí hết cho chư Tăng. Nhà ngươi đúng là người có thiện tâm". Đại quan lập tức mở chuỗi anh lạc đang đeo, con ngựa đang cưỡi và đem một trang trại tặng cho thiên-

na rất nghèo khó, rồi nói rằng: “Khi nhà ngươi mới bố thí, dù chư Tăng chưa ăn uống, ví như hạt lúa chưa đem làm giống, nhưng mầm đã sinh ra, nên quả phước lớn lao cũng kịp đến theo sau”. Do đó, có thể bảo rằng, nếu đem tất cả những vật khó kiếm ra bố thí, thì sẽ được phước báo nhiều nhất”.

Thứ ba: PHẦN BÌNH ĐẲNG

Theo luận Đại Trang Nghiêm nói: “Khi chọn phước điền, nên chọn theo tiêu chuẩn đạo đức, không nên chọn theo tuổi tác lớn nhỏ, già cả. Đức Phật bảo, ta nghe ngày xưa có một thí chủ nhờ vị tôn túc lên chùa mời chư Tăng, chỉ chọn những vị già cả, không chọn những người nhỏ tuổi. Vì thế, khi mời chư Tăng vị tôn túc bỏ lại các Sa-di. Các Sa-di liền hỏi: “Tại sao không chọn chúng tôi?” Vị tôn túc đáp: “ Ý thí chủ muốn thế, không phải do ta”. Rồi nói kệ rằng:

“Tuổi cao có đạo đức,
Tóc bạc với da mồi,
Mày dài, răng rụng bớt,
Lưng gù, chân tay cong.
Thí chủ thích lựa thế.
Không muốn chọn trẻ con”.

Bấy giờ, các Sa-di trong chùa đều chứng quả A-la-hán, nghe nói thế, cùng bảo rằng, thí chủ ấy tăm tối ngu si, không mến chuộng đạo đức, chỉ ham tuổi tác già nua, bèn nói kệ rằng:

“Đáng gọi là trưởng lão,
Không phải ở tóc bạc,
Da mồi, răng rụng sạch,
Ngu si thiếu trí tuệ,
Cốt yếu ở tu phúc,
Trừ diệt mọi điều ác,
Tu tập mọi phạm hạnh,
Mới gọi là trưởng lão.
Ta không chấp khen chê,
Không còn tâm phân biệt,
Nhưng để thí chủ ấy
Phải mang lấy tội lỗi,
Vì phỉ báng, phân biệt
Đối với Tăng phước điền,
Nên phải mau đi đến.

Giúp đỡ thí chủ ấy,
Không đọa vào đường ác.”
Các vị Sa-di ấy
Liền dùng sức thần thông,
Hóa thành những người già,
Tóc bạc với da mồi,
Mày dài, răng rụng hết,
Gầy gò chống gậy bước
Đến nhà thí chủ ấy.
Thí chủ vừa trông thấy,
Lòng hết sức vui mừng,
Thắp nhang rải hoa thơm,
Mau miệng mời ngồi xuống.
Liền đó, chẳng bao lâu,
Lại hiện thành Sa-di.
Thí chủ rất kinh ngạc,
Vì phép biến hóa ấy.
Nhờ uống cam lồ thần,
Dung nhan vụt biến đổi?”

Bấy giờ, các Sa-di nói rằng: “Chúng tôi không phải Dạ-xoa, cũng không phải La-sát, vì thấy trước đây thí chủ chọn lựa các vị già cả trong Tăng phước điền tuổi tác lớn nhỏ, sẽ tổn thất thiện căn, nên làm phép biến hiện ấy để cảm hóa thí chủ”. Dứt lời, liền nói kệ rằng:

“Giống hệt vòi muỗi nhỏ
Muốn hút hết biển lớn
Thế gian không lường nổi
Công đức của chư Tăng.
Không ai có thể lường,
Công đức của chư Tăng,
Huống gì thí chủ đây
Muốn lường công đức ấy!”

“Thí chủ há không nghe đức Phật dạy, có bốn thứ không thể khinh thường, là hoàng tử nhỏ, rồng con, lửa tàn và các Sa-di. Giống như quả am-la ngoài chín trong sống, ngoài sống trong chín, đừng đánh giá nông nổi người đứng trước mặt ta. chỉ trong một niệm, họ đã có thể đắc đạo rồi. Thế nên, đối với Tăng phước điền, đừng đem lòng phân biệt tuổi tác lớn nhỏ”. Rồi nói kệ rằng:

“Công đức chư Tăng lớn,

Không ai ước lượng nổi.
Đức Phật còn khen ngợi
Bằng hàng trăm bài kệ,
Huống gi những người thường,
Lại không biết tán thán?
Tăng phước điền ruộng lớn,
Trồng ít, thu hoạch nhiều.
Vì thế, với chư Tăng,
Già cả và nhỏ bé,
Đều cúng dường như nhau,
Đừng đem lòng phân biệt".

Bấy giờ, thí chủ nghe xong, tóc râu đều dựng lên vì run sợ, quỳ mọp xuống sát đất xin sám hối".

Tụng rằng:

Thông đạt bốn quả,
Hiểu thấu sáu tình.
Huyền cơ đốn ngộ,
Chứng đạo thông thần.
Trẻ già hòa thuận,
Cung kính tinh thành.
Tùy duyên hiến cúng,
Hóa độ u linh.

Thiên thứ 11: QUY TÍN

Gồm có 3 phần: Thuật ý, Thành tâm nhỏ, Thành tâm lớn.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Than ôi! Đức tin là ngọn nguồn của công đức vào đạo; trí tuệ là căn bản của giải thoát xuất trần. Không có đức tin, không thể bước lên bè pháp; không có trí tuệ, không thể dứt bỏ mê mờ. Chân lý hiển nhiên này luôn luôn diễn ra trước mắt. Thường thấy kẻ ngu si không tin nghiệp nhân có thể sinh ra quả báo, cho giàu nghèo là chuyện tự-nhiên, sướng khổ là bởi thiên tính, xấu đẹp không do nhẫn nhục, giận hờn; sang hèn không liên quan đến cung kính, lười biếng. Mọi người ngẫu nhiên chịu lấy, cũng giống như cây cỏ tốt xấu, vốn bởi tự-nhiên, chẳng hề dính dáng đến lý nhân quả. Nay theo kinh Phật, khác hẳn với bọn ngoại đạo nói trên, chủ trương giàu nghèo gốc ở nghiệp duyên, sang hèn không do vận mệnh, ngu trí không thể biến đổi, xấu đẹp không thể thay hình. Thế nên, kinh nói: "Quả báo tốt xấu, định rõ ở nghiệp". Thư nói: "Tướng số tốt xấu, đã nêu tại Trời". Do đó, có thể nói rằng, người chịu nghiệp nghèo, giúp mấy cũng không khá; kẻ hưởng phước giàu, bỏ bê cũng vẫn đủ đầy. Xưa, vua Hán văn đến vì giấc mơ nên sủng ái Đặng Thông. Thầy tướng đoán Đặng Thông số nghèo, phải chết đói. Nhà vua phán: "Giàu có do ta quyết định, làm sao có thể nghèo được?" bèn ban cho núi đồng mặc sức đúc của. Về sau mắc nạn, phải bỏ trốn. Quả nhiên chết đói ở nhà dân. Lại nữa, Ninh Bẩm Ly vương có nô tỳ mang chửa, thầy tướng đoán, sinh ra con quý, mai sau làm vua. Nhà vua phán, không phải dòng giống nhà ta, muốn đem giết chết. Nô tỳ thưa, do khí thiêng từ Trời giáng xuống, nên mới mang thai. Đến ngày sinh, nhà vua cho là chuyện chẳng lành, sai ném vào chuồng heo thì heo khịt mũi bỏ đi. Liệng vào tàu ngựa thì ngựa mẹ nằm xuống cho bú. Về sau, quả nhiên làm vua đất Phù Dư. Mới biết, nghiệp duyên mệnh vận đã ngấm ngầm định sẵn, không thể cải biến đổi thay. Làm thiện sẽ được phước đức, làm ác phải chịu tai ương. Nghiệp báo đã rành rành trước mắt, cớ sao vẫn ngu muội không biết, không hay? Lại nữa, xưa kia, dưới đời vua Vũ Đinh, đất bạc có cây lúa và cây dâu cùng mọc chung ở sân chầu, quan thái sử đoán rằng, cây hoang mọc ở sân chầu, vương triều sẽ bị tiêu diệt. Nhà vua sợ quá, nghiêng mình sửa đức, cây lúa và cây dâu dần dần chết khô. Nhà Thương nhờ thế mới được trung hưng. Há chẳng phải làm lành sẽ được hưởng phước hay sao? Lại nữa, vào đời Đế Tân, có chim sẻ sinh ra quạ con ở góc thành, quan thái sử đoán rằng, nhỏ sinh ra lớn, nước nhà chắc chắn sẽ thịnh vượng. Vua Đế Tân ngã mạn tàn bạo, không lo

tu sửa đường lối chính trị thật tốt lành, nhà Thương liền mất nước. Há chẳng phải làm ác sẽ bị tai họa hay sao? Dẫn chứng như thế cũng đã tỏ tường. Sao còn ngoan cố làm trái lịch sử? Mọi người đều thấy, mùa xuân có trồng trọt, mùa đông mới có cất dành. Giống như có bố thí, ắt phải hưởng phước báo. Có ra tay cứu giúp kẻ khốn cùng, hẳn phải có ngày được đền ơn xứng đáng. Nay nếu đem cúng dường chư Tăng một bữa cơm chay há chẳng có ngày được hưởng phước báo?

Thứ hai: PHẦN THÀNH TÂM NHỎ

- Như trong kinh Niết-bàn, đức Phật có nói: Chúng-sinh có hai hạng:

1. Là người có đức tin
2. Là người không có đức tin.

Người có đức tin gọi là có thể giáo hóa, sẽ được vào cõi Niết-bàn, không bị tai ương tật bệnh. Người không có đức tin gọi là xiển đề, còn gọi là không thể giáo hóa".

Lại nữa, trong kinh Tạp-A-Hàm, đức Phật có nói kệ cho người Bà-la-môn rằng:

"Đức tin là hạt giống,
Khổ hạnh là mưa rào,
Trí tuệ là tay cày,
Hổ thẹn là bắp cày,
Chánh niệm để giữ mình,
Như thế là cày giỏi.
Giữ gìn thân và miệng
Cẩn thận chuyện ăn uống.
Thẳng thắn là chân thừa,
An nghỉ không lười biếng,
Tinh tiến không buông tuồng,
Đi thẳng không quay lại,
Đến chổ hết lo âu.
Người cày ruộng như thế,
Sẽ được quả cam lộ
Người cày ruộng như thế,
Được thảnh thơi tự tại".

Bấy giờ Bà-la-môn nghe kệ xong, liền phát tâm xuất gia, chứng được quả A-la-hán".

Lại nữa, luận Thật-tính nói: "Vì sáu hạng người , nên phải nói đến

Tam bảo:

1. Là bậc Điều ngự sư,
2. Là pháp của bậc Điều ngự sư.
3. Là đệ tử của bậc Điều ngự sư.

6 hạng người là gì?

1. Là hạng đại thừa
2. Là hạng trung thừa
3. Là hạng tiểu thừa
4. Là hạng tin Phật,
5. Là hạng tin pháp
6. Là hạng tin Tăng".

Lại nữa, kinh Tăng-già-tra nói: "Bấy giờ, hết thảy các Bồ-tát dũng mãnh bạch đức Phật rằng: "Thưa Thế-tôn, vì nhân-duyên nào, tất cả chúng-sinh trong pháp hội này đều phát tâm Bồ-đề?" Đức Phật đáp: "Này các Bồ-tát dũng mãnh! Vào vô lượng kiếp trong quá khứ, có đức Phật tên là Bảo Đức ra đời hóa độ. Bấy giờ, ta là con nhà nho và chúng-sinh trong pháp hội đương thời đều trụ vào trí tuệ của chư Phật. Được thế, là do vào thời quá khứ xa xưa hơn nữa, tất cả chúng-sinh ấy đều làm loài nai. Bấy giờ ta phát nguyện rằng: "Đối với tất cả bầy nai này, ta đều làm cho an trụ vào trí tuệ của đức Phật". Tất cả bầy nai nghe xong, đều phát nguyện được như thế. Này, các Bồ-tát dũng mãnh! Tất cả đại chúng trong pháp hội hôm nay, nhờ vào căn lành ấy, đều sẽ chứng được quả A-nậu-Bồ-đề".

Lại nữa, kinh Chánh-pháp-niệm nói: "Nếu có chúng-sinh tu thiện, đem lòng thanh tịnh quy ý Tam bảo, trong khoảng mười cái vỗ tay, không sinh tạp niệm, khi mệnh chung, sẽ được vãng sinh về cõi Trời Bạch Ma-ni, tâm ý tận hưởng mọi thứ vui ngũ dục. Nhờ công đức quy y này, khi hết phước báo, sẽ được nhập vào cõi Niết-bàn".

Lại nữa, kinh Vô-Thượng-Xứ nói: "Đức Phật bảo các Tỳ-kheo, có ba chổ Vô thượng:

1. Là chổ Phật Vô thượng.
2. Là chổ pháp Vô thượng
3. Là chổ Tăng Vô thượng.

Các chúng-sinh thuộc các loài hai chân, bốn chân không chân hay nhiều chân, thuộc loài có hình tướng, không hình tướng, hữu tưởng, vô tưởng, phi hữu tưởng, phi vô tưởng, Như-lai đem giảng giải các chổ Vô thượng ấy, nếu những chúng-sinh ấy khởi phát đức tin vào đó, sẽ được phước báo Vô thượng trong các cõi Trời,người".

Thứ ba: PHẦN THÀNH TÂM LỚN

Như kinh Xuất sinh-Bồ-đề tâm nói: "Bấy giờ, Bà-la-môn Ca-diếp bạch đức Phật rằng: "Thưa đức Thế-tôn, người phát tâm Bồ-đề sẽ được chừng bao nhiêu phước đức?" Đức Phật bèn đáp kệ rằng:

"Các chúng-sinh trong quốc độ này,
Nếu có tín tâm và giữ giới
Số lượng phước đức tối thượng ấy.
Chẳng bằng đạo tâm mười sáu phần.
Các chúng-sinh trong quốc độ này,
Nếu giữ tín tâm trong pháp thân,
Số lượng phước đức tối thượng ấy,
Chẳng bằng đạo tâm mười sáu phần.
Vô số quốc độ như hà-sa,
Nếu đều dựng chùa để cầu phúc
Và dựng tháp cao như tu-di
Chẳng bằng đạo tâm mười sáu phần.
Vô số quốc độ như hà sa,
Đều đem bố thí đầy thất bảo,
Số lượng phước đức tối thượng ấy
Chẳng bằng đạo tâm mười sáu phần.
Nếu có chúng-sinh vì cầu phúc
Xây dựng nhiều tháp thờ đức Phật
Như núi Thiết vi rất cao lớn.
Chẳng bằng đạo tâm mười sáu phần.
Nếu có chúng-sinh đem trọn kiếp,
Đầu đội vai mang các pháp sự,
Nếu đem so sánh công đức ấy,
Chẳng bằng đạo tâm mười sáu phần.
Nếu có chúng-sinh được diệu pháp,
Tìm đạo Bồ-đề độ tha nhân,
Những chúng-sinh ấy thật cao cả
Không thể sánh ví, không thể hơn.
Vì thế, được nghe các pháp này,
Kẻ trí thường sinh tâm mến pháp,
Thường được vô lượng vô biên phúc,
Mau chóng chứng được quả Vô thượng".

Lại nữa, kinh Niết-bàn nói: "Đức Phật tán thán cùng Ca-diếp rằng: "Nếu có chúng-sinh đã phát tâm Bồ-đề ở hằng sa chổ của đức Phật bên

sông Hy-liên, sau đó, trong đời mạt pháp xấu xa, có thể thọ trì kinh này mà không sinh lòng phỉ báng. Này thiện nam tử! Nếu có chúng-sinh đã phát tâm Bồ-đề ở một hằng sa chổ của đức Phật, sau đó, trong đời mạt pháp xấu xa, không phỉ báng mà hâm mộ kinh này. Tuy nhiên, chưa thể biện minh giảng giải ý nghĩa cho người khác. Nếu có chúng-sinh đã phát tâm Bồ-đề ở hai hằng sa chổ chư Phật, sau đó, trong đời mạt pháp xấu xa, sẽ không phỉ báng mà biết tin tưởng hâm mộ, thọ trì đọc tụng kinh này. Tuy nhiên, chưa thể giảng giải ý nghĩa cho người khác. Nếu có chúng-sinh đã phát tâm Bồ-đề ở ba hằng sa chổ của chư Phật, sau đó, trong đời mạt pháp xấu xa, sẽ không phỉ báng mà thọ trì đọc tụng, sao chép kinh này. Tuy có thể giảng giải cho người khác, nhưng chưa hiểu rõ ý nghĩa thầm trầm. Nếu có chúng-sinh đã phát tâm Bồ-đề ở bốn hằng sa chổ của chư Phật, sau đó, trong đời mạt pháp xấu xa, sẽ không phỉ báng mà thọ trì đọc tụng, sao chép giảng giải cho người khác một phần mười sáu ý nghĩa của kinh này. Tuy cố giảng đi giảng lại, cũng không thể nói trọn vẹn ý nghĩa, nếu có chúng-sinh đã phát tâm Bồ-đề ở năm hằng sa chổ của chư Phật, sau đó, trong đời mạt pháp xấu xa, sẽ không phỉ báng mà thọ trì đọc tụng, diễn thuyết rộng rãi cho người khác nghe tám phần mười sáu ý nghĩa của kinh này. Nếu có chúng-sinh đã phát tâm Bồ-đề, ở sáu hằng sa chổ của chư Phật, sau đó trong đời mạt pháp xấu xa, sẽ không phỉ báng mà thọ trì đọc tụng kinh này và giảng giải mười hai phần mười sáu ý nghĩa. Nếu có chúng-sinh đã phát tâm Bồ-đề ở bảy hằng sa chổ của chư Phật, sau đó, trong đời mạt pháp xấu xa, sẽ không phỉ báng mà thọ trì đọc tụng, diễn thuyết cho người khác nghe mười bốn phần mười sáu ý nghĩa của kinh này. Nếu có chúng-sinh đã phát tâm Bồ-đề ở tám hằng sa chổ của chư Phật, sau đó, trong đời mạt pháp xấu xa sẽ không phỉ báng mà thọ trì đọc tụng, khuyến khích người khác sao chép đọc tụng. Người này lại khuyến khích người khác đều biết đọc tụng”.

Lại nữa, kinh Đại-bi nói: “Đức Phật bảo A-nan: “Nếu có chúng-sinh đã từng một lần phát tâm tin tưởng vào cửa chư Phật, mầm thiện ấy sẽ không bao giờ mất đi, huống gì các mầm thiện khác? Giống như có chúng-sinh chẻ một cọng lông thành trăm cọng nhỏ, rồi lấy một cọng nhỏ ấy nhúng vào nước, dính một giọt nhỏ, mang đến cho ta và nói rằng: “Tôi đem giọt nước này gửi gắm cho đức Cù-đàm. xin giữ y nguyên, không hao hụt, không để nắng gió làm khô, không cho chim muông uống hết, không cho nước khác hòa chung. Xin lấy đồ đựng lại, đừng để rơi xuống đất”. Khi ấy, ta liền nhận lời, đem bỏ vào sông Hằng,

không cho trộn lẫn chung, cũng không cho các vật khác đụng vào. Giọt nước ấy không bị cản ngăn, không bị chim muông uống mất, y nguyên như thế, theo dòng trôi ra biển cả. Giả sử chúng-sinh ấy thọ một kiếp, ta cũng thọ một kiếp, khi gió tỳ-lam nổi dậy, thế giới bị tiêu diệt, chúng-sinh ấy đến nói với ta rằng: "Thưa đức Cù-đàm, giọt nước tôi đem gửi gắm, nay có còn không?" Bấy giờ, ta biết giọt nước ấy đang ở chổ nào trong biển cả, riêng rẽ không hòa chung, y nguyên như cũ. Ta bèn lấy về, trả lại cho chúng-sinh ấy. Này A-nan! Như-lai là Ứng Chánh Biến Tri, có thần thông lớn, thấu suốt vô cùng, không bị che lấp, là bậc thọ ký chí tôn Vô thượng. Thế nên, dù gửi gắm cho ta một giọt nước nhỏ nhoi như thế, trải qua vô lượng thế gian, vẫn không hao hụt chút nào. Này A-nan, xét về ý nghĩa, phải biết rằng, cọng lông nhỏ bé ví với lòng thành. Sông Hằng ví với dòng sinh tử luân hồi. Giọt nước nhỏ nhoi ví với mầm thiện nhú lên trong một lần phát nguyện. Biển cả ví với Như-lai Ứng Chánh Biến Tri. Người gửi gắm ví với các Cư sĩ, Trưởng giả Bà-la-môn thuần thành tinh khiết. Thọ một kiếp ví với Như-lai nhận gửi gắm giọt nước không bao giờ để hao hụt, cũng như chúng-sinh ấy gửi gắm giọt nước, trải qua vô lượng thời gian vẫn y nguyên. Này A-nan! Như thế, nếu ai một lần đã mở lòng tin tưởng vào cửa Phật, mầm thiên sẽ không bao giờ mất đi, huống gì các mầm thiện khác! Ta bảo rằng người ấy chắc chắn sẽ chứng quả Niết-bàn, dù các mầm bất thiện khác đáng bắt đọa vào ba đường ác. Như-lai biết thế, đã nhổ giúp cho và đưa lên trên bờ vô úy, khiến chúng-sinh ấy nhớ biết mầm thiện đã gieo có thể diệt trừ mọi tội lỗi, tiêu tan mọi khổ não, chứng được mọi quả an vui ".

Lại nữa, kinh Phật thuyết Vô-uý-nữ nói: "Bấy giờ, Vua A-xà-thế có công chúa tên Vô Úy Đức hết sức xinh đẹp, đã thành tựu công đức vô cùng tuyệt diệu. Mới lên mười hai tuổi, công chúa mang dép vàng nạm ngọc, lên ngồi trên đài cao của vua cha. Gặp các Thanh văn đi đến, công chúa vẫn ngồi yên, không đứng dậy nghinh tiếp, hỏi thăm, hành lễ và nhường chổ mời ngồi. Thấy thế, nhà vua hỏi: "Con không biết rằng đây là những đệ tử lớn, đã đắc pháp của đức Phật Thích ca, là phước điền của thế gian, vì thương xót chúng-sinh nên mới đi khất thực? Tại sao con không đứng dậy, chạy ra nghinh đón, hành lễ, hỏi thăm và nhường chổ, mời các ngài ngồi?" Công chúa Vô Úy Đức thưa: "Không rõ phụ vương từng nghe thấy qua bậc Chuyển-luân-vương gặp các tiểu vương , phải đứng lên nghinh tiếp chăng?" Nhà vua trả lời "không". Công chúa lại hỏi: "Không rõ Sư tử chúa gặp chồn hôi, phải đứng lên

nghinh đón chăng?" Nhà vua đáp: "Không". Công chúa lại hỏi: "Không rõ Thiên vương Đế thích đứng lên nghinh đón chư Thiên chăng?" Nhà vua trả lời: "Không", "Không rõ Long vương ở biển cả phải kính lễ thần Hà Bá ở sông hồ chăng?" Nhà vua đáp: "Không". Bấy giờ, công chúa mới tâu rằng: "Thưa phụ vương, như thế, một bậc Chuyển-luân-vương đã phát tâm Bồ-tát đại từ đại bi hướng đến A-nậu-Bồ-đề cần phải cúi đầu đảnh lễ một tiểu vương thuộc hàng Thanh văn, xa lìa tâm đại từ đại bi chăng? Lại nữa, thưa phụ vương, chúa tể sơn lâm Sư tử đã phát tâm cầu đạo chánh giác Vô thượng, cần phải đảnh lễ chồn hôi tiểu thừa chăng? Lại nữa, đã mong muốn đạt đến biển trí tuệ bao la, mong muốn biết rõ núi chánh pháp vĩ đại, lại cần đến hàng Thanh văn có tri thức cạn cợt như dấu chân trâu chăng? Thưa phụ vương, nếu có người muốn gần gũi hàng Thanh văn thì người ấy chỉ phát tâm Thanh văn. Nếu có người muốn gần gũi hàng Duyên giác, thì người ấy chỉ phát tâm Duyên giác. Nếu có người muốn gần gũi bậc chánh chân chánh giác, thì người ấy sẽ phát tâm A-nậu-Bồ-đề". Bấy giờ, vua A-xà-thế bèn bảo công chúa Vô Úy Đức rằng: "Con kiêu ngạo quá! Tại sao gặp các vị Thanh văn lại không biết cung nghinh?" Công chúa thưa rằng: "Thưa phụ vương, xin đừng nói thế, vì phụ vương cũng còn kiêu ngạo. Tại sao phụ vương không nghinh đó những kẻ nghèo khó trong thành vương-xá này?" nhà vua đáp rằng: "những người ấy không ngang hàng với ta, làm sao ta nghinh đón họ?" Công chúa thưa rằng: "Kẻ mới phát tâm Bồ-tát cũng thế, tất cả các Thanh văn cũng không ngang hàng với con". Nhà vua bảo con há chẳng thấy các vị Bồ-tát đều cung kính đối với tất cả mọi chúng-sinh?" Công chúa thưa rằng: "Thưa phụ vương, vì muốn hóa độ mọi chúng-sinh kiêu ngạo có lòng quy y sám hối, các vị Bồ-tát mới kính lễ tất cả chúng-sinh, cốt làm Tăng trưởng mầm lành trong tâm của họ".

Khi Bồ-tát Vô Úy Đức, vốn là con của hoàng hậu Nguyệt Quang, mệnh chung, được sinh lên cõi Trời Đao lợi, mang danh hiệu là Quang Minh Tăng thượng Thiên Tử. Ngày Bồ-tát Di-lặc thành Phật, Quang Minh Tăng Thượng Tử sẽ xuất gia và lần lượt gặp gỡ, cúng dường chư Phật trong hiền kiếp. Sau đó, được làm đại vương, hưởng thụ đầy đủ thất bảo ở quốc độ của đức Phật Ly cấu, với danh hiệu là Địa Trì, sau khi cúng dường đức Phật này xong, sẽ thành Phật với danh hiệu Biến Quang".

Tụng rằng:

Đắm trong tăm tối lâu nay,

Bồi hồi giữa giấc mộng say mê mờ.
Bụi lòng chưa rửa vết nhơ,
Vì còn ngại nước cam lồ rất thiêng.
Cha lành tỏa sáng lung linh,
Soi ta thấy ánh bình minh ngập tràn.
Gặp thầy, bạn tốt giỏi giang,
Giúp ta thêm chút hào quang dẫn đường
Ngộ rồi, lòng sáng như gương,
Từ đây mới biết chán chường nhân gian.
Chư Tăng cốt cách nghiêm trang,
Cùng bao đồng đạo an nhàn thảnh thơi.
Ai nhìn lòng cũng vui tươi,
Cúi đầu xin hướng về nơi Phật đài,
Nếu còn chất chứa điều sai,
Tai ương sẽ đến nay mai khôn lường.

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG:

1. Sa-môn Trúc Pháp sư đời Tấn.
2. Cư sĩ Viên Bính đời Tống.
3. Sa-môn Thích Đạo Tiên đời Tùy.

1- Đời Tấn, Sa-môn Trúc Pháp Sư ở Cối Kê, giao du thân thiết với Vương Hằng Chi tại Bắc Trung. Hai người cùng bàn luận về sống chết, báo ứng và tội phước. Thật ra, cả hai người chưa hiểu rõ và chưa biết có nhân quả hay không, nên hẹn nhau, nếu ai chết trước, sẽ về nói lại cho nhau nghe. Sau khi chia tay, Vương Hằng Chi đang ở ngôi miếu tại kinh đô, bỗng thấy Trúc Pháp Sư đi đến. Họ Vương kinh ngạc bảo: “Hòa thượng từ đâu đến đây?” Đáp: “vào ngày giờ nọ, bần đạo đã qua đời. Tội phước đều có thật, báo ứng linh nghiệm không sai. Thí chủ nên cố tu hành để được siêu thoát lên cõi cao. Vì có lời ước hẹn trước đây, nên bần Tăng đến báo cho thí chủ biết rõ”. Nói xong, liền biến mất. (Chuyện trên đây rút từ Tục-sưu-thần-ký)

2- Đời Tống, Viên Bính, tự là Thúc Hoán, vốn người ở quận tRần. Niên hiệu Thái Thủy (465) đời Tống Minh đế, làm tri huyện tại Lâm Tương. Họ Viên chết đã lâu năm, bỗng thân hữu là Tư Mã Tốn mơ màng thấy Bính hiện về lúc mờ sáng. Chào hỏi kể lễ nỗi niềm xa cách xong, bảo Tốn rằng: “Suốt đời, chúng ta thường bàn luận rằng sống là vất vả bon chen, chết là thật sự yên nghỉ. Nay mới biết không hẳn như thế.

Thường xót xa chuyện người đời chạy chọt kiếm chác bạc vàng đút lót cho nhau. Ở cõi âm, chuyện này cũng giống hệt”. Tốn hỏi: “Báo ứng tội phước ra sao?” Bính đáp: “Điều hiểu biết của ta hồi còn sống và lời kinh điển nói ra đều không đúng lắm. Chẳng qua chỉ là lời nói gò ép của Thánh nhân. Theo điều chứng kiến hiện nay, việc xử phạt thiện ác không khác mấy, chỉ có tội sát sinh là nặng nhất. Cố tránh, đừng để mắc vào”. Tốn nói: “Điều ông vừa chỉ bảo, ta không kể cho ai hay, nhưng nên báo cho quan Thượng thư biết với”. Bính đáp: “Thật hay! Cũng nhờ ông lựa lời bẩm lại cùng thượng thư”. Bấy giờ, Giản Mục vương đang làm thượng thư bộ lại. Bính và Tốn đều là gia khách thân thuộc trong nhà, nên mới nhớ đến. Hai người trò chuyện khoảng mấy trăm lời rồi Bính chia tay. Tốn hỏi: “Xa cách đã lâu, thường mong gặp mặt để thăm hỏi, cơ hội chẳng có mấy. Sao không nán lại một lát nữa?” Bính đáp: “Chỉ tạm giây lát, không thể ở lâu và mọi chuyện cũng không thể đem ra nói hết”. Dứt lời, liền ra đi. Khi Bính đến, Trời vẫn còn tối, Tốn không hiểu tại sao có thể nhìn rõ mặt Bính. Kịp lúc Bính đi, Tốn bước xuống sập tiễn chân. Mới dẫm lên dép, Tốn thấy trên chân Bính có khoảng sáng lên chừng một thước vuông, chiếu sáng luôn hai chân của mình, trong lúc chung quanh vẫn tối tăm. (Chuyện trên đây rút từ minh-tường-ký)

3- Đời Tùy, Sa-môn Thích Đạo Tiên ở chùa Trúc Lâm thuộc núi Quán Khẩu tại đất Thục, vốn người nước Khang Cư, chuyên nghề buôn bán đường xa. Từng qua lại hai xứ Ngô Thục để thu gom châu báu, vốn liếng đến mười vạn quan tiền, sau lên núi Ngưu đầu ở Tử Châu, gặp cao Tăng thuyết pháp, hiểu ra tiền bạc chỉ là phiền não, liền đem của cải thả xuống sông, rồi xuất gia ở chùa Trúc Lâm. Khi thế phát, ngài thề cùng đại chúng rằng: “Nếu không ngộ đạo, sẽ không bao giờ rời khỏi chùa”. Ngài quyết chí xa lánh mọi người, ở chung với muôn thú. Mỗi lần nhập định lâu đến năm ngày. Có khách đến thăm, ngài ngầm biết trước, bèn xuất định để tiếp đón. Vắng khách, lại tịnh tọa giữa thiền phòng, tịch lặng như hư-không. Đôi khi ngài báo trước số lượng khách, hình dáng y phục. Khi khách đến, đều đúng như lời. Bấy giờ, gặp cơn hạn lớn, dân chúng hoảng hốt, sợ lúa chết khô, kéo nhau đến xin ngài cầu mưa. Ngài lên hang rồng, gõ mạnh đầu gậy vào cửa, kêu lớn: “chúng-sinh khốn khổ, cớ sao vẫn ngủ say?” vừa dứt lời, rồng thần giật mình thức dậy, kéo mây đen khắp bốn phía xong, mưa lớn ào ào trút xuống. Dân chúng được nhờ ơn đức, đến làm lễ tạ ơn và tôn sùng ngài như thiên thần. Khi Thục Vương Tú đến trấn giữ vùng Mân Lạc, có

người đem chuyện tâu lên, vương cho người đến mời, nhưng ngài không tuân chỉ. Tức giận, vương thân hành kéo quân lên bắt, nếu ngài cố ý chống lại, sẽ đem hành hình. Nghe tin, ngài vẫn điềm nhiên tự tại, mặc áo ca sa ngồi tụng kinh. Vương vừa đến chân núi bỗng nhiên mưa đá đổ xuống, sấm sét nổ vang. Chốc lát, nước dâng đầy sông suối. Quân như ướt hết, tính mạng khó toàn. Lâm vào thế cùng, vương đành sám hối quy y, cúi đầu đảnh lễ. Liền đó, mây tạnh Trời quang, đường sá khô ráo bằng phẳng. Vương lên núi, cung kính khom mình nhận lổi. Ngài thuyết pháp cho nghe. Vương pháp thành tâm ân cần mời ngài xuống núi, đến chùa Tịnh Chúng ở Thành Đô, cúng dường rất hậu hỹ. Mọi người đều cung kính tôn ngài là Tiên Xà-lê. Giữa niên hiệu Nhân Thọ (601-604) đời Tùy Văn đế, ngài trở về chùa Trúc Lâm. Khi viên tịch, được an táng tại đó. (Truyện trên đây rút từ Đường-Cao-Tăng-truyện)

Thiên thứ 12: NAM NỮ THẾ GIAN

(gồm có 2 bộ; Nam giới thế gian, Nữ giới thế gian.)

Bộ I: NAM GIỚI THẾ GIAN

Gồm có ba phần: Phần Thuật ý, Phần răn đời, Phần Khuyến cáo.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Luận về Nam giới thế gian chia thành hai bậc cao thấp khác nhau: 1- Sang, 2 là hèn. 1- Giàu. 2- Nghèo. Người giàu sang đa số hay phóng túng kiêu ngạo, khinh khi nhục mạ, lấn lướt kẻ nghèo nàn. Hoặc có người dựa vào quyền thế, tự cao lấn lướt người ta. Hoặc có người học nhiều hiểu rộng, cậy tài lấn lướt người ta, hoặc có người khua mồm múa mép, hùng biện lấn lướt người ta. Hoặc có người khoe giàu xa xỉ, khi dễ lấn lướt người ta. Hoặc có người mặt đẹp dáng hay, ỷ sắc lấn lướt người ta. Hoặc có người lừa nhanh ngựa khỏe, cậy xe sang lấn lướt người ta. Hoặc có người nhiều tiền của, lắm nô tỳ, cậy giàu lấn lướt người ta. Tình trạng như thế rất nhiều, không thể đem ra nói hết.

Chúng-sinh ngu muội, thật đáng xót thương. Không biết vô thường sẽ đến, cứ nổi lòng kiêu. Quả báo nước sôi than đỏ, luộc nướng đang chờ. Cai ngục cầm xiên, lăm le chực sẵn, không hề lo lắng, thảnh thơi vui chơi, khác gì dê không biết cái chết đang đến, khác gì ruồi nhặng ham hố thây ma đang sình? Suy xét xưa nay, giàu sang vốn chẳng cố định sống chết kéo đến liền tay, sang hèn đều thành cát bụi. Giàu có lắm, chỉ trơ lại nấm mồ hoang nghèo hèn mấy, cũng nằm yên trong lòng đất, đã biết sang hèn đều thành cát bụi, cần phải hạ mình cung kính bậc trên. Cho hay, thân sơ không chắc, sang hèn chẳng bền; khổ vui đắp đổi, chìm nổi thế nhau mà thôi!

Thứ hai: PHẦN RĂN ĐỜI

Như kinh Hoa Nghiêm nói: "Có mười loại nghiệp mạn, cần phải tránh xa:

1- Đối với các phước điền đáng tôn trọng như Hòa thượng, A-Xà-lê; cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, lại không tôn trọng, cung kính cúng dường. Ấy là nghiệp mạn,

2- Đối với các pháp sư chứng pháp cao siêu, biết đường giải thoát sinh tử theo giáo lý đại thừa, hiểu nhiều thần chú Đà-la-ni, có đầy đủ trí tuệ, có tài thuyết pháp, lại không tin tưởng cúng dường. Ấy là nghiệp mạn.

3- Khi nghe thuyết pháp đến chổ cao xa, phải phát tâm lìa dục, vô

cùng hớn hở, lại không ca tụng pháp sư, khiến đại chúng cùng hớn hở. Ấy là nghiệp mạn:

4- Nỗi lòng ngã mạn tự đại lấn lướt người khác, không xét sức mình, không dằn lòng mình. Ấy là nghiệp mạn

5- Nỗi Lòng so đo, thấy người có công đức, trí tuệ không chịu ca tụng ngợi khen. Thấy người thiếu công đức, lại ngợi khen ca tụng. Thấy ai ca tụng ngợi khen người có công đức trí tuệ, nổi lòng ganh ghét. Ấy là nghiệp mạn.

6- Nếu có pháp sư biết đấy chính là pháp, là luật, là chân chính, là lời của đức Phật dạy, lại đem lòng ganh ghét, bảo không phải là pháp, không phải là luật, là không chân chính, không phải là lời của đức Phật dạy, vì muốn hủy hoại đức tin của người khác. Ấy là nghiệp mạn.

7- Tự đặt ngôi cao, tự phong pháp sư, không chịu thi hành, không chịu cung kính cúng dường người khác. Cho rằng các bậc tu theo phạm hạnh, các bậc tôn túc có đức đều phải cung kính cúng dường mình. Ấy là nghiệp mạn.

8- Xa lánh, nhăn mày cau mặt đối với các bậc đạo đức trọng ấy, thường đối xử hòa nhã với mọi người, lời nói dịu dàng, không thô lổ, không giận hờn, mà tìm tòi lổi xấu của bậc đạo cao đức trọng . Ấy là nghiệp mạn.

9- Vì lòng ngã mạn, nên đối với bậc thiện tri thức, không chịu cung kính, không chịu nghe thuyết pháp. Gặp chổ khó, cứ bỏ mặc, không chịu hỏi han điều gì thiện, điều gì bất thiện, điều gì nên làm, điều gì không nên làm. Làm điều gì có ích cho tất cả chúng-sinh, làm điều gì không có ích cho chúng-sinh. Làm điều gì sẽ từ sáng suốt đến sáng suốt hơn, làm điều gì sẽ từ tối tăm đến tối tăm hơn. Hạng người này bị ngã chấp nhận chìm, không thể nhận thức được chánh pháp thiết yếu. Ấy là nghiệp mạn.

10- Do lòng ngã mạn nổi dậy, không thể gặp được chánh pháp khó tìm của chư Phật, sẽ tiêu tan mầm thiện đã ươm từ tiền kiếp. Nói điều không nên nói, lộ lòng oán than, cùng nhau chế nhạo. Nuôi dưỡng tâm địa như thế, sẽ rơi vào tà đạo. May nhờ uy lực của hạt giống Bồ-đề, nên không đến nỗi mất hết hạnh Bồ-tát. Tuy nhiên, trải qua vô lượng ức kiếp, sẽ không được gặp gỡ chư Phật, huống gì là được nghe chánh pháp! Ấy là nghiệp mạn.

Lại nữa, kinh xuất diệu có kệ nói rằng:

"Chúng-sinh bị mạn trói
Mắc phải chứng ngã mạn.

Bị ngã kiến mê hoặc,
Nên chịu sinh tử hoài".

Thế nên, kẻ phàm phu tuy làm ác ít, nhưng đời sau sẽ chịu vô lượng quả báo, đau khổ vô cùng, giống như ung độc nhức nhối tim gan. Chúng-sinh tâm ý khác nhau, nhắm mắt mưu cầu danh lợi, không hề nghĩ đến cái chết. Cái sống không thể giữ bền cái chết đương nhiên phải ập đến. Mạng sống này mỏng manh như thế, chẳng sớm thì muộn, chỉ trong nháy mắt, biến đổi không ngờ. Uổng công xây đắp ruộng vườn, lưu luyến thân thích. Kinh Pháp-cú-dụ có nói: "Khi đức Phật ở tại nước Xá-vệ, trong thành có một người Bà-la-môn, tuổi gần tám mươi, giàu có vô số. Ông ta là người cứng đầu, không biết đạo lý, không kể sống chết, quanh năm chỉ lo xây cất mái trước nhà sau. Nào đài cao hóng mát, nào phòng kín sưởi ấm. Riêng hai phía đông tây, hành lang gồm mười dãy. Bấy giờ chỉ còn lại chái trước dùng để che nắng, đang xây dựng chưa xong. Một mình ông ta gánh vác lo toan mơi chuyện. Đức Phật dùng pháp nhãn nhìn thấy ông ta sẽ chết trong ngày hôm ấy, nhưng ông ta không hề hay biết, vẫn thản nhiên xây cất. Động lòng Từ bi, đức Phật dắt A-nan đến nhà, hỏi rằng: "Cụ già có mệt nhọc không? Ngôi nhà đang xây này, chổ nào yên ổn nhất?" Ông ta đáp: "Mái trước kiếp khách, nhà sau để ở. Hai chái đông tây dành cho con cháu, chất chứa của cải và bọn người làm. Riêng ta, mùa hạ lên đài cao hóng mát, mùa đông vào phòng kín sưởi ấm". Đức Phật bảo: "Nghe tiếng ông cụ đã lâu, ta muốn đến bàn luận nhiều điều. Có bài kệ liên quan đến vận mạng sống chết, ta muốn đem tặng. Ông cụ hãy dừng tay một lát, cùng ta đàm luận, được không?" Ông ta đáp: "Hôm nay bận quá, không rảnh chút nào. Xin bữa khác hãy đến đàm luận. Còn bài kệ, có thể đọc liền bây giờ". Đức Phật đọc kệ rằng:

"Có con, có của
Kẻ ngu lăng xăng.
Ta chẳng phải ta,
Nói gì con, của!
Nắng ở chổ này,
Lạnh ở chổ kia.
Kẻ ngu lo nhiều,
Chẳng biết tai họa.
Ngu che, ngu lấp
Tự cho là khôn,
Ngu mà nói khôn

Ngu ơi là ngu!

Ông già Bà-la-môn nói: “Ngài nói bài kệ thật hay, nhưng hôm nay bận quá, bữa khác sẽ bình luận”. Đức Phật thương xót ra về. Lát sau, ông ta một mình gác cái đòn tay, vô ý rơi xuống, đập vỡ đầu chết ngay. Cả nhà òa khóc lớn. Vang động xóm làng. Đức Phật đi chưa xa, biết tai họa đã ập đến. Đầu làng có mấy chục vị phạm chí hỏi đức Phật: “Ngài đi đâu về?” đức Phật đáp: “Vừa đến thuyết pháp trong nhà ông cụ mới chết. Ông không tin lời ta, không biết lý vô thường. Bấy giờ đã hóa kiếp khác”. Nói xong, đức Phật đọc cho các vị ấy nghe bài kệ trước đó. Nghe qua, tất cả đều vui mừng hiểu được chánh pháp. Đức Phật lại đọc cho các vị ấy nghe thêm bài kệ:

“Ngu gần người trí
Như bầu châm mật.
Tuy gần gũi lâu,
Nhưng không biết pháp.
Sáng gần người trí,
Như lưỡi nếm mùi,
Chỉ trong nháy mắt,
Hiểu thấu đạo vị.
Kẻ ngu hành động,
Vì thân chuốc họa.
Hớn hở làm càn,
Dẫn đến tai vạ.
Đã làm điều ác,
Phải biết ăn năn,
Nước mắt tuôn tràn,
Xưa vay, nay trả.”

Bấy giờ, các vị Phạm chí được nghe thêm bài kệ này, càng sinh lòng kính tin, chấp tay đảnh lễ đức Phật, hoan hỷ tu trì”.

Thứ ba: PHẦN KHUYẾN CÁO

Lòng ngã mạn ấy, đạo đời giống nhau, trí ngu không thoát, sang hèn đều có. Đắn đo luận bàn thật kỹ, người đời ngã mạn nhiều hơn. Cũng có kẻ lấy lời suông ca tụng bản thân, phê phán hiền triết, chỉ trích Thánh nhân. Phần đông người đời đều làm như thế. Chẳng có ai dành trọn một ngày tỏ vẻ hổ thẹn mắc cỡ, thành thật tìm kiếm chánh đạo, cúi mình xét lại bản thân. Vì thế, sách thế gian có nói rằng: “Nỗ lực hâm mộ đường thiện, có thể yên bản thân, nỗ lực hâm mộ hiếu đễ, có thể

vinh hiển gia tộc. Cũng có bậc quân tử tôn sùng Phật pháp, giữ giới tu hành, nhân từ khiêm nhượng, cung kính tin tưởng. Tất cả vốn do bản chất tự-nhiên, phù hợp với đạo. Cũng có kẻ xuất gia không theo chánh giáo, vi phạm giới luật, không chịu tu học, chẳng khác người đời. Tuy thế, đạo với đời, hình dung khác hẳn, phạm giới luật chia ra phạm ít, phạm nhiều. Tâm lại có sáng, tối; lỗi có nặng, nhẹ. Vì vậy, kẻ xuất gia khi chưa phạm giới, niệm niệm đều hợp đạo, nhờ đã huân tập nghiệp lành, vun đầy cội phước nên lỡ làm điều ác nhỏ, không thể lung lay, chỉ cần biết xấu khổ đôi chút, sẽ trong trắng lại. Nói về người đời, thân ở vào chổ không biết xấu hổ, lòng quen thói không biết thẹn thùng. Nuôi dưỡng vợ con, tiền tài sắc thanh đầy nhà cửa. Ngọt bùi rượu thịt, mặc sức no say. Ham thích si mê, không biết chán ngán. Mầm ác chứa sẳn, không thể thoát khỏi. Đây chính là chổ sáng tối khác đường, đen trắng phân cách. Đã biết rằng sáng có thể diệt trừ được tối, tối không thể diệt trừ nổi sáng, nên ánh sáng của ngọn đèn dù nhỏ, cũng có thể soi sáng khắp phòng. Kẻ xuất gia lỡ phạm giới nhỏ, nhờ đức sáng đã hình thành từ trước, tuy chẳng sáng hơn, nhưng nguồn sáng vẫn luôn luôn chiếu diệu. Giống như bầu đèn còn thì tim vẫn cháy, ruộng vườn còn thì cơ nghiệp vẫn bền. Hơn nữa, kẻ xuất gia gây ác rất khó, giống chèo ghe trên mặt đất bằng; người thế gian làm ác thật dễ, tựa giong thuyền giữa biển bao la. Ghe thuyền tuy giống, nhưng môi trường khác nhau nên sinh ra chậm, nhanh không đồng và giữ phạm khó dễ. Do đó, luân hồi hay mắc, chánh pháp khó thành. Phải biết tinh thành cầu mong tự độ và tinh tiến mến mộ giải thoát mới được .

Lại nữa, kinh Hiền ngu nói rằng: “Công đức xuất gia giải thoát, hưởng phước rất nhiều. Như phóng thích nô tỳ nam nữ, như nghe theo ý dân, như tự mình xuất gia cầu đạo, công đức dẽ lớn vô lượng, không thể tính toán nghĩ bàn, công đức xuất gia cao hơn núi Tu di, sâu hơn biển cả, rộng hơn hư-không, vì nhờ xuất gia, chắc chắn sẽ thành tựu Phật quả. Khi đức Phật còn tại thế, trong thành Vương-xá có vị Trưởng giả tên phúc Tăng tuổi ngoài một trăm, bị mọi người lớn nhỏ trong nhà chán ghét. Phúc Tăng nghe nói xuất gia được vô số công đức, liền đến chổ đức Phật xin xuất gia. Gặp lúc đức Phật đi vắng, liền đến cầu xin Xá-lợi-phất. Thấy ông quá già, Xá-lợi-phất không chịu thế độ. Lần lượt cả năm trăm vị A-la-hán cũng không ai chịu nhận. Phúc Tăng bước ra cổng chùa, òa lên khóc lớn. Đức Phật về đến, đem lời an ủi, rồi bảo Mục-kiền-liên cho xuất gia. Mục-liên vâng lời truyền giới. Sau đó, Phúc Tăng thường bị các Tỳ-kheo trẻ tuổi, châm chọc đến phẫn uất, phải

nhảy xuống sông, chìm lỉm sắp chết. Mục-liên trông thấy, dùng phép thần thông vớt lên bờ, hỏi rõ đầu đuôi. Mục-liên suy nghĩ, nếu không đem chuyện sinh tử luân hồi khuyến cáo, người này sẽ không thành đạo, liền bảo ông ta định tâm nắm chéo áo của mình, rồi đằng vân đến bờ biển lớn. Thấy xác của một phụ nữ có con giòi từ miệng bò ra, chui vào mũi, ra mắt, lại chui vào tai. Mục-liên toan bỏ đi. Lấy làm lạ, Phúc Tăng hỏi thầy: "Xác người nữ nào đây?" Mục-liên đáp: "Đây là vợ của một đại-tát-bạc trong thành Xá-vệ có dung nhan tuyệt thế. Người đàn bà này liền dùng kiếng gắn trên giá ba chân ra soi, thấy nhan sắc kiều diễm, sinh ra ngã mạn, nên rất yêu thích chính mình. Chồng vốn quý vợ, chở theo trên biển. Gặp bảo, thuyền vỡ, bị chết chìm, xac nổi lên bờ. Người này vì quá yêu mình, đầu thai làm kiếp giòi chui rúc lưu luyến xác cũ. Khi hết kiếp sâu bọ, sẽ bị đọa vào địa ngục lớn, chịu khổ vô cùng, Phúc Tăng đi lên, gặp một người nữ vác cái vạc đồng kê xuống đất, đổ đầy nước vào, nhen lửa nấu sôi phừng phừng. Xong xuôi, cởi áo nhảy vào. Thịt chín nhừ ra khỏi xương, nước sôi hất xương văng ra ngoài. Cơn gió thổi qua, lại thành người, ngồi bốc thịt của mình ăn ngấu nghiến. Phúc Tăng hỏi: "Đây là người nữ nào?" Thầy đáp: "Trong nước Xá-vệ có nữ cư sĩ kính tin Tam bảo, mời một Tỳ-kheo đến cúng dường suốt mùa hạ, xây dựng căn phòng đầu ngõ để Tỳ-kheo an cư. Lại thân hành nấu các món ăn ngon, cho nữ tỳ mang đến. Qua chổ kín, nữ tỳ lựa ra ăn trước, rồi mới cúng dường. Trong nhà phát hiện được, hỏi: "Có ăn lén không?" Nữ tỳ đáp: "Không! Khi Tỳ-kheo ăn xong, cho phần dư, mới dám ăn. Con xin thề, nếu có ăn lén, đời đời sẽ xui khiến tự ăn lấy thịt của mình!" Do nghiệp nhân này, trước tiên phải chịu báo ứng như thế, sau mới đọa vào địa ngục". Sa-di Phúc Tăng lại đi, thấy một cây bằng thịt, vô số con sâu bám đầy, đục ăn nát thân, không chừa chổ nào. Cây khóc lóc kêu la như tiếng dưới địa ngục. Sa-di hỏi thầy: "Cây này là gì?" Mục-liên đáp: "Đây là Tỳ-kheo tri sự Lại-Lợi-Tra, vì hoang phí, đã đem hoa quả thức ăn của chư Tăng phân phát cho người đời. Do nghiệp nhân này, phải chịu báo ứng như thế, sau mới đọa vào địa ngục. Lũ sâu ăn thịt cây là bọn người đã thọ nhận phẩm vật lúc bấy giờ". Sa-di tiếp tục đi thêm, gặp một người nam bị nhiều ác quỷ đầu thú mình người vây quanh, tay cầm cung nõ, tay cầm ba mũi tên độc, tranh nhau bắn vào người ấy, đầu tên bốc lửa cháy đỏ, khiến toàn thân cháy xém. Sa-di hỏi thầy: "Đây là người nào?" Mục-liên đáp: "Người này kiếp trước làm thợ săn, sát hại nhiều muông thú, nên phải chịu báo ứng như thế. Sau khi chết xong, phải đọa vào địa ngục". Sa-di tiếp tục đi nữa,

gặp ngọn núi lớn, dưới sắp dao kiếm la liệt, trên có một người buông mình lao xuống, thân thể nát nhừ. Xong lại trèo lên núi lao xuống, cứ thế không ngừng. Sa-di hỏi thầy: "Người này là ai?" Thầy đáp: "Đây nguyên là đại tướng của vua Vương-xá. Vì có sức mạnh, được làm tiên phong, giết chết nhiều người. Trước tiên phải chịu đau đớn như thế, sau đó mới đọa vào địa ngục". Lại tiếp tục đi tới, gặp một núi xương cao lớn khoảng bảy trăm do-tuần, che lấp mặt Trời, làm cho biển cả tối đen. Bấy giờ, Mục-liên nhảy lên núi xương ấy, đi kinh hành lui tới. Sa-di hỏi thầy: "Đây là núi xương gì?" Mục-liên trả lời rằng: "Nếu con muốn biết, thì đây chính là xương của con trong kiếp trước". Phúc Tăng vừa nghe xong, run sợ đến dựng tóc gáy, mồ hôi ướt đẩm, bạch rằng: "Nay con nghe lời thầy dạy, dù sao lòng vẫn chưa tan nát hết. Xin thầy mở lượng Từ bi kể hết đầu đuôi". Mục-liên bắt đầu giảng giải: "Sống chết đắp đổi xoay vần, không có bến bờ. Gây nghiệp lành dữ, chắc chắn sẽ chịu báo ứng. Ngày xưa, cõi Diêm-phù-đề có vị Quốc vương tên Pháp Tăng, thích làm bố thí, giữ giới nghe kinh, thương xót chúng-sinh, không hại muôn vật. Theo đúng chánh pháp trị vì suốt hai mươi năm. Một hôm rảnh rổi ngồi chơi cờ. Bấy giờ có kẻ phạm tội giết người, đình thần đem tâu lên, nhà vua đang mê nước cờ, buột miệng phán: "Cứ theo phép nước xử trị". Đình thần chiếu luật, giết người phải thường mạng, lập tức thi hành. Hết ván cờ, nhà vua hỏi lại: "Tội nhân lúc nãy đâu rồi?" Đình thần tâu: "Đã giết chết". Vừa nghe xong nhà vua ngã xuống hôn mê, đình thần phải lấy nước lạnh đắp một lát mới tỉnh lại. Nhà vua rơi lệ bảo đình thần: "Mai đây, cung nga thể nữ, xe ngựa bạc vàng đều còn đủ, chỉ một mình ta sẽ rơi xuống địa ngục mà thôi! Ta vừa phạm tội giết người, dù là đương kim Quốc vương chiên-đà-la, cũng chưa biết sẽ rơi vào đường ác nào trong muôn kiếp! Ta không thể làm vua nữa, phải thoái vị xuất gia". Sau khi mệnh chung, nhà vua sinh làm kiếp cá ma-kiệt-đà giữa biển cả, thân xác to lớn đến bảy trăm do-tuần. Quần thần cậy thế lực, bóc lột dân chúng, giết hại rất nhiều khi chết, bị đọa làm kiếp ký sinh trùng rúc ráy cá ấy. Cá nổi cơn ngứa, nổi lên gãi vào núi làm chết vô số ký sinh trùng, máu loang đỏ nước biển hàng trăm dặm. Cá ngủ một giấc suốt cả trăm năm, khi khát uống nước biển. Nước ùa vào ồ ạt như dòng sông lớn. Bấy giờ, có đoàn thương khách năm trăm người ra biển mua châu báu, gặp cá miệng thuyền trôi nhanh vào. Đoàn thương khách kinh hoàng, kêu khóc vang rân. Sắp lọt vào miệng, bỗng cả đoàn niệm to Nam-mô Phật. Cá nghe danh hiệu Phật, gấp gáp ngậm miệng, không hút nước nữa. Nhờ thế cả đoàn đều sống sót. Cá bị đói chết đi,

đầu thai vào thành vương-xá làm nhà ngươi đấy! Sau khi cá chết, bọn Dạ-xoa, La-sát rủ nhau khiên bỏ lên bờ, thịt tiêu tan hết, chỉ còn lại núi xương này. Quốc vương Pháp Tăng chính là tiền thân của nhà ngươi, vì tội cố sát bị đọa xuống làm cá. Sa-di Phúc Tăng nghe xong, vô cùng sợ sệt lý sinh tử luân hồi, quán tưởng suốt cả tiền kiếp, đốn ngộ các pháp vốn vô thường, liền chứng được quả A-la-hán".

Bộ II: NỮ GIỚI THẾ GIAN

Gồm có 2 phần: Phần thuật ý, Phần gian trá.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Than ôi! Nữ giới thế gian thật là độc ác lắm tội. Đức Phật nói bọn họ giả dối điêu ngoa còn hơn nam giới. Hoặc mượn màu son phấn tô điểm mặt mày, hoặc ăn mặc lụa là rực rỡ quyến rũ kẻ khác. Hoặc chúm môi hé miệng, liếc mắt hát cười. Hoặc rên rỉ ca ngâm, đưa tình khán giả. Hoặc hở bụng lộ tay, trùm đầu che mặt, hoặc đẩy đưa chân bước, uốn éo thân hình. Hoặc mắt nhắm mắt hé, chợt buồn chợt vui, dụ dỗ kẻ ngu đâm ra say đắm, yêu ma quỷ quái, không thể tả cùng, kẻ đã say đắm, sẽ bị mê mờ. Giống như giặc cướp, gian ác lắm trò, giống như bánh vẽ chứa dơ trong ruột. Giống như bẫy giăng, bầy chim mắc phải. Giống như lưới bủa, lũ cá dính vào. Giống như hầm hố, kẻ mù lọt xuống. Giống như thiêu thân bay tới ánh đèn, giống như ruồi nhặng ham rỉa xác chết. Gần gũi nữ giới, sẽ mất nước tan nhà; đụng nhằm khác nào bắt lấy rắn rít. Đầu miệng ngọt ngào như mật, trong lòng chất chứa nọc độc. Cửa nhà khốn khó, đều do nữ giới. Chết ngoài đường xá, đều do nữ giới. Gia đạo bất hòa, đều do nữ giới. Gái trai phản nghịch đều do nữ giới. Anh em ly tán, đều do nữ giới. Họ hàng chia lìa, đều do nữ giới. Đọa xuống địa ngục, đều do nữ giới. Không sinh lên cõi Trời người, đều do nữ giới. Cản trở nghiệp thiện, đều do nữ giới. Không chứng Thánh quả, đều do nữ giới. Tội nghiệp như thế, không thể nói hết. Chúng-sinh mê đắm, thật đáng thương tâm! Thường bị lửa dục thiêu đốt, không thể tránh xa, đến nỗi chịu đựng tai ương muôn kiếp không bao giờ chấm dứt.

Thứ hai: PHẦN GIAN TRÁ

Như kinh Xuất-Diệu nói: "Ngày xưa, trong thành Xá-vệ có người nữ ôm con mang bình ra giếng múc nước. Bên giếng, một người nam dung mạo tuấn tú đang ngồi đánh đàn giải trí. Người nữ ấy đâm ra say mê người nam, lửa dục bừng dậy. Người nam cũng rạo rực ham muốn

người nữ. Tâm thần hoảng loạn mê man, người nữ lấy dây cột vào cổ con mình rồi thả xuống giếng. Khi kéo lên thì đứa bé đã chết. Chợt tỉnh ngộ, người nữ ôm xác con kêu gào thảm thiết, nước mắt chan hòa như mưa!"

Lại nữa, kinh ấy còn nói: " Khi đức Phật ở nước Câu-thiểm-di có vị Quốc vương tên là Ưu-điền, nước Câu-lưu có vị Trưởng giả tên Ma-nhân-đề sinh được người con gái nhan sắc tuyệt thế, nên đặt tên là Vô Tỷ. Vua quan, quý tộc các nước lân cận tranh nhau xin cưới hỏi. Trưởng giả đáp rằng: "Nếu có bậc quân tử dung mạo sánh ngang với con ta, ta mới bằng lòng". Gặp khi đức Phật đang hóa độ tại đó, Trưởng giả thấy ngài có đủ ba mươi hai tướng tốt và 80 vẻ đẹp, kim thân óng ánh sắc vàng vô cùng oai nghi, trong lòng mừng rỡ bảo rằng: "Con ta đã có lứa đôi xứng đáng, chính là vị này đây!" Rồi bàn với vợ: "Ta sắp đi kén rể, mau mau trang điểm cho Vô Tỷ". Cả nhà xúm lại lo liệu. Vô Tỷ bước đi lấp lánh châu ngọc, sáng rực cả nước. Hai ông bà đưa con đến gặp đức Phật. Người vợ thấy dấu chân của ngài in nét đẹp lâng lâng siêu thoát của bậc Thiên Tôn, nên bảo chồng rằng: "Xem văn vẻ bàn chân của vị này đúng là bậc phi phàm hiếm có. Chắc chắn ngài thanh cao vô dục. Đừng đem con đến mà mang nhục". Trưởng giả gắt lên: "Bà làm sao biết được?" người vợ nói kệ rằng:

"Kẻ dâm đi lết gót,
Kẻ giận đi hở bước,
Kẻ ngu đi nặng chân
Dấu chân này Trời người kính".

Trưởng giả gạt ngang: "Bà chẳng biết được gì! Nếu không thích, bà hãy về trước!" nói xong, Trưởng giả dắt con gái vào đảnh lễ, rồi quỳ dưới chân đức Phật, thưa rằng: "Ngài chăm lo giáo hóa, thiếu người săn sóc. Tôi chỉ có đứa con gái thơ ngây, xin dâng hiến để hầu hạ ngài". Đức Phật bảo: "Ông cho rằng con gái ông đẹp đẽ lắm sao?" Trưởng giả đáp: "Tôi xin được đứa con gái này, dung nhan tuyệt thế vô song. Các Quốc vương, quý tộc, Trưởng giả đều đến xin cưới hỏi, nhưng tôi không chịu. Trộm thấy ngài là bậc phi phàm, uy nghi rực rỡ, nên mạo muội đến xin dâng hiến". Đức Phật bảo: "Con gái ông đẹp nhất ở chổ nào?" Trưởng giả đáp: "Từ đầu đến chân, chổ nào cũng đẹp". Đức Phật bảo: "Mờ thay, mắt thịt! Từ đầu đến chân, ta không thấy chổ nào đẹp cả. Ông hãy nhìn kỹ, trên đầu là tóc. Tóc cũng là lông. Đuôi voi đuôi ngựa đều giống như thế. Dưới tóc có sọ. Sọ cũng bằng xương. Sọ heo ngoài hàng thịt đều giống như thế. Trong sọ có não. Não lầy như sình, tanh

tao lợm mũi. Liệng xuống dưới đất, chẳng ai thích dẫm chân lên. Mắt thì mềm như ao, móc ra toàn nước. Trong mũi có nhầy, trong miệng có dãi. Trong bụng chứa gan phổi, đều là chất có nhầy, trong miệng có dãi. Trong bụng chứa gan phổi, đều là chất tanh tao. Ruột dạ, bàng quang chứa đầy phẩn tiểu , hôi thối vô cùng. Ổ bụng là đãy da, chứa đầy chất ô uế. Tứ chi tay chân do xương cốt chống lên nhau, gân và da ràng buộc. Chỉ nhờ hơi thở mới cử động được, như giống người máy nhờ then chốt điều khiển. Đến khi hết hoạt động, nếu cắt xẻ thân thể, từng bộ phận sẽ rời ra, tay chân sẽ vung vãi. Con người là như thế, có gì đẹp đẽ mà gọi là tuyệt thế vô song! Xưa kia, khi ta ngồi dưới gốc cây bối đa, ma vương thứ sáu cho ba cô gái tuyệt đẹp, trang điểm lộng lẫy nhất trên cõi Trời, khác hẳn con gái ông, đến đây cám dỗ, phá hoại đạo tâm của ta. Ta liền nói ra cái dơ uế trong thân, cả ba cô gái lập tức biến thành bà lão, nhan sắc hủy hoại, không thể trẻ trung lại được, đành phải xấu hổ bỏ đi. Nay ông lại đem cái túi da dơ dáy đến đây làm gì? Hãy mau mang về, ta không nhận đâu!" Trưởng giả nghe đức Phật nói xong, mặt mày đỏ tím vì hổ thẹn, nhưng vẫn chưa chịu rút lui, còn gượng gạo bạch rằng: "Nếu ngài không chịu nhận, tôi xin đem gả cho Quốc vương Ưu-Điền, được chăng?" đức Phật im lặng, không trả lời. Trưởng giả bèn đem con gái sang gả cho Quốc vương Ưu-điền. Nhà vua hết sức vui mừng, phong làm thái phó, xây dựng cung điện, cắt một ngàn nữ nhạc theo hầu Vô Tỷ. Chánh hậu của nhà vua vốn đã quy y cùng đức Phật, chứng được quả Tu-đà-hoàn. Vô Tỷ dèm pha cùng nhà vua. Bị mê hoặc, nhà vua nghe lời, đem bắn một trăm phát tên. Chánh hậu thấy tên bay đến, lòng không chút oán giận, nhất tâm niệm Phật, quỳ xuống ngước nhìn nhà vua. Tất cả trầm mũi tên đều bay quanh mình chánh hậu ba vòng, rồi dừng lại trước nhà vua. Bấy giờ, nhà vua chợt tỉnh ngộ, vô cùng buồn bã và sợ hãi, lên xe vàng do voi trắng kéo, chạy mau đến chổ đức Phật. Dừng xe lại, cho kẻ hầu lui ra, nhà vua chấp tay bước tới quỳ mọp dưới chân đức Phật, thưa rằng: "Tôi có tội nặng, hổ thẹn với ba ngôi Tam bảo, vì bị người con gái dâm dật ấy xúi giục, đã làm điều bất chánh, bắn hàng trăm phát tên vào đệ tử của đức Phật. Việc lỡ xảy ra, lòng tôi rất lo sợ. Lòng của chánh hậu còn Từ bi đến thế, huống gì đức Phật là đấng chánh giác Vô thượng! Nay tôi xin sám hối mọi tội lổi và quy y Tam bảo. Xin đức Phật mở lượng Từ bi tha thứ cho tôi". Đức Phật khen rằng: "Lành thay! Nhà vua biết lổi xin chừa! Đây là hành vi lổi lạc của người quân tử sáng suốt. Ta chấp nhận lòng thành ấy". Nhà vua lạy ba lạy, đức Phật đáp lễ. Bấy giờ, nhà vua lại cúi đầu sát đất xong, ngồi xuống

thưa rằng: “Xét mình bẩm chất hung hăng, nóng nẩy làm bậy, thiếu lòng nhẫn nhục, không chừa tham sân, buông lòng làm ác, mắc tay đàn bà, sợ sau khi chết đi, sẽ xuống địa ngục. Nguyện xin đức Phật xót thương, giảng giải sâu xa, thói tinh ma của nữ giới. Lỡ mắc vào, ít người gỡ nổi, nếu tôi được nghe, sẽ lấy đó răn mình. Dân chúng lớn nhỏ được nghe, sẽ lấy đó đổi thay tính nết. Đức Phật bảo: “Nhà vua muốn hỏi chuyện ấy, tại sao không hỏi chuyện khác? Nhà vua năn nỉ: “Chuyện khác hôm nào sẽ bẩm lên cũng không muộn. Nữ giới mê hoặc tâm ý, gây họa lớn lao. Nếu không được nghe, làm sao xa lánh? Nguyện xin đức Phật mở lượng Từ bi giải thích hình phạt ở địa ngục và sự ô uế của nữ giới”. Đức Phật bảo “Hãy nghe đây, nam giới vốn có tính xấu cuồng si, thường mơ màng dáng đẹp, tưởng nhớ lời mê, xa lìa chánh pháp; nghi ngờ chân lý, tin tưởng yêu tà. Bị lưới dục bao trùm, đắm trong tăm tối, để dục vọng sai khiến, ươn hèn như tớ sợ thầy. Ham mê nữ sắc, chẳng kể đến mùi xú uế từ chín lổ tiết ra. Dâm dục hổn độn, như heo trong chuồng, không biết dơ dáy, còn cho là sướng thân. Không biết đến ngày sau phải chịu khổ sở trong địa ngục vô gián. Đắm đuối dâm dục, mút lấy mũi dãi, vọc lấy máu me, cho là quý báu, cho là ngọt ngào, nên mới gọi là tên nô lệ của dục vọng. Đó là thói xấu thứ nhất. Lại nữa, cha mẹ nuôi con, từ lúc mang thai sinh nở, đến khi vừa đủ lớn khôn, cực nhọc không thể nói hết. Con mới trưởng thành, đã dốc hết của cải, bôn ba chạy theo manh mối, kiếm chổ cưới vợ. Dù ở nước khác, cũng cố tìm sang, không kể xa xôi, không ngại gian khổ, chỉ cốt lo thỏa mãn dâm dục, bỏ quên cha mẹ già nua. Khi cưới được vợ, quý như vàng ngọc, chỉ biết vui thú hoan lạc, đâm ra chán ghét mẹ cha. Tin theo lời vợ ranh ma xúi giục, có khi còn tranh giành kiện tụng lại mẹ cha, không nghĩ đến người đã sinh thành cực khổ, phụ bạc luôn cả ơn dưỡng dục bao la. Đó là thói xấu thứ hai. Lại nữa, người sống trên đời, gian lao vất vả mới kiếm được của tiền, vốn có thành tâm vững tin vào đạo, tôn trọng Tăng già, biết lẽ vô thường, bố thí làm phước. Sau khi lấy vợ, mãi miết dâm dục, trở nên u mê, bỏ chân lý chạy theo gian tà, nỡ nhắm mắt nghe theo lời vợ. Vừa máy lòng bố thí, sắp mở miệng nói ra, liền bị nữ sắc che lấp, đến nổi tiêu tan cả hạnh thanh tịnh, rốt cuộc bị trói buộc thành kẻ yếu hèn. Không biết đến trọng giới trong kinh, không biết đến cứu cánh họa phước. Nếu bị dục vọng sai khiến đến thế, sẽ mắc phải lưới tội lổi, chắc chắn sẽ bị đọa vào đường ác, không thể sai khác được. Đó là thói xấu thứ ba. Lại nữa, làm người con có hiếu, không nghĩ đến ơn sâu, kiếm được của tiền, không đem nuôi dưỡng cha mẹ, chỉ hăm hở chạy theo dục

lạc. Đem của cải dụ dỗ vợ con người, có khi giết cả dê bò để cúng tế Dâm thần. Bày tiệc ca múa, tụ tập gái trai, vui chơi thỏa thích, suốt ngày thâu đêm. Mượn tiếng cầu phúc, cốt để che đậy thói dâm. Khi đã say sưa, tìm cách hẹn hò mời mọc. Chọn được lứa đôi vừa ý, mê man say đắm không rời. Chìm trong hoan lạc, không thiết gì đời, chỉ ham dâm dục, không kể đến uế ô, không lo sợ địa ngục khổ sở. Thật đáng nực cười, thật đáng chua xót! Khác gì kẻ điên cuồng không phân biệt được phải trái. Đó là thói xấu thứ tư. Nam giới mang bốn thói xấu này cũng đủ vào ba đường ác. Cần phải suy xét kỹ để tránh xa, mới mong giải thoát đau khổ. Nhân đây, hãy nghe ta nói kệ về tật xấu của nữ giới:

“Bị dục vọng sai khiến,
Phóng đãng không thanh thản,
Gần gũi với bất chánh,
Sao gọi là hiền nhân?
Dâm là thói súc sinh,
Dâm là cách tự sát.
Giòi rúc giữa hôi hám,
Không biết là khổ nạn.
Như giòi rúc trong phân,
Không biết đâu tây đông,
Mãi miết theo thói dục,
Tối tăm chẳng khác giòi!
Dâm dục không thấy đạo,
Đêm ngày gieo mầm ác.
Hiện tại, vua tôi loạn.
Dưới trên đều hắc ám.
Pháp luật đã rối ren,
Chính trị lại hà khắc.
Nông dân bỏ cơ nghiệp,
Thương gia cũng đảo điên.
Kiếp này bị tù đày,
Kiếp sau đọa địa ngục,
Chịu đủ trăm thứ khổ,
Đớn đau không thể tả,
Đồng sôi rót vào miệng,
Xe núi xé nát thân.
Hình phạt đủ trăm thức,

Không thể kể rõ ràng.
Ở giữa ba đường ác
Xoay chuyển như bánh xe.
Dù có Phật xuất thế,
Chẳng nghe được danh hiệu.
Nữ giới thật độc ác,
Không thể hết đổi bạn.
Ân ái cột một dây,
Kéo nhau vào cửa tội.
Nữ giới có gì đẹp?
Chỉ toàn là dơ dáy.
Sao chẳng tin điều ấy,
Lại điên cuồng đắm say?
Trong bụng đầy ô uế,
Ngoài da trát phấn son.
Lại còn chứa nọc độc
Của loài rắn và rồng.
Giống mũi lao phủ gấm,
Giống dao bén bọc lụa,
Kẻ ngu thấy vỏ đẹp,
Mân mê thử mó vào.
Người khôn sớm lìa bỏ,
Kẻ si bị tử thương.
Dâm dục cũng như thế,
Chơi dao phải thiệt thân.
Thấy mới liền nới cũ,
Sở thích vốn bất thường.
Lời ngọt là dao cắt,
Cười xinh là gai đâm.
Trong dơ uế, nọc độc;
Ngoài phủ hoa với hương.
Kẻ ngu thấy mừng rỡ,
Không nghĩ đến tai ương,
Giống như uống độc dược,
Pha vị ngọt cam lồ.
Kẻ ngu mê vị ngọt,
Uống vào sẽ chết lăn.
Cũng giống củi bắt lửa,

Cây cỏ nhiễm sương muối,
Đụng nhằm đều hủy hoại,
Thật là điềm bất tường.
Nữ giới độc địa hơn,
Không thể nhận ra nổi.
Thấy da, không thấy ruột.
Nên mắc thói dâm dục.
Thân xác thật dễ nhìn,
Kẻ si tiếc không bỏ.
Bỏ dục mới vào đạo,
Bỏ đạo dễ như bỡn.
Tính người vốn thanh tịnh,
Như cá ở vực sâu.
Lưới giăng đầy bốn phía,
Mắc phải hết đường về.
Lưới dục dữ hơn nữa,
Nối dục dữ hơn nữa,
Nối kết rất kiên cố.
Người khôn nhận biết rõ,
Có thể thoát ra được,
Giống như khỉ, vượn đói
Nhìn thấy trái chín ngọt,
Lao đến mặc gai góc,
Chắc chắn sẽ té ngã.
Giống như cá mắc câu,
Thiêu thân bay vào đèn,
Ôm lửa nhảy vào dục,
Không nghĩ đến hậu họa".

Khi đức Phật nói kệ vừa xong, vua Ưu-điền vô cùng hoan hỷ, cúi đầu xuống sát đất thưa rằng: "Suốt đời, tôi chưa từng nghe thói xấu của nữ giới rõ ràng đến thế. Nam giới bồng bột theo đuổi đến nỗi rơi vào tội lỗi. Nếu không biết rõ, không thể chế ngự được tâm ý. Từ nay, tôi xin sám hối, quy y Tam bảo, không dám phạm tội nữa". Nhà vua đãnh lễ đức Phật rồi vui mừng trở về".

Sách thế gian nói: "Đức Khổng tử cho rằng khó chăm sóc bạn tiểu nhân và nữ giới, vì gần gũi bọn họ sẽ khinh lờn, xa cách thì bọn họ sẽ hờn oán". Thế nên, kinh Phật bảo: "Nữ giới tinh ma, có tám mươi bốn thói xấu. Trong đó, có tám thói xấu lớn nhất mà kẻ sáng suốt rất ghét.

Thứ nhất là ghen tuông, thứ hai là giận bậy, thứ ba là bôi nhọ, thứ tư là bùa chú, thứ năm là trấn yếm, thứ sáu là bủn xỉn, thứ bảy là ham trang sức, thứ tám là tham lam độc ác. Vì thế, nữ giới chất chứa nhiều gian tà. Cầu mong bọn họ bỏ hết thói xấu, tìm về chánh pháp, sớm được xuất gia để độ mình và độ hết mọi người.

Lại nữa, luận Trí-độ nói rằng: "Tính nết nữ giới, nếu được yêu kính sẽ để chồng có tâm trạng thảnh thơi, nếu hết được yêu kính, sẽ khiến chồng rơi vào tâm trạng lo âu sợ sệt. Bản chất nữ giới như thế, luôn luôn mang lại phiền não bực dọc cho người, làm sao có thể thân thiết gần gũi được? Như kinh có nói, vị Quốc vương nọ có công chúa tên Câu-mâu-đầu. Bấy giờ, có ngư phủ tên Thuật-ba-già đi đường, thấy bóng dáng công chúa tha thướt sau rèm cửa trên lầu cao, đâm ra si mê thương nhớ, không chút nào quên. Nỗi tương tư chồng chất ngày một nặng, đến bỏ ngủ quên ăn. Người mẹ lo lắng, dò hỏi nguồn cơn, ngư phủ đem thú thật cùng mẹ, lỡ thương công chúa, thành bệnh tương tư. Mẹ bảo: "Con mang phận hèn, công chúa là bậc tôn quý, không thể nào được!" Ngư dân đáp: "Lòng con mê say, nếu không toại nguyện, chắc con chết mất!" Vì quá thương con, người mẹ thường đem cá ngon chim béo vào cung, dâng cho công chúa, không chịu nhận tiền. Công chúa lấy làm lạ, hỏi rằng: "Ngươi muốn xin điều gì?" người mẹ thưa: "Xin công chúa cho thị tỳ lui ra, tôi sẽ xin bẩm rõ sự tình". Công chúa bằng lòng. Người mẹ thưa tiếp: "Tôi chỉ có một đứa con trai. Vì quá ái mộ công chúa, u uất thành bệnh nặng, sắp chết đến nơi. Nguyện xin công chúa thương xót cứu vớt cho con tôi được sống". Công chúa đáp rằng: "Bà hãy yên tâm về đi, nhớ dặn con bà vào hôm rằm, đứng chờ ta sau lưng tượng thần trong đền Thiên từ. Người mẹ mừng rỡ chạy về báo tin cho con hay ước vọng đã thành, rồi đem kể lại đầu đuôi chuyện gặp gỡ công chúa. Đến ngày, ngư phủ tắm gội, thay quần áo mới đến chờ sau lưng tượng thần. Hôm ấy, công chúa vào bẩm cùng phụ vương rằng: "Con gặp chuyện không tốt, xin phép đến đền Thiên Từ cầu phúc". Nhà vua phán: "Rất hay!" Rồi truyền cho năm trăm cỗ xe đưa công chúa đến đền. Công chúa cho kẻ hầu sắp hàng đứng chờ ngoài cửa, một mình bước vào. Thiên thần nghĩ rằng không thể để yên như thế. Công chúa là bậc tín nữ tôn quý, không thể để kẻ hèn hạ xâm phạm đến, liền làm phép cho ngư phủ ngủ say. Công chúa đến bên, thấy chàng ta ngủ mê man, lay mãi không tỉnh, bèn cởi chuỗi anh lạc đáng giá mười vạn lượng ban cho rồi ra về. Khi ngư phủ thức dậy, thấy có chuỗi ngọc quý, hỏi thăm mọi người, biết công chúa có đến, không được thỏa lòng, ngư

phủ đau đớn, u uất, hơn nữa, dục tình bừng lên, không thể dập tắt, đành tự thiêu mà chết. Do đó, có thể thấy rằng tâm ý nữ giới chỉ buông thả theo dục vọng, không kể sang hèn.

Lại nữa, luận Tát-bà-đa nói rằng: “Thà đem thân làm mồi trong miệng rắn độc, còn hơn đụng chạm vào nữ giới. Rắn độc có ba sự hại người:

1/ Thấy người mà làm hại,

2/ Do bị chạm phải mà làm hại,

3/ Ngoạm vào mà làm hại.

Nữ giới cũng có ba cái hại người: nếu thấy nữ giới, phát động lòng dục, sẽ bị hủy hoại các thiện pháp. Nếu đụng chạm vào nữ giới, thân sẽ phạm vào tội trung bình, hủy hoại các thiện pháp. Nếu cùng nữ giới giao hoan, sẽ phạm vào tội trọng, hủy hoại các thiện pháp. Ngoài ra, còn có 7 cái hại khác nữa:

1/ Nếu bị rắn độc cắn, chỉ hại thân này. Nếu bị nữ giới làm hại, sẽ bị hại vô số thân.

2/ Nếu bị rắn độc cắn, chỉ hại đến thân vô ký. Nếu bị nữ giới làm hại, sẽ bị hại mất thiện pháp thân.

3/ Nếu bị rắn độc cắn, chỉ làm hại ngũ thức căn. Nếu bị nữ giới làm hại, sẽ bị hại mất lục thức thân.

4/ Nếu bị rắn độc cắn, vẫn còn được gia nhập vào tịnh chúng. Nếu bị nữ giới làm hại, sẽ không được đứng vào hàng ngũ Tăng già.

5/ Nếu bị rắn độc cắn, vẫn được sinh lên các cõi Trời người, được gặp gỡ các Thánh Tăng, nếu bị nữ giới làm hại, sẽ bị đọa vào ba đường ác.

6/ Nếu bị rắn độc cắn, vẫn chứng được bốn quả Sa-môn. Nếu bị rắn độc cắn, sẽ không thành tựu được bát chánh đạo.

7/ Nếu bị rắn độc cắn, sẽ được mọi người thương xót cứu giúp. Nếu bị nữ giới làm hại, sẽ bị mọi người cùng xua đuổi, không được yêu thích nữa. Vì thế, thà đem thân làm mồi trong miệng rắn độc, còn hơn đụng chạm vào nữ giới”.

Lại nữa, kinh Tăng-nhất A-hàm nói: “Nữ giới cậy vào năm thế lực để coi thường chồng:

1/ Thế lực của sắc đẹp

2/ Thế lực của gia tộc

3/ Thế lực của điền sản

4/ Thế lực của con cái.

5/ Thế lực tự giữ mình.

Người chồng chỉ có một thế lực để áp đảo vợ, ấy là thế lực của giàu sang. Nay ma vương Ba-tuần cũng có năm thế lực, ấy là sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Kẻ ngu si gặp phải năm thế lực này, không thể vượt khỏi, nếu các Thánh Tăng và chư đệ tử thành tựu được một thế lực không phóng đãng, sẽ không bị các thế lực ấy ràng buộc, mới có thể phân biệt được các pháp sinh, lão, bệnh, tử, thoát được các thế lực cám dỗ của ma vương, không đọa vào ma cảnh, đạt đến cảnh giới tịch diệt".

Rồi đức Phật nói kệ rằng:

"Giới luật là đường giải thoát,
Phóng đãng là đường táng thân.
Không tham lam nên không chết,
Lạc đường sẽ bị táng thân".

Bấy giờ, đức Phật bảo các Tỳ-kheo: "Nữ giới có 5 khát vọng:

1/ Sinh vào nhà giàu sang

2/ Được gả về nhà giàu sang.

3/ Được chồng nhất nhất nghe lời.

4/ Có nhiều con cái.

5/ Hoàn toàn làm chủ gia đình.

Đó là năm khát vọng của nữ giới".

Lại nữa, kinh Đại-uy-đức-đà-la-ni nói rằng: "Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: "Không thể đem một giọt nước nhểu xuống sa mạc lớn, khiến cho thấm ướt cả sa mạc và thấm xuống lớp đất phía dưới, giống như một người nư không cảm thấy thỏa mãn hoàn toàn khi thọ dục với hàng nghìn người chồng. Nữ giới có ba điều không cảm thấy đầy đủ:

1/ Trang sức

2/ Thọ dục với chồng,

3/ lời nói dịu ngọt.

Này A-nan! Nữ giới có năm loại giòi độc mà nam giới không có, năm loại giòi này ở trong âm đạo. Có một loại khoảng tám ngàn con, mỗi con có hai đầu nhọn như mũi kim, thường châm chích ăn thịt ở đó, khiến nữ giới cựa quậy đi lại không yên. Do nghiệp báo nặng nhẹ, các dâm phụ bị kích thích khác nhau, phải nhón chân đi kiếm nam giới, khao khát không biết chán chường. Nếu gặp được, liền buông lời ngon ngọt, mắt nhìn đi nhìn lại tha thiết, lòng mở màng thú nhục dục, mặt ngước lên như muốn chụp lấy, răng cắn chặt môi dưới. Thần sắc hóa ra tím tái, lửa dục bốc lên bừng bừng, trên trán ướt đẫm mồ hôi. Nếu đã ngồi xuống, sẽ không chịu đứng lên. Nếu đã đứng lên, sẽ không chịu

ngồi xuống nữa. Chết sửng như cây trồng, mân mê hai tay. Có khi bước tới vài bước, đảo mắt tìm kiếm hai bên, có khi đứng ở ngưỡng cửa, đờ đẩn thở dài, uốn éo lượn lờ. Một tay vén áo, một tay vuốt đùi, rồi cắn móng tay, chọc răng, vuốt gáy, xoạc chân ra, hoặc chọc cho con khóc la, lê chân đi tới, đưa mắt tìm quanh. Ấy là những biểu hiện cho biết nữ giới đang cơn bộc phát dục tình. Cần phải dứt bỏ, chán chường, đừng để bị hoành hành, khuấy động trong tâm thức đen tối xấu xa.”

Lại nữa, trong kinh Chánh Pháp-Niệm, Thiên Điểu nói kệ cùng chư Thiên rằng:

“Phụ nữ không là bạn,
Như đèn sáng không ngừng,
Phụ nữ thường oán hận,
Như khắc sâu vào đá.
Dẫu gần gũi kẻ giàu,
Hết của, liền chán ghét.
Có của, phụ nữ thân,
Hết của, phụ nữ bỏ,
Có tiền mới cúng dường,
Làm đủ thứ công đức.
Lòng dạ như lửa đỏ,
Không thể đưa tay bắt.
Nam giới rất chìu chuộng
Theo hết mọi ước muốn
Tuy thế, bọn phụ nữ
Vẫn nói dối nam giới.
Như rắn đậy hoa lên,
Như tro vùi than đỏ,
Sắc đẹp che độc ác,
Phụ nữ cũng như thế,
Giống hệt thấy cây độc,
Đẹp mắt, nhưng không lành.
Phụ nữ như hoa độc,
Người khôn phải lánh xa.”

Lại nữa, kinh A-hàm-khẩu-giải-thập-nhị-nhân-duyên nói: “Có vị A-la-hán dùng thiên nhãn quan sát, thấy nữ giới bị đọa vào địa ngục rất nhiều, bèn hỏi nguyên nhân. Đức Phật đáp: “Vì bốn nguyên nhân:

1/ Do tham lam châu báu để che đậy dục vọng vô bờ,

2 /Do ghen ghét nhau,

3/ Do nhiều miệng lưỡi.
4/ Do ý dâm rất nhiều.
Vì nghiệp nhân ấy, nên nữ giới đa số bị đọa vào địa ngục".
Tụng rằng:

Ngũ dục quấy tinh thần,
Lục tặc loạn sắc tâm.
Lửa mê thổi tình dậy,
Lưới yêu bủa kín lòng.
Vàng nấu cũng phai sắc,
Đá mài chẳng nát gan,
Đuổi hình bắt bóng mãi,
Muôn kiếp chỉ hoài công!

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 22

Thiên thứ 13: VÀO ĐẠO

Gồm có bốn phần: Thuật ý, Vui chán, Thế phát, dẫn chứng.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Xét rằng: Đạo và đời khác biệt; sạch với nhiễm trái nhau. Do nghiệp nhân thiện ác không đồng, nên chịu lấy quả báo không giống. Muốn xem thấy phong thái nhân nghĩa đạo đức siêu phàm, phải tìm hiểu lễ nghi phép tắc nhà Phật, mới có thể xuất gia cầu đạo, từ bỏ vinh hoa, nhịn món ăn ngon, muối dưa khổ hạnh. Che thân áo vải, không cần điểm trang, cốt ở yên thân, không màng danh lợi. Chế ngự tam độc, cấm chỉ bát âm. Ba nghìn uy nghi, năm trăm giới luật, động tịnh đúng cách, tuân thủ phép khuôn. Tám vạn pháp môn, mười hai phần giáo, tùy cơ diễn giảng, theo thời lợi sinh. Như thế, đáng gọi là mẫu mực khắp cả Trời người, bè từ cho kẻ vào đạo vậy.

Thứ hai: PHẦN VUI CHÁN

Như kinh Văn-Thù-Vấn-Phật nói: "Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: "Tất cả mọi công đức đều không bằng tâm xuất gia. Tại sao? Vì người tại gia có vô số lổi lầm, người xuất gia được vô lượng công đức. Người tại gia bị chướng ngại, người xuất gia không bị chướng ngại. Người tại gia làm điều ác, người xuất gia xa lìa điều ác. Người tại gia ở chổ bụi trần, người xuất gia bỏ chổ bụi trần. Người tại gia chìm đắm trong dục vọng ô trược, người xuất gia thoát khỏi dục vọng ô trược. Người tại gia sống theo kẻ ngu si, người xuất gia xa lánh thói kẻ ngu si. Người tại gia không đạt được chánh mạng, người xuất gia có được chánh mạng. Người tại gia sống ở chổ lo âu phiền não, người xuất gia sống ở chổ an vui. Người tại gia ở chổ trói buộc, người xuất gia ở chổ giải thoát. Người tại gia ở chổ tai hại, người xuất gia ở chổ không tai hại. Người tại gia ở chổ tham lam lợi lạc, người xuất gia không tham lam. Người tại gia ở

chổ náo nhiệt, người xuất gia ở chổ thanh tịnh. Người tại gia ở chổ thấp hèn, người xuất gia ở chổ cao thượng, người tại gia bị phiền não nung nấu, người xuất gia tiêu diệt được phiền não. Người tại gia thường lo toan cho người khác, người xuất gia chỉ lo tu sửa bản thân. Người tại gia lấy khổ làm vui, người xuất gia lấy giải thoát làm vui. Người tại gia nuôi dưỡng gai góc, người xuất gia biết diệt trừ gai góc. Người tại gia thành tựu chuyện nhỏ nhoi, người xuất gia thành tựu việc trọng đại. người tại gia thật vô ích, người xuất gia rất hữu ích. Người tại gia bị tam thừa chê bai, người xuất gia được tam thừa ca tụng. Người tại gia không biết tri túc, người xuất gia luôn luôn tri túc. Người tại gia được Ma vương yêu thích, người xuất gia khiến Ma vương sợ sệt. Người tại gia có nhiều phóng túng, người xuất gia không phóng túng. Người tại gia chịu người sai khiến, người xuất gia làm chủ mọi sai khiến. Người tại gia ở chổ hắc ám, người xuất gia ở chổ quang đãng. Người tại gia Tăng trưởng ngã mạn, người xuất gia tiệu diệt ngã mạn. Người tại gia ít có phước báo, người xuất gia hưởng nhiều phước báo. Người tại gia nhiều siểm nịnh, người xuất gia có lòng chất trực. Người tại gia thường có nhiều ưu khổ, người xuất gia luôn được an vui. Người tại gia thường lừa dối, người xuất gia thì chân thật. Người tại gia thường bị tán loạn, người xuất gia không bị tán loạn. Người tại gia sống ở chổ hay biến động, người xuất gia sống ở chổ không thay đổi. Người tại gia như thuốc độc, người xuất gia như nước cam lồ. Người tại gia mất tư duy hướng nội, người xuất gia có tư duy hướng nội. Người tại gia không có chổ quy y, người xuất gia có chổ quy y. người tại gia có nhiều sân hận, người xuất gia có nhiều Từ bi. Người tại gia mang gánh nặng, người xuất gia trút gánh nặng. Người tại gia có tội lổi, người xuất gia không có tội lổi. Người tại gia luân chuyển trong vòng sanh tử luân hồi, người xuất gia có thời hạn. Người tại gia lấy tiền tài làm bảo vật, người xuất gia lấy công đức làm bảo vật. Người tại gia gia trôi theo dòng sinh tử, người xuất gia lội ngược dòng sinh tử. Người tại gia là biển phiền não lớn, người xuất gia là bè thuyền lớn. Người tại gia bị dây dưa trói buộc, người xuất gia thoát khỏi trói buộc. Người tại gia bị Quốc vương giáo hóa, người xuất gia được Phật pháp giáo hóa. Người tại gia dễ kiếm bạn bè, người xuất gia khó kiếm pháp lữ. Người tại gia lấy tàn hại làm hơn, người xuất gia lấy nắm giữ làm hơn. Người tại gia Tăng trưởng phiền não, người xuất gia thoát khỏi phiền não. Người tại gia như ở giữa rừng gai, người xuất gia vượt khỏi rừng gai. Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu ta chê bai người tại gia, khen ngợi người xuất gia, dẫu đem lời chất đầy hư không, cũng không thể diễn tả

đến cùng tận. Đấy chính là lổi lầm của người tại gia và công đức của người xuất gia.”

Lại nữa, kinh Niết-bàn nói: “Tại gia gò bó như tù ngục, tất cả phiền não do đó sinh ra. Xuất gia rộng rãi như hư không, tất cả điều thiện nhờ đó Tăng trưởng. Người tại gia, trong thì bận bịu đến vợ con, ngoài thì ngược xuôi. Việc vua chúa nếu được giàu sang, sẽ sinh phóng túng, nếu bị nghèo hèn, sẽ sinh đói khổ phẫn uất. Công tư bề bộn, đêm ngày đăm chiêu, lắm việc rối lòng, sao rảnh tu đạo?”

Lại nữa, kinh Úc-già-trưởng-giả nói: “Người tại gia có nhiều phiền não: Cha mẹ vợ con, thương yêu quyến luyến, tiền tài sắc đẹp, mơ tưởng nặng lòng, tham lam không chán. Kiếm được lo giữ, bo bo không rời, đến nỗi lưu chuyển khắp cả sáu đường, ngang ngược xa lìa chánh pháp. Cần phải thành tâm sám hối, ghét bỏ mơ tưởng buông lung, chán chường cuộc sống trần thế, để phát nguyện xuất gia học đạo. Tại gia không thể tu tập cứu cánh Vô thượng Bồ-đề, chỉ nhờ xuất gia mới đạt được chánh quả. Tại gia là bụi ố, xuất gia là tốt lành. Tại gia là trói buộc, xuất gia là giải thoát. Tại gia chịu đựng đau khổ, xuất gia mới thật sự an vui. Tại gia là hèn hạ, xuất gia là cao sang. Tại gia là nô lệ, xuất gia là chủ nhân. Tại gia bị sai khiến, xuất gia được thung dung. Tại gia nhiều lo lắng, xuất gia hết ưu phiền. Tại gia là gánh nặng, xuất gia được nhẹ nhàng. Tại gia bị bận rộn, xuất gia được thanh nhàn”.

Lại nữa, kinh Xuất-gia-công-đức nói: “Nếu sánh với phóng thích nam nữ nô tỳ và tội nhân, xuất gia có công đức nhiều vô lượng. Nếu có người cúng dường các A-la-hán khắp bốn châu suốt trăm năm, cũng không bằng người vì cứu cánh Niết-bàn, xuất gia thọ giới một ngày đêm, công đức của người này sẽ nhiều vô lượng. Lại nữa, nếu sánh với xây tháp Phật bằng thất bảo cao đến tầng Trời Tam Thập Tam, cũng không bằng công đức xuất gia.”

Lại nữa, kinh Đại-duyên nói: “Nhờ một ngày đêm xuất gia, suốt 32 kiếp sẽ không bị đọa vào ba đường ác.”

Lại nữa, luật Tăng-kỳ nói: “Nhờ một ngày đêm xuất gia, giữ gìn phạm hạnh, sẽ xa lìa được sáu trăm sáu nghìn sáu mươi năm ở ba đường ác”.

Lại nữa, kinh Xuất-gia-công-đức nói: “Nếu gây khó khăn, cản trở cấm đoán kẻ xuất gia, người này sẽ bị mất Đức Phật tính, các điều ác sẽ tụ vào thân, lớn như biển cả, đời này sẽ bị phong cùi, khi chết, sẽ bị đọa vào địa ngục tối tăm, không có ngày ra.”

Lại nữa, kinh Ca-diếp-nói: “Bấy giờ, các vị đại vương và thái tử

nghe nói công đức xuất gia rất thâm sâu, đều phát tâm xuất gia, đến nỗi khắp bốn châu cùng phát nguyện xuất gia. Khi tất cả đã lần lượt xuất gia hết, không cần cày cấy, đồng ruộng tự nhiên sinh các giống lúa, cây cối sinh các loại áo quần và chư Thiên hiện ra chăm sóc, giúp đỡ mọi việc".

Lại nữa, kinh Phật-tạng nói: "Nên nhất tâm hành đạo, y theo chánh pháp, đừng lo đến sinh kế. Khi cần, từ sợi mày bạc của đức Phật sẽ cung cấp mọi thứ cho tất cả chúng sinh xuất gia trong thời mạt pháp, không bao giờ thiếu thốn".

Lại nữa, kinh Hiền-ngu nói: "Nếu như trong đám trăm người mù, có lương y, chữa cho mắt họ đều sáng tỏ, trong đám trăm tội phạm bị móc mắt, có kẻ ra tay cứu thoát khỏi tội ấy, công đức của hai người này sẽ nhiều vô lượng, nhưng cũng không lớn bằng công đức của người cho phép kẻ khác xuất gia, hay tự mình xuất gia cầu đạo".

Thứ ba: PHẦN THẾ PHÁT

Khi muốn Xuất gia, theo luật, trước hết mời hai vị thầy một là Hòa thượng, hai là Xà-lê. Luật Tát-bà-đa nói: "Nếu trước đó đã mời Hòa thượng xin thọ mười giới, dù Hòa thượng không hiện diện, vẫn được thọ mười giới. Nếu nghe tin Hòa thượng đã viên tịch, việc thọ giới không thành. Nếu không nghe tin Hòa thượng viên tịch, việc thọ giới vẫn thành tựu. Những trường hợp này cũng áp dụng chung cho Xà-lê". Lại nữa, kinh Thanh-tín-sĩ-độ-nhân nói: "Nếu muốn thế phát, trước tiên lấy nước hương hoa tưới lên đất chổ sắp thế phát một khoảng rộng bảy thước vuông, bốn góc treo tràng phan, bày một tòa cao cho người xuất gia, phía sau đặt hai tòa cao hơn, dành cho hai vị đạo sư. Người xuất gia mặc y phục thế gian, lạy Từ biệt cha mẹ ông bà xong, miệng đọc kệ rằng:

"Lưu chuyển trong tam giới,
Không thoát khỏi ái ân.
Nay từ bỏ, vào đạo,
Mới gọi là báo ân".

Đọc kệ xong, cởi y phục thế gian ra". Luận Thiện-kiến nói: "Lấy nước hương hoa tắm rửa sạch mùi y phục thế gian". Kinh Độ-nhân nói: "Tuy bắt đầu mặc áo xuất gia, cũng chỉ được mặc áo Nê-hoàn, Tăng và Tăng-kỳ-chi, chưa được mặc cà-sa. Khi vào đạo trường, người xuất gia đến quỳ dài trước Hòa thượng. Bấy giờ, Hòa thượng nên xem như con ruột, không được khinh dể. Người đệ tử xuất gia đối với vị đạo sư,

nên nghĩ như cha ruột, phải cung kính cúng dường. Sau khi nghe Hòa thượng thuyết pháp, khuyến khích xong, đệ tử xuất gia đến ngồi trước Xà-lê”. Luật Thiện-kiến nói: “Xà-lê lấy nước hoa rưới lên đỉnh đầu, rồi đọc kệ rằng:

“Lành thay, đại trượng phu
Biết rõ đời vô thường!
Bỏ đời, tìm tịch lạc.
Hiếm thấy, khó nghĩ bàn!”

Đọc kệ xong, Xà-lê dạy đệ tử xuất gia lạy chư Phật mười phương, rồi lại đọc kệ tán thán rằng:

“Quy y đại Thế tôn
Cứu độ ba cõi khổ
Cùng nguyện các chúng sinh
Đều vào cõi tịnh lạc”.

Sau khi đọc hết bài kệ này, Xà-lê bắt đầu thế phát cho đệ tử xuất gia. Kinh Độ-nhân nói: “Khi Xà-lê thế phát, đại chúng chung quanh tụng kệ xuất gia rằng:

“Cắt tóc giữ chí tiết,
Dứt tình, hết kẻ thân.
Bỏ nhà vào cửa Phật,
Nguyện độ hết chúng sinh”.

Khi thế phát, nên lưu lại năm ba sợi tóc trên đỉnh đầu. Đệ tử xuất gia đến quỳ dài trước Hòa thượng. Hòa thượng hỏi rằng: “Nay con bằng lòng cắt tóc trên đỉnh đầu chăng?” Đệ tử xuất gia đáp rằng: “Thưa tốt lắm!” Sau đó, Hòa thượng mặc giúp áo cà-sa”. Khi đang mặc, theo luật Thiện-kiến, lại đọc kệ rằng:

“Lớn thay, áo giải thoát,
Áo phước điền vô tướng!
Mặc vào, kính giữ giới,
Độ hết mọi chúng sinh”.

Theo Kinh Độ-nhân nói: “Mặc cà-sa xong, đệ tử xuất gia lạy Phật, đi vòng quanh ba vòng, đại chúng đạo đời đi theo sau. Đủ ba vòng, lại đọc kệ tỏ ý vui mừng:

“Lành thay, người gặp Phật,
Ai ai cũng vui mừng!
Phước nguyện gặp duyên lành,
Nay tôi được pháp lợi”.

Hết đi vòng, đệ tử xuất gia hành lễ tạ ơn đại chúng và hai vị Thầy,

rồi đi xuống ngồi cho gia đình hành lễ. Cha mẹ thân thích đều hành lễ, tỏ ý vui mừng được xuất gia thoát tục, tràn trền đạo tâm. Tốt nhất, trước và trong khi thế phát, nên bày cỗ chay cho mọi người đều dùng”. Theo luận Tỳ-ni-mẫu nói: “Sau khi thế phát, mặc cà-sa xong, Hòa thượng mới truyền thọ tam quy ngũ giới”. Có nhiều nghi thức khác, không thể nói ra hết. Tốt nhất, khi cử hành, nên tùy hoàn cảnh châm chước, sẽ sinh nhiều phước lành hơn nữa.

Thứ tư: PHẦN DẪN CHỨNG

Như kinh Tạp-Bảo-Tạng nói: “Ngày xưa, có một phụ nữ đoan trang đẹp đẽ, thuộc hàng ngũ ngoại đạo, xuất gia tu hành. Mọi người hỏi rằng: “Nhan sắc xinh đẹp như thế, nên sống ở đời, tại sao xuất gia? Phụ nữ ấy đáp: “Hiện nay tôi vẫn còn đẹp, nhưng từ thuở nhỏ không ham nhục dục, nên mới xuất gia. Khi còn ngoài đời, nhờ đoan chính, tôi sớm lập gia đình, sinh được một bé trai. Đến khi khôn lớn, con tôi tuấn tú vô cùng. Bỗng nhiên đâm ra gầy gò ốm yếu như đang mắc bệnh. Tôi bèn hỏi con: “Liệu mang bệnh gì?” Con tôi không chịu trả lời. Tôi cứ hỏi mãi, bất đắc dĩ, nó mới đáp rằng: “Đúng ra, con không muốn nói, chỉ sợ không sống nổi. Nếu đem nói ra, thật đáng xấu hổ!” Rồi nó ngập ngừng nói với tôi rằng: “Con muốn cùng mẹ chung chạ dâm dục. Biết không thể được, đâm ra u uất thành bệnh”. Tôi trả lời: “Từ xưa đến nay, không có chuyện này! “Rồi tôi nghĩ lại, nếu không chìu theo ý con, sợ nó chết mất. Thà trái đạo đức, để con được sống. Suy nghĩ lại, tôi liền gọi con, đáp ứng cho nó. Con tôi sắp sửa lên giường, tự nhiên mặt đất nứt ra làm đôi, nó lập tức lọt xuống. Vô cùng kinh hãi, tôi đưa tay níu lấy con tôi, chỉ còn nắm được mớ tóc của nó, bây giờ hãy còn lại trong mình. Bị chuyện này ám ảnh ray rứt, tôi phải xuất gia”.

Lại nữa, Luận Trí Độ nói: “Trong Phật pháp, người xuất gia tuy phá giới mang tội, đến khi hết tội, sẽ được giải thoát”. Giống như trong kinh Ưu-bát-la-hoa-Tỳ-kheo-bản-sinh nói: “Khi đức Phật còn tại thế, Tỳ-kheo-ni này có đủ sáu phép thần thông và chứng được quả A-la-hán. Vào nhà các vị quý tộc, Tỳ-kheo-ni thường ca tụng công đức xuất gia, bảo các mệnh phụ rằng: “Chị em nên xuất gia”. Các mệnh phụ trả lời: “Chúng tôi đang tuổi thanh xuân, nhan sắc xinh đẹp, giữ giới rất khó, sợ sẽ phạm phải.” Tỳ-kheo-ni bảo: “Dù biết phá giới, vẫn nên xuất gia”. Các mệnh phụ thắc mắc: “Phá giới sẽ bị đọa địa ngục, làm sao dám phá?” Tỳ-kheo-ni đáp: “Bị đọa thì cứ đọa!” Các mệnh phụ cười rân lên, hỏi: “Địa ngục là chổ chịu tội, làm sao dám xuống?” Tỳ-kheo-ni trả lời:

“Ta nhớ lại vào kiếp trước, làm đào hát ăn mặc đủ thứ áo quần và nói cười cợt nhả. Đôi lần còn mặc áo Tỳ-kheo-ni để làm trò. Vì thế, vào thời đức Phật Ca-diếp, ta được trở thành Tỳ-kheo-ni. Ỷ thị con nhà quý tộc đẹp đẽ, ta sinh lòng ngã mạn, phá giới, nên bị đọa địa ngục, chịu đủ mọi tội khổ. Khi hết tội, ta gặp đức Phật Thích-ca-Mâu-ni, xin xuất gia và chứng được quả A-la-hán. Ta dù có phá giới, cuối cùng vẫn đạt đạo quả. Lại nữa, khi đức Phật ở Kỳ-hoàn, có kẻ Bà-la-môn say rượu đến chổ ngài xin làm Tỳ-kheo. Đức Phật bảo A-nan cạo tóc và mặc cho pháp phục. Khi tỉnh rượu, kẻ Bà-la-môn ấy vô cùng hoảng sợ, vì thấy thành Tỳ-kheo, liền bỏ chạy mất. Các Tỳ-kheo hỏi đức Phật rằng: “tại sao lại cho kẻ Bà-la-môn ấy làm Tỳ-kheo?” Đức Phật bảo: “Kẻ ấy từ vô lượng kiếp, không có tâm xuất gia. Nay tạm thời phát chút ít tâm ấy, sau này nhờ đó, sẽ xuất gia thành đạo”. Qua các nhân duyên trên đây, dễ thấy xuất gia có lợi ích rất lớn ấy là mang lại vô số công đức. Do đó, người đời tuy giữ gìn đủ năm giới cấm, cũng không bằng người xuất gia có công đức lớn lao hơn”.

Lại nữa, kinh Tạp-bảo-tạng nói: “Ngày xưa, Quốc vương Ưu-đà-tiện ở thành Lô-lưu là bậc thông minh đại trí, có hoàng hậu tên là Hữu Tướng thật đoan trang đạo đức, kiêm dung nhan tuyệt thế vô song, được nhà vua hết sức yêu vì. Theo phép nước ấy, nhà vua không tự mình đánh đàn. Bây giờ, hoàng hậu cùng nhà vua đang vui chơi ở chốn cấm cung, thấy được sủng ái nhiều, liền ép nhà vua đánh đàn rồi hoàng hậu đứng lên múa ca theo điệu nhạc. Nhà vua rất rành thuật xem tướng, khi hoàng hậu vừa vươn tay ra, đã thấy hiện rõ tướng chết. Tính lại số mệnh hoàng hậu chỉ sống được thêm bảy ngày. Nhà vua lập tức buông đàn, thở dài não nuột. Hoàng hậu vô cùng ngạc nhiên, bạch rằng: “Thiếp may được ân sủng, mới dám nhờ bệ hạ đánh đàn để múa hát vui chơi trong chốn cấm cung. Chẳng hay có chuyện gì không đẹp ý, khiến bệ hạ buông đàn thở dài, xin hãy nói cho thiếp biết”. Nhà vua không chịu nói ra. Hoàng hậu năn nỉ mãi, nhà vua mới nói thật chuyện ấy. Hoàng hậu hết sức lo sợ, bạch rằng: “Thiếp nghe Tỳ-kheo-ni ở thạch thất nói, nếu đem lòng tin tưởng xuất gia một ngày, chắc chắn sẽ được sinh lên cõi Trời. Thiếp muốn xuất gia, nguyện xin bệ hạ cho phép”. Quá yêu thương hoàng hậu, nhà vua bảo: “Đến ngày thứ sáu, sẽ để cho nàng xuất gia. Ta và nàng không đổi ý nhé!” Đến ngày ấy, nhà vua thề cùng hoàng hậu: “Nay nàng có lòng thành xuất gia, nếu được sinh lên cõi Trời, nhớ về gặp ta. Ta sẽ theo nàng!” nhà vua thề xong, hoàng hậu cùng bằng lòng, bèn xin xuất gia, thọ giới bát quan trai. Nội ngày hôm

ấy, hoàng hậu uống thuốc độc thạch mật, ruột co rút lại, đến sáng mai liền chết. Nhờ duyên lành xuất gia, được sinh lên cõi Trời. Nhớ lời thề cũ, hoàng hậu bay xuống gặp lại nhà vua, hào quang sáng láng chiếu diệu khắp hoàng cung. Nhà vua thấy làm lạ, hỏi rằng: "Người là ai?" Vị Trời đáp: "Thiếp là hoàng hậu Hữu Tưởng của bệ hạ đây". Nhà vua mừng rỡ nói: "Nàng hãy đến ngồi với ta". Vị Trời ấy đáp: "Nay thiếp thấy bệ hạ hôi hám quá, không thể lại gần được. Vì nhớ lời thề cũ, nên mới xuống gặp lại bệ hạ". Nghe hoàng hậu nói xong, nhà vua chợt tỏ ngộ, than rằng: "Vị Trời ấy vốn là hoàng hậu của ta, chỉ xuất gia một ngày, đã được sinh lên cõi Trời thanh cao thoát tục, thấy rõ thế gian ô trược. Tại sao ta lại không xuất gia? Ta từng nghe nói một cái vảy củaTrời bằng cả cõi Diêm-phù-đề. Giang sơn của ta có gì đáng để tham luyến?" nghĩ như thế xong, nhà vua truyền ngôi cho thái tử rồi xuất gia học đạo, chứng được quả A-la-hán." Vì thế, luận Trí-độ có kệ nói rằng:

"Khổng tước có lông trang sức thân
Không bằng hồng hạc biết bay cao.
Người đời giàu có mấy chăng nữa,
Không bằng xuất gia công đức sâu".

Lại nữa, kinh Tạp-thí-dụ nói: "Ngày xưa, có hai anh em con nhà rất giàu có , cha mẹ đều mất, không người an ủi. Hai anh em đều có chí hướng riêng: Người anh hâm mộ đạo nghĩa, người em chạy theo tiền tài. Người em thấy anh mình không chăm lo xây dựng sự nghiệp, nên giận hờn, trách rằng: "Cùng là anh em, cha mẹ mất sớm, đáng ra, anh phải cần mẫn lo toan làm ăn. Anh lại bỏ bê cơ nghiệp, chạy theo các Sa-môn nghe giảng Không luận. Các Sa-môn chẳng ban phát cơm áo tiền tài. Mai kia, lỡ gia đình lâm vào cảnh nghèo khổ, của cải tiêu tan, sẽ bị thiên hạ chê cười gia thế lụn bại. Chỉ nên kế tục sự nghiệp của cha mẹ là tròn hiếu đạo!" Người anh trả lời: "Giữ gìn năm giới cấm, thực hành mười điều thiện, cúng dường Tam bảo, đem đạo lý cảm hóa người thân, mới thật sự chí hiếu! Đạo với đời khác biệt, đó là lẽ tự nhiên. Điều mà đạo chuộng thì đời ghét bỏ, điều mà đời quý thì đạo xem thường. Trí với ngu không thể giống nhau, mưu cao thấp ở chổ sáng tối. Cho nên, người có trí tuệ bỏ chổ tối tìm ra chổ sáng, vận dụng đạo để đạt chân lý. Nay điều em thích, chỉ là khổ đau giả dối. Em chưa nếm thử mùi vị đắng cay!" Người em nghe nói, nên giận, lắc đầu không tin. Thấy thế, người anh bảo rằng: "Em tham tài sản, lấy của làm quý; anh thích kinh sách, lấy tuệ làm quý. Anh muốn chia xẻ gia tài, đem trồng ruộng phước.

Mạng sống ở đời mỏng như hạt bụi. Một mai vô thường chợt đến, sẽ bị tội nghiệp hành hạ, cho nên, anh sẽ bỏ đời để trốn chổ nguy nan, tìm về nơi an lạc". Người em thấy rõ ý anh mình, im lặng không trả lời. Người anh bèn xuất gia làm Sa-môn. Ngày đêm tinh tiến ngồi thiền quán đúng theo chánh pháp, chẳng bao lâu chứng được đạo quả.

Phần người em nhớ lại lời anh, càng thêm giận dữ, càng tham lam tiền tài, tuyệt không màng đến chánh pháp. Sau khi chết đi, bị đọa xuống làm kiếp bò, to lớn mập mạp, được lái buôn mua về, bắt kéo xe muối đi bán. Trải mấy chuyến, bò gầy yếu mất sức, không thể đi nổi như trước. Mỗi lần lên dốc khó khăn, té xuống không gượng dậy được. Lái buôn đánh đập, lay đầu mới nhúc nhích. Bây giờ, người anh bay giữa không trung rong chơi, nhìn thấy em mình, liền gọi lớn rằng: "Em giữ sản nghiệp, nay mất đâu hết, đến nỗi bị đọa xuống làm bò?" Rồi dùng thần thông soi chiếu cho em thấy rõ bản thân. Người em rơi nước mắt than trách: "Do làm điều ác, ganh ghét bủn xỉn tham lam, không tin Phật pháp, khinh rẻ Tăng già, không nghe lời anh, bướng bỉnh tự phụ, nên bị đày đọa làm kiếp bò khổ cực, hối hận ăn năn không kịp!" Người anh thấu hiểu tâm trạng, động lòng Từ bi, liền đem mọi chuyện nói hết với lái buôn. Lái buôn nghe xong, cởi bò giao cho người anh. Người anh dẫn về chùa, cho ăn uống đầy đủ và dạy niệm danh hiệu Tam bảo. Sau khi chết, bò được sinh lên cõi Trời Đao-lợi. Bấy giờ, các lái buôn đều suy nghĩ rằng: "Chúng ta chỉ lo toan làm giàu, không biết bố thí, không biết đạo lý. Sợ chết đi, cũng sẽ bị thế thôi!" bèn rủ nhau xuất gia, bỏ lại vợ con, để lại của cải. Nhờ tinh tiến tu hành, đều được đắc đạo. Từ đó thấy ra, của cải thế gian thật vô ích. Biết tôn kính Tam bảo, tu thân học đạo, đời đời sẽ được an vui".

Lại nữa, Kinh Phó-pháp-tạng nói: "Ngày xưa, Tôn giả La-hán Xà-dạ-đa dẫn các đệ tử đến thành Đức-xoa-thi-la. Khi vửa đến thành Tôn giả buồn bã không vui. Đi một quãng, thấy con quạ nhỏ, Tôn giả mỉm cười vui lên. Các đệ tử hỏi lý do, Tôn giả đáp rằng: "Khi mới đến dưới cổng thành, ta gặp một con quỷ nhỏ rất đói, bảo ta rằng: "Mẹ tôi vào thành kiếm đồ ăn cho tôi đã năm trăm năm nay, tôi đói khát kiệt sức, sắp chết đến nơi. Tôn giả vào thành, nếu gặp mẹ tôi, xin nói dùm nỗi khổ của tôi và nhắn mẹ tôi ra mau". Ta vừa vào thành, liền gặp quỷ mẹ. Ta nhắn lại lời quỷ con, quỷ mẹ nói rằng: "Tôi vào trong thành đã năm trăm năm nay, nhưng chưa gặp đờm dãi của người nào khác nhổ cả. Tôi lại vừa sinh xong, sức lực suy yếu, dẫu gặp chút ít, bọn quỷ khác cũng sẽ giành mất. Nay mới gặp một người nhổ ra chút ít, muốn đem ra

cổng thành, mẹ con chia nhau ăn, nhưng dưới cổng thành có nhiều quỷ chúa đang chực sẳn, nên không dám ra. Xin Tôn giả thương xót đưa giúp tôi ra". Ta bèn dắt quỷ mẹ ra cho quỷ con cùng ăn. Ta hỏi quỷ mẹ: "Sinh ra lúc nào?" Quỷ mẹ đáp: "Tôi thấy thành này đã trải qua bảy phen thành hoại". Nghe quỷ mẹ nói, ta đâm buồn bã về lẽ sống chết và chịu khổ quá lâu dài. Còn chuyện quạ con kia, cách đây chín mươi mốt kiếp, vào thời đức Phật Tỳ-bà-thi, ta là con của vị Trưởng giả, ao ước muốn xuất gia. Hồi đó, nếu xuất gia, ta đã chứng được quả A-la-hán. Cha mẹ ta không cho phép, ép ta cưới vợ. Cưới xong, ta lại muốn xuất gia. Cha mẹ ta bảo: "Ráng sinh được một bé trai, sẽ cho ra đi". Ta nghe lời cha mẹ, khi sinh được con trai lên sáu tuổi, ta lại muốn xuất gia. Cha mẹ ta dạy đứa bé ấy ôm lấy chân ta, khóc òa lên và nói với ta rằng: "Nếu cha bỏ con, ai sẽ chăm sóc nuôi con? Xin hãy giết con rồi đi!? Thấy thế, ta động lòng thương yêu, liền bảo con ta: "Vì thương con, cha sẽ không xuất gia nữa". Đứa con ấy, từ chín mươi mốt kiếp qua, bị lưu chuyển trong năm đường ác, ta không còn thấy lại. Nay dùng mắt pháp nhìn con quạ kia, chính là đứa con của ta trong tiền kiếp ấy. Động lòng thương xót nó ngu si, bị đọa đày trong vòng sinh tử, nên ta mỉm cười". Do đó, nếu kẻ nào cản trở người xuất gia, sẽ bị tội nghiệp luân lưu trong đường ác, chịu đủ mọi thống khổ, không được giải thoát. Khi hết tội, sinh lên làm người, đui mù không có mắt. Vì thế, bậc trí giả thấy người khác muốn xuất gia, thường dùng mọi cách, ân cần khuyến khích, giúp đỡ người ấy hoàn thành tâm nguyện, tuyệt không tỏ ý cấm ngăn".

Lại nữa, kinh Xuất-gia-công-đức nói: "Xưa kia, khi còn tại thế, đức Phật cùng A-nan vào thành Tỳ-xá-ly khất thực, gặp hoàng tử tên Bỷ-la-tiện-na đang cùng các thể nữ vui chơi trên lầu cao. Nghe tiếng âm nhạc, đức Phật bảo A-nan: "Ta biết hoàng tử này sẽ chết sau bảy ngày nữa. Nếu không xuất gia, sẽ bị đọa vào địa ngục". A-nan nghe nói, liền bước lên lầu cảm hóa, khuyên nhủ hoàng tử xuất gia. Nghe lời, hoàng tử vui chơi thỏa thích suốt sáu ngày liền. Đến ngày thứ bảy, xin xuất gia cùng đức Phật, tinh tiến giữ giới trọn một ngày đêm. Khi mệnh chung, được sinh lên Trời Tứ Thiê Vương, làm con của Bắc Thiên vương Tỳ-Sa-môn, hưởng đủ mọi thú ngũ dục với các thể nữ. Đủ năm trăm kiếp, hết thọ mạng của Trời, sinh vào Trời Đao-lợi, làm con của Đế-thích, hưởng thọ được một ngàn tuổi. Sau đó, sinh vào Trời Diệm-ma, làm con của Thiên vương, thọ được hai ngàn tuổi. Sau đó, sinh vào Trời Đâu-suất, cũng làm con của Thiên vương thọ được bốn ngàn tuổi. Sau đó, sinh vào Trời Hóa Lạc, làm con của Thiên vương, thọ được tám

ngàn tuổi. Ở đây mệnh chung, lại sinh vào cõi Trời thứ sáu Tha Hóa Tự Tại, làm con của Thiên vương, cùng các thể nữ hưởng đủ thú ngũ dục, nhất là thú thứ năm, hưởng thọ được mười sáu ngàn tuổi. Ở cõi Trời Lục Dục cũng hưởng thọ như thế. Qua lại bảy lượt, không hề giảm sút tuổi thọ, Sau đó xuất gia suốt hai mươi kiếp, không đọa vào đường ác, luôn luôn sinh lên cõi Trời, hưởng thụ đầy đủ phước báo. Cuối cùng, đầu thai xuống làm con nhà giàu có, Tuổi trẻ qua xong, tuổi già chán đời, xuất gia tu đạo thành Bích-chi Phật, hiệu là Tỳ-lưu-đế-lê, độ khắp cả Trời người". Do đó, công đức xuất gia thật vô lượng vô biên, không thể nghĩ bàn. Giả sử có người tận tâm cúng dường đủ bốn thứ cho tất cả các A-la-hán khắp bốn châu suốt trăm năm, khi các A-la-hán nhập Niết-bàn, đều xây bảo tháp và dâng cúng đủ thứ hương hoa anh lạc, cũng không thể sánh bằng công đức xuất gia giữ giới trọn một ngày đêm. Có thể nói rằng xuất gia thật đáng tôn quý, nên không được vì chút tiền tài thanh sắc, đâm ra mê luyến thế gian, đến nỗi rơi vào vòng sinh tử, tự chuốc lấy đau khổ cho chính bản thân".

Lại nữa, Kinh Tăng-nhất-A-hàm nói: "Đề-bà-đạt bạch cùng đức Phật: "Xin cho phép tôi được vào đạo". Đức Phật bảo: "Ngươi nên ở nhà chăm lo bố thí. Làm Sa-môn thật ra, rất khó". Đề-bà-đạt năn nỉ hai lần, đức Phật đều bảo không thể xuất gia. Đề-bà-đạt sinh ra nghĩ xấu: "Ông Sa-môn này có lòng ganh ghét, ta cứ tự mình gọt tóc, tu hành phạm giới. Cần gì để ý đến lời ông ta!" về sau Đề-bà-đạt phạm năm tội nghịch, mang ác tâm muốn tới chổ đức Phật để làm hại. Vừa hạ chân xuống, lập tức cơn gió lửa từ lòng đất nổi lên, cuốn lấy Đề-bà-đạt, rồi thiêu đốt mãnh liệt. Đề-bà-đạt kinh hoảng, tỏ ý ăn năn, liền niệm lớn Nam-mô Phật, nhưng không còn kịp, phải rơi xuống địa ngục. A-nan buồn bã khóc than rằng: "Đề-bà-đạt phải ở trong địa ngục đến bao lâu?" Đức Phật bảo: "Trải qua một kiếp lớn, khi mệnh chung, sẽ được sinh lên cõi Trời Tứ Thiên vương, lần lượt đến cõi Trời Tha Hóa Tự Tại. Suốt 60 kiếp không đọa vào ba đường ác. Sau cùng sẽ thành Bích-chi Phật, hiệu là Nam-mô, do khi mệnh chung, có niệm Nam-mô Phật". Bấy giờ, Đại Mục-kiền-liên thưa rằng: "Tôi muốn xuống địa ngục A-tỳ thăm hỏi, an ủi và chúc mừng Đề-bà-đạt". Đức Phật bảo: "Tội nhân trong địa ngục ấy không hiểu tiếng người". Mục-liên bạch rằng: "Tôi biết đến 6 mươi-bốn thứ tiếng, xin đem ra nói với tội nhân trong đó". Rồi nhanh như co duỗi cánh tay, Mục-liên bay đến trên địa ngục A-tỳ, kêu lớn giữa hư không: "Hỡi Đề-bà-đạt!" Cai ngục hỏi: "Trong này có mấy Đề-bà-đạt từ thời đức Phật Câu-lâu-tần và thời đức Phật Ca-diếp, ngài gọi Đề-bà-

đạt nào?" Mục-liên đáp: "Ta gọi Đề-bà-đạt là anh em chú bác với đức Phật Thích-ca Văn". Cai ngục đang thiêu đốt tội nhân, vội lay cho Đề-bà-đạt tỉnh dậy và nói: "Hãy ngước nhìn lên không trung". Đề-bà-đạt thấy Đại Mục-liên ngồi trên tòa sen báu, liền bảo rằng: "Cớ sao Tôn giả lại hạ mình đến chốn này?" Mục-liên đáp: "Đức Phật thọ ký cho ngươi, vì muốn hại ngài nên phải bị đọa xuống địa ngục A-tỳ, sau này sẽ thành Bích-chi Phật, hiệu là Nam-mô". Đề-bà-đạt nghe xong, hớn hở bảo rằng: "Tôi nay dù phải trải qua một kiếp nằm nghiêng trong địa ngục này, cũng không cảm thấy mệt mỏi". Mục-liên lại hỏi thêm: "Đau đớn có gia giảm chút nào không?" Đề-bà-đạt đáp: "Cai ngục lấy bánh xe thép nóng nghiến nướng cho thân thể cháy ra, lại lấy chày thép giả thổi cho mềm nhừ rồi voi đen hung dữ dẫm đạp nát bấy. Còn có núi lửa đè lấy mặt. Áo cà-sa trước đây cũng biến thành lá đồng siết chặt vào người. Xin cho tôi gửi đầu và mặt về kính lạy dưới chân đức Thế-tôn cùng Tôn giả A-nan luôn thể". Nghe xong Mục-liên bèn vận dụng thần thông bay về thưa lại cùng đức Phật". Lại nữa, luận Trí-độ nói: "Đệ tử của Đề-bà-đạt tên là Câu-ca-ly, vì phỉ báng Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, nên khi chết, bị đọa xuống địa ngục Liên Hoa".

Lại nữa, kinh Bản-khởi nói: "Đề-bà-đạt được gọi là Cù-hòa-ly". Lại nữa, kinh Trung-bản-khởi nói: "Đề-bà-đạt, dịch theo tiếng Tề, nghĩa là Thiên Nhiệt, vì khi Đề-bà-đạt-đa sinh ra, tất cả Trời người đều kinh hãi, tâm ý nóng ran lên, nên mới gọi như thế".

Lại nữa, luận Vô-tính-nhiếp nói: "Đề-bà, đời Đường dịch là Thiên Thọ, còn dịch là Thiên Dữ, nghĩa là con do cầu Trời mà sinh ra, nên mới gọi như thế".

Lại nữa, Kinh Báo-ân nói: "Chuyện Đề-ba-đạt-đa thì thế này: Vào thời quá khứ xa xưa, không thể tính nổi, có đức Phật ra đời, hiệu là Ứng Hiện. Sau khi đức Phật ấy nhập diệt, trong thời tượng giáo, có vị Thiền sư ở giữa rừng sâu thường lo bị rận cắn, đã giao ước với rận rằng: "Khi ta tọa Thiền, ngươi nên ở yên". Rận nghe lời. Được một thời gian, con rận hoang đến bên rận ấy thỏ thẻ hỏi: "Vì cớ gì mình mẩy bạn mập mạnh đến thế?" Rận ấy đáp: "Tôi nghe lời ông chủ tu Thiền dạy cho phép ăn uống điều độ, nên mới được thế này". Rận hoang nói: "Tôi cũng muốn sống theo cách ấy". Rận đáp rằng: "Tùy bạn lo liệu mà thôi". Bây giờ Thiền sư đang thanh thản tọa Thiền, rận hoang ngửi thấy mùi máu thơm ngon, không nhịn được, liền cắn hút vào. Thiền sư sinh bực bội, vội cởi áo đem đốt cháy. Đức Phật bảo: "Thiền sư tọa Thiền đương thời chính là Ca-diếp hiện nay. Rận hoang đương thời chính là

Đề-bà-đạt hiện nay. Còn rận đương thời chính là ta hiện nay. Đề-bà-đạt-đa vì ham lợi, đã hại đến ta, nhưng ta đã thành Phật. Nay cũng vì ham lợi, toan phạm đến thân ta phải đổ máu, nên bị đày xuống địa ngục. Từ vô lượng kiếp trước, Đề-bà-đạt-đa luôn luôn mang ác tâm làm hại ta. Nếu đem nói đầy đủ, hết kiếp cũng không thể cùng tận!"

Lại nữa, kinh Tạp-bảo-tạng nói: "Đức Phật ở nước Ca-tỳ-la-vệ, vào thành khất thực, đến nhà em ngài là Tôn-đà-la-Nan-đà. Bấy giờ, Tôn-đà đang trang điểm cho vợ, dùng màu thơm vẽ giúp mày. Nghe báo đức Phật vào đến cửa, mới bước ra tham kiến. Vợ nũng nịu bảo: "Ra gặp đức Phật một lát thôi, mày chưa khô là phải vào lại đó!" Nan-đà bước ra đảnh lễ, lấy bát đựng đồ ăn dâng lên cúng dường. Đức Phật không nhận. Mang đến giao cho A-nan, cũng không nhận giúp, bảo rằng: "Ngươi nhận bát ở người nào thì phải cúng dường người đó". Nan-đà đành mang bát đi tìm đức Phật tận Tinh xá Câu-lũ. Đức Phật sai vị lo thế phát gọt tóc cho Nan-đà. Nan-đà không chịu, vung tay giận dữ nói rằng: "Liệu người có thể gọt tóc hết cả dân chúng thành Ca-tỳ-la-vệ này chăng?" Đức Phật hỏi vị lo thế phát: "Tại sao chưa gọt tóc Nan-đà?" Vị ấy thưa: "Vì sợ quá, tôi chưa dám gọt!" Đức Phật cùng A-nan đến đứng bên cạnh, Nan-đà sợ uy, để yên cho vị ấy gọt tóc. Sau đó, dù đã gọt tóc, Nan-đà vẫn muốn trốn về nhà. Đức Phật biết ý, thường dắt theo bên ngài, nên Nan-đà không thể trốn được. Một hôm, đến lượt ở lại giữ phòng, Nan-đà mừng rỡ bảo: "Cơ hội hôm nay thật thuận tiện, có thể về nhà được rồi! Đợi đức Phật và Tăng chúng đi khá xa, ta sẽ bỏ trốn là xong!" Nan-đà lo múc nước. Bình này vừa đầy thì bình kia ngã xuống. Cứ thế, không thể múc đầy. Nan-đà lẩm bẩm: "Nếu không đầy bình, các Tỳ-kheo về múc lấy! Ta cứ dẹp bình vào phòng mà đi". Na-đà lập tức đóng cửa. Vừa đóng xong cánh này, cánh kia lại bật ra. Đóng xong cửa này, cửa kia lại bật ra. Bực dọc, Nan-đà nghĩ rằng: "Nếu quần áo đồ đạc của Tăng chúng mất mát, nhà ta giàu có, đủ sức bồi thường". Ra khỏi phòng, Nan-đà suy nghĩ: "Đức Phật chắc sẽ về theo đường này, ta nên đi theo lối tắt kia". Đức Phật đã biết ý, ngài trở về theo lối tắt. Thấy đức Phật từ xa, Nan-đà chạy đến trốn phía sau gốc cổ thụ. Thần cây nhấc tuốt cây lên giữa không trung, cả người Nan-đà lộ thẳng ra. Đức Phật bèn dắt về lại Tinh xá, hỏi rằng: "Có phải ngươi nhớ vợ không?" Nan-đà đáp: "Thưa phải." Đức Phật liền dắt Nan-đà lên núi A-na-ba rồi hỏi rằng: "Vợ ngươi đẹp không?" Thưa rằng: "Đẹp lắm". Thấy trên núi có con khỉ các già bị đui mắt, đức Phật hỏi tiếp: "Tôn-đà vợ ngươi mặt mày đẹp đẽ hơn con khỉ cái này không?" Nan-đà bực

mình suy nghĩ: "Vợ ta nhan sắc tuyệt thế vô song, cớ sao đức Phật lại đem so sánh với con khỉ cái đui mắt này?" Đức Phật lại dắt Nan-đà lên Trời Hóa Lạc, dạo xem khắp các thiên cung, gặp các thiên tử và Thiên nữ vui chơi với nhau rất vui vẻ. Riêng trong thiên cung kia có khoảng năm trăm Thiên nữ, nhưng không thấy các thiên tử. Nan-đà hỏi lý do. Đức Phật đáp: "Ngươi nên tự mình tìm hiểu". Nan-đà bèn đến hỏi rằng: "Các thiên cung đều có thiên tử, tại sao ở đây không có?" Các Thiên nữ đáp: "Bởi Nan-đà là em của đức Phật ở cõi Diêm-phù-đề được ngài ép xuất gia, sau khi mệnh chung, nhờ đó, sẽ sinh lên đây làm thiên tử". Nan-đà mau miệng trả lời: "Chính là ta đây!" Rồi ngỏ ý muốn ở luôn. Các Thiên nữ đáp: "Chúng tôi là Trời, ông còn là người. Trời, người khác đường. Xin hãy về trút bỏ kiếp người, sinh lên đây, mới được ở chung". Nan-đà đành trở ra bạch lại mọi chuyện. Đức Phật bảo: "Nhan sắc vợ ngươi so với các Thiên nữ thì thế nào?" Tôn-đà đáp: "So với các Thiên nữ, vợ tôi giống con khỉ cái già đui mắt kia!" đức Phật dắt Nan-đà trở về lại Diêm-phù-đề. Nóng lòng muốn sinh lên cõi Trời ấy, Nan-đà chăm lo giữ giới tu trì. Thấy thế A-nan nói kệ rằng:

"Như dê thiến đánh nhau,
Xông trước lại lùi sau,
Người này cố giữ giới,
Cũng chẳng khác gì đâu!"

Đức Phật lại dẫn Nan-đà xuống địa ngục, thấy các vạc nấu nước sôi đều có tội nhân, chỉ còn một cái nước sôi phừng phừng, không có người. Lấy làm lạ, Nan-đà hỏi lý do, đức Phật đáp: "Ngươi nên tự mình tìm hiểu". Nan-đà hỏi cai ngục: "Các vạc kia đều có tội nhân, cớ sao vạc này chẳng thấy ai?" Cai ngục đáp: "Trên cõi Diêm-phù-đề có đệ tử của đức Phật tên Nan-đà. Nhờ công đức xuất gia, đáng lên cõi Trời, vì tội muốn bỏ đạo, khi chết, sẽ bị đọa xuống địa ngục. Vì thế, ta nấu sẵn vạc này để chờ tội nhân Nan-đà ấy!" Vừa nghe xong Nan-đà run rẩy lập cập, sợ cai ngục giữ lại, liền niệm: "Nam-mô Phật-đà, Nam-mô Phật-đà, xin đưa giúp tôi về lại cõi Diêm-phù-đề!" Đức Phật bảo: "Từ nay, liệu ngươi chịu siêng năng giữ giới tu hành để hưởng phúc ở cõi Trời nữa không?" Nan-đà đáp mau: "Không cần phải sinh lên cõi Trời, chỉ cầu mong đừng bị đọa xuống địa ngục này mà thôi!" Đức Phật bèn thuyết pháp cho nghe, chỉ trong một tuần, Nan-đà đã chứng được quả A-la-hán. Các Tỳ-kheo ca tụng rằng: "Đức Thế-tôn ra đời giáo hóa, thật lạ! Thật kỳ!" Đức Phật bảo: "Chẳng phải hôm nay như thế, từ xa xưa, cũng đã như thế". Các Tỳ-kheo bạch rằng: "Từ xa xưa, cũng đã như thế,

chuyện ấy ra sao, xin đức Thế-tôn nói cho chúng con được biết". Đức Phật bảo: "Ngày xưa, nước Ca-thi có Quốc vương tên là Mãn Diện, bên nước lân bang Tỳ-đề-hy có dâm nữ nhan sắc tuyệt vời. Hai nước ấy vốn thù ghét nhau. Nịnh thần của Quốc vương Ca-thi tâu lên: "Bên nước Tỳ-đề-hy có dâm nữ xinh đẹp tuyệt thế vô song". Quốc vương nghe xong, đâm ra mê mẫn, sai sứ sang cầu xin. Nước ấy không chịu. Quốc vương lại sai sang năn nỉ: "Xin tạm rước về bốn năm hôm, rồi sẽ đưa sang trả lại". Quốc vương nước ấy kêu dâm nữ dặn dò: "Nhan sắc và mánh khéo, ngươi đều có đủ, khá liệu cách mê hoặc Quốc vương Ca-thi, không thể rời ngươi nửa bước nửa giây". Rồi sai lên đường. Mấy hôm sau, lại cho gọi về: "Sắp có tế lớn, tạm thời đón về. Tế xong, sẽ đưa sang". Quốc vương Mãn Diện đành phải cho về. Nghe tế xong, Quốc vương sai sứ sang đón. Quốc vương Tỳ-đề-hy đáp: "Ngày mai mới đi được". Qua ngày mai, không thấy cho đi. Cứ thế, lần lữa gạt hoài. Quốc vương Mãn Diện quá si tình, toan dẫn mấy kẻ hầu sang thẳng nước ấy tìm kiếm dâm nữ. Đình thần khổ công can gián, Quốc vương nhất định không nghe. Bấy giờ, trong núi Tiên Nhân có con khỉ chúa thông minh, hiểu biết rất nhiều, chẳng may vừa chết vợ, liền chọn một con khỉ cái đem về. Bầy khỉ nổi giận, la hét rân lên: "Khỉ cái ấy là của chung toàn bầy, cớ sao chiếm giữ một mình?" Khỉ chúa thấy không yên thân, ôm khỉ cái chạy thẳng tới hoàng cung của Quốc vương Mãn Diện. Bầy khỉ hùa nhau rượt theo, vào được đại nội. Bọn chúng nổi quạu, tuôn ngói, đập tường, phá phách lung tung, không ai cản nổi. Quốc vương hỏi khỉ chúa: "Tại sao nhà ngươi không chịu trả khỉ cái về với bầy?" Khỉ chúa đáp: "Tôi góa vợ, không còn vợ nào, làm sao trả được!" Quốc vương bảo: "Nay bầy khỉ phá phách ta như thế, liệu ngươi còn chưa chịu trả?" Khỉ chúa hỏi lại: "Chuyện ấy không nên chăng?" Quốc vương đáp: "Không nên". Khỉ chúa hỏi đi hỏi lại ba lần, Quốc vương đều đáp không nên. Bấy giờ khỉ chúa mới nói rằng: "Trong cung có đến tám vạn bốn nghìn mỹ nữ, Quốc vương không đủ yêu thương, còn sang nước cừu địch tìm dâm nữ. Tôi đã mất vợ, chỉ có độc nhất con khỉ cái này, Quốc vương lại bảo không nên! Lại nữa, muôn dân đều trông cậy vào Quốc vương để sống còn, chỉ vì một dâm nữ, tại sao Quốc vương toan bỏ hết quốc gia đại sự? Quốc vương nên biết rằng dâm nữ vốn khổ nhiều vui ít. Giống như ngược gió cầm đuốc lớn, ngu si không chịu buông tay, chắc chắn sẽ bị phỏng nặng. Dâm nữ dơ uế chẳng khác đống phân kia. Dâm dục khiêu khích ngoài da, mỏng manh che đậy. Dâm nữ phản phúc như rắn độc thoa phân. Dâm dục là kẻ cướp tham tàn giả vờ thân thiết. Dâm dục chỉ

là vay nợ, chắc chắn phải trả lãi nhiều. Dâm dục thật đáng gớm ghiếc, tựa như hố xí mọc hoa. Dâm dục giống như ghẻ ngứa đem gãi bên lửa, càng thấy xốn xang hơn. Dâm dục như chó đói gặm xương khô, tự nuốt dãi mình, cho là ngọt béo, đến khi mỏ mòn răng rụng, vẫn không chán chê. Dâm dục giống như khát quá, uống nhầm nước biển, càng bị khát hơn. Dâm dục giống như thịt thối, lũ kên tranh nhau. Dâm dục giống cá giành mồi, háu ăn mất mạng. Tai họa của dâm dục thật lớn vô cùng". Này, các Tỳ-kheo! Khỉ chúa đương thời chính là ta đấy. Quốc vương Mãn Diện đương thời, chính là Nan-đà. Dâm nữa đương thời chính là Tôn-đà-lợi. Lúc bấy giờ, ta đã cứu vớt Nan-đà khỏi chổ dâm dục ô uế xấu xa, nay ta lại ra tay cứu vớt khỏi vòng sinh tử lẩn quẩn".

Kinh Vị-tằng-hữu nói: "Năm lên chín tuổi, La-hầu-la xuất gia làm Sa-di. Nhà vua ban sắc kêu gọi năm mươi vị thần vương, hoàng tử cùng xuất gia theo La-hầu-la. Xá-lợi-phất làm Hòa thượng, Đại Mục-kiền-liên làm a-Xà-lê truyền mười giới cho đại chúng. Mẹ của La-hầu-la là Da-du-đà-la làm vương phi của thái tử chưa đầy ba năm cũng xuất gia.

Lại nữa, kinh Tăng-nhất-A-hàm nói: "Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: "Có bốn họ xuất gia, không được dùng họ cũ, chỉ được gọi là Sa-môn con của Thích-ca. Bởi vì sinh ra do ta, thành tựu do pháp, giống như bốn biển lớn đều phát sinh từ suối nguồn A-nậu".

Lại nữa, luật Sa-di-tắc nói: "Này, các Tỳ-kheo! Trăm họ xuất gia, đều bỏ họ mình, gọi chung là Sa-môn Thích tử".

Lại nữa, kinh Trường A-hàm nói: "Khi đức Phật Di-lặc ra đời, các đệ tử Tỳ-kheo gọi là Từ tử (con của đức Phật Từ Thị). Nay đệ tử của ta cũng được gọi là Thích tử (con của đức Phật Thích-ca).

Kính xem đấng đại giác giáng trần ứng thế, linh tích ghi chép khắp sách thế gian. Thế nên, hậu duệ thừa kế Thánh minh, cháu con sinh sôi đông đúc mãi mãi muôn đời, mới có khả năng hộ trì giáo hóa mọi sinh linh. Hơn nữa, bốn sông lớn đều tuôn về biển, được gọi chung là đại hải; bốn họ cùng xuất gia cầu đạo, được gọi hết là Thích. Có thể nói, gom góp hết mọi nguồn ngọn khác nhau, nhưng cùng chứa chung đạo vị giải thoát vậy.

Tụng rằng:

Túc nhân đã chín,
Giáng thế cứu đời.
Thoát khỏi trần tục,
Chứng đạo tuyệt vời.
Tịch lặng phát tuệ,

Huyền diệu không lời.
Thể hội đại đạo,
Cởi bỏ lưới đời.
Tinh tiến tu học,
Uống cam lộ Trời.
Công đức còn mãi,
Hộ trì không vơi!
Trang nghiêm sắc tướng,
Cất bước thảnh thơi.
Ta, người chẳng khác,
Pháp lữ mà thôi!

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG:

Dẫn chứng sơ lược 5 chuyện linh nghiệm:

1. Sa-môn Trí nghiêm đời Tống
2. Sa-môn Cầu-na-bạt-ma đời Tống
3. Sa-môn-ni Đàm Huy đời Tống
4. Cư sĩ Triệu Tập đời Tống
5. Hai người con gái họ Luân ở Đông Quan đời Tống.

1- Chùa Chỉ-viên ở kinh đô nước Tống có Sa-môn Trí Nghiêm, vốn người châu Tây Lương, xuất gia từ nhỏ, tinh thành nổi tiếng. Từng du học Ấn Độ để tham cứu Thiền chỉ, thông hiểu Không luận, không ai sánh kịp. Sau trở về miền Tây Lương, mang theo kinh điển bằng Phạm văn, nhưng chưa tiện dịch. Năm Nguyên Gia thứ tư đời Tống Văn đế (427) Sa-môn hợp tác với Pháp sư Bảo Vân dịch ra Hán văn. Ngài không nhận lời mời riêng của thí chủ, chỉ lo tự túc sinh hoạt. Cơ duyên hóa độ thật diệu kỳ, hai cõi âm dương đều tuân phục. Có người từng gặp quỷ kể lại, thấy bọn quỷ ở đền thờ lớn tại Tây Lương nói với nhau: Ông Nghiêm đang đến, phải tránh cho mau!" Người này không hiểu. Một lát sau, thấy ngài đi đến, hỏi thăm tên, tự xưng là Trí Nghiêm, nên càng âm thầm kính trọng hơn nữa. Dị Nghi kể cho Tiêu Tư, người Giang Lăng, chuyện vợ là Lưu Thị mắc bệnh quỷ ám. Thường thấy quỷ xông đến kêu réo, làm cho sợ hãi, Phải mời ngài đến chữa trị. Ngài vừa vào nhà trước, Lưu thị thấy bầy quỷ kéo nhau chạy tán loạn. Ngài giảng kinh cho phu nhân ấy nghe, bệnh liền giảm. Nhân đó, xin thọ trì ngũ giới, cả nhà đều quy y thờ Phật. Ngài sống thanh cao đạm bạc, vừa được cúng dường, liền đem bố thí. Từ nhỏ, ngài đã làm du Tăng, càng không vướng bận vật chất. Bản tính khiêm nhường, không nói về mình,

dẫu có nhiều đạo hạnh, nhưng không được lưu truyền. Thuở chưa xuất gia, ngài đã thọ ngũ giới, thỉnh thoảng phạm phải. Về sau xuất gia, khi thọ giới cụ túc, thường nghi ngờ không đắc giới, ngài lấy làm lo lắng. Nhiều năm quán tưởng, ngài vẫn không giải nổi mối nghi nan, bèn vượt biển sang lại Ấn Độ, tham kiến các vị Tỳ-kheo đã chứng quả A-la-hán, bày tỏ sự tình. Các vị A-la-hán cũng không dám quyết đoán; phải nhập định, lên thiên cung Đao-lợi tham vấn Bồ-tát Di-lặc, được đáp rằng đắc giới. Nghe báo tin lành, ngài mừng rỡ vô cùng, liền theo đường bộ về nước. Đến Kế-tân, tự-nhiên viên tịch, không có bệnh gì, thọ được 78 tuổi. Nước ấy có lệ hỏa thiêu Thánh Tăng phàm Tăng hai chổ khác nhau. Ngài đạo hạnh cao siêu, nhưng không ai biết rõ, phải táng vào khu mộ Phàm Tăng. Xác ngài bỗng hóa nặng, không tài nào khiêng nổi, phải đưa sang khu mộ Thánh Tăng. Lạ thay, xác hóa nhẹ, khiêng đi như không. Chuyện này do hai đệ tử của ngài là Trí Minh và Trí Viễn sang báo cho hay, rồi lại trở về bên nước ấy. Có thể đoán chắc rằng ngài đã đắc đạo, nhưng không biết chứng quả cao thấp bậc nào.

2- Chùa Kỳ-hoàn ở kinh đô nước Tống có pháp sư Cầu-na-hạt-ma (Nghĩa là Giáp Trụ công đức), thuộc dòng dõi quý tộc, đời đời làm vua nước Kế-tân. Ngài nói năng lưu loát trí tuệ thông minh, độ lượng lớn lao, Từ bi bác ái, hâm mộ đạo đức. Tháng giêng năm Nguyên Gia thứ tám (431) Ngài đến Kiến Nghiệp, vua Tống Văn đế mới vào cung tham kiến, ân cần ủy lạo. Nhà vua nói: “Đệ tử muốn giữ chay tịnh, không phạm sát giới, nhưng hoàn cảnh bắt buộc nên chí nguyện không thành. Pháp sư không quản đường xa vạn dặm, sang đây giáo hóa, liệu có điều gì chỉ dạy đệ tử chăng?” Ngài đáp rằng: “Thiết nghĩ đạo cốt ở tâm, không phải ở chăm lo pháp vụ, do mình chứ không do người. Hơn nữa, bậc đế vương và kẻ dân thường tu đạo có chổ khác biệt. Kẻ dân thường thân thế nghèo hèn, danh dự thấp kém, nói năng sai khiến không đủ uy nghi. Nếu không tu sửa bản thân, làm sao trở thành hữu dụng? Bậc đế vương lấy bốn biển làm nhà, vạn dân làm con, nói một lời hay, nam nữ đều đẹp dạ, ban một lệnh tốt, quỷ thần đều hợp lòng. Hình luật không xử tử trẻ nhỏ, lao động không phí phạm sức dân. Khiến cho mưa gió thuận hòa, ấm lạnh điều độ, lúa má tốt màu, dâu đay tươi sắc. Giữ chí chay kiêng như thế là chay kiêng rất lớn; giữ giới không giết như thế là không giết rất nhiều. Cần gì phải nhịn nửa buổi không ăn, tha một mạng thú không giết, mới gọi là tế độ hết thảy!” nhà vua vỗ ghế khen rằng: “Ôi! Kẻ phàm mê muội ở nghĩa lý viễn vông, Sa-môn cố chấp vào giáo hóa thiển cận. Mê muội ở chân lý viễn vông gọi

là cứu cánh hư vô không tưởng; cố chấp vào giáo hóa thiển cận gọi là câu nệ chương cú ngôn từ. Đến như lời chỉ dạy của pháp sư thật đáng gọi là phóng khoáng minh triết. Có thể cùng bàn luận đến phạm vi Trời người!" Rồi nhà vua ban sắc phong ngài làm trụ trì chùa Kỳ-hoàn và cúng dường rất trọng hậu, các bậc vương công danh tiếng đều tôn sùng. Ngài phiên dịch nhiều kinh luận, văn từ nghĩa lý chính xác rõ ràng, đối chiếu Hán Phạm minh bạch không sai (Công nghiệp này có chép đầy đủ ở sách cao Tăng-truyện). Bấy giờ các Tỳ-kheo-ni Tuệ quả và tịnh Âm ở chùa Ảnh Phúc thỉnh cầu ngài rằng: "Cách đây sáu năm, có tám vị ni của nước Sư tử đến đây than phiền đất Tống xa xôi, chưa từng có ni, nữ giới đạo đời không chổ thọ giới, sợ giới phẩm sẽ không được bảo toàn!" Ngài đáp: "Lâu nay, giới phẩm chỉ do chư Tăng truyền thọ. Nếu không xác đáng, sợ không đắc giới mà còn hại đến cơ duyên mộ đạo." Các Tỳ-kheo-ni băn khoăn chư ni chưa đủ tuổi hạ, nhưng vẫn tha thiết muốn đổi thay phép truyền giới. Ngài khen rằng: "Lành thay; nếu muốn đổi thay cho sáng sủa hơn, ta rất tùy hỷ. Chỉ hiềm chư ni Ấn Độ chưa đầy tuổi hạ và số lượng chưa đủ. Tạm thời nên cho học tiếng nước Tống, ta sẽ nhờ các cư sĩ ở đây rước thêm một số ni người ngoại quốc cho được mười vị, rồi sẽ tính". Mùa hạ năm ấy, ngài an cư tại chùa Định Lâm. Có tín chủ rải hoa lên pháp tọa, riêng hoa ở chổ ngài màu sắc thắm tươi không héo, đại chúng càng tôn sùng như bậc Thánh. Xuất gia, ngài về chùa Kỳ-hoàn. Đến ngày hai mươi tám tháng chín, thọ trai chưa hết, ngài đã đứng lên và còn hỏi thăm các đệ tử. Những vị đến sau không kịp nữa, ngài đã lặng lẽ viên tịch, hưởng thọ sáu mươi lăm tuổi. Tăng chúng đỡ ngài lên Thiền sàng, thần sắc vẫn không biến đổi, giống như đang nhập định. Đại chúng hơn một ngàn người đều nghe mùi hương tỏa ra thơm ngát. Có một vật dài khoảng một trượng, tương tự loài Rồng, từ bên mình ngài bay thẳng lên Trời, không ai biết là gì. Đệ tử dùng củi tốt tẩm dầu thơm làm lễ hỏa thiêu. Lửa ngũ sắc bốc lên nghi ngút giữa lừng không. Tứ chúng vây quanh, kêu gào vang Trời. Tất cả đều khóc lóc nhìn theo, không ai cầm lòng được. (2 chuyện trên đây rút từ Lương-cao-Tăng-truyện).

3- Sa-môn-ni Thích Đàm Huy, người Thành Đô thuộc quận Thục, vốn họ Thanh Dương, tên là Bạch Ngọc. Năm lên bảy tuổi, đã biết ngồi Thiền, đạt cảnh giới cao, nhưng chưa hiểu, chỉ cho là mộng. Có lần cùng chị ngủ chung phòng, nửa đêm ni nhập định, chị lén lúc ở góc bình phong nhìn thấy thân thể ni im như gỗ đá, tuyệt không có hơi thở, liền hốt hoảng kêu người nhà xúm nhau đỡ dậy, đến sáng vẫn chưa tỉnh.

Chạy đi hỏi bọn đồng bóng, đều bảo: "Bị quỷ mượn hồn". Đến năm mười một tuổi, có vị Thiền sư người ngoại quốc là Cương-lương-da-xá sang đất Thục, ni đến tham vấn chuyện này. Thiền sư bảo ni tọa Thiền đã đạt cảnh giới, khuyên nên xuất gia. Bấy giờ, ni sắp đi lấy chồng, ngày cưới hỏi đã định sẵn. Ni sư pháp Dục lâu nay chưa tính cho ni xuất gia, nghe chuyện liền lén đưa ni lên chùa. Gia đình biết ra, cố ép việc cưới hỏi. Ni quyết không nghe lời, phát nguyện rằng: "Nếu không thành tựu đạo tâm vì bị ép bức, sẽ nhảy vào lửa hoặc miệng cọp để hủy hoại hình hài uế trược này. Xin chư Phật mười phương chứng giám cho tấm lòng thành!" Thứ sử Nhân Pháp Sùng rất hâm mộ Phật pháp, nghe đồn chí nguyện của ni, sai mời gặp mặt, đồng thời triệu thỉnh các Sa-môn Cương Tá và Hữu Hoài cùng hỏi đạo. Ni đối đáp trôi chảy, không đuối lý. Mọi người đều thán phục. Thứ sử đứng ra dàn Sếp cho ni từ hôn để xuất gia. Đến niên hiệu Nguyên Gia thứ 19 (442), Khang vương ở Lâm Xuyên rước ni về chùa Quảng Lăng.

4- Triệu tập là người đất Hoài Nam đời Tống. Vào năm Nguyên Gia thứ hai mươi (443), làm vệ quân phu tá ở phủ nhà. Bị bệnh đã lâu, sợ không qua khỏi, nên thường thành tâm, quy y Phật pháp. Đêm mơ thấy có người tướng mạo kỳ vĩ giống vị thần, đứng trên nóc nhà, trao cho gói nhỏ và một cây dao thế phát, bảo rằng: "Uống thuốc này, dùng dao này, bệnh sẽ khỏi". Ông giật mình thức dậy, quả thật có dao và thuốc, liền uống vào. Hết bệnh, bèn xuất gia, lấy pháp hiệu là Tăng Tú.

5- Hai người con gái họ Luân ở Đông Quan đời Tống (Chuyện này đả được trích dẫn và dịch ra trong quyển 5, phần nhân duyên cảm ứng).
(3 chuyện trên đây rút từ Minh-Tường-Ký)

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 23

Thiên thứ 14: XẤU HỔ

Gồm có 2 phần: Thuật ý, Dẫn chứng.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Than ôi! Ba đời luân chuyển, sáu nẻo tuần hoàn. Dẫu có đôi chút anh linh, cũng phải trải qua lắm chổ. Bẫm sinh vốn không nhất định: Có trí, có ngu; tâm tính lại chẳng giống nhau: Làm thiện, làm ác. Làm thiện biết hổ biết thẹn; làm ác nên không biết hổ biết thẹn. Kẻ phàm phu của mang lầm lạc, nếu chưa trừ bỏ, cần phải ngày đêm tinh tiến tu trì, hổ thẹn với cõi u minh, tạ tội cùng chốn dương gian địa phủ. Do xưa nay bất trí, không biết cứu cánh chí chân, khiến phiền não rối bời, kết tập chồng chất, mong mỏi làm một việc thiện để tiêu diệt vạn mối oan khiên, quét vén tối tăm, hoát nhiên thanh tịnh. Vì thế, bậc đại Thánh ân cần đặt ra hai giới đạo tục.

Đứng ở trong đạo, hổ mang danh ưng cúng, phước điền; thẹn chịu tiếng khất sĩ Sa-môn, không đủ khả năng cứu độ của hàng Bồ-tát, thiếu hẳn đạo hạnh điều nhiếp của bậc Thanh văn. Làm nhục Tăng già, phụ ơn thí chủ. Không xứng đi trên đất Quốc vương, không đền đáp nổi công ơn cha mẹ. Tựa như bình vỡ, giống mầm thui chột như cây đa-la chặt ngang, không thể mọc chồi, phiên đá chẻ vụn không thể ráp lại. Quỷ sứ tẩy chay tung tích, gọi là ác Tăng; đức Phật ban lời quở trách, chẳng phải đệ tử. Hết làm phước điền của thế gian, không đáng được tín chủ đảnh lễ. Gần thì cản trở Trời người, xa thì hai đến chánh pháp. Tội lổi đầy dẫy, nói sao cho cùng! Trong đạo còn tệ đến thế, ngoài đời mong cứu được gì?

Phải biết, thân người lỡ mất, muôn kiếp khó tìm. May được trở lại làm người, còn phải ngộ ra bản tính. Nay nên lấy nước hổ thẹn rửa sạch bụi trần; cầm dao bộc bạch cắt đứt lưới che giấu. Ngửa trông thẹn cùng liệt tổ; cúi nhìn, hổ với hậu sinh, thành khẩn ăn năn khắp chốn.

Gặp hết thảy Tăng già đều kính cung như lễ Phật, ép mình xuống thấp như nghĩ đến điều hèn, tất cả lỗi lầm, không động một niệm che giấu; tất cả việc thiện, đều tỏ ý muốn tu theo. Trình bày sơ lược như trên, gọi là hổ thẹn.

Thứ hai: PHẦN DẪN CHỨNG

Như kinh Niết-bàn nói: "Có hai phép làm cho thanh tịnh, có thể cứu độ chúng sinh: 1. Là hổ, 2. Là thẹn. Hổ là tự mình không làm ác, thẹn là không bắt người khác làm ác. Hổ là tự mình xấu hổ trong lòng; thẹn là bộc lộ ra ngoài với người. Hổ là xấu hổ với người, thẹn là xấu hổ với Trời. Như thế, gọi là hổ thẹn. Nhờ có hổ thẹn mới biết cung kính cha mẹ, sư trưởng, mọi người trong đạo ngoài đời, quỷ thần, cũng như biết kính trọng Tam bảo và diệt trừ mọi nghiệp ác".

Lại nữa, luận Ca-diên nói: "Sao gọi là không biết xấu hổ? Đáp: "Đáng xấu hổ mà không xấu hổ, đáng lánh xa mà không lánh xa, cung kính kẻ xấu, thân cận kẻ xấu. Như thế, gọi là không biết xấu hổ". Sao gọi là không biết thẹn thùng? Đáp: "Đáng thẹn mà không thẹn, đáng sợ mà không sợ. Không sợ việc ác, nên gọi là không biết thẹn thùng. Lại nữa, thân cận người xấu, gọi là không biết xấu hổ, không sợ việc ác, gọi là không biết thẹn thùng. Trái với như thế, gọi là biết hổ thẹn".

Lại nữa, luận Tân-bà-sa nói: "Người đời thấy không biết xấu hổ thì nói là không biết thẹn thùng, thấy không biết thẹn thùng thì lại nói là không biết xấu hổ, đến nỗi cho rằng bản chất hai sự kiện này vốn là một. Nay sẽ chỉ rõ bản chất và biểu hiện của hai sự kiện này đều khác biệt, cốt giúp người hiểu lầm nhận thức rõ ràng.

Hỏi: "Không biết xấu hổ và không biết thẹn thùng có gì khác nhau không?"

Đáp: "Không sợ sệt bậc tự tại là không biết xấu hổ, không sợ sệt tội lỗi là không biết thẹn thùng. Lại nữa, không cung kính là không biết xấu hổ, không sợ sệt là không biết thẹn thùng. Lại nữa, không chán chường khinh thường phiền não là không biết xấu hổ, không chán chường khinh thường làm ác là không biết thẹn thùng. Lại nữa, làm ác mà không nhìn lại là không biết xấu hổ, làm ác mà không nhìn lại người khác là không biết thẹn thùng. Lại nữa, làm ác mà không biết mắc cỡ với chính mình là không biết xấu hổ, làm ác mà không biết mắc cỡ với người khác là không biết thẹn thùng. Lại nữa, làm ác mà không biết mắc cỡ nhục nhã là không biết xấu hổ, làm ác mà còn ngạo nghễ là không biết thẹn thùng. Lại nữa, một mình làm ác mà không biết mắc cỡ

nhục nhã là không biết xấu hổ, làm ác trước người khác mà không biết mắc cỡ nhục nhã là không biết thẹn thùng. Lại nữa, nếu gây tội lổi trước một số người mà không biết mắc cỡ nhục nhã là không biết xấu hổ; nếu gây tội lổi trước đám đông mà không biết mắc cỡ nhục nhã là không biết thẹn thùng. Lại nữa, nếu gây tội lổi trước chúng sinh ở ba đường ác mà không nhục nhã hổ thẹn là không biết xấu hổ; nếu gây tội lổi trước các chúng sinh ở ba đường thiện mà không nhục nhã xấu hổ là không biết thẹn thùng. Lại nữa, nếu gây tội lổi trước người ngu mà không biết mắc cỡ nhục nhã là không biết xấu hổ; nếu gây tội lổi trước các bậc trí giả mà không biết mắc cỡ nhục nhã là không biết thẹn thùng. Lại nữa, nếu gây tội lổi trước người hèn hạ mà không biết mắc cỡ nhục nhã là không biết xấu hổ; nếu gây tội lổi trước các bậc tôn quý mà không biết mắc cỡ nhục nhã là không biết thẹn thùng. Lại nữa, nếu gây tội lổi trước người tại gia mà không biết mắc cỡ nhục nhã là không biết xấu hổ; nếu gây tội lổi trước người xuất gia mình không biết mắc cỡ nhục nhã là không biết thẹn thùng. Lại nữa, nếu gây tội lổi trước người không trực tiếp giáo hóa mình mà không biết mắc cỡ nhục nhã là không biết xấu hổ; nếu gây tội lổi trước trực tiếp giáo hóa mình mà không biết mắc cỡ nhục nhã là không biết thẹn thùng. Lại nữa, khi gây tội lổi, không biết mắc cỡ với Trời là không biết xấu hổ; khi gây tội lổi, không biết nhục nhã với người là không biết thẹn thùng. Lại nữa, đối với các mầm ác, nếu không biết quở trách tiêu diệt là không biết xấu hổ; đối với các tội ác, nếu không biết chán chường sợ sệt là không biết thẹn thùng. Lại nữa, nếu so đo với kẻ tham là không biết xấu hổ, nếu so đo với kẻ si là không biết thẹn thùng. Đây là những điểm khác biết giữa không biết xấu hổ và không biết thẹn thùng. Chỉ có chúng sinh trong dục giới còn mắc phải hai điều xấu xa bất thiện này. Tâm của mọi chúng sinh trong giới này đều bắt chước làm ác và đều giống nhau, ngoại trừ tự tính. Tất cả những gì trái với trên đây đều gọi là biết hổ thẹn”.

Lại nữa, Luận-Du-già nói: “Sao gọi là không biết hổ thẹn? Nghĩa là xem lại bản thân và tha nhân, không có điều gì biết mắc cỡ nhục nhã, nên không suy nghĩ bỏ đi, đừng phạm phải. Lỡ phạm phải, không biết theo đúng chánh pháp xa lìa, còn ham hố cãi cọ, bào chữa. Như thế, gọi là không biết xấu hổ, không biết thẹn thùng”.

Lại nữa, kinh Di-giáo nói: “Xấu hổ giống như móc thép chế ngự chúng sinh không làm sai chánh pháp, nên Tỳ-kheo luôn luôn hổ thẹn không ngừng. Nếu xa lìa hổ thẹn, sẽ mất hết mọi công đức. Người có thẹn thùng thì còn có các điều thiện. Nếu hết thẹn thùng thì chẳng khác

gì loài cầm thú”.

Lại nữa, luận Trí-độ có kệ nói rằng:

“Người xuất gia hổ thẹn,
Cầm bát để lợi sinh.
Sao phóng theo trần dục,
Đắm đuối trong năm tình?
Mặc giáp, cầm khí giới,
Gặp địch lại bỏ chạy!
Kẻ hèn nhát như thế,
Bị mọi người khinh rẻ.
Tỳ-kheo là khất sĩ,
Gọt tóc, mặc cà-sa,
Cỡi ngựa năm tình chạy,
Bị chê cười như vậy!
Cũng giống kẻ sang quý
Ăn mặc thật đẹp đẽ,
Lại đi làm hành khất,
Bị mọi người cười chết!
Tỳ-kheo bỏ trang sức,
Gọt tóc để giữ chí,
Lại đi tìm dục lạc,
Bị chê cười như vậy!
Đã từ bỏ ngũ dục,
Vứt đi, không nhìn lại,
Tại sao còn muốn kiếm?
Giống hệt kẻ ngu kia,
Tự ăn lấy ói mửa.
Kẻ tham dục như thế,
Không quán lại thệ nguyện,
Cũng không biết tốt xấu,
Si mê vào biển ái.
Hổ thẹn và cung kính,
Tất cả đều vứt bỏ,
Thánh trí không thân cận,
Ngu si lại gần gũi!
Dục lạc khi tìm kiếm
Thường chuốc lắm khổ đau.
Kiếm được, nhiều lo sợ.

Mất đi, lại sầu não.
Tất cả mọi dục vọng
Đều không chút an lạc.
Dục vọng hại đến thế,
Lấy gì để trừ bỏ?
Nhờ có phép Thiền định,
Đem lại phước an lạc
Và không bị lừa dối.
Lỡ đắm trong dục lạc,
Lấy gì để tiêu diệt?
Dùng phép quán bất tịnh,
Tự nhiên sẽ dứt sạch!"

Lại nữa, kinh chánh pháp niệm nói: "Nếu phá giới, đa dục và làm các điều xấu, không phải Sa-môn lại tự xưng Sa-môn, thì cũng giống chó rừng đội lốt Sư tử, báu vật giả mạo, trong ruột trống rỗng".

Lại nữa, luận Trang-nghiêm có kệ rằng:

"Đã mặc áo hoại sắc,
Phải tu theo phép thiện.
Áo ấy cần tịch lặng
Tư duy, tự điều nhiếp.
Cớ sao mặc áo ấy,
Lại chống mắt giương tròng,
Cau mày rồi chúm mép,
Bộc lộ nỗi sân giận?
Sân giận, kẻ xuất gia
Không nên có thói ấy.
Giận hờn giống gông cùm,
Sân si là khủng bố,
Nhà cửa của khinh rẻ,
Mầm mống của thô bỉ,
Là bạn của lời tục,
Lửa rừng thiêu rụi ý,
Là nghiệp đọa đường ác,
Cửa dẫn đến đấu khẩu,
Chổ nghỉ của tiếng xấu,
Nhân gây ác thô bạo.
Cần phải tự quan sát
Mục tiêu của xuất gia

Là tâm tướng hợp nhau.
Cớ sao làm trái ngược?
Phép tắc của Tỳ-kheo
Là khất thực để sống.
Cớ sao đã thọ lãnh,
Lại sân giận thí chủ?
Thức ăn còn trong bụng,
Cớ sao sinh sân giận,
Đến nỗi khiến thí chủ
Dứt tay, không bố thí?
Thân này không thanh tịnh
Chín lổ thường bài tiết,
Hôi hám rất đáng ghét,
Đều là những chổ khổ.
Thân này rất thô bỉ,
Ung nhọt đều phát sinh.
Nếu cùng nhau đụng chạm,
Càng sinh thêm khổ sở.
Thân này như bia tên.
Có bia, tên phải trúng.
Có thân, phải chịu khổ,
Không thân, sẽ hết khổ.
Muỗi mòng, nhặng, rắn rít
Đều cắn chết được người.
Thế nên phải tinh tiến
Lìa xa khỏi thân này".

Thế nên, qua những trích dẫn trên đây, dù đạo hay đời, phải thường xuyên chú ý chánh niệm trước mắt, không thể vì hiểu biết đôi chút chánh pháp, rồi đâm ra ngã mạn, không biết hổ thẹn. Như các Sa-môn đã chứng quả, dù không còn chịu tổng báo, nhưng vẫn phải chịu biệt báo. Bởi vậy, kinh Hiền-ngu nói rằng: "Giống như Ương-quật-ma-la, vì đã giết chín trăm chín mươi chín người, sau này dù gặp được đức Phật, chứng được quả A-la-hán, ngồi trong phòng, nhưng lửa địa ngục vẫn từ lổ chân lông cháy ra hết sức đau đớn khổ sở. Huống gì kẻ phàm phu ngoại đạo chưa phát tâm tu trì, vừa tạo một nghiệp, chắc chắn sẽ bị đọa vào ba đường ác! Thân người rất khó, lỡ tạo nhân ác, sẽ dễ mất đi, do ác nhiều mà thiện ít, nên trong một ngày, ác niệm nhiều đến trăm ngàn, mà thiện niệm chưa có được một!

Lại nữa, kinh Tịnh-Độ-Tam-muội nói: "Tội phúc chồng chất theo số lượng và thứ lớp rất phân minh. Sau này sẽ thọ quả báo rành rẽ không sai. Một niệm thọ một thân. Thiện niệm thọ thân trên Trời hay trong cõi người. Một ngày đêm gieo giống sinh tử, sau này sẽ thọ tám ức năm ngàn vạn thân khác nhau. Trong một trăm năm gieo trồng, khó tính nổi số lượng. Linh hồn theo hạt giống đã gieo, thọ thân khắp tam thiên đại thiên thế giới. Xương cốt, lông da vương vãi khắp đất đai trong đại thiên thế giới ấy, không sót chổ nào".

Lại nữa, kinh Bồ-tát, xử-thai có kệ rằng:

"Ta từ vô số kiếp
Qua lại đường sanh tử.
Bỏ thân rồi thọ nhận,
Không rời khỏi thai mẹ.
Ta kể nơi trải qua,
Một nơi không kể hết,
Chỉ làm loại chó trắng,
Xương chất muôn Tu-di
Lấy kim nhọn xăm đất,
Khắp nơi đụng xác ta!
Huống gì chó tạp sắc,
Số lượng không tính nổi!
Vì thế ta giữ lòng,
Không tham lam, buông thả".

Lại nữa, kinh Đề-vị nói: "Ví như có một người đứng trên núi Tu-di thả xuống sợi tơ rất nhỏ, có một người đứng dưới chân núi, cầm kim chực sẵn, trong khi cơn gió toàn-lam nổi lên, thổi mạnh dữ dội, sợi tơ sẽ rất khó chui vào lổi kim. Thân này kiếm được, còn khó hơn nữa".

Lại nữa, trong kinh Bồ-tát xử thai, đức Phật có nói kệ rằng:

"Rùa mù chui lổ cây,
Thỉnh thoảng còn gặp được.
Chúng sinh đánh mất thân,
Ức kiếp cũng khó kiếm.
Nước biển dẫu sâu rộng,
Ba trăm ba mươi sáu,
Đem kim ném xuống biển,
Mò tìm còn kiếm được
Một lần đánh mất thân,
Kiếm lại càng thấy khó".

Lại nữa, luận Đại-trang-nghiêm có kệ nói rằng:

"Tránh được nạn cũng khó,
Được làm người khó hơn.
Đã tránh thoát được nạn,
Phải luôn luôn tinh tiến".

Ta nghe ngày xưa có chú bé thấy kinh nói con rùa mù chui lọt đầu qua lổ hổng ở thân cây nổi trên mặt biển là chuyện rất khó, bèn đục lổ trên miếng ván vừa lọt đầu, ném xuống ao rồi lặn xuống, cúi đầu trồi lên. Nước động, ván trôi, không thể chui đầu vào lổ. Chú bé đâm ra chán nản bực bội, suy nghĩ rằng: Thân người khó kiếm, đức Phật lấy biển làm thí dụ, lổ hổng trên cây, rùa nhỏ mù mắt trăm năm một lần nổi lên thật khó chui trúng lổ. Nay ao nhỏ, lổ hổng lại lớn, ta có thêm hai mắt, một ngày trồi lên hàng trăm lần, còn không thể chui trúng lổ trên ván, huống chi con rùa mù ấy, làm sao có thể chui trúng? Bèn nói kệ rằng:

"Biển cả thật rộng lớn,
Lổ trên cây lại nhỏ.
Trăm năm nổi một lần,
Chui lọt đầu rất khó!
Ao nước nay thật nhỏ,
Lổ trên ván lại lớn.
Trồi đầu chui lên hoài,
Vẫn không lọt vào lổ!
Rùa mù gặp cây nổi,
Cơ hội thật là khó.
Đường ác được làm người,
Khó khăn cũng thế đó!
Nay ta được làm người,
Cần nhất đừng buông thả.
Chư Phật nhiều hà sa,
Ta chưa được gặp gỡ.
Nay ta được thọ lãnh
Lời chứ Phật mười phương,
Thuyết pháp rất vi diệu,
Ta cần phải tu trì,
Nếu siêng năng tu tập,
Sẽ cứu độ rộng rãi.
Chẳng ai tu giúp ta.

Vì thế, phải tinh tiến.
Nếu đọa vào bát nạn,
Làm sao thoát ra nỗi?
Nghiệp báo theo bên ta,
Xô đẩy xuống đường ác.
Nay ta phải tránh né,
Khỏi địa ngục tam giới.
Nếu không khỏi ngục ấy,
Làm sao giải thoát được ?
Đường súc sanh là thế,
Trải qua rất lâu dài.
Địa ngục và ngạ quỷ.
Tối tăm và khổ não.
Nếu ta không tu tập,
Làm sao xa lánh khỏi
Các đường ác hiểm độc?
Nay ta được làm người,
Nếu không chịu khó nhọc,
Sao lìa ngục tam giới?
Cần phải rất cố gắng
Mới lìa ngục tam giới.
Nay ta cầu xuất gia,
Chắc chắn sẽ giải thoát”.

Lại nữa, kinh Tội-nghiệp-báo-ứng có kệ rằng:

“Nước chảy, không đầy mãi
Lửa mạnh chẳng bền lâu.
Mặt Trời mọc rồi lặn;
Vầng trăng tròn lại vơi
Kẻ giàu sang phú quý
Còn vô thường hơn nữa!”

Cho hay, thân người khó gặp, dễ mất. Vì dễ mất nên đừng khư khư chấp trước thân sẽ sống lâu dài. Phải nhớ rằng thân người cận kề cái chết trong từng niệm một, giống như heo dê bị dẫn đến lò sát sinh. Vì thế, kinh Niết-bàn có nói: “Quán tưởng thọ mạng này, luôn luôn bị vô lượng oán thù quấn chặt, thọ mạng chỉ giảm bớt chứ không Tăng thêm trong từng niệm một, khác gì dòng nước mạnh không thể dừng lại, giọt sương mai không đọng được lâu, kẻ tội nhân bị dẫn ra chợ để hành hình. Mỗi bước mỗi cận kề cái chết”. Lại nữa, kinh Ma-da có kệ rằng:

"Giống hệt kẻ đồ tể
Xua bò tới lò mổ,
Mỗi bước gần đất chết,
Mạng sống nhanh hơn nữa!"

Bậc đại Thánh khi nhập Niết-bàn, thể tính chưa viên dung hẳn. Dù đã phân chứng được quả vô sinh, vẫn còn bị ba tướng chi phối, huống hồ kẻ phàm phu cách xa tịnh cảnh, thiện ác lẫn lộn, đen trắng chưa phân, sao thoát khỏi tội lổi nhiễm yêu, oan khiên vướng tục? Nghe nói xuất gia tốt đẹp, chớ bảo không có điều ác; tại gia lầm lạc, chớ bảo không có điều tốt. Tại gia nếu cố tu trì phạm hạnh thì cũng tốt đẹp như xuất gia. Nếu xuất gia nhưng tâm trí sai trái tín thành, cũng chỉ được bề ngoài cạo tóc mà thôi! Kẻ tại gia công tư bận rộn, thân thích vấn vương, cốt cầu lợi lộc, nhưng cũng không nên keo kiệt. Bậc Sa-môn thanh tịnh, trơ trọi một thân, chỉ cần vài bộ pháp phục, mấy món đồ dùng. Nhu cầu nhiều nhất, cũng chỉ trăm phần chọn một, tích lũy làm gì! Điều này, Phật pháp có giải thích rõ ràng, răn dạy đầy đủ trong không luật. Nếu tiếc rẻ bủn xỉn lời pháp, của tiền không chịu đem ra bố thí cho kẻ ngu si nghèo khó, sẽ không thành tựu tuệ nghiệp và thối thất phẩm vị Thánh thai. Thậm chí, phạm một tội nhỏ, phải biết lo sợ rất nhiều. Thường khiêm cung với mọi người lớn nhỏ, không được ngã mạn tự đại, khinh rẻ tiền nhân. Nếu phạm tội lớn như sắm sửa nhà cửa ruộng vườn, gom góp tiền tài của cải, kinh doanh theo kiểu thế gian, thật là tội lớn tày đình, còn gì nói nữa! Nay tạm bàn luận loại Tăng hạng trung bình trở xuống, vốn học thức nông cạn, lại tự cho tài trí hơn người, nổi lên ngã mạn phóng túng ra mặt, khinh khi lấn lướt mọi người. Vênh váo coi Trời bằng vung, ngông nghênh trước mặt tôn trưởng, nạt nộ bên vai vương công. Đạo cốt nhu hòa, nếu tâm tướng đã sai trái đến thế, liệu còn xứng đáng làm Tăng? Hoặc có kẻ chuyên tâm vào ngoại điển, say mê đàn hát đánh cờ, đọc tụng thi thơ, tiêu khiển ngày tháng. Nội điển là liều thuốc Thánh cứu độ chúng sinh. Diệu chỉ cao thâm, văn từ tuyệt tác. Một câu hiểu rõ, ý nghĩa vô cùng. Kinh luận dịch ra mới cũ, số lượng lên đến mấy nghìn, chưa từng để mắt xem qua. Ngoại điển chưa cần, lại miệt mài nghiền ngẫm. Nếu sợ người đời chê cười ta không rành sách vở thế gian, sẽ chưa đáng sợ bằng kẻ thế gian đến hỏi nghĩa lý kinh điển mà ta không trả lời được. Xấu hổ vì ở trong đạo mà không rành sách vở ngoài đời, thật ra, chưa đáng xấu hổ.Ở trong đạo mà không rành giáo lý trong đạo mới đáng xấu hổ thậm tệ!

Bởi lẽ sắp đến thời kỳ mạt pháp, mạng sống càng ngắn ngủi hơn,

vô thường chờ chực cận kề, chưa biết sớm tối. Chỉ lo một nổi đọa xuống địa ngục, muôn kiếp khó ra. Cơ duyên gặp gỡ Phật pháp thật là vô vọng. Tuy Phật chuyên tâm học hỏi kinh luận, cũng được phép đọc thêm một phần ngoại điển, để hàng ngoại đạo khi cần. Đây là điều dành riêng cho các bậc thượng phẩm thượng trí. Rành rẽ nội điển, hiểu thông ngoại điển để biện luận sắc sảo, dẫn chứng trúng với kinh điển. Nội ngoại đều nghiên cứu sâu xa, xứng đáng là bậc tôn túc. Cần phải lượng lấy sức mình, mỗi khi gặp chuyện, đối phó bối rối vụng về, tâm thức tối tăm ngu muội như ngây, không cứu nổi mình, liệu đủ sức hoằng pháp lợi vật? Mùi vị màu mè chưa tỏ, làm sao phân biệt đậu, mè? Nguyện sao tất cả đều quay lại chính mình, mau mau thức tỉnh để tinh tiến học hỏi. Vì thế, kinh Niết-bàn có nói: “Đức Phật bảo các Tỳ-kheo rằng: “Người xuất gia nên tu tập tuệ học, nghiên cứu nội điển, không được đọc ngoại điển, thiên văn. Thường ở các tịnh thất vắng lặng trong núi sâu, bên đầm lớn để tu tập Thiền định, hành lễ tụng kinh, hiển chân phá vọng. Đó là tôn chỉ phải tuân theo”.

Lại nữa, trong kinh Thúc-ca nói: “Con của vị Bà-la-môn Thúc-ca bạch đức Phật rằng: “Nếu kẻ tại gia biết tu tập phước đức, thiện căn có thể hơn kẻ xuất gia. Điều này có thật chăng?” Đức Phật đáp: “Ta nghĩ vấn đề không hẳn như thế, nhưng nếu kẻ xuất gia không chịu tu tập thiện căn thì sẽ không bằng người tại gia. Nếu kẻ tại gia biết tu tập thì sẽ hơn kẻ xuất gia.

Lại nữa, kinh Đại-Tăng-uy-nghi (Tam-thiên-uy-nghi) nói: “Bổn phận của kẻ xuất gia là : 1. Tọa thiền, 2. Tụng kinh, 3. Lo các pháp vụ khuyến hóa, Nếu làm đầy đủ ba bổn phận này đúng là người xuất gia. Nếu không làm đầy đủ thì chỉ là kẻ sống suông chết suông, gây nhân thọ tội mà thôi”.

Lại nữa, kinh Bách-dụ nói: “Ngày xưa có người dùng lửa và nước lạnh, giữ lửa bằng cách đổ nước lạnh vào bình tấm rồi đặt lên lửa. Sau đó, muốn lấy lửa thì tắt, muốn lấy nước lạnh thì nước lạnh lại nóng lên, mất luôn cả lửa lẫn nước lạnh. Người thế gian một khi xuất gia cầu đạo, tu theo Phật pháp, nếu còn quyến luyến vợ con và thú ngũ dục, sẽ đánh mất lửa công đức và nước trì giới của chính mình. Kẻ lưu luyến dục vọng cũng sẽ như thế”.

Lại nữa, trong kinh Niết-bàn, đức Phật nói: “Sau khi ta nhập Niết-bàn, các đệ tử của hàng Thanh văn ngu si sẽ phá giới ham thích cạnh tranh, bỏ kinh điển để đọc tụng sách vở văn chương ngoại đạo, cất giữ các vật bất tịnh, lại nói ta cho phép làm như thế. Ấy là những kẻ đem

trầm hương đổi lấy ngói gỗ, đem vàng ròng đổi lấy đồng thô, đem bạc trắng đổi lấy chì thiếc, đem lụa bạch đổi lấy vải mỏng, đem cam lồ đổi lấy độc dược".

Lại nữa, kinh Di-giáo nói: "Ban ngày tinh tiến tu tập các pháp thiện, đừng uổng phí thì giờ. Đầu hôm và canh khuya cũng đừng xao lãng. Nữa đêm thì tụng niệm cho qua, đừng ngủ say sưa đến hết đời này mà chẳng thành tựu được gì. Nếu theo đó thực hành, có thể chứng được quả vị tứ phẩm Sa-môn, thậm chí quả vị A-nậu-Bồ-đề. Người thực hành như thế mới gọi là mẫu mực của chốn tùng lâm, phước điền chân chính tốt lành và được phép thọ lãnh cúng dường của tín chủ".

Lại nữa, luận Bà-sa nói: "Nếu tìm tòi sách vở ngoại đạo, tuệ nhãn sẽ không được phát huy, giống như người xem mặt Trời, mắt sẽ không nhìn thấy rõ. Nếu tìm tòi kinh điển Phật pháp, tuệ nhãn sẽ bừng sáng láng, giống như người xem mặt trăng, mắt sẽ nhìn thấy rất rõ. Nếu tìm tòi thế tục, giống như đánh đập lũ khỉ, chỉ bị văng bắn chất dơ. Nếu tìm tòi Phật pháp, giống như luyện kim, càng luyện càng ròng".

Lại nữa, kinh Bồ-tát thiện giới nói: "Bồ-tát không đọc tụng kinh Phật, chỉ đọc tụng sách vở thế gian, sẽ mắc phải tội lổi. Vì muốn bàn luận nghĩa lý để trả phá tà kiến thế gian, nếu đọc hai phần nội điển, một phần ngoại điển, sẽ không mắc tội. Tại sao? Vì đã nhận thức rõ ngoại điển là sai lầm, Phật pháp là chân thật. Vì cần hiểu biết về thế gian để không bị người thế gian khinh thường nên phải dẫn chứng bằng sách vở thế gian. Trái lại, nếu người tu học Phật pháp chỉ chuyên tâm học hỏi ngoại điển, bỏ phế nội điển, thì sẽ mắc tội. Dẫu muốn có kiến thức về thế gian, cũng chỉ nên tạm thời học hỏi để hàng phục ngoại đạo, nhưng phải biết chán nản xa lìa để tinh tiến tu học nội điển, cố sao ngày mỗi phấn phát hơn. Nếu lệch lạc đam mê ngoại điển, sẽ làm băng hoại chánh pháp." Vì thế, luận Địa-trì nói: "Nếu Bồ-tát lìa bỏ, không chịu học hỏi lời đức Phật dạy, để tập tành theo tà thuyết ngoại đạo và kinh sách thế gian, sẽ phạm vào tội nhiễm uế mà nhiều người hay phạm. Nếu kẻ thông minh thượng trí tháng ngày mau mắn học tập hai phần nội điển, một phần ngoại điển, nhưng không bị động tâm, sẽ không mắc tội. Nếu đam mê không rời , không sinh tâm chán nản tà thuyết ngoại đạo và kinh điển thế gian, sẽ phạm vào tội nhiễm ô mà nhiều người hay phạm".

Tụng rằng:

Đông đến, chồn thay lốt;
Xuân về, tằm nhả tơ.

Hình hài chịu gò bó;
Tâm thức tự dối lừa.
Trẻ nhỏ vỗ bụng hát.
Vui đùa suốt tuổi thơ.
Giong xe tìm hiệp sĩ;
Rót rượu giỡn ca nhi.
Chỉ nghĩ vui trước mắt,
Đâu hay khổ vạn đời?
Giật mình, chợt tủi thẹn,
Ái ân, xin giã từ!
Nguyện biết rõ hư thật,
Phân biệt đường sạch dơ.
Xấu hổ vì ngũ cái
Che lấp hết tứ y.

Thiên thứ 15: KHUYÊN NHỦ DẪN DẮT

Gồm có bốn phần: Thuật ý, Dẫn chứng, Phát tâm tin tưởng, nghiệp nhân.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Than ôi! Giàu nghèo không chắc chắn, sang hèn chẳng bền lâu, giống nước lửa đắp đổi, nóng lạnh tiếp nhau. Thế nên, thấy có kẻ tiền nhiều nhà ấm, áo rộng ăn uống no đủ, không mệt nhọc kiếm tìm, tự nhiên có được; lại có kẻ nghèo nàn khổ sở, đói khát rách bươm vất vả bon chen, thức khuya dậy sớm, hình hài trở nên gầy gò, tinh thần đâm ra khốn quẩn. Nếu kiếm được đôi chút, cũng bị phân tán trăm đường. Suốt ngày cầu mong dư dả, nhưng không thể được. Vì cảnh khổ này, mới khuyên nhủ bố thí rộng rãi, cố gắng tu phúc. Như có người mặc áo hồ cừu, trang sức lộng lẫy, đẹp đẻ thơm tho, bốn mùa thay đổi, ăn mặc theo thời, không hề thiếu thốn; nhưng cũng có người một tấc không lành, nửa mảnh rách nát, đen đủi dơ bẩn, hôi hám thối tha. Nóng nực không biết vải thưa, giá rét không hay len nỉ, thậm chí lộ liễu thân thể, chổ kín nam nữ không che. Chẳng những đáng nhục nhã, còn phải đáng thẹn thùng! Nếu thấy cảnh khổ này, há không nên tránh? Vậy mới khuyên nhủ tu phúc, bố thí y phục, thậm chí phòng ốc. Lẽ nào không thấy mọi người đều có, riêng ta lại không? Vì thế, cần phải dũng mãnh tu tập. Như thấy có người ăn toàn món ngon cao lương mỹ vị, ngồi thì bàn chồng ghế xếp, nệm kép chiếu đôi, thơm tho sực nức, nhưng cũng có người cơm lức không no, canh rau vẫn thiếu, hạt muối múi chanh không có, cá thịt hiếm hoi, thậm chí ngày nhịn ngày ăn, cháo hồ đổi bữa, rau quả chêm thêm. Ốm ong vàng võ, khốn đốn khó qua. Nếu thấy cảnh khổ này, há không nên tránh? Vậy mới khuyên nhủ tu phúc, bố thí đồ uống thức ăn. Lẽ nào mọi người đều đầy đủ, riêng ta lại chịu khốn khó? Vì thế, cần phải dũng mãnh tu tập. Như có người địa vị hiển vinh, ngựa xe giong ruổi, mặc sức tự do. Đi thì Trời người chiêm ngưỡng, đứng thì quỷ thần nể vì; nhưng cũng có người thấp kém hèn hạ, không ai đếm xỉa, dở sống dở chết bên bãi sình lầy hay giữa đống đất nát. Dẫu mở miệng kêu ca, chỉ bị roi đòn khổ sở. Không những quỷ thần khinh miệt, thậm chí còn bị chó dữ cắn vồ. Nếu thấy cảnh khổ này há không nên tránh? Vậy mới khuyên nhủ tu phúc, dứt bỏ ngã mạn, giữ lòng khiêm nhượng. Lẽ nào mọi người luôn luôn sang quý, riêng ta chịu mãi đê hèn? Vì thế, cần phải dũng mãnh tu tập. Như thấy có người tướng mạo trang nghiêm, nói năng lưu loát, rộng lượng giúp người, nhân từ bác ái, lời không hại

vật; nhưng cũng có người mặt mày xấu xí, lời nói hiểm cay, chỉ biết bo bo ích kỷ, chẳng nghĩ đến ai. Người kia nhẫn nhục nên được quả lành, kẻ này sâu độc nên chịu ác báo. Nếu thấy cảnh khổ này, há không nên tránh? Vậy mới khuyên nhủ tu phúc trừ bỏ giận hờn, giữ lòng nhịn nhục. Lẽ nào mọi người thường ở cõi tốt lành, riêng ta mãi chịu xa lìa tịnh cảnh? Vì thế, cần phải dũng mãnh tu tập. Như lại có người tâm sức cang cường, ít mang bệnh tật, tinh tiến hành đạo, không bị cản ngăn; nhưng cũng có người ốm yếu hay đau, khí chất bạc nhược, cử động không nổi, nằm ngồi không yên. Thấy cảnh xấu này, phải mau xa bỏ. Vậy mới khuyên nhủ tu phúc, bố thí thuốc men, kịp thời cứu giúp. Lẽ nào mọi người đều khỏe mạnh, riêng ta lại chịu đau ốm triền miên? Vì thế, cần phải dũng mãnh tu tập. Mọi cảnh ngộ trên đây, đều đáng đem tâm khuyên nhủ. Nếu không, sẽ trở nên những người tu học không chút tinh tiến.

Thứ hai: PHẦN DẪN CHỨNG

Như kinh Niết-bàn nói: "nhà cửa như lao ngục, vợ con như gông cùm, của tiền như gánh nặng, thân thích như oan gia. Tuy thế, suốt ngày đêm sáu thời, biết giữ giới hành lễ, ba tháng hạ trong năm giữ đúng sáu phép chay kiêng, muối dưa đạm bạc, kiểm điểm ba nghiệp thân khẩu ý, không buông lung phóng túng theo ngoại duyên, tôn sùng xuất thế, hâm mộ Phật pháp, không để lỗi lầm thiếu sót, đúng phép nằm ngồi. Đêm quán tưởng lý sáng suốt, ngày tư suy phép thanh tịnh, kính trọng Sa-môn, xót thương muôn vật, nếu thực hành như thế, dẫu ở thế gian, vẫn siêu thoát mọi khổ nan". Thế nên, kinh có nói rằng: "Khi sắp vào thời mạt pháp, kẻ tại gia biết hộ pháp tu thiện, sẽ được sinh lên cõi Trời, giống như tuyết rơi tỏa giữa không trung. Tỳ-kheo-phá giới sẽ bị đọa vào đường ác, giống như mưa đổ xuống từ Trời. Phải biết rằng trong khổ biết tu phúc, phúc sẽ to lớn vô cùng; trong phúc gây tội, tội sẽ rất nặng. Vì thế, từ khổ vào vui, chưa biết lạc thú của vui; từ vui vào khổ, mới biết cay chua của khổ". Lời trên rất đáng chiêm nghiệm, xin hãy suy xét kỹ càng.

Lại nữa, kinh Pháp-cú-dụ có kệ rằng:

"Nóng sốt không gì bằng dâm dục.
Độc địa không gì bằng sân giận.
Đau khổ không gì bằng có thân.
An vui không gì bằng tịch diệt".

Đức Phật nói kệ xong, bảo các Tỳ-kheo: "Vào vô lượng kiếp xa

xưa, có Tỳ-kheo tên là Tinh Tiến Lực ngồi tìm đạo dưới gốc cây trong chổ núi non. Bấy giờ có bốn con thú hầu hạ hai bên rất hiền lành: một là nai, hai là quạ, ba là rắn độc và bốn là bồ câu. Bốn con thú này ban ngày chia nhau đi kiếm mồi sinh sống, chiều đến, tìm về ở chung với nhau. Một đêm, bốn con hỏi nhau: “Trên đời, khổ nào nặng nhất?” Quạ đáp: “Khổ nhất là đói khát. Khi đói khát, thân yếu mắt mờ, tâm thần không ổn. Lao vào lưới bẫy, không kịp thấy chĩa nhọn. Bọn ta mất mạng đều do đói khát gây ra, nên mới nói đói khát là khổ nhất đời”. Bồ câu đáp: “Khổ nhất là dâm dục. Khi lửa dục bừng lên, không kịp suy nghĩ. Thân nguy mạng mất đều do dâm dục gây ra”. Rắn độc bảo: “Khổ nhất là giận dữ. Một khi ác tâm nổi dậy, không kể đến thân sơ, có thể giết người mà cũng có thể tự giết lấy bản thân”. Nai bảo: “Khổ nhất là sợ hãi. Khi ta đứng giữa rừng, luôn luôn giật mình sợ hãi. Sợ hãi thợ săn, sợ hãi cả đến chó sói. Nghe mơ hồ có tiếng động, liền cắm đầu chạy trốn vào chốn hang sâu. Sợ hãi đến nỗi mẹ con lạc nhau, ruột gan tan nát. Vì thế mới nói sợ hãi là khổ nhất đời”. Tỳ-kheo nghe bọn thú nói xong, liền đáp rằng: “Lời bàn luận của các ngươi chỉ nhắm đến phần ngọn, chưa đạt được phần gốc sâu xa của khổ đau. Khổ đau trên thế gian, không có gì nặng bằng có thân. Thân là vật chịu mọi khổ đau lo sợ vô cùng. Vì vậy, ta đã lìa bỏ thế gian để xuất gia cầu đạo, tiêu diệt mọi dục vọng, mơ tưởng, không tham lam vật chất để trừ bỏ gốc khổ, hướng đến tịch diệt an vui. Phải biết rằng thân chính là nguồn gốc của mọi khổ đau”. Do đó, sách thế gian cũng nói rằng: “Hoạn nạn lớn lao không gì bằng có thân”.

Thứ ba: PHẦN PHÁT TÂM TIN TƯỞNG

Như Kinh Na-tiên-Tỳ-kheo vấn Phật nói: “Bấy giờ, vua Di-lan hỏi Tỳ-kheo La-hán Na-tiên rằng: “Người thế gian làm ác, khi lâm chung niệm Phật, sẽ được sinh lên cõi Trời. Ta không tin điều này!” Nhà vua lại hỏi thêm: “Giết một mạng người, khi chết sẽ bị đọa xuống địa ngục. Ta cũng không tin điều này!” Tỳ-kheo Na-tiên hỏi lại nhà vua: “Nếu có người đem viên đá nhỏ đặt lên mặt nước, viên đá sẽ chìm hay nổi?” Nhà vua đáp: “Viên đá sẽ chìm”. Tỳ-kheo hỏi thêm: “Nếu đem hàng trăm viên đá lớn chất xuống thuyền, thuyền có chìm không?” Nhà vua đáp: “Không chìm”. Bấy giờ Tỳ-kheo mới giải thích: “Trong thuyền tuy có hàng trăm viên đá, nhưng nhờ sức chở, nên thuyền không chìm. Cũng thế, người kia tuy có tội, nhưng nhờ công đức một lần niệm Phật, nên không bị đọa xuống địa ngục mà được sinh lên cõi Trời. Chuyện

hiển nhiên như thế, tại sao nhà vua lại không tin?Viên đá nhỏ kia chìm xuống, cũng giống như người làm ác, không biết Phật pháp, khi chết đi, sẽ bị đọa xuống địa ngục. Tại sao nhà vua lại không tin?" Nhà vua khen rằng: "Hay thay, hay thay!" Tỳ-kheo lại bảo: "Nếu có hai người cùng chết, một người được sinh lên cõi Trời Phạm thiên thứ bảy, một người sinh vào nước Kế-tân. Hai người này tuy sống gần xa khác nhau, nhưng cái chết đến cùng một lúc. Giống như cặp chim đang bay. Một con đậu trên ngọn cây cao, một con đậu trên ngọn cây thấp. Khi cả hai cùng bay, bóng của chúng đều in trên mặt đất". Tỳ-kheo bảo thêm: "Nếu người ngu làm ác, sẽ chịu quả báo lớn; người trí làm ác, sẽ chịu quả báo nhỏ. Giống như nung sắt trên đất, một người biết sắt nung nóng, một người không biết sắt nung nóng. Cả hai người đều đụng vào sắt, người không biết sắt nung nóng sẽ bị phỏng nặng hơn người biết sắt nung nóng. Làm ác cũng thế, người ngu không biết ăn năn, nên sẽ chịu quả báo nhiều hơn. Người trí lỡ làm ác, biết là điều không nên làm, nên hằng ngày ăn năn hối lổi. Vì vậy, quả báo sẽ ít hơn".

Lại nữa, kinh Tứ-phẩm-học nói: "Kẻ phàm phu đôi khi không bằng được súc sinh. Súc sinh đôi khi còn hơn hẳn người. Tại sao? Vì có người làm ác không ngừng, khi chết sẽ bị đọa xuống địa ngục. Hết tội mới làm ngạ quỷ. Ngạ quỷ hết tội, chuyển làm súc sinh. Súc sinh hết tội mới trở lại làm người. Vì phải ở trong đường súc sinh đến khi hết tôi mới được trở lại làm người, nên cần làm việc thiện, phụng thờ Tam bảo, xa lìa mãi mãi ba đường ác, hưởng thụ phước báo ở cõi Trời người và sau này được vĩnh viễn giải thoát".

Lại nữa, Kinh Tứ-thập-nhị-chương nói: "Đức Phật bảo: "Thế gian có năm điều khó: 1- Nghèo nàn mà bố thí là khó. 2- Giàu sang mà học đạo là khó. 3- Giữ tính mạng không chết là khó. 4- Gặp được kinh Phật là khó. 5- Được sinh vào đời có đức Phật là khó".

Lại nữa, Kinh tạp-thí-dụ nói: "Trên thế gian có mười tám điều rất khó: 1- Gặp đời có đức Phật rất khó. 2- Giả sử gặp đời có đức Phật, được sinh làm người rất khó. 3- Giả sử làm người, được sinh vào nước trung tâm rất khó. 4- Giả sử ở nước trung tâm, được sinh vào nhà quý tộc rất khó. 5- Giả sử sinh vào nhà quý tộc, có đủ tứ chi và lục tình rất khó. 6- Giả sử đầy đủ tứ chi và lục tình, (lục căn) có tài sản rất khó. 7- Giả sử có tài sản, gặp được thấy bạn tốt rất khó. 8- Giả sử có thấy bạn tốt, được đầy đủ trí tuệ rất khó. 9- Giả sử đầy đủ trí tuệ, có thiện tâm rất khó. 10-Giả sử có thiện tâm, biết bố thí rất khó. 11- Giả sử biết bố thí, muốn gặp được người hiền thiện có đức rất khó. 12- Giả sử người hiền thiện,

gặp được bậc có đạo đức tìm đến rất khó. 13- Giả sử bậc có đạo đức tìm đến, được thích hợp rất khó. 14- Giả sử thích hợp, được nghe thuyết pháp rất khó. 15- Giả sử được nghe thuyết pháp, có trí tuệ hiểu đúng rất khó. 16- Giả sử có trí tuệ hiểu đúng, thọ trì kinh điển cao siêu rất khó. 17- Giả sử thọ trì kinh điển cao siêu, tu hành theo đó rất khó. 18- Giả sử thọ trì kinh điển cao siêu, theo đó tu hành, chứng được Thánh quả rất khó. Ấy là mười tám điều rất khó trên thế gian".

Thứ tư: PHẦN NGHIỆP NHÂN

Kinh Phật-thuyết-thái-tử Loát-hộ nói: "Thái tử Loát-hộ của Quốc vương A-xa-thế bạch đức Phật rằng: "Do nhân duyên nào Bồ-tát có diện mạo trang nghiêm? Do nhân duyên nào không thụ thai trong bụng mẹ mà hóa sinh trên hoa sen? Do nhân duyên nào biết được tiền kiếp?"

Đức Phật bảo thái tử: "Nhờ nhẫn nhục nên có diện mạo trang nghiêm, không dâm dục nên hóa sinh và bảy ngày sau, biết rõ được vô số kiếp trước".

Lại do nhân duyên nào có ba mươi hai tướng tốt? Lại do nhân duyên nào có 80 vẻ đẹp? Lại do nhân duyên nào khiến người chiêm ngưỡng sắc tướng của Bồ-tát không hề sinh chán nản?"

Đức Phật bảo thái tử: "Do Bồ-tát hoan hỷ bố thí các phẩm vật cần thiết cho chư Phật, Bồ-tát, sư trưởng, cha mẹ và chúng sinh nên có ba mươi hai tướng tốt. Do Bồ-tát có lòng Từ bi thương xót các chúng sinh thuộc loài thân thể yếu mềm khắp mười phương giống như con mình và muốn siêu độ tất cả, nên có được 80 vẻ đẹp. Lại xem kẻ oán thù như cha mẹ ruột, không khác chút nào, nên được người chiêm ngưỡng không hề chán nản".

Lại do nhân duyên nào có trí tuệ hiểu thấu ý nghĩa của kinh điển cao siêu và thực hành phép đà-la-ni để ghi nhớ không quên? Lại do nhân duyên nào biết được đại định Tam-muội khiến tâm ý an ổn? Lại do nhân duyên nào khiến lời hiền thiện của Bồ-tát được mọi người hoan hỷ thọ trì?"

Đức Phật bảo thái tử: "do Bồ-tát thường sao chép, thọ trì học hỏi đọc tụng kinh điển nên có trí tuệ hiểu rõ ý nghĩa cao siêu và thực hành phép đà-la-ni để ghi nhớ không quên. Lại thường chuyên tâm Thiền định nên chứng được phép Tam-muội yên vui. Lời nói rất thành thật nên được mọi người tin tưởng".

Lại do nhân duyên nào không sinh vào chổ ác? Lại do nhân duyên nào được sinh lên cõi Trời? Lại do nhân duyên nào không ham thích

dục lạc?”

Đức Phật bảo thái tử: “Do Bồ-tát đời đời tin tưởng Tam bảo, nhờ đó không sinh vào tám chổ ác. Do giữ giới không ngừng, nên được sinh lên cõi Trời. Do biết kinh điển nói tất cả vốn là không, nên không còn tham lam dục lạc”.

Lại do nhân duyên nào thân khẩu ý của Bồ-tát đều thanh tịnh? Lại do nhân duyên nào ma chướng không quấy phá nổi? Lại do nhân duyên nào tà đạo không phỉ báng nổi Tam bảo?”

Đức Phật bảo thái tử: “Do Bồ-tát kính yêu Tam bảo nên thân khẩu ý đều thanh tịnh, tinh tiến không lười biếng nên ma quỷ không quấy phá nổi, hành động đều chí thành nên tà đạo không dám phỉ báng Tam bảo.”

Lại do nhân duyên nào Bồ-tát có tiếng nói cao vang êm ái như tiếng Phạm Thiên? Lại do nhân duyên nào Bồ-tát biết được 8 thứ tiếng? Lại do nhân duyên nào Bồ-tát biết được ý nguyện của chúng sinh để đáp ứng?”

Đức Phật bảo thái tử: “Do Bồ-tát đời đời chí thành không lừa dối, nên được tiếng nói cao vang êm ái như tiếng Phạm Thiên. Do Bồ-tát đời đời không nói lời ác dữ, nên biết được tám thứ tiếng. Do Bồ-tát không nói hai lưỡi, không nói dối nên có thể đáp ứng ý nguyện của chúng sinh.”

Lại do nhân duyên nào có thọ mạng lâu dài? Lại do nhân duyên nào thân không tật bệnh? Lại do nhân duyên nào gia đình hòa thuận yên vui, không chia lìa?”

Đức Phật bảo thái tử: “Do không sát sinh nên có thọ mạng lâu dài. Do không cầm binh khí hại người, nên làm người không có tật bệnh. Do hòa giải khi thấy đánh nhau, khiến được an bình, nên làm người không chịu cảnh chia biệt”.

Lại do nhân duyên nào được luôn luôn giàu có? Lại do nhân duyên nào không bị trộm cướp? Lại do nhân duyên nào có địa vị cao sang?”

Đức Phật bảo thái tử: “do không tham lam tiền tài của người khác nên được giàu có. Do hoan hỷ bố thí, không bủn xỉn, nên không bị trộm cướp mất mác tiền tài. Do tâm không ganh ghét nên được địa vị cao sang”.

Lại do nhân duyên nào có được thiên nhãn thấy suốt tất cả? Lại do nhân duyên nào có được thiên nhĩ nghe suốt tất cả? Lại do nhân duyên nào biết hết chuyện sinh tử của thế gian?

Đức Phật bảo thái tử: “do hảo tâm thắp hương đèn cúng dường

trước chư Phật, nên được thiên nhãn thấy suốt. Do hoan hỷ cử hành lễ nhạc trước điện Phật, nên được thiên nhĩ nghe suốt. Do hâm mộ Thiền quán định tâm, nên biết được chuyện sinh tử diễn biến của thế gian".

Lại do nhân duyên nào được phi hành tự tại trong cõi Tứ Thiền? Lại do nhân duyên nào biết được chuyện xảy ra từ vô lượng kiếp trước? Lại do nhân duyên nào chứng được diệu quả rồi nhập Niết-bàn?"

Đức Phật bảo thái tử: "Do hoan hỷ bố thí các loại xe ngựa thuyền bè cho Tam bảo, nên được thần túc phi hành tự tại trong cõi Tứ Thiền. Do thường tinh tiến trì niệm phép Tam-muội của chư Phật, hoan hỷ giáo hóa chúng sinh, nên biết được chuyện xảy ra từ vô lượng kiếp trước. Do đạt được tâm địa bất thối nên có thể đoạn trừ được gốc rễ sinh tử để chứng đạo quả rồi nhập Niết-bàn."

Tụng rằng:

Mênh mông vũ trụ
Ngu xuẩn lẫn lú.
Lấy khổ làm vui,
Chẳng biết tiến thủ
Chẳng tuân chính lý,
Tuyên truyền giả dối.
Gọi pháp là mê;
Gọi thật là sảng.
Thần quang chiếu diệu,
Âm vang ảnh hưởng.
Quy y từ phụ,
Thể ngộ phước quả.
Cơ duyên hội ngộ
Do công đức trước.

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG:

Trích dẫn sơ lược ba chuyện linh nghiệm:

1. Trúc Trường Thư đời Tấn. 2. Hình Hoài Minh đời Tống. 3. Vương Thúc Đạt đời Tống.

1. Trúc Trường Thư đời Tần, tổ tiên gốc gác ở Tây Vực, gia thế giàu có, định cư ở Thiên Trúc. Khoảng niên hiệu Nguyên Khang đời Tần (291-299), dời nhà vào Lạc Dương. Ông thờ phụng Phật pháp tinh thành, rất thích tụng kinh Quán Thế Âm. Về sau, láng giềng bị hỏa tai. Nhà ông đều cất bằng cỏ tranh, lại nằm dưới chiều gió. Ông nghĩ thế lửa đã cận kề, nếu thu gom đồ đạc, cũng chẳng còn được bao nhiêu, nên

không cho gia nhân khuân vác ra ngoài, cũng chẳng tưới nước cứu chữa, chỉ chuyên tâm tụng kinh cầu nguyện. Một lát, lửa cháy rụi nhà láng giềng, chỉ cách nhà ông một hàng rào. Tự nhiên gió dừng, lửa chỉ liếm qua mái nhà ông rất tắt. Mọi người đều cho là chuyện linh dị. Trong làng có đám thiếu niên ngỗ nghịch cùng phỉ báng rằng: “Chẳng qua nhờ gió đổi chiều, có gì linh thiêng! Chờ đêm nào khô hạn, thử đốt nhà ông ta, nếu không cháy mới tin được!” Ít lâu, Trời hạn hán, gió nóng thổi mạnh. Đám thiếu niên ấy hùa nhau liệng đuốc lên mái nhà. Liệng đến ba lần, đuốc đều tắt cả. Đám thiếu niên ấy thất kinh, đều bỏ chạy. Sáng mai, đám thiếu niên ấy dắt nhau đến nhà ông cúi đầu xin tạ tội. Ông từ tốn đáp rằng: “Ta chẳng có phép thần gì, chẳng qua nhờ tụng kinh Quán Thế Âm nên được che chở mà thôi. Các cậu nên sửa mình, quy y tin tưởng Phật pháp.” Từ đó, trong xóm làng đều tin tưởng vào thần uy linh dị của đức Quán Thế Âm.

2. Hình Hoài Minh đời Tống, vốn người Hà Gian, làm tham quân cho đại tướng nước Tống. Có lần theo Châu Hoàn, thái thú Nam Quận, lên đánh dẹp mạn Bắc, sa phải vòng vây, bị thua trận. Lén tìm chổ sơ hở trốn thoát được. Ngày núp đêm đi, được ba hôm, vẫn còn sợ bị giặc đuổi theo bắt lại, liền sai người đi trước xem động tịnh. Người ấy đi đã mấy ngày vẫn chưa thấy về báo lại tình hình. Đêm ấy, Trời chuyển mưa tối tăm mịt mù, gần sáng thì người ấy chạy về, kinh hãi nói rằng: “Nhìn xa xa thấy có ánh lửa thật sáng nên cố chạy lại, dè đâu vừa đến nơi thì Trời lại tối đen”. Mọi người đều lấy làm lạ. Trước đây, ông đã biết thờ Phật, khi hành quân, luôn đội kinh Quán Thế Âm trên đầu và đọc tụng không ngớt. Đêm ấy, ông cũng đang đọc thầm, bèn ngờ rằng nhờ thần lực của kinh mới được như thế. Do đó, ông càng liên tục cầu nguyện nên được xá tội. Năm Nguyên Gia thứ 17 (440), ông đang ở trong nhà tại kinh thành, bỗng có vị Sa-môn đến bảo rằng: “Bần đạo nhận thấy trong xóm này, nhất là nhà ngài, đều có mùi máu huyết đáng ghê, nên dời nhà đi chổ khác”. Nói xong, bỏ đi ngay. Ông vội bước theo thấy Sa-môn vừa ra khỏi cổng, liền biến mất. Lòng ông đâm ra bực dọc vô cùng. Hai tuần sau, người hàng xóm Trương Cảnh Tú đã thương cha ruột và giết chết cha vợ. Ông cho rằng đã ứng vào điềm máu huyết, mọi chuyện chắc đã yên. Bấy giờ, Lưu Kính Văn đều ở cạnh nhà ông trong xóm. Năm ấy, vì liên lụy vào bè đảng của Lưu Trạm, nên tất cả đều bị kết tội tru di.

3. Vương Cầu đời Tống, tự là Thúc Đạt, vốn người Thái Nguyên, làm thái thú tại Phù Thành. Năm Nguyên gia thứ 9, vì để mất quận, bị

kết tội giam vào ngục, phải mang gông cùm bằng sắt rất kiên cố nặng nề. Từ trước, ông đã giữ đạo tinh chuyên, đến khi bị tội, càng thêm dốc chí. Hơn trăm tù nhân trong ngục đều đói khát. Đến bữa ăn, ông hay nhịn bớt để Bố thí. Ngày ngày chay kiêng, thành khẩn niệm danh hiệu Quán Thế Âm. Một đêm, nằm mơ được lên tòa cao, thấy vị Sa-môn trao cho quyển kinh tên là Quang Minh An Hành Phẩm có danh hiệu các vị Bồ-tát. Ông mở ra đọc, nhưng quên mất danh hiệu vị Bồ-tát thứ nhất. Vị thứ nhì là Quán Thế Âm, vị thứ ba là Đại Thế Chí. Ông lại thấy một vị Sa-môn xa_luân nói rằng: "Đây là xa luân trong năm đường". Khi tỉnh dậy, gông cùm đều được mở ra. Ông biết nhờ có thần lực, nên càng thêm tin tưởng và tự đóng lại gông cùm như cũ. Ba hôm sau, ông được tha tội. (Ba chuyện trên đây rút từ Minh Tường Ký)

Thiên thứ 16: NÓI VÀ NGHE

Gồm có 9 phần: Thuật ý, Dẫn chứng, Nghi thức, Trái chánh pháp, giảng chúng, Tiệm đốn, Bố thí pháp Báo ân, Lợi ích.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Xét rằng: Đạo sư nghĩa nặng, tuệ học đứng đầu; tu cốt nghĩa lý, sâu xa mới tốt. Thế nên, Mã Minh chấn chỉnh phép tắc suy vong; Long Thọ phát triển biện luận Đại-Tiểu, Tuệ Triệt sáng suốt đề cao Thanh luận. Công đức các vị nói trên thật đáng ghi nhận, nhằm xóa bỏ mọi nghi nan kết tập từ trước. Tuy nhiên, chỉ học mà chẳng nói ra, khổng tử lấy làm lo lắng; nghĩa lý không hiểu trọn vẹn, đức Phật vẫn thường khuyên răn. Kinh nói: "Cúng dường pháp bảo hơn hẳn mọi thứ cúng dường". Sách thế gian nói: "Người thiện là thầy của kẻ bất thiện; kẻ bất thiện là học trò của người thiện ". Nói và nghe đúng sẽ thông tình đạt lý; nghe và nói sai sẽ khó dung hòa. Thế nên, một tượng mất đi, sáu hào sẽ đổ; một lời sai nghĩa, lắm kiếp chịu tai ương. Mới biết, truyền pháp không dễ, nghe pháp càng khó. Do cách đức Phật ngày một lâu hơn, lời huyền càng trở nên dối nghĩa, khiến người nghe, người nói càng khó thành công, dễ bị danh lợi bận lòng, bụi trần nhiễm chặt!

Thứ hai: PHẦN DẪN CHỨNG

Như luận Trung-quán có kệ nói:

"Chánh pháp và người nói,
Người nghe, rất khó gặp.
Vì thế, lẽ sinh tử
Chẳng hữu hạn, vô hạn".

Lại nữa, luận Thập-địa nói: "Do người nói và người nghe không cân xứng với pháp, nên gây ra hai khuyết điểm: 1- Khuyết điểm do nói không cân xứng. 2- Khuyết điểm do đức Phật không tùy hỷ". Vì thế kinh Đại-tập có kệ nói:

"Nếu chúng sinh thiếu căn pháp khí,
Đức Phật sẽ mở lượng Từ bi,
Tìm đủ mọi cách, đợi thời cơ,
Khiến cho chúng sinh được giải thoát".

Luận Đại-trang-nghiêm có kệ nói:

"Có nghe mới hiểu rõ.
Chưa nghe, chớ phỉ báng.
Vô số điều chưa nghe,

Phỉ báng, sẽ si ám".

Luận bảo-tính có kệ nói:

"Ngu si và ngã mạn,
Thích tu theo tiểu pháp.
Phỉ báng pháp, pháp sư
Sẽ bị chư Phật trách!
Ngoài hiện các uy nghi,
Trong thiếu lời Phật dạy,
Phỉ báng pháp, pháp sư,
Sẽ bị chư Phật trách!"

Hiện nay, đám sơ học trong đạo ngoài đời đua nhau tự mãn, giữ chặt mê mờ.

Về mặt văn từ nghĩa lý, có ý tự thị, lấn lướt kẻ khác, dẫn đến khinh dễ coi thường. Vì thế, luận Địa-trì có nói: "Theo văn chọn nghĩa, có năm điều sai: 1- Không có chánh tín. 2- Thối thất dõng mãnh. 3- Nói dối chúng sinh. 4- Coi thường chánh pháp. 5- Phỉ báng chánh pháp. Người nói còn cáu bợn trong tâm, liệu người nghe có thể sinh lòng tin tưởng? Nếu tâm thanh tịnh thuyết pháp, dẫu còn sinh tử, sẽ biến thành Niết-bàn. Nếu tâm ố tạp thuyết pháp, dẫu là Niết-bàn, cũng biến thành sinh tử".

Lại nữa, kinh Niết-bàn nói: "Đại thừa vừa là cam lộ, cũng vừa là độc dược. Biết tiêu dùng là cam lộ, không biết tiêu dùng sẽ trở nên độc dược. Giống như có người pha độc dược vào sữa thì sẽ giết chết kẻ uống". Thế nên, luận Bảo-tính có kệ nói rằng:

"Vô tri, không biết rõ,
Bạn xấu, tổn đức hạnh.
Nhện độc rơi vào sữa,
Sữa sẽ trở thành độc".

Lại nữa, kinh Thập-Luân nói: "Như giới quý tộc và nô lệ thấy có người xuất gia theo chánh pháp của ta, từ bậc Thanh văn, Bích-chi Phật đến pháp sư thuyết pháp giáo lý đại thừa, nếu phỉ báng, nhục mạ, khinh miệt chánh pháp, hoặc khủng bố, cản trở họ, sẽ bị đọa xuống địa ngục Vô Giáng. Nếu thường đem lòng thù hận họ, hoặc phỉ báng nhục mạ chánh pháp của ta, không chịu tin tưởng thọ trì, hoặc phá hoại chùa xá, tàn sát các vị Tỳ-kheo, mọi thiện căn tu tập trước đây đều bị hủy diệt; khi lâm chung tứ chi sẽ đau đớn như bị lửa thiêu đốt, cuống họng sẽ bị co thắt mạnh, miệng sẽ bị câm cứng, không nói được nhiều ngày; khi chết sẽ bị đọa xuống địa ngục vô gián".

Thứ ba: PHẦN NGHI THỨC

Như kinh Đại-Tăng-uy-nghi (Tam-thiên-uy-nghi) nói: "Khi lên tòa cao đọc kinh, thực hành năm nghi thức:

1. Trước tiên lạy Phật.

2. Lạy kinh pháp Thượng Tọa .

3. Dẫm một bàn chân lên chổ ngồi đặt ngay ngắn trên A-Tăng-đề.

4. Xoay trở lại, hướng lên tòa.

5. Tựa tay lên chổ ngồi rồi ngồi xuống; khi đã an vị, thực hành năm nghi thức: 1. Sửa pháp y tề chỉnh, ngồi ngay ngắn. 2- Kiền-chùy vừa dứt tiếng, tán đọc bài kệ. 3-Đọc kinh theo cơ duyên. 4- Gặp người không vừa ý, Không được sân giận trên tòa. 5- Có người mang lễ vật cúng dường, nên đặt ra phía trước. Lại nữa, muốn hỏi kinh , cũng có năm nghi thức: 1- Theo đúng phép, phải bước xuống tòa để hỏi. 2- Không được ngồi trên tòa cùng hỏi nhau. 3- Có giải thích rồi, không được đến hỏi ngang. 4- Không được để tâm xao lãng theo tạp duyên. 5- Khi giải thích xong, cúi đầu sát mặt đất hành lễ rồi, mới quay bước ra cửa".

Lại nữa, luận Thập-trụ-tỳ-bà-sa nói: "Pháp sư muốn an vị trên tòa Sư tử, phải thực hành bốn nghi thức: 1- Trước tiên, cung kính lễ bái đại chúng rồi mới bước lên tòa cao. 2- Nếu đại chúng có nữ giới, phải quán bất tịnh. 3- Nhìn đại chúng một cách oai nghi, có phong thái của bậc tôn trưởng. Diễn giảng pháp âm bằng khí sắc ôn hòa, vui vẻ, đại chúng sẽ tin tưởng thọ trì. không nhắc đến sách vở ngoại đạo. Giữ tâm không khiếp sợ. 4- Đối với lời vấn nạn lổ mãng, nên giữ phép nhẫn nhục. Còn có bốn nghi thức: 1- Nghĩ cách giúp ích mọi người. 2- Không có ý ngã mạn đối với mọi người. 3- Không cố chấp chánh pháp theo văn tự. 4- Cầu nguyện mọi người nghe pháp đều hướng đến cứu cánh A-nậu-Bồ-đề, dũng mãnh tinh tiến, không thối thất đạo tâm. Lại còn có thêm bốn nghi thức: 1- Không xem thường chính mình. 2- Không xem thường người nghe. 3- Không xem thường lời mình nói. 4- Không mưu cầu lợi lộc".

Lại nữa, Kinh văn-thù-sư-lợi-vấn nói: "Văn-thù-sư-lợi bạch đức Phật rằng: "Vào những lúc nào tứ chúng không được gây ra tiếng ồn bằng thân, miệng, gỗ, đá, hoặc các loại tiếng khác?" Đức Phật đáp Văn-thù-sư-lợi: "Có sáu lúc không được gây ra tiếng ồn: Lúc lạy Phật, lúc nghe pháp, lúc đại chúng tụ hội, lúc khất thực, lúc ăn và lúc đại tiểu tiện"."Tại sao những lúc này không được gây ra tiếng ồn?" Đức Phật đáp: "Trong những lúc này, có chư Thiên hiện xuống. Chư Thiên thường có các tâm thanh tịnh, Tâm vô nhiễm, tâm vắng lặng, tâm tùy

ba-la-mật, tâm quán Phật pháp. Những tiếng ồn kia khiến tâm không định được, nên chư Thiên sẽ bỏ về. Bấy giờ, ma quỷ sẽ kéo đến làm hại, gây bất an, sẽ sinh ra hỏa hoạn, nhân dân đói khát, xâu xé lẫn nhau. Này văn-thù! Cần phải lặng lẽ lễ Phật". Rồi đức Phật nói kệ rằng:

"Không gây tiếng thân miệng,
Đá, gỗ và tiếng khác.
Người lặng lẽ lễ Phật
Sẽ được Phật tán thán".

Lại nữa, kinh Phật-bản-hạnh nói: "Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay trở đi, quy định các đệ tử không được mời những người căn cơ si độn và không giữ gìn giới luật ra thuyết pháp. Nên mời những người có đầy đủ đức hạnh trong đại chúng, hiểu nhiều kinh điển, giới luật, thiên văn thông thạo chữ nghĩa và có tài diễn thuyết. Số Tỳ-kheo ấy được ngồi phía dưới, theo thứ tự được sai phái ra thuyết pháp cho đại chúng. Nếu người thứ nhất mệt mỏi, sẽ mời người thứ hai. Nếu người thứ hai mệt mỏi, sẽ mời người thứ ba. Cứ thế lần lượt đến người thứ tư, thứ năm trong số đó. Bấy giớ, các tín chủ thấy các pháp sư ấy có biện tài lưu loát, biết cách thuyết pháp, liền đem các loại hoa hương rải lên. Các Tỳ-kheo ấy lấy làm áy náy dời chổ, không nhận lãnh, vì đức Phật từng cấm người xuất gia không được dùng các loại bột hương rắc, xức các hoa mạn trang sức. Các tín chủ thấy thế, xôn xao bàn tán: "Các Tỳ-kheo này được cúng dường những phẩm vật nhỏ nhoi đến thế, còn không chịu nhận, huống hồ những phẩm vật quý hơn?" Các Tỳ-kheo bèn đem mọi chuyện bạch cùng đức Phật. Phật đáp rằng: "Này các Tỳ-kheo! Nếu các thí chủ thế gian hoan hỷ phát tâm đem các loại bột hương rắc, xức và hoa man trang sức rải lên các pháp sự. Ấy là điềm rất lành, hãy thọ lãnh!" Do đó, các thí chủ thế gian bèn đem cúng dường đủ loại phẩm vật như tiền tài, báu vật và cà-sa. Các Tỳ-kheo đâm ra lo âu hổ thẹn, không dám thọ lãnh. Các thí chủ xôn xao bàn tán: "Các Sa-môn đệ tử của đức Phật Thích-ca được cúng dường ngần ấy phẩm vật, còn không dám nhận, huống hồ những phẩm vật quý báu hơn?" Các Tỳ-kheo lại đem mọi chuyện bạch cùng đức Phật. Đức Phật đáp rằng: "Này, các Tỳ-kheo! Nếu các thí chủ thế gian đem các loại tài vật và cà-sa đến cúng dường với lòng hoan hỷ, ta cho phép tùy nghi thọ lãnh hay không thọ lãnh. Nếu ai cần đến thì được pháp thọ lãnh. Nếu không cần đến thì trả lại cho thí chủ". Bấy giờ, có các Tỳ-kheo chọn lựa nghĩa lý quan trọng trong kinh đem ra nói lại cho người khác, không tuân theo thứ tự kể trên. Sau đó, cùng đâm ra lo sợ trái với kinh luật, nên bạch

cùng đức Phật. Đức Phật đáp rằng: “Ta cho phép tùy nghi chọn lựa nghĩa lý quan trọng trong kinh, đối chiếu lại với văn từ để giảng thuyết cho người khác, nhưng phải đúng với ý kinh, không được sai khác”.

Lại nữa, Kinh Phật-bản-hạnh nói: “Bấy giờ, các Tỳ-kheo tụ tập trong một gian nhà, có hai Tỳ-kheo cùng ra thuyết pháp, gây phiền hà cho nhau. Do đó, mới cất lên hai gian nhà, mỗi Tỳ-kheo thuyết pháp trong một gian riêng, nhưng vẫn còn gây ra phiền hà. Các Tỳ-kheo trong nhà này dẫn nhau sang nhà kia. Các Tỳ-kheo trong nhà kia lại dẫn nhau sang nhà này. Qua lại lộn xộn, gây nên náo loạn. Tranh nhau qua lại như thế, khiến pháp sự đình đốn. Có Tỳ-kheo không thích nghe các Tỳ-kheo ấy thuyết pháp. Đại chúng thấy thế, liền đem mọi chuyện bạch cùng đức Phật. Đức Phật bảo: “Từ nay trở đi, không cho phép hai người thuyết pháp chung trong một nhà. Cũng không cho phép cất hai nhà gần nhau, khiến âm thanh vang dội, gây nên phiền hà. Cũng không cho phép Tỳ-kheo bên nhà kia chạy sang bên này, cũng như bên nhà này chạy sang bên kia. Lại cũng không cho phép ghét bỏ người nào không thích nghe các Tỳ-kheo ấy thuyết pháp. Nếu ai ghét bỏ, sẽ theo pháp trị”.

Lại nữa, luật Tứ-phần cũng không cho phép hai Tỳ-kheo cùng thuyết pháp trong một nhà, cùng ngồi trên tòa cao kề cận nhau, hai giọng cùng thuyết pháp, ngâm nga tán bái. Mọi thứ ấy đều không cho phép. Các luật khác cũng không cho phép pháp sư ngồi trên tòa cao để tín chủ rải hoa. Nếu hoa dính lên người, phải phủi xuống.

Lại nữa, luật Thiện-kiến nói: “Khi pháp sư thuyết pháp cho đại chúng, nếu nữ giới nghe, nên lấy quạt che mặt, không được cười lộ răng. Nếu ai cười, phải đuổi ra. Tại sao thế? Bởi vì đức Phật thương xót chúng sinh nên mới đem lời vàng giáo hóa. Các ngươi phải đem lòng hổ thẹn lắng nghe, cớ sao lại vui cười”.

Thứ tư: PHẦN TRÁI CHÁNH PHÁP

Như Kinh Phật Tạng nói Đức Phật bảo Xá-lợi-phất: “Sau này, các Tỳ-kheo sẽ ham đọc ngoại điển, khi thuyết pháp, sẽ trau chuốt ngôn từ để mọi người vui thích. Bấy giờ, ác ma sẽ tiếp tay mê hoặc mọi người, ngăn cản chánh pháp. Có người sẽ ưa chuộng tiếng nói êm tai, lời lẽ hoa mỹ, lại có người sẽ thích đọc ngoại điển. Bọn họ sẽ bị ác ma mê hoặc, khiến tâm tán loạn bất an, khi bị mê hoặc đến thế, bọn họ sẽ bị che lấp tuệ nhãn, sẽ trở nên tham lam vụ lợi. Những người thích đọc ngoại điển ấy giống hệt bầy mù, sẽ bị lừa dối gạt gẫm, phải rơi xuống

hang sâu mà chết. Lại nữa, Xá-lợi-phất! Người nào thuyết pháp ma không thanh tịnh, sẽ không biết được ý chỉ của chư Phật. Nếu không hiểu rõ mà thuyết pháp cho người, sẽ mắc phải năm lổi lầm trước mắt: 1/ Khi thuyết pháp, tâm sẽ phập phòng lo sợ kẻ khác chất vấn. 2/ Trong tâm sẽ chất chứa lo sợ nhưng ngoài mặt vẫn gượng gạo thuyết pháp. 3/ Đó sẽ chỉ là kẻ phàm phu, không có trí tuệ thật sự. 4/ Lời thuyết pháp bất tịnh sẽ chỉ là chuỗi ngôn từ. 5/ Lời nói sẽ không có mạch lạc thứ tự, chỉ chắp vá khắp nơi. Thế nên, kẻ phàm phu ấy sợ sệt lo âu không có trí tuệ, tâm không ổn định, chỉ cốt cầu danh, tâm còn ngờ vực mà vẫn thuyết pháp cho người. Xá-lợi-phất! Kẻ ấy thân chưa chứng pháp mà ngồi lên tòa cao, tâm chưa biết rõ mà lại dạy người, theo chánh pháp, sẽ bị đọa xuống địa ngục!"

Lại nữa, kinh Tăng-nhất-A-hàm nói: "Bấy giờ, đức Phật bảo các Tỳ-kheo: "Cần phải biết có bốn loài chim. Là bốn loài chim nào? 1/ Hoặc có loài chim tiếng hót hay nhưng hình dáng xấu, ấy là chim Câu-sí-la. 2/ Hoặc có loài chim hình dáng đẹp nhưng tiếng hót dở, ấy là chim Cắt. 3/ Hoặc có loài chim tiếng hót dở mà hình dáng cũng xấu, ấy là chim Cú. 4/ Hoặc có loài chim tiếng hót hay mà hình dáng cũng đẹp, ấy là chim Công. Trên thế gian cũng có bốn hạng Tỳ-kheo, cần phải cùng nhau xem xét. Là bốn hạng nào ? 1/ Hoặc có hạng Tỳ-kheo sắc tướng trang nghiêm uy nghi thành tựu, nhưng không biết đọc tụng từ đầu, giữa, cuối các kinh thật giỏi. Hạng Tỳ-kheo này gọi là hình dáng đẹp nhưng tiếng nói không hay. 2/ Hoặc có hạng Tỳ-kheo tiếng nói hay nhưng hình dáng xấu. Ra vào đi đứng không đủ uy nghi, nhưng giảng thuyết hay, giữ giới tinh tiến, nghĩa lý sâu xa từ đầu, giữa, cuối các kinh đều giỏi. Hạng Tỳ-kheo này gọi là tiếng nói hay, nhưng hình dáng xấu. 3/ Hoặc có hạng Tỳ-kheo tiếng nói dở mà hình dáng cũng xấu. Ấy là các Tỳ-kheo phạm giới, không tinh tiến, không nghe giảng thật nhiều. Nếu nghe xong, cũng quên mất. Hạng Tỳ-kheo này gọi là tiếng nói dở mà hình dáng cũng xấu. 4/ Hoặc có hạng Tỳ-kheo tiếng nói hay mà hình dáng cũng đẹp. Ấy là các Tỳ-kheo có sắc tướng trang nghiêm, uy nghi đầy đủ, lại còn tinh tiến, tu theo thiện pháp, nghe nhiều không quên, đọc tụng từ đầu, giữa, cuối các kinh thật giỏi. Hạng Tỳ-kheo này gọi là tiếng nói hay mà hình dáng cũng đẹp".

Lại nữa, kinh Tăng-nhất-a-hàm nói: "Bấy giờ, đức Phật bảo các Tỳ-kheo: "Có bốn loại mây. Là bốn thứ nào? 1/ Hoặc có loại mây nổi sấm nhưng không đổ mưa. 2/ Hoặc có loại mây đổ mưa nhưng không nổi sấm. 3/ Hoặc có loại mây không đổ mưa cũng không nổi sấm. 4/

Hoặc có loại mây vừa đổ mưa vừa nổi sấm. Bốn loại mây này giống bốn hạng Tỳ-kheo trên thế gian. 1/ Sao gọi là hạng Tỳ-kheo nổi sấm nhưng không đổ mưa? Hoặc có Tỳ-kheo đọc tụng rành mười hai phần giáo, không sai nghĩa, nhưng không biết giảng thuyết cho người khác, nên gọi là hạng Tỳ-kheo nổi sấm nhưng không đổ mưa. 2/ Sao gọi là hạng Tỳ-kheo đổ mưa nhưng không nổi sấm? Hoặc có Tỳ-kheo sắc tướng trang nghiêm, uy nghi đầy đủ, tuy không có kiến thức uyên thâm, nhưng biết theo người khác, theo bạn tốt thầy hay học hỏi, nhớ rỏ không quên và cũng biết thuyết pháp rành rẽ cho người, nên gọi là hạng Tỳ-kheo đổ mưa nhưng không nổi sấm. 3/ Sao gọi là hạng Tỳ-kheo không đổ mưa cũng không nổi sấm? Hoặc có Tỳ-kheo sắc tướng không trang nghiêm, uy nghi không đầy đủ, không tu theo thiện pháp, không có kiến thức uyên thâm, lại cũng không biết thuyết pháp cho người, nên gọi là hạng Tỳ-kheo không đổ mưa cũng không nổi sấm. 4/ Sao gọi là hạng Tỳ-kheo vửa đổ mưa vừa nổi sấm? Hoặc có Tỳ-kheo sắc tướng trang nghiêm, uy nghi đầy đủ, ham thích học hỏi và cũng biết thuyết pháp rành rẽ, khuyên nhủ dẫn dắt người khác tiến thủ nên gọi là hạng Tỳ-kheo vừa đổ mưa vừa nổi sấm”.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 24

Thiên thứ 16 (Phần hai)

Thứ năm: PHẦN CHỌN LỰA ĐẠI CHÚNG

Xét nghĩ khi pháp sư bước lên giảng tòa, trước tiên phải kính lễ Tam bảo, thanh tịnh bản tâm, xem xét thời gian, chọn lựa đại chúng, hội đủ ý hướng Từ bi cứu sinh lợi vật rồi mới bắt đầu thuyết pháp. Thế nên, kinh Báo ân nói rằng: "Nếu thính giả ngồi, pháp sư đứng, không nên thuyết pháp. Nếu thính giả tìm lỗi của pháp sư , không nên thuyết pháp. Nếu thính giả tin theo người, không tin theo pháp; tin theo chữ, không tin theo nghĩa; tin theo chổ không hiểu nghĩa kinh, không tin theo chổ hiểu nghĩa kinh; tin theo kiến thức, không tin theo trí tuệ, gặp những trường hợp nầy, cũng không nên thuyết pháp. Tại sao thế? Vì những loại thính giả này không biết tôn kính chánh pháp của chư Phật và các Bồ-tát. Nếu giảng sư biết tôn trọng chánh pháp, thính giả cũng sẽ sinh lòng cung kính, dốc tâm lắng nghe, không dám khinh thường ngạo mạn, như thế gọi là thuyết pháp thanh tịnh". Do đó, kinh A-hàm có kệ nói rằng:

Thính giả say sưa như khát uống,
Chuyên chú đào sâu vào ngữ nghĩa,
Nghe pháp hớn hở, tâm mừng tủi,
Thính giả như thế, đáng thuyết pháp".

Lại nữa, luật Ngũ-phần nói: "Trừ bỏ lòng tham, lòng không coi thường chính mình, không coi thường đại chúng, phát lòng Từ bi, lòng hoan hỷ, lòng làm lợi ích, lòng không lay động. Nếu xác lập được những lòng này, thậm chí chỉ giảng thuyết một bài kệ bốn câu, khiến thính giả hiểu đúng nghĩa, sẽ an lạc suốt đêm trường và được vô lượng công đức".

Lại nữa, kinh Niết-bàn nói: "Nếu có người thọ trì đọc tụng, sao chép thuyết pháp không đúng lúc đúng nơi, không mời mà thuyết pháp,

khinh mình khinh người, tự ca tụng mình khắp nơi, người ấy sẽ hủy diệt Phật pháp, thậm chí còn khiến vô lượng chúng sanh đọa theo xuống địa ngục. Đó là người có tri thức xấu xa".

Lại nữa, luận Thập-tụng nói: "Có năm hạng người hỏi pháp không nên trả lời: 1. Hỏi thử, 2. Không nghi mà hỏi, 3. Không thật lòng ăn năn khi phạm giới mà hỏi, 4. Không thọ trì chánh pháp mà hỏi, 5. Cốt đem điều khó khăn bì hiểm ra hỏi. Nếu người hỏi thật sự thành tâm, không có ác ý, chỉ muốn phát sinh điều thiện, tiêu trừ điều ác, pháp sư nên tùy cơ duyên, vận dụng mọi phương cách giảng giải. Nếu có chổ pháp sư tự mình chưa hiểu tường tận, hoặc còn mơ hồ, thì không được đem ra thuyết, sợ thính giả loan truyền thất thiệt, giảng sư và thính giả sẽ cùng mắc tội".

Lại nữa, kinh Bách-dụ và luận Tỳ-đàm có nói đến bốn cách hỏi và trả lời: 1/ Trả lời xác định. Thí dụ có người hỏi rằng tất cả hễ có sinh đều phải có tử. Trả lời câu hỏi này là trả lời xác định. 2/ Trả lời phân biệt từng trường hợp. Thí dụ có người hỏi rằng hễ đã có tử ắt phải có sinh. Trả lời câu hỏi này thì cần phải phân biệt từng trường hợp, như đã trừ sạch mầm ái, chắc chắn sẽ vô sinh. Nếu còn mầm ái chắc chắn sẽ còn sinh diệt. Trả lời như thế gọi là trả lời phân biệt từng trường hợp. 3/ Trả lời bằng cách hỏi lại. Thí dụ có người hỏi rằng người là hơn hết. Trả lời câu hỏi này thì cần hỏi lại rằng người là hơn hết so với chúng sanh trong ba đường ác, hay so với chư Thiên. Nếu so với chúng sanh trong ba đường ác, người thật là hơn hết. Nếu so với chư Thiên, người thật sự không bằng. Trả lời như thế gọi là trả lời bằng cách hỏi lại. 4/ Trả lời gác lại. Như có người hỏi đến mười bốn điều khó hoặc hỏi đến thế giới và chúng sanh hữu hạn hay vô hạn, có bắt đầu và cuối cùng, hay không có bắt đầu và cuối cùng. Trả lời câu hỏi này là gác ngang vấn đề. Bàn luận về hỏi, như bàn luận về ngoại đạo ngu si nhưng vẫn tự cho là sáng suốt, thật sự không am tường về bốn bộ luận lớn của nội điển, thế nên chỉ làm được bộ luận phân biệt mà thôi".

Lại nữa, Kinh Ưu-bà-tắc-giới nói: "Đức Phật bảo rằng người an trụ đúng theo chánh pháp thì có thể tự lợi và lợi tha. Nếu an trụ không đúng theo chánh pháp thì không thể gọi là tự lợi và lợi tha. Người an trụ đúng theo chánh pháp sẽ có tám loại trí tuệ: Một pháp trí. Hai nghĩa trí. Ba thời trí. Bốn Tri túc trí. Năm Tự tha trí. Sáu Chúng trí. Bảy Căn trí. Tám Thượng hạ trí. Người có đầy đủ tám loại trí ấy, nếu thuyết pháp sẽ có đủ mười sáu điều: 1/ Đúng lúc. 2/ Thuyết pháp tận tâm. 3/ tHuyết pháp có thứ tự. 4/ Thuyết pháp hòa hợp. 5/ Thuyết pháp đúng nghĩa.

6/ Thuyết pháp vui vẻ. 7/ Thuyết pháp theo ý nghĩ. 8/ Thuyết pháp không coi thường đại chúng. 9/ Thuyết pháp không la rầy đại chúng. 10/ Thuyết như pháp. 11/ Thuyết pháp tự lợi và lợi tha. 12/ Thuyết pháp không bị phân tâm. 13/ Thuyết pháp hợp đạo lý. 14/ Thuyết pháp chân chánh. 15/ Thuyết pháp về mình nhưng không sinh lòng kiêu ngạo. 16/ Thuyết pháp xong, không cầu mong phước báo ở đời sau. Người như thế có thể nghe người khác.

Khi nghe người khác cũng phải có đủ mười sáu điều: 1/ Nghe đúng lúc. 2/ Nghe vui vẻ. 3/ Nghe tận tâm. 4/ Nghe cúng kính. 5/ Nghe không tìm lỗi của người nói . 6/ Nghe không cốt tranh luận. 7/ Nghe không cốt hơn thua. 8/ Khi nghe, không coi thường người nói. 9/ Khi nghe không coi thường chánh pháp. 10/ Khi nghe, không coi thường chính mình. 11/ Khi nghe, xa lìa được hẳn ngũ cái. 12/ Khi nghe, thọ trì đọc tụng. 13/ Khi nghe, trừ bỏ được ngũ dục. 14/ Khi nghe, có đủ đức tin. 15/ Khi nghe xong, điều phục chúng sanh. 16 Khi nghe, dứt bỏ các căn hôn ám. Này các thiện nam tử! Người nào có đầy đủ tám loại trí tuệ như thế, sẽ biết thuyết pháp và nghe thuyết pháp. Người ấy có thể tự lợi và lợi tha. Người không có đủ tám loại trí tuệ ấy không được gọi là tự lợi và lợi tha.

Lại nữa, người biết thuyết pháp có hai hạng: Một là thanh tịnh, hai là hạng không thanh tịnh. Hạng thuyết pháp không thanh tịnh lại có năm điều: 1 Vì lợi lộc nên mới thuyết pháp. 2/ Vì phước báo nên mới thuyết pháp. 3/ Vì hơn người nên mới thuyết pháp. 4/ Vì mười loại phước báo nên mới thuyết pháp. 5/ Còn nghi ngờ mà vẫn thuyết pháp. Hạng thuyết pháp thanh tịnh lại có năm điều: 1/ Trước tiên thí thực rồi mới thuyết pháp. 2/ Vì muốn xiển dương Tam bảo nên mới thuyết pháp. 3/ Vì muốn tiêu trừ phiền não của chính mình và chúng sanh nên mới thuyết pháp. 4/ Vì muốn phân biệt chính tà nên mới thuyết pháp. 5/ Vì muốn chúng sanh đạt được Vô thượng quả nên mới thuyết pháp.

Này, các thiện nam tử! Hạng thuyết pháp không thanh tịnh gọi là dơ uế, gọi là bán pháp, cũng gọi là ô nhục, cũng gọi là nói sai, cũng gọi là mất mát ý chí".

Lại nữa, trong kinh Pháp-cú-dụ, đức Phật có nói kệ rằng:

Tuy đọc tụng nghìn chương
Nghĩa câu không hiểu đúng,
Không bằng hiểu câu chính,
Nghe xong được thanh tịnh.
Tuy đọc tụng nghìn lời,

Không hiểu nghĩa ích gì!
Không bằng nắm một nghĩa,
Tu theo, được giải thoát.
Tuy đọc tụng nhiều kinh,
Không hiểu rõ ích gì!
Hiểu rõ nghĩa một câu,
Tu theo, được đắc đạo”.

Lại nữa, kinh Đại-pháp-cự-Đà-la-ni nói; “Như người thọ trì chánh pháp muốn tu luyện thần chú không bị gián đoạn và các pháp sư sắp sửa thuyết pháp, sửa mình ngồi yên, tụng chú sau đây: “Đát diệt tha, đà ca na, a ca nam ca na, ca na ca na, na ca, ca ca na ca, a ca ca na ca, ca na ca na, ca na a ca na, ca ca na, bà tỳ sát, đế dạ tha bà tỳ sát, dạ tha già già na, đa tha bà tỳ sát đế, đa tha ma ca xá, na ca xá ca ca xá”.

Bấy giờ, pháp sư được quyến thuộc ngồi vây quanh, tạo thành phương tiện gia hộ, khiến pháp sư không bị động tâm, nên thuyết pháp không bị gián đoạn, diệt trừ được ác dục, khiến bọn La-sát nữ không phá hoại thính chúng. Nhờ thế, ý nguyện của pháp sư không bị cản trở”.

Thứ sáu: PHẦN TIỆM ĐỐN

Như kinh Bách dụ nói: “Ngày xưa, có làng nọ nằm cách kinh thành 5 do tuần. Trong làng có loại nước ngon ngọt, nên nhà vua ra lệnh bắt dân làng hàng ngày cung cấp nước ấy. Dân làng cung phụng mệt nhọc quá, muốn bỏ làng ra đi. Lý trưởng bảo mọi người: “Đừng bỏ đi, ta sẽ xin nhà vua đổi 5 do tuần thành 3 do tuần để mọi người đi lại gần hơn, không mệt nhọc nữa”. Lý trưởng đem tâu lên, nhà vua đổi thành 3 do tuần. Mọi người nghe tin, hết sức vui mừng. Có người nói: “Đọan đường thật sự vẫn là 5 do-tuần, có gì khác đâu!” Dẫu nghe lời này, nhưng dân làng tin nhà vua, nên không bỏ đi nữa. Người trên thời gian cũng thế, tu theo chánh pháp phải vượt qua năm đường mới đến Niết-bàn, nên sinh lòng mỏi mệt, muốn bỏ dở, trì trệ trong vòng sinh tử, không thể tiến lên. Pháp vương Như Lai khéo thuyết pháp, phân nhất thừa thành tam thừa. Người theo tiểu thừa nghe được, sinh ra vui mừng cho là dễ thực hiện, tu thiện dưỡng đức, mong sao vượt khỏi sinh tử luân hồi. Về sau nghe có người nói không có tam thừa, chỉ có nhất thừa, người theo tiểu thừa vì cố chấp vào lời đức Phật dạy, nên không chịu bỏ thành kiến tam thừa, giống như dân làng nói trên mà thôi”.

Lại nữa, kinh Hoa-nghiêm nói: “Này, các Phật tử! Giống như mặt

Trời hiện ra soi sáng các núi chúa lớn, kế đến soi sáng các núi lớn, các núi kim cương quý báu, sau đó mới soi sáng mặt đất (Ánh sáng mặt Trời không nghĩ rằng trước hết, ta phải soi sáng khắp các núi chúa lớn, kế đến soi sáng khắp mặt đất, vì mặt đất có chổ cao thấp, nên soi sáng có chổ trước sau), Như Lai ứng cúng Đẳng Chánh Giác cũng thế, nhờ thành tựu được mặt Trời trí tuệ bao la vô lượng vô biên pháp giới, nên thường phóng ánh sáng trí tuệ vô lượng vô ngại soi sáng khắp các núi chúa lớn của hàng Bồ-tát, kế đến soi sáng các Duyên giác, kế đến soi sáng các Thanh văn, kế đến soi sáng các chúng sanh có căn lành được tùy cơ thọ trì giáo hóa, sau đó mới soi sáng mọi chúng sanh. Thậm chí soi sáng các chúng sanh còn lầm lạc, giúp tạo nên nhân duyên lợi ích về sau (ánh sáng của mặt Trời trí tuệ Như Lai không nghĩ rằng trước hết ta phải soi sáng các Bồ-tát, kế đến soi sáng các chúng sanh còn lầm lạc mà phóng ánh sáng trí tuệ lớn lao soi sáng khắp tất cả). Này, các Phật tử! Giống như mặt Trời mặt trăng hiện ra soi sáng khắp thế gian, thậm chí khắp các núi sâu hang vắng, mặt Trời trí tuệ của Như Lai cũng thế, soi sáng tất cả, chỉ vì các chúng sanh có mầm thiện không đều, nên ánh sáng của trí tuệ Như Lai có nhiều khác biệt”.

Thứ bảy: PHẦN PHÁP THÍ

Như luận Thập-trụ-tỳ-bà-sa nói: “Theo các phẩm xưng pháp sư công đức và thuyết pháp nghĩa giới tùy thuận tu học của kinh. Quyết định-vương-đại-thừa, như Bồ-tát muốn đem chánh pháp bố thí cho chúng sanh, cần phải thực hành bốn điều; 1/ Bác học thộng thái, ghi nhớ mọi lời lẽ, câu đoạn. 2/ Biết rõ ràng chắc chắn mọi pháp sinh diệt của thế gian và xuất thế gian. 3/ Có tuệ Thiền định, tuân theo chánh pháp trong kinh, không đâm ra tranh cãi. 4/ Tu tập theo kinh dạy, không thêm không bớt.”

Lại nữa, kinh chánh pháp-niệm nói: “Nếu có chúng sanh thực hành thiện nghiệp, thuyết pháp một câu kệ, giúp người tà kiến tin tưởng thuần thành vào đức Phật, khi mệnh chung, chúng sanh ấy sẽ được sinh lên cõi Trời Ứng Thanh, hương thụ đủ loại phước báo. Khi hết thọ mạng Trời, mới hạ sinh xuống các cõi dưới, luân chuyển theo nghiệp. Nếu có chúng sanh thuyết pháp vì muốn lấy tiền của, không vì bị tâm làm lợi ích chúng sanh, hoặc uống rượu, hoặc cùng nữ giới ăn uống vui chơi để cầu tài lợi, thuyết pháp như thế, phước báo rất ít, sẽ sinh lên cõi Trời, làm loài chim trí tuệ, biết đọc tụng kệ ca. Như thế, gọi là bố thí pháp cấp thấp. Thế nào gọi là bố thí pháp cấp trung bình? Vì tiếng tăm, vì

hơn người vì hơn các pháp sư khác mà thuyết pháp, hoặc vì ganh đua mà thuyết pháp. Bố thí pháp như thế, phước báo cũng ít, được sinh lên cõi Trời, hưởng thụ phước báo trung bình, hoặc sinh làm người mà thôi. Như thế gọi là bố thí pháp cấp trung bình. Thế nào gọi là bố thí pháp cấp cao? Thuyết pháp bằng tâm thanh tịnh, chỉ muốn phát huy trí tuệ của chúng sanh, không cầu tài lợi và muốn các chúng sanh tà kiến được an trụ vào chánh pháp. Bố thí pháp như thế, tự lợi lợi tha, đạt quả tối cao Vô thượng, được nhập Niết-bàn, phước báo bất tận, gọi là bố thí pháp cấp cao".

Lại nữa, trong kinh Ca-diếp, đức Phật nói kệ rằng:

Lấy châu báu chất đầy
Tam thiên đại thế giới,
Rồi đem ra bố thí,
Công đức vẫn rất ít.
Thuyết pháp một câu kệ,
Công đức còn nhiều hơn.
Nhạc cụ đầy tam giới,
Đem bố thí một người,
Không bằng nói câu kệ,
Công đức lớn lao hơn.
Công đức này hơn hẳn,
Vì giúp lìa phiền não.
Nếu chất đầy châu báu
Khắp hà sa thế giới,
Rồi cúng dường chư Phật,
Không bằng cúng dường pháp.
Cúng dường Phật phước nhiều,
Không bằng bố thí pháp.
Bố thí một câu kệ
Phước đức nhiều đến thế,
Huống gì nhiều câu kệ,
Phước đức không thể nghĩ!"

Lại nữa, luận Thập-trụ-tỳ-bà-sa nói: "Người tại gia nên thực hành tài thí, người xuất gia nên thực hành pháp thí. Tại sao? Vì người tại gia thực hành pháp thí không bằng người xuất gia. Kẻ nghe pháp nơi người tại gia sẽ phát tín tâm mỏng mảnh. Vả lại, người tại gia có nhiều của cải, người xuất gia thông thạo kinh điển, đọc tụng rành rẽ, giảng giải tinh tường, dũng mãnh trước đại chúng. Điều này, người tại gia không

thể sánh kịp người xuất gia. Hơn nữa, khiến người nghe phát tâm cung kính, người tại gia không bằng người xuất gia. Lại muốn thuyết pháp để hàng phục nhân tâm, người tại gia cũng không bằng người xuất gia, như kệ có nói:

Trước tiên phải tu hành chánh pháp,
Sau đó mới giáo hóa mọi người
Và mới có thể nói lời này:
Hãy làm theo những gì ta làm.
Bản thân còn làm điều không tốt,
Sao có thể khiến người khác tốt?
Bản thân còn chưa được tịch lặng,
Sao có thể khiến người tịch lặng?

Cần nói thêm rằng, nếu người xuất gia thực hành tài thí, sẽ hại đến các thiện nghiệp khác, vì xa lìa nơi thanh tịnh để đến các xóm làng gần gũi với người thế gian, nói năng qua lại, dấy động tam độc, hời hợt lục độ, thậm chí tham luyến ngũ dục, sinh ra phá giới hòan tục, nên gọi là chết. Có khi phản giới, dễ gây nên tội trọng, đáng gọi là chết, bị đủ loại phiền não hành hạ khổ sở. Vì thế, đối với người xuất gia, tán dương phép pháp thí; đối với người tại gia, tán dương phép tài thí".

Lại nữa, kinh Kim-quang-minh nói: "Thuyết pháp có năm sự kiện: 1 Pháp thí, ta và người đều có lợi, tài thí không sánh bằng. 2/ Pháp thí có thể khiến chúng sanh siêu việt tam giới, tài thí không ra khỏi dục giới. 3/ Pháp thí đem lại lợi ích cho pháp thân, tài thí chỉ nuôi dưỡng sắc thân. 4/ Pháp thí làm lớn mạnh vô cùng, tài thí có lúc cạn kiệt. 5/ Pháp thí có thể đoạn trừ vô minh, tài thí chỉ điều phục tham tâm. Thế nên, tài thí không thể sánh kịp pháp thí. Tuy nhiên, pháp thí cũng có hạn chế, như hiểu biết mà không nói ra, sợ người khác hơn mình, nên cứ giấu giếm. Kiếp sau sẽ vĩnh viễn không được nghe thuyết pháp".

Lại nữa, luận Trí-độ nói: "Nếu bủn xỉn không chịu bố thí pháp, sẽ bị sinh vào các chổ biên địa xa xôi, không có Phật pháp. Vì thói bủn xỉn ấy làm cản trở trì tuệ sáng suốt của các chúng sanh khác. Thói xấu này không bằng thói bán pháp. Thói bán pháp còn hơn thói bủn xỉn ấy".

Lại nữa, luận Thành-thật nói: "Nếu có người thuyết pháp cho người khác, sẽ gọi là lợi tha. Dẫu người này không tu hành theo chánh pháp, nhưng vì có công thuyết pháp cho người khác, nên bản thân cũng được hưởng lợi. Pháp thí có ba bậc: 1/ Pháp thí bậc thấp: chỉ thuyết pháp về bố thí, không thuyết pháp về trí tuệ. 2/ Pháp thí bậc trung bình: Chỉ thuyết pháp về giữ giới. 3/ Pháp thí bậc cao: thuyết pháp về trí tuệ, dạy

người quán lý được hoặc đoạn trừ hai chướng ngại của hoặc và trí, xa lìa sinh tử, về sau sẽ thành đạo, chứng quả Niết-bàn. Thậm chí chỉ thuyết pháp về tiểu thừa, chỉ giáo hóa một người, khiến quán tưởng lẽ sinh không, rồi theo đó tu hành. Dẫu chưa đắc đạo, nhưng công đức thuyết pháp vẫn hơn hẳn giáo hóa tất cả mọi chúng sanh trong cõi Diêm-phù-đề thực hành thập thiện, bởi người ấy biết tin tưởng tu hành, tạo nên nhân duyên giải thoát, chứng quả Niết-bàn".

Lại nữa, kinh Chư-pháp-dũng-vương nói: "Giả sử tất cả chúng sanh dưới nước, trên bộ và trong không của cõi Diêm-phù-đề đều được làm người, giả sử có người giáo hóa mọi chúng sanh này đều giữ gìn ngũ giới và thực hành thập thiện, công đức của người này sẽ không bằng được công đức của người chỉ giáo hóa một chúng sanh biết tin tưởng và tu hành theo chánh pháp".

Lại nữa, luận Thập-trụ-tỳ-bà-sa nói: "Có bốn cách làm thối thất trí tuệ mà hàng Bồ-tát cần xa lánh: 1/ Không cung kính pháp và không thuyết pháp. 2/ Giấu giếm bủn xỉn các pháp bí yếu. 3/ cản trở và phá hoại thành tâm nghe pháp của người mến pháp. 4/ Kiêu ngạo tự cao, coi thường người khác. Có bốn cách đạt được trí tuệ, cần thường xuyên tu tập: 1/ Cung kính pháp và người thuyết pháp. 2/ Thuyết giảng lại cho người khác nghe thật đúng những điều đã nghe hay đã đọc tụng với tâm thanh tịnh không vụ lợi. 3/ Biết tìm tòi theo học các bậc thiện tri thức để đạt trí tuệ sáng suốt như là nhiệm vụ cứu chữa cấp bách. 4/ Ghi nhớ không quên những điều đã nghe, cốt để thực hành chứ không phải để nói suông không".

Thứ tám: PHẦN BÁO ÂN

Như kinh Thiện-cung-kính nói: "Đức Phật bảo A-nan, nếu có chúng sanh nghe nói một câu kệ xong, đem sao chép lên tre lụa, trong đó có bao nhiêu chữ thì trong bấy nhiêu kiếp, cõng đội Hòa thượng A-xà-lê lên vai và đem mọi thứ âm nhạc cúng dường, cũng không thể báo đền nổi công ơn Hòa thượng A-Xà-lê ấy. Trong tương lai, đối với Hòa thượng bổn sư, nếu sinh lòng bất kính, nêu ra lổi lầm, chê bai dốt nát, sẽ chịu nhiều khổ sở và chắc chắn sẽ bị đọa xuống địa ngục. Bởi thế, A-nan! Ta dạy các ông luôn luôn giữ lòng cung kính tôn trọng Hòa thượng bổn sư, sẽ đạt được diệu lý cao siêu. Đây chính là phép kính yêu Tam bảo vô cùng sâu sắc".

Lại nữa, kinh Phạm-võng nói: "Nếu Phật tử gặp các pháp sư đại thừa có cùng kiến giải và đạo hạnh từ xa đến các tự viện hay xóm làng,

phải lập tức cung nghinh lễ bái. Mỗi ngày ba bận cúng dường mọi thức ăn uống ngon ngọt tốn đến vài lượng, giường chiếu tọa cụ, mọi thứ nhu cầu đều cung cấp đầy đủ. Mỗi ngày thỉnh cầu pháp sư thuyết pháp ba buổi, lễ bái pháp sư ba lượt, không sinh lòng sân hận bực tức. Phải thành khẩn phát tâm quên mình cầu đạo, nếu không sẽ phạm tội khinh cấu".

Lại nữa, kinh Ưu-bà-tắc-giới nói: "Nếu nam cư sĩ đã thọ trì sáu giới trọng, trong khoảng bốn mươi dặm có chổ thuyết pháp mà không đến nghe, sẽ phạm tội thất ý".

Lại nữa, kinh Đại-phương-đẳng-đà-la-ni nói: "Đức Phật bảo A-nan, nếu cha mẹ vợ con không cho đến đạo trường, người ấy nên đến trước các người thân, đốt đủ loại hương thơm, quỳ xuống chắp tay nói rằng: "Nay tội muốn đến đạo trường, xin thương xót cho phép". Rồi đem mọi điều giải thích, thuyết minh nhiều lần. Nếu không được chấp thuận, người ấy chỉ nên ở nhà tịnh tọa trì tụng kinh điển mà thôi".

Lại nữa, kinh chánh pháp-niệm nói: "Nếu có người cúng dường pháp sư thuyết pháp, nên nhớ rằng người này đang cúng dường chư Phật hiện tại. Như thế, tùy theo phẩm vật cúng dường, người này sẽ thành tựu nguyện vọng, thậm chí đạt được quả A-nậu-Bồ-đề. Tại sao? Vì nhờ nghe pháp nên tâm được điều phục. Tâm được điều phục nên có thể đoạn trừ được mọi hắc ám của sinh tử vô minh. Nếu không nghe pháp, chẳng còn cách nào có thể điều phục bản tâm".

Lại nữa, kinh Thắng-Tư-Duy nói: "Không phát khởi tội nghiệp, không phát khởi phúc nghiệp, không phát khởi bất động nghiệp. Như thế gọi là cúng dường Phật".

Lại nữa, kinh Hoa-thủ nói: "Nếu đem các thứ hoa hương, y phục, thức ăn, thuốc uống cúng dường chư Phật, không gọi là cúng dường chân chính. Như Lai thuyết pháp ở đạo trường, nếu lãnh hội được chánh pháp vi diệu và tu tập đúng đắn, như thế mới gọi là cúng dường chân chính. Thế nên nói kệ rằng:

Nếu đem các loại hoa hương xức,
Y phục thức ăn và thuốc uống,
Cúng dường khắp tất cả chư Phật
Không gọi là cúng dường chân chính.
Như Lai thuyết pháp ở đạo trường,
Lãnh hội được chánh pháp vi diệu
Và biết y theo đó tu học,
Mới gọi là cúng dường chân chính".

Lại nữa, luận Thập-trụ-Tỳ-bà-sa nói: "Đức Phật bảo A-nan, chư

Thiên làm mưa hương hoa cũng không gọi là cúng dường và cung kính Như Lai. Nếu các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di chú tâm không vọng niệm, thân cận tu tập chánh pháp, như thế mới gọi là cúng dường chư Phật rất chân chính".

Lại nữa, kinh Bảo-vân nói: "Đừng đem của cải cúng dường đức Phật. Vì sao? Vì pháp thân của Như Lai không cần đến của cải, chỉ nên lấy pháp cúng dường đức Phật. Để thành tựu viên mãn Phật đạo, lấy pháp cúng dường là tốt đẹp hơn cả".

Lại nữa, kinh Thiện-Cung-Kính nói: "Đức Phật bảo, nếu Tỳ-kheo có tuổi hạ, nhưng không thông hiểu kinh kệ, Tỳ-kheo ấy cũng nên theo thầy học hỏi. Tại sao? Vì tự mình còn chưa hiểu biết, làm sao có thể làm thầy người khác? Giả sử Tỳ-kheo già cả có hằng trăm tuổi hạ, nhưng không am hiểu chuyện Tăng-già, không thông thạo giới luật, cũng nên nói đến chuyện theo thầy học hỏi. Nếu Tỳ-kheo theo thầy học hỏi, nên có lòng tôn trọng cung kính thầy.

Khi theo thầy học đạo, không được cười cợt, không được lố lăng, không được tréo chân, không được ngó chân, không được dậm chân, không được đá chân. Thầy chưa hỏi đến, không được trả lời. Thầy có sai bảo, không được trái ý. Không được nhìn vào mặt thầy, phải đứng cách thầy ba cánh tay. Thầy bảo ngồi mới ngồi, không được trái lệnh. Ở bên cạnh thầy, phải tỏ lòng hiền dịu. Nếu có điều nghi, phải đem ra hỏi. Được thầy chấp thuận, mới là hợp lý. Mỗi ngày ba bận phải tham kiến thầy, trình bày tiến chỉ. Nếu ba lượt không tham kiến, thầy sẽ sửa trị theo giới luật. Nếu tham kiến không gặp thầy, phải lấy cục đất, cành cây hay ngọn cỏ để lại làm chứng. Nếu gặp thầy đang ở trong phòng phải thành tâm đi quanh phòng ba lượt, hướng về thầy đảnh lễ rồi mới được phép trở lui. Nếu không gặp thầy, mọi việc gác lại, không được làm gì, trừ đại tiểu tiện. Lại nữa, khi ở bên thấy, không được nói lớn. Thầy có tránh cứ, không được trả lời. Giường ghế của thầy, phải siêng lau chùi, không để bụi bặm, kiến rận bám đeo, khi thầy nằm ngồi đến khi thầy dậy, phải siêng tụng niệm. Mặt Trời vừa hé, liền đến bên thầy, ân cần hỏi han làm công chuyện gì. Lại nữa, lúc ở bên thầy, không được khạc nhổ, giống như lên điện, để kính trọng thầy. Không lấy cà-sa trùm vai trùm đầu. Khi Trời nóng nực, mỗi ngày ba bận, hầu quạt cho thầy. Ba bận xách nước để thầy tắm rửa. Lại cũng ba bận, dâng nước uống mát. Thầy làm việc gì, tận tâm tận lực phụ giúp cho thầy". Đức Phật bảo A-nan: "Mai sau trên đời, nếu các Tỳ-kheo khi ở bên thầy, không biết kính trọng, kể với đại chúng sơ suất của thầy, các Tỳ-kheo

ấy không phải là Tu-đà-hoàn, cũng không phải là phàm phu xấu ác, mà chính là bọn ám độn ngu si đáng đem xử trị. Dẫu thầy có lổi, không được nói ra, huống không phạm lổi, sao dám bịa chuyện? Nếu các Tỳ-kheo ở bên thầy, không biết cung kính, ta bảo cho biết, có địa ngục nhỏ tên là đánh đập, sẽ bị đọa xuống đó. Khi đã đọa xong, một thân bốn đầu đều phát lửa đỏ, giống như bó đuốc, tóe ra lửa mạnh, không thể dập tắt. Đến khi tắt xong, trong địa ngục ấy, có loại côn trùng tên là gò bó ăn hết cuống lưỡi. Sau khi chết đi, sinh vào súc sinh, bởi vì trước đây, cuống lưỡi gây tội nhục mạ đến thầy, nên phải ăn lấy dơ uế. Hết kiếp súc sinh, lại sinh làm người ở chổ hẻo lánh, đủ thứ xấu xa. Tuy mang thân người, da chẳng giống người, cơ thể không đủ, thường bị kẻ hạ tiện mắng nhiếc nhục mạ. Không gặp được đức Phật, không có trí tuệ. Sau khi chết đi, lại bị đọa xuống địa ngục, chịu đựng vô lượng vô biên nỗi đớn đau khổ sở".

Thứ chín: PHẦN LỢI ÍCH

Như kinh Chánh Pháp-Niệm nói: "Thuyết pháp có mười loại công đức rất lợi ích: 1/ Thời gian và địa điểm đầy đủ. 2/ Phân tích dễ hiểu. 3/ Hợp với chánh pháp. 4/ Không vụ lợi. 5/ Cốt để điều phục tâm. 6/ Tùy duyên thuyết pháp. 7/ Thuyết pháp về Bố thí sẽ được phước báo. 8/ Thuyết pháp về sinh tử có nhiều chướng ngại. 9/ Thuyết pháp về chư Thiên cũng bị Thối thất, sinh diệt. 10/ Thuyết pháp chứng minh có nghiệp quả. Người thuyết pháp có đủ mười công đức này sẽ khiến người nghe đạt nhiều lợi ích an lạc, thậm chí đạt được cứu cánh Niết-bàn. Một khi công đức nghe pháp được thành tựu sâu xa, niềm tin trong sáng thành đạt hết vào Tam bảo, dù mới cất chân bước đến pháp đàn để nghe thuyết pháp, đã thấy sinh ra vô lượng phước đức".

Lại nữa, kinh Đại-Bồ-tát-tạng nói: "Đối với các Bồ-tát, phát tâm hết sức yêu thích như đối với các bậc đại sư. Đối với pháp bảo, phát tâm yêu thích như đối với bản thân. Đối với Chư Phật, phát tâm yêu thích như đối với bổn mạng. Đối với tôn sư, phát tâm yêu thích như đối với cha mẹ. Đối với chúng sanh, phát tâm yêu thích như ruột. Đối với đạo sư, phát tâm yêu thích tôn kính như đối với đôi mắt. Đối với phạm hạnh chân chính, phát tâm yêu thích như đối với tai mắt, đầu thân. Đối với Ba-la-mật, phát tâm yêu thích như đối với chân tay. Đối với pháp sư thuyết pháp, phát tâm yêu thích như đối với các bảo vật vô giá. Đối với tâm nguyện cầu mong chánh đạo, phát tâm yêu kính như đối với thuốc hay. Đối với người chỉ ra lổi lầm và nhắc nhở, phát tâm yêu kính như

đối với thầy giỏi".

Lại nữa, kinh Tăng-già-tra nói: "Bấy giờ, tất cả các vị Bồ-tát Dũng Mãnh bạch đức Phật rằng: "Thưa đức Thế-tôn, nếu có chúng sanh nghe được chánh pháp này, sẽ hưởng thọ mạng bao nhiêu kiếp?" Đức Phật bảo; "Sẽ hưởng thọ mạng đủ tám mươi kiếp". Các vị Bồ-tát dũng mãnh bạch đức Phật: "Lấy gì để ước lượng kiếp? Đức Phật bảo: "Thí dụ có một thành lớn vuông vức hai mươi do-tuần, cao ba do tuần, chứa đầy hạt mè, có người sống thọ hơn một trăm tuổi mới lấy đi một hạt mè. Đến khi hột mè trong thành hết, nhưng kiếp vẫn còn. Lại như có ngọn núi lớn, chu vi hai mươi lăm do-tuần, cao mười hai do-tuần, có người sống thọ hơn một trăm tuổi mới lấy tấm lụa mỏng phất ngang qua một lần. Đến khi núi mòn hết nhưng kiếp vẫn còn. Như thế gọi là thời lượng của kiếp". Bấy giờ, tất cả các Bồ-tát dũng mãnh bạch đức Phật rằng: "Thưa đức Thế-tôn, chỉ một lần phát tâm nghe chánh pháp, còn được phước đức lớn lao, hưởng thọ tám mươi kiếp như thế, huống gì tu hành sâu rộng theo chánh pháp?"

Lại nữa, kinh Niết-bàn nói: "Lìa bỏ tứ pháp mà vẫn chứng được Niết-bàn là điều không thể có. Tứ pháp là gì? 1/ Thân cận thiện hữu. 2/ Chuyên tâm nghe pháp. 3/ Luôn luôn tư duy. 4/ Tu tập đúng theo chánh pháp.

Theo ý nghĩa này, có nhân duyên nghe pháp chính là gần gũi với nhập Niết-bàn. Tại sao? Bởi vì được khai mở pháp nhãn. Thế gian có ba hạng người: 1, Là hạng không có mắt, 2, là hạng có một mắt và 3, là hạng có hai mắt. Nói không có mắt là hạng người không được nghe pháp. Có một mắt là hạng người tạm thời nghe pháp nhưng tâm không trụ. Có hai mắt là hạng người chuyên tâm nghe pháp và theo đó tu hành. Cũng nhờ được nghe pháp nên mới biết trên thế gian có ba hạng người như thế".

Lại nữa, kinh Pháp-cú-dụ nói: "Ngày xưa đức Phật thuyết pháp cho chư Thiên và dân chúng tại Tinh xá của Trưởng giả Cấp-Cô-Độc ở nước Xá-vệ. Bấy giờ Quốc vương Ba-tư-nặc có công chúa góa bụa tên Kim Cương được Quốc vương và hoàng hậu thương yêu, cất riêng cho cung thất và ban cho năm trăm nữ nhạc để giúp vui. Công chúa có tỳ-nữ già tên Độ Thắng thường ra chợ mua sắm son phấn hương hoa. Độ Thắng thấy vô số nam nữ mang hương hoa chen chúc ra ngoài thành, đến Tinh xá của đức Phật, liền hỏi bọn họ đi đâu. Mọi người trả lời: "Hiện có đức Phật xuất thế, ngài là bậc chí tôn trong tam giới, thuyết pháp cứu độ chúng sanh đều nhập Niết-bàn". Nghe nói, Độ Thắng vui

mừng hớn hở nghĩ rằng: "Nay ta đã già, còn được gặp đức Phật. Thật do phước đức từ kiếp trước". Bèn lấy bớt tiền mua hoa tươi đi theo mọi người đến Tinh xá, đảnh lễ đức Phật rồi đứng lùi một bên, rải hoa đốt hương cúng dường và chú tâm nghe thuyết pháp. Sau đó ra chợ mua hương thơm. Nhờ công đức nghe pháp và nhân lành từ kiếp trước, hương thơm nồng hơn và trọng lượng Tăng thêm nhiều hơn. Chỉ hiềm về trể, nên mọi người trong cung xúm lại gạn hỏi. Độ Thắng vì sùng kính đức Phật, liền đem sự thật nói ra: "Thời gian hiện có bậc chí tôn trong tam giới gióng trống pháp Vô thượng chấn động khắp đại thiên thế giới. Vô số chúng sanh đến nghe thuyết pháp. Ta cũng có đến, nên mới về trễ." Kim Cương và đám thị nữ nghe nói đức Phật thuyết pháp vi diệu hiếm có, sửng sốt thở than: "Riêng bọn ta mắc tội gì lại không được nghe?" Bèn bảo Độ Thắng thử nói lại. Độ Thắng thưa: "Hiện tại thân ta hèn hạ, miệng ta dơ uế, không dám nói ra. Muốn nghe chánh pháp đúng cách, trước tiên hãy đặt tòa cao, ta mới vâng lời nói pháp". Năm trăm thị nữ hết sức vui mừng, cởi áo chất thành pháp tòa. Độ Thắng tắm gội sạch sẽ, nương nhờ uy lực của đức Phật, bước ra thuyết pháp. Đám Kim Cương giải thoát mọi nghiệp chướng, cùng chứng quả Tu-đà-hoàn. Chẳng may hỏa tai nổi lên, tất cả đều bị chết thiêu, sinh lên cõi Trời. Quốc vương đưa người đến cứu chữa không kịp, đành thu thập di thể chôn cất. Xong xuôi, Quốc vương đến bên đức Phật đảnh lễ và chấp tay thưa rằng: "Kim Cương cùng tất cả thị nữ bị hỏa tai thiêu chết, đã được chôn cất. Chẳng hay vì tội gì phải bị nạn ấy, xin đức Thế-tôn nói rõ sự tình". Đức Phật bảo: "Này, Quốc vương! Vào thời quá khứ tại thành ba-la-nại có vợ của vị Trưởng giả dắt năm trăm thể nữ đến đền thờ lớn ngoài thành để cúng tế. Lệ của bà ta rất nghiêm: Người khác phái không được đến gần bên, không kể thân sơ, nếu vi phạm, sẽ bị ném vào lửa. Bấy giờ có vị Bích-chi Phật tên Ca-la tu hành trong núi. Sáng xuống khất thực, chiều lại trở về. Hôm ấy, Ca-la đến khất thực tại đền thờ. Vợ của Trưởng giả trông thấy, bừng bừng nổi giận, cùng thọ nữ xúm lại bắt ném vào lửa đỏ. Ca-la toàn thân cháy rụi, bèn hiển hiện thần thông, bay vút lên giữa hư không. Bọn người nữ kinh hoàng, khóc lóc ăn năn, cùng quỳ mọp xuống thưa rằng: "Bọn nữ nhân chúng tôi ngu tối, không biết được ngài, lỡ lầm hổn xược, xúc phạm đến oai thần. Xin ngài rộng lượng ban ơn phước hóa giải mọi tai ương". Vừa dứt lời, Ca-la lập tức bay xuống và nhập Niết-bàn. Bọn người nữ ấy bèn xây tháp phụng thờ xá-lợi". Đức Phật lại nói kệ cho Quốc vương rằng:

Ngu si làm ác,

Chẳng hiểu tại sao.
Họa giáng, tự đốt.
Tội lỗi đã tỏ,
Ngu si không thấy,
Không nói tự chuốc.
Khi xuống địa ngục,
Mới biết do ác.

Đức Phật bảo Quốc vương: “Vợ của trưởng đương thời chính là công chúa Kim Cương của nhà vua đấy. Năm trăm thị nữ đương thời chính là Độ Thắng và năm trăm nữ nhạc. Tội phúc bên người, lâu mấy vẫn tỏ; thiện ác theo người, như bóng theo hình”. Khi đức Phật thuyết pháp đến đây, tất cả đại chúng lớn nhỏ đến nghe đều được tỏ ngộ”.

Lại nữa, kinh A-dục-vương nói: “Ngày xưa, vua A-thứ-già nhờ pháp sư thuyết pháp, sai lấy bình phong che đám cung tần rồi bắt ngồi nghe. Pháp sư giảng luận về bố thí, giới luật và sinh lên cõi Trời. Một cung tần phá lệ, vén màn tiến lên trước hỏi rằng: “Thưa pháp sư, khi đức Như Lai ngồi dưới cây Bồ-đề giác ngộ các pháp, chính là giác ngộ bố thí, giới luật hay các pháp nào khác?” Pháp sư đáp: “Đức Phật giác ngộ rằng mọi thứ phiền não đều gây nên khổ, giống như nấu thép trong lò. Khổ ấy do tập sinh ra, giống như cây độc. Tu tập theo Bát chánh đạo để diệt khổ”. Cung tần ấy nghe xong lời này liền chứng được quả Tu-đà-hoàn. Sau đó, lấy dao cột vào cổ, đi đến bên Quốc vương tâu rằng: “Hôm nay tôi phạm tội lớn, kính xin Quốc vương trừng trị”. Quốc vương hỏi: “Nhà ngươi phạm tội gì? Cung tần tâu: “Tôi đã phạm vào lệnh cấm của Quốc vương, dám đến trước pháp sư, như trâu khát nước, không sợ tội chết, vì quá khát khao lắng nghe Phật pháp.” Quốc vương hỏi thêm: “Nhà ngươi nghe pháp, có tỏ ngộ gì chăng?” Tâu rằng: “Nhận thức rõ tứ diệu đế, hiểu rõ ngũ uẩn và tứ đại. Tất cả đều vô ngã. Nhờ thế, chứng được pháp nhãn”. Vừa nghe xong, nhà vua nhảy lên reo vui mừng, rồi cúi đầu đảnh lễ cung tần và ra lệnh: “Từ nay về sau, không được che bình phong ngăn cách. Nếu có cung tần nào hâm mộ chánh pháp, ta cho phép được đến trước pháp sư lắng nghe thuyết pháp.” Quốc vương còn tán thán thêm: “Lạ lùng thay! Không ngờ trong cung ta lại xuất hiện một nhân vật quý báu đến thế! Mới biết nghe pháp có ích lợi to lớn vô cùng!”

Lại nữa, kinh Tạp-bảo-tạng nói: “Bấy giờ, nước Bát-già-la đem năm trăm con nhạn trắng tặng Quốc vương Ba-tư-nặc. Quốc vương sai đưa đến Tinh xá-Kỳ-hoàn. Khi chư Tăng thọ trai, mọi người đều ăn.

Bầy nhạn thấy Tăng chúng, liền đến đứng phía trước. Đức Phật dùng phép nhất âm thuyết pháp, chúng sanh đều hiểu. Bầy nhạn cũng hiểu tiếng người, lấy làm vui mừng nghe pháp. Xong xuôi, cùng nhau bay về hồ nước. Sau đó, lông vũ hóa dài, bầy chim bay đến các chổ xa hơn, bị bọn thợ săn giăng lưới giết hết. Một con cất tiếng kêu lên, cả bầy cùng kêu theo âm thanh nghe pháp trước đây. Nhờ thiện tâm ấy, được sinh lên cõi Trời Đao-lợi. Lệ sinh lên cõi Trời, cần suy nghĩ ba điều: một suy nghĩ từ nơi nào đến. Hai suy nghĩ về sinh vào đâu. Ba suy nghĩ trước đây tạo nghiệp gì được sinh lên cõi Trời. Bầy nhạn suy nghĩ từ tiền kiếp xa xưa, không tạo được nghiệp thiện gì ngoài chuyện nghe pháp. Suy nghĩ được như thế, năm trăm vị Trời liền bay xuống bên đức Phật nghe thuyết pháp và cùng chứng quả Tu-đà-hoàn. Quốc vương Ba-tư-nặc trước đây mỗi lần đến tham kiến đức Phật, thường thấy bầy nhạn đậu la liệt phía trước, nhưng hôm nay không thấy, liền hỏi: “Bầy nhạn bữa nay đi đâu?” Đức Phật đáp: “Bầy nhạn ấy vì bay đi xa, bị thợ săn giết chết, được sinh lên cõi Trời làm năm trăm vị Thiên tử áo mũ trang nghiêm, hôm nay nghe ta thuyết pháp đã chứng được quả tu đà-hoàn”. Quốc vương hỏi: “Vì nhân duyên nào, bầy nhạn ấy bị đọa xuống làm súc sinh, khi mệnh chung được sinh làm Trời và nay lại đắc đạo?” Đức Phật đáp: “Vào thời đức Phật Ca-diếp xa xưa có năm trăm người nữ thọ giới nhưng lại phạm giới, nên bị đọa xuống làm súc sinh. Nhờ có thọ giới, được gặp đức Phật, được nghe thuyết pháp, được sinh làm Trời và nay được chứng đạo quả.

Lại nữa, Kinh Tạp-thí-dụ nói: “Ngày xưa, có vị Sa-môn đêm ngày tụng niệm, Con chó nằm dưới Thiền sàng lắng nghe kinh kệ, không thiết uống ăn suốt nhiều năm. Khi chết. Chó được sinh làm người nữ trong nước Xá-vệ. Lớn khôn, người nữ ấy gặp vị Sa-môn đi khất thực liền chạy đi lấy thức ăn cúng dường, vị Sa-môn rất vui mừng. Về sau, xuất gia làm Tỳ-kheo-ni, chứng được đạo quả”.

Tụng rằng:

Vua dạy ngoài đời,
Đạo sửa trong tâm.
Giác hoàng chánh pháp
Vô lượng cao thâm.
Kính tuân diệu lý,
Phát triển nhân đức.
Đời đời truyền thụ,
Thơm tho vạn thế.

Tứ đế cảm ngộ;
Tam đạt rực rỡ.
Phật quốc rộng mở,
Giáo hóa tùy cơ.
Hữu không sẵn có,
Cửu huyền thấu tỏ.
Dạy cái không dạy,
Đạo chẳng xa đó.”

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG:

Dẫn chứng sơ lược chín chuyện linh ứng:

1- Sa-môn Trúc đạo Sinh đời Tống. 2- Cư sĩ Phí Sùng Tiên đời Tống. 3- Sa-môn Lặc-na người Thiên Trúc đời Ngụy. 4- Sa-môn Thích Tăng Phạm đời Tề. 5- Sa-môn Thích Đàm Diên đời Tùy. 6- Sa-môn Thích Tuệ Viễn đời Tùy. 7- Sa-môn Thích Pháp Ngạn đời Tùy. 8- Sa-môn Thích Đạo tông đời Đường. 9- Sa-môn Thích Đạo Tuệ đời Đường.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 25

Thiên thứ 17: KIẾN GIẢI

Gồm có hai phần: Thuật ý, Dẫn chứng.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Xét rằng thức tâm biến chuyển, theo lẽ bất thường; lẫn sáng đắp đổi, Thánh trí khó đoán lắng thần chiếu suốt, hiện rõ ngay cơ. Ấy gọi là tịch diệt bất động, cảm ứng liền thông. Ngộ đạo nhờ duyên, mới mong thần hóa. Do đó, văn tự có công năng dẫy đầy vũ trụ, biến hóa tùy phương, bao trùm pháp giới. Nếu chẳng phải là bậc Thánh có đủ lục thông, liệc có thể giáo hóa trọn vẹn cả năm đường?

Thứ hai: PHẦN DẪN CHỨNG

Như luận Phân-biệt-công đức nói: "Đức Phật sở dĩ bảo các đệ tử đều đáng đệ nhất (đứng đầu), vì trong giáo pháp để lại ở tương lai, tứ chúng xuất gia, kiến giải bất đồng, cùng nhau tranh luận, cho mình là hơn, kẻ khác là kém. Những người này thật nhiều vô số. Dự phòng như thế, nên đức Phật mở lối cho họ tự lực tự cường, cố gắng tu tập. Như trong ánh sáng thì mặt Trời đệ nhất, trong tinh tú thì mặt trăng đệ nhất, trong sông ngòi thì biển cả đệ nhất, trong cõi Trời Lục Thiên thì ma vương Ba-tuần đệ nhất, trong mười tám Trời ở Sắc giới thì Trời Tịnh Cư đệ nhất, trong chín mươi sáu hạng thì Tăng già đệ nhất, trong chín mươi sáu đạo thì đạo Phật đệ nhất. Như trong năm trăm đệ tử thuộc hàng Thanh văn thì thần thông và kiến giải đều khác biệt, không thể kể hết". Sau đây chỉ liệt kê một vài chục vị, vô số vị còn lại có chép đủ ở các sách khác.

1/ Luận nói: "Như Tỳ-kheo Câu-lân đến thọ pháp "Thiện lai" trước tiên, khi đức Phật mới bắt đầu giáo hóa, nên gọi là đệ nhất. Tỳ-kheo Kiều-phạm-bát-đề khôn ngoan, biết giữ mình khỏi mọi chê cười, bằng cách lên ẩn thân trên Trời, nên gọi là đệ nhất". Thế nên luận

công đức nói: "Tỳ-kheo Ngưu cước có hai lý do không thể ở dưới thế gian: Tỳ-kheo này có móng chân như móng bò và ăn no xong, ói ra nhai lại. Nếu bọn ngoại đạo trông thấy, sẽ sinh lòng phỉ báng, bảo các Sa-môn ăn uống vô độ, nên đức Phật sai lên Trời, ngồi tọa Thiền trên giảng đường Thiện pháp. Tỳ-kheo Thiện Giác từng làm sứ giả của chư Tăng lên đó gặp Tỳ-kheo này. Khi đức Phật đã nhập Niết-bàn, Tôn giả Ca-diếp đánh chùy tập họp chư Tăng, sai A-na-luật xem khắp thế gian có ai không đến. A-na-luật thấy tất cả đều hiện diện, chỉ còn Tỳ-kheo Kiều-phạm đang ở trên Trời. Ca-diếp bèn phái Thiện Giác lên Triệu. Thiện Giác đến Trời Tam Thập Tam, gặp Kiều-phạm đang nhập định tận diệt giữa giảng đường Thiện Pháp, liền dùng Thiền chỉ lay dậy: "đức Thế tôn nhập diệt đã mười bốn hôm, Ca-diếp họp chúng, sai ta lên đây truyền lệnh mau xuống thế gian." Kiều phạm đáp: "Thế gian đã trống vắng, trở về làm gì? Ta cũng sắp sữa nhập diệt". Nói xong, lấy y bát nhờ Thiện Giác đem về trao lại cho chư Tăng rồi nhập diệt. Do nhân duyên khôn khéo giữ mình, an tọa trên Trời, nên Tỳ-kheo này được gọi là đệ nhất".

2/ Luận nói: "Ưu-liên-tỳ-Ca-diếp sở dĩ gọi là đệ nhất, vì từ tiền kiếp đến nay, có ba anh em thường có hàng nghìn đệ tử theo hầu, lại gặp đức Phật độ giúp, cùng chứng được quả A-la-hán, được cúng dường đầy đủ bốn thứ. Nhờ thế, phấn chấn hộ trì Thánh chúng, nên được gọi là đệ nhất về cúng dường".

3/ Luận nói: "Xá-lợi-phất sở dĩ gọi là đệ nhất về trí tuệ, vì đức Thế tôn muốn biết trí tuệ của Thân tử (Xá-lợi-phất) nhiều ít thế nào, bèn lấy núi chúa Tu-di làm nghiên, lấy nước bốn biển lớn làm mực, lấy tre gỗ trong bốn thế giới làm bút và lấy tất cả chúng sinh trong bốn thế giới làm để diễn tả trí tuệ của Thân tử nhưng không thể nào tả hết. Huống chi những kẻ chỉ có năm phép thần thông làm sao có thể ước lượng nổi? Do đó mới gọi Xá-lợi-phất đứng đầu về trí tuệ".

3/ Luận nói: "Đại Mục-kiền-liên sở dĩ gọi là đệ nhất về thần thông, vì khi Đức Phật bảo là tam tai nổi lên, chúng sinh bị đói khổ, Đại Mục-kiền-liên bèn muốn lật mặt đất lên để lấy chất dinh dưỡng để nuôi sống chúng sinh. Đức Phật ngăn lại không cho, sợ tổn thương tín mạng của chúng sinh. Đức Phật ngăn lại không cho, sợ tổn thương tính mạng của chúng sinh. Đại Mục-kiền-liên liền muốn đưa một tay giữ chúng sinh, một tay lật đất, đức Phật cũng không chấp thuận. Do đó mới biết Đại Mục-kiền-liên đệ nhất về thần thông".

Kinh Mật-tích-cương-lực-sĩ nói: "Thế giới Quang Minh Phan ở

phương Tây có đức Phật Quang Minh Vương Minh đang thuyết pháp , Mục Liên vâng mệnh đức Thế tôn đến đó để ước độ của Phật âm thanh. Đức Phật ấy cao bốn mươi dặm, các Bồ-tát cao hai mươi dặm, bát của các Bồ-tát ấy cao một dặm. Mục-liên đi trên miệng bát. Các Bồ-tát ấy bạch đức Phật Quang Minh Vương: "Ủa, thưa đức Phật, sinh vật nhỏ bé này từ đâu đến, mặc áo Sa-môn và đi trên miệng bát?" Đức Phật ấy đáp: "Các đệ tử thân yêu! Đừng khinh rẻ hiền giả ấy! Hiền giả trẻ tuổi ấy tên Đại-Mục-liên, là để tử đệ nhất về thần thông trong hàng Thanh văn của đức Phật Thích-ca-văn đây!" Rồi đức Phật Quang Minh Vương bảo Mục-liên: "Các Bồ-tát và Thanh văn của thế giới ta thấy hiền giả nhỏ bé, sinh lòng khinh rẻ. Vậy hiền giả hãy hiển hiện thần thông, nương nhờ uy đức của đức Phật Thích-ca-văn". Mục-liên vâng lời, cúi đầu hành lễ dưới chân đức Phật ấy, đi vòng quanh bảy lượt rồi phóng mình lên giữa không trung, biểu diễn thần uy, xong xuôi, trở về đứng trước đức Phật ấy. Các Bồ-tát đều khen ngợi lạ lùng chưa từng thấy. Đức Phật ấy bảo: "Hiền giả muốn thử âm hưởng của đức Phật Thích-ca-văn nên mới đến đây. Không cần phải thử âm hưởng của Như Lai, vì âm hưởng ấy thật vô hạn, bất kể xa gần, đều diệu vợi vô lượng. Không thể lấy gì sánh ví nổi". Đức Phật ấy bảo tiếp: "Thần lực của hiền giả không thể giúp cho đến đây được, chính là nhờ vào uy đức của đức Phật Thích-ca-văn. Nên đứng đây lễ bái đức Phật Thích-ca-văn, tự nhiên sẽ về được bên ấy. Nếu hiền giả chỉ vận dụng thần lực của chính mình, suốt một kiếp chưa trở về được bên ấy!" Mục-liên hạ chân phải xuống sát đất, hướng về phương đông đảnh lễ đức Phật Thích-ca-văn rồi chấp tay trở về. Chỉ trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay, đã được về đến. Do đó mới biết Mục-liên đệ nhất về thần thông".

5/ Luận nói: "A-na-luật sở dĩ gọi là đệ nhất về thiên nhãn, vì khi đức Phật đang thuyết pháp giữa đại hội, A-na-luật ngủ ngồi. Đức Phật trông thấy, bảo: "Nay Như lai thuyết pháp, tại sao ông ngủ? Này, khi ngủ, tâm ý đều đóng lại, khác gì đã chết?" A-na-luật hổ thẹn, cố gắng cảnh tỉnh, không dám ngủ, lâu quá thành mù. Mọi chúng sinh đều cần 6 loại thức ăn. Mắt cần hai loại: Một là sắc tướng, hai là ngủ nghỉ. Ngũ tình cũng cần đến hai loại thức ăn. Khi được ăn, lục căn mới được bảo toàn. Mắt không được ăn nên bị mù lòa. Đức Phật sai kỳ-vực chữa trị. Ông này thưa: "Vì mất ngủ quá lâu nên không chữa được. Nhục nhãn đã hỏng, không thể nhìn thấy". Một dạo a-na-luật mày mò vá áo, chỉ hết phải xâu lại. Không biết nhờ ai, bèn gọi khắp hai bên: "Ai muốn cầu phúc, xin hãy xâu kim giúp cho!" Bỗng nhiên đức Phật bước đến

trước mặt, cầm lấy kim: "Ta sẽ xâu dùm". A-na-luật hỏi: "Ai đấy?" Ta là Phật đây". A-na-luật hỏi:" Đức Thế tôn đã đầy đủ phúc, sao còn cầu phúc?" đức Phật đáp: "Liệu phúc có thể chám nhàm chăng?" A-na-luật lập tức suy nghĩ, đức Phật còn cầu phúc, huống gì kẻ phàm phu? Trong tâm cảm kích, vội vàng chạy đến chiêm ngưỡng đức Phật. Do quá thành tâm, chứng được phép thiên nhãn: Triền miên suy đi nghĩ lại, chứng thêm quả A-la-hán. Khi chứng quả này, thường có ba loại nhãn: 1/ là nhục nhãn. 2/ là thiên nhãn. 3/ là tuệ nhãn. A-na-luật dùng tam nhãn quan sát, sợ nhục nhãn quấy nhiễu thiên nhãn tranh giành công năng tinh vi và thô lớn, gây rối quan sát, nên chỉ dùng thiên nhãn quan sát đại thiên thế giới, lớn nhỏ đều thấy rõ ràng. Do đó mới bảo A-na-luật đệ nhất về thiên nhãn".

6/ Luận nói: "Ca-chiên-diên sở dĩ gọi là đệ nhất về phân tích nghĩa lý, vì Tỳ-kheo này muốn biên tập bộ pháp tạng, trong lòng suy nghĩ, nếu để người hỏi han náo loạn, khó chuyên tâm tư duy, nên ẩn mình dưới đất suốt bảy ngày. Khi soạn xong liền đem trình đức Phật. Đức Phật ngợi khen: "Lành thay!" và chấp thuận trở thành pháp tạng, có ý nghĩa vi diệu, hàng phục được ngoại đạo. Do đó Tỳ-kheo này được gọi là đệ nhất về nghĩa lý. Lại nữa, đức Phật còn ngợi khen là bậc hiền giả đệ nhất về phân tích và giải thích ý nghĩa".

7/ Luận nói: "bà-câu-la sở dĩ gọi là đệ nhất về tuổi thọ, vì từ tiền kiếp xa xưa đã cúng dường sáu vạn đức Phật thường phát từ tâm khắp các quốc độ của chư Phật ấy. Đối với các loài nhuyễn thể hữu hình, càng tỏ lòng thương xót, không hề có ý giết hại. Đức Phật bảo A-nan: "Như lai hiện nay có thọ mạng 80 tuổi vì muốn tùy thuận thích hợp với thế gian, không để khác biệt. Bà-câu-la nhờ phước đức từ tiền kiếp nên thọ mạng Tăng gấp đôi, được một trăm sáu mươi tuổi. Bởi vào thời quá khứ, khi đức Phật Tỳ-bà-thi ra đời có vị Trưởng giả tu hành tinh khiết, bản tính hiền thiện khiêm cung, phát tâm cúng dường đức Phật ấy và chư Tăng đầy đủ bốn thứ suốt bốn mươi chín ngày. Một Tỳ-kheo đến xin thuốc. Trưởng giả hỏi: "Đau bệnh gì?" Đáp: "đau đâu". Trưởng giả nói: "Bệnh này do trên cách mô ứ nước nên phát ra đau đầu". Nói xong cúng dường một quả ha-lê-lặc. Nhờ uống quả ấy, Tỳ-kheo hết bệnh. Do phước báo này suốt chín mươi mốt kiếp, Trưởng giả ấy không hề mắc bệnh. A-nan hỏi Bà-câu-la: "Tại sao ông không thuyết pháp? Phải chăng vì không thông hiểu phép tứ biện nên không dám thuyết pháp?" Bà-câu-la đáp: "Chẳng phải ta không đủ sức thông hiểu phép ấy. Chỉ vì ta vốn thích tịch lặng, không chịu cảnh ồn ào, nên không thuyết pháp

mà thôi". Do đó, Bà-câu-la đệ nhất về thọ mạng và tịch lặng".

8/ Luận nói: "Ưu-ba-li sở dĩ gọi là đệ nhất về giữ giới, vì khi năm trăm đệ tử thân thích xuất gia, vị cắt tóc lẹ làng đưa tay, không mạnh không yếu, tự nhiên tóc đều rụng sạch. Đức Phật bảo Ưu-ba-li: "Hãy đến đây!" Ưa-ba-li lập tức trở thành Sa-môn. Đức Phật truyền giới xong, liền trở thành A-la-hán. Sau đó, đức Phật mới truyền giới cho năm trăm đệ tử thân thích. Ưu-ba-li được làm thượng tọa. Các đệ tử thân thích nói: "Người này vốn là nô bộc trong nhà, làm sao đảnh lễ được?" đức Phật bảo: "Đừng nghĩ thế, đạo không phân biệt sang hèn ai đắc pháp trước là anh!" Các đệ tử thân thích miễn cưỡng gật đầu, ép mình hành lễ. Đất Trời bỗng nhiên chấn động dữ dội. Chư Thiên hiện ra tán thán: "Hay thay, hay thay! Hôm nay các đệ tử thân thích đã chế ngự được thói cao ngạo, là điều rất khó, khiến đất Trời phải chấn động". Bấy giờ, cũng có chín vạn chín nghìn dân chúng xin xuất gia vào đạo. Từ ngày thọ giới, Ưu-ba-li không hề phạm một tội nhỏ, nên được gọi là đệ nhất về giữ giới. Lại nữa, phía bắc Tinh xá kỳ-hoàn có vị Tỳ-kheo bị bệnh suốt sáu năm không bớt, Ưu-ba-li đến thăm, hỏi: "Ông đau bệnh gì? Có cần gì không?" Tỳ-kheo ấy đáp: "Ta cần một thứ trái với giới luật, nên không thể nói ra". Cứ nói, đừng ngại!" Tỳ-kheo ấy thổ lộ: "Ta nhớ rượu quá, chỉ cần năm thăng là hết bệnh". "Đợi một lát, ta đi hỏi đức Phật giúp cho" Ưu-ba-li quay về, bạch cùng đức Phật: "Có Tỳ-kheo mắc bệnh, cần rượu làm thuốc. Nên cho uống chăng?" đức Phật dạy: "Giới luật của ta đặt ra cốt để trừ bỏ bệnh tật khổ đau". Ưu-ba-li lập tức quay lại tìm rượu đưa cho Tỳ-kheo ấy uống xong, liền hết bệnh. Lại thuyết pháp cho nghe, Tỳ-kheo ấy chứng được quả A-la-hán. Đức Phật khen ngợi Ưu-ba-li: "Ông hỏi chuyện ấy, khiến Tỳ-kheo mắc bệnh được lành, lại còn đắc đạo. Nếu không được độ, Tỳ-kheo ấy sau này sẽ rơi vào ba đường ác, không thể nào ra. Thế nên chế ra giới luật cho các Tỳ-kheo mai sau, phải biết cân nhắc nặng nhẹ, mới mong khỏi mọi tai ách hiểm nghèo. Ông thực sự biết giữ gìn giới luật. Ta giao phó giới luật cho ông, đừng để thất thoát. Đừng đem nói hết cho các Sa-di mới vào đạo". Do đó, Ưu-ba-li được gọi là đệ nhất về giữ giới".

9/ Luận nói: "Nan-đà sở dĩ gọi là đệ nhất về trang nghiêm, vì các Tỳ-kheo khác đều có tướng tốt không bằng. Như Xá-lợi-phất có bảy tướng tốt, Mục-liên có năm tướng tốt, A-nan có hai mươi tướng tốt, chỉ duy Nan-đà có ba mươitướng tốt. Thân Nan-đà ánh màu vàng, thân A-nan ánh màu bạc. Đắp y sáng chói, mang giày dép bằng tỏ vàng, cầm bát bằng lưu ly xanh, đi vào thành khất thực mọi người trông thấy Nan-

đà đều sinh lòng vui thích. Ngoài đức Phật các đệ tử khác không ai sánh kịp Nan-đà, nên được gọi là đệ nhất về trang nghiêm. Nàng nại nữ xin phép đức Phật được gặp Nan-đà ngoài Tinh xá. Quá đỗi yêu mến, Nại nữ hành lễ dưới chân, lấy tay vuốt ve Nan-đà. Tuy nhìn dung mạo đẹp đẽ nhưng tâm Nan-đà lặng yên, không chút xôn xao. Tay chân nam nữ đụng chạm, Nan-đà không chút bất tịnh. Nại nữ không biết điều ấy, cho rằng Nan-đà còn lòng dục. Đức Phật hiểu ý, bảo Nại nữ: "Đừng nghi ngờ! Su khi hết kiếp bảy ngày Nan-đà sẽ chứng quả A-la-hán". Do đó, có thể nói rằng đức Phật biết rõ tâm Nan-đà thanh tịnh bất biến, cho nên được gọi là đệ nhất về trang nghiêm".

10/ Luận nói: "Tỳ-kheo Bà-đà sở dĩ gọi là đệ nhất về giải tỏa nghi trệ của người khác, vì chư Phật ba đời đều đem tám vạn bốn nghìn pháp môn ra giáo hóa. Chúng sinh đắc đạo, không nhất thiết phải thực hành hết các pháp môn. Cần tùy thuận nhân duyên ngộ đạo, lấy đó làm tôn chỉ tu hành. Bởi vì chúng sinh có căn cơ không giống, mang bệnh nặng nhẹ khác nhau, tích tập cấu uế dày mỏng sai biệt, nên chư Phật mới đặt ra số lượng pháp môn như thế. Có khi một loại thuốc trị được nhiều bệnh. Có khi nhiều bệnh dùng chung một loại thuốc. Giống như lục độ thống lãnh tất cả, chuyên tu một phép, các phép khác đều phụ giúp theo. Một phép không chuyên tu, các phép đều phế bỏ, tùy bệnh phát ra, dùng thuốc thích hợp. Nếu tâm "thường" nổi lên, lấy tâm vô thường chữa trị. Nếu tâm "có" nổi lên, lấy tâm không chữa trị. Khi tâm vô thường làm chủ, vạn pháp đều trở nên vô thường, giống như phép bố thí tạo nên tám vạn công đức, tám vạn công đức đều tạo thành từ phép bố thí. Cũng giống như trong bát âm của Như lai thì nhất âm làm chủ tất cả bát hưởng. Nhất hưởng làm chủ bách giáo. Nhất giáo làm chủ bách nghĩa. Mỗi một nghĩa đều làm chủ, suy rộng đến hàng trăm vạn ức nghĩa. Nhất âm báo vạn ức, biến hóa vi diệu đến thế. Nói đại khái, các pháp môn cũng đều như thế. Tỳ-kheo Bà-đà chuyên nói đại lược, nên được gọi là đệ nhất về giải tỏa nghi trệ".

11/ Luận nói: "Thiên Tu-Bồ-đề sở dĩ gọi là đệ nhất về mặc áo đẹp, vì trong hàng năm trăm đệ tử thân thích có hai vị tên Tu-Bồ-đề: Một vị thuộc dòng dõi hoàng tộc và một vị thuộc dòng dõi Trưởng giả. Vị tên Thiên Tu-Bồ-đề này thuộc dòng dõi hoàng tộc. Gọi là Thiên vì suốt năm trăm kiếp, thường sinh lên cõi Trời làm chư Thiên, đứng vào hàng Thanh văn, sau hạ sinh xuống dòng dõi vương gia, hưởng phước đầy đủ, không hề thiếu thốn. Khi đức Phật trở về nước, dạy phải xuất gia, vị này ép mình dưỡng chí, cơm hẩm áo thô. Lấy cỏ làm nệm, lấy

phân làm thuốc. Nghe đức Phật giáo hóa nghiêm minh quá, thối chí muốn bỏ về nhà. Nhân khi đức Phật nhận lời mời của Quốc vương Ba-tư-nặc, vị này đến Từ biệt xin về. A-nan bảo: "Ông hãy ở lại một đêm". Thiên-tu-Bồ-đề đáp: "Tịnh xá của Sa-môn làm sao ở được? Hãy để tôi ra ngoài nghỉ tạm, rồi mai về nhà". A-nan bảo: "Cứ ở lại đây, ta sẽ thu xếp chổ nghỉ đàng hoàng". A-nan vào cung lấy đủ các thứ tọa cụ, phướn treo, bông hoa, dầu thơm bày biện tươm tất. Thiên Tu-Bồ-đề vào nghỉ ngơi rất vừa lòng. Tâm thần ổn định, tư duy về tứ đế. Đến khuya, chứng được quả A-la-hán. A-nan vào bạch đức Phật: "Thiên-tu-Bồ-đề đã chứng xong quả A-la-hán, đang bay bổng giữa hư không". Đức Phật bảo: "Này, áo có hai thứ: có thể gần gũi và không thể gần gũi. Nếu mặc áo đẹp mà Tăng trưởng đạo tâm thì áo ấy có thể gần gũi. Nếu mặc áo ấy mà tổn thất đạo tâm thì áo ấy không thể gần gũi. Do đó, A-nan! Nếu mặc áo đẹp mà đắc đạo hay mặc áo Tăng rách nát mà đắc đạo, chổ đắc đạo chính là ở bản tâm chứ không câu chấp ở áo". Vì thế, có thể nói rằng Thiên tu-Bồ-đề đệ nhất về mặc áo đẹp".

12/ Luận nói: "La-vân sở dĩ gọi là đệ nhất về giữ giới không hư hỏng, vì có người từng bảo La-vân thích nói dối và ham sân giận. Đức Phật từ bỏ ngôi báu xuất gia đi khất thực khắp nơi, La-vân cho là điều đáng xấu hổ, lấy làm bực tức nên sinh ra nói dối. Như có người hỏi đức Phật hiện ở đâu. Nếu đức Phật đang ở Kỳ Viên, La-vân trả lời đang ờ Trú Ám viên. Nếu đức Phật đang ở Trú Ám Viên, La-vân lại trả lời đang ở kỳ Viên. La-vân trả lời ngược lại với người đến hỏi. A-nan bạch cùng đức Phật: "La-vân nói dối". Đức Phật cho gọi đến hỏi: "Người có nói dối không?" Thưa có". Đức Phật bảo "Ta sở dĩ bỏ ngôi báu xuất gia vì biết tất cả đều vô thường không bền vững. Ngay cả ngôi vị đế Thích, Phạm vương cũng không bền vững, huống gì ngôi vua ở thế gian để ỷ y? Trước sau, ta đã từ bỏ không màng đến. Tại sao ngươi lại đem lòng hờn trách ta?" nói xong, đức Phật bảo: "Ngươi hãy múc nước đem lại đây". La-vân múc nước đầy bát mang lại. Đức Phật cầm bát bảo: "Ngươi thấy nước đầy chăng?" "Thưa, thấy rồi". Đức Phật bảo: "Nước này thật đầy, không vơi một chút giống người giữ giới viên mãn không sơ suất". Đức Phật đổ bớt một nửa, bảo: "Ngươi thấy nước vơi chăng?" "Thưa, thấy rồi". Đức Phật bảo: "Nước này vơi mất một nửa, giống người giữ giới không đầy đủ". Đức Phật đổ hết nước, đưa bát cho La-vân xem rồi bảo: "Ngươi thấy bát hết nước chăng?" "Thưa đã thấy". Đức Phật bảo: "Phạm hết mọi giới cũng giống như bát hết nước". Đức Phật úp bát xuống đất, bảo: "Ngươi thấy bát này chăng?" "Thưa, đã thấy". Đức

Phật bảo: "Phạm hết mọi giới, sẽ bị đọa xuống địa ngục, giống như bát úp ngược xuống đất". Từ khi được đức Phật giáo huấn, La-vân không hề phạm một giới, dù nhỏ như tơ hào, nên được gọi là đệ nhất về giữ giới. La-vân còn đệ nhất về hạnh nhẫn nhục. Có lần theo Xá-lợi-phất vào thành Xá-vệ khất thực, một kẻ Bà-la-môn thấy La-vân đi sau, bỗng nổi ác tâm, đánh La-vân, vỡ đầu chảy máu đầy mặt. La-vân tức giận, nuôi ý kiếm cách trả thù. Xá-lợi-phất biết được, đưa tay chùi sạch máu, bảo: "Nên nhớ ngày xưa, khi phụ vương ngươi còn làm vua, có người đến xin mắt, bèn móc mắt ra cho. Thậm chí, chặt tay chân cho người cũng không chút hối tiếc. Khi làm voi, rút ngà đem cho cũng không cảm thấy khổ sở. Cớ sao ngươi nay lại sinh ác ý?" La-vân nghe nói, hết sức trách mình đã nổi sân giận với kẻ Bà-la-môn kia, lập tức nín thinh như đất, không còn máy động tơ hào hại tâm. Kẻ Bà-la-môn đánh La-vân kia bị đọa xuống địa ngục vô gián. Do đó, La-vân đệ nhất về giữ giới và nhẫn nhục".

13/ Luận nói: "Tỳ-kheo Bàn-đà tuy ngu độn nhưng sở dĩ gọi là đệ nhất về biến hình vì được đức Phật dạy tụng hai tiếng quét chổi. Hễ tụng tiếng chổi thì quên tiếng quét, tụng tiếng quét lại quên tiếng chổi. Suốt sáu năm ròng Tỳ-kheo chuyên tâm tụng hai tiếng ấy. Chợt tỏ ngộ, liền suy nghĩ: "Chổi là chổi, quét là trừ bỏ, chổi ví với bát chánh đạo, bụi dơ ví với tam độc. Lấy bát chánh đạo trừ bụi dơ tam độc. Ý nghĩa của quét chổi, phải chăng là như thế?" Trầm tư hoài chân lý ấy, tâm bổng mở tung, chứng được quả A-la-hán. Có kẻ Bà-la-môn (còn gọi là phạm chí, Thế điển, vì đọc rộng, hiểu sâu mọi sách vở sấm truyền, thiên văn địa lý nên có tên ấy) tự cho mình đức cao mới Bàn-đà nói chuyện, bảo: "Dám cùng ta thảo luận chăng?" Bàn-đà bực mình đáp: "Ta còn đàm luận nổi với tổ phụ Phạm Thiên của người, huống gì với kẻ đui mù không mắt như ngươi?" Bà-la-môn nương theo, hỏi lại: "Đui mù và không mắt khác nhau thế nào?" Bàn-đà lặng thinh không trả lời được, bèn vận dụng thần thông, phóng mình lên giữa hư không cao bốn trượng chín, ngồi kết già phu tọa. Bà-la-môn ngẩng nhìn, trong lòng nảy sinh tôn kính. Bấy giờ, Xá-lợi-phất biết hết sự tình, thấy cần hiện ra trả lời giúp, nếu không, sẽ không độ được Bà-la-môn ấy, bèn hóa thành Bàn-đà và làm phép che giấu Bàn-đà, rồi hỏi rằng: "Nhà ngươi là Trời hay là người?" "Là người" "Có phải người nam chăng?" "Đúng thế". Xá-lợi-phất lại bảo: "Người là danh từ chung. Người nam là căn cứ theo giới tính. Sao không khác nhau? Hồi nãy nói đui mù nghĩa là không có mắt trí tuệ để trừ bỏ phiền não tối tăm". Bà-la-môn ấy lập tức giải tỏa

mê mờ, chứng được quả pháp nhãn tịnh. Do đó, Bàn-đà được gọi là đệ nhất về biến hình".

Như kinh Tăng-nhất-a-hàm nói: "Bấy giờ, vào ngày rằm, đức Thế Tôn giảng thuyết giới luật, các Tỳ-kheo Tăng và năm trăm Tỳ-kheo thân thích, lén rời Kỳ-hoàn lên hồ A-nậu-đạt. Long vương bay xuống bên đức Thế tôn, cúi đầu hành lễ xong, ngồi xuống một bên. Đại chúng vắng lặng, Xá-lợi-phất cũng không thấy ngồi. Đức Phật bảo Mục-kiền-liên: "Ông mau tới chổ Xá-lợi-phất, bảo gọi đến". Mục-liên vâng lời, sang thành Xá-vệ, bảo Xá-lợi-phất: "Đức Phật gọi ông đến, có Long vương A-nậu-đạt muốn gặp". Xá-lợi-phất cởi đai áo cà-sa trước Mục liên, bảo: "Ông có thần lực, thử nâng đai này". Mục-liên đưa tay nhấc lên, đai không chút nhúc nhích. Mục-liên rán sức nhấc lên, đến nỗi mặt đất chấn động dữ dội. Xá-lợi-phất bèn nhấc bổng Mục-liên bay đến Đông Phất-vu-đãi, lấy đai quấn núi Tu-di. Mục-liên cố nhấc đai lên, đến nỗi rung rinh núi Tu di. Xá-lợi-phất lại lấy đai quấn tòa Như lai , Mục-liên không thể nào lay động, bèn bỏ đai, bay về bên Long vương. Từ xa, đã thấy Xá-lợi-phất về trước, đang ngồi kiết già phu tọa, tâm chí hướng tới trước. Mục-liên bạch đức Phật: "Tôi đã mất hết thần thông rồi chăng, nếu không, tại sao Xá-lợi-phất về sau lại đến trước?" đức Phật bảo: "Xá-lợi-phất dũng mãnh ấy có trí tuệ rất lớn lao". Đức Phật bảo tiếp: "Nhiều Tỳ-kheo không kính trọng ông, bảo thần lực của Xá-lợi-phất hơn hẳn ông. Nay trước mặt đại chúng ông hãy hiển hiện thần oai". Mục-liên đáp: "Thưa vâng". Rồi vụt khỏi chổ ngồi, bay lên đỉnh núi Tu-di, dang một chân lên khỏi Trời Phạm Thiên, một chân dẫm mạnh xuống núi Tu-di khiến mặt đất chấn động dữ dội sáu lần. Bấy giờ các Tỳ-kheo đều tặc lưỡi ngợi khen lạ lùng chưa từng thấy. Mục-liên bèn nói kệ, khiến 60 Tỳ-kheo đều giải thoát mọi phiền não".

Lại nữa, kinh Văn-thù-sư-lợi-bát-Niết-bàn nói: "Đức Phật bảo Bồ-tát Bạt-đà-la: "Bồ-tát văn-thù-sư-lợi này có tâm đại từ đại bi, thuộc dòng dõi Bà-la-môn tu hành ở thôn Đa-la trong nước này. Khi sinh, trong phòng như có hoa sen nở, từ hông phải của mẹ ra đời. Thân thể óng ánh màu vàng tía, biết nói ngay như Đồng tử trên Trời, có tán thất bảo che đầu. Chín mươi lăm vị luận sư không thắng nổi, xin xuất gia đức Phật và an trụ vào đại định Tam muội thủ lăng nghiêm. Sau khi đức Phật nhập diệt bốn trăm năm mươi năm, Bồ-tát sẽ đến tuyết sơn giảng thuyết mười hai bộ kinh lớn thọ năm trăm đạo sĩ, khiến họ an tâm không thối chuyển, rồi trở về dưới gốc cây Ni-câu-luật-đà bên đầm lớn tại quê nhà, ngồi kết già phu tọa, nhập vào đại định Tam-muội thủ lăng

nghiêm. Các lổ chân lông phóng hào quang vàng óng chiếu khắp mười phương thế giới, cứu độ mọi chúng sinh có thiện duyên. Thân như núi vàng, cao một trượng sáu. vầng hào quang tròn hiển hiện trang nghiêm, lớn khoảng một tầm, trong đó có năm trăm vị hóa Phật. Mỗi vị đều có nă, Bồ-tát hóa thân àm thị giả". Đức Phật lại bảo Bạt-đà-la: "Bồ-tát văn-thù-sư-lợi này có vô số thần thông biến hóa vô cùng, không thể ghi chép hết. Nếu chúng sinh nào chỉ cần nghe tên Bồ-tát này, sẽ tiêu trừ tội nghiệp sinh tử trong 1hai ức kiếp. Nếu kẻ nào lễ bái cúng dường, đời đời sẽ được sinh trong nhà thờ Phật. Nếu kẻ nào chưa gặp được Bồ-tát này, nên tụng chú Thủ lăng nghiêm, đọc danh hiệu văn-thù-sư-lợi, từ một ngày cho đến bảy ngày, Bồ-tát này sẽ hiện xuống nhà. Nếu kẻ nào còn nghiệp nặng, trong mộng gặp được Bồ-tát này, hiện kiếp chỉ cầu chứng quả thanh-văn, sẽ chứng được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-na-hàm. Nếu người xuất gia gặp được Bồ-tát này, trong một ngày đêm, sẽ trở thành A-la-hán. Nếu kẻ nào tin tưởng sâu sắc vào kinh điển đại thừa, sẽ được Bồ-tát này giảng giải nghĩa lý cao siêu trong Thiền định, kẻ nào rối trí loạn tâm, sẽ được Bồ-tát này giảng giải nghĩa lý chân chính trong giấc mơ, giúp họ vững tin vào đạo Vô thượng một cách dũng mãnh kiên cường, không thối chuyển. Sau khi ta diệt độ, tất cả mọi chúng sinh nghe danh hiệu Bồ-tát này, được thấy hình tượng của Bồ-tát này, sẽ không bị đọa vào đường ác suốt hàng trăm kiếp. Nếu kẻ nào thọ trì đọc tụng danh hiệu của Bồ-tát này, dẫu có nghiệp chướng nặng nề, cũng sẽ không bị đọa vào biển lửa dữ nhất của địa ngục vô gián, và sẽ luôn luôn được sinh vào các quốc độ thanh tịnh khác, sẽ được gặp gỡ chư Phật, được nghe thuyết pháp và được chứng pháp vô sinh nhẫn".

Lại nữa, kinh Hiền-ngu nói: "Khi đức Phật ở trong núi Thứu đầu tại thành vương-xá, Quốc vương Ba-la-nại là Ba-la-ma-đạt nói có vị tể tướng sinh được một bé trai đầy đủ tướng tốt, thân thể vàng óng, mặt mũi khôi ngô. Tể tướng nhìn con, lòng càng hớn hở Phu nhân trước đây, bản tính không nhân hậu lắm. Từ khi mang thai, biết thương xót hoàn cảnh khó khăn, rộng lượng với dân chúng, ra tay cứu giúp che chở. Tể tướng mời thầy bói đến xem giúp. Thấy đứa bé thầy bói vui mừng, đặc tên là Di-lặc. Đứa bé nổi tiếng khắp nước. Nhà vua nghe được, sợ sẽ mất ngôi, có ý trừ khử khi nó còn nhỏ, liền bảo: "Nghe ngươi sinh con trai tướng mạo thật kỳ vĩ. Hãy đưa đến đây cho ta gặp mặt. Tể tường và mọi người đều biết nhà vua nuôi ý đồ xấu hết sức lo sợ. Ông ngoại của cậu bé là Ba-bà-lê, làm quốc sứ bên nước Ba-bà-phú-la. Là người thông minh học rộng sáng suốt đa tài, có năm trăm đệ tử thường theo

hầu hạ. Tể tướng thương con, sợ bị mưu hại, lén cho người cưỡi voi đưa con sang bên đó lánh nạn. Quốc sư thấy cháu tốt tướng, lòng thêm quý mến thương yêu, khi cháu khá lớn, dạy cho học tập. Một ngày tiến bộ hơn trẻ khác một năm. Chẳng bao lâu đã thông thạo kinh sử. Quốc sư thấy cháu học rộng, muốn mở đại hội để khen tài, liền sai đệ tử sang Ba-la-nại báo cho tể tướng biết học lực của con và lấy tiền của về mở đại hội. Đệ tử đi được nửa đường, nghe nói đức Phật đạo hạnh vô lượng, lòng rất hâm mộ, bèn đến gặp ngài. Giữa chừng bị cọp bắt ăn. Nhờ thiện tâm ấy được sinh lên cõi thứ nhất trong Trời Tứ Thiên. Quốc sư phải tự mình dốc hết của cải mở đại hội. Mọi người đều đến tham dự. Xong xuôi, làm lễ phát chẩn, mỗi người đều được ban cho năm trăm đồng tiền vàng. Khi thức ăn đã phân phát hết, có kẻ Bà-la-môn tên Lao-độ-sai đi đến sau cùng, nên không được phần ăn, chỉ được phát số tiền vàng. Lao-độ-sai nổi giận hỏi "nghe đồn ông bố thí thức ăn, cớ sao chẳng thấy gì? Nếu trái ý, không cho ta ăn, bảy ngày sau, đầu ngươi sẽ bị vỡ thành bảy mảnh!" Sợ bị ác chú và độc thuật, quốc sư không dám coi thường, đâm ra lo âu hết sức. Đệ tử sai phái trước đây được sinh làm Trời, thấy thầy xơ xác tiều tụy, hiện xuống hỏi thăm. Quốc sư kể lại đầu đuôi. Vị Trời nói: "Lao-độ-sai là kẻ gian ác ngu si, chẳng có gì cao siêu, cớ sao phải sợ? Chỉ có đức Phật là bậc Vô thượng pháp vương siêu việt bậc nhất, rất đáng quy y". Quốc sư nghe nói đến đức Phật, liền hỏi kỹ. Vị Trời cho biết đức Phật có vô lượng trí tuệ và đạo đức, hiện đang ở trên núi Thứu đầu tại thành vương-xá. Quốc sư nghe ca tụng uy danh của đức Phật, chợt nhớ lại điều có ghi chép trong sách: "một khi sao Phí hiện ra, Trời đất chấn động, sẽ có bậc Thánh trí ra đời". Điềm lành nay đã ứng hiện, liền sai nhóm Di-lặc gồm 16 người đi xem tướng tốt của đức Phật và thử hỏi ngài thầy Ba-bà-lê của chúng tôi có bao nhiêu tướng tốt, bao nhiêu tuổi, họ gì, có bao nhiêu đệ tử. Quốc sư căn dặn, nếu đức Phật đáp đúng, ngài mới là đức Phật. Các ngươi nên quy y theo ngài rồi phái một người về cho hay. Nhóm Di-lặc lên đường sang thành vương-xá, đến núi Thứu đầu. Thấy đức Phật tỏa hào quang sáng láng, hiện đủ tướng tốt trang nghiêm, cả nhóm lòng rất hoan hỷ. Vâng lời thầy, đem mọi điều ra hỏi. Đức Phật trả lời không sai một mảy. Cả nhóm vô cùng kính ngưỡng, dập đầu hành lễ. Đức Phật thuyết pháp, mười lăm người đều chứng quả pháp nhãn tịnh, cùng xin xuất gia. Đức Phật bảo: "Mau đến đây!" lạ thay! Tóc râu đều rụng sạch và có đủ pháp phục trên mình. Đức Phật lại thuyết pháp, tất cả đều trở thành A-la-hán. Trong đó có người tên Tân-kỳ-ký, là con của chị ruột quốc

sư, được phái về báo lại tin tức. Đến nhà, Tân-kỳ-ký thuật lại cặn kẽ mọi chuyện. Quốc sư hết sức vui mừng, quỳ xuống chắp tay hướng về thành vương-xá chí tâm cầu xin đức Phật sang cứu độ. Thấu hiểu tất cả, nhấp nháy đức Phật đã hiện ra. Quốc sư hành lễ xong, nửa mừng nửa sợ ngẩng đầu chiêm ngưỡng Thánh nhân. Đức Phật thuyết pháp, quốc sư chứng được quả A-la-hán. Xong xuôi đức Phật lại trở về nứi Thứu đầu. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: "Về sau, cõi Diêm-phù-đề này địa thế vuông vức, bằng phẳng rộng rãi, không có núi sông. Đất sinh cỏ mềm như áo chư Thiên. Chúng sinh hưởng thọ đến tám vạn bốn nghìn tuổi. Thân cao tám trượng, hết sức trang nghiêm. Tính hạnh nhân từ, tu thao thập thiện. Bấy giờ sẽ có vị Chuyển-luân-vương tên Thắng-già. Lại có nhà Bà-la-môn sinh con trai tên là Di-lặc. Thân màu vàng tía, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, phóng hào quang rực rỡ. Di-lặc sẽ xuất gia tu hành, chứng quả Vô thượng chánh giác, chuyển xe pháp cứu độ chúng sinh. Tại đại hội thứ nhất, sẽ cứu độ chín mươi ba ức chúng sinh. Tại đại hội thứ hai, sẽ cứu độ chín mươi mốt ức chúng sinh. Tại đại hội thứ ba, sẽ cứu độ chín mươi ức chúng sinh. Những chúng sinh được cứu độ trong ba đại hội ấy đều là những kẻ trồng nhân lành từ di giáo của ta". A-nan bạch đức Phật: "Chẳng hay do nhân duyên nào được gọi là Di-lặc?" Đức Phật đáp: "Do từ thời quá khứ xa xưa đã tu tập phép Tam-muội Từ bi, định ý dịu hiền, lại không có lòng tàn hại, nên được gọi là Di-lặc". Tụng rằng:

Thánh trí giữ chánh đạo,
Yếu hèn chịu ngữa nghiêng.
Thầy hay mới phát tuệ
Soi sáng kẻ hữu duyên.
Ứng biến nhiều cơ khác,
Linh tích chép đầy thiên.
Pháp vương lên ngôi báu,
Vang dội khắp tam thiên.
Nổi trống chấn hưng pháp,
Rồng bay hợp nhân thiên.
Tịch lặng mà vi diệu,
Cao xa tụng lẽ huyền.
Bốn chín năm thuyết giáo,
Mở hội dựng tràng phan,
Băm hai tướng nổi bật,
Rực rỡ Hoa lâm viên.

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG:

1: Sa-môn Cưu-ma-la-thập đời Tấn.

2: Sa-môn Thích Pháp Hiển đời Tống.

1: Đời Đông Tấn (317-419) Sa-môn Cưu-ma-la-thập ở Trường An vốn người Thiên Trúc, dòng dõi đời đời làm tể tướng. Tổ phụ là Đạt-đa-tài giỏi xuất chúng, vang danh khắp nước. Phụ thân là Cưu-ma-la-diễm, thông minh mẫu mực. Khi sắp lên kế vị lại từ tạ xuất gia, vượt núi Thông lãnh sang đông. Vua Quy Tư nghe tiếng, rất hâm mộ, thân ra khỏi thành nghinh tiếp, mời làm quốc sư. Nhà vua có người em gái vừa hai mươi tuổi, thông minh sáng láng, nhìn qua đã nhớ, nghe qua đã thuộc. Trên mình có nốt ruồi son, hợp tướng sinh con Thánh trí. Các nước đến cưới, đều không chịu, gặp Cưu-ma-la-diễm, rất bằng lòng, chịu về làm phu nhân. Khi mang thai ngài, phu nhân càng minh mẫn. Nghe đồn ở chùa cả Tước-lê có nhiều cao Tăng, có vị đã đắc đạo, phu nhân cùng các sư đức hạnh, xuất thân từ hàng công chúa cao sang, suốt ngày đến cúng dường, giữ giới và nghe thuyết pháp. Tự nhiên phu nhân biết tiếng Thiên Trúc, lời lẽ đem ra chất vấn rất sâu sắc, khiếm mọi người phải thán phục. Vị La-hán Đạt-ma-cù-sa bảo: “Đây là điềm sinh con Thánh trí”. La-hán dẫn chứng chuyện hoài thai của Xá-lợi-phất. Sau khi hạ sinh ngài, phu nhân mới quên tiếng Thiên Trúc. Được một thời gian, phu nhân có ý xuất gia, quốc sư chưa chịu, lại sinh thêm một bé trai là Phất-sa-đề-bà. Nhân ra ngoài thành tham quan, thấy xương khô nằm ngổn ngang khắp các gò mã, phu nhân suy nghĩ sâu xa về gốc khổ, quyết định xuất gia. Rồi phu nhân phát thệ xuống tóc, không chịu ăn uống. Đến tối ngày thứ sáu, chỉ còn hơi thở thoi thóp, sợ không chịu đựng đến sáng nên quốc sư phải bằng lòng. Chưa được xuống tóc, phu nhân chưa chịu ăn uống. Quốc sư cho người thế phát, phu nhân mới bắt đầu ăn uống trở lại. Sáng hôm sau liền thọ giới, thực hành Thiền pháp rất tinh tiến. Chẳng bao lâu, chứng được sơ quả. Năm lên bảy, ngài noi gương mẹ xuất gia, theo thầy học tập kinh điển. Mỗi ngày thuộc hàng nghìn bài kệ, mỗi bài khoảng ba mươi hai chữ, tổng cộng đến ba vạn hai nghìn chữ. Tụng xong luận Tỳ-đàm, thầy vừa giảng nghĩa, ngài liền thấu triệt mọi uẩn áo. Dân chúng Quy Tư biết phu nhân xuất thân từ hàng cao quý, cung phụng rất nhiều. Phu nhân ngần ngại, phải bồng ngài tránh đi. Năm lên chín, ngày theo mẹ vượt sông Tân hà, sang nước kế Tân, gặp pháp sư lỗi lạc Bàn-đầu-đạt-đa là em họ của vua nước ấy. Pháp sư học rộng tài cao, nhân từ độ lượng, tinh thông tam tạng, ngoại điển vào bậc nhất đương thời. Mỗi sáng làm hàng nghìn bài kệ, mỗi

chiều cũng đọc tụng hàng nghìn bài. Tiếng tăm truyền tụng khắp các nước xa gần đều thờ làm thầy. Ngài đến xin làm đệ tử, theo học các bộ Trung và Trường-A-hàm của Tạp tạng, gồm khoảng bốn trăm vạn chữ. Pháp sư thường khen ngài là thần đồng và đem tâu lên, nhà vua mời ngài vào kệ kiến, tập họp các luận sư ngoại đạo đến chất vấn, mới gặp mặt, bọn ngoại đạo khinh thường ngài nhỏ tuổi, lên mặt nói năng ngã mạn. Ngài nhân đó bắt bẻ, bọn ngoại đạo đuối lý, xấu hổ ngậm miệng, nhà vua càng lấy làm lạ kỳ, kính nể hơn. Mỗi ngày ban cho ngan khô một cặp, mì sợi, bột cám mỗi thứ ba thăng sữa tươi sáu thăng. Đây là lệ cung cấp dành riêng cho người ngoại quốc. Lại phái thêm năm Sa-môn, mười Sa-di làm đệ tử chuyên lo hầu hạ, quét dọn. Ngài được nhà vua ưu ái đến thế. Năm lên mười hai tuổi mẹ ngài lại đưa về Quy Tư. Các nước đều mời làm quan lớn, nhưng ngài không màng đến. Bấy giờ, mẹ ngài đưa đến núi Bắc sơn ở Nhục Chi, có vị La-hán trông thấy ngài, lấy làm kỳ dị, bảo mẹ ngài rằng: "Nên thường xuyên chăm sóc. Nếu đến năm ba mươi tuổi không phá giới vị Sa-di này sẽ chấn hưng mạnh mẽ Phật pháp, cứu độ vô số chúng sinh, chẳng khác gì Ưu-bà-quật-đa. Nếu giữ giới không toàn, sẽ chẳng làm được gì lớn, chỉ là một pháp sư tài giỏi mà thôi!" ngài đến nước Sa-lặc, nâng bát của đức Phật đội thử lên đầu tự nghĩ: "Bát thấy thật lớn, nhưng sao lại quá nhẹ thế này?" Bát bỗng hóa nặng, không thể đội nổi. Ngài phải buột miệng kêu lên và hạ bát xuống. Mẹ ngài hỏi rõ cớ sự, bảo rằng: "Tại tâm con còn phân biệt, nên bát hóa ra nặng nhẹ đấy thôi". Ngài ở lại Sa-lặc một năm. Mùa đông đọc luận A-tỳ-đàm. Đến các phẩm Thập môn và tu trí, không hỏi ai, vẫn lãnh hội mọi chổ vi diệu, đến các môn Lục túc, ngài đều quán thông, không chút bế tắc. Tam tạng pháp sư Hỷ kiến của nước ấy tâu lên nhà vua rằng: "xin đừng xem thường vị Sa-di này, nên xuống lệnh cho mở pháp hội, sẽ có hai điều lợi: Một là các Sa-môn trong nước xấu hổ vì thua kém, hẳn sẽ học hỏi nhiều hơn. Hai là nhà vua Quy Tư thấy vị Sa-di này sang hóa đạo ở nước ta, nhà vua ấy vốn tôn kính vị Sa-di này, hẳn phải tôn kính nước ta, chắc chắn sẽ cho người sang giao hảo". Nhà vua bằng lòng, sai mở đại hội, mời ngài lên pháp đàn giảng kinh chuyển-pháp-luân. Nhà vua Quy Tư quả nhiên sai sứ sang tỏ tình hòa hiếu. Thuyết pháp rảnh rỗi, ngài tìm hiểu sách vở ngoại đạo, học kỹ bộ luận Vi-đà-xá-đa, giảng rõ văn từ, đặt thêm các câu vấn đáp. Ngài cũng nghiên cứu các bộ luận Tứ-vi-đà-điển và ngũ-minh. Các môn thiên văn địa lý, ngài đều thông hiểu, biết rõ chuyện xấu tốt, tiên đoán đều đúng như in. trước ngài học tiểu thừa, sau mới chuyên chú đại thừa. Bản tính

thẳng thắn, ngài nói: "Trước đây, ta học tiểu thừa, giống người không biết vàng, lấy quặng thau làm quý". Muốn tìm ra nghĩa lý sâu rộng, ngài đọc tụng các bộ trung luận, bách luận và Thập nhị môn luận. Sau đó, ngài theo mẹ sang nước Ôn Túc thuộc phía bắc Quy Tư. Nước này có vị đạo sĩ giỏi tài hùng biện, nổi tiếng khắp lân bang. Đạo sĩ tự tay đánh trống chúa phát thệ: "nếu ai biện luận thắng ta, xin dâng đầu tạ tội!" Ngài đến nơi đem cả hai nghĩa ra kiểm chứng lại, đạo sĩ mù mờ đuối lý, cúi đầu xin quy y. liền đó, uy danh của ngài vang dội khắp miền Tây Vức ngoài Thống lãnh. Nhà vua Quy Tư thân hành sang Ôn Túc cung nghinh ngài về nước. Những pháp sư giảng các kinh lớn và lãnh tụ bốn phái lớn chẳng ai có thể sánh bằng ngài. Bấy giờ, công chúa con nhà vua là A-kiệt-da-mạt-đế vốn thông suốt tam tạng uyên thâm Thiền lý tự cho rằng đã chứng nhị quả, hớn hở thích nghe thuyết pháp, liền mở đại hội mời ngài đến hỏi han diệu lý của kinh điển đại thừa. Ngài phân tích các pháp đều là không vô ngã, ấm giới chỉ là giả danh không thật. Bấy giờ, toàn thể pháp hội đều xót xa hối tiếc liễu ngộ quá muộn màng. Năm lên hai mươi tuổi, ngài thọ giới trong cung, học luật Thập-tụng với pháp sư Tỳ-ma-la-xoa. Được một thời gian, mẹ ngài từ giã nhà vua Quy Tư để sang Thiên Trúc, bảo rằng: "Thế nước của nhà vua suy yếu quá, ta phải ra đi". Dừng chân ở Thiên Trúc, mẹ ngài chứng đến tam quả. Khi chia tay, mẹ ngài bảo: "Giáo lý đại thừa rất cao thâm, cần phải xiển phát ra thật lớn, truyền bá thật rộng sang Đông độ. Điều ấy chỉ trông cậy ở sức con. Cố giữ bản thân đừng vụ lợi. Liệu có thể được chăng? Ngài đáp: "Phương châm của bậc đại sĩ là hy sinh mình làm lợi cho người. Nếu quyết chắc chánh pháp được lưu hành, giác ngộ được thế gian mông muội, dẫu thân này phải sa vào vạc lửa đớn đau cũng chẳng ân hận!" Rồi ngài ở lại trong chùa Tân Tự tại Quy Tư. Sau đó, trong cung cũ cạnh chùa, ngài tìm thấy trước tiên kinh Phóng Quang Bát-nhã. Mới đem mở đọc, ác ma đến che mất chữ, chỉ thấy giấy không. ngài biết ác ma quấy phá, nên giữ tâm càng kiên cố. Ma phải bỏ đi, chữ lại hiện rõ, ngài bèn ung dung trì tụng. Bỗng nghe giữa không trung có tiếng nói: "Ông là bậc Thánh nhân, cần gì phải đọc tụng kinh này?" Ngài đáp: "Ngươi chỉ là con ma nhỏ xíu, mau đi khỏi đây! Tâm ta kiên cố như mặt đất, đừng hòng lay chuyển nổi!" Ngài ở lại đây ba năm, đọc tụng khắp các kinh luận, thấu tỏ mọi áo chỉ. Nhà vua Quy Tư sai tạo Sư tử làm tòa bằng vàng, phủ nệm gấm đại tần, rồi mời ngài ngồi lên thuyết pháp. Ngài tâu: "Sư phụ còn chưa đến ngộ đại thừa, tôi muốn thân hành đi cung nghinh lễ bái, lẽ nào ngồi yên tại đây?" Bỗng đại sư

Bàn-đầu-đạt-đa tìm đến. Nhà vua hỏi: "Cớ sao đại sư lại đến đây?" Đại sư đáp: "Thứ nhất, vì nghe đệ tử liễu ngộ phi thường. Thứ hai, vì nghe nhà vua có lòng xiển dương Phật pháp, nên bần đạo không quản xa xôi, xông pha mạo hiểm đến với quý quốc". Thấy sư phụ đến, ngài vui mừng toại nguyện, đem giảng thuyết kinh Đức Nữ Vấn , giải thích mọi nhân duyên không giả, là điều mà trước đây thầy trò đều chưa tin tưởng, nên phải đem ra giảng giải trước tiên. Đại sư thắc mắc: "Đối với đại thừa, con thấy có gì lạ lắm, đến nỗi phải tôn sùng như thế?" Ngài đáp: "Đại thừa sáng láng cao thâm, các pháp đều không. Tiểu thừa hạn hẹp, câu nệ quá nhiều vào danh tướng". Đại sư bảo: "Con nói hết thảy các pháp đều không. Thật đáng sợ thay! Sao lại bỏ hữu để yêu không? Ngày xưa xó kẻ cuồng si thuê thợ kéo sợi tơ thật mảnh mai đẹp đẽ. Thợ kéo dồn hết tâm ý kéo thật nhỏ như vi trần. Kẻ cuồng si bực dọc cho là còn thô. Thợ kéo giận quá, chỉ vào hư không bảo: "Đây là sợ tơ mảnh nhất!" Kẻ cuồng si hỏi: "Tại sao ta không thấy?" Thợ kéo đáp: "Sợi tơ này quá mảnh, ta kéo khéo léo đến nỗi chính ta còn chưa thấy, huống gì kẻ khác như ông?" Kẻ cuồng si hết sức vui mừng, giao cho thợ dệt. Thợ dệt cũng bắt chước nói như thợ kéo, nên được thưởng cao, nhưng thật sự không có sợi tơ. Quan niệm về không của con cũng giống thế mà thôi!" Ngài phải hệ thống mọi chuyện, đem ra trình bày một cách mạch lạc, khổ công nhắc đi lập lại nhiều lần, suốt hơn một tháng, đại sư mới chịu khuất phục tin tưởng và than rằng: "Bấy lâu ta không thấu suốt, hiểu ngược sự lý, nay mới nghiệm ra!" rồi đại sư đảnh lễ, tôn ngài làm sư phụ, bảo: "Hòa thượng là sư phụ của ta về đại thừa, ta là sư phụ của Hòa thượng về tiểu thừa". Các nước Tây Vức đều vô cùng kính phục thiên tài kỳ diệu của ngài. Mỗi lần thuyết pháp, các vua chúa đều quỳ mọp xuống để ngài dẫm chân bước lên pháp tọa. Ngài được tôn sùng đến thế. Bấy giờ, ngài đã thật sự truyền đạo ở Tây Vức và nổi tiếng khắp Đông xuyên. Khi vua Phù Kiên tiếm hiệu tại Quan Trung, Tiền bộ vương người ngoại quốc và em vua Quy Tư đều đến chầu, tâu lên: "Miền Tây Vức có nhiều sản vật quý hiếm xin nhà vua cho quân sang chinh phục làm chư hầu". Tháng giêng năm Đinh Sửu, niên hiệu kiến nguyên thứ 13 (377) Quan thái sử tâu: "Sao lạ tự nhiên xuất hiện ở vùng Trời ngoại quốc, sẽ có bậc Thánh trí đại đức sang giúp nước ta". Vua Phù Kiên phán: "Trẫm nghe Tây Vức có Sa-môn Cưu-ma-la-thập, Tương dương có Sa-môn Đạo An, phải chăng là hai vị này?" Liền sai sứ giả đi mời. Tháng hai năm Kiến Nguyên thứ 17 (381), thiện Bộ Vương và Tiền Bộ vương lại xin đem quân chinh phục Tây Vức. Tháng chín

năm sau, vua Phù Kiên sai Kiêu kỵ tướng quân Lữ Quang, Giang Lăng tướng quân khương phi cùng Tiền Bộ vương và Xa Sư vương đem bảy vạn quân chinh phục các nước Quy Tư và Ô Kỳ-Lúc xuất quân, vua Phù Kiên tiễn chân Lữ Quang ở cung Kiến chương, dặn dò: “Xét rằng đế vương trị nước phải hợp ý Trời, lấy thương dân như yêu con làm gốc. Chẳng phải tham lam đất ấy mà chinh phục, chính vì hâm mộ bậc đại sĩ đó thôi. Trẫm nghe nước ấy có ngài Cưu-ma-la-thập hiểu sâu pháp tướng tài giỏi thiện văn, là tôn sư của lớp hậu học. Trẫm rất lưu luyến. Bậc hiền triết là báu vật lớn nhất của quốc gia. Nếu khanh chinh phục được Quy Tư, hãy lập tức đưa ngài về nước!” Quân của Lữ Quang chưa đến, ngài bảo nhà vua Quy Tư là Bạch Thần rằng: “Thế nước suy yếu quá, nay mai sẽ có quân địch hung mạnh từ phương đông kéo đến. Nên quy thuận họ, đừng chống cự lại”. Nhà vua không nghe lời, cố tâm quyết chiến. Lữ Quang đánh bại Quy Tư, giết chết vua Bạch Thần, lập người em tên Chấn lên thay. Lữ quang bắt được ngài, chưa lường nổi trí tuệ siêu phàm, phần thấy ngài còn nhỏ tuổi nên hay nói đùa coi thường. Lữ Quang đem quân về nửa đường, dừng lại dưới chân núi, tướng sĩ đều nghỉ ngơi. Ngài bảo: “Không thể ở đây, chắc chắn sẽ bị khốn đốn. Phải mau dời lên gò cao”. Lữ Quang không nghe lời. Nửa đêm, quả nhiên mưa lớn ầm ầm trút xuống, lũ quét dâng cao mấy trượng. Quân sĩ chết đuối vài nghìn người. Bấy giờ, Lữ Quang mới âm thầm tin ngài là bậc dị nhân. Ngài bảo: “Đây là chốn ngay hiểm, không nên dừng lâu. Mau thúc quân về. Giữa chừng ắt sẽ có đất tốt có thể đóng quân”. Lữ Quang nghe lời. Tới Lương Châu, hay tin vua Phù Kiên đã bị Diêu Trường ám hại, Lữ Quang cùng ba quân để tang, dàn quân tại phía nam thành và tự tiện đổi niên hiệu Thái an (386). Tháng giêng năm, vùng Cô Tang có bão lớn, ngài bảo: “Gió dữ nổi lên, ắt có phản loạn, nhưng không đáng lo, rồi sẽ yên đâu vào đấy”. Về sau quả thấy lời ngài nói đúng. Ngài dừng chân ở Lương Châu nhiều năm, cha con Lữ Quang không có tâm hoằng đạo, ngài đành ôm kín sở học uyên thâm, không thể đem ra thi thố. Vua Phù Kiên cũng đã chết, không được gặp gỡ. Khi Diêu Trường chiếm cứ Trung nguyên, rất mến mộ ngài, dốc lòng mời mọc, bọn họ Lữ thấy ngài tài cao vọng trọng, sợ Diêu Trường rước mất, nên không cho ngài đi. Diêu Trường chết, con là Diêu Hưng kế vị, cũng ân cần mời mọc. Tháng ba năm Hoằng Thủy thứ ba đời vua Diêu Hưng nhà Hậu Tần (401) có cây mọc liền cành tại sân chầu, cọng hành hoá thành hẹ ở vườn Tiêu Diêu. Đây là điềm lành báo hiệu có bậc trí giả đến. Tháng năm, vua Diêu Hưng sai Lũng Tây công Thạc Đức chinh phạt Lữ Long,

được đại thắng. Tháng chín, Lữ Long dâng biểu xin hàng. Bấy giờ ngài mới vào được cửa ải. Ngày hai mươi tháng mười năm ấy, ngài đến kinh đô Trường An, vua Diêu Hưng long trọng mời ngài làm quốc sư, đối đãi hết sức ưu ái. Mỗi lần cùng ngài trò chuyện thường kéo dài suốt ngày. Gặp lúc cùng nghiên cứu diệu lý cao thâm, lưu liên trọn năm không mỏi mệt.

Từ khi chánh pháp bắt đầu truyền sang Trung Quốc vào đời vua Hán Minh đế, trải qua các đời Ngụy, Tấn, kinh điển ngày mỗi nhiều hơn, đa số do các pháp sư Chi Pháp Độ và Trúc Pháp Hộ dịch ở Phạm văn ra. Lời lẽ lắm chổ lủng củng nặng nề, vì chấp chặt theo văn tự để giải thích ý nghĩa. Vua Diêu Hưng thuở nhỏ đã tôn sùng Tam bảo, nuôi chí kết tập kinh điển. Nhân có ngài đến, bèn mời vào Tây minh các và Tiêu Diêu viên để dịch kinh. Phần đông, ngài đã làu thông và hiểu trọn ý nghĩa, lại giỏi Hán ngữ, nên phiên âm dịch nghĩa lưu loát rõ ràng. Xét các bản dịch cũ, nghĩa lý sai lầm, do trước đêy không dịch đúng với Phạm văn, vua Diêu Hưng sai các Sa-môn Tăng Lược, Tăng Thiên, Pháp Khâm, Đạo Lưu, Đạo Thường, Đạo Tiêu, Tăng Duệ, Tăng Triệu v.v... gồm hơn tám mươi tám vị thỉnh thị ý kiến của ngài để tu chỉnh lại. Ngài cầm nguyên bản Phạm văn, nhà vua cầm bản dịch cũ, cùng đối chiếu, hiệu đính. Những chổ lầm lẫn, sai khác trong kinh cũ đều được sữa chữa hoàn thiện. Mọi người đều hoan hỷ tín phục. Nhà vua cho rằng Đạo Phật rất thâm thúy, cốt ở làm thiện và tin rằng đây là phương tiện để giải thoát khổ đau, đồng thời cũng là phép tắc trị thế. Vì vậy, nhà vua lấy cảm hứng từ pháp bảo, soạn ra Thông Thiên Tam Thế Luận để giúp vào việc chỉ dạy lý nhân quả. Từ hàng vương, công trở xuốngđều phát thành tâm mến mộ đạo huyền. Đại tướng quân Thường Sơn Công tên Hiển, tả tường quân An Thành hầutên Tung đều dốc lòng tin tưởng vào nghiệp quả, lắm phen mời ngài giảng thuyết kinh điển mới dịch ra tại chùa cả ở Trường An và xin ngài tiếp tục dịch kinh điển đại, tiểu thừa. Trước sau, ngài dịch hơn ba trăm chín mươi quyển, có nội dung xiển dương nguồn đạo và phát huy diệu chỉ. Số lượng kinh điển này được liệt kê đầy đủ ở Biệt truyện. Bấy giờ, những nghĩa sĩ khắp bốn phương quy tụ về, công nghiệp vĩ đại ấy đến nay còn được ngưỡng mộ. Các vị Tăng tục đức cao vọng trọng như Sa-môn Tuệ Viễn, là rường cột của Phât giáo đương thời, học hỏi thấu suốt tam tạng, nhưng lắm chổ ý nghĩa mù mờ khó quyết, phải ghi chú lại để hỏi ngài, do thời gian diên cách đức Phật đã quá lâu. Thông thường, triều kiến nhà vua, ắt có lời ca tụng uy đức, nghi lễ chiêm bái đức Phật, chú trọng ở lối tán thán. Kệ,

tụng trong kinh đều theo cách này. Khi chuyển dịch phạm văn ra Hán ngữ, lời văn hay mất cốt cách hoa mỹ. Dẫu diễn tả đủ Đại Ý, nhưng văn thể trở nên khác xa. Giống như nhai cơm cho kẻ khác ăn, không những lạt đi ý vị, còn khiến người phải nôn ra!

Ngài có làm bài kệ tặng Sa-môn Pháp Hòa:

Núi tâm di dưỡng đức trong sáng,
Tỏa ngát hương thơm vạn dặm bay.
Trơ trọi cành ngô, loan ủ rủ,
Tiếng kêu trong suốt chín tầng mây.

Lại còn mười bài kệ lời đều bóng bẩy như thế. Vốn hâm mộ đại thừa, tha thiết giảng diễn, ngài thường thở than: "Nếu ta cầm bút viết luận đại thừa, Ca-chiên-diên cũng không sánh kịp! Nay ở đất Tần, người hiểu rõ ta quá ít, đành chịu bó cánh gãy tay, còn giảng luận gì được!" Ngài phải sống lặng lẽ qua ngày. Đáp lòng tri ngộ của vua Diêu Hưng, ngài có soạn bộ Thật Tướng luận gồm hai quyển và bộ Chú Duy-ma kinh. Văn từ hoa mỹ tự nhiên xuất khẩu thành chương, không cần sửa chữa, vẫn khớp với diệu lý. Ngài là bậc thiên tài lỗi lạc, xuất chúng phi phàm, ứng cơ nhạy bén, ít ai sánh kịp. Bản tính nhân hậu, tâm địa Từ bi rộng lòng giáo hóa, không biết mệt mỏi. Vua Diêu Hưng thường bảo: "Đại sư thông minh siêu việt, thiên hạ có một không hai. Nếu mai kia viên tịch, lẽ nào không có người nối dõi?" Khi Tỳ-kheo Bôi Độ tại Bành Thành nghe tin ngài ở Trường An liền cảm thán: "Ta cùng ông ấy cười đùa Từ biệt nhau đã quá ba trăm năm, mịt mờ chưa hẹn ngày gặp lại. Chắc phải đợi đến kiếp mai sau!" Biết thân tứ đại không qua khỏi, sắp lâm chung, ngài bảo: "Ước mong sao tất cả kinh điển do ta dịch thuật đều được lưu truyền rộng rãi mãi mãi về sau. Nay trước đại chúng, ta phát thệ rằng, nếu kinh điển ấy không bị dịch sai thì lưỡi ta vẫn còn, không cháy nát sau khi hỏa thiêu thân ta". Ngài viên tịch tại Trường An ngày hai mươi tháng tám năm Hoằng Thủy thứ mười hai đời vua Diêu Hưng nhà Hậu Tần (409) (nhằm năm nghĩa Hy thứ năm đời vua An đế nhà Đông Tấn). Liền đó, theo phép ngoại quốc, di thân ngài được hỏa thiêu tại Tiêu Diêu viên. Củi tàn, di thân cháy hết, nhưng lưỡi vẫn còn, không nát thành tro.

2- Đời Tống Sa-môn Thích Pháp Hiển vốn người làng Vũ Dương, huyện Bình Dương thuộc quận Giang Lăng, tâm chí minh mẫn, phong thái trang nghiêm. Ngài thường thở than kinh điển thiếu thốn có chí muốn sưu tầm. Năm Long An thứ ba đời vua An đế nhà Đông Tấn (399) ngài cùng các pháp lữ Tuệ Cảnh, Đạo Cảnh, Tuệ Ứng, Tuệ Ngỗi khởi

hành từ Trường An vượt qua sa mạc vùng Tây Vức, giữa Trời không thấy bóng chim, trên cát không in vết chân thú, bốn bề mênh mông vô tận, không định được hướng đi, chỉ nhìn mặt Trời để ước lượng phương đông tây, xem xương người làm mốc đường đi. Thường có gió nóng và quỷ dữ xuất hiện hại người. Ngài đành phó thác cho cơ duyên và số phận, quyết vượt mọi hiểm nguy. Chẳng bao lâu đến Thông Lãnh. Đỉnh núi này phủ tuyết quanh năm, có rồng dữ phun hơi độc, bão cát mưa đá nổi lên. Đường núi cheo leo, vách đá cao nghìn dặm. Người xưa đã tạc đá thông đường, đặt thành sạn đạo hơn bảy trăm đoạn, lại phải đi trên cầu treo qua hơn mấy chục con sông. Đều là những chổ mà Trương Khiên, cam phủ đời Hán chưa từng đặt chân đến. Kế đó vượt núi Tuyết Sơn; gặp bão tuyết nổi lên dữ dội. Sa-môn Tuệ cảnh bị rét run cầm cập, không thể đi nữa, bảo ngài: “Chắc ta chết mất, pháp lữ cứ tiếp tục, đừng để cả hai cùng chết!” Trăn trối xong, liền tắt thở. Ngài vô cùng thương tiếc, òa khóc nói rằng: “Tâm nguyện không thành là do số mệnh. Biết nói gì nữa đây!” Còn lại một mình, ngài tiếp tục lên đường, vượt núi Tuyết Sơn nguy hiểm ấy. Phải đi qua hơn bốn mươi nước mới đến gần Thiên Trúc. Trời gần tối, ngài đến một ngôi chùa cách thành Vương-xá hơn ba mươi dặm, nôn nóng muốn lên hành hương núi Kỳ-xà-quật, tọa chủ chùa ấy bảo: “Đường rất hiểm trở lại có nhiều Sư tử đen hung dữ thường hai người, làm sao đi được?” Ngài đáp: “Ta vượt mấy vạn dặm đường xa, thề quyết đến Linh Thứu. Thân mạng vốn vô thường, tắt hơi thở là hết. Chẳng lẽ nửa chừng bỏ dở thành tâm nung nấu đã nhiều năm? Dẫu có nguy hiểm, ta chẳng hề sợ!” Không can gián nổi, tọa chủ cho hai vị Tăng đưa ngài đi. Vừa đến núi ấy, Trời đã sẩm chiều, ngài muốn nghỉ lại nơi đây. Hai vị Tăng sợ quá bỏ về, một mình ngài thắp nhang hành lễ. Lâng lâng trước Thánh tích linh thiêng, ngài như mường tượng thấy lại kim dung của đức Phật. Có ba con Sư tử đen đến ngồi xổm trước mặt ngài, vẫy đuôi liếm mép. Ngài nhất tâm tụng kinh niệm Phật không dứt, lũ Sư tử cúi đầu buông đuôi nằm mẹp dưới chân. Ngài đưa tay vuốt đầu căn dặn: “Nếu muốn làm hại, hãy chờ ta tụng kinh xong. Nếu muốn thử ta thì hãy rút lui!” Một hồi lâu, lũ Sư tử cùng bỏ đi. Sáng mai trở về, đường tắt rậm rì chật hẹp, chỉ vừa lọt người. Chưa quá một dặm, bỗng gặp vị trưởng lão tuổi chừng chín mươi, dung nhan đạo phục tuy thô thiển nhưng thần thái rất siêu thoát. Ngài đoán là vị cao Tăng, nhưng chưa biết chính là bậc Thánh Tăng nổi tiếng. Một lát sau, lại gặp vị Tăng trẻ tuổi, ngài hỏi: “Vị trưởng lão vừa đi qua là ai thế?” Vị Tăng ấy đáp: “Chính là đại đệ tử đầu-đà-Ca-Diếp”. Ngài vô cùng

ân hận tiếc nuối, cố theo dấu đi tìm. Đến chổ núi kia, gặp tảng đá chận ngang cửa hang, không thể vào được, ngài đành rơi lệ quay về.

Đến nước Ca-thi, có con rồng tai trắng thường giao ước với chư Tăng, nếu trong nước được mùa, sẽ báo điềm lành. Chư Tăng dựng phòng cho rồng ở và cho ăn cầu phúc. Hết mùa an cư, rồng hóa thành rắn nhỏ, hai tai màu trắng. Chư Tăng đều biết đó là rồng, lấy bát đựng đầy sữa, bỏ rồng vào. Từ hàng thượng tọa trở xuống đều làm như thế. Hết lượt, rồng lại bay đi. Cứ thế mỗi năm rồng lại hiện ra một lần. Ngài cũng tham dự lễ ấy và tận mắt thấy rồng.

Sau đó, ngài sang Trung Thiên Trúc, đến chùa Nam Thiên vương tại tháp A-dục vương ở ấp-ba-liên-phất thuộc nước Ma-kiệt-đề, sưu tầm được các bộ luật Ma-ha-Tăng-kỳ-tát-bà-đa-luật-sao, các bộ kinh tạp A-tỳ-đàm-tâm-tuyến và Phương-đẳng-nê-hoàn. Ngài ở lại đây ba năm học Phạm văn và Phạm ngữ mới viết và nói được thông thạo, rồi ôm kinh tượng theo đoàn thương khách đến nươc Sư tử. Hơn mười pháp lữ hoặc đã mất, hoặc ở lại, chỉ còn một mình ngài, nên thường đâm ra buồn thảm. Chợt ngài thấy chiếc quạt bằng lụa trắng Trung Quốc do thương nhân cúng dường trớc đây, hiện được treo trước pho tượng ngọc, bất giác rơi lệ bi thương. Ngài nán lại thêm hai năm, sưu tầm được các bộ di-sa-tắc-luật, Trường-a-hàm, Trung-a-hàm và các bộ thuộc tạp tạng chưa có bên Trung Quốc. Ngài bèn theo tàu lớn của thương khách trở về bằng đường biển. Trên tàu chừng hai trăm người, gặp bão, nước ùa vào. Mọi người kinh hoảng, ném bớt đồ đạc xuống biển. Ngài sợ kinh tượng bị liệng, nhất là tâm niệm danh hiệu Quán Thế Âm và các cao Tăng Trung Quốc. Tàu theo gió trôi đi bình yên, không bị nạn. Hơn mười ngày đến nước Da-bà-đề. Dừng chân năm tháng, ngài lại theo đoàn thương nhân khác thuận hướng đông về Quảng Châu. Giong buồm hơn hai mươi ngày, nửa đêm bỗng nổi bão lớn. Cả tàu đều rúng động hoảng loạn bàn rằng: “Bởi chở Sa-môn này nên bọn ta mới bị khốn đốn. Đừng vì một người khiến cả tàu đều mất mạng”. Mọi người toan xúm lại đẩy ngài xuống biển. Thí chủ của ngài nạt lớn: “Bọn ngươi muốn đẩy vị Sa-môn này xuống biển phải đẩy ta luôn! Nếu không sẽ bị xử tử. Vua Hán rất kính Phật trọng Tăng, ta sẽ đến tố cáo bọn ngươi, chắc chắn nhà vua sẽ bắt tội!” Bọn thương khách nhìn nhau thất sắc, lập tức dừng tay. Đến lượt hết nước cạn lượng, thuyền mặc gió đưa đi, tấp vào bờ có rau lê rau hoắc. Đúng là đất Trung Quốc, nhưng không biết chổ nào. Một số người dùng thuyền nhỏ chèo vào bến tìm làng xóm. Gặp hai người thợ săn, ngài hỏi: “Đây thuộc địa phương nào?” Thợ săn đáp: “Đây là phía nam

núi Lao sơn, quận Trường Quảng thuộc Thanh Châu". Khi về bọn thợ săn báo lên thái thú Lý Nghi. Vốn sùng đạo, nghe tin có vị Sa-môn từ xa đến, thái thú thân hành nghinh đón, ngài ôm kinh tượng về quận. Được một thời gian ngài muốn xuôi xuống miền Nam, thứ sử Thanh Châu xin ngài nán lại qua mùa đông, ngài bảo: "Bần đạo liều thân đến chốn hiểm nguy chỉ vì sự nghiệp hoằng pháp. Nay tâm nguyện chưa thành, sao dám nấn ná ở lâu?" Bèn lên đường về kinh, tới chùa Đạo Trường của Thiền sư Phật-đà-Da-xá người ngoại quốc để phiên dịch tam tạng, được hơn trăm vạn chữ, lưu hành giáo hóa khắp nơi.

Có một cư sĩ, đã thất lạc họ tên, ở gần cửa Châu Tước, gia đình thờ Phật, phát tâm sao chép một bộ để trì tụng, cúng dường. Cư sĩ không tôn trì kinh vào phòng riêng, lại xếp chung với các sách khác. Sau gặp gió to, hỏa tai nổi lên, cháy lan sang nhà. Mọi thứ đồ đạc đều bị thiêu rụi, chỉ còn lại bộ kinh Nê-hoàn. Lửa than không bén, màu sắc vẫn y nguyên. Khắp kinh thành đồn ầm lên, cho là điều thần dị.

Về sau, ngài sang Kinh Châu, viên tịch tại chùa Tân Tự, thọ 86 tuổi. Tứ chúng vô cùng thương tiếc. Chuyện hành hương các nước của ngài có chép đầy đủ thành sách. (Hai chuyện linh nghiệm trên đây rút từ sách Lương-cao-Tăng-truyện).

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 26

Thiên thứ 18: TÚC MỆNH

Gồm có bốn phần: Thuật ý, Dẫn chứng, Tập chí, Ngũ thông.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Than ôi! Nghiệp chuyển đa đoan, đường túc duyên lắm nẻo; mạng có dài ngắn, lẽ ngu sáng bất thường. Do nghiệp nhân thiện ác khác nhau nên quả báo chịu ngu sáng không giống. Có người nhớ biết nhiều kiếp, có người nhờ biết mấy đời, có người chỉ nhớ một kiếp, có người chỉ biết hiện tại. Bởi vậy, Thánh phàm thành cách biệt, túc mạng hoặc ngắn dài. Dẫu nhờ cậy uy đức thần linh để trừ khử mê mờ, khai thông chánh lý, nhưng huân tập vẫn còn, khiến si mê khó phá. Nếu chẳng phải là bậc đạt phẩm thập địa, đạo hạnh đầy dẫy tam kỳ, liệu có thể vĩnh viễn cắt đứt nghiệp nhân, hưởng thụ quả báo tốt đẹp đến thế?

Thứ hai: PHẦN DẪN CHỨNG

Thứ nhất: Trong đường Trời: Luận Bà-sa nói: "Cũng có người sinh ra có tha tâm thông, biết được người khác, nhưng trí ấy nhỏ quá nên không nói riêng ra, như trong phần Thiên báo ở trên có bàn luận đầy đủ và trong Phần Bàng sinh ngạ quỷ ở sau cũng đã trình bày. Thế nên Luận Bà-sa có nói: "Tại sao thế? Vì tuy có các trí thấy hết, nghe hết nhưng bị che lấp. Có tha tâm thông và nguyện trí, nhưng cũng bị che lấp. Bình luận. Nên nói thế này: "Chúng sinh trong bốn đường người, Trời, ngạ quỷ, súc sinh đều có trí biết rõ cả năm đường. Lập luận như vậy không sai".

Thứ hai: Trong đường người: Hỏi: "Trong đường người có loại trí nhớ được tiền sinh, có thể biết người khác, tại sao không nói đến?" Đáp: "Nên nói mà không nói đến thì phải biết loại trí ấy tuy có, nhưng ít quá, nên không nói đến. Nghĩa là trong đường người, vì ít người có trí ấy nên không nói đến". Như luận Bà-sa bảo: "Do nghiệp nhận không

làm khổ sở ai nên sinh ra trí ấy. Chúng sinh nào biết giữ gìn thân khẩu, không làm hại ai, khi còn trong thai mẹ, sẽ được rộng rãi, không bị nóng lạnh xâm phạm, không bị khí huyết uế dơ gây khốn. Khi sinh, không bị cửa sinh bức bách, khiến tâm thác loạn. Nhờ thế, tỉnh ngộ, nhớ biết được tiền sinh. Nếu không nhớ biết, vì trái với những điều trên, nên bị thác loạn, quên lẫn, không biết được người khác". Hỏi: "Chúng sinh mỗi đường biết được bao nhiêu đường khác?" Đáp: "Cũng giống luận Tỳ-bà-sa nói, Trời biết được năm đường. Người biết được bốn đường. Quỷ biết được ba đường. Súc sinh biết được hai đường. Địa ngục chỉ biết được chuyện trong đường địa ngục. Do trên hơn, nên đường trên biết được đường dưới. Vì dưới kém, nên đường dưới không biết được đường trên".

Hỏi: "Nếu bảo, vì dưới kém, không biết được trên, tại sao kinh nói Thiên Trụ Long vương và Y Bát Long vương có thể biết được ý nghĩ của Đế-thích?"

Đáp: "Như luận Bà-sa nói, loại trí biết ấy là tỷ trí chứ không phải là chánh trí. Khi Đế-thích sửa soạn cùng A-tu-la giao đấu, những đốt xương sống trên lưng Thiện Trụ Long vương đều phát thành tiếng, Long vương ấy liền nghĩ rằng: "Nay các đốt xương sống đều phát thành tiếng, ta biết chư Thiên sắp sửa cùng A-tu-la giao đấu, chắc chắn sẽ cần đến ta". Nghĩ thế xong, Long vương liền đến bên Đế-thích. Lại như khi Đế-thích sắp đi chơi, trên lưng Y Bát Long vương tự nhiên hiện ra bàn tay thơm hương. Long vương ấy liền nghĩ rằng: "Nay trên lưng ta hiện ra bàn tay thơm hương thế này, ta biết Đế-thích sắp đi chơi hoa viên, chắc chắn cần đến ta". Nghĩ xong liền hóa thân thành voi ba mươi hai đầu, cọng với đầu cũ, thành ba mươi ba đầu. Trên mỗi đầu mọc sáu ngà. Trên mỗi ngà có bảy ao báu lớn. Trong mỗi ao mọc bảy cành sen. Mỗi cành có bảy lá. Trên mỗi lá hiện ra bảy đài báu. Trong mỗi đài báu dựng lên bảy màn báu. Trong mỗi màn báu có bảy Thiên nữ. Mỗi Thiên nữ có bảy thị nữ. Mỗi thị nữ có bảy nhạc nữ. Mỗi nhạc nữ đều cử Thiên nhạc. Hóa thân như thế xong trong nháy mắt, Long vương xuất hiện trước Đế-thích. Đế-thích bèn cùng gia quyến ngự lên trên đầu cũ của Long vương. Ba mươi hai thần thuộc của Đế-thích cùng gia quyến đều ngự lên ba mươi haiđầu kia. Long vương liền cất mình bay nhanh lên không trung, hướng đến hoa viên để rong chơi. Chuyện này nghiệm ra, cũng chỉ là tỉ tri, không phải là chánh tri và trên có thể biết dưới, dưới không thể biết trên. Nhưng điều này cũng chưa hẳn thế, như dẫn chứng nêu ra dưới đây. Chó sói một khi biết lòng người nữ không thật

tâm từ bỏ oán thù, liền giết chết con của người nữ ấy rồi bỏ đi. Như thế dưới cũng có thể biết được trên, cớ sao lại bảo không biết? Tuy nhiên, căn cứ theo đa số thì trên có thể biết dưới, dưới không thể biết trên. Nếu tìm tòi thật kỹ, trên dưới đều biết nhau thì không thể dẫn chứng đầy đủ ra được.

Lại nữa, luận Tân-Bà-sa nói: "Thuở ấy trong thành Vương-xá có kẻ đồ tể tên Già-tra là bạn từ thời thơ ấu của Quốc vương Vị Sình Oán. Khi Quốc vương còn làm thái tử, Già-tra từng thưa: "Một mai lên ngôi báu, ngài sẽ ban cho tôi ơn huệ gì?" Thái tử đáp: "Tùy ngươi lựa chọn". Sau đó, thái tử giết vua cha, tự tiện lên ngôi. Già-tra đến xin ban ơn huệ. Quốc vương phán: "Tùy ngươi lực chọn". Già-tra tâu: "Xin Quốc vương cho phép riêng tôi được làm đồ tể trong thành Vương-xá này". Quốc vương phán: "Tại sao hôm nay nhà người lại xin ơn huệ độc ác này, há không sợ về sau sẽ bị khổ sở?" Đồ tể tâu: "Mọi nghiệp thiện ác đều không có quả báo, có gì phải sợ?" Quốc vương phán: "Tại sao người biết?" Già-tra tâu: "Nhớ lại suốt sáu kiếp trước đây tôi luôn làm đồ tể trong thành vương-xá này. Sau đó, được sinh lên cõi Trời Tam Thập Tam, hưởng thụ nhiều phước báo sung sướng, rồi từ cõi Trời ấy sinh xuống đây, được làm bạn với Quốc vương từ thuở nhỏ. Do đó, tôi biết chắc chắn thiện ác đều không có quả báo". Quốc vương nghe nói sinh nghi ngờ, liền đến bạch cùng đức Phật. Đức Phật bảo: "Chuyện ấy không sai, kẻ đồ tể ấy từng cúng dường một bữa ăn cho vị Bích-chi và phát nguyện xằng bậy rằng: "Xin cho mình tôi được làm đồ tể trong thành vương-xá và sau được sinh làm Trời". Do nghiệp nhân tốt lành nên được toại nguyện, nhưng nay nhân quả ấy đã hết, bảy ngày sau, kẻ đồ tể ấy sẽ chết, bị đọa xuống địa ngục vô gián kêu gào, lần lượt chịu mọi quả làm đồ tể trước đây". Thế nên, loại trí ấy có thể biết tối đa bảy kiếp. Cũng có người nói trí ấy biết tối đa đến năm trăm kiếp. Như có vị Tỳ-kheo nhớ lại suốt năm trăm kiếp quá khứ bị đọa vào đường địa ngục, chịu cảnh đói khát khốn khổ, toàn thân đổ mồ hôi dầm dề, trong lòng hết sức đau đớn, liền dừng mọi nghiệp, tinh tiến tu hành. Trải qua một thời gian dài, chứng được quả Tu-đà-hoàn. Cũng có vị Tỳ-kheo nhớ lại suốt năm trăm kiếp quá khứ bị đọa vào đường địa ngục, chịu đủ khổ sở, mọi lỗ chân lông đều xuất huyết, thân thể và y phục đều hết sức hôi ham. Hằng ngày, Tỳ-kheo ấy tìm nước tắm rửa giặt giủ. Đại chúng gọi Tỳ-kheo ấy là người lấy nước làm sạch".

Lại nữa, luận Tát-bà-đa có câu hỏi: "Nguyện trí và Túc mệnh trí có gì khác biệt?" Đáp: "Túc mệnh trí biết quá khứ, Nguyện trí biết

cả ba đời quá khứ, hiện tại và tương lai. Túc mệnh trí biết phiền não, Nguyện trí biết cả phiền não lẫn giải thoát. Túc mệnh trí biết một thân đến hai thân, Nguyện trí dấy một niệm liền biết hơn trăm kiếp. Ngày xưa súc sinh biết nói ngày nay không biết nói vì thuở đầu chỉ có người và Trời, chưa có ba đường ác kia. Tất cả đều từ người và Trời mà sinh ra. Nhờ túc tập ấy nên súc sinh biết nói. Ngày nay súc sinh đều từ ba đường ác kia sinh ra, nên không biết nói".

Lại nữa, luận Bà-sa nói: "Khi sinh ra, tự tính có thể biết được túc mệnh quá khứ của mình và người khác. Tự tính này không cần nhờ đến nhân tu mới biết. Loại trí này có chung cả năm đường, nhưng tùy chổ mà có yếu mạnh khác nhau. Trong ba đường ác và đường Trời, trí này có tác dụng mạnh. Trong đường người, tác dụng lại yếu. Tại sao? Vì trong đường người có các loại chiêm tướng ngôn trí, tu Thiền định trí và Tha tâm trí che lấp, nên tác dụng của loại trí này trở thành mờ yếu u ẩn, không hiện rõ ra".

Như luận Tân-bà-sa nói: "Kể về chúng sinh, nếu gặp chổ chật chội liền mở rộng ra để tiện đi lại không khó khăn. Nhờ nghiệp lực ấy, chúng sinh nào ở trong thai mẹ không bị chèn ép, sẽ có được trí này. Cũng có thuyết khác bảo rằng, nếu chúng sinh nào bố thí đủ loại món ăn ngon, nhờ nghiệp lực ấy, sẽ có trí này. Nếu chúng sinh nào không tạo ác nghiệp làm hại người khác, luôn làm lợi tha, nhờ nghiệp lực ấy, khi còn trong thai mẹ, không bị các chất ô uế và bệnh tật xâm lấn. Khi sinh ra, không bị co bóp khổ sở. Chúng sinh ấy sẽ nhớ được tiền kiếp. Tóm lại, nếu bị các chất ố uế và bệnh tật xâm lấn, bị co bóp khổ sở khi sinh ra đều sẽ khiến quên mất tiền thân.

Thứ ba: Trong đường quỷ: Trong đường này cũng có trí sinh ra có thể biết được người khác. Làm thế nào có thể biết được trí ấy? Ngày xưa có người nữ bị quỷ ám, gầy mòn sắp chết. Thầy pháp hỏi quỷ: "Tại sao ngươi phá phách người nữ ấy?" Quỷ đáp: "Người nữ ấy suốt năm trăm kiếp thường làm hại ta, ta cũng thường làm hại lại. Oán thù dai dẳng đến nay chưa dứt. Nếu người nữ ấy chịu bỏ, ta cũng sẽ bỏ thôi." Thầy pháp bảo người nữ: "Nếu muốn bảo toàn tính mạng, phải dẹp bỏ oán thù". Người nữ ấy trả lời: "Tôi đã bỏ rồi". Quỷ nhìn người nữ ấy, thấy tâm chưa thật sự dẹp bỏ, vì sợ mất mạng nên đâm ra nói dối, bèn giết chết người nữ ấy rồi bỏ đi.

Thứ tư: Trong đường súc sinh: Hỏi: "Làm thế nào biết được trong đường này có túc mạng trí?" Đáp: "Theo luận Bà-sa, ngày xưa có người nữ đặt con xuống đất rồi đi sang chổ khác. Lúc ấy, có con chó sói nhảy

đến bắt đứa trẻ mang đi. Người nữ thấy vậy, rượt theo nạt lớn: "Sói kia, sao lại bắt con ta mang đi?" Sói đáp: "Ngươi là kẻ thù của ta. Suốt năm trăm kiếp trước, ngươi thường ăn thịt con ta. Nay ta phải giết lại con ngươi, suốt năm trăm kiếp. Như thế mới gọi là trả thù báo oán đúng phép. Cớ sao ngươi lại nổi giận?" Sói lại nói tiếp: "Nếu ngươi chịu bỏ lòng thù oán ta, ta sẽ thả con ngươi". Người nữ đáp: "Ta đã bỏ lòng thù oán rồi". Bấy giờ, chó sói ngồi xuống suy nghĩ: "Xem lòng người nữ này thật sự chưa chịu dẹp bỏ". Sói bèn nói: "Miệng ngươi tuy nói bỏ nhưng lòng ngươi vẫn chưa chịu bỏ". Dứt lời, sói lập tức giết chết đứa bé rồi bỏ đi". Đây là dẫn chứng rất hữu hiệu về trí biết túc mạng của mình và lòng người khác mà kinh luận đã nói đầy đủ ở các thiên trước và sau nên không nhắc lại nhiều thêm rườm rà. Tuy nhiên, hai loại túc mệnh trí và tha tâm trí này không phải là chủng trí, chỉ do tịnh tâm Thiền Định, mà có. Nghĩa là do quả báo mà có, không pảhi là chủng trí.

Thứ năm: Trong đường địa ngục: Hỏi: "Trong đường này, làm thế nào tự tính có được túc mệnh trí?" Đáp: "Kinh Niết-bàn nói, năm trăm kẻ Bà-la-môn bị Quốc vương Tiên-dục giết chết xuống đến địa ngục, phát khởi ba niệm thiện , liền nhớ lại hành vi của mình. Đây là một dẫn chứng về trí này. Lại nữa, luận có nói, chúng sinh ở địa ngục cũng có thể biết được tâm ý của ngục tốt. Đây cũng là một dẫn chứng về loại trí này".

Thứ ba: PHẦN TÚC TẬP

Như kinh Phật-thuyết-sư-tử-nguyệt-Phật-bản-sinh nói: "Thuở ấy, đức Phật ở Trúc viên Ca-lan-đà tại thành vương-xá cùng với đầy đủ năm trăm vị Tỳ-kheo, một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo và một trăm vị Bồ-tát. Bấy giờ, trong đại chúng có vị Tỳ-kheo Bồ-tát tên Bà-tu-mật-đa rong chơi giữa Trúc viên, trèo lên nhảy xuống trên cây, kêu lên như khỉ đột, hoặc lắc ba chuông nhỏ làm trò ma-la. Các Trưởng giả và khách bộ hành chen nhau đứng xem. Bồ-tát phóng mình nhảy tuốt lên ngọn cây, giả tiếng khỉ đột kêu to, khiến đám khỉ đột lông vàng tám vạn bốn nghìn con ở núi Kỳ-xà-quật đều chạy đến tụ tập bên cạnh. Bồ-tát lại biến hóa nhiều phép khiến bầy khỉ rất vui. Mọi người thấy thế, bảo nhau: "Sa-môn đệ tử của đức Phật giống hệt tên hề mà mất lừa dối thiên hạ, không được ai tin nên phải bày trò với lũ muông thú!" Tiếng xấu ấy đồn vang thành vương-xá. Có kẻ Bà-la-môn đem tâu lên Quốc vương Tần-bà-sa-la. Quốc vương lấy làm bực dọc vị Sa-môn này,

liền quở trách Trưởng giả Ca-lan-đà: “Đệ tử của đức Phật tụ tập lũ khỉ đột trong vườn của khanh để làm đủ mọi trò hề, liệu đức Phật có biết chăng?” Trưởng giả tâu: “Bà-tu-mật-đa làm nhiều phép biến hóa khiến lũ khỉ đột được dịp vui mừng, chư Thiên xuống rải hoa cúng dường. Còn những trò hề khác, thần không nghe thấy.” Quốc vương liền cho tiền hô hậu ủng đến gặp đức Phật. Từ xa, kim thân của đức Thế tôn phóng hào quang rực rỡ như núi vàng lóng lánh, chiết diệu sắc tía khắp đại chúng, Tôn giả Bà-tu-mật-đa và đàn khỉ biểu diễn phép biến hóa, có con hái hoa dâng lên. Quốc vương cùng toàn thể đại chúng đến bên đức Phật, cung kính hành lễ rồi theo phía phải đi vòng quanh ba lượt, xong xuôi Quốc vương ngồi xuống và bạch rằng: “Đàn khỉ này nhờ phúc lành nào từ tiền kiếp, nay toàn thân có sắc vàng? Lại mang tội gì kiếp này bị đọa làm súc sinh? Tôn giả bà-tu-mật-đa nhờ phúc lành nào từ tiền kiếp, nay được sinh vào nhà Trưởng giả và được xuất gia học đạo? Lại mang tội gì sinh làm người tàn tật, không giữ giới luật theo làm bạn cùng đàn khỉ, cất tiếng kêu la như chúng, khiến bọn ngoại đạo chê cười? Kính xin đức Thế Tôn giảng giải cho tôi được hiểu”. Đức Phật bảo: “Quốc vương hãy nghe rõ và suy nghĩ kỹ càng, ta sẽ giải thích tường tận. Vào vô lượng kiếp trước, có đức Phật tên là Nhiên Đăng ra đời. Sau khi ngài đã nhập diệt, các Tỳ-kheo y theo giáo lý tu hành giữa chổ núi đầm, giữ gìn giới luật giống như giữ mắt, nên đều chứng quả A-la-hán. Bấy giờ có con khỉ đột đến bên cạnh vị La-hán đang nhập định, lấy bọc tọa cụ mặc vào làm ca-sa, để lộ vai phải theo phép Sa-môn. Tay phải cầm lò hương đi quanh vị La-hán. Vị La-hán xuất định thấy thành tâm của khỉ đột, liền búng ngón tay bảo: “Hỡi đệ tử, con hãy phát Vô thượng đạo tâm!” khỉ đột vui mừng nhảy nhót, dập đầu và tay chân sát đất, cung kính hành lễ vị La-hán rồi chạy đi hái hoa tươi rải lên vị La-hán ấy. Bấy giờ, vị La-hán bắt đầu giảng giải phép tam quy. Khỉ đột đứng dậy chấp tay thưa: “Con nay xin quy y Tam bảo”. Vị La-hán làm lễ quy y xong, đến phần sám hối, lại chỉ rõ mọi tội lổi và bảo: “Ta đã chứng quả La-hán, có thể trừ bỏ vô lượng tội trọng cho các chúng sinh”. Vị La-hán ân cần làm phép sám hối rồi bảo: “Con nay đã thanh tịnh, được gọi là Bồ-tát, đã thọ trì tam quy ngũ giới, hãy tinh tiến hướng đến cứu cánh A-nậu-Bồ-đề”. Khỉ đột quy y thọ giới và phát nguyện xong, hớn hở nhảy nhót trèo núi cao, leo lên cây, bị sẩy rơi xuống chết mất. Nhờ nhân lành ấy, thoát khỏi nghiệp súc sinh, được làm Thiên vương ở cõi Trời Đâu-suất. Sau đó, gặp vị Bồ-tát thuyết pháp về Vô thượng đạo tâm, bèn đem hoa Trời xuống chổ đầm lầy cúng dường vị La-hán. Vừa nhìn thấy, vị La-hán

hiền từ mỉm cười bảo: "này Thiên vương, thiện ác báo ứng giống hệt bóng theo hình, không thể xa rời được!" Rồi vị La-hán nói tiếp bài kệ:

Nghiệp đeo đẳng bên thân,
Nơi nơi khắp lục đạo,
Không mất, như bằng khoán,
Như người mang túi của.
Nay ngươi sinh lên Trời.
Nhờ nghiệp lành giữ giới.
Kiếp trước làm khỉ đột,
Vì phạm giới sát sinh.
Giữ giới được làm Trời;
Phá giới, bị vạc lửa.
Ta thấy kẻ giữ giới,
Hào quang chiếu rực thân,
Ở đài cao thất bảo,
Được chư Thiên cung phụng.
Châu báu làm giường màn;
Ma-ni làm anh lạc.
Sẽ gặp gỡ chư Phật
Hoan hỷ giảng diệu pháp.
Ta thấy kẻ phạm giới
Bị đọa xuống địa ngục.
Cày sắt cày nát lưỡi
Nằm trên giường sắt đỏ.
Đồng nung chảy bốn phía,
Thiêu đốt tan thân xác.
Hoặc nằm trên núi dao,
Rừng kiếm, hoặc phân lỏng,
Sông tro, ngục băng giá.
Nuốt đạn nóng đồng chảy.
Đeo khổ ghê gớm ấy,
Giống chuỗi anh lạc quý
Nếu muốn thoát khổ nạn,
Không đọa ba đường ác,
Rong chơi khắp đường Trời,
Vượt thẳng đến Niết-bàn,
Phải siêng năng giữ giới,
Bố thí và chay lạt".

Nói kệ xong, vị La-hán im lặng trầm ngâm. Thiên vương bạch: “Thưa Tôn giả, kiếp trước tôi gây tội gì phải đọa làm khỉ đột? Lại tạo phúc gì được gặp gỡ Tôn giả, thoát kiếp súc sinh, sinh lên cõi Trời?” Vị La-hán đáp: “Vào thời quá khứ xa xưa, cõi Diêm-phù-đề này có đức Phật xuất thế, tên là Bảo Tuệ Như lai. Trong thời Tượng pháp sau khi ngài nhập Niết-bàn, có Tỳ-kheo tên. Liên Hoa tạng hay kết thân với các Quốc vương, Trưởng giả và cư sĩ. Tỳ-kheo ấy gian tà, siểm nịnh, không giữ giới hạnh. Khi mạng chung bị đọa xuống địa ngục vô gián có mười tám ngăn chặt chẽ như cánh hoa sen để chịu mọi khổ sở suốt một kiếp. Hết kiếp ấy, sinh ra kiếp khác, trải qua các địa ngục lớn suốt tám vạn bốn nghìn kiếp mới ra khỏi địa ngục, đọa vào đường ngạ quỷ, chuyên ăn uống đồng nấu chảy suốt tám vạn bốn nghìn năm. Thoát khỏi đường ngạ quỷ, lại bị đọa làm bò; heo, chó, khỉ, mỗi loài suốt năm trăm kiếp. Nhờ nhân lành trước đây có cúng dường cho vị Tỳ-kheo giữ giới và phát lời thệ nguyện nên được sinh lên cõi Trời. Tỳ-kheo giữ giới chính là ta và Tỳ-kheo phá giới chính là ngươi đấy”. Thiên vương nghe nói xong, kinh sợ đến dựng đứng tóc lông, thành khẩn xin sám hối mọi tội lổi rồi bay lên Trời.

Đức Phật bảo Quốc vương: “Khỉ đột kia tuy là súc sinh nhưng mới gặp vị La-hán, đã biết thọ trì tam quy ngũ giới. Nhờ công đức ấy, vượt qua khỏi hàng nghìn kiếp đầy ác nghiệp cực nặng nề, được sinh lên cõi Trời, lại được gặp vị Bồ-tát. Sau đó, được gặp gỡ chư Phật, tu tập phạm hạnh, thực hành lục độ, kiên cường không thối chuyển, nên cuối cùng, sẽ kế tiếp Bồ-tát Di-lặc, chứng quả A-nậu-Bồ-đề, thành Phật, hiệu là Sư tử Nguyệt Như lai”. Đức Phật bảo Quốc vương: “Muốn biết ai sẽ là đức Phật Sư tử Nguyệt ở quốc độ ấy, chính là Tỳ-kheo bà-tu-mật-đa trong pháp hội hôm nay đấy!” Quốc vương vừa nghe xong liền đứng dậy chấp tay mồ hôi đổ ra ướt mình, buồn rầu khóc lóc hướng về Tỳ-kheo Bà-tu-mật-đa, quỳ xuống sát đất hành lễ, ăn năn sám hối tội lổi đã xúc phạm.

Đức Phật bảo Quốc vương: “Muốn biết về tám vạn bốn nghìn con khỉ đột lông vàng này thì vào thời đức Phật Câu-lâu-tần xa xưa, trong hai nước Ba-la-nại và Câu-thiểm-di có tám vạn bốn nghìn Tỳ-kheo-ni làm ác, phạm các giới trọng, cuồng si bất trí giống hệt bầy khỉ ngu đần. Gặp các Tỳ-kheo làm thiện, xem tựa cừu thù. Bây giờ có Tỳ-kheo-ni La-hán tên Thiện An Ổn đứng ra thuyết pháp họ đem lòng oán giận. Tỳ-kheo-ni ấy thấy họ xấu ác, không có thiện tâm, bèn sinh dạ Từ bi, phóng mình lên giữa hư không, làm đủ 18 phép biến hóa. Bọn họ thấy

thế, lột vòng vàng đem rải lên Tỳ-kheo ni ấy, nguyện xin đời đời thân có màu vàng, mọi tội lỗi trước đây đều xin sám hối, khi mạng chung bọn họ bị đọa xuống địa ngục vô gián, lần lượt trải qua chín mươi hai kiếp. Sau đó, thoát khỏi địa ngục, suốt năm trăm kiếp thường làm ngạ quỷ. Suốt một ngàn kiếp tiếp theo thường làm khỉ đột có sắc lông vàng. Quốc vương nên biết rằng tám vạn bốn nghìn Tỳ-kheo-ni phạm giới nhục mạ Tỳ-kheo-ni La-hán đương thời chính là tám vạn bốn nghìn khỉ đột lông vàng trong pháp hội hôm nay đấy! Thí chủ cúng dường bọn họ đương thời chính là Quốc vương hiện nay đấy! Nhờ túc duyên ấy nên hôm nay đám khỉ đột đem hoa tươi, hương thơm đến cúng dường Quốc vương. Những kẻ đã hùa theo nhục mạ Tỳ-kheo-ni La-hán đương thời chính là Cù-ca-lê và năm trăm lính gác cổng của Quốc vương hiện nay đấy!" đức Phật bảo tiếp: "Phải thận trọng giữ gìn ba nghiệp thân, khẩu, ý". Quốc vương Tần-bà-sa nghe đức Phật nói xong, liền bước tới thành khẩn tủi hổ cầu xin ăn năn sám hối. Bỗng nhiên tỏ ngộ, chứng được quả A-na-hàm. Tám nghìn tuỳ tùng xin Quốc vương cho phép xuất gia, đều chứng quả A-la-hán. Hơn một vạn sáu nghìn người còn lại đều phát Bồ-đề tâm. Tám vạn chư Thiên cũng xin phát Bồ-đề-tâm. Tám vạn bốn nghìn khỉ đột lông vàng nghe được tiền duyên đều tủi hổ trách mình đi vòng quanh đức Phật một ngàn vòng, xin sám hối tội lỗi và phát tâm Vô thượng Bồ-đề . Tuỳ thọ mạng, sau khi chết, đàn khỉ đều sinh lên cõi Trời Đâu-suất, gặp gỡ Bồ-tát Di-lặc, kiên cường không thối chuyển, trải qua vô lượng vô biên kiếp, sẽ thành Phật và sẽ lần lượt xuất thế cùng một kiếp tên là Đại Quang, có chung một danh hiệu là Phổ Kim Quang Minh Vương Như lai.

Lại nữa, kinh Xứ-Xứ nói: "Đức Phật bảo: "Tỳ-kheo Kiều-phạm-bát-đề đã chứng quả A-la-hán, vẫn còn tật nhai lại". Đệ tử hỏi đức Phật: "Tại sao lại như thế?" đức Phật đáp: Tỳ-kheo ấy, suốt bảy trăm kiếp trước làm bò, nay dù đắc đạo, túc tập chưa trừ hết, nên còn chứng nhai lại". Luận Trí-độ có câu hỏi: "Tại sao làm bò?" Đáp: "Vì trong kiếp trước từng qua ruộng lúa, đã hái đến năm sáu hạt nhai thử rồi nhổ xuống đất, làm tổn thất lúa của người khác, phải bị đọa xuống làm bò nhiều kiếp, nên có chân bò và chứng nhai lại".

Thứ tư: PHẦN NGŨ THÔNG

Như kinh Bồ-tát-xử-thai nói: "Bấy giờ, Bồ-tát Diệu Thiện bạch đức Phật rằng: "Thưa đức Thế tôn, Bồ-tát có phép ngũ thông, nhờ tu tập cách nào đạt được như thế?" đức Phật bảo: "Đức Phật bảo: "Các thiện

nam tử, thiện nữ nhân trong dục giới không cần đến phép nhãn thông sinh ra đã thấy rõ tất cả chúng sinh lớn nhỏ, tốt xấu, thành quách cây cối trong cõi Diêm-phù-đề. Hoặc có người mắt có thể nhìn thấy hai, ba, bốn cõi. Hoặc có người không cần đến phép nhĩ thông vẫn nghe thấu suốt tiếng các chúng sinh nam nữ trong một cõi. Hoặc có người không cần học tập vẫn biết tiền kiếp từ đâu đến sinh ra ở đây cha mẹ, chủng tộc, tên tuổi đều biết rõ ràng. Hoặc có người không tu tập thần thông vẫn biết tâm của người khác tốt xấu sẽ sinh về đâu, chúng sinh có nhân duyên và không nhân duyên. Hoặc có người không cần tu phép thần thông vẫn có thể phi hành tự tại khắp đó đây, không bị cản ngăn đụng chạm. Đi trên không cũng như dưới đất, dưới đất cũng như trên không". Đức Phật bảo: "Thiện nam tử, thiện nữ nhân vào tu luyện phép nhãn thông đoạn trừ sắc cấu, tập định tam không, sẽ thấy được một đại thiên thế giới, hai đại thiên thế giới, ba đại thiên thế giới, hoặc nghe được mọi âm thanh trong một đại thiên thế giới, hai đại thiên thế giới ba đại thiên thế giới và khắp cả lục đạo tốt xấu đều thấu hiểu rõ ràng. Hoặc có người trừ khử thức cấu, thân tâm thanh tịnh, có ý Thánh thông biết được tiền sinh một kiếp, hai kiếp, thậm chí vô lượng kiếp, từ đâu đến, cha mẹ thân thích, quốc độ thanh tịnh, tên họ, chủng tộc, tất cả đều biết. Hoặc có người tu mười thần thông, biết rõ pháp tính, nhớ mãi không quên. Nhờ thế, biết được tâm niệm kẻ khác trong một kiếp, hai kiếp, thậm chí vô lượng kiếp, từ đâu đến, cha mẹ thân thích, quốc độ thanh tịnh, tên họ, chủng tộc, tất cả đều biết. Hoặc có người tư duy quán tưởng, lấy tâm giữ thân, lấy thân giữ tâm, ngủ nghỉ tỉnh thức, ý tưởng đều không. Nhờ thế, cất mình khỏi một đại thiên thế giới, hai đại thiên thế giới, thậm chí ba đại thiên thế giới, xuống đất như lên không núi sông vách đá đều không cản trở. Hoặc có người sắp sửa giác ngộ, dùng sức trì tuệ trừ khử cấu uế của chúng sinh. Ngồi dưới gốc cây Bồ-đề chúa, quyết không đứng dậy, nên được thành Phật, có đủ lục thông". Rồi đức Phật nói kệ rằng:

Thần thông của phàm phu
Giống hệt như chim bay,
Có giới hạn xa gần,
Không thoát vòng sinh tử.
Thần thông của chư Phật
Chân thật không cấu uế.
Vừa nghĩ đã đến nơi,
Đi về không mõi mệt.

Vì thương xót chúng sinh,
Thần thông thật vô ngại.
Ngũ thông của ngoại đạo,
Thối thất chẳng thành tựu.
Thần thông của chư Phật
Thật vô cùng kiên cố,
Trực chỉ đến Niết-bàn.

Bấy giờ, trong pháp hội có vị Bồ-tát tên Phổ Quang đến trước đức Phật bạch rằng: "Thưa đức Thế tôn, không biết thức trong lục thông là một hay bao nhiêu? Nếu thức là một, bàn chân sắc vàng kỳ diệu của Như lai ngồi ở đạo trường vẫn du hành khắp mọi quốc độ, thức đưa thân đi, hay thân đưa thức đi? Nếu thân đưa thức đi, sẽ không có lục thông. Nếu thức đưa thân đi, gọi là một ấy, sẽ không có thân, không có thức. Xin đức Thế Tôn giải đáp. Đức Phật bảo: "Nghĩa ông muốn hỏi là đệ nhất nghĩa hay thế gian nghĩa? Nếu là thế gian nghĩa, thức có bao nhiêu, không thể xác định được. Nếu là đệ nhất nghĩa thì không có thân, không có thức. Tại sao thế? Phân tích tường tận, tự tính của thức vốn hư vô tịch lặng, không đến không đi, cũng không cấu nhiễm. Sắc vàng ông hỏi thuộc về hữu vi, do ngũ uẩn tạo thành, không tự có, không phải là Đệ nhất nghĩa. Nay ta sẽ giảng giải cho ông về thức tưởng. Trong lục thông của Bồ-tát, thân thức đều cùng có, không phải thức có trước, thân có sau, không phải thân có trước, thức sau. Tại sao thế? Vì pháp tướng vốn tự nhiên, thức không rời thân, thân không rời thức. Giống như hai con bò cùng kéo một càng xe. Nếu bò đen đi trước, bò trắng đi sau thì sẽ không thành xe. Nếu bò trắng đi trước, bò đen đi sau, cũng sẽ không thành xe. Không có bò đen đi trước, bò trắng đi sau; bò trắng đi trước, bò đen đi sau thì mới thành xe. Đạo quả của bàn chân kỳ diệu cũng thế, thân thức đều cùng có, không có trước sau, ở giữa. Nói kim thân của Như lai có trước sau, ở giữa là thế gian nghĩa, không phải Đệ nhất nghĩa. Đối với các pháp không tịch, không có số lượng bao nhiêu!"

Tụng rằng:

Thiện ác xưa huân tập,
Báo ứng thật khác đường.
Từng làm quỷ trả oán.
Hoặc làm sói rửa hờn.
Đồ tể nhớ sát nghiệp,
Tu-mật giỡn khỉ vàng.
Phúc lành trừ sạch khổ,

Rong chơi khắp thiên đàng.
Ngẫu nhiên gặp gỡ lại.
Nhớ rõ hoặc quên ngang.
Thánh phàm mừng vận mới,
Hiền ngu chúc thọ khang.
Khổ vui tuy khác cảnh,
Ngắn dài một kiếp mang.

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG:

Trích dẫn sơ lược chín chuyện linh nghiệm:

1. Dương thái phó đời Tấn. 2. Vương Luân đời Tấn. 3. Hướng Tịnh đời Tấn. 4. Sa-môn Thích Đàm Đế đời Tần. 5. Sa-môn Thích Thừa sư đời Ngụy. 6. Thứ sử Thôi Ngạn Vũ đời Tùy. 7. Sa-môn Thích đạo Xước đời Đường. 8. Lưu Thiện Kinh đời Đường. 9. Sa-môn Huyền Cao đời Đường.

1- Thái phó Dương Hổ, tự là Thúc Minh, người Thái Sơn, là danh thần, nổi tiếng khắp nước vào thời Tây Tấn. Lên năm tuổi, thường sai bà vú lấy chiếc nhẫn hay cầm chơi thuở trước. Bà vú hỏi: “Con vốn không có, biết lấy đâu ra?” Ông đáp: “Trước đây cầm chơi ở tường đông, lỡ rơi vào hốc cây dâu”. Bà vú bảo: “Thế con tự đi tìm lấy”. Ông đáp: “Đây không phải là nhà cũ, làm sao biết đúng chổ!” Sau đó, nhân ra cổng nhìn ngắm, rong chơi, ông đi lần về phía Đông, bà vú lén theo, đến nhà họ Lý, lẻn vào tường rào, thò tay lấy chiếc nhẫn trong hốc cây. Nhà họ Lý kinh ngạc bảo: “Con ta trước đây có chiếc nhẫn này, thường thích cầm chơi. Năm lên bảy chết vì bệnh cấp tính, liền đó không thấy nữa. Đây là đồ chơi của con ta, cớ sao lại lấy đi?” Ông cầm nhẫn cắm cúi chạy về. Họ Lý rượt theo đòi lại. Bà vú phải đem lời ông kể ra. Họ Lý nửa mừng nửa xót muốn xin lại ông đem về làm con. Làng xóm phân giải rõ ràng mới bỏ ý định ấy. Khi lớn, ông hay mắc chứng đau đầu, thầy lang muốn chữa giúp, ông bảo: “Khi mới sinh ra được ba ngày, đầu bị đặt hướng, về cửa sổ phía bắc, gió thổi lọt vào khiến ta rất khó chịu nhưng không thể nói ra được. Gốc bệnh có đã lâu năm làm sao chữa khỏi?” Dạo làm đô đốc Kinh châu, trấn giữ đất Tương Dương, ông giúp đỡ chùa Vũ Đương xây dựng Tinh xá rất nhiều. Có người thắc mắc, hỏi lý do ông im lặng không trả lời. Mãi đến lúc sám hối, kể rõ nhân quả ông mới nói: “Kiếp trước mắc lắm tội, kiếp này nhờ xây chùa, may ra được cứu rỗi. Vì thế phải cúng dường thật ân cần trọng hậu”.

2- Vương Luyện đời Tống, tự Huyền Minh, người đất Lang Da,

làm Thị trung đời Tống. Phụ thân tên Mân, tự Quý Diễm, làm trung thư lệnh đời Tấn. Phụ thân ông chơi thân với vị phạm Tăng, vị này rất kính mến phong thái của phụ thân ông, thường bảo các pháp lữ: “Kiếp sau, nếu ta được làm con của người này, thật đáng mãn nguyện!” Phụ thân ông nghe được, cũng nói đùa với vị Phạm Tăng: “Tài đức như pháp sư đây xứng đáng làm con của đệ tử!” chẳng bao lâu Phạm Tăng lâm bệnh rồi viên tịch. Hơn một năm sau, ông ra đời. Mới sinh đã biết nói, hiểu tiếng Phạm, biết các đồ trân quý bằng đồng ngọc của nước ngoài, gọi đúng tên biết đúng chổ sản xuất, cũng như tự nhiên yêu quý các vị Phạm Tăng hơn người Trung quốc. Ai nấy đều cho rằng ông là vi Sa-môn biết được tiền thân, vì thế phụ thân ông mới đặt tự là A Luyện, dần dần tự chuyển thành tên.

3- Hướng Tịnh đời Tần, tự Phụng Nhân, người đất Hà Nội, mất con gái mới vài tuổi ở quận Ngô Hưng. Khi mới nhuốm bệnh, bé gái ấy thường cầm cây dao nhỏ chơi đùa, người mẹ giành lấy, sợ con đứt tay. Một năm sau, người mẹ lại sinh một bé gái. Lên bốn tuổi, bé gái hỏi mẹ: “Cây dao hồi trước ở đâu?” Mẹ chưa hiểu ra, bảo: Có dao nào đâu!” Bé gái đáp: “Cây dao trước đây giành nhau, làm mẹ bị đứt tay, sao lại nói không?” Người mẹ hết sức kinh hãi, đem kể lại cho chồng. Hướng Tịnh hỏi: “Cây dao ấy nay còn không?” Người mẹ đáp: “Vì quá nhớ thương con nên không rảnh cất riêng”. Hướng Tịnh dặn: “Kiếm thêm vài cây nữa sắp chung với dao ấy để con lựa thử, xem sao”, Bé gái rất mừng, lấy đúng cây dao cũ reo lên: “Chính là cây dao của con đây”. Cả nhà lớn nhỏ đều biết bé gái ấy nhớ rõ được tiền thân. (3 Chuyện trên đây rút từ sách Minh-tường-ký)

4- Vào đời Tống, Sa-môn Thích Đàm Đế ở núi côn Luân vốn họ khang tổ tiên người khang Cư, di cư sang Trung Quốc khoảng thời Hán Linh đế. Cuối thời Hán Hiến đế loạn lạc, lại dời sang quận Ngô Hưng. Phụ thân ngài tên Đồng, làm biệt giá ở Ký Châu. Mẹ ngài họ Hoàng, ngủ trưa mơ thấy một vị Tăng đến gọi mẹ, gửi một phất trần và một cái dần sách bằng sắt chạm. Tỉnh ra hai vật ấy vẫn còn. Từ đó mang thai rồi sinh ra ngài. Lên năm tuổi, mẹ ngài lấy hai vật ấy cho xem. Ngài bảo: “Đây là vật vua Tần ban cho”. Mẹ ngài hỏi lại: “Con để ở đâu?” Ngài đáp: “Không nhớ nổi”. Lên mười tuổi xuất gia, không theo thầy học hỏi, tự nhiên vẫn tỏ ngộ, Một dạo, ngài theo phụ thân đến Phàn Đặng, vừa gặp Sa-môn Tăng Lược người Quan Trung, ngài bỗng gọi tên của Sa-môn ấy thật lớn. Sa-môn trách: “Cớ sao Sa-di lại kêu tên của bậc tôn túc?” Ngài đáp: “Sở dĩ kêu tên vì Hòa thượng trươc đây là Sa-di

của ta, có lần đi hái rau bị heo rừng cắn phải, hoảng hốt kêu ré lên". Nguyên Sa-môn Tăng Lược từng làm đệ tử của pháp sư Hoằng Giác, đi hái rau giúp đại chúng, bị heo rừng cắn. Do quá lâu ngày, Sa-môn không còn nhớ chuyện này nữa. Lấy làm lạ, Sa-môn đến hỏi phụ thân ngài rõ ràng mọi chuyện, được cho xem phất trần và vật dần sácg, Sa-môn chợt hiểu ra, khóc lóc bảo: "Đây chính là tiên sư Hoàng Giác từng được vua Diêu Trường mời giảng kinh Pháp Hoa, bần đạo cũng được sung làm Đô giảng. Nhà vua có ban tặng hai vật, nay hãy còn đây". Tính lại ngày tháng pháp sư viên tịch, chính là ngày mẹ ngài thấy vị Tăng đến gửi hai vật ấy. Hồi tưởng chuyện hái rau, Sa-môn Tăng Lược càng thêm mến mộ xót xa. Sau đó, ngài nghiên cứu kinh điển, hễ đưa mắt qua là nhớ. Cuối đời, ngài vào ở chùa Hổ Khâu tại đất Ngô, giảng các ngoại thư Xuân thu, Lễ, Dịch đến bảy lược, giảng các nội điển Pháp-Hoa, Duy-ma đến mười lăm lượt. Ngài giỏi văn chương, có soạn ra sáu quyển, hiện còn lưu hành. Tính vốn thích núi non, nên cuối cùng trở về quận Ngô Hưng, vào ở trong núi Côn Luân tại cố Chương, sống rất thanh cao đạm bạc, hơn hai mươi năm mới viên tịch tại chùa ấy, vào cuối niên hiệu Nguyên Gia đời Tống, thọ hơn sáu mươi tuổi. (Chuyện linh nghiệm trên đây rút từ Lương-cao-Tăng-truyện)

5- Vào đời Nguyên Ngụy, có Thiền sư Thừa người miền bắc Đại Châu, chuyên trì tụng kinh Pháp-hoa. Ngài viên tịch lúc nữa đêm, đầu thai làm con thứ năm nhà họ Tiết ở Hà Đông. Mới sinh ra đã biết nói, kể rõ tiền thân và không thích ở thế gian. Khi phụ thân đến làm thứ sử Lệ Châu, ngài đi theo. Tới chùa Thất đế ở Tung Sơn, ngài tìm lại đệ tử cũ, bảo rằng: "Liệu con còn nhớ chuyện theo ta vượt sông đến Lang sơn chăng? Thiền sư Thừa hồi đó chính là ta đây. Hãy mau dẹp bỏ ghế thờ trong phòng ta!" Đệ tử nghe nói, ôm lấy ngài khóc lóc rất bi ai. Mọi người trong đạo ngoài đời đều lấy làm lạ, đồn đãi khắp nơi. Gia đình luyến tiếc, sợ ngài xuất gia, bèn cưới vợ cho ngài. Sau đó ngài quên mất chuyện tiền kiếp, nhưng vẫn sinh lòng chán nản, muốn xa rời thế gian, thích sống trong cảnh tịch lặng. (Chuyện linh nghiệm trên đây rút từ Đường-Cao-Tăng-truyện)

6- Giữa niên hiệu Khai Hoằng đời Tuỳ, thứ sử Nguỵ Châu là Thôi Ngạn Vũ, vốn người Bác Lăng, cùng tùy tùng đến làng nọ, bỗng nhiên nữa mừng nữa sợ bảo: "Trước đây, ta từng làm vợ người ta ở trong làng này, nay ta còn nhớ rõ nhà". Bèn cưỡi ngựa vào làng, theo đường quanh co đến nhà nọ, sai gọi cửa. Chủ nhân già cả chạy ra vái chào. Ông bước vào, lên thẳng nhà lớn nhìn trên vách phía đông, cách mặt đất khoảng

sáu bảy thước, có chổ nổi cao lên, bảo chủ nhân: "Bộ Kinh Pháp-hoa xưa kia ta thường đọc và năm cái thoa vàng đựng trong hòm kính giấu ở chổ này. Phần cuối quyển bảy, giấy bị lửa cháy mất hết chữ. Nay ta mỗi lần tụng kinh ấy, đến cuối quyển bảy, thường quên mất, không thể nhớ ra". Rồi sai tả hữu đục vách, quả có hòm kinh. Mở đến cuối quyển bảy và đếm số thoa, đều đúng như lời ông nói. Chủ nhân khóc mướt bảo: "Sinh thời, vợ tôi thường tụng bộ kinh này, thoa cũng cất ở đó". Ông lại chỉ cây hòa trước sân, bảo: "Mỗi lần sắp sinh, ta thường mở búi tóc đặt vào trong hốc cây này". Rồi thử sai tùy tùng mò vào, quả có búi tóc, chủ nhân thấy thế, vừa mừng vừa tủi. Ông ban tặng chủ nhân nhiều tiền của, lưu lại áo và đồ dùng làm kỷ niệm rồi ra về. Chuyện này do Thượng thư Thôi Đôn Lễ kể ra. Năm ngoái, gặp Lô Văn Lệ cũng kể hơi giống, nhưng bảo là thứ sử Tề Châu, tên họ quên mất, không đầy đủ như thượng thư Thôi đã kể nân ta chép lại theo lời thượng thư. (Chuyện linh nghiệm trên đây rút từ Minh-tường-ký)

7- Đời Đường, Sa-môn Thích Đạo Xước ở chùa Huyền Trung tại Ích Châu vốn họ Vệ, gốc người quận Vấn Thủy. Tính tình thanh cao giản dị, thông tuệ phi phàm, noi theo hạnh nguyện của tôn sư Đàm Loan thuở trước. Biết mình sắp viên tịch, vào ngày mồng tám tháng Tư năm Trinh Quan thứ hai, ngài thông báo cho mọi người đều biết. Đại chúng kéo lên đầy chùa. Thấy tôn sư Đàm Loan ngồi trên thuyền thất bảo, nói với ngài rằng: "Nhà tịnh độ của con đã hoàn thành nhưng báo thân chưa hết". Lại thấy các vị hóa Phật an trụ giữa hư không, hoa Trời mưa xuống lả tả. Thiện nam tín nữ lấy vạt áo hứng lấy, cánh hoa mỏng manh trơn mướt rất đáng yêu. Có người lấy hoa sen cấm xuống đất khô suốt bảy ngày mới héo. Còn nhiều điềm lạ không thể kể hết. Năm lên 70 tuổi, bỗng nhiên răng sữa của ngài mọc lại đều đặn như cũ, không hề so lệch, pháp thể hóa khang cường hơn. Nếu chẳng phải là bậc đạo hạnh cao thâm sao có được linh ứng đến thế? (Chuyện linh nghiệm trên đây rút từ Đường-Cao-Tăng-truyện)

8- Lưu Thiện Kinh người huyện Thấp Thành thuộc Phần Châu, mồ côi cha mẹ từ nhỏ, được mẹ nuôi dưỡng. Mẹ ông suốt đời chuyên trì tụng kinh điển, siêng năng giữ giới khổ hạnh và qua đời năm Trinh Quan thứ hai. Ông vô cùng đau xót, khóc lóc không ngừng. Năm sau, ông mơ màng thấy mẹ nói: "Thuở sinh tiền, nhờ tu phúc nên mẹ được làm nam giới, nay sinh làm con nhà họ Tống ở thôn Thạch Triệu tại huyện nhà. Nếu con muốn gặp, hãy sang đến đó". Nói xong, biến mất. Ông theo lời đi tìm, chẳng bao lâu đã đến nơi. Ngay hôm ấy, nhà họ

Tống quả sinh được con trai. Ông đem dâng áo quần, đồ dùng và kễ rõ mọi chuyện. Người con trai ấy đã lớn hiện vẫn còn, được ông luôn luôn giữ lễ mẹ con. Sa-môn Thiện Phủ ở Thấp Châu là chổ tâm giao với ông, nghe chính ông thuật lại chuyện này. Sau đó, Sa-môn đem kể lại cho Dư Lịnh ta nghe.

9- Sa-môn Huyền Cao ở chùa Trí Lực tại huyện Phủ Dương thuộc Tương Châu vốn họ Triệu, có người cháu kiếp trước là con nhà họ Mã cùng làng, chết vào cuối đời Trịnh Quan. Khi lâm chung đứa bé bảo mẹ: “Con có túc duyên với nhà Triệu Tông, sau khi chết, sẽ đầu thai làm cháu ông ấy”. Nhà Triệu Tông ở cùng làng với nhà họ Mã. Người mẹ không tin, lấy mực chấm một nốt ruồi thật lớn bên hông trái con mình. Vợ nhà họ Triệu cũng nằm mơ thấy đứa bé ấy đến bảo: “Sẽ làm con của mẹ”. Từ đó có thai luôn. Đứa bé trong mộng chính là con trai nhà họ Mã. Sau khi sinh xong, kiểm lại, nốt ruồi đen vẫn y chổ cũ. Lên ba tuổi, không ai chỉ bảo, đứa bé tự nhiên nhìn về hướng nhà họ Mã, bảo rằng: “Đó là nhà cũ của con”. Đến nay, đứa bé vẫn còn, đã lên mười bốn tuổi. Chuyện này do các Sa-môn Tuệ Vĩnh và Pháp Thân ở chùa Trí Lực tại Tương Châu kể ra. (Hai chuyện linh nghiệm trên đây rút từ Minh-báo-thập-di)

* Phần ngũ thông này được sắp xếp, gọt tỉa lại cho gọn gàng, dễ hiểu hơn, vì nguyên văn có nhiều chổ rườm rà, lủng củng và tối nghĩa, không biết vài chổ có đúng với nguyên ý chăng?

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 27

Thiên thứ 19: CHÍ THÀNH

Gồm có tám phần: Thuật ý, Cầu bảo, Cầu giới, Cầu nhẫn, Cầu tiến, Cầu định, Cầu quả, Tế nạn.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Than ôi! Chí thành cảm động không thần nào không ứng; đại sĩ Từ bi, mk cơ nào không đến. Hết mình dốc ý, suốt tận mai sau. Mỗi lời thệ nguyện, đều tương ưng Nhẫn trí. Tâm tâm rộng lớn, không chút thối chuyển. Nếu chẳng phải là bậc trọng đạo hạnh hơn cả thông già, giữ thệ nguyện cứng hơn vàng đá, liệu có thể hy sinh để hộ trì, son sắt để cứu độ, hoằng đạo để báo tứ ân, dưỡng đức cốt giúp tam giới? Được thế, mới công đức bao trùm ba kỳ, đạo quả sẽ phủ đầy Thập địa.

Thứ hai: PHẦN CẦU BẢO

Kinh Đại-chí nói: "Ngày xưa ở nước Hoan Lạc có cư sĩ tên Ma-ha-đàn, vợ tên Thiên-đà sinh được con trai tướng mạo tuyệt thế vô song. Mới chào đời đã biết nói, phát nguyện rằng: "Ta sẽ bố thí cho tất cả mọi kẻ bần cùng". Vì thế, cha mẹ đặt tên là Đại Ý. Năm lên mười bảy tuổi, Đại Ý quyết tâm vượt biển tìm viên ngọc quý Minh nguyệt đem về giúp đở mọi người. Mới đến thành Bạch Ngân, Long vương sở tại tặng viên ngọc Minh nguyệt có khả năng thu hút châu báu trong hai mươi dặm. Đi tiếp, đến kinh thành, Long Viên sở tại tặng viên Minh nguyệt có khả năng thu hút châu báu trong bốn mươi dặm. Đi nữa, đến thành Thủy Tinh, Long vương sở tại lại tặng viên Minh nguyệt có khả năng thu hút châu báu trong sáu mươi dặm. Lại đi nữa, đến thành Lưu Ly, Long vương sở tại lại tặng viên Minh nguyệt có khả năng thu hút châu báu trong tám mươi dặm và dặn dò: "Khi đắc đạo, xin hãy thâu nhận ta làm đệ tử. Ta sẽ tinh thành cúng dường hơn hôm nay để mãi mãi được Tăng trưởng trí tuệ". Đại Ý nhận ngọc rồi trở về nước bằng đường biển.

Các vua thần biển cùng bàn luận: “Trong biển chúng ta dẫu nhiều châu báu, nhưng không thứ nào bằng bốn viên ngọc ấy”. Liền ra lệnh cho thần biển phải chận đường đoạt lấy. Thần hóa làm người, gặp Đại Ý hỏi: “Nghe ngài được ngọc lạ, xin cho mượn xem thử”. Đại Ý xòe tay chìa ra bốn viên ngọc. Thần lắc bàn tay khiến ngọc rơi hết xuống biển. Đại Ý sực nhớ: “Quốc vương dặn ta, ngọc này khó giữ. Nay ta may mắn có được, lại để người này lấy mất. Làm sao trở về?” lập tức bảo thần: “Ta lặn lội gian nan mới có bốn viên ngọc ấy, nay ông đoạt hết, ta không về nữa, phải tát cạn biển để lấy lại” Nghe nói thế, thần hỏi: “Chí ngài tuy cao, nhưng biển lớn sâu đến ba trăm ba mươi sáu vạn do-diên, lại rộng vô bờ, sao tát cạn nổi? Mặt nhật kia không thể rơi xuống, bão lớn nọ không thể buộc lại, nhưng mặt nhật kia có ngày rơi xuống, bão lớn nọ có thuở còn buộc lại, đến như nước biển lớn không đời nào có thể tát cạn!” Đại Ý mỉm cười trả lời: “Ta tự nghĩ, suốt vô lượng kiếp chịu sinh tử hoại diệt, xương cốt chất cao hơn núi Tu-di, máu chảy nhiều hơn năm sông lớn, nhưng ta vẫn mong muốn đoạn trừ sạch gốc sinh tử luân hồi. Sá gì biển nhỏ này không thể tát cạn nổi? Ngày xưa khi cúng dường chư Phật, ta đã phát thệ xin cho chí nguyện kiên cường với đạo không còn thấy khó, dù phải dời núi Tu-di, tát biển lớn cũng chẳng chút thối chuyển”. Nói xong, dũng mãnh lấy gàu tát biển. Bốn vị Thiên vương cảm động tấm lòng thành, liền hiện xuống giúp sức, ba phần đã cạn hết hai. Các vua thần biển thấy thế đều kinh hãi, bàn tán: “Nếu không trả lại ngọc, hậu quả thật khó lường. Nước cạn ló bùn, sẽ hư hoại hết cung thất”. Bèn đem nhiều châu báu giao ra, Đại Ý không nhận: “Nếu chẳng phải ngọc của ta, quyết không dừng tay!” Thấy Đại Ý kiên cường, các thần đành phải trả lại bốn viên ngọc. Đại Ý bèn lên đường về nước, bố thí rộng rãi. Từ đó không còn người nghèo nàn đói khát nữa. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: “Đại Ý ngày xưa chính là ta hiện nay”. A-nan bạch: “Do công đức nào bốn viên ngọc ấy có khả năng thu hút các loại châu báu?” đức Phật bảo: “Vào thời đức Phật Duy Vệ xa xưa, Đại Ý đã đem bốn thứ châu báu xây tháp cúng dường Tam bảo và giữ giới suốt bảy ngày. Bấy giờ có năm trăm người cũng đồng thời dựng chùa. Có người treo phướn thắp đèn, có người thắp hương rãi hoa, có người cúng dường các Tỳ-kheo có người tụng kinh thuyết pháp. Tất cả nay đã gặp gỡ chư Phật và đều được cứu độ”. Bởi thế. Luật Tăng-kỳ nói rằng: “Bấy giờ thần biển suy nghĩ, giả sử hàng trăm năm cố tát, nước biển cũng chẳng giảm xuống mảy may. Chỉ vì cảm động trước tấm lòng thành nên mới đem ngọc trả lại. Rồi thần biển nói kệ cho các vị Bà-la-môn nghe:

Nhờ kiên cường dũng mãnh,
Ý chí chẳng hề lơi,
Lòng tinh thành cảm động,
Tuy mất, lại nhận về.

Thứ ba: PHẦN CẦU GIỚI

Như kinh Tạp-thí-dụ nói: "Ngày xưa có người tên Tát-bạc, nghe đồn nước ngoài có nhiều châu báu lạ, muốn đi kiếm về làm giàu, nhưng giữa biên giới hai nước có nạn La-sát, không thể vượt qua. Nhân đi chơi thấy ở cửa chợ phía tây có một đạo sĩ ngồi trên sạp trơn rao lên: "Bán ngũ giới". Ông bước đến hỏi: "Ngũ giới là gì?" Đạo sĩ đáp: "Vô hình, miệng truyền tâm nhận. Một khi giữ gìn, đời sau được sinh lên Trời, đời này trừ được nạn La-sát". Rất muốn mua, ông hỏi tiếp: "Giá bao nhiêu?" Đạo sĩ đáp: "Đúng một nghìn đồng vàng". Ông trả tiền ngay. Trao giới xong, đạo sĩ căn dặn: "Khi đến biên giới nước ngoài, nếu La-sát xông đến, nhà ngươi chỉ cần nói mình là đệ tử ngũ giới của đức Phật Thích-ca." Ông ra đi, chẳng bao lâu đã đến đó, thấy La-sát xuất hiện. Mình cao một trượng ba, đầu vàng bờm xờm như áo tơi, mắt đỏ rực như đinh nung, toàn thân đầy vảy, miệng cứ ngoác ra ngậm lại như cá đập mang. La-sát bỗng vọt lên hớp bầy én đang bay rồi đáp xuống đất, chân lún sâu đến gối, huyết nóng chảy đầy miệng. Giữa đám đông mấy nghìn người, La-sát chỉ chụp lấy ông. Ông nói lớn: "Ta là đệ tử giữ giới của đức Phật Thích-ca đây". La-sát có nghe, nhưng không chịu thả. Ông vung tay đánh tới, tay lún xuống lớp vảy, không thể rút ra. Ông giơ chân đạp, đưa đầu húc, chân và đầu cũng lún sâu xuống lớp vảy, không thể kéo ra. Toàn bộ hai tay, hai chân và đầu của ông đều lún sâu xuống lớp vảy, chỉ còn lưng cố vùng vẫy mà thôi. La-sát bèn nói kệ rằng:

Mình ngươi và tay chân,
Tất cả đều bị trói.
Chỉ còn nước chờ chết,
Vùng vẫy để làm gì?

Ông vẫn giữ ý chí kiên cường, đáp kệ lại rằng:

Thân ta và tay chân,
Tuy tạm thời bị trói,
Lòng ta như vàng đá,
Quyết không bị ngươi giết!

La-sát lại nói kệ với ông:

Ta là chúa loài quỷ,

Là kẻ có nhiều sức.
Xưa nay ăn thịt người,
Không thể nhớ đếm nổi!
Mau mau chết cho xong
Cần gì phải nói nữa?

Ông còn muốn mắng chửi La-sát, bỗng sực nhớ thân này xưa nay luân hồi khắp tam giới, chưa từng xin ai tha mạng. Nay phải nhờ La-sát ăn mau, bèn nói kệ rằng:

Thân xác tanh tao này,
Lâu nay đã muốn bỏ.
La-sát đã bắt được,
Nguyện đem ra bố thí.
Quyết chí cầu đại thừa,
Chứng quả nhất thiết trí.

La-sát thông minh, hiểu được lời ông, sinh xấu hổ, lập tức thả ông và quỳ xuống chắp tay tạ tội:

Ngài là thầy cứu người,
Hiếm có trong tam giới.
Chí cầu đại thừa pháp,
Thành Phật chẳng bao xa.
Tôi nay nguyện quy y,
Cúi đầu xin đảnh lễ.

La-sát sám hối xong, thân hành đưa ông ra tận nước ngoài, kiếm được vô số châu báu rồi lại đưa trở về nhà. Ông tu tập rất nhiều công đức và thành đạo quả. Thế nên, giới luật có sức mạnh không thể nghĩ bàn, khuyên các hành giả cần kiên trì giữ gìn và lập chí dũng mãnh như Tát-bạc trên đây.

Thứ tư: PHẦN CẦU NHẪN

Như luận Trí-độ nói: "Có con rồng nọ chứa nọc độc, cực kỳ hung hãn. Mỗi lần giương mắt lên nhìn, người yếu đuối chết ngay; hễ há miệng phun khí độc, kẻ mạnh mấy cũng chết. Hôm ấy, rồng giữ giới một ngày, bò vào rừng tọa thiền một hồi lâu, đâm ra mỏi mệt ngủ quên. Lệ của loài Rồng khi ngủ, mình trông rực rỡ như da rắn khảm thất bảo. Thợ săn trông thấy, giật mình mừng quá nói thầm: "Nếu lấy được bộ da hiếm có này đem dâng lên nhà vua để làm thuyền ngự, thật là xứng đáng!? Bèn xách cây đè chặt đầu, rút dao lột da. Rồng tự nhủ: "Ta thừa sức lật nhào cả đất nước này, sá gì kẻ nhỏ xíu ấy! Chỉ vì hôm nay ta

đang giữ giới, đành phó mặc thân xác để tuân theo lời đức Phật dạy. Nghĩ thế, rồng nhẫn nhục nhắm mắt không nhìn, nín thở không rên, sinh lòng thương xót kẻ thợ săn ấy. Cố giữ giới, rồng thành tâm chịu để lột da, không chút ân hận. Da đã bị lột, thịt phơi ra giữa nắng cháy, rồng lăn lộn trên mặt đất. Muốn tìm chổ nước lớn, lại thấy lũ côn trùng nhung nhúc kéo đến ăn thịt, rồng cố giữ giới, không dám nhích mình, tự nhủ: "Vì đạo pháp, mạng ta đã nguyện đem bố thí cho lũ côn trùng, thịt ta cũng nên đem ra bố thí cho chúng nó no nê. Sau sẽ đem chính pháp bố thí cho tâm chúng nó được lợi ích". Rồi thân tàn mạng chung, rồng được sinh lên cõi Trời Đạo lợi. Xem thế, súc sinh còn biết kiên trì giữ giới, đến chết không phạm, huống gì con người, sao lại nỡ phóng túng phạm giới?"

Lại nữa, luật Ngũ-phần nói: "đức Phật bảo: "Vào thời quá khứ, có con rắn đen cắn chết con trâu nghé rồi bò vào hang sâu. Thầy bùa làm phép, dùng con dê đen dụ rắn bò ra, không được, bèn làm phép, nhen lửa trước con nghé, hoá thành bầy ong lửa bay vào hang đốt rắn. Không chịu nổi, rắn phải bò ra. Dê đen thấy thế, gục sừng cầu cứu trước mặt thầy bùa. Thầy bùa bảo rắn: "Mày phải hút lại nọc độc, nếu không, ta sẽ ném vào lửa!" Rắn bèn nói kệ:

Ta đã phóng độc rồi,
Không thể hút lại nữa.
Một khi cái chết đến.
Tính mạng khó giữ nổi!

Nói xong, rắn nhảy vào lửa mà chết, không chịu hút nọc lại. Đức Phật bảo: "Rắn đen ngày xưa chính là Xá-lợi-phất hiện nay. Ngày xưa khi làm kiếp rắn, Xá-lợi-phất thà chịu chết đau đớn, chứ không chịu thâu hồi nọc độc. Cớ sao ngày nay lại nhặt nhạnh mớ thuốc đã bị vứt đi?"

Thứ năm: PHẦN CẦU TINH TẤN

Như kinh Tạp-bảo-tạng nói: "Vào thời quá khứ, giữa hai nước Ca-thy và Tỳ-đề-hê từng có quãng đồng rộng, ác quỷ Sa-tra-lô hay ở đó chặn đường, mọi người không thể vượt qua. Thương chủ Sư tử dắt đoàn thương khách năm trăm người đi ngang đường ấy. Mọi người lo sợ không thể vượt được. Thương chủ dặn dò: "Đừng sợ, cứ đi sau ta!" Đến chổ có quỷ, thương chủ nạt lớn: "Ngươi không nghe tên ta sao?" Quỷ đáp: "Vì nghe tên ngươi nên ta mới hiện ra đánh với ngươi đây!" Thương chủ nạt dồn: "Ngươi có tài cán gì?" Rồi lập tức lắp cung tên bắn

quỷ. năm trăm phát đều găm trọn vào bụng. Vung dao kiếm gậy gộc đều găm luôn. Thương chủ múa hai tay xông lên đánh hai tay cũng găm vào. Giơ hai chân đá, cũng găm luôn. Lấy đầu húc, đầu cũng dính chặt. Bấy giờ, quỷ mới nói kệ rằng:

Ngươi lấy tay chân luôn cả đầu
Tất cả mọi thứ đều bị dính.
Còn có vật gì không dính nữa?

Thương chủ nói kệ đáp lại:

Hôm nay tay chân và đầu ta,
Tất cả của cải và binh khí,
Hết thảy mọi thứ đều đã dính.
Riêng lòng tinh tiến không thể dính.
Giả sử lòng ấy không yên nghỉ,
Ta quyết cùng ngươi đấu chẳng dừng.
Ta nay tinh tiến không hề nghỉ,
Vì thế sẽ không sợ hãi ngươi.

Quỷ nghe thương chủ nói xong, đành trả lời: "Hôm nay vì ngươi, ta phải thả cả đoàn năm trăm thương khách đi qua.

Thứ sáu: PHẦN CẦU ĐỊNH

Như luận Tân-bà-sa nói: "Ma vương thấy Bồ-tát ngồi dưới cây Bồ-đề trang nghiêm bất động, thề đạt đạo Vô thượng, liền tức tốc rời khỏi cung xuống đến nơi, bảo Bồ-tát: "Thái tử nên rời khỏi đây. Đời này ô trược, chúng sinh ương ngạnh, quyết không thể chứng được quả Vô thượng Bồ-đề. Ngài nên lên ngôi vị Chuyển-luân-vương, ta sẽ xin đem thất bảo đến cúng dường". Bồ-tát đáp: "Lời ngươi nói ra chỉ dụ nổi trẻ con. Mặt Trời, mặt trăng và tinh tú kia có thể rơi rụng, rừng núi đất đai kia có thể tan biến vào hư không, nhưng muốn ta rời khỏi chổ này, không thành chánh quả, chắc chắn là điều không thể có được!" Ngay đó, ma vương kéo ba mươi sáu câu-đê ma quân, hiện đủ hình thù đáng sợ, cầm binh khí đủ loại, nhất tề xong đến dưới cây Bồ-đề quấy phá. Bồ-tát thân tâm bất động, vững vàng hơn núi Tu-di, nên chẳng làm gì được".

Thứ bảy: PHẦN CẦU QUẢ

Như kinh Tạp-bảo-tạng nói: "Phật pháp rộng lượng, tế độ vô biên. Chí tâm cầu đạo, sẽ được chứng quả. Thậm chí nói đùa, vẫn tạo phước đức. Như ngày xưa có vị Tỳ-kheo già cả, trí tuệ tối tăm, thấy các Tỳ-

kheo trẻ tuổi thuyết pháp thao thao về tứ quả, sinh lòng hâm mộ, bảo rằng: “Các vị thông minh, xin hay đem tứ quả ban bố cho tôi”. Các Tỳ-kheo trẻ cười nhạt đáp: “Chúng ta có sẳn tứ quả, nhưng phải dọn đủ món ăn ngon mới ban cho”. Tỳ-kheo già nghe nói vui mừng, sắm đủ thức trân quý, mời các Tỳ-kheo trẻ đến cầu xin tứ quả. Ăn uống xong, các Tỳ-kheo này cùng chỉ trỏ, nói đùa với Tỳ-kheo già: “Đại đức hãy đến ngồi nơi góc nhà này, chúng ta sẽ trao cho”. Mừng quá Tỳ-kheo già vâng lời ngồi xuống. Các Tỳ-kheo trẻ lấy quả cầu da đánh lên đầu Tỳ-kheo già, bảo: “Đây chính là quả Tu-đà-hoàn!” Nghe nói Tỳ-kheo già giữ tâm không tán loạn, lập tức chứng được sơ quả. Các Tỳ-kheo trẻ lại nói đùa: “Tuy đã ban cho sơ quả, nhưng vẫn còn bảy lần sinh tử, phải dời sang góc khác, sẽ được ban cho quả Tư-đà-hoàn”. Tỳ-kheo già tâm càng tinh tiến, chuyển sang góc khác. Các Tỳ-kheo trẻ lại lấy quả cầu đánh lên đầu, bảo: “Ban cho quả thứ hai đây!” Thân tâm Tỳ-kheo già càng thêm tinh tiến, liền chứng được quả thứ hai. Các Tỳ-kheo trẻ lại nói: “Tuy đã chứng xong quả ấy, nhưng vẫn còn khổ nạn sinh tử, cần phải dời sang chổ khác, sẽ ban cho quả thứ ba”. Tỳ-kheo già nghe lời dời chổ. Các Tỳ-kheo trẻ lại đánh quả cầu, bảo: “ban cho quả thứ ba đây!” Tỳ-kheo già quá vui mừng, càng thêm chí tâm, lập tức chứng quả A-na-hàm. Các Tỳ-kheo trẻ lại nói: “Tuy đã chứng xong quả ấy, nhưng còn thân phiền não chịu vô thường hủy hoại. Mỗi niệm đều khổ ở Sắc giới và Vô sắc giới, phải tiếpmtục dời chổ để nhận quả A-la-hán.” Tỳ-kheo già nghe lời dời chổ. Các Tỳ-kheo trẻ lại đánh quả cầu lên đầu và nói rằng: “Chúng ta ban cho quả thứ tư đây!” bấy giờ, Tỳ-kheo già nhất tâm quán tưởng, bỗng nhiên chứng được quả A-la-hán. Chứng xong tứ quả, Tỳ-kheo già hết sức vui mừng, dọn các món ăn ngon, bày đủ loại hoa hương đền ơn các Tỳ-kheo trẻ tuổi, rồi cùng thảo luận công đức thanh tịnh của đạo quả. Các Tỳ-kheo trẻ tuổi nói rằng còn vướng mắc chưa thông. Bấy giờ, Tỳ-kheo già mới mở lời: “Ta đã chứng xong tứ quả”. Đến đây, các Tỳ-kheo trẻ đều xin sám hối tội lổi nói đùa trước đó. Bởi thế các hành giả cần suy niệm về điều thiện. Nói đùa, thậm chí còn hưởng phước báo thật sự, huống hồ thành tâm?”

Lại nữa, kinh Tạp-bảo-tạng nói: “Người cầu đạo phải biết tinh thành cảm xúc mới chứng đạo quả. Ngày xưa có nữ tín chủ trí tuệ thông minh rất tin Tam bảo, từng lên chùa mời hai vị Tỳ-kheo về nhà cúng dường. Vị Tỳ-kheo già căn cơ si độn, không hiểu đạo pháp. Nữ tín chủ dâng cơm nước xong, ân cần thỉnh cầu vị Tỳ-kheo này thuyết pháp, rồi trải tọa cụ nhắm mắt yên lặng ngồi nghe. Tỳ-kheo này thấy mình dốt

nát, không thể thuyết pháp, thúc giục nữ tín chủ ngủ mau và bỏ chạy về chùa. Thật ra, nữ tín chủ chí tâm quán tưởng, thấy các pháp hữu hình đều Vô thường- Khổ-Không, không thể tự tại. Triền miên suy niệm, bỗng nhiên chứng được sơ quả. Sau đó, lên chùa gặp Tỳ-kheo già này để đền ơn. Xét mình chẳng có công đức gì, Tỳ-kheo này trốn tránh không gặp. Càng trốn tránh nữ tín chủ càng khẩn thiết thỉnh cầu, Tỳ-kheo ấy đành phải xuất hiện. Nữ tín chủ kể rõ cơ duyên đắc đạo, bày biện lễ vật cúng dường để báo đáp công đức. Bấy giờ, Tỳ-kheo này cảm thấy xấu hổ, hết sức trách mình, bèn chứng được sơ quả. Thế nên, hành giả cần phải biết chí tâm. Nếu có chí tâm, chắc chắn sẽ đạt thệ nguyện.

Thứ tám: PHẦN TẾ NẠN

Như kinh Tăng-già-La-sát nói: "Ngày xưa, Bồ-tát từng hiện thân làm chim anh vũ đậu trên cây. Gió thổi, cành cây cọ nhau nẩy lửa, dần dần bốc cháy cả ngọn núi. Chim suy nghĩ: "Đến như loài chim bay ngang, chỉ đậu tạm trên cành, còn biết trăn trở lòng biết ơn, huống gì ta thường xuyên đậu ngủ suốt đêm dài, nỡ nào lại không dập lửa cứu cây?" Lập tức, chim bay xuống biển, giương hai cánh múc nước đem về rưới lên ngọn lửa, hoặc lấy mỏ rưới nước, tất cả bay qua liệng lại chữa cháy. Bấy giờ có vị thần nhân hậu thương chim khổ sở, bèn làm phép dập tắt dùm đám cháy".

Lại nữa, luận Trí-độ nói! "Ngày xưa có ngọn lửa hoang thiêu cháy cánh rừng, con trĩ ở đó cố sức bay đến dòng suối lấy nước đem về cứu chữa. Bay đi bay lại rất nhọc nhằn nhưng chim không thấy khổ. Trời Đế thích hiện xuống hỏi: "Ngươi làm gì thế?" Trĩ đáp: "Tôi cứu cánh rừng này, vì nó biết thương mọi chúng sinh , giang mình che chở nhiều năm, khiến tất cả đều được thảnh thơi mát mẽ. Đồng loại và họ hàng nhà tôi đều nương tựa vào nó. Nay tôi có sức, nỡ nào không ra tay cứu chữa?" Đế thích hỏi dồn: "Sức ngươi cố gắng được bao lâu?" Trĩ dũng mãnh đáp: "Đến chết mới thôi!" Đế thích hỏi nữa: "Ai làm chứng cho ngươi đây?" Trĩ lập tức thề lớn: "Nếu tâm tôi hết sức thành thật không chút giả dối, xin ngọn lửa hãy tắt mau!" Trời Tịnh Cư cảm động trước lòng thành của chim. Liền ra tay làm phép dập tan ngọn lửa. Nhờ thế, cánh rừng được xanh tươi, không bị thiêu cháy". Tụng rằng

Tinh thành giữ băng tuyết,
Vì già sẽ đến mau.
Sông đời trôi rất chóng,
Thân người chẳng thảnh thơi.

Bao năm làm vất vả,
Già bệnh, nằm một nơi,
Chí tâm hằng giữ giới,
Định tuệ sẽ phát chồi.
Kết bạn đi xa xứ,
Đất lãnh hợp ý người
Thương nhân không sợ chết,
La-sát phải chịu thua
Tìm ngọc tát cạn biển,
Thần sợ, trả lại châu.
Nhắn nhủ kẻ cầu đạo,
Chí bền, hưởng phước lâu.

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG:

Xét rõ xưa nay, không kể đạo tục, nếu có thành tâm, sẽ được báo ứng, tạm liệt kê ngoài tục ba chuyện, trong đạo mười một chuyện, tổng cộng lược thuật mười bốn chuyện cảm ứng:

1/ Tấn minh đế giết lực sĩ Hàm Huyền. 2/ Hùng cừ nước sở đi đêm bắn nhầm đá cứng. 3/ Can Tương Mạc Da giấu kiếm . 4/ Vợ Hàn Bằng đời Tống bị Khang Vương chiếm đoạt. 5/ Phục Vạn Thọ đời Tống niệm danh hiệu Quán Thế Âm. 6/ Cố Mại đời Tống niệm danh hiệu Quán Thế Âm. 7/ Sa-môn Tuệ Hòa đời Tống niệm danh hiệu Quán Thế Âm. / Hàn Huy đời Tống niệm danh hiệu Quán Thế Âm. 9/ Bành Tử Kiều niệm danh hiệu Quán Thế Âm. 10/ Sa-môn Đan nước Triệu ăn sỏi mặc áo vỏ tùng. 11/ Đổng Hùng đời Đường niệm danh hiệu Quán Thế Âm. 12/ Sa-môn Đạo Tích đời Đường dũng mãnh can gián. 13/ Sa-môn Pháp Thành đời Đường sao kinh được linh ứng. 14/ Tỳ-kheo ni Pháp Tín đời Đường sao kinh được linh ứng.

1/ Vua Minh đế nhà Tấn ra lệnh giết chết lực sĩ Hàm Huyền. Hàm Huyền bảo đao thủ: "Đầu ta nhiều gân cứng, phải chém đứt thật ngọt. Nếu không, ta sẽ báo thù ngươi đó!" Tâm thần hoang mang đao thủ không nhớ, chém liền mấy nhát mới dứt lìa. Sau đó, đao thủ thấy Hàm Huyền mặc áo đỏ, cầm cung tên đỏ đến bắn mình, liền hô lớn: "Hàm Huyền hãy nới tay cho ta một lát!" Chẳng mấy chốc, đao thủ chết mất. (Chuyện linh ứng trên đây rút từ Oan-hồn-chí)

2/ Hùng Cừ người nước Sở đi trên, thấy tảng đá nằm trơ, tưởng là cọp rình mồi liền giương cung bắn, tên ngập đến chuôi. Cúi xuống nhìn kỹ mới biết là đá. Lại bắn thử, tên gãy, đá chẳng hề hấn gì. Đời Hán, Lý

Quảng làm thái thú ở Bắc Bình, bắn cọp xong mới biết là đá. Chuyện cũng tương tự như trên. Vì thế, Lưu Hướng bảo rằng: “Đạt đến mức độ chí thành, dẫu vàng đá còn phải bung ra, huống gì người? Than ôi! Nếu xướng lên mà chẳng có ai họa lại, cổ vũ mà chẳng được ai theo, chắc chắn ở trong còn có chổ chứa thật trọn vẹn, chẳng bước ra gánh vác mà muốn giúp đời, ấy là muốn thôi không giúp vậy”.

3/ Can Tương Mạc Da ở nước Sở đúc kiếm cho nhà vua ba năm mới xong. Nổi giận, nhà vua muốn giết. Kiếm ấy gồm hai thanh trống mái. Người vợ có chửa nặng bụng sắp sinh, ông dặn: “Ta đúc kiếm ba năm, nhà vua cả giận. Nếu ta đi, thế nào cũng bị giết. Như bà sinh con trai, khi lớn, bảo nó ra cổng nhìn lên Nam sơn, thấy cây tùng mọc trên đá, kiếm giấu ở dưới”. Nói xong, ông đem kiếm mái dâng lên nhà vua. Nổi giận, nhà vua sai xét kiếm biết có một cặp trống mái. Kiếm mái được đưa đến, kiếm trống không thấy. Nhà vua tức tối, ra lệnh giết chết. Con trai ông tên Xích lớn lên hỏi mẹ: “Cha con đâu?” mẹ đáp: “Cha con trước đây đúc kiếm cho nhà vua ba năm mới xong, bị nhà vua giết chết. Lúc ra đi, có dặn sau này con ra cổng nhìn phía Nam Sơn, thấy cây tùng mọc trên đá, kiếm được giấu ở dưới”. Con ông theo lời nhìn, không thấy Nam Sơn, chỉ thấy trước nhà có cột gỗ tùng chốn xuống tảng đá, liền lấy búa bửa, lật lên thì lấy được kiếm, đêm ngày nôn nóng báo thù. Vua Sở mơ thấy đứa bé có hai mày cách nhau chừng một thước, nuôi chí báo thù, bèn ra giá ai lấy được đầu nó, sẽ thưởng cho nghìn vàng. Đứa bé nghe tin, bỏ trốn vào núi, ca hát nghêu ngao. Có người gặp hỏi rằng: “Cậu còn nhỏ tuổi, sao lại khóc lóc thê thảm đến thế?” Cậu bé đáp: “Tôi là con của Can Tương Mạc Da. Vua Sở giết cha tôi, tôi phải trả thù”. Người ấy bảo: “Nghe vua Sở treo giá đầu cậu đến nghìn vàng. Hãy đưa đầu và kiếm cho ta, ta sẽ báo thù giúp cho”. Cậu bé đáp: “May mắn thay!” Dứt lời, lập tức tự vẫn, hai tay bưng đầu và kiếm giao cho người ấy, thân hình vẫn đứng thẳng không ngả. Người ấy hứa: “Ta sẽ không bao giờ phụ lòng cậu”. Nghe mấy lời này, thân hình cậu bé mới chịu ngả xuống. Đem đầu đến yết kiến, vua Sở rất mừng, người ấy tâu: “Đây là đầu của kẻ dũng sĩ, phải nấu trong vạc nóng”. Nhà vua y lời, cho nấu suốt ba ngày đêm vẫn chưa rục. Đầu vọt lên khỏi nước sôi, trợn mắt giận dữ. Người ấy tâu thêm: :Nếu đại vương ngự đến xem, chắc chắn đầu sẽ rục ngay!” nhà vua nghe lời, bước đến bên. Người ấy lập tức rút kiếm chém đầu nhà vua bay bào vạc, rồi cũng tự chém đầu mình rơi vào luôn. Lạ thay! Cả ba đầu rục nát, không thể nhận ra ai, đành phải chia làm ba phần đem chôn, nên gọi chung là mộ ba vua. Hiện nay,

hãy còn ở địa phận phía bắc huyện nghi Xuân thuộc Nhữ Nam.

4/ Đại Phu Hàn Bằng đời Tống có vợ đẹp, bị vua Khang Vương chiếm đoạt, ông uất ức, nuôi lòng thù hận. Nhà vua bắt giam, đày ra gác cổng thành, người vợ lén gửi thư, nói bóng gió:

Lâm râm mưa lâu,
Sông rộng, nước sâu.
Trời thấu lòng nhau.

Chuyện vỡ lở nhà vua lấy được bức thư đưa cho cận thần xem, nhưng chẳng ai hiểu nổi. Thần Hạ tâu: “Lâm râm mưa lâu là sáng mùa thu thương nhớ. Sông rộng nước sâu là không thể gặp nhau. Trời thấu lòng nhau là tỏ ý muốn chết”. Hàn Bằng nghe liền tự tử. Người vợ âm thầm làm mục áo. Một hôm, cùng nhà vua lên đài cao ngắm cảnh, thừa cơ nhảy xuống. Thị nữ nắm tay kéo lại, áo mục tuột khỏi tay, rơi xuống đất mà chết, để lại bức thư trong đai áo: “Quân vương ham sống, thần thiếp thích chết. Xin cho đem hài cốt chôn cùng Hàn Bằng”. Nhà vua nổi giận không chịu, sai chôn cách nhau, phán rằng: “Vợ chồng ngươi quyết thương yêu nhau không rời. Nếu làm sao trở thành hợp táng, ta sẽ không cấm.” Được ít lâu, có hai cây tử cùng mọc lên từ hai đầu mộ, trong một tuần đã lớn đầy ôm, uốn mình chụm vào nhau, rễ liền ở dưới, cành liền ở trên. Lại có cặp chim uyên ương thường đậu trên cây, đêm ngày chẳng bay đi đâu, ôm cổ nhau cùng kêu lên buồn bã, làm xúc động lòng người. Dân nước Tống thương xót, đặt tên là cây Tương tư (tên tương tư bắt đầu có từ đó). Nay ở Lạc Dương còn thành Hàn Bằng, lời ca dao cũng vẫn còn. (ba chuyện linh ứng trên rút từ Sưu-thân-ký)

5/ Phục Vạn Thọ đời Tống người đất Bình Xương, năm nguyên Gia thứ 19, làm tham quân vệ phủ tại Quảng Lăng. Hết hạn nghỉ phép, trở về châu. Khoảng hơn canh tư, thuyền bắt đầu qua sông, sóng gợn nước êm. Được nửa sông, gió bỗng nổi nhanh như tên bắn, Trời lại trở nên quá tối tăm, không biết phương hướng. Ông từ trước thờ Phật rất thành tâm, nên chỉ dốc lòng niệm danh hiệu Quán Thế Âm không ngừng. Một lát ông cùng vài người trong thuyền đều thấy bên bờ phía Bắc có ánh lửa lập lòa như của làng xóm. Mọi người mừng reo lên: “Đúng là lửa của làng An Dương!” bèn quay thuyền theo hướng ấy, gần sáng thì đến nơi. Hỏi thăm dân làng, ai nấy đều bảo: “Suốt đêm qua, chẳng ai nổi lửa cả”. Bấy giờ mới biết nhờ thần lực của Đức Quán Thế Âm giúp cho được yên ổn vào bờ, lập tức bày trai lễ cảm tạ.

6/ Cố Mại đời Tống vốn người Ngô Quận, thờ Phật rất kính cẩn. Vào năm Nguyên Gia thứ mười chín, ông làm tham quân vệ phủ, cũng

từ kinh đô trở về Quảng Lăng. Thuyền xuất phát tại Thạch Đầu thành, vừa qua hồ, gió bấc thổi mạnh không ngừng, nhưng khách lại gấp đi. Vừa ra nửa sông, sóng lớn nổi lên thuyền nhỏ trôi lẻ loi. Lo sợ, không biết làm sao, ông chuyên tâm trì tụng kinh Quán Thế Âm được khoảng mười biến, thế gió yếu dần, sóng cũng nhỏ bớt. Trên sông luôn nghe mùi hương kỳ lạ tỏa ra thơm ngát. Riêng ông khấp khởi mừng thầm, càng tụng niệm không ngớt. Nhờ thế, thuyền được vào bến bình yên.

7/ Sa-môn Huệ Hòa đời Tống là vị Tăng ở chùa Chúng Tạo tại kinh thành. Trong đại nạn nghĩa gia, ngài hãy còn sống ngoài đời, làm thuộc hạ cho Lưu Hồ, được phái theo mấy chục quan binh đi trinh sát để tiến công miền đông. Vừa tới Thước Chữ, biết quân địch đã sang phía tây, lực lượng trinh sát đều tan rã, trốn vào đầm cỏ. Ngài cũng bỏ theo, đến chổ bìa rừng, gặp đám nông dân áo quần lem luốc. Ngài thay quần áo, mặc khố, xách giỏ gánh gồng giống hệt dân làm ruộng. Bấy giờ đám du kích đổ xô lùng bắt toán trinh sát này, thấy ngài có vẻ khác lạ, sinh nghi xét hỏi. Ngài trả lời ,mập mờ nên bị bắt đem tra khảo, sửa soạn hành hình. Từ khi bỏ trốn, ngài chuyên tụng kinh Quán Thế Âm, đến đây lại càng thành tâm cầu khẩn. Bọn lính vung dao chém mấy lần đều bị té nhào, dao cũng gãy hết ba cây. Thấy thế, chúng hoảng sợ, cởi trói thả ngài ra. Từ đó, ngài xuất gia tinh tiến tu hành.

8/ Hàn Huy đời Tống, chưa rõ người ở đâu, cư ngụ tại Chi Giang. Chú ông tên Ấu Tông, làm quân nhân ở Tương Châu. Năm Thăng Minh thứ nhất cuối đời Tống, Thứ sử Kinh Châu Thẩm Du Chi cầm quân đánh xuống miền đông, trưởng sử Tương Châu Dũ Bội Ngọc đóng cửa giữ thành, chưa biết tiến thủ ra sao, nghi ngờ Ấu Tông hai lòng, đem ra giết chết, luôn cả vợ con. Ông là cháu nên cũng bị bắt giam, xiềng xích đầy mình, gông cùm rất chắc, đợi tra xét xong, nếu có dính dấp, sẽ bị xử tử. Ông đành bó tay chờ chết mà thôi. Trước đây có thờ Phật, hay tụng kinh Quán Thế Âm, vì thế, ông đêm ngày chuyên tâm tụng niệm đến mấy trăm biến. Vừa sáng, gông cùm bỗng kêu lên như pháo nổ, nhìn lại, các khóa đều mở ra. Sợ ngục tốt nghi mình tự phá, ông hô lân báo cáo. Ngục tốt dẫu kinh dị, nhưng vẫn khóa chặt lại. Một ngày sau, gông cùm lại kêu lên và tự mở ra như cũ. Ngục tốt phải đem trình lên, Dũ Bội Ngọc thân hành đến tra xét kỹ, tin có thần uy, bèn thả ông ra. Ông nay vẫn còn sống, hết sức tinh tiến tu hành.

9/ Bành Tử Kiều đời Tống, người huyện Ích Dương, làm chủ bạ tại huyện nhà, theo phé thái tử Lý Văn Long. Năm kiến Nguyên thứ nhất, có tội bị bắt giam. Thuở nhỏ, ông từng xuất gia, cuối đời hoàn

tục, nhưng vẫn thường tụng kinh Quán Thế Âm. Bấy giờ, thái tử đang giận dữ, có ý muốn giết ông. Hết đường toan tính, ông rất lo sợ, chỉ biết thành tâm tụng kinh Quán Thế Âm hơn trăm biến. Quá mệt mỏi, đâm ra ngủ gục, bạn tù chừng mười người cũng đều ngủ cả. Huyện lại Tương Tây là Đổ Đạo vinh cũng bị nhốt chung, đang lơ mơ, bỗng thấy cặp hạc trắng bay sà xuống đậu trên bình phong kề ông. Lát sau một con bay xuống bên ông, nhìn như hình người thật đẹp đẽ. Đạo Vinh đứng lên xem thì gông cùm của ông đã rơi xuống khỏi chân, lộ ra các vết loét. Chứng kiến đầu đuôi. Đạo Vinh hết sức kinh dị. Ông cũng thức dậy cả hai nhìn cùm chắc lưỡi thở than. Đạo Vinh hỏa: "Vừa rồi có mơ thấy gì không?" Ông đáp: "Chẳng thấy gì cả!" Đạo Vinh đem mọi chuyện kể lại. Tuy biết thế, ông vẫn thắc thỏm lo âu, sợ ngục tốt nghi mình có lòng phản mở gông cùm. Bốn hôm sau ông được thả ra.

Anh họ của Diễm tôi là liên cùng quen biết với ông và Đạo Vinh. Hai người này kể lại cho anh tôi nghe đều rất giống nhau.

10/ Sa-môn Đơn (có người gọi là Thiện), người Nước Triệu, Tự là Đạo Khai không rõ quê quán (sách Biệt Truyện bảo là người Đôn Hoàng, họ Mạnh). Xuất gia từ nhỏ, muốn sống trọn đời ở chổ núi sâu hang vắng nên bỏ cơm, ăn mì nuốt ba năm, sau ăn tinh dầu thông suốt ba mươi năm. Cuối cùng chỉ ăn sỏi nhỏ, bỏ hẳn rượu nem, hoa quả, lại sợ cảm lạnh, thường ăn tiêu gừng. Thể chất ốm yếu nhưng da dẻ hồng hào, đi bộ như bay. Thần núi mấy lần đến chọc phá, không lay chuyển nổi, thần tiên cũng đến thử nhưng ngài không chịu tiếp, hay ăn tỏi để xua đuổi đi. Ngài ngồi ngay ngắn nhập định suốt ngày đêm không ngủ tại Bảo Lao. Năm Kiến Vũ thứ hai đời vua Thạch Hổ ngài đi bộ từ Tây Bình đến Nghiệp Hạ, không cần xe tàu, mỗi ngày hơn bảy trăm dặm. Ngang qua Nam An, thế độ một Đồng tử làm Sa-di, tuổi chừng mười ba mươi bốn. Đồng tử này đi bộ cũng kịp ngài. Đến nơi, ngài vào ở tại Chiếu Đức Phật Đồ, ăn mặc rất lam lũ, vai và tay để lộ ra. Ngài cất một sàn gác cao khoảng tám chín thước, trên bện cỏ may làm màn, ngồi tọa thiền bên trong. Ngài nhịn cơm suốt bảy năm, chỉ dùng các loại dược thảo có mùi vị của phục linh và tinh dầu thông. Ngài chữa bệnh mắt rất giỏi thường đi khắp chốn gò hoang đồng vắng để trị bệnh cho dân nghèo. Các bậc vương công xa gần đến cúng dường rất nhiều, ngài đều thọ lãnh rồi đem bố thí hết, không chừa lại mảy may. Cuối đời vua Thạch Hổ, đoán biết có loạn lạc, ngài đưa đệ tử đến Hứa Xương ở miền nam. Năm Thăng Bình thứ ba, ngài lại đến Kiến Nghiệp, rồi lại sang Phiên Ngung, an trụ ở núi La Phù, lấy rừng thưa mát mẻ tịch lặng làm

vui. Ngài viên tịch vào tháng bảy năm ấy, căn dặn để đi di thân giữa rừng, các đệ tử đều tuân theo. Năm Hưng Ninh thứ nhất, Viên Ngạn Bá ở Trần Quận làm thái thú Nam Hải, cùng em là Dĩnh Thăng lên tham quan núi, thắp nhang hành lễ rất cung kính trước di thân của ngài. (sáu chuyện trên đây rút từ Minh-Tường-ký)

11/ Khoảng giữa niên hiệu Trinh Quan, Đổng Hùng ở Hà Đông làm đại lý tự thừa. Từ nhỏ đến lớn, ông rất sùng đạo, ăn chay suốt mười năm. Năm Trinh Quan thứ mười bốn, vì liên lụy vào chuyện Lý Tiên Đồng khiến nhà vua nổi cơn nịnh nộ, sai thị ngự Vì Tông tra xét hắt gao, ông bị bắt giam cùng mấy chục người. Đại lý thừa Lý Kính Huyền và tư trực Vương Hân cũng bị dính dấp. Ông cùng bạn tù chung phòng chỉ biết trì tụng phẩm Phổ Môn, mỗi ngày được ba nghìn biến. Đến đêm, đang ngồi tụng niệm, xiềng tự nhiên nới lỏng rơi xuống đất. Ông kinh ngạc nói với hai bạn Huyền và Hân. Hai người này cùng nhìn thấy xiềng còn y nguyên nhưng khóa lại văng xa chừng mấy thước. Mọi người đem báo cho ngục tốt. Đêm ấy, giám sát ngự sử Vương Thủ Nhất có phiên trực, sai mở cửa lấy đuốc soi lỹ, thấy khóa không mở nhưng xiềng tự rời ra. Quá kinh dị, thủ nhất ra lệnh xiềng chặt lại rồi viết chữ niêm phong. Ông vẫn tụng kinh bình thường. Khoảng giữa canh 5, xiềng lại tự nới ra, rơi xuống đất leng keng. Ông lập tức báo cho hai bạn Huyền và Hân biết. Trước đây, kính Huyền không tin tưởng Phật pháp, mỗi lần phu nhân của ông tụng kinh, ông hay nói: “Vì sao để thần Thánh cầu bọn Hồ mê hoặc đến nỗi phải đọc tụng thứ kinh sách ấy?” nay tận mắt chứng kiến chuyện linh hiển đến thế, thân tâm ông hết sức ăn năn và nhận chân đức Phật là bậc đại Thánh nhiệm mầu. Phần Vương Hân niệm danh hiệu tám vị Bồ-tát được ba vạn biến, giữa ban ngày, xiềng cũng tự rơi xuống giống hệt ông. Chuyện linh hiển này, tất cả cơ quan Đại lý tự đều chứng kiến rõ ràng. Chẳng bao lâu, tất cả các ông đều được tha bổng. (Chuyện trên đây rút từ sách Minh-báo-thập-di)

12/ Sa-môn Thích Đạo Tích ở chùa Phổ Cứu tại Bồ Châu đời Đường vốn người huyện An Ấp thuộc Hà Đông. Ngài tên Tử Tài, họ Tướng Lý, khi xuất gia đổi thành Đạo tích. Ngài là hậu duệ của đại phu Tử Sản nước Trịnh. Khi đại phu ra đời, hai tay chấp lại, người thân mở ra xem, thấy vân tay hiện thành hai chữ tướng lý, vì thế đời sau mới lấy hai chữ ấy làm họ. Phụ thân ngài tên Tuyên, rộng rãi có chí lớn, hiếu học đa tài. Nói chí phụ thân, ngài sớm học tập. Trí tuệ sáng láng, thông thạo kinh điển đại tiểu thừa, trở thành bậc đại sư khắp trong đạo ngoài đời, ngay giới quý hiển xa gần cũng thấm nhuần lời giáo huấn. Tuy

nhiên, đối với bản thân, ngài giữ mình không vướng phiền não, không mắc dèm pha. Riêng ni chúng quy y, không cho gặp mặt. Ngài thường bảo: "Nữ gây uế giới, linh luận có nói. Đức Phật cho họ xuất gia, chỉ làm băng hoại chánh pháp, Nghe tên cũng đủ ô trược bản tâm, huống hồ gặp mặt, sao không nghiễm trước? Vả lại, đạo cốt ở thanh cao sáng láng, không dính dấp đến, sẽ chẳng dây dưa. Thế gian còn thận trọng lánh xa, quân tử lại càng nên tuân thủ. Ta dẫu kém đức, cũng noi phép ấy. Do đó, suốt đời ngài không chịu làm giáo thụ truyền giới cho ni chúng. Mỗi khi có chuyện cần tham vấn hỏi han, ngài thường không cho phép vào phòng. Lối giữ mình cứng rắn thanh cao ấy, chẳng vị cao Tăng nào ở Hà Đông có thể sánh kịp.

Trước đây, Sa-môn Bảo Trừng Mãn có bắt tay dựng một kho tượng Di-lặc cao một trăm Trượng tại chùa Phổ Tế. Phật sự vừa thực hiện một phần nhỏ thì Sa-môn viên tịch, các kỹ lão đến xin ngài tiếp tục công trình. Ngài nghĩ tượng lớn chưa xong, cần gom góp của cải để xây dựng. Dó đó, phải mất mười năm, công trình mới thật sự hoàn thành, đạo đời đều mừng rỡ chúc tụng. Tối hôm nhận lời, ngài mơ thấy hai con Sư tử đứng trước tượng lớn bên sườn núi, miệng liên tục nhả minh châu không ngừng. Tỉnh dậy, ngài đoán, thứ vương ung dung tự tại đến thế là điềm báo hiệu chánh pháp truyền bá hang thông. Minh châu tuôn ra không ngớt, hiển thị tiền của cúng dường nhiều vô biên. Thần minh đã sâu xa chỉ bảo, Phật sự chắc chắn sẽ thành công. Liền sai thợ tạo hai con Sư tử đúng theo giấc mộng, đem đặt trước tượng Di-lặc to lớn, hiện nay vẫn còn.

Chùa tọa lạc phía nam Bồ Bản, thật lộng lẫy trang nghiêm. Mặt đông tiếp cận làng mạc, mặt nam đối diện núi sông. Gồm có ba tầng, hành lang bao quanh bốn phía. Trên trường dưới viện, trang trọng liền kề, vườn quả ruộng rau, quanh co nhìn khắp. Từ nhỏ thành lớn, từ không hóa có, đều nhờ vào công đức, sức lực của ngài. Tuy thế, ngài vẫn muối dưa áo vá, xem nhẹ của cải, quý mến chúng sinh, ân cần rộng lượng cứu đột tất cả, rồi lui về trong cảnh tịch lặng, chẳng chút cậy công, tiêu dao thoát tục, xa lánh thế gian. Không răn đe mà chúng giữ mình, không hiện diện mà vật tự tại. Bộc xạ Bùi Huyền Tịch ở ngôi tể tướng, sùng mộ thanh danh, từng tặng áo hương; thứ sử Đỗ Sở Dung biết rõ vọng trọng, đến xin học đạo. Lòng cảm kích khép nép của các bậc vương công đối với ngài đều như thế cả.

Vào cuối đời Tùy, tình hình bế tắc, trấn thủ Hà Đông là Nghiêm Quân Tố giữ chốn hoang thành, tham tàn bạo ngược đến nổi chẳng ai

dám nhìn lén mặt. Ông muốn bắt Tăng đồ lên thành chiến đấu. Nếu ai can gián sẽ bị chém đầu. Mọi người đều lo, nhưng không dám chống. Ngài nổi lòng phẫn uất, không kể tính mạng bảo các đệ tử: "Đời có hưng vong, pháp không suy thịnh. Trời kia chưa diệt, pháp hãy còn đây, Tăng lữ là khách ngoài đời, không vướng thế tục, sao lại bắt cầm gươm mặc giáp làm lính chống giặc?" Rồi ngài dẫn các Sa-môn Đạo Tốn, Thần Tố nghiêm mặt đi thẳng vào dinh can gián: "Nghe nói kẻ không sơ chết thì đừng đem chết ra dọa. Nay bần đạo xem chết cũng như sống, chỉ sợ chết không đúng chổ. Nếu chết có ích, thật đáng vui lòng! Thành còn hay mất, đời thịnh hoặc suy, đều do ở mưu lược kế sách của ngài, đâu do ở năm ba kẻ Tăng lữ khiếp nhược mà có thể cứu vớt nổi? Xưa nhà Hán trong Tứ Hạo, thiên hạ được thái bình; nhà Ngụy trọng Can Mộc, cả nước đều thịnh trị. Nay ngài muốn đáp Tăng lữ đi theo việc quân, làm trái lễ Trời để cầu phúc, sợ chỉ chuốc lấy điều dữ mà thôi! Bần đạo cả gan bày tỏ nỗi lòng, xin ngài hãy suy xét, chớ nên càn dỡ. Lỡi mai kia thất bại, sẽ bị hậu thế chê cười! Bọn bần đạo chỉ biết tuân lời Phật dạy, tụng niệm tu hành, chuộng đức giúp đời, làm lợi mọi vật, được quỷ thần che chở hộ độ, chuyện sống chết đành là nguyện vọng, nhưng nếu ngài vẫn bắt thân tàn vào nơi gươm giáo thì chẳng thiết sống chết để làm gì nữa!" Khi ngài trình bày, mọi người đều lo sợ rùng mình. Nguyên Tố nghe xong, rất nể trọng lời dũng cảm, nhưng vẫn cố trừng mắt nhìn thẳng vào ngài bảo lớn: "Gặp người này lạ thật! Sao có tâm khí hùng hồn dũng mãnh đến thế?" Rồi truyền lệnh tha không bắt tội, cho trở về chùa. Sau đó biết mình sai trái ông ta thân hành lến chùa gặp ngài xin sám hối. Tính ông thích bày trò chém giết, cốt thỏa thích lòng tàn nhẫn độc ác và Tăng thêm ý ngạo nghễ khinh người, nên dẫu thường đề phòng cẩn mật, vẫn gây ra mầm họa hoạn. Cuối cùng, ông ta bị người trong thành là Tiết Tông sát hại.

Riêng ngài, trước đây tính tình rất cứng rắn, ít đổi quyết tâm. Mỗi lần nổi giận hay hà hiếp kẻ khác. Từ khi xuất gia, ngài biết trách cứ bản thân, sửa đổi nết cũ càng thêm nhẫn nhục ôn hòa. Sang tuổi sáu mươi, hạnh ấy càng viên mãn. Mới biết môi trường ảnh hưởng nhiều đến việc hoàn thiện chân tính. Lời nói ấy thật chẳng sai ngoa. Ngài viên tịch ngày mười bảy tháng chín năm Trinh Quan thứ mười, thọ được sáu mươi chín tuổi. Thoạt tiên, ngài bảo: "Bệnh chẳng có gì". Sau biết mình sắp ra đi, ngài bảo: "Nay ta đã bảy mươi lăm tuổi, sẽ viên tịch trong năm". Đệ tử hỏi: "Thầy mới sáu mươi chín tuổi, sao vội giã từ?" Ngài đáp: "Sống chết là lẽ thường, ta chẳng hề sợ. Thật ra, ta chỉ sắp

sửa lên tuổi bảy mươi, thứ sử nhìn ta, Tăng thêm sáu tuổi, cho nên ta chẳng sống được bao lâu. Các con hãy cố noi theo gương ta". Rồi ngài bảo tiếp: "Kinh có nói rằng đời thật hiểm nguy, đừng gò bó ép buộc làm gì". Ngài viên tịch xong, xuống ba ngày đánh chuông không lên tiếng. Một thời gian sau mới ngân nga như cũ. Đại chúng đau đớn thương tiếc chẳng ai bằng.

13/ Sa-môn Thích Pháp Thành ở chùa Ngộ Chân tại núi Chung Nam đời Đường vốn họ Phàn, người huyện vạn Niên thuộc châu Ung, từ nhỏ xuất gia vào chùa Vương Hiếu trong huyện Lam Điền, thờ Sa-môn Tăng Hòa làm bổn sư. Sa-môn Hòa được địa phương tôn sùng, kính trọng như bậc Thánh, có kẻ muốn ám hại, đang đêm lẻn đến bên phòng, thấy qua cửa, lửa cháy phừng phừng, bốc lên màn trướng, tâm hoảng sợ, đâm ra hối hận. Tính hạnh thanh cao vô nhiễm, có kẻ muốn đùa, lấy nước rửa xương dê mời uống, Sa-môn không biết, vừa uống xong lại ói ra. Linh cảm của Sa-môn sâu sa đến thế. Ngài Pháp Thành tuân lời dạy của bổn sư, chuyện trì tụng kinh Pháp Hoa và thực hành phép Pháp-hoa Tam-muội, tắm gội sạch sẽ, kính cẩn sáng chiều. Đêm bỗng mơ thấy đức Phổ Hiền đến dặn bảo chép kinh. Ngài bạch: "Đại thừa là trí tuệ của chư Phật, là đại trí bát-nhã". Liền đó, ngài tịnh tâm thực hiện, mướn người viết khéo và thợ giỏi chép tám bộ bát-nhã, chế tạo đài hương, trục kinh thật đẹp đẽ trang nghiêm, xây thêm Hoa Nghiêm đường trên ngọn núi vắt ngang phía Nam chùa. Lấy núi chắn khe, dựng cột thả mái. Trước mặt mặt đối diện non cao, bên phải trông ra hang vắng. Trên hứng mây mù, dưới ngắm sấm chớp. Thật xứng đáng là một kỳ quan. Ngài lại dồn hết tâm trí lo sao chép kinh điển. Hoằng văn học sĩ Trương Hiếu Tịnh, thân phụ của Trương Toản, người được đương thời ca tụng có nét chữ sắc như móc bạc, chẳng ai hơn nổi, ngài cho mời lên thọ trì trai giới, tắm gội tinh khiết, miệng ngậm hương thơm, mình mặc áo mới rồi bắt đầu chép kinh. Ngài trả thù lao gấp đôi, chỉ cốt chữ thật đẹp. Hiếu Tịnh thấy tiền nhiều dốc sức cố viết. Bộ kinh hoàn thành, ngài thắp hương cúng dường đặt lên án chấm câu. Tâm dò mắt đọc từng chữ, không để sai sót. Nhờ dụng công thành khẩn đến thế, nên điềm lành hiện ra. Có con chim lạ, hình sắc hiếm thấy, bay vào chùa, lượn vòng như múa, đậu xuống án kinh, nhảy lên lò hương, nhón chân nhìn quanh, thật tự nhiên thân thiết một hồi lâu mới cất cánh bay đi. Năm sau, các kinh đều xong, ngài sửa soạn làm lễ chúc mừng, chim lại bay đến nhảy nhót thân quen như cũ cất tiếng hót vang. Năm Trinh Quan thứ nhất, ngài cho tô vẽ hình nghìn Phật, chim cũng bay đến, nhảy lên lưng thợ.

Khi bày lễ cúng dường vào giờ ngọ, chưa thấy chim đến, ngài nhìn lên núi gọi: "Chim kia không đến, linh ứng chẳng có. Đừng hiềm uế dơ tạp loạn không đến, khiến ta chẳng có điềm lành!" Ngài vừa dứt lời, chim bỗng bay đến lượn vòng hót vang, rồi sà xuống nước hương thơm, xòa lông vỗ cánh tắm xong mới bay đi. Vốn có tài viết, phàm thông báo phúc sông hiểm trở, đường núi khó đi, hay chép kinh kệ để người đọc tụng đều do chính tay ngài cả. Ngài cũng tự chép kinh Pháp-hoa. Đang viết nửa chừng, có việc phải đi, ngài quên mang vào cất. Bỗng Trời đổ cơn mưa lớn tràn khắp suối khe. Sực nhớ, ngài vội chạy re xem, ngoài Trời chỉ có án kinh khô ráo, chung quanh nước chảy đầy lan. Lần nọ, ngài nằm ngửa trên cây tùng mọc ngang bờ suối, bị rơi xuống ngờ đâu lại bật lên bờ cao, hoàn toàn vô sự. Chính là nhờ vào uy lực của việc chép kinh. Lại nữa, cạnh phường Thanh Nê có một khám thờ Phật rất xưa do họ Châu Chôn giấu, chưa ai phát hiện. Ngài mơ thấy đúng chổ ấy có tượng Phật lớn. Tỉnh dậy, ngài đến đào lên, quả nhiên thu được khám. Vì quá lâu năm, toàn bộ đều bị hư hoại, ngài ra công tu bổ, được mọi người khen ngợi. Công đức này tự một mình ngài khai phát.

Cuối mùa hạ năm Trinh Quan thứ mười bốn, ngài nhuốm bệnh. Biết mình sắp ra đi, ngài cầu nguyện được vãng sanh lên cõi Trời Đâu Suất. Sai đệ tử lấy nước rửa ráy xong, ngài cho sửa soạn hậu sự, thân hành xem xét, không để lãng phí. Đến đêm 30, khi trăng sắp mọc, tự nhiên ngài nói: "Muốn đến thì hãy vào, cần gì phải có đàn ca?" Rồi quay nhìn thị giả, ngài dặn: "Ta nghe các pháp đều vô thường, sinh diệt không trụ. Chín phẩm vãng sinh, lời ấy rất đúng. Nay có Đồng tử đến rước, đứng chờ trước cửa đã lâu. Ta sắp đi đây. Các con ở lại an lành. Phật có giới luật chánh đáng, đừng để sai sót, khiến sau này sẽ phải ăn năn". Ngài vừa nói xong, hào quang bỗng chiếu diệu khắp phòng, đồng thời nghe có mùi hương lạ thơm tho bay đến. Chỉ thấy ngài vẫn ngồi thẳng trang nghiêm bất động, không ngờ đã viên tịch hẳn. Ngài thọ được bảy mươi tuổi. Công phu trì tụng kinh Pháp Hoa mỗi hạ khoảng năm trăm biến. Ngày thường đọc tụng và tu hành được chừng hai biến. Nếu cùng khách đàm đạo, ngoài chuyện kinh điển, ngài không nhắc đến việc khác. Tổng kết mười năm, ngài đọc tụng hơn một vạn biến kinh Pháp Hoa. (Hai chuyện ứng trên đây rút từ Đường-cao-Tăng-truyện)

14/ Đời Đường Vũ Đức, ni sư Pháp tín ở Hà Đông chuyên tu khổ hạnh, trì tụng kinh Pháp Hoa, mướn một người viết khéo chép kinh, trả giá cao gấp mấy. Lại cất một phòng riêng, mỗi lần đi vệ sinh đều phải tắm gội, thắp nhang xông áo mới. Trên vách phòng có khoét một

lổ nhỏ, đặt ống trúc vào, người chép kinh mỗi khi ngáp ợ, môi ngậm gọn ống trúc, đưa hơi thở ra ngoài. Phải mất tám năm mới hoàn thành bộ kinh bảy quyển. Ni sư tổ chức lễ cúng kinh thật thành kính. Sa-môn Pháp Đoan ở Long Môn hay họp đại chúng giảng kinh Pháp Hoa, nghi ni sư có một bộ tinh tường quý giá, sai người đến thỉnh, ni sư cương quyết từ chối không đưa. Sa-môn ngỏ lời trách cứ bất đắc dĩ, ni sư phải thân hành mang kinh đến. Mở ra đọc, chỉ thấy nền giấy vàng, tuyệt không có chữ. Lần lượt mở các quyển khác, cũng đều như thế, Sa-môn tủi hổ sợ sệt, lập tức trả lại. Ni sư buồn bã khóc lóc nhận lại kinh, về lấy nước hương tẩy rửa hộp đựng, tắm gội tinh khiết và đi quanh tượng Phật cầu nguyện trọn bảy ngày đêm. Sau đó mở kinh ra xem, kỳ lạ thay, chữ lại hiện ra đẹp để như cũ. Mới biết khi sao chép kinh điển, cần hết sức tinh thành. Lâu nay, sở dĩ kinh không linh nghiệm, chỉ vì dụng tâm không được khẩn ân cần. (Chuyện trên đây rút từ Minh-báo-ký)

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 28

Thiên thứ 20: THẦN DỊ

Thiên này có năm phần: Thuật Ý, Giác Thông, Hàng tà, Thai dựng, Tạp dị.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Nói đến thần đạo thì đó là biến hóa. Bởi vì ghìm lại sự khoa trương quá mức để bẻ gãy sự khinh nhờn ngạo mạn, ngăn cản điều hung ác sắc bén để trừ bỏ bụi bặm dính đầy. Đến như bánh xe bay là vật báu của Luân Vương thì thiện tín quy hàng, đá cung kính bị khói xông làm mờ mắt thì lực sĩ tiềm phục. Nên biết rằng thậm chí sửa trị vô tâm cương nhu do cảm hóa. Cho nên hoặc là che ánh sáng giấu hình bóng cúi xuống giống như phàm tục mê muội, hoặc là hiển bày rõ ràng thần thông kỳ lạ thọ ký từ xa mới cho biết trước, hoặc là chết rồi mà sống lại, hoặc là chắc chắn mà sau lại trống không. Dấu tích linh thiêng vô cùng kỳ dị không suy lường được như vậy. Lý đó đã quý thì hợp với đạo. Sự đó đã quý thì có ích cho chúng sinh. Do đó quyền biến khác thường mà hợp với đạo, sử dụng có hiệu quả để thành tựu sự việc. Nhưng truyện đã ghi lại điều ấy rõ ràng không rốt ráo. Hoặc là do Pháp thân cảm ứng, hoặc là Đạo Tiên cao xa, nhưng làm cho một phần bao gồm loài người, thì đủ cao xa rồi. Nếu như thổi phồng huyền thuật ấy lên thì khi tà đạo làm rối loạn, nhờ vào thuốc thang mà bay cao, mượn chi lan kỳ diệu mà tìm cách sống lâu, cùng với gà gáy trên Trời-chó sủa trong mây-rắn hạc không chết- rùa lớn ngàn năm, gọi là kỳ lạ, chưa có thể so với sự biến hóa thần Thánh ấy. Nay tập hợp lại những điều ấy, tạm thời ghi lại dăm ba điều thần dị của hàng Thanh văn. Nếu luận về Thánh đức tự tại của chư Phật Bồ-tát, thì không thể dùng ngôn từ mà biết được, không thể dùng tâm tư mà lường được, nêu ra đầy đủ các thiên không hạn chế ở chương này được.

Thứ hai: PHẦN GIÁC THÔNG

Như kinh Đại Phương Đẳng Đại tập Niệm Phật Tam Muội nói: “Đại Mục Liên trả lời A-Nan rằng: Nhớ lại xưa kia vào một thời gian ấy tôi lấy tam thiên đại thiên thế giới này đặt vào trong miệng, lúc ấy chúng sinh thậm chí không có một niệm kinh hãi, cảm thấy muốn qua lại thăm viếng nhau. Lại nhớ xưa kia tôi ở trước Đức Thế tôn làm Sư tử hống, có thể lấy núi Tu di đặt vào trong miệng, có thể hơn một kiếp hoặc là kém một kiếp, như vậy là bình thường. Lại nhớ xưa kia đến nơi phương Đông, trú tại đại thiên thế giới thứ ba kia, có một khu thành lớn, tên gọi là Bảo Môn. Ở trong thành ấy có sáu vạn ức ngàn gia đình, ở trong đó tất cả đều hiện rõ thân tôi, mà thuyết pháp cho họ an trú trong chánh pháp. Bấy giờ Xá-lợi-phất trả lời A-nan rằng: Tôi nhớ xưa kia lấy một chiếc ca sa ném trên mặt đất, lúc ấy Đại Mục Liên là bậc đứng đầu có uy thần như vật, đã không có thể lấy được, thậm chí không có thể đưa lên khiến cho rời đất, nói gì đưa tay nâng lên? Này A-nan! Lại nhớ xưa kia tôi ở trước Đức Thế tôn làm Sư tử hống, lúc ấy các ngoại đạo muốn đọ sức cùng với tôi, ẩn thân thuyết pháp, chỉ trừ Đức Thế tôn thấy biết tất cả Bồ-tát đại lực, từ bên ngoài tất cả Thanh văn đệ tử cho đến ngoại đạo, bèn hỏi lúc tôi ẩn kín thân thì trú ở nơi nào, tất cả không thể biết thân tôi nơi nào. Lúc bấy giờ Đại Ca-diếp trả lời A-nan rằng: Tôi nhớ một thưở nọ ở trước Đức Thế tôn làm Sư tử hống, đối với các núi thuộc về núi Tu di của tam thiên đại thiên thế giớ này, cùng lúc dùng moiệng thổi có thể làm cho vỡ vụn, cho đến không có nơi nào giống như mảy bụi. Có những chúng sinh trú ở núi ấy, không làm cho bị tổn hại cũng không hiểu biết chuyện gì xảy ra. Các núi như vậy thảy đều diệt đi, tôi lại trong một lúc hướng về tất cả các dòng nước trong sông hồ biển lớn cho đến vô lượng ức thiên na do tha trăm ngàn cột nước ở đại thiên thế giới này, dùng miệng vừa thổi đều làm cho khô cạn, mà chúng sinh ở dưới đó không hề hay biết. Tôi lại trong một lúc ở trước đại chúng làm làm Sư tử hống, có thể ở trong tam thiên đại thiên thế giới, dùng miệng thổi một cái thì khiến cho lửa cháy rực khắp nơi, giống như kiếp nạn lửa cháy, chung quy cũng không làm tổn hại một chúng sinh nào, từ đầu đến cuối không hề hay biết. Bấy giờ Di-lặc Văn-thù cùng các vị Đại Bồ-tát, nghe Đại Ca-diếp làm Sư tử hống, liền hoá hiện muôn hoa tụ lại như núi Tu di, cho đến hết lần này tiếp lần khác rải trên Ca-diếp. Lại hóa làm các tàn bảy báu to lớn, ở giữa hư không, che trên đỉnh đầu Đại Ca-diếp, và che phủ tất cả đại chúng Thanh văn. Bấy giờ Phú-lâu-na trả lời A-nan rằng: Tôi nhớ lúc xưa có các chúng sinh phải dùng thần thông

hóa độ họ, liền vì họ lấy tam thiên đại thiên thế giới, dùng tay xoa vụn để khai thị cho họ đang lúc như vậy không có một chúng sinh nào có ý tưởng kinh sợ, cũng không hề hay biết riêng chúng sinh nào thuận theo sự giáo hóa ấy, trông thấy tay tôi xoa vụn thế giới này. Tôi còn có thể lấy tam thiên đại thiên thế giới, dùng tay xoay tròn không có gì là khó. Tôi lại có thể ở trước Đức Thế tôn, dùng một đốt ngón tay, lấy tất cả mọi dòng nước trong tam thiên đại thiên thế giới này, làm cho đều chảy vào trong đốt ngón tay của tôi, không một chúng sinh nào có ý tưởng bị giảm bớt. Tôi lại có một thời ở đầu đêm, dùng thiên nhãn thanh tịnh quan xét sự nghi hoặc của vô lượng chúng sinh vốn có trong đại thiên thế giới này, không ra khỏi định này vì trừ diệt nghi hoặc, khiến cho chúng sinh kia đều dấy lên ý niệm này: Mình được Tôn giả chỉ ở trước mặt mình vì mình mà tuyên thuyết. Tùy theo căn cơ đạt được lợi ích không có gì ngăn ngại. Bấy giờ La-hầu-la trả lời A-nan rằng: Tôi nhớ xưa kia chỉ có chủng loại các núi của tam thiên đại thiên thế giới này, đều đưa vào trong một lổ chân lông, mà thân tôi giống như thân chúng sinh vốn có không khác. Tôi lại trong một lúc ấy tất cả nguồn nước sông hồ biển rộng của đại thiên thế giới này, tất cả đưa vào lổ chân lông, mà thân tôi không tổn thương chúng sinh không tác hại gì, tất cả mọi nguồn đều trở lại như ban đầu. Lại có một thưở tôi ở nơi này nhập thiền, liền đến thế giới của một đức Phật ở phía Đông bắc, đức Phật có danh hiệu là Nan Thắng, hiện thân lễ lạy cung kính rồi liền trở về thế giới này, tìm hương chiên đàn trở lại dâng cúng đức Phật, mùi thơm tỏa khắp nơi đều làm thành vô lượng các loại biến hóa diệu kỳ. Lúc bấy giờ Tu Bồ-đề trả lời a-nan rằng: Tôi nhớ có một thuở đi vào tam muội, đại thiên thế giới rộng lớn này dường như đặt vào một mút lông, xoay tròn qua lại nhiều lần như bánh xe tiện của người thợ gốm, đang lúc như vậy không có một chúng sinh nào nảy sinh tâm ý kinh sợ, cũng không hay biết mình đang ở nơi nào. Xưa kia tôi lại ở trước Như lai làm Sư tử hống, thưa với đức Phật rằng: Thưa Đức Thế tôn! Như thế giới đại thiên này, con có thể dùng miệng thổi một hơi nhẹ thì đều làm cho tan ra thành bụi, chúng sinh trong đó không hề kinh hãi, không có ý tưởng qua lại nhiều lần. Lại ở trước đức Phật có thể đem tất cả chúng sinh ở đại thiên thế giới này, đều xếp gọn vào đầu một lóng tay, trên đến cõi Hữu Đãnh vẫn trở lại nơi ban đầu, khiến cho chúng sinh ấy không có ý tưởng đi lại nhiều lần. Lại nhớ một thưở ngồi yên ổn trong tam muội trông thấy vô lượng vô biên trăm ngàn thế giới chư Phật khắp mười phương, mỗi thế giới có sáu vạn chư Phật, trước đây chưa hề được thấy, nay đều thấy biết rõ ràng.

Từ Định này tâm phát ra thần lực, đến bên cạnh thiên Đế Thích trên đỉnh Tu di, nhúm lấy một nắm bột hương chiên đàn, hướng đến trong vô lượng các thế giới ấy, để cúng dường các đức Như lai, chúng sinh nơi thế giới ấy thảy đều trông thấy rõ ràng tôi ở tại cõi Diêm phù này mà cúng dường thừa sự”.

Thứ ba: PHẦN HÀNG TÀ

Như kinh A Dục Vương nói: “Xưa kia A Thứ Già Vương, tin sâu sắc Tam bảo và luôn luôn cúng dường Phật Pháp cùng với chúng Tăng. Các Bà-la-môn cùng ngoại đạo đều sanh lòng đối ly, cùng nhau tụ hội chọn lấy bậc kỳ cựu vốn có, đưa ra năm trăm người đều thuộc lòng kinh điển Tứ Vi Đà, thiên văn-địa lý thảy đều thông hiểu tận tường, cùng tu tập bàn bạc rằng: Vua A Thứ Già tất cả đều cúng dường cho những người cạo trược đầu, hàng kỳ cựu như chúng ta chưa hề được hỏi đến, nên tìm cái gì khiến cho nhà vua chuyển ý! Có một Bà-la-môn tên Thiện Chú nói: Các vị hiền tài chỉ thuận theo sau tôi, nhưng mà sau bảy ngày tôi sẽ dùng sức mạnh thần trú hóa làm thân Ma-hê-thủ-la, bay đến trước cổng cung vua, các vị đều nên bước theo sau tôi, tôi có thể sai khiến nhà vua thực hiện cúng dường lớn, các vị đều được như ý. Các Bà-la-môn đều cùng nhau đồng ý như vậy. Đến đầu ngày thứ bảy, Thiện Chú Bà-la-môn liền tự chú nguyện thân mình, hóa làm Ma-hê-thủ-la, ở giữa hư không bay đến trước cổng vua, các Bà-la-môn cũng đều đi theo sau. Đến trước cổng cung vua sai người bẩm báo với nhà vua rằng: Giữa hư không xuất hiện một vị Ma-hê-thủ-la, dẫn theo bốn trăm chín mươi chín vị Bà-la-môn từ hư không đi xuống, nay đang ở ngoài cổng, các Bà-la-môn khác đang đứng trên mặt đất, muốn được tiếp kiến nhà vua. Vua A thứ Già truyền gọi đến trước, liền truyền cho đi vào ngồi ở hai bên sàng thượng, nhà vua nói: Ngồi một lát! Sau khi cùng nhau chào hỏi xong thì nói rằng: Ma-hê-thủ-la sao có thể không bằng lòng đều gì mà đến gặp nhau, muốn yêu cầu điều gì? Đáp rằng: Cần sự ăn uống. Lập tức truyền trong nhà bếp bưng lên năm trăm mâm đồ ăn thức uống đặt trước Ma-hê-thủ-la cùng các Bà-la-môn. Các vị đều đẩy tay nói: Chúng tôi từ lúc sinh ra đến nay chưa hề ăn thức ăn như vậy. Vua A Thứ Già đáp rằng: Trước đây không truyền mời nên không biết là ăn thức ăn gì. Ma-hê-thủ-la cùng các Bà-la-môn đều đồng thanh nói: Chúng tôi muốn ăn thịt những người cạo trược đầu. Vua A Thứ Già liền sai một cận thần: Ngươi đi đến chùa Rê đầu Mạt thưa với Tôn giả Da Xa, trong vương cung có năm trăm Bà-la-môn, một người tự xưng là Ma Hệ Thủ La, không biết

là người hay là ác quỷ La sát, thỉnh cầu thưa hỏi nguyên cớ mong A-xà-lê đến ta xua đuổi tà ma! Người được nhà vua sai bảo là đệ tử của Bà-la-môn Tà kiến, đến trong chúng kia không thưa đúng như lời nhà vua đã nói, mà thưa rằng: Đức Vua A Thứ Già có năm trăm Bà-la-môn, tướng mạo giống như người mà nói năng giống như La sát, chỉ nói rằng đang muốn có được Sa-môn như ngài để ăn thịt. Tôn giả Da Xa liền nói với sư duy na: Đánh bảng tụ tập Tăng chúng! Xong ngài đứng dậy nói lời Từ biệt Tăng chúng: Tuổi ta đã già, ta làm cho chúng Tăng gặp phải sự việc như vậy, chúng Tăng yên ổn hộ trì Phật pháp, mặc ta giải quyết chuyện này! Vị thượng tòa thứ hai nói: Tôn giả không nên đi, thân ông không có khả năng chịu đựng nổi, chỉ riêng tôi nên đi. Vị thứ ba nói: Thượng tòa thứ hai không nên đi, đích thực tôi phải đi. Như vậy lần lượt cho đến Sa-di trong mười sáu vạn tám ngàn Tăng, cuối cùng Sa-di khoảng chừng bảy tuổi, đứng dậy đến giữa chúng Tăng, quỳ thẳng chấp tay mà thưa lời rằng: Tất cả Đại Tăng không thể náo động, con đã là trẻ thơ lại không có năng lực đảm đương trách nhiệm hộ trì Phật pháp, chỉ nguyện đại chúng nhất định phải để cho con đi! Tôn giả Da Xa vô cùng hoan hỷ, tay xoa đầu Sa-di nói rằng: Này đệ tử! Con đi rất thích hợp! Cận thần của nhà vua không đợi phải nói lập tức đi trước. Vua A Thứ Già nói: Có thể có người đến hay không? Cận thần tâu rằng: Trải qua một lúc lâu từ chối đẩy cho nhau đến mức lần này Sa-di nhỏ nhất sẽ đến. Nhà vua nói lời rằng: Thật là nhục nhã, sai người nhỏ đến để làm người đối đáp ư? Vua A Thứ Già nghe Sa-di đến, lập tức ra ngoài cổng đón tiếp, vì thế Sa-di được ngồi vào ghế hàng đầu. Các Bà-la-môn đều rất tức giận, vua A Thứ Già thật là không biết phân biệt, chúng ta là hàng túc đức còn không dậy đón tiếp, vì đứa trẻ này mà tự mình đi ra đón tiếp. Sa-di hỏi nhà vua rằng: Vì sao cho gọi vào gặp? Lúc ấy nhà vua đáp rằng: Vị Ma-hê-thủ-la này muốn có được A-xà-lê làm thức ăn, A-xà-lê cần phải cho họ làm thức thức ăn, hay không muốn cho họ làm thức ăn? Sa-di nói: Tuổi tôi còn bé từ sáng sớm đến giờ chưa ăn gì, trước tiên nhà vua cho tôi ăn, sau đó tôi sẽ cho những người kia làm thức ăn. Nhà vua lập tức truyền cho quan chủ quản nhà bếp bưng dọn thức ăn đến để Sa-di ăn, một mâm thức ăn Sa-di đều ăn hết sạch. Như vậy bưng lên năm trăm mâm thức ăn mà Sa-di ăn cũng không đủ nhà vua lại truyền cho đầu bếp rằng: Tất cả thức ăn còn lại đều bưng hết đến đây cho ta. Sa-di có được thức ăn nhoáng một lúc không còn gì. Hỏi rằng đủ chưa? Đáp rằng: chưa đủ, vẫn còn đói khát như lúc đầu. Nhà bếp đến tâu với vua: Đồ ăn thức uống đã hết sạch. Nhà vua nói: Tất cả bột gạo

rang và thức ăn khô trong kho đều mang đến đây. Chốc lát đã hết sạch. Nhà vua hỏi rằng: Đủ chưa? Đáp rằng: Hãy còn chưa đủ. Nhà vua đáp rằng: Tất cả đồ ăn thức uống đều đã hết sạch, lại không còn gì để ăn. Sa-di nói: Túm lấy Bà-la-môn nhỏ nhất đem tới đây, tôi cần phải ăn thì lập tức ăn hết. Như vậy ăn hết bốn trăm chín mươi chín Bà-la-môn, sạch sẽ không còn gì. Chỉ có Ma-hê-thủ-la, vô cùng kinh hãi bay lên hư không hy vọng chạy thoát. Sa-di lập tức từ nơi chổ ngồi đưa tay lên, ở giữa hư không túm đầu lại ăn nuốt cho hết. Nhà vua lúc ấy vô cùng kinh sợ, trông thấy Sa-di ăn hết sạch những người Bà-la-môn, lẽ nào trở lại để ăn thịt mình hay sao? Sa-di biết tâm niệm của nhà vua, liền nói với nhà vua rằng: Nhà vua là đàn việt trong Phật Pháp thì hoàn toàn không bị tổn hại gi, cẩn thận chớ kinh sợ! Liền nói với nhà vua rằng: nhà vua có thể cùng tôi đến chùa Kê Đầu Mạt hay không? Nhà vua nói: A-xà-lê đem trẫm lên Trời hay xuống đất thì trẫm đều vui lòng đi theo. Sa-di lập tức cùng với nhà vua đi đến Chùa Kê Đầu Mạt. Nhà vua trông thấy thức ăn Sa-di đã ăn lúc sáng, các vị Tăng trong đại chúng đều phân chia cùng ăn, năm trăm Bà-la-môn bị ăn thịt đều cạo bỏ râu tóc khoác pháp y, ngồi ở hàng cuối cùng đàng sau chúng Tăng. Người ngồi đầu phía trước bàn ăn là Tôn giả đứng đầu, Ma-hê-thủ-la ngồi ở cuối hàng. năm trăm trông thấy nhà vua và Sa-di thì lòng vô cùng hổ thẹn, chúng ta còn không có năng lực cùng với Sa-di này đấu nhau được, huống hồ cùng với các đại chúng mà đấu sức với nhau ư? Giống như đuôi con hạc đợi vào lò than, giống như con muỗi cùng với chim cánh vàng thì đấu loài nào bay nhanh bay chậm, giống như thỏ con cùng với Sư tử chúa thi đấu uy lực bên nào thắng. So sánh như vậy không thể tự mình tha thứ được, năm trăm Bà-la-môn sanh tâm hổ thẹn đạt được quả vị Tu-đà-hoàn".

Thứ tư: PHẦN THAI DỰNG

Như kinh Tạp Bảo tạng nói: "Đức Phật bảo với các Tỳ-kheo: Vô lượng kiếp lâu xa thời quá khứ, trong nước Ba-la-nại có vùng núi, tên gọi là núi Tiên. Có Phạm chí cư trú tại núi ấy, đại tiện-tiểu tiện thường thường ở trên đá, sau có tinh khí rơi vào nơi thường ngày tiểu tiện, có con hươu cái đến liếm, thì đã có thai. Ngày tháng đầy đủ đi đến chổ người Tiên đã sanh ra một bé gái, đoan trang xinh đẹp vô cùng, chỉ có điều là chân cô bé giống như chân hươu. Phạm chí đem bé gái nuôi dạy đến lúc trưởng thành. Phạm Chí thờ lửa, khiến cho lửa không bao giờ tắt. Bé gái này vốn có lửa, trẻ thơ không có dụng ý, khiến cho ngọn lửa tắt mất. Bé gái này sợ rằng sẽ làm cho Phạm Chí nổi giận. Có Phạm Chí

khác cách xa trú xứ này, bé gái ấy đến đó xin lửa. Phạm Chí trông thấy dấu chân và trong dấu chân có hoa sen, nên yêu cầu bé gái ấy rằng: Đi vòng quanh nhà ta bảy vòng ta sẽ cho cô ngọn lửa, nếu lúc đi vòng quanh bảy vòng, nhưng đừng theo dấu cũ mà đi lối khác trở về! Bé gái liền làm theo như lời yêu cầu, lấy lửa mà quay về. Lúc ấy Quốc vương Phạm Dự xuất hành dạo chơi săn bắn, trông thấy quanh nhà Phạm Chí kia có 14 lớp hoa sen vòng quanh, lại thấy hai lối có hai hàng hoa sen, cảm thấy kỳ lạ về điều ấy cho nên hỏi Phạm Chí rằng: Cũng không có hồ nước, vì sao có những loài hoa kỳ diệu như vậy? Phạm Chí trả lời đầy đủ. Nhà vua tìm theo dấu vết loài hoa đến nơi Phạm Chí để tìm xem thử cô gái. Trông thấy cô gái đoan chánh rất là hợp ý vừa lòng, liền đi theo Phạm Chí xin đón cô gái này. Phạm Chí đồng ý với nhà vua. Nhà vua liền lập làm phu nhân thứ hai. Về sau có thai, thầy xem tướng nói: Sẽ sanh ra ngàn người con, Đại Phu nhân của nhà vua nghe rồi sanh lòng ganh ghét, dần dần thực hiện mưu kế, ban ân tốt lành để chiêu dụ phu nhân chân hươu có nhiều người hầu hạ cùng với tiền của châu báu. Ngày tháng đầy đủ thì sanh ra đóa hoa sen ngàn cánh lúc sắp sanh, Đại phu nhân dùng vật bằng lụa trắng che mắt không để tùy ý nhìn thấy, cầm phổi ngựa nhầy nhụa hôi thối đặc vào dưới đó, lấy đóa hoa sen ngàn cánh đặt vào trong lẳng tre ném vào giữa sông. Trở về mới cởi ngựa trắng bịt mắt mà nói rằng: Xem phu nhân sanh ra chỉ thấy một đoạn phổi ngựa nhầy nhụa hôi thối. Nhà vua sai người thăm hỏi xem là đã sanh ra vật gì, bèn trả lời nhà vua rằng: Chỉ sanh ra phổi ngựa hôi thối. Đại phu nhân đến nói với nhà vua rằng: Nhà vua mừng vì phu nhân có thai nào ngờ bị làm cho mê hoặc, súc sanh này đã sinh ra và được người tiên cung cấp nuôi dưỡng, sanh ra vật thối tha bẩn thỉu không tốt lành này! Nhà vua lập tức hủy bỏ chức phận của phu nhân ấy và không trở lại nghe thấy gì nữa. Lúc bấy giờ Đức vua Ô-kỳ-diên, dẫn các đồ chúng đi theo phu nhân thể nữ chơi đùa dưới sông, trông thấy tán mây màu vàng từ trên sông chảy theo dòng nước mà đến. Nhà vua dấy lên ý nghĩ rằng: Dưới tán mây này chắc chắn có vật gì thần diệu. Bèn sai người đến xem sao, ở dưới mây vàng thấy có một chiếc lẵng, liền đón lấy mở ra mà xem thì thấy đóa hoa sen ngàn cánh, mỗi cánh hoa có một đứa trẻ, đem về nuôi nấng chu đáo, từ đó trưởng thành và đều có sức lực lớn mạnh. Đức vua Ô-kỳ-diên hàng năm thường cống nạp cho vua Phạm Dự, tập trung các lễ vật cống nạp sai sứ giả sắp đi, các con hỏi rằng cần phải làm như thế nào? Lúc ấy nhà vua đáp rằng: Cần phải cống nạp cho Quốc vương Phạm dự kia. Các con đều nói: Nếu có

một người con hãy còn hy vọng có thể làm cho thiên hạ khuất phục để đến cống nạp, huống là có một ngàn người con mà phải cống nạp cho người khác hay sao? Ngàn người con lập tức dẫn các binh lính đi chinh phục các nước. Sau đó đến nước Phạm Dự. Nhà vua nghe tin quân lính đến thì chiêu mộ trong nước mình, ai có thể đẩy lùi được quân địch như vậy? Cũng không có người nào có năng lực đẩy lùi quân địch ấy được. Phu nhân thứ hai đến tiếp nhận sự chiêu mộ, nói rằng: Tôi có thể đẩy lùi được. Hỏi rằng: Làm sao đẩy lùi được? Phu nhân đáp rằng: Chỉ vì tôi làm đài cao trăm trượng, tôi ngồi trên đó chắc chắn có năng lực đẩy lùi quân địch. Làm đài cao đã xong thì phu nhân leo lên trên cao mà ngồi. Lúc bấy giờ ngàn người cẩn thận đừng bao giờ ngàn người con sắp giương cung bắn, tự nhiên tay không thể nào giương lên nổi. Phu nhân nói rằng: Các con cẩn thận đừng bao giờ tay hướng về cha mẹ, ta là mẹ của các người. Ngàn người con hỏi rằng: Lấy điều gì làm chứng cứ? Người mẹ trả lời con rằng: nếu ta đè mạnh lên bầu vú thì một bầu vú có năm trăm tia sữa khác nhau, tất cả chảy vào miệng con, là mẹ của con, nếu thật không thể như vậy thì chẳng phải là mẹ của con. Lập tức hai tay đè lên bầu vú có năm trăm tia sữa, chảy vào trong miệng ngàn người con, quân lính còn lại không có người nào có được. Ngàn người con hàng phục hướng về cha mẹ sám hối. Những người con sau đó hòa hợp hai nước không còn gì óan thù, tự khuyến khích dẫn dắt nhau, lấy năm trăm người con ở với cha mẹ ruột, lấy năm trăm người con ở với cha mẹ nuôi, lúc ấy hai Quốc vương phân chia cõi Diêm-phù-đề, mỗi Quốc vương nuôi dạy năm trăm người con.

Đức Phật dạy: Cần phải biết rằng ngàn người con lúc ấy, chính là ngàn vị Phật ở hiền kiếp. Phu nhân đố ly lúc bấy giờ dùng lụa trắng bịt mắt người khác, là rồng mù mắt có vết thương khắp người như vảy cá bây giờ. Người cha lúc ấy, chính là Bạch Tịnh vương bây giờ. Người mẹ lúc ấy chính là Ma Da phu nhân bây giờ.

Các Tỳ kheo thưa với Đức Phật rằng: Người con gái ấy có nhân duyên gì sanh trong bụng hươu cái, dưới chân mọc hoa sen? Lại có nhân duyên gì làm phu nhân của nhà vua? Đức Phật dạy: Người con gái ấy vào đời quá khứ sanh trong nhà nghèo hèn, hai mẹ con cuốc đất gieo hạt trong ruộng, thấy một Bích-chi-Phật ôm bình bát khất thực, người mẹ nói với con gái rằng: Mẹ muốn lấy thức ăn của mẹ để trong nhà chia cho vị khất sĩ thư thái này. Người con gái nói: Cũng lấy phần của con cùng đưa cho vị ấy. Người mẹ tức thì trở về nhà, lấy phần ăn của hai mẹ con đến đưa cho vị Bích-chi-Phật. Người con gái lấy cỏ hái hoa

trải làm chiếu đệm ngồi bằng cả, rải hoa lên trên, chờ vị Bích-chi-Phật ngồi xuống. Người con gái trách móc mẹ chậm chạp, trèo lên một chổ cao nhìn ra xa về phía mẹ mình, đã trông thấy mẹ mình, bèn nói với mẹ rằng: Sao không nhanh chân làm con sốt ruột, chạy như hươu mà đến. Người mẹ đến rồi, vì trách mẹ chậm chạp cho nên tìm cách vờ giận dỗi nói: Con sống ở bên mẹ, không bằng sống bên hươu vậy. Người mẹ liền lấy hai phần ăn đưa cho vị Bích-chi-Phật, còn thừa lại mẹ con cùng ăn. Vị Bích-chi-Phật ăn xong, ném bình bát vào hư không làm thành 18 loại biến hóa kỳ ảo. Lúc ấy người mẹ hoan hỷ, liền phát thệ nguyện: Khiến cho con vào tương lai luôn luôn sanh được con các bậc Thánh, giống như vị Thánh nhân bây giờ. Nhờ nghiệp duyên này, đời sau sanh ra năm trăm người con, đều đạt đạt được Bích-chi-Phật. Một người làm mẹ nuôi, một người làm mẹ ruột. Vì nói với mẹ là chạy như hươu cho nên sanh trong bụng hươu, chân giống như móng hươu; bởi vì hái hoa rải trên chổ ngồi của vị Bích-chi-Phật, cho nên trong từng dấu chân mọc lên một đóa hoa. Bởi vì trải đệm cỏ, cho nên luôn luôn được làm phu nhân hàng vua chúa. Thân đời sau của người mẹ ấy, làm Quốc vương Phạm Dự; thân đời sau của người con gái làm phu nhân Liên Hoa. Nhờ nghiệp duyên này về sau sanh ra ngàn vị Thánh ở Hiền Kiếp, vì lực thệ nguyện cho nên thường sanh ra bậc Hiền Thánh. Các tỳ kheo nghe xong hoan hỷ làm theo lời Đức Phật đã dạy".

Lại trong kinh Phân Biệt công đức nói: "Thuở xưa có vị Trưởng giả, tên gọi là Thiện Thí, trong nhà có cô con gái chưa đi lấy chồng, ở nhà hơ lửa hơi ấm đưa vào thân hình, lần đầu tiên có thai. Cha mẹ kinh ngạc trách mắng truy hỏi nguyên do tình trạng ấy. Cô con gái ấy trả lời rằng thật sự không biết vì sao. Cha mẹ lại gạn hỏi, cộng thêm những trận đòn đau khổ, cô con gái ấy vẫn không nói khác lời. Thế là sự việc đến tai nhà vua, nhà vua lại truy hỏi trách mắng, cô gái cũng không nói khác, nhà vua phán quyết là tội phải chết. Cô gái liền kêu oan rất óan hận rằng: Thiên hạ quả là đang tồn tại một ông vua vô đạo, giết oan ức người vô tội, nếu tôi không tốt thì tự mình có thể cam đoan để thử nghiệm. Thấy oan ức như vậy, nhà vua liền cam đoan kiểm tra như cô gái đã nói, không thêm bớt gì khác. Nói với cha mẹ cô gái: Trẫm muốn lấy cô gái. Người mẹ trả lời rằng: Tùy ý cứ lấy, cần đứa con gái hết cách cứa chữa này làm gì. Nhà vua liền đưa vào trong cung, thường xuyên chăm sóc nuôi dưỡng. Ngày tháng đã đủ, sanh được một bé trai, đoan chánh tuấn tú vô cùng. Tuổi đã trưởng thành liền xuất gia đạt được quả vị, thông minh xuất chúng, tinh tiến không bao lâu đạt được quả vị

A-la-hán, trở về hóa độ cha mẹ”.

Lại trong kinh Thí Dụ nói: “Thưở xưa có đôi vợ chồng không có con, thờ cúng Trời đất thần linh để cầu con nối dõi, thần linh liền đồng ý, thế là người vợ mang thai. Sau đó sinh ra bốn loại đồ vật: Một là cái đấu chứa đầy gạo bằng gỗ chiên đàn, hai là chiếc bình cam lồ, ba là chiếc túi quý báu, bốn là chiếc gậy thần đốt, người ấy than thở rằng: Mình cầu con trai lại sinh ra những đồ vật! Thế là đến miếu thờ thần linh mà cầu mong như nguyện trong lòng. Thần linh liền nói rằng: Người mong cầu có được con trai thì vật gì mới xứng với lợi ích? Thưa rằng: Con trai sau này sẽ dạy dỗ nuôi dưỡng chúng con. Thần linh nói: Đấu gạo này để ăn thì sử dụng không bao giờ hết, bình cam lồ ngọt ngào này uống không hề giảm bớt mà còn tiêu trừ mọi thứ bệnh, chiếc túi trân bảo này sử dụng không hề tổn hại, chiếc gậy thần bảy đốt này dùng để đề phòng mọi điều hung dữ bất ngờ, con trai há có thể làm được như vậy không? Người ấy vô cùng mừng rỡ trở về nhà thử xem sự linh nghiệm, như lời nói không sai, thế là trở thành rất giàu có, không thể nào tính toán được. Quốc vương nghe đồn, liền sai quân lính chuẩn bị đến đó tấn công để chiếm đoạt. Người ấy đưa chiếc gậy bay khắp nơi tiến đánh quân địch, phá tan quân lính hùng mạnh, giặc cướp đều tan tành rút lui. Người ấy vui mừng vô cùng, không còn hoạn nạn khốn khó gì nữa, sống cảnh yên bình vui sướng với mọi người”.

Thứ năm: PHẦN TẠP DỊ

Như kinh Thí Dụ nói: “Xưa có người rất giàu, thu hoạch thóc lúc gạo mè cả ngàn hộc giấu trong lòng đất, trước khi đến mùa xuân ấm áp mở hầm lấy hạt giống, ông ta không thấy hạt giống, mà có một con sâu lớn giống như cái rọ trâu, không có tay chân cũng không có mắt mũi, như cục thịt ngu đần. Chủ nhà và mọi người lớn bé không có ai không cảm thấy quái lại. Đưa ra đất bằng, liền hỏi: Người là loại người như thế nào? Chung quy là không thể nào nói được. Liền dùng dùi sắt đâm vào một chổ, con sâu nói rằng: Muốn biết tôi thì mang tôi đặt ở bên đường lớn, tự nhiên sẽ có người gọi tên tôi. Thế là đưa đi đặt bên mép đường. Trong ba ngày không có người nào gọi tên cả. Hôm sau có mấy trăm người ngồi trên xe ngựa màu vàng, áo quần người theo hầu đều màu vàng, dừng xe ngựa mà gọi to: Cốc Tặc, người vì sao ở nơi này? Đáp rằng: tôi ăn hạt giống của người ta cho nên họ mang tôi ra đặt nơi này. Nói rất lâu rồi liền chia tay Từ biệt mà đi. Chủ nhà hỏi Cốc Tặc: xưa nay là ai vậy? Đáp rằng: Là tinh lực của vàng bạc châu báu, ở dưới

cây lớn cách đây hơn ba trăm Bộ về phía Tây, có rất nhiều vàng trong hũ đá. Chủ nhà lập tức mang theo mấy chục người đến đào lên, thì được hũ vàng. Gia đình rất vui mừng, dùng xe kéo chở về nhà, rập đầu hướng về Cốc Tặc nói: Hôm nay được vàng là nhờ ân của Đại thần, có thể giữ thần lại cùng trở về để thiết lễ cúng dường chăng? Cốc Tặc nói: Trước kia ăn hạt giống của ông mà không nói tên họ, là muốn làm cho ông có được báo ứng gặp vàng bạc này, nay nên chuyển sang làm phước cho mọi người, không được giữ lại, nói xong bỗng nhiên không thấy nữa".

Lại trong kinh Thí Dụ nói: "Phía Đông Nam thành Vương xá có một hồ sâu đầy nước, cứt đái ô uế và nương máng trong thành tất cả dồn vào trong đó hôi thối không thể đến gần, có một con sâu rất lớn sống trong hồ đầy nước đó, mình dài mấy trượng mà không có tay chân, lăn lộn lên xuống đùa giỡn trong hồ sâu đầy nước. Người xem đứng đông đúc, A nan ra canh chừng trông thất mà đến xem, con sâu liền uốn mình lồng lộn làm cho sóng nước cuộn trào. Trở về thưa lại đầy đủ với Đức Phật cùng với các Tỳ kheo đi đến nơi hồ nước. Mọi người trông thấy Đức Phật thì tất cả nghĩ rằng: Hôm nay Như Lai sẽ vì chúng hội thuyết về đầu đuôi sự việc của con sâu để giải thích nghi ngờ của mọi người, không đáng vui sướng hay sao? Đức Phật dạy: xưa kia sau khi Đức Phật Duy Vệ nhập Niết bàn, lúc ấy có chùa tháp, có năm trăm Tỳ kheo sinh sống trong chùa, chủ chùa thấy rất hoan hỷ nên thỉnh cầu ở lại cúng dường ba tháng an cư, mọi người đều nhận lời mời, chủ chùa hết lòng cung cấp cơm nước không có gì thiếu sót. Sau đó năm trăm người buôn đi vào biển thu thập vật báu, trở về đi qua chùa Tháp, thấy năm trăm Tỳ kheo tinh cần hành đạo, mọi người cùng phát tâm nên thiết lễ cúng dường đơn giản. năm trăm người buôn mỗi người góp một hạt châu, được năm trăm hạt ma ni châu đem gởi cho chủ chùa, dặn dò chủ chùa rằng: Châu ngọc của chúng tôi đủ để cúng dường Tăng. Tỳ kheo nói đồng ý, và đã tiếp nhận tất cả năm trăm viên ngọc. Sau đó sanh tâm bất thiện ý đồ muốn giữ lấy một mình không cúng dường cho chúng Tăng hỏi rằng. Trước đây khách buôn bố thí ngọc châu cần phải thiết lễ cúng dường mà phân phát hết chứ? Chủ chùa nói: Là bố thí mình tôi mà thôi, nếu muốn giành thì cứt tôi có thể bố thí cho các ông, nếu như không lập tức rời đi thì cắt mũi chặt tay chân các ông ném vào hầm phân. Chúng Tăng buồn cho sự ngu si của chủ chùa, tất cả lặng lẽ ra đi. Vì vậy biết lời nói độc địa không thể không cẩn thận!"

Lại trong Trí Độ Luận nói: "Lúc Đức Phật tại thế, có người đi xa trú một mình trong nhà để không, giữa đêm có con quỷ vác một người

chết đến đặt trước mặt ngôi nhà đó. Lại có một con quỷ đuổi đến giận dữ mắng rằng: Người chết là vật của tôi, ông bỗng nhiên vác đến đây? Con quỷ trước nói: Là vật của tôi, tôi tự mang đến đây. Con quỷ sau nói: Người chết này thật do tôi vác đến. Cả hai con quỷ đều nắm một tay một chân mà giành nhau. Con quỷ trước nói: Ở đây có người có thể hỏi xem, con quỷ sau liền hỏi: Người chết này do ai vác đến? Người này suy nghĩ: Hai con quỷ này rất mạnh, nếu nói thật hay nói không thật thì cũng không tránh khỏi cái chết. Liền nói rằng: Quỷ trước vác đến là đúng, con quỷ sau rất giận dữ, nắm tay người đó rút ra vất trên đất, con quỷ trước thương xót vội lấy một cánh tay người chết gắn vào liền được như cũ. Như vậy hai cánh tay hai chân-đầu-sườn-toàn thân đều thay đổi. Thế là hai con quỷ cùng ăn thân người được thay đổi, chùi miệng mà đi. Người đó suy nghĩ: Thân mình do cha mẹ sinh ra, mắt trông thấy hai con quỷ ăn hết, thân này của mình bây giờ đều là thịt của người khác, nay mình chắc chắn có thân hay là không có thân vậy? Sau đó đi đến tháp Phật, hỏi các Tỳ kheo, nói đầy đủ sự việc trên. Các Tỳ kheo nói: Từ xưa đến nay luôn luôn tự nhiên không có mình, chỉ vì bốn Đại hòa hợp cho nên chấp làm thân mình, như thân này của ông cùng với trước đây không có gì khác nhau. Các Tỳ kheo hóa độ người ấy vào đạo đạt được quả vị A-la-hán.

Lại trong kinh Thiện Tín nói: "Có cây thuốc thần diệu, tên gọi là Ma la đà kỳ, rất ghét mọi thứ độc hại trong thiên hạ. Có thần rắn to lớn không thể nào đi lại ngông cuồng được, thân rắn dài một trăm hai mươi thước, rắn đi tìm thức ăn. Có con sâu đầu đen, thân dài năm trượng con sâu đi giữa đường cùng với rắn gặp nhau. Vừa lúc muốn ngước đầu cắn con sâu lớn trước mặt, rắn ngửi thấy mùi thuốc nên gập đầu muốn chạy. Thân rắn dính vào thân cây thuốc tức thì đứt ngang lưng, phân ra làm hai đọan, nửa đầu còn sống nên chạy được, nửa đuôi thì nát rữa hôi thối. Các loài ác độc ngửi thấy mùi hôi của rắn này, thì mọi khí độc xấu ác đều tiêu diệt hết".

Lại trong Trí Độ Luận nói: "Minh nguyệt ma ni châu phần nhiều nằm trong não của loài Rồng, chúng sanh nào có phước thì tự nhiên gặp được. Cũng gọi là Như ý châu, thường sinh ra tất cả các loại vật báu, áo quần ăn uống tùy theo ý muốn đều có được. Người có được hạt châu này thì chất độc không thể nào làm hại, lửa không thể nào đốt cháy. Hoặc là lúc Đế Thích đã cầm chày Kim cang cùng với Tu La đánh nhau, vỡ vạn rơi xuống cõi Diêm-phù-đề, biến thành hạt châu này: "Lại nói: "Xá-lợi-phất từ quá khứ lâu xa đến thời mạt pháp đã diệt hết, biến

thành loại châu này để làm lợi ích cho chúng sanh".

Lại trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Trong biển lớn có bốn loại ngọc quý, tất cả các loại vật đều sản sinh từ đây, nếu không có bốn loại ngọc này thì tất cả các loại vật quý sẽ dần dần diệt hết. Các long thần nhỏ không thể nào thấy được, chỉ riêng Sa già la Long vương bí mật đặt vào sâu trong kho báu. Kho báu sâu xa này có bốn loại tên gọi: Một gọi là chúng Bảo tích tụ, hai gôi là Vô Tận Bảo Tạng, ba gọi là Viễn Xí Nhiên, bốn gọi là Nhất Thiết Trang Nghiêm Tụ. Lại trong biển lớn có bốn loại Xí Nhiên Quang Minh Đại Bảo: Một gọi là Nhật Tạng Quang Minh Đại Bảo, hai gọi là Ly Nhuận Quang Minh Đại Bảo, ba gọi là Hỏa Châu Quang Minh Đại Bảo, bốn là Cứu Cánh Vô dư Quang Minh Đại Bảo. Nếu trong biển lớn không có bốn loại vật báu này, thì Kim cang Vi Sơn bảo vệ tứ thiên hạ cho đến cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng xứ thảy đều chìm nổi vật vờ. Nhật Tạng Quang Minh có năng lực làm cho nước biển trở thành sữa đặc , Ly Nhuận Quang Minh có năng lực làm cho biển sữa đặc trở thành bơ cứng, Hỏa Châu Quang Minh có năng lực làm nóng biển bơ cứng, Cứu cánh Vô dư Quang Minh có năng lực làm nóng Biển bơ cứng vĩnh viễn hết sạch không sót lại gì. Tụng rằng:

Đến bậc Thánh vận dụng sâu xa,
Không suy nghĩ và không phân biệt.
Thần thông công lực che mặt Trời,
Người trí kẻ ngu khó lường nổi.
Thiện và ác cùng chung một chổ,
Lên và xuống sắc chất như nhau,
Đối với sự tư duy tỏ ngộ,
Hiểu biết là che giấu thần kỳ.
Ở trong nhiễm ô chẳng nhuộm đen,
Để lại bụi trần nơi hơi thở,
Không phải là ai ngắm khó tin,
Người nào quạt đạt tới cựu điểm?
Nhận ra mình ngu si lười biếng,
Ngưỡng mộ lên cao ngang tài đức,
Muôn đời truyền bá mãi tiếng tăm,
Ngàn tuổi thọ nhờ vào phước thiện".

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG:

Sơ lược dẫn ra mười tám chuyện linh nghiệm: 1- Sa môn Thích Đàm Thúy đời Tấn, 2- Sa môn Thích pháp Tướng đời Tấn, 3- Sa môn

Thích Sĩ Hành đời Tấn, 4- Sa môn thích Kỳ vực đời Tấn, 5- Sa Môn Thích Phật Điều đời Tấn, 6- Sa môn Thích Kiên Đà đời Tấn, 7- Cư Sĩ Để Thế Thường đời Tấn, 8- Tham Quân Trình Đức Độ đời Tống, 9- Sa Môn Thích Hoằng Minh đời tề, 10- Sa môn Thích Pháp Hiền đời tề, 11- Sa môn Thích Phổ An đời Tùy, 12- Sa môn Th1ich Pháp An đời Tùy, 13- Sa môn Thích Tuệ Phẩm đời Tùy, 14- Sa môn Thích Chuyển Minh đời đường, 15- Sa môn Thích Cổ Dật đời Đường, 16- Sa môn thích Pháp Thuận đời đường, 17- Trương (Quên tên) Người huyện Trâu-Duyễn Châu đời Đường, 18- Các truyện xen lẫn trình bày về Thần Dị Ký.

1- Đời nhà Tấn ở vùng Hà Âm có Thích Đàm Thúy trú trong chùa Bạch Mã, không rõ là người nơi nào, từ nhỏ xuất gia ở chùa Bạch Mã vùng Hà Âm, ăn cơm rau mặc áo vải tụng kinh chánh Pháp Hoa, bình thường một ngày một biến. Lại rất thông hiểu ý chỉ của kinh cũng giảng giải cho người cùng hiểu. Đã từng ở trong đêm bỗng nhiên nghe tiếng gõ cửa, nói rằng muốn thỉnh pháp sư thuyết pháp chín tuần, Thúy không đồng ý, mời cho bằng được mới thôi; nhưng mà giống như là trong giấc ngủ, ví như thỉnh giấc thì chính mình lại ở trong miếu thờ thần thuộc khu vực góc chùa Bạch Mã, cùng một đệ tử. Từ đó ngày ngày bí mật đi đến, ngoài ra không hay biết gì. Về sau Tăng chúng trong chùa đi qua trước miếu trông thấy có hai chổ ngồi trang nghiêm, Thúy ở phía Bắc- đệ tử ở phía Nam, giống như có tiếng giảng thuyết, lại ngửi thấy có mùi hương kỳ lạ, thế là đạo tục cùng truyền miệng điều này. Tất cả đều nói: Thần dị vô cùng. Đến cuối mùa hạ bố thí cho vị thần dùng một con ngựa trắng- năm con dê trắng và chín mươi xấp vải lụa chú nguyện xong ngay sau đó tất cả không còn. Thúy hoàn toàn không biết những điều ấy.

2- Đời nhà Tấn ở chùa Việt Thành có Thích Pháp Tướng, họ Lương, không biết là người vùng nào, thường ở trong núi rất kiên trì, tụng kinh hơn mười vạn lời, chim chóc muông thú tụ tập xung quanh nơi ấy, đều thuần hóa giống như gia cầm. Đền thờ Thái Sơn có hòm đá lớn cất giữ tiền của châu báu, lúc ấy Tướng đi qua núi trú đêm bên cạnh miếu thờ, bỗng thấy một người đội mũ võ tướng mặc áo đen, khiến Tướng mở hòm đá, nói xong không thấy nữa. Nắp hòm đá ấy nặng hơn ngàn cân. Tướng thử xê dịch lên trước thì bồng bềnh mà bật ra. Thế là lấy tiền bạc ấy để giúp cho dân nghèo. Đến cuối niên hiệu Nguyên Hưng đời nhà Tấn thì mất, hưởng thọ tám mươi tuổi.

Hai chuyện trên đây trích từ Lương Cao Tăng Truyện.

3- Đời nhà Tấn có Sa môn Sĩ Hành là người vùng Dĩnh Xuyên, họ

Chu Thị, chí khí cao nhận thức rộng lớn, sâu sắc chính trực, tu dưỡng tâm tính thẳng đến vinh nhục không thể nào lay động. Lúc ấy kinh điển không đầy đủ, chỉ có Tiểu Phẩm, mà chương cú thiếu sót tóm lược, khiến nghĩa tinh tế không biểu hiện được. Năm Cam Lộ thứ năm đời ngụy, khởi hành từ Ung Châu đi về phía Tây đến Vu Điền, tìm cầu kinh tạng trải qua các quốc gia. Tăng đồ ở xứ Tây vực phần lớn học theo pháp tiểu thừa, nghe tin Sĩ Hành cầu tìm các kinh Phương Đẳng, đều kinh ngạc và không ủng hộ nên nói rằng: Người vùng biên giới không biết chánh pháp sẽ nảy sinh nhiều nghi ngờ làm cho hỗn loạn. Sĩ Hành nói: Trong kinh dạy rằng nghìn năm sau đem mạt pháp truyền về phương Đông. Nếu như nghi ngờ không phải là lời Đức Phật thuyết ra, thì xin lấy lòng chí thành nghiệm xét điều ấy! Thế là đốt củi rưới dầu châm ngọn lửa mới bốc lên, Sĩ hành nâng kinh chảy nước mắt cúi rập đầu thề rằng: Nếu thật sự, là lời Phật thuyết thích ứng truyền khắp đất nước Trung Hoa, thì cầu xin chư Phật Bồ Tát chứng minh cho thích hợp! Ngay sau đó đặt kinh vào trong lửa cháy rừng rực làm thay đổi tình hình, một lúc sau đống lửa trở thành một đụn tro nóng đỏ, mà văn tự không hủy hoại-bìa kinh vẫn như cũ. Cả nước vui mừng cung kính nhân đó giữ lại để cúng dường, bảo đệ tử là Pháp Nhiên đưa tặng cho Phạm Bản. Trở về đến nước Trần giữ lại, phân ra tặng các chùa Tuấn Nghi-Thương Viên, gồm chín mươi thiên hai mươi vạn lời, cư sĩ Trúc Thúc Lan ở Hà Nam, hiểu thông thạo phong tục địa phương đi sâu vào pháp vị tốt lành, tự mình cùng truyền bá phiên dịch, nay chính là phẩm Phóng Quang đầu tiên vậy. Sĩ Hành tám mươi tuổi mới tạ thế, y theo lời Sư mọi người hỏa táng. Lửa cháy trải qua một ngày mới tắt mà hình hài còn nguyên vẹn, dân chúng trong nước kinh ngạc vô cùng, mọi người đều nói: Nếu thực sự đắc đạo thì pháp sẽ hủy hoại. Theo tiếng nói lập tức phân tán rời ra, mới thu thập hài cốt xây tháp thờ kính. Tiên s tôi là Tuệ Chí Đạo Nhân tương truyển, Thích Công cũng có ghi lại việc ấy.

4- Sa môn Kỳ Vực đời nhà Tấn, là người xứ Thiên Trúc. Từ Tây vực vượt biển mà đến, sắp đi qua cửa ải Lạc Đạt-xưa là Tương Dương, muốn nhờ thuyền trở qua bờ Bắc, người lái thuyền thấy sa môn xứ Phạm áo quần rách rưới nên khinh thường mà không chở, thuyền gần đến bờ Bắc, Kỳ Vực cũng lên, cả thuyền đều kinh ngạc. Vực đi trước có hai con hổ ngoắc đầu vẫy đuôi đón tiếp, Vực đưa tay xoa đầu hổ thì hổ đi vào lùm cỏ. Thế là hai bờ Nam-Bắc hướng đến thỉnh cầu thưa hỏi, Vực nói không có gì trả lời. Và có mấy trăm người đuổi theo, thấy Vực đi chậm chậm mà mọi người chạy còn không kịp. Cuối thời Huệ Đế thì Vực đến

Lạc Dương, đạo sĩ ở Lạc Dương đều hướng về thăm hỏi lễ lạy. Vực không vì thế mà đứng dậy. Lời dịch châm biếm thuyết phục họ rằng: Các ông phân chia lưu truyền Phật pháp không vì lòng chân thành, chỉ vì mong cầu danh lợi phù hoa mà thôi. Trông thấy cung lạc Dương nói: Cung Trời Đao Lợi giống như vậy, phải dùng đạo lực mà thành tựu, chứ dùng lực sanh tử mà thành tựu thì không phải là cũng chịu khó chịu khổ lắm chăng? Sa môn Chi Pháp Uyên-Trúc Pháp Hưng, đều là tuổi nhỏ đến sau, vực vì họ đứng lên chào hỏi, Pháp Uyên làm lễ xong, Vực đưa tay xoa đầu và nói: Bồ tát tốt lành đến từ giữa bầy dê. Thấy pháp Hưng đi vào cửa thì Vực rất vui và cười lớn, hướng về nghênh tiếp làm lễ, nắm tay Pháp Hưng đặt lên trên đầu nói rằng: Bồ tát tốt lành đến từ giữa Trời người. Trong vùng ấy còn có một người, phát bệnh mấy năm sắp chết, Vực đến thăm hỏi nói rằng: Vì sao sa đọa sanh vào nơi buồn khổ này? Đặt người bệnh nằm trên chiếu mỏng ở mặt đất, lấy bình bát đặt trên bụng, dùng vải gai che phủ, lầm rầm tụng ba bài kệ tiếng Phạm xong làm Phạm chú có thể mấy ngàn lời, tìm có mùi hôi thối đầy nhà. Người bệnh nói: sống rồi. Vực sai người kéo vải ra, thấy trong bình bát giống như bùn dơ nước thải, người bệnh liền lành hẳn. Thái thú Trường Sa là Đằng Vĩnh Văn trước kia rất tinh tiến, lúc ở Lạc Dương hai chân bị bệnh phong co quắp suốt năm, Vực chú nguyện cho lập tức được duỗi thẳng, mấy ngày sau đứng dậy đi lại bình thường. Trong chùa Vũ Thủy có cây Tư Duy chết khô từ trước, Vực đến bên cây chú nguyện, mười ngày sau cây sống lại tốt tươi. Lúc ấy trong chùa có Trúc Pháp Hành giỏi bàn luận, luôn luôn lấy đó làm niềm vui, gặp Vực dập đầu lạy nói rằng: Đã gặp được người chứng đạo nguyện được tiếp nhận giáo pháp! Vực nói: Giữ miệng nhiếp ý-thân đừng phạm, thực hành như vậy vượt thế gian. Pháp Hành nói: Người đắc đạo hãy truyền thụ cho điều chưa được nghe, lời này Sa-di tám tuổi cũng đã thuộc lòng, không phải là điều mong cầu ở người đắc đạo. Vực cười nói: Như lời của ông, tám tuổi mà học kỹ càng, ngàn trăm tuổi không thể nào làm được, mọi người đều biết cung kính người đắc đạo, mà không biết thực hành điều ấy thì chính mình đạt được. Theo cách nhìn của tôi thì dễ dàng thôi, tuyệt diệu đang ở nơi ông há giận là chưa được nghe hay sao? Mọi thứ sang hèn ở chốn kinh sư biếu tặng, để lại áo quần và các đồ dùng hàng ngày tính ra ngàn vạn ức đều tiếp nhận, lúc sắp đi che kín mà lưu lại, chỉ làm tám trăm tấm phướn, để lạc đà chở đi. Trước tiên phái người buôn bình thường đi theo phía Tây trở về Thiên Trúc. Lại mang một chiếc ca sa của Pháp Hưng để tùy thân, nói với Pháp Hưng rằng: Địa phương này thật là nơi

tạo ra tội lổi mới, đáng đau xót làm sao! Vực lên đường, người đưa tiễn đông đến mấy ngàn. Ở trong chùa Lạc Dương sau khi ăn cơm xong, nhận lời Đạo Nhân có hẹn ngày đi đến Trường An. Gặp Vực ở trong Chùa Trường an, nhưng Vực đã phái người buôn bình thường và lạc đà di chuyển đến trên sông Đôn Hoàng. Gặp em trai của người buôn bình thường từ Thiên Trúc đến nói: Trông thấy vực ở trong chùa gần Đôn Hoàng. Đệ tử Thấp Đăng Giả nói: Gặp Vực ở phía Bắc vùng Lưu Sa, chào hỏi nhau thật ân cần, tính ra đã mười ngày. Nhưng lúc vực khởi hành ở Trường An, mà sự lưu hành đó đến khoảng vạn dặm rồi.

5- Sa môn Phật Điều đời nhà Tấn, không biết là người nước nào, đi lại Trường Sơn nhiều năm sự nghiệp hãy còn thuần phác không tỏ ra là người văn chương nho nhã, luôn luôn lấy điều này làm quan trọng. Thường Sơn có Phụng Pháp là hai anh em ruột, ở cách chùa một trăm dặm, anh trai và chị dâu bệnh rất nặng, lại ra ở bên chùa để gần gũi thuốc thang chữa bệnh. Anh trai đã tôn Điều làm thầy ban ngày thường ở trong chùa hỏi han để hành đạo. Ngày khác Điều bỗng nhiên đến nhà đó, người em hỏi về những khổ sở của chị dâu, và hỏi xem anh trai bình yên hay không? Điều nói: Người bệnh tạm ổn, anh trai vẫn bình thường. Sau khi Điều rời nhà thì người em cũng thúc ngựa tiếp theo sau, nói là cùng với Điều trò chuyện trong sáng nay. Người anh ngạc nhiên nói: Hòa thượng sáng sớm không ra khỏi chùa, em làm sao có thể gặp gỡ trò chuyện được? Anh em tranh cãi bèn hỏi Điều, Điều cười mà không trả lời, hai người cùng lạ lùng làm sao! Có lúc Điều một mình đi vào núi sâu hơn một năm rưỡi mang theo mấy đấu cơm khô, khi trở về thường còn thừa lại. Có người đã từng theo Điều đi núi, mấy chục dặm Trời chiều tuyết rơi lạnh lẽo, Điều đi vào hang đá trú đêm trong tổ ấm của cọp, cọp vẫn nằm ngang trước hang, Điều bảo rằng: Ta giành nơi ở của người thật là hổ thẹn làm sao! Cọp ngoắc tai đi xuống núi, người đi theo kinh sợ vô cùng: Trời đất lâu dài còn có lúc băng hoại, huống hồ người và vât mà mong tồn tại mãi mãi ư? Nếu có thể trừ sạch ba cấu chuyên tâm thanh tịnh, thì hình hài số mạng tuy khác nhau mà thần thức tụ hội chắc chắn như nhau. Mọi người đều rơi nước mắt ngậm ngùi, Điều trở về phòng ngồi nghiêm trang, dùng y che đầu an nhiên mà tạ thế. Sau khi lìa trần mấy năm, đệ tử tại gia của điều có tám người đi vào Tây Sơn đốn gỗ, bỗng nhiên trông thấy Điều ở trên mỏm núi cao, y phục sáng ngời dáng vẻ thư thái, đều kinh ngạc và vui mừng làm lễ thưa hỏi: Hòa thượng hãy còn ở nơi này ư? Đáp rằng: Ta thường tự tại mà thôi. Hỏi han đầy đủ biết rõ tin tức trước đây, rất lâu mới đi. Cả tám người liền

bỏ việc trở về nhà đến nói cho những người cùng tu học biết điều kỳ lạ này. Mọi người không có gì để chứng minh, nên cùng nhau khai quật phần mộ mở quan tài thì không thấy thi hài nữa.

6- Kiện Đà Lặc đời nhà Tấn, không biết là người nước nào, đã từng đi lại vùng Lạc Ấp trải qua mấy năm Trời, tuy kính trọng phong độ tiết tháo ấy mà không ai có thể suy lường được. Về sau nói với người ta rằng: Trong núi Bàn xi có chùa tháp cổ xưa, nếu có thể tu sửa xây dựng lại thì phước ấy thật vô lượng. Mọi người đều đồng ý, tất cả cùng đi vào núi. Đã đến nơi chỉ thấy cỏ cây rậm rạp chẳng biết nền chùa cũ ở đâu. Lặc chỉ rõ rằng: Đây là nền chùa. Mọi người đào thử xem sao, quả nhiên gặp phải tảng đá dưới tháp. Lại chỉ ra giảng đường-Tăng phòng-giếng nước-nhà bếp, khai quật tìm kiếm đều giống như lời nói ấy. Thế là bắt đầu thắc mắc về điều kỳ lạ đó. Chùa đã tu sửa lại, Lặc trở thành Tăng chủ. Cách Lạc Ấp trăm dặm mỗi sáng sớm đến Lạc Ấp tham dự pháp hội nghe giảng xong, thì xin một bát dầu bưng trở về chùa. Tuy là sớm tối đi lại, mà chưa hề sai hạn định vào giữa giờ Thân. Có người một ngày có thể đi mấy trăm dặm, muốn đi theo mà nghiệm điều ấy, bèn cùng nhau khởi hành, người này chạy mà không kịp. Lặc quay đầu lại nhìn cười mà nói rằng: Ông nắm ca sa của tôi có thể không mệt mỏi gì. Đã nắm sau y mà cũng không bằng thời gian di chuyển, chốc lát đã về đến chùa. Người đó nghỉ ngơi mấy ngày mới lại sức, mới hiểu rằng là người thần. Về sau không biết đi đến đâu.

7- Để Thế Thường đời nhà Tấn, là người vùng Trung Sơn. Gia đạo thịnh vượng và giàu có. Trong thời Thái Khang cấm người Tấn làm Sa môn, Thế Thường thực hành theo pháp rất tinh tiến, kín đáo ở trong nhà mình dựng lên một Tinh xá cúng dường Sa môn, Vu Pháp Lan cũng ở nơi này Tăng chúng đến không bao giờ từ chối tiếp đón. Có một Tỳ kheo, dung mạo hình tướng ngu đần áo quần nhớp nhúa, trèo non lội suối lấm lem bùn đất đến nơi Thế Thường, Thế Thường đi ra chào đón làm lễ người ấy, gọi tôi tờ lấy nước cho người ấy rửa chân. Tỳ kheo nói: Thế Thường nên tự ông rửa chân cho tôi! Thế Thường nói: Tuổi già sức yếu tay run, để tôi tớ tự nhiên thay tôi. Tỳ kheo không bằng lòng, Thế Thường thầm trách mà đi. Tỳ kheo liền hiện bày thần túc biến thành thân hình cao tám thước, dung nhan uy dũng bay lượn mà đi. Thế Thường vỗ ngực ân hận thở than tự nhiên ngã nhào trong bùn. Lúc ấy Tăng ni trong nhà họ Để và người đi đường khoảng năm sáu mươi người, đều có thể nhìn thấy từ xa, trông thấy ở giữa hư không trên mấy mươi trượng rõ ràng vô cùng, mùi hương ngào ngạt kỳ lạ suốt cả tháng

không mất. Pháp Lan tức là tên gọi của Lý Pháp Sư, là Kiến Tông vậy. Có ghi lại ở quyển sau. Tương truyền Pháp Lan đã nói với đệ tử Pháp Giai, Pháp Giai mỗi lần thuyết giảng, đạo tục đều nghe rất đông.

8- Trình Đức Độ đời nhà Tống, người vùng Vũ xương, cha là Đạo Tuệ làm Thứ sử Quảng Châu, Độ làm vệ quân Lâm Xuyên được nhà vua phong làm Tham quân. Lúc ở Tầm dương, nhà có tổ chim yến, đêm trông thấy trong nhà bỗng nhiên tự sáng rực, có một chú chim nhỏ từ trong tổ bay ra, dài có thể hơn thước trong sạch, đến trước giường Độ nói rằng: Anh vào hai năm sau sẽ gặp được đạo trường sinh. Bỗng nhiên mà chết, Đức Độ giấu nhẹm chuyện lạ ấy. Năm Nguyên Gia thứ mười bảy theo nhà vua trấn giữ Quảng lăng, gặp Thiền Sư Thích Đạo Cung, nhân đó bắt đầu học thiền rất có kiến giải. Đến mùa Xuân năm thứ mười chín, nhà ở Vũ xương không hề trai giới bỗng nhiên có mùi thơm kỳ lạ, ngào ngạt tỏa ra ngoài đường đi, cả vùng đều đến xem, ba ngày mùi thơm mới hết.

Sáu chuyện linh nghiệm trên đây trích từ Minh Tường ký.

9- Chùa bách Lâm vùng Vĩnh Hưng đời nhà Tề có Thích Hoằng Minh, vốn họ Luy người vùng Cối Kê-Sơn Âm, xuất gia từ nhỏ kiên trì trung trinh rất mực tiết tháo. Ở trong chùa Vân Môn vùng Sơn Âm, tụng kinh Pháp Hoa luyện tập thiền Định, tinh cần lễ sám ngày sáu thời không nghỉ. Mỗi sáng sớm thì bình nước tự nhiên đầy, thực sự cảm động chư Thiên-Đồng tử đã cung cấp cho mình sử dụng. Hoằng Minh đã từng ngồi thiền ở Vân Môn, cọp đến đi vào trong phòng Hoằng Minh nằm ở trước giường, thấy Hoằng Minh vẫn nghiêm trang bất động, rất lâu mới bỏ đi. Vừa lúc ấy thấy một đứa trẻ đến nghe Hoằng Minh tụng kinh. Hoằng Minh nói: Ông là người nào? Đáp rằng: Xưa là Sa-di ở chùa này, lấy trộm thức ăn sau màn nay đạo vào trong nhà xí, nghe Đạo nghiệp của Thượng Nhân cao xa cho nên đến nghe kinh, nguyện giúp cho phương tiện để tránh khỏi sự đau khổ này! Hoằng Minh liền thuyết pháp khuyến hóa, hiểu rõ rồi mới ẩn đi. Sau đó đến mỏm núi Thạch mẫu ở Vĩnh Hưng nhập định, lại có yêu tinh trong núi đến quấy phá Hoằng Minh, Hoằng Minh bắt được dùng dây lưng trói lại, quỷ không tránh được đành nhận lổi cầu cởi trói và nói: Không dám đến nữa! Thế là cởi trói thả ra, ngay sau đó không còn tông tích. Đến niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ bốn đời Tề mạng chung ở chùa Bách Lâm, hưởng thọ tám mươi bốn tuổi.

10- Vùng Nam Hải-Kinh Sơn đời nhà Tề có Thích Pháp Hiến, là người vùng Quảng châu, lúc đầu ở chùa bắc, chùa lâu năm đã điêu tàn

suy sụp, Pháp Hiền thẳng thắn giáo hóa người có duyên để sửa chữa lại tốt hơn, đổi tên gọi là Diên Tường. Sau đi vào núi Tạng Vi xây dựng chùa, chùa được xây dựng hoàn tất có hai Đồng tử tay nắm tay đi đến hát rằng:

Tạng Vi có người đạo đức, vui mừng còn chưa chấm dứt.

Dứt lời thoắt đã không thấy nữa, cả chùa kinh ngạc vô cùng và đều ca ngợi là thần dị. Sau đó Pháp Hiền nhập thiền bỗng thấy một người đến nói: Sợi dây treo khánh đứt, sao không sớm sửa chữa? Pháp Hiền kinh hãi đứng dậy đến nhìn thì thấy quả thực sắp rơi xuống đất, đưa tay nối dây lại nên không bị hư hại. Sau đó không biết rồi đi đến đâu.

11- Sa môn Thích Phổ Am ở trong hang Tiên tử vùng Chung Nam Sơn đời nhà Tùy, họ Quách Thị, người vùng Bắc Kinh Dương-Ung Châu. Hành pháp theo nghi quỹ, ở một mình nơi chốn rừng hoang, không có người qua lại, chuyên chú trọng Thiền quán tư duy. Đến mức không màng nghỉ ngơi sớm muộn hay hoang vắng hiểm nguy, không phòng ngừa cọp beo lang sói mà luôn đọc tụng Hoa Nghiêm, tay không rời sách, tuân theo tu hành khổ hạnh xả thân vì chúng sanh. Thường đi lại nơi núi rừng để bố thí các loài cầm thú, cọp beo tuy đến ngửi mà không ăn, thường canh cánh trong lòng không xứng với tâm tư thệ nguyện. Gặp lúc nhà Chu phế bỏ giáo pháp, thường cùng với hơn 30 vị Tăng thạc đức tránh vào vùng Chung Nam cư trú trong hang núi tối tăm, tự mình ăn xin cung cấp đầy đủ, tuy bị nhiều tai tiếng nhưng đều tránh được tai họa. Lúc ấy có Ái pháp Sư, lánh nạn ở Nghĩa Cốc của Đỗ Ánh là nhà làm quan lớn, đào hầm mà tránh. Phổ An được thả về, nhân đó đi qua lễ bái chào hỏi. Ái nói: Phổ An hiểu biết Phật pháp có thể chưa rộng lắm, mà thần chí tuyệt vời không tránh né hạng ác ôn hung bạo, đại khái là khó sánh bằng. Phổ An nói: Nay được thoát nạn chính là chỉ có uy lực của kinh Hoa Nghiêm. Đến thời Tùy Văn Đế bắt đầu cai quản thì Phật giáo rất hưng thịnh, mở rộng chiêu tập lại các vị Tăng tránh nạn trở lại sinh hoạt như xưa. Lúc ấy một cốc Tiên Tử có hơn 30 vị Tăng, thuận theo chiếu thư xuất gia và ở trong chùa quan phủ chỉ riêng một mình Phổ An quen với niềm vui cuộc sống núi rừng giữ phong thái cây rừng nước suối xưa nay, lúc ấy đi khắp thôn xóm làng mạc làm lợi ích cho mọi sinh linh, cuộc sống hàng ngày cứ như mây khói không tiếp nhận sự trôi nổi tầm thường. Về sau có người ở tại hai hang Tý-Ngọ trong Hổ Lâm hợp lại bên khe núi, đào đục khám thờ dựng am mời đến cư trú nơi đó. Ban đầu ở trong khám khi mặt Trời lên thấy có tảng đá lớn đang ở ngay trên đó, sợ rằng sẽ rơi xuống cho nên cần phải đào ra,

từng ngày núi cao sụt xuống, Phổ An tự nghĩ rằng: xin chuyển đi nơi khác đừng làm vỡ khám thờ ở hang này! Tảng đá liền y theo lời bật ra tránh đi nơi khác. Đại chúng đều cảm thấy quái lạ, Phổ An nói: Là uy lực của kinh Hoa Nghiêm ấy mà, chưa đủ để làm kỳ lạ. Lại ở tường đá phía đông khám thờ bên trái khe núi có kẻ gian ác, làm hại rất nhiều cho sông suối làng xóm, tung hoành không phải là ít, ngấm ngầm đố kỵ với đức của Phổ An nên luôn luôn sợ hãi tìm cách để giết hại. Cùng với ba người bạn mang cung cầm đao xắn tay áo lôi kéo bắt ép, sắp muốn bắn tên, mũi tên không rời dây cung mà tay giương cung không ngừng được mắt giận dữ lưỡi cứng đơ đứng yên không nhúc nhích suốt đêm, tiếng vang thông nhau làm rung động một vùng, xa gần đều kéo đến chứng kiến. Mọi người trong thôn xóm cúi đầu lạy chân thành hướng về thỉnh cầu cứu giúp. Phổ An nói: Xưa nay hoàn toàn không biết gì, há không phải là uy lực của Kinh Hoa Nghiêm hay sao? Nếu muốn trừ khỏi chỉ cần bảo cho họ sám hối, như lời dạy dỗ mới được giải thoát. Lại có người tên Trương Huy ở thôn Ngụy phía Tây khám thờ, vốn có dấy lên ý niệm xấu ác lấy sự trộm cắp làm nghề nghiệp, đêm lén đến chổ Phổ An lấy cắp dầu cúng Phật, và đựng được năm đấu vác trên lưng mà đi ra, đã đến cổng am thì đầu óc mơ màng lạc mất đường đi, dường như có gì trói buộc không thể nào cử động được, quyến thuộc và mọi người trong thôn cùng đến để tạ lổi. Phổ An nói: Tôi không hay biết, bởi uy lực của kinh Hoa Nghiêm ấy mà. Nói rằng khiến hãy sám hối, đỡ lấy vò dầu; như lời liền được thoát khỏi. Lại có người tên Trương Khanh ở phía Nam khám thờ, đến lấy trộm tiền của Phổ An giấu trong tay áo mang đi, đã đến trong nhà trút mà không ra, miệng cứng đơ không nói được. Trương Khanh tìm đến quy y sám hối nhận chịu lổi lầm mà đi về. Lại có người tên Trình Huy Hòa ở thôn Trình Quách, rất có niềm tin, thường đến chổ Phổ An nghe và tiếp nhận giáo pháp quan trọng, bởi vì gặp tai họa nên thân đã chết, trải qua hai đêm quấn thi thể đặt vào đất, chờ đến lúc sắp liệm vào quan tài, lúc ấy Phổ An trước đó đã đến huyện Hộ đang trên đường trở về, đi đến chùa Đức Hạnh ở phía Tây nam, cách thôn Huy năm dặm về phía đông, từ xa gọi Trình Huy Hòa vì sao không thấy đón tiếp vậy? Gọi mãi không thôi vẫn không thấy. Người dưới ruộng nói cho biết rằng: Hòa chết lâu rồi, không còn để đón tiếp đâu. Phổ An nói: Đây chính là lời nói đùa cợt tôi không tin đâu! Tìm đến thôn ấy nghiêm giọng gọi lớn, Hòa tức thì cựa mình, người thân bên cạnh mới cắt những dây vải quấn thi hài khiến cho đứt rời. Phổ An đi vào trong nhà, lại gọi lớn tên Hòa, Hòa lập tức đứng dậy nằm rạp xuống

dựa sát vào Phổ An. Phổ An khiến dẹp quan tài và đồ dùng tẩm liệm, lại lấy một cái giỏ tre để làm Đức Phật an tọa, bảo Hòa đi vòng quanh, tìm áo quần mặc như cũ. Sống thêm hai mươi năm, sau gặp bệnh nặng đến tìm cầu xin cứu giúp. Phổ An nói: Tha cho ông rong chơi khắp nơi chẳng phải ta biết. Lập tức mạng chung. Lúc ấy Phổ An báo tin cho Đạo-tục gần xa được biết. Mọi người gần đó cũng đều đến thỉnh cầu yết kiến, thiết lập pháp hội tu phước có nhiều sự cảm ứng chung. Vì thế ở thôn Bạch Phía Đông bắc hồ Côn Minh có bà cụ già, bệnh nằm liệt giường mất tiếng, đã hơn một trăm ngày, chỉ bằng trai gái suy nghĩ trông thấy hình dáng Phổ An, biết ý của mẹ muốn thỉnh Phổ An đến nhà, bệnh mẹ đã thấy không còn cảm giác để đón tiếp, nói rằng hỏi về sinh hoạt thường ngày bỗng nhiên giống như bình thường, bệnh khổ lập tức không còn. Lúc ấy thanh danh càng làm chấn động, làng xóm tụ tập đầy đủ muốn thiết lễ cúng dường rất lớn. Trong thôn Đại vạn có người trên Điền Di Sanh nhà chỉ có bốn bức tường trống mà có bốn cô con gái, vợ mặc áo vải rách đến đầu gối mà thôi, bốn cô con gái thân thể trần truồng xưa nay không có gì che thân. Cô con gái lớn tên gọi Hoa Nghiêm tuổi đã hai mươi, chỉ có hai thước vải thô muốn làm vật bố thí. Phổ An dẫn mọi người trong thôn lần lượt đến nhà đó, thương xót cho cảnh nghèo khổ ấy liền đi qua không vào. Cô con gái lớn suy nghĩ. Bởi vì mình nghèo hèn nên không đến được phước hội, nay lại không tu thì tương lai lấy gì cứu giúp? Tìm khắp nơi không có một vật nào nên ngước mặt khóc nức nở thảm thiết, liền trông thấy trên nóc nhà có một bó cây lúa mạch lẫn lộn với cây kê, lấy nhét vào lổ thủng, kéo lấy từng cọng và vui mừng được mười hạt lúa, xát để thành gạo, và mang vải trước đó muốn sử dụng tùy hỷ. Thân mình đã không có áo, đợi đến đêm tối nằm rạp xuống bò mà đi đến chổ trai hội cúng dường, lấy vật Bố thí trước đây từ xa ném vào trong chúng, còn lại mười hạt gạo đặt biệt dâng cho nhà bếp nấu cơm. Nhân đó phát nguyện rằng: Phận nữ nghèo hèn khốn cùng bởi vì xưa kia gieo nghiệp bủn xỉn mà nay phải chịu quả báo nghèo hèn khốn khổ như vậy, nay hết nghèo hèn thực hành bố thí để mong cho quả báo tương lai. Phát ra tâm nguyện này rồi đem mười hạt gạo vàng này bỏ vào trong nồi cơm, chắc chắn nếu như chí thành thì nghiệp nghèo hèn không còn, nên nguyện cho cơm đã nấu biến thành màu vàng, nếu như không có cảm ứng thì số mạng cũng làm gì được. Phát lời thề này rồi chùi nước mắt mà trở về. Ngay sau đó năm thạch cơm tẻ trong nồi cơm cùng trở thành màu vàng. Đại chúng kinh ngạc than thở không biết nguyên cớ vì sao, tìm hiểu tất cả mọi lý do tạo thành, mới nói: Chính là

bởi vì nguyện lực của cô con gái Điền Di Sanh. Toàn thể trai hội cùng mang theo được mười hộc thóc, tìm đến để giúp đỡ. Phổ An mua sắm pháp vẫn là độ cho Hoa Nghiêm, đưa vào chùa kinh thành. Từ đó về sau thanh danh lại chấn động khắp nơi. Sự giác ngộ rộng lớn khó nói hết, nơi an cư tuy kín đáo mà mỗi lần thực hành Từ bi cứu độ, thường năm hai xã cúng tế máu thịt thì nhiều, đi khắp nơi cứu chuộc khuyến khích tu pháp với tình thân ái, thôn ấp không sát sinh thì số đó không ít, đã từng có thôn xã ở bên cạnh khám thờ, trói ba con heo sắp giết thịt để nấu nướng Phổ An nghe thấy đến xin chuộc, người trong xã sợ rằng giết heo không được nên Tăng giá đòi tiền đến 10 ngàn. Phổ An nói: bần đạo thấy có ba ngàn đã hơn giá gốc gấp mười lần thì có thể thỏa thuận với nhau. Tất cả mọi người không tán thành lại đùng đùng tranh cãi, bỗng nhiên có đứa trẻ từ trong bụng tấm da dê đi đến hội xã, giúp Phổ An chuộc heo. Đã trông thấy tranh luận nên nhân đó đi theo xin rượu, vừa uống vừa múa xoay tròn sáng rực, toàn xã từ già đến trẻ mắt đều mơ màng, chốc lát tự ẩn đi không biết ở nơi nào. Phổ An liền đưa dao tự cắt thịt đùi mình nói: đôi bên cùng là thịt mà thôi, heo ăn cặn bã dơ bẩn mà các người hãy còn ăn thịt nó, huống hồ con người ăn thóc gạo theo lý là rất quý. Người trong xã nghe thấy thì tr một lúc cùng nhau thả hết. Heo đã được thoát nạn, đi quanh Phổ An ba vòng rồi dùng mũi tiếp xúc, dường như tỏ lòng ái kính, bởi vì khiến cho sự có tác dụng. Từ Nam đến Tây trong Phạm vi năm mươi dặm gà heo không có con cháu. Thậm chí đến nay, cảm ứng phát sinh từ thiện đều tương tự như vậy, tánh tình quả thật tin tưởng chân thành thích đọc tụng Hoa Nghiêm, một bát ba y liên tục ghi nhớ càng khích lệ nhiều hơn. Niên hiệu khai Hoàng năm thứ tám nhiều lần sắc chỉ vào kinh làm thầy cho những người được xác định sẽ thừa kế ngôi vua, công chúa lớn xây dựng thiền xá Tịnh Pháp, lại mời ở trong chùa, danh tiếng tuy là nhà cửa vua chúa mà thường dừng lại nơi chốn núi rừng hoang dã. Vào ngày mồng năm tháng mười một niên hiệu Đại Nghiệp năm thứ năm, tạ thế tại Thiền viện Tịnh Pháp, hưởng thọ tám mươi tuổi.

12: Sa môn Thích Pháp An ở đạo tràng Bảo Dương-Đông Đô đời nhà Tùy, họ Bành-người vùng Thuần Cô-An Định, Xuất gia lúc trẻ ở Tinh xá Cửu Lủng núi Thái Bạch, ngưỡng mộ Thiền làm sự nghiệp, ăn cơm rau mặc áo rách suốt cả cuộc đời. Đến giữa thời khai Hoàng đi về Giang đô làm cho nối thông với Tấn Vương. Môn khách vì hình dáng mộc mạc thấp bé xấu xí ấy mà nói cười không suy nghĩ, và không thể hiểu được. Ngày nọ người đứng đầu sai bảo không đi, thử xem có hiểu

hay không. Nhà vua nghe gọi vào gặp nhau như trước đây. Lại trú vào tuệ nhật. Nhà vua mà bước đi nhất định phải cho đi theo cùng xa giá đến Thái Sơn, lúc ấy gặp phải cơn khát, quay đầu nhìn bốn phía chỉ có núi cao không biết lấy nước từ đâu, pháp An lấy dao cắt đá khiến nước bắn tung toé, lấy đưa cho nhà vua, thì than thở quá sức. Hỏi rằng uy lực nào khiến cho như vậy? Đáp rằng uy lực của nhà vua khiến cho như thế. Vậy thì theo vua đi vào sa mạc. Đến giữa biển bùn sẽ gặp phải sự biến đổi quái lạ, tất cả đều phòng ngừa từ trước, có thể không tổn hại gì. Sau hướng đến chùa Thần Thông ở Thái sơn, Tăng đến mời đàn việt, Pháp An hiểu được điều ấy, nhà vua mới tự tay viết vào vách chùa để bảo vệ làm cho lớn mạnh. Ban đầu cùng với nhà vua đi vào hang núi, Pháp An trông thấy một vị Tăng mặc áo rách cưỡi con lừa trắng mà đến. Nhà vua hỏi là người nào? Pháp An nói: Đó là Lãng Công, chính là người sáng lập chùa Thần Thông cho nên đến nghênh tiếp dẫn đường. Và khi đến trong chùa lại thấy một vị thần, hình dáng rất to lớn ở phía trên giảng đường tay dựa vào mỏ dìu hâu nhìn xuống mọi người. Nhà vua lại hỏi. Đáp rằng: Đây là Thái Bạch Sơn thần, là người đi theo nhà vua. Các điều kỳ lạ từ đó về sau không thể nào ghi lại tất cả được. Đến đầu niên hiệu Đại Nghiệp, nhà vua càng tôn trọng hơn, uy lực thâu nhiếp hàng vương công trông thấy đều quỳ gối chào đón, luôn luôn có ba thị vệ hầu hạ giống như vị thần. Lại đi đến núi lớn có tiếng mời các vị ẩn dật như Quách Trí Biện-Thích Chí Công-Đăng Công. Bôi Độ trong một lúc tụ tập toàn bộ. Đạo tràng Tuệ Nhật có hơn hai ngàn người đều là những bậc đạo cao đức trọng và tài nghệ hơn người, bốn sự cung cấp để cho Pháp An làm người đứng đầu. Lại ở Đông Đô tiến hành xây dựng đạo tràng bảo dương, chỉ riêng một mình Pháp An ở giữa chúng dựng nên sự nghiệp. Đến mùa Xuân năm thứ mười một khắp nơi xảy ra nhiều tai họa, không tật bệnh gì mà tạ thế, hưởng thọ tám mươi chín tuổi, lúc đầu sắp tạ thế, nói trước với nhà vua rằng: sau khi Pháp An qua đời một trăm ngày thì lửa phát ra ở trong cung, cần phải đề phòng cẩn thận! Chờ đến tiết Hàn thực trong chảo dầu sôi bốc cháy, giữa đêm cửa đóng, mọi người trong cung viện chết cháy trong một lúc. Nhà vua thì không thấy làm quái lạ, nói rằng quan tài của trẫm được Thái bạch bưng đưa cho các quan. Đúng là đức bí mật của Pháp An, giống như những người bạn ở trong ngoài, ngủ không cho gối mà cổ không cong gập, cổ kéo dài trước giường mà miệng phát ra mùi thơm. Mỗi khi có điều gì khác lạ, đem trình lên để bày tỏ, tất cả đều có những dấu hiệu linh nghiệm.

13- Sa-môn Thích Tuệ Phẩm chùa Đại Quy Thiện vùng Tưởng

Châu đời nhà Tùy, họ Dương, người vùng Khúc A-Tấn Lăng. Linh thông u hiển thế gian không ai biết được, mà ngẩng đầu tôn kính hình tượng và hầu hạ giống như đức Phật thật sự. Mỗi khi trông thấy hình tượng thì không dám ngồi, khuyên người tạo tượng Phật chỉ làm bức tượng ngồi. Đi giữa đường gặp tai ách không đợi kêu cứu mà lập tức giúp đỡ. Sau đến Lĩnh Nam hướng tâm về với Chân Đế, chuyên giải thích về pháp thiền có sự tỏ ngộ rất sâu sắc. Cuối cùng trú tại thế Hà an chí vắng lặng rỗng rang, đi về tự tại không bị câu thúc bởi núi non hiểm trở. Lúc đến ở núi Tư Pháp sư vùng Dương Đô tư vốn có biết đạo hạnh kỳ lạ nên lễ lạy đón tiếp, mời về chùa mình thỉnh cầu cho thấy thần lực. Tuệ Phẫm nói: Cho phép thì nào khó gì! Liền từ trong cửa sổ thò ra cách tay, dài mấy mươi trượng, gỡ bức hoành phi trên điện Phật chùa tề Hy đem về trong phòng. Nói với Tư rằng: Người thế gian không có sự hiểu biết cao xa nên trông thấy vô cùng kinh hãi lạ lùng, vì vậy tôi không làm cho họ thấy mà thôi. Vào niên hiệu Đại Nghiệp năm thứ nhất, tạ thế ở chùa Đại Quy Thiện vùng Tưởng Châu, hưởng thọ tám mươi hai tuổi. Đầu ngày Tuệ Phẩm tạ thế, lấy ba y gói lại từ xa ném vào trong nhà, tự nói rằng: Ba y trả lại chúng Tăng, tôi nay chết rồi, đồ chúng ở lại vui vẻ! Liền trở vào trong phòng, đại chúng kinh hãi đứng dậy đuổi theo, mới trông thấy trong phòng một bộ xương trắng ngồi xếp bằng trên giường, đi đến mà rung chuông nhưng không rời ra.

14- Sa-môn Thích Chuyển Minh chùa Hóa Độ-Tây Kinh đời đời Đường, họ Lộc Thị, người chưa rõ ở nơi nào. Hình dáng y phục bên ngoài là một vị Tăng, tướng mạo thể chất cao lớn, dung mạo cửa chỉ dửng dưng nét mặt không hề vui buồn. Vào niên hiệu Đại Nghiệp năm thứ tám đời nhà Tùy, không có việc gì khác mà đến ở tại Lạc Ấp, nói rằng có giặc nổi lên nên đến kiểm tra. Họ hàng thân thuộc không ai đi theo, lúc ấy nhà vua nghi hoặc, nhưng chưa có thể quy tội, tạm thời sai người bắt giam. Ban đầu bất trắc xảy ra như vậy. Đến tháng sáu năm ấy quả nhiên gặp Hiêu cảm làm nghịch tiến đánh rất ác liệt bức bách khắp đông Đô, sát hại vô cùng tàn khốc mới thực sự truyền chỉ thả người. Nhưng mà Chuyển Minh tuy bị giam giữ vẫn tính toán tình hình như thường, cùng với mọi người bàn luận chưa hề có ai sánh kịp. Gặp lúc nhà vua đến Giang Đô đi vào ban lệnh thả Sư. Lúc ấy trong ngục số tử tù có năm mươi người đã hạn định thời gian chém đầu, nhưng ngày mai Ta sẽ tha cho tội chết này. Tức thì hướng đến ngục giam đã nhờ làm bữa tiệc để lại, gặp mặt các tù nhân nói cho biết rằng: Ngày mai xa giá sẽ đi qua đây, các ông cùng một lúc la lớn rằng có giặc đến, nếu có

hỏi lý do thì nói Ta đã phó thác, sẽ tránh khỏi cái chết rồi. Chờ đến thời hạn thì giống như đã nói, truyền chỉ tha cho toàn bộ các tù nhân, nhưng bắt Chuyển Minh giam vào, thì cười vang mà chấp nhận, cũng không hề lo sợ. Lúc ấy khắp nơi trộm cướp nổi lên, dân chúng không thể sống được như lời Chuyển Minh nói rồi. Năm cuối niên hiệu Đại Nghiệp hãy còn bị giam giữ, Việt Vương lên ngôi vua mới được thả ra. Tuy đi về tự tại, mà luôn luôn ở trong cửa Càn Dương tạo điều kiện làm thành một nơi tách biệt. Sợ rằng Chuyển Minh sẽ lặng lẽ trốn đi nên bí mật sai ba thị vệ âm thầm phòng hộ. Đến triều đại đời Đường yên ổn đề nghị làm quân sư mưu tính cho quân đội quốc gia, thường luyện tập chuẩn bị phòng vệ chu đáo và tính toán lợi hại. Ngụy Trịnh và Thế Sung càng thêm tin tưởng để tuân hành, phòng thủ bảo vệ nghiêm ngặt, lại bao gồm tinh thần luôn luôn khoan dung. Đến niên hiệu Khai Minh năm thứ hai, tức là Đường Vũ Đức năm thứ ba, Chuyển Minh từ cung Lạc Dương an nhiên mà thoát ra, chu vi năm lớp vòng vây mà không hề thấy dấu tích. Biết tướng của Ngụy Đô thất bại cho nên từ phía Tây đi đến kinh sư. Thái Vũ Hoàng Đế vốn có nhận được thư từ và tin tức rất biết sự thần dị, đặt biệt lễ kính rất long trọng, sắc chỉ ở tại chùa Hóa Độ, kể ra những dấu tích chứng minh đầy đủ mọi điều trong lúc bị giam giữ, cùng với sự việc về sau tất cả đều phù hợp với nhau. Vào tháng tám năm đó, bỗng nhiên không thấy, y phục tiền của và đồ vật vẫn còn ở trong phòng, tìm kiếm dấu tích khắp nơi, đi quanh đất nước tìm hỏi hoàn toàn không thu được tin tức gì. Có những người đã từng hỏi han học tập, thường dùng một pháp bình đẳng dốc lòng mà vâng theo thực hành. Nhưng ghi lại các báo ứng khổ vui quá khứ vị lai của đạo-tục đều có linh nghiệm. Đi đến Tổng trì quay đầu lại nhìn Tăng Chúng nói rằng: Chùa này không lâu nữa sẽ có máu chảy, nên cùng nhau giữ gìn cẩn thận! Đúng lúc như lời sư đã nói, tất cả đều âm thầm dự kiến đến con cháu của Thế Sung. Tìm gặp thu nhận quy tụ lại nơi chốn đô hội, mới hối hận sai lầm trước đây bèn đuổi theo nhưng không thể đuổi kịp.

15: Sa-môn Thích Cổ Dật vùng An Châu đời đời Đường, không biết là người nơi nào. Niên hiệu Nhân thọ năm thứ nhất đời nhà Tùy, đi đến vùng An Lục, nói cười chơi đùa khi ẩn khi hiện, có những lời sấm rát trùng khớp, hình dáng y phục luôn thay đổi và thường xuyên đi lại khắp nơi. Hoặc là Tăng hoặc là tục phân thân khắp các huyện thị cho đến khi suy nghiệm biết được mới kính trọng đức hạnh của sư, hạnh của Sư, hành tích không đơn giản vì không biết mà hổ thẹn có Sa-môn Tuệ Hạo ở chùa Phương Đẳng học hành uyên bác, nhân đi đường gặp sư,

lấy tờ ngân phiếu năm mươi đồng đưa cho và nói: Pháp Sư từ đây có thể hiểu rõ mà thôi. Nguyên nhân bất trắc bắt đầu từ đó. Sau có xảy ra tranh cãi với Tuệ Hạo, bị dẫn đi đến công đường. Quan lớn vặn hỏi thì biện luận rõ ràng mà trả lời, giấy bạc đã hết giá trị, như phù tiết vốn thích hợp, đưa ra những dấu tích hợp lệ đều như vậy. Cuối cùng đến một nhà đã nói rằng: Nhờ ông có con gái muốn được kết thân với nhau. Nhà này mới nhận lời. Nhân đó đi đến chốn thị thành xướng lên cầu xin người khác thương xót và giúp đỡ rằng: Nhà đó cho phép tôi cưới vợ nhưng cần phải có lễ vật, tìm nhiều gạo tiền hẹn ngày thành hôn. Đi đến nhiều nơi nói to như vậy, cô gái nhà ấy xấu hổ liền bí mật giết hại, chôn thi thể dưới đống phân trải qua ba ngày. Đi khắp nơi trên phố chợ gặp người đều nói đến chuyện bị giết hại. Niên hiệu đại Nghiệp năm thứ năm, lúc thiên hạ thanh bình yên vui, Cổ dật cùng với bọn trẻ con đùa giỡn ven sông, hoặc đứng trên lan can cầu nắm tay chơi đùa rằng: Đè đầu con dê vặn đầu con dê. Mọi người đứng xem cười vui trước trò chơi ngộ nghĩnh ấy. Mãi đến lúc nhà họ Dương ở Giang Đô xảy ra họa hoạn rắc rối, tất cả đều phù hợp với lời đã nói trước kia, chẳng biết kết thúc thế nào?

16: Sa-môn Thích Pháp Thuận chùa Nghĩa Thiện-Ung Châu đời đời Đường, họ Đỗ Thị, người huyện Vạn Niên-Ung Châu, bẩm tính nhu hòa và rất tiết kiệm. Nhà ở phía Đông kinh thành có núi đất gọi là Mã Đầu. Sườn núi trống không bờ lại sâu có thể làm hang linh thiêng. Có Thiền Sư Tăng Trân ở chùa Nhân Thánh, vốn là Thầy thọ nghiệp của Pháp Thuận. Tăng Trân sáng lập cơ nghiệp khuyến khích người bình thường tu sửa, ngồi nghiêm trang chỉ dẫn nêu ra lễ nghi phép tắc ấy, bỗng nhiên cảm thấy có một con chó không biết từ đâu đến, chân trắng thân vàng tự nhiên hiền lành và mừng rối rít, đi thẳng vào trong hang dùng miệng ngậm đất chạy ra, chốc lát chạy đến và cứ lặp đi lặp lại mãi thế mà không mệt mỏi. Ăn thì giống như Tăng quá buổi trưa không ăn, đã có sự kỳ lạ này, lại ở bốn phía tiếng vang dội lại. chính vì nghe điều kỳ lạ trên, Tùy cao rất coi trọng, ngày ban cho ba thăng gạo, nhân đó cung cấp không giới hạn, cho đến khi khám thờ hoàn thành không việc gì mà chết. Nay nơi này gọi là chùa Nhân Thánh chính là vậy. Lúc Pháp Thuận chính mình nhìn thấy điều đó càng dốc lòng quy y, ra sức trợ giúp xây dựng khuyến khích dân chúng thiết hội. Dâng cúng giới hạn năm ngày, đến lúc tiến hành người đông gấp bội. Người dâng cúng sợ không đủ. Pháp Thuận nói: Đừng ngăn trở! Thông báo cho ngàn người cung cấp đủ hãy còn có dư thừa. Bình thường có Trương Hà Giang-Trương

hoằng Sướng, nhà nuôi trâu ngựa, tánh vốn xấu xa tệ hại, mọi người đều lo sợ, bán không có người lấy. Pháp Thuận nói từ thiện nếu như có nghe theo, tự nhiên về sau điều phục dễ dàng lại không hề chống cự, và hàng năm trong mùa hạ dẫn bầy ngựa ô vào núi nghỉ lại yên ổn, đất có nhiều sâu kiến không dám trồng rau. Pháp Thuận sợ rằng có tổn hại đã chỉ vào đất nêu rõ khiến côn trùng dời đi nơi khác, không lâu sau đến xem thì đúng là không còn côn trùng nữa. Nhưng Pháp thuận mắc căn bệnh sưng tấy làm mủ thối rữa chảy ra, có lúc thận trọng buộc lại, hoặc dùng lụa lau sạch tìm cách để trừ khỏi. Mủ còn lại phát ra mùi thơm, không khí khó ví dụ được, giặt sạch lụa mùi thơm hãy con không mất. Lại có người tên Điền Tát Đỏa ở huyện Tam Nguyên, từ nhỏ mắc bệnh điếc, lại có Trương Tô Đẳng, cũng mắc bệnh câm, Pháp Thuận nghe nói liền gọi đến cùng nhau trò chuyện, tức thì giống như người không có bệnh tật gì, vĩnh viễn được khỏi bệnh. Lại có vị Tăng ở huyện Vũ Công bị rồng độc làm cho trở nên kỳ quái, mọi người dẫn đến chữa trị, Pháp Thuận trang nghiêm chắp tay ngồi đối diện, rồng độc liền ngấm ngầm nhờ cậy vị Tăng mắc bệnh rằng: Thiền Sư đã đến, đạo nghĩa không cho phép ở lâu, rất phiền toái cho nhau, tìm mà lập tức thả ra, chỉ có chướng khí. Người bị dịch bệnh tà ma quấy nhiễu, hướng về Pháp Thuận đều được chữa lành. Không làm chú thuật, sức mạnh của phước đức như vậy, điều ấy không suy lường được, nghĩa là có âm đức đã cảm vì thế khiến cho cảm ứng linh nghiệm thì hãy cung kính, có thể nói những lời đã chỉ dạy phần nhiều dựa vào ngôn từ tạm thời để hiển bày thẳng vào lý đích thực, thật sự chân thành làm niềm tin vững chắc. Thấy có miếu đền thọ thần phần nhiều đã bị đốt cháy, tất cả đạo tục sang hèn có lòng quý trọng đều tìm đến, giúp đỡ hay phá hủy hai con đường làm thông suốt tấm lòng chẳng khác nhau, tựa như không biết đảo lộn làm thành lời nói nào khác. Nhân lúc đi đến thành phía Nam, sắp vượt qua dòng suối lớn. Dòng nước dâng lên không có người nào dám vượt qua, bên bờ dốc cao lại trơn trượt, cho dù leo lên cũng rơi xuống nước. Bỗng nhiên cắt ngang dòng chảy như đi trên đất liền, và Pháp Thuận bên bờ mà nước vẫn tràn đầy khắp nơi. Môn đồ chính mắt nhìn thấy không làm sao hiểu được điều ấy. Những điều cảm ứng sâu xa thông suốt mọi chuyện rất nhiều chứ không phải là một. Tiền của không tham tiếc dùng rộng rãi không riêng tư gì, chỉ mặc áo quần bình thường suốt cả đời không bao giờ đủ bộ. Triều đình và dân gian thấy nghe biết rõ ngọn nguồn, Hoàng đế mới vào trong cung sùng kính lễ lạy, toàn bộ cung nội quy ngưỡng thỉnh cầu thọ nhận giới pháp. Vào niên hiệu Trinh quán thứ

mười bốn hoàn toàn không có bệnh tật gì, nhiều lần nói cho môn đồ biết, từ nhỏ thực hành pháp như vậy khiến cho sau này kế thừa sử dụng. Nói xong ngồi kiết già như bình thường. Cuối cùng tạ thế ở chùa Nghĩa Thiện-Nam Giao, hưởng thọ tám mươi bốn tuổi. Lúc sắp mạng chung bỗng nhiên có đôi chim bay vào phòng kêu rất đau xót thảm thương. Vì vậy đã đưa đến Bắc Nguyên thuộc phạm vi Phàn xuyên, nơi đào hang đá trước kia. Đạo-tục khắp nơi cùng ngậm ngùi để tang, người ngựa kêu gào khóc lóc thảm thiết vang động một vùng. Thi hài không đổi khác trải qua tháng Trời vẫn tươi sáng, an tọa ba năm hình hài khô lại không rời rã, từ khi mạng chung cho đến bây giờ thường có mùi thơm kỳ lạ thấm vào thi thể, người đến viếng cùng ngửi thấy, môn đồ và bạn học sợ rằng sẽ có người ngoài xâm nhập, bèn đưa vào trong khám không còn lo sợ người ngoài trộm đi, bốn chúng đệ tử vào dịp tốt lành đến cúng dường càng đông hơn.

Tám chuyện trên đây trích từ Đường Cao Tăng Truyện.

17- Người huyện Trâu-Duyễn Châu đời đời Đường, họ Trương nhưng quên tên, đã từng nhậm chức Huyện Úy. Niên hiệu Trinh Quán thứ mười sáu muốn đến kinh thành để thi tuyển, con đường đi qua thái sơn nhân dịp mà đến miếu thờ để cầu phước. Phủ quân và phu nhân trong miếu thờ, cùng những người con đều hiện rõ hình dáng. Lúc Trương lễ bái khắp nơi xong đi đến người con thứ tư, đến gần thấy dung mạo người ấy đẹp đẽ thanh tú, cùng hàng có năm người, chỉ mình Trương cầu nguyện rằng: Chỉ cầu được cùng Tứ Lang chơi với nhau thi phú rượu trà cả đời chia cho tất cả đâu cần phải làm quan. Sau đó đi được mấy dặm bỗng nhiên có mấy chục kỵ mã vung roi mà đến. Người đi theo nói đó là Tứ Lang, Tứ Lang nói: Nhìn về thấy huynh rủ lòng ân cần chu đáo cho nên đến ra mắt nương nhờ. Vì vậy mà nói rằng: Muốn theo huynh thi tuyển, nhưng nay tuổi tôi không hợp để làm quan, lại sợ rằng con đường phía trước sắp xảy ra tai nạn, không cần thiết phải đi! Trương không nghe theo lời cứ một mực Từ biệt mà đi. Đi qua hơn trăm dặm. Trương và bạn cùng đi giữa đêm tối bị giặc cướp bóc, hành trang vật dụng đều bị mất hết, Trương liền cầu nguyện rằng: Tứ Lang lẽ nào không giúp nhau được ư? Một lúc sau Tứ Lang cưỡi xe đến, kinh ngạc và than thở rất lâu, lập tức sai quân lính đuổi theo bắt giặc cướp, làm cho mê hoặc ngã nhào trở lại như ban đầu. Tứ Lang sai quân lính đánh mấy chục gậy giặc cướp mặt tay chân bị đánh nhừ rồi mà lủi mất. Tứ Lang chỉ vào một cây to nói rằng: Ngày huynh trở về đây gọi nhau. Năm ấy quả nhiên Trương không được làm quan nên trở về, đến nơi đã

hẹn gọi lớn Tứ Lang, chốc lát liền đến. Thế là dẫn đường Trương đi và nói: Đi theo nhau đến nhà. Lập tức xuất hiện lầu tráng lệ lớp lớp khác lạ giữa hư không cảnh vật kỳ lạ vô cùng ngạc nhiên. Thị vệ nghiêm trang đứng sừng sững giống như nơi ở của hàng vua chúa. Trương đã vào bên trong không biết bằng cách nào Tứ Lang liền nói: Cần phải yết kiến Phủ Quân mới có thể ngồi được. Bèn dẫn Trương đi vào, qua hơn mười lớp cửa và đi một lúc mới đến, đến dưới nhà lớn bái kiến mà trông thấy Phủ Quân, vô cùng uy mãnh, lúc ấy trương sợ run không dám ngước mặt lên nhìn. Phán quan quân địch sự việc hình như dùng chu sa mà viết, chữ đều rất lớn. Phủ Quân truyền cho người hầu tuyên đọc rằng: Ông mới là người có thể giao du cùng với con trai ta, rất là tốt đẹp, nên ở lại một hai ngày cùng nhau chuyện trò ăn uống, sau đó tùy ý có thể trở về! Liền sai người dẫn đường đi đến một tòa nhà khác, bày đầy các món sơn hào hải vị không thiếu món gì, đàn sáo tấu nhạc ca múa thật rộn ràng. Liền cùng với Tứ lang chung phòng mà ngủ. Đã trôi qua một đêm, Trương đến sáng sớm vì vậy mà dạo chơi vui cười khắp nơi đình viện, đi lại thăm viếng mọi chổ, liền nhìn trộm vào một ngôi nhà đích thực trông thấy một phu nhân đang mang gông mà đứng ở trước các quan nhân. Trương về về trong phòng mà ý thật không vui. Tứ Lang cảm thấy kỳ lạ nên hỏi nguyên nhân ấy, Trương nói đầy đủ sự việc. Tứ Lang rất kinh ngạc nói rằng: Không biết chị dâu đến đây. Lập tức tự mình đi đến các nơi tư pháp để tìm hiểu, loại ấy quả là có mấy chục người. Thấy Tứ Lang đến tất cả đều chạy xuống bậc thềm hết sức sợ hãi, đưa tay gọi một quan tư pháp trước mắt, nói tất cả sự việc này. Quan tư pháp thưa rằng: không dám làm trái mệnh lệnh, nhưng cần phải trình bày để quan Lục sự biết. Tức thì gọi quan Lục sự. Quan Lục sự hứa rằng: Vẫn cần phải xem xét lại bản án này. Ở trong các bản án tìm cách cùng nhau phán quyết mới có thể thích hợp mà thôi. Quan Tư Pháp mới quyết định rằng: Người phụ nữ này xem xét lại có khác biệt trong bản án, đã từng có công đức chép kinh trì trai giữ giới không nên phán tội chết, lập tức tha cho trở về. Trương và Tứ Lang rơi nước mắt mà chia tay. Tứ lang vẫn dặn dò Trướng rằng: Chỉ có làm công đức mới có thể Tăng thêm tuổi thọ. Trương cởi con ngựa vốn có, vợ Trương nhờ ngựa của Tứ Lang cho mượn, hai vợ chồng cùng nhau trở về. Người vợ tuy là linh hồn trở về mà mọi việc giống như thường ngày, đi sắp đến nhà, cách nhà khoảng trăm bước thì thoất đã không thấy. Trương vô cùng kinh hãi chạy vào trong Nhà, thì thấy con gái gào khóc và biết là đã tẩm liệm. Trương lập tức gọi con gái nhanh chóng đến mở ra. Quan

tài mở ra trông thấy vợ bỗng nhiên đứng dậy, tươi cười nói rằng: Bởi vì nhớ con cái nên bỗng nhiên vô tình đi trước. Thế là đã chết trải qua sáu, bảy ngày mà sống lại. Người vùng Duyễn Châu nói đầu đuôi câu chuyện như vậy.

Câu chuyện trên đây trích từ Minh Báo Ký.

Trong Thuật Ký nói: “Hoàn Xung là Thứ sử Giang Châu, sai người đi khắp Lư sơn hy vọng nhìn thấy điều linh dị. Người đi đã lên trên chót núi cao vót, có một hồ nước quanh hồ mọc toàn cây dâu, có bầy chim Hộc trắng, giữa hồ có một chiếc thuyền con rách nát và một con lân Ngư màu đỏ. Người ấy khát nước vô cùng muốn đến nơi ấy uống nước, con Lân Ngư màu đỏ giương chiếc bờm hướm về, người ấy kinh hãi không dám uống nước”.

Trong kinh Thần Dị nói: “Ở phía bắc ngoại ô hoang vắng có hồ nước vuông ngàn dặm, bằng phẳng không có cao thấp, có con cá dài bảy, tám thước, hình dáng như loài cá lễ mà mắt màu đỏ, ban ngày ở trong hồ ban đêm hóa làm người. Đâm không vào, nấu không chết, dùng ô mai nấu mười bốn ngày thì chín, ăn thịt loài cá này thì có thể trừ khỏi bệnh tà”.

Trong Lâm hải Ký nói: “cách hai mươi lăm dặm về phía Đông bắc của quận, nhà Nhâm Tằng Dật có một cái giếng đá, tự nhiên có sẳn chứ không phải do sức con người tạo ra. Giếng sâu bốn trượng thường có nguồn nước tuôn chảy, nước lớn không tràn-hạn hán không khô, mùa hạ thơm mát tuyệt vời, mùa đông đến thì ngọt ngào ấm áp. Những bậc lớn tuổi tương truyền rằng: Xưa có người lấy gỗ, đến khe nước rửa vật dụng, trôi mất chén uống rượu, sau xuất hiện ở trong giếng”. trong Đại Kính Đồ nói: “Vật báu ấy ở trong gò đồi thành quách, cây cối làm thay đổi mà thành, nhìn cành cây khô gãy, là khoảng Thời gian ấy vậy. Nhìn cành cây khô gãy hướng về nơi nào thì vật báu ở phía đó. Hễ có vàng bạc châu báu thì thường biến thành loài rắn tích tụ. Gặp loại này thì cởi một chiếc giày, hoặc lấy giày để ném, nếu như thua thì lấy được. Hễ cất giấu vật báu mà quên không biết nơi nào, thì dùng chậu đồng lớn chứa nước đặt vào nơi nghi ngờ, đi theo trông thấy bóng người, thì vật ở dưới chổ ấy”.

Trong Địa Kính Đồ nói: “Nhìn ngói trên mái nhà không có sương bám thì dưới đó có cất giữ vật báu”. Án Tử Xuân Thu nói: “Ngọc bích của họ Hòa chỉ đơn giản là ở trong giếng mà thôi. Rất khéo về phép tắc tu dưỡng là vật báu còn lại của quốc gia”. Khổng Hương Tử nói: “Thiếu xót ở trong giếng”. Lại nói: “Người làm vua có gọt giũa là vật báu của

thiên hạ".

Trong Thuật Dị Ký nói: "Huyện Vu Đô-Nam Khang men theo Giang Tây đi ra, cách huyện ba dặm gọi là Mộng Khẩu, có hang đá hình dạng giống như ngôi nhà đá. Xưa truyền tụng là thường xuất hiện con gà thần, màu sắc giống như vàng ròng sáng rực từ trong hang này đi ra, giương cánh bay lượn vòng cất tiếng gáy vang dội, thấy người thì bay vào trong hang. Vì vậy gọi hang đá này là Kim Lê Thạch, xưa có người cuốc đất bên cạnh núi này, nhìn thấy chú gà xuất hiện dạo chơi, có một người cầm súng để bắn, chú gà thấy từ xa liền bay vào hang. Viên đạn rơi ngay trên hang, viên đạn xoáy sâu một lổ khoảng chừng sáu thước, đất đá sụt xuống che lấp hang, giống như có khe hở không thể chứa được người. Lại có người đi thuyền từ hạ lưu trở về huyện, chưa đến sườn núi này khoảng vài dặm, có một người toàn thân mặc áo vàng, gánh hai sọt dưa vàng cầu xin chở giùm. Người mặc áo vàng xin đồ ăn, chủ thuyền đưa cho đồ ăn. Ăn xong thì thuyền vừa đến bờ, chủ thuyền xin dưa, người này không cho, vẫn nhổ nước bọt chuyển dưa lên thẳng trên bờ, đi thẳng vào trong hang đá. Chủ thuyền ban đầu rất giận, thấy người ấy đi vào hang đá mới biết là thần dị, lấy đồ đựng thức ăn trước đây xem thử, trông thấy trong cái bát người ấy nhổ nước bọt thì tất cả đều là vàng ròng".

Ngô Lục nói: "Huyện Bắc Cảnh-Nhật Nam có con chuột lửa, lấy lông để đốt cháy khắp nơi mà thành tinh, gọi là Hỏa Cán Bố". Tấn Dương Xuân Thu nói: "Có vị quan tâu rằng vẫn như cũ điều hòa Bạch Tuệ. Nhưng Vũ Đế không cho phép".

Trong Sưu Thần Ký nói: "Vùng Côn Lôn có núi Diệm Hỏa. Trong núi có chim thú cỏ cây, tất cả đều sinh sống ở trong ngọn lửa, cho nên có Hỏa Cán Bố, chứ không phải núi này là lớp vỏ của cỏ cây, là lông của muông thú. Ngụy Văn Đế cho rằng tánh lửa khốc liệt không có trạng thái của sự nuôi dưỡng kín đáo, điển luận soạn ra khắc in ở ngoài cửa miếu. Lúc này Tây Vực sai người dâng tặng Hỏa Cán Bố ca sa, ngay sau đó cắt bỏ luận này".

Trong Địa Kính Đồ nói: "Trên núi có rau hẹ thì ở dưới đó có vàng".

Trong Bác Vật Chí nói: "Người có thai không được ăn củ gừng, làm cho thai nhi thừa ngón tay". Bảo Phác Tử nói: "Cây trong núi có thể nói năng ấy là chẳng phải lời nói của cây. Tinh hoa ấy gọi là Vân Dương. Trong núi vào ban đêm trông thấy ánh lửa ấy, đều là cây khô lâu đời đã tạo ra chố lấy làm kỳ quái. Trong núi giữa trưa xưng là người

Tiên ấy là cây lâu năm vậy".

Tôn Xước Tử nói: "Người vùng biển cùng với người vùng núi biện giải về đồ vật của khu vực mình. Người vùng biển nói: Biển rộng có loài cá, trán cao như đỉnh của Hoa Sơn, hít một hơi nổi sóng muôn trùng. Người vùng núi nói: Rừng vùng Đặng có loài cây, thân to ôm ba vạn vòng tay, vươn thẳng lên cao ngàn dặm, xòe bóng mát che phủ mấy nước. Có người nói: Vùng Đông Cực có người to lớn, chặt cây làm gậy thúc ngựa, ngắn quá không thể làm cây roi được, câu cá làm món ăn, không đủ để ăn no bụng". Huyền Trung Ký nói: "Cây sống trăm năm, mủ cây đó đỏ như máu; cây sống ngàn năm thì tinh lực biến thành con dê mùa xanh, cây sống vạn năm thì tinh lực biến thành con trâu".

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 29

Thiên thứ 21: CẢM THÔNG

Thiên này có hai phần: Thuật ý, Thánh tích.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Cung kính tìm hiểu Thích giáo, bắt đầu từ Hán Minh sau đó đến Hoàng Đường, nền chính lưu chuyển trải qua bao thời đại gần sáu trăm năm, thịnh suy kế tiếp đầy đủ tất cả phương pháp nhận thức, có hơn ngàn quốc gia đều quay về phong tục giáo hóa, không nơi nào không trèo lên núi cao tiến cử chức vụ hy vọng có ngày trở thành bậc Quân Vương, mà trước sau lưu truyền ghi lại sai lệch không giống như nhau, sự tích ít mê mờ gọi đó là nhiều nghi hoặc, tuy được hưởng lợi ích còn lại mà chỉ sâu kín không trọn vẹn di-Hạ khác ngôn ngữ mà văn nghĩa có thể đầy đủ, suy cứu Thánh tích khó mà tường tận hết được! Vì vậy mấy vị Tăng ở quốc độ này đều ấm ức trong lòng, đương thời có Pháp Sư Huyền Trang là Sa-môn Đại Đường, phẫn uất vì không thông suốt Đại Đạo, buồn cho Thích giáo bị ghìm xuống quá mức, cho nên vào tháng ba mùa xuân năm Trinh Quán thứ ba, một mình một ngựa đi về Tây tìm Thánh tích. Bắt đầu từ Kinh Thành từng bước đi đến sa mạc hoang vu, một mình lên cao vượt bao khổ ải hiểm nguy, bản thân mình trải qua nhiều nguy nan để đến nơi cao đẹp. Lúc ấy gặp vua nước cao xương là Vương Khúc Thị, cung cấp cho tiền bạc hàng hóa, truyền quân lính đưa đến Đột Quyết bảo vệ nơi nha môn họ Diệp. Lại được đưa đến Tuyết Sơn theo phía Bắc vào các nước Phồn-Hồ, quan sát đầy đủ mọi sự cảm hóa của Phật Giáo. Lại từ phía Đông Nam ra khỏi Đại Tuyết Sơn. Người xưa nói Thông Lãnh phủ đầy tuyết, tức là Tuyết Sơn. Huyền Trang chính mắt nhìn thấy. Qua khỏi Tuyết Sơn này thì đến Ấn Độ, đi trải qua mười năm, sau trở lại đi theo phía Nam dãy Thông Lãnh đến phía Bắc dãy Tuyết Sơn, trải qua tất cả các nước, phía Đông thuộc về Vu Điền-Lâu Lan...tất cả trải qua hơn một trăm năm mươi nước, trải qua

đầy đủ mọi điều gian khổ, lòng người không ai sánh được. Đến đầu mùa đông năm Trinh Quán thứ mười chín mới về đến Kinh sư.

Phụng chiếu dịch kinh, cùng sắc chỉ soạn ra một bộ Tây Vực Hành Truyện mười hai quyển, cho đến bây giờ năm Long Sóc thứ ba phiên dịch kinh luận, không hơn gì pháp sư Huyền Trang đi qua các nước hiểu biết nhiều, trải qua rất nhiều điều thực tế. Theo Huyền Trang Pháp Sư Truyện-Vương Huyền sách Truyện-và Tây Vực Đạo tục, dừng lại nơi quốc độ thì đương nhiên không có điều linh dị. Sắc lệnh cho các Văn Học Sĩ tổng tập biên soạn kỹ càng, làm thành sáu mươi quyển, tên gọi là Tây Quốc Chí, đồ họa có bốn mươi quyển hợp lại thành một trăm quyển. Từ nước Vu Điền đến nước Ba Tư, Đại Đường dù sao cũng phải thiết lập phủ Đô Đốc, tám mươi nơi là Châu, một trăm ba mươi ba nơi là Huyện, một trăm bốn mươi bảy nơi là Phủ để kiềm chế loạn lạc. Bốn Châu được thích hợp mà con người và sự vật sai khác, vả lại giản lược hay phối hợp các thiên không phải là trình bày nơi này. Nay ghi chép lại những điều ấy, thẳng thắn chọn lấy Thánh Tích Phật pháp trú trì, làm thành một quyển tách biệt. Còn lại những điều không ghi chép lại hết, có đầy đủ trong toàn tập. Mong đời sau xem xét chu đáo biết có mở rộng và tóm lược rồi!

Thứ hai: PHẦN THÁNH TÍCH

Trong Tây Vực Truyện nói: "Pháp sư Huyền Trang cất bước từ Trường An, đã dẫn đến Cao Xương nhận được sự đón tiếp nồng hậu. Từ Cao Xương cung cấp phương tiện, sai quân lính đưa đến biên giới phía Đông là nước Cù tát đán na, tức là Sử nhà Hán vốn gọi là nước Vu Điền. Quốc gia ấy tự gọi là nước Vu Độn, phía Đông hơn hai trăm dặm, có thành Tí Ma, trong thành có bức tượng đứng bằng gỗ chiên đàn cao hơn hai mươi trượng, rất nhiều ánh sáng linh thiêng lạ kỳ, người bệnh tuỳ theo đau ở nơi nào dùng vàng mỏng dán trên tượng, thì bệnh lập tức lành hẳn. Bức tượng đó vốn ở nước Kiều Thưởng Di, là Quốc vương Ô đà diễn na đã tạo ra. Lăng không đến thành Hạt lao lạc ca ở phía Bắc nước này, có La hán kỳ lạ từng đến lễ bái. Ban đầu nhà vua không tin, lấy đất cát rắc lên thì La hán mới nói với lòng cung kính tin tưởng rằng: Bảy ngày sau đất cát sẽ đầy khắp trong thành. Sau hai ngày quả là mưa vật báu đầy đường đi, đến đêm ngày thứ bảy quả nhiên mưa đất cát lấp đầy khắp nơi, đại khái là không để sót người nào. Trước đó nói cho biết, làm sẵn hầm dưới đất đi theo đường hầm mà ra ngoài. Lúc ấy nhà vua cách xa đô thành về phía Tây 1sáu mươi dặm, giữa đường gặp một

bãi cát lớn chỉ có toàn là chuột, hình hài lớn như con nhím, lông màu vàng trắng. Trước kia người Hung Nô đến xâm lược, nhà vua khẩn cầu chuột linh thiêng thế là đêm đến cắn phá người ngựa giáo mác cung tên làm cho hư hoại, tự nhiên rút lui. Phía Tây đô thành khoảng năm dặm ở trong chùa có tòa tháp, cao hơn một trăm trượng, xuất hiện nhiều ánh sáng, nhà vua cảm được xá lợi có mấy trăm hạt, La hán đưa tay phải nâng tòa tháp lên đặt vào trong hòm, mới hạ tòa tháp xuống mà không hề lay động. Phía Tây nam đô thành khoảng hơn mười dặm có núi Cù Thất Lăng Già, Trung Hoa nói là núi Ngưu Giác, có ngôi chùa có bức tượng hiện ra ánh sáng, đức Phật từng đi qua đây thuyết pháp cho người cõi Trời, đỉnh núi giống như ngôi nhà đá có một La hán, nhập diệt Tâm Định chờ đức Phật Di-lặc xuất thế, nước đó phía Nam tiếp giáp phía Đông của nước Nữ-Tây Lương.

Lại từ phía Tây kinh thành nước này vượt qua khe núi, đi hơn tám trăm dặm đến nước Chước-cú-ca, tức là nơi Niết-bàn. Phía Nam nước này có núi dựng lên nhiều tháp la hán, rừng tùng xanh tốt hang đá rất sạch, có ba vị La hán hiện đang nhập Diệt định, râu tóc luôn luôn dài, Tăng thường xuyên đến cạo giúp. Các vị Tăng trong năm vùng Ấn Độ có người chứng quả, phần nhiều chỉ có ở trong hang này. Lại đi theo phía Tây bắc nước này, đến Đại Sa Lãnh, vượt qua sông Tỉ Đa (xưa gọi là sông Tân Đầu), đi năm trăm dặm đến nước Khư Sa (xưa gọi là nước Sơ lặc), phong tục nước đó khi sanh con phải áp đầu để trong cái nong theo thứ tự. Từ đây đi về phía Nam năm trăm dặm đến nước Ô Sát, đô thành nằm về phía Tây hơn hai trăm dặm, đến Đại Sơn Lãnh, trên đó có tòa tháp vào mấy trăm năm trước vách núi tự nhiên sụt xuống, trong đó có Tỳ-kheo nhắm mắt mà ngồi, hình dáng rất to lớn, râu tóc rủ xuống che phủ mặt mày, Quốc vương lấy bơ đổ vào và đánh trống gõ chuông, Tỳ-kheo này tự hào nói: Thầy ta là Ca-diếp, đức Phật ấy còn chăng? Đáp rằng: Không có, nay mới nghe đã nhập Niết-bàn. Lại hỏi: Phật Thích Ca xuất thế chăng? Nói cho biết rằng: Đã diệt độ rồi. Lập tức vọt lên hư không hóa lửa đốt thân.

Lại đi theo phía Tây nam vượt qua Đại Thông Lãnh, hơn tám trăm dặm đến nước Kiệt bàn đà, phía Đông Nam nước ấy có hai hang động lớn, mỗi hang có một vị La hán nhập diệt Định, đã trải qua bảy trăm năm, râu tóc các vị quanh năm chẳng hề cạo bỏ. Lại vượt qua ba nước đi hơn bốn ngàn dặm đến nước Đạt ma thiết tất đế, đô thành nước này có bức tượng đá đặt trong chùa, phía trên treo lọng tàn bằng vàng đồng tròn vạch, trang hoàng bằng các thứ báu. Mọi người có đi vòng quanh thì

lọng tàn cũng xoay chuyển theo, người dừng lại thì lọng tàn cũng dừng lại, bốn phía là tường đá, không làm sao suy lường được điều ấy. Có nói thì cũng nói là Thánh lực khiến cho như vậy. Từ Cao xương cho đến Thiết Môn, tất cả trải qua 16 nước, nhân vật hơn kém tín phụng chân thành hay sơ nhạt có đầy đủ trong các đồ Truyện Thiết Môn ấy chính là cửa ải của Thiết Môn làm bình phong phía Tây của nhà Hán, trông thấy cánh cửa Hán Môn một cái dựng thẳng một cái nằm dài, ngoài sắt trong gỗ lại treo nhiều cái chuông, chắc chắn là đóng cửa ải này thực sự chỉ có chổ ở của Thần Phật. Từ phía Nam ra khỏi cửa này hơn một ngàn dặm, phía Đông dựa vào Thông Lãnh, phía Tây tiếp giáp với nước Ba Tư, phía Nam là Đại Tuyết Sơn, phía Bắc dựa vào Thiết Môn, sông lớn Phược Sô ở giữa khu vực chảy về phía Tây, tức là trong kinh vốn gọi là sông Bác Xoa. Khu vực đó tự phân làm hai mươi nước, không có thể nêu ra tất cả tên gọi, mỗ nước đều có an cư, bở vì mùa Xuân ở đó phân theo thời tiết ấm nóng cho nên nhiều mưa. Lại theo phía Bắc đi xuống bắt đầu từ nước Đán Mật, trải qua mười ba nước đến nước Phược Hát, đất đai phì nhiêu phồn thịnh, đương thời thường gọi là Tiểu Vương Xá Thành, nước này tiếp cận với Diệp Hộ Nam Nha. Ngoài đô thành của nhà vua về phía Tây nam có ngôi chùa, trong chùa có bồn để tắm Phật, có thể đưa lên cao, nhiều màu sắc rực rỡ, vàng đá khó miêu tả được. Lại có chiếc răng của Phật, dài hơn tấc rộng tám, chín phân, màu sắc vàng trắng mà sáng bóng; còn có cái chổi quét của Phật, làm bằng cỏ Ca Xa, dài hơn hai thước, tròn có thể bảy tấc, các vật báu trang hoàng nơi cán chổi rực rỡ. Ba vật này vào ngày trai toàn thể pháp-tục đều cảm thấy phát ra sánh sáng rộng lớn. Phía Tây bắc đô thành hơn năm mươi dặm có thành Đề Vị, phía Chánh Bắc đô thành hơn bốn mươi dặm có thành Ba Lợi, mỗi thành đều có tòa tháp, cao hơn ba trượng, tất cả đều biểu hiện dấu tích linh thiêng, tức là lúc Phật Thích Ca mới thành đạo, Trưởng giả Nguyên Hiến Mật Siêu-Tăng giác kì), còn có bình bát che phủ-tích trượng dựng thẳng, theo thứ tự xây dựng tháp thờ.tiếp tục vượt qua hai nước ở phía Đông Nam đi vào Đại Tuyết Sơn, đến nước Phạm Diễn Na vượt qua đại Tuyết sơn về phía Đông, có ngôi chùa có răng của Phật và răng của Độc Giác kiếp, dài năm tấc rộng bốn tấc. Lại có răng của Kim Luân Vương, dài ba tấc rộng hai tấc. Lại có bình bát bằng thiết của Đại A-la-hán thương Nặc Ca Phược Bà (xưa nói Thương Na Hòa-tu-là sư truyền pháp thứ ba), chứa được chín thăng, và y chín điều Tăng già chi màu đỏ thẫm, đã dệt thành từ vầng cỏ Thiết Nặc. Bởi vì đời trước ở trong ngày giải Hạ đem cỏ này bố thí cho Tăng, nhờ phước

này mới được khoác y suốt năm trăm đời nay, ở thân Trung Ấm sanh ra luôn luôn mặc y này, từ trong thai sinh ra theo thân mà lớn lên. A nan đang lúc xuất gia thay đổi làm thành pháp phục, thọ cụ túc giới về sau lại thay đổi làm thành chín điều. Răng-bình bát... ấy đều dùng vàng để bọc kín. La hán từ khi chứng Diệt định đi vào khu vực của trí, nhờ vào nguyện lực cho nên giữ lại ca sa đợi đến lúc giáo pháp để lại không còn thì mới biến hoại. Nay đã có phần nào tổn hại, tin là có hiện tương rồi. Lại từ phía đông đi vào Tuyết Sơn, vượt qua Hắc Lãnh đến nước Ca Ti Thí, lòng tin theo Phật giáo càng hơn hẳn. Hằng năm nhà vua làm bức tượng bằng bạc cao trượng tám, tự mình tu pháp cúng dường. Phía đông kinh thành cách ba dặm dưới núi phía Bắc có chùa lớn, điện Phật ở cửa phía Đông-phía Nam là bức tượng Đại Thần Vương, dưới chân phải có Đại Bảo Tạng; tiếp cận có vị vua nơi khác, đuổi Tăng đi muốn đào lấy mũ thần đó, nhưng bị chim chóc muông thú vẫy cánh kêu gào náo động vùng, vua quan binh lính đều ngã nhào, đứng dậy tạ lổi mà trở về. Chùa trên Bắc Lãnh, có mấy hang đá, cũng chứa nhiều vật báu, người muốn lấy trộm, liền có Dược Xoa xuất hiện (Xưa nói là Dạ Xoa), biến thành Sư tử-rắn rít đến nổi giận đùng đùng, cách hang ba dặm về phía Tây, trên Đại Lãnh có bức tượng Quán Tự Tại, người chân thành cầu nguyện thì bức tượng cũng hiện thân vi diệu làm cho mọi người an lành. Chùa Hạt La Hổ La cách kinh thành về phía Đông Nam hơn bốn mươi dặm, do Đại thần tạo ra, lấy tên mình mà gọi tên chùa, có tòa tháp cao hơn một trăm thước, trước kia Đại thần trong đêm mộng thấy khiến cho xây tòa tháp, thỉnh xá lợi từ nhà vua cũng từ sáng sớm đến cung thành, có người mang bình xá lợi, Đại thần giữ xá lợi khiến người đi vào trước, mới mang bình lên tháp thì bình bát lại tự nhiên mở ra, đặt xa lợi vào rồi sứ thần nhà vua đuổi theo, đá đã khép lại. Ngày trai phát ra ánh sáng có dầu đen chảy ra, đêm nghe có tiếng âm nhạc văng vẳng. Cách kinh thành hơn hai trăm dặm về phía Tây bắc trên đỉnh Đại Tuyết Sơn có Long trì (hồ rồng), Phía dưới núi là chùa Long Lập, trong tháp có xương thịt xá lợi của Phật còn lại, có lúc bốc khói hoặc là ngọn lửa rừng rực, lúc dần dần tắt đi mới thấy xá lợi, hình dạng giống như ngọc trắng, vòng quanh như cây cột vào trong mây, trở lại vào trong tháp; Phía Tây bắc Kinh thành có con sông lớn, trong chùa Cổ Vương ở bờ Nam có chiếc răng của Phật lúc tuổi đã già, dài hơn một tấc. Lại từ nơi này theo hướng đông Nam đến chùa Cổ Vương, có một mảnh xương đầu của Phật, rộng hơn hai tấc, màu vàng trắng có lổ chân tóc rõ ràng. Đến đầu mùa xuân niên hiệu Long Sóc năm thứ nhất nhà Đại Đường,

người đi sứ là vương Huyền sách từ nước Tây Vực mang đến, nay hiện còn trong cung để cúng dường. Lại ở chùa này có tóc của Phật, màu xanh hình xoắn ốc quấn vòng về bên phải, giương ra hơn trăm trượng, cuốn lại có thể hơn tấc. Lại ở phía Tây nam chùa Cố Vương Phi có tòa tháp vàng đồng, cao hơn trăm thước, có xá lợi còn lại. Mỗi khi đến đêm ngày mười lăm ánh sáng xoay vòng đến sáng sớm vào lại trong tháp. Phía Tây nam kinh thành, đường Bắc la bà, trên đỉnh núi Bàn Thạch có tòa tháp, cao hơn một trăm thước, có xá lợi còn lại. Suối trên đỉnh núi phía Bắc của núi là nơi đức Phật thọ nhận bữa cơm sơn Thần cúng dường, dùng xong súc miệng xỉa răng, nhân đó đời nay trở thành khu rừng xanh tốt, chùa gọi là Dương Chi. Lại từ Long Trì đi về phía Đông hơn sáu trăm dặm, vượt qua Tuyết sơn đến Hắc Lãnh, trước khi đến giới hạn Bắc Ấn Độ, đều là các nước Hồ Phạm, quần áo trang phục oai nghi cử chỉ không thể dẫn với Đại Hạ, gọi là các nước vùng biên giới, tức là Miệt Lệ Xa (Thời Đường nói là chủng tộc hèn kém mọi rợ). Đến đây mới được giữa đường.

Tiếp tục đi về phía Đông đến nước Lạm Ba, tức là biên giới phía Bắc của Ấn Độ. Nói là Ấn Độ, tức là tên gọi chính thức của Thiên Trúc, cũng gọi là Thân Độc Hiền Đậu. Ở đây đều sai tên gọi. Phía Bắc dựa lưng vào Tuyết Sơn, ba phía còn lại giáp với biển lớn, đại hình phía Nam hẹp giống như trăng Thượng Huyền, thung lũng bằng phẳng trải rộng ra, chu vi một vạn chín ngàn dặm, có trên bảy mươi nước nhỏ, nghe theo mệnh lệnh của một vị vua. Lại đi về phía đông hơn một trăm dặm vượt qua núi cao sông rộng, đến nước Na già la hạt, thuộc về Bắc Ấn Độ, gọi là thành Hoa Thị. Phía Đông khoảng hai dặm có tòa tháp bằng đá cao ba trăm thước, phần đá đứng sừng sững chạm trổ vô cùng tinh xảo. Đây chính là nơi thời xưa gặp Phật Nhiên Đăng và được thọ ký, trải áo da hươu xõa tóc che bùn, trải qua đời kiếp vẫn còn tồn tại. Tòa Tháp đá này do vua vô Ưu xây dựng ở đây, mỗi khi đến ngày trai thì Trời rưới mưa hoa cúng dường. Còn tháp lớn trong kinh thành vốn là nền cũ, xưa có răng của Phật; có tháp khác cao hơn ba trượng, nói là từ hư không mà xuất hiện, đã không phải sức người thì quả thật là linh thiêng kỳ diệu. Hơn mười dặm về phía Tây nam kinh thành có tòa tháp, là nơi đức Phật từ trung Ấn Độ vút lên Trời cao đến giáng tích. Tiếp đến phía Đông có tòa tháp, là nơi xưa kia gặp Phật Nhiên Đăng mua hoa. Còn về phía Đông Kinh thành hơn hai mươi dặm có mỏm núi đá nhỏ, trên có tòa tháp cao hơn hai trăm thước, tường đá bờ phía Đông có hang động lớn là nơi ở của Long vương. Thuở xưa đức Phật ở tại nơi này hóa độ

loài Rồng còn để lại hình ảnh, sáng rõ giống như hình dáng chân thực, người thỉnh cầu chí thành mới tạm thời hiện bày rõ ra. Ngoài hang còn tấm đá có dấu chân của đức Phật luân tướng phát ra ánh sáng, tháp ở góc Tây bắc của hang là nơi đức Phật kinh hành. Còn bên cạnh có tháp thờ tóc và móng tay. Trên tảng đá phía Tây của hang có hoa văn của sự giặt giũ ca sa. Tiếp tục về phía đông kinh thành hơn ba mươi dặm, có thành Hê La, trong thành có lớp lớp lầu gác, trên cao an trí xương đỉnh đầu của Phật, chi vi một thước hai tấc, màu sắc vàng trắng lổ chân tóc rõ ràng, muốn biết thiện ác thì dùng hương nhão in vào, và xem hương nhão tùy theo tâm mà hiện rõ ra. Còn có xương sọ của Phật, hình dạng giống như cánh sen, màu sắc như xương đỉnh đầu. Có mắt của Phật, lớn như quả táo, soi tỏ thuần khiết vô cùng, hoàn toàn dùng bình bảy báu để an trí. Ba dấu tích trước lại dùng hộp báu để an trí mà niêm phong kỹ càng. Có Đại y bằng vải bông mịn màu vàng của Phật,an trí trong hộp báu, có tướng trạng hư hoại rất nhỏ. Có tích trượng của Phật, sắt trắng làm vòng-chiên đàn làm thân của tích trượng, cất giữ trong hộp đồng quý báu. Năm Thánh tích này, nhà vua lệnh cho năm người tịnh hạnh giữ gìn bảo vệ cẩn thận. Có người muốn chiêm ngưỡng thì phải nộp một đồng tiền vàng, xin in hương biết thiện ác cần phải nộp năm đồng tiền vàng, quý báu mới nhìn lại được thì lễ vật càng nhiều hơn. Phía Tây bắc của lầu gác có tháp nhỏ mà quả thật là linh nghiệm lạ kỳ, người đưa tay chạm vào nền thì chuông trong tháp rung động dữ dội. Phía Đông Nam hang đá đi khoảng năm trăm dặm đến nước Kiện Đà La, thuộc về Bắc Ấn Độ, có Đại Luận Sư, như Hiếp Tôn giả là người tạo ra bộ luận Tỳ bà sa. Lại có nơi Bồ-tát xả bỏ ngàn mắt. Lại có nơi đức Phật hóa độ Quỷ tử mẫu. Lại có nơi thương Mạc Ca (Xưa gọi là Thiểm Tử) bị nhà vua bắn. Lại có núi Đàn đa lạc ca (xưa gọi là núi Đàn Đặc), trên đỉnh núi là nơi ẩn cư của Tô đạt nã lâu, là nơi Bà-la-môn đánh đập nam nữ, máu chảy tràn đất. Bây giờ cỏ cây đều là màu đỏ thẫm như nhau, hang đá trên đỉnh núi là nơi cung phi luyện tập tu định, lại có nơi Độc Giác Đại tiên bị người nữ làm hổn loạn.

Từ phía Bắc thành này vượt núi đi hơn sáu trăm dặm đến nước Ô Trược Na. đây là nước chính giữa của Bắc Ấn Độ (xưa gọi là Ô Trường). Cách kinh thành năm dặm về phía Đông có tòa tháp lớn, có nhiều điềm lành, là nơi xưa kia đức Phật làm vị Tiên tu pháp nhẫn nhục bị nhà vua Kiệt Lợi (đây gọi là Đấu Tranh) chặt cụt tay chân. Lại có ngôi chùa còn tướng trạng dấu chân đức Phật trên tảng đá phát ra ánh sáng soi chiếu, là nơi thuyết kinh. Lại có nơi xưa kia đức vua Thi tỳ ca cắt thịt

thân mình thay cho chim bồ câu. Lại có nơi xưa kia đức Phật làm vị vua Từ Lục chính máu cho năm Dược Xoa uống. Lại trong ngôi chùa lớn có bức tượng Bồ-tát Mai thư lệ da (xưa gọi là Di-lặc) khắc chạm bằng gỗ, sắc vàng sáng ngời rực rỡ, cao hơn một trăm thước, là A-la-hán mạt Điền để ca đã làm ra (xưa gọi là La hán Mạt điền địa), La hán dùng sức thần thông dẫn thợ lên trên cugn Trời Đổ sử đa, nhiều lần trở lại xem kỹ hình tướng mới làm thành bức tượng tuyệt hảo này. Có nhiều tướng linh nghiệm không thể nào kể hết được.

Lại cách trở một nước vượt qua dòng sông đến nước Thư Xoa Thỉ La, thuộc về Bắc Ấn Độ. Cách kinh thành bảy mươi dặm về phía Tây bắc có tòa tháp ở giữa hai núi, cao hơn một trăm thước, là nơi xưa kia đức Phật thọ ký cho Từ Thị xuất hiện ở thế gian lưu hành bốn Đại Tạng, nơi này là một lần xuất hiện. Lại cách mười hai dặm về phía bắc kinh thành có tòa tháp Nguyệt Quang vương, vào ngày trai thường phát ra ánh sáng thần diệu, chư Tiên rải hoa-chư Thiên tấu nhạc, người có bệnh hủi đến gần, hướng về tháp lễ lạy sám hối, xoa hương trừ sạch cấu uế thì không bao lâu sẽ lành bệnh, thân trở lại trong sạch thơm ngát; tức là nơi xưa kia đức Phật làm vị vua Chiến đạt la bát thích bà (xưa nói là Nguyệt Quang) lấy đầu để bố Thí, tất cả trải qua một ngàn lần bố thí. Lại có hồ nghe kinh của Long vương Y la bát; nơi chọn mắt của Nguyệt Quang, A Dục Vương xây tháp lên cao mười trượng, lại có nơi vương Tử tát đỏa xả thân nuôi hổ đói nơi đã dùng cật tre tự chích máu đem cho thú ăn, đất và cả cây nay hãy còn màu đỏ thẫm. Lại có nơi đức Phật cảm hóa Dược xoa không ăn thịt.

Lại cách hai nước, về phía Đông Nam leo núi đi qua cầu sắt, hơn một ngàn dặm đến nước Ca thấp di la, thuộc Bắc Ấn Độ (Xưa gọi là Kế Tân), trong nước có bốn tòa tháp mỗi tòa tháp có một xá lợi để lại. bốn trăm năm sau khi Phật diệt độ có Hiếp Tôn giả, năm tám mươi tuổi mới xuất gia chứng được quả vô học, dẫn năm trăm La hán đến nơi này, tạo ra bộ luận Ô Ba Đệ Thước Thích Tố Thư Lãm Tạng (xưa gọi là Ưu bà đề xá luận), tiếp đến tạo ra Tỳ nại da Tỳ bà Sa Luận tiếp tục tạo ra A tỳ đạt ma luận. Ba bộ luận này mỗi bộ có mười vạn bài tụng, tổng cộng có sáu trăm vạn lời, giải thích đầy đủ về ba tạng. Lại có răng của đức Phật, dài một tấc rưỡi, màu vàng trắng, ngày trai thì phát ra ánh sáng. Lại có bước tượng Bồ-tát Quán tự tại đứng, có ai nguyện cầu trông thấy bỏ ăn thì nhìn thấy.

Lại cách ba nước, về phía Đông đi đến nước Na Bộc Để, thuộc Bắc Ấn Độ. Phía đông Nam đô thành hơn năm trăm dặm đến chùa Ám

lâm, chu vi hơn hai mươi dặm, tháp thờ xá lợi của Phật phân chia mấy trăm ngàn nơi, cùng với những hang đá. Có ngàn vị Phật Hiền Kiếp đứng nơi này thuyết pháp. ba trăm năm sau khi đức Thích Ca diệt độ, có Tôn giả Ca đa diễn na (xưa gọi là Ca-chiên-diên), ở nơi này tạo ra bộ Đại trí luận. Chùa tháp cao hơn hai mươi trượng, có bốn nơi là dấu tích đi lại và an tọa của đức Phật khi ngài trú thế.

Lại cách bốn nước đi về phía Đông đến nước Mạt thỏ la, thuộc trung Ấn Độ (xưa gọi là nước Ma thâu la). Trong đô thành nhà vua có ba tòa tháp, rất nhiều di tích của bốn đức Phật, và các tháp thờ Xá lợi tử-Một đặc già la tử (xưa gọi là Mục Liên)-mãn Từ tử (xưa gọi là Phú lâu na)-Ưu bà li (xưa gọi là Ưu bà Ly)-A nan đà-la Hổ la-mạn Thù thất lợi... Mỗi khi đến sáu ngày trai trong ba tháng trường, Tăng Ni quy tụ cúng dường các tháp, có chúng A Tỳ Đạt Ma cúng dường tháp thờ Xá lợi tử, có chúng Tập Định cúng dường tháp thờ Mục Liên, có chúng Tụng kinh cúng dường tháp thờ Mãn từ tử, có chúng Tỳ nại da cúng dường tháp thờ Ưu ba ly, có chúng ni Tăng cúng dường tháp thờ A nan, có chúng chưa thọ cụ túc giới cúng dường tháp thờ La hổ la, có đại chúng cúng dường tháp thờ các vị Bồ-tát (Tìm các tháp này không hẳn là thân thể để lại nhưng thuận theo tạo ra hình tượng thiết cúng tùy theo tâm, như các vị La hổ la- Văn-thù thất lợi, dựa theo kinh thì chưa diệt độ chắc chắn có thể biết). Cách đô thành sáu dặm về phía Đông có chùa Sơn Nhai, là Tôn giả Ô Ba Cúc Đa đã tạo nên, có tháp thờ móng tay của Phật phía Bắc chùa có hang đá, phía đông Nam hang đá khoảng hai mươi dặm có một hồ lớn khô cạn, bên hồ có tòa tháp, đức Phật từng đi lại nơi này, có con khỉ Ma các mang mật đến dâng lên đức Phật, lấy nước hòa vào để cho tất cả cùng uống, con khỉ Ma Các vui mừng quá rơi xuống hố sâu mà chết, liền sanh trong loài người. Trong khu rừng ở phía Bắc của hồ có hành xứ của bốn vị Phật, có rất nhiều di tích.

Lại cách xa một nước về phía Đông bắc khoảng hơn bốn trăm dặm đến nước Suất lộc lăc na, thuộc trung Ấn Độ. Khu vực phía đông đối diện là sông Căng già (xưa gọi là Hằng hà), phía bắt tiếp giáp núi lớn, sông Diêm mâu na ở phía đông Nam đô thành từ trong núi phía Tây bắc của nước này chảy ra, ở giữa khu vực mà chảy về biển. Phía Đông đô thành đối diện sông Diêm Mâu, chùa lớn ở phía Tây dòng sông có tháp nằm ngoài cửa phía Đông, đức Phật đã từng ở nơi này thuyết pháp hóa độ mọi người. Cạnh đó có tháp thờ tóc-móng tay của Phật. Phía đông của sông Diêm mâu hơn tám trăm dặm là đến nguồn của sông Căng già, rộng khoảng ba, bốn dặm. Phía Đông Nam chảy vào biển, rộng hơn

mười dặm, nước màu xanh thẫm-sóng có vị ngọt, cát mịn theo nước mà chảy, thế gian gọi là dòng nước phước thiện, có dịp tắm gội trong dòng nước ấy thì trừ sạch tội lổi, hoặc là có người xem thường tính mạng tự vận trong dòng sông cầu xin sanh lên cõi Trời hưởng sự vui sướng, lập tức có linh cảm.

Lại cách xa sáu nước, từ phía Đông Nam này đi đến nước kiếp Tỉ Tha, thuộc Trung Ấn Độ, trong nước ấy có mười ngôi đền thờ Trời, giống như thờ kính Đại Tự Tại Thiên, đều làm hình tượng người Trời, hình dạng là căn thân loài người nhưng hình thể rất cao lớn, người thế gian không lấy làm dữ tợn, nói là các chúng sinh từ căn thân loài Trời sanh ra. Hơn hai mươi dặm về phía Đông của đô thành nhà vua, trong bức tường lớn bên cạnh ngôi chùa lớn có Thiên Đế Thích vì đức Phật làm ra ba dãy bậc thềm quý báu, ở giữa đều kèm thêm vàng ròng, bên trái dùng thủy tinh, bên phải dùng bạc trắng, bày ra từ Nam đến Bắc, phía Đông xuống đến mặt đất, là nơi đức Phật từ Thệ Đa Lâm (xưa gọi là Kỳ Đà Lâm) bước lên cõi Trời đến Thiện Pháp Đường vì mẹ thuyết pháp ba tháng rồi đi xuống một trăm năm trước bậc thềm hãy còn tồn tại, nay hoàn toàn ẩn hết. Sau đó nhà vua phỏng theo, hãy còn cao hơn bảy mươi thước, phía trên xây dựng Tinh xá, đá nghiêng có cột chống, mịn bóng phản chiếu rõ ràng, tùy theo tội phước của mình có hình ảnh hiện rõ trong cột đá. A Dục Vương đã tạo ra, bên bậc thềm có tòa tháp, là nơi ghi lại dấu tích đi đứng và an tọa của bốn vị Phật. Lại có nơi tắm gội của đức Phật, dựng tòa tháp ở nơi đó. Có Tinh xá của đức Phật nhập thất. Lại bên cạnh chổ ấy là nền đá kinh hành của đức Phật, dài năm mươi bộ, cao bảy thước, nơi dấu chân được che phủ đều có họa tiết như hoa sen. Còn tháp nhỏ hai bên nền đá là Phạm vương đã tạo ra. Tiếp về phía trước là nơi Liên hoa ni hóa làm Luân Vương trước khi trông thấy đức Phật. Đức Phật bảo với Ni rằng: “Chẳng phải ông trước kia. Có tô bộ để (xưa gọi là Tu-bồ-đề) ngồi thanh thản trong hang đá biết rõ các pháp đều không, đây là trước tiên trông thấy Pháp thân của Ta”.

Lại từ Phía Bắc nước này đi hai trăm dặm đến nước Kiệt Nhã Cúc Xà, là Trung Ấn Độ, có thành Khúc Nữ. Phía Tây đô thành tiếp cận sông Căng già, dài hơn hai mươi dặm, rộng khoảng bốn, năm dặm, chính là đô thành nhà vua thống lãnh tất cả năm vùng Ấn Độ. Vua trước đây là Thi la dật đa (Đường nói là Giới Luật), giòng họ Phệ Xa, ban đầu sắp lên ngôi, ở bên bờ sông Cảng Già có bức tượng Quán Tự Tại, mới thỉnh cầu bày tỏ rằng: Ngài vốn là Tỳ-kheo Lan Nhã ở rừng này, Kim Nhĩ Nguyệt Vương đã tiêu diệt Phật pháp, Vương sẽ làm cho hưng thịnh

trở lại, thương cho mọi vật ôm ấp mãi trong lòng mới làm vua cai quản năm khu vực, cẩn thận đừng bước lên tòa Sư tử và xưng danh hiệu Đại vương! Nhà vua bèn cùng với con trai dẹp yên ngoại đạo và đồ chúng của Nguyệt Vương, còn quy định mệnh lệnh nghiêm khắc, người nào có ăn thịt sẽ cắt lưỡi, người giết hại sinh vật sẽ chặt tay. Thế là cùng với em gái thống lãnh lo liệu việc nước, ở bên sông Căng già xây dựng hơn một ngàn tòa tháp, mỗi tháp cao hơn một trăm thước. Hai mươi năm nay cứ năm năm một hội, cố gắng dốc hết tiền bạc cứu giúp cho mọi người, chỉ giữ lại binh khí dùng để phòng bị mà không lo lắng. Bắt đầu tiến hành ngày hội tập hợp Tăng sĩ các nước trong hai mươi mốt ngày cúng dường đầy đủ 4 sự cần thiết để cùng nhau bàn luận. Nếu người nào giới hạnh trong sáng đạo đức cao vời thì mới lên tòa Sư tử, nhà vua sẽ thọ giới, thanh tịnh vô học nêu rõ cho mọi người tôn sùng ngưỡng mộ. Người nào có hành vi xấu xa thì đưa ra rõ ràng trục xuất khỏi biên giới quốc gia. Phía Tây bắc đô thành có tháp do A dục vương xây dựng, xưa kia đức Phật ở nơi này thuyết pháp bảy ngày, cạnh đó có tháp thờ tóc móng tay chân của Phật và dấu tích đi lại sinh hoạt của bốn vị Phật. Lại ở phía Nam gần sông Căng già có ngôi chùa có răng của Phật, dài tấc rưỡi, màu sắc ánh sáng có thể thay đổi, an trí trong hộp quý báu, người khắp nơi đến chiêm bái hàng ngày có đến trăm ngàn, người giữ gìn buồn khổ vì phải thu gom vàng bạc tiền của, mà người lễ bái vui mừng lại không từ chối tiền bạc cúng dường. Ngày trai thì mang ra đặt trên tòa cao, rải hoa tuy chồng chất mà xá lợi răng Phật không hề ẩn.

Lại về phía Đông Nam đô thành hơn một trăm dặm có tòa tháp, là nơi đức Phật đã từng thuyết pháp bảy ngày, trong tháp có xá lợi luôn luôn phát ra ánh sáng, cạnh đó có dấu tích đi lại sinh hoạt của Phật. Về phía Bắc ngôi chùa khoảng 4 dặm gần sông Căng già có tòa tháp, là nơi đức Phật đã từng thuyết pháp bảy ngày, năm trăm ngạ quỷ tỏ ngộ rõ ràng sanh lên cõi Trời, cạnh đó lại có tháp thờ tóc móng tay chân, tiếp bên cạnh còn có dấu tích đi lại sinh hoạt của bốn vị Phật.

Lại đến nước A du Đà, thuộc Trung Ấn Độ, năm dặm về phía Bắc đô thành, có tháp trong chùa lớn bên bờ sông Căng già, đức Phật vì người Trời thuyết pháp ở tại đây ba tháng, có bốn dấu tích đi lại sinh hoạt của Phật. Tiếp tục về phía Tây năm dặm có tháp thờ tóc-móng tay chân của Phật. Cách năm dặm về phía Tây nam đô thành có ngôi chùa cổ trong rừng Đại Am Một La, là nơi Bồ-tát A Tăng Già trong đêm lên Thiên cung đến nơi Di-lặc tiếp nhận kinh luận Đại Thừa là Du Già trang nghiêm và Trung Biện Luận..., ngày trờ lại thuyết giảng cho đại chúng.

Hơn một trăm Bộ về phía Tây bắc khu rừng có tháp thờ tóc-móng tay chân của Phật. Phía Đông Nam đô thành gần sông Căng già có tháp là nơi đức Phật đã từng thuyết pháp ba tháng, có tòa tháp bằng đá xanh thờ tóc-móng tay chân, có bốn dấu tích đi lại sinh hoạt của đức Phật.

Lại cách xa hai nước về phía Đông Nam đi đến nước Bát la già da, thuộc Trung Ấn Độ, phía Tây nam của Vương Thành gần sông Diêm Mâu, giữa khúc cong có tòa tháp là nơi đức Phật đã từng ở tại đây làm cho ngoại đạo phải khuất phục, có tháp thờ tóc-móng tay chân và dấu tích kinh hành của đức Phật. Lại có nơi Bồ-tát Đề Bà soạn ra Quảng Bách Luận. Trong vương Thành có đền thờ Trời, cây đại thụ trước đền thờ sum suê cành lá rậm rì, có con quỷ ăn thịt người, dựa vào đó thao túng di hài làm cho người đến trong đền thờ không ai không thể coi thường tính mạng, leo lên cây nhảy xuống làm theo sự dụ dỗ của quỷ. Phía Đông Vương thành giữa hai dòng sông giao nhau rộng hơn mười dặm, đất đai bằng phẳng màu mỡ cát mịn trải rộng khắp nơi, các vị vua quan quyền thế từ xưa đến nay đều rất quý trọng, những người bố thí không có ai không dừng lại nơi này, gọi là nơi Đại Thí, Đại vương Giới Nhật cũng tu nghiệp này. Phía Đông khu vực Đại Thí là cửa của nhiều dòng sông chảy ra biển, hàng ngày có vài người tự trầm mình mà chết, nơi ấy thường gọi là nơi sanh lên cõi Trời. Có người muốn thực hiện cách này, ở trong bảy ngày không ăn uống tự trầm mình giữa dòng sông, xa gần cùng hướng đến. Ngay cả vượn khỉ hươu nai và các loại thú rừng, cũng đi lại ven bờ nước không ăn uống gì trầm mình mà chết. Đang lúc vua Giới Nhật thực hành bố thí, có hai con khỉ Ma Các, con khỉ cái bị chó cắn chết-con khỉ đực cõng xác đến ném vào giữa dòng sông này, con khỉ đực lại tự nhịn đói nhiều ngày mà chết.

Lại từ đây đi về phía Tây nam là khu rừng hoang vắng bạt ngàn, đi hơn năm trăm dặm đến nước Kiều thưởng Di, thuộc Trung Ấn Độ, cố cung trong vương thành có Tinh xá lớn, cao sáu mươi thước, tượng Phật khắc chạm bằng gỗ đàn hương phía trên treo lọng tàn bằng đá, chính là do vua Ô đà diễn na (xưa gọi là vua Ưu đà diên, Đường gọi là Xuất Ái) làm ra ánh sáng linh thiêng phát ra trong đó, các vị vua dùng sức mạnh muốn đưa lên nhưng cuối cùng không thể di chuyển được. Thuở xưa đức Phật vì mẹ lên cõi Trời thuyết pháp, nhà vua thỉnh cầu Mục Liên dùng thần lực đón lên phía trên thì Trời mô phỏng hình tướng ấy, đến lúc đức Phật trở về thì Trời phỏng theo tạo ra nghênh tiếp. Đức Phật hỏi han nói cho biết rằng: “Đây mới là hầu hạ đức Phật”. Phía Đông Tinh xá hơn một trăm Bộ là dấu tích đi lại sinh hoạt của đức Phật, giống nước

và nhà tắm gội của đức Phật nay vẫn còn chứa đầy nước. Trong thành ở phía Đông Nam có nhà của Trưởng giả Cụ Sử La, có Tinh xá của Phật và tháp thờ tóc-móng tay chân, có bốn dấu tích đi lại sinh hoạt của đức Phật. Phía Tây thành cách chín dặm có hang đá là nơi đức Phật làm cho rồng độc hàng phục, bên cạnh có tòa tháp lớn, cao hơn hai mươi trượng, có dấu tích kinh hành của Phật, và có tháp thờ tóc- móng tay chân, bệnh tật cầu nhiều sẽ khỏi bệnh, còn có pháp để lại khi giòng họ Thích Ca bị tiêu diệt. Ở trong nước này, bất luận sang hèn đi vào cảnh này đều tự nhiên cảm xúc mà buồn bã. Phía Đông bắc hang đá đi bảy trăm dặm vượt qua bờ Bắc sông Căng già, đến thành Ca xa bố la, là nơi Bồ-tát Hộ Pháp điều phục ngoại đạo, đức Phật đã từng ở tại đây thuyết pháp sáu tháng, có dấu tíich kinh hành và có tháp thờ tóc-móng tay chân của đức Phật.

Lại từ đây đi về phía Bắc 1tám mươi dặm đến nước Bính Sách Ca, thuộc Trung Ấn Độ, phía Nam của Vương Thành có chùa tháp, cao hơn hai mươi trượng, đức Phật đã từng ở nơi này thuyết pháp 6 năm, cạnh đó có loài cây kỳ lạ, cao bảy mươi thước, mùa xuân-mùa đông không thay đổi, là nơi đức Phật đánh răng súc miệng mà mọc thành cây sum sê cành lá, các loại ngoại đạo, tà giáo tranh nhau muốn chặt phá, nhưng vẫn sinh trưởng như cũ, mà người chặt phá phải nhận chịu tai ương. Gần đó có bốn dấu tích kinh hành sinh hoạt của đức Phật, và có tháp thờ tóc-móng tay chân của Ngài, góc nền móng nối liền nhau với rừng hồ cùng ẩn hiện.

Lại từ đây về phía Đông bắc năm trăm dặm đến nước Thất La Phạt Tất Để, thuộc Trung Ấn Độ (xưa gọi là nước Xá-vệ), đô thành bị hủy hoại hoang tàn, trước đây trên nền cung điện phía đông có tòa tháp nhỏ, là nơi vua Bát La tê Na Thị Đa (xưa gọi là Ba Tự Nặc-Đường nói là Thắng Quân) xây dựng Tinh xá cho Tỳ-kheo ni. Tiếp đến tháp phía Đông là ngôi nhà cũ của Tô Đạt Đa (Đường gọi là Thiện Thí). Cạnh đó có tòa tháp lớn là nơi Ương Lũ Lợi Ma La (Đường gọi là Chỉ Man) trừ bỏ tà đạo. Phía Nam đô thành khoảng sáu dặm hơn có rừng Thệ đa, là nơi Cấp cô độc mua vườn của Thái Tử để xây dựng Tinh xá. Nay hoang phế chỉ còn có trụ đá, cao hơn bảy mươi thước, là A Dục Vương xây dựng. Còn lại một ngôi nhà gạch, tất cả đều bị tiêu diệt. Trong nhà có bức tường bằng vàng vì mẹ mà thuyết pháp. Phía Đông bắc có tòa tháp là nơi đức Phật trừ bệnh cho Tăng. Phía Tây bắc có tháp Mục Liên nhấc y của Thân Tử, không xa có tháp hình giếng, là nơi đức Phật múc nước sử dụng. Còn có nơi Xá-lợi-phất cùng đức Phật kinh hành mỗi lần

thuyết pháp, đều có tháp thể hiện, âm nhạc linh thiêng mùi hương kỳ lạ thường phát ra nơi đó, còn có nơi ngoại đạo giết người nữ để ngấm ngầm phỉ báng Phật, dựng tháp để thể hiện rõ ràng. Phía Đông của chùa hơn một trăm bộ có hầm sâu và lớn, là nơi Điều Đạt bỏ chất độc làm hại Phật nên thân đang sống bị hãm hại. Còn phía Nam có hầm lớn, là nơi Tỳ-kheo cù Già Ly hủy báng Phật mà thân đang sống bị rơi xuống. Còn hầm sâu rộng cách tám trăm Bộ về phía Nam, là nơi người nữ Bà-la-môn tên là Chiến già hủy báng Phật mà thân đang sống bị rơi xuống. Ba hầm lớn này đều sâu hút xa vời vợi không có đáy, cho dù có mưa lớn trút vào nhưng cuối cùng cũng không chứa đầy được. Phía Đông của chùa khoảng bảy mươi bộ có một Tinh xá, tên gọi là Ảnh phúc, cao sáu mươi thước, trong Tinh xá có bức tượng ngồi hướng về phía Đông, là nơi cùng với ngoại đạo bàn luận. Tiếp đến phía đông có đền thờ Trời, mức lượng giống như Tinh xá, đầu ngày bóng ngã về phía Tây không che khuất Tinh xá của Phật, cuối ngày bóng ngã về Đông thì che phủ đền thờ Trời. Còn bốn dặm về phía Đông có hồ lớn khô cạn, là nơi nhà vua Tỳ Lô Thích Ca (xưa gọi là Lưu Ly Vương) rơi vào lòng đất, người đời sau lập nên để ghi nhớ. Lại có nơi thân tử vào lúc ban đầu xây dựng chùa đấu sức cùng với ngoại đạo, cũng dựng tháp kỷ niệm. Cách 4 dặm về phía Tây bắc cò rừng Đắc Nhãn, trong rừng có tháp ghi lại dấu tích kinh hành của Phật, duyên ấy là do vua Thắng Quân chọn mắt của năm trăm giặc cướp, nghe Từ lực của Phật thì tức thời bình phục, bỏ gậy liền sống lại. Phía Tây bắc đô thành cách sáu mươi dặm vốn có khu thành, là nơi sanh ra của đức Phật Ca-diếp Ba lúc con người thọ hai vạn tuổi. Phía Bắc Thành đó chính là nơi xuất hiện xá lợi toàn thân của đức Phật này, A Dục Vương xây tháp thể hiện làm nơi kỷ niệm.

Lại từ phía Đông Nam đi năm trăm dặm đến nước Kiếp Tỉ La Phạt Suất Đổ, thuộc trung Ấn Độ (xưa gọi là nước Ca-tỳ-la), vốn là khu thành không có người ở, trong Tinh xá trên nền chánh điện ở trong thành làm bức tượng nhà vua, cạnh đó là tẩm cung thờ phu nhân Ma ha ma da (Đường gọi là Đại Thuật), Tinh xá trên nền cũ làm bức tượng của phu nhân. Cạnh đó trong Tinh xá làm hình tượng Bồ-tát với tướng thần thông giáng trần. Những quan điểm ấy không giống nhau. Thượng toạ Bộ nói: "Lúc ấy là ngày mười lăm tháng năm theo quốc hiệu đời Đường". Các Bộ khác lại nói: "Lúc ấy ở quốc độ này là ngày mồng tám tháng năm". Đây là bởi sự khác nhau giữa thấy-nghe mà thôi. Phía Nam kinh thành có toà tháp là nơi Thái Tử đấu sức ném voi qua tường thành rơi xuống đất làm thành cái hố lớn. Cạnh đó có Tinh xá, làm hình tượng

thái tử và nơi thọ nghiệp. Gần đó có Tinh xá là nơi an nghỉ của cung phi, làm hình tượng của Da du đà la và La hổ la. Bản khác nói rằng: "Đầu đêm Thái tử mở cửa thành phía Bắc ra đi". Lại trong Tinh xá phía Đông nam Kinh thành làm thái tử cưỡi ngựa trắng phi giữa hư không vượt qua tường thành. Bốn cửa thành đều có Tinh xá, làm hình tượng về lão-bệnh tử và Sa-môn. Phía Tây Thành khoảng bốn dặm có tháp về dấu tích khu rừng Ni-câu-lô, là nơi đức Phật đắc đạo thuyết pháp cho Trời và người, năm mươi dặm phía Nam thành là tháp trong thành cũ, là lúc con người thọ sáu vạn tuổi, thành này là nơi đức Phật Ca-la-ca đã ra đời; tháp phía Đông Nam thành chính là nơi đức Phật này để lại thân hình, trước đây Vô ưu vương xây dựng trụ đá, cao ba trượng. Còn tháp trong thành cũ hơn ba mươi dặm về phía Đông bắc, là thành đã sinh ra đức Phật Ca-nặc-ca-mâu-ni, lúc con người thọ bốn vạn tuổi; tháp phía Đông bắc thành chính là nơi đức Phật này để lại thân thể, Vô ưu vương đã xây dựng trụ đá khắc bài minh kỷ niệm, cao hơn hai trượng. Phía Đông bắc thành hơn bốn mươi dặm có tháp Thái Tử sinh ra dưới tán cây. Phía Tây bắc Đại Thành có mấy trăm ngàn tháp, là tháp giòng họ thích bị tiêu diệt, có bốn người trong giòng họ Thích cự tuyệt quân đội của nhà vua. Vua Lưu Ly rút khỏi thành, mọi người không chịu bị phạt nên vượt ra ngoài kinh thành, cho đến bây giờ vẫn không đoạn tuyệt. Phía Nam kinh thành có tháp thờ cây Ni-câu-luật, là nơi đầu tiên đức Phật đến tiếp kiến vua cha. Tháp ngoài cửa thành phía Nam, là nơi anh em Thái tử thi tài bắn tên. Hơn ba mươi dặm về phía Đông Nam là nơi Thái Tử bắn mũi tên cắm vào đất nhân đó dòng suối tuôn trào. Tục truyền rằng dòng suối được mũi tên khai thông, bệnh tật uống vào phần nhiều được lành bệnh, hoặc là lấy bùn xoa vào trán thì bất cứ bệnh khổ gì cũng đều khỏi. Còn chín mươi dặm về phía Đông bắc là khu rừng Lạp Phạt Ni, hồ bơi của giòng họ Thích, hoa lá nước non làm khung cảnh thêm đẹp. Phía Bắc hồ ấy hai mươi lăm Bộ có cây Vô Ý Hoa, nay đã khô héo tàn lụi, là nơi đức Phật ra đời. Hữu Hữu thuyết nói: "Lúc ấy ở đây nhằm ngày mồng tám tháng ba". Thượng tọa Bộ nói: "Lúc ấy ở đây nhằm ngày mười lăm tháng ba". Tiếp về phía Đông có tháp, là nơi hai vị rồng tắm cho thái tử, đức Phật mới chào đời đã không người đỡ mà bước đi, bốn phía đều bước bảy bước; hai nơi đã được bước chân mọc lên hoa sen lớn, đã sinh ra từ hông phải, choàng áo của Thiên đế, bốn vị Thiên vương nâng lên đặt trên chiếc bàn nhỏ bằng vàng. Tất cả làm thành bốn toà tháp, và xây dựng trụ đá để biểu trưng. Bên cạnh có dòng sông nhỏ chảy theo hướng Đông Nam. Tục gọi là sông Du, là khi Thái tử chào

đời rồi chư Thiên hóa ra hồ này, tắm gội cho hồng hào da thịt để trừ các bệnh ngoài da, nay thay đổi mà nước sông hãy còn trơn láng như dầu. Lại từ nơi này đi về phía đông hơn hai trăm dặm, trong rừng hoang vắng đến nước Lam Ma, thuộc trung Ấn Độ. Đô thành trống vắng, phía đông Nam đô thành có tháp thờ Phật, cao không đến một trăm thước xưa là một phần xá lợi trong tám phần ban đầu, ánh sáng linh thiêng luôn luôn phát ra. Cạnh đó có hồ trong vắt, rồng hóa thành rắn, xuất hiện quanh quẩn bên tháp ấy. Có con voi rừng hái hoa để rài quanh tháp. Vô Ưu Vương muốn mở tháp, rồng bảo vệ không cho phép. Về phía Đông khu rừng lớn hơn một trăm dặm có tòa tháp lớn, là nơi Thái Tử đến chổ này cởi y phục quý báu, cởi ngọc ma ni giao cho Xiển đạc ca quay về trả lại vua cha. Còn Phía Đông có cây Chiêm Bộ Khô mà gốc cây hãy còn, ở đó tháp nhỏ, là nơi Thái tử lấy y phục còn lại đổi lấy vải thô, cạnh đó có tháp là nơi Ngài đã cắt tóc, năm tháng đương nhiên không thể xác định, hoặc là nói lúc ngài mười chín tuổi-hai mươi chín tuổi, chưa thể chắc chắn năm nào. Lại đi về phía Đông Nam một trăm chín mươi dặm có tháp trong rừng Ni-câu-đà, cao ba trượng, là người xưa đến nơi hỏa thiêu sắc thân đức Phật thu lấy tro than còn lại ở nơi đây dựng tháp kỷ niệm; người mắc bệnh cầu khấn được bệnh. Cũng có tháp ghi lại dấu tích sinh hoạt của bốn vị Phật, cao hơn một trăm thước, xung quanh có mấy trăm tháp nhỏ.

Lại từ đây đi về phía Đông bắc có khu rừng lớn hoang vắng và nguy hiểm, đi năm trăm dặm đến nước Câu thi na yết la, thuộc trung Ấn Độ, kinh thành hoang vắng ít người. Góc Đông bắc trong khành có tòa tháp là nhà cũ của Thuần Đà, giếng nước đó hãy còn tốt, quản lý và tạo điều kiện cho giếng luôn được sử dụng. Đi bốn dặm về phía Tây bắc thành vượt qua sông A Thị Đa Phạt Để (Đường nói là Hữu Kim) gần bờ Tây khu rừng Sa La, ở giữa hai khu rừng cách nhau mấy mươi bộ, trong đó có bốn cây rất cao, làm Tinh xá rất lớn bằng gạch, bên trong làm ra hình tượng đức Phật Niết-bàn, đầu hướng về phía Bắc mà nằm, bên cạnh cao hơn hai trăm thước, phía trước có trụ đá ghi lại tướng nhập diệt của đức Phật. Có thuyết nói rằng: "Lúc ấy ở quốc độ này nhằm ngày mười lăm tháng ba". Thuyết Hữu Bộ nói: "Lúc ấy ở đây nhằm ngày mồng tám tháng chín". Các bộ bàn luận khác nhau rằng: "Cho đến bây giờ là niên hiệu Long Sóc năm thứ ba thì trải qua một ngàn hai trăm năm, đây là căn cứ vào trụ đá ghi lại ở chùa Bồ-đề". Hoặc là nói rằng 1ba trăm năm, hoặc nói 1năm trăm năm, hoặc là nói mới qua chín trăm năm, chứ chưa đủ một ngàn năm. Cạnh Tinh xá ấy có nơi xưa kia đức

Phật cứu lửa cho chim trĩ chúa và cứu mạng sống cho loài hươu, mỗi nơi đều dựng lên một tòa tháp. Tiếp theo là tòa tháp phía Tây, là nơi Tô Bạt-đà-la (Đường nói là thiện Hiện) diệt chứng. Tiếp đến có một tòa tháp, là nơi Chấp Kim cang Thần ngã xuống đất. Tiếp đến một tháp bên cạnh, là nơi quan tài dừng lại bảy ngày. Tiếp đến một tháp bên cạnh, là nơi A ni lâu đà lên cung Trời báo cho mẹ biết trở về khóc đức Phật. Phía Bắc kinh thành vượt qua dòng sông Ni Liên Thiền Na, cách ba trăm Bộ có tòa tháp, là nơi đức Phật niết điệp bàn na (Đường nói là Phần thiêu), nơi này bây giờ đất vàng đen xen lẫn tro than, người có khấn cầu cảm ứng thì có thể gặp được xá lợi. Tiếp đến một tháp bên cạnh là nơi đức Phật vì Đại Ca-diếp Ba hiện bày phước trí trang nghiêm. Tiếp đến có một tháp, trước mặt dựng lên trụ đá, khắc ghi đầy đủ sự việc tám nước phân chia xá lợi.

Lại từ đây về phía Tây nam khu rừng lớn đi năm trăm dặm đến nước Bà-la-niết-tư, thuộc trung Ấn Độ (xưa gọi là Ba-la-nại). Phía Tây đô thành đối diện với sông Căng già, dân chúng sinh sống đông đúc trong thành. Phía Đông bắc thành có sông Bà-la-niết-tư. Hơn mười dặm về phía Đông bắc, là chùa Lộc Dã; còn phía Tây nam có tòa tháp, cao hơn trăm thước, phía trước có trụ đá, cao hơn bảy mươi thước, vô cùng thanh tịnh, chân thành cảm ứng thì hình tượng hiện rõ, tùy theo tâm niệm thiện ác của mình, đây là nơi đức Phật lần đầu tiên chuyển pháp luân sau khi Ngài thành đạo. Ba tòa tháp cạnh đó, tức là nơi sinh hoạt của ba vị Phật xưa kia. Bên cạnh có những tòa tháp, là nơi năm trăm vị Độc giác đi vào Niết-bàn. Còn một tòa tháp bên cạnh là nơi Bồ-tát từ thị được thọ ký. Còn một tòa tháp ở phía Tây là nơi Phật ở quá khứ làm Bồ-tát Hộ Minh được đức Phật Ca-diếp Ba thọ ký, nay là nơi đức Phật thành đạo. Tiếp về phía Nam có nơi sinh hoạt của bốn vị Phật, dài năm mươi bộ cao bảy thước, dùng đá xanh tích chứa mà thành, phía trên làm bức tượng Đức Thích Ca kinh hành, hình tượng ngài tốt đẹp lạ thường, đầu tóc trên nhục kế xoắn tròn lại mà phát sinh, thần diệu mà có dấu tích biểu lộ ra ngoài. Dấu tích chùa chiền rất nhiều, Tinh xá và tháp thờ quả là có vài trăm, sự việc khó mà kể hết được. Phía Tây chùa có hồ trong vắt, chu vi hai trăm Bộ, là nơi xưa kia đức Phật thường tắm gội. Tiếp về phía Tây có hồ nhỏ, là nơi đức Phật thường rửa sạch đồ dùng. Tiếp đến phía Bắc có hồ nhỏ, là nơi đức Phật thường đến giặt y. Tiếp là hồ thứ ba, trong hồ có con rồng sinh sống, nước hồ có vị ngọt mà lại sạch sẽ, có người nào khinh mạn xâm phạm, thì loài thú Kim-tỳ-la lập tức sẽ làm tổn hại. Tiếp bên cạnh có tảng đá vuông, trên đá có dấu tích

hoa văn ca sa của đức Phật. Ngoại đạo hay người hung ác có khinh mạn giẫm lên, rồng trong hồ lập tức nổi gió mưa làm cho tổn hại. Tiếp bên cạnh có tòa tháp, là nơi đức Phật đã từng làm voi chúa sáu ngà, gặp người thợ săn khoác pháp y cho nên bẻ ngà mà cho. Tiếp đến lại có một tòa tháp, là nơi xưa kia đức Phật làm voi cùng với khỉ hỏi nhau về Đại và Tiểu. Còn trong khu rừng lớn có tòa tháp, là nơi đức Phật cùng với Điều Đạt xưa kia làm hươu chúa, đức Phật đã thế mạng cho hươu mẹ đang mang thai; tên gọi là Lộc Dã vì vậy mà đặt ra để gọi. Phía Tây nam ngôi chùa khoảng ba dặm có một tòa tháp, là nơi năm người nghênh đón đức Phật. Còn ba dặm về phía Đông khu rừng lớn có tòa tháp, xưa kia đức Phật làm thỏ, cùng với các loài thú tụ tập tự biết hình hài bé nhỏ nên đốt thân mình mà tặng cho các loài thú, vì vậy Thiên Đế cảm động hiện xuống khen ngợi, do đó khiến cho vầng trăng có hình ảnh chú thỏ hiện rõ ra.

Lại từ phía Đông thuận theo sông Căng-già đi ba trăm dặm đến nước Chiến Vương, đô thành dân chúng nhộn nhịp, kinh thành gần bên sông Căng-già. Phía Tây bắc thành có chùa tháp, thờ một thăng xá lợi của Phật, là nơi xưa kia đức Phật ở nơi này thuyết pháp bảy ngày và là nơi sinh hoạt của bốn vị Phật. Phía Bắc sông có tháp, là nơi đức Phật điều phục ma quỷ, một nữa tháp đã lún sâu vào đất. Lại có nơi đức Phật thuyết pháp cho loài quỷ ăn thịt người. Về phía Đông Nam vượt qua sông hơn một trăm dặm có tòa tháp, chính là nơi phân chia xá lợi, bình và xá lợi còn lại, ngày trai phát ra ánh sáng diệu kỳ.

Lại từ phía Đông bắc vượt qua sông Căng-già đi hơn một trăm năm mươi dặm đến nước Phệ-xá-li, thuộc trung Ấn Độ (xưa gọi là nước Tỳ xá ly), đô thành đã bị hư hoại nặng nề, nền cũ chu vi chùa tháp, là nơi thuyết kinh Duy Ma; còn ở phía Đông là tháp kỷ niệm xá lợi tử chứng quả. Còn tháp lớn phía Đông, là Quốc vương được một phần xá lợi có lẽ là một Hộc, Vô Ưu Vương lấy chín thăng đều xây dựng các tháp thờ khác. Về sau lại có vị vua muốn mở ra, đất chấn động nên lập tức dừng lại. Tiếp về phía Nam có hồ do con khỉ Ma Các vì đức Phật mà đào hồ. Phía Tây của hồ là nơi bầy khỉ mang bình bát của Phật leo lên cây lấy mật. Phía Nam của hồ là nơi bầy khỉ dâng bình bát đầy mật lên đức Phật. Mỗi nơi đều có tháp ghi nhớ. Phía Đông bắc ngôi chùa bốn dặm có tòa tháp, là nền nhà xưa kia của Duy Na, hãy còn nhiều điều linh thiêng thần kỳ. Ngôi nhà ấy dùng gạch xếp lên, trong truyện nói là dùng đá xếp lại mà thành, chính là nơi thị hiện bệnh tật để thuyết pháp. Vào giữa niên hiệu hiển khánh-Đại Đường, sắc chỉ cho sứ giả vệ

Trường Sử-Vương Huyền Sách, nhân đó đến Ấn Độ đi qua ngôi nhà của Tịnh Danh, dùng cái Hốt đo nền nhà, chỉ có mười Hốt, cho nên gọi Thất là phương trượng. Ngay cả ngôi nhà của Trưởng giả Bảo Tích, ngôi nhà của người nữ Am La, nơi Dì ruột của đức Phật nhập diệt, đều dựng tháp bày tỏ ghi lại. Phía Bắc ngôi chùa bốn dặm có tòa tháp, là nơi đức Phật sắp đi đến Câu Thi Na đã có người Trời đứng đợi tiễn đưa. Tiếp đến một tòa tháp phía sau, là nơi đức Phật nhìn thành ấp làng mạc lần cuối cùng. Tiếp đến là nơi người nữ Am La đem vườn dâng cúng đức Phật. Cạnh đó có một tòa tháp, là nơi đức Phật ba lần nói cho A-nan biết là Ngài sắp Niết-bàn. Lại có một tháp bên cạnh, là nơi ngàn người con gặp cha mẹ mình, tức là ngàn vị Phật ở kiếp Hiền. Phía Đông với có tháp trên nền giảng đường trùng các, luôn luôn phát ra ánh sáng, là trú xứ đức Phật thuyết về phẩm Phổ Môn. Phía Đông Nam kinh thành 1năm dặm có tòa tháp lớn, là nơi bảy trăm vị Hiền Thánh kiết tập lại kinh điển. Hai bờ Nam-Bắc của sông Căng-già đều có một tòa tháp, là nơi A-nan đà phân thân qua lại cùng hai quốc gia.

Lại cách xa một nước về phía Tây bắc đi một ngàn năm trăm dặm vào hang núi đến nước Ni-ba-la, thuộc Bắc Ấn Độ. Phía Đông Nam đô thành không xa có khu rừng thủy hỏa, phía Đông một dặm ở nơi đó có hồ nước A-kì-ba-nhĩ, chu vi hai mươi bộ, hạn hán hay lũ lụt vẫn trong veo như vậy, không tuôn chảy mà luôn luôn sôi sục, người nào lấy lửa ném vào thì lửa bốc lên khăp hồ, khói lửa cao vài thước, lấy nước tưới thì lửa càng bốc lên rừng rực, lấy đất vụn để ném vào cũng vẫn cháy hết, liền tục ném vào cũng thành ra tro bụi, bắc nồi nấu cơm trên nước-nấu thức ăn lập tức chín rục. Trong Hiền Đức Truyện nói: : Trong hồ nước này trước kia có hòm vàng, trước đây có vị Quốc vương mang người đến lấy, hòm vàng đã ra khỏi bùn thì người có vẻ như trở thành bất động. Đêm ấy có vị thần bảo cho biết rằng: Hòm vàng này là ở trong mũ của đức Phật Từ Thị, sau này Di-lặc ra đời mô phỏng theo không thể thích hợp, cho nên rồng lửa phải bảo vệ". Phía Nam đô thành hơn mười dặm có dãy Cô Sơn cảnh đẹp kỳ lạ, chùa chiền dựng lên trùng điệp, hình dáng giống như ráng mây, tùng trúc cá rồng thuận theo người thuần phục, dù cho người ấy để ăn, cũng phạm tội hủy diệt, ví như là mạng mạch đất cùng thuận theo quốc gia này mà qua lại vậy. Chính là phía Đông Nữ Quốc tiếp giáp biên giới cùng với Thổ Phồn, Đường và Phạm cách nhau có thể hơn một vạn dặm đường.

Lại từ phía Nam đi một trăm năm mươi dặm vượt qua sông Căng già đến nước Ma-kiệt-đà, thuộc Trung Ấn Độ, kinh thành ít người sinh

sống, thôn làng dân chúng cư trú rất nhiều. Thành trước đây thuộc về thành Vương Xá ở phía Bắc dãy núi, phía Đông hai mươi bốn mươi dặm dựa sát bên sông Căng già. Phía Bắc cung điện trước đây có trụ đá cao mấy trượng, là nơi xưa kia Vô Ưu Vương làm thành địa ngục, là tằng tôn của vua Tần Bà Sa La, Vô Ưu Vương chính là con rể của vua Giới Nhật, đã sửa sang kinh thành gọi là thành Hoa Thị, vương cung quả thật là hoa lệ cho nên nhấn đó mà gọi tên vậy. Phía Nam trụ đá có tòa tháp lớn, chính là một trong số tám vạn bốn ngàn tòa tháp, tôn thờ một Thăng Xá lợi của Phật, luôn luôn xuất hiện ánh sáng tốt lành, là do Vô Ưu Vương tạo dựng, gần đó có khu vật của A-la-hán bảo vệ và sai khiến quỷ thần. Trong kinh xá cạnh đó có tảng đá lớn, là nơi đức Phật sắp Niết-bàn, phía Bắc hướng về Câu Thi Na, phía Nam nhìn về Ma-kiệt-đà, vốn có dấu tích hai chân đạp trên tảng đá, dài một thước tám tấc, rộng sáu tất, hoa văn luân tướng rõ ràng, mười ngón chân đều khác nhau. Gần đó là dấu tích Ác Vương Kim Nhĩ hủy hoại đức Phật, hố sâu đã bằng phẳng trở lại, màu sắc đẹp đẽ như xưa, chính là đã vứt bỏ giữa sông Căng-già, tìm về lại nơi ban đầu. Niên hiệu Trinh Quán thứ hai mươi ba có sứ giả đến vẽ lại và miêu tả về dấu tích này. Tiếp bên cạnh có tháp ghi lại dấu tích sinh hoạt của bốn vị Phật. Phía Đông Nam Thành cũ có nơi Bồ-tát Long Mãnh điều phục ngoại đạo. Tiếp đến phía Bắc có tháp loài quỷ làm nên để tôn thờ Mã Minh. Lại về phía Tây nam vượt qua sông Ni Liên Thiền có thành Già da, ít nhận vật nổi tiếng nhưng hơn ngàn gia đình. Hơn sáu dặm về phía Tây nam thành đến núi Già-da, hang động vắng vẻ sâu xa, thế gian gọi là Linh Nhạc (vùng núi linh thiêng), từ xưa đến nay các vị Quân Vương đã tuyên bố bảo vệ nghiêm ngặt. Trên đỉnh có tòa tháp bằng đá, cao hơn một trăm thước, luôn luôn phát ra ánh sáng kỳ lạ, đức Phật ở nơi này thuyết ra các kinh như Bảo Vân... về phía Đông Nam đỉnh núi xuôi đuổi theo sông Ni Liên Thiền khoảng hai dặm, đến núi Bát La Kiệp Bồ-đề, Đường nói là Chánh Giác, lúc đức Phật chứng quả trước tiên leo lên núi đó, vì vậy mà đặt thành tên gọi. Đức Phật từ phía Đông bắc lên núi, rất muốn đi vào Kim cang Định, làm đất đai núi đồi rung chuyển, Thổ Thần sợ hãi thưa với đức Phật. Lại đến phía Tây nam giữa lưng chừng núi trên tảng đá, đất đai núi đồi lại chấn động, Tịnh Cư Thiên thưa rằng: Phía Tây nam núi này 1năm dặm gần nơi khổ hạnh, nơi tòa Kim cang dưới tán cây Tất Bát La, là tòa Bồ-đề, ba đời chư Phật đều thành bậc Chánh Giác từ nơi này. Đức Phật mới đến chổ ấy, vẫn là hang đá, loài Rồng có lưu lại hình ảnh. Thế gian gọi là khu vực danh tiếng, cây Bồ-đề ấy, xung quanh xây bức tường gạch để giữ gìn rất kính

trọng, phủ rộng từ đông sang Tây, chu vi khoảng chừng năm trăm bốn mươi Bộ, cây hiếm thấy hoa kỳ lạ che mát cho cả một vùng. Cửa chính phía Đông mở ra đối diện với sông Ni Liên, cửa phía Nam tiếp giáp với hồ Đại Hoa, phía Tây là nơi hiểm yếu kiên cố, cửa phía Bắc nối thông với chùa lớn. Trong chùa có các tháp ghi lại Thánh tích rất nhiều. Trên tòa Kim cang chính giữa bức thành bảo vệ cây quý, là Hiền kiếp mới thành tựu và tất cả đại địa trong Đại Thiên thế giới, dưới cùng là Kim Luân trên đến bờ đất, là Kim cang tạo thành, chu vi hơn một trăm bộ, ngàn vị Phật cùng Ấn Độ tọa đi vào Kim cang Định, cho nên dựa vào đó mà gọi vậy. Tức là nơi chứng đạo. Lại gọi là đạo tràng, lúc đại địa chấn động chỉ có nơi này không hề lay chuyển. Ngày Đức Như lai đắc đạo có nhiều thuyết khác nhau, hoặc là nói ngày mồng tám và ngày mười lăm tháng ba. Ngoài cửa phía Bắc bức thành là chùa Đại Bồ-đề, 6 viện ba tầng, tường thành cao bốn trượng, xây toàn bằng gạch. Quốc vương Sư tử mua lấy nơi này xây dựng sáng lập ngôi chùa ở đây, Tăng chúng vẻn vẹn một ngàn người, là nơi trú trì của Đại thừa thượng Tọa Bộ. Có xá lợi xương hình dạng như đốt ngón tay người. Xá lợi ấy lớn như hạt trân châu. Ngày ba mươi tháng mười hai ở quốc độ ấy, là ngày mười lăm tháng giêng ở địa phương này, thế gian gọi là tháng đại thần Biến dường như đến đêm ấy chắc chắn là phát ra ánh sáng tốt lành, Trời rưới hoa kỳ lạ khắp nơi chùa viện và cây quý. Lệ thường ở quốc độ ấy, ở trong thời gian này, đạo tục đông đến nàgn vạn tranh nhau cúng dường bảy ngày bảy đêm. Gồm có hai ý: Đó là nhìn thấy ánh sáng tốt lành và lấy được lá của cây quý. Cây đó xanh tươi đông-hạ vẫn không thay đổi. Cứ mỗi khi đến ngày nhập Niết-bàn và cuối mùa hạ, cây trở nên điêu tàn ngay trong một lúc, suốt đêm chồi lá mới mọc ra, cùng với trước đó không khác. Về sau vì bà phi của Vô Ưu Vương chặt cây, đem về phía tây mấy chục Bộ gom lại mà đốt, dùng để cúng tế Trời đất, khói lửa chưa tàn, bỗng mọc lên hai cây, trong lửa dữ mà cành lá sum sê tươi tốt, vì thế gọi cây từ tro Bồ-đề. Nhà vua nhìn thấy sanh tâm tin thờ, dùng sửa thơm tưới thay nước, gốc rễ còn lại đến sáng sớm phát triển thành cây như trước. Bà Phi của nhà vua rất giận dữ, đêm đến lại chặt phá. Nhà vua lại cầu khấn và dùng sữa tưới cây, chỉ trong mấy ngày lại sinh trưởng tốt tươi, tường đá bao bọc xung quanh, cao hơn một trượng. Sau đó bị Nguyệt Vương nước Kim Nhĩ lại chặt phá cây này, đào đến nguồn nước mà không hết gốc rễ, thế là dùng lửa để đốt. Lại dùng nước đường tưới vào, khiến cho cây nát rữa đoạn tuyệt gốc rễ ấy. Mấy tháng sau bởi vì vua Bổ Thứ Nã Phạt Ma, ở đây nói là Mãn Vị, tức là Huyền tôn của

Vô Ưu Vương trước kia, nghe cây bị chặt phá nên toàn thân rạp sát đất, thỉnh Tăng bảy ngày kinh hành vòng quanh hố lớn nơi gốc cây bị đào phá, dùng sữa của mấy ngàn con trâu để tưới, sáu ngày đên cây phát triển hơn một trượng, sợ rằng sau này bị chặt phá nên xây bức tường đá bao bọc bảo vệ, cao hai trượng bốn thước. Cây bây giờ ra ngoài tường đá cao trên hai trượng, vòng quanh hơn ba thước. Phía Đông của cây có Tinh xá xây bằng gạch xanh, cao hơn một trăm sáu mươi thước, nền rộng hơn hai mươi bộ, phía trên có lan can bằng đá bao quanh, cao một trượng. Từng tầng khám thờ đều có bức tượng bằng vàng, bốn mặt tường khắc hình tượng chư Thiên-chư tiên. Trên đỉnh tháp có quả A-ma -lặc-ca bằng vàng pha đồng (ở đây gọi là Bảo bình tức là bảo Đài). Phía Đông lại tiếp tục làm trùng các ba tầng, mái nhà đặc biệt kỳ lạ và dùng vàng bạc khắc chạm để trang hoàng. Trong khám thờ ở ngoài ba cửa trùng các, bên trái là bức tượng Quán tự tại, bên phải là bức tượng Từ Thị, cùng đúc thành từ bạc nén, cao hơn một trượng, là Tinh xá do Vô -ưu-vương xây dựng, ban đầu nhỏ sau phát triển rộng lớn ra.

Dựa vào vương Huyền Sách Hành truyện nói: “Tây Quốc có rất nhiều hiện tượng tốt lành”. Tạm thời ghi lại theo Ma-ha bồ-đề Thọ Tượng Rằng”. Xưa Quốc vương Sư tử tên gọi Thi mê khư bạt ma (Đường gọi là Công Đức Vân), Phạm vương sai hai Tỳ-kheo đi đến chùa này, vị lớn tên là Ma ha Nam (ở đây gọi là Đại Danh), vị nhỏ tên là Ưu Ba (ở đây gọi là Thọ Lý), hai Tỳ-kheo đó lễ lạy tòa Kim cang dưới gốc cây Bồ-đề xong, chùa này không xếp đặt cư trú, hai Tỳ-kheo ấy bèn trở về đất nước của mình, Nhà vua hỏi Tỳ-kheo: Đến nơi ấy lễ bái Thánh Tích trở về, linh thiêng may mắn thế nào hả Tỳ-kheo? Đáp rằng: Diêm Phù đại địa không có chổ nào an thân. Nhà vua nghe lời này, liền ban cho nhiều châu báu khiến chuyển cho Quốc vương Tam Mô Đà La Quật Đa ở nước này. Vì vậy từ đó đến nay, chính là Tỳ-kheo nước Sư tử. Còn bức tượng trên tòa Kim cang lúc ban đầu tạo ra, có một người khách lạ đến nói với đại chúng rằng: Tôi nghe chiêu mộ công thợ giỏi để làm tượng, tôi khéo léo có thể làm bức tượng này. Đại chúng nói rằng: Cần những đồ vật gì? Người đó nói: Chỉ cần hương và nước cùng với dầu đèn, vật liệu như vậy đã đủ. Nói với Tăng chúng trong chùa rằng: Tôi cần phải đóng cửa làm việc, hạn đến 6 tháng cẩn thận chớ mở cửa, cũng không làm gì đến ăn uống. Người đó một khi đi vào rồi thì không ra nữa. Chỉ thiếu 4 ngày, chưa đủ 6 tháng, đại chúng thường xuyên tỏ rõ sự bất hòa, ai cũng nói rằng: trong tháp này chật hẹp, lại là thân thô lậu, vì sao nhiều tháng không thấy mở cửa? Nghi ngờ việc làm của người đó, liền

mở cửa tháp, quả là không thấy người thợ, mà bức tượng đã hoàn thành. Chỉ có điều là trên vú bên phải có thiếu một chút chưa hoàn tất. Sau có vị thần giữa hư không kinh hãi cảnh cáo đại chúng rằng: Ta là Bồ-tát Di-lặc, thân bức tượng an tọa phía đông phía Tây, thân cao một trượng một thước năm tấc, vai rộng sáu thước hai tấc, hai đầu gối cách nhau tám thước tám tấc, toà Kim cang cao bốn thước ba tấc, rộng một trượng hai thước năm tấc. Tháp đó vốn là A Dục Vương xây dựng, lan can tháp làm bằng đá. Sau có hai anh em Bà-la-môn, anh tên là Vương chủ, em tên là Phạm chủ. Người anh xây dựng tòa tháp ấy, cao một trăm khuỷu tay. Người em xây dựng ngôi chùa ấy. Bức tượng đó từ khi Di-lặc tạo thành đến nay, tất cả đạo-tục họa vẽ miêu tả quy mô, biến đổi thần diệu khó mà xác định, chưa có ai miêu tả được. Nhà vua sai người đến nơi ấy thỉnh các vị Tăng chúng, và những người đi sứ này chí thành thiết tha cầu thỉnh nhiều ngày hành đạo sám hối cùng nói rõ mục đích đến đây, mới có được bức họa, dường như tất cả đều hoàn thiện. Dứt khoát là bức tượng này có trong bản kinh đó, xưa nay có mười quyển, đem truyền bá ở nơi này, người thợ đó như là Tống Pháp Trí, vô cùng khéo léo tạo thành Thánh dung-họa vẽ miêu tả rõ ràng Thánh nhan, đi đến kinh đô đạo-tục tranh nhau mà tìm kiếm".

Trong Huyền Trang Pháp sư Truyện nói: "Trên vú bên phải bức tượng dự định tô điểm chưa hoàn thiện, lại điền vào các thứ báu, nhìn từ xa thì tướng ấy rốt cuộc hình như không thỏa mãn. Tượng ngồi kiết già, chân phải đặt phía trên, tay trái thu lại, tay phải duỗi xuống. Sở dĩ tay duỗi xuống, là hình tượng lúc đức Phật mới thành đạo. Ngài nói với Ma Vương chỉ vào đất làm bằng chứng. Gần đây bị Nguyệt Vương chặt cây lệnh cho bề tôi phá hủy bức tượng. Nhà vua từ phía Đông trở lại, bề tôi vốn có tín tâm mới ở trước bức tượng bày la liệt gạch ngói làm vật che chắn, tâm âm thầm hổ thẹn cho nên đặt một ngọn đèn ở bên trong, bên ngoài họa thành hình tượng của Tự Tại thiên, công việc hoàn thành bẩm báo lại mệnh lệnh. Nguyệt Vương nghe tin sợ hãi toàn thân nổi đầy mục nước, da thịt đều nứt ra trong chốc lát đã bỏ mạng. Đại thần lệnh cho người đến bẩm báo lập tức trừ bỏ bức tường che chắn, đi về nhiều ngày mà ngọn đèn vẫn còn chưa tắt. Nay ở hang sâu, buổi sáng dùng gương chiếu rọi mới nhìn thấy tướng đó. Người thấy xót thương lưu luyến tôn kính ngưỡng mộ quên trở về". Còn dựa vào vương Huyền sách Truyện nói: "Sứ nhà Hán nhận sắc lệnh, đến lập bia ở chùa Ma ha Bồ-đề nước Ma Già Đà. Đến ngày mười một tháng hai năm Trinh Quán thứ mười chín, ở dưới cội cây Bồ-đề xây dựng tòa nhà tháp phía Tây, sứ giả chủ

quản Tư Môn lệnh cho Sử Ngụy Tài Thư".

"Xưa kia vua Hán-vua Ngụy đối diện nhau, dùng vũ lực để xâm lược, khởi binh số đến mười vạn, một ngày hao tốn ngàn vàng, hãy còn tôn sùng Bấc lặc Điền Nhan-Đông Phóng Bất Nại; Đại Đường ràng buộc thiên hạ đạo lý đứng đầu Bách Vương, văn đức được Tăng lên khắp nơi cùng dựa theo, vì vậy cho nên gay gắt đối với bản thân-đạo tục các nước đều quy thành ngưỡng mộ.

Hoàng Đế thương xót cho lòng trung thành khẩn thiết xa gần nghĩ đến nỗi lo của nhà vua, mới truyền lệnh cho người đi sứ là Triều tán đại Phu Hành vệ Uý-Tự Thừa Thượng Hộ Quân Lý Nghĩa Biểu phó sứ. Trước là huyện lệnh Hoàng Thủy-Dung Châu Vương Huyền Sách cùng hai mươi hai người tuần phủ ở nước ấy, lập tức đến nơi tòa Kim cang dưới cội cây Bồ-đề-chùa Ma ha Bồ-đề, là nơi ngàn vị Phật kiếp Hiền cùng thành đạo ở trong ấy, xem xét sự tô điểm nghiêm trang đầy đủ tướng tốt như dung mạo thực sự, chùa tháp linh thiêng-đất đai thanh tịnh vô cùng khéo léo ngoại trừ cõi Trời. Đây chính là điều chưa được thấy, trong thế gian không nơi nào bì được, trong sách sử không nói rõ được.

Hoàng Đế từ xa làm chấn động phong cách chim hồng, khiến cho cây đạo tỏa ánh sáng chói chang rực rỡ, liền truyền lệnh cho người đi sứ đến nơi này chiêm ngưỡng. Đây là việc lớn trọng thể độc nhất vô nhị, là công lao thần diệu sống mãi muôn đời. Làm sao có thể im lặng chấm dứt ca vịnh không lưu truyền trên bảng vàng bia đá ư? Bèn làm bài minh rằng:

Đại Đường vận dụng hỏi han, tâm mong phước thiện mãi còn,
Thực hành cảm hóa thiên hạ, uy danh lừng lẫy thế gian.
Thân nghiêm khắc-đức khiêm nhường, đạo tục hướng về Nhân Vương,
Sắc chỉ truyền rõ sứ giả, chiêm ngưỡng Thánh tích đạo tràng
Nơi tòa Kim cang giác ngộ, ngàn Phật Hiền kiếp lưu truyền,
Tướng tốt dung mạo tôn nghiêm, Di-lặc mô phạm tuyệt thế,
Chùa tháp linh thiêng tráng lệ, cây đạo đều đặn tốt tươi,
Sống mãi qua bao đời kiếp, thần lực đâu dễ sánh bằng!"

Lại trong Huyền Trang Pháp Sư Truyện nói: "Đức Phật thành đạo vào ngày mồng tám tháng ba theo quốc hiệu đời Đường". Thượng Bộ nói: "Lúc ấy ở đây nhằm ngày mười lăm tháng ba, Ngài thành đạo lúc ba mươi tuổi", hoặc nói là lúc ba mươi lăm tuổi. Sự sai lệch này cùng với điều ấy đương nhiên không giống nhau, bởi vỉ sử dụng lịch số trước sau cho nên có sự sai khác này. Bởi vì lịch số Thần Châu căn bản đều

khác nhau, ba thế hệ chắc chắn là dài ra hay rút lại đâu đủ để cảm thấy lạ lùng gì? Vả lại căn cứ vào một tướng lấy sự giác ngộ thì kết thúc.

Phía Tây cây đạo trong Tinh xá lớn có bức tượng bằng đá quý, đứng hướng về phía Đông, tô điểm bằng các loại vật báu quý hiếm, phía trước có tảng đá xanh màu sắc đẹp đẽ kỳ lạ. Ngày mới thành đạo Phạm vương dựng lên giảng đường bằng bảy báu, Đế Thích tạo nên tòa cao bằng bảy báu. Đức Phật dựa vào những sự việc trên tư duy trong bảy ngày, phóng quang soi chiếu cây đạo khiến cho vật báu trở thành đá. Tòa tháp phía Nam cây đạo, cao hơn một trăm thước, là nơi ban đầu đức Phật xuống sông tắm rửa xong lấy cỏ làm chổ ngồi suy nghĩ, Đế Thích hóa làm người lấy cỏ Thỉ Thi (ở đây nói là cỏ Cát Tường) đem dâng làm chổ ngồi cho Phật; A Dục Vương dựng tháp để ghi lại. Tiếp về phía Đông bắc có tòa tháp lời nơi vào lúc đức Phật chứng quả có bầy chim Tước màu xanh đến vay quanh Đức Thế tôn, cũng là nơi có bầy hươu vây quanh. Hai bên đường lớn phía Đông cây đạo đều có một tòa tháp, là nơi Ma Vương quấy nhiễu đức Phật hòng làm cho Ngài suy thoái. Phía Tây bắc cây đạo có Tinh xá, trong đó có đức Phật Ca-diếp Ba luôn luôn phóng quang sáng ngời. Mọi người nói rằng: “Chí thành vòng quanh 7 vòng sinh ra có được túc mạng trí”. Còn phía Tây bắc bức tường có tòa tháp Uất Kim Hương Ni, cao một trượng bốn thước. Phía Đông Nam bức tường cây đạo có Cây Ni câu Luật, bên cạnh cây ấy có tòa tháp, trong Tinh xá có bức tượng ngồi, là nơi vào lúc ban đầu chứng quả Đại Phạm vương thỉnh cầu đức Phật chuyển pháp luân. Bốn góc bên trong bức thành đều có tháp, đầu tiên đức Phật nhận cỏ hướng đến cây ấy trước tiên về phía Tây nam làm cho mặt đất chấn động. Lại hướng về phía Tây bắc, đến phía Đông Nam rồi đến phía Đông bắc, cùng làm chấn động mặt đất. Tức là từ phía Tây bắc đi đến dưới tán cây, ngồi trên tòa Kim cang xoay mặt về hướng Đông, mặt đất mới yên lặng như trước; vì vậy dựng tháp để ghi nhớ. Bên ngoài bức tường về phía Tây nam có nơi là nhà của hai người nữ chăn trâu. Cạnh đó có chổ nấu cháo sữa, tiếp bên cạnh có nơi đức Phật nhận cháo sữa; tất cả đều dựng tháp để biểu thị. Ngoài cửa phía Nam cây ấy có hồ lớn, chu vi hơn bảy trăm bộ, trong veo và là nơi ở của loài cá-rồng. Tiếp về phía Nam có hồ nước, là do Đế thích tạo ra để đức Phật giặt y. Phía Tây của hồ có tảng đá lớn, là do Đế Thích mang từ Tuyết Sơn đến để đức Phật phơi y. Tiếp bên cạnh có tòa tháp, là nơi đức Phật cất giữ y cũ. Tiếp đến trong khu rừng phía Nam có một tòa tháp, là nơi đức Phật được bà lão nghèo bố thí áo cũ. Khu rừng phía Đông hồ nước do Đế thích tạo ra là hồ nước

loài Rồng cư trú, nước hồ trong veo sạch sẽ và có vị ngọt ngào thơm ngát. Bờ phía Tây có Tinh xá nhỏ trong đó có bức tượng, nơi này là lúc đức Phật mới thành đạo an tọa ở đây nhập định bảy ngày, Long vương vòng quanh đức Phật bảy vòng hóa hiện nhiều đầu che cho đức Phật . Tinh xá trong khu rừng phía Đông hồ nước loài Rồng cư trú có bức tượng đức Phật với hình hài gầy ốm khi tu khổ hạnh, cạnh đó có dấu tích kinh hành, hơn bảy mươi bộ về phía Nam-Bắc đều có cây Tất Bát La, vịn vào đi lại rồi sau đó mới đứng dậy, tức là nơi ngài khổ hạnh sáu năm mỗi ngày ăn một hạt mè-một hạt gạo. Nay người nào có bệnh tật, lấy dầu thơm xoa lên bức tượng thì phần nhiều đều lành bệnh. Còn có nơi cư trú của năm vị Tỳ-kheo. Lại về phía Đông nam có tòa tháp, là nơi đức Phật đi vào sông Ni Liên tắm gội. Tiếp đó gần bên sông có nơi đức Phật ngồi ăn bát cháo sữa. Cạnh có hai tòa tháp, là nơi Trưởng giả dâng cúng bột gạo rang mật. Phía Đông nam cây này có tòa tháp, là nơi bốn vị Thiên vương dâng bình bát bằng đá cho đức Phật. Cạnh đó có tòa tháp, là nơi sau khi đức Phật thành đạo thuyết pháp cho mẹ. Lại có nơi độ cho năm anh em Ca-diếp cùng một ngàn người đệ tử. Ngoài cửa phía Bắc bức tường cây đạo chính là chùa Ma ha Bồ-đề, nhà cửa sáu dãy-lầu dài ba tầng, bức tường bao quanh cao năm trượng, có xá lợi đức Phật, lớn như lóng tay, bóng láng tươi sáng thông suốt trong ngoài. Xá lợi thịt của đức Phật, lớn như viên ngọc màu xanh biểu hiện kèm theo màu hồng. Hàng năm đến tháng Đại Thần Biến của đức Phật thì đem ra để mọi người chiêm bái, tức là ngày ba mươi tháng mười hai theo lịch Ấn Độ, nhầm vào ngày mười lăm tháng giêng theo lịch đời Đường lúc ấy. Vào lúc này, xá lợi phóng quang mưa hoa rải đầy khiến cho mọi người phát khởi tín tâm sâu sắc. Chùa đó thường có một ngàn vị Tăng tu tập Đại thừa Thượng Tọa Bộ, pháp tắc oai nghi trong sáng nghiêm túc, là Quốc vương Nam Hải Tăng Già La thỉnh cầu thành lập, trải qua đến nay đã bốn trăm năm. Chùa có nhiều người ở nước Sư tử, hàng năm Tỳ-kheo mãn hạ, đạo-túc khắp nơi đông đến trăm ngàn vạn, cùng nhau cúng dường hương hoa lỹ nhạc khắp khu rừng trong bảy ngày đêm. Chư Tăng Ấn Độ lấy ngày mười sáu tháng năm theo lịch đời Đường làm ngày nhập Hạ an cư, lấy ngày mười lăm tháng tám theo lịch đời Đường làm ngày giải hạ. Đây cũng là tùy theo địa phương sử dụng lịch số không như nhau, không thể nào nhất định được. Như phía Bắc Tuyết Sơn có quốc gia dựa theo mùa Xuân-mùa Thu, ý bởi vì trong một năm thời tiết có nhiều nơi nóng-ấm khác nhau, chế định an trú ba tháng, trong đó trước sau một tháng chậm lại hay thúc nhanh không nhất định.

Nếu như dựa vào sư tu đạo thì lúc nào chẳng an cho nên Luật chế định ba thời lang thang đó đây, tất cả kết luận là có tội, ắt phải có thiện duyên cũng khai mở gồm đủ như nhau. Phía Đông chùa viện vượt qua sông vào trong khu rừng lớn có tháp ở hồ nước phía Bắc, là nơi xưa kia đức Phật làm Hương Tượng con Phụng dưỡng voi mẹ. Phía trước xây dựng trụ đá, là nơi quá khứ đức Phật Ca-diếp ba an tọa như thái ở tại đây. Bên cạnh có dấu tích sinh hoạt của bốn vị Phật. Trụ đá nhỏ trong rừng là nơi Uất đầu lam phát ra ác nguyện. Lại về phía Đông vượt qua Hoàng Hà hơn một trăm dặm đến núi khuất khuất Ngật bá đà (xưa gọi là Kê Túc), ba đỉnh hướng thẳng lên cao, hình dạng giống như chân gà. Trên đỉnh dựng lên tòa tháp lớn, ban đêm đuốc thần phát ra ánh sáng chiếu rọi khắp nơi, chính là nơi Đại Ca-diếp Ba nhập Tịch Định. Ban đầu đức Phật đem Đại y ca sa do dì ruột dệt thành từ sợi vàng trao truyền gởi gắm cho Di-lặc, khiến để lại giáo pháp hóa độ cho bốn bộ đệ tử. Ca-diếp kế thừa giáo chỉ của đức Phật, năm thứ hai mươi sau khi đức Phật Niết-bàn, nâng y đi vào núi để đợi Di-lặc. Con đường vào núi dốc đứng gập ngềnh phần nhiều là những rừng trúc, Sư tử cọp beo voi thú tung hoành chạy nhảy quanh quẩn hầu hạ. Pháp sư Huyền Trang đến núi ấy, mỗi lần nghĩ đến đặt chân leo lên, thì không biết cách nào để tiến lên được. Huyền Trang bèn xin nhà vua mời những người giỏi leo trèo giúp đỡ, được nhà vua cung cấp hơn ba trăm binh sĩ, người nào cũng chuẩn bị đầy đủ dao sắc nhọn để chặt trúc mở thông đường di, ngày đi được mười dặm. Lúc ấy ở trước đó nghe tin Huyền Trang đến núi lễ bái, thì già trẻ gái trai hơn mấy chục vạn người, vội vàng theo nhau đi đến cùng nhau hướng về núi Kê Túc. Đã đến núi ấy nhưng vách đá dựng đứng không có đường đi, bèn buộc trúc lại làm bậc thang nối liền với nhau mà leo lên. Leo đến được đỉnh núi hơn ba ngàn người, nhìn bốn phía vui sướng quá càng thấy thích nhảy lên. Tất cả nhìn thấy qua kẽ đá mà cùng rải hoa cúng dường. Còn dựa vào Vương Huyền Sách Truyện nói: "Nước Việt vào trong tháng ba năm Trinh Quán mười bảy Đại Đường, liền phát ra chiếu thư công khai, lệnh cho người đi sứ là Triều Tán Đại Phu Hành Vệ Úy- Tự Thừa Thượng Hộ Quân Lý Nghĩa Biểu phó sứ, trước là huyện lệnh Hoàng Thủy-Dung Châu Vương Huyền Sách cùng tiễn đưa những người khách Bà-la-môn trở về nước. Tháng mười hai năm đó đến nước Ma-già-đà, nhân đó liền thăm viếng xem xét quê hương của Phật vào dạo qua các dấu tích còn lại, Thánh tích thần hóa còn khắp nơi đang cảm ứng biểu lộ ra ngoài. Đến ngày hai mươi bảy tháng Giêng năm mười chín đến thành Vương Xá, liền leo lên núi Kỳ

-xà-quật, đưa mắt nhìn từ trước đến sau, gần xa không có gì không rõ ràng. Từ khi đức Phật diệt độ đến nay trải qua hơn một ngàn năm, Thánh tích để lại vẫn còn tồn tại trang nghiêm, một đường đi-một chổ ngồi đều có tháp ghi nhớ. Tự nghĩ rằng tài năng tri thức cạn cợt thấp hèn, bỗng nhiên được khom mình nhìn thấy dấu tích linh thiêng, vui buồn lẫn lộn không thể nào kìm lòng được, nhân đó ghi tạc vào núi ấy để lưu truyền mãi mãi, mong muốn làm cho Hoàng Đế Đại Đường mãi mãi sáng ngời cùng với tháng năm, Phật pháp truyền bá lớn mạnh giống như núi này kiên cố muôn đời. Lời văn đó rằng:

Đại Đường cung Chấn phát ra, tấm lòng cao rộng rồng bay, nhà cửa rạng ngời đất nước, ân sâu yên lành khắp nơi. Tam cương ngũ thường coi trọng đức hạnh cao lớn ngút Trời, gương ngọc treo sáng trên cao, khiêm nhường thuận theo tất cả.

Đạo pháp vẫn thật tự nhiên, Nho tông thuận theo lẽ đời, trong yên lành luôn lễ kính, chuyển phong tục vui kiềm chế. Từ trong đất nước phát ra, không giống như đời con cháu, Thích giáo buông xuống từ đây, vận dụng không còn ranh giới.

Thần lực uy phong tự tại, cảm ứng-hóa hiện vô biên, hoặc hiện ra từ lòng đất, hoặc giáng trần từ cõi Trời. Trăm ức mặt trăng-mặt Trời, ba ngàn đại thiên thế giới, mây pháp cùng chung chiếc quạt, tất cả truyền đi Diệu lý.

Tươi tốt thay ngọn núi này, hình dạng hiếm thấy càng nhiều, trên bay đến áng mây thơm, dưới gần làn sóng trong veo. Nơi Thánh Tích linh thiêng tích tụ, nơi đức hạnh hiền tài trải qua, còn Thánh tích ở nơi đỉnh cao, lưu dấu chân vào vách đá ấy.

Núi cao ngăn cách trập trùng, hành lang vách đá nhấp nhô, chuông quý trầm bổng vang vang, mùi thơm kỳ lạ ngào ngạt. Ngắm dấu tích linh thiêng của núi hoa, khắp lòng dạ sùng kính vào bia ngọc, lưu truyền sự thuần hóa của Đại Đường, sánh bằng sự lâu dài của Trời đất".

Lại trong Huyền Trang Pháp Sư Truyện nói: Từ phía Đông núi này đi sáu mươi dặm đến đô thành Cử-xa-kiệt-la-bổ-la, ngoài cửa phía Bắc có tòa tháp, là nơi đức Phật duỗi tay hiện thành năm con Sư tử điều phục voi say Đề bà. Lại có tháp ở phía Đông bắc, là nơi Xá lợi tử nghe Tỳ-kheo Mã Thắng thuyết pháp mà chứng Thánh quả. Phía Bắc tòa tháp có hầm lớn bên cạnh có tháp, là nơi Thất lợi cúc đa bố trí hầm lửa để làm hại đức Phật. Lại từ phía Đông đến núi Khiết lật đà la cử tra (ở đây gọi là Thứu Phong, cũng gọi là Thứu Đài, xưa gọi là núi Kỳ xà quật), bên cạnh có tảng đá lớn, cao một trượng bốn mươi lăm, rộng

hơn ba mươi Bộ, là nơi Đề bà đạt đa ném đức Phật. Dưới sườn núi phía Nam có tòa tháp, là nơi đức Phật ở tại đây thuyết kinh Pháp Hoa. Sườn núi phía Nam có hang đá lớn, xưa kia đức Phật nhập định A nan ở trong hang đá khác bị ma quấy đảo sợ hãi, Ngài dùng tay xuyên qua hang đá xoa trên đầu; hiện tại có hang đá nối thông với nhau. Phía Đông bắc Tinh xá có tảng đá lớn, là nơi đức Phật hong y, nét hằn của y rõ ràng, trong tảng đá bên cạnh có dấu tích của đức Phật. Cửa Bắc thành núi về phía Tây có núi Tỳ-bố-la, sườn phía Tây nam xưa kia có năm trăm dòng suối nước nóng; nay vẫn còn mấy chục dòng suối. Phía Tây hang đá Tất Bát La, xưa kia đức Phật thường an trú. Hang động sau bức tường đá là cung điện của A-tố-lạc. Ngoài cửa phía Bắc núi đi một dặm đến Tinh xá Trúc Viên Ca-lan-đà, phía Đông có tòa tháp lớn, là nơi A-xà-đa một thổ lộ tâm tư (Đường nói là vị Sanh oán), tức là vua A-xà-thế. Phía Tây nam của Trúc Viên khoảng sáu dặm, trong rừng trúc rợp mát ở núi phía Nam có hang đá lớn, là nơi Đại Ca-diếp ba cùng với một ngàn La hán ở tại đây kết tập Tam Tạng, ghế hàng đầu trong Tăng chúng tức gọi là Thượng Tọa Bộ. Phía Tây bắc hang đá có tòa tháp, là nơi A nan bị quở trách mà chứng quả. Phía Bắc của thành núi có thể hơn năm dặm, đến Hạt la xà khiết lợi ôn, Đường nói thành Vương Xá mới. Tòa tháp bên trái con đường ngoài cửa phía Nam, là nơi độ cho La-hổ-la. Về phía Bắc hơn ba mươi dặm đến chùa Na-lan-đà (Đường gọi là chùa Thí vô yếm), là chùa bậc nhất trong Thiệm Bộ Châu, không có chùa nào cao hơn chùa này, chùa do năm vị vua cùng xây dựng cung cấp làm cho bề thế gấp bội, cho nên nhân đó mà gọi tên vậy. Chùa đó cũng có năm viện cùng chung một cổng lớn, vòng quanh bốn lớp tường thành cao hơn tám trượng, đều dùng gạch xây lên; chân tường thấp nhất hãy còn dày sáu thước. Quách bên ngoài ba lớp, tường cũng xây bằng gạch, cao hơn năm trượng. Ở giữa mỗi lớp đều vòng quanh là những kênh rạch ao hồ rất sâu, có đủ các loại hoa thơm cỏ lạ, nghiêm trang đẹp đẽ đáng ngắm nhìn. Từ khi thiết lập đến nay có sự phòng ngừa bảo vệ nghiêm túc rõ ràng, người nữ ô uế chưa từng được phép trú ngụ. Tăng chúng thường trú hơn bốn ngàn người, khách xa là đạo-tục cùng với tà-chánh quả là đưa ra số vạn, đều chu cấp ăn mặc không hề có sự cạn kiệt, cho nên lại gọi là Thí Vô Yếm vậy. Thánh tích trong đó và xung quanh rất nhiều không thể ghi lại hết được. Có các luật sư trí thức sâu rộng, nhà vua cung cấp cho đất đai nhà cửa thậm chí đến mười thành, từng bước hạ xuống tùy theo mức thưởng không kém ba thành. Chùa ấy hiện tại được phong Đại Đức hơn ba trăm người, thông hiểu kinh điển trở lên không

quản lý công việc của Tăng chúng, coi trọng học vấn tìm hiểu bàn luận về pháp khác, cho nên Ô Kỳ đã từ phía Tây đến được đất liền, những người xuất gia phần nhiều đều được học hành miễn phí. Bất luận nước nào truy tìm Sư cũng không có gì cách ngại, nhà vua tuy giữ nước nhưng không dám ngăn cản. Lại từ phía đọng đi vào núi hơn hai trăm dặm đến nước Y Lan Nã, thấy dấu tích đức Phật an tọa, in vào đá hơn một tấc, phần lớn hiện rõ hoa văn cũng tựu như mới làm ra. Có dấu tích đức Phật đang đứng, dài một thước tám tấc hơn, rộng hơn sáu tấc.

Lại cách bảy nước đi về phía Tây bắc đến nước Kiệt La Nã, tà chánh đều tôn thờ, ngoài ra có ba chùa không ăn sữa đặc, là Tăng thuộc về điều Đạt Bộ. Lại đi về phía Tây nam bảy trăm dặm đến nước Ô Đồ, khu vực phía Đông gần biển có thành Phát Hành, có nhiều thương khách đậu thuyền ở ven biển. Tiếp về phía Nam giữa biển lớn có nước Tăng Già La, gọi là nước Chấp Sư tử. Cách nhau đại khái chỉ ra khoảng hai vạn dặm hơn, mỗi đêm nhìn về phía Nam thấy ánh sáng của ngọc quý trên tháp thờ răng đức Phật trong nước ấy, ngọn lửa vọt lên cao như ánh mặt Trời nổi bật hiện rõ ra ở phía chân Trời.

Lại đi về phía Tây nam trải qua tất cả các nước, đều có dấu tích khác nhau. Khoảng năm ngàn dặm đến nước Kiều Tát La, tức là khu vực chính của Nam Ấn Độ, lòng sùng tín càng sâu đậm. Phía Tây nam vương thành hơn ba trăm dặm có núi Hắc Phong là nơi xưa kia Đại vương vì Bồ-tát Long Mãnh mà tạo lập chùa này (xưa nói là Long Thọ). Chùa ấy trên dưới năm tầng, đục đá làm thành chùa, dẫn nước chảy vòng quanh, quả thật là nhiều sự biến dị, men theo núi leo lên đến chùa ấy. Nay người thanh tịnh cố giữ lấy ít có ai leo lên. Tượng đá trong khám thờ có hình dáng rất to lớn, ngày hoàn thành ngôi chùa Long Mãnh đến núi lấy thuốc xoa lên tượng, biến thành vàng tía, thế gian không có gì sánh được. Lại có kinh tạng kèm theo truyền bá vô số, cổ xưa tương truyền, tất cả kinh tạng kết tập ban đầu hiện vẫn còn tồn tại, tuy ở ngoài Phật pháp nhiều lần bị hủy hoại tàn khốc, mà một núi này giữ gìn chắc chắn không có gì thay đổi. Gần đây có Tăng đến nơi đó ở qua mùa Hạ, chỉ được phép đọc tụng chứ không cho phép giữ núi, kể lại đầy đủ sự việc này, nhưng đường đi tối tăm cách trở khó có thể tìm để hỏi han. Lại từ phía Nam đi đến nước Án Đạt La, thuộc Nam Ấn Độ. Phía Tây nam đô thành hơn hai mươi dặm trên đỉnh cô sơn có toà tháp bằng đá, chính là nơi Bồ-tát Trần Na soạn ra Nhân Minh Luận.

Lại từ phía Nam đi một ngàn dặm đến nước Đà-na-kiệt-trách-ca, thuộc Nam Ấn Độ. Phía Đông và Tây đô thành dựa vào núi, vùng nào

cũng có chùa lớn. Xưa kia nhà vua vì đức Phật mà xây dựng. Núi cao thưa thớt đá bày ra vô cùng phong phú nơi Hiền Thánh đi lại nghỉ ngơi. Đức Phật diệt dộ ngàn năm trước chưa có. Nơi đó có ngàn Phàm Tăng, ngày hết an cư đều chứng đến bậc vô học, vút lên Trời cao mà bay đi, nay vắng vẻ không còn người nào. Nơi đó có Luận sư Bà-tỳ-phệ-già (Đường gọi là Minh Biện), chính là Luận Chủ Bát nhã Đăng. Ở trước Quán tự tại không ăn mà uống nước ba năm lập chí thỉnh cầu, mong muốn gặp được Di-lặc. Quán Tự Tại mới vì thế gian mà hiện bày sắc thân. Lại ở đỉnh núi lớn phía Nam đô thành nơi Chấp Kim cang Thần tụng chú Kim cang ba năm, Thần trao truyền phương pháp nói rằng: Trong núi đá này có cung điện của A Tố Lạc, như pháp thỉnh cầu vách đá sẽ mở ra, có thể lập tức vào trong đó đợi Di-lặc xuất hiện, ta sẽ báo cho biết. Lại trải qua ba năm, đốt hại cải đã chú nguyện ném vào vách đá, lập tức hang động mở ra. Lúc ấy trăm ngàn người xem nhìn thấy kinh ngạc ca ngợ, luận sư vượt qua cửa, nhiều lần quay lại nhìn và nói rõ, chỉ có sáu người thuận theo đi vào, những người còn lại nói là hang rắn độc, ngay tức thì cửa đá khép lại như bức tường. Lại theo phía Nam đi hơn sáu ngàn dặm đến nước Mạt-la-cử-tra, tức là khu vực ven biển nơi tiếp giáp cực Nam của Thiện Bộ Châu. Núi phát ra mùi hương Long Não và có cây Bạch Đàn Hương, còn có cây Yết-tát-la-hương, thân tùng không có lá mùi hương như băng tuyết, tức là mùi hương long não. Từ đây về phía Nam có cung Trời giữa biển lớn, là nơi Bồ-tát Quán Tự Tại thường an trú (xưa gọi là Bồ-tát Quán Thế Âm). Gần biển có kinh thành, tức là nước Sư tử xưa kia. Đi vào trong biển khoảng ba ngàn dặm, không phải là bạn lớn kết giao thì không thể đến được. Từ đây về phía Tây bắc hơn bốn ngàn dặm, giữa đường đi qua các nước vốn có những điều thần dị. Góc Đông Nam của nước này mấy ngàn dặm là châu Na La Kê La, người cao ba thước, chim mổ thức ăn chỉ ăn quả dừa.

Lại đến nước Ma ha thứ tha, vua nước đó là Tự Tại Vị Tân Giới Nhật. Chùa có hơn một trăm ngôi, Tăng đồ khoảng năm ngàn. Chùa Đông cảnh Sơn do La hán đã tạo nên có Tinh xá lớn cao hơn một trăm thước, bên trong an tọa bức tượng bằng đá, cao hơn 8 trượng, phía trên làm lọng tàn bằng đá, gồm có bảy lớp, treo lơ lửng giữa hư không, mỗi lớp cách nhau ba thước, người đến lễ bái nhìn thấy không ai không ca ngợi là kỳ lạ. Truyện nói: “Nguyện lực của A-la-hán đã giữ lấy”. Hoặc nói: Thần lực chú thuật kỳ diệu đã giữ lấy.

Lại vượt qua hai nước, phía Tây bắc đến nước Ma Lạp Bà, thuộc Nam Ấn Độ, phía Tây bắc đô thành hơn hai mươi dặm, có ấp lớn của

Bà-la-môn, gần đó có hố bẫy lớn nước chảy vào không đầy, là nơi xưa kia Đại mạn bà-la-môn phỉ báng đại thừa mà thân đang sống rơi vào địa ngục. Lại về phía Tây bắc đến nước A Tra Li, thuộc Nam Ấn Độ, nước này sản xuất ra Hồ Tiêu-Huân Lục Hương, lá cây như cây Đường Lê.

Lại đi vòng về phía Tây bắc vượt qua hơn 10 nước đến nước Ba Thứ Tư, không phải là nơi thuộc về Ấn Độ. Nước này phần nhiều sản xuất ra vàng bạc đá quý-pha lê thủy tinh, chết đi phần nhiều là vứt bỏ thi hài. Bình bát đức Phật còn trong vương cung. Phía Tây bắc tiếp giáp với nước Phật Lẫm, sinh ra con chó trắng, vốn là con vịt đầu đỏ sống ở trong hang. Trong Án Lương Cống chức Đồ nói: "Cách Ba Tư về phía Bắc một vạn dặm, ở phía Tây nam hải đảo có nước Tây Nữ, không thuộc về Ấn Độ. Phật lẫm vào hàng năm thường tặng đàn ông để phù hợp nơi này". Trình bày sơ lược về Thánh tích, theo như trước nói. Liệt kê đầy đủ kỷ vật, phong tục thì hiện còn xem trong đại bổn.

Mong âm thanh lưu truyền xa, là thân quyến nhìn về Đông,
Mừng phong cách ngưỡng mộ đạo, kính quy phạm qua vùng Tây.
Mảy lông cũng thật diệu kỳ, vận dụng thông suốt xưa nay,
Nhờ thần sắc luôn rỗng lặng, hầu như soi tỏ mây mù.
Lưu dấu tích nhiều cảnh tượng, lý sâu xa hướng về đó,
Nương theo mở rộng tâm hồn, dẫn phàm đi con đường Thánh.
Ngàn vị Phật cùng giáo hóa, vạn bậc Hiền đến tỏ bày,
Chân tình Hoàng Đế có cảm, đạo-tục đón chào như nhau.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 30

Thiên thứ 22: TRÚ TRÌ

Thiên này có 10 phần: 1- Thuật ý; 2- Trị phạt; 3- Tư thận; 4- Thuyết thính; 5- Bồ-tát; 6- La hán; 7- Tăng Ni; 8- Trưởng giả; 9- Thiên vương; 10- Quỷ Thần.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý:

Pháp không tự mở rộng, mở rộng bởi con người, người thông suốt tà-chánh, pháp theo người sai lạc. Tương lai muốn Tam bảo trú trì, nhất định phải đầy đủ đức hạnh. Một tông Giáo Luật gồm đủ trước tiên phải suy xét thông thạo, không ngại vất vả mệt nhọc không ham tiếng tăm danh dự, khiến cho đạo tục xa gần tâm tư vui sướng có chổ dựa theo, người thực hành trong địa phương ngưỡng mộ tôn sùng tiến tu đạo nghiệp, kẻ Tăng người tục cùng y theo pháp nhất định lâu dài. Vì vậy, trong Tứ Phần Luật nói: "Chế định không hợp thì không chế định, chế định thích hợp thì liền thực hành. Như vậy dần dần khiến cho giáo pháp tồn tại lâu dài". Nếu như pháp đưa ra theo lẽ thường nói là không có quy củ, trái lại giống như dung tục, làm sao trở thành người giúp đỡ cho mọi người? Nên tự mình rút lui tự kiểm điểm lại mình vì người. Vì vậy luật nói: "Không chế định mà chế định, phải chế định thì đoạn trừ. Như vậy dần dần làm cho giáo pháp hủy diệt nhanh hơn". Thường thấy triều đình quý trọng tôn giáo cao nhất, quả thật là có chữa trị căn bệnh của Tăng Ni. Hoặc có người hành nghề chữa bệnh châm cứu tham cầu danh lợi. Hoặc có người đánh bạt hát ca không hề giữ gìn dung mạo oai nghi. Hoặc có người mượn cớ giúp hôn nhân mai mối trai gái. Hoặc có người gom góp rượu thịt tụ hội không kiêng nể gì. Hoặc có người chơi bời xa hoa duỗi rong theo áo quần xe ngựa. Hoặc có người nắm cổ tay thay bàn tay chẳng khác gì hạng đê tiện tầm thường. Hoặc có người câu kết với bạn bè xấu ác cậy thế người thô kệch, khiến cho tiếng xấu vang lên khắp nơi làm nhiễm bẩn tình cảm tầm thường, người cao quý hơn hẳn

cùng biết tai tiếng mọi nơi tự nhiên nghe thấy. Thế là phụ họa theo dù sao cũng phải loại trừ oan ức lạm dụng người trong sạch. Không phải Tăng Ni thực sự thì không ý theo Thánh giáo, cũng bởi vì hàng bạch y không biết người nào có tài đức. Thật sự bởi vì dăm ba kẻ phàm Tăng mà hủy báng vô lượng người tốt lành. Hoặc có người siêng năng cầu sự học hỏi hiểu biết nhiều về Tam Tạng. Hoặc có người giảng giải đạo lý lợi ích cho chúng sinh suốt năm không thiếu sót. Hoặc có người chú tâm trong thiền định tư duy thường ngồi không nằm. Hoặc có người đọc tụng kinh luận thường siêng năng không lười nhác. Hoặc có người sáu thời lễ sám đêm ngày hành đạo, luôn có ý phục bình thường khất thực đạm bạc thuần phác tự nhiên. Hoặc có người sống trong núi rừng yên lặng thực hành đầu đà khổ hạnh. Hoặc có người chuyên tâm tích góp phước thiện lợi ích cúng dường Tam bảo. Hoặc có người phát triển xây dựng trai hội giảng thuyết cảm hóa phàm tục đi vào đạo pháp. Hoặc có người tìm cách in ấn kinh tượng xây dựng chùa chiền. Như vậy sơ lược nêu ra chủng loại có thể nhớ hết. Tên gọi và đức hạnh của những người này thường dựa vào đạo tràng chuyên tâm thực hành phước trí, thời gian vút nhanh không dừng lại, không có thời gian rỗi để nhiễm thói dung tục. Vì lẽ đó công bằng mà nói địa vị cao nhưng không hiểu biết, chỉ cùng với kẻ thô tục kết bạn thân mật. Vấy nhiễm thói quen đã lâu lấy điều trái làm điều phải, dù cho nhìn thấy Thánh Tăng nhưng mà đem làm phàm chúng, chỉ sinh ra sân hận ngã mạn đâu đã từng có tâm kính trọng. Lặng yên suy nghĩ điều này, há không phải là quá lắm ư?

Thứ hai: PHẦN TRỊ PHẠT

Từ khi bậc Đại Thánh ẩn về Tây-chánh giáo lưu truyền về Đông, Phật pháp gởi gắm nhờ vào Quốc vương khiến cho càng thêm hộ trì. Nhưng Vương pháp tiếp cận làm thay đổi ngày càng trở nên suy sụp, hiến chương sửa trị vi phạm dần dần sẽ không còn. Nếu như nghe nói thì trái lại bị lăng nhục, bởi vì đạo-tục lẫn lộn xấu xa tình ý trái ngược lâu ngày. Giả sử muốn sửa trị trách phạt bỏ ác theo thiện, thì cậy thế lực quan quyền chèn ép người trong sạch. Tăng chúng không có khả năng mà còn làm bẩn tâm tư thanh tịnh, lòng dạ chuyển đổi gian trá-trung thực khó mà làm cho khuất phục, khiến cho Đại giáo chấm dứt, dùng phong khí thời xưa còn lưu lại mà lừa bịp đổi thay. Vì vậy kinh Đại Tập nói: “nếu đời vị lai các bậc vua chúa quyền uy vì bảo vệ giáo pháp cho nên có thể xả bỏ thân mạng, thà rằng bảo vệ một vị Tỳ-kheo như pháp, chứ không bảo vệ vô lượng các Tỳ-kheo xấu xa thì vị vua này xả

thân sanh trong Tịnh Độ. Nếu thuận theo điều ác, thì vị vua này trong vô lượng đời kiếp không trở lại làm thân người. Bậc vua chúa không sửa trị thì đoạn mất Tam bảo-làm mất đi con mắt của chúng sinh, tuy vô lượng đời kiếp tu bố thí-trì giới-trí tuệ mà cũng bị diệt mất. Còn Tỳ-kheo phạm sai lầm cần phải sửa trị, thì một tháng hai tháng sai bảo làm cho khổ sở, hoặc không cho nói năng không cho ngồi chung, hoặc đuổi ra khỏi một nước thậm chí bốn nước nơi có Phật pháp. Sửa trị những Tỳ-kheo xấu xa như vậy, các Tỳ-kheo tốt lành sẽ được an lạc tiếp nhận giáo pháp, vì thế làm cho Phật pháp tồn tại lâu dài không thể hủy diệt". Lại trong luận Tát-bà-đa nói: "Làm trái quy định vương pháp cho nên phải chịu tội Đột cát la".

Lại trong kinh Thắng Man nói: "Đức Thế Tôn đối với người cần phải chiết phục mà chiết phục họ, người cần phải nhiếp thọ thì nhiếp thọ cho họ. Tại vì sao? Bởi vì cách chiết phục và nhiếp thọ vốn là làm cho chánh pháp được tồn tại lâu dài, Trời, Người tăng thêm mà ác đạo giảm bớt, hướng về pháp luân Như lai đã chuyển mà được chuyển theo". Lại trong kinh Niết-bàn nói: "Này người thiện nam hãy lắng nghe kỹ càng! Ta sẽ giảng giải cho ông. Như lai đã đạt được nghiệp trường thọ, Bồ-tát dùng nhân duyên của nghiệp này cho nên đạt được thọ mạng lâu dài. Muốn được trường thọ cần phải thương xót nghĩ đến tất cả chúng sinh giống như nhớ đến con cái của mình, phát lòng Đại Từ, Đại Bi, Đại Hỷ Đại Xả, thọ trì giới cấm Bất Sát-khuyên dạy tu tập thiện pháp. Cũng nên an trí tất cả chúng sinh vào trong năm giới mười thiện. Lại đi vào địa ngục ngạ quỷ-súc sanh-A-tu-la cùng tất cả các đường ác, cứu giúp mọi chúng sinh khổ não trong này, giải thoát người chưa giải thoát, hoá độ người chưa hóa độ, người chưa Niết-bàn khiến cho được Niết-bàn, an ủi vỗ về tất cả những người đang sợ hãi. Nhờ vào nhân duyên những nghiệp như vậy, cho nên Bồ-tát sẽ được thọ mạng lâu dài, đối với những trí tuệ mà được tự tại, tùy theo khi thọ mạng chấm dứt sanh lên cõi Trời. Bồ-tát Ca-diếp thưa với đức Phật rằng: Thưa Đức Thế tôn! Ở trong Phật pháp có người phá giới, có người gây ra nghịch tội, có người hủy báng chánh pháp, vì sao phải đối với những người như vậy mà sinh ý tưởng giống như con cái? Đức Phật bảo với Ca-diếp: Này người thiện nam! Ví như Quốc vương cùng các quần thần, có phạm vào Vương pháp thì tùy theo tội mà trách phạt chứ không bỏ qua. Như lai Thế tôn thì không phải như vậy, đối với người hủy báng giáo pháp, cho phép yết ma đuổi đi yết ma trách mắng, yết ma bỏ qua yết ma vạch tội-yết ma không đáng thấy-yết ma loại trừ-yết mà chưa

bỏ ác kiến. Này người thiện nam! Như lai Thế tôn cùng với người hủy báng giáo pháp, làm những pháp yết Ma hàng phục như vậy, là muốn chỉ rõ cho người có những ác hạnh vốn đã có quả báo. Ta Niết-bàn rồi thuận theo những phương diện ấy, có Tỳ-kheo trì giới đầy đủ oai nghi hộ trì chánh pháp, thấy người hủy hoại giáo pháp thì có thể đưa ra sửa trị để trách mắng hay đuổi đi, nên biết rằng người này có được vô lượng phước thiện không thể nào diễn tả tính toán được. Thậm chí nếu Tỳ-kheo tốt lành thấy người hủy hoại giáo pháp, bỏ qua không đưa ra xử tội để trách mắng hay đuổi đi, nên biết rằng người này là kẻ thù trong Phật pháp. Nếu có năng lực đưa ra xử tội để trách mắng hay đuổi đi, thì người này thật sự là Thanh văn-đệ tử của Ta”. Kinh lại nói: “Nay Như lai đem chánh pháp Vô thượng giao phó gởi gắm cho các vị Quốc vương-Đại thần-Tể Tướng-Tỳ-kheo-Tỳ-kheo-ni-Ưu-bà-tắc-Ưu-bà-di, thì các Quốc vương và bốn bộ chúng, cần phải khích lệ những người học, khiến cho giới định trí tuệ được Tăng lên. Nếu có người không học ba phẩm pháp này thì lười nhác-phá giới-hủy hoại chánh pháp, hàng Quốc vương-Đại thần và bốn bộ chúng, cần phải sửa trị làm cho khổ sở!” Kinh lại nói: “Nếu có Tỳ-kheo vật dụng cung cấp cho thân cũng được đầy đủ, lại có năng lực hộ trì giới cấm đã thọ, có thể làm Sư tử hống giảng giải rộng pháp vi diệu, nghĩa là Tu-đa-la cho đến A-phù-đà-ma, đem những kinh điển trong chín bộ như vậy giảng giải rộng ra cho người khác, làm lợi ích an lạc cho chúng sinh, xướng lên lời nói như vậy. Trong kinh Niết-bàn chế định các Tỳ-kheo không nên nuôi giữ nô lệ tôi tớ-trâu dê cùng những vật trái với giáo pháp. Nếu có Tỳ-kheo nuôi giữ những vật không thanh tịnh như vậy, thì cần phải sửa trị người đó”. Trước đây Như lai ở trong bộ kinh khác có thuyết rằng: Có Tỳ-kheo nuôi giữ những vật trái với giáo pháp như vậy, có vị Quốc vương đó đã sửa trị như pháp, đuổi đi khiến phải hoàn tục. Nếu có Tỳ-kheo có thể làm Sư tử hống như vậy, lúc ấy có người phá giới, nghe lời nói này rồi tất cả cùng nổi giận làm hại vị Pháp sư này. Người giảng giải giáo pháp này, giả sử có chấm dứt mạng sống, cũng vốn gọi là trì giới tự lợi và lợi tha”. Vì nhân duyên này cho nên tôi tùy theo Quốc chúa-quần thần-tể tướng cùng các vị thiện nam tín nữ bảo vệ người giảng giải giáo pháp. Trong kinh trình bày rộng hơn: “Lúc Tỳ-kheo Giác Đức bảo vệ chánh pháp, chế định các Tỳ-kheo không được phá giới-tích chứa đồ vật phi pháp. Đồ chúng phá giới nghe lời nói này rồi, liền đến làm hại. Lúc ấy có vị Quốc vương, tên gọi Hữu Đức, âm thầm truyền lệnh hộ trì Tỳ-kheo Giác Đức, và cùng nhau chiến đấu cứu được Pháp Sư. Từ đó về sau thường được gặp được

đức Phật, cho đến khi cả hai người đều được thành Phật". Trong Tự Chỉ nói: "Quốc vương lúc bấy giờ là thân Ta bây giờ, Tỳ-kheo thuyết pháp là đức Phật Ca-diếp, vì bảo vệ giáo pháp cho nên đều được thành tựu thân Kim cang này". Lại nói: "Sau khi ta Niết-bàn ở đời đầy ác trược, quốc độ rất hỗn loạn hà hiếp cướp đoạt lẫn nhau, nhân dân lâm vào cảnh đói khát khốn cùng. Lúc ấy có nhiều người vì đói khổ cho nên phát tâm xuất gia. Người như vậy gọi là người trược đầu. Hạng người trược đầu này thấy có Tỳ-kheo thanh tịnh trì giới đầy đủ oai nghi hộ trì chánh pháp, xua đuổi khiến cho phải ra ngoài, hoặc là giết chết hoặc là làm hại. Bồ-tát Ca-diếp thưa với đức Phật rằng: Thưa đức Thế tôn! Người trì giới này bảo vệ chánh pháp, vì sao phải chịu đi lang thang khắp thôn làng thành ấp để giáo hóa? Này người thiện nam! Vì vậy nay Ta thuận cho người trì giới dựa vào các hàng bạch y cầm dao gậy để làm thành bầu bạn. Nếu các vị Quốc vương-Đại thần-Trưởng giả-Ưu-bà-tắc..., vì bảo vệ giáo pháp cho nên tuy cầm dao gậy, nhưng Ta nói những người này gọi là trì giới, tuy cầm dao gậy mà không phải làm hại mạng sống. Nếu có thể như vậy, thì được gọi là trì giới bậc nhất". Lại nói: "Ta ở trong kinh cũng có nói đến những hạng phạm vào bốn Ba la di cho đến Đột cát la là lổi lầm vi tế, nên sửa trị làm cho khổ sở. Nếu chúng sinh không hộ trì cấm giới, thì làm sao có thể thấy được Phật tánh? Tất cả chúng sinh tuy là có Phật tánh, nhưng cần phải dựa vào trì giới sau đó mới thấy được, nhờ thấy Phật tánh mà được thành tựu quả vị A nậu Bồ-đề. Lại nói kệ rằng:

Nếu như Tỳ-kheo tu tập, giới định cùng với trí tuệ,
Nên biết là sẽ không lâu, chính mình gần Đại Niết-bàn".

Còn Nguyệt Đăng nói kệ rằng:

Cho dù đọc nhiều kinh điển, cậy đa văn phá giới cấm,
Đa văn không thể cứu được, khổ đau địa ngục phá giới.
Lại trong kinh Thập Luân, đức Phật thuyết kệ rằng:
Có Sát đế lợi chân thiện, cúng dường đối với chánh pháp,
Tam thừa được phát triển mạnh, nên đạt được nhiều công đức.
Đầy đủ các loại châu báu, khắp ở cõi Diêm-phù-đề,
Lấy để cúng dường chư Phật, phước đó hãy còn có hạn.
Thậm chí khắp Tứ thiên hạ, xây dựng Tăng xá cúng dường,
Điều ấy tuy được phước lớn, nhưng kém hộ trì chánh pháp.
Giả sử kính thờ chư Phật, xây dựng tháp miếu khắp nơi,
Việc ấy tuy được phước lớn, không bằng hộ trì chánh pháp.
Ví như năm mặt Trời mọc, có thể làm khô biển lớn,

Nếu ai bảo vệ pháp Ta, thì cạn dòng nước phiền não.
Ví như phong tai nổi lên, tất cả núi non sập hết,
Nếu người bảo vệ chánh pháp, cũng diệt sạch các phiền não.
Ví như thủy tai xảy ra, mặt đất hủy hoại trôi hết,
Nếu người bảo vệ chánh pháp, cũng tiêu trừ mọi phiền não.

Thứ ba: PHẦN TƯ THẬN

Phàm muốn trở thành bậc đại y mở rộng Tam Tạng giáo pháp, trước tiên cần phải thích hợp căn cơ, tự chữa căn bệnh của mình rồi sau chữa trị cho người. Pháp được tồn tại lâu dài, không thể nào vì danh lợi cố ý bàn suông về danh giáo, không tu tập một hạnh nào thì giống như hạng say sưa ngông cuồng. Vì vậy trong luận Đại Trang Nghiêm nói: "Có hai loại say: Một là say sưa khi mình thành tựu về tài sắc..., hai là say sưa khi người khác ca ngợi tán thưởng". Hai loại say này, một loại trước phần nhiều là những người tại gia say sưa khi mình giàu sang, mở rộng cánh cửa phóng dật tạo ra nhân tố địa ngục; một loại sau phần lớn là những người xuất gia, tham lam học thói danh lợi khinh rẻ tự thân, hy vọng người ta khen ngợi liền sanh ra kiêu mạn, chí thú mơ màng lạc mất Thánh ý, mù lòa không thấy Đạo lưu lạc trong ba đường. Cho nên trong kinh Niết-bàn nói: "đức Phật bảo với Ca-diếp: Ta nhập Niết-bàn rồi bảy trăm năm sau, là lúc Ma Ba Tuần dần dần sẽ ngăn trở làm hỏng chánh pháp của Ta. Ví như người thợ săn thân khoác pháp y, Ma Vương Ba Tuần cũng lại như vậy, làm thành hình tượng Tỳ-kheo-hình tượng Tỳ-kheo-ni-hình tượng Ưu-bà-tắc-Ưu-bà-di, cũng hóa làm thân Tu đà hòan cho đến hóa làm thân A-la-hán và sắc thân đức Phật. Ma vương dùng hình hài hữu lậu này, làm thành hình hài vô lậu để phá hoại chánh pháp của Ta". Kinh lại nói: "Nếu có Tỳ-kheo, vì lợi dưỡng thuyết pháp cho người ta, thì tất cả đồ chúng quyến thuộc của người này, cũng bắt chước ông Thầy này tham cầu lợi dưỡng, người này đã tự mình phá hoại đồ chúng như vậy". Lại nói: "Nếu có Tỳ-kheo tuy trì cấm giới, mà vì lợi dưỡng cho nên cùng với người phá giới giao du qua lại thân thiết, cùng gần gũi nhau, cùng chung sự nghiệp với nhau, thì gọi là phá giới, cũng gọi là tạp Tăng". Lại nói: "Có người luôn luôn ẩn kín không phải là hạng Nhất Xiển Đề, tại sao như vậy? Bởi vì như người có tu bố thí trì giới tốt đẹp, thì gọi là luôn luôn ẩn kín". Cho nên trong kinh nói: "Này người thiện nam! Có bốn việc thiện thu hoạch quả báo xấu ác. Những gì là bốn việc thiện? Một là vì hơn người khác cho nên đọc tụng kinh điển, hai là vì lợi dưỡng cho nên thọ trì giới pháp thanh tịnh, ba là vì

quyến thuộc người khác cho nên thực hành bố thí, bốn là vì cõi Phi tưởng phi phi tưởng mà bận lòng tư duy. Đây là bốn việc thiện nhận lấy quả báo xấu ác". Lại nói: "Là Nhất Xiển Đề diệt các thiện căn, cho nên không phải là căn cơ ấy. Giả sử là người trăm ngàn vạn năm, nghe và tiếp nhận kinh Đại Niết-bàn như vậy, rốt cuộc không thể nào phát tâm Bồ-đề được. Vì sao như vậy? Bởi vì không có thiện tâm". Kinh lại nói: "Này người thiện nam! Sau khi ta Niết-bàn vô lượng trăm ngàn năm, Thánh nhân bốn đạo cũng đều Niết-bàn. Sau khi chánh pháp hủy diệt, ở trong Tượng pháp sẽ có Tỳ-kheo, có vẻ giống như trì luật nhưng ít đọc tụng kinh điển, ham thích ăn uống nuôi lớn xác thân, y phục nơi thân thô lậu xấu xa, hình dáng tiều tụy, không có một chút uy đức, chăn nuôi trâu dê gánh củi lửa, râu tóc bờm xờm, móng tay móng chân thảy đều dài nhọn. Tuy khoác ca sa mà giống như người thợ săn, bước nhẹ nhàng đi chầm chậm như mèo rình chuột, thường xướng lên lời này: Tôi đạt được quả vị La hán. Thật là nhiều bệnh khổ-nằm ngủ nơi rác rưởi, bẩn thỉu, ngoài hiện ra tướng hiền thiện-trong lòng đầy ắp tham lam ganh ghét, như những Bà-la-môn tiếp nhận pháp âm, thật sự không phải Sa-môn mà hiện hình dạng Sa-môn, tà kiến rừng rực phỉ báng chánh pháp. Những người như vậy phá hoại làm mất oai nghi chánh pháp giới luật mà Như lai đã chế định, nói về quả giải thoát pha lẫn pháp bất tịnh, và hủy hoại giáo pháp bí mật rất sâu xa, tất cả đều tự mình tùy ý nói ngược lại với kinh luật, mà dấy lên nói rằng: Như lai đều cho phép chúng ta ăn thịt uống rượu. Tự mình phát ra luật thuyết này nói là Như lai thuyết ra, cùng nhau tranh cãi đúng sai, ai cũng tự xưng là Sa-môn Thích tử. Này người thiện nam! Lúc bấy giờ lại có các hạng Sa-môn, tích chứa gạo, được lấy cá thịt, tay tự cầm lấy bình dầu làm thức ăn, lọng quý che đầu-chân mang giày da gần gũi Quốc vương-Đại thần-Trưởng giả xem tướng đoán sao-chịu khó học tập phương pháp chữa bệnh, nuôi giữ tôi tớ hầu hạ, vàng bạc tiền của chất đầy, học các loại nghề nghiệp tinh xảo, vẽ tranh nặn hình, làm sách dạy học, trồng trọt kinh doanh, nuôi ươm sâu độc-bùa chú huyền ảo, hoà chế các loại thuốc-làm các loại kỹ nhạc, hương hoa chữa trị thân hình, đánh bạc chơi cờ cùng các loại tinh xảo... Nếu có Tỳ-kheo luôn luôn xa rời các việc xấu ác ấy, nên nói rằng người này thật là đệ tử của Ta. Nếu như trái lại luyện tập việc này, gần gũi Quốc vương-Vương Tử-Đại thần và những người nữ, lớn tiếng-cười to, hoặc là lặng lẽ, ở trong các pháp nảy sinh nhiều nghi hoặc, lắm lời nói xằng đúng sai đẹp xấu hoặc là thiện-bất thiện, thích mặc áo đẹp...Các loại sự việc bất tịnh như vậy đều không phù hợp. Ở trước thí chủ khúm

núm khen ngợi, lang thang vào ra những nơi bất tịnh, đó là nơi mua rượu-gái dâm-cờ bạc. Hạng người như vậy nay Ta không cho phép ở trong Tỳ-kheo, cần phải loại ra khỏi đạo hoàn tục làm hạng nô dịch, ví như cặn bả gạt hết không sót lại gì. Nên biết rằng những điều này kinh luật đã chế định, đều là lời Như lai đã thuyết ra. Nếu có người nào tùy thuận lời ma thuyết ra, thì người đó làm quyến thuộc của ma. Nếu có người nào tuỳ thuận lời Phật đã thuyết, thì người đó chính là Bồ-tát". Thậm chí trong kinh nói: "Tỳ-kheo phá giới phải ở trong trăm ngàn vạn ức kiếp số, cắt xẻ thịt mình để đền nợ của thí chủ. Nếu sanh trong súc sanh thì thân luôn luôn mang vác nặng. Vì sao như vậy? Bởi vì giống như tách một sợi tóc ra làm ngàn ức phần, thì Tỳ-kheo phá giới hãy còn không thể nào trừ được một phần cúng dường, huống là có thể trừ hết món nợ về áo quần-ăn uống-đồ nằm-thuốc men của người khác cung cấp ư?" Lại nói: "Thích nhìn phụ nữ mà không gần gũi người nam, thậm chí ghét người trì giới mà gần gũi kẻ phá giới, thường khen ngợi bố thí mà không tán đồng trì giới-nhẫn nhục-tinh tiến-thiền định-trí tuệ. Không ca ngợi tịch diệt một mình ở nơi vắng lặng, thường thích bàn tán mỉa mai sai lầm của người trì giới, cũng không ca ngợi tán thưởng người thực hành đầu đà, hoặc là dựa vào điều ấy thêm bớt tệ hại thật là ngang ngược". Trong kinh lại nói: "Này người thiện nam! Chánh pháp của Như lai vào lúc sắp diệt hết, bấy giờ có nhiều Tỳ-kheo ác hành, không biết kho tạng sâu xa bí mật của Như lai, lười nhác uể oải không thể nào đọc tụng, rêu rao phân biệt chánh pháp của Như lai, ví như kẻ giặc ngu si vất bỏ vật báu thực sự mà mang vác rơm cỏ trở về. Bởi vì không hiểu rõ kho tạng sâu xa bí mật của Như lai, cho nên ở trong kinh này lười nhác chịu khó, đau xót thay thật nguy hiểm! Đời tương lai thật đáng kinh hãi, khổ đau thay chúng sinh, không chịu khó lắng nghe tiếp nhận kinh điển Đại Thừa này! Kinh Đại Niết-bàn chỉ riêng các bậc Bồ-tát Ma ha tát mới có khả năng đối với kinh này, đạt được nghĩa lý chân thật mà không chấp vào văn từ, tùy thuận không trái ngược mà giảng giải cho chúng sinh. Lại nữa, này người thiện nam! Giống như người nữ chăn trâu vì muốn bán sữa, ham nhiều lợi cho nên thêm vào hai phần nước, chuyển sang bán cho người nữ chăn trâu nơi khác. Người nữ kia mua sữa được rồi lại thêm vào hai phần nước, chuyển sang bán cho người nữ ở thành bên cạnh. Mua được sữa rồi lại thêm hai phần nước, lại chuyển sang bán cho người nữ ở trong thành. Người nữ ấy mua được sữa rồi lại thêm hai phần nước, mang đến chợ mà bán. Lúc ấy có một người con trai cưới vợ, đang cần sữa tốt để tiếp đãi khách bạn, đến chợ muốn mua.

Người bán sữa này đòi giá rất cao, người mua trả lời rằng: Sữa của nhiều nước không đáng giá như vậy đâu, chính vì hôm nay tôi tiếp đãi khách bạn, cho nên phải lấy. Lấy sữa rồi trở về nhà nấu chín dùng thay cháo, đã không còn mùi vị của sữa. Tuy là không còn mùi vị nhưng ở trong vị đắng ngàn lần vẫn cho là hơn hẳn. Tại vì sao? Bởi vì sữa là vị đứng đầu trong các vị. Này người thiện nam! Sau khi Ta Niết-bàn chánh pháp chưa diệt mà còn lại tám mươi năm, lúc bấy giờ kinh này sẽ truyền bá rộng khắp ở cõi Diêm-phù-đề. Lúc này có nhiều Tỳ-kheo làm những điều xấu xa, cướp đoạt kinh này phân làm nhiều phần, có thể mất hết sắc hương và mùi vị tuyệt vời của chánh pháp. Những người xấu xa này tuy là đọc tụng kinh điển như vậy nhưng mà diệt trừ ý nghĩa cốt yếu sâu xa bí mật của Như lai, sắp xếp từ ngữ trang nghiêm của thế gian, trau chuốt câu chữ không còn ý nghĩa, lấy trước đặt sau, lấy sau đặt trước, trước sau đặt vào giữa, giữa đặt vào trước sau. Nên biết rằng những Tỳ-kheo tệ hại như vậy là bạn bè của ma, tiếp nhận cất giữ tất cả các thứ bất tịnh, mà nói là Như lai đều cho phép mình cất giữ. Như người nữ chăn trâu thêm nhiều nước vào sữa, các Tỳ-kheo tệ hại cũng lại như vậy, chỉ dùng ngôn từ thế gian đan vào nhau nhất định cho là kinh, khiến nhiều chúng sinh không thể nào giảng giải đúng-viết chép đúng-chọn lấy chính xác để ca ngợi tôn trọng-cung kính cúng dường được. Tỳ-kheo tệ hại này bởi vì lợi dưỡng, cho nên không có thể truyền bá rộng rãi kinh này đến mọi nơi được. Những gì có thể phân bố lưu truyển ít quá không đủ để nói, như người nữ nghèo túng chăn trâu kia, truyền qua tay nhiều người nên sữa nhạt dần không còn mùi vị; tuy không có mùi vị nhưng hãy còn hơn hẳn vị khác, đủ để gấp ngàn lần như mùi vị của sữa ấy, đối với các vị đắng là hơn cả ngàn lần. Tại vì sao? Bởi vì kinh Đại Niết-bàn là chuẩn mực của Đại thừa, đối với kinh Thanh văn quả thật là Thượng Thủ, dụ như sữa trâu là vị tốt nhất trong các vị. Bởi vì nghĩa này cho nên gọi là Đại Niết-bàn”.

Thứ tư: PHẦN THUYẾT THÍNH.

Như kinh Niết-bàn nói: “Lại nữa, này người thiện nam! Nếu đệ tử của Ta thọ trì đọc tụng viết chép giảng giải kinh Niết-bàn này, thì đừng nói trái thời, đừng nói ở quốc độ không hợp, đừng nói khi không yêu cầu, đừng nói bằng tâm lý khinh thị, đừng nói khắp nơi, đừng nói chính mình ca ngợi, đừng nói người khác coi thường, đừng nói vào lúc Phật pháp hoại diệt, đừng nói thế gian rừng rực! Này người thiện nam! Nếu đệ tử của Ta thọ trì kinh này trái thời mà nói, cho đến pháp thế

gian rừng rực mà thuyết giảng, thì người ta sẽ khinh thị trách mắng mà dấy lên nói rằng: nếu kinh Đại Niết-bàn là kho tạng bí mật của Phật có uy lực to lớn, vì sao khiến cho ông trái thời mà nói thậm chí lúc pháp thế gian rừng rực mà ông cũng nói? Nếu người trì kinh dấy lên nói như vậy: Nên biết rằng kinh này không còn uy lực. Nếu không còn uy lực thì tuy tiếp tục thọ trì cũng không lợi ích gì. Bởi vì khinh thị hủy báng kinh Niết-bàn này, cho nên khiến vô lượng chúng sinh rơi vào địa ngục, đó là ác tri thức của chúng sinh, không phải đệ tử của Ta mà là quyến thuộc của ma. Nếu như vì lợi dưỡng-năm thứ dục lạc-danh tiếng vang xa mà thuyết kinh, thì sự việc giống như buôn bán làm cho chánh pháp mau chóng hủy diệt". Lại trong kinh Niết-bàn nói: "Vì sao nói chiên đàn trao đổi cây gỗ tầm thường? Nếu như đệ tử của Ta, vì sự cung dưỡng, hướng đến những người bạch y mà diễn giảng kinh pháp, người bạch y tính tình phóng dật không vui lòng lắng nghe, người bạch y ở trên cao-Tỳ-kheo ở dưới thấp, và dùng các loại đồ ăn thức uống sang trọng mà cung cấp cho, vẫn không bằng lòng lắng nghe; đây gọi là chiên đàn đổi lấy loại gỗ tầm thường. Vì sao nói lấy vàng ròng trao đổi đá cuội? Bởi vì đá cuội ví như sắc-thanh-hương-vị-xúc, vàng ròng ví cho giới. Những đệ tử của Ta, bởi vì nhân duyên của sắc mà phá giới đã thọ, thì gọi là lấy vàng ròng trao đổi đá cuội. Vì sao nói đem bạc nén đổi lất thiếc và chỉ? Bởi vì bạc nén ví như mười thiện, thiếc chì ví như mười ác. Các đệ tử của Ta, buông bỏ mười thiện làm theo mười pháp ác, thì gọi là đem bạc nén đổi lấy thiếc-chì. Vì sao nói đem lụa tốt đổi lấy vải thô? Vải thô đem ví như vô tàm vô quý, lụa tốt ví như tàm quý. Những đệ tử của Ta, buông bỏ tàm quý huân tập không còn tàm quý, thì gọi là đem lục tốt đổi lấy vải thô. Vì sao nói cam lồ đổi lấy thuốc độc? Thuốc độc đem ví như các loại cúng dường. Cam lộ dùng ví như các pháp vô lậu. Những đệ tử của Ta, bời vì lợi dưỡng cho nên hướng đến nơi người bạch y, nếu tự khen mình nói là đạt được pháp vô lậu, thì gọi là cam lộ đổi lấy thuốc độc".

Lại trong kinh Pháp Hoa nói: "Bồ-tát Ma ha tát không thân cận với hàng Quốc vương, Vương tử-Đại thần-Quan trưởng không thân cận với các hạng ngoại đạo Phạm chí-Ni kiền tử..., không thân cận với người tạo ra văn bút-tán vịnh-ngoại thư của thế tục, thậm chí với những người săn bắn-đánh bắt và những luật nghi xấu ác, không thân cận với người cầu pháp Thanh văn. Lại không thuận theo người nữ làm cho thân hình luôn luôn khởi tướng trạng nghĩ đến dục lạc mà thuyết pháp cho họ, cũng không thích tiếp xúc, nếu đi vào nhà người ta thì không cùng bé

gái-con gái chưa chồng-đàn bà góa...trò chuyện với nhau, lại cũng không gần gũi với năm loại người không phải đàn ông để làm bạn thân. Không một mình đi vào nhà người khác, nếu có nhân duyên cần phải một mình đi vào thì chỉ nhất tâm niệm Phật. Nếu thuyết pháp cho người nữ, thì không cười lộ răng, không bày tỏ lời nói suy nghĩ trong lòng, thâm chí vì pháp hãy còn không coi trọng thân thiết, huống là những việc khác ư? Không thích nuôi đệ tử nhỏ tuổi-Sa-di bé thơ, cũng không thích cùng chung một Thầy với nhau, thường thích ngồi thiền ở nơi vắng lặng tu tập thâu nhiếp tam mình. Lại trong kinh Phật Tạng nói: "Thuyết pháp bất tịnh có năm loại: Một là tự nói mình biết hết Phật pháp, hai là lúc thuyết về kinh Phật đưa ra sai lầm trái ngược nhau trong các kinh, ba là ở trong các pháp tâm nghi ngờ không tin, bốn là tự dùng cái biết của mình phản đối pháp trong kinh khác, năm là vì lợi dưỡng mà thuyết pháp cho người khác. Người thuyết giảng như vậy, Ta nói rằng người này sẽ rơi vào địa ngục chứ không đến được Niết-bàn". Lại nói: "Ta từ lâu chịu khó chịu khổ cầu mong giáo pháp quý báu này, mà người ác này vất bỏ không giảng thuyết, chỉ dùng ngôn từ nghĩa lý trái ngược với kinh, cùng nhau tranh cãi đúng sai không thuận theo chánh pháp, ở trong Thánh pháp giữ tâm tự đại ngã mạn, tuỳ ý mà giảng thuyết vì cầu lợi dưỡng. Nếu như Tỳ-kheo thuyết pháp xen lẫn nghĩa lý của ngoại đạo, có Tỳ-kheo tốt nên từ chổ ngồi mà đi, nếu không như vậy thì không phải là Tỳ-kheo tốt, lại cũng không gọi là người tùy theo Phật giáo. Người thuyết giảng như vậy, ta rằng người này nói là đệ tử của ngoại đạo Ni Kiền, chẳng phải là đệ tử Phật, gọi là hạng địa ngục súc sanh ngạ quỷ. Tại vì sao? Bởi vì mình không chứng pháp mà ngồi ở tòa cao, tự mình không biết mà dạy cho người ta, là pháp rơi vào địa ngục. Lại ở sau này Tỳ-kheo thích học kinh điển ngoại đạo, đang lúc thuyết pháp trau chuốc văn từ khiến cho mọi người vui vẻ, lúc ấy ác ma hổ trợ làm mê hoặc mọi người chướng ngại cho thiện pháp. Hoặc có người tham đắm âm thanh ngôn ngữ văn từ hoa mỹ khéo léo, hoặc có người thích kinh điểm ngoại đạo, thì ma đều làm mê hoặc khiến cho tâm an ổn. Lại giống như đám người mù bỏ đồ vật đã có muốn đến nơi bố thí nhiều hơn mà rơi vào hố sâu. Các đệ tử của ta cũng lại như vậy, bỏ cơm áo đạm bạc mà chạy theo nơi bố thí nhiều hơn mong cầu sự cúng dường tốt đẹp, bởi vì lợi dưỡng thế gian cho nên mất đi trí tuệ to lớn, mà rơi vào hầm sâu của địa ngục A tỳ". Lại nói: Thuyết pháp bất tịnh thì đắc tội rất nhiều, cũng làm ác tri thức cho chúng sinh, cũng báng bổ chư Phật quá khứ-vị lại và hiện tại. Nếu như người làm mất đi tính mạng của chúng sinh trong tam thiên đại

thiên thế giới, thì so với tội lỗi thuyết pháp bất tịnh còn nhiều hơn tội lỗi này. Tại vì sao? Bởi vì người này đều làm việc giúp ma phá trừ quả vị A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam Bồ-đề của chư Phật, cũng khiến cho chúng sinh ở trong trăm ngàn đời kiếp nhận chịu những sự suy sụp khổ não, chỉ luôn luôn làm cho ràng buộc mà không thể nào khiến cho giải thoát được, nên biết rằng người này là ác tri thức đối với các chúng sinh. Vì vọng ngữ này, ở trong đại chúng hủy báng chư Phật, vì nhân duyên này mà nơi vào địa ngục to lớn. Dạy cho nhiều chúng sinh theo sự việc tà kiến, vì thế cho nên gọi là người tà kiến xấu ác". Lại nói: "Này Xá-lợi-phất! Lúc bấy giờ Tỳ-kheo phá giới, cho đến vì có được một cốc rượu nên cùng với những người bạch y diễn nói Phật pháp. Ý ông nghĩ thế nào? Nhiều tham sân si hay là nhiều niềm vui học hỏi kinh pháp, tham trước lợi dưỡng mà làm điều không chút thanh tịnh? Này Xá-lợi-phất! Nếu có Tỳ-kheo, tuổi cao có đức hạnh, là con rồng giữa chúng Tỳ-kheo, có trí tuệ sâu sắc, là người luôn luôn tin tưởng pháp không vốn có tự tướng rỗng không-không có ngã-không có Nhân pháp. Tại vì sao? Bởi vì người này không thích đông đúc náo nhiệt nói năng lẫn tạp, không thích ngủ nghỉ và nhiều chuyện, không làm công việc quản lý kinh doanh của người bạch y, không làm sứ mạng chuyển giao văn thư, không làm nghề chữa bệnh, không học phương pháp trị bệnh, không làm nghề buôn bán, không thích luận bàn giảng nói ngôn ngữ thế gian, chỉ mong muốn giảng giải về pháp xuất thế gian. Này Xá-lợi-phất! Nay ta hiểu rõ bảo cho ông biết rằng những Tỳ-kheo cầu tự lợi hoàn thiện mình, lúc đang như vậy không nên đi vào trong chúng thậm chí chỉ một đêm, chỉ trừ A-la-hán đã đoạn hết phiền não và Tỳ-kheo đang bệnh có duyên ở trong chúng. Tại vì sao? Này Xá-lợi-phất! Con người đang lúc như vậy chứa đầy độc tố của tham dục-sân hận-ngu si, sợ hãi không được sống luôn luôn làm cho bức bách thực sự, người cầu lợi ích tốt lành thường thuận theo tự mình sống trong núi rừng yên lặng u tịch, thậm chí kết thúc mạng sống giống như thú rừng chết đi". Lại nói: "Pháp chân thật này của Ta không tồn tại mãi mãi giữa thế gian, tại vì sao? Bởi vì phước đức, thiện căn của chúng sinh đã hết, đời ác trược đang đến gần".

Còn trong kinh Đại Tập Nguyệt Tạng nói: "Nếu có chúng sinh, chỉ dựa vào đọc tụng kinh điển mà mong cầu quả vị A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam Bồ-đề, thì người này còn nhiều tham đắm đối với thế tục. Bởi vì thế tục, cho nên phiền não trong tâm mình hãy còn không thể điều phục được, làm sao có năng lực điều phục phiền não cho người khác? Này người thiện nam! Người thích đắm trong sự đọc tụng mà cầu quả vị

Bồ-đề, thì có tâm lý ganh ghét cầu mong đối với danh lợi, tâm cao ngạo tự cậy mình khinh mạn hủy nhục người khác, thiện căn cõi Dục hãy còn không thể có được, huống là có thể được tất cả thiện căn của cõi Sắc và cõi Vô sắc hay sao?"

Lại trong kinh Ma ha Diễn, Đại bảo Nghiêm nói: "Ví như thầy thuốc mang thuốc đi khắp mọi nơi, mà bệnh của chính mình không thể nào chữa trị được. Người đa văn có căn bệnh phiền não cũng lại như vậy, tuy có đa văn mà không chế ngự phiền não-không thể nào tự lợi mình thì chẳng có công dụng gì cả. Ví như người chết mang chuỗi ngọc vòng vàng, hạng đa văn phá giới khoác mặc y pháp thọ nhận sự cúng dường của người cũng lại như vậy".

Còn trong kinh Phương Quảng Thập Luân nói: "Nếu có chúng sinh dấy lên tâm lý thô thiển tệ hại làm điều ngu si nói năng càn rỡ độc địa, tự cho mình là người có trí, thậm chí không lìa tà kiến, vì mong cầu lợi dưỡng của người khác mà sanh lòng ganh ghét, tham đắm danh xưng tự đề cao mình-khinh thường người khác-không thể nào giữ gìn các nghiệp của thân khẩu ý, tâm thường nghĩ điều ác luôn luôn dấy lên nói như vậy, mà tự xưng mình là người Đại thừa, cũng dạy cho người đọc tung, nhưng tự khen mình chứ không hủy báng người khác. Bởi vì nghĩa này cho nên ca ngợi Đại thừa mà tự mình không thể điều phục, đối với Đại thừa đạo mà muốn dạy cho người ta tu hành Đại thừa, thậm chí nói rằng có được thân người rất khó, mà cũng mất đi Thanh văn thừa-Bích-chi-Phật Thừa thường hướng về ác đạo. Không muốn thân cận những người có trí, mà lại xướng lên nói rằng: Mình là Đại thừa, làm Sư tử hống. Này người thiện nam! Ví như có con lừa khoác bộ da Sư tử cho mình là Sư tử, có người từ xa nhìn thấy cũng gọi là Sư tử, lúc con lừa chưa kêu thì không làm sao phân biệt được, khi đã phát ra tiếng kêu thì xa gần đều biết không phải là Sư tử thật sự. Những người trông thấy, đều nhổ nước bọt tỏ ý khinh bỉ nói rằng: Con lừa xấu xa tệ hại này chẳng phải Sư tử chăng? Thậm chí hủy hoại phạm vào giới cấm làm những hành vi dơ bẩn, ở tất cả mọi nơi không thể trở thành pháp khí. Nếu như tự mình nói rằng: Mình là Đại Thừa, có năng lực phá tan trận lớn đầy trần lao phiền não của tất cả chúng sanh, cũng làm cho chúng sinh đi vào khu thành vô úy trú trong Bát Chánh Đạo. Điều này không thể có".

Lại trong kinh Phật Tạng nói: "Ở đời quá khứ có năm Tỳ-kheo, một tên là Phổ Sự, hai tên là Khổ Ngạn, ba tên là Tát hòa đa, bốn tên là Tương Khứ, năm tên là Bạt nan đà. Năm Tỳ-kheo này là bậc thầy trong đại chúng. Tỳ-kheo Phổ Sự biết đức Phật đã thuyết về nghĩa "Không"

chân thật-pháp không có gì đạt được, bốn Tỳ-kheo còn lại đều rơi vào tà đạo, phần lớn nói là có con người. Tỳ-kheo Phổ Sự bị bốn chúng coi thường, không có chút thế lực nào, quả thật là người tệ hại hèn mọn, bốn Tỳ-kheo xấu ác, phần nhiều dạy cho mọi người đi theo con đường tà kiến, ở trong Phật pháp không cung kính lẫn nhau, mà chống đối xa cách nhau, làm cho Phật pháp bị hủy diệt”. Thậm chí nói rằng: “Những người ác này hủy diệt chánh pháp của Phật, cũng cùng với nhiều người gây ra những điều suy sụp khổ não vô cùng. Còn người ác ngày sau khi mạng chung, rơi vào địa ngục A Tỳ, nằm ngữa mặt chín trăm vạn ức năm, nằm úp mặt chín trăm vạn ức năm, nằm bên trái bên phải cũng như vậy, ở trên sắt nóng đốt cháy nát vụn, trong này chết đi lại sanh vào địa ngục ram nướng, địa ngục ram nướng lớn, địa ngục sống lại, địa ngục ràng buộc tối đen, đều nhận chịu mọi nỗi khổ não như số năm tháng nói trên. Ở trong địa ngục ràng buộc tối đen chết rồi sống lại vào nơi Địa địa ngục A Tỳ”. Thậm chí nói rằng: “Thân cận người này, và thiện tri thức cùng các đàn việt, tất cả có sáu trăm bốn vạn ức người, cùng sống cùng chết với bốn Sư này, ở trong đại địa ngục nhận chịu các hình phạt thiêu đốt nấu nướng”. Thậm chí nói rằng: “Như vậy lần lượt nhận chịu tất cả mọi nỗi khổ đau, Đại kiếp sắp thiêu cháy vẫn còn ở địa ngục. Lại nói đến đại kiếp, nếu thiêu cháy bốn người ác này, và sáu trăm bốn vạn ức người thì từ trong đại địa ngục A tỳ này chuyển đến sống ở phương khác, cũng trong Đại địa ngục. Tại vì sao? Này Xá-lợi-phất! Bởi vì tội nặng đầy đủ thì báo ứng đó không thiếu chút nào. Ở nơi địa ngục phương khác trải qua vô số trăm ngàn vạn ức na do tha năm tháng nhận chịu mọi nỗi khổ não. Thế giới thành lập trở lại, bốn tội nhân này và sáu trăm bốn vạn ức người, cùng những người phụ thuộc khác vẫn chưa xóa sạch tội lổi, lúc những người kia mạng chung vẫn sanh trong đại địa ngục nơi này”. Lại nói: “Rất lâu về sau tuy tránh khỏi khổ não của địa ngục được sanh trong loài người, mà ở trong năm trăm đời từ lúc sanh ra đã mù, sau đó gặp được đức Phật Nhất Thiết Tướng”. Thậm chí nói rằng: “Xuất gia ở trong giáo pháp của đức Phật ấy, mười vạn ức năm chịu khó thực hành tinh tiến giống như cứu lửa cháy trên đầu mà không thể nào thuận theo nhẫn nại được, huống gì đạt được đạo quả ư?”

Lại trong kinh Niết-bàn nói: “Tỳ-kheo Thiện Tinh tụng được 12 bộ kinh”. Trong luận Trí độ nói: “Đề bà đạt đa xuất gia học đạo tụng được sáu vạn pháp tụ”. Thuật rõ rằng: Hai người này, đều không tu tập Phật tánh chân thật trong đạo phương tiện, không quán xét thực hành các pháp Tứ niệm xứ..., không quán sát năm ấm là Vô Thường-Khổ-

Không-chẳng phải là Ngã-Ngã sở, mà đã tham trước vào Ngã kiến-Nhân kiến-chúng sinh kiến, gây ra tội lổi đại nghịch phỉ báng Như lai. Bởi vì nghĩa này, cho nên hai người này thân đang sống mà đọa vào trong địa ngục A tỳ nhận chịu đau khổ vô cùng tận. Những hạng như vậy kể ra khó có thể hết được!

Thứ năm: PHẦN BỒ TÁT

Như kinh Ca-diếp nói: "Lúc bấy giờ đức Phật bảo với Ma ha Ca-diếp rằng: Không lâu nữa Như lai sẽ nhập Niết-bàn. Ca-diếp thưa với đức Phật: Thưa Đức Thế tôn! Chỉ cầu mong Thế tôn trú thế một kiếp, nếu như giảm một kiếp thì ai hộ trì chánh pháp? Đức Phật bảo với Ca-diếp: Người ngu si kia cho dù một ngàn đức Phật xuất thế dùng các loại thần thông thuyết pháp giáo hóa, mà hạng người ngu si kia đối với dục vọng xấu ác của họ cũng không thể nào làm cho chấm dứt được. Ca-diếp ơi! năm trăm năm sau trong thời kỳ cuối cùng của tương lai có những chúng sinh, đầy đủ thiện căn tâm tư thanh tịnh, có thể báo ân của Phật mà hộ trì giáo pháp của ta. Ca-diếp thưa với đức Phật rằng: Thưa Đức Thế tôn! Con tu tập công hạnh thiếu sót trí tuệ nông cạn, nếu như gánh vác trách nhiệm nặng nề thì con không có năng lực đảm đương, chỉ có Bồ-tát mới có năng lực có thể gánh vác trách nhiệm nặng nề như vậy. Ví như có người tuổi già rất già đã một trăm hai mươi tuổi, thân mắc bệnh nặng không thể nào ngăn lại được, lúc ấy có người giàu có rất nhiều tài sản, mang những châu báu đến nơi người bệnh, mà nói với người ấy rằng: Tôi có công chuyện phải đến nơi khác, đem vật báu gởi nhờ ông giữ gìn giúp tôi, đợi lúc tôi trở về ông hãy trả lại cho tôi. Người bệnh già nua ấy không có con trai nối dõi, chỉ một thân đơn độc. Người kia đi rồi không lâu sau bệnh chuyển nặng mà qua đời, tiền của châu báu đã gởi gắm đều thất lạc tản mát hết. Người kia đi trở về tìm kiếm không biết chổ nào. Thưa Đức Thế tôn! Người hàng Thanh văn cũng lại như vậy, trí tuệ nông cạn tu hành rất ít, lại không có bạn bè, không thể nào tồn tại lâu dài ở giữa thế gian, nếu gởi gắm chánh pháp thì không bao lâu sẽ tản mát không còn. Đức Phật khen ngợi Ca-diếp: Ta đã biết rõ cố ý gởi gắm cho ông, khiến người si mê kia có thể nghe điều này rồi mà sanh tâm hối hận. Bấy giờ Ca-diếp thưa với đức Phật rằng: Thưa đức Thế tôn! Nay con lại nói thí dụ thứ hai. Ví như con người thân thể sức mạnh tràn đầy không có những lo lắng khổ sở, thọ mạng lâu dài đến vô lượng trăm ngàn vạn năm, sanh trong giòng họ cao quý đầy đủ tiền của châu báu, khéo giữ gìn tịnh giới có lòng đại Từ bi trong tâm luôn hoan

hỷ, làm lợi ích nhiều người khiến cho được an lạc. Lúc ấy có một người mang đến đồ vật quý báu, đi đến chổ người ấy mà nói lời rằng: Tôi có công chuyện phải đến nơi khác, đem đồ vật quý báu gởi nhờ nơi ông mong hãy giữ gìn tốt đẹp! Hoặc là mười năm trở lại, hoặc là hai mươi năm trở lại, đợi lúc tôi đến sẽ gặp nhau trả lại. Người đó nhận vật báu cất giữ bảo vệ cẩn thận. Người gởi kia đi về lập tức trả lại. Thưa Đức Thế tôn! Bồ-tát Ma ha tát cũng lại như vậy, nếu đem pháp bảo gởi gắm cho các vị Bồ-tát, thì vô lượng ngàn ức na do tha kiếp hoàn toàn không thất lạc hư hoại gì, lợi ích cho vô lượng vô biên chúng sinh không đoạn mất Tam bảo. Thưa Đức Thế tôn! Trách nhiệm như vậy con không có năng lực giữ gìn được, chỉ có Bồ-tát mới có năng lực có thể tiếp nhận. Thưa Đức Thế tôn! Bồ-tát Di-lặc này và các vị Bồ-tát Ma ha tát cùng có mặt trong pháp hội này, Như lai gởi gắm cho các vị ấy, vào năm trăm năm sau trong thời kỳ cuối cùng của tương lai lúc pháp sắp hủy diệt, pháp của Như lai đã quy tập, đều có thể giữ gìn truyền bá giảng thuyết rộng ra khắp nơi. Tại vì sao? Bởi vì Bồ-tát Di-lặc này ở đời tương lai chứng được quả vị A nậu Bồ-đề, ví như Thái Tử bậc nhất của Quốc vương, sẽ đảm nhận trách nhiệm của nhà vua như pháp để sửa trị thế gian, Bồ-tát Di-lặc cũng lại như vậy, gánh vác trách nhiệm pháp vương sửa trị thế gian giữ gìn chánh pháp. Lúc ấy đức Phật khen ngợi Ca-diếp rằng: Như ông đã nói! Liền duỗi tay phải xoa đỉnh đầu Di-lặc, nói lời như vậy: Này Di-lặc, Ta gởi gắm dặn dò ông, năm trăm năm sau trong thời kỳ cuối cùng của tương lai vào lúc chánh pháp hoại diệt, ông hãy giữ gìn Tam bảo đừng để cho đoạn tuyệt! Bấy giờ lúc Như lai xoa đầu Di-lặc, ở tam thiên đại thiên thế giới này phát ra sáu loại chấn động, ánh sáng tỏa khắp Đại thiên thế giới. Lúc bấy giờ đại thiên và hư không thiên, lên đến A ca nhị tra thiên, thảy đều chấp tay thưa với Di-lặc Bồ-tát Ma ha tát rằng: Như lai đem giáo pháp gởi gắm dặn dò Thánh giả, chỉ mong Thánh giả, vì lợi ích cho tất cả Trời người mà tiếp nhận chánh pháp này! Lúc ấy Bồ-tát Di-lặc từ chổ ngồi mà đứng dậy, trệch áo bày vai phải-đầu gối chân phải sát đất, chấp tay cung kính thưa với đức Phật rằng: Thưa Đức Thế tôn! Con vì lợi ích tất cả chúng sinh, hãy còn chịu được khổ đau trải qua vô lượng ức kiếp, huống là Như lai giao phó chánh pháp cho con, mà lại không đáng tiếp nhận hay sao? Thưa Đức Thế tôn! Con vào lúc này tiếp nhận giữ gìn ở đời tương lai diễn thuyết giáo pháp A Nậu Bồ-đề của Như lai đã quy tập từ vô lượng a Tăng kỳ kiếp. Lúc Bồ-tát Di-lặc nói lời này, tam thiên thế giới phát ra sáu loại chấn động”.

Trong kinh Đại Tập nói: “Lúc bấy giờ Đức Thế tôn bảo với Thượng thủ Di-lặc và tất cả các vị Bồ-tát Ma ha tát trong Hiền kiếp rằng: Này những người thiện nam! Lúc xưa Ta thực hành Bồ-tát đạo, đã từng ở nơi chư Phật Như lai đời quá khứ thực hành cúng dường như vậy, lấy thiện căn này làm thành nhân tố của ba loại Bồ-đề cho ta. Nay Ta thương xót cho các chúng sinh, đem quả vị báo ứng này phân làm ba phần, giữ lại một phần tự tiếp nhận; phần thứ hai là ở sau khi ta diệt độ ban cho thiền giải thoát tam muội kiên cố tương ưng với Thanh văn, khiến cho không hề thiếu hụt; phần thứ ba là ban cho hạng phá giới kia đọc tụng kinh điển tương ưng với Thanh văn thời kỳ chánh pháp-Tượng pháp cạo đầu khoác ca sa, khiến cho không gì thiếu kém. Này Di-lặc! Nay ta lại đem ba nghiệp tương ưng với các chúng Thanh văn Tỳ-kheo Tỳ-kheo-ni-Ưu-bà-tắc-Ưu-bà-di gởi gắm nhờ vào tay ông, đừng làm cho thiếu kém cô độc mà chết; và đem hạng hủy hoại phá bỏ cấm giới khoác ca sa ở thời kỳ chánh pháp-Tượng pháp, gởi gắm vào tay ông, đừng làm cho hạng đó đối với các loại tiền của vật dụng thiếu kém mà chết, cũng đừng để cho xuất hiện hàng vua chúa –Chiên-đà-la cùng nhau não hại làm cho thân tâm phải chịu khổ đau. Nay ta lại đem những thí chủ kia gởi gắm nhờ vào tay ông, nay ta đã có pháp khí mà không phải pháp khí vì Ta xuất gia, những người cúng dường ấy, các ông cũng nên hộ trì nuôi dạy. Này Di-lặc! Nếu ở đời hiện tại và đời vị lai, người đọc tụng thọ trì pháp môn này, thì họ sẽ có được mười loại công đức thanh tịnh. Những gì là mười loại? Đó là bắt đầu từ thân thanh tịnh cho nên xa rời sát sanh cho đến xa rời tà kiến. Đây là mười loại công đức. Từ đây về sau trăm ngàn vạn đời, thường có được mười loại công đức thanh tịnh như vậy. Nếu có người chí tâm lắng nghe pháp môn này, người này trú trong phạm vi như thật đạt được tám loại công đức thanh tịnh. Những gì là tám loại? Đó là: 1- Sống lâu, 2- Đoan chánh, 3-Giàu sang, 4-Danh tiếng, 5- Thường được chư Thiên hộ trì, 6- Những nhu cầu luôn luôn đầy đủ, 7- Không còn các nghiệp chướng, 8- Lúc mạng sống sắp chấm dứt có chư Phật mười phương và các đại chúng, phát ra ánh sáng to lớn chiếu rọi vào mắt, khiến cho người đó trông thấy được nơi sanh đến tốt lành, ở trong trăm ngàn vạn đời thường có được tám loại công đức như vậy. Nay Ta lại sơ lược nói thêm, người này sẽ có được 1ba loại công đức thanh tịnh. Những gì là 1ba loại? Đó là: 1- Sanh tử lưu chuyển chấm dứt không trở lại dấy lên ác kiến điên đảo; 2- Không sanh vào quốc độ đang hỗn loạn không có Phật; 3- Thường được gặp Phật; 4- Thường nghe chánh pháp, 5- Thường được cúng dường chúng Tăng; 6- gặp được thiện tri thức;

7- Thường tương ưng với Lục Độ ba la mật; 8- Không rơi vào tiểu thừa; 9- Thường dùng năng lực Đại từ Đại bi, đại phương tiện để thành thục chúng sinh; 10- Thường phát nguyện thù thắng; 11-Cho đến Bồ-đề mà luôn không rời xa các pháp như trên; 12-Nhanh chóng được đầy đủ Lục độ Ba la mật; 13- Hướng về A nậu đa la tam miệu tam Bồ-đề mà thành bậc chánh giác. Nếu có người thọ trì viết chép đọc tụng vì người khác giải thích như thuyết tu hành pháp môn Nguyệt Tạng này, thì đạt được công đức như trước đã nói".

Lại trong kinh Đại Tập nói: "Bấy giờ Đồng tử Vô Thắng Ý thưa với đức Phật rằng: Thưa Đức Thế tôn! Tất cả nhân dân trong cõi Phật ở phương khác, thường dấy lên nói rằng: Thế giới ta bà là nơi uế tạp. Nhưng mà bây giờ con thường thấy thanh tịnh. Đức Phật nói: Đúng như vậy, đúng như vậy! Như điều ông đã nói. Vả lại các bậc Bồ-tát ở thế giới này, hoặc làm hình dạng các loại Trời người súc sinh đi khắp cõi Diêm-phù-đề, giáo hóa các loại chúng sinh như vậy. Nếu như làm Trời-người để điều phục chúng sinh, thì không có gì là khó. Nếu như làm súc sanh để điều phục chúng sinh, thì quả là rất khó".

Trong biển phía Đông ở ngoài cõi Diêm-phù-đề có núi Lưu Ly, gọi nơi đó là hồ nước có đủ các loại vật quý. Núi đó có hang động tên là Chủng Chủng Sắc, là nơi xưa kia Bồ-tát đã an trú. Có một con rắn độc, ở trong đó mà an trú, tu hạnh Thanh văn từ. Lại có một hang động, tên gọi là Vô Tử cũng là trú xứ của Bồ-tát xưa kia, trong đó có một con ngựa tu hạnh Thanh văn Từ. Lại có một hang động, tên gọi là Thiện Trú Xứ, cũng là trú xứ của Bồ-tát xưa kia, trong đó có một con dê tu hạng Thanh văn Từ. Thọ thần ở núi đó, tên gọi là Vô Thắng, có La sát nữ, tên gọi là Thiện Hành, đều có năm trăm quyến thuộc vây tròn xung quanh, hai người nữ này thường cùng nhau cúng dường ba loại thú như vậy.

Trong biển phía Nam ở ngoài cõi Diêm-phù-đề có núi Pha lê, núi đó có hang động, tên gọi là Thượng Sắc, cũng là trú xứ của Bồ-tát xưa kia, có một con khỉ Ma Các tu hạnh Thanh văn Từ. Lại có một hang động, tên gọi là Thệ Nguyện, cũng là trú xứ của Bồ-tát xưa kia, trong đó có một con gà tu hạnh Thanh văn Từ. Lại có một hang động, tên gọi là Pháp Lâm, cũng là trú xứ của Bồ-tát xưa kia, trong đó có một con chó Tu hạnh Thanh văn Từ. Trong đó có Hỏa thần-có La sát nữ, tên gọi là Nhãn Kiến, đều có năm trăm quyến thuộc vây quanh, hai người nữ này thường cúng dường ba loại chim-thú này.

Trong biển phía Tây ở ngoài cõi Diêm-phù-đề có một núi bạc, tên gọi là Bồ-đề Nguyệt, trong đó có một hang động, tên gọi là Kim

cang, cũng là trú xứ của Bồ-tát xưa kia, trong đó có một con heo tu hạnh Thanh văn Từ. Lại có một hang động, tên gọi Hương công đức, cũng là trú xứ của Bồ-tát xưa kia, trong đó có một con chuột tu hạnh Thanh văn Từ. Lại có một hang động, tên gọi Cao Công Đức, cũng là trú xứ của Bồ-tát xưa kia, trong đó có một con trâu tu hạnh Thanh văn Từ. Núi có Phong Thần tên gọi là Động phong, có La sát nữ tên gọi là Thiện Hộ, đều có năm trăm quyến thuộc vây quanh, hai người nữ này thường cúng dường ba loại thú như vậy.

Trong biển phía Bắc ở ngoài cõi Diêm-phù-đề có một núi vàng, tên gọi là Công Đức Tướng, trong đó có một hang động, tên gọi là Minh Tinh, cũng là trú xứ của Bồ-tát xưa kia, có một con Sư tử (Trung Hoa gọi là hổ) tu hạnh Thanh văn Từ. Lại có một hang động, tên gọi là Tịnh Đạo, cũng là trú xứ của Bồ-tát xưa kia, trong đó có một con thỏ tu hạnh Thanh văn từ. Lại có một hang động, tên gọi là Hỷ Lạc, cũng là trú xứ của Bồ-tát xưa kia, trong đó có một con rồng tu hạnh Thanh văn Từ. Núi có Thủy Thần tên gọi là Thủy Thiên, có La sát nữ tên gọi Tu Tàm Quý, đều có năm trăm quyến thuộc vây quanh, hai người nữ này thường cùng nhau cúng dường ba loại thú như vậy.

Mười hai con thú này ngày đêm thường đi lại trong cõi Diêm-phù-đề, Trời người cung kính công đức thành tựu, đã ở nơi chư Phật phát nguyện sâu rộng, một ngày một đêm thường khiến một loài thú đi khắp nơi giáo hóa, còn lại mười hai loài thú an trú tu tập hạnh Từ, vòng quanh lại thay đổi liên tục. Ngày mồng 1 tháng bảy loài chuột bắt đầu đi khắp nơi, dùng Thanh văn Thừa giáo hóa tất cả thân chuột, khiến cho xa lìa ác nghiệp khuyến khích tu thiện sự. Như vậy theo thứ tự đến ngày mười hai, Chuột lại đi vòng. Như thế cho đến hết tháng mười hai, đến năm mười hai cũng lại như vậy, luôn luôn làm công việc điều phục các chúng sinh. Vì vậy cho nên quốc độ này có nhiều công đức, ngay cả súc sanh thú vật, cũng có thể giáo hóa diễn thuyết về đạo Vô thượng Bồ-đề. Do đó các bậc Bồ-tát ở phương khác, thường thuận theo cung kính thế giới của đức Phật này. (Lời thuật nói rằng: Mười hai loài thú này, đều là Bồ-tát Từ bi cảm hóa dẫn dắt, cho nên hóa thành các loại hình hài của người-súc sanh..., an trú giữ gìn thế giới khiến cho không đoạn tuyệt. Vì vậy ban đầu sanh loài người, lúc ấy ở trong hang động của Bồ-tát chính là thuộc về loài thú này, bảo vệ được lợi ích. Do đó mười hai giờ ở đất Hán dựa theo loài thú này mà lưu hành, không khác với kinh vậy).

Thứ sáu: PHẦN LA HÁN

Dựa theo Phó Pháp Tạng truyện nói: Phật đem chánh pháp trao cho Đại Ca diếp khiến cho hộ trì không để Thiên ma rồng quỷ-tà kiến-vua quan phát sinh tội lổi khinh thị hủy hoại. Đã tiếp nhận lời dặn dò rồi kết tập lại thành Tam Tạng lưu truyền khắp nơi Trời-người. Ca-diếp lại đem pháp nhiều lần dặn dò A nan. Như vậy chuyển tiếp cho đến Sư tử, gồm có mười lăm người, đều là Thánh giả Lục Thông trong châu Diêm phù. Đại Ca-diếp nay ở trong đỉnh Tây phong núi Linh Thứu, ngồi nhập Diệt Tận Định, trải qua năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm, Phật Từ Thị giáng trần trao truyền Đại ý của Phật Thích Ca đã gởi gắm, hiện bày nhiều thần thông biến hóa sau đó sẽ Niết-bàn.

Còn phía Nam nước Vu Điền hai ngàn dặm là nước Thư Cừ có La hán Tam Vô Học, nhập định ở trong núi, vô số năm nay vẫn tuyệt vời như đang sống, đến ngày mười lăm Tăng bên ngoài vào núi để cắt râu cạo tóc. Lại dựa theo các kinh luật, đức Phật chỉ thị cho Đại A-la-hán Tân đầu lô, không được diệt độ, để truyền bá Phật pháp, cứ mỗi lần ba ngày dùng phước làm lợi ích cho chúng sinh khiến thoát khỏi sanh tử. Còn trong Nhập đại Luận, Tân đầu lô-La-hầu-la cùng mười sáu vị La hán Vô học, và chín mươi chín ức La hán, đều ở trước đức Phật tiếp nhận lời dặn dò giữ gìn giáo pháp.

Lại dựa theo Đại A-la-hán Nan Đề Mật Đa La Sở Thuyết Pháp Trú Ký bản dịch mới nói rằng: “Sau khi đấng Bạc già phạm nhập Niết-bàn, trong tám trăm năm ở nước Chấp Sư tử của Thắng Quân Vương, cũng có A-la-hán tên gọi Nan đề Mật đa la (Đường nói là Khánh Hữu) hóa duyên đã xong sắp nhập Niết-bàn, tập hợp các Tỳ-kheo Tỳ-kheo ni..., hễ ai có nghi ngờ thì nên mau chóng hỏi han. Sau lời bày tỏ thì nước mắt đầm đìa Trời tối sầm lại rất lâu mới hỏi: Chúng con không biết, Đức Thích Ca Mâu Ni Thế tôn cùng với chánh pháp cao cả sẽ an trú đến lúc nào? Lúc ấy Tôn giả nói rằng: Các người lắng nghe kỹ càng, Như lai trước kia đã thuyết ra kinh Pháp Trú, nay sẽ vì các người sơ lược tuyên thuyết lại. Lúc đức Phật Bạc già phạm nhập Niết-bàn, đem giáo pháp Vô thượng giao phó dặn dò mười sáu vị Đại A-la-hán cùng các quyến thuộc, khiến cho các vị ấy hộ trì để không hủy diệt và sách tấn chính mình cho các thí chủ làm ruộng phước chân thật, để cho người bố thí ấy có được quả báo to lớn. Lúc ấy các đại chúng nghe lời dạy này rồi giải trừ phần nào đau buồn. Lại tiếp tục thưa thỉnh rằng: Mười sáu vị Đại A-la-hán đã nói, chúng con không biết tên gọi các vị ấy như thế nào? Khánh Hữu đáp rằng: Tôn giả thứ nhất tên gọi Tân độ la Bạt la

đọa xà, cùng với một ngàn A-la-hán quyến thuộc của mình, phần nhiều trú tại Tây cù đà ni châu. Tôn giả thứ hai tên gọi Ca nặc ca phạt sa, cùng với năm trăm A-la-hán quyến thuộc của mình, phần nhiều trú tại nước Ca thấp di la ở phía Bắc. Tôn giả thứ ba tên gọi Ca nặc Bạt li đọa xà cùng với sáu trăm A-la-hán quyến thuộc của mình, phần nhiều trú tại Đông Thắng Thân Châu. Tôn giả thứ tư tên gọi Tô Tần Đà, cùng với bảy trăm A-la-hán quyến thuộc của mình, phần nhiều trú tại Bắc Câu Lô Châu. Tôn giả thứ năm tên gọi Nặc Cự La, cùng với tám trăm A-la-hán quyến thuộc của mình, phần nhiều trú tại Nam Thiện Bộ Châu. Tôn giả thứ sáu tên gọi Bạt-đà-la, cùng với chín trăm A-la-hán quyến thuộc của mình, phần nhiều trú tại Đam Một La Châu. Tôn giả thứ bảy tên gọi Ca-lý-ca, cùng với một ngàn A-la-hán quyến thuộc của mình, phần nhiều trú tại Tăng Già Đồ Châu. Tôn giả thứ tám tên gọi Phạt Xà La Phất Đa La, cùng với 1một trăm A-la-hán quyến thuộc của mình, phần nhiều trú tại Bát Thứ Nã Châu. Tôn giả thứ chín tên gọi Tuất Bát Ca, cùng với chín trăm A-la-hán quyến thuộc của mình, phần nhiều trú ở trong núi Hương Tuý. Tôn giả thứ mười tên gọi Bán Thác Ca, cùng với-một ngàn một trăm A-la-hán quyến thuộc của mình, phần nhiều trú tại cõi Trời ba mươi ba Tôn giả thứ 11 tên gọi La hổ la, cùng với 1một trăm A-la-hán quyến thuộc của mình, phần nhiều trú tại Tất lợi dương cù châu. Tôn giả thứ mười hai tên gọi Na già tê na, cùng với một ngàn hai trăm A-la-hán, quyến thuộc của mình, phần nhiều trú tại núi Bán độ ba. Tôn giả thứ mười ba tên gọi Mục yết đà, cùng với 1ba trăm A-la-hán quyến thuộc của mình, phần nhiều trú ở trong núi Quảng Hiếp. Tôn giả thứ mười bốn tên gọi Phạt Na Bà Tư, cùng với một ngàn bốn trăm A-la-hán quyến thuộc của mình, phần nhiều trú ở trong núi khả Trú. Tôn giả thứ mười lăm tên gọi A thị đa, cùng với một ngàn năm trăm A-la-hán quyến thuộc của mình, phần nhiều trú ở trong núi Thứu Phong. Tôn giả thứ mười sáu tên gọi Chú Đồ Bán Thác Ca, cùng với một ngàn sáu trăm A-la-hán quyến thuộc của mình, phần nhiều trú ở trong núi Trì Trục, mười sáu vị Đại A-la-hán như vậy, tất cả đều có vô lượng công đức như Tam Minh-Lục thông-Bát giải thoát..., xa lìa sự nhiễm trước của tam giới, tụng trì Tam Tạng, thông suốt nhiều ngoại điển, nối tiếp lời dạy của Phật cho nên dùng năng lực thần thông kéo dài thọ lượng của mình, cho đến thuận theo an trú thường xuyên hộ trì chánh pháp của Như lai. Và làm ruộng phước chân thật cho các thí chủ, khiến cho những người bố thí ấy có được quả báo to lớn. Nếu tất cả Quốc vương-Phụ tướng-Đại thần-Trưởng giả-Cư sĩ ở thế giới này, hoặc nam hay nữ phát tâm thiết

tha sâu nặng, vì tứ phương Tăng tổ chức pháp hội Đại thí, hoặc có tổ chức pháp hội bố thí Vô giá mỗi năm, hoặc tổ chức pháp hội to lớn như khánh chúc chùa tháp-khánh chúc hình tượng-khánh chúc kinh pháp phan phướn..., hoặc thỉnh mời chư Tăng đến trú xứ của mình tổ chức pháp hội Đại Phước, hoặc đến trong chùa ở những nơi trải qua thực hành, sắp đặt bố trí chổ ngồi-đồ nằm-áo quần-thuốc men-đồ ăn thức uống tốt lành nhất để dâng cúng Tăng chúng, thì lúc ấy mười sáu vị Đại A-la-hán này cùng các quyến thuộc, tùy theo những nơi thích hợp phân tán ra để hướng về nơi ấy, hiện bày các loại hình tướng giấu kín hình tướng Thánh nhân, giống như mọi người phàm tục bình thường bí mật thọ nhận vật dụng cúng dường, khiến cho các thí chủ có được quả báo tốt đẹp, mười sáu vị Đại A-la-hán như vậy, hộ trì chánh pháp làm lợi ích nhiều cho chúng sinh. Đến lúc này tuổi thọ của người Nam Thiện Bộ Châu rất dài. Còn như đến lúc thọ mạng chỉ 10 tuổi-kiếp nạn binh đao dấy lên tàn sát lẫn nhau, Phật pháp vào lúc bấy giờ sẽ tạm thời chìm mất; sau kiếp nạn binh đao thì tuổi thọ con người dần dần Tăng lên đến nơi một trăm tuổi, người ở châu này đều chán ngán cảnh binh đao tàn hại khổ não trước đây, lại thích tu thiện. Lúc ấy mười sáu vị Đại A-la-hán này cùng với các quyến thuộc, lại đến trong loài người, xưng dương giảng thuyết rõ ràng chánh pháp Vô thượng, hóa độ vô lượng chúng sinh khiến cho họ xuất gia, vì các chúng sinh làm nhiều sự việc lợi ích. Như vậy cho đến lúc tuổi thọ con người ở Châu này lên đến sáu vạn năm, chánh pháp Vô thượng lưu hành giữa thế gian rừng rực bốc cao không hề ngừng lại. Về sau đến lúc tuổi thọ con người lên đến bảy vạn năm, chánh pháp Vô thượng mới không chìm mất. Lúc ấy mười sáu vị Đại A-la-hán này cùng với các quyến thuộc, quay về nơi Châu này cùng đến quy tụ gặp gỡ, dùng năng lực thần thông đem các thứ bảy báu dựng lên tòa tháp, trang nghiêm rực rỡ cao rộng vô cùng, tất cả xá lợi để lại của đức Phật Thích Ca Mâu Ni đều mang đế an trí thờ kính trong tháp. Lúc bấy giờ mười sáu vị Đại A-la-hán cùng với các quyến thuộc vòng quanh tòa tháp, dùng các loại hương hoa để cung kính cúng dường ca ngợi. Đi quanh trăm ngàn vòng chiêm ngưỡng lễ bái xong, tất cả bay lên giữa hư không hướng về tòa tháp phát ra lời nói như vậy: Cung kính đảnh lễ Đức Thế tôn Thích Ca Như lai Ứng Chánh ĐẳngGiác! Chúng con trước đây tiếp nhận lời dạy hộ trì chánh pháp, và làm những điều lợi ích cho Trời-người pháp tạng đã ẩn, người có duyên đã chu toàn, nay lạy chào Từ biệt mà diệt độ! Nói lời này xong trong một lúc cùng đi vào Vô dư Niết-bàn, trước tiên dùng nguyện lực của Định bốc lửa thiêu

cháy thân hình, như ngọn lửa đèn tắt đi hài cốt không để lại gì. Lúc ấy tòa tháp liền lún sâu vào lòng đất, đến phạm vi của tầng Kim cang mới dựng lại. Bấy giờ chánh pháp Vô thượng của Đức Thế tôn Thích Ca Mâu Ni, vĩnh viễn ẩn đi không hiện bày ở tại tam thiên đại thiên thế giới này. Từ đó trong cõi Phật này liên tiếp có bảy trăm câu chi độc Giác, cùng lúc xuất hiện. Đến lúc tuổi thọ con người lên đến tám vạn tuổi, thì Thánh chúng Độc Giác lại đều diệt độ. Sau đó Đức Di-lặc Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác xuất hiện giữa thế gian, lúc ấy Thiện Bộ Châu trang nghiêm thanh tịnh vô cùng”. Đầy đủ như kinh đã nói.

Thứ bảy: PHẦN TĂNG NI

Như trong kinh Tỳ-ni Mẫu nói: “Nếu Tăng Ni xuất gia, có nhân duyên năm pháp có thể làm cho chánh pháp không ẩn chìm mau chóng. Đó là: 1- Đã đọc tụng học tập theo kinh, câu chữ đầy đủ trước sau theo thứ tự, tất cả ý nghĩa đều có thể suy xét đến cùng, lại dạy bảo đồ chúng đệ tử cùng hiểu biết như nhau, người thực hành như vậy thì có thể làm cho Phật pháp tồn tại lâu dài giữa thế gian. 2-Học tập mở rộng Tam Tạng đầy đủ văn nghĩa, lại luôn luôn vì bốn bộ chúng, dạy bảo những điều hiểu biết như mình, thân hình tuy hoại diệt mà làm cho chánh pháp ở đời sau nối tiếp nhau không dứt; người thực hành như vậy thì có thể khiến cho chánh pháp không rơi vào nơi hủy diệt. 3- Trong Tăng chúng nếu có vị Đại Đức thượng tọa được bốn Bộ chúng tôn trọng, luôn luôn chịu khó tu dưỡng ba nghiệp-xã bỏ mọi điều của thế sự, đồ chúng đệ tử của họ nhiều đời nối tiếp nhau, cũng đều như vậy; đây cũng là tiếp tục làm cho chánh pháp tồn tại lâu dài. 4-Nếu có Tỳ-kheo tánh tình nhu hòa-nói năng không trái ngược, nghe điều thiện thì thuận theo, nghe điều ác thì tránh xa. Nếu có người tài trí đức hạnh cao vời, dạy bảo vâng lời tôn trọng mà tu hành; đây cũng là có thể làm cho Phật pháp tồn tại lâu dài. 5-Nếu có Tỳ-kheo hòa thuận với nhau, không để cho hoàn cảnh-lợi dưỡng, bè đảng giúp đỡ nhau tranh cãi đúng sai gây điều phiền lụy cho nhau. 5- Quan hệ như vậy, có thể làm cho chánh pháp lưu chuyển không đoạn tuyệt, đây gọi là hàng Thượng Tọa trong giáo pháp”.

Thứ tám: PHẦN TRƯỞNG GIẢ

Như trong kinh Ưu-bà-tắc Giới nói: “Lúc bấy giờ trong pháp hội có vị Trưởng giả, tên là Thiện Sanh, thưa với đức Phật rằng: Thưa Đức Thế tôn! Lục sư ngoại đạo thường diễn thuyết về pháp dạy cho chúng sinh rằng: Nếu người nào luôn luôn vào mỗi sáng sớm cung kính lễ lạy

sáu phương, thì được tiền của Tăng thêm thọ mạng. Tại vì sao? Bởi vì lãnh thổ phương Đông thuộc về đế thích, có người nào cung dưỡng thì được che chở giúp đỡ. Lãnh thổ phương Tây thuộc về Diêm La vương, có người nào cung dưỡng thì được che chở giúp đỡ. Lãnh thổ phương Tây thuộc về Bà lâu na, có người nào cung dưỡng thì được che chở giúp đỡ. Lãnh thổ phương Bắc thuộc về Câu tỳ la thiên, có người nào cung dưỡng thì được che chở giúp đỡ. Lãnh thổ phương dưới thuộc về Hỏa Thiên, có người nào cung dưỡng thì được che chở giúp đỡ. Lãnh thổ phương trên thuộc về Phong Thiên, có người nào cung dưỡng thì được che chở giúp đỡ. Trong Phật pháp có thể có sáu phương như vậy hay không?

Đức Phật dạy: Này người thiện nam! Trong Phật pháp của ta cũng có sáu phương, đó gọi là sáu ba la mật. Phương Đông tức là Đàn Na, tại vì sao? Bởi vì ban đầu mới sinh ra, là nhân duyên sinh ra ánh sáng trí tuệ. Phương Đông kia là thuộc về tâm chúng sinh, nếu có chúng sinh nào có thể cúng dường Đàn Na ấy, thì được Tăng thêm thọ mạng và tiền của. Phương Nam tức là Thi la, tại vì sao? Bởi vì Thi la gọi đó là bên phải, nếu người nào cúng dường thì cũng được Tăng thêm thọ mạng và tiền của. Phương Tây tức là Sạn Đề, tại vì sao? Bởi vì Phương Tây kia gọi đó là phía sau, tất cả ác pháp bỏ lại phía sau, nếu có cúng dường thì được Tăng thêm thọ mạng và tiền của. Phương Bắc tức là Tỳ lê, tại vì sao? Bởi vì phương Bắc có tên gọi là hơn hẳn các pháp ác, nếu người cúng dường cũng được Tăng thêm thọ mạng và tiền của. Phương dưới tức là Thiền định, tại vì sao? Bởi vì có thể đích thực quán sát ba ác đạo, nếu người cúng dường cũng được Tăng thêm thọ mạng và tiền của. Phương trên tức là Bát nhã, tại vì sao? Bởi vì phương trên chính là Vô thượng, bởi vì Vô thượng, nếu có ai cúng dường thì được Tăng thêm thọ mạng và tiền của. Này người thiện nam! sáu phương này là thuộc về tâm chúng sinh, không phải như Lục sư ngoại đạo đã nói; sáu phương như vậy ai có thể cúng dường? Này người thiện nam! Chỉ có Bồ-tát mới có năng lực cúng dường”.

Thứ chín: PHẦN THIÊN VƯƠNG

Như kinh Xá-lợi-phất vấn kinh nói: “Xá-lợi-phất thưa với đức Phật rằng: Vì sao Như lai bảo với thiên đế Thích và Tứ Thiên vương rằng: Không lâu nữa ta sẽ diệt độ, các ông đều hướng về quốc độ này hộ trì giáo pháp của Ta, sau khi ta rời thế gian, Ma ha Ca-diếp-Tân đầu lô-Y đồ bàn Thán-La-hầu-la là bốn đại Tỳ-kheo, không an trú Niết-bàn

mà lưu thông giáo pháp của Ta? Đức Phật dạy: Lúc chỉ có tượng giáo tín căn ít ỏi, tuy phát khởi tín tâm mà không thể nào kiên cố, không có năng lực cảm đến chư Phật, đệ tử tuy chuyên chú trải qua nhiều năm, nhưng không bằng một niệm thiện lúc đức Phật còn trú thế. Lúc Di-lặc ra đời thì tùy ý ông mà Niết-bàn".

Còn trong kinh Tạp A hàm nói: "Lúc bấy giờ Thế tôn bảo với Thiên Đế Thích và Tứ Thiên vương rằng: Không lâu nữa Như lai sẽ vào Vô dư Niết-bàn mà nhập Niết-bàn, các ông đều hướng về quốc độ này hộ trì chánh pháp. Sau khi Ta diệt độ trải qua một ngàn năm là lúc giáo pháp hoại diệt, sẽ có pháp sai trái xuất hiện giữa thế gian, mười thiện đều hủy hoại, trong cõi Diêm-phù-đề phát sinh nhiều hoạn nạn, xương đỉnh đầu của Như lai-răng của đức Phật-bình bát của đức Phật an trí tại phương Đông. (Cuối cùng gởi gắm dặn dò Thiên vương Đế Thích và Tứ Thiên vương Lục Dục như vậy, đầy đủ ở kinh văn không thể nói hết)".

Lại trong kinh Thắng Thiên vương nói: "Hoặc có chúng sinh thấy Bồ-tát này bây giờ mới thành đạo, hoặc thấy Bồ-tát thành đạo từ lâu xa, hoặc thấy Tứ Thiên vương của một thế giới dâng bình bát, hoặc thấy Tứ Thiên vương hằng hà sa thế giới khắp mười phương dâng cúng bình bát. Này Xá-lợi-phất! Lúc bấy giờ Bồ-tát vì hóa độ chúng sinh cho nên đã nhận tất cả bình bát, xếp chồng trong bàn tay hợp lại thành một, các Thiên vương ấy lại không trông thấy nhau, đều nói là Đức Thế tôn chỉ dùng bình bát của mình".

Lại dựa theo Bát Ký nói: "Lúc Thích Ca Như lai tại thế, Ngài dùng bình bát bằng đá màu xanh, hình dạng bình bát có thể chứa được ba đấu hơn. Sau khi đức Phật Niết-bàn thì bình bát này tùy duyên hướng về nơi chúng sinh có phước, cuối cùng để lại làm cho hưng thịnh ở địa phận nhà Hán". Ký này từ Bắc Thiên Trúc truyền đến, có hơn hai tờ. Tháng ba năm Giáp Tý đến chùa Thạch Giản, Thiền Sư tăng già Da-xá tiểu là sứ giả ở đất Hán, nói ra rõ ràng khiến cho biết.

Thứ mười: PHẦN QUỶ THẦN

Như kinh Đại Tập nói: "Lúc bấy giờ tất cả các Trời, tất cả các rồng, cho đến tất cả các loài Ca-tra Phú đơn na..., ở trong Tam bảo có được niềm tin lớn mạnh phát ra lời nói như vậy: Tất cả chúng con từ nay về sau hộ trì chánh pháp, nếu các vị Quốc vương thấy có ai vì Phật mà xuất gia thọ trì cấm giới như vậy, thậm chí vì Phật mà cạo bỏ râu tóc không thọ cấm giới, thọ mà vi phạm làm hỏng, không có thể giữ gìn chu đáo, như duyên theo sự việc ấy, sửa trị tội lỗi của người đó bằng

cách tra khảo đánh đập, thì chúng con không tiếp tục hộ trì che chở. Quốc vương như vậy lìa đất nước ấy, bởi vì bỏ cho nên khiến đất nước của mình phát sinh các loại nịnh hót gian trá-đánh đá tranh giành-dịch bệnh lan tràn-mất mùa đói kém-chiến tranh liên tục xảy ra, mưa gió trái mùa-hạn hán gay gắt làm hư hại hoa màu lúa má, làm cho hết thảy Thanh văn đệ tử của đức Thế tôn trong đất nước ấy đều hướng đến đất nước khác, vì thế khiến đất nước trống rỗng không có ruộng phước. Nếu như có Thanh văn đệ tử của đức Thế tôn thậm chí là người chỉ mặc một tấm ca sa, nếu có Tể quan đánh đập những người ấy, mà hàng vua chúa-sát đế lợi không cản ngăn để bảo vệ, thì chúng con cũng sẽ rời khỏi nước ấy”.

Lại trong kinh Đại Tập nói: “Lúc bấy giờ Đức Thế tôn đem quốc độ Chấn Đán gởi gắm dặn dò Tỳ thủ kiệt ma Thiên tử cùng năm ngàn quyến thuộc, Ca-tỳ-la Dạ xoa Đại Tướng cùng năm ngàn quyến thuộc, cho đến Song Đồng Mục Đại Thiên nữ gồm mười bảy Đại Tướng đều dẫn theo năm ngàn quyến thuộc. Và gởi gắm rằng: Hiền Thủ các ông đều cùng nhau hộ trì quốc độ Chấn Đán, ở nơi ấy vốn có tất cả các sự việc xúc chạm khổ não-đấu tranh-oán thù-căm phẫn-ganh ghét-kiện tụng-hai bên đánh nhau-mất mùa đói kém-tật bệnh lây lan-mưa gió trái mùa-giá lạnh-nóng bức..., toàn bộ những ác duyên này làm cho chấm dứt, ngăn cản các hạng chúng sinh xấu ác bất thiện, những loại sân giận thô lổ, những vật đắng cay phiền muộn xúc chạm không thú vị gì..., điều khiến cho chấm dứt, để cho pháp nhãn của Ta được tồn tại lâu dài, tiếp nối chủng tứ Tam bảo không thể đoạn diệt.

Tụng rằng:

Vĩ đại thay bậc Đại Thánh, chủng tử giác ngộ sáng ngời,
Chẳng qua không thể quán sát, như tiếng vang đáp âm thanh.
Không giúp kéo dài vui mừng, ai hiểu chân thành hướng về?
Đạo nhiệm mầu đáng nương tựa, thật sự dẫn khỏi đường mê.
Trăm sông ầm ào sóng cuộn, biển lớn hòa chung một vị,
Vật có lựa chọn lấy bỏ, thiện-ác phát sinh thừa-thiếu.
Rong ruổi theo tám nẻo tà, tranh danh đoạt lợi bốn câu,
Biết sai trái xét chính đáng, giáo pháp an trú bình yên.
Lợi mình-lợi người đầy đủ, công đức hành thiện nhân duyên,
Hộ trì giáo pháp trường tồn, xa lìa sanh tử triền miên”.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 31

Thiên thứ 23: TIỀM ĐỘN

Thiên này có hai phần: Thuật ý, dẫn chứng.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Bởi vì nghe Thánh Hiền ứng hiện ở thế gian mà hình ảnh dấu tích không biết nơi nào, quốc độ đã dừng lại không nơi nào không có lợi ích. Hàng tục sĩ che kín điều lành dữ, bậc Thượng Trí thản nhiên trước thiện ác, tâm chính trực mà đợi thì cùng với Trời mức lượng như nhau. Xưa ở đời Tấn Vũ Đế, có người Thiên Trúc-Kì Vực; đầu thời Tống Vũ, có Bành Thành-Bôi Độ, cùng hiện rõ ràng điềm lành thức tỉnh dân chúng. Thời Tề-Lương có Sa-môn Bảo Chí, bắt đầu xuất hiện ở trước Vĩnh Minh, trí tuệ không rõ ràng dường như điên cuồng mà thân thể lấm lem bụi đường, đi lại khi ẩn khi hiện ai rõ ràng được. Trong mỗi điều kinh nghiệm lộ Xẻ xúc động phát ra lời nói, ít có để lại điều gì, trí thức-dân quê hướng đến nơi đó như mây cuộn, dấu tích hạn chế trần cấu-thần thức dạo nơi yên lặng sâu xa, nước-lửa không thể nào đốt cháy, nhấn chìm, rắn rít cọp beo không thể nào tiếp cận làm hại. Tuy là hạn định theo nhiều nơi mà quan hệ đến thân thì hoàn toàn vô ngại. Nói đến Phật lý thì từ Thanh văn trở lên, bàn về huyền vi thì Tiên nhân Đạo sĩ trốn biệt. Thế gian có điều thiện thích hợp cho nên sinh ra điều thiện để thuận theo. Thế gian có điều ác thích ứng cho nên tạo ra điều ác để tiếp nhận. Có thể nói là treo cao hơn mặt trăng mặt Trời-che lấp hơn bảng vàng bia đá ấy rồi. Phước đức không tận cùng ở tại đây trông thấy được.

Thứ hai: PHẦN DẪN CHỨNG

Như kinh Bổn Sanh nói: "Đức Phật bảo với các Tỳ-kheo: Vào thời quá khứ xưa kia vô số kiếp, có hai chị em, người chị có một người con, cùng với cậu đều làm thợ dệt cho quan ngự phủ. Thấy trong kho cất

giữ đồ vật quý báu kỳ lạ, liền cùng nhau bàn bạc rằng: Mình làm thợ dệt chịu khó chịu khổ cất giữ được bao nhiêu đồ vật, thà rằng cùng lấy để thoát cảnh bần cùng. Đợi đến đêm tối hai người nhất định đào đất làm thành hang, trộm lấy đồ vật trong nhà quan nhiều không thể tính đếm được. Sáng sớm người trông coi kho tàng phát giác đồ vật có giảm bớt, liền bẩm báo với nhà vua. Nhà vua truyền rằng: Đừng nói rộng ra làm cho bên ngoài nghe biết! Cậu cháu người ăn trộm nói là nhà vua không biết. Nhà vua truyền lệnh: Đến hôm sau ắt sẽ trở lại, hãy canh gác nghiêm ngặt để chờ bọn trộm đến! Nhất định phải tóm được không để cho chạy thoát. Người trông coi kho tàng nhận lệnh truyền thì tiến hành canh giữ nghiêm ngặt. Người ăn trộm rất lâu về sau thì trở lại lấy trộm. Đứa cháu trai nói với cậu: Cậu nay lớn tuổi, thân thể gầy yếu sức lực giảm rồi, nếu bị lính gác bắt được thì không thể nào tự thoát được, cháu sức lực mạnh khỏe sẽ cứu được cậu. Người cậu vừa chui vào hang liền bị lính gác tóm được, tóm được rồi gọi to báo cho mọi người. Đứa cháu không bị tóm sợ rằng ngày mai người ta sẽ biết, nhất định là cắt đầu cậu ra khỏi hang mang trở về. Sáng sớm người trông coi kho tàng bẩm báo lại đầy đủ sự việc đã nghe. Nhà vua lại truyền lệnh: Khiêng xác chết đó ra đặt ở ngả tư đường, có người nào đến khóc lóc nhận lấy xác chết thì đó là đầu sỏ trộm cắp! Bỏ xác ở ngã tư đường canh giữ nhiều ngày, người ngựa đông nghịt qua lại đầy đường, kẻ cắp ấy đến làm náo loạn chớ chờ đợi, nếu có kẻ nào châm lửa thì bắt trói mang về đây! Thế là đứa cháu bảo trẻ nhỏ cầm đuốc chảy múa làm cho mọi người cứ nhốn nháo, lấy lửa ném vào củi thì củi bốc cháy rừng rực. Lính canh không hiểu chuyện gì xảy ra đem mọi việc bẩm báo nhà vua. Nhà vua lại truyền lệnh: Hãy tiếp tục quan sát nghiêm ngặt hơn hữa ở nơi đốt xác, kẻ nào đến nhặt xương tức là kẻ cầm đầu! Đứa cháu lại biết điều ấy, cùng mang nhiều rượu đến làm cho lính canh trông thấy, đến gần lính canh mời chào mà bán rượu, khiến lính canh đã đói khát mấy ngày nay thấy rượu liền kéo nhau lại uống. Rượu uống quá nhiều đều say mèm mê mệt, liền nhặt xương đựng trong hũ rượu mà đi. Lính canh chẳng hay biết gì, sáng sớm lại bẩm báo nhà vua. Nhà vua lại truyền lệnh: Canh giữ trước sau lại không bắt được, kẻ cắp ấy xảo quyệt càng cần phải tìm cách bắt cho được! Nhà vua liền cho cung nữ trang điểm châu báu tuyệt đẹp, đến sinh hoạt trong ngôi nhà đẹp bên cạnh sông lớn, mọi người hầu hạ bảo vệ quan sát không được chểnh mảng, ắt phải có kẻ hám sắc đến nơi cung nữ, chống cự lại ôm lấy gọi to để người bắt lấy. Vào một đêm nọ đứa cháu tìm đến lấy trộm, dựa vào dòng sông thả

cây để cho thuận chiều trôi xuống dưới, gọi to bảo rằng chạy trốn nhanh lên! Lính canh kinh hãi đến xem, nói là có người kỳ lạ nhưng chỉ thấy cây gỗ bập bềnh. Tiếp diễn nhiều lần như vậy không thấy thay đổi, lính canh bèn đi ngủ. Đứa cháu liền dựa theo cây gỗ, đến ngôi nhà của cung nữ, cung nữ liền nắm áo, đứa cháu nói với cung nữ: Cần gì phải nắm áo, hãy nắm lấy cánh tay của tôi kia! Đứa cháu vốn rất ranh mãnh, trước đó đã mang cánh tay của người chết để đưa cho cung nữ nắm, cung nữ liền buông áo nắm lấy cánh tay mà gọi lớn. Lính gác tỉnh ngủ, đứa cháu đã chạy xa rồi. Sáng sớm bẩm báo nhà vua. Nhà vua lại truyền lệnh: Người này mưu kế độc nhất vô nhị, từ lâu bắt không được thì nên làm thế nào đây? Cung nữ đã mang thai mười tháng sinh ra đứa bé trai, đứa bé rất khôi ngô đưa cho nhũ mẫu bế, đi khắp trong nước có người trông thấy mà lên tiếng, thì trói lại đưa về. Bế đứa bé suốt ngày đi không gặp người nào lên tiếng. Đứa cháu làm thợ nướng bánh ở dưới lò bánh, đứa bé đói bụng khóc la nên nhũ mẫu phải bế đứa bé, đi xuống dưới lò bánh cho đứa bé ăn. Đứa cháu trông thấy đứa bé liền lên tiếng. Trở về bẩm báo nhà vua đầu đuôi sự việc. Nhà vua lại bảo rằng: Sao không trói dẫn về đây? Nhũ mẫu thưa rằng: Đứa bé đói bụng khóc thét nên người thợ bánh đưa bánh cho bé, vì vậy mà lên tiếng chứ không biết là kẻ trộm, do đó mà thưa lại. Nhà vua lại khiến bà mẹ thay nhũ mẫu bế đứa bé đi ra, thấy người nào gần đứa bé thì trói lại dẫn về. Đứa cháu bán rượu ngon, gọi người mẹ ngồi chờ mời ép uống rượu say mà ngủ mất, liền bế trộm đứa bé đi. Tỉnh ngủ mất con nên bẩm báo sự việc với nhà vua. Nhà vua lại bảo rằng: Các ngươi ngu dốt tham lam uống say, đã không bắt được tên giặc lại để mất con. Lúc ấy đứa cháu có được đứa bé bồng đến nước khác, đầu tiên gặp Quốc vương, mượn cớ xem bói đối đáp dẫn ra kinh giải thích nghĩa lý. Nhà vua rất hoan hỷ, liền ban cho bổng lộc chức vị để làm đại thần, mà nói rằng: Cả nước của Ta người trí tuệ phương tiện không ai bằng khanh, muốn xem con của khanh giống con của Ta, nên đem kết hợp với nhau, tự làm theo ý muốn. Thưa rằng: Không dám! Nếu nhà vua thấy thương xót thì thật ra muốn lấy con gái của vua nước đó. Nhà vua nói: Tốt thay, Ta thuận theo chí nguyện của khanh! Nhà vua liền tự mình cho người sai sứ giả cầu hôn với con gái của vua nước ấy, vua nước ấy liền đồng ý, lập tức sai sứ giả chuẩn bị đón con gái của vua, truyền cho Thái tử cùng năm trăm kỵ mã đều trang hoàng nghiêm túc chỉnh tề. Đứa cháu là bề tôi trộm cắp, trong lòng rất sợ hãi, nếu đến nước ấy thì nhà vua chắc chắn nhận ra mình, thấy là bắt ngay chứ không nghi ngờ gì. Liền thưa với nhà vua rằng: Nếu nhà vua gặp

thì nên cho người ngựa áo quần trang bị như nhau không có gì sai khác, mới có thể đón vợ được. Nhà vua đồng ý với lời thưa ấy. Nhà vua lệnh cho một trăm năm mươi kỵ mã ở phía trước, hai trăm năm mươi kỵ mã ở phía sau, đứa cháu ở giữa cưỡi ngựa không trụt xuống. Phụ vương của cô gái tự mình ra vào nhiều lần để quan sát. Nhà vua vào trong xe ngựa tự mình dẫn đứa cháu đi ra, là ông thật chứ không sai, trước sau tìm mọi cách bắt mà sao không thể bắt được! Rập đầu lạy thưa rằng: Thật sự là kẻ tôi tớ đây mà. Nhà vua nói: Khanh là người thông minh trí tuệ độc nhất thiên hạ, mong ước của khanh lấy con gái Ta làm vợ, nay đã được thành vợ chồng như mong ước. Đức Phật bảo với các Tỳ-kheo: Muốn biết người cháu trai lúc bấy giờ là ai, thì đó là thân Ta bây giờ. Nhà vua nước khác ấy là Xá-lợi-phất bây giờ. Người cậu ấy nay chính là Điều Đạt. Cha của người vợ ấy là Du đầu đàn Vương bây giờ. Mẹ của người vợ ấy là Ma gia phu nhân bây giờ. Người vợ ấy là Câu di bây giờ. Người con ấy là La Vân bây giờ. Lúc đức Phật thuyết về chuyện tiền thân này không có ai không hoan hỷ”.

Lại trong Luận Trí Độ nói: “Bồ-tát tư duy quán sát các phiền não. Ví như Quốc vương, tuy có năm dục tốt đẹp tuyệt vời mà không sinh ra các phiền não. Ví như Quốc vương có một đại thần, tư che đậy giấu kín tội lổi của mình làm cho người khác không hề hay biết. Nhà vua nói: Chọn lấy con dê không có mỡ béo đến đây, nếu khanh không chọn được thì sẽ kết tội cho khanh. Đại thần có mưu trí, buộc một con dê to mập vào một nơi và dùng cỏ rơm để nuôi giữ khỏe mạnh, một ngày ba lần đem chó sói dọa dẫm làm cho sợ hãi, dê tuy được nuôi giữ mập mạp mà không có mỡ, sau đó dắt con dê đến chổ nhà vua. Nhà vua sai người giết thịt quả là béo mà không có mỡ. Nhà vua hỏi: Vì sao có thể như vậy? Đại thần thưa rõ theo sự việc trên. Bồ-tát cũng như vậy, thấy con sói vô thường-khổ-không khiến cho tiêu hết mỡ của các phiền não mà nuôi béo lớp thịt của các công đức”.

Còn trong kinh Hiền Ngu nói: “Lúc bấy giờ trong nước Ma Kiệt có một vị Trưởng giả, sinh được một bé trai, tướng mạo khôi ngô thật đáng yêu mến. Ngày bé trai sinh ra tự nhiên trong kho xuất hiện một con voi vàng, cha mẹ rất vui mừng, nhân điềm lành mà đặt tên gọi, gọi tên là Tượng Hộ. Đứa bé dần dần lớn lên thì con voi cũng lớn lên theo cậu bé. Cậu bé đã có thể bước đi thì chú voi cũng bước đi được, ra vào đi lại luôn luôn không xa rời nhau. Nếu ý không dùng được thì dừng lại ở bên trong, chú voi có đại tiện-tiểu tiện thì chỉ có vàng quý báu. Vì nhân duyên này mà trong kho chứa đầy vật báu. Tượng Hổ trưởng

thành luôn luôn cưỡi voi đi khắp nơi, nhanh chậm tùy ý rất thích hợp tình ý của người. Vua A-xà-thế nghe đồn biết được cho tìm đến xem, cha con tượng Hộ cưỡi voi vào cổng, nhà vua cho phép cưỡi voi đi vào bên trong. Xuống voi bái kiến nhà vua, nhà vua rất hoan hỷ, truyền cho ngồi và ban thức ăn chuyện trò sơ lược vài điều. Trong chốc lát cáo từ nhà vua muốn trở về. Nhà vua bảo với Tượng Hộ, để voi lại ở đây, đừng dẫn ra có được không? Tượng Hộ rất buồn nhưng vâng lời để lại. Bước một mình ra khỏi cung, trong chốc lát voi ẩn vào lòng đất hiện ta ở ngoài cổng, Tượng Hộ vẫn được cưỡi voi về. Tượng Hộ lo lắng nhà vua thấy sẽ có hại, nên tìm đến đức Phật xin xuất gia đạt được quả vị A-la-hán. Cứ mỗi khi cùng với Tỳ-kheo tư duy trong rừng, thì chú voi vàng ấy luôn luôn ở trước mắt. Người trong Xá-vệ nghe có voi vảng, tranh nhau tề tựu đến xem ồn ào náo loạn không yên lặng được, làm trở ngại đến sự hành đạo của mọi người. Lúc ấy các Tỳ-kheo đem ý thưa với đức Phật. Đức Phật bảo với Tượng Hộ: Vì vậy mà dẫn đến phiền não. Đức Phật dạy hãy đi nơi khác, nhưng không chịu đi. Đức Phật lại bảo rằng: Ông có thể nói với chú voi, phần hạn đời này của Ta đã hết lại không cần đến ông, như vậy đến ba lần thì chú voi sẽ ẩn đi. Bấy giờ Tượng Hộ vâng theo lời dạy nói với chú voi. Lúc này voi liền đi vào trong lòng đất. Đức Phật bảo với các Tỳ-kheo: Vì sao có quả báo như vậy? Đó chính là thời Phật Ca-diếp ở quá khứ xa xưa, con người thọ đến hai vạn tuổi, sau khi đức Phật ấy Niết-bàn dựng lên tháp miếu thờ kính, trong miếu có vị Bồ-tát, trước đó từ cung Trời đâu suốt giáng trần đi vào thai voi. Lúc ấy thân voi có một chút bong ra, bấy giờ có một người thấy vết bong nên tìm cách tu sửa lại. Nhân đó lập tức thệ nguyện: Khiến cho con ở đời tương lai luôn luôn sanh vào nơi tôn quý tiền bạc sử dụng không thiếu hụt. Người đó tuổi thọ kết thúc sanh lên cõi Trời hết thọ mạng ở cõi Trời thì sanh xuống thế gian, thường ở nơi tôn quý, luôn luôn có voi vàng đi theo hầu hạ che chở. Người tu sửa thân voi lúc bấy giờ, nay chính là Tưởng Hộ, nhờ tu sửa thân voi ấy mà được che chở tự nhiên. Bởi vì tâm cung kính ấy vâng theo lời dạy của đức Phật cho nên nay gặp Ta và đạt được quả vị”.

Lại trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: “Xưa kia nan Đà Vương, là người thông minh hiểu biết rộng mọi điều, không có gì không luyện tập thành thạo. Dùng cái biết của mình nói là không có ai địch nổi, quần thần không có ai sánh được. Lúc ấy các bề tôi đều lập tức thưa với vương rằng: Có Tỳ-kheo tên gọi Na Già Tư na, thông minh không ai sánh bằng, hiện nay ở trong núi. Nhà vua muốn thử xem, lập tức sai

người bưng đến một lọ bơ đầy tràn trong suốt, ý nhà vua cho rằng mình đầy đủ trí tuệ, người nào lại hơn mình được. Tư na nhận được lọ bơ liền hiểu rõ ý đó, ở trong các đệ tử gom lại năm trăm cây kim dùng để đâm vào trong hủ bơ, bơ cũng không tràn ra. Tìm người sai trả về cho nhà vua. Nhà vua đã nhận lại rồi thì biết ý đó, tìm người sai đi đến thỉnh mời. Tư na liền đến. Mời vào trong cung, nhà vua ban cho thức ăn đạm bạc, ăn vài ba thìa thì nói đã đủ. Sau đó ban cho thức ăn quý hiếm tuyệt diệu vẫn tiếp tục ăn. Nhà vua lại hỏi rằng: Trước đây nói là đã đủ, vì sao nay vẫn cố ý ăn thêm? Tư na đáp rằng: Tôi trước đây đã đủ thức ăn đạm bạc chứ chưa đủ thức ăn quý hiếm. Liền nói với nhà vua rằng: Nay trên Đại điện có thể tập trung tất cả mọi người khiến cho đầy trong đó! Tìm cớ lập tức gọi người tập trung nhét đầy khắp nơi, lại không còn nơi nào chứa hết. Nhà vua còn ở phía sau muốn đi vào Đại điện, mọi người sợ hãi cho nên tất cả đều khiếp vía nằm úp lên nhau, trong đó chuyển sang rộng hơn mới chứa được nhiều người. Lúc bấy giờ Tư na liền nói với nhà vua rằng: cơm đạm bạc như dân chúng, thức ăn tuyệt diệu như vua chúa, dân chúng gặp vua chúa có ai không tránh đường? Nhà vua lại hỏi rằng: xuất gia và tại gia thì người nào đắc đạo? Tư na đáp rằng: cả hai đều đắc đạo. Nhà vua lại hỏi rằng: nếu cả hai cùng đắc đạo cần gì phải xuất gia? Tư na đáp rằng: Ví như cách đây hơn ba ngàn dặm, nếu sai người trẻ khỏe mạnh cưỡi ngựa đem đầy đủ lương thực, cầm theo khí trượng có thể mau đến hay không? Nhà vua đáp rằng: Có thể đến sớm. Nếu như phái người già cưỡi con ngựa ốm, lại không có lượng thực thì có thể đến được hay không? Nhà vua nói: Cho dù khiến mang theo lương thực nhưng sợ rằng không đến được, huống là không có lương thực. Tư na đáp rằng: Xuất gia đắc đạo dụ như người trẻ khỏe mạnh, tại gia đắc đạo giống như người già kia. Nhà vua lại hỏi rằng: Mặt Trời ở trên cao thể là một, vì sao mùa Hạ rất nóng, mùa đông rất lạnh, mùa hạ thì ngày dài ra, mùa Đông thì ngày ngắn lại? Tư na đáp rằng: Núi Tu di có đường trên đường dưới, mặt Trời vào mùa hạ lưu hành ở đường trên, đường xa đi lâu chiếu rọi vào núi vàng, cho nên dài ra mà lại nóng nực; mặt Trời vào mùa Đông lưu hành ở đường dưới, đường gần đi nhanh soi chiếu vào nước biển lớn, cho nên ngắn lại mà lạnh vô cùng.

Tụng rằng:

Ẩn kín thay đổi tài tình khéo làm cho thật sâu xa,
Vĩ đại thay bậc Nhân-Trí, quan bắt tình thế đổi thay.
Dê béo mà không có mỡ, voi bảo vệ Trời đi theo,
Phước thuận theo đã cảm động, ngầm vận dụng hợp ý nhau.

Vắng lặng cũng không lên tướng, chuyển động thần sắc sáng ngời,

Kéo dài không theo mệnh lệnh, miệt mài thường thơm ngào ngạt.

Tông chuyển loài voi ban đầu, ánh sáng ẩn hình rời xa,

Ẩn hiện không thể lường được, thật hư khó mà biết rõ”.

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược trích dẫn 13 chuyện linh nghiệm: 1- Sa-môn lưu Tát Hà đời Tây; 2- Sa-môn Thích Bôi Độ đời Tây Tấn; 3- Sa-môn Trúc Phật Đồ Trừng đời Tây Tấn; 4- Sa-môn Thích Đạo Tiến đời Tây Tấn; 5- Sa-môn Thích Đàm Thỉ đời Tống; 6- Sa-môn Thích Pháp Lãng đời Tống; 7- Sa-môn Thích Thiệu Thạc đời Tống; 8- Sa-môn Thích Tuệ An đời Tống; 9- Đế Cao Tường đời tề; 10- Sa-môn Thích Tăng Tuệ đời Tề; 11- Sa-môn Thích bảo Chí đời Lương; 12- Cư sĩ Từ Quang đời Ngô; 13- Sưu Tập các ký về Thần Tạp Truyện Tiên.

1: Phía Tây Chùa An Nhân vùng Quách Hạ-Từ Châu đời Tây Tấn, có miếu thờ Sư Lưu Tát Hà. Xưa kia cuối đời Tây Tấn, vùng thôn quê này vốn là tên là Văn Thành Quận, tức là nơi Tấn Văn công lánh nạn. Không xa về phía Đông Nam của Châu này, trên bình nguyên cao có người tên gọi Tát hà họ Lưu Thị. Miếu ấy trang nghiêm tráng lệ đầy đủ mọi thứ tô điểm rực rỡ. Ban đầu Tát hà ở thế gian không khác gì kẻ phàm tục, thường ôm lòng sát hại hoàn toàn không tôn thờ giáo pháp. Tát Hà cũng giống như bởi vì gặp tai họa chết rồi nhưng sống lại ở trong nẽo tối tăm gặp được Quán Thế Âm dạy rằng: Ông tội nặng phải nhận chịu khổ đau, nghĩ rằng ông không biết nên tạm tha cho ông được sống, ở vùng Cối Kê-Đan Dương trong thành Lạc Hạ tề cũng có tháp của A Dục Vương, nên đến đó lễ bái có thể miễn được tội lổi trước kia. Tát Hà được sống lại, sửa đổi tính tình thô tục trước đây đã không tin có Phật, tiếp đến vùng Quách Hạ có chùa nhân đó hỏi han đủ mọi điều, phương tiện khai mở hiểu rõ thông suốt triển khai phong cách của lòng nhân ái, tìm hiểu vì sao mà chuyên tâm dứt khoát tin dùng lời nói đó. Ngay mồng tám tháng tư hằng năm mở hội lớn ở bình nguyên, tất cả đều mang theo rượu bánh và các đồ vật cúng dường thanh tịnh. Từ sáng sớm đến giữ trưa uống say sưa chơi đùa vui vẻ, tức là tiến hành cúng dường thanh tịnh. Đến giữa trưa thì dừng lại, quá giờ Ngọ về sau, cùng nhau ca ngợi đức Phật, hát mừng chúc tụng Tam bảo, cho đến sáng sớm. Tát Hà liền xuất gia, pháp danh Tuệ Đạt, trăm họ ngưỡng mộ tôn kính giống như nghĩ đến Phật. Nhưng mà biểu hiện dấu tích kỳ lạ phát sinh niềm tin

càng sâu sắc, ngày ở trên tháp cao thuyết pháp cho mọi người, đêm vào trong hầm để tự lăng im suy nghĩ. Sáng sớm từ trong hầm ra ngoài ban đầu không chịu rời bỏ, cho nên thông thường gọi là Tô Hà Thánh. Tô Hà ấy là vùng Kê Hồ gọi cho cái kén (Kiển), tức là chỉ cho hầm trú, bởi vì thuận theo trú đêm trong hầm cho nên dùng làm tên gọi như vậy. Vì thế ngày nay phong tục nơi ấy ở thôn nào cũng có nhà chính thờ Phật, không nơi nào không lập hình tượng gọi là Hồ Sư Phật. Nay miếu thờ An Nhân lập hình tượng vô cùng trang nghiêm, phong tục địa phương cầu nguyện hương hoa không như nhau, tháng Giêng hằng năm nhiều người đi đến thôn xóm, đi hay dừng lại tự tại không chỉ là công lao của con người. Nếu muốn đi đến thôn ấy thì hai người có thể khiêng nổi vầng trán sẽ giản ra nhan sắc hòa nhã, thôn ấy trong một năm sẽ giảm bớt chết chóc suy sụp; không muốn đi thì 10 người không di chuyển nổi, vầng trán sẽ nhíu lại dung mạo buồn rầu ảm đạm, trong một năm thôn ấy ắt phải có tai họa chướng nạn. Vì vậy phong tục cho đến bây giờ thường lấy đó làm điềm báo trước. Phong tục cũng cho rằng đó là Quán Thế Âm, bởi vì mượn hình hài cảm hóa thế tục cho nên gọi là Tuệ Đạt, có một quyển kinh, lưu hành trong dân gian, chỉ toàn là tiếng của người Hồ, đọc thì tự mình hiểu, do đó hai bên Hoàng Hà có Tư-Thấp-Lam-Thạch-Đan-Diên-Tuy-Ngân, nơi 8 châu này không châu nào không thờ phụng cung kính, đều có việc làm như kinh ấy giải thích. Nhưng nay ở các vùng bình nguyên đều lập lên tháp thờ của mỗi vùng, trong tháp làm cái kén bằng gỗ bách đan lại như kén tằm, phỏng theo nơi nghỉ lại của Tuệ Đạt. Tát Hà ở tại quê hương mình đã mở mang Phật pháp, phía Đông xây dựng các tháp thờ phụng lễ bái ở Đan Dương đã xong, phía Tây đi về núi Cốc Lễ vùng Phiên Hòa Ngự ở Lương Châu tạo ra hình tượng, đi ra ngoài sa mạc Quách Tây vùng Tửu Tuyền ở Túc Châu mà chết. Hình cốt nhỏ giống như hạt hướng dương, đều có lổ ở giữa có thể dùng dây xâu lại, vì vậy bay giờ phong tục nơi đó hễ xảy ra tai chướng, thì đến sa mạc tìm kiếm, gặp được thì điều dữ không còn, không gặp được thì điều lành sẽ mất. Có người tìm kiếm đã không gặp được, thì ở bên tay trái bức tượng Quán Thế Âm lấy đi hạt xương ấy, đến đêm liền mất, sáng sớm tìm lại, vẫn còn trên tay bức tượng, cho nên phong tục địa phương vì vậy rất tôn trọng điều này.

2: Sa-môn Bôi Độ đời Tây Tấn, không biết là người nơi nào, xuất hiện từ Kí châu, tuổi khoảng trên bảy mươi, giấu kín họ tên, chẳng tu hành gì cả, người lúc ấy không coi trọng chút nào. Từng ở nhờ một gia đình, gia đình đó có bức tượng bằng vàng, Bôi Độ sáng sớm ngủ dậy thì

mang bức tượng mà đi, chủ nhà thúc ngựa đuổi theo, Bôi Độ tự nhiên đi chầm chậm mà người cưỡi ngựa chạy theo không kịip. Đến bên sông đứng trên một chiếc cốc nhỏ để vượt qua bến sông bên kia, nhân đó gọi là Bôi Độ, sau đó người ở Bành Thành mỗi khi trông thấy thì thường đi giữa đường, không có ai biết Bôi Độ sống ở nơi nào. Vai gánh một chiếc sọt tre hành tung tự nhiên tùy ý, hoặc vào ngày tuyết lạnh đóng băng gõ băng mà tắm rửa, màu da sáng rực không có vẻ gì lạnh lẽo lắm. Trong thời Nghĩa Hi nhà Tấn tạm ở tại Quảng Lăng, Thứ Sử Bái Quốc Lưu Phồn vốn có nghe tên của Bôi Độ, nhờ người mời đến vẫn còn gánh chiếc sọt tre này, Khiến người nâng lên thử xem thì nặng không thể nào nâng được. Lưu Phồn tự mình đứng dậy xem thì chỉ có tấm y rách nát mà thôi. Bôi Độ cáo từ ra đi một tay xách chiếc sọt lên giống như cầm chiếc lông hồng. Qua đời giữa năm đầu thời Vĩnh Gia, La Thập nghe Bôi Độ ở Bành Thành, than rằng: Tôi với người này chơi đùa cùng nhau, cách biệt đã mấy trăm năm nay rồi. Vào lúc ấy mới biết rằng La Thập cũng là người thần.

3: Trúc Phật Đồ Trừng cuối đời Tây Tấn là người xứ Tây Vực, hình dáng tướng mạo tựa như người một trăm tuổi. Sườn bên trái có cái lỗ chu vi khoảng bốn-năm tấc, lấy lụa nhét lại, ngày trai đến bên dòng nước rút ruột và dạ dày ra ngoài, rửa ráy bên trong cái lỗ. Ban đêm thì cởi lụa ra có ánh sáng chiếu rọi cả một căn phòng để đọc sách, tuy chưa thông suốt các sách vở, mà cùng với các vị học sĩ thì biện luận phân tích không hề bế tắc, không có người nào không nể phục. Đến giữa thời Vĩnh Gia qua lại vùng Lạc Hạ, lúc ấy Thạch Lặc đóng quân ở Hà Bắc, lấy sự sát hại để làm uy thế, đạo tục gặp phải tai họa không ít. Đồ Trứng đi đến nơi đóng quân đoán địch trước điềm lành dữ, Thạch Lặc trông thấy thường chào hỏi, Đồ Trừng cảm hóa khiến cho tin thờ Phật, giảm bớt tàn bạo tự kiểm điểm tội lỗi của mình, cho nên mười người trong Châu tránh được tám đến chín. Thạch lặc và Lưu Diệu cùng cấu kết với nhau thừa dịp để hỏi Đồ Trứng. Đồ Trứng nói: Đáng sống mà bị bắt, chẳng lo sợ ư? Lấy dầu mè xoa bàn tay khiến cho nhìn thấy. Lưu Diệu bị bắt dùng dây đỏ trói sau khuỷu tay, quả nhiên bắt giữ được, như bàn tay đã thấy. Đến ngày mồng tám tháng Tư năm Kiến Bình thứ tư, Thạch Lặc đến chùa vẩy nước tắm Phật gió nhẹ thổi vào cái chuông nhỏ phát ra âm thanh, quay đầu lại nhìn nói với mọi người rằng: Hiểu âm thanh cái chuông nhỏ hay không? Cái chuông nhỏ nói rằng: Nước có đại tang không ra ngoài năm nay. Đến tháng bảy thì Thạch Lặc chết, Thạch Hổ lên ngôi, tôn kính Sư còn hơn Thạch Lặc, ban tặng xe cộ ra vào cung

thành tự nhiên mà sử dụng. Tất cả những cảm ứng tốt lành thì tướng trạng đó rất nhiều, lược qua mà không kể lại. Những năm cuối của thời Thạch Hổ, Đồ Trừng bảo cho đệ tử biết rằng: Tai họa sắp xảy ra rồi, và hạn kỳ chưa đến mà ta lại qua đời. Đến năm Mậu Thân, Thái Tử giết mẹ và em trai của mình, Thạch Hổ nổi giận giết cả vợ con Thái tử. Năm sau Thạch Hổ chết, tức thì phát sinh biến loạn của Nhiễm Mẫn, mai táng ở Nghiệp Tây. Ngày vừa nói Đồ Trừng qua đời, người buôn thấy ở Lưu Sa. Thạch Hổ mở quan tài chỉ thấy y bát. Lúc Đồ Trừng ở Trung Nguyên gặp phải biến loạn dữ dội, mà có thể thông suốt thì lòng nhân ái cảm hóa ấy có ân đức cao nhất, không phải là bậc Thánh Hiền thì sao có thể cứu được tình cảnh cực kỳ khốn khổ này? Tạo dựng chùa chiền tất cả hơn 980 ngôi, cứu giúp tất cả đạo-tục thì quả là vô số kể rồi!

4: Thời Tây Tấn ở Nghiệp Trung có đệ tử của Phật Đồ Trừng tên gọi Đạo Tiến, học thông nội ngoại kinh điển, được Thạch Hổ rất kính trọng, thường nói đến chuyện ẩn sĩ. Thạch Hổ nói với Đạo Tiến rằng: Có Dương Kha là thần dân của trẫm, hơn mười năm chinh chiến, không cung kính mệnh lệnh của vua, cho nên đến thăm viếng vẫn với vẻ kiên cường bất khuất mà nằm, Trẫm tuy không đức hạnh mà làm vua đứng trước muôn dân, cưỡi xe đi đến đâu thì nơi ấy vang Trời dậy đất, tuy không có năng lực khiến cho gỗ đá phải quỳ gối, mà sao người dân tầm thường lại luôn luôn kiêu ngạo vậy? Xưa kia Tề Thái Công trước đó chém Hoa Sĩ, bậc hiền triết như Thái Công lẽ nào lại sai lầm vậy ư? Đạo Tiến trả lời rằng: xưa kia Thuấn ưu đãi Bồ Y, vua Vũ bồi dưỡng Bá Thành, vua Ngụy dựa theo Can Mộc vua Hán làm đẹp Chu Đảng, quản lý yên ổn không thuận theo họ Tào, Hoàng Phủ không quỳ gối trước nhà Tấn, hai vị Thánh, bốn vị vua cùng tán thưởng tiết tháo của họ, mong muốn khích lệ cạnh tranh nhau để giữ gìn nghiêm túc phong cách trong sáng, mong bệ Hạ noi theo đức hạnh của Thuấn-Vũ, đừng bắt chước sử dụng hình phạt như Thái công, hành động của nhà vua ắt phải ghi lại, há có thể làm cho Triệu Sử lập tức truyền lệnh không còn ẩn trốn chăng? Thạch Hổ vui sướng với lời nói ấy, liền truyền cho Dương Kha trở về nơi ở của mình, cung cấp cho mười người phục vụ. Đạo tiến trở về đem sự việc trình bày với Đồ Trừng. Đồ Trừng thản nhiên cười nói: Ông nói khéo lắm, nhưng Dương Kha đã có kết quả về sốn mạng rồi! Sau đó tai họa chiến tranh xảy ra ở Tần Châu, đệ tử của Dương Kha dùng trâu chở Kha chạy về phía Tây, quân lính đuổi theo bắt giữ và bị làm hại. Thạch Hổ đã từng ngủ trưa mộng thấy bầy dê cõng con cá từ phía Đông bắc đến. Tỉnh dậy đem chuyện hỏi Đồ Trừng. Đồ Trừng nói:

Không tốt đâu, cá cuối cùng sanh ra ở Trung Nguyên ư? Mộ Dung Thị có hậu quả đã là như vậy.

5: Thời nhà Tống Ngụy ở Trường An có Sa-môn Thích Đàm Thỉ, người vùng Quan Trung, từ khi xuất gia về sau có nhiều hình tích kỳ lạ. Cuối niên hiệu Thái Nguyên-Tấn Hiếu Vũ, mang mấy chục bộ kinh luật đi đến Liêu Đông, truyền bá giáo hóa hiển bày trao truyền Tam thừa và quy y giới pháp. Bởi vì Cao Câu Li nghe đạo bắt đầu từ Đàm Thỉ vậy. Đầu niên hiệu Nghĩa Hi lại trở về Quan Trung giảng giải khuyên bảo Tam phụ. Chân Đàm Thỉ trắng hơn mặt, tuy chân trần lội qua nước bùn mà chưa hề lấm bùn, mọi người đều gọi là Hòa thượng Chân trắng. Lúc ấy ở Trường An có người tên là Vương Hồ, có người chú ruột chết đã mấy năm bỗng nhiên trông thấy hình bóng trở về dẫn theo Vương Hồ đi khắp nơi địa ngục chỉ rõ các quả báo. Vương Hồ từ giả trở về thì người chú nói với Vương Hồ rằng: Đã biết nhân quả rồi, chỉ cần tôn kính hầu hạ đối với Bạch Túc A Luyện! Vương Hồ đi khắp hỏi thăm chúng Tăng chỉ thấy Đàm thỉ chân trắng hơn mặt. Nhân đó mà hết lòng hầu hạ. Cuối thời nhà Tấn ở phương Bắc có giặc Hung Nô nhiều lần xâm hại nên dân chúng khắp nơi than thở não lòng, đồng thời tha cho Sa-môn không giết hại người nào. Đàm Thỉ ngay sau đó lánh sâu vào núi rừng ở bên hồ nước tu hạnh đầu đà. Sau đó Thác Bạt Đạo lại chiếm giữ Trường An tự ý uy hiếp vùng Quan Trung-Lạc Hạ. Lúc ấy có Bác Lăng Thôi hạo có chút luyện tập theo tà giáo ngoại đạo đố kỵ với Thích giáo, đã ở địa ngục vị giả dối dựa vào Bạt Đạo đã tin phục, mới cùng với Thiên sư Khấu Thị thuyết phục Bạt Đạo, cho rằng Phật giáo cảm hóa không có ích mà nảy sinh bất lợi làm tổn hại dân chúng, khuyến khích ban lệnh phế bỏ Thích giáo. Bạt Đạo đã cảm nhận lời nói đó. Vào năm thứ bảy niên hiệu Thái Bình nhà Ngụy, liền hủy diệt Phật pháp, sai quân lính tản ra thiêu đốt chùa chiền cướp bóc tài sản, tất cả các Tăng ni trong chùa đều lệnh cho phải bỏ đạo. Có ai chạy trốn, đều sai người đuổi theo bắt lại, bắt được nhất định phải chém đầu bêu xác. Trong một khu vực không còn bóng của các Sa-môn. Đàm Thỉ cách tuyệt ở trong núi rừng sâu thẳm nên quân lính không thể nào đến được. Đến cuối niên hiệu Thái Bình. Đàm Thỉ biết thời thế thay đổi Bạt Đạo sắp sụp đổ. Vào ngày Nguyên Hội, bỗng nhiên chống tích trượng đến cổng cung thành. Có người vào tâu rằng: có một Đạo nhân chân trắng hơn mặt, từ ngoài cổng mà đi vào. Bạt Đạo truyền lệnh y theo quân pháp; nhiều lần chém đầu không tổn hại gì, vội vàng chạy vào bẩm báo với Bạt Đạo. Bạt Đạo nổi giận tự mình lấy kiếm đang đeo bên người chặt xuống nhưng thân

thể chẳng có gì sai khác, chỉ có điều là nơi kiếm đã chém xuất hiện dấu vết như vải bông vậy. Lúc ấy ở phía Bắc khu vườn có nuôi con hổ trong cái cũi, Bạt Đạo truyền lệnh đem Đàm Thỉ cho hổ nhai, hổ hoàn toàn ẩn nấp chứ không dám đến gần. Thử đem Thiên Sư đến gần bên cũi nhốt hổ thì hổ gầm lên ghê rợn. Bạt Đạo mới biết Phật pháp cảm hóa tôn quý cao xa chứ Hoàng Lão vốn không thể nào sánh kịp. Lập tức mời Đàm Thỉ lên Đại Điện đầu lạy dưới chân, sám hối đã tin theo sai lạc. đàm thỉ vì vậy thuyết pháp biện giải làm sáng tỏ nhân quả. Bạt Đạo vô cùng hổ thẹn và sợ hãi liền cảm báo mắc bệnh ung nhọt lở loét. Thôi Hạo và Khấu thị cả hai người sau đó phát sinh căn bệnh xấu ác. Bạt Đạo đã sai lầm bởi vì họ, ngay sau đó chém đầu hai nhà, tông môn họ hàng đều không còn, tuyên bố trong nước sẽ phát triển khôi phục chánh giáo. Không lâu sau Bạt Đạo qua đời, Tôn Tuấn Tập lên ngôi, mới làm cho Phật pháp lớn mạnh hưng thịnh đến nay. Đàm Thỉ về sau chẳng biết kết thúc thế nào.

6: Thời nhà Tống ở vùng Cao Xương có Sa-môn Thích Pháp Lãng, người vùng Cao Xương, từ nhỏ đã kiên trì thực hành rất chịu khó, có nhiều hiện tượng tốt lành kỳ lạ, ẩn kín tài đức làm cho mọi người không biết là thuộc bậc nào. Thầy của Pháp Lãng là Sa-môn Thích Pháp Tiến, cũng là một Sa-môn có công hạnh cao vời, Pháp Tiến thường đóng cửa ngồi một mình, chợt thấy pháp Lãng ở trước mặt, hỏi Pháp Lãng từ nơi nào đến? Đáp rằng: Từ trong khóa cửa vào đây, nói là cùng đến với Tăng phương xa, ngày đã gần giữa trưa mong được cho chút thức ăn! Pháp Tiến liền lấy thức ăn, chỉ nghe tiếng thìa bát khua lên nhưng hoàn toàn không trông thấy người. Xưa kia Tuệ Viễn Ở Lư Sơn đã từng đem một chiếc ca sa để lại cho Pháp Tiến, Pháp Tiến liền lấy để tặng cho. Pháp Lãng nói rằng chúng Tăng đã đi rồi, ngày khác sẽ nhận lấy. Sau đó thấy người giữ bếp đến chổ Pháp Tiến nhận lấy y. Pháp Tiến liền lấy y đưa cho người ấy, hỏi thăm người thường nấu bếp, thì đều nói là không lấy, mới biết là Thánh nhân trước kia quyền biến thị hiện hình tích mà lấy. Đến lúc Ngụy Lổ hủy diệt Phật pháp, Pháp lãng đi về phía Tây đến nước Quy Tư, vua Quy Tư giao ước Đại Thiền Sư nước ấy, nếu có người đắc đạo đến nên nói cho mình biết, tự mình sẽ cúng dường. Cho đến lúc Pháp Lãng đến mới sự việc trình bày với nhà vua. Nhà vua tiếp đãi theo nghi lễ bậc Thánh. Về sau qua đời ở nước Quy Tư, ngày hỏa thiêu nhục thân hai vai tuôn ra như suối vọt thẳng lên Trời cao. Mọi người ca ngợi là điều hiếm có, thu gom hài cốt dựng tháp thờ trang nghiêm. Sau đó người Tây vực đến quốc gia này truyền lại đầy đủ sự

việc như vậy.

7: Thời nhà Tống ở vùng Mân Sơn Thông Linh có Sa-môn Thích Thiệu Thạc, vốn là họ Thiệu tên Thạc, người nước Thỉ Khang, hình dáng và dung mạo tựa như điên cuồng mà rất cung kính đối với Phật pháp. Từ thời Tống tha thiết xuất gia nhập đạo, tự xưng là Thạc Công, ra vào đi lại không kể ngày đêm, đến nhà người ta ngủ dưới đất là nhà ấy có người chết, đến người ta xin mảnh chiếu nhỏ ắt phải có trẻ con chết, người đương thời đều lấy việc này làm điềm báo. Đến ngày mồng tám tháng tư, ở thành đô làm tượng, Thiệu Thạc ở giữa mọi người nằm rạp xuống làm hình dáng Sư tử. Ngày ấy ở quận huyện cũng thấy Thiệu Thạc làm hình dáng Sư tử, mới hiểu rằng chính là đang phân thân. Thứ sử Tiêu Tuệ Khai và Lưu Mạnh Minh..., cùng đưa ra sự việc này. Sau đó vào một ngày bỗng nhiên đội nón đến chổ Mạnh Minh. Không bao lâu Mạnh Minh qua đời. Trước là Mạnh Minh làm Trưởng Sử sau đó Thẩm Trọng Ngọc thay thế tìm những hình phạt bình thường dùng roi gậy đánh đập tàn nhẫn, Thiệu Thạc nói với Trọng Ngọc rằng: Trời đất kêu gào thảm thiết dấy lên từ đây, nếu như trừ bỏ phong cách roi gậy hà khắc thì được làm Thứ Sử. Trọng Ngọc tin theo mà trừ bỏ, đến lúc Mạnh Minh qua đời. Trọng Ngọc quả nhiên làm chức vụ cai quản châu huyện. Vào ngày mồng một tháng chín năm đầu niên hiệu Nguyên Huy nhà Tống, Thiệu Thạc qua đời tại chùa Thông Linh vùng Mân Sơn, lúc sắp qua đời nói với đạo nhân pháp Tiến rằng: Nên để lộ thân thể tôi mà hãy mau mang giày vào chân! Lát sau làm theo lời dặn, mang thi hài ra đặt ngoài chùa. Hai ngày sau không thấy còn ở chổ ấy. Lát sau có người từ huyện Bì đến, gặp Pháp Tiến nói rằng: Hôm qua thấy Thạc Công ở trong chợ một chân mang giày, nói từ từ rằng: “Tiểu Tử không được gì cả, làm mất của Ta chiếc giày”. Pháp Tiến kinh hãi hỏi lại Sa-di. Sa-di đáp rằng: Lúc sắp chuyển thi hài ra, vì sợ nên một chiếc giày chân phải buộc không được tốt lắm, đã bị rơi mất! Hình tích của Thiệu Thạc kỳ dị không ai có thể lường được. Về sau lại chẳng biết kết thúc thế nào!

8: Thời nhà Tống ở vùng Giang Lăng, trong chùa Tỳ bà có Sa-môn Thích Tuệ An, không rõ là người ở nơi nào, xuất gia năm mười tám tuổi, ở trong chùa Tỳ Bà vùng Giang Lăng, phong cách và diện mạo bình thường rất đơn giản với nhau. Lúc còn là Sa-di, chúng Tăng ngồi xếp hàng thì sai đi lấy nước, bưng cái bình không đi từ trên xuống dưới, rót đầy mà nước luôn luôn không hết, lúc ấy mọi người đều lấy làm lạ. Đến khi thọ cụ túc giới thì hình tích kỳ diệu có phần nào hiện rõ. Thường thường vào ngày cuối tháng, buổi tối cùng với bạn đồng học

là Tuệ Tế lên chánh điện Bồ-tát, cửa chánh điện chưa mở, Tuệ An bèn nắm tay Tuệ Tế từ khe tường mà đi vào, đi ra cũng như vậy. Tuệ Tế rất kinh hãi nhưng không dám mở miệng, sau đó cùng với Tuệ Tế đi xuống dưới tháp thì nói với Tuệ Tế rằng: Tôi sẽ đi xa nay cùng với huynh chia tay. Trong chốc lát thì thấy người cõi Trời trỗi nhạc tung hoa thơm đầy khắp nơi giữa hư không, Tuệ Tế chỉ có kinh hãi từ đầu đến cuối không nói được câu nào. Tuệ An lại nói rằng: Việc làm và hình tích của tôi từ đầu đến cuối cẩn thận đừng nói ai biết, nói ra ắt sẽ có tội đó! Nhưng ở phía Tây nam có một người bạch y, là Bồ-tát mới phát tâm, có thể đầy đủ cho người ấy biết! Sau khi đó Từ biệt mà đi, nhân tiện nhờ vào người buôn đi đến Tương Xuyên, giữa đường mắc bệnh kiết lỵ rất nặng, nói với chủ thuyền rằng: Mạng sống bần đạo ắt phải chấm dứt, chỉ cần đưa ra đặt ở bên bờ chứ không cần quan tài khâm liệm gì cả, sau khi tắt thở thì bố thí cho chim chóc sâu bọ! Người buôn làm theo lời dặn đưa ra đặt nằm bên bờ, đêm đến trông thấy ngõn lửa phát ra từ thân thể, người buôn vô cùng sợ hãi, đi đến xem sao thì đã tắt thở rồi. Người buôn đi đến phía Đông vùng Tương Xuyên, thấy Tuệ An cũng đã đứng trước rồi, chốc lát lại không biết ở nơi nào. Sau đó Tuệ Tế đến chùa Trắc Kỉ, đến thăm ẩn sĩ Nam Dương Lưu cù nói lại đầy đủ sự việc ấy. Lưu Cù liền đứng dậy từ xa mà lễ lạy, nói với Tuệ Tế rằng: Đây là người đắc đạo, đi vào Hỏa Quang tam muội rồi.

9: Tề Đế húy là Tường, chính là con trai thứ hai của Cao Hoan-thừa tướng Nguyên Ngụy. Anh cả là Trừng Cấp Mạn bị tôi tớ làm hại, Tường tiếp tục duy trì địa vị của anh mình thay quyền làm tướng quốc, nhà Ngụy sắp sụp đổ, Tường xây dựng cơ nghiệp ở tại ngoại thành phía Nam, bói gặp quả Đại Tráng Đại Cát của nhà Hán, bèn đúc kho tượng bằng vàng miêu tả sắc tướng mà thành tựu như thật. Nhà Nguỵ thâu nhận làm Thiền Văn do Ngụy Đế sắp đến, tức là tiếp nhận Thiền ấy làm Đại Tề, tất cả những công hạnh thực hiện không đoán được là ngu hay trí. Phó thác chính sự cho bề tôi là Dương Tuân Ngạn, Hoàng Đế xây dựng nhiều chùa chiền thờ Phật, Tăng Ni có mặt ở khắp các châu, mùa Đông mùa Hạ cúng dường bố thí hành đạo không gián đoạn. Lúc ấy Trù Thiền Sư khuyên bảo với Đế rằng: Đàn việt sửa trị La sát, gần nước tự mình trông thấy. Đế thuận theo, nhìn thấy bầy La sát ở đằng sau, ngày sau đó không còn ăn thịt, ngăn cấm những người săn bắn chim chóc, loại trừ những người làm nghề đánh bắt giết mổ, những loại tanh hôi cay nồng đều trừ dẹp không được đi vào phố chợ. Đế thường ngồi Thiền suốt ngày không ra ngoài, lạy Phật đi nhiều lanh lẹ như gió tho-

ảng qua. Thọ giới từ Chiếu Huyền Đại Thống Pháp Sư, mặt nhìn xuống đất khiến đạp giầy lên tóc mà truyền trao. Trước là Đế ở tại Tấn Dương, sai người cưỡi lạc đà ban chỉ rằng: Hướng về chùa lấy hòm kinh. Người nhận sắc chỉ hỏi ở nơi nào, Đế nói: đi theo lạc đà ra ngoài thành! Đến lúc ra khỏi thành bỗng nhiên giống như mộng thấy đến một vùng núi, bên sườn núi có một ngôi chùa, các Sa-di từ sa nói rằng: Cao Tường đưa lạc đà đến. Và nhân tiện dẫn vào gặp một vị Tăng Già, chào hỏi và nói rằng: Cao Tường làm thiên tử như thế nào? Đáp rằng: Là một vị Thánh sáng suốt. Hỏi rằng: Ông đến đây làm gì? Đáp rằng: Lấy hòm kinh. Vị Tăng nói: Cao Tường ở chùa nhác đọc kinh, khiến đi về phía Bắc đến đầu phía Đông đưa cho. Người đi làm sứ vâng lời dặn trở về. Ban đầu Đế đến chùa Mộc Tỉnh ở Cốc Khẩu, có xả thân ngu si, người không hiểu lời nói, bỗng nhiên nói với Đế rằng: Tôi đi ông đến sau, là người chết trong đêm ngu si. Đế tìm đến qua đời ở Tấn Dương.

10: Thời nhà Tề ở vùng Kinh Châu có Sa-môn Thích Tăng Tuệ, họ Lưu nhưng không biết là người nơi nào. Ở tại Kinh Châu mấy chục năm, Nam Dương Lưu Cù ở chùa Trắc Kỉ, thỉnh mời mà quỳ gối tha thiết. Lúc ấy người ta trông thấy đã năm, sáu mươi tuổi, chung quy cũng không già, cử chỉ nhanh nhẹn như thế không co gì uy nghi lắm, đi đến nhà người bệnh, nếu giận thì ắt phải chết, vui thì chắc chắn khỏi bệnh. Lúc ấy mọi người đều lấy điều này làm điềm báo trước. Nhưng người chưa biết nhau, đều cùng thân thiết biểu lộ rõ ràng ý của sự sống chết. Tăng Tuệ thường đến bên sông nói với lính gác bến sông cầu được qua sông, lính gác lập tức dùng thuyền nhỏ đưa qua bến, chốc lát đã thấy Tăng Tuệ ở bờ bên kia. Mọi người đều ca ngợi là thần dị. Trung Sơn Chân Điềm, Nam Bình Xa Đàm, cùng ngày thỉnh mời Tăng Tuệ, Tăng Tuệ đều đến cả hai nơi. Sau đó hai người kiểm tra lại mới biết là Tăng Tuệ phân thân. Trong thời Vĩnh Minh nhà Tề, Văn Tuệ muốn về kinh đi qua chổ Bảo Chí, Bảo Chí vỗ lưng nói rằng Xích Long Tử, người ấy không nói gì. Sau đó Tăng Tuệ trở về kinh Châu gặp lại Trưởng Sử vùng Trấn Tây là Lưu Cảnh Nhuy, bỗng nhiên khóc lóc thảm thiết mà nắm lấy tay. Mấy ngày sau quả nhiên cảnh Nhuy bị Thứ SỬ làm hại. Sau đến phía Nam thành Vương Châu, bỗng nhiên nói rằng: Trong lòng đất có bia đá. Mọi người đào thử xem, quả nhiên có được hai tấm bia. Tăng Tuệ về sau chẳng biết kết thúc như thế nào! Có người nói: Qua đời trong thời Vĩnh Nguyên ở chùa Trường Sa vùng Giang Lăng.

11: Thời nhà Lương ở chốn Kinh Sư có Sa-môn Thích Bảo Chí, vốn là họ Chu người vùng kim Thành, xuất gia lúc còn trẻ ở chùa Đạo

Lâm chốn Kinh Sư. Sư thờ Sa-môn Tăng Kiệm làm Hòa thượng, tu tập Thiền đạo là sự nghiệp. Đến đầu thời Thái Thỉ nhà Tống, bỗng nhiên giống như thay đổi một cách lạ lùng, đi ở không cố định nơi nào, ăn uống chẳng có giờ giấc, tóc dài mấy tấc, thường để chân trần đi khắp hang cùng ngõ hẻm tay cầm một chiếc tích trượng, đầu tích trượng treo dao kéo và gương, có lúc treo một hai tấm lụa. Trong thời Kiến Nguyên nhà Tề thấy có những hình tích kỳ lạ, mấy ngày không ăn cũng không cảm thấy đói, cùng với người ta trò chuyện ban đầu dường như khó hiểu, về sau đều có hiệu nghiệm. Có lúc thì làm thơ, ngôn từ giống như lời sấm, quan lại dân chúng ở chốn kinh thành đều cùng nhau tin thờ hết sức. Tề Vũ Đế nói rằng đó là kẻ làm mê hoặc mọi người, bắt giam vào ngục Kiến Khang, đã vậy mà sáng sớm người ta thấy cùng đi vào phố chợ, trở lại kiểm tra trong ngục thì Bảo Chí vẫn còn ở đó. Bảo Chí nói với lính coi ngục, ngoài cổng thành có hai xe chở thức ăn đến, cơm chứa đầy bát vàng, ông có thể lấy giùm. Đã vậy mà Tề Văn Tuệ Thái tử lại là Lăng Vương Tử lương thiện, cùng đưa thức ăn đến đãi Bảo Chí! Quả nhiên đúng như lời ấy. Kiến Khang sai Lữ Văn Hiển đem chuyện này trình bày với Văn Vũ Đế, Đế liền đón vào ở nhà chính phía sau, tạm thời ngăn che để trừ những lúc tụ hội bên trong. Bảo Chí cũng theo mọi người ra vào. Đã vậy mà ở trong núi Cảnh Dương còn có một Bảo Chí cùng với bảy vị Tăng quy tụ. Đế nổi giận sai lính tìm kiếm bắt về. Tất cả quân lính tâu rằng: Bảo Chí từ lâu đã ra khỏi kinh thành, còn dùng mực bôi đen thân thể. Lúc ấy Tăng Chánh Pháp Hiến muốn đem một chiếc áo để lại cho Bảo Chí, sai sứ giả đến hai chùa Long Quang và Kế Tân để thỉnh cầu, đều nói rằng: Hôm qua ở lại sáng sớm đã đi. Lại đến nơi thường trú đó, đến nhà Quảng hầu Bá tìm kiếm, Hầu Bá nói: Bảo Chí hôm qua hành đạo ở đây, sáng sớm ngủ chưa dậy. Sứ giả trở về đem chuyện trình bày với Pháp Hiến, mới biết là Bảo Chí phân thân ở lại ba nơi. Bảo Chí đã từng đến giữa mùa Đông phanh áo mà đi, Sa-môn Bảo Lượng muốn đem nạp y tặng cho, chưa kịp mở lời thì Bảo chí bỗng nhiên đến lấy nạp y mà đi. Lại có lúc đến nơi người khác cầu xin cá sống thái nhỏ, người ta làm xong xuôi, ăn no mới đi, trở về thấy trong chậu cá vẫn bơi lội sống lại như cũ. Sau đó Bảo Chí mượn thần lực làm cho Vũ Đế trong thấy Cao Đế ở dưới địa ngục, thường nhận chịu nỗi khổ của dao đâm, Vũ Đế từ lúc ấy vĩnh viễn phế bỏ gươm dao đâm chém. Quan Vệ Uý nhà Tề là Hồ Hài bị bệnh nên thỉnh cầu Bảo Chí, Bảo Chí chú sớ nói rằng: Hồ Hài quỳ xuống. Ngày mai lại không đến, là ngày Hồ Hài chết. Chở thi thể về nhà, Bảo Chí nói: Hồ Hài quỳ xuống là

ngày mai ra khỏi thi thể. Tề Thái Úy Tư Mã Ân vâng lời Tề Vương, theo Trần Hiển Đạt ở Trấn-Giang Châu đến Từ biệt Bảo Chí, Bảo Chí họa trên tờ giấy làm thành một bóng cây, trên cây có con chim, nói rằng: Lúc khẩn cấp có thể leo lên chổ này. Sau đó Hiển Đạt chống lại, chiếm giữ Trấn Châu của Tề, và phản bội đánh bại tề, Tề chạy vào Lư Sơn. Kỵ binh đuổi theo gần kịp, Tề thấy trong rừng có một cây to, trên cây có con chim, giống như Bảo Chí đã họa trong tranh, Tề hiểu ra mà leo lên cây, chim hoàn toàn không bay. Quân lính đuổi đến trông thấy chim, nói là không có người mà quay về, cuối cùng đã thấy thoát nạn. Tề tích trữ binh mã cùng Tang Yển tìm cách muốn chống lại đến thăm hỏi Bảo Chí, Bảo Chí trông thấy từ xa mà bỏ chạy la lớn rằng: Xung quanh thành trì muốn làm phản, bị chặt đầu mổ bụng. Sau đó vào cuối tuần xảy ra sự biến, Tang Yển phản bội hướng đến nơi khác bị người ta bắt được, quả nhiên bị chặt đầu mổ bụng. Trung Liệt Vương ở Phàn Dương thời nhà Lương đã từng quỳ gối mời Bảo Chí đến Phủ đệ hội họp, bỗng nhiên khiến tìm cây kinh rất gấp, đã tìm được rồi đặt ở trên cổng, không ai biết rõ nguyên cớ vì sao. Lúc trẻ Vương đã ra làm Thứ Sử vùng kinh Châu, tấm gương trước kia đã rõ ràng, loại này chẳng phải là một. Bảo Chí nhiều lần qua lại hai chùa Hưng Hoàng và Tịnh Danh, đến bây giờ trên ngôi cao Long Hưng vẫn thấy rất kính trọng lễ phép. Trước kia là thời nhà Tề quả thật là ngăn cấm Bảo Chí ra vào cung thành, nay trên ngôi cao tuyên chiếu rằng: Chí công hình tích hạn chế trần cấu mà thần thái dạo khắp mọi nơi sâu xa vắng lặng, nước lửa không thể nào đốt cháy và nhấn chìm, rắn rít cọp beo không thể nào xâm phạm làm hại, nói đến Phật lý thì từ Thanh văn trở lên, bàn về Ẩn luân thì hàng Thần tiên-Cao sĩ tránh xa, lẽ nào có thể đem trí thức phàm tục thường tình để ràng buộc hạn chế tướng không ư? Trí thứ nông cạn hẹp hòi biết bao làm sao sánh được như vậy? Từ nay về sau đi lại tùy ý, ra vào không được phép ai ngăn cản! Bảo Chí tất nhiên là ra vào cung cấm nhiều lần, niên hiệu Thiên Giám năm thứ năm vào mùa Đông mà không có nước, chuẩn bị đầy đủ vật dụng cúng tế mà cầu mưa xuống. Bảo Chí bỗng nhiên tâu lên nhà vua rằng: Bảo Chí bệnh không lành, thì xem các quan lo liệu, nếu không tâu bày thì các quan phải chịu roi gậy trừng phạt, nguyện đến nơi điện hoa Quang giảng kinh Thắng Man để cầu mưa! Hoàng Thượng lập tức truyền lệnh Sa-môn Pháp Vân giảng kinh Thắng Man, giảng xong đêm ấy Trời tuôn tuyết lạnh. Bảo Chí lại nói: Cần phải có một chậu nước thêm con dao đặt trong đó, lập tức mưa lớn trút xuống cao thấp đều đầy đủ. Hoàng Thượng thường hỏi Bảo Chí

rằng: Đệ tử chưa trừ dẹp mê hoặc phiền não, dùng cách nào để sửa trị? Đáp rằng: mười hai Thức ấy, lấy mười hai nhân duyên làm phương thuốc chữa trị mê hoặc. Lại hỏi: Ý nghĩa của mười hai nhân duyên là gì? Đáp rằng: Ở trong chữ viết-thời tiết-khắc chạm để sót, thức ấy là cho rằng ghi lại điều ấy ở trong mười hai giờ. Lại hỏi: Đệ tử lúc nào mới có thể tịnh tâm tu tập? Đáp rằng: Nhẫn chịu và an lạc, Thức ấy là cho rằng nhẫn chịu, tức là dừng lại, đến lúc an lạc chính là dừng lại mà thôi. Sau đó Pháp Vân đến nơi Hoa Lâm giảng kinh Pháp Hoa. Đến đoạn "Giả sử hắc phong", Bảo Chí bỗng nhiên hỏi là gió ấy có hay không có? Bảo Chí lặp đi lặp lại ba, bốn lần, thì cười nói rằng: Nếu Thể là giả có thì gió này cũng không thể hiểu và khó có thể hiểu, từ ngữ ấy có dụng ý sâu kín, tương tự đều như vậy. Trần chinh Lổ đưa ra gia cảnh và tôn thờ Bảo Chí rất chân thành, Bảo chí thường hiện bày hình tướng chân thật cho họ thấy, tướng mạo sáng ngời như hình tượng Bồ-tát vậy. Bảo Chí biết tên tuổi biểu hiện không bình thường hơn bốn mươi năm, già trẻ trai gái cung kính tôn thờ nhiều không kể xiết. Đến mùa Đông năm thứ 13 niên hiệu Thiên Giám, ở đài Cao phía sau nhà chính nói với mọi người rằng: Bồ-tát sắp đi! Không đến mười ngày chẳng bệnh tật gì mà qua đời, thi thể thơm ngát mềm mại, hình dung diện mạo thanh thản và tươi sáng. Lúc sắp qua đời thắp một ngọn nến để gởi gắm tất cả đồ chúng đệ tử sau này cho Ngô Khánh, Ngô Khánh lập tức lắng nghe. Hoàng Thượng than rằng: Đại Sư không ở lại nữa rồi, ngọn nến ấy mong rằng để việc tang sự thuộc về Ta chăng? Nhân đó tiến hành tẩm liệm đưa tiễn rất trọng thể, mai táng ở núi đất Độc Long của vùng Chung Sơn. Vẫn ở nơi phần mộ dựng lên Tinh xá Khai Thiện, sắc chỉ cho Lục thùy thảo ra lời bài minh khắc ở trong phần mộ, vương quân khắc văn bia ở cổng chùa, lưu truyền hình tượng để lại của Đại Sư tồn tại khắp nơi. Bắt đầu Bảo Chí hiển bày hình tích, lúc tuổi khoảng hơn năm mươi, sáu mươi, mà chung quy cũng không già, mọi người đều không ai biết được tuổi của Đại sư. Có Từ Tiệp Đạo, sống ở chốn kinh sư, ngày mồng chín đến Đài Bắc tự nói rằng là em trai bố vợ của Bảo Chí, nhỏ hơn Bảo Chí bốn tuổi, tính lúc Bảo Chí qua đời, phải là chín mươi bảy tuổi rồi.

Mười một chuyện trên đây trích từ Lương Cao Tăng Truyện.

12: Cư Sĩ Từ Quang ở đời nhà Ngô, thường thực hành pháp thuật biến hóa kỳ ảo, ở giữa phố chợ trồng các loại dưa-táo-cam-quýt, lập tức có thể hái ăn được, mà người bán trong phố chợ đều đã hao tổn. Phàm là nói chuyện sông nước, khô han thì rất linh nghiệm. Thường xuyên qua lại với Đại tướng quân Tôn Lâm Môn, vén áo mà đi nhanh

nhổ nước bọt tỏ ý khinh bỉ mọi người. Có người hỏi nguyên cớ ấy, đáp rằng: Máu chảy đầy đường tanh hôi không chịu được. Tôn Lâm nghe mà nổi giận giết chết. Chém đứt đầu mà không có máu. Đến lúc Tôn Lâm phế bỏ Ấu Đế lại lập Cảnh Đế sắp làm lễ tấn phong Tưởng Lăng, có trận gió lớn nổi dậy giống như cuốn bay mọi thứ, từ giữa hư không rơi xuống trên xe của Tôn Lâm, làm cho xe lập tức nghiêng đổ, quay đầu lại nhìn thì thấy Từ Quang ở trên cây tùng, vỗ tay chỉ huy giễu cợt thiên hạ. Tôn Lâm hỏi tùy tùng thì không ai trông thấy. Tôn Lâm tàn ác, trong chốc lát Cảnh Đế giết Tôn Lâm, cả bốn anh em bị giết trong vòng một ngày.

Câu chuyện trên đây trích từ Oan Hồn Chí.

13: Lão Tử thời nhà Chu họ Lý tên gọi là Đam, tự là Bá Dương, người thôn Khúc-Nhân-xã Lai-huyện khổ-nước Sở. Mẹ của Lý Đam cảm ứng Đại Lưu Tinh mà có thai, tuy là thọ nhận nguyên khí từ Trời, nhưng mà thấy sanh ra trong nhà họ lý, vẫn lấy họ Lý làm họ. Có người nói: "Lão Tử trước đó do Trời đất sanh ra". Có người nói: "Là hồn của Trời thuộc về tinh khí linh thiêng". Có người nói: "Người mẹ mang thai bảy mươi năm mới sinh ra, lúc sanh thì xẻ nách trái của mẹ mà ra ngoài, mới sinh ra mà đầu đã bạc, cho nên gọi là Lão Tử", Có người nói: "Người mẹ ấy nói Lão Tử là người nhà họ mẹ. Hoặc là mẹ Lão Tử vừa đến dưới cây Lý (mận) mà sanh ra Lão Tử, Lão tử vừa sanh ra đã nói được, chỉ vào cây Lý nói rằng: Lấy cây này làm họ của con". Có người nói: "Lão Tử muốn đi ra cửa phía Tây, cửa khiến cho Doãn Hỷ biết là sự việc đặc biệt, đi theo hỏi về đạo thuật, Lão Tử kinh hãi cảm thấy quái lạ cho nên thè lưỡi ngạc nhiên như vậy, thế là có tên gọi của Lão Đam". Tất cả đều không phải như vậy. Nay dựa theo Cửu Biến và Kinh Tiên Sanh Thập Nhị Hóa, thì lúc Lão Tử chưa ra cửa, vốn đã gọi là Đam rồi, Lão Tử nhiều lần thay đổi tên gọi, không chỉ là Đam mà thôi đâu. Vì sao như vậy? Bởi vì dựa theo kinh Cửu Cung Tam Ngũ và kinh Nguyên Thần, thì con người sinh ra đều có tai ách quy tụ, đến lúc thay đổi tên gọi đó đã thuận theo âm của sinh khí, thì có thể kéo dài tuổi thọ vượt qua tái ách. Đời này có đạo thì cũng như vậy. Lão Tử ở thời nhà Chu quả là hơn hai trăm trăm, trong thời gian hơn hai trăm năm ắt phải có tai ách quy tụ không phải là một, vì vậy tên gọi hơi nhiều mà thôi.

Thời nhà Ân có Bành Tổ húy Khanh, huyền tôn của Chuyên Húc, đến cuối đời nhà Ân, tuổi đã bảy trăm sáu mươi bảy tuổi, mà không già yếu. Tuổi trẻ thích điềm tịnh không lo nghĩ chuyện đời, không quan tâm đến danh dự-không trang sức xe cộ áo quần, chỉ lấy phong thái dưỡng

sinh-trị thân làm sự nghiệm. Nhà vua nghe sống thọ như vậy cho là bậc Đại phu, thường nói mắc bệnh ở yên không tham gia việc triều chính, có sở trường về thuật Bổ Đạo, và pha chế Thủy quế-vân mẫu-lương phấn-Mi giác, thường có dung mạo trẻ trung nín hơi thở dừng lại bên trong.Từ rạng sáng buổi trưa, là cố gắng ngồi xoa mắt-vuốt nhẹ thân thể, liếm môi nuốt nước bọt, khôi phục trạng thái tinh thần và nguyên khí gấp mấy chục lần, sau đó mới bắt đầu đi lại nói cười bình thường. Trong thân thể hoặc là có trạng thái mệt mỏi bất an, thì dẫn dắt bế khí để công phá những tật bệnh đã phát sinh. Tâm đang nương vào thân, từ đầu mặt-cửu khiếu-ngũ tạng-tứ chi cho đến lông tóc, đều làm cho ở nơi đó, cảm giác không khí vận hành trong thân thể bắt đầu từ mũi miệng xuống đến mười ngón chân. Nhà vua tự mình đến hỏi thăm sức khỏe an lành hay không, tỏ ý để lại những đồ chơi quý báu trước sau rất nhiều. Bành Tổ đều nhận lấy để cứu giúp người nghèo hèn, cho hết không giữ lại thứ gì. Lại có người cung nữ, cũng có chút đắc đạo biết phương pháp nuôi dưỡng hình hài và thần sắc, thọ hai trăm lẻ bảytuổi, nhìn thấy giống như con gái mười lăm-mười sáu tuổi. Nhà vua hầu hạ tôn kính, ở quanh khu vườn xây dựng lầu son gác tía, dùng vàng ngọc để tô điểm, mới truyền cho cung nữ ngồi xe loan đến đạo như đối với Bành Tổ. Cung nữ vốn có tiếp nhận các phương pháp cơ bản đem chỉ bày cho nhà vua. Nhà vua làm thử thì quả là có hiệu nghiệm, mới muốn giết cung nữ. Bành Tổ biết chuyện thế là bỏ đi. Không biết rồi như thế nào? Sau đó hơn bảy mươi năm, người ta trông thấy ở phía Tây vùng Lưu Sa. Nhà vua không thể nào thường thực hành phương pháp của Bành Tổ, thọ được một trăm lẻ ba tuổi, mà khí lực tráng kiện như lúc năm mươi tuổi. Sau đó gặp người nữ dâm loạn lẳng lơ ở huyện vân, nhà vua mất đạo mà chết. Trong thế tục truyền miệng nhau rằng: Đạo của Bành Tổ không dạy cho người, bởi vì nhà vua trước đó đã ngăn cấm. Lúc Bành Tổ đi khỏi nước Ân, năm ấy đã bảy trăm tuổi không phải là chết già.

Hai truyện trên đây trích từ Thần Tiên Truyện.

Thời nhà Hán ở vùng Lạc Hạ có một hang động, hang động ấy sâu hút không biết đến đâu. Có người vợ muốn giết hại chồng mình, nói với chồng rất dịu dàng rằng: Chưa từng thấy cái hang này! Người chồng tự mình đưa đến xem, người vợ liền đẩy xuống trải qua một thời gian dài mới đến đáy hang. Người vợ sau đó ném cơm và các thứ xuống như muốn cúng tế người chồng. Lúc ấy trên miệng hang rơi xuống hoảng hốt rất lâu mới tỉnh lại, có được cơm ăn thì khí lực có phần khỏe hơn, vội vàng đi quanh tìm đường vẫn có được một hang đá, liền bò đến chổ

ấy, hai bên lại gập ghềnh. Đi mấy chục dặm thì hang đá rộng ra cũng có áng sáng lờ mờ, tức thì có thể bước đi bình thường. Đi hơn một trăm dặm cảm thấy dưới chân giống như bụi, mà người thấy mùi thơm của cám gạo, ăn một chút thì thấy thơm ngon ngọt ngào, liền ở trong đó lấy làm lương thực. Lại ôm theo mà đi, đã trải qua bao nhiêu dặm xa xôi u tối khó biết được, mà chuyển đến nơi ánh sáng sủa rộng rãi, thức ăn mang theo đã hết, nhân đó đi vào một nơi đô hội, thành quách xây dựng ngay ngắn-cung điện lầu đài tráng lệ, nhà cửa phòng ốc đều dùng vàng bạc để tô điểm. Tuy không có mặt trăng mặt Trời, mọi người đều cao ba trượng, mặc áo lông chim trổi âm nhạc kỳ lạ không phải thế gian được nghe. Lúc ấy bày tỏ cầu xin thương xót, người bề trên bảo cho biết để đi vầ phía trước, tất cả đi qua chín nơi như vậy. Cuối cùng đến nơi đói khát khốn khổ, người bề trên chỉ vào trong ngôi nhà có một cây bách to lớn gần trăm vòng tay, phía dưới có một con dê, bảo quỳ xuống nhổ một sợi râu dê. Lần đầu được một hạt ngọc, người bề trên lấy đi. Lần thứ hai nhổ rồi cũng lấy. Lần cuối nhổ rồi khiến ăn, liền được no bụng. Thưa thỉnh hỏi về tên gọi của chín nơi cầu mong dừng lại không đi nữa. Đáp rằng: Mạng anh không được dừng lại nơi đây, hãy trở về hỏi Trương Hoa! Lúc ấy biết là người nơi này, liền trở lại đi theo hang động ra ngoài Châu Giao. Trở về Lạc Hạ, tìm hỏi Trương Hoa, đem những điều đã gặp mà bày tỏ. Trương Hoa nói: Như bụi ấy là nước dãi của loài Rồng ở dưới sông Hoàng, bùn là bùn ở dưới núi Côn Lôn; chín nơi Địa Tiên, gọi là chín Quán của Đại phu; con dê là loài Rồng ngu si. Sợi râu thứ nhất được một hạt ngọc ăn vào thì tuổi thọ bằng với Trời đất, sợi râu thứ hai là dài tuổi thọ, sợi râu cuối ấy là đỡ đói lòng mà thôi. Người này trở về đến nơi trong bảy tám năm.

Năm thứ năm niên hiệu Vĩnh bình thời Hán, Lưu Thần-Nguyễn Triệu ở Huyện Diệm, cùng đi vào núi Thiên Thai, lạc hướng không trở về được, trải qua mười ba ngày lương thực không còn mệt mỏi đói khát gần chết, từ xa nhìn về núi, trên núi có một cây đào, có nhiều quả lúc lĩu mà không có đường nào leo lên, bèn tìm cách bám vào dây leo chằng chịt mới lên được phía trên, mỗi người ăn mấy trái mà cơn đói đã qua thân thể khỏe hẳn. Lại xuống núi cầm chén lấy nước muốn rửa mặt súc miệng, trông thấy cây lá tươi tốt từ lòng núi chảy ra, rất trong lành. Lại có một cái chén chảy ra có cơm tấm muối mè. Thế là cùng nhau lội ngược theo dòng nước, đi khoảng ba bốn dặm qua khỏi núi ra ngoài bên một khe suối lớn, có hai người con gái, hình dáng dung mạo rất tuyệt diệu, thấy hai người cầm chén xuất hiện, liền cười và nói: Hai

chàng Lưu-Nguyễn cầm chén đã trôi mất trước đây đến kìa. Lưu Thần-Nguyễn Triệu đã không biết gì nữa, mà hai cô gái thì gọi đúng họ của mình tựa như có duyên trước đây, mới gặp nhau mà hỏi tường tận, vì sao đế muộn, nhân tiện mời về nhà. Nhà họ đều lợp ngói đồng, dưới tường phía Nam và tường phía Đông đều có một chiếc giường rộng, đều giăng bức màn đỏ thẫm, góc bức màn treo chuông nhỏ có vàng bạc đan xen vào nhau, đầu giường đều có mười tỳ nữ hầu hạ. Truyền lệnh rằng: Hai chàng Lưu_Nguyễn đã trải qua núi nơn cách trở, xưa nay tuy có được ngọc đẹp mà thật ra vẫn còn trống rỗng không được gì, hãy nhanh chóng làm thức ăn! Bữa cơm thịnh soạn có đủ các món muối mè-thịt dê khô-thịt trâu là một bữa cơm miền sơn cước rất ngọt ngào thân mật. Ăn xong đi uống rượu, có một đám con gái đến, người nào cũng cầm theo dăm ba trái đào, cười mà nói rằng: Chúc mừng anh rể đến! Uống rượu say sưa cùng nhau vui thú, đến chiều tối bảo mỗi người đến ngủ đêm trong một bức màn. Cô gái đi đến, tiếng nói Thánh thót dịu dàng, làm cho người quên mất ưu phiền, thế là ở lại nửa năm. Khí hậu cỏ cây đều là lúc mùa xuân, chim chóc hót líu lo khắp nơi, làm cho lòng suy nghĩ đau buồn, cầu mong trở về thật là khó. Cô gái nói: Tội lổi liên quan đến chàng sẽ có thể như thế nào? Liền gọi những cô gái đến trước mặt, có ba mươi, bốn mươi người, tụ hội trỗi nhạc vang lừng, cùng nhau tiễn đưa Lưu_Nguyễn và chỉ rõ con đường trở về. Đã ra ngoài rồi thì thân thích trước kia điêu tàn, thôn xóm nhà cửa thay đổi khác lạ không thể nào biết nhau được. Hỏi thăm thì đã có cháu 7 đời. Nghe đồn đời trước đi vào núi lạc hướng không trở về được. Đến năm thứ tám niên hiệu Thái Nguyên thời Tấn bỗng nhiên lại đi mất không biết về nơi nào!

Thời nhà Hán ở vùng Thái Sơn có người tên Hoàng Nguyên mới rạng sáng mở cổng, bỗng nhiên có một con chó màu xanh đang nằm phục ngoài cổng, phòng giữ cảnh giác giống như trong nhà nuôi dưỡng. Hoàng Nguyên dùng dây buộc chó dẫn theo người cùng thôn đi săn, ngày sắp tối trông thấy một con hươu, thì thả chó ra, chó đi rất chậm, Hoàng Nguyên gắng sức đuổi theo nhưng không làm sao đuổi kịp. Đi được mấy dặm đến một hang đá, đi vào hơn một trăm bước, bỗng nhiên thấy có con đường bằng phẳng, cây hòe-cây liễu trồng thành hàng vòng quanh tường, Hoàng Nguyên theo chó đi vào cổng, phòng ốc nhà cửa san sát có thể vài chục gian, đều là phụ nữ sinh sống, dung mạo xinh đẹp quyến rủ-xiêm y tươi sáng rực rỡ, có người ngồi gảy đàn, có người ngồi đánh cờ. Đến phía Bắc một cửa nhỏ có ba gian nhà, hai người hầu đứng thẳng. Nếu có quan sát thì dường như trông thấy Hoàng Nguyên

mà nhìn nhau mỉm cười: Con chó màu xanh này đã dẫn chồng của Diệu Âm đến! Một người ở lại một người đi vào cửa nhỏ. Lát sau có bốn nữ tỳ đi ra, xưng là Thái Chân Phu Nhân bạch Hoàng Lang, có một cô gái tuổi đã cập kê, số Trời sâu xa thuận theo làm vợ chàng! Trời đã hoàng hôn nên dẫn Hoàng Nguyên đi vào bên trong. Bên trong có phòng hướng về phía Nam, trước căn phòng có hồ nước, trong hồ có đài cao, bốn góc đài cao con đường vào hang đá khoảng thước, trong hang đá có ánh sáng chiếu rọi làm cho màn trướng bàn ghế càng rực rỡ. Dung nhan của Diệu Âm xinh đẹp tuyệt vời, nữ tỳ hầu hạ cũng xinh đẹp, lễ nghi kết giao đã xong, tụ hội ăn uống chung sống như đã từng có. Trải qua mấy ngày Hoàng Nguyên muốn tạm thời trở về báo tin cho gia đình. Diệu Âm nói: Người và thần tiên khác đường đi, vốn không phải là tình thế lâu dài. Đến ngày mai cởi ngọc bội trao nhau và chia tay, bước đến bậc thềm nước mắt tuôn rơi, sau này không còn dịp gặp lại, càng yêu mến quý trọng sâu đậm, nếu như luôn luôn nhớ đến nhau thì đến ngày này tháng ba nên tu dưỡng trai giới thuần khiết! Bốn nữ tỳ tiễn đưa ra ngoài cổng, trong nửa ngày về đến nhà, nhớ đến tình cảm không rõ ràng được. Mỗi khi đến kỳ hạn đó thường thấy giữa hư không có xe loan dường như đang bay giữa Trời.

Ba chuyện trên đây trích từ U Minh Lục.

Trong Thuật Dị Ký nói: “Vùng Lư Sơn có ba cây cầu đá, dài mấy chục trượng rộng không hơn một thước. Cúi đầu nhìn xuống hun hút không có đáy. Trong thời hàm Khang nhà Tấn, Thứ Sử Giang Châu là Dữu Lượng nghinh tiếp Ngô Mãnh. Ngô Mãnh dẫn theo đệ tử, leo núi dạo chơi ngắm cảnh, nhân đó đi qua cây cầu này, trông thấy một cụ già, ngồi ở dưới cây quế, lấy chén ngọc hứng cam lộ đưa cho Ngô Mãnh, Ngô Mãnh đưa cho tất cả đệ tử. Tiếp tục đi đến một nơi, trông thấy đài cao gác rộng nhà cửa toàn bằng vàng ngọc rực rỡ, ngọc đẹp lung linh soi chiếu sáng ngời, màu sắc lấp lánh tráng lệ huy hoàng khắp nơi. Nhiều vật dụng bằng ngọc mà châu báu không thể biết được. Tất cả trông thấy mấy người, cùng nhau nói với Ngô Mãnh rằng: Dường như quen nhau từ trước. Thiết đãi mọi người suốt ngày rất kính trọng với những món ăn kỳ diệu vô cùng”.

Lại trong Thuật Dị Ký nói: “Độc Giác, là người họ Giang ở quận Ấp, sống khoảng chừng mấy trăm năm. Thông thường quên mất tên gọi của đó, trên đỉnh đầu mọc lên một cái sừng, cho nên gọi là Độc Giác. Có lúc bỗng nhiên đi biệt tăm nhiều năm, có lúc nhiều tuần không nói năng, và có nói điều gì thì ý thú rất tinh vi, tất cả không có ai có thể

biết được. Vốn ở một mình dùng đức hạnh để cảm hóa, cũng có thể có khi khuyên răn chỉ dạy. Một hôm chia tay cùng mọi người, nhân đó đi vào trong dòng sông trước mặt nhà biến hóa làm con cá chép, cái sừng vẫn còn đầu, luôn luôn trở về trong chốc lát, dung mạo và tướng trạng giống như thường ngày, cùng với con cháu tụ họp ăn uống dăm ba ngày rồi lại tiếp tục ra đi".

"Tốt Thường Sanh ở làng gần bên thành cốc, không biết là người chốn nào. Nhiều lần chết mà sống lại, người lúc ấy thì không như vậy. Về sau xảy ra lụt lớn đã làm hại không phải chỉ một người, mà Tốt thì ở chổ trống trên núi gọi to rằng: Tốt Trường Sanh còn đây. Lại nói rằng nước mưa 5 ngày nữa chắc chắn phải dừng lại. Dừng lại thì mọi người lên núi cúng tế cầu khấn, chỉ thấy áo quần-gậy chống và đai da của Tốt. Sau mấy chục năm, lại làm thành chợ Hoa Âm nơi chổ Tốt để lại đồ vật".

"Cầm Cao là người nước Triệu, dùng đàn-trống làm người trong nhà Khang Vương, có năng lực về pháp thuật của Quyên-Bành, rong chơi giữa quận đãng-Châu Kí hơn hai trăm năm, về sau trở lại thì đi vào trong sông ở quận đãng hóa thành rồng con, cùng với các đệ tử hẹn rằng: Đến ngày hẹn đều chay tịnh trong sạch đợi ở bên sông thiết lập bàn thờ cúng tế! Quả nhiên cưỡi cá chép đỏ xuất hiện đi vào ngồi trong đền thờ. Trong quận Đãng hôm ấy có vạn người đến xem, ở lại một tháng rồi đi vào dòng sông.

"Quán Tiên là người nước Tống, lấy nghề câu làm nghiệp sống, ở bên sông Tuy hơn một trăm năm, câu được cá thì có lúc thả-có lúc bán-có lúc để làm thức ăn. Bình thường Quán mang theo quả vải loại ngon để gieo trồng và ăn hoa trái loại cây mà thôi. Tống Cảnh Công hỏi về phương pháp đó, nhưng không nói cho biết, Cảnh Công liền giết chết. Sau mấy mươi năm ngồi xổm trên cổng thành nhà Tống gõ trống đánh đàn, mấy mươi ngày mới ra đi. Người thời Tống nhà nào cũng thờ cúng rất tôn trọng".

Ba truyện trên đây trích từ Sưu Thần Dị Lý.

Thiên thứ 24: YÊU QUÁI

Thiên này có hai phần: Thuật ý, Dẫn chứng.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Nói đến yêu quái, trong Thiên Bảo Ký nói: "Đó là tinh hoa khí chất dựa vào vật khác mà sinh ra. Khí chất hỗn loạn từ trong vật biến hóa ra bên ngoài, hình hài thần thái khí chất sử dụng từ ngoài vào trong". Căn bản từ Ngũ Hành thông suốt đối với Ngũ Sự, tuy thông tin lên cao-xuống thấp-chuyển hóa-biến động khôn lường, nhưng mà hiện tượng của những điềm lành dữ ấy, đều có thể chân thành mà bàn luận được. Đây chỉ là cách nhìn tiếp cận của tình cảm bình thường, không thông hiểu nhân quả của bậc Đại Thánh. Tìm hiểu hiện tượng biến tướng này chính là túc nghiệp lẫn tạp của chúng sinh, nhân cảm với duyên của báo ứng hiện tại mà phát sinh. Nhân duyên gặp nhau thì cái lý của sự vật là tất nhiên, cho nên có hiện tượng này chưa đủ để cho là quái lạ!

Thứ hai: PHẦN DẪN CHỨNG

Như kinh Phật Bổn Hạnh nói: "Lúc bấy giờ đức Phật bảo với các Tỳ-kheo rằng: Ta nhớ xưa kia, có một con ngựa chúa tên gọi Kê Thi, hình dung tướng mạo đoan chánh-thân thể sáng ngời sạch sẽ giống như ngọc trắng nõn nà, lại giống như bạc trắng ngần, như vầng trăng tròn vằng vặc, như đóa hoa Cư Đà. Đầu ngựa chúa màu xanh biếc chạy nhanh như gió, tiếng hí như trống vi diệu. Vào thời gian ấy, cõi Diêm-phù-đề có năm trăm người buôn, khi các người buôn sắp đi vào biển lớn, lo liệu đầy đủ tiền bạc lương thực đi đến biển lớn, thì cúng tế thần biển chuẩn bị các thuyền bè. Mướn được năm người giỏi về tàu thuyền đi tìm kiếm ngọc ngà châu báu. Lúc những người buôn đi vào trong biển rộng, bỗng nhiên gặp phải luồng gió dữ, thổi vào đoàn tàu đưa đến nước của quỷ La sát. Nước ấy có nhiều La sát nữ, lúc gần đến nước đó, gió lớn thổi tung tàu thuyền va chạm đều bị phá hủy, lúc ấy những người buôn đều vận dụng tay chân, bỏ tàu thuyền trôi bập bềnh muốn đến nơi bờ kia. Lúc ấy La sát nữ nghe trong biển lớn kia có tàu thuyền bị phá hoại, những La sát nữ lập tức đến tiếp cứu, trong một lúc cứu được năm trăm người buôn. Cùng với những người buôn ấy vui mừng nhảy múa tự nhiên hưởng thụ ngũ dục, cùng sinh ra con cái, đem những người buôn ấy sắp xếp ở trong một khu thành bằng sắt. Đã sắp xếp xong xuôi, biến hóa hình hài của mình làm cho đoan chánh hơn, đáng yêu hơn con người,

nhưng tài năng không bằng chư Thiên, dùng hương thơm cõi Trời hòa vào nước tắm gội, lấy hương thơm xoa trên thân thể, mặc vào các loại xiêm y rực rỡ và đeo chuỗi anh lạc để trang nghiêm, đầu đội mũ bằng hoa vi diệu của cõi Trời dùng các chuông nhỏ quý báu treo lên, đi lại nhanh nhẹn, đến nơi những người buôn nói với mọi người rằng: Này hỡi các vị Thánh, chẳng có gì sợ hãi cả, chẳng có gì lo lắng cả tôi từng là tay của người, từng là cánh tay của người,từng là eo lưng của người! Lúc này những người buôn vô cùng sợ hãi cái chết nên mong tánh mạng được bảo vệ an toàn, liền đối với những vị Thánh ấy đã dấy lên nghĩ rằng thật sự là người nữ cho mình bàn tay-cánh tay của họ. Lúc ấy La sát nữ dùng lời hiền từ thương xót khuyên những người buôn rằng: Từ phương xa nào đến đây có thể làm chồng tôi, thương xót chúng tôi làm người chủ cho chúng tôi, chúng tôi không có người yêu thương để nghĩ đến làm nơi nương tựa, không có ai trừ diệt nỗi ưu sầu phiền não cho chúng tôi nên làm gia trưởng cho bọn chúng tôi, chúng tôi sẽ hầu hạ cung phụng không để thiếu sót điều gì! Bấy giờ những người buôn đều cảm động thương xót, cất tiếng khóc nỉ non cùng nói ra những tình cảm thiết tha, cùng an ủi nói cho nhau biết, nhiều lần làm yên lòng lẫn nhau. Sau đó đến khu thành của La sát, chưa đến khu thành ấy, ở giữa khoảng đường thấy có một nơi, đất đai rộng rãi khắp nơi bằng phẳng vuông vắn, cây rừng hoa quả cành lá tốt tươi đều đặn, các loại chim bay lượn tụ về vô lượng như vầy. Lại có hồ ao xen lẫn các loại hoa, hoa lá chim chóc khắp nơi trong đó, người nhìn thấy vui thích làm cho tan biến mọi ưu phiền. Khu thành của La sát, tường xung quanh trong sáng, hình dạng giống như ngọc trắng nỏn nà, lại giống như băng trong suốt khu thành đó ở mặt đất, nếu người nhìn từ xa, mới thấy khu thành kia giống như một áng mây trắng, hiện ra từ trong lòng đất. Khu thành ấy trang nghiêm rực rỡ như trong kinh thuật lại đầy đủ. Bấy giờ những La sát nữ dẫn những người buôn, hướng đến khu thành ấy rồi, bảo cởi bỏ áo quần cũ, dùng các loại hương thơm hòa nước tắm gội thân thể, khiến ngồi lên chổ ngồi có đủ các loại thù thắng vi diệu, dùng năm thứ dục lạc vốn có mà làm cho vui thích, dùng năm loại âm thanh ở trước mặt mà trỗi lên, trải qua thời gian lâu dài hưởng thụ sung sướng vui vẻ vô cùng. Sau đó những La sát nữ cùng nói với các người buôn rằng: Tốt lành thay hỡi vị Thánh! Phía Nam khu thành này là nơi không được đến gần! Có một người buôn trí tuệ rất tinh tế thông minh nhạy cảm, liền sinh nghi ngờ mà dấy lên tư duy rằng: Vì những nguyên cớ gì mà không được đi qua phía Nam, mình hãy đợi lúc những người nữ nằm ngủ, tìm đến nơi đã

ngăn cấm, lần lượt quan sát xem sự việc thiện ác ra sao? Lúc ấy người chủ buôn dấy lên ý niệm này rồi, liền chờ những La sát nữ kia đã nằm ngủ say rồi, thì nhẹ nhàng mà đứng dậy không làm cho tiếng động phát ra, liền cầm dao từ trong nhà đi ra ngoài, tìm đến với dự tính dần dần tiến lên phía trước. Đến một khu đất nhỏ thấy một con đường nhỏ dẫn vào nơi ngăn cấm, không có một loại cỏ cây gì thật đáng kinh sợ, mới nghe có tiếng người lớn tiếng kêu la, giống như tiếng kêu la của sự đau khổ trong địa ngục. Nghe thấy tiếng này rồi, lông tóc đều dựng đứng lặng lẽ mà dừng lại, rất lâu mới bình tịnh trở lại, vẫn đến chổ kia, dần dần tiến vào con đường đó, trông thấy mọi khu thành bằng sắt, thành đó cao lớn là nơi âm thanh phát ra. Đến thành đó đi quanh mà không thấy cổng, đi về phía Bắc thấy có một cây, tên gọi Hợp Hoan, mọc ở gần bên thành. Cây ấy cao lớn vượt lên phía trên thành. Lúc người chủ buôn ấy trông thấy cây này rồi, lập tức trèo lên cây đó quan sát trong thành, thấy trong thành kia có nhiều người chết, nhiều hơn số trăm. Hoặc có người chết đã bị ăn một nữa, hoặc mạng sống chưa chấm dứt mà nửa người bị cắt xẻ, hoặc có người đói khát bức não mà ngồi; hoặc có người gầy ốm chỉ còn xương da, mắt mũi sâu hoắm giống như đáy giếng, mê man lăn trên đất đầu tóc rối tung, bụi bám đầy thân vô cùng yếu ớt, tất cả đều cắt thịt dẫn nhau mà ăn để sống cầm hơi. Vì nhân duyên này phát ra tiếng kêu la thảm thiết vô cùng, giống như nơi cư trú của Diêm La Vương, trông thấy các chúng sinh nhận vhịu nhiều đau khổ bức não, người chủ buôn vĩ đại này thấy sự việc ấy rồi, cũng lại như vậy, lập tức dùng tay nắm cành cây Hợp Hoan mà lay động, một cành lay động rồi thì cành lá cả cây va chạm vào nhau mà có âm thanh phát ra. Bấy giờ những người nhận chịu khổ đau nghe âm thang này rồi, ngước mặt nhìn lên trên thành, trông thấy người chủ buôn ấy ở trên cây Hợp Hoan, thấy rồi gọi to đau xót: Ngài là ai vậy, là Trời hay là Rồng, lạ Dạ xoa hay Đế Thích, là Đại Phạm vương chăng, ở nơi này tai họa nguy hiểm, đã thương xót bọn tôi cho nên đến nơi này, cứu chúng tôi ra khỏi khổ đau ư? Lúc ấy đám người kia chấp hai bàn tay lại, đầu cúi lạy từ xa khóc đau thương cất tiếng ngước mặt lên nhìn phát ra thưa lời như vậy: lành thay người có lòng nhân hậu! Nay Ngài cứu giúp cho chúng tôi đến được nơi thân ái chăng? Bấy giờ người chủ buôn từ nơi đám người khổ đau kia nghe lời nói như vậy rồi, ấm ức không vui thân tâm đau xót phiền muộn, mà trả lời đám người kia rằng: Hỡi những con người khốn khổ! Nên biết rằng tôi nay không phải là Trời-Rồng, thậm chí không phải là Đại Phạm Thiên vương đâu, nhưng bọn chúng tôi từ Diêm-phù-đề vì phát khởi cuộc sống

mà đến nơi này, vì cầu tìm tiền của cho nên đi vào biển lớn, chúng tôi mong muốn đến được đất liền, bỗng nhiên gặp phải gió lớn nên tàu thuyền bị tan tành, gặp những người phụ nữ đến bên chúng tôi cứu giúp chúng tôi thoát nạn. Từ lúc ấy đến nay thường cùng chung như vậy, những người phụ nữ vui sướng hưởng niềm khoái lạc, nay tôi làm sao có thể cứu giúp nỗi khổ của các người được? Lúc ấy người chủ buôn lại hỏi những người kia rằng: Này những con người khốn khổ! Tại sao nơi này nhận chịu những điều như vậy? Đám người khốn khổ kìa liền trả lời rằng: Tốt lành thay con người lương thiện! Chúng tôi bây giờ cũng lại như vậy, bạn bè cùng đi chung cũng có năm trăm người, thuyền hỏng đến bờ, cũng gặp phải La sát nữ cùng nhau hưởng thụ 5 thứ dục lạc, đem bọn chúng tôi giam trong khu thành bằng sắt, vào đến khu thành này đã bị ăn thịt hai trăm năm mươi người, nay chỉ còn lại hai trăm năm mươi người , chúng tôi cũng cùng với bọn họ hòa hợp sanh ra con cái, La sát nữ kia nói năng vi diệu, tiếng nói của họ dịu dàng quyến rủ, nhưng những người nữ kia tham lam ăn thịt, con cái cùng sinh ra đều trở lại ăn hết. Những người các ông cẩn thận cùng với họ hưởng thụ thú vui khoái cảm! Tại vì sao? Bởi vì họ rất đáng sợ, không có tâm yêu thương gì thoát được tai họa hay không? Những người kia liền trả lời rằng: Có một cách! Người chủ buôn lại hỏi: Cách như thế nào? Tốt lành thay hãy nói cho tôi biết! Những người kia trả lời rằng: Suốt ngày mười lăm tháng tư gặp dịp lễ hội rất vui mừng, lúc mặt trăng mặt Trời cùng với sao Mão hòa hợp với nhau, có một con ngựa chúa tên gọi là Kê Thi (Tùy nói là Đa Phát), hình dung tướng mạo đoan chánh, ai trông thấy cũng thích nhìn, trắng như ngọc quý nõn nà, đầu ngựa chúa màu đen pha hồng, chạy nhanh như gió, tiếng hí như trống vi diệu. Nơi nào ngựa chúa ấy dừng lại chính là nơi có cám gạo, tự nhiên không có vỏ trấu, rất sạch sẽ và thơm ngon ngọt ngào đầy đủ các mùi vị, thức ăn của ngựa chúa ấy, là ăn thứ gạo này. Ăn rồi đi đến bờ biển lộ ra rõ ràng một nửa thân hình, miệng phát ra tiếng người mà nói lời như vậy: Ai muốn vượt qua dòng nước khổ đau của biển lớn kia? Nói ba lần như vậy: Tôi nay sẽ khiến cho yên ổn vượt qua được bờ bên kia! Nếu gặp được ngựa chúa như vậy thì được thoát khỏi tai họa, chỉ có điều này chứ không còn cách nào hơn nữa. Nếu như các ông muốn thoát khỏi những tai họa thì đừng tiết lộ lời này ra ngoài! Người chủ buôn lại hỏi: Các ông có thể đã từng trông thấy ngựa chúa phải không? Nếu như các ông trông thấy ngựa chúa thì vì sao không thân cận, vì sao không đưa các ông vượt qua? Các ông bắt đầu từ ai nghe được sự việc như vậy? Những người kia trả lời rằng: Các ông

đến trước có thể cùng tôi đi đến nơi của ngựa chúa kia không? Những người kia trả lời rằng: Chúng tôi muốn lên trên thành thì thành liền cao hơn, đào đất muốn ra ngoài thì lổ đào ấy lại khép kín, chúng tôi không có kỳ hạn thoát khỏi nơi này, chúng tôi ắt phải bị La sát nữ ăn thịt, đến lúc nào gặp được quyến thuộc thân thích của mình! Những người các ông cẩn thận đừng phóng túng, tùy theo ý muốn mà rời xa, mau trở về quê cũ với cha mẹ và quyến thuộc của mình, chỉ nguyện cầu tâm ý các ông hòa hợp, chúng tôi vốn sinh ra và sống ở ấp đó-thành đó-xứ sở đó, tốt lành thay các ông, nếu như đến xứ sở kia hãy vì bọn tôi hỏi thăm sức khỏe cha mẹ-quyến thuộc-bạn bè thay chúng tôi! Bày tỏ lời này rồi, chúng tôi nói cho những người kia biết rằng: Sau này các ông đừng khởi tâm hướng đến biển rộng kia nữa! Tại vì sao? Bởi vì ở trong biển rộng có lắm điều kinh hãi, chỉ ở xứ sở kia tùy theo hoàn cảnh mà nuôi sống tính mạng, được chung sống với cha mẹ-vợ con-quyến thuộc còn sự phân ly đau thương, luôn luôn thực hành bố thí tạo nhiều phước thiệp, nghiêm trì trai giới là điều tốt lành nhất! Lúc ấy người chủ buôn nghe những lời kia rồi sanh lòng sợ hãi vô cùng, liền vội vàng leo xuống cây. Lúc ấy những người kia cùng một lúc cất tiếng kêu gào nỉ non khóc lóc biểu hiện sự đau khổ cùng cực: Nơi vi diệu trong cõi Diêm-phù-đề, làm sao có thể thấy được? Nếu như xưa kia biết nơi khốn khổ này, thì thà rằng ở tại nơi kia ăn nuốt cức trâu để nuôi sống tính mạng cũng đành, không vì cầu mong tiền của mà đến chổ này! Lúc bấy giờ người chủ buôn dựa theo con đường trước đây quay về nơi ban đầu, thấy những La sát nữ kia, hãy còn ngủ say sưa. Người chủ buôn lúc ấy trở về liền nằm ngủ. Mãi đến Trời sáng thì dấy lên ý nghĩa rằng: Làm sao khiến cho những người buôn kia biết được chuyện này? Nếu như vội vàng nói ra thì chuyện này bị tiết lộ, nếu như chuyện này bị tiết lộ ra ngoài thì các La sát nữ sẽ đem bọn mình đến nơi tai ách khốn khổ kia. Mình nói lời này lặng lẽ kín đáo, cho đến tháng tư sắp vào dịp lễ hội nhân ngày ngựa chúa đến mới nói cho những người kia biết. Vì sao như vậy? Xưa có bài kệ nói rằng:

Bình thường đối với điều hiểu biết,
Tùy tiện thổ lộ tâm tư mình,
Sự việc ấy sẽ bị tiết lộ,
Người nghe diễn đạt theo ý mình,
Vì vậy oán thù ắt phải gặp,
Thì nhận chịu biết bao khổ não,
Cho nên người có chút trí tuệ,

Không tùy tiện tiết lộ lời nói.

Lúc bấy giờ người chủ buôn âm thầm lặng lẽ mà dừng lại, cho đến lúc tụ hội vui vẻ vào dịp tháng tư, mới bắt đầu nói cho những người buôn kia biết rằng: Hôm nay các ông cẩn thận đừng phóng túng lưu luyến theo tâm yêu mến, hoặc là tham đắm phụ nữ, hoặc là tham lam ăn uống cùng các thứ tiền của châu báu! Tôi đối với các ông trong lòng vô cùng thương xót, nay tôi nói điều bí mật này! Lúc ấy những người buôn nghe người chủ buôn nói, giống như Sư tử ở nơi núi rừng bất ngờ cất tiếng gầm thét vang dội, có những loài thú bình thường ở cạnh núi ấy, nghe tiếng gầm đó sanh lòng kinh hãi vô cùng, tất cả nói với nhau rằng: Bây giờ chúng ta chưa thoát khỏi sự cố đáng ghét của biển rộng. Bấy giờ những người buôn kia qua được ngày ấy rồi, liền đến trong đêm, thấy tất cả các La sát nữ kia, đang ngủ say sưa nên nằm yên ổn, lặng lẽ âm thầm rón rén từ nơi giường nằm đứng dậy, tất cả cùng nhau đến nơi đã hẹn ấy. Đến nơi ấy rồi, thưa với người chủ buôn rằng: Tốt lành thay người chủ buôn! Đã trông thấy sự việc này, nguyện xin nói cho chúng tôi biết! Lúc bấy giờ người chủ buôn liền nói cho những người ấy biết sự việc trông thấy trước đây. Mọi người nghe xong lo buồn không vui, thưa với người chủ buôn rằng: Tốt lành thay người chủ buôn! Chúng tôi bây giờ phải nên làm sao để có thể nhanh chóng đến nơi ngựa chúa ấy, nguyện xin xho bọn chúng tôi yên ổn đến được nơi mình sanh ra ở trong cõi Diêm-phù-đề! Lúc ấy những người buôn đều đến nơi ngựa chúa. Bấy giờ ngựa chúa đến nơi bờ biển, lộ bày rõ ràng một nửa thân hình dùng âm thanh của loài người, rồi ba lần nói to cho biết: Ai mong muốn vượt qua bờ bên kia của dòng nước khổ đau này, tôi sẽ cõng mà vượt qua yên ổn, khiến cho đến được bờ bên kia! Lúc ấy những người buôn nghe ngựa chúa nói lới như vậy rồi, vui mừng nhảy lên lông tóc đều dựng đứng, chắp hai bàn tay cúi đầu lạy ngựa chúa, phát ra lời nói như vậy: Tốt lành thay ngựa chúa! Chúng tôi muốn vượt qua và vui mừng đến bờ bên kia, nguyện xin cứu giúp chúng tôi từ bờ bên này của dòng nước đến được bờ bên kia! Bấy giờ ngựa chúa nói cho những người buôn biết: Các ông nên biết rằng! La sát nữ kia không bao lâu sẽ đến, hoặc đem con cái biểu lộ rõ ràng trước mặt các ông, thương yêu-đau xót khóc lóc năn nỉ chịu đựng mọi sự khổ não, các ông vào lúc ấy đừng sanh tâm nhiễm trước yêu thương lưu luyến. Nếu như các ông khởi lên ý nghĩ này, thì giả sử cưỡi trên lưng tôi ắt cũng phải rơi xuống, làm thức ăn cho những La sát kia. Nếu dấy lên ý niệm như vậy: Kia không phải là những đồ vật của mình, không phải là con cái của mình. Giả sử dùng tay

nắm một sợi lông của tôi mà treo lên, thì vào lúc này tôi sẽ cùng nhau đưa nhanh đến bờ bên kia một cách yên ổn. Nói lời này xong, lại nói: Bây giờ các ông có thể cưỡi trên lưng tôi, hoặc là giữ chặt mọi nơi trên thân hình tôi! Lúc ấy những người buôn ý theo lời nói mà cưỡi lên thân ngựa chúa. Bấy giờ ngựa chúa cõng những người buôn kia vượt khỏi âm thanh đau thương bay vút lên trong hư không đi nhanh như gió. Lúc ấy những La sát nữ kia, nghe thấy âm thanh thương xót của ngựa chúa kia, lại nghe tiếng chạy giống như gió bão, bỗng nhiên từ trong giấc ngủ tỉnh dậy tìm những người buôn ấy, nhưng tất cả đều không thấy, tìm xem khắp nơi, mới từ xa trông thấy những người buôn cưỡi trên lưng ngựa chúa băng hư không mà đi. Đã trông thấy sự việc này rồi, lập tức mang con cái chạy nhanh đến bờ biển, cất tiếng yêu thương tha thiết đau xót kêu gào khóc lóc nỉ non làm ra vẻ vô cùng khổ não, tất cả đều rộ lên nói rằng: Này các vị Thánh ơi! Bây giờ bỏ chúng tôi muốn đi về chốn nào? Làm cho chúng tôi không có chủ, các người là chủ của chúng tôi, các người từ trong tai họa trước đây bị rơi xuống biển vô cùng kinh hãi, chúng tôi cứu giúp các người, chỉ mong các người làm chồng với chúng tôi, bây giờ các người rời bỏ chúng tôi, muốn đến nơi nào, không còn ân nghĩa gì ư, vì sao lại bỏ nhau? Nếu có điều gì vi phạm nay xin sám hối, từ nay trở đi không làm điều gì xấu ác. Nếu như không cần đến chúng tôi, thì con cái của chúng ta bay giờ có thể nhận lấy mà mang theo. Lúc những La sát nữ tuy cất tiếng than khóc yêu thương như vậy, nhưng ngựa chúa Kê Thi vẫn mang những người buôn ấy băng nhanh. năm trăm người buôn yên ổn vượt qua được bờ bên kia của biển rộng đến cõi Diêm-phù-đề.

Này các Tỳ-kheo! Ý các thầy nghĩ thế nào? Ngựa chúa Kê Thi lúc ấy, lẽ nào là người khác ư? Chính là thân Ta bây giờ. Người chủ buôn trong năm trăm người lúc ấy, lẽ nào là người khác ư? Chính là Xá-lợi-phất bây giờ. năm trăm người buôn lúc ấy, lẽ nào là người khác ư? Chính là các đệ tử San Xà Da-ba Ly bà xà ca... gồm năm trăm người bây giờ. Ta ở vào lúc ấy dẫn năm trăm người buôn này cùng đến nơi ách nạn khổ đau, cứu giúp những người gặp phải ách nạn ấy đến được bờ bên kia, bây giờ trở lại đến nơi của San Xà Da tà kiến, Xá-lợi-phất cảm hóa rồi đem đến nơi Ta, Ta ở trong cánh rừng bát ngát của tà kiến, hóa độ làm cho vượt qua được biển cả sanh tử. Vì vậy cho nên các thầy hãy ở nơi Phật, nên sanh tâm cung kính tôn trọng!"

Lại trong kinh Cựu Tạp Thí Dụ nói: Xưa có năm Đại sĩ cùng đi gặp tuyết rơi, ở lại qua đêm trong một đền thờ Thần, trong ngôi đền

có hình tượng của quỷ Thần, người trong nước rất tôn sùng. Bốn người khác nói: Đêm nay rất lạnh có thể lấy người gỗ đốt để nhóm lửa nấu cơm. Một người nói: Người này thờ ở đây không thể làm hư hỏng được; vì vậy xếp lại không phá hỏng. Quỷ trong đền này thường ăn thịt người, tự nói với mình rằng: Chỉ ăn một người kia, một người sợ mình, bốn người còn lại dữ tợn, không thể nào xâm phạm được họ. Người không dám làm hư hỏng tượng gỗ, ban đêm nghe quỷ nói nên vùng dậy gọi bạn bè ra đi. Bốn người còn lại nói: Sao không phá vỡ tượng gỗ dùng để nhóm lửa nấu cơm vậy ư? Người ấy liền lấy tượng gỗ nhóm lửa, quỷ ăn thịt người sợ hãi tuôn chạy mất. Nói đến người học đạo cũng lại như vậy, luôn luôn cần phải kiên định ý chí không được yếu hèn, làm cho quỷ được dịp thuận tiện tổn hại đến người vậy". Vì thế trong kinh Duy Ma nói: "Ví như lúc con người sợ hãi thì loài phi nhân được dịp thuận tiện ấy". Còn trong kinh Bồ-tát Xử Thai nói: "Lúc bấy giờ Đức Thế tôn bảo với Bồ-tát Trí Tịnh rằng: Một đời Bổ xứ Bồ-tát, dùng phương tiện quyền biến sanh vào nhà hèn mọn, muốn được thị hiện trừ diệt vô minh kết sử, 10 tháng ở trong thai, ngày sắp sanh ra hiện bày hình tướng không có tay chân, cha mẹ nhìn thấy nói rằng đó là quỷ, đem bỏ nơi đồng hoang vắng vẻ không để cho người ta trông thấy. Sau đó vài ngày mẹ lại mang thai, 10 tháng đã đủ sanh ra một bé trai, đoan chánh xinh xắn kỳ lạ hiếm có ở thế gian, ban ngày sanh ra đến đêm thì chết, cha mẹ gào khóc đấm ngực hướng lên Trời cao nức nở, thần núi-thần cây sao không thương xót tôi, trước đã sanh ra một đứa con mà lại không có tay chân, đem bỏ nơi đồng hoang vắng vẻ, nay sanh một đứa con đoan chánh không có gì sánh được, hình dáng giống như Thiên Thần, bây giờ lại ngày sanh đêm chết, tim gan đoạn tuyệt xót xa biết phải làm sao chịu nổi! Lại qua mấy tháng người mẹ dần dần mang thai, 10 tháng đã đủ sanh ra một bé trai, ba đầu-tám chân-bốn mắt-tám cánh tay, người nhìn thấy sợ sởn tóc gáy, cha mẹ quyến thuộc vất bỏ mà muốn rời xa, Bồ-tát quyền biến thị hiện làm cho không thể nào đi được. Cha mẹ hỏi rằng: Là người cõi Trời chăng, hay là loài Rồng-Quỷ-Thần chăng? Lúc bấy giờ đứa bé đã sinh ra, liền dùng bài kệ trả lời cha mẹ rằng:

Chẳng phải Trời hay quỷ Dạ Xoa,
Cần phải sánh ngang Ca Lâu La,
Vì trừ diệt ngu muội cho mẹ,
Tạm thời sanh vào nhà mẹ cha.
Trước đây con không có tay chân,
Cũng lại là thân thể của con,

Sáng sớm sinh ra chiều chết đi,
Giống như Bát Trú-Vô thượng Tôn,
Nay con nhận hình hài thân thể,
Ba đầu bốn mắt tám chân tay,
Vì sao bỏ con mà rời xa,
Hướng đến con đường vào địa ngục?
Thiêu đốt cội gốc của thiện căn,
Mong cầu hủy diệt cũng khó lắm,
Nay con lại trở về thể chất,
Hiện hình tướng đoan chánh ban đầu.
Giữ giới không mất đi lời nguyện,
Mượn cớ sanh vào nhà cha mẹ,
Thân mạng xả bỏ trước và sau,
Số lượng ấy nhiều không kể xiết.
Căn bệnh chúng sinh chẳng phải một,
Tìm đến cho vị thuốc cam lộ,
Hứng thú để đi vào giáo pháp,
Trừ diệt không đi vào đường tà.
Thọ nhận phước thiện của chư Thiên,
Vị thuốc cam lộ trừ khỏi bệnh,
Thuốc quý không làm trái Thánh giáo,
Vui niềm vui Niết-bàn giải thoát".

Tụng rằng:

Cầu vật báu mất thuyền được cứu,
Nghĩ cách cứu hình hài trôi nổi,
Đến khắp nơi huyền ảo quyến rũ,
Tà ma quỷ quái giả nghĩa tình.
Mượn cứu thoát tai họa biển khơi,
Cất tiếng mở lời giả thân ái,
Không phải tự ngựa chúa cõng sang,
Tai ách khổ đau nào bình yên?

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra 26 chuyện linh nghiệm: 1- Đông Dương Lưu Sủng bị máu cảm thấy quái lạ; 2- Yêu quái loài Rồng thời Lổ Chiêu Công; 3- Yêu quái loài Rồng thời Hán Huệ Đế; 4- Yêu quái loài rắn thời Hán Vũ Đế; 5- Yêu quái loài rắn thời Hán Hoàn Đế; 6- Trong thời Tấn Thái Khang có yêu quái loài cá; 7- Yêu quái loài chuột thời Hán Thành Đế;

8- Yêu quái loài chó thời Hán Cảnh Đế; 9- Yêu quái ma quỷ thời Hán Chương Đế; 10- Giả Nghị trông thấy yêu quái Chim Bằng; 11- Thành An Dương có đình miếu yêu quái; 12- Trong vùng Đông Việt Mân có yêu quái loài rắn; 13- Trung Sơn Vương-Chu Nam có yêu quái loài chuột; 14- Quế Dương-Trương Di có yêu quái cây; 15- Nam Dương Tống Đại Hiền có ngôi đình yêu quái; 16- Thời Ngô có quỷ quái trong ngôi đình ở quận Lư Lăng; 17- Trong thời Kiến An nhà Hán vùng quận Đông có ông lão kỳ quái; 18- Thời nhà Tấn có con cáo già làm người cha kỳ quái của người ta; 19- Thời nhà Tấn có chùa Nam Kinh ghi lại hiện tượng kỳ quái của tổ quạ trên điện thờ; 20- Thời nhà Tấn có con cáo yêu quái làm vợ người ta; 21- Thời nhà Tấn có con cáo yêu quái làm con gái người ta mà sinh con; 22- Thời nhà Tấn có Trương Xuân gặp nữ tà quỷ quái; 23- Thời nhà Tống trong nhà Lương Đạo Tu có quỷ quái tà ma; 24- Trong núi Tây Phương có người kỳ quái ăn toàn tôm cua; 25- Thời nhà Tống có người Họ Vương làm nghề bắt cua gặp khúc gỗ kỳ quái; 26- Thời đời Đường có người phản nghịch tên Trương Lượng gặp sấm sét kỳ quái.

1: Đông Dương Lưu Sủng, tên tự Đạo Hoằng, sống tại Cô Thục, hằng đêm trong sân nhà tự nhiên thấy có nhiều máu lấm lem, không biết từ nơi nào mà có. Nhiều lần như vậy, sau đó Lưu Sủng làm tướng quân chống giặc ngoại xâm, được phái đi chinh phạt phía Bắc. Lúc sắp lên đường thì nhóm lửa làm cơm nhưng tất cả đều biến thành sâu bọ, người trong nhà nấu nướng thứ gì cũng biến thành sâu bọ, ngọn lửa càng mạnh thì sâu bọ trong nồi chảo đang nấu càng mạnh lên. Lưu Sủng đi chinh phạt phía Bắc, quân lính bị đánh bại trong trận chiến, đã bị Từ Long giết hại.

2: Thời Lổ Chiêu Công năm thứ mười, lúc ấy có loài Rồng đánh nhau ở nước Trịnh, bên ngoài cổng Vĩ Uyên. Trong kinh Phòng Dị Truyện nói: "Tâm mọi người bất an, bởi vì loài Rồng yêu quái đánh nhau bất tỉnh ở trong ấp đó".

3: Ngày mồng một Quý Dậu tháng Giêng năm thứ hai thời Hán Huệ Đế, có hai con rồng hiện ra ở phía Đông nhà Lan Lăng, ở trong giếng Ôn Lăng. Trong Kinh Phòng Dị Truyện nói "Có đức gặp phải tai họa, trong giếng thấy rồng yêu quái hôn mê, thi hành hình phạt rất tàn ác, rồng đen từ trong giếng hiện ra".

4: Tháng mười năm thứ tư niên hiệu Thái Thỉ thời Hán Vũ Đế, vùng nước Triệu có con rắn từ ngoài tường thành bò vào, đánh nhau với rắn trong ấp, rắn trong ấp dưới miếu thờ Hiếu Văn thua mà chết. Mùa

Thu hai năm sau, xảy ra sự cố Thái Tử nước Vệ, dấy lên từ người nước Triệu ở vùng Trường Giang.

5: Hán Hoàn Đế lên ngôi, có con rắn lớn hiện ra trên điện Đức Dương. Lạc Dương hy lệnh Thuần Vu Dực nói: "Rắn có vảy và vỏ cứng giống như binh sĩ mặc áo giáp vậy".

6: Trong thời Tấn Thái Khang có hai con cá chép, hiện ra trong nhà kho vũ khí. Binh lính trong phủ giữ kho vũ khí có áo giáp vảy cá, cũng tương tự như vảy loài cá này. Cá lại rất Âm, trong nhà rất Dương. Cá hiện ra trong nhà, có vẻ như rất Âm mà tai họa của chiến tranh liên quan đến rất Dương. Đến đầu thời Huệ Đế, giết cha của Hoàng Hậu là Dương Tuấn, thề giao cung điện, phế Hoàng Hậu làm thứ nhân, chết ở trong lãnh cung tối tăm. Cuối thời Nguyên Khang bị Giả Hậu chuyên quyền nhiếp chính vu cáo giết hại Thái Tử, họ Tầm cũng phế truất. Vì vậy nạn mẫu hậu trong năm lại dấy khởi, tất nhiên là tai hoạ rắc rối đã được hình thành rồi. Kinh Phòng Dị Truyện nói: "Loài cá yêu quái rời sông nước bay lên đi vào đường sá, binh biến lại dấy lên theo".

7: Tháng chín năm thứ tư niên hiệu Kiến Thỉ Hán Thành Đế, phía Nam thành Trường An có loài chuột ngậm cỏ vàng-lá bách, làm tổ trên cây Bách và cây du trong phần mộ dân chúng, phần nhiều trên cây ngô đồng và cây bách, trong tổ không có con, nhưng đều có phân khô nhiều đến vài Thăng. Lúc ấy quần thần bàn tán cho rằng sẽ có xảy ra cháy lớn. Chuột trộm cắp thú vật nhỏ, đêm đến xuất hiện ban ngày trốn đi, nay đang ban ngày rời khỏi hang mà leo lên cây, giống như người hèn mọn mong muốn ở nơi sang trọng vinh hoa vậy, ví như cây ngô đồng cây bách bảo vệ nơi vườn của Hoàng Hậu Vệ Tư. Sau đó Hoàng Hậu nước Triệu từ nơi nghèo hèn bước lên địa vị rất tôn quý, ngang hàng với hoàng Hậu Vệ Tư, Hoàng Hậu nước Triệu cuối cùng không có con mà bị làm hại. Năm sau có cây điểu bị cháy mất tổ ví như giết chết con vậy. Kinh Phòng Dị Truyện nói: "Bề tôi bổng lộc vụng trộm không biết trừ bỏ, đó là hang ổ của loài chuột yêu quái vậy".

8: Năm thứ ba thời Hán Cảnh Đế, ở Hàm Đan có con chó kết bạn với con lợn nhà, lúc ấy vua nước Triệu liền cùng với sáu nước chung nhau làm phản, bên ngoài kết cấu với giặc Hung Nô để làm nơi cứu viện. Trong Ngũ Hành chí nói: "Vua nước Triệu đầu óc mê muội giống như heo, kết giao với người ngoại bang, quân hung Nô giống như heo chó vậy".

9: Thọ Quang Hầu là người ở thời Hán Chương Đế, có năng lực vạch trần tội trạng của các loài ma quỷ, khiến cho tự nhiên trói buộc

trông thấy hình hài của chúng. Người huyện đó có người vợ bị mắc bệnh quỷ quái, lúc Quang Hầu vì người bệnh vạch tội thì có con rắn lớn mấy trượng đã chết ở ngoài cổng có cây to, cây có tinh khí, người dừng lại thì chết, chim bay qua thì rơi xuống, Quang Hầu vạch tội của cây thì cây khô tàn lụi giữa mùa hè, có con rắn lớn dài đến bảy, tám trượng, chết treo lơ lửng trên cây ấy. Hán Chương Đế nghe tin triệu đến hỏi, đáp rằng có chuyện ấy. Chương Đế nói rằng: Phía sau cung điện có yêu quái, sau nữa đêm thường có nhiều người mặc áo màu đỏ thẫm xõa tóc cầm lửa đi theo nhau, há có thể trấn áp được chăng? Hầu nói điều này làm được, yêu quái nhỏ mà thôi. Chương Đế giả sử người làm điều nầy. Quang Hầu Trấn áp ba người leo lên chân vừa chạm đất thì không còn sức lực. Chương Đế kinh hãi nói: Không phải ma quỷ đâu, Trẫm thử nhau mà thôi. Lập tức sai người giải trừ nhanh chóng.

10: Giả Nghị làm quan Vương Thái Trường Sa, vào ngày Canh Tý tháng tư, có con chim bằng bay vào trong phủ đậu trên góc chổ ngồi, rất lâu mới bay đi. Giả Nghị mở sách xem quẻ nói rằng: Chim rừng vào nơi ở chủ nhân sắp ra đi. Giả Nghị sợ điều ấy cho nên làm bài phú về chim bằng; sanh tử đồng thời mà phước họa như nhau, để làm cho ý chí càng ổn định hơn.

11: Phía Nam thành An Dương có một đình miếu, nơi này không thể ở lại. Nếu ở lại thì sẽ bị giết. Có một người học trò mới đi qua ở lại nơi đó, người giữ đình nói: Nơi này không thể ở lại, từ trước đến nay người ở lại đây chưa có ai sống được. Người học trò nói: Không có gì đau khổ, tôi tự có thể hài hòa. Thế là ở lại trong ngôi đình, mới ngồi nghiêm trang đọc sách, rất lâu bèn nghỉ ngơi. Sau nửa đêm có một người, mặc áo mỏng màu đen đi qua đi lại ngoài cửa, gọi người giữ đình, người giữ đình trả lời: Dạ. Trong đình có người phải chăng? Đáp rằng: Trước đó có một người học trò ở đây đọc sách, lâu nên mới nghỉ hình như chưa ngủ. Thế là im lặng mà đi. Chốc lát lại có một người, đầu bịt khăn mặc áo đỏ, gọi người giữ đình, người giữ đình trả lời: Dạ. Cũng lại hỏi: Trong đình có người chăng? Người giữ đình đáp như trước. Lại im lặng mà đi. Ngay sau đó người học trò không có điều gì khác, đứng dậy đến nơi gọi trước đây, gọi nhỏ người giữ đình, người giữ đình cũng dạ đáp lại. Lại hỏi trong đình có người chăng? Người giữ đình trả lời như trước. Bèn hỏi: Trước đó mặc áo đen đến là ai? Đáp rằng là con heo mẹ của nhà phía Bắc. Lại hỏi: Người đầu bịt khăn mặc áo đỏ là ai? Đáp rằng là con gà trống cha của nhà phía Tây. Hỏi rằng: Còn ông là ai vậy? Đáp rằng tôi là con bò cạp. Ngay sau đó người học trò cố gắng đọc sách đến sáng không dám

ngủ. Trời sáng dân quanh đình đến coi xem kinh ngạc nói rằng: Vì sao anh sống được vậy? Người học trò nói: Anh cầm dây và hòm đến đây, tôi và anh bắt yêu quái! Thế là đào nơi trả lời hôm qua, quả nhiên bắt được con bò cạp, to như cây đàn tỳ bà, nọc độc dài mấy thước. Đến nhà phía Tây bắt được con gà trống cha, đến nhà phía Tây bắt được con heo mẹ. Giết chết cả ba con vật này, ngôi đình hiểm độc liền được yên lặng, vĩnh viễn không còn tai họa hung ác.

12: Trong vùng Đông-Việt Mân có dãy núi lớn bình thường, cao mấy mươi dặm dưới chân núi đó về phía Bắc có một chổ đất trũng ẩm ướt, trong đó có con rắn lớn, dài khoảng bảy, tám trượng, thân tròn một trượng, dân chúng địa phương thường sợ hãi. Đông Trị Vô Úy và Trưởng lại thuộc về thành này, có nhiều người đã chết, cúng tế dùng toàn trâu dê cho nên không có phước thiện, hoặc là cho người ta nằm mộng, hoặc là nói cho thầy mo biêt, muốn được ăn thịt Đồng Nữ tuổi mới 12-13. đô Úy lệnh cho Trưởng Lại cùng nhau sắp xếp chuyện này. Nhưng không ngừng khích lệ tinh thần, cùng thỉnh cầu mọi người sinh con tôi tớ, và nuôi dưỡng người nữ có tội, đến tháng tám vào ngày cúng tế đưa đến cửa hang rắn, nhất định là ban đêm rắn sẽ xuất hiện để ăn thịt. Nhiều năm liên tục như vậy, trước sau đã có chín người nữ nộp mạng. Lúc bấy giờ dự tính tiếp tục chiêu mộ để tìm người nộp mạng. Những chưa có được người nữ nào. Nhà Lý Đản ở huyện Tương Lạc có sáu người con gái mà không có con trai, cô con gái nhỏ tên là Kí, nhận lời chiêu mộ muốn đi, cha mẹ không bằng lòng. Kí nói: Cha mẹ không có tướng, chỉ sinh ra sáu đứa con gái, không có một người con trai, tuy có mà cũng như không, con gái không làm được điều gì vinh hạnh để đền đáp công lao của cha mẹ, đã không có thể cung dưỡng mà chỉ có hao phí cơm áo, sống không ích lợi gì chi bằng chết sớm, bán thân xác của con có thể kiếm được ít tiền để cung dưỡng cha mẹ, lẽ nào không tốt hơn chăng? Cha mẹ yêu thương cô con gái nhỏ hoàn toàn không bằng lòng cho đi. Ký tự âm thầm ra đi không thể nào ngăn cản được. Thế là đi đến bày tỏ thỉnh cầu các vị quan chức một thanh kiếm tốt và một con chó để cắn rắn. Đến ngày vào tháng tám thì đến ngồi trong miếu, ôm kiếm dẫn theo chó bên cạnh. Trước tiên làm một số cốm gạo trộn với bột gạo rang mật, đem đặt ở cửa hang. Đêm đến rắn liền xuất hiện, đầu to giống như cái vựa tròn đựng thóc, mắt giống như hai tấm kính, ngửi thấy mùi thơm cốm gạo nên trước tiên tìm ăn ngon lành, Kí liền thả chó ra, chó chạy đến cắn chặt, Kí từ phía sau chém xuống, rắn bị thương đau đớn quằn quại, vì vậy nảy lồng lên bò ra đến sân mà

chết. Ký đi vào hang nhìn thấy những đầu sọ của 9 chín người nữ đã chết, lấy tất cả mang ra, mới giận dữ quát tháo rằng: Các người yếu hèn làm thức ăn cho rắn, thật đáng đau xót! Ngay sau đó Ký mang đầu sọ những người nữ đã chết đi thong thả mà trở về. Vua nước việt nghe tin, cưới cô gái tên Kí làm Hoàng Hậu, bái phong người che của Ký làm huyện lệnh Tương Lạc, mẹ và các chị gái đều có ban thưởng lễ vật. Từ đây vùng Đông Trị không còn vật nào yêu quái. Câu ca dao khen ngợi cho đến bây giờ vẫn còn lưu truyền.

13: Trung Sơn Vương-Chu Nam trong thời Chánh Thỉ nhà Ngụy làm Trưởng ấp của ấp Tương, có con chuột từ trong hang bò ra ở trên công đường, nói rằng: Chu Nam bây giờ vào ngày đó tháng đó sẽ chết. Chu Nam vội đuổi đi không tin, chuột quay trở vào hang. Sau đó Kỳ hạn lại bò ra, thêm khăn bịt đầu mặc áo đen nói rằng: Chu nam trong hôm nay ông sẽ chết. Chu Nam vẫn không tin. Chuột lại đi vào hang, đợi đến lúc ấy lại đi ra đi vào, chuyển qua chuyển lại nhiều lần nói như ngày trước. Qua giữa trưa chuột lại nói: Chu Nam ơi ông không tin, tôi lại biết làm cách nào? Nói xong té xuống mà chết, lúc ấy áo mũ không còn. Chu Nam liền sai binh lính mang đến xem, nhìn thấy hoàn toàn như chuột bình thường.

14: Thái Thú Quế Dương-Giang Hạ-Trương Di, là Thủ Thăng Cao, ở vùng Yên Lăng, trong ruộng có cây lớn, hơn mười vòng tay, che kín sáu mẫu, cành lá sum sê tươi tốt tỏa tròn, đất quanh đó cây cỏ hoa màu không sống nổi. Thăng cao sai lính chặt cây, búa rìu chặt chưa đổ cây lớn thì có máu chảy ra. Lính chặt cây kinh hãi trở về thưa với Thăng Cao, Thăng Cao nổi giận nói rằng: Cây già có mủ đỏ điều này có gì kỳ quái? Vì vậy tự mình chặt cây thì máu chảy ra rất nhiều, Thăng Cao lại chặt cành, có một ông lão đầu tóc bạc phơ cao bốn-năm thước từ hư không bỗng nhiên hiện ra đi đến chổ Thăng Cao. Thăng Cao dùng đao quya lại chém chết ông lão to lớn ấy. Mọi người đều kinh hãi nằm rạp xuống đất. Thăng Cao vẫn thản nhiên như thường không thấy làm lạ. Mọi người từ từ nhìn lên, thấy tựa như người mà không phải người, tựa như thú mà không phải thú. Điều này vốn gọi là yêu ma quỷ quái biến thành gỗ đá chăng? Trong năm chặt cây ấy, Thăng Cao làm Tích Tư Không Ngự Sử-Thứ Sử Châu Duyễn.

15: Tống Đại Hiền ở Nam Dương, phía Tây vùng Ngạc có một ngôi đình không thể ở lại, người nào ở lại thì sẽ bị hại. Đại Hiền dùng chánh đạo không thể không ngó nhìn tới, tạm thời lên lầu đánh trống gảy đàn mà thôi, không mang theo binh giáp vũ khí. Cho đến nửa đêm

thì có quỷ đến leo lên bậc thang chuyện trò với Đại Hiền, trợn mắt nhe răng hình dung tướng mạo thật là dữ tợn, Đại Hiền vẫn đánh trống gảy đàn như bình thường. Quỷ liền bỏ đi mất. Vào trong chợ lấy đầu người chết rồi quay lại nói với Đại Hiền rằng: Thà rằng đi bắt người nhỏ để ăn. Nhân đó đem đầu người chết ném trước mặt Đại Hiền. Đại Hiện nói: rất hay, đêm nay ta nằm ngủ không có gối, đang lúc này thì có cái làm gối. Quỷ lại bỏ đi. Rất lâu mới quay về nói: Thà rằng bẻ tay mình mà ăn vậy. Đại Hiền nói: Tốt. Nói chưa xong đi về phía trước. Đại Hiền đã quay lại nắm lấy bên sườn của quỷ, quỷ chỉ vội vàng nói: Chết chết! Đại Hiền lập tức giết chết quỷ. Ngày mai nhìn thấy, chính là một con cáo. Nhân đó làm cho ngôi đình chấm dứt sự hiểm độc không còn lo sợ bị hại gì nữa.

16: Thời nhà Ngô trong ngôi đình ở quận Lư Lăng thường xuất hiện ma quỷ yêu quái, người nào ở lại nhất định sẽ chết, từ đó về sau khiến cho quan dân không có ai dám vào trong đình. Lúc ấy có người ở huyện Đan Dương, họ Thang tên Ứng, có can đảm và rất dũng mãnh, đi sứ đến Lư Lăng thì vào ngôi đình ở lại, quân lính thưa rằng nơi này không nên ở lại. Thang Ứng không nghe lời can ngăn, cuối cùng bảo người người tùy tùng quay lại trú qua đêm ở nơi khác, Thang Ứng chỉ mang theo một thanh đao lớn, nằm đến canh ba, trong đó có tiếng gõ cửa. Thang Ứng từ xa hỏi là ai? Đáp rằng: Bộ quận Tương Văn. Thang Ứng bảo vào đi. Tương Văn nghe rồi mà đi. Qua một lát sau, lại có người gõ cửa như trước, nói là Phủ Quân Tương Văn. Thang Ứng lại bảo vào đi. Thân mặc áo đen bỏ đi. Sau đó Thang Ứng nói rõ ràng là người không nghi ngờ gì. Lát sau lại gõ cửa nói rằng: Là bộ quận-chủ quân đến thăm. Thang Ứng mới nghi ngờ nói rằng: Bây giờ đêm khuya không phải lúc, vả lại phủ quân và bộ quận không nên đi với nhau. Biết là yêu quái, nên cầm đao đến đón tiếp, thấy có hai người đều mặc y phục sang trọng, cùng đi vào ngồi trong nhà. Phủ quân thì trò chuyện cùng với Thang ứng, chuyện tró chưa xong mà bộ quận nhảy đến sau lưng Thang Ứng, Thang Ứng quay đầu lại nhìn dùng đao đánh trúng, Phủ quân rời chổ ngồi chạy ra, Thang Ứng vội vàng đuổi đến dưới bức tường sau đình thì bắt được, chém bị thương nhiều nhất. Rời chổ ấy rồi trở lại nằm ngủ đến rạng sáng. Những người tuỳ tùng đi đến tìm thấy có vết máu, truy tìm đều bắt được, nói rằng kẻ xưng là Phủ quân chính là một con cáo quỷ quái, kẻ nói là bộ quận chính là con chồn yêu quái. Từ đó về sau thì bặt dứt vĩnh viễn không còn yêu quái.

17: Trong thời Kiến An nhà Hán, giáp giới quận Đông ở nhà đó có

chuyện kỳ quái, vô cớ mà vật dụng thau chậu tự phát ra tạo thành âm thanh ầm ầm, giống như là có người vậy. Chậu rửa tay ở trước chiếc bàn dài, bỗng nhiên biến mất, gà đẻ nhất định là sẽ mất con. Mấy năm liền như vậy, thật là tệ hại vô cùng! Thế là làm nhiều thức ăn ngon bày khắp trong một ngôi nhà, nép trong cửa rình xem, quả nhiên tiếp tục xảy ra, phát âm thanh ầm ầm như trước. Liền đóng cửa vòng quanh trong nhà, lại không thấy gì là ám muội cả, chỉ dùng gậy đánh vào mặt đất. Rất lâu từ trong góc nhà có cái gì bị đánh trúng, la lên rằng: Ui chao, chết rồi! Mở cửa nhìn thấy có một ông lão, khoảng chừng trên một trăm tuổi, nói năng hoàn toàn không thích hợp, hình dáng dung mạo rất giống loài thú, liến đi đến xét hỏi. Thế là ở nhà người đó trong khoảng vài dặm, nói rằng đi mất hơn 10 năm nay tìm được thật là vui buồn lẫn lộn. Vài ngày vào năm sau lại tiếp tục đi mất, nghe tin ở vùng Trần Lưu, lại xảy ra yêu quái như vậy, người lúc ấy hãy còn cho rằng chính là ông lão này.

18: Thời nhà Tấn, một người ở vùng Ngô Hưng người có hai cậu con trai, lúc đang làm trong ruộng, thấy người cha đi đến mắng nhiếc đánh đập thậm tệ, hai người con trở về đem chuyện nói với mẹ. Bà mẹ hỏi người cha, người cha vô cùng kinh ngạc, biết là yêu ma quỷ quái rồi, liền bảo con chém đi. Quỷ liền im lặng không trở lại nữa, người cha lo sợ con mình bị quỷ làm khốn đốn, liền tự mình đi đến xem thử.. người con nói đó là quỷ thì giết chết mà chôn đi. Quỷ liền đi theo trở về hiện thành hình dạng người cha, nói là hai con mình đã giết được yêu quái rồi. Chiều đến người con trở về cùng nhau chúc mừng, như thế nhiều năm không phát giác được. Sau đó có một vi sư đi qua nhà đó, nói với hai người con rằng: Người cha của các anh có tà khí rất lớn. Người con đem thưa lại với cha, người cha giận dữ vô cùng. Người con đi ra để nói với sư khiến mau rời đi. Vị sư nhân tiện lên tiếng đi vào, người cha biến con chồn to, chiu vào dưới gầm giường thì tóm được. Đi đến nơi chôn người bị giết mới thật sự là ch mình, cải táng sự xong thì một người con liền tự sát, một người con đau xót buồn phiền cũng chết theo.

18: Chuyện trên đây trích từ sưu Thần Ký.

19: Trong Tấn Nam Kinh Tự Ký nói: “Chùa Ba Đề Vùng Thanh Lăng-Tân Lâm huyện Mạt Lăng, xưa kia Hoàng Đế Giản Văn đã xây dựng vào năm thứ hai niên hiệu Tấn Hàm An ban đầu tên là Chùa Tân Lâm, lúc ấy Ni Cô Đạo Dung ở chùa Ô Giang quận Lịch Dương, khổ hạnh thông suốt thần linh biết trước họa phước sẽ gặp. Thế gian truyền tụng là Thánh Ma. Đầu niên hiệu Hàm An có con quạ làm tổ trong điện thờ. Hoàng Đế sai người thường bói đoán xem điều ấy, nói rằng phía

Tây nam có vị Sư là người nữ, sẽ có năng lực giải trừ được hiện tượng kỳ quái này. Lập tức sai người đến Ô Giang đón Thánh Ma, hỏi điều này lành dữ thế nào? Thánh Ma nói: Tu đức có thể cầu khẩn tránh được tai họa, trai giới cũng luôn luôn chuyển được nghiệp chướng. Hoàng Đế bèn trì trai bảy ngày, chăm chỉ hết lòng lễ lạy sám hối. Pháp hội chưa kết thúc bỗng có bầy quạ đến chuyển tổ đi nơi khác, trong một lúc hoàn toàn sạch sẽ. Hoàng Đế càng cung kính tin tưởng sâu sắc, nhân đó vì Thánh Ma mà xây dựng ngôi chùa này.

20: Thời nhà Tấn có vùng Hải Tây Công có một người, mẹ mất nhà nghèo không có gì để lo tang sự, vì thế chuyển quan tài vào trong núi sâu, ở bên cạnh quan tài làm guốc, ngày đêm không nghỉ. Lúc sắp tối có một người phụ nữ ôm con nhỏ đến ở nhờ qua đêm, Trời chuyển về đêm mà người con chí hiếu vẫn làm không nghỉ. Người phụ nữ cứ đến nài nỉ đi ngủ mà ngủ ở bên bếp lửa, chính là một con chồn ôm một con gà quạ. Người con chí hiếu nhân đó đánh chết ném trong hố sau lưng. Ngày mai có người đàn ông đến hỏi đêm qua có người đi gặp Trời tối xin ở nhà qua đêm, nay đang ở đâu? Người con chí hiếu nói: Chỉ có con chồn thì đã giết chết rồi. Người đàn ông nói: Anh giết oan vợ tôi sao có thể nói là con chồn, con chồn nay ở đâu? Nhân đó cùng đi đến bên hố, nhìn thấy chồn đã biến thành người phụ nữ chết nằm trong hố. Vì vậy người đàn ông trói người con chí hiếu, giao cho quan phủ tùy ý xử tội chết người con chí hiếu để đền mạng. Người con chí hiếu mới nói với quan phủ rằng: Đây thật là loài yêu ma quỷ quái, chỉ cần dẫn chó săn ra thì có thể biết rõ ma quỷ. Lại đến làm cho con người chí hiếu phải chết sớm. Quan phủ nhân đó hỏi về chuyện săn bắn, có thể khác với chó hay không? Đáp rằng: Tánh sợ chó cũng không khác. Vì vậy thả chó ra thì hóa làm con chồn, lập tức bắn chết thì nhìn thấy người phụ nữ đã trở lại thành chồn.

21: Trong thời Thái Nguyên nhà Tấn, đứng trước bức họa chư Phật ở Chùa Ngõa Quan thì chàng trai Thuần Vu Quan rất trong sạch. Đưa tiễn khách bạn đến phía Nam Thành Thạch Đầu, gặp một người con gái dung mạo xinh đẹp, Quan rất vui thích, nhân đó hỏi han trò chuyện, tình cảm đôi bên đã hài hòa, dẫn đi vào góc phía Bắc khu thành cùng nhau bày tỏ mọi niềm vui sướng, sau đó thì hai người chia tay, hẹn ngày gặp lại, nhân dịp thuận tiện ngỏ lời mong muốn kết thành vợ chồng. Cô gái nói: Gặp người chồng như anh thì chết nào ân hận, anh em trai của em nhiều người, cha mẹ đều còn, trước mắt hỏi cha mẹ em đồng ý hay không? Vu Quan thì bảo người hầu gái hỏi cha mẹ mình, cha mẹ cũng

đồng ý rồi. Cô gái nhân đó bảo tì nữ lấy một trăm cân bạc-một trăm xấp bạc, giúp cho Vu Quan làm lễ thành hôn. Qua một thời gian dài sinh được hai người con, nói rằng sẽ làm quan giữ trách nhiệm giám sát công văn thư từ. Sau đó quả nhiên lính phi ngựa đến mời gọi, xe ngựa dẫn dắt tuỳ tùng trước sau, trống đánh kèn thổi. Trải qua vài ngày có người thợ săn đi đến, tìm kiếm Vu Quan dẫn theo mấy chục con chó đột nhiên xông vào cắn vợ và con, tất cả đều biến thành chồn, lụa và vàng bạc cũng toàn là cỏ cây và xương của người chết.

22: Trong thời Vĩnh Sơ nhà Tấn, lúc Trương Xuân làm Thái Thú Vũ Xương, người ta gả con gái chưa kịp bước lên xe, bỗng nhiên đã mất hết tình cảm, đi ra bên ngoài gây lộn đánh người thừa dịp nói rằng: Không thích chuyện nhà gả chồng cho con gái. Thầy mo thông thường nói: Đây là tà ma quỷ quái, dẫn con gái đến Trường Giang.

3 Chuyện trên đây trích từ U Minh Lục.

23: Thời nhà Tống ở quận An Định có lương Thanh, tự là Đạo Tu, ở phường Hữu Thượng-Dương Châu, nhà cũ ở Từ Châu-Vấn Hoàn, tháng hai thứ mười bốn niên hiệu Nguyên Gia xuất hiện nhiều ánh sáng kỳ lạ, vẫn nghe tiếng bật ngón tay ngoài hàng rào, khiến người tớ gái Tùng La đi đến xem thử, trông thấy một người bèn hỏi, người ấy nói rằng: Họ Hoa tên Phù Dung, được Lục Giáp Chí Tôn sai khiến, từ trong cung Thái Vi Tử xuống đây gặp người quen nơi ở cũ. Vẫn ở lại không đi, hoặc là đầu chim thân người, đưa mắt nhìn xem một vòng liền nắm phân bẩn vãi vào chổ Lương Thanh, thuận theo vung tới dây đàn mà tắt, đồng thời có chất lỏng màu đỏ thẫm vấy vào mũi tên. Lại nhìn thấy một vật hình thể giống như con vượn, treo ở trên cành cây, khiến người cắt đi, thịt vật ấy rơi xuống đất bỗng nhiên ẩn đi. Trải qua một ngày lại từ trên nhà đi cà thọt đến nơi đầy tớ gái xin ăn, lấy nắm cơm đưa cho, một bữa ăn hết ba Thăng, mấy ngày có nhiều đám quỷ kéo đến, xấu xa dữ tợn không thể nói được. Giường của Tùng La che chắn nhưng bị bụi đất bay tung nhiều lần không dứt vào sáng sớm. Nữ tì đi hái hoa cúc giữa đường gặp một con quỷ, mặc áo-đầu bịt khăn cưỡi ngựa, có mấy mươi tuỳ tùng bảo vệ, nói với người hái hoa cúc rằng: Ta là người Tiên trên cõi Trời chớ gọi là quỷ. Hỏi rằng vì sao luôn luôn ném vật dơ bẩn? Đáp rằng vật dơ bẩn ấy như tiền của vậy, ném vào là hiện tượng bày tỏ nhanh chóng chuyển biến. Quả nhiên không lâu Lương Thanh làm Vũ Tướng Quân Thái Thú quận Bắc Lổ. Lương Thanh chán ngán sự ác độc đã lâu mới gọi Đạo sĩ ở nước ngoài là Ba La Điệp đọc văn chú nguyện các quỷ sợ hãi, hoặc là vượt tường chiu hang mà chạy, đều

phát ra tiếng chim, từ đó hoàn toàn vắng bóng. Ở quận không bao lâu trong đêm Tùng La lại thấy người đông đến mấy vạn khi giới uy nghi, có một người mang khăn bịt đầu, đưa thư bằng giấy thô có hơn bảy mươi chữ, bút tích uyển chuyển dịu dàng khác nhau xa so với Hi Hiến. Còn ca vang rằng: Anh và tôi leo lên lầu Khổng Tước, từ xa nghe tiếng trống Phụng Hoàng, bước xuống tôi là con chim non đầu núi, dường như trông thấy Lương Thanh nơi Bắc Lổ. Quỷ có người chú ruột tiết tháo, qua đời nên khóc thút thít đền đáp thăm viếng không khác người trần gian. Quỷ truyền giáo đã từng xin Tùng La một hộp sách, đề rằng: Tội chết của Khổng Tu trước đây bày tỏ thư từ để điếu viếng người chú đã mất của mình, thuật lại tường tận tình ý đau xót rất có thứ tự. Lại nói: Lúc gần đến Tây Phương thấy một Sa-môn, tự gọi là Đại Ma Sát, hỏi tin tức của anh, gởi năm viên hương thơm để chia xẻ với nhau. Lương Thanh trước kia vâng lệnh đi sứ sang Đôn Hoàng nhớ lại có gặp mặt vị Tăng này, nhà Lương Thanh có tì nữ sinh ra ở đây thì mất.

24: Lang Nha Vương cưới vợ là nhà họ Tạ ở quận Trần sanh được một bé trai, tên tự của bé là Nô Tử. Qua năm sau Vương lấy người đã có chồng là nữ tỳ Chiêu Lợi làm thiếp của họ Tạ, năm thứ tám niên hiệu Nguyên Gia lâm bệnh mà qua đời. Mộ lớn của Vương ở vùng Cối Kê giả chôn tại đồi phía Đông vùng Kiến Khang, đã trống rỗng mà lại dối trá làm cho linh thiêng đi vào nhà Phùng Cơ. Bỗng nhiên ở giữa hư không ném đất thì có tiếng quát mắng rằng: Sao không làm bài ca điếu phúng mà để Ta im lìm lặng lẽ trên đường như vậy? Người đưa tiễn nói: Không phải là mai táng vĩnh viễn cho nên không đầy đủ nghi thức mà thôi.

Hai Chuyện trên đây trích từ Dị Uyển.

25: Chu Trọng Ni nói với Quý Hoàn Tử rằng: Khâu Văn là yêu quái từ gỗ đá biến thành quỷ quái. (Vi Chiệu chú thích rằng: Gỗ đá nói là đồi núi. Biến thành người một chân nhảy qua gọi là loài Sơn Tiêu, hoặc nói là loài yêu quái một chân, là tinh khí núi rừng hóa làm quỷ quái, thích học theo tiếng người, mà làm mê hoặc người ta). Trên đây trích từ trong Quốc Ngữ. Trong Sử Ký nói: “Tần Thỉ Hoàng nói rằng: Quỷ trong núi chẳng qua chỉ biết sự việc trong một năm mà thôi”.

Trong núi sâu ở vùng Tây Phương có người, người ấy cao hơn thước thân hình lõa lồ suốt ngày bắt tôm cua, bản tánh không sợ người, thấy người dừng chân ở lại, thích nhờ vào ngọn lửa đỏ hồng để nướng tôm cua, rình xem khi người vắng mặt mà lấy trộm muối để ăn với tôm cua. Gọi đó là loài Sơn Tiêu. Âm thanh của loài đó tự kêu, người ta

thường dùng đũa tre bỏ vào trong lửa (Âm trên là Phác-âm dưới là Tất) mà Sơn Tiêu đều kinh sợ, đụng vào làm cho người cảm thấy nóng lạnh thất thường (Loài này tuy là hình dáng con người nhưng cũng là loại quỷ quái mà thôi, những loại này ở trong núi đều có). Chuyện đây trích trong kinh Thần Dị.

27: Đầu niên hiệu Nguyên Gia nhà Tống, ở vùng Phú Dương có người họ Vương, làm nghề bắt cua ở trong những vùng ao hồ mương máng. Một hôm đến nhìn xem, thấy một khúc gỗ dài hơn hai thước, nằm ở trong nơm hở ra, cua tôm thoát ra không còn con nào, bèn sửa lại cái nơm lấy khúc gỗ ra đặt trên bờ. Ngày mai đến xem, thấy khúc gỗ lại ở trong nơm, nơm bị hỏng như trước. Vương lại sửa nơm lấy khúc gỗ ra. Sáng sớm ngày mai nhìn xem lại thấy như trước đây. Vương nghi ngờ khúc gỗ này là yêu quái kỳ dị mới lấy khúc gỗ bỏ vào giỏ tre cùng với tôm cua gánh trở về, nói rằng đến nhà sẽ phá vụn để nhóm lửa. Gần đến nhà khoảng ba dặm, nghe trong giỏ tre có tiếng chuyển động sột soạt, quay đầu lại nhìn thì thấy đầu khúc gỗ trước đây biến thành một vật khác, mặt người thân khỉ chỉ có một tay một chân, nói với Vương rằng: Tánh tôi thích cua, gần đây quả thật đi vào trong nước, phá hư cái nơm cua của anh, vào trong nơm ăn cua, bị bắt như vậy rồi, mong anh tha thứ cho, mở giỏ tre lấy tôi ra! Tôi là Thần Núi sẽ phù hộ cho anh, và khiến cho nơm cua được nhiều tôm cua. Vương nói: Ông xâm phạm làm hư hoại của người ta từ trước đến nay không phải là ít, tội ấy tự nhiên phải chết. Loài vật này hết lòng cầu xin thả ra. Vương quay đầu lại phía sau nói không tha được. Vật ấy nói: Anh họ gì tên gì, tôi mong được biết! Hỏi mãi không thôi. Vương vẫn không trả lời. Đi gần đến nhà vật ấy nói: Đã không tha cho tôi, lại không nói cho tôi biết họ tên, nên làm cách gì đây, chỉ thuận theo chờ chết mà thôi! Vương đến nhà nhóm lửa cháy rực để đốt, sau đó lặng lẽ không còn gì kỳ dị nữa. Phong tục địa phương nói rằng loài Sơn Tiêu, biết họ tên của người nào thì có thể làm hại được người ấy, cho nên chịu khó xuống giọng hỏi Vương muốn làm hại người ta để tự mình thoát nạn.

Chuyện trên đây trích từ Thuật Dị Ký.

28: Thời đời Đường có người phản nghịch tên Trương Lượng, xưa làm Đô Đốc U Châu, vào chùa Trí Tuyền lễ bái, trông thấy một pho tượng lớn tướng tốt đầy đủ trọn vẹn, liên đặc biệt cúng dường cung kính, Trương Lượng gặp phải sấm sét, cột trụ điện thờ bật ra, cây gỗ đánh vào góc trán Trương Lượng mà không thương tổn gì, và lúc đến chùa lễ lạy pho tượng trông thấy trán Pho tượng có chổ bị hỏng. Sự việc này trích

trong Minh Báo Lý. Lại vào giữa thời Trinh Quán, pho tượng ấy bỗng nhiên quanh cổ xuất hiện vết tích trầy xước, to như sợi dây vậy. Người lúc ấy trong thấy điều đó đều cho là điềm chẳng lành, không bao lâu quả nhiên Trương Lượng vì tội phản nghịch mà bị chém đầu. Vết tích ấy ngày nay thấy vẫn còn.

Chuyện trên đây trích từ Minh Báo Thập Di Ký.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 32

Thiên thứ 25: BIẾN HÓA

Thiên này có ba phần: Thuật ý, Thông biến, Yếm dục.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Nói đến cái dụng của Thánh nhân, sâu xa thông suốt vô ngại, nhiều cách làm cho cảm ứng, không thể dấy lên mong cầu hoàn toàn như nhau, không thể dùng một lý lẽ mà suy rộng ra. Vì vậy thô thiển dùng thô thiển mà ứng, vi tế dùng vi tế để hợp, thô-tế thuận theo cơ duyên thì lý tất nhiên rồi. Sở dĩ phát ra ánh sáng vô cùng rực rỡ hiện bày các loại thần thông biến hóa, ấy là thuận theo các vị Đại Bồ-tát khắp mười phương để tiếp nối địa vị tôn kính ấy mà thôi. Nếu như ở thế gian thì tiếp nhận cái thô rời bỏ tà vạy trở về chính đáng, thì lại cần phải tuỳ duyên biến hóa thần thông tương xứng với tâm tư của tình ý chúng sinh, không thể dùng diệu lý tỏ ngộ thông suốt chỉ bày sự việc. Mà biến hiện hình hài thể chất không nghĩ bàn được, dùng để ngăn chặn sự cố chấp không nghĩ bàn được. Ví như Thánh nhân cũng vào trong loài hươu-ngựa mà độ thoát chúng sinh, nên ở cùng hươu-ngựa, lẽ nào giống như hươu ngựa hay sao? Nếu như không khác với hươu ngựa, thì lập tức thường lưu chuyển không đợi phải nói đến thần thông biến hóa này rồi!

Thứ hai: PHẦN THÔNG BIẾN

Như kinh Hoa Nghiêm nói: "Này Phật tử! Như một đức Như lai chuyển một hóa thân, những thí dụ về pháp luân vân như vậy không thể nói được. Tất cả các thế giới trong pháp giới hư không giới, đều dùng mảy lông đo lường rộng khắp, nơi mỗi một mảy lông, ở trong từng niệm biến hóa các thân bất khả thuyết-bất khả thuyết vi trần cõi Phật, cho đến tận cùng đời kiếp thời gian vị lai. Mỗi một Hóa Phật, thân có bất khả thuyết-bất khả thuyết số đầu như vi trần cõi Phật. Mỗi một đầu có

bất khả thuyết-bất khả thuyết số lưỡi như vi trần cõi Phật. Mỗi một lưỡi phát ra bất khả thuyết-bất khả thuyết âm thanh như vi trần cõi Phật. Mỗi một âm thanh tuyên thuyết bất khả thuyết bất khả thuyết Tu-đa-la như vi trần cõi Phật. Mỗi một Tu-đa-la thuyết ra bất khả thuyết-bất khả thuyết các pháp như vi trần cõi Phật. Trong mỗi một pháp thuyết ra cú thân-vị thân như vi trần cõi Phật bất khả thuyết-bất khả thuyết. Lại trong đời kiếp như vi trần cõi Phật bất khả thuyết-bất khả thuyết về những cú thân-vị thân khác nhau bằng âm thanh đầy khắp pháp giới, tất cả chúng sinh thảy đều nghe thấy, tận cùng thời gian vị lai thường chuyển pháp luân như vậy, âm thanh của Như lai không sai khác-không đoạn dứt-không thể cùng tận. Đây là pháp an trú của hết thảy chư Phật và Đại na la diên Tràng Phật”

Lại kinh Hoa Nghiêm nói: “Hết thảy chư Phật đều có tám loại âm thanh vi diệu, mỗi một loại âm thanh đều có năm trăm quyến thuộc của âm thanh vi diệu, trăm ngàn âm thanh không thể kể ra số lượng để trang nghiêm vô lượng vô biên âm thanh kỹ nhạc vi diệu thảy đều thanh tịnh, luôn luôn khắp mọi nơi diễn thuyết nghĩa vị chánh pháp của hết thảy chư Phật, đều xa rời tất cả chúng sinh nghe thấy âm thanh đó tùy theo bổn hạnh của mình và các loại thiện căn đều khiến được hiểu rõ thông suốt. Đây là sự trang nghiêm khẩu nghiệp thù thắng Vô thượng của hết thảy chư Phật”.

Lại trong kinh Xứ Xứ nói: “Lúc bấy giờ Đức Phật mỉm cười, trong miệng có ánh sáng năm màu phát ra là có năm nhân duyên: 1- Muốn làm cho người nảy sinh những câu hỏi và nhờ những câu hỏi mà có lợi ích; 2- Bởi vì sợ rằng người ta nói đức Phật không biết cười; 3- Vì vậy hiện bày ánh sáng phát ra từ trong miệng; 4- Mỉm cười vì các chúng sinh không chí thành; 5- Mỉm cười bởi A-la-hán giữ lấy Không mà không đạt đến đạo của Bồ-tát. Ánh sáng lại từ trên đỉnh đầu đi vào, bởi vì lúc ấy bày tỏ cho người đời sau cùng sáng tỏ”.

Còn trong kinh Phật thuyết Tâm Minh nói: “Bấy giờ Đức Thế tôn vì Phạm chí mới mỉm cười, ánh sáng năm màu phát ra từ miệng, chiếu rọi chủng loại năm thú khắp mười phương, từ Trời cõi Dục đến loài người trong tâm đều hoan hỷ, khiến cho ngạ quỷ no đủ, địa ngục ngưng đau khổ, súc sanh thông suốt ý nghĩ trừ mọi tội lỗi, theo ánh sáng tìm đến nơi Phật. Chư Phật mỉm cười pháp đều có sự may mắn tốt lành, hoặc là quyết định trao cho Bồ-tát, soi chiếu khắp mười phương thì áng sáng từ đỉnh đầu đi vào. Quyết định trao cho Duyên giác, thì ánh sáng đi vào khuôn mặt. Quyết định trao cho Thanh văn, thì ánh sáng đi vào

hai vai. Thuyết giảng sự việc sanh thiên, thì ánh sáng từ rốn đi vào. Thuyết giảng sanh vào trong loài người, thì ánh sáng từ đầu gối đi vào. Thuyết giảng hướng về ba đường khổ, thì ánh sáng từ giữa bàn chân đi vào. Niềm vui của chư Phật không vì tham muốn mà mỉm cười, không vì sân giận mà mỉm cười, không vì ngu si mỉm cười, không vì phóng túng mà mỉm cười, không vì lợi ích tham muốn mà mỉm cười, không vì vinh hoa phú quý mà mỉm cười, không vì giàu có sung túc mà mỉm cười. Nay Phật bình đẳng tất cả vì thương xót mọi chúng sinh, thực hành nụ cười Đại Từ, không phải bảy cách cười này".

Còn trong Trí Độ Luận nói: "Như lúc đức Phật lần đầu chuyển pháp luân, Bồ-tát Ứng Trì từ phương khác đến, muốn đo lường thân Phật nên vượt qua hư không, trải qua vô lượng cõi Phật đến thế giới Hoa Thượng, thấy thân Phật vẫn như cũ, bèn nói kệ rằng:

Hư không chẳng hề có giới hạn, công đức của Phật cũng như vậy,
Giả sử muốn đo lường thân Phật, nhọc công vô ích không thể được.
Trên vượt quá hư không pháp giới, vô lượng vô biên các cõi Phật,
Thấy thân của Sư tử Thích Ca, vẫn như cũ mà không sai khác.
Thân tướng đức Phật như núi vàng, biến hóa phát ra ánh sáng lớn.
Tướng tốt rạng rỡ tự trang nghiêm, giống như mùa Xuân hoa nở thắm".

Lại trong kinh Xứ Xứ nói: "Lúc đức Phật tại thế, chư Thiên Quỷ, Thần, Rồng và nhân dân đều hướng đến nơi Phật, nghe kinh mấy trăm ngàn lớp, trước sau đều hấy nét mặt đức Phật. Vì sao như vậy? Bởi vì đời trước lúc đức Phật nói năng trước sau không sai khác, cho nên không có ai không trông thấy nét mặt đức Phật. Người nằm đều thuận theo hướng đầu về phía đức Phật, vốn là luôn luôn tỏ lòng tôn kính đức Phật".

Thứ ba: PHẦN YẾM DỤC

Như kinh Đại Trang Nghiêm Pháp Môn nói: "Lúc bấy giờ trong thành Vương xá có một người nữ dâm loạn. Người nữ tên gọi Kim Sắc, uy đức sáng ngời. Nhân duyên thiện căn của người nữ ấy vốn có từ đời trước, hình thể dung mạo đoan chánh đầy đủ các tướng tốt, thân màu vàng ròng ánh sáng chiếu rọi rực rỡ, hình dáng nét mặt xinh đẹp quyến rũ hiếm có ở thế gian, thần thái trí tuệ thông minh biện tài vô ngại, âm thanh từ ngữ trong trẻo tuyệt vời-sâu sắc thâm thúy dịu dàng vô cùng,

nói năng thường mỉm cười, tuỳ nơi đi qua đều phát ra ánh sáng chiếu soi rực rỡ. Áo quần thường cũng đều màu vàng. Tất cả mọi người trông thấy thì tâm vương vấn yêu mến không sao quên được. Tùy nơi nào đi qua đều có người đi theo. Có vị Trưởng giả tên gọi Thượng Uy Đức, bởi vì dục lạc cho nên tặng cho nhiều tiền của châu báu, cùng mong muốn hợp nhau, cưỡi xe trang nghiêm đi đến vườn cây cảnh. Lúc ấy người nữ Kim Sắc túc duyên âm thầm cảm ứng, được Văn-thù-sư-lợi cảm hóa khiến cho nhập đạo. Vốn có thần thái biến hóa tự tại, đem đầu mình gối trên đầu gối của Uy Đức kia mà ngủ, liền dùng thần lực ở nơi chổ nằm ấy hiện rõ ra thành tướng chết, trương phình lên hôi thối nát rữa khó có thể đến gần. Trong chốc lát bụng nức ra gan ruột phơi bày, lục phủ ngũ tạng lộ ra rõ ràng hôi hám dơ bẩn đáng sợ, đường đại tiện tiểu tiện chảy ra những thứ dơ dáy vô cùng, tay chân mắt mũi ruồi nhặng bu đầy, không thể nào nói hết. Lúc ấy vị Trưởng giả trông thấy xác chết này, vô cùng kinh hãi lông tóc đều dựng thẳng, rồi dấy lên nghĩ rằng: Mình nay không ai cứu giúp được, nhìn khắp bốn phía không có nơi nào để trở về nương tựa. Sợ hãi Tăng thêm gấp bội mà phát ra tiếng kêu kinh hoàng vô cùng. Vị Trưởng giả ấy vì hai nhân duyên mà sinh ra sợ hãi vô cùng: Một là trước đây chưa hề trông thấy điều gì tệ hại như vậy, cho nên sinh ra sợ hãi; hai là mọi người đều biết mình và cô gái ấy cùng đến nơi này mà bây giờ bỗng nhiên chết đi, sẽ nói là mình cố tình giết hại,vua A-xà-thế không xét kỹ lý này bất ngờ trông thấy thì sẽ giết chết, vì vậy sinh ra sợ hãi. Lúc ấy vị Trưởng giả một mình ở khu rừng này không thấy một người nào, tất cả phàm Thánh ai có thể cứu giúp đây? Vị Trưởng giả ấy tuy có thiện căn thành thục từ quá khứ, nhưng bởi không nghe thấy Văn-thù cùng người nữ Kim Sắc thuyết pháp, cho nên Văn-thù-sư-lợi liền dùng thần lực, khiến cho các loài cây rừng đều nói lời kệ thức tỉnh. Vị Trưởng giả nghe rồi tâm tư vô cùng hoan hỷ, tự mừng cho mình may mắn hết sức, rời bỏ xác chết từ trong rừng mà đi ra, liền đến nơi đức Phật thưa đầy đủ về duyên cớ sợ hãi. Lúc bấy giờ đức Phật bảo với vị Trưởng giả: Ông đừng lo buồn sợ hãi, Ta sẽ giúp cho ông tất cả mọi điều không sợ hãi, ông quay về với đức Phật là tất cả mọi điều không sợ hãi. Trưởng giả thưa với đức Phật: Tất cả mọi điều sợ hãi từ đâu mà sinh ra? Đức Phật bảo rằng: Từ nhân duyên tham sân si cho nên sợ hãi, nên biết rằng tất cả mọi sự sợ hãi không có chủ không có tạo tác-không có nắm giữ, trước tiên ông phải hiểu được nay ở chổ nào? Vị Trưởng giả thưa: Trong lúc này con đã nhìn thấy sắc đẹp và hiểu rằng đó là điều xấu ác, bởi vì phàm phu tham đắm mà sợ hãi,

ở trong Thánh pháp không có sự việc như vậy. Thế là đức Phật thuyết pháp cho biết các loại phương tiện. Lúc ấy vị Trưởng giả được thuận theo pháp nhẫn. Bấy giờ người nữ Kim Sắc biết vị Trưởng giả đã được giáo hóa, trang nghiêm năm trăm xe ngựa vây tròn trước sau, đi đến nơi đức Phật rồi lùi lại đứng về một phía.

Bấy giờ Văn-thù hỏi vị Trưởng giả rằng: Ông biết em gái này không? Vị Trưởng giả nói: Nay con thật sự biết. Văn-thù-sư-lợi nói: Ông biết ra sao? Lúc ấy vị Trưởng giả liền hướng về Văn-thù nói kệ rằng:

Thấy sắc giống như bong bóng nước,
Các cảm thọ đều như bọt nước,
Quán tưởng giống như nắng bốc hơi,
Như vậy con biết cô gái ấy.
Thấy hành giống như quạt Ba Tiêu,
Biết Thức giống như trò huyễn ảo,
Người nữ mượn tên gọi đặt bày,
Như vậy con biết cô gái ấy.
Thân không cảm giác như cây gỗ,
Cũng như cỏ rác-gạch đá sỏi,
Tâm thì không thể nhìn thấy được,
Như vậy con biết cô gái ấy.
Các phàm phu giống như mê say,
Điên đảo sinh ra biết xấu ác,
Người trí tuệ vốn đắm không nhiễm,
Như vậy con biết cô gái ấy.
Giống như xác chết trong rừng kia,
Hôi thối nát rữa thật ghê sợ,
Thân thể tánh bất tịnh như vậy,
Như vậy con biết cô gái ấy.
Quá khứ vốn không hề diệt đi,
Vị lại cũng không hề sinh khởi,
Hiện tại không tạm thời dừng lại,
Như vậy con biết cô gái ấy.
Văn-thù đang dễ dàng tùy thuận,
Ân nghĩa ấy khó đền đáp được,
Con trước đây vốn nhiều tham dục,
Trông thấy bất tịnh là giải thoát.
Thân cô gái ấy thật không chết,

Vì giáo hóa con hiện thành chết,
Vì thương chúng sinh mà thị hiện,
Người nào trông thấy không phát tâm?
Tham sân si mê hoặc như vậy,
Và tất cả phiền não khổ đau,
Thể pháp tánh thanh tịnh như vậy,
Tốt lành thay thật là vi diệu!

Lúc bấy giờ đức Phật bảo với A nan: Người nữ Kim Sắc và người nam Thượng Uy Đức này, đã được giáo hóa từ quá khứ, khiến cho phát khởi Bồ-đề, nay lại nghe pháp được thuận theo pháp nhẫn. Người nữ Kim Sắc này, ở đời tương lai trải qua 90 trăm ngàn kiếp, sẽ được làm Phật, danh hiệu là Bảo Quang Như lai. Trưởng giả Uy Đức ở nơi đức Phật Bảo Quang, đạt được thân Bồ-tát, tên gọi là Đức Quang. Sau khi đức Phật Bảo Quang diệt độ sẽ được làm Phật, danh hiệu là Bảo Diệm Như lai".

Lại trong kinh Quán Phật Tam Muội nói: "Đức Phật bảo với A nan: Xưa kia ta vào lúc mùa Hạ an cư, tại nước Ba-la-nại có một người nữ dâm loạn, ở trên lầu cao, tên gọi là Diệu Ý, ngày xưa có duyên đối với Phật. Lúc bấy giờ đức Thế tôn hóa độ ba Đồng tử, tuổi đều mười lăm, diện mạo đoan chánh, hơn hẳn tất cả loài người ở các thế gian. Người nữ này trông thấy rồi thân tâm hoan hỷ, thưa rằng: Đấng trượng phu, nhà em bây giờ giống như công đức Thiên, sức lực của cải tự tại thứ sáu trang nghiêm, nay em đem thân và cùng với nô tỳ, dâng lên đấng trượng phu có thể hầu hạ chu đáo, nếu có thể chiếu cố thu nhận thuận theo nguyện ước của em, thì em cung cấp tất cả không hề luyến tiếc gì cả! Bày tỏ lời này xong, hóa nhân đến giường không bằng khoảng thời gian bữa ăn, người nữ tiến lên thân cận thưa rằng: Đấng trượng phu mong thỏa mãn nguyện vọng của em! Hóa nhân không làm trái ý, tuỳ theo ham muốn của mình, đã gần gũi rồi một ngày một đêm tâm không hề mệt mỏi thỏa mãn. Đến ngày thứ hai thì tâm ái dần dần dừng lại, đến ngày thứ ba thì thưa với trượng phu rằng có thể dậy để ăn uống. Hóa nhân liền đứng dậy, quấn quýt mãi không dứt. Người nữ phát sinh chán ngán hối hận thưa rằng: Trượng phu khác với người ta mới như vậy. Hóa nhân nói cho biết rằng: Pháp đời trước của tôi bình thường cùng với người nữ quan hệ, trải qua 12 ngày như vậy mới nghỉ ngơi, người nữ nghe lời nói này giống như người ăn nghẹn đã không thể nôn ra nhưng không thể nuốt được, thân thể đau đớn như bị chày giã. Đến ngày thứ tư thì giống như bị xe cán. Đến ngày thứ năm thì giống như

hòn sắt đi vào trong thân thể. Đến ngày thứ sáu thì tay chân gân cốt đều đau đớn rã rời, giống như mũi tên đâm vào tim. Người nữ dấy lên nghĩ rằng: Mình nghe người ta nói ở thành Ca-tỳ-la, có Thái tử con vua Tịnh Phạm, thân màu vàng tía đủ ba mươi hai tướng, thương những người mù lòa tối tăm-cứu giúp những người khốn khổ, luôn luôn ở trong thành này thường thực hành phước thiện hóa độ, phát ra ánh sáng sắc vàng cứu tế tất cả mọi người, hôm nay vì sao không đến cứu mình? Mình từ hôm nay cho đến lúc chết đi, chung quy không tham theo sắc, thà rằng cùng với cọp beo lang sói sống chung một hang, chứ không tham lam sắc dục nhận chịu sự khổ não này! Hóa nhân cũng giận dữ, quát tháo người phụ nữ rất tệ hại, làm dang dở sự nghiệp của mình, nay mình cùng với người ấy hợp lại chung sống một nơi, không bằng chết sớm cho rồi! Cha mẹ họ hàng nếu đến tìm mình, thì tự trốn nơi nào? Thà rằng mình trải qua cái chết chứ không chịu được nổi điều sỉ nhục. Người nữ nói: vật tệ hại em không dùng, chàng muốn chết thì tùy ý! Lúc này hóa nhân lấy dao tự cắt cổ, máu chảy đầm đìa bôi bẩn thân người nữ, ngã xuống mặt đất, người nữ không thể nào hất ra được. Hai ngày tím đen, ba ngày trương phình, bốn ngày thối rữa, năm ngày dần dần nán nhừ, sáu ngày thịt rời rã, bảy ngày chỉ có xương tàn hôi thối, như keo như dính chặt vào thân người nữ. Tất cả đại tiện-tiểu tiện và các thứ giòi bọ xấu xa, máu me tung tóe bôi đầy thân người nữ, người nữ vô cùng chán ghét nhưng không xa rời được. Người nữ phát thệ nguyện: Nếu như chư Thiện Thần và những người Tiên, Thái Tử con vua Tịnh Phạm có năng lực trừ bỏ nỗi khổ này cho con, thì con mang tất cả châu báu vàng ngọc trong nhà này dùng để cung cấp bố thí! Lúc phát ra ý niệm này, đức Phật dẫn theo A nan-Nan đà, Đế thích ở trước, Phạm vương ở sau đức Phật tỏa ra ánh sáng bình thường chiếu rọi Trời đất, tất cả đại chúng đều trông thấy Như lai đi đến tòa lầu của người nữ này. Lúc ấy người nữ gặp đức Phật trong lòng vô cùng hổ thẹn, không biết giấu xương cốt chổ nào, bèn lấy những tấm vải bông trắng quấn vào xác chết hôi thối, nhưng mùi hôi thối vẫn như cũ không thể che đậy được. Người nữ gặp mặt Đức Thế tôn, đảnh lễ chào đức Phật, bởi vì hổ thẹn cho nên xương cốt lộ rõ trên thân, xương cốt hôi thối bỗng nhiên nằm trên lưng người nữ. Người nữ vô cùng hổ thẹn rơi nước mắt mà thưa: Công đức và lòng Từ bi của Như lai thật vô lượng, nếu Ngài khiến cho con xa rời được nỗi khổ này, con nguyện làm đệ tử tâm hoàn toàn không lùi bước! Nhờ thần lực của đức Phật cho nên xương cốt hôi thối không còn, người nữ vô cùng hoan hỷ, đảnh lễ đức Phật rồi thưa với đức Phật rằng: Thưa Đức Thế tôn! Nay

con cúng dường tất cả châu báu vàng ngọc này lên đức Phật! Đức Phật liền dùng Phạm âm chú nguyện lưu loát, người nữ nghe chú nguyện tâm vô cùng hoan hỷ, ngay lập tức đạt được quả vị Tu-đà-hoàn. Năm trăm Tỳ nữ nghe âm thanh của đức Phật, đều phát tâm đạo Vô thượng Bồ-đề . Vô lượng Phạm chúng trông thấy đức Phật thần biến đạt được vô sanh nhẫn. Đế thích đã dẫn theo chư Thiên thì có người phát tâm Bồ-đề, có người đạt được quả vị A-la-hán".

Còn trong kinh Bách Duyên nói: "Lúc đức Phật tại thế, trong thành Xá-vệ có người vợ của một Trưởng giả, sanh được một bé trai, hình dáng mặt mày vô cùng xấu xí giống như ác quỷ, có người trông thấy bỏ cậu bé mà chạy mất. Tuổi dần lớn lên cha mẹ càng chán ghét, xua đuổi làm cho bỏ đi thật xa. Ngay cả súc sanh trông thấy cậu bé xấu xí này, hãy còn sợ hãi vô cùng, huống hồ là loài người. Lại vào một lúc, đến khu rừng hái quả để tự giữ mạng sống, thì chim bay tán loạn, thú chạy khắp nơi, không có loài nào không sợ hãi bỏ chạy, biệt tăm biệt tích không dám dừng lại. Đức Thế tôn nghĩ mà thương xót nên dẫn Tỳ-kheo, đến khu rừng muốn hóa độ. Cậu bé trông thấy đức Phật liền đi tránh, đức Phật dùng thần lực khiến cho không thể nào đi được. Lúc ấy các Tỳ-kheo đều ngồi xếp bằng tròn ở dưới tán cây lắng lòng suy nghĩ. Đức Thế tôn hóa làm người xấu xí, tay ôm bình bát chứa đầy thức ăn, từ từ đi đến chổ người xấu xí, hình dạng giống mình nên lòng dạ rất vui sướng, nghĩ rằng nay người này thực sự là bạn mình, nên tìm đến cùng trò chuyện cùng giở bình bát mà ăn. Lúc ăn xong thì hóa nhân kia bỗng nhiên trở thành đoan chánh, người xấu xí hỏi rằng: Anh nay vì sao bỗng nhiên trở thành đoan chánh? Hoá nhân đáp rằng: Tôi ăn thức này, dùng thiện căn quán sát các Tỳ-kheo ngồi thiền dưới tán cây kia khiến cho tôi trở thành đoan chánh. Người xấu xí nghe rồi, tìm đến để học theo, tìm được sự đoan chánh, nên lòng dạ rất vui sướng, tức thì hướng về hóa nhân phát sinh tín giải sâu sắc. Ngay đó hóa nhân trở lại hình dáng ban đầu, người xấu xí trong thấy đức Phật có đủ ba mươi hai tướng tốt-tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng chiếu rọi khắp nơi giống như trăm ngàn mặt Trời, tiến lên đảnh lễ dưới chân Phật rồi lùi lại ngồi một phía. Đức Phật liền vì người xấu xí thuyết pháp khiến cho đạt được quả vị Tu-đà-hoàn, lập tức ở trước đức Phật cầu xin xuất gia. Đức Phật bảo rằng: Lành thay, đến đây Tỳ-kheo! Râu tóc tự nhiên rơi rụng, thân mang pháp phục, liền trở thành Sa-môn, rất chăm chỉ tu tập, đạt được quả vị A-la-hán. Lúc ấy các Tỳ-kheo thấy sự việc này rồi, thỉnh cầu đức Phật thuyết pháp cho đại chúng biết nhân duyên vốn có từ trước. Đức Phật bảo với các Tỳ-

kheo: Chính là trong vô lượng đời kiếp quá khứ trước kia, có đức Phật xuất thế, danh hiệu là Phất sa, ngồi xếp bằng tròn ở dưới một tán cây, Ta và Di-lặc cùng làm Bồ-tát đến nơi đức Phật ấy cúng dường mọi thứ, mà vểnh một chân ở trong bảy ngày nói kệ ca ngợi đức Phật.

Cõi Trời và thế gian không ai bằng Phật,
Thế giới khắp mười phương cũng không hề có,
Tất cả thế giới đều có thể trông thấy,
Không có người nào có thể sánh bằng Phật.

Lúc bấy giờ Bồ-tát nói kệ này xong, thì trong núi kia có một quỷ thần, làm ra hình dáng xấu xí đến làm cho Ta sợ hãi, Ta dùng thần lực khiến cho nơi đi lại ấy trở thành dốc đứng hiểm trở không thể nào qua được. Lúc ấy Sơn thần kia liền dấy lên suy nghĩ rằng: Mình dùng tâm ác làm cho người ấy sợ hãi, khiến cho mình bây giờ đi lại nơi hiểm nạn không thể nào qua được, nay nên đến nơi người ấy sám hối tội lổi trước kia. Dấy lên ý nghĩ này rồi, lập tức tìm đến nơi ấy, sám hối xong rồi phát nguyện mà đi mất. Đức Phật bảo với các Tỳ-kheo: Cần phải biết rằng Sơn thần kia vì làm cho Ta sợ hãi, trong năm trăm đời hình hài thân thể xấu xí người trông thấy kinh hãi bỏ chạy, nhờ vào sự sám hối ấy cho nên nay gặp được Ta mà xuất gia đắc đạo. Các Tỳ-kheo nghe rồi hoan hỷ vâng mạng thực hành. Tụng rằng:

Đại Thánh Thần thông biến hóa,
Tùy sự dẫn dắt người mù,
Tài năng trí tuệ ưu việt,
Khai bày tỏ ngộ tương ưng.
Hóa hiện thần thông uy lực,
Làm cho tà đạo phục tùng,
Ẩn hiện lợi ích chúng sinh,
Chính là quy phạm cao vời.
Chúng sinh chấm dứt bài báng,
Cảm động tỏ ngộ hưng thịnh,
Bí mật vận dụng tự tại,
Người thấy sanh lòng cung kính.
Bậc Đại Thánh này hiếm gặp,
Linh thiêng tuyệt thế vô song,
Hàm sinh nếu có phước thiện,
Gặp được điều tốt lành này”.

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra 25 chuyện: 1- Nói chung về thần thông biến hóa thành nhiều loại; 2- Thời nhà Chu có Tả Từ có năng lực biến hóa; 3- Thiệt đỏa sơn có con gái của vua có thể biến hóa; 4- Hạ Cổn và Triệu Vương Như Ý biến hóa; 5- Trong niên hiệu Ngụy Tương Vương có người nữ biến hóa; 6- Trong niên hiệu Hán Kiến Bình có người nam biến hóa; 7- Trong niên hiệu Hán Kiến An có người nam biến hóa; 8- Trong niên hiệu Tấn Nguyên Khang có người nữ biến hóa; 9- Thời Tấn Huệ Hoài có người nam nữ biến hóa; 10- Thời Hán Cảnh Đế có người biến hóa; 11- Thời Hán Tuyên Đế con gà biến hoá; 12- Trong niên hiệu Tấn Thái Khang có con cáy và con cua biến hóa; 13- Khổng Tử vào thời Trần ở trong quán đàn ca có con gà đề biến hóa; 14- Thời Lương có cư sĩ Vi Anh, người vợ họ Lương lấy chồng biến hóa; 15- Thời Tấn ở quận Dự chương có quan lại Dịch Bạt biến hóa; 16- Thời Tấn ở huyện Nghi Dương có người nữ họ Bành tên Nga biến hóa; 17- Thời nhà Tấn có huyện Thái Mạt có mẹ Ngô Đạo Tông biến hóa; 18- Thời nhà Tấn ở huyện Phục Dương có con trâu biến hóa; 19- Con gái của Viêm Đế biến hóa; 20- Biến hóa ghi xen lẫn trong các truyện; 21- Thời nhà Tấn có đình miếu thờ thần ở Giang Nam biến hóa; 22- Thời nhà Tần ở Nam Phương có Lạc Dân bay đầu biến hóa; 23- Cao Dương Thị cùng sanh ra làm vợ chồng biến hóa; 24- Thời nhà Ngụy có người tộc Man trong Bắc Sơn-huyện Tầm Dương làm phép thuật biến hóa; 25- Thời nhà Ngụy có mẹ của Tống Sĩ Tông ở Thanh Hà bởi vì tắm mà biến hóa,.

1: Nói đến đạo Từ bi cứu giúp chấn động người xưa nhìn vào cách thức, phương pháp biến hóa thần thông có nguồn gốc khó suy lường, đây là bậc đại Thánh ở phương khác, không phải là khả năng bình thường của người trong khu vực, cùng tận điều ấy không thể bắt đầu, suy xét điều ấy không thể hết được. Nhưng phàm hay Thánh tuy sai khác mà biến hóa có điểm như nhau. Bởi vì trí có cạn sâu-chương có thô tế, cơ có lớn nhỏ-hóa có rộng hẹp. Đại khái là đạt đến cội rễ của sanh tử, thì có thể nói là biến hóa rồi. Nếu như dựa theo Phật giáo tin hiểu nhân quả, thì nhân duyên dựa vào nhau mới thành ra biến hóa. Nếu như căn cứ theo thế tục ngoại đạo thì không đạt đến nơi rộng lớn, chỉ tin duyên khởi mà không dựa vào nhân tố có sẵn. Vì vậy trong Thiên Bảo Ký nói: “Trời có năm khí hóa hiện thành ra vạn vật, Mộc tinh là Nhân, Hỏa tinh là Lễ. Kim tinh là Nghĩa, Thủy tinh là Trí, Thổ tinh là Ân. Năm khí hoàn toàn tinh khiết thì Thánh đức đầy đủ vậy. Mộc trược thì Nhược, Hỏa trược thì Dâm, Kim trược thì Bạo, Thủy trược thì Tham, Thổ trược

thì Ngoan. Năm khí hoàn toàn hổn loạn thì làm dân đen thấp hèn vậy. Trung Thổ nhiều Thánh nhân, là hòa khí đã kết giao. Tuyệt Vức nhiều quá vật, là khí kỳ dị sinh ra. Nếu như vâng chịu khí này thì ắt phải có hình thể này, nếu như có hình thể này thì ắt phải sinh ra tánh tình này. Vì vậy người ăn ngũ cốc có trí tuệ mà lịch sự, loài ăn cỏ cây nhiều sức lực mà ngu dốt, loài ăn lá dâu có tơ tằm mà thành bướm, loài ăn xương thịt có dũng cảm mà man rợ, loài ăn đất đá không có tâm mà không dứt, loài ăn không khí là thần minh sống lâi, loài không ăn thì không chết mà linh thiêng, eo to không kể giống đực-eo nhỏ không kể giống cái, không có giống đực bên ngoài tiếp nhận-không có giống cái bên ngoài sinh đẻ. Sâu bọ ba lần thay đổi trước có thai sau kết giao, thú vật gồm đủ yêu thương, tự nhiên trở thành đực-cái, sống nhờ dựa vào cây cao, tùng la nhờ cậy phục linh, gốc cây ở tại đất, trồng bèo ở tại nước, chim xếp hàng giữa hư không mà bay, thú đạp lên mặt đất mà chạy, sâu bọ chui trong đất mà nấp kín, cá tôm tìm vực sâu kín đáo mà ở, căn cứ vào Trời thì gần gũi trên cao, căn cứ vào đất thì gần gũi dưới thấp, căn cứ vào thời gian thì gần gũi bên cạnh, bởi tất cả đều thuận theo chủng loại của mình". Chim Trĩ ngàn năm đi vào biển làm con trai, chim Tước trăm năm đi vào sông làm con Sò, con Rùa-con Giải ngàn năm có thể cùng người nói chuyện, con Cáo ngàn năm đứng dậy làm cô gái đẹp, con Rắng ngàn năm chặt đứt mà nối lại, con chuột trăm năm mà lại có thể bói tướng, là số đã đến vậy. Ngày Xuân phân chim Ưng biến thành chim Gáy, ngày Thu phân chim Gáy biến thành chim Ưng, là thời thay đổi vậy. Vì vậy cỏ thối hóa thành con đom đóm, lau sậy mục hóa thành con dế mèn, cây lúa hóa thành con sâu gạo, lúc mạch hóa thành con Bướm vàng mình có gai. Vậy cánh sinh ra vậy, mắt mũi tạo thành vậy, tâm trí tồn tại vậy. Đây là từ loài không có tri thức mà hoá thành loài có tri thức, mà khí thay đổi vậy. Chim Hạc hoá thành con Hoẵng con Rắn hóa thành con Ba ba, con dế mèn, hoá thành con Tôm, không mất đi khí huyết đó mà hình hài tính năng thay đổi. Tương tự như vậy không thể nào nói hết được, ứng theo biến đổi mà chuyển động, thì gọi là thuận theo lẽ thường, nếu như sai phương pháp ấy thì đó là yêu quái tai vạ, vốn là thể dưới thấp sinh ra khí trên cao thì điều ấy không phù hợp. Người sinh ra thú vật-thú vật sanh ra người, khí ấy là hổn loạn vậy. Nam hóa thành nữ, nữ hóa thành nam, là tính chất của khí ấy vậy. Lổ Ngưu đau xót vì bệnh tật trong bảy ngày mà hoá thành cọp, hình hài thân thể biến đổi mà móng răng bày ra, người anh vừa đi vào kiền vồ mà ăn thịt. Đang lúc làm người không biết sắp làm cọp, đang lúc làm cọp

không biết lúc ấy vốn là người. Trong Thời Tấn Thái Khang, Nguyên Sĩ ở quận Trần Lưu, bị chim muông làm tổn hại đến kiệt sức, không chịu được sự đau đớn đó, nhiều lần ngửi vết thương ấy, đã vậy mà ở trong lổ mũi hóa thành hai con rắn độc. Trong thời Tấn Nguyên Khang-Lịch Dương Kỷ Nguyên ghi: Người khách ăn một con rùa, đã vậy mà thành ra cái u trong bụng, thầy thuốc dùng thuốc để chữa trị, xổ ra mấy thăng rùa con, to bằng đồng tiền trinh, đầu và chân đầy đủ, hoa văn trên mai rùa đều có, nhưng bị trúng thuốc nên rùa đã chết. Vợ chồng không phải khí thay đổi mà sinh đẻ, lổ mũi không phải là nơi mang thai sinh con. Đạo lý hưởng thụ đầy đủ chẳng phải là vật. Từ đây mà quán xét, sự sanh tử của mọi vật, liên quán đến sự biến hóa của nó. Suy nghĩ chẳng phải là thần thông, tuy cầu mong nhiều ở chính mình mà hiểu biết xấu tự nó xảy ra. Nhưng cỏ mục hóa thành con đom đóm bởi vì rữa nát, lúa mạch hóa thành con bướm vàng mình có gai bởi vì độ ẩm. Vậy thì sự biến hóa của mọi vật đều có nguyên do. Người làm nông chỉ có làm cho lúa mạch thay đổi, thì dùng tro mà ngâm. Thánh nhân theo lý làm cho mọi vậy thay đổi, thì lấy đạo mà cứu giúp. Điều ấy không phải như vậy ư? Nay đã hiểu rõ sự việc, hẳn nhiên chưa đủ để suy xét đến tận cùng sự biến hóa ấy... đây chính là do tạp nghiệp trong ý thức vốn có của chúng sinh huân tập mà thành. Bởi vì chủng tử đã thành thục dựa vào duyên nơi khác mà hình thành, tình và chẳng phải tình tùy theo duyên phát khởi mà biến hóa. Nếu trước đó không có chủng tử thì cho dù gặp duyên ấy, mà duyên phân tán-lực yếu ớt cũng không thể nào một mình biến hóa được. Bởi vì nhân dựa vào duyên cho nên chủng tử không một mình thành tựu, bởi vì duyên nương vào nhân nên duyên không một mình lo liệu được. Nhân duyên hòa hợp, lực dụng bằng nhau, vạn loại từ đó sinh ra, một cá thể không có năng lực thành lập, ngõ hầu người có hiểu biết trong tương lai, lẽ nào ngờ vực chọn điều gì khác hay sao?

2: Tả Từ, tên hiệu là Nguyên Phóng, người vùng Lư Giang, có thần thông biến hóa, thường ngồi chơi với Tào Công. Tào Công nói: Hôm nay hội lớn nhưng tiếc là không có được cá Lỗ ở sông Ngô Tùng để mổ thịt: Nguyên Phóng nói: Có thể bắt được. Yêu cầu có chiếc chậu đồng chứa đầy nước, Nguyên Phóng lấy cần trúc thả mồi câu trong chậu nước, một lát kéo ra một con cá Lỗ. Tào Công vỗ tay khen ngợi. Người tham gia trong hội đều ngạc nhiên. Tào Công nói: Một con cá không đủ cho bữa tiệc, có được hai con thì tốt biết bao! Nguyên Phóng bèn tiếp tục thả mồi câu. Chốc lát kéo ra hai con, đều dài hơn ba thước rất tươi sống đáng yêu. Tào Công liền mổ thịt ban tặng cho cả bàn tiệc. Tào

Công nói: Nay đã có được cá Lỗ, tiếc rằng không có được gừng mọc ở đất Thục mà thôi! Nguyên Phóng nói: Có thể có được. Tào Công sợ rằng gừng ấy mua ở gần đường, nhân đó nói: Xưa tôi sai người đến nước Thục mua gấm, có thể khiến người nói với sứ giả của tôi, khiến cho mua thêm hai xấp. Người đi lát sau trở về có được gừng tươi, lại nói: Ở trong tiệm gấm gặp người đi sứ của Tào Công, đã khiến mua thêm hai xấp. Sau đó trải qua hơn một năm, người đi sức của Tào Công trở về quả nhiên mua thêm hai xấp gấm. Hỏi điều ấy thì nói rằng: Ngày ấy tháng ấy trước đây gặp người ở trong cửa tiệm, đem lệnh của Tào Công mà truyền lại cho biết là trước đây gặp người ở trong cửa tiệm, đem lệnh của Tào Công mà truyền lại cho biết là mua thêm hai xấp gấm. Về sau Tào Công đi đến vùng ngoại thành có những sĩ tử đi theo hơn một trăm người. Nguyên Phóng bèn một chĩnh rượu và một miếng thịt khô tự tay nghênh chĩnh đi rót rượu mà mời bá quan, bá quan đều no say. Tào Công trở lại kiểm tra nhà bán rượu, nhưng chuyện hôm qua đều không còn gì là rượu ngon với thịt khô nữa rồi. Tào Công ác hiểm ngấm ngầm muốn giết Nguyên Phóng, Nguyên Phóng đang ngồi với Tào Công, lúc sắp bị bắt, Nguyên Phóng lại đi vào bức tường bỗng nhiên không thấy nữa, thế là chiêu mộ binh lính để bắt giữ. Có người trông thấy ở chợ bèn bắt lấy, mà người trong chợ đều có hình dạng giống như Nguyên Phóng. Sau đó có người trông thấy Nguyên Phóng ở đầu núi vùng Dương Thành, người đi đường đuổi theo, Nguyên Phóng lẫn vào trong bầy dê. Người đi đường biết Nguyên Phóng ở trong bầy dê, nói cho biết rằng: Tào Công không muốn giết hại lẫn nhau, pháp thuật vốn có của ông đã nghiệm đúng, chỉ muốn cùng gặp mặt nhau. Trong bầy dê bỗng nhiên có một con dê đưc rất già, quỳ hai đầu gối trước vươn thẳng người mà nói rằng: Vội vàng như vậy! Người đó liền nói: Chính là con dê này. Thế là tranh nhau xúm lại muốn bắt, mà bầy dê mấy trăm con đều là dê đực, cùng quỳ gối trước thẳng người nói rằng: Vội vàng như vậy! Thế là chẳng biết phải chọn bắt con nào! Lão tử nói: “Ta sở dĩ bị tai họa lớn, là bởi vì ta có thân hình, đến khi Ta không có thân hình, thì Ta có gì lo sợ đâu?” nếu như đẳng cấp của Lão Tử thì có thể nói là luôn luôn không có thân hình rồi, há không khác nhau xa hay sao?

3: Con gái của Hoàng đế Thiệt Đỏa Sơn chết đi, hóa thành loài cỏ kỳ quái, lá loài cỏ ấy sanh ra thành lá, hoa loài cỏ ấy màu vàng, hạt loài cỏ ấy giống như trái tơ hồng, cho nên người uống loài cỏ kỳ quái này, thường xinh đẹp hơn người khác.

4: Năm thứ ba mươi ba thời Chu Tuyên Vương ra U Vương, thì

trong kho tàng có con ngựa hóa thành con cáo.

5: Năm thứ hai thời Tấn Hiến Công, Chu Huệ Vương sống tại nước Trịnh, người nước Trịnh đi vào Vương Phủ, phần nhiều dẫn đến hóa làm quỷ quái hại người, Trường Hoằng thấy cảnh giết hại, người nước Thục che giấu vết máu đó, cho nên ba năm mà trở thành ngọc xanh biếc.

6: Thời Hán Linh Đế, mẹ của Hoàng Thị ở vùng Giang Hạ tắm gội nằm trong bồn nước rất lâu mà chẳng đứng dậy, đã biến thành con Ba Ba rồi. Nữ Tỳ kinh hãi chạy đi bẩm báo, lúc mọi người chạy đến, con Ba Ba chuyển vào hang sâu, sau đó luôn luôn xuất hiện. Lúc đầu đấm trong mái tóc có cài một cái trâm bằng bạc, hãy còn ở trên đầu tóc, Thế là Hoàng Thị nhiều đời không dám ăn thịt loài Ba ba.

7: Ngày cuối tháng sáu năm thứ nhất thời Ngô Bảo Đỉnh, ở huyện Đan Dương có mẹ của Tuyên Hiên tuổi tám mươi rồi, cũng bởi vì tắm gội trong hồ mà hóa thành con Ba ba, hình dáng ấy giống như mẹ của Hoàng Thị, bốn anh em của Hiên đóng cửa bảo vệ mẹ, đào trong nhà làm hố lớn cho nước chảy vào, con Ba ba ấy đi vào trong dòng nước đùa giởn, trong một vài ngày thường vươn dài cổ ra, cũng nhìn xem đợi lúc cửa hé mở thì bỏ đi quanh quẩn, rồi tự mình bò vào hang sâu, sau đó không còn trở lại.

8: Hạ Cổn là cha của Thiên Tử, Triệu Vương như ý là con của Hán Tổ, mà Tổn làm con gấu lông vàng, Ý làm con chó lông xám.

9: Năm thứ ba thời Ngụy Tương Vương, có người con gái, từ đầu hóa làm người chồng, cùng với vợ sinh con, vì vậy trong kinh Phòng Dị Truyện nói: "Người con gái hóa làm người chồng, đó gọi là âm hưng vượng, người hèn hạ làm vua. Người đàn ông hóa làm người vợ, đó là khí âm trội hơn khí dương, điều dữ ấy là diệt vong vậy".

10: Trong thời Hán Kiến Bình, Dự Chương có người con trai, hoá thành con gái, gả làm vợ người ta sinh được một cháu bé. Trong Trường An Trần Phụng nói: "Dương biến đổi thành âm, sắp mất đi người kế tự. Sanh được một người con, là sẽ nối tiếp một đời rồi mới chấm dứt. Vì thế khiến cho Ai Đế băng hà-Bình Đế suy vong, mà Vương Mãng cướp ngôi vậy.

11: Năm thứ bảy thời Hán Kiến An, Việt Tê có người con trai hóa thành con gái Chu Quần nói: Thời Ai Đế lúc ấy có sự biến này, sắp có sự cố thay đổi thời đại đây. Đến năm thứ hai5, Hiến Đế phong đất đai và tước vị công hầu huyện Sơn Dương.

12: Trong thời Tấn Nguyên Khang, vùng An Phong có người con gái nói rằng Chu Thế Ninh, đến năm tám tuổi dần dần hóa thành con

trai. Đến năm 17-1tám tuổi thì khí chất tánh tình đã thành tựu, thể chất con gái thay đổi mà không hết, thể chất con trai thành tựu mà không triệt để, nhiều vợ mà không có con.

13: Đời Tấn Huệ Hoài, ở vùng Kinh Lạc có người, một thân mà có hai thể chất nam và nữ, cũng có thể cùng vui mừng với nhau mà đặc biệt là thích sự dâm dục. Lúc thiên hạ gặp chiến tranh ly loạn, là bởi vì khí của nam nữ hỗn loạn mà gây ra những hiện tượng quỷ quái vậy. Đang trong thời gian hưng thịnh, lại có người con gái có âm hộ ở bụng sống tại Dương Châu, tánh cũng thích dâm sắc, vì vậy trong kinh Phòng Dị Truyện nói: "Người yêu quái sanh con có âm hộ ở đầu, thì thiên hạ đại loạn. Nếu như ở bụng thì thiên hạ xảy ra sự cố. Nếu như ở lưng, thì thiên hạ không có tương lai".

14: Tháng chín năm thứ nhất thời Hán Cảnh Đế, người Hạ Mật vùng Giao Đông, tuổi trên 70 mọc ra cái sừng, trên sừng có lông mọc ra. Vì vậy trong kinh Phòng Dị Truyện nói: "Quan tể Tướng không chu đáo công việc nên người tà ác mọc sừng". Trong Ngũ Hành Chí nói: "Bởi vì là người thì không thích hợp để mọc sừng, giống như các nước chư hầu thì không nên dấy binh hướng về kinh Sư vậy". Sau đó xảy ra nạn bảy nước khởi lên binh biến.

15: Năm thứ nhất niên hiệu Hoàng Long thời Hán Tuyên Đế, trong chuồng ngựa Lạc Linh của điện Vị Ương có con gà mái hóa thành con gà trống, bộ lông cũng thay đổi, không gáy không đẻ không có cựa. Trong niên hiệu Sơ Nguyên thời Hán Nguyên Đế, phủ Thừa Tướng nhà họ Sử có con gà mái hóa thành con gà trống, có mào-có cựa, thậm chí gáy và đẻ trứng.

Trong năm Vĩnh Quang thời nhà Hán Nguyên Đế, có người tặng con gà trống mọc sừng, trong Ngũ Hành chí nói: "Điều này là điềm ứng của Vương Thị vậy".

16: Năm thứ tư thời Tấn Thái Khang, ở quận Cối Kế có con Cáy và con Cua đều hóa làm chuột, những loài chó ở giữa đồng hoang, ăn nhiều lúa má trở thành tai họa. Lúc mới hóa thành chỉ có lông thịt mà không có xương, chúng đi lại không thể nào qua khỏi bờ ruộng. Sau vài ngày thì đều trở thành mạnh mẽ. Đến năm thứ sáu ở huyện Nam Dương bắt được con Cọp hai chân, con Cọp có Âm tinh mà ở nơi Dương, là loài thú màu như vàng, tên gọi của ngọn lửa Nam Dương vậy. Kim tinh đưa vào lửa mà mất đi hình thể ấy, là yêu quái làm hỗn loạn vương thất vậy.

17: Khổng Tử gặp nguy ở nước Trần, đàn ca ở trong hội quán,

đêm khuya có một người cao hơn chín thước, mặc áo đen mũ cao, lớn tiếng quát mắng làm chấn động mọi bề. Tử Cống tiến lên hỏi là người nào vậy, thì xách Tử Cống mà kẹp lại. Tử Lộ kéo ra cùng đánh nhau tại sân hội quán, một lúc sau không thấy thắng được. Khổng Tử quan sát, thấy trong xe cộ binh giáp ấy, luôn luôn mở ra như bàn tay. Khổng Tử nói: Sao không tìm hiểu xe cộ binh giáp ấy kéo ra mà làm mất đi? Tử Lộ làm như lời khuyên, giấu tay ngã nhào xuống đất, thì chính là con cá Đề to lớn, dài hơn chín thước. Khổng Tử than rằng: Đây là loài vật, tại sao lại đến đây vậy? Ta nghe nói loài vật già là nơi nương cậy của mọi tinh túy, bởi vì suy yếu mà đến nước này vậy. Lẽ nào vì ta gặp phải nguy khốn hết lương thực thuận theo mà sinh bệnh chăng? Nói đến sáu loài vật nuôi trong nhà và rùa-rắn-cá-cua cho đến cỏ cây lâu đời, thì tinh lực đều dựa vào đó có năng lực trở thành yêu quái, cho nên gọi là Ngũ Dậu. Ngũ Dậu là phương hướng của Ngũ Hành thì đều có vật của mỗi phương, Dậu là già lão vậy. Do đó vật gì lâu năm thì trở thành kỳ quái rồi, giết đi thì chấm dứt, có gì lo sợ đâu? Hoặc giả Trời đất chưa mất đi văn vẻ, vì vậy mà gắn liền với mạng của Ta ư? Không như vậy thì tại sao đến mức này? Đàn ca không nghỉ. Tử Lộ nấu chín, mùi vị ấy thêm hứng thú cho người bệnh, ngày mai liền lên đường.

Mười ba chuyện trên đây trích từ Sưu Thần Ký.

18: Thời nhà Tấn ở quận Chương có quan lại tên Dịch Bạt, trong thời Nghĩa Hi-Tấn An Đế có lần được về nhà cố ý trốn mất không trở lại. Quận phủ sai người truy tìm trông thấy Dịch Bạt nói năng như bình thường, cũng vì vậy mà giúp cho phương cách, sứ giả thúc giục để xếp đặt hành trang. Dịch Bạt nhân đó nói rằng: Ông xem mặt tôi vẫn thấy mắt mũi, sừng giương lên thân hình có vằn màu vàng! Tức thì đứng thẳng một chân nhảy ra cửa đi mất, nhà trước kia dựa vào núi rừng mà sống, cuối cùng từ loài Hươu biến thành con Cọp lớn có ba chân, chân đã dựng đứng thì biến thành cái đuôi của con cọp.

Câu Chuyện trên đây trích từ Dị Uyển.

19: Biến loạn của thời Tấn Vĩnh Gia, quận huyện không có chủ nhất định, ở huyện Nghi Dương có cô gái, họ Bành tên Nga, cha mẹ anh em hơn mười người, bị giặc cướp giết hại ở Trường Sa, lúc ấy Bành Nga gánh thùng ra múc nước bên suối, nghe giặc cướp đến liền chạy trở về, chính lúc ấy trông thấy nhà cửa đã phá tan tành, đau xót không sao kể xiết, cùng với giặc cướp đánh nhau, giặc cướp bắt trói Bành Nga dẫn ra bên bờ suối muốn giết hại. Vùng núi ấy có núi lớn, tường đá cao mấy chục trượng, Bành Nga ngước mặt gọi ta rằng: Trời cao lẽ nào có thần

linh hay không, tôi bị tội gì mà phải chịu như vậy? Nhân đó chạy nhanh hướng vào núi, núi dựng đứng mở ra rộng đến mấy trượng, đường bằng phẳng giống như đá mài, bọn giặc cũng đuổi theo Bành Nga vào núi, núi liền sụp xuống khép lại lặng lẽ giống như ban đầu. Giặc cướp đều bị đè chết trong núi mà đầu thò ra ngoài. Vào trong núi thì Bành Nga ẩn kín không trở ra nữa. Thùng múc nước của Bành Nga bỏ lại hóa thành tảng đá có hình dáng tựa như con gà. Người địa phương vì vậy gọi là núi Thạch Kê, dòng suối là đầm Bành Nga.

Câu chuyện trên đây trích từ U Minh Lục.

20: Năm thứ tư thời Tấn Nghĩa Hi, Ngô Đạo Tông ở huyện Thái Mạt-quận Đông Dương, cha mất sớm, chỉ sống cùng với mẹ, không có vợ con. Đạo Tông đi làm thuê không ở nhà, người hàng xóm nghe trong nhà Đạo Tông có tiếng ầm ào phát ra, trộm nhìn không thấy mẹ Đạo Tông mà chỉ có con Cọp Vằn đen ở trong nhà đó, người hàng xóm kinh hãi, sợ rằng Cọp vào nhà đó đã ăn thịt mẹ Đạo Tông, thì gõ trống quy tụ mọi người, cùng nhau đến cứu. Xung quanh nhà mọi người cùng xông thẳng vào nhưng không thấy có Cọp, chỉ thấy bà mẹ nói năng như bình thường, không hiểu gì ý đó, người con trở về, bà mẹ nói với con rằng: Tội lổi xưa kia gặp kẻ truy đuổi nên có sự biến hóa. Sau đó một tháng vào một ngày nọ thì mất mẹ, trong phạm vi của huyện tai họa do Cọp liến tiếp xảy ra, mọi người đều nói rằng: Bà mẹ là con Cọp vằn đen. Dân làng lo sợ khiến người tìm cách bắn chết. Cọp giết chết mấy người. Người sau bắn Cọp thì có con Chim Ưng trắng cùng dùng cái kích đâm giữa bụng cọp, nhưng không thể nào đấm chết được. Trải qua mấy ngày sau Cọp trở về nhà mình nằm trên giường như cũ, nhưng không thể trở lại hình dáng con người, nằm úp mặt trên giường mà chết. Người con gào khóc như cách thức mai táng mẹ của mình, sớm tối đứng trước thi hài mà khóc lóc suy tư.

Câu chuyện trên đây trích từ Tề Hài Ký.

21: Thời Tấn ở huyện Phục Dương, Lý Dân có một đứa con chăn trâu, con trâu bỗng nhiên liếm đứa trẻ này, thịt nơi trâu liếm đều trắng bạch, đứa trẻ một lát sau thì chết. Nhà ấy chôn cất đứa trẻ này, giết trâu để mời khách bạn. Tất cả hơn 20 người nam nữ ăn thịt con trâu này, đều biến thành cọp.

Câu chuyện trên đây trích từ Dĩnh Huy Quảng Châu Ký Lục.

22: Nữ Oa là con gái của Viên Đế đi chơi ở Đông Hải chìm tàu mà chết, hóa thành chim Tinh Vệ, hình dạng loài ấy giống như Quạ, thường ngậm gỗ đá của vùng Tây Sơn, bay về để lấp Đông Hải; Khoa Phụ cùng

mặt Trời tranh nhau chạy khát cổ uống nước, sông khô cạn không đủ uống, đến phía Bắc uống nước trong đầm lớn, chưa đến nơi thì đã chết, bỏ lại cây gậy hóa thành rừng Đặng.

Câu chuyện trên đây trích từ Sơn Hải Kinh.

23: Trong Bác Vật Chí nói! "Nhựa cây thông thấm vào trong đất ngàn năm hóa thành vị thuốc Phục Linh, vị thuốc Phục Linh ngàn năm hóa thành Hổ Phách, Hổ Phách cũng gọi là Giang Châu. Nay ở vùng Thái Sơn có Phục Linh mà không có Hổ Phách, ở Ích Châu-Vĩnh Xương xuất hiện Hổ Phách mà lại không có Phục Linh". Hoặc là nói rằng: "Đốt cháy tổ ong mà làm ra". Không rõ hai thuyết này thì thuyết nào là đúng? Trong Thần Nông Bổn Thảo Kinh nói: "Lấy lòng đỏ-lòng trắng trứng gà trộn lẫn nhau nấu chín, và lúc còn mềm mại tùy ý khắc thành vật gì, dùng rượu để ngâm, qua vài đêm đã cứng, đặt vào trong phấn hồng thì ngọc thật-ngọc giả không phân biệt được". (Những vật thường dùng của thế gian này không làm thì không được).

Trong Hàn Thi Ngoại Truyện nói: "Khổng Tử nói: Rau Hẹ lâu năm biến thành con chim Tước, cây Hương Bồ lâu năm biến thành lau sậy". Trong Sưu Thần Ký nói: "Con Ong đất tên gọi là con Tò Vò. Đời nay gọi là Ế Ông, là loài eo nhỏ. Đó là loài vật giống đực không có giống cái, không giao cấu-không sinh đẻ thường lấy con của tằm ăn lá dâu mà nuôi dưỡng, vì thế hóa thành con của mình vậy".

24: Tần Chu Phỏng trẻ cùng với người buôn đi ngược lên theo dòng sông, đêm đến vào trong đình miếu ở lại, bạn bè cùng đi nói với nhau rằng ai có thể vào ngủ lại trong miếu? Chu Phỏng tánh tình gan dạ quả quyết, nhân đó lên bờ ngủ lại trong miếu, suốt đêm không có gì xảy ra. Sáng sớm thức dậy thấy trong miếu có ông lão đầu bạc phơ, Chu Phỏng liền bắt lại, hóa thành con Vịt trống. Chu Phỏng bắt đem về thuyền muốn mổ thịt nấu ăn, vì thế mà bay đi mất, sau đó hoàn toàn không có gì khác.

Câu chuyện trên đây trích từ Thuật Dị Ký.

25: Thời nhà Tần ở vùng Nam Phương có Lạc dân, đầu người đó có thể bay đi. Loại người đó có nơi cúng tế, gọi là Trùng Lạc, vì vậy nhân đó lấy làm tên gọi. Thời nhà Ngô có tướng quân Chu Hoàn nuôi một nữ tỳ, mỗi đêm sau khi nằm thì đầu nhất định sẽ bay đi, hoặc là theo cái lổ chó chui, hoặc là theo cửa sổ trên mái nhà mà ra vào, dùng hai lổ tai làm hai cánh, gần sáng lại bay trở về. Nhiều lần như vậy, người bên cạnh cảm thấy kỳ quái, trong đêm nhấm theo nhìn xem thì thấy chỉ có thân hình mà không có đầu, thân thể ấy hơi lạnh nhưng hơi

thở cắt giảm liên tục, bèn lấy vải để trên đầu, cùng nhau canh giữ khóc lóc nỉ non, không biết làm sao được. Ý muốn ra đi, vĩnh viễn không thể giữ lại được. Coi xét nhiều ngày thì đã hiểu, tự tìm cách bò ra ngoài cửa mà đi mất, đuổi theo nhưng không đuổi kịp, tức thì đi vào dòng nước. Trải qua mấy ngày bỗng nhiên trở về, đi xem xét quanh nhà cửa giống như thường ngày, hoàn toàn không nói gì mà lại ra đi. Người lúc ấy nói rằng Sĩ Tông nên tiến hành tang lễ lo liệu chế phục. Sĩ Tông vì mẹ tuy hình hài biến đổi mà sinh lý hãy còn tồn tại, cuối cùng không thể lo liệu việc tang. Tương tự cùng với mẹ của Hoàng Thị ở vùng Giang Hạ.

Hai chuyện trên đây trích từ trong Sưu Thần Ký.

29: Thời nhà Lương có chùa Khai Thiện, là người vùng Kinh Triệu, ở nhà của Vi Anh. Vi Anh chết sớm, vợ là Lương Thị không lo liệu việc tang mà lấy chồng khác, lại lấy Hướng Tử Tập vùng Hà Nội làm chồng, tuy nói là đi lấy chồng khác mà vẫn ở nhà của Vi Anh. Vi Anh nghe Lương Thị lấy chồng khác, ban ngày mà trở về, cưỡi ngựa dẫn theo mấy người đến ở trước nhà, gọi rằng: Này A Lương! Em quên tôi rồi ư! Tử Tập kinh hãi cảm thấy quái lạ giương cung mà bắn, bị trúng tên mà ngã xuống, lập tức biến thành tùy tùng đều biến thành người như cây Hương Bồ. Lương Thị kinh hoàng liền bỏ nhà làm thành ngôi chùa.

Chuyện này thấy trong Lạc Dương Tự Ký Truyện.

Thiên thứ 26: MIÊN MỘNG

Thiên này có năm phần: Thuật ý, Tam tánh, Thiện tánh, Bất thiện, Vô ký.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Vốn là một tâm tích lũy thành ba pháp giới, hạng ngu si khinh mạn rơi vào chổ mê muội đình trệ chìm đắm, muốn bàn đến phạm vi ấy thì khó mà biết được nguồn gốc đó. Vì lẽ đó xa xưa từ vô thỉ cho đến thân thể bây giờ, luân chuyển trong sanh tử trải qua vô số đời đời kiếp kiếp không làm sao ví dụ được, sáng suôt-mê muội theo thứ tự phát sinh như củi lửa không thể nào ví được, dòng nước chảy qua chẳng trở lại-bóng trăng trong nước khó mà giữ được, tạm thời nói đến đạo lý của sự thịnh suy cùng với thời thế mà tạo thành lẫn nhau. Con đường của giấc mộng dựa vào tâm mà biến động, biến động dựa vào Thức bên trong cảnh dựa vào sự huân tập bên ngoài, duyên huân tập tốt xấu khiến giấc mộng nối thông cả ba tánh. Nếu đời trước có thiện ác thì giấc mộng có lành dữ, đây là có ghi nhớ. Nếu tập khí không có thiện ác thì giấc mộng có lành dữ, đây là có ghi nhớ. Nếu tập khí không có thiện ác thì trông thấy mọi chuyện đều bình thường, đây là không ghi nhớ. Nếu ban ngày duyên với xanh-vàng, thì mộng tưởng vẫn giống nhau, đây là tưởng đến mà mộng. Nếu thấy lên xuống-nước lửa cùng lúc xâm nhập, đây là bệnh có mộng. Tuy giấc mộng nối thông cả ba tánh, nhưng mà có báo ứng-không có báo ứng, muốn biết điều này thì như trong kinh diễn tả dưới đây.

Thứ hai- PHẦN TAM TÁNH

Như trong Thiện Kiến Luật nói: "Mộng có bốn loại: 1- Mộng vì bốn đại không hòa hợp, 2- Mộng vì trước đã trông thấy, 3- Mộng vì người cõi Trời, 4- Mộng vì nghĩ đến". Thế nào là mộng vì bốn Đại không hòa hợp? Đáp: Lúc ngủ mộng thấy núi sụt, hoặc thấy bay vút lên giữa hư không, hoặc thấy hổ lang Sư tử-giặc cướp rượt đuổi, đây là mộng vì bốn Đại không hòa hợp, hư giả mà không thật có. Thế nào là mộng vì trước đã trông thấy? Đáp: Hoặc là trông thấy vào ban ngày, hoặc là trắng-hoặc là đen, hoặc là trai-hoặc là gái, vào ban đêm nhất định mộng thấy, đây cũng là không thật có. Thế nào là mộng vì người cõi Trời? Đáp: Giống như thiện tri thức, người cõi Trời theo đó hiện rõ ra trong giấc mộng tốt lành, khiến cho người được tốt lành. Nếu như là ác tri thức vì thế hiện rõ ra giấc mộng xấu ác. Đây chính là giấc mộng chân thật. Thế nào là mộng vì nghĩ đến? Đáp: Thân trước đây của người này, hoặc là có phước đức, hoặc là có tội chướng, nếu là người phước

đức thì hiện bày giấc mộng tốt lành, người tội chướng thì hiện bày giấc mộng xấu ác. Như Bồ-tát lúc ban đầu sắp vào thai mẹ, mộng thấy voi trắng từ cung Trời Đao Lợi bước xuống đi vào hông phải của mẹ, đây là mộng do ý tưởng. Nếu mộng thấy các loại công đức như lễ Phật-tụng kinh-trì giới-bố thí..., thì đây cũng là mộng do ý tưởng. Hỏi: Mộng là thiện-bất thiện hay là vô ký? Đáp: Cũng là thiện-bất thiện và vô ký. Nếu như mộng thấy lễ Phật-nghe pháp-thuyết pháp, thì đây là công đức thiện. Nếu như mộng thấy sát-đạo-dâm, thì đây là giấc mộng bất thiện. Nếu mộng thấy những màu sắc xanh vàng đỏ trắng..., thì đây là giấc mộng vô ký. Hỏi: Nếu như vậy thì phải nhận chịu quả báo chăng? Đáp: Không nhận chịu quả báo. Tại vì sao? Bởi vì tâm nghiệp không đủ mạnh cho nên không thể cảm đến quả báo. Vì vậy luật nói: “Ngoại trừ trong giấc mộng không phạm”. Lại trong Ca-diếp Luận nói: “Thế nào là tất cả tương ưng với giấc ngủ? Đáp: Hoặc là ngủ không tương ưng với ngủ say, như lúc chưa ngủ say, thân không êm đềm-tâm không thư thái, thân nặng nề-tâm âu lo, thân mơ màng-tâm mê muội, thân hồ đồ-tâm rối loạn, vì giấc ngủ đã ràng buộc, đây gọi là ngủ không tương ưng với ngủ say. Thế nào là ngủ say không tương ưng với giấc ngủ? Đáp: Tâm không nhiễm ô ngủ say mà mộng, đây gọi là ngủ say không tương ưng với giấc ngủ. Thế nào là giấc ngủ say tương ưng? Đáp: Tâm nhiễm ô ngủ say mà mộng, đây gọi là giấc ngủ say tương ưng. Thế nào là không ngủ không say ngủ? Đáp: Ngoại trừ những trạng thái như trên đây. Hỏi: Ngủ say nên nói là thiện-bất thiện hay là vô ký? Đáp: Ngủ say hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, có lúc là vô ký. Thế nào là thiện? Đáp: Tâm thiện ngủ say mà mộng. Thế nào là bất thiện? Đáp Tâm bất thiện ngủ say mà mộng. Thế nào là vô ký? Đáp: Ngoại trừ những trạng thái như trên đây. Như trong giấc mộng mình bố thí-làm phước-trì giới-giữ trai thanh tịnh. Như lúc thiện tâm ngủ say mà làm phước, nên nói phước còn lại trả về, thì gọi là thiện. Thế nào là lúc ngủ say đã làm điều không có phước nên nói là trả về? Đáp: Như trong giấc mộng đã tạo ra nghiệp sát-đạo-dâm... Như tâm bất thiện ngủ say còn lại tâm không có phước trở về, thì gọi là bất thiện. Thế nào là lúc ngủ say đã làm điều phước không có phước, không nên nói là trở lại? Đáp: Như Lúc ngủ say tâm chẳng phải là có phước-tâm chẳng phải là không có phước trả về. Như trạng thái vô ký, lúc tâm ngủ say, đã làm điều phước, chẳng phải phước không nên nói trả về, thì gọi là vô ký. Hỏi: Mộng là gọi cho pháp như thế nào? Đáp: Là vô minh cái trong năm cái”.

Thứ ba: PHẦN THIỆN TÁNH

Như Kinh Xuất Sanh Bồ-đề Tâm nói: "Lúc bấy giờ Đức Thế tôn bảo với Ca-diếp Bà-la-môn rằng: Này người thiện nam! Có bốn loại mộng tốt lành đạt được pháp thù thắng. Những gì là bốn loại? Đó là ở trong giấc ngủ say mộng thấy hoa sen, hoặc lấy lọng tàn, hoặc thấy vầng trăng và thấy hình tượng đức Phật. Thấy như vậy rồi, nên tự vui mừng vì mình may mắn, mình gặp được pháp thù thắng. Bấy giờ Đức Thế tôn bèn thuyết kệ rằng:

Nếu có ngủ say nằm mộng thấy hoa sen,
Và nằm mộng trông thấy lọng tàn che mát,
Hoặc là trong giấc mộng thấy rõ vầng trăng,
Thuận theo sẽ thu được lợi ích to lớn.
Nếu có nằm mộng thấy hình tượng đức Phật,
Đầy đủ các tướng tốt trang nghiêm thân thể,
Chúng sinh trông thấy đều hoan hỷ vừa lòng,
Nghĩ rằng tương lai ắt làm Điều ngự Sư".

Lại trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: "Xưa có Ác Sanh Vương, bởi vì việc làm tàn bạo-tà kiến không có lòng bi, cho nên Như lai khuyên Ca-chiên-diên chuyển hóa đất nước này. Ác Sanh Vương và Phu nhân đều được phát sanh niềm tin. Đại phu nhân của nhà vua là Thi-bà-cụ-sa, sau đó sanh ra Thái Tử tên gọi Kiều ba la. Lúc ấy nhà vua ở trong giấc ngủ mộng thấy tám điều: 1- Lửa cháy trên đầu, 2- Hai con rắn quấn vào eo lưng; 3- Lưới sắt mảnh ràng vào thân; 4- Thấy hai con cá đỏ nuốt lấy hai chân mình, 5- Có bốn con hạc trắng bay đến gần nhà vua, 6- Đi trong máu mà bùn ngập đến nách, 7- Bước lên núi Thái Bạch, 8- Chim Hạc-chim Tước che mát trên đầu. Từ giấc mộng tỉnh rồi cho rằng không tốt nên buồn rầu thảm thương, lập tức tìm hỏi các nơi các Bà-la-môn ngoại đạo. Ngoại đạo nghe nhà vua nằm mộng như vậy, vốn có hiềm khích đối với nhà vua và ganh ghét Tôn giả Ca-chiên-diên, nhân dịp nhà vua hỏi về giấc mộng này, bèn nói: Thật là không lành, không bài trừ ngăn chặn thì tai họa sẽ ập đến nơi thân nhà vua. Nhà vua nghe lời nói ấy, tin cho là không sai, càng thêm lo lắng phiền muộn. Liền hỏi rằng: Nếu như bài trừ ngăn chặn thì trước mắt cần phải có vật gì? Các Bà-la-môn nói: Các cần phải sử dụng là những điều mà nhà vua coi trọng và yêu mến, nếu chúng tôi nói ra thì nhà vua ắt không thể chịu được. Lúc ấy nhà vua đáp rằng: giấc mộng này thật tồi tệ, chỉ sợ rằng tai họa lớn làm hại đến thân Ta, trừ bỏ giấc mộng của Ta trước kia thì không có gì luyến tiếc, xin nói cho Ta biết vật gì cần phải có. Các Bà-la-môn đều thấy sự ân cần đó thì

biết tâm nhà vua rất thiết tha, liền nói với nhà vua rằng: Những gì nên sử dụng để ngăn chặn giấc mộng có tám điều xấu ác này, cũng cần phải có tám loại có thể bài trừ được tai hoạ: 1- Giết phu nhân Thi-bà-cụ-sa mà nhà vua yêu mến, 2- Giết Thái tử Kiều ba la mà nhà vua yêu quý, 3- Giết Đại Thần phụ giúp của nhà vua, 4- Giết bề tôi thân cận mà nhà vua tin cậy, 5- Giết con voi một ngày có thể đi ba ngàn dặm của nhà vua, 6- Giết con lạc đà một ngày có thể đi ba ngàn dặm của nhà vua, 7- Giết con ngựa tốt của nhà vua, 8- Giết người trược đầu là Ca-chiên-diên mà nhà vua tôn kính; lại sau bảy ngày nếu giết tám loại này, tập hơn máu các loại đó mà đi lại trong ấy thì chắc chắn tiêu trừ được tai họa. Nhà cua nghe lời nói ấy lấy tính mạng mình làm trọng, tức thì đồng ý. Trở về đến trong cung ưu sầu áo não, phu nhân hỏi nhà vua vì sao như vậy? Nhà vua trả lời phu nhân đem giấc mộng không lành đã nói ở trước kể hết, và những gì cần phải có để ngăn chặn giấc mộng ấy như lời Bà-la-môn đã nói. Phu nhân nghe xong mà nói rằng: chỉ mong cầu thân mạng nhà vua bình an không tai họa gì, thân hàn mọn của thiếp nào đủ để quý trọng gì đâu! Lại thưa với nhà vua rằng: Sau bảy ngày nữa thiếp sẽ trở về với cái chết, cho phép thiếp đến chổ Tôn giả Ca-chiên-diên ấy, ăn chay nghe pháp trong sáu ngày! Nhà vua nói không được, nếu như phu nhân đến nơi ấy được nói sự thật chuyện này, nếu Tôn giả kia biết chuyện bỏ Ta mà cao bay xa chạy thì làm sao? Phu nhân tha thiết ân cần, nhà vua không thể nào từ chối được, liền đồng ý với phu nhân. Phu nhân đến nơi Tôn giả ấy, lễ lạy chào hỏi rồi ở lại qua ba ngày. Tôn giả cảm thấy kỳ lạ bèn hỏi: Phu nhân của nhà vua chưa từng đến đây ở lại qua hai đêm, tại sao bây giờ không giống như lúc bình thường? Phu nhân trình bày đầy đủ giấc mộng xấu ác của nhà vua, sau bảy ngày nữa sẽ giết chúng ta để cầu mong tránh khỏi tai họa, mạng sống còn lại chẳng bao nhiêu cho nên đến để nghe pháp, nhân đó đến nơi Tôn giả nói rõ về giấc mộng của nhà vua. Tôn giả Ca-chiên-diên nói: Giấc mộng này rất tốt lành, nên có sự vui mừng đón nhận chứ không nên lấy làm lo lắng! Một là lửa cháy trên đầu, thì Quốc vương Bảo Chủ đang có chiếc mũ Trời, giá trị mười vạn lạng vàng đem đến dâng tặng cho nhà vua . chính vì giấc mộng này, mà tâm phu nhân lo lắng gần hết bảy ngày sẽ bị nhà vua làm hại, sợ hãi điều ấy đến muộn, nên hỏi Tôn giả rằng: Lúc nào sẽ đến? Tôn giả đáp rằng: Giờ Thân hôm nay chắc chắn sẽ đến nơi. Hai là hai con rắn quấn vào eo lưng, thì Quốc vương Nguyệt Chi sẽ dâng tặng hai thanh kiếm, giá trị mười vạn lạng vàng, hp6m nay đang đến. Ba là lưới sắt mảnh ràng vào thân, thì Quốc vương

Đại Tần sẽ dâng tặng xâu chuỗi ngọc, giá trị mười vạn lạng vàng sáng sớm hôm sau sẽ đến. Bốn là hai con cá đỏ nuốt lấy hai chân, thì Quốc vương Sư tử sẽ dâng tặng đôi giày quý báu bằng Tỳ Lưu Ly, giá trị mười vạn lạng vàng, giờ ăn hôm sau sẽ đến. Năm là bốn con hạc trắng bay đến, thì Quốc vương Bạt Kì sẽ dâng tặng vàng bạc qýu báu, giữa ngày hôm sau sẽ đến. Sáu là đi trong máu bùn, thì Quốc vương An tức sẽ dâng tặng chiếc áo Khâm Bà La may bằng lông hươu, giá trị mười vạn lạng vàng, xế chiều hôm sau sẽ đến. Bảy là bước lên núi Thái Bạch, thì Quốc Vương Khoáng Dã sẽ dâng tặng con voi lớn, vào giờ thân hôm sau sẽ đến. Tám là chim Hạc-chim Tước che mát trên đầu, thì nhà vua và phu nhân sẽ có chuyện riêng tư bí mật. Sự việc đến thì tự nhiên sẽ biết rõ ràng. Quả nhiên giống như Tôn giả đã nói, kỳ hạn đã đến, các nước dâng tặng phẩm vật đều đến. Nhà vua rất vui mừng, phu nhân Thi-bà-cụ-sa trước đã có chiếc mũ cõi Trời, lại gặp Quốc vương Bảo Chủ dâng tặng thêm một chiếc mũ cõi Trời, nhà vua nhân đó đùa giỡn so sánh liền cởi bớt một lớp mũ cõi Trời mà phu nhân Thi-bà-cụ-sa đang đội, đội chiếc mũ đẹp mượt mà bằng vàng lên trên đầu phu nhân, lúc ấy nhân tức giận mà nói: Nếu như có chuyện chẳng lành thì thiếp là người gánh chịu đầu tiên, nay có được chiếc mũ cõi Trời đem cho người ta mà đội vào. Bèn tìm lấy tách sữa đặc ném trên đầu nhà vua, đầu nhà vua vấy bẩn hết. Nhà vua rất tức giận, rút kiếm muốn chém phu nhân. Phu nhân sợ nhà vua, chạy vào trong phòng, lập tức đóng cửa phòng. Nhà vua không tiến vào được, nhà vua tìm hiểu tự mình tỉnh ngộ, Tôn giả đoán mộng nói: Có chuyện riêng tư bí mật chính là chuyện này mà thật! Nhà vua và phu nhân tìm đến nơi Tôn giả Ca-chiên-diên, nói đầy đủ sự việc trước đây đã tìn vào lời tà ác không đúng pháp, suýt nữa thì đã gây ra chuyện vô cùng ác độc đối với những người mà mình yêu quý như Tôn giả-vợ con-đại thần. Nay được Tôn giả làm cho xa lìa những chuyện ác hiểm, thì đến nơi Tôn giả cung kính hầu hạ cúng dường, đuổi các loại ngoại đạo-Bà-la-môn, rời xa lãnh thổ đất nước của mình. Liền hỏi Tôn giả rằng: có nhân duyên gì mà các nước như vậy, đều có vật quý báu dâng tặng cho tôi vậy? Tôn giả đáp rằng: Chính là chín mươi mốt kiếp quá khứ trước đây, lúc bấy giờ đức Phật danh hiệu Tỳ-bà-thi, lúc đức Phật ấy xuất thế có một đất nước, Quốc vương tên gọi Bàn Đầu, Thái Tử của Quốc vương tin tưởng vui với sự tinh tiến, đến nơi đức Phật ấy cúng dường lễ bái, liền đem áo Khâm bà là-Xe báu-voi lớn-chuỗi ngọc-kiếm báu-vương niệm đang đội, dùng để dâng cúng đức Phật ấy. Duyên theo phước thiện tốt lành này mà đời đời được tôn quý, tất cả

ngọc ngà châu báu mong muốn không cầu mà tự nhiên đến. Nhà vua nghe lời này rồi, đối với Tam bảo đã sanh tâm tin tưởng tôn kính sâu sắc, làm lễ mà trở về cung".

Thứ tư: PHẦN BẤT THIỆN

Như trong kinh Phát Giác Tâm nói: "Đức Phật bảo với Bồ-tát Di-lặc rằng:

Bồ-tát nên quán sát 20 loại tai họa của giấc ngủ say mê! Những gì là 20 loại? Đó là: 1- Người thích giấc ngủ say mê sẽ sinh ra lười nhác uể oải. 2- Thân thể nặng nề khó chịu. 3- Da thịt không sạch sẽ. 4- Da thịt sần sùi thô kệch. 5- Các đại chủng uế trược làm sút giảm uy đức. 6- Ăn uống không tiêu. 7- Thân thể sinh ra mụn nhọt lở loét. 8- Phần nhiều phát sinh lười biếng mệt mỏi. 9- Tăng thêm ngu si mê muội. 10- Trí tuệ non kém nhu nhược. 11- Ý muốn tốt lành mòn mỏi rã rời. 12- Sẽ hướng về nơi đen tối. 13- Không thực hành phép tắc cung kính. 14- Bẩm tính tư chất ngu si đần độn. 15- Nhiều phiền não khiến tâm hướng về các kết sử. 16- Ở trong thiện pháp mà không phát sinh nguyện vọng. 17- Tất cả pháp thanh tịnh luôn luôn làm cho giảm sút. 18- Luôn luôn đi trong sự kinh hoàng sợ hãi. 19- Thấy người tinh tiến mà hủy nhục người ta. 20- Đến nơi đại chúng bị người khác khinh rẻ".

Lại trong kinh Quốc vương Bất Lê Tiên Nê Thập Mộng nói: "Thời đức Phật tại thế, lúc ấy có Quốc vương tên gọi Bất Lê Tiên Nê, trong đêm mộng thấy mười điều: 1- Mộng thấy ba chiếc bình ghép lại, bình hai bên đầy hơi thoát ra, kết giao qua lại với nhau, không vào trong bình trống rỗng ở chính giữa; 2- Mộng thấy con ngựa miệng ăn mà đít cũng ăn; 3- Mộng thấy cây con trổ hoa; 4- Mộng thấy cây con kết trái; 5- Mộng thấy một người tìm dây thừng, sau người có bầy dê, dê chúa ăn dây thừng; 6- Mộng thấy con cáo ngồi ở trên giường vàng ăn thức ăn đựng trong đồ dùng bằng vàng; 7- Mộng thấy trâu lớn trở lại đi theo bú sữa con nghé; 8- Mộng thấy bốn con Trâu từ bốn phía rống lên hướng về với nhau muốn đánh nhau, đang hợp lại hay chưa hợp lại không biết trâu giải quyết ra sao; 9- Mộng thấy nước ao lớn ở chính giữa đục-bốn bên trong; 10- Mộng thấy nước khe lớn chảy ra là màu đỏ đích thực. Nhà vua mộng thấy những điều này rồi, tức thì tỉnh giấc vô cùng sợ hãi sẽ mất quốc gia và vợ con của mình, nhà vua đợi đến ngày mai, liền mời công khanh đại thần và các đạo sĩ sẽ biết giải thích giấc mộng, hỏi rằng: đêm qua mộng thấy mười điều, tỉnh giấc rất sợ hãi, trong lòng không vui lắm, ai có thể giải thích giấc mộng? Có một Bà-la-môn nói:

Tôi sẽ giải thích cho nhà vua, chỉ sợ rằng nhà vua nghe điều ấy thì ưu sầu không vui. Nhà vua nói: Như khanh đã nhìn, thấy mà giải thích, chớ có gì giấu giếm! Bà-la-môn nói: Nhà vua mộng thấy toàn là điềm xấu, nên đem phu nhân-Thái tử và người hầu-nô tỳ thân cận bên cạnh mà nhà vua yêu quý sâu nặng, tất cả đều giết chết để cúng tế Thiên vương, nhất định không có gì khác được. Nhà vua có đồ nằm và đồ vật tốt đẹp-ngọc ngà châu báu mang trên người, đều nên đốt đi đề cúng tế Trời đất, như vậy thì thân mạng nhà vua có thể an ổn không có gì xảy ra! Nhà vua nghe giấc mộng xấu ác thì ưu sầu không vui, liền đi vào trai phòng suy nghĩ điều này. Phu nhân chánh cung của nhà vua tên là Ma Ni, đến chổ nhà vua hỏi nhà vua rằng: Vì sao đi vào trai phòng ưu sầu không vui vậy? Thiếp có lổi lầm gì đối với nhà vua chăng? Nhà vua nói: Phu nhân không có lổi lầm gì đối với trẫm cả, Trẫm tự nhiên buồn lo mà thôi! Phu nhân lại hỏi nhà vua rằng: Điều gì khiến nhà vua buồn lo? Nhà vua nói: Phu nhân đừng hỏi Trẫm, nghe điều ấy làm cho phu nhân không vui đâu! Phu nhân lại nói: Thiếp là một nửa thân thể của nhà vua, nếu như có điều tốt xấu, nhà vua nên nói với thiếp, vì sao không nói cho nhau biết vậy? Nhà vua bèn nói đầy đủ về đêm mộng thấy mười điều cho phu nhân biết. Phu nhân nói: Nhà vua đừng ưu sầu, giống như người mua vàng mài vào đá thì tốt xấu thiện ác, màu vàng sắc của vàng tự nhiên thấy ở trên đá, nay đức Phật ở Tinh xá gần thôi, cách đất nước này không xa, sao không đến thưa hỏi, như đức Phật giải thích, thì nhà vua nên thuận theo! Nhà vua lập tức truyền cho quần thần sắp xếp xe cộ nghiêm túc mà lên đường đến nơi đức Phật, đầu mặt lạy dưới chân đức Phật rồi lùi lại ngồi xuống thưa với đức Phật rằng: Đêm qua con mộng thấy mười điều, kể đầu đuôi như trước. Mộng thấy như vậy, tỉnh giấc vô cùng sợ hãi, sợ rằng đất nước và vợ con thân mạng của con sẽ diệt vong, mong đức Phật giải thích cho con về mười điều đã mộng thấy, con nguyện nghe lời dạy bảo của Ngài! Đức Phật dạy: Nhà vua đừng sợ hãi, giấc mộng ấy không có gì khác, chính là sự việc tương lai của đời sau, không phải là điềm xấu của đời này. Đây là người đời sau sẽ không kiêng sợ pháp luật ngăn cấm, dâm loạn-tham lợi-ganh ghét không biết thỏa mãn, thiếu nghĩa tình-không có từ tâm-vui mừng buồn giận không có tàm quý.

Đức Phật dạy: Thứ nhất-nhà vua mộng thấy ba chiếc bình ghép lại, bình hai bên đầy hơi thoát ra, kết giao qua lại với nhau, không vào trong chiếc bình trống rỗng ở chính giữa; đây là người đời sau giàu sang phóng khoáng, tự theo đuổi tùy ý mình, không gần gũi người nhờ nghèo

khó. Nhà vua mộng thấy những chiếc bình ghép lại chính là như vậy mà thôi! Nhà vua đừng sợ hãi, đối với đất nước-đối với Thái tử-đối với phu nhân, cũng đều như vậy không có gì khác.

Đức Phật dạy: Thứ hai-nhà vua mộng thấy con ngựa miệng ăn mà đít cũng ăn; đây là những đời sau làm Đế Vương và Đại Thần, bẩm tính tham lam bổng lộc-chức tước quan quyền, lại bóc lột dân chúng không biết thỏa mãn. Nhà vua mộng thấy chính là như vậy, nhà vua đừng sợ hãi!

Đức Phật dạy: Thứ ba-nhà vua mộng thấy cây con trổ học; đây là người đời sau, tuổi chưa đầy 30 mà đầu mọc tóc bạc, tham dâm nhiều dục vọng nên ít tuổi mà sớm già yếu. Nhà vua mộng thấy chính là như vậy, nhà vua đừng sợ hãi!

Đức Phật dạy: Thứ tư-nhà vua mộng thấy cây con kết trái; đây là người nữ đời sau, tuổi chưa đủ 15 đã đi lấy chồng, ôm con nhỏ trở về mà không biết hổ thẹn. Nhà vua mộng thấy chính là như vậy, nhà vua đừng sợ hãi!

Đức Phật dạy: Thứ năm-nhà vua mộng thấy một người tìm dây thừng, sau người có bầy dê, dê chúa ăn dây thừng; đây là người đời sau trong lúc chồng đi ra ngoài làm ăn buốn bán, người vợ ở phía sau lại cùng với đàn ông nhà khác thông đồng với nhau, cùng tiêu xài của cải tiền bạc người chồng làm ra. Nhà vua mộng thấy chính là như vậy, nhà vua đừng sợ hãi!

Đức Phật dạy: Thứ sáu-nhà vua mộng thấy con cáo ngồi ở trên giường vàng ăn thức ăn đựng trong đồ dùng bằng vàng; đây là người đời sau dù hèn mạt nhưng gặp cơ hội liền trở thành tôn quý, có tài sản thì mọi người kính trọng nể sợ, con cháu công hầu lại trải qua đời sống nghèo hèn, ở vào nơi cuối cùng-ăn uống những nơi cuối cùng. Nhà vua mộng thấy chính là như vậy, nhà vua đừng sợ hãi!

Đức Phật dạy: Thứ bảy-nhà vua mộng thấy trâu lớn trở lại đi theo bú sữa con nghé; đây là người đời sau không còn cò lễ nghĩa, mẹ trở lại làm mai mối cho con gái, dụ dỗ giúp cho đàn ông nhà khác cùng với con gái thông đồng qua lại, ảg con gái mong cầu tiền bạc của cải tự cung cấp cho mình mà không biết hổ thẹn nhà vua mộng thấy chính là như vậy, nhà vua đừng sợ hãi!

Đức Phật dạy: Thứ tám-nhà vua mộng thấy bốn con trâu từ bốn phía rống lên hướng về với nhau muốn đánh nhau, đang hợp lại hay chưa hợp lại không biết trâu giải quyết ra sao; đây là hàng Đế Vương-quan lại và nhân dân đời sau, đều không có tâm chí thành, lại gian manh

dối trá lẫn nhau, ngu si nóng giận không tôn kính Trời đất. Vì vậy mưa nắng không hợp thời, quan lại-nhân dân cầu khấn mong mỏi Trời mưa, Trời sẽ nổi mây bốn phía-sấm chớp ầm ào, quan lại-nhân dân đều nói là sẽ mưa. Trong chốc lát tản ra không giọt mưa nào rớt xuống, nguyên nhân do đâu? Bởi vì hàng Đế Vương-quan lại-nhân dân không có lòng trung thực ngay thẳng-yêu thương-nhân hậu. Nhà vua mộng thấy chính là như vậy, nhà vua đừng sợ hãi!

Đức Phật dạy: Thứ chín-nhà vua mộng thấy nước ao lớn ở chính giữa đục bốn phía trong; đây là đời sau trong đất nước sẽ xảy ra rối loạn nhiễu nhương-cách sửa trị không công bằng, nhân dân không hiếu thảo với cha mẹ-không kính trọng người lớn tuổi mà đất nước láng giềng bốn phía đang thưở thanh bình, nhân dân hòa hợp nhường nhịn-hiếu thuận với cha mẹ. Nhà vua mộng thấy chính là như vậy, nhà vua đừng sợ hãi!

Đức Phật dạy: Thứ mười-nhà vua mộng thấy nước khe lớn chảy ra là màu đỏ đích thực; đây là đời sau các đất nước sẽ tranh giành ác liệt, phát triển quân đội-tụ tập đông đúc trải qua đánh đã lẫn nhau, sẽ tạo ta lính xe-lính bộ-lính cưỡi ngựa cùng đánh nhau, giết hại lẫn nhau không thể nào tính được, người chết dọc đường máu chảy lai láng đích thực đỏ hồng. Nhà vua mộng thấy chính là như vậy, nhà vua đừng sợ hãi! Đối với đất nước-đối với thái tử-đối với phu nhân, cũng đều như vậy không có gì khác.

Nhà vua nghe xong quỳ thẳng tâm trở nên hoan hỷ, nay nhờ được ân đức của Phật khiến cho được an ổn. Làm lễ trở về, lại ban tặng phẩm vật va dặn dò quần thần trong cung, từ nay về sau không tin theo các ngoại đạo kỳ dị và các hạng Bà-la-môn".

Thứ năm: PHẦN VÔ KÝ

Như trong Thập Tụng Luật nói: "Có Tỳ-kheo ngủ trong chúng, đức Phật dạy: lấy nước gội đầu! Hãy còn ngủ không thể tỉnh được, khiến Tỳ-kheo khác theo năm pháp dùng nước tẩy rửa Tỳ-kheo ấy: 1- Thương xót, 2- Không buồn bực người khác, 3-Ngủ say, 4- Đầu dựa vào vách tường, 5- Duỗi chân ngồi hãy còn ngủ không thôi. Mặc ý dùng tay chống, như cũ vẫn ngủ không thôi. Đức Phật mặc ý dùng vật để ném, như cũ vẫn ngủ không thôi. Đức Phật mặc ý dùng thiền trượng để trị, dường như lúc lấy thiền trượng thuận theo sanh tâm cung kính, dùng hai tay nắm lấy thiền trượng cung kính đặt trên đỉnh đầu, như ngồi ngủ không thôi. Thuận theo đứng dậy xem người khác ngủ dùng thiền

trượng chống lên. Chống rồi trở về ngồi. Nếu như người không ngủ, vẫn dùng thiền trượng đặt nơi ban đầu đã ngồi. Như cũ vẫn ngủ không thôi, đức Phật mặc ý sử dụng thiền trấn áp, đặt vào cái vòm để tiến hành, dùng dây xuyên qua giữa vòm, đầu dây làm cái núm treo trên lổ tai, cách trán về phía trước bốn lóng tay đặt thiền trấn. Lúc Thiền trấn rơi xuống đất, đức Phật bảo: Thiền trấn rơi rồi, nên đứng dậy đi vòng quanh như cách thức của con ngỗng đi lại.

Tụng rằng:

Hôn trầm say ngủ che lấp,
Tưởng lang thang vọng hiện bày,
Gia tộc tụ hội không thật,
Chỉ được hưởng sự an nhàn.
Đã tỉnh trống rỗng không có,
Vọng sanh yêu thích say đắm,
Cho dù thông suốt ba tánh,
Cuối cùng thành ra bảy loại.

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra sáu chuyện: 1- Văn Dĩnh quan thừa-phủ Cam lăng thời Hán; 2- Trần Tú Viễn thời Tống; 3- Chư Cát Phúc thái thú thời Tống; 4- Mã Kiền Bá thời Tống; 5- Sa-môn Thích Tăng Hộ thời Tề; 6- Sa-môn Thích Trí Hưng thời Đường.

1: Thời Hán ở vùng Nam Dương có văn Dĩnh tự là Thúc Lương, làm quan Thừa ở phủ Cam Lăng trong niên hiệu Kiến An, đi qua ranh giới dừng chân trú đêm, đêm khuya lúc trống điểm canh ba, mộng thấy một người, quỳ trước mặt nói rằng: Xưa cụ thân sinh của tôi mai táng tôi ở đây, nước đến chảy xiết phần mộ không còn, quan tài chìm ngâm trong nước, ở trong nước chảy một nửa không thể tự làm cho ấm được, nghe ngài ở đây cho nên đến nhờ cậy nhau, xin ngày mai tạm thời dừng lại trong lát, mong ngài cùng chuyển dời đến nơi cao ráo khô khan! Quỷ mở áo chỉ cho Văn Dĩnh thấy đều thấm ướt. Trong lòng Văn Dĩnh đau buồn liền tỉnh giấc. Tỉnh giấc rồi nói với tùy tùng, tùy tùng nói: Giấc mộng là hư huyễn mà thôi, nói với Văn Dĩnh rằng: Tôi vì cùng khổ mà nói cho Ngài biết, làm sao không thể thương cảm nhau được ư? Văn Dĩnh trong mộng hỏi rằng: Anh là người ở đâu? Đáp rằng Tôi vốn là người nước Triệu, nay là Thần ghi chép chuyển giao dân chúng. Văn Dĩnh nói: Quan tài của anh bây giờ là ở nơi nào? Đáp rằng: Gần nơi trại của Ngài về phía Bắc mấy chục ước-bên dòng nước-dưới cây dương

liễu khô, chính là phần mộ của tôi đó, Trời sắp sáng không thể nào gặp lại mong Ngài nhất định nghĩ đến! Văn Dĩnh đáp rằng: Tôiđồng ý. Bỗng nhiên tỉnh giấc, Trời sáng có thể bắt đầu. Văn Dĩnh nói: Tuy rằng giấc mộng không đủ để cảm thấy kỳ quái, nhưng điều này sao rất trùng hợp. Tuỳ tùng nói: Cũng tiếc gì một chút thế gian sao không nghiệm xét điều này chăng? Văn Dĩnh liền đứng lên đến nơi đó, mười mấy người dẫn nhau xuôi trên dòng nước quả nhiên có một cây dương liễu khô, nói rằng đúng là đây rồi. Đào xuống dưới chổ ấy chưa bao lâu quả nhiên có quan tài, quan tài mục nát lắm rồi chìm nửa trong nước. Văn Dĩnh nói với tuỳ tùng rằng: Xưa nay nghe người ta, nói là không có thật rồi, thế tục đã lưu truyền không thể không nghiệm xét! Vì thế mà chuyển dời quan tài đó tế xong mà đi.

Câu chuyện trên đây trích từ Sưu Thần Kỳ.

2: Trần Tú Viễn thời nhà Tống, là người quận Dĩnh Xuyên, đã từng làm môn khách của Tây Tào-Tương Châu sống ở huyện Lâm Tương, thửơ trẻ tin thờ Tam bảo, tuổi lớn dần lên mà vẫn chuyên tâm không lơi lỏng. Trong tháng bảy năm thứ hai thời Tống Nguyên Huy, ở trong đêm vắng mờ mịt nằm thảnh thơi chưa ngủ, nghĩ mà ngậm ngùi cho vạn loại chúng sinh lưu chuyển vô định trong sanh tử, tự suy nghĩ không biết thân mình sẽ đi về đâu? Một lòng thỉnh cầu mong mỏi thông suốt cảm được giấc mộng. Lúc ấy đêm khuya tối đen mịt mờ trong nhà không có đèn đuốc gì cả, một lúc sau thấy bên gối giống như ngọn lửa le lói, ánh sáng bừng lên chiếu rọi sáng ngời chuyển sang bay lượn mà mất đi. Chốc lát cả căn nhà đều sáng rực, cho đến giữa hư không giống như ban ngày. Tú Viễn vội vàng ngồi dậy chấp tay hít thở một lúc, thấy trong sân nhà trên cao khoảng bốn-năm trượng có một cây cầu bên cạnh có lầu gác, lan can màu đỏ tươi dựng lên ở giữa không trung. Tú Viễn hoàn toàn không hay biết, lúc ấy bước lên cao mà tự mình thấy ngồi yên lặng bên cầu. Trong thấy trên đầu con trai-con gái qua lại đầy đường, áo quần trang sức đẹp đẽ không khác người thế gian. Cuối cùng có một bà lão, tuổi khoảng hơn 30, trên mặc áo khoác màu xanh, dưới mặc cái váy màu trắng, đi đến phía bên trái Tú Viễn mà đứng. Một lát sau lại có một người phụ nữ, toàn thân mặc áo vải màu trắng, vấn búi tóc vòng một bên, tay cầm hoa hương mà đứng ở trước mặt, nói với Tú Viễn rằng: Anh mong nhìn thấy thân đời trước thì chính là tôi đây, bởi vì đem hoa này cúng dường đức Phật cho nên được chuyển thân làm thành thân anh bây giờ. Quay lại chỉ vào bà lão tóc bạc nói rằng: Đây chính là thân đời trước của tôi vậy. Nói xong liền đi mất, sau đó cây cầu cũng

dần dần biến mất. Tú Viễn bỗng nhiên không hay biết gì lúc quay trở về, ánh sáng cũng không còn.

Câu chuyện trên đây trích từ Minh Tường Ký.

3: Tống Lang Gia-Chư Cát Phúc, năm Tống Viễn Gia làm Thái Thú Cửu Chân, gánh nặng gia đình đều ở tại Dương Đô, chỉ mang theo con trai trưởng là Nguyên Sùng để chuyển giao chức vị. Cát Phúc ở quận bệnh nặng qua đời, Nguyên Sùng tuổi mới 19, đưa đám cha chỉ muốn quay về. Môn Sinh của Cát Phúc là Hà Pháp Tăng tham lam tiền của đồ vật của Cát Phúc, cùng với đồng bọn đẩy Nguyên Sùng rơi xuống nước mà chết, nhân đó phân chia tài sản chiếm được. Đêm ấy mẹ của Nguyên Sùng là Trần thị nằm mộng, Nguyên Sùng trở về thuật lại đầy đủ sự việc người cha qua đời và mình bị giết hại oan ức, thi hài trôi nổi dập dềnh oan trái vô cùng không sao chịu nổi, xa cách hầu hạ nhiều mà trong phút chốc Từ biệt mãi mãi, ngậm đau thương nuốt hận thù làm thế nào có thể nói được, khóc nức nở không thể nào tự kềm chế nổi. Lại nói: Đi nhanh rất mệt mỏi! Nhân đó nằm trên giường sau cửa sổ mà đầu gục xuống cửa sổ. Bà mẹ thấy con nằm ngủ đủ biết là không phải hư huyễn rồi. Trần Thị đau buồn giật mình ngồi dậy, cầm đèn soi chổ con ngủ, thấm ướt giống như hình hài con người, thế là cả nhà òa khóc, liền hỏi như đã mộng thấy. Lúc ấy Từ Sâm mới nhậm chức ở Giao Châu, Từ Đạo lập làm Trưởng Sử. Từ Đạo lập tức là con bác họ của Trần Thị, hỏi sơ lược đầu đuôi giấc mộng nhờ Từ Sâm kiểm tra xem. Từ Sâm đi đường gặp thuyền tang của Chư Cát Phúc, nghiệm đúng ngày mất của hai cha con giống như lời quỷ nói, thế là bắt giữ hai kẻ hành hung đó, lập tức tra xét y theo pháp luật đều bị chép chết. Tiếp tục sai người đưa đám tang đến Dương Đô để gia đình hành lễ.

Câu chuyện trên đây trích từ Oan Hồn Chí.

4: Thời Tống có Mã Kiền Bá, người vùng Lãng Trung-Ba Tây, thưở nhỏ tin theo Phật pháp, đã làm qua tể ở huyện Tuyên Hán. Vào tháng bảy năm thứ mười hai niên hiệu Nguyên Gia nhà Tống, ban đêm ở tại huyện đường gặp giấc mộng, trông thấy phía chân Trời có ba người cao hơn hai trượng, dung mạo trang nghiêm đẹp đẽ đứng trong vầng mây nhìn xuống, chư Thiên trỗi nhạc vang lừng khắp giữ hư không, nói cho biết rằng: Ông gặp nguy khốn ở Kinh Sở, vào ngày mồng bốn tháng tám năm Mậu Dần, nếu như ở nơi ao đầm núi non thì tai hoạ ấy lập tức tiêu trừ, trong người trai giới thanh tịnh cũng có thể tránh được tai họa. Nếu như qua khỏi thời hạn này thì sẽ ngộ đạo. Lúc ấy cúi đầu trông thấy Dương Xiêm cùng 8 người quen biết với nhau, đều mang gông

cùm xiềng xích. Lại thấy đạo sĩ Hồ Liêu, nửa người trong đất, nửa người giữa Trời là người Thần ở chân Trời, đều ghi rõ 8 người vào tháng năm ấy mạng sống chấm dứt. Chỉ nói với Hồ Liêu rằng: Nếu như luôn luôn tu dưỡng tạo tập lập công đức thì hãy còn được kéo dài. Những người như Dương Xiêm đều theo đúng hạn kỳ mà qua đời. Hồ Liêu càng sợ hãi phụng pháp ở núi non cần cù chịu khó càng chí thành. Kiền Bá về sau làm quan ở Tây Tào-Lương Châu, cầm quân ở Châu này là Tiêu Tư Thoại. Tiêu Tư Thoại chuyển đấn Nam Man, lại vâng lệnh làm Hành Tham Quân. Kiền Bá suy nghĩ lời nói của Kinh Sở, trong lòng rất sợ hãi, nhưng cầu xin Tiêu Tư Thoại cho từ chức muốn quay về Hoành Sơn, Tiêu Tư Thoại một mực không chấp nhận. Năm thứ mười lăm tức là năm Mậu Dần, cuối tháng 6 mắc bệnh, đến ngày mồng bốn tháng tám thì bệnh trở nên nguy cấp nên tuân theo số mạng. Ngay đó sau hoàng hôn bỗng nhiên sáng sủa nhìn thấy rõ ràng, từ xa trông thấy ở phía Tây cò ba người, thân hình khoảng chừng hai trượng, và một người ở phía trước giáp phục uy nghiêm râu dài buông xuống đỉnh đầu sáng rực, hai người ở phía sau tư chất sáng ngời-dung mạo hình dáng nghiêm trang vô cùng, xếp hàng ở giữa hư không cách mặt đất vài Nhẫn (Nhẫn= tám thước). Kiền Bá nhìn thấy rõ ràng tất cả, giống như là giấc mộng trước kia vậy. Trong chốc lát không thấy nữa, còn lại mùi thơm phảng phất hồi lâu mới hết, lớn nhỏ cùng sống với nhau đều ngửi thấy mùi thơm, vì vậy mà toát mồ hôi căn bệnh đã phần nào rút lui. Kiền Bá vốn ở một căn nhà chập hẹp, lúc ấy tự nhiên cảm thấy đang ở trong nhà cao cửa rộng, hành lang tường vách sáng ngời rực rỡ đều là ngọc ngà châu báu. Ngay sau đó mọi tai họa đã dần dần qua đi và yên lành trở lại.

Câu chuyện trên đây trích từ Minh Tường Lý.

5: Thời Cao Tề có Sa-môn Thích Tăn Hộ, tâm thẳng thắn tuân theo đạo không mong cầu sự nghiệp trí tuệ, nguyện làm ra bức tượng bằng đá cao một trượng tám, tất cả đều cảm thấy kỳ lạ nên nói rằng: Trong hang phía Bắc ở sau chùa, thấy một tảng đá nằm có thể dài một trượng tám. Thế là mướn thợ tạo tượng, trải qua gần một tuần, khuôn mặt vẫn còn thô kệch, mà lưng hãy còn nằm sát đất, dùng sáu loại vật dụng tìm cách xê dịch mà vẫn như ban đầu không nhúc nhích. Trải qua một đêm đến sáng bỗng nhiên tự lật qua,liền tập trung làm xong chuyển vào đặt trong điện Phật. Ngày Tấn Châu bị đánh chiếm thì bức tượng chảy mồ hôi tràn đất. Quân nhà Chu tiến vào nước Tề đốt phá các chùa chiền khắp nơi, bức tượng này vẫn y nhiên không thay đổi màu sắc. Lại muốn xô ngã bức tượng, mà sức người sức trâu gồm sáu mươi người kéo

không nhúc nhích. Bỗng nhiên có vị Tăng kỳ lạ lấy gạch ngói gỗ đá đất cát xây lên mà bảo vệ vòng quanh, trong chốc lát thì xong, không biết vị Tăng ở nơi nào. Sau đó bức tượng giáng mộng cho người tín tâm rằng: Ta bị đau ngón tay. Người ấy tỉnh giấc mà nhìn thấy như vậy, chính là cây gỗ làm tổn thương hai ngón tay nơi bức tượng, tức thì sửa chữa lại. Niên hiệu khai Hoàng năm thứ mười đời nhà Tùy, có người ăn trộm cờ phan-tan lọng nơi bức tượng, mộng thấy người trượng tám, đi vào nhà trách mắng, kẻ trộm sợ hãi liền sám hối mà nhận lổi. Bức tượng ấy đến nay vẫn còn.

6: Thời đời Đường ở chốn Kinh Sư có chùa Đại Trang Nghiêm, trong chùa có Sa-môn Thích Trí Hưng, phong tục thuận theo Tống Thị, người vùng Lạc Châu, khiêm tốn giản dị có sẵn ham muốn hăng hái thực hành kiên quyết sáng tỏ. Nương theo Đạo Luật sư tụng kinh trì luật, trong lòng ngoài miệng xuyên suốt với nhau không kể sớm tối. Đến tháng trọng động năm thứ năm niên hiệu Đại Nghiệp, theo thứ tự đảm nhận cương vị Duy Na, đánh chuông theo giờ giấc Tăng đồ không rối loạn. Cùng chùa có vị Tăng tên là Tam quả có người anh ruột, từ Dạng Đế đi đến vùng Nam Hạnh-Giang Đô, giữa đường bỏ mạng, ban đầu không nói cho biết tin dữ, tất cả báo mộng cho người vợ rằng: Tôi đi đến Bành Thành không may mắc bệnh mà chết, bởi vì không giữ gìn trai cho nên nay đọa vào địa ngục, trải qua đủ cả năm cảnh tượng đắng cay chua xót không thể nói hết, ai biết tôi đang đau khổ! Nhờ vào mồng Một tháng này, gặp vị Tăng tên Trí Hưng ở chùa Đại trang nghiêm đánh chuông phát ra âm thanh vang dội chấn động địa ngục, người cùng nhận chịu đau khổ trong một lúc đều được giải thoát. Nay sanh đến nơi vui sướng nghĩ rằng đền đáp ân đức ấy, nàng có thể chuẩn bị mười xấp lụa sáng sớm mang đến dâng tặng, và nói rõ ý tôi thành thật tha thiết gởi gắm chút lễ vật. Từ trong giấc ngủ kinh hãi tỉnh giấc cảm thấy lạ lùng vì sao nằm mộng. Cùng nói với người ta nhưng lúc đầu không có ai tin. Tìm vào lại giấc mộng và đến những thấy mo-thầy cúng đều kể rõ như trước đã nói. Sau đó trải qua 10 ngày nói cho biết tin dữ đột nhiên ập tới, hoàn toàn giống như giấc mộng. Tam Quả mới dâng tặng vải lụa, mà trí Hưng tự nói rõ là mình không có đức, cùng tặng cho đại chúng; chủ chùa là cung Thiền Sư cùng các đại đức trong chùa đều hỏi Trí Hưng rằng: Nhân duyên gì đánh chuông mà cảm ứng như vậy? Trí Hưng nói: Tôi không có pháp thuật gì khác, thấy trong Phú Pháp Tạng Truyện nói: “Kế Nhị Tra Vương nhận chịu đau khổ, nhờ đánh chuông mà được ngừng đau khổ”. Và trong kinh Tăng Nhất A hàm có bài kệ

đánh chuông, phước đức cung kính tuân theo điều này động viên cố gắng thực hành như vậy, ngày Đông giá rét leo lên lầu cao gió thổi như cắt da thịt, Tăng cho tấm áo lông cừu dùng để cầm dùi chuông, Trí Hưng tự mình khích lệ ý chí để tay trần đánh chuông, giữa bàn tay vết thương lở loét không lấy làm khổ sở gì, và lúc bắt đầu đánh chuông, trước tiên phát khởi thiện nguyện, nguyện cầu các bậc Hiền Thánh cùng đi vào đạo tràng, cùng tiếp nhận pháp thực; sau đó ba lần, mong muốn đánh mãi cung kính chào đón như trước, nguyện cầu mọi đường đau khổ nghe tiếng chuông này, cùng được lìa xa đau khổ mau chóng được giải thoát. Nguyện hạnh như thế chí hướng luôn luôn vâng mạng tu tập, há chỉ có chân thành hết mực thì có thể cảm được xa xôi hay sao? Đại chúng tin phục lời nói ấy, nghiệm đúng gấp bội không phải sai lầm. Vào tháng ba năm thứ sáu niên hiệu Trinh Quán, căn bệnh thưở nhỏ tái phát, tự biết đời sau của mình, xả bỏ duyên trần giúp cho bản thân mời các Sư huynh đệ bạn bè, nhờ đem tiền bạc giúp đỡ mọi người tỏ lòng Từ biệt, tìm vào cái chết tự tại trang nghiêm, hưởng thọ bốn mươi lăm tuổi.

Hai chuyện trên đây trích từ Đường Cao Tăng Truyện.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 33

Thiên thứ 27: HƯNG PHƯỚC

Thiên này có tám phần: Thuật ý, Hưng phước, Sanh tín, Giảo lượng, Tu tạo, Sấn thí, Tạp Phước, Tẩy Tăng.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Xưa Ưu Điền lần đầu khắc gỗ chiên đàn, Ba Tư bắt đầu đúc toàn vàng ròng, đều bày tỏ dung mạo chân thật- miêu tả hình tướng diệu kỳ, cho nên có thể trải qua thời gian tốt lành tránh tụ hội làm thành cung kính, liền đến hai tòa tháp thờ tóc-móng và hai đài cao tôn trí y-ảnh, đều là nơi Như lai tại thế đã thấy làm thấy quỹ phạm cho hết thảy chúng sinh. Từ lúc thu nhận dấu tích bên sông ở ngoài khu rừng Xà-duy, tám vị Quốc vương thỉnh cầu phân chia mang trở về nước dựng tháp và hai nơi tôn trí của chiếc bình đựng than tro, ngay sau đó mười ngôi chùa Phật sáng lập trang nghiêm. Những địa điểm đức Phật sanh ra-đắc đạo-thuyết pháp-Niết-bàn, búi tóc-xương đỉnh đầu-bốn chiếc răng-hai dấu chân-bình bát-tích trượng-ống nhổ-nê hoàn Tăng..., đều dựng tháp-khắc bia-ghi lại sự thần dị. Từ đó về sau trải qua hơn một trăm năm, A Dục Vương sai sứ giả vượt qua biển rộng, đến khắp các tháp phân chia xá lợi, trở về gặp sóng gió có thể có sự mất mát. Vì vậy trong chủng tộc biển cả bây giờ có lúc gặp được xá lợi là vậy. Sau tám vạn bốn ngàn năm nhờ đó mà xây dựng, những người con gái của A Dục Vương cũng lần lượt phát tâm thanh tịnh, cùng khắc đá, nấu vàng họa vẽ miêu tả hình dáng thần diệu. Thậm chí có thể lênh đênh trôi nổi vượt qua sông biển theo dấu cảm hóa Đông Xuyên, tuy là dấu tích linh bí mật thông suốt mà chưa làm sáng tỏ sự thấy biết và nghe được. Đến lúc Thái Âm-Tần Cảnh từ Tây Vực trở về đến nơi, mới truyền bá phác họa lại hình ảnh đức Phật Thích Ca, ngay sau đó Lương Đài-Thọ Lăng cùng họa vẽ hình tướng ấy. Từng phần này sau đó trở thành hình tượng tháp miếu, làm cho thời thế tranh nhau bày ra. Cho đến đời nhà Lương để lại làm

rạng rỡ thịnh hành ở đất việt. Nhưng Pháp thân không có hình tượng nhờ vào cảm ứng cho nên hiện ra, cảm ứng thấy khác nhau do đó hình tướng thuận theo có sai khác. Nếu như ngay nơi lòng dạ bao la mờ mịt thì hình dạng chân thật thay đổi cách xa, tình ý giận hờn rầu rĩ thì cỏ cây đất đá cũng làm hài lòng. Vì thế Lưu Âm Chí Hiếu chân thành cảm ứng, quyết tâm nén mình làm thành bài minh sống; Đinh Lan thất thường hết sức trung thành, người mẹ bằng gỗ cũng phải đổi sắc mặt; Lổ Dương quay giáo mà mặt Trời xoay chuyển, phụ nữ khởi rơi lệ mà thành trì sụp đổ; đây đều là lòng trắc ẩn phù hợp với tính tình của mỗi người, vì thế khiến cho điềm lành biểu hiện rõ ràng đối với hiểu biết. Vậy thì biết Đạo nhờ con người mở rộng, thần do sự vật cảm ứng, lẽ nào nói là hư huyễn ư? Vì vậy thờ cúng thần linh giống như thần linh tồn tại, thì thần và đạo nối liền với nhau rồi. Cung kính hình tượng giống như cung kính đức Phật, thì pháp thân ứng hiện rồi. Do đó đi vào đạo nhất định phải lấy trí tuệ làm căn bản, trí tuệ cần phải lấy phước đức làm nền tảng, ví như chim có đủ hai cánh thoắt đã bay cao vạn tầm, xe có đủ hai bánh vừa lăn lướt qua ngàn dặm, há không cần mẫn ư? Há không cố gắng ư?

Thứ hai: PHẦN HƯNG PHƯỚC

Như Phật thuyết trong kinh Phước Điền rằng: “Đức Phật bảo với Thiên Đế: Lại có bảy pháp bố thí rộng rãi, gọi là phước điền, người thực hành có được phước thì sanh lên cõi Phạm Thiên. Sao nói là bảy pháp? Đó là: 1- Xây dựng chùa chiền nhà cửa Tăng Xá và khắc họa hình ảnh đức Phật; 2- Vun trồng cây cối thành vườn và làm hồ tắm rửa trong lành mát mẻ, 3- Thường giúp cho thuốc thang chữa trị cứu khỏi các loại bệnh tật” 4- làm thuyền bè bền chắc giúp cho nhân dân qua lại sông nước; 5- Sửa sang xây dựng cầu cống đã quá mức hư hỏng; 6- Làm giếng gần đường đi giúp cho người khát mệt mỏi được uống; 7- Làm nhà vệ sinh giúp cho có nơi giải quyết thuận tiện khi lỡ đường. Đây là bảy việc làm hưởng được phước báo Phạm Thiên.

Lúc ấy trong chổ ngồi có một Tỳ-kheo, tên là Thích Thông, nghe pháp trong lòng vui sướng, liền thưa với đức Phật rằng: Con tự mình suy nghĩ và nhớ, thời gian ở đời trước sanh vào nước Ba-la-nại, làm con của Trưởng giả, ở bên cạnh đường lớn xây dựng tính xá, cung cấp giường nằm và lương thực cho chúng Tăng, người đi đường mệt mỏi đói khát cũng được dừng lại nghỉ ngơi. Nhờ công đức này mà mạng chung sanh lên cõi Trời làm Thiên đế Thích, sanh vào thế gian làm Chuyển-luân-vương, tất cả ba mươi sáu lần trở lại cai quản dẫn dắt người cõi

Trời, chín mươi mốt kiếp dưới chân mọc lông, đi lại nhẹ nhàng giữa hư không, hưởng phước lành tự nhiên. Nay được gặp Thế tôn chiếu cố đến chúng sinh, trừ bỏ ngu si đen tối cho con yên ổn theo trí tuệ thanh tịnh, làm cho khô cạn sanh tử, gọi là con người chân thật, công lao báo ứng có sẵn diệu kỳ, điều ấy là rõ ràng rồi!

Lại có một Tỳ-kheo, tên gọi Ba-câu-lô, liền thưa với đức Phật rằng: Nhớ lại xưa kia có sanh vào nước Câu Na Kiệt, làm cho con của Trưởng giả. Lúc ấy thế gian không có Phật, chúng Tăng giáo hóa mở nhiều pháp hội thuyết pháp, con đến nghe pháp và nghe pháp hoan hỷ, mang một quả cây thuốc tên gọi Ha Lê lặc dâng lên chúng Tăng. Nhờ vào quả báo này mạng chúng sanh lên cõi Trời, sanh vào thế gian luôn luôn ở nơi tôn quý, siêu việt hơn so với mọi người, trong chín mươi mốt kiếp chưa từng bị tật bệnh gì, phước còn lại được gặp đức Phật cho đến đạt được ứng chân (Chân-đế).

Lại có một Tỳ-kheo, tên gọi Tu-đà-da, liền thưa với Đức Thế tôn rằng: Con nhớ thân mạng quá khứ sanh trong nước Duy da ly, làm con trong gia đình dân dã, lúc ấy thế gian không có Phật, chúng Tăng giáo hóa mọi người. Lúc ấy con mang sữa đặc vào chợ muốn bán, gặp chúng Tăng mở hội lớn giảng pháp, đi qua mà đứng lại lắng nghe, nghe pháp rất hoan hỷ, liền đem bình sữa đặc bố thí chúng Tăng, được chúng Tăng chú nguyện trong lòng càng mừng vui hớn hở. Nhờ phước đức này mà mạng chung sinh lên cõi Trời, sanh vào thế gian luôn luôn ở tôn quý; trong chín mươi mốt kiếp còn lại tội lỗi cuối cùng, sanh vào thế gian mẹ mang thai mấy tháng, mắc bệnh mà mạng chung, chôn trong phần mộ cùng mẹ đã chết để tự cứu sống mình, phước ít ỏi được gặp đức Phật cho đến khi đạt được ứng chân.

Lại có một Tỳ-kheo, tên gọi A nan, liền thưa với Đức Thế tôn rằng: Nhớ lại xưa kia con sanh trong nước La duyệt kì, làm con trong nhà dân thường, thân thể phát sinh lở loét đáng sợ mà chữa trị không lành. Có người tu đạo làm bạn thân đến nói với con rằng: Khi chúng Tăng tắm gội đến lấy nước tắm gội ấy, dùng để rửa vết thương cũng có thể lành được, còn có thể được phước! Con liền hoan hỷ, đi đến trong chùa tâm càng thêm cung kính, lại làm giếng mới có đủ dầu thơm và đồ dùng tắm gội, chúng Tăng gội xong con lấy nước tắm gội ấy, dùng để rửa vết thương chốc lát được trừ khỏi. Nhờ công đức này mà sanh ra đoan chánh, sắc vàng chiếu sáng ngời không vương bụi trần dơ bẩn, chín mươi mốt kiếp thường có được phước thanh tịnh, Tăng thêm đức xa rộng hơn, nay lại gặp được đức Phật, tâm dơ bẩn tiêu trừ cho đến khi

đạt được ứng chân.

Lúc bấy giờ trong chổ ngồi có một Tỳ-kheo-ni, tên gọi là Nại Nữ, liền thưa với đức Phật rằng: Con nhớ thân mạng quá khứ sanh trong nước Ba-la-nại, làm người nữ nghèo khó, lúc ấy thế gian có đức Phật, danh hiệu Ca-diếp, bấy giờ cùng với đại chúng vây quanh thuyết pháp. Lúc ấy con đang ở chổ nghe kinh rất hoan hỷ, ý mong muốn bố thí, nhìn lại mình chẳng có gì cả, tự nghĩ nghèo có hèn mạt, trong lòng rất đổi đau xót xốn xang, đi đến vườn hoa nhà người ta cầu xin được quả dưa nhất định sẽ đến cúng dường đức Phật. Xin được một quả táo to mà lại rất thơm, bưng một bát nước và một quả táo, dâng lên đức Phật Ca-diếp cùng các chúng Tăng. Đức Phật biết tâm ý chí thành nên chú nguyện tiếp nhận, phân chia nước và táo cho tất cả mọi nơi. Nhờ phước lành này mà lúc mạng chung sanh lên cõi Trời được làm Thiên hậu, sanh vào thế gian không do nơi bào thai, trong chín mươi mốt kiếp sanh ra từ hoa táo, đoan chánh tươi sáng thường biết rõ thân mạng đời trước, nay được gặp Đức Thế tôn khai mở rõ ràng đạo nhãn.

Bấy giờ Thiên Đế liền từ chổ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Phật, vòng tay quỳ thẳng thưa với đức Phật rằng: Thưa Đức Thế tôn! Con tự nghĩ và nhớ lại, thời quá khứ con sanh trong nước Câu lưu đại, làm con của Trưởng giả, mặc áo xanh đi vào thành dạo chơi ngắm nhìn, tình cờ gặp chúng Tăng phân chia bảo vệ ngõ phố. Lúc ấy trông thấy nhân dân rất nhiều người bố thí, liền tự nghĩ rằng: Nguyện có được tài sản quý báu bố thí chúng Tăng cũng không vui sướng hay sao? Liền cởi xâu chuỗi ngọc bố thí chúng Tăng, cùng tâm tư chú nguyện hoan hỷ mà đi. Từ nhân duyên này khi thọ mạng kết thúc sanh lên cõi Trời, được làm thiên Đế, trong chín mươi mốt kiếp vĩnh viễn xa lìa tám nạn.

Đức Phật bảo với Thiên Đế cùng với các đại chúng: Hãy nghe Ta tự nói về những việc làm của thân mạng quá khứ! Đời trước của Ta xưa kia ở nước Ba-la-nại, gần bên đường lớn làm những nhà vệ sinh, dân chúng trong nước được thoải mái yên lành, không ai không cảm nhận được chính nghĩa và lợi ích chung. Nhờ công đức này mà đời đời được thanh tịnh, nhiều kiếp hành đạo mà sự uế nhiễm không vấy bẩn, sắc vàng sáng ngời rực rỡ bụi trần không dính được, ăn uống tự nhiên tiêu hóa không còn lo chuyện đại tiện-tiểu tiện.

Đức Phật bảo với Thiên Đế: Trong chín mươi sáu loại đạo thì đạo Phật là tôn quý nhất, trong 96 loại pháp thì pháp Phật là chân thật nhất, trong 96 loại Tăng thì Tăng của Phật là chân thành tường tận, mất mạng tích đức thề vì chúng sinh, các thiện pháp như Lục độ-Tứ nhiếp... đều

hoàn bị tất cả, trí tuệ đạt được thành tựu viên mãn, hàng Trời tôn quý khắp Tam giới không ai có thể sánh bằng, có chúng sinh nào, vừa phát tâm cung kính, hướng về với Như lai, thì đã hơn hẳn sự bố thí châu báu ngọc ngà đầy khắp Đại thiên thế giới rồi. Ba mươi bảy phẩm-mười hai bộ kinh, phân biệt tội phước đều nói rất chân thành khai mở ba thừa giáo đều cần phải vâng mạng thực hành. Người nghe hoan hỷ thích làm Sa-môn, tim theo Phật thực hành pháp, chí nguyện cao thượng trong sáng, xả bỏ cuộc đời tham danh đoạt lợi mà dẫn dắt thế gian làm điều phước thiện, con đường Trời-người thông suốt đã dựa vào chúng Tăng rồi. Đây là đạo Vô thượng tôn quý nhất".

Thứ ba: PHẦN SANH TÍN

Như kinh Cựu Tạp Thí Dụ nói: "Xưa bên ngoài thành Xá-vệ có người phụ nữ, niềm tin trong sáng giới hạnh thuần khiết chu toàn. Đức Phật tự đến trước cổng khất thực, người phụ nữ mang cơm đặt vào bình bát của Phật, rồi lùi lại làm lễ. Đức Phật dạy: Trồng một sanh ra mười, trồng mười sanh ra trăm, trồng trăm sanh ra ngàn, trồng ngàn sanh ra vạn sanh ra ức, được thấy đạo chân thật. Chồng người phụ nữ không tin, lặng lẽ ở phía sau lắng nghe đức Phật chú nguyện. Người chồng nói: Sa-môn Cù-đàm nói sao mà quá đáng, bố thí một bát cơm quả là được phước như vậy, mà còn thấy được đạo chân thật. Đức Phật hỏi: Ông từ đâu đến? Đáp rằng: Từ trong thành đến. Đức Phật hỏi: Ông thấy cây Ni-câu-đà cao bao nhiêu vậy? Đáp rằng: Cao khoảng bốn-năm dặm, cuối năm thu được mấy vạn hộc quả, hạt trong quả ấy to bằng hại cải. Đức Phật nói: Ông nói quá đáng, làm gì có trồng một hạt cải mà lại cao bốn-năm dặm, cuối năm thu hoạch mấy chục vạn hạt cải? Đáp rằng: Người thế gian cùng trông thấy thật sự là như vậy. Đức Phật dạy: Đất là vật vô tri mà năng lực báo đền hãy còn như vậy, huống gì con người là hữu tình, hoan hỷ mang một bát cơm dâng lên đức Phật, thì phước thiện ấy rất lớn không thể kể được! Cả hai vợ chồng hiểu ý thông suốt tâm tư, hợp thời liền đạt được quả vị Tu-đà-hoàn".

Lại trong Trí Độ Luận nói: "Xưa kia lúc đức Phật tại thế, đức Phật cùng với A nan từ thành Xá-bà-đề, hướng đến thành Bà-la-môn. Lúc ấy nhà vua trong thành Bà-la-môn thuộc về ngoại đạo, nghe đức Phật sắp đến thì lập tức đưa ra lệnh ngăn cấm: Nếu người nào cho Phật thức ăn, cùng Phật chuyện trò thì sẽ phạt năm trăm đồng tiền vàng. sau đó đức Phật đến đi vào trong thành khất thực, mọi người đều đóng cửa. Đức Phật và A nan ôm bình bát trống rỗng mà đi ra, thấy một bà lão

mang đồ dùng bằng sành bị vỡ, đựng cháo bột hư thối đi ra ngoài vứt bỏ. Trong thấy đức Phật tướng tốt trang nghiêm ôm bình bát trồng rỗng mà đi, tâm nghĩ rằng muốn bố thí. Đức Phật biết ý bà lão, đưa bình bát đi theo xin cháo bột được đem vứt bỏ ấy, người vú già lập tức lòng dạ thanh tịnh mang đến bố thí đức Phật. Đức Phật nhận sự bố thí rồi nói với A nan rằng: Người vú già này nhờ bố thí mà trong mười lăm kiếp, nhận được phước báo vui sướng trên cõi Trời-giữa loài người chứ không rơi vào đường ác, sau đó chuyển thành thân nam xuất gia học đạo thành vị Bích-chi-Phật. Lúc ấy gần bên đức Phật có một Bà-la-môn, nghe đức Phật nói lời này, liền nói với đức Phật rằng: Ngài là Thái Tử của vua Tịnh Phạm, tại sao vì miếng ăn mà phát ra lời nói xằng bậy? Lúc ấy đức Phật liền đưa lưỡi ra che kín mặt lên đến chân tóc, mà nói lời rằng: Ông có thể trông thấy người nào có lưỡi như vậy mà phát ra lời nói xằng bậy hay không? Bà-la-môn nói: Nếu như lưỡi che kín mũi thì hãy còn không nói xằng bậy, huống hồ là che kín mặt lên đến chân tóc! Tức thì sanh tâm tin tưởng mà thưa với đức Phật rằng: Nay con không hiểu được vì sao bố thí ít mà phước báo nhiều? Đức Phật bèn nói cho biết rằng: Ông có thể đã từng thấy sự việc hiếm có hay không? Bà-la-môn nói: Con đã từng đi gặp cây Ni-câu-đà, cây ấy tỏa bóng che phủ năm trăm cỗ xe. Đức Phật liền hỏi rằng: hạt cây ấy lớn nhỏ? Người kia đáp rằng; Lớn bằng một phần ba hạt cải. Đức Phật lại nói rằng: Ai sẽ tin lời ông? Bà-la-môn nói: Thật sự như vậy, thưa đức Thế tôn, mắt con trông thấy chứ không phải lời nói xằng bậy. Đức Phật liền nói rằng: Ta thấy người vú già này tâm tư thanh tịnh bố thí đức Phật, được quả báo to lớn cũng giống như cây naỳ nhân ít mà báo nhiều. Lúc ấy Bà-la-môn hiểu ý thông suốt tâm tư, hướng về đức Phật sám hối. Đức Phật thuyết pháp cho nghe, đạt được quả vị Tu-đà-hoàn, lập tức đưa tay cất tiếng nói to rằng: tất cả mọi người ơi! Cửa cam lộ mở thông, tại sao không ra ngoài? Mọi người nghe rồi đều đưa năm trăm đồng tiền vàng cho nhà vua, thỉnh đức Phật chánh pháp lập tức phá bỏ điều lệnh ngăn cấm. Nhà vua và quần thần cũng quy y đức Phật. Đức Phật thuyết pháp cho nghe tất cả đều đạt được đạo quả. Vì nhân duyên này mà Như lai đã thuyết giảng thì không có điều gì hư vọng, quả báo thiện ác nhất định phải nhận lấy không sai lệch, tất cả chúng sinh cần phải tin tưởng tiếp nhận!"

Lại trong kinh Thí Dụ nói: "Xưa có hai Tỳ-kheo cùng đạt được quả vị Tu-đà-hoàn, một người thường đi giáo hóa ăn xin, dùng để làm phước Bố thí cơm ăn cho Tăng, một người chỉ dứt khoát ngồi thiền tự giữ lấy mình mà không thích làm phước. Lúc ấy người ngồi thiền

nói với người ăn xin rằng: Sao không ngồi thiền mà tự để uổng phí công lao chịu khó chịu khổ? Người tu phước nói: Đức Phật cũng thường thuyết giảng cho Tỳ-kheo rằng: "Nên tu hạnh bố thí". Sau đó cùng mạng chung đầu thai vào nhà Trưởng giả. Người ăn xin làm phước là con trong nhà Trưởng giả, được nô tỳ cung cấp hầu hạ cơm ăn áo mặt tự nhiên, vui sướng vô cùng. Người chỉ ngồi thiền ấy sanh làm con của nô tỳ, ngồi ở nơi hiu quạnh đói khát quá đỗi mà khóc nỉ non. Hai người đều biết rõ thân mạng đời trước. Lúc ấy con của Trưởng giả nói với con của nô tỳ rằng: Trước kia tôi nói với cậu, cậu nên bố thí mà không chịu nghe lời, là cậu tự sai lầm, tại sao lại ngồi khóc nỉ non? Người con của Trưởng giả trưởng thành cỡi xe đi ra ngoài dạo chơi ngắm cảnh, tất cả tôi tớ khách bạn và con của nô tỳ đều đi theo ra ngoài để hầu hạ. Về sau cả hai người cùng cầu xin xuất gia. Đã xuất gia rồi đạt được quả vị A-la-hán, người con của Trưởng giả thường thường không ngừng ngồi trang nghiêm, mọi người đều tranh nhau đưa cơm ăn áo mặc đến giúp đỡ; người con của nô tỳ thì lang thang ở bên ngoài cầu xin mà người ta không cho, luôn luôn chịu sự đói khát. Vì nhân duyên này mà người hành đạo, không những trì giới-ngồi thiền-tụng niệm mà thôi, cũng cần phải bố thí làm những điều phước đức!" Vì vậy trong kinh Ái Đạo, đức Phật thuyết kệ rằng:

"Sớm tối không chịu học hành,
Cả ngày không có ích gì,
Thường thường vào trong lỗi lầm,
Trần trược càng lún vào sâu.
Tự nhấn chìm Thể tánh ấy,
Cũng là cay đắng do mình,
Đi tới mà không quay lại,
Bỏ thân mạng vào Thái Sơn.
Tội lỗi nơi chốn địa ngục,
Khó mà có thể chịu đựng,
Lúc sống không lo học hỏi,
Chết sẽ đi vào vực sâu.
Già không ngăn lại chuyện dâm,
Trần lao tràn ngập thế gian,
Hơi thở mà không còn nữa,
Nào đủ để quý trọng.
Luôn luôn tự mình hối cải,
Giữ thân mạng rất chân thật,

Đời nay diệt trừ tội lỗi,
Kiếp sau lại được làm người,
Có tiền của không bố thí,
Đời đời nhận chịu nghèo hèn".

Thứ tư: PHẦN GIẢO LƯỢNG

Như trong kinh Tu Đạt nói: "Đức Thế tôn bảo với Trưởng giả Tu Đạt rằng: Có cư sĩ thực hành bố thí, mà không tin vào sự bố thí, không kịp thời bố thí, không tự tay bố thí, không hướng đến mà bố thí, cũng không biết, cũng không tin, cũng không biết có nhân duyên-hành nghiệp-quả báo mà thực hành bố thí. Nên biết rằng người ấy thọ nhận báo ứng mà ý không cảm thấy tuyệt diệu. Ngược lại với trước là tuyệt diệu. Xưa vào đời quá khứ, có đại Bà-la-môn tên gọi Bính Lam, rất giàu có lắm tiền bạc. Người ấy thực hiện bố thí rộng lớn, dùng tám mươi bốn ngàn bát vàng trong bát chứa đầy bạc vụn. Người ấy thực hành bố thí rộng lớn, có tám mươi bốn ngàn bát bạc trong bát chứa đầy vàng vụn; có tám mươi bốn ngàn bát vàng trong bát chứa đầy vàng vụn; có tám mươi bốn ngàn bát bạc trong bát chứa đầy bạc vụn; có tám mươi bốn ngàn con voi, voi trắng như tuyết; có tám mươi bốn ngàn con ngựa, trang điểm bằng vàng ròng rực rỡ; có tám mươi bốn ngàn con trâu vắt sữa đầy bình; có tám mươi bốn ngàn cô gái xinh đẹp, đoan chánh tuyệt vời với các dây tua trang sức rực rỡ. Thực hành bố thí như vậy số còn lại không thể kể hết. Cư sĩ Bích lam rất giàu có kia, thực hiện bố thí rất lớn như vậy, cho người phàm phu khắp Diêm-phù-đề, thà cho một người Tiên kia có phước nhiều hơn. Tuy cho người Tiên, mà không bằng giúp cho một vị Tu-đà-hoàn, phước này được nhiều hơn. Tuy giúp cho Tu-đà-hoàn, mà không bằng giúp cho một vị Tư-đà-hàm. Tuy giúp cho Tư-đà-hàm, mà không bằng giúp cho một vị A-na-hàm. Tuy giúp cho A-na-hàm, mà không giúp cho một vị A-la-hán. Trăm vị Tu-đà-hoàn mà không bằng giúp cho một vị Tư-đà-hàm. Tuy giúp cho trăm vị Tư-đà-hàm, mà không bằng giúp cho một vị A-na-hàm. Tuy giúp cho trăm vị A-na-hàm, mà không bằng giúp cho một vị A-la-hán. Tuy giúp cho trăm vị A-la-hán, mà không bằng giúp cho một vị Bích-chi-Phật. Tuy giúp cho trăm vị Bích-chi-Phật, mà không bằng giúp cho Như lai vô sở trước Đẳng Chánh Giác, phước này được nhiều hơn. Cư sĩ kia thực hiện bố thí như vậy, từ người phàm phu khắp Diêm-phù-đề, cho đến trăm vị Bích-chi-Phật, không bằng làm nhà cửa phòng ốc để giúp cho Tứ Phương Tăng, được phước nhiều hơn. Tuy giúp cho Tứ Phương Tăng, mà không bằng

dùng ý thanh tịnh thực hiện ba tự quy y Phật-Pháp-Tăng thọ đầy đủ giới pháp, phước này được nhiều hơn. Tuy thọ ba quy y tiếp nhận giới pháp, mà không bằng đối với một chúng sinh thực hành tâm Từ bi thậm chí chỉ một chút sữa trâu, phước này được nhiều hơn. Tuy đối với tất cả chúng sinh phân biệt thực hành tâm Từ bi xuống đến một chút sữa trâu, nói là không bằng người tư duy nghĩ rằng tất cả các hành là Vô Thường-Khổ-Không-Vô Ngã, thậm chí chỉ một khoảnh khắc khảy ngón tay, phước này được nhiều hơn”.

Lại trong kinh Tăng nhất A hàm nói: “Lúc bấy giờ Đức Thế tôn bảo với các Tỳ-kheo: có bốn phước báo Phạm Thiên. Sao nói là phước báo? Đó là nếu như có người tin chưa từng xây dựng Thâu Bà Xứ (tháp), ở trong đó có thể xây dựng Thâu bà xứ, đây gọi là thứ nhất thọ nhận phước báo của Phạm thiên. Nếu như có người tin có thể tu sửa chùa cũ, đây gọi là thứ hai thọ nhận phước báo của Phạm Thiên. Nếu như có người tin có thể hoà hợp Thánh chúng, đây gọi là thứ ba thọ nhận phước báo của Phạm Thiên. Nếu như lúc đức Phật lần đầu chuyển pháp luân, chư Thiên và người thế gian khuyến thỉnh chuyển pháp luân, đây gọi là thứ tư thọ nhận phước báo của Phạm Thiên. Bấy giờ có Tỳ-kheo khác thưa với Đức Thế tôn rằng: Phước báo của Phạm Thiên cuối cùng là bao nhiêu? Đức Thế tôn bảo rằng: Tất cả công đức của chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề, như vậy lần lượt thực hành bắt đầu từ phước của tứ thiên hạ đến phước của Tha Hóa Tự Tại Thiên, vốn không bằng phước của một Phạm Thiên vương. Nếu như cầu được phước báo ấy, thì đây là mức lượng ấy vậy”.

Lại trong Tát-bà-đa Luận nói: “Có người đàn việt giúp cho Tỳ-kheo Xiển na ba mươi vạn đồng tiền xây dựng phòng ốc rộng lớn, ngay trong ngày thành tựu thì ngay hôm ấy sụp đổ, công dụng rất lớn làm cho tâm đàn việt thối lui. Các Tỳ-kheo thuyết pháp cho đàn việt, phòng ốc tuy sụp đổ mà công đức thành tựu. Lúc phòng ốc chưa hủy hoại, đức Phật đã đến trong gian phòng này, tức là thọ dụng. Đức Phật là bậc phước điền Vô thượng, đức Phật đã thọ dụng, công đức sâu rộng không thể đo lường được. Còn phòng ốc mới thành tựu có một Tỳ-kheo trẻ tuổi mới thọ giới có sẵn giới đức thanh tịnh, vào trong gian phòng này đã mạng chung, là đức của đàn việt tín thí. Nếu như xây dựng vô số các loại phòng ốc lầu gác trang nghiêm, cho đến địa giới Kim cang tô điểm trang nghiêm cao rộng, giống như núi Tu di, giả sử có một Tỳ-kheo giới hạnh thanh tịnh, tạm thời thọ dụng rồi mạng chung, thì ân vì giới không phải là thế gian mà chính là hướng về cửa Niết-bàn, không giống như

phòng ốc nhà cửa-đồ nằm-ăn uống-thuốc thang là pháp thế gian chứ không phải là pháp xuất thế gian khó có được".

Thứ năm: PHẦN TU TẠO

Nếu như muốn tu tạo thì lý cần phải như pháp, tạo tác tuy ít mà được phước vô lượng. Nếu như không y theo pháp thì cho dù tạo tác nhiều mà cũng vô ích. Vì vậy trong kinh Phật Tại Kim Quan Kính Phước nói: "Kinh tượng thì người chủ đừng luận bàn về đạo, mướn thợ làm kinh tượng đừng nói là khách làm. Hai người tạo hình tượng Phật và bố thí đều được phước không thể suy lường, muốn nói đến phước ấy thì cùng tận đời kiếp không hết. Nếu như tiếp nhận sự việc ước định thì chính là con thật sự của Phật. Tinh thành như vậy thì tạo tác ít mà phước thiện nhiều.

Hỏi: Phương pháp của công thợ làm kinh tượng thành tựu, nên chọn lấy giá trị đạt được hay không? Đức Phật dạy: không được chọn lấy theo giá trị, bởi vì vậy là bán cha mẹ để lấy tiền bạc, trái nghịch vượt quá tam thiên thế giới, thực sự là thiên ma, nhanh chóng rời xa Phật pháp của Ta, không phải là quyến thuộc của Ta, những kẻ uống rượu ăn thịt và ăn năm thứ cay nồng, không y theo Thánh giáo, cho dù tạo tác kinh tượng nhiều như cát bụi, mà phước thiện của kẻ đó rất ít, đại khái là không đáng để nói, lúc kiếp thiêu cháy không vào trong cung điện của Long vương giữa biển, vất vả mà công đức ít, tội lổi của sự bất kính thì chết sẽ vào địa ngục. Chủ và thợ không ích lợi gì thì chư Thiên không giúp đỡ, không bằng không tạo tác mà tâm ngay thẳng lễ lạy cung kính mà được vô lượng phước thiện; như trước đã nêu ra, tạo tác nhiều mà phước thiện chẳng bao nhiêu. Nếu như bậc thợ làm tượng tạo ra hình tượng không đầy đủ các tướng thì trong năm trăm vạn đời bậc thợ căn không đủ. Quan trọng nhất là tận tâm trên hết, thì quả báo tuyệt diệu lên cao trước rồi".

Lại trong kinh Tội Phước Quyết Nghi nói: "Các chúng Tăng-Ni và hàng Bạch y, hoặc là tự mình bỏ tiền bạc và khuyến hóa có được tài vật muốn tổ chức cúng dường đức Phật. Người đem tài vật này làm ra hình tượng chim thú đặt trên bàn Phật, tính ra hao tổn hết năm đồng tiền thì phạm vào nghịch tội, cuối cùng không trả lại thì một kiếp đọa vào địa ngục A Tỳ. Chuộc lại hương hoa dầu đèn cúng dường ấy thì không phạm. Đức Phật không cầu tài lợi nhưng không có người nào có thể làm cho tiêu hoa. Lúc ban đầu dâng cúng đức Phật thì có ngôi bậc Thượng-Trung-Hạ, nhất định phải bày cho hàng bạch y cúng dường đức Phật

và Tăng. Dâng cúng đức Phật xong chuyển thức ăn cho Tăng thì không phạm. Nếu không như vậy mà ăn đồ vật dâng cúng đức Phật, thì ngàn ức năm đọa vào địa ngục A tỳ. Đàn việt không được chỉ dạy trước cũng dẫn đến quả báo như trước, nếu sanh trong loài người, thì chín trăm vạn năm sanh vào nơi hèn mạt. Tại vì sao? Bởi vì đồ vật cúng dường đức Phật không có ai có thể bình xét giá trị được".

Thuật lại rằng: Đây nghĩa là thí chủ quyết định đưa vào sử dụng cúng dường Phật, cho nên cần phải chuộc lại. Nếu như bây giờ trong trai hội cứ mỗi khi lấy ra đồ ăn thức uống từ bàn Phật, tình ý thông suốt đôi bên không hạn chế vào tình cảm, ăn xong trả lại cho thí chủ thì không phiền gì lấy của chuộc lại. Như ngày mười lăm tháng bảy cúng dường Phật và chúng Tăng, không có Phật-Tăng thọ dụng thì cần phải chuộc lại sử dụng.

Lại trong kinh Quán Phật Tam Muội nói: "Lúc ấy Ưu Điền Vương ngưỡng mộ nhớ đến Đức Thế tôn nên đúc vàng làm thành pho tượng, nghe tin đức Phật đến ngay lúc đó bước xuống bậc thềm, voi chở pho tượng vàng đến nghênh đón Đức Thế tôn. Bấy giờ pho tượng vàng từ trên mình voi bước xuống, giống như đức Phật sống chân bước giữa hư không, hai đóa hoa dưới chân cũng phát ra ánh sáng, đến chào đón Đức Thế tôn, chắp hai tay làm lễ đức Phật.

Lúc bấy giờ Đức Thế tôn cũng lại chắp tay quỳ thẳng hướng về pho tượng, giữa hư không xuất hiện trăm ngàn Hóa Phật, cũng đều chắp tay quỳ thẳng hướng về pho tượng. Bấy giờ Đức Thế tôn mới nói với pho tượng rằng: Ngài ở đời sau làm nhiều Phật sự, sau khi tôi diệt độ, các đệ tử của tôi sẽ gởi gắm nhờ Ngài dẫn dắt! Hóa Phật giữa hư không tất cả đồng thanh, đều phát ra lời như vậy: Nếu có chúng sinh nào sau khi đức Phật diệt độ, tạo lập hình tượng thờ phụng cúng dường, người này đời sau chắc chắn đạt được niệm Phật Thanh Tịnh Tam Muội".

Trong Ngoại quốc Ký nói: "Đức Phật lên cung Trời Đao Lợi thuyết pháp cho mẹ trải qua chín mươi ngày, vua Ba-tư-nặc suy nghĩ mong muốn thấy đức Phật, khắc cây gỗ Ngưu Đầu chiên Đàn làm thành bức tượng Như lai, đặt vào nơi đức Phật an tọa. Sau đó đức Phật trở về đi vào Tinh xá, bức tượng ra ngoài nghênh đón đức Phật. Đức Phật nói: Trở về chổ ngồi, sau khi ta nhập Niết-bàn có thể vì bốn bộ chúng làm các pháp chuẩn mực! Bức tượng liền trở lại chổ ngồi. Bức tượng này là đầu tiên trong các bức tượng. Đức Phật chuyển đến an trú trong Tinh xá nhỏ hai bên, cho bức tượng ở nơi khác cách nhau hai mươi bước. Tinh xá Kỳ-hoàn vốn có bảy tầng, các nước tranh nhau cúng dường không

ngừng, trong phòng chính đèn luôn luôn thắp sáng, chuột ngậm bấc đèn thắp nhang cháy các phan phướng lọng tàn, thế là cháy lan ra cả Tinh xá, bảy tầng đều bị thiêu hủy. Nhân dân và vua quan các nước đều bốn, năm ngày, mở cửa Tinh xá nhỏ ở phía Đông, bỗng nhiên thấy bức tượng này bị di chuyển hướng về phòng kia, mọi người vô cùng hoan hỷ, cùng nhau sữa lại Tinh xá, cần phải làm thành hai tầng, từng bức tượng đều đặt vào nơi ban đầu".

Trong kinh Ưu Điền Vương Tác Phật Hình Tượng nói: "Xưa kia thời đức Phật tại thế, có Quốc vương Bạt Kì, tên gọi Ưu Điền, đi đến trú xứ đức Phật đầu mặt đảnh lễ Ngài, chấp tay thưa với đức Phật rằng: Thưa Đức Thế tôn! Nếu sau khi đức Phật diệt độ, có chúng sinh làm hình tượng đức Phật, thì sẽ được phước thế nào? Đức Phật bảo với nhà vua rằng: nếu như sau này có người làm hình tượng đức Phật, thì công đức vô lượng không thể tính được, đời đời sanh ra không rơi vào đường ác, ở trên cõi Trời và trong loài người được phước lành vui sướng, thân thể thường có màu sáng ngời như Tử Ma Kim, ánh mắt trong sáng-dung mạo đoan chánh, thân thể tay chân kỳ diệu tuyệt vời, luôn luôn được mọi người kính mến. Nếu sanh trong loài người, thì thường sanh làm con trong nhà Đế Vương-Đại thần-Trưởng giả-Hiền thiện, nơi sanh ra tôn quý giàu có, tài sản châu báu không thể kể hết, thường được cha mẹ anh em họ hàng thân thích quý trọng. Nếu làm Đế Vương thì đặc biệt tôn quý trong hàng Đế Vương, được các bậc vua chúa các nước cùng quay về nương nhờ. Cho đến được làm Chuyển luân thánh vương cai quản các bậc vua chúa khắp nơi, bảy báu tự nhiên-ngàn người con đầy đủ, bay lên trên cõi Trời không có nơi nào không đến được. Nếu sanh trên cõi Trời thì thù thắng nhất trong các vị Trời, thậm chí được làm Thiên vương sáu tầng Trời cõi Dục, ở trong sáu cõi Trời là vị Thiên vương tôn quý bậc nhất. Nếu sanh vào cõi Phạm Thiên thì làm Đại Phạm vương, đoan chánh không gì sánh được-hơn hẳn các vị Phạm Thiên, thường được các Phạm Thiên tôn trọng cung kính, sau đó đều được sanh vào quốc độ Vô Lượng Thọ, làm bậc đại Bồ-tát tôn quý bậc nhất, trải qua vô số kiếp sẽ được thành Phật, đi vào đạo quả Niết-bàn. Nếu như tương lai có người làm ra hình tượng đức Phật thì sẽ đạt được phước thiện như vậy".

Còn kệ trong kinh Pháp Hoa nói:

Nếu như người vốn có niềm tin,
Xây dựng các hình tượng đức Phật,
Thậm chí trẻ thơ chỉ vui đùa,

Hoặc dùng cỏ cây và bút mực.
Hoặc có khi dùng móng tay chân,
Mà vẽ thành hình tượng đức Phật,
Tất cả những người làm như vậy,
Đều đã thành tựu trong Phật đạo".

Trong kinh Tạo Lập Hình Tượng Phước Báo nói: "Đức Phật đi đến nước Câu la cù, lúc ấy Quốc vương tên gọi là Ưu Điền, nhà vua tuổi mới mười bốn. nghe tin đức Phật đang đến, liền truyền cho cận thần tả hữu thảy đều nghênh đón đức Phật. Khi đức Phật đã đến liền cúi đầu đảnh lễ đức Phật, vòng tay quỳ thẳng thưa với đức Phật rằng: Trên cõi Trời giữa cõi người không có ai có thể bằng đức Phật, ánh sáng rạng ngời uy nghiêm sừng sững mới có năng lực như vậy, sợ rằng đức Phật đi xa sau này e khó được gặp, nay con muốn làm thành hình tượng đức Phật để cung kính tiếp tục mãi được hầu hạ, có được phước báo thế nào, nguyện đức Phật thương xót giảng giải điều ấy cho con!

Bấy giờ Đức Thế tôn thuyết kệ trả lời rằng:

Nhà vua hãy lắng nghe Ta nói,
Phước như tro bụi trên mặt đất,
Không có phước đức nào hơn được,
Phước báo làm hình tượng đức Phật.
Luôn luôn sanh vào nhà giàu có,
Tôn quý vô cùng nhiều châu báu,
Thân thích quyến thuộc thường cung kính,
Phước báo làm hình tượng đức Phật,
Thường có được phước báo Thiên nhãn,
Sắc xanh biếc không gì sánh
Phước báo làm hình tượng đức Phật,
Cha mẹ trông thấy lòng hoan hỷ,
Đoan chánh uy đức thật tôn trọng,
Yêu mến luôn luôn không thỏa mãn.
Phước báo làm hình tương đức Phật,
Thân sắc vàng sáng ngời rực rỡ,
Giống như hình tượng Diêu Sư tử,
Chúng sinh trông thấy lòng hoan hỷ.
Phước báo làm hình tượng đức Phật,
Sanh trong loài người Diêm-phù-đề,
Làm người phước thiện dòng họ lớn,
Trong hàng Sát-lợi-Bà-la-môn

Phước báo làm hình tượng đức Phật,
Không sanh vào quốc độ biên địa,
Không mù lòa không hề xấu xí,
Sáu căn tâm tình thường đầy đủ.
Phước báo làm hình tượng đức Phật,
Lâm chung biết thân mạng đời trước,
Thấy đức Phật ở trước mắt mình,
Không cảm thấy nỗi khổ lúc chết.
Phước báo làm hình tượng đức Phật,
Ảm bậc Đại vương danh tiếng nhất,
Là Chúa tể cai quản khắp nơi,
Đi lại bằng vòng vàng lượt nhanh.
Phước báo làm hình tượng đức Phật,
Gọi là nhân làm Thiên Đế Thích,
Thần túc chủ quản đứng thứ hai,
Ba mươi ba cõi Trời tôn trọng.
Phước báo làm hình tượng đức Phật,
Nhờ đây vượt qua khỏi Dục Giới,
Làm bậc Phạm vương cõi Phạm Thiên,
Ca di-Phạm Thiên đều cung kính.
Phước báo làm hình tượng đức Phật,
Thọ tưởng phước báo đúng như vậy.
Nếu có thể thực hiện khắc vẽ,
Trời đất còn có thể tính được,
Phước báo này không thể suy lường,
Vì thế cho nên cúng dường Phật,
Hoa hương và các loại hương xoa,
Hương đốt-hương xông cùng tâm hương,
Cúng dường Đại Sĩ tâm thành kính,
Được phước thiện lậu tận vô tri".

Trong kinh Phó Pháp Tạng nói: "Chín mươi mốt kiếp quá khứ xa xưa, sau khi đức Phật Tỳ-bà-thi nhập Niết-bàn, bốn chúng đệ tử xây dựng tòa tháp bằng bảy báu. Lúc ấy trong tòa tháp ấy có hình tượng đức Phật, trên khuôn mặt vàng có đôi chổ bị hư hoại. Có một người con gái nghèo lang thang xin ăn được một đồng tiền vàng, trông thấy khuôn mặt bức tượng hư hoại muốn sửa chữa lại khuôn mặt bức tượng. Lúc bấy giờ Ca-diếp làm thợ vàng, người con gái liền mang tiền vàng đến nhờ tu sửa giúp cho. Thợ vàng nghe phước đức thì hoan hỷ mà tu sửa,

dùng vàng sửa lại khuôn mặt bức tượng, nhân đó cùng nhau lập nguyện: Nguyện cho hai người chúng con thường làm vợ chồng, thân màu vàng ròng thượng thọ hưởng niềm vui tốt đẹp! Từ đó đến nay chín mươi mốt kiếp thân có màu vàng ròng, sanh trong Trời-người vô cùng vui sướng, cuối cùng đầu thai vào cõi Phạm Thiên thứ bảy. Lúc ấy ở nước Ma Kiệt có Bà-la-môn tên là Ni Câu Luật Đà, thời quá khứ tu phước nên thông minh trí tuệ, giàu có nhất vùng vàng bạc châu báu vô lượng, trâu dê ruộng vườn nhà cửa nô tỳ xe cộ, so với Bình Sa Vương nhiều hơn cả ngàn lần. Bình Sa Vương có một ngàn cái cày bằng vàng, Bà-la-môn ấy sợ rằng cùng với nhà vua ngang nhau nên sợ chuốc lấy tai họa. Nhà ấy chỉ làm chín trăm chín mươi chín cái cày bằng vàng, chỉ thiếu một cái. Nhà ấy vải bông, loại thấp nhất vốn có giá trị bằng trăm ngàn lạng vàng, có sáu mươi cái giỏ đựng thóc bằng vàng, mỗi cái giỏ có ba trăm bốn mươi hộc. Nhà đó tuy giàu mà không có con cái. Ở cạnh nhà ấy có một cây thần, vợ chồng thường đến bên cây thần cầu khấn cúng bái, cầu xin có con đã nhiều năm mà không linh ứng, nên nổi giận nói rằng: Nay thêm bảy ngày hết lòng thờ cúng hầu hạ, nếu như tiếp tục không có linh nghiệm ắt phải tự mình quyết định đốt cháy cây này. Thần cây này lo sợ rầu rĩ nói cho Tứ Thiên vương biết. Thiên vương nói với Đế Thích, Đế Thích xem xét khắp Diêm-phù-đề không có ai có thể làm con của nhà ấy, liền đến Phạm Thiên vương bày tỏ nhiều về sự việc trên. Phạm Thiên liền dùng thiên nhãn xem xét khắp nơi thấy một Phạm Thiên sắp đến lúc mạng chung, bèn đến nói với vị ấy, khuyến khích vị ấy đầu thai đến nhà đó. Phạm Thiên nhận lời liền đến đầu thai. Đã đủ mười tháng sanh ra một bé trai, dung mạo đoan chánh thân màu vàng ròng, ánh sáng rực rỡ chiếu rọi sáng ngời trong vòng bốn mươi dặm. Thầy tướng bói rằng: Đứa trẻ này vốn có phước đức chắc chắn sẽ xuất gia. Cha mẹ nghe nói lòng rất buồn phiền lo lắng. Vợ chồng bàn với nhau rằng: nên tìm cách gì để đoạn tuyệt ý nghĩ đó! Lại tự tư duy rằng điều say mê ràng buộc của cuộc đời chỉ có sắc đẹp, nên tìm cưới cho con trai một người con gái xinh đẹp đoan trang để cắt đứt tình ý ấy. Đến năm mười lăm tuổi làm lễ cưới vợ, nói với cha mẹ rằng: chí nguyện của con thật sự thanh tịnh không cần phải cưới vợ làm gì. Cha mẹ không bằng lòng. Người con trai biết là khó tránh được nên tìm kế quyền biến làm vừa lòng cha mẹ, cho nên nói với cha mẹ rằng: Có thể tìm cho con được người con gái thân màu vàng tía đoan chánh tuyệt thế, con sẽ đính hôn với người ấy! Cha mẹ lập tức mời các Bà-la-môn đi khắp nơi tìm kiếm cô gái như vậy. Các Bà-la-môn đúc một người con gái bằng vàng, đoan chánh tuyệt vời

hiếm thấy đặt ngồi trên kiệu đi khắp thôn xóm cao giọng xướng rằng: Nếu có người con gái nào được trông thấy vị thần bằng vàng để lễ bái, sau này đi lấy chồng thì nhất định gặp được người chồng tốt lành, thân màu vàng ròng đoan chánh tuyệt vời vô cùng. Tất cả con gái nghe nói đều đi ra, chỉ có một cô gái thân thể sắc vàng đoan chánh xinh đẹp vô cùng, đó chính là người con gái bố thí tiền vàng ngày xưa, nhờ duyên thù thắng thời quá khứ nên có thân thể diệu kỳ này, chí nguyện vui với thanh khiết một mình không chịu ra ngoài. Các cô gái bắt ép dẫn ra cùng xem vị thần bằng vàng, cô gái này liền đến, ánh sáng sắc vàng phản chiếu làm lóa mắt vị thần bằng vàng. Bà-la-môn trông thấy lập tức làm lễ đính hôn cho con trai. Đã đến nhà chồng, vợ chồng gặp mặt nhau mà người nào cũng đều thanh khiết hoàn toàn không có ý dục lạc, cùng lập ra yêu cầu thỏa thuận với nhau mỗi người ở một phòng. Cha mẹ biết rồi phá bỏ một phòng, để cho chung phòng chỉ xếp gọn một chiếc giường. Ca-diếp nói với vợ: Nếu tôi ngủ nghỉ thì nàng nên kinh hành, nếu nàng ngủ thì tôi sẽ kinh hành. Sau đến lượt người vợ nằm buông tay thõng trước giường, có con rắn độc bò vào phòng sắp cắn vào tay người vợ. Ca-diếp thấy rồi lấy tay vợ luồn trong áo để lên trên giường. Người vợ lại giật mình tỉnh ngủ mà trách móc rằng: Cùng với tôi lập thệ yêu cầu không gần gũi nhau, nay lại vì sao trộm nắm tay tôi? Ca-diếp đáp rằng: Có con rắn bò vào sợ rằng làm hại tay nàng, cho nên nắm đưa lên mà thôi. Bèn chỉ rõ ràng con rắn thì người vợ mới hiểu rõ ý chồng. Tiết tháo của hai vợ chồng hết sức chán ngán thế gian, mở lời thưa với cha mẹ cầu mong được xuất gia. Cha mẹ thấy rồi tức thì đồng ý thuận lời. Ngay sau đó vợ chồng cùng nhau xuất gia đi đến trú xứ đức Phật, đức Phật nhường cho chổ ngồi, Ngài thuyết pháp cho đôi vợ chồng, tức thì ở trên chổ ngồi đắc quả A-la-hán. Người vợ vào lúc sau đó cũng đạt được quả vị A-la-hán. Ca-diếp ở thế gian, thường cùng với Như lai ngồi đối diện thuyết pháp. Sau khi đức Phật diệt độ thì tất cả pháp tạng đều gởi gắm cho Ca-diếp, thời gian sau kết tập Tam Tạng hoàn tất, đến núi Kê Túc đi vào bát Niết-bàn, toàn thân không phân tán, đợi đến lúc đức Phật Di-lặc xuất thế, từ trong núi mà đi ra, ở giữa đại chúng thực hiện mười tám lần thay đổi, hóa độ vô lượng chúng sinh, sau đó diệt thân, vị lai sẽ thành Phật, danh hiệu là Quang Minh”. (60 cái giỏ đựng thóc bằng vàng là trích từ Tát-bà-đa Luận, truyện vị lai thành Phật trích từ kinh Pháp Hoa).

Lại trong Trí Độ Luận nói: “Xưa kia vào thời đức Phật tại thế, trong thành Ca-tỳ-la vệ, có Nan Đà là em của đức Phật, con của Vua

Tịnh Phạm, thân thể đoan chánh có ba mươi tướng tốt. Nhà vua cưới cho cô vợ tên là Tôn Đà Lợi, dung nhan đoan chánh thế gian ít người sánh kịp. Nan Đà ngày đêm yêu thương quấn quýt bên vợ cho nên không muốn xuất gia. Đức Phật dùng phương tiện chuyển hóa khiến cho xuất gia, đã xuất gia rồi đạt được quả vị A-la-hán. Tỳ-kheo thấy vậy mà thưa với đức Phật rằng: Tỳ-kheo Nan Đà xưa kia gieo phước thiện gì mà cùng sanh ra có ba mươi tướng tốt như đức Phật, thân thể đoan chánh thế gian không ai sánh được, lại còn xả bỏ vinh hoa phú quý mà xuất gia đắc đạo? Đức Phật bảo với Tỳ-kheo: Chính là chín mươi mốt kiếp quá khứ xưa kia, sau khi đức Phật Tỳ-bà-thi nhập Niết-bàn, lúc bấy giờ Nan Đà là một Đại Trưởng giả, ở trong tháp miếu của một vị Bích-chi-Phật, dùng phẩm xanh đen xoa trên vách tường mà vẽ thành hình tượng của Bích-chi-Phật. Nhân đó mà phát nguyện: Nguyện cho con đời đời sanh trong nhà tôn quý, thường có được thân tướng sắc vàng đoan chánh, gặp được Phật đắc đạo. Nhờ thiện căn này và công đức phát nguyện, từ đó đến nay trong chín mươi mốt kiếp không rơi vào đường ác, sanh trong loài người và trên cõi Trời thường có thân thể đoan chánh đủ ba mươi tướng tốt, giàu sang tôn quý vui sướng vô cùng, cho đến ngày nay cùng với Ta sanh làm anh em xuất gia đắc đạo.

Thứ sáu: PHẦN SẤN THÍ

Như Kinh Luân Vương Chuyển Ngũ Đạo nói: “Đức Phật dạy: Tất cả công đức tạo ra đều tùy theo hành động của thân, đốt hương thắp đèn có được rất nhiều phước thiện. Đốt hương làm phước cho đến truyền bá kinh điển, không được nhờ người mà không bố thí, nguyện ước giống như nhờ người khác ăn lẽ nào tự mình được no đủ ư? Thấp hương lòng trong sáng-thắp đèn luôn sáng ngời. Thấp hương ăn chay đọc kinh được bố thí,lấy đều này làm pháp lành thông thường. Bố thí được phước thiên, chư Thiên sẽ tiếp nhận, mọi điều ác đều rời xa, các ma phải hàng phục. Người giãi đãi không thể nào tinh tiến, một khi gặp phải bệnh tật lại không may mắn thuận lợi, thì muốn thắp hương mới bắt đầu làm phước, chư Thiên chưa đến mà các ma đã ở trước mặt, tranh nhau gây ra nhiều nhương làm những sự biến hoá kỳ quái. Vì vậy cho nên luôn luôn cần phải tinh tiến! Tội phước theo người như bóng theo hình, gieo trồng phước thiện giống như chủng loại của cây Ni-câu, ban đầu gieo chỉ một hạt đơn sơ mà dần dần cao lớn, thu hoạch trái quả nhiều vô hạn. Đức Phật dạy: Này A nan! Bố thí một đạt được vạn lần, lời Ta nói không giả dối! Lúc ấy đức Phật thuyết kệ rằng:

Người có đức hạnh ưa bố thí,
Thiên thần tự nhiên sẽ giúp đỡ,
Bố thí một được gấp vạn lần,
Cuộc đời an vui thọ mạng dài,
Hôm nay người làm thiện bố thí,
Phước báo ấy không thể tính được,
Đều sẽ được thành tựu Phật đạo,
Hóa độ giải thoát mọi chúng sinh".

Thứ bảy: PHẦN TẠP PHƯỚC

Như trong Tát-bà-đa Luận nói: " Nếu như làm Tăng phòng cho đến tháp-tượng, đường vắng làm giếng và làm ghe xuồng cầu cống, thì công đức người này trong tất cả mọi lúc sanh ra thường làm người bố thí giúp đỡ, ngoại trừ ba nhân duyên: 1- Sự việc đời trước bị hủy hoại; 2- Nếu người này chết đi, 3-Nếu tà ác dấy lên, không có nhân duyên này, thì phước đức luôn luôn phát sinh".

Còn trong kinh Tăng nhất A hàm nói: "Lúc bấy giờ Đức Thế tôn bảo với các Tỳ-kheo: Có năm loại giúp đỡ không có được phước thiện. Thế nào là năm loại? Một là lấy dao đưa cho người, hai là lấy chất độc đưa cho người, ba là đem trâu dữ cho người, bốn là đem dâm nữ cho người, năm là làm ra đền miếu thần linh. Đây gọi là có năm loại giúp đỡ này thì không có được phước thiện. Lại có năm loại bố thí đạt được phước báo Trời người. Thế nào là năm loại? Một là làm ra vườn cây ngắm nhìn, hai là trồng thành rừng cây, ba là làm những cầu cống, bốn là làm ra tàu thuyền to lớn, năm là xây dựng nhà cửa phòng ốc làm nơi cư trú cho tương lai và quá khứ. Đây gọi là có năm việc làm này thì khiến cho đạt được phước báo ấy.

Lúc bấy giờ Đức Thế tôn bèn thuyết kệ này:

Làm vườn cây ngắm nhìn cho mát mẻ,
A làm thuyền bè cầu cống tốt,
Giúp cho nhân dân qua bến sông,
Cúng xây dựng nhà cửa tốt đẹp,
Người như thế trong ngày và đêm,
Luôn luôn được hưởng phước đức ấy,
Giới-Định-Tuệ sẽ được thành tựu,
Người này nhất định sanh cõi Trời".

Lại trong Tăng Kỳ Luật, có các Thiên Tử dùng kệ thưa hỏi đức Phật:

"Người như thế nào hướng về thiện?
Người như thế nào sanh cõi Trời?
Người như thế nào ngày và đêm,
Nuôi dưỡng lớn thêm công đức thiện?

Lúc bấy giờ Đức Thế tôn dùng kệ đáp rằng:

Đường xa vắng làm giếng nước lành,
Gieo trồng vườn cây trái bố thí
Rừng cây giúp cho người mát mẻ,
Làm thuyền cầu cho người qua sông,
Bố thí tu dưỡng giới thanh tịnh,
Trí tuệ trong sáng tỏ tham lam,
Công đức Tăng thêm ngày và đêm,
Thường sanh trong nẽo thiện người-Trời".

Trong Kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Nếu có chúng sinh giúp cho người bát nước trong lành; hoặc là ngăn che giếng nước sợ rằng các loài rắn độc sẽ rơi vào trong giếng, người đi đường uống vào mà có thể gây nên khổ não. Người này mạng chung sanh đến cõi Trời Tam không Hầu thọ hưởng năm dục lạc. Từ nơi này mạng chung, hoặc được làm thân người được vua chúa quý trọng, nếu thấy ai tật bệnh khốn khổ yết hầu phát ra tiếng, mạng còn lại chưa hết, giúp cho họ nước uống, hoặc giúp cho họ tiền bạc, để chuộc lấy mạng sống của họ. Người này mạng chung sanh đến cõi Trời Thâm thủy, vui sướng giống như Đế Thích. Từ cõi Trời mạng chung tùy theo nghiệp mà lưu chuyển, được làm thân người không rơi vào ba đường. Từ đời này đến đời khác, không gặp nhữn bệnh tật khổ đau, không còn gì não loạn. Nếu có chúng sinh trì giới, thấy Tỳ-kheo Tăng lấy quạt bố thí khiến cho được mát mẻ đọc tụng kinh pháp, mạng chung sanh đến cõi Trời Phong Hành, mùi thơm tỏa ra vui sướng không gì sánh được. Nếu có chúng sinh ở tại bến sông giúp cho xây dựng cầu cống làm ra ghe thuyền, dùng tâm thiện khuyên người trì giới, và khuyên người khác không làm những điều ác, mạng chung sanh đến cõi Trời Trì Man thọ hưởng năm thứ dục lạc, mạnghết sanh trong loài người làm vị vua giữ gìn mẫu mực".

Trong kinh Thí Dụ nói: "Xưa có ba mẹ con thường làm ba việc: Một là làm ghe lớn đặt ở bến sông để mọi người qua sông, hai là ở nơi đô thị làm ra giếng nước tốt lành để cung cấp cho dân chúng, ba là ở chốn cửa thành đều làm nhà vệ sinh để cho mọi người sinh hoạt thuận tiện. Nhờ công đức này mà sau khi mạng chung cả ba mẹ con đều sanh lên cõi Trời hưởng phước báo tự nhiên, sanh vào trong cõi người được

giàu sang sống lâu. Nơi đã sanh ra, không trải qua ba đường dữ. Giả sử phước nhỏ bé này mà còn có được quả báo to lớn vô lượng, huống là có người tu tạo nhiều công đức, xây dựng chùa tháp phân biệt bố thí làm các sự nghiệp phước thiện, lại hơn hẳn trăm ngàn vạn lần, đối với phước thiện này không thể tính toán được". Vì thế trong Thành Thật Luận dẫn bài kệ trong kinh nói:

"Nếu như trồng cây làm vườn rừng,
Làm giếng-cầu cống cùng thuyền bè...,
Thì phước thiện người này đã làm,
Ngày đêm luôn luôn được Tăng trưởng".

Còn kinh Hoa Thủ nói: "Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Bồ-tát có bốn pháp cuối cùng không thối chuyển Vô thượng Bồ-đề. Những gì là bốn pháp? Đó là: 1-Nếu gặp tháp miếu bị hư hoại thì nên tu sử lại, hoặc là đất đá hay là bùn nhão thậm chí một viên gạch. 2- Nếu ở giữa bốn ngã đường nơi nhiều người nhìn ngắm, xây tháp làm tượng để gây duyên phước thiện nghĩ đến Phật, trong tháp họa vẽ làm thành hình tướng như chuyển pháp luân và xuất gia, thậm chí hình tướng nhập Niết-bàn giữa hai cây Sa La. 3-Nếu thấy hai bộ chúng có Tỳ-kheo Tăng tranh cãi kiện tụng, cố gắng tìm phương pháp làm cho hòa hợp. 4- Nếu thấy Phật pháp sắp hủy hoại thì có thể đọc tụng giảng nói, thậm chí một bài kệ khiến cho pháp không đoạn tuyệt, bởi vì Hộ pháp cho nên tôn kính phụng dưỡng pháp Sư, dốc lòng hộ pháp không tiếc thân mạng. Nếu Bồ-tát thành tựu bốn pháp này, thì đời đời sẽ làm bậc Chuyển luân Thánh Vương, có được thân lực to lớn như Na la diên, xả bỏ Tứ Thiên Hạ mà thực hành xuất gia, có năng lực được tùy ý tu dưỡng bốn phạm hạnh, mạng chung sanh đến cõi Trời làm vị Đại Phạm vương, cho đến cuối cùng thành tựu đạo quả Vô thượng. Vì vậy người có trí mong cầu Phật đạo thì hãy thực hiện học theo pháp này!"

Còn kinh Phóng Ngưu trích từ phẩm Biệt trong kinh Tăng Nhất A hàm dịch ra như nhau: "Đức Phật bảo với các Tỳ-kheo: có mười một pháp, trẻ chăn trâu không biết cách chăn trâu thuận tiện, không hiểu cách nuôi giữ trâu, những gì là mười một pháp? Đó là: 1-Trẻ chăn Trâu không biết màu sắc, 2- Không biết hình tướng; 3-Không biết vuốt ve, 4-Không biết bảo vệ vết thương, 5- không biết xông khói sưởi ấm, 6-Không biết chọn lựa đường đi, 7-Không biết đối xử với trâu, 8-Không biết biết nào vượt qua dòng sông, 9- Không biết rành mạch nơi có đồng cỏ và nguồn nước tốt, 10- Không biết bầy trâu chưa hết sức mình, 11-Không biết phân biệt nuôi dưỡng cách nào có ích-cách nào không có

ích. Mười một việc như vậy mà trẻ chăn trâu không hiểu cách nuôi dưỡng và bảo vệ bầy trâu đó, cuối cùng bầy trâu không sinh sôi mà từng ngày có giảm bớt. Đây là dụ cho Tỳ-kheo, cũng có mười một loại Tăng giảm nhưng không thể thuật lại đầy đủ. Ngay sau đó đức Phật thuyết bài tụng rằng:

Trẻ chăn trâu biết rõ ràng,
Chủ con trâu có phước đức,
Sáu con trâu trong sáu năm,
Hành sáu mươi con không giảm,
Trẻ chăn trâu rốt thông minh,
Biết phân biệt những hình tường,
Đứa trẻ chăn trâu như vậy,
Đời trước được Phật ngợi khen".

Thứ tám: PHẦN TẨY TĂNG

Như kinh Thí dụ nói: "Đức Phật vào ngày mồng tám tháng Chạp dùng thần thông làm cho Lục sư phải thuần phục, Lục sư không bằng lòng nhảy xuống sông mà chết. Vẫn nhiều lần thuyết pháp hóa độ các ngoại đạo, ngoại đạo khuất phục chuyển hóa nên thưa với đức Phật rằng: Đức Phật dùng dòng nước pháp rửa sạch dơ bẩn trong tâm con, nay con thỉnh cầu Tăng tắm gội để trừ sạch dơ bẩn nơi thân, vẫn làm thành duyên tố không đổi". (Ngày mồng tám tháng Chạp tẩy Tăng bây giờ chỉ phát xuất từ kinh văn này).

Còn trong kinh Ma ha sát đầu, cũng gọi là kinh Quán Phật Hình Tượng nói: "Đức Phật bảo với nhân dân trong thiên hạ: Mười phương chư Phật đều lấy thời gian nửa đêm mùng tám tháng tư để đản sinh, đều lấy thời gian nửa đêm mùng tám tháng tư để xuất gia học đạo, đều lấy thời gian nửa đêm mồng tám tháng tư để chứng đắc Phật đạo, đều lấy thời gian nửa đêm mồng tám tháng tư để nhập Niết-bàn. Đức Phật dạy: Sở dĩ lấy ngày mồng tám tháng tư, ấy là vì giữa hai mùa Xuân-Hạ tai ương tội lỗi đều hết, vạn vật sinh trưởng khắp nơi-khí độc chưa dấy khởi, thời tiết dễ chịu không lạnh không nóng. Ngày này là ngày đức Phật giáng sanh, cho nên nhân dân khắp mọi nơi cùng nhớ đến công đức của Phật-tắm gội hình tượng của Phật, như lúc Phật còn tại thế, đã chỉ rõ cho mọi người trong thiên hạ. Đức Phật dạy: Lúc Ta làm Bồ-tát, ba mươi sáu lần trở lại làm Thiên vương Đế thích, ba mươi sáu lần trở lại làm Kim Luân Vương, ba mươi sáu lần trở lại làm Hoàng Đế Phi Hành. Ngày này các bậc Hiền tài ai có lòng tốt nghĩ đến ân đức của Phật Thích

Ca, dùng hương hoa tắm gội hình tượng đức Phật cầu phước thiện bậc nhất, thì chư Thiên và quỷ thần đã chứng minh biết hết. Ngày mồng tám tháng tư vào lúc tắm gội tượng Phật theo pháp, nên chọn lấy ba loại hương: 1-Hương Đô Lương, 2-Hương Hoắc, 3-Hương ngải Nạp. Tất cả ba loại cỏ thơm ém lại mà ngâm, đó là một loại nước có màu xanh. Nếu như ít mùi thơm thì có thể dùng Cam Đại-Tần Bì để tạm thời thay thế. Lại dùng Uất Kim Hương tự tay đem ngâm vào trong nước, ém lại để làm thành nước màu đỏ. Lấy nước trong sạch sẽ dùng để rưới vào tượng xong, dùng lục trắng lau khô, cuối cùng tự xem lại rồi rưới thêm gọi là thanh tịnh, phước thiện ấy là bậc nhất".

Lại trong kinh Ôn thất nói: "Đức Phật bảo với Trưởng giả Kỳ Vực: Pháp tắm gội nên dùng bảy vật để trừ bỏ bảy loại bệnh, có được 7 phước báo. Cái gì gọi là bảy vật? Đó là: 1-Thắp lửa, 2-Nước sạch, 3-Bồn tắm, 4-Xà phòng, 5-Tro sạch, 6-Tăm tre, 7-Áo lót. Đây là pháp tắm gội. Cái gì gọi là trừ bỏ bảy loại bệnh? Đó là: 1- Bốn đại được yên ổn, 2-Trừ cảm gió, 3-Trừ tê thấp, 4-Trừ nhiễm lạnh, 5-Trừ khí nóng, 6-Trừ dơ bẩn, 7-Thân thể nhẹ nhàng mặt mày tươi sáng. Đây là trừ bỏ bảy loại bệnh. Có được bảy phước báo, đó là: 1-Bốn đại không có bệnh tật thì đời sống thường an lành, 2-Cuộc sống thanh tịnh mặt mày đoan chánh, 3-Thân thể thường thơm tho áo quần sạch sẽ, 4- Thân thể mịn màng uy đức sáng ngời trang nghiêm, 5-Thêm nhiều người thuận theo phủi sạch bụi bặm, 6-Răng miệng thơm tho tốt đẹp lời đã nói sử dụng nghiêm túc, 7-Nơi được sanh ra áo quần tự nhiên đầy đủ".

Lại trong Thập tụng Luật nói: "Tắm gội có năm lợi ích: 1-Trừ sạch bụi bặm, 2-Chăm sóc da dẻ thân thể làm cho màu sắc như nhau, 3-Xua tan lạnh nóng, 4-Khí điều hòa nhẹ nhàng, 5-Ít bệnh hoạn. Lúc ấy Xá-lợi-phất vào mùa Hạ rất nóng, đúng lúc có một người đi đường xe đến, múc nước tưới cây trong vườn, trông thấy Xá-lợi-phất phát chút tín tâm, gọi Xá-lợi-phất cởi áo đứng dưới tán cây, lấy nước tắm rửa thân thể được nhẹ nhàng mát mẻ. Sau đó người này mạng chung liền sanh lên cõi Trời Đao Lợi, có nhiều uy lực. Làm công tuy ít, nhưng bởi vì gặp được ruộng tốt thu được báo ứng rất nhiều. Ngay sau đó đến nơi Xá-lợi-phất rải hoa cúng dường. Xá-lợi-phất dựa vào tín tâm của người ấy thuyết cho nghe căn bản, liền đạt được quả vị Tu-đà-hoàn".

Trong kinh Hiền Ngu nói: "Lúc bấy giờ người cõi Trời Thủ đà Hội đi xuống Diêm-phù-đề, đến nơi Thế tôn thỉnh Phật và Tăng tắm gội cúng dường. Đức Thế tôn lặng lẽ đồng ý. Liền sắp xếp đồ ăn thức uống và chuẩn bị phòng tắm rửa đầy đủ nước ấm. Nước nóng điều hòa

dễ chịu-xà phòng giặt rửa tắm gội, mọi thứ đều có đủ. Ngay sau đó Đức Thế tôn và các Tỳ-kheo, tiếp nhận sự cúng dường ấy cùng nhau tắm gội xong, thọ nhận đồ ăn thức uống nồng hậu. Mùi vị thức ăn ngọt ngào thơm ngon hiếm có ở thế gian. Bữa cơm đã xong rửa mặt súc miệng rồi tất cả trở về trú xứ. Lúc này A nan thưa với đức Phật: Người Trời này xưa kia làm công đức gì mà hình tướng thân thể vô cùng tuyệt diệu, uy đức trang nghiêm lạ lùng, ánh sáng rực rỡ giống như núi châu báu to lớn vậy? Đức Phật bảo với A nan: Chính là thời đức Phật Tỳ-bà-thi quá khứ xưa kia, người Trời này trong đời ấy làm con một nhà nghèo khó, thường đi làm thuê để cung cấp cho miệng ăn của mình, nghe đức Phật thuyết về công đức của sự Tẩy Tăng, trong lòng vui vẻ liền chịu khó làm việc, được một ít gạo tiền lấy mua sắm đồ dùng tắm gội, và chuẩn bị đồ ăn thức uống thỉnh cầu Phật cùng với chúng Tăng mà hết lòng cúng dường. Nhờ phước hạnh này mà sau khi thọ mạng chấm dứt, sanh lên cõi Trời Thủ đà Hội có hình tướng sáng ngời như vậy. Từ thời Thất Phật đến nay cho đến ngàn vị Phật xuất thế cũng đều tắm Phật và Tăng như vậy. Đức Phật thọ ký cho rằng: Ở đời vị lại trong hai A tăng kỳ trăm kiếp sẽ được làm Phật, danh hiệu là Tịnh thân, đầy đủ mười hiệu".

Trong kinh Tạp Thí dụ nói: "Xưa em trai của Phật là Nan Đà, chính là người ở thời đức Phật Duy Vệ trước kia, một lần nhờ công đức phước báo tắm gội chúng Tăng, tự tìm trở lại sanh làm thân trong giòng họ thích, mang theo ba mươi tướng tốt với thần thái dung mạo sắc vàng rực rỡ đoan trang, nhờ phước đời trước nên sanh cùng thời với đức Phật, tập trung nghiền ngẫm đạo tràng nên đạt được Lục thông. Người xưa thực hành một hạnh mà còn có phước báo to lớn, huống hồ đàn việt bây giờ có năng lực thực hành nhiều hạnh, thực hành bình đẳng khắp nơi ắt sẽ đạt đến danh hiệu tôn quý, càng thêm hoan hỷ hóa độ rộng ra cho tất cả chúng sinh".

Lại trong kinh Phước Điền nói: "Có Tỳ-kheo tên A nan, thưa với Đức Thế tôn rằng: Con nhớ thân mạng xưa kia sanh trong nước La duyệt kì làm con trong nhà dân dã, thân thể phát sinh mụt nhọt ghê sợ mà chữa trị không lành. Có người bạn thân tu đạo đến nói với con rằng: Nên tắm cho chúng Tăng và lấy nước tắm gội ấy, dùng để rửa vết thương thì có thể lành được, lại có thể được phước. Con liền hoan hỷ đi đến trong chùa, tâm càng thêm cung kính, lại làm giếng mới có đủ dầu thơm và đồ dùng tắm gội để tắm gội cho chúng Tăng. Lấy nước tắm gội ấy rửa sạch vết thương trong chốc lát được trừ khỏi. Từ nhân duyên này, được sanh ra đoan chánh thân có sắc vàng chiếc\u rọi sáng ngời không

vương bụi trần dơ bẩn. Trong chín mươi mốt kiếp thường được phước báo thanh tịnh vui mừng không sao tả được. Nay lại được gặp đức Phật, tâm dơ bẩn tiêu trừ không còn, đến khi đạt được ứng chân".

Còn trong Thập Tụng Luật nói: "Phòng tắm ở nước khác hình dạng giống như một nhà kho hình tròn, mở cửa hơi xông xuống phía dưới theo từng luồng ngầm trong máng, trong ngoài làm thành ba ngăn dẫn đến nơi mọi người sử dụng, dùng bình chứa đầy nước trong ba ngăn xếp chồng lên nhau, hơi nóng xông lên phía trên, ngăn trên nước nóng, ngăn giữa nước ấm, ngăn dưới nước lạnh, tùy sự thích hợp tự mình lấy mà sử dụng không cần nấu nước nóng ở nơi khác, cho nên nói là nước sạch sẽ vậy thôi".

Còn trong kinh Tăng Nhất A hàm nói: "Lúc bấy giờ Đức Thế tôn bảo với các Tỳ-kheo: Làm ra nhà tắm có năm công đức. Thế nào là năm công đức? Một là trừ cảm gió, hai là được khỏi bệnh, ba là trừ sạch bụi bẩn, bốn là thân thể nhẹ nhàng, năm là được mịn màng tươi sáng. Nếu có chúng nào trong bốn bộ, mong cầu có được năm công đức này, thì nên cầu tạo ra nhà tắm".

Còn trong Tăng Kỳ Luật nói: "Nếu lúc muốn tắm thì bảo những người làm vườn vẩy nước quét sạch, làm cho sạch sẽ xung quanh nhà tắm, chuẩn bị đầy đủ than củi sưởi ấm, mới đánh bảng báo hiệu để biết là đi vào tắm gội. Mọi người dùng dây lưng buộc áo làm dấu hiệu nhận biết và xếp áo trên giá treo. Lúc đi vào không vẩy hai cánh tay mà vào, một tay che phía trước mà đi vào. Nếu muốn chà lưng cho Sư, thì nên thưa trước mới không phạm lổi. Không được cùng một lúc đưa hai tay lên, trước tiên nên khiến một cánh tay chà lưng-một tay che phía trước, sau đó một cánh tay lau chùi cho đến những nơi khác trên thân thể rồi, đóng cửa mà ngồi làm cho thân toát mồ hôi, dùng nước nên tùy mức chứ không được dùng nhiều. Nếu tắm gội ở hồ ao thì tự thoải mái không phạm lổi gì. Không được ở nơi trống trải thân hình trần truồng mà tắm. Nếu nước ngập ngang eo-nách thì được thoải mái không phạm lổi gì. Nếu ngồi trong nước ngập đến rốn cũng được, tắm xong lấy áo của mình mặc vào và sửa lại nghiêm túc mà đi".

Thuật lại rằng: Dựa vào trình bày về cách thức tắm gội của Tăng mà nói rõ về sự ca ngợi công đức, sợ rằng xa vời thì đạo tục không có thời gian theo pháp sử dụng, cho nên trình bày sơ lược cách thức sự việc để nêu ra điều đó mà thôi.

Trộm nghĩ rằng trong dòng sông Ni Liên chẳng có gì cấu bẩn mà thấy trừ bỏ, trong vườn Lâm Tỳ-ni thật sự không có bụi bặm mà chỉ rõ

quét sạch, cho nên biết tắm gội là gốc rễ của sự trong sáng lên cao, gột rửa là nguồn cội của sự lắng trong cao xa. Có thể nói dựa vào mô phạm thơm ngát đã tu tập từ trước kia, làm phấn chấn chí nguyện tốt đẹp cho sự nghiệp về sau. Vì lẽ đó Đông quốc lan tràn dòng nước của bảy hoa, dùng để rửa cho khách quý ở Nhất Thừa; hồ tám đức trong suốt ở Tây phương dùng để gột sạch hạng phàm nơi Cửu Phẩm. Do đó làm cho bậc Y vương trong từng niệm phát tâm làm ra Ôn Thất, vị Trưởng giả sáng sớm mở lời cung kính bày tỏ nguyện vọng tắm gội cho Tăng. Tức thì được Như lai khéo léo phương tiện, hiện tại thuyết về nghi thức của bảy vật, bậc Đại giác rộng lòng yêu thương , tương lai ghi nhận phước báo của năm cõi Trời. Nhưng bây giờ ở nơi có vị quan ấy là Đại thí chủ, ngay lúc này vận dụng tâm tư rộng lớn thực hành tạo nghiệp Vô thượng, đời đời thường tu Phật sự, kiếp kiếp thường chuyển pháp luân. Cho nên có thể tin theo chánh pháp ở giữa tà ma ngoại đạo, cung kính Tăng già ở cuối thời Tượng pháp, hiểu biết sâu sắc giảng giải truyền bá bốn câu kệ giá trị hơn châu ngọc nhà tùy, cơm ăn tắm gội cho một vị Tăng phước điền cao hơn đạo lý kỳ lạ khác, liền khiến cho cùng nhau dẫn dắt khích lệ chỉ bày cho bạn bè học theo, tất cả đều bố thí tài vật thanh tịnh cùng nhau tu tạo phước thiện này. Ngay sau đó phân rõ bảy vật đối với thời gian tốt đẹp, tắm gội ba ngôi tôn quý ở tại ngày này. Lại có thể quỳ gối thỉnh cầu các bậc Pháp Sư đức hạnh cao vời, giảng giải truyền bá một bộ kinh Ôn Thất Tẩy Dục chúng Tăng. Pháp Sư lúc ấy phù hợp với biển học bao la, thế gian gọi là Từ Tông, đưa ra Huyền Nghĩa mà tựa như vầng mây tụ lại, giải quyết mọi nghi ngờ khó hiểu mà còn tuôn trào như suối có năng lực làm cho mọi chúng sinh hiểu rõ ràng, giống như mặt Trời sáng chói loại trừ đêm dài tối tăm, bạn bè học pháp gạt bỏ nghi ngờ, giống như làn sương mùa Đông đọng lại hơi lạnh trên lá. Nay chương mục sâu xa đã cuộn lại không còn, chổ ngồi còn vang tiếng sấm của tám âm thanh cõi Phạm; thời gian tắm gội đã đến, tiếp tục ca ngợi bảy vật dụng để tắm gội cho Tăng. Một là lò lớn rực lửa-bồn lớn khói tỏa mịt mù, gian phòng kín đáo đã trừ hết khí lạnh, dòng suối Tiên Rồng tự nhiên tỏa ấm khắp nơi. Hai là nước công đức nhẹ nhàng trong suốt chảy vào hồ vàng sâu lắng, trừ sạch dơ bẩn sáng ngời như đóa sen hồng xòa nở, thân thể lộ bày mịn màng như ngọc. Ba là bạc sáng lung linh mịn màng trơn bóng hơn hẳn lụa quý Đâu La, lại tinh tế như áng mây tách ra thể chất trong sáng mới khai bày rõ ràng như mặt Trời xuất hiện. Bốn là tám mùi vị dầu xoa- năm làn hương thơm ngát, loại trừ cảm gió gạt bỏ tê thấp khi chưa xát vào thân thể, hình hài trong sáng nhan

sắc rạng rỡ đâu kém gì thuốc tiên kỳ lạ. Năm là ngọc ngà lung linh tro thần hoa tuyết-sương trong tinh túy, gió tà gặp phải thìngừng quạt, loạn tương nhờ vào mình thản nhiên ngưng lại. Sáu là dương xanh-liễu nhỏ mềm mại phất phơ, xua tan nóng bức thì miệng phát ra lời hay ý đẹp, răng sáng ngời thì hơi thở chứa hương của hoa Ưu Bát. Bảy là tơ nước Tề-lụa nước Ngụy mang làm áo lót, trừ bệnh hoạn để thân thể được nhẹ nhàng an lạc, trừ sạch báo chướng trang điểm sáng ngời tự nhiên. Bảy vật đều hoàn thiện đầy đủ một lòng dâng cúng, chỉ mong đại chúng Từ bi mà hoan hỷ cầu nguyện!

Mong muốn vượt lên ở nơi quốc độ thanh tịnh, ắt phải cần trước tiên gột rửa hình hài Thập Lực, trở lại dựa vào Thiên cung, trước tiên nên tắm rửa cho chúng Lục hòa ấy. Ví như tiếng điều hòa thì âm vang thuận theo-hình hài ngay thẳng thì bóng ảnh đứng đán, lý nhân quả chắc chắn không sai, không liên can gì đến sự trao cho của quỷ thần. Nhưng nay các thí chủ nương nhờ bậc Y vương xây dựng căn nhà ấm áp này, sắm sửa đầy đủ bảy vật tắm gội cho ba ngôi tôn quý, dẫn dắt ngợi khen người có duyên để hoằng dương mẫu mực diệu kỳ, mà sự thù thắng ấy không có gì lớn hơn thiện căn, trước dùng để trang nghiêm bản thân mình. Hôm nay những vị Pháp sư ấy có thể lực to lớn, đời đời thường chuyển pháp luân đạt được thần thông vĩ đại , kiếp kiếp thường tu Phật sự già trẻ gái trai nhận được trí tuệ vô cùng tận, quyến thuộc đạt đến cực điểm của tuổi thọ không non kém, nghiệp chướng nhiều đời như mây mù buổi sáng bị tiêu diệt dần dần sạch sẽ, vui mừng tốt lành cùng với sao Trời dày đặc đều bày ra rõ ràng. Các vị thí chủ, nguyện cầu tiến lên đứng trước tám ngã đường chân chánh, hướng về nơi đại đạo Bồ-đề, có nhiều ngọc ngà châu báu, ban cho muôn dân mà không hề cạn. Lại nguyện trong khoảnh khắc giúp đỡ cho người thân cận, trừ sạch bảy bệnh khổ mà không còn xót lại gì, trong nháy mắt giúp đỡ cho người tùy hỷ, đạt được bảy phước lành mà không hề khô cạn. Người thấy người nghe tùy hỷ đều hướng về khu thành giáo pháp, cúi đầu trong chốc lát đều bước lên quả vị Phật, truyền bá rộng rãi giáo huyền diệu rồi tự nhiên trọn vẹn nơi noi. Nghi thức trang nghiêm đồ dùng tắm gội đều đã chuẩn bị đầy đủ, chỉ mong đại chúng một lòng phụng thỉnh Tam bảo!

Cúi đầu kính lạy và nguyện quy y phụng thỉnh chư Phật mười phương-Từ tôn ba đời, năm phần pháp thân-hai thể Chân ứng, 98 kết sử phiền não ràng buộc đã hết, ba mươi hai tướng tốt diệu trang nghiêm, thật sự không có bốn mong cầu mà chỉ dựa vào bốn sự việc như nhau, vì chúng sinh cho nên có cảm thì xuất hiện. Chỉ nguyện tất cả đều dựa

vào Bảo điện Ma Ni, an tọa giữa vầng mây Mã não tỏa ra trăm ức ánh sáng rạng ngời chiếu sáng ba ngàn thế giới, Phạm vương cầm lọng-Đế Thích tung hoa, xuống đạo tràng này đi vào phòng ấm tắm gội.

Tiếp theo phụng thỉnh các vị từ phát tâm trở lên-Bổ xứ trở lại cho đến người ở địa vị Hoan Hỷ-Ly cấu, bậc Đại Sĩ địa vị Thiện Tuệ-Pháp Vân, ba bậc Hiền-mười bậc Thánh và tất cả các bậc Bồ-tát. Chỉ nguyện cầu vận chuyển Trời-người ở trong bàn tay, an lập pháp giới ở đầu mảy lông, cùng điều khiển chim bằng linh thiêng của bốn thần túc, cùng rộng mở vó Ngựa tuyệt vời của sáu thần thông, tướng không thấy mà thấy, tướng không đến mà đến, xuống đạo tràng này đi vào phòng ấm tắm gội.

Tiếp theo phụng thỉnh các bậc Độc giác ngồi thanh thản giữa núi rừng, các bậc ngôn hạnh chứng chân-cao sĩ Tứ quả, và các vị thượng tọa-La hán-Thánh Tăng từ trước đến nay. Chỉ nguyện cầu làm rung động tích trượng giữa hư không hiện bày sáu thần thông, ôm bình bát đứng trong mây có đủ 1tám loại biến hóa, phát khởi niềm tin chính xác của Ba-tư-nặc, điều phục tâm tư tà vạy của Lao Độ Sai, và Đại chúng hòa hợp hiện tại trước mắt này, trăm tuổi Hạ trở xuống thậm chí không có tuổi hạ, cùng đi vào phòng ấm tắm gội.

Tiếp theo phụng thỉnh các bậc Từ bi rộng lớn vốn có thệ nguyện, thệ nguyện hóa độ tất cả chúng sinh, phương tiện quyền biến dễ dàng, quyền biến hình tướng sáu đạo, thuận theo âm thanh lập tức đến giống như hình bóng ngay nơi thân hiện ra, không nghĩ đến mà lập tức rõ ràng, thân cận không hề thỉnh cầu, cùng đi vào phòng ấm tắm gội.

Tiếp theo phụng thỉnh chư Thiên ba cõi-Long vương bốn biển-quỷ thần tám bộ hết thảy chúng sinh từ chủng loại có hình tướng cho đến loài bò bay máy cựa, tất cả cùng đi vào căn phòng ấm áp để tắm gội tự nhiên.

Ca ngợi thỉnh cầu đã rộng khắp, đại chúng hòa hợp tán tụng ca ngợi cầm hương theo thứ tự hành đạo, tụng rằng:

Tam bảo phát triển sâu kín,
Tứ sanh nêu rõ nghi thức,
Từ bi che mát mười phương,
Ân tình lưu truyền vạn đức,
Trí tuệ ôm ấp tám tạng,
Cảm hóa rộng khắp trăm ức,
Đền đáp ân nghĩa sâu nặng,
Nhớ vào lực phước đức này,

Họa vẽ chạm khắc hình tượng,
Truyền bá kinh pháp tạo phước,
Thiết trai cúng dường tắm gội,
Không tiếc gì đến thân mạng,
Xây dựng cầu cống thuyền bè,
Giúp người vượt qua khổ nạn,
Tinh chuyên làm việc giúp đời,
Chân thành làm sao kìm được,
Vĩ đại thay nghiệp thù thắng,
Công đức thành tựu khó lường!

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra mười một chuyện: 1-Đại Tư Mã Hoàn Ôn thời Tấn, 2- Phu nhân Tạ Thị của Tấn Vương Ngưng, 3-Sa-môn Thích Tuệ Đạt thời Tùy, 4-Sa-môn Thí Trú Lực thời Đường, 5- Sa-môn Thích Chí Siêu thời Đường, 6-Sa-môn Thích Tuệ Chấn thời đường, 7- Sa-môn Thích Huệ Vân thời Đường, 8-Sa-môn Thích Đạo Anh thời Đường, 9-Sa-môn Thích Xoa Đức thời Đường, 10- Sa-môn Thích Thông Đạt thời Đường, 11-Thượng Trụ Quốc vương Hoài Trí thời Đường.

1: Đại Tư Mã Hoàn Ôn thời Tấn, những năm cuối đời rất tôn thờ Phật pháp thiết trai cúng dường Tăng Ni. Có một Tỳ-kheo-ni thất lạc tên gọi, từ xa đến tìm vào nhà Hoàn Ôn làm đàn việt. Cô Ni có tài năng đức hạnh không bình thường, Hoàn Ôn rất kính trọng và đối đãi như người thân trong nhà mình. Cứ mỗi lần Cô Ni tắm gội thì ắt phải đến lúc thay đổi biến động. Hoàn Ôn ngờ vực nên nhìn trộm thì thấy Cô Ni khỏa thân vung dao mổ bụng lấy ra tạng phủ, cắt đứt thân hình-đầu cổ tay chân nát vụn. Hoàn Ôn vô cùng kinh hãi mà quay về. Một lát sau Cô Ni ra khỏi phòng tắm thì thân hình vẫn như cũ. HoànÔn đem sự thật hỏi Cô Ni, Cô Ni đáp rằng: Nếu như thỏa lòng xúc phạm vua chúa thì hình phạt sẽ như vậy. Lúc ấy Hoàn Ôn đang mưu đồ nhòm ngó ngôi báu, nghe rồi buồn bã, vì vậy mà cảnh giác và sợ hãi, cuối cùng giữ tiết tháo của một bề tôi. Cô Ni Từ biệt ra đi không biết ở nơi nào.

2:Vợ của Tấn Lang Gia Vương Ngưng, là phu nhân của Tả Tướng quân thời nhà Tấn, con gái của Tạ Thị Dịch, đã từng liên tiếp mất hai người con trai, quá sức thương tiếc xót xa, khóc sụt sùi nhiều năm liền, dường như ở trong tình trạng rất khó khăn. Sau đó bỗng nhiên thấy hai con cùng trở về, đều mang gông xiềng, an ủi động viên mẹ mình nên tự rộng lượng vứt bỏ khổ đau, hai con đều có tội, nếu rủ lòng xót thương, có thể làm phước cho chúng con. Thế là đau thương buồn bã có phần

dừng lại, mà chịu khó làm công đức.

Hai chuyện trên đây trích từ Minh Tường Ký.

3: Thời nhà Tùy ở chùa Bộc Bố núi Thiên Thai có Sa-môn Thích Tuệ Đạt, họ Vương Thị, người vùng Tương Dương. Tuổi nhỏ xuất gia tu sửa xây dựng trở thành một sự nghiệp, có lúc leo núi đứng nhìn sông nước, có lúc đi lại khắp nơi thôn xóm, chỉ dựa vào nơi có hình thế hơn hẳn, đều dụng tâm xây dựng, thiết lập chùa chiền nhà cửa cho Tăng chúng hành đạo. Đến giữa niên hiệu Nhân Thọ, quay về chùa Bạch Tháp ở Dương Châu xây dựng tòa tháp bằng gỗ bảy tầng, gỗ đá đã đủ giao lại cho người sau quản lý giữ gìn, bèn vượt qua Giang Tây lên đến các quận Phàn Dương-Dự Chương xem xét tích góp công đức; thệ nguyện cùng với chúng sinh có chung phước duyên này, cho nên đi đến những thôn ấp hễ thấy có nơi chùa chiền tháp miếu có thể dựng lên, thì không quản là sắt gỗ đất đá, đều lập tức dẫn dắt cảm hóa mà xây dựng, số đó không phải là ít. Sau được Sa-môn Huệ Vân thỉnh cầu, liền đến Lư Nhạc làm Chùa Tây Lâm, lầu cao bảy tầng, chập chùng trùng điệp, hoa lệ rực rỡ vô cùng. Ngay bắt đầu xây dựng thề rằng sử dụng toàn gỗ Hoàng Nam, tìm kiếm khắp vùng cuối cùng không có một cây, mọi người đều muốn thay đổi sử dụng loại gỗ khác. Tuệ Đạt nói: Thành tâm ở nơi này, há lại cầu nơi khác, ắt phải có điềm ấy, thông tùng biến thành cây Hoàng Nam, nếu như vậy cũng không cảm ứng thì không có ngày lầu đài thành tựu. Mọi người sợ lời nói ấy nên đi khắp nơi tìm kiếm, mới đến núi Hạ Sào trong vùng, cảm được một hang núi, toàn là cây Hoàng Nam, mà ở tận cùng sâu thẳm không có đường nào có thể đưa ra. Tuệ Đạt tìm đến vách núi, bỗng thấy một nơi có ánh sáng chói chang, trộm nhìn trong đó có thể có đường thông ra, chỉ có hơn năm thước, còn lại đều là chân Trời mênh mông. Liền kéo gỗ đá đến nơi đầu sông, xoáy nước giữa đường đẩy trôi bè gỗ băng băng, cuối cùng đến núi Lư Nhạc không mất một cây. Lầu gác nhờ vậy mà được thành tựu to lớn như kết cấu trước kia. Sau đó bỗng nhiên nghiêng hẳn về phía Nam ba thước. Thợ thầy tìm cách sửa lại nhưng không biết cách nào, có Thạch Môn Giản đang ở tại phía Nam lầu gác, bỗng nhiên có gió mạnh thổi về phía Bắc làm cho trở lại ngay ngắn. Đến nay hãy còn. Tuệ Đạt ăn mặc sơ sài hình hài xấu xí hình như không thể nào nhìn thấy, thờ ơ lạnh lùng hình như không thể nào nói được, mà chỉ dẫn mọi việc phù hợp thì xây dựng có sự thành công như ý, đây chính là người có nhiều pháp thuật biến hóa mà không làm phiền nhiễu đến ai. Đêm 30 tháng bảy năm thứ sáu niên hiệu đại Nghiệp, bệnh cũ bỗng nhiên tái phát nằm nghiêng

bảy ngày, mùi hương kỳ lạ lan tỏa trong phòng uốn quanh như mây, bức tượng giữa lầu gác toát mồ hôi chảy ròng trên mặt đất. Mọi người thấy điềm này biết rằng Tuệ Đạt sẽ mạng chung, quan phủ kiểm nghiệm đầy đủ như lời nghe được. Thần chí tuệ Đạt vẫn như thường, bởi vì nghiệp còn lại nên bỗng nhiên như vậy mà tạ thế, lúc ấy tuổi đã 87 rồi.

4: Thời đời Đường ở chùa Trường Lạc vùng Dương Châu có Sa-môn Thích Trú Lực, họ Chử Thị, người huyện Dương Địch-Hà Nam, diện mạo trầm tư nghiêm khắc lòng dạ rỗng rang tiếp nhận hiểu biết, danh tiếng cao vời có uy tín đối với Tăng-tục. Ở chùa ấy có bốn hộ chúng và hàng Vương công đại thần cùng nhau xây dựng lầu cao, và hai gác nhỏ hai bên, đẹp đẽ đều dựa vào công thợ, ngay năm ấy được thành tựu, chúng trong chùa có ba trăm người đều rất hoan hỷ. Đến năm thứ mười niên hiệu Đại Nghiệp, tự dốc hết tiền bạc của mình có để sử dụng gỗ Chiên Đàn Hương chạm khắc hình tượng đức Phật và hai vị Bồ-tát, không lâu sau thì thành tựu cùng an trí trong điện thờ, đến năm thứ mười bốn niên hiệu Đại nghiệp nhà Tùy xảy ra loạn lạc đạo tục lưu vong xương cốt dường như rải rác đầy các ngã đường, thề rằng dùng thân mạng bảo vệ chùa chiền, ở trong chùa với thỏ-cáo nhìn bóng mình làm bạn, ăn đậu uống nước để xa rời thói đời mê loạn. Tuy tuổi già cuối đời mà tâm lực càng mạnh thêm, bùn đất đổ vỡ hủy hoại khắp nơi lửa cháy điêu tàn, miệng tụng không ngừng tay làm mọi việc để sửa sang. Dẹp yên binh loạn thấy cảnh tang thương mà xót xa than thở, thường thường dốc lòng giúp nhau tu bổ lại. Hoàng đế đời Đường nhận trách nhiệm truyền bá làm cho Đại pháp mở rộng, Tăng chúng trước đây còn lại đều làm cho hòa hợp với nhau, nhà cửa xóm làng tuy cháy rụi mà chùa này hãy còn tồn tại. Niên hiệu Vũ đức năm thứ sáu tướng giặc ở Giang Biểu là phụ Công Hựu, bị trở ngại tự ý chiêu binh bí mật mưu tính làm phản, tất cả một trăm chùa quán bắt rời bỏ chuyển về Giang Nam. Trú Lực bèn gởi thư tiếp tục thỉnh nguyện, ở trước chùa tự đốt thân để giữ chùa chiền. Công Hựu giả danh nói là tôn trọng chí nguyện cao cả, tuy nhận được thư mà không hề chiếu cố theo ý nguyện. Trú Lực nói với đệ tử rằng: Từ vô lượng kiếp đến nay ta tích tập chủng tử tham ái, không thể nào xả bỏ hình hài thân mạng để báo ân giáo pháp, nay muốn ở trước đức Phật chọn lấy cái chết, quyết không đành lòng nhìn thấy hình tượng chuyển đến Tề Giang, nên chất củi khô tự thiêu thân cúng dường, sau khi ta qua đời thì hình tượng ắt phải qua bờ phía Nam. Áo quần tiền bạc đồ vật cùng đưa vào pho tượng, nước mắt tuôn trào nếu linh nghiệm thì theo lý nên cải cách, liền dùng nước thơm tắm gội ngồi kiết già, mặt

hướng về phía Tây lấy lửa tự thiêu cuối cùng còn lại đống than tro. Lúc ấy tuổi đã tám mươi, tức là ngày mồng tám tháng mười năm thứ sáu niên hiệu Vũ Đức. Mạng chung lửa tắt chắp tay yên lặng, lại đốt thêm một lần (xà duy) thì nhất thời đều cháy hết. Ban đầu Trú Lực ở trước đức Phật đốt thân thì có bầy chim Thước kêu lên đau xót, âm thanh ấy rất thống thiết, bay quanh về bên phải bảy vòng, rồi mới bắt đầu bay đi, và sau khi thân chết thì pho tượng quả nhiên chuyển đến phía Nam. Chùa chiền nhà cửa được tránh khỏi nạn chìm trong khói lửa. Pháp bảo và Tăng chúng vẫn như trước kia vậy. Học trò là Tuệ An-Trí Trách, với nghĩa thầy trò sâu nặng-ân cậu cháu sâu dày, dựng bia đá cao ở trong chùa, văn từ do Đông Cung Thứ Tử Ngu Thế Nam soạn. Pho tượng này trở về nơi lầu các đến nay hãy còn nguyên vẹn.

5: Thời đời Đường ở chùa Quang Nghiêm vùng Phần Châu có Sa-môn Thích Chí Siêu, họ Điền-người vùng Bằng Dực-Đồng Châu, rất nghiêm khắc khác người xưa nay vốn có chí hướng xa vời. Đến năm thứ bảy niên hiệu Vũ Đức, cư trú nơi núi Bào Phúc vùng Phần Châu, Tăng đồ chỉ có một trăm người, lại cung cấp cho thật bằng nhau. Lúa mạch chỉ có sáu Thạch cùng xếp vào một kho, mỗi ngày xay năm Thăng dùng để cung cấp điều hòa bình thường. Từ mùa Xuân đến mùa Hạ tính ra tiêu tốn rất nhiều, cảm thấy lạ lùng nên kiểm tra lại chỉ xay hết hai Thạch. Dựa vào mức lượng thì sự việc này huyền bí khó hiểu vô cùng. Lại nhiều lần cảm thấy Tăng nơi khác cưỡi mây qua lại, tuy không có âm thanh hỏi han nhưng hình dáng bên ngoài có thể nghiệm biết. Cùng cư trú với người đọa lạc thì được thần linh canh gác, còn như mời gọi chúng thì theo tiếng chuông tùy ý đáp lại, trong suối đá hiện ra tùy theo người sử dụng đầy đủ. Điềm lành linh thiêng cảm ứng rất nhiều, thật sự nhờ vào phước báo của chí Siêu. Vào ngày mười một tháng ba năm thứ mười lăm niên hiệu Trinh Quán, bỗng nhiên gặp bệnh qua đời ở chùa trong kinh thành, hưởng thọ bảy mươi mốt tuổi.

6: Thời đời Đường ở chùa Thông Tuyền vùng Tử Châu có Sa-môn Thích Tuệ Chấn, họ Bàng, người cao tám thước, đi theo Hạo sư nghe Tam Luận sâu xa mà tỉnh ngộ càng sâu sắc. Hằng năm vào tháng Giêng chuyển sang Tạng Kinh, ngàn vị Tăng khắp nơi tề tựu ca sa nghiêm trang nhận sự cúng dường không thiếu sót, thường mở rộng Tam Luận mà Tăng theo nghe hơn trăm, bỗng nhiên ở trên chổ ngồi hình như không vui, thấy người nói rằng: Phía Tâu Sơn rất dễ tạo ra tượng Phật to lớn. Đã cảm thấy rời khỏi chổ ngồi, dẫn mọi người đi theo, tạo hình tượng trong khám thờ, hai bên dòng suối tuôn chảy, liền nhờ thợ làm

đá đục khắc bức tượng ngồi, cao một trăm ba mươi thước. Năm thứ tám niên hiệu Trinh Quán thành tựu hoàn thiện, bốn phương đều tề tựu, đạo tục ba vạn người chúc mừng bức tượng này. Bức tượng ấy trong miệng phát ra ánh sáng trắng lớn, xa gần đều nhìn thấy. Trước đó có con ngựa ngày đi năm trăm dặm, đã từng tham gia chiến trận, những con ngựa khác đều chết chỉ riêng con ngựa này trở về được. Đến tháng bảy năm thứ mười bốn niên hiệu Trinh Quán, bỗng nhiên tự hí vang không ăn ba ngày, Tuệ Chấn nghe tiếng hí mà dựng lông tóc. Có một vị Tăng Kỳ lạ, tên là Thập Lực, nói với Tuệ Chấn rằng: Ngựa và chủ khác nhau, chủ nên đi trước! Ngày mười lăm tháng Giêng năm tới, lúc mặt Trời đứng bóng sẽ nhập Niết-bàn. Pháp sư bố thí tiền của đồ vật không giữ lại gì cho đời sau, đối với thân chẳng ích lợi gì! Nói xong mà ẩn đi, không biết nguyên cớ thế nào. Trước tiên làm ra Tạng Kinh thỉnh cầu chúng Tăng thường chuyển vận lưu thông, mở cánh cửa Đại thí khắp nơi đều đau buồn tôn kính, người đến đều cung cấp cho. Đến cuối năm lại bắt đầu thỉnh cầu chúng Tăng, đọc kinh hành đạo làm thành ba kỳ bảy ngày, tục duyên và con cháu nội ngoại cùng tề tựu. Đến ngày mồng tám mùi thơm hãy còn không hết, từ sáng sớm đến giờ Ngọ, cây cối đất đai trong chùa đều mọc ra hoa sen. Mọi người nhìn thấy điềm lành kỳ lạ biết là sắp ra đi. Tuệ Chấn nói: Tướng tốt đẹp đã hiện bày không cho phép đợi chờ đầy đủ, nhân dịp tiến hành bố thí sớm để ăn uống hoàn tất. Tay bưng lư hương đi quanh bức tượng Lô xá na ba vòng, trở lại ở trước đức Phật quỳ xuống trong chánh niệm, đại chúng đầy nhà không biết là đã ra đi, hưởng thọ sáu mươi sáu tuổi. Tang lễ xong xuôi mà mùi thơm hãy còn ngào ngạt. Ba người anh em đều bỏ ra năm mươi vạn đồng tiền, ở nơi phần mộ thực hiện công đức bố thí Chúng Tăng, và vì lòng đau buồn xây dựng tháp đá cao năm trượng, trong khám thờ đặt giường dây đau thi hài an trí phía trên, qua hơn một trăm ngày hãy còn không hề thay đổi, đạo tục hơn vạn người đau buồn cảm động lại cùng nhau ngậm ngùi rơi lệ.

7: Thời đời Đường có Sa-môn Thích Tuệ Vân ở Chùa Hoằng Phước tại Kinh Sư, họ Vương, người vùng Thái Nguyên. Tổ Huệ Viễn tránh nạn dừng chân lại ở vùng Cửu Giang, lúc ấy tuổi còn trẻ vui với đạo nên tìm đến chùa Đại lâm ở Khuông Sơn. Vào năm hai mươi lăm tuổi, có Đạt Thiền Sư, xây dựng chùa chiền khắp nơi khu vực Giang Hoài, Tuệ Vân bởi vì chùa miếu hư hoại, cho nên mời Đạt Thiền Sư xây dựng lại được hoàn bị. Đến những năm cuối triều nhà Tùy thì trong ngoài đều loạn lạc, có Lâm Sĩ Hoằng kết tụ mọi người ở vùng Dự Chương

mạo danh vui nước Sở, có Thượng Thư Lệnh ở vùng Phàn Dương là Hồ Tú Tài, đích thân dẫn dắt mọi người đều đến cư trú tại Cửu Giang. Bởi vì cảm động mà phát tâm mong muốn làm bức tượng Văn-thù ở Chùa Đông Lâm-Lư Sơn cầu may mắn thuận lợi. Vì Tuệ vân có điều khác lạ hơn hẳn mọi người cho nên khiến đục đá tạc thành bức tượng, dung nhang sáng ngời quả là chu toàn, chỉ có hai chổ là cổ và sườn có lổ thủng, lúc ấy mọi người không hiểu vì sao. Năm ấy Tú Tài giả mạo sắc chỉ bị truy đuổi, có bức tượng màu sắc vàng rực bằng vàng ròng khoảng 120 lượng, xếp vào trong hòm tre. Tuệ Vân vì giặc cướp nổi dậy như ong, không có cách nào giữ gìn nên đem giao cho Tú Tài, lại lấy xâu chuổi hạt bằng đồng thường niệm tụng để lại cho Tú Tài làm tín vật, treo trong hành dinh cho quân lính cầu phước. Tú Tài gặp dịp thuận gió liền giương buồm dẫn trước, giữa đường trên sông gặp phải sóng lớn làm chìm thuyền, tiền bạc đồ vật mất hết chỉ có người gắng được đến bờ, tất cả không có gì đáng tiếc, chỉ tiếc là mất bức tượng bằng vàng sáng rực, buồn phiền rủi ro ngồi bên bờ sông than thở không ngừng, thệ nguyện không thành tựu sâu sắc bởi vì nghiệp báo mà vậy. Trong chốc lát làm tre giữ tượng vàng theo sóng vỗ trôi ngược dòng, và chuỗi hạt bằng đồng để lại tiếp theo nhau lần lượt trôi đến, bập bềnh ẩn hiện hướng về bờ ngay chổ Tú Tài. Đã gặp lại tượng vàng nên tất cả mọi người vô cùng vui sướng, reo hò chúc mừng không sao nói hết, nghĩ rằng nơi bị chìm thuyền đến nơi bờ này hơn ba mươi dặm, vật nặng mà có thể trôi nổi ngược sóng trao lại cho nhau, cả quân và dân cảm thấy kỳ lạ vô cùng trước sự cảm ứng linh thiêng. Và Tú Tài bị dao làm hại rách nơi cổ, sườn phù hợp với lổ thủng nơi bức tượng vậy. Ban đầu Tú Tài muốn tiến đánh quân giặc, đem vàng để giao cho người chú ruột, nhận giữ giùm để tránh nạn không khỏi bị kẻ cướp chiếm đoạt. Đã mất bức tượng vàng ròng, cầu có được không biết bằng cách nào. Sau đó bọn cướp đến lấy trộm vàng, tờ mờ sáng nên bọn cướp không biết đó là cả gánh vàng. sáng sớm gặp lại vàng vốn có nên giao lại cho Tuệ Vân, làm thành tựu bức tượng tướng mạo sáng ngời siêu tuyệt, nay an trí trong lầu cao trên núi. Lúc đầu đúc tượng có Lý Tứ Giới, âm thầm phát nguyện rằng: nếu ngày nấu chảy vàng ròng đúc tượng thì thề sẽ đốt một cánh tay. Tuệ Vân làm khuôn đúc trước đó đã thành tựu như ý, ngày thành công Lý Thị không biết rằng đã đúc tượng xong rồi, mới mộng thấy bức tượng bảo rằng: Trước đây ông nguyện đốt cánh tay mà tại sao lại làm trái với chữ tín vậy? Lý Thị tỉnh mộng vì vậy mới biết việc ấy, lập tức đến trước bức tượng dùng dao cắt cánh tay, lấy vải tẩm

sáp quấn vào xương đốt cháy mà cúng dường. Hương cõi Trời tỏa xuống bức tượng phát ánh sáng chiếu rọi, những điềm lành Kỳ lạ hiếm thấy không sao kể hết được. Tuệ Vân từ đầu niên hiệu Trinh Quán nhân việc này đi vào kinh thành gặp Thủ Luật Sư nể phục đảm nhận luật nghiệp chủ trì địa vị cao nhìn thấy đức hạnh cao vời đó, thỉnh cầu khiến nhận trú trì chùa Hoằng Phước. Đến năm thứ hai mươi niên hiệu Trinh Quán, nhớ nghĩ đến quê hương, trở về chùa mình ở Cửu Giang, thân bây giờ đang còn.

8: Thời đời Đường ở chùa Phổ Tế vùng Bồ Châu có Sa-môn Thích Đạo Anh, họ Trần Thị, người vùng Y Thị-Bồ Châu. Vào năm 1tám tuổi, chú ruột là Hưu Luật Sư giáo hóa khiến cho xuất gia, cha mẹ thương yêu buộc phải lấy vợ. Đạo Anh cắt đứt ái tình Từ biệt cha mẹ rõ ràng giống như cởi bỏ giày dép, ở thế tục mà không nhiễm sắc thanh, xuất gia hiểu rõ kinh luận, bèn nói: Pháp tướng có thể biết-tâm mê hoặc cần phải hiểu rõ. Đến năm thứ mười chín niên hiệu khai Hoàng, liền đi vào chùa Bách Thê núi Thái Hành ở huyện Giải, tu học Chỉ Quán bỗng nhiên gợi mở kiến giải, nhân không và Pháp không tỉnh ngộ sâu sắc trong tâm, ngồi ở dưới cành cây che mát bốn bề, cùng quan tâm công việc của Tăng theo sự việc mà kiểm tra tâm. Sau đó vào chốn kinh sư trú tại chùa Thắng Quang, theo Đàm Thiên Thiền Sư nghe giảng Nhiếp Đại Thừa Luận, học trò năm trăm người, chỉ một mình Đạo Anh có kiến giải sâu xa. Thiền Sư khen ngợi rằng: Học trò rất nhiều, tuy văn nghĩa lưu loát, mà đạt được chỉ quy ấy chỉ có Đạo Anh mà thôi. Thường y theo kinh Hoa Nghiêm phát nguyện cúng dường Tăng, nhờ vào Sự bày tỏ Lý điều phục tâm hạnh, từ đó oai nghi y phục nghiêm tục không giữ lấy đồ ăn thức uống. Chương bài có thể làm châm biếm xem thấy trách móc làm trái không tuân. Ngoài việc quản lý Tăng chúng ra còn không bỏ dở thiền tụng, tìm hiểu tận cùng lý tánh hiểu rõ thấu triệt nội tâm. Đến năm thứ chín niên hiệu Đại Nghiệp đảm nhận cương vị tri sự, có người thế tục tranh giành đất đai, sợ tổn hại lợi ích của Tăng mà không ích gì cho người thế tục, hết sức khuyên can mà không nghe theo, liền nói với người ấy rằng: Tôi vì ông mà chết! Bỗng nhiên ngã nhào nằm xuống rõ ràng giống như xác chết cứng đơ. Những người thế tục cố chấp nói rằng: Đạo nhân này quả thật là dối trá nên lấy kim đâm vào móng tay thì có thể biết thật hay giả. Kim đâm vào tuy sâu mà sắc diện xác chết đang chuyển biến, thân tâm bất động đã sắp phình trương hủy hoại. Bên cạnh có người trí huệ, khuyên bảo khiến cho quy tâm sám hối thề không dám tranh giành. Tìm theo âm thanh ngồi dậy nói cười như thường. Lại đi

đến bên một hồ nước trông thấy tôm cá bơi lội đùa giởn, Đạo Anh nói: Ta và người cùng nhau tranh nhân-ngã, ai là người thắng cuộc! Lập tức cởi áo đi vào nước trải qua sáu đêm, đệ tử cầm áo đứng canh. Sau đó xuất hiện nói rằng: Ta ở trong nước chỉ có tệ hại, bụi đất khắp nơi mà không cảm thấy hơi nước. Lại vào tiết mùa Đông giá rét băng tuyết phủ dày Trời càng lạnh thêm, bèn nói: Nơi bằng phẳng sạch sẽ như vậy sao có thể không ngủ? Tức thì lộ bày thân thể nằm ngửa mặt trải qua ba đêm, mới đứng dậy cười nói rằng: Hầu như không ngọn lửa nào đốt cháy làm chết ta được. Như vậy tùy theo sự việc dùng pháp để đối trị, tùy ý tự tại không lấy gì làm khó, bởi vì ý chí của Duy Thức đã hiểu thấu triệt trong tâm tư, bản chất của sự việc ở ngoài há có thể ngăn ngại được ư? Sau đó trở lại trú tại chùa Phổ Tế ở Bồ Châu, thiết lập trang trọng ba nơi, đều ở tại vùng sâu xa vắng lặng trong Đông Sơn huyện Hạ, không tranh chấp qua lại với chuyện thế tục thị phi, vì vậy khiến cho bốn bộ chúng từ khắp nơi quy tụ đến như rừng, ngày thì quản lý công việc Tăng chúng, đêm thì vì mọi người nói về Thiền quán, có lúc vất vả vô cùng, nhưng không cảm thấy mệt mỏi gì, thường y theo Nhiếp Đại Thừa Luận và Khởi Tín Luận dùng để giúp đỡ cho tâm tư. Cho đến một hôm giảng giải Khởi Tín Luận, đến phần Tâm Chân Như, bỗng nhiên lặng lẽ không nói, đại chúng cảm thấy lạ lùng xem thử thì hơi thở ngưng lại thân thể lạnh ngắt, đại chúng biết là Diệt Tưởng Định nên tùy ý không lạ lùng gì nữa. Trải qua nhiều đêm mới từ trong Định đứng lên, sắc diện thân thể vui vẻ thoải mái như chứng được Sơ Thiền. Sa-môn Đạo Tốn là bậc cao đức danh Tăng ở vùng Hà Đông, vốn là bạn đồng học, Tổ luyện tập tâm đạo bạn ý hợp tâm đầu như Kim Lan, ban đầu ở huyện Hạ dẫn dắt đồ chúng giảng giải rất nhiều, đến khi Đạo Tốn xả mạng rời xa Đạo Anh, cách 150 dặm chưa kịp báo cho nhau biết, đêm cuối cùng mới biết, nói với đại chúng nơi ấy rằng: Đạo Tốn đã qua đời nên cùng nhau đưa tiễn chăng? Mọi người hỏi nguyên nhân ấy, đây chính là chuyện thế tục chuyển tâm không có gì đáng ngạc nhiên vậy. Đến lúc đi nữa đường thì gặp người báo tin, thông suốt sâu xa sự việc xảy ra tương tự đều như vậy. Từ đó đến trước khi tạ thế tập hợp đại chúng nói cho biết rằng: Hôm nay cần phải gom góp tích luỹ trước, sợ rằng ngày mai mọi người tụ tập làm hại đến thóc lúa rau cỏ! Đạo Anh cũng tự mình vận chuyển thúc giục rất cấp bách, đại chúng chỉ biết phụ giúp nhưng không lường được ý đó. Đến tối thì mọi việc đều xong, lấy nước tắm gội rồi trở về chổ ngồi của mình, lấy Đại y khoác vào nói với mọi người rằng: Mọi người gọi tôi là Anh Thiền Sư, tướng của Thiền Sư

không thể trái với tục ngữ. Học trò là Chí Bầu nói: Thiền Sư biết hơi thở của Đạo Anh có thể có bao nhiêu? Chí Bầu dùng sự việc để trả lời. Đạo Anh nói: đúng như vậy! Nhân đó thuyết về pháp yếu. Lại nói: Vô Thường là thường chăng? Không thể tự lừa dối mình, không thể chết một cách vô ích, khiến cho tụng bài kệ Hiền Thủ trong kinh Hoa Nghiêm. Đến lúc lâm chung khuyến khích nghỉ đến nơi tốt lành, tướng sáng tỏ đã hiện bày, miệng nói rằng: Bỏ đi thân cũ! Bỗng nhiên im lặng mà tạ thế. Mọi người ngạc nhiên cảm thấy bất động, dùng tay vuốt nhẹ theo từ dưới mà lạnh dần lên. Đã trải qua nghiệm xét, cho dù là phàm phu cũng chắc chắn lên nơi chốn tốt lành, huống là hiện tượng tốt đẹp như vậy há giống như phàm Tăng hay sao? Lúc ấy là giữa tháng chín năm thứ bảy niên hiệu Trinh Quán, hưởng thọ 77 tuổi. Ngày sắp tạ thế đại chúng hỏi về hậu sự đáp rằng: Đức Phật có dạy rõ ràng chỉ y theo pháp mà làm thì đại chúng đã vất vả lắm rồi. Vào ngày cuối cùng cảm ứng có bầy chim tụ tập trong phòng tính ra hơn ngàn con, cất tiếng đau buồn tha thiết làm tâm người cảm động xót xa. Tuệ Bầu hầu hạ bên cạnh, thấy có hai Đồng tử mặc áo xanh cầm hoa mà đi vào, khí màu tím như ánh sáng từ thân Đạo Anh phát ra, vọt lên như ngọn lửa lượn quanh xà nhà, đến sáng kết lại bày rõ ra. Vòng quanh hai mươi dặm, mọi người đều nhìn thấy ánh sáng trước đó, trong ba ngày mới hết. Những nơi hành hóa khắp cả vùng Bồ Châu, mọi người nghe tin đau buồn đều hướng về như cha mẹ của mình mất vậy. Lại cảm ứng Tăng Ngưu rống lên tiếng vang xa đến vài dặm, chảy nước măt nức nở nghẹn ngào không ăn không uống. Trải qua bảy ngày lúc sắp khâm liệm, đạo tục lại tranh cãi, bởi vìi thửơ bình sanh Đạo Anh không thích ồn ào náo động mà chỉ giữ lại đạo lý xưa nay, thì chính là đưa đến Lăng Nam-Diên Niên phía Đông thành Hạ Vũ-Trang Nam đục đất làm khám để an trí. Mới đưa xuống một đoạn thì mặt đất bỗng nhiên chấn động dữ dội, mọi người đều nắm lấy cỏ cây tự phòng vệ mình, sợ rằng thân sẽ rơi xuống, xung quanh 1năm dặm đều rung chuyển rất đáng sợ. Lại cảm ứng hai đường cầu vồng rõ ràng nối liền nhau kéo dài nơi quan tài, hai con chim trắng bay lượn hót vang trên khám thờ, vòng quanh quay đầu nhìn lại bồi hồi cất tiếng đau thương mà qua đời. Đạo Anh giảng giải khuyên bảo người-vật-còn-mất cùng lợi ích, đương nhiên không phải địa vị chủng tánh như nhau há cảm ứng điềm báo tốt lành? Nói tóm lại không dựa vào bản thân thế gian quả thật là người như vậy ư?

9: Thời đời Đường có Sa-môn Thích Xoa Đức ở Lương Sơn-Ung Châu, người huyện Lễ Tuyền hình dáng thể chất cao lớn-cốt cách diện

mạo thanh tú, lập trường rõ ràng y phục bình thường đơn giản, thích đi lại giáo hóa thế gian lo liêu cách tạo phước nghiệp, mà mở lời nói đến chuyện tương lai thì phần nhiều mở rộng để khen ngợi. Năm nào xảy ra độc khí dịch bệnh hung bạo, thì trước tiên khuyến khích dân chúng khắp nơi khiến cho tín phụng Tam bảo, hoặc là lễ Phật thiết trai, hoặc là xưng danh niệm tụng, sử dụng lời chỉ bày ấy chân thành thì đều tránh được tai họa. Có người không tin thì tai ương họa hoạn liên tiếp xảy ra. Ghi lại trước điềm báo sẽ xảy ra sơ lược như đối diện rõ ràng, lúc gặp phải đại hạn sợ hãi mà hỏi thế nào để biết vậy, lại dùng tay chỉ rõ ràng ngày ấy sẽ mưa, chỉ đồng thời nơi ấy có mưa. Khoảng thời gian mưa đến nhất định giống như lời nói. Có lúc ghi lại nạn sâu bọ châu chấu bạo loạn rộng hẹp đến nơi nào, có lúc ghi lại Trời xảy ra lụt lội ướt át gần xa nông sâu, mọi việc đều phù hợp như trước gương sáng không sai mảy may. Vả lại giữ chí Nguyện trong sáng cẩn thận không lạm dụng hình paht phân định, khả năng chưa làm được thì không nhận pháp ấy. Xưa còn trẻ tuổi đối với đạo chỉ tuân theo mười giới, mà đối với thiên-tụ tạp tướng phần nhiều đã dựa theo thực hành. Cuối đời ở tại Cửu Tuấn-Sơn Nam làm ra hồ A Nậu Đạt và khắc chạm bình bát bằng đá, ngay bên cạnh hồ để cứu giúp chúng sinh. Vào năm thứ mười hai niên hiệu Trinh Quán, qua đời ở tại am tranh trong núi dân chúng cảm động thương tiếc cùng nhau xây dựng tòa tháp, tỏ lòng xa xôi như núi cao.

10: Thời đời Đường ở chùa Luật Tạng trong chốn kinh sư có Sa-môn Thích Thông Đạt, người vùng kinh Dương-Ung Châu, 30 tuổi xuất gia, không dừng lại nơi nào nhất định, bèn đi vào núi Thái Bạch không mang theo lương thực, đói thì ăn cỏ, khát thì uống nước, nghỉ ngơi thì dựa vào cây cối, ngồi thì tịnh lặng suy tư. Trải qua năm năm nghỉ ngơi nhàn hạ không chốn nào dừng chân, nhờ vậy mà dùng cây đánh hòn đất-hòn đất vỡ nát hình thề mất tiêu, đã nhìn thấy sự biến đổi này mà thoạt nhiên tỉnh ngộ sâu sắc. Lòng dạ đã sáng tỏ, cuối đời trú trong Luật Tạng, đi khắp nơi nghe pháp Đại Thừa mà tình chấp theo đó gột sạch không còn. Một chiếc quần-một tấm choàng vải nhặt nhạnh khâu chồng lên nhau, đã mang đôi dép bằng sợi đay trải qua ba mươi năm, lụa là gấm vóc trang sức tốt đẹp chưa hề mặc vào thân thể, mùa đông mùa hạ một bộ áo quần không tránh lạnh nóng, thường ở tại chổ ngồi giảng giải bình luận về điều sâu xa khó hiểu, không tham gia quan trường buôn bán, người không hề có gì, lời nói ban đầu không trái với món ăn. Việc này khó làm nên người thế gian đều nể phục. Tả Bộc Xạ Phòng Huyền Linh nghe mà lạ lùng làm sao đón đến trong phủ đệ kính trọng

giống như cha mình, mà Thông Đạt hiểu đạo không rằng buộc đến hình hài, nói năng không chọn lựa làm cho thông suốt lòng dạ. Huyền linh lấy phong cách mẫu mực mà cư xử, chứ không vì hình hài nói năng làm cho ngăn cách, thấy quý trọng như vậy nên triều đình và dân chúng đều tuân theo. Không ăn ngũ cốc mà chỉ ăn rau cỏ, cho dù có gặp cây cỏ đắng nhưng vẫn cầm lấy mà ăn, vẫn giống như mùi vị ngon ngọt. Nếu như gặp đào hạnh hay bất cứ loại nào thuộc trái quả, vẫn ăn tất cả từ ngoài vào trong không lấy gì làm khó. Mọi người cảm thấy lạ lùng bèn hỏi điều ấy, đáp rằng: Tín thí khó bỏ đi. Từ niên hiệu Trinh Quán đến nay chuyển sang hiện bày thần dị, nhiều lúc ở giữa mọi người, cười vui thì điềm tốt lành, buồn bã ắt phải hung tai, hoặc cần tiền vật dụng công sức, tùy theo lời dặn bao nhiêu thì cần phải y theo mà chuyển giao, nếu làm trái với ý đã nói thì sau sẽ gặp phải tai họa hung ác. Có người cưỡi con lừa đi qua chùa xem ngắm khắp nơi, Thông Đạt đi theo cầu xin mà tiếc rẻ không cho, thì con lừa tìm đến cái chết, trường hợp này không phải là một. Vì thế khắp nơi trong kinh thành hay ngoài phố chợ, người sang kẻ hèn đều tôn trong tin thờ, hoạ phước căn cứ vào một lời nói để giải thích dẫn dắt, tuy là còn vướng mắc xen tạp nhưng làm người chủ quản tài vật lợi ích của chùa có được. Có vị Đại Tướng quân Tiết Vạn Quân, mới nghe là có những điều thần dị nên đi đón về nhà cúng dường, qua hơn một trăm ngày mà không để sót quy phạm của Tăng, bỗng nhiên vào một đêm tìm thức ăn muốn ăn, ban đầu không cho nhưng nài nỉ cầu xin mãi không thôi, thử đưa cho liền ăn ngon lành. Từ đó về sau , có phần thay đổi hình tích trước đây, chuyên hiện bày biến hóa thích ứng, những việc làm quả thật là lạ lùng kỳ quái, muốn đi vào bên trong. Anh em tướng quân tánh tình uy vũ lổ mãng không biết được mật hạnh, rất giận dữ mà đánh đập tưởng chừng sẽ chết, ngước mặt mà nói cho biết rằng: Các người đã đánh đập thân ta đều bị hư hoại, máu vây bẩn không sạch, cần phải nấu nước nóng để tắm rửa. Đợi lúc nước đã sôi liền cởi y phục bước vào vạc nước, thân không bị thương tổn gì, giống như đi vào hồ nước mát lạnh. Người bên cạnh thấy mà kinh hãi. Còn thúc giục thêm lửa, thân ta không ấm lắm. Cả nhà kinh hãi vâng lời. Thông đạt dễ chịu ngủ suốt cả đêm. Vì vậy mà về sau nếu có người nào bệnh tật khốn khổ, thì khiến nấu nước sôi sùng sục, trước tiên tự mình bước vào tắm rửa sau đó bảo người ta bước vào, không có bệnh nào không khỏi. Thông Đạt đã từng gánh giúp hơn một trăm xâu tiền cho người ta, sau đó xữ lý tiền gánh giúp nhưng không có người nào có thể đưa đi, thế là mang tiền đến trước cổng chùa, quan sát tìm người đi

đường, nhờ tuỳ ý mang được nhiều ít, đem đến chợ phía Tây tìm người chủ để trả lại, giao cho mà không cần đếm, về sau đếm lại không thiết một đồng. Bởi vì đức hạnh của Thông Đạt rộng rãi bao dung, cho nên người ta không thiếu niềm tin. Lại vào lúc gạo đất đỏ muốn thiết trai cúng dường, bèn bảo người trong chùa đi mọi nơi thỉnh cầu tham dự, cho đến sáng sớm người tham dự hơn cả ngàn, mà vật dụng cúng dường xem ra đã hết, hoàn toàn không còn nghĩ ra cách nào để lo liệu. Đại chúng hổ thẹn trách móc-khách xa hết sức áy náy, Thông Đạt nói: Người ta đồng ý chuyển giao vật dụng cúng dường nghĩ là không phải dối trá gì đâu. Đến lúc sợ rằng sai sót nên Tăng Ni muốn quay về, bỗng thấy thức ăn chín muồi ngon lành hết xe này đến xe khác nối tiếp theo nhau chạy đầy đường mà chuyển đến, tất cả đều sung túc. Còn thừa lại đưa vào kho tiếp tục giúp cho nhiều người, ăn xong thì trong chốc lát mọi người và xs cộ đều phân tán. Tìm hiểu nơi đến của mọi việc như vậy thì cuối cùng không thể biết được. Bởi vì hiền ngu khó biện giải, cảm ứng sâu xa thần linh cung cấp, triều đình và dân chúng đều trông thấy, kể lại sự việc không sao hết được.

Tám chuyện trên đây trích từ Đường Cao Tăng Truyện.

11: Thời đời Đường có người ở Phường Châu làm chức Thượng Trụ Quốc vương tên lài Hoài Trí, đến đầu niên hiệu Hiển Khánh-Đường Cao Tông thì qua đời, mẹ là tôn Thị và em trai là Hoài Thiện-Hoài Biểu đều còn. Đến tháng sáu năm thứ tư, có một người ở vùng Cao Lăng-Ung Châu, không rõ họ tên, chết đã bảy ngày trên lưng rữa nát mà sống lại. Người này đi vào lòng đất Hoài trí nói rằng: Thấy ông nhậm chức Lục sự ở Thái Sơn. Sai người này cầm bút, miệng nói để viết thay, nói rằng: Ông tuy phải chết mà bây giờ phương tiện tha cho ông trở về nhà, thuận tiện giúp tôi mang thư này đến Phường Châu thăm hỏi gia đình tôi cùng tất cả mọi người và nói rõ với mẹ tôi là Hoài Trí nay làm tham quân Lục sự ở Thái sơn, may mắn được bình yên, nhưng trong gia đình đã từng mượn gỗ của nhà chùa để làm cửa, đây đã là đồ vật công đức, xin hãy sớm hoàn trả, Hoài Thiện sẽ chết không thích hợp sống lâu, mau làm kinh tượng để cứu giúp, không như vậy thì sợ rằng không cách gì giúp được! Sau khi người này đã sống lại, lập tức mang thư chuyển đến nhà ấy, bàn luận về việc nhà không có gì phù hợp. Đến ba ngày sau Hoài Thiện liền đột ngột mà qua đời. Đạo tục cả châu nghe chuyện ấy không có ai không tu tạo thêm công đức. Người vùng Lệ Châu là Huân Vệ Hầu Trí Thuần nói lại điều này.

Câu chuyện trên đây trích từ Minh Báo Thập Di.